

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

LUẬN TAM DI ĐỂ BỘ

SỐ 1649
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG - HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

SỐ 1649

LUẬN TAM DI ĐỂ BỘ

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay căn cứ theo bản sao chép đời Tần

QUYỂN THƯỢNG

Quy mạng đáng Nhất thiết trí.

Nói như thế thì lúc người này lâm chung, thành tâm vô ký, là do nghiệp gì mà vãng sinh?

Đáp: Nếu tâm là hữu nghiệp ký, nghiệp hoặc thì đi tới cõi ác. Nếu tâm là vô hoặc ký nghiệp bạch thì sinh vào cõi thiện. Nếu tâm là thể tánh ký thì cũng tùy hành nghiệp mà vãng sinh. Do tâm vô ký khởi ra nghiệp vô ký, vì nghiệp chiêu cảm nên vãng sinh ở các nơi như thế. Do vậy, hành nghiệp không gián đoạn, hoặc chết hoặc lúc ngủ, hoặc lúc mê ngất, hay trong lúc vô tâm, thì hành nghiệp chế phục nên vãng sinh theo nghiệp đạo.

Hai đoạn này nêu rõ sự tương ứng, đoạn thứ ba nói về hành nghiệp tự tạo không bao giờ mất.

Nghiệp ấy do tự tác rồi tự chiêu cảm.

Tự tác là nghĩa gì? Nghĩa là thọ nhận. Tự chiêu cảm là nghĩa gì? Đó là phân chia. Vì sao phải thọ nhận? Vì không vãng sinh ở đâu khác. Vì sao phải sinh? Vì phương tiện, vì hành xử. Tại sao vậy? Vì nghiệp kia không mất, nên phải thọ nhận. Nay xin giải thích rõ. Đời này tạo nghiệp, nghiệp ấy không mất, do nghiệp báo chiêu cảm nên phải thọ sinh trong bốn nơi. Nếu chết trong cõi Dục này thì sinh trong Hữu xứ của cõi Dục, vãng sinh qua Trung gian Hữu xứ thì thọ nhận Trung gian

hữu. Như vậy, dù cõi Dục xứ, hay cõi Sắc xứ, Đệ nhất xứ, Đệ tam xứ, việc thác sinh mỗi nơi mỗi khác. Vì thế, từ Trung gian hữu của cõi Dục thọ nhận Trung gian hữu của cõi Dục, từ Trung gian hữu của cõi Dục thọ nhận Trung gian hữu của cõi Sắc. Như thế, chết trong cõi Dục này thì thọ sinh Trung gian hữu, cứ thế lên đến Đệ tam xứ, từ Trung gian hữu của cõi Sắc thọ sinh Trung gian hữu của cõi Sắc. Chúng ta chết đi, thọ nhận Trung gian hữu cũng như thế. Nếu vậy tại sao Đức Thế Tôn nói: Thanh văn từ Trung gian hữu thọ Trung gian hữu, không phải phạm phu. Vì từ Tu-đà-hoàn bảy lần sinh bảy lần chết, thọ Trung gian hữu cõi Trời, trụ ở đó tu chứng đến Tư-đà-hàm, từ Trung gian hữu cõi Trời thọ Trung gian hữu cõi người, trụ ở cõi người tu chứng hạnh chán ngán cõi Dục, rồi từ Trung gian hữu cõi người này thọ Trung gian hữu của cõi sắc, từ Trung gian hữu ấy vào thẳng Niết-bàn, từ đó thọ nhận Trung gian hữu ở cõi khác. Tuy ở nơi này nhưng kỳ thực là Bát Niết-bàn, nên Thanh văn phải trải qua bốn Trung gian Hữu.

Có các bộ phái nói, Tư-đà-hàm từ xứ Trung gian Hữu cõi người lên đến Nhất gian Địa xứ, qua Trung gian Hữu cõi người, từ trời cõi Dục thọ nhận trời cõi Dục như vậy đủ biết. Có người xả xứ năm ấm Sinh hữu, thọ năm ấm Trung gian hữu, như vậy cho đến tất cả. Xin hỏi: Vậy tại sao có ngã và ngã xả bỏ? Ở đây có thật nhận còn cõi kia có như thế nào không?

Hỏi: Tại sao ông nghi như vậy. Đáp: Vì thấy ý của các bậc Tiên đức trái ngược nhau nên sinh nghi.

Đáp: Có các Bộ khác nói: Thật ra không có ngã, chỉ có ấm, xứ là ngã. Vì sao? Vì có khổ. Do đấy, Đức Thế Tôn nói với Tôn giả Ca-chiên-diên: Chỉ có khổ sinh sinh, chỉ có khổ diệt diệt. Họ chỉ thấy có khổ sinh ra, do đó phải biết, các Bộ khác nói không có ngã là thế.

Lại nữa, dựa vào đâu mà nói không có ngã?

Đáp: Vì không nói.

Đức Thế Tôn lại nói với Phạm chí Tiên Ni: Pháp mà ông thấy đó, rõ ràng là nói về không có ngã. Thấy được như vậy gọi là Thấy, còn gọi Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Điều này ta nói, các Bộ khác cho không nói về ngã, nên nói không có ngã.

Lại nữa, dựa vào đâu mà nói không có ngã?

Đáp: Vì tự thấy nơi thân mình.

Đức Thế Tôn nói: Hàng phạm phu không nghe không biết, thấy sắc là ngã, ngã cũng là sắc, sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc. Như thế bốn chủng bốn ấm cũng vậy. Nếu có ngã thì không nên tự xả, thân mình

thấy năm ấm là thể của mình. Ví như có người, tự bỏ thân mình, chấp giữ lấy thân ĐỀ-bà-đạt-đa thấy làm thân của mình, thấy thân mình là ĐỀ-bà-đạt-đa, trong thân mình có ĐỀ-bà-đạt-đa, trong ĐỀ-bà-đạt-đa có thân mình, như bỏ nhãn căn của mình, chấp giữ nhãn căn của ĐỀ-bà-đạt-đa, thấy ngà voi cho là thấy biết con voi, nhưng thật sự không phải. Do vậy, nói không có ngã là thế.

Lại nữa, do đâu mà nói không có ngã? Đáp: Vì ngã và ngã sở đều không thể chấp giữ có được.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu có ngã, tức là có ngã sở, nếu có ngã sở, tức là có ngã. Ngã và ngã sở thật sự đều không thể chấp giữ là có được. Do vậy, nên không có ngã. Các Bộ khác thấy ngã và ngã sở đều không chấp giữ được, nên nói không có ngã.

Lại nữa, vì sao nói không có ngã? Đáp: Vì không thật mà nói là có.

Như Tôn giả Phú-lâu-na nói với các Tỳ-kheo Trưởng Lão: Pháp Phật giảng nói thật là khó lường, nhưng ở trong vật lại không có ngã.

Đức Phật tự nói: Ta cũng đã nói như vậy với các Trưởng lão, chỉ biết lời nói ấy không lường được ý nghĩa sâu xa nên chỉ giả nói là có. Các Bộ khác thấy nghĩa không thật nên nói không có ngã.

Lại nữa, các Bộ khác nói: Không thể nói là có ngã, không thể nói là không có ngã. Tại sao? Đáp: Vì tướng của ngã không thể nói được. Nếu có ngã thì có thể nói được, như hành tướng của hành thì nói được, như tướng vô vi của vô vi thì nói được, như tướng ngã của ngã cũng nói được. Các Bộ khác thấy tướng của ngã không thể nói được, nên có ngã hay không có ngã đều không thể nói được.

Lại nữa, tại sao không thể nói được là có ngã hay không có ngã? Đáp: Vì bỏ qua câu hỏi và ghi nhận. Vì sao? Vì hỏi ghi nhận có bốn loại:

1. Vừa hỏi ghi nhận ngay.
2. Trước hỏi rồi sau mới ghi nhận.
3. Hỏi lại rồi mới ghi nhận.
4. Chỉ bỏ qua mà không ghi nhận.

Nay hỏi ngã tức là bỏ qua câu hỏi ấy mà không ghi nhận. Thế nên không thể nói là có ngã, cũng không thể nói là không có ngã.

Lại nữa, tại sao không thể nói được là có ngã hay không có ngã?

Đáp: Vì không nhất định. Nếu có ngã thì liền nói nó là hành hay khác hành? Là vô vi hay khác vô vi? Hai loại này đã không nhất định, nên không thể nói có ngã, cũng không thể nói là không có ngã.

Lại nữa, tại sao không thể nói là có ngã hay không có ngã?

Đáp: Vì thường, vô thường. Nếu có ngã thì nói là thường hay vô thường? Hai kiểu nói này đáng ra phải nhất định nhưng nay thì không nhất định, nên không thể nói là có ngã, cũng không thể nói là không có ngã.

Lại nữa, tại sao không thể nói là có ngã hay không có ngã? Đáp: Vì dựa vào “có” và không?

Phật bảo Tôn giả Ca-chiên-diên: Thế gian dựa vào hai thứ, vừa dựa vào “có”, vừa dựa vào “không”, do chấp “có” chấp “không”, nên không thể nói có ngã hay không có ngã.

Các Bộ khác nói: Thật có ngã là vì sao? Đáp: Vì chấp trên ngôn ngữ.

Phật nói: Sắc thọ tưởng hành thức ấy trói buộc từ đời này sang đời khác. Các Bộ khác chấp chặt trên ngôn ngữ, nên nói có ngã.

Lại nữa, vì sao có ngã? Đáp: Vì chánh kiến.

Phật nói: Có người thấy có Hóa sinh, đó là chánh kiến. Các Bộ khác thấy theo chánh kiến, nên nói có ngã.

Lại nữa, vì sao có ngã? Đáp: Vì Phật nói bốn niệm. Phật nói: Quán thấy thân thọ tâm pháp, nếu không có ngã thì không thể thấy được bốn pháp. Các Bộ khác thấy Phật nói bốn niệm, nên thấy có ngã.

Lại nữa, vì sao có ngã? Đáp: Vì Phật nói Thanh văn.

Phật nói: Có người thờ lửa, tự đốt cháy thân mình, khuyên người khác đốt thân, do vậy nên Phật nói có người. Nếu không có con người thì không có tự đốt thân, đốt thân người khác. Các Bộ khác thấy Phật nói có người nên thấy có ngã.

Lại nữa, vì sao các Bộ khác nói có ngã? Đáp: Vì một người xuất thế thì nhiều người được an lạc.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Hết thủy công đức của một người sinh ở thế gian, nhiều người khác cũng được an lạc, nếu không có con người thì ai tạo tác công đức!

Các Bộ khác thấy một người sinh nên nói có ngã.

Lại nữa, các Bộ khác nói năm ấm là nhân là ngã. Xin hỏi: Vì sao? Đáp: Vì nói đến môn giới.

Phật bảo Tỳ-kheo: Sáu môn giới, sáu xúc là người. Các Bộ khác thấy Phật nói sáu môn giới, sáu xúc là người, nên cho đó là người.

Lại nữa, vì sao người không khác người? Đáp: Vì Phật nói: Nước khác có người nữ tối thượng là Tu-đa-la.

Phật nói: Người nữ tối thượng ta nói đó là dù trắng, đen, xanh,

vàng, dù vuông, dài, ngắn, ốm, mập đều là con người chứ không phải khác người.

Lại nữa, Phật bảo Tỳ-kheo: Có người thấy một Tỳ-kheo liền ghét, dù vị ấy có lùn, ốm, cao, mập cũng vậy.

Lại nữa, Phật nói: Ta dùng Thiên nhân thấy chúng sinh đáng thương cũng như đáng ghét.

Lại nữa, nói con người ở địa ngục kia như đốt đồng củi, người thiêu đốt địa ngục cũng như vậy.

Đoạn trước nói người nữ tối thượng, thấy Tỳ-kheo đáng ghét, Phật nói thấy chúng sinh đáng thương đáng ghét, cho đến người thiêu đốt địa ngục giống như đốt đồng củi v.v.. chỉ cho năm ấm là con người chứ không phải khác người. Các Bộ khác thấy Phật nói năm ấm là con người nên cho là người.

Lại nữa, các Bộ khác nói con người khác năm ấm là sao vậy?

Đáp: Như người gánh gánh nặng.

Phật nói: Gánh nặng là năm ấm, gánh là con người. Vì vậy con người khác với năm ấm.

Lại nữa, vì sao con người khác năm ấm?

Phật nói: Con người lấy ái làm đối tượng thứ hai, nên cứ mãi luân hồi, vì vậy con người khác với ái, nên con người và năm ấm khác nhau.

Lại nữa, vì sao con người khác năm ấm?

Đáp: Vì thọ nghiệp quả.

Phật nói kệ:

*Đời này vui, hoan hỷ
Đời khác cũng vui mừng
Làm phước hai đời vui
Tự thấy nghiệp mình tịnh.
Nghiệp báo đời này hết
Đời sau lại phải chịu
Ấm hoại theo nghiệp đi
Lại thọ thân ấm khác.*

Các Bộ khác thấy có thọ nghiệp báo, nên nói người và năm ấm khác nhau.

Lại nữa, vì sao con người khác với năm ấm?

Đáp: Vì ta nói.

Phật nói: Đời trước, lúc ta làm Chuyển Luân Thánh Vương có tên là Thiện Kiến, còn gọi là Đại Thiên, năm mới ta thọ trong đời này không khác đời trước, do vậy con người và năm ấm khác nhau.

Lại nữa, vì sao con người khác với ấ?

Đáp: Vì nói ở nơi vô ký.

Phật nói: Nói ấ vô thường, không nói người vô thường. Có lúc nói ấ là tướng vô thường, ấ là tướng thường. Vì tướng thường khác tướng vô thường, do đó con người và ấ khác nhau.

Lại nữa, vì sao các Bộ khác nói con người là thường.

Đáp: Vì không có nguồn gốc. Con người chẳng nên lưu chuyển trong sinh tử.

Như Phật đã nói, sinh tử không nguồn gốc, chúng sinh bị lưu chuyển, nguồn gốc sinh tử không biết được, nên con người không có nguồn gốc. Nếu con người không có nguồn gốc thì cũng chính là không có ngọn ngành, nên con người là thường.

Lại nữa, vì sao con người là thường?

Đáp: Vì nhớ những đời quá khứ.

Phật nói: Nhớ một đời, cho đến nhớ những đời trong vô số kiếp về quá khứ, ấ tan hoại, tuy lưu chuyển trong sinh tử nhưng con người không tan hoại.

Các Bộ khác thấy: Nhớ một đời, cho đến nhớ những đời trong vô số kiếp về quá khứ, nên nói con người là thường.

Lại nữa, vì sao con người là thường?

Đáp: Vì nói đến xứ.

Phật nói: Qua được bờ bên kia, trụ ở đất ấy thì gọi là Bà-la-môn. Phật lại nói: Đã qua đến bờ bên kia, trụ ở nơi ấy, không còn trở lại, đã đến được bên ấy rồi thì không còn sầu não. Nếu người thấy: Qua bờ bên kia, trụ bên ấy, không còn đọa lạc, không còn sầu não, thì thấy con người là thường. Các Bộ khác thấy Phật nói về xứ, nên nói con người là thường.

Lại nữa, vì sao con người là thường?

Đáp: Vì được cái vui bất động.

Đức Phật nói kệ:

*Chính giải thoát như vậy
Vượt qua dòng ái dục
Người trí đâu thể lường
Được cái vui chẳng động.*

Các Bộ khác thấy Phật nói được cái vui chẳng động, nên nói con người là thường. Con người đạt đến cái vui chẳng động thì không có ấ, con người không thể biết được xứ sở, nên con người là thường.

Lại nữa, các Bộ khác nói: Con người vô thường. Vì sao? Đáp: Vì

có nguồn gốc.

Phật bảo Tỳ-kheo: Có một người sanh ra, đem lại an lạc cho tất cả người khác.

Nếu có sanh tất có nguồn gốc, nếu có nguồn gốc ắt có ngọn ngành, do vậy con người vô thường.

Lại nữa, vì sao con người vô thường? Đáp: Vì Phật nói mới sanh.

Phật nói: Mới sanh lên cõi trời có hình dung đẹp đẽ, tướng mạo uy nghiêm. Mới sanh tức là pháp vô thường, nên gọi là mới sanh, vì vậy con người là vô thường.

Lại nữa, vì sao con người vô thường? Đáp: Vì pháp đảo ngược.

Phật nói: Vua Ba-tư-nặc tuy là vua của con người, nhưng trong đời khác thì ngược lại. Nếu có pháp đảo ngược thì thành ra vô thường, vì vậy con người là vô thường.

Lại nữa, vì sao con người vô thường? Đáp vì đọa lạc và sanh.

Niết-bàn là thường, vì chẳng đọa lạc, chẳng sanh. Như Phật từng nói: Ta thấy chúng sinh đọa lạc, thọ sanh. Dựa trên lời Phật, nên con người là vô thường.

Lại nữa, vì sao con người vô thường? Đáp: Vì pháp sanh, lão, bệnh, tử.

Phật nói: Vì vô số bốn bộ chúng Thiệt tri thức, vì việc sanh tử nên ta đến đây. Ta đã thoát ly sanh tử. Sanh lão bệnh tử là pháp vô thường, vì vậy con người là vô thường. Do đó, lấy kinh điển này làm nền tảng, có lúc nói: Không có thật ngã, có lúc nói: Không thể nói là có ngã, có lúc nói: Có ngã. Vì thế chúng ta sinh nghi, mặc dù đương thật sự có ngã nhưng, đó chỉ là giả thiết mà thôi. Do vậy, có lúc nói: Năm ấm là ngã, có lúc nói: Ngã khác năm ấm, có khi nói là thường, có khi nói là vô thường, vì vậy chúng ta sinh nghi.

Hỏi: Vì sao con người xả hữu này lại thọ hữu khác?

Đáp: Theo ý của kinh thì, sức giáo hóa có thể biết năm thành ấm hình thành con người, rồi cho là con người thật. Do năm thành ấm hình thành con người là con người thật, nên không thể nói là thường hay vô thường.

Hỏi: Chương trước cho vô ngã là chính, mọi người đều có chỗ chấp, vậy làm thế nào giải thích khiến cho mọi người thông suốt?

Đáp: Như trước đã nói: Vì do có khổ, nên nói vô ngã là thế. Nay chúng ta nói: Khổ là khổ; sanh diệt là tánh khổ, Phật muốn hiển bày tánh khổ, nên bảo Tôn giả Ca-chiên-diên: Khổ sanh sanh, khổ diệt diệt, tướng ngã sanh diệt không thể nói được, nên Phật nói vô ngã.

Lại nữa, như đoạn trước đã nói: Vì không nói nên không có ngã. Nay chúng ta nói: Tướng của chúng ta, như vậy phải có tín tâm mới chấp nhận. Như Phật nói với ngoại đạo, tuy có ngã nhưng đó là giả danh, chứ không nói có ngã thật, đó là dựa trên ấm hữu lậu mà nói Phật thấy, xưa nay nói pháp là ngã không phải ngã thật. Như Phật nói, dựa vào hành hành nên nói là thọ, vì vậy nên Phật mới nói ngã như thế.

Lại nữa, như đoạn trước đã nói: Tự thấy thân mình, nên không có ngã. Nay chúng ta nói: Do vô minh che lấp, năm ấm vốn không có ngã lại bảo là có ngã. Như trẻ con mới sanh chẳng biết gì cả, thấy mẹ người khác lại cho là mẹ mình. Cũng vậy, năm ấm không có ngã, chúng ta lại bảo là có ngã, do vậy nên Phật nói vô ngã.

Lại nữa, như đoạn trước đã nói: Ngã, ngã sở đều không thể thủ đắc. Nay chúng ta nói: Phật dựa vào thật tánh không thể thủ đắc của ngã và ngã sở không tự tại bị người khác chế phục, đó không thể gọi là tự chế phục. Nếu là tự chế phục thì không thể gọi là người khác chế phục, vì vậy chỉ đoạn mình chế phục, người chế phục mà không đoạn ngã.

Lại nữa, như đoạn trước nói: Vì không thật mà nói là có, cho nên vô ngã. Nay chúng ta nói: Không thật có. Không thật và không có cùng hòa hợp tương ứng là không có; mà nói là có thì khó tin. Thế nên đoạn chấp “không” nói “có” không đoạn ngã.

Như các Bộ khác nói trong đoạn trước: Tướng ấy không thể nói được, không thể nói là có ngã hay không có ngã. Nay chúng ta nói: Tướng thường, tướng vô thường của ngã không thể nói được, có ngã v.v.. có thể nói được.

Như Phật nói: Có người tự đốt thân mình v.v..

Lại nữa, như Phật nói: Phạm phu không nghe không biết, lấy nghiệp ác làm tướng, người thông minh lấy nghiệp thiện làm tướng, vì vậy, các Bộ khác nói không thể căn cứ là thế.

Như các Bộ nói trong đoạn trước: Có ngã, không có ngã là bỏ qua câu hỏi mà không ghi nhận. Nay chúng ta nói vì hỏi không tương ứng, cho nên bỏ qua, còn nói tương ứng, thì không bỏ qua.

Như Phật nói: Phạm phu không biết là người bất thiện, người thông minh là thiện, do vậy các Bộ khác nói không thể dựa vào.

Như các Bộ khác nói trong đoạn trước: Có ngã hay không có ngã không thể nói vì không nhất định. Nay chúng ta nói, nếu ngã là đúng thì nó là hành hay khác hành, vì chính thức phải nói là hành hay khác hành. Vì vậy nên khiến cho các Bộ khác không thể y cứ.

Như các Bộ nói trong đoạn trước: Có ngã, không có ngã, không thể nói là thường, vô thường. Nay chúng ta nói, ở trong “có, không” mà nói được ngã thì thành Đoạn kiến, Thường kiến. Nếu dựa vào hai cái thấy ấy thì Phật không cho phép. Nếu nói không có người thì rơi vào lỗi chẳng ghi nhận, điều này không được. Vì sao? Vì nếu nói không có người thì gọi là tà kiến, nếu nói có người gọi là chánh kiến, do vậy có thể nói là có người.

Như trong kinh chép: Nếu nói không có người thì gọi là tà kiến, nếu nói có người thì gọi là ngã kiến. Nếu nói có thì nó là thường, vô thường, nếu vậy thì hành ấy trở thành thường, vô thường. Nếu đồng với hữu, thì hành vô thường, vô vi thường, mà con người thì không như vậy, nên biết con người đồng với có mà không đồng với thường, vô thường.

Như các Bộ nói trong đoạn trước: Không thể nói là có ngã hay không có ngã, vì dựa vào trong có, không. Nay chúng ta nói, nếu không có ngã thì Phật không nên nói “có” để người ta dựa vào, nay Phật đã nói có để người ta dựa vào, nên có thể nói là có ngã.

Như các Bộ nói trong đoạn trước: Có ngã là do chấp chặt trên ngôn ngữ. Nay chúng ta nói: Không có người nhưng có trói có buộc, như có dây thì có trói, không dây thì không trói. Vì vậy, không có ngã nhưng có ngôn ngữ trói chặt.

Như các Bộ nói trong đoạn trước: Có ngã vì Phật nói bốn niệm. Phật bảo Tôn giả Ca-chiên-diên: Chỉ do tâm mà thôi. Vì nêu bày Thân Thọ Tâm Pháp, nên nói chỉ do tâm mà có các pháp, chứ không do cái gì khác.

Như các Bộ nói trong đoạn trước: Có ngã vì Phật nói Thanh văn. Nói Thanh văn tức là dựa trên pháp Thanh văn mà nói chứ không phải dựa vào cái gì khác.

Như các Bộ nói trong đoạn trước: Có ngã vì có nói. Phật nói có người chỉ là giả danh, đó chỉ là bạn. Nếu quả thật không có ngã thì không có sát sinh. Người giết đã không thì đối tượng bị giết cũng không có. Trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu cũng như vậy. Nếu không có ngã thì tội năm nghịch cũng không tồn tại, các căn không khởi thiện ác thì không có trói buộc, không có mở trói thì không bị trói, không tạo tác thì không có nghiệp, không có quả báo. Nghiệp đã không thì quả báo cũng không, nghiệp quả báo đã không thì không có sinh tử, thế nhưng chúng sinh vì nghiệp quả báo nên lưu chuyển trong sinh tử. Nếu không có sinh tử thì các nhân sinh tử cũng không. Nếu nhân đã không thì diệt các nhân cũng không, diệt nhân đã không thì hưởng đến đạo

cũng không, như vậy Tứ đế cũng không có. Nếu Tứ đế không có thì không có Phật nói Tứ đế. Nếu không có Phật thì không có Tăng, như vậy là không có con người. Không có con người thì Tam bảo, Tứ Đế cũng không có, đã vậy thì các thuyết trên đều không hợp lý. Do đó, không có con người thì rơi vào lỗi trước, mắc phải lỗi sau. Nếu có con người, có ngã thì những điều vừa nói ở trên không lỗi. Như Phật thuyết kinh là chân thật, do vậy thật có ngã.

Như các Bộ nói ở đoạn trước: Năm ấm là hơn là ngã là môn giới.

Nay chúng ta nói, thân mạng, con người khác với ngã, điều này trong kinh không nói. Có ngã thì ấm là ngã, ngã là ấm, nếu ấm là ngã thì ấm nói được mà ngã cũng nói được. Nếu ngã là ấm thì chỉ có thể nói ngã mà không thể nói ấm, cũng có thể nói cả hai đều không phải năm ấm.

Như các Bộ nói ở đoạn trước: Người khác năm ấm, như người gánh gánh nặng. Nay ta nói, dựa vào gánh nên nói có gánh, nếu ngã khác với ấm, thì lúc tan hoại, lúc khởi thì ngã cũng khởi cũng diệt. Như chặt một phần cơ thể, thì ngã cũng có một phần. Như vậy một phần thành nhiều phần, một phần nhiều phần lại thành một cơ thể. Lúc thân còn thì mạng còn, lúc mạng còn thì thân còn, do vậy ấm tức là ngã, điều này hợp lý.

Như các Bộ nói ở đoạn trước: Con người khác với ấm vì nhận ái làm đối tượng thứ hai. Nay ta nói, nếu con người có chánh kiến thì không sao, còn như người bị ái trói buộc, lưu chuyển trong sinh tử thì Phật mới chỉ bày. Phật nói: Con người nhận ái làm đối tượng thứ hai nên lưu chuyển mãi trong sinh tử, nếu đoạn được ái thì không còn lưu chuyển nữa, do đó ngã không khác ấm.

Như các Bộ nói ở đoạn trước: Con người khác với ấm vì phải thọ nghiệp quả. Nay ta nói, dựa vào Hữu lậu sinh tử nên đời này đời sau đều chịu quả báo, do vậy con người khác với ấm.

Lại nữa, như các Bộ nói ở đoạn trước: Con người khác với ấm vì ta nói thế. Nay ta nói, đó là dựa vào những gì đã qua mà nói. Phật nói: Trong vô số A-tăng-kỳ nơi quá khứ, ta từng làm vua Đảnh sinh. Do vậy con người không khác ấm.

Lại nữa, như các Bộ nói ở đoạn trước: Con người khác với ấm vì nói ở nơi bất kỳ (không ghi nhận). Nay ta nói, không thể nói ấm khác hay không khác với ngã. Do vậy không thể nói, pháp tướng lấy thường, vô thường làm chính, và ngã cũng không thể nói được là khác ấm.

Phật nói: Ngã khác ấm, thân khác ấm, điều này Phật không nói, kinh không chép, nếu ngã khác với ấm, thì ngã có thể ở trong ấm, cũng có thể ở khắp mọi nơi. Nếu ở trong ấm thì lúc chặt thân, lúc thân hoại,

ngã cũng phải thấy. Như con muỗi ở trong trái Ưu-đàm-bà-la, lúc chẻ trái này ra thì phải thấy con muỗi. Ngã ở trong ấm cũng giống như thế. Nếu ngã khác thân, thì thân nóng hay lạnh ngã cũng phải biết. Lại nữa, như lúc nhướng mắt thì phải thấy, vậy lúc các căn hoại thì ngã cũng phải biết sắc, thanh, hương, vị xúc.

Lại nữa, nếu ngã khác thân, thì từ thân này vào thân kia, rồi trở lại nhập vào thân này. Như người từ nhà này qua nhà kia rồi trở về lại, nếu ngã khác thân thì phải như vậy.

Lại nữa, nếu ngã khác ấm thì ngã không phải thọ sinh ở mọi nơi, nếu thọ sinh ở mọi nơi thì một niệm liền thọ sinh khắp, do vậy ngã không nên thường ở trong thân, và giải thoát cũng khó được. Nếu nó đi khắp mọi nơi thì phải không tạo nghiệp, nếu không có nghiệp quả, thì cũng không có nghiệp lực, không có trí mở, không có hành Thiền, mà liền được giải thoát. Nếu nói vậy thì không đúng. Cho nên con người khác với thân, lời này đáng trừ bỏ.



LUẬN TAM DI ĐỂ BỘ

QUYỂN TRUNG

Như các Bộ nói ở đoạn trước: Con người là thường, vì không có nguồn gốc. Nay ta nói; nếu không có nguồn gốc thì thành ra thường, vậy sinh tử không có nguồn gốc thì phải thành ra thường. Điều này không đúng, nên không thể nói con người không có nguồn gốc.

Như các Bộ nói ở đoạn trước: Con người là thường vì nhớ được đời quá khứ. Như vậy, nay ta nói: nếu ngã chắc chắn khác ấm, thì lúc ấm hoại, con người không mất và phải nhớ được đời quá khứ, chỉ có người này mà không phải có người khác; nhưng lại có lưu chuyển không ngừng trong sinh tử, vì vậy điều này không đúng.

Như các Bộ nói ở đoạn trước: Con người là thường vì nói đến xứ. Nay ta nói, đoạn sạch dòng khổ, đạt đến Niết-bàn Hữu dư, thân vẫn còn trụ nhưng được gọi là trụ ở bờ bên kia. Bà-la-môn đến Niết-bàn Vô dư vì đã đạt đến được Niết-bàn Vô dư, đó là Phật nói, do vậy không nói con người là thường.

Như các Bộ nói ở đoạn trước: Con người là thường vì đạt được cái vui bất động. Nay ta nói, đạt đến Niết-bàn Vô dư tức là đạt được cái vui bất động. Nếu con người là thường thì phải như Niết-bàn không sinh không diệt, và thân con người cũng như thế, trí tuệ của họ ở bất cứ nơi nào cũng như vậy. Ăn hay không ăn, khổ vui đều như nhau vì là thường. Việc trong đời quá khứ không quên, vì là thường, không thay đổi, cũng không trôi buộc, không giải thoát. Vì vậy nói con người là thường, lời này nên bỏ.

Như các Bộ nói ở đoạn trước: Con người là thường, vì có nguồn gốc. Nay ta nói, do hữu lậu dấy khởi nên tên gọi ấy nói là con người. Vì vậy, không thể nói ấm khác con người. Cũng vậy không thể nói con người dấy khởi, do đó giả lập ra nói tức để trả lời giải thích phần trước. Tiếp đến Phật nói mới sanh v.v...

Nếu con người vô thường thì chúng sinh lưu chuyển, nghiệp thiện nghiệp ác đã tạo tan hoại, không tạo nghiệp thiện nghiệp ác, xưa nay không có cái nhân tạo nghiệp, tất cả chúng sinh đồng nhau một loại, không tạo nghiệp, phải giải thoát, không phải do nghiệp mà tự thành. Đã không do nghiệp mà tự thành thì công đức cũng không phải do tạo tác mà có, đời sống kiếp trước cũng không thể nhớ. Thế nên con người vô thường, lời nói này nên bỏ. Dùng giả lập này để trả lời tuần tự ở phần trước và phần sau nói pháp đảo ngược, đọa lạc, thọ sinh, pháp sinh lão bệnh tử, giải thích con người là vô thường cũng vậy.

Hỏi: Tại sao nói có người?

Đáp: Phật nói có ba loại người.

Hỏi: Ba loại ấy là ai?

Đáp: Là Y thuyết nhân, Độ thuyết nhân, và Diệt thuyết nhân (Thuyết còn gọi là An, là Chế, là Giả danh).

Hỏi: Thế nào là Y thuyết nhân? (Vì nương tựa để nói con người).

Đáp: Như lời Phật nói với Bạt-bà-da: Hành ấy là chỗ dựa để thuyết, còn gọi là An. (an lập)

Gọi là Y thuyết, dụ như lửa. Như Phật nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Có người tên là Tượng Bạch Tịnh rất khả ái. Bốn đại hình thành gọi là ngã, như vậy tất cả đều dụ như sữa. Dựa vào những gì kinh điển đã chép gọi là Y thuyết.

Như sắc nhận được sắc, con người nhận được sắc người, đều không thể nói được, sắc của sắc khác cũng không nói được. Cái khác nhận được sắc, con người dựa vào sắc mà nhận được, đây gọi là Y sắc nhân. Nếu con người nói là sắc là ngã, là sắc đó thì trở thành kiến chấp ngã. Nếu người nói sắc là ngã thì rơi vào lỗi con người là năm ấm, vậy những gì đoạn trước nói đều rơi vào lỗi.

Lại nữa, nếu nói con người nhận được sắc đó khác với sắc thì đây là kiến chấp ngã khác, nếu nói khác với ngã thì rơi vào lỗi con người khác với năm ấm.

Người nhận được sắc chỉ là lệ thuộc mà thôi, không phải là thật nói. Nếu người nói sắc và người nhận được sắc chỉ là lệ thuộc thì thành ra tà kiến. Nếu là tà kiến tức là cho không có ngã, vậy thì những gì đoạn trước nói đều rơi vào lỗi. Đây là ba lỗi.

Do vậy đối với thật, khác và tà kiến, chúng ta không theo thật, khác, không theo Tà kiến thì người dựa vào sắc mà nhận được sắc có thể nói được, nên có thể nói, người nhận được sắc giống như sắc. Do đó lúc sắc khởi, thì người nhận được sắc cũng khởi; lúc sắc diệt, người

nhận được sắc cũng diệt, điều này không phải là không nói được.

Như vậy, năm ấm, mười hai môn và năm nẻo, cõi A-tu-la, Trung ấm là bảy nẻo (đạo). Sinh hữu của người ở Ca-la-la, A-phù-đà-na, Nhục đoàn chi, vừa mới sinh, đồng tử, thiếu niên, trung niên, già, tâm thiện, ác, vô ký, giới, phạm giới v.v.. tất cả hợp, không hợp ở trên, nương vào các pháp ấy gọi là Y thuyết nhân.

Hỏi: Thế nào là Độ thuyết nhân? (Vì hóa độ nói là con người)

Đáp: Dùng lúc này độ lúc khác, như Phật nói độ chúng sinh. Vì sao nói độ chúng sinh? Vì có nói trong quá khứ, nói trong vị lai và nói trong hiện tại. Thế nào là nói trong quá khứ? Như trời sai Thiên sứ đem kinh do Phật nói xuống khai thị cho Diêm La. Người này vốn không biết cha mẹ anh em, không biết công đức, không biết thiện ác v.v.. nên phải dạy họ.

Như Phật nói: Trong đời quá khứ ta từng làm vua Đảnh Sinh. Đó gọi là nói về quá khứ.

Thế nào là nói về vị lai? Như Phật nói: Lúc Chuyển Luân Thánh Vương còn trong thân Trung ấm, trước tiên vào thai mẹ như vào điện đường. Hay Phật nói với Bồ-tát Di Lặc: A-dật-đa! Về sau ông sẽ thành Phật hiệu là Từ Thị. Đó gọi là nói về vị lai.

Thế nào là nói trong hiện tại?

Đáp: Như Phật nói: Người An Già đeo tai cùng vô số vật quý trang sức ở cánh tay. Hay như Phật nói: Trưởng giả Đại Phú có rất nhiều cửa báu, có hạt châu Đại như ý. Đó là nói trong hiện tại. Phật dựa vào ba đời mà đặt ra ba cách nói như thế. Vì vậy, nên biết dùng công hạnh mà độ, nên gọi là Độ thuyết.

Thế nào là Diệt thuyết nhân?

Đáp: Theo Y thuyết nhân và Độ thuyết nhân mà Phật nói Diệt thuyết nhân. Như nói: Lúc thân trong quá khứ hoại diệt, đó gọi là Diệt thuyết. Như Phật nói: Hàng Tỳ-kheo lậu dứt hết, năm ấm vô thường đã diệt. Đó gọi là Diệt thuyết. Như Phật nói kệ:

*Người trí đâu thể lường
Được cái vui chẳng động.*

Đó gọi là Diệt thuyết. Vì vậy, do thấy Y thuyết, Độ thuyết, nên nói. Có người xả xứ sinh hữu năm ấm thọ Trung gian hữu năm ấm. Thấy Diệt thuyết, nên Phật nói: Không thọ lại ấm xứ.

Hỏi: Xả năm ấm hết sạch, sao vẫn còn? Vì sao lại nghi như vậy?

Đáp: Vì thấy ý của Tiên đức trái ngược nhau nên sinh nghi. Các Bộ khác thấy năm ấm từ Hữu này qua Hữu kia, vì sao lại như vậy? Vì

biết sẽ sinh lên.

Phật nói: Người biết hương thơm của giới của định tức là biết sẽ sinh lên nơi thù thắng. Phật lại nói kệ:

*Hai loại nghiệp thiện ác
Đều do người đời tạo
Nghiệp nào thì vật nấy
Tự nắm tự đi theo.
Ấm thô là nghiệp ác
Ấm tế là hạnh thiện
Tạo cả nghiệp thiện ác
Phải tùy nghiệp thọ thân.*

Người này vãng sinh nhưng còn thọ nghĩa căn, do đó còn phải độ. Người có Thiên nhãn sẽ thấy việc độ họ.

Như Phật bảo Tỳ-kheo: Ta thấy chúng sinh đọa lạc, thác sinh tất cả đều như thế. Do vậy, các Bộ khác thấy chỉ có năm ấm từ Hữu này sinh qua Hữu kia là thế.

Lại nữa, các Bộ thấy con người từ Hữu này sinh qua Hữu kia mà không phải ấm. Vì sao? Vì như Phật nói kệ:

*Đời này thích hoan hỷ
Đời sau cũng vui mừng
Làm phước hai đời vui
Tự thấy nghiệp mình tịnh
Giữ căn, sinh đường thiện
Không giữ, đọa đường ác.*

Phật lại nói, do chết, đọa lạc, thác sinh như vậy, nên các Bộ khác thấy con người từ Hữu này sinh qua Hữu kia mà không phải là ấm.

Lại nữa, Các Bộ khác nói: Không có con người từ Hữu này đến Hữu kia. Vì sao? Vì như Phật nói vừa mới sinh trời người, con người thấy như vậy.

Phật lại nói: Hành này là Hành nương dựa, cứ thế mà có tên gọi. Như lửa dựa vào củi mà có tên là lửa.

Phật lại nói: Tất cả người có đức sinh xuống thế gian có rất nhiều người nhận được sự an lạc. Như vậy đời trước sinh rồi không còn sinh nữa, nên nói không có con người xả Hữu này qua Hữu kia, vì vậy sinh nghi xả năm ấm hết sạch tại sao vẫn còn.

Nay nói xả năm ấm tức là không còn sót năm ấm. Từ Hữu này qua Hữu kia, như Phật nói kệ:

Xả bỏ hình người này

Thọ đủ thân trời kia.

Như Phật nói: Con người không có của cải, xả bỏ tất cả, tùy ý mà đi. Như Phật nói: Lúc sắp chết, xả thân ấy, một mình ra đi. Lúc còn sống thì đều thấy có ngã, có sở hữu, lúc sắp chết thì xả bỏ tất cả, một mình ra đi. Giới, định thấm vào tâm, nhờ nghiệp thiện này mà sinh lên cõi trên. Vì vậy, Phật nói: Nhờ tâm thiện mà sinh vào nơi thù thắng. Do đó, xả năm ấm hết sạch thì sinh qua nơi thù thắng. Do nghiệp chưa hết, như Phật nói kệ:

*Nghiệp nào thì vật nấy**Tự nắm tự đi theo.*

Do có căn của năm ấm nên vãng sinh nơi ấy, nhận thọ nghĩa căn, qua lại trong Trung ấm. Thiên nhân thấy được sắc của Trung ấm.

Như các Bộ khác chỉ thấy Trung ấm từ Hữu này sinh qua Hữu kia, nên không chấp nhận điều này. Như trước đã nói: Con người từ Hữu này sinh qua hữu kia, chỉ có con người mà thôi, vậy thì chỉ đến đạo quả mà không vãng sinh đâu khác. Nếu thật có khác, thì dù là thường, vô thường đều thành tà kiến. Do vậy không thể nói con người chắc chắn khác với ấm. Nếu chỉ có con người mà thôi, thì cũng không thể nói được nơi vãng sinh.

Hỏi: Vì sao lúc thân con người diệt thì Trung ấm của năm ấm khởi?

Đáp: Lúc con người sắp chết, cũng là lúc Trung hữu khởi. Trung hữu dựa vào năm ấm, có thể nói con người Trung hữu năm ấm. Nói về quá khứ, thì dựa vào Độ thuyết nhân. Cho nên không thể nương tựa để nói người, không là nghĩa, nương tựa không đúng là con người mà nói được. Như vậy, thấy pháp niệm niệm diệt mất, nhưng hành chẳng niệm niệm diệt mất, đó gọi là Phật thuyết. Vì thế mà nói: Xả sạch thân năm ấm, con người từ Hữu này qua Hữu kia, nên đoạn trước nói: Có người xả xứ sinh hữu năm ấm trung gian hữu năm ấm là thế.

Hỏi: Có phải trước thọ năm ấm xứ rồi sau mới xả năm ấm của con người?

Đáp: Không phải! Vì nếu hỏi như vậy thì sinh thành ra có khoảng cách. Nếu sinh mà có khoảng cách thì Thánh nhân nhập diệt phải thọ Hữu nữa, mà không phải là diệt cả bốn thủ. Nếu ấm và con người khác nhau là không đúng.

Hỏi: Có phải trước xả năm ấm của con người rồi mới thọ thân Trung ấm?

Đáp: Không phải! Vì nếu hỏi như vậy, thì trong một niệm, một

người thành ra hai loại. Điều này không đúng.

Hỏi: Vậy xả thân người, thọ thân năm ấm là trong một lúc hay không phải một lúc?

Đáp: Cùng một lúc.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Con người khi sắp chết, lúc tâm của một niệm sau cùng hiện khởi thì tâm Trung ấm chưa khởi. Lúc tâm của một niệm sau cùng diệt thì tâm Trung ấm mới khởi. Lúc tâm Trung ấm khởi tức là thành người Trung ấm, vì vậy nên nói: Xả ấm con người thọ Trung ấm. Vì sao? Vì lúc tâm của Trung ấm khởi lên thì người đó từ cõi người rơi vào Trung gian Hữu xứ (cõi Trung ấm). Lúc tâm trụ nơi này rồi thì gọi là sinh xuống, vì vậy phải biết nó xảy ra cùng một lúc là thế. Do đó ngay lúc tương ứng, thì xả xứ sinh hữu năm ấm, thọ Trung gian hữu năm ấm.

Hỏi: Ấm có nguồn gốc không? Từ thứ lớp của ấm thác sinh đến nay có gốc hay không có gốc?

Hỏi: Vì sao lại nghi như vậy?

Đáp: Vì Phật bảo Tỳ-kheo: Sinh tử không có nguồn gốc, chúng sinh lưu chuyển trong sinh tử, nhưng ngọn nguồn của nó không thể biết được. Nó không có thật cho nên không biết, hay là có thật nhưng không biết? Như nói mười hai môn, nếu nói mười ba môn thì không có thật nên không biết, hay không có trí nên không biết? Vì sao vậy? Vì người trong cõi Vô sắc, hai giới kia không có trí nên không biết. Như thế giới thành, chẳng thành, thì bỏ qua không trả lời. Nếu nó có ngọn nguồn lần lượt thì phải nói được điểm khởi đầu của nó, vì thế mà chúng tôi sinh nghi.

Hỏi: Nguồn gốc đời trước của con người, không thể biết được là thật có hay thật không, nếu có thì phải thấy, phải biết, phải nói được?

Đáp: Thật có nhưng không biết được. Vì Sao? Vì ví như thật có vật mà bị che khuất nên không biết, lại nhỏ như mảy vi trần nên không biết, lại lớn như đại địa nên không biết, lại như da của con mắt quá gần con mắt nên không biết, lại như bờ biển mênh mông nên không biết, lại như nhãn căn quá yếu nên không biết. Lại như đầu sợi lông, như đem một hạt cải bỏ vào trong đồng hạt cải, do màu sắc giống nhau nên không nhận biết được. Lại như nước sông Hằng đang chảy, cầm một hạt muối ném vào trong ấy, do nước quá nhiều nên chẳng biết vị mặn là bao nhiêu. Lại như cửa báu nằm trong vách, do bị ngăn che nên không thấy. Như quý thần ẩn hình nên không thấy. Như không biết người, không biết diện mạo hình dáng v.v.. nên không nhận ra. Vật báu nằm trong vách là có thật nhưng do bị ngăn cách nên chúng ta không biết được. Từ

nguồn gốc này, dù nhỏ như vi trần, đầu sợi lông v.v.. đều có thật nhưng không thể biết được. Thế nhưng, người khác thấy được, chẳng hạn như người có Thiên nhãn thấy được đầu sợi lông. Lại như bờ mé của đại địa chỉ người có Thiên nhãn mới thấy được. Lại như da của con mắt quá gần con mắt nên con mắt không nhìn thấy, nhưng người bên cạnh thấy ngay. Như đầu sợi lông, người sáng mắt sẽ nhìn thấy. Lại như bỏ một hạt cải vào trong đồng hạt cải, người sáng mắt sẽ nhận ra. Như ném hạt muống vào nước sông Hằng, chỉ có con cá bơi gần đó biết. Như cửa báu bị che khuất, người có Thiên nhãn nhìn thấy. Như quỷ thần ẩn hình, chỉ có đồng loại nó nhìn thấy. Như người dùng phép thuật thấy người khác nhưng không biết được, nhưng người có Tha tâm trí sẽ thấy rõ. Tất cả những điều vừa nêu trên đều nói là không thể biết, không thể thấy, thế nhưng tất cả đều được nhìn thấy, đều biết được. Con người không biết được nguồn gốc cũng vậy. Như cửa báu bị che khuất v.v.. của báu có thật nhưng ta lại không biết. Nó có thật nhưng vì sao ta không biết? Vì không thể suy lường. Cũng như Tuyết Sơn có thật, nhưng không thể lường tính, không thể cân đo được.

Hỏi: Nếu cân đo được Tuyết Sơn thì biết được không?

Đáp: Nếu đất đá trên Tuyết Sơn mà cân đo, tính toán được thì khối lượng, trọng lượng của nó sẽ được biết ngay. Còn như nay thì không thể đo lường được nên không thể biết.

Hỏi: Nếu cân đo mà biết được thì đâu thể gọi là biết?

Đáp: Nếu cân đo mà biết, đó không phải là cái biết như thật suy lường, cho nên mờ mịt không nhận ra.

Hỏi: Có phải vì không thật, nên không biết hạn lượng của nó?

Đáp: Không thật thuần thực thì không thể biết. Vì sao? Vì như trong kinh ghi: Phật nói: Vật không có nơi chốn thật thì không nhận biết được tiếng của nó.

Như Phật bảo Tỳ-kheo: Giống như đèn dầu tắt rồi, chúng ta không biết được khói đèn, bắc đèn. Lại như lúc kiếp hỏa thiêu sạch cả núi Tu-di, đại địa, biển cả, tất cả đều thành tro bụi, nhưng tu đâu thể biết được cái màu đen của nó.

Phật nói: Con người không biết được nguồn gốc cũng vậy. Như đèn dầu tắt rồi, bụi đen của nó không có thật nên ta không biết.

Hỏi: Như vật có thật, có xứ sở, tại sao Phật nói không thể biết được tiếng nó?

Đáp: Như trong Luật ghi: Như người uống rượu, tay cầm đồ đựng rượu bỏ đầy thức ăn, rồi dâng cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo ăn xong nhưng

không biết mình ăn bằng đồ đựng rượu, nên không có tội. Do vậy, đây không phải là nguyên nhân.

Hỏi: Không thật nên không biết, nếu nguồn gốc có thật, thì Phật dùng Thật trí khai mở ngay trong nguồn gốc chứ không nên nói không biết. Nhưng Phật nói không thể biết nên nguồn gốc ấy là không có thật.

Đáp: Điều này không phải như vậy. Thật trí của Phật không bắt buộc phải nói từ nguồn gốc. Chẳng hạn khi thế gian hỏi về thường, vô thường v.v.. Phật không trả lời, vì đó không phải là nguyên nhân, nên Phật nói không thể biết được nguồn gốc của nó. Nếu Phật nói thẳng không có nguồn gốc, thì thành ra Đoạn kiến; nếu nói có nguồn gốc thì thành ra Thường kiến, do vậy Phật không nói theo hai loại này, mà nói không thể biết.

Hỏi: Nếu sinh tử có nguồn gốc thì thành Thường kiến, nếu không có nguồn gốc thì thành Đoạn kiến, như vậy gốc sinh tử của Thánh nhân đã đoạn xong, gốc khác khởi nữa. Phải biết, gốc khác, nếu không khởi nữa như vậy tức thành ra Đoạn kiến. Nguồn gốc sinh tử không có thật, không thể biết. Vì sao? Vì sinh tử lưu chuyển vô cùng. Phật bảo Tỳ-kheo: Có nương gốc ái mà không biết, từ đó khởi ra ái rồi mất trong quá khứ, cũng từ đó khởi ra ái trong vị lai, cứ thế mà diệt rồi khởi, do vậy không có gốc ái, nên sinh tử không thật, không thể biết được gốc sinh tử. Lại nữa, sinh tử thường khởi, nếu không có sinh tử thì cũng không có Niết-bàn, như Phật bảo Tôn giả A-nan: Lúc năm ấm hữu lậu đoạn diệt sạch, thì đó gọi là diệt, hay còn gọi là Niết-bàn. Phật lại bảo Tôn giả A-nan: Niết-bàn tuy là diệt tận nhưng không phải là không có nguồn gốc. Vì vậy sinh tử hết vẫn có gốc. Nhưng gốc của sinh tử không thật, nên không thể biết được.

Lại nữa, do nhân lần lượt hòa hợp. Tất cả mọi người không lấy ngã làm gốc của nhân, nếu lấy ngã làm gốc của nhân thì sinh tử không bao giờ dứt, vì vậy nói không có gốc là thế.

Lại nữa, vì nhớ biết vô số thế giới trong quá khứ. Như Phật nói: Muốn biết được các pháp trong thời quá khứ, thì theo Thức dấy khởi, biết do đó Thức vô số, cảnh giới cũng vô số, nên điều mình biết cũng vô số, do vậy nên nói: Sinh tử không có gốc.

Lại nữa, vì sinh tử không có nguồn gốc, nếu sinh tử có nguồn gốc thì gốc trong đời quá khứ cũng phải có, cho nên quá khứ không thật có, nguồn gốc ấy cũng không thể biết được.

Lại nữa, do Ái lần lượt xoay vần. Phật nói gốc trong đời quá khứ

không thể biết được, nếu gốc sinh tử không có thì tên gọi này cũng không, vậy không có pháp thì phải không có tên gọi.

Đáp: Không có pháp thì không có tên gọi, không có tên gọi thì tên gọi ấy không thật. Tuy không có tên gọi, nhưng cũng vì không có tên gọi cho nên mới đặt ra tên gọi. Từ đó có tên gọi nhưng tên ấy không thật. Như nói: Tên gọi nguồn gốc của quá khứ là thật, thì nguồn gốc cũng phải thật. Điều này không đúng. Như nói: Không có pháp, nhưng có tên gọi. Nếu có thật là có pháp có tên gọi thì cũng nên không có tên gọi là không thật. Vì sao? Vì không có tên gọi. Nếu thế, không có pháp là không thật tên gọi ấy cũng phải không thật. Pháp thật có thì tên gọi cũng thật có; không có pháp thì tên gọi cũng không thật. Do vậy gốc sinh tử không thật có là đúng.

Hỏi: Nếu là thật, không thật, thì thành ra không nhất định. Đã vậy thì, không thật thành ra thật, thật thành ra không thật.

Đáp: Điều này không đúng.

Lại nữa, có pháp là ngăn chấp nói, không có pháp không có pháp mới hiển bày sự hàng phục tối thắng nơi thật và không thật được thấy. Vì chỗ ấy nói “không” là để ngăn chấp “có” đó gọi là thật, như đánh vào vật thì phát ra âm thanh. Âm thanh này không có gốc. Cho nên như vậy nguồn gốc sinh ra có thể nói giống như sừng thỏ. Vì thế sinh tử là nguồn gốc.

Hỏi: Nếu sinh tử không có nguồn gốc, thì cũng không có ngọn, như vậy, không có gốc không có ngọn thì đồng với Niết-bàn. Điều này cũng không đúng.

Đáp: Quả thật là không có gốc, chỉ do năm ấm xoay vần rồi sinh ra thôi, thế nên nó vô thường, cái nhân đã xoay vần thì cái quả cũng xoay vần.

Hỏi: Nếu sinh tử không có gốc thì đoạn giữa, và ngọn cũng không. Đoạn giữa và ngọn đã không thì sinh tử cũng không, giống như cây không có gốc, không có ngọn, không có đoạn giữa, như vậy là không có cây, vì vậy không sinh tử.

Đáp: Không đúng! Vì sao? Vì như vật hình tròn, nó không có gốc, không có đoạn giữa, không có ngọn nhưng không phải không có vật tròn? Sinh tử cũng giống như vậy.

Hỏi: Nếu vật hình tròn không có gốc, không có đoạn giữa, không có ngọn, có nhưng mà không, thì đối tượng thứ hai chưa thể hoại diệt, sinh tử cũng như thế.

Đáp: Sợ nếu vậy thì sinh tử chẳng diệt, như chấp nguồn gốc không

có, tất cả các pháp đều không, đây là hạ chấp vì cho rằng cái Nhân đời trước xoay vần, nên không có nguồn gốc. Nhân hoại diệt thì sinh tử mới dứt, sinh tử hoại diệt thì Nhân cũng dứt. Do nhớ biết vô số thế giới trong quá khứ, nên Phật nói không có nguồn gốc. Nếu sinh tử không có nguồn gốc, ấm xoay vần không có nguồn gốc thì thành thường kiến. Dựa vào ấm và độ mà Phật nói có chúng sinh. Như vậy nói, ấm xoay vần không có nguồn gốc nghĩa là chúng sinh xoay vần cũng không có nguồn gốc, chúng sinh không phải xoay vần. Vì sao? Vì Phật đã nói sinh tử không có nguồn gốc.

Hỏi: Nếu sinh tử không có nguồn gốc thì tại sao Phật nói không thể biết mà không nói thẳng là không có?

Đáp: Nếu Phật nói thẳng là không có thì họ sẽ không khởi lên ba thứ Tà kiến. Ba thứ ấy là: 1. Tiền thân ta từng sinh chưa? 2. Sau này phải sinh nữa không? 3. Nay có phải là ta sinh chăng? Phải để họ sanh nghi, nên Phật nói không thể biết, và Phật nói: Đó là điều chúng ta cần biết.

Phật thuyết pháp có hai loại: Một là vì pháp. Hai là vì chúng sinh.

Hỏi: Thế nào là vì pháp? Đáp: Như Phật nói: Nguồn gốc sinh ra không thể biết, Hữu ái là nguồn gốc không thể biết, đó là vì pháp, nên nói không có nguồn gốc sinh tử để nói.

Hỏi Thế nào là vì chúng sinh? Đáp: Do vô minh che lấp nên chúng sinh lưu chuyển trong sinh tử, Phật vì thương chúng sinh nên thuyết pháp. Do chúng sinh lưu chuyển trong sinh tử nên Phật mới nói. Như nói: Lúc pháp đến được tâm họ, họ nhờ đó mà được độ thoát. Khi Phật nói như vậy, là Phật vì chúng sinh.

Hỏi: Vì sao Phật nói có pháp, mà nguồn gốc sinh ra không thể biết được?

Đáp: Phật không Phật vì chúng sinh nói không có nguồn gốc.

Như thế, pháp lúc ấy để chúng sinh nương tựa mà được giải thoát, lúc ấy là Phật nói chúng sinh, pháp lúc ấy có thể nói là vô thường, chứ không phải nói chúng sinh là thường, vô thường. Nguồn gốc sinh ra như vậy là có thể nói và không thể nói. Đủ biết sinh tử không có nguồn gốc là đúng.



LUẬN TAM DI ĐỂ BỘ QUYỂN HẠ

Vì vậy nên nói: Có người sinh trong ấu xứ, xả năm ấu thọ năm ấu của Trung ấu.

Hỏi: Do đâu biết có Trung ấu?

Vì sao lại nghi như vậy?

Đáp: Vì sao Bộ khác nói không có Trung ấu. Vì sao? Vì đạo không nói đến.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Ta biết địa ngục. Chúng sinh đọa trong địa ngục, ta cũng biết. Ai sẽ đọa trong địa ngục, ta cũng biết cho đến chúng sinh thể nhập trong Niết-bàn, ta cũng biết. Phật không nói, ta biết Trung gian Hữu. Không nói ta biết chúng sinh sinh trong Trung gian Hữu, không nói ai sẽ sinh trong Trung gian Hữu.

Các Bộ khác thấy trong kinh này Phật không nói, như vậy nên cho không có Trung ấu.

Lại nữa, Phật không nói đến sinh xứ, nhưng Phật nói đến năm xứ sinh. Như Phật nói: Điều-đạt phải đọa địa ngục, Bà-la-môn Đô-đề sẽ sinh trong loài súc sinh, Cô-la-kha sẽ sinh trong loài ngựa quỳ, ông Cấp-cô-độc sẽ sinh thiên, vua Nhưạng Khư sẽ sinh trong loài người. Phật nói những nơi như vậy, nhưng không nói người nào sinh trong Trung gian Hữu.

Các Bộ khác thấy Phật nói năm nơi thọ sinh ấy (Năm sinh xứ) nên cho không có Trung gian Hữu.

Lại nữa, Phật nói về nghiệp. Nghiệp này phải vào Địa ngục, nghiệp này phải vào súc sinh, ngựa quỳ, trời, người cả thảy năm nơi, nhưng Phật không nói Trung gian Hữu, không nói nghiệp gì thì thọ sinh trong Trung gian Hữu, nên các Bộ khác cho không có Trung gian Hữu.

Lại nữa, Phật nói nhất định sinh, năm đường ấy có thật, là địa ngục, súc sinh, ngựa quỳ, trời, người, chứ không nói nhất định sinh trong

Trung gian Hữu. Các Bộ khác thấy Phật không nói đến Trung gian Hữu nên cho không có Trung gian Hữu.

Lại nữa vì sinh trong địa ngục Vô gián. Phật nói: Người tạo tội Ngũ nghịch, thân hoại thì đọa thẳng vào địa ngục Vô gián. Nếu có Trung gian Hữu thì Phật không nói đọa thẳng vào Địa ngục Vô gián. Vì vậy các Bộ khác cho không có Trung gian Hữu.

Lại nữa, vì không có định. Sinh hữu, Tử hữu đều có xứ sở, khoảng giữa của sinh và tử được gọi là Trung gian Hữu, Trung gian Hữu ở trong xứ sinh hữu thì trong ấy lại có thêm Trung gian Hữu nữa. Vì vậy các Bộ khác cho không có Trung gian Hữu.

Lại nữa, vì vô dụng. Như nói có Trung ấm, nhưng thành ra vô dụng. Vì sao? Vì Trung gian Hữu xứ không có thọ mạng dài ngắn, bệnh và không bệnh cũng không, chịu khổ hay không chịu khổ nghiệp cũng không, Ái hay không ái sắc thanh hương vị xúc pháp cũng không, phục sức trang nghiêm cũng không, nên nếu nói có Trung gian Hữu thật ra cũng vô dụng.

Lại nữa, vì cùng pháp sinh và không cùng pháp sinh. Nếu Trung gian Hữu cùng sinh với một pháp nữa, thì đây là sinh hữu mà không phải là Trung gian Hữu. Nếu không cùng sinh với pháp thì thành ra tên gọi của đạo khác, như tám chánh đạo chẳng hạn. Như vậy cùng pháp sinh hay không cùng pháp sinh đều rơi vào lỗi, nên nói, không có Trung gian Hữu là thế.

Lại nữa, vì không nói đến tướng. Phật nói tướng của năm đường nhưng không nói đến tướng của Trung gian Hữu. Các Bộ khác thấy Phật không nói đến tướng nên cho không có Trung gian Hữu.

Lại nữa, do tự thân sinh ra. Phật nói có chúng sinh từ thân ấy đọa vào Vô gián, chỉ trong một niệm liền thọ sinh. Phật nói chỉ trong một niệm liền thọ sinh mà không nói sinh trong xứ Trung gian Hữu. Các Bộ thấy, một niệm từ thân ấy đọa lạc rồi thọ sinh, nên cho không có Trung gian Hữu.

Từ những nguyên nhân đó, nên các Bộ cho không có Trung gian Hữu. Nay nói thọ năm ấm Trung gian Hữu xứ thì các Bộ chấp chặt phải diệt Trung gian Hữu.

Hỏi: Vì trừ bỏ chỗ chấp, hay vì nguyên nhân hình thành Trung gian Hữu?

Đáp: Lắng nghe nay nói: Các Bộ khác chấp chặt phải diệt Trung gian Hữu, nên muốn làm cho nhân ấy trở lại thành có Trung gian Hữu.

Hỏi: Như các Bộ khác nói: Do không nói đến năm nẻo thọ sinh

nên không có Trung gian Hữu phải không?

Đáp: Do không nói đến phương tiện, con đường đi tới năm nẻo nên Phật không nói Trung gian Hữu, chứ không phải là không có Trung gian Hữu. Như từ thành này qua thành kia không nói phương tiện cần đến được nơi đó. Không thể vì không nói phương tiện để đến được nơi ấy nên gọi là không có phương tiện, Trung gian Hữu cũng như vậy.

Lại nữa, như các Bộ nói: Phật không nói sinh xứ nên không có Trung gian Hữu, do không phải trụ xứ nên Phật không nói Trung gian Hữu. Vì mạng căn của chúng sinh, khổ, vui, pháp, phi pháp v.v.. ở xứ này có quan hệ mạnh hơn xứ Trung gian hữu kia, nên Phật không nói Trung gian Hữu.

Lại nữa như các Bộ nói: Phật nói nghiệp cho nên không có Trung gian Hữu. Người này tích chứa nhiều nghiệp, nên phải thọ sinh trong sáu đường, cõi Sắc và cõi Vô sắc là con đường họ hưởng tới. Do nghiệp này thành Trung gian Hữu di chuyển đến chỗ thọ sinh. Do đó Phật không nói nghiệp của Trung gian hữu. Cho nên nói không có Trung gian hữu là không đúng.

Lại nữa, như các Bộ nói: Phật nói năm đường ấy là có thật nên không có Trung gian Hữu. Đó là vì cần nói mà không nói. Như Phật nói: Ở nước Diệp Ba có nhiều điều cần bảo nhưng ta không nói. Không thể vì Phật không định nói, mà cho là không có pháp để nói. Do đó, Phật không quyết định nói Trung gian Hữu; thế nên không thể nói là không có Trung gian Hữu.

Lại nữa, như các Bộ nói: Do sinh Vô gián nên không có Trung gian Hữu. Vì đoạn sinh các nẻo khác nên Phật nói đến Vô gián. Vì vậy, không thể nói là không có Trung gian Hữu.

Lại nữa vì không có Định nên không có Trung gian Hữu. Như Phật nói: Có Trung gian thiền, không phải là không có định, như giữ thiền thứ nhất và thiền thứ hai. Phật nói có Trung gian thiền nhưng trong Trung gian thiền Phật không nói là có thêm Trung gian thiền nữa. Vì thế nên biết, Trung gian Hữu không phải là không có định.

Lại nữa, như các Bộ nói: Vì vô dụng nên không có Trung gian Hữu. Phải đến chỗ kia rồi thì mới hữu dụng. Dùng Trung gian Hữu nên mới qua đó thọ sinh, vì vậy Trung gian Hữu không phải là vô dụng.

Lại nữa, như các Bộ nói: Vì cùng pháp sinh và không cùng pháp sinh, nên không có Trung gian Hữu. Vì hai chỗ sinh nên sinh ra xứ Trung gian Hữu, qua xứ thọ sinh. Hai xứ này là cùng pháp sinh và không cùng pháp sinh. Thế nào là cùng pháp? Đó là cùng một cõi. Thế nào là

không cùng pháp. Đó là phương tiện và nơi thọ sinh khác nhau. Do vậy không thể nói là không có Trung gian Hữu.

Lại nữa, như các Bộ nói: Không nói về tướng nên không có Trung gian Hữu. Nhiều chỗ để luận không cần nói lời này. Nếu Phật nói có Trung gian Hữu tất phát sinh nhiều nơi tranh luận ở những nơi ấy không nên nói là có Trung gian Hữu hay không có Trung gian Hữu, vì vậy không thể nói là không có Trung gian Hữu.

Lại nữa, như các Bộ nói: Do tự thân sinh nên không có Trung gian Hữu. Chưa sinh ra cõi ấy nên thân phải tự sinh ra, nhưng chưa sinh đến Trung gian Hữu mà chỉ theo chủng loại đọa lạc và thọ sinh trong Trung gian Hữu của Không xứ, tự thấy thân mình xúc vô cùng vi tế, vẫn ở ngay cõi này chứ không cõi nào khác, do ái dẫn dắt, do nguyện mà thấy thích thân mình. Vì vậy ở đây không phủ định Trung gian Hữu mà là có Trung gian Hữu. Vì sao? Vì đoạn xứ trung gian.

Như Phật bảo Ma-lâu-kha-tử: Lúc ấy, ông thấy nghe hiểu biết; lúc ấy ông không ở thế giới này cũng không ở thế giới kia, cũng không ở cõi trung gian. Đó gọi là khổ dứt hết. Chúng ta thấy Phật nói đến cõi trung gian, nên thấy có Trung gian Hữu.

Lại nữa, có Trung gian Hữu. Như Phật nói trong kinh Bạt Sa Da Na: Lúc đó, Phật bảo Bạt Sa Da Na: Bỏ thân này nhưng chưa đến cõi kia, lúc ấy ý sinh thân hòa hợp với ái, thủ, ta gọi đó là chúng sinh. Chúng ta thấy Phật nói kinh Bạt Sa Da Na, nên thấy có Trung gian Hữu.

Lại nữa, có Trung gian Hữu vì ngay trung gian nhập Niết-bàn.

Phật bảo Tỳ-kheo: Có năm hạng người được mệnh danh là Long câu mã.

1. Trung gian nhập Niết-bàn.
2. Sinh nhập Niết-bàn.
3. Hành nhập Niết-bàn.
4. Bất hành nhập Niết-bàn.
5. Thượng hành nhập Niết-bàn.

Chúng ta thấy Phật nói đến trung gian nhập Niết-bàn, nên có Trung gian Hữu.

Lại nữa, vì thân không đến được. Thức không có thân thì không đến được cõi kia. Chúng ta thấy thân không đến được cõi kia, nên thấy có Trung gian Hữu.

Lại nữa, vì sức của Thiên nhân. Như Phật nói: Ta dùng Thiên nhân thấy chúng sinh đọa lạc thọ sinh, tất cả đều như vậy. Nếu không có Trung gian Hữu thì Phật không nói Ta dùng Thiên nhân thấy chúng

sinh đọa lạc thọ sinh. Chúng ta thấy Phật nói: Thiên nhân thấy chúng sinh đọa lạc thọ sinh nên thấy có Trung gian Hữu.

Lại nữa, vì Phật nói đến xứ Càn-thát-bà. Phật nói: Lúc ba xứ hòa hợp, sau đó mới vào thai. Ba xứ hòa hợp nghĩa là gì? Đó là cha mẹ hòa hợp và Càn-thát-bà đến đứng trước đó. Lúc ba việc này xảy ra như vậy, sau đó mới vào thai. Đó gọi là ba xứ hòa hợp. Nếu không có Trung gian Hữu thì Phật không nói đến xứ Càn-thát-bà. Chúng ta thấy Phật nói đến xứ Càn-thát-bà, nên thấy có Trung gian Hữu.

Lại nữa, do có tướng quan, lấy Kha-la-la làm gốc cho đến lão, không có trung gian sắc tướng quan. Chúng ta thấy có tướng quan, đường nhiên phải có chỗ trải qua. Từ Tử Hữu thọ Trung gian Hữu, tất nhiên phải có sự tướng quan.

Lại nữa, dụ như mầm lúa. Từ lúa sinh ra mầm, mầm sinh ra lúa. Pháp nhất định của sắc ấy những gì là lúa? Đó là Hữu đời trước. Cái gì là mầm? Đó là Trung gian Hữu. Lại nữa Sinh hữu (đối lại với Tử hữu) cũng là lúa. Chúng ta thấy dụ như mầm lúa, nên nói có Trung gian Hữu.

Lại nữa do ánh sáng chiếu thế gian. Như Tôn giả A-nan nói: Tôi nghe lúc Đức Thế Tôn còn làm Bồ-tát, từ cõi trời Đâu Suất, nhớ đến Bồ-tát Trí Minh liền hạ phàm thác thai. Lúc ấy, tất cả thế giới có ánh sáng chiếu khắp, Bồ-tát đang ở trong xứ Trung gian Hữu, ánh sáng chiếu khắp, sau đó mới nhập thai. Chúng ta thấy do ánh sáng chiếu khắp thế gian, nên nói có Trung gian Hữu.

Lại nữa, do con người sắp chuyển biến thọ sinh. Người này có thể đã đi gần sát đường rồi, tâm muốn thọ sinh chuyển biến, vì không chuyển biến thì không thọ sinh. Cũng như một người từ nước Ban-trù-ma-thâu-la lại sinh ngay trong nước này. Vì sao? Vì không thấy con đường khác để sinh, thì không có chuyển biến. Nếu không có Trung gian Hữu thì không thành chuyển biến, không nên thấy con đường người ấy vãng sinh. Phải nơi xứ sở người ấy gá nương chỗ đó thấy con đường họ vãng sinh. Như Thiên nhân thấy đi trên hư không, như thần thông. Chúng ta thấy con người sắp chuyển biến thọ sinh, nên thấy có Trung gian Hữu.

Như đoạn trước đã nói, vì đoạn xứ trung gian nên có Trung gian Hữu. Do đoạn ba thứ trời buộc nên có Trung gian Hữu. Lúc đó, ở trong ba xứ (Ba xứ hòa hợp) mà đoạn ba thứ trời buộc nên không có cõi này.

Hỏi: Thế nào là không có cõi này?

Đáp: Là không chấp bên trong, không chấp cõi kia.

Hỏi: Thế nào là không có cõi kia?

Đáp: Là không chấp bên ngoài, không chấp khoảng giữa.

Hỏi: Thế nào là không chấp Trung gian Hữu?

Đáp: Là không chấp sáu thức. Những điều Phật nói không phải làm rõ Trung gian Hữu.

Lại nữa, như trước đã nói: Vì Phật thuyết kinh Bạt Sa Da Na, vì Phật đã nói đến ba cõi.

Hỏi: Thế nào là xả thân này?

Đáp: Là xả cõi Dục.

Hỏi: Thế nào là chưa sinh cõi kia?

Đáp: Là chưa sinh vào cõi Sắc.

Hỏi: Nói lúc đó có nghĩa là gì?

Đáp: Là ý sinh thân, sinh vào cõi Sắc.

Hỏi: Ái thủ hòa hợp nghĩa là gì?

Đáp: Là đắm chấp vị thiên, thích tướng hòa hợp. Những điều Phật nói không phải nêu rõ Trung gian Hữu.

Lại nữa, như đoạn trước nói, vì Trung gian nhập Niết-bàn. Hành trong quá khứ, nếu nói Trung gian nhập Niết-bàn thì thành ra sinh trong Trung gian Hữu. Như vậy sợ hành nhập Niết-bàn trở thành sinh cộng lực dưng mãi, cho nên ở đây không đúng, không nói rõ Trung gian Hữu.

Lại nữa như đoạn trước nói: Vì thân không đến được, đó chỉ là bóng hiện, như người soi mặt vào giếng, giếng hiện lên khuôn mặt, như chết rồi thọ trong xứ sinh. Vì thế ở đây không nói rõ Trung gian Hữu.

Lại nữa, như đoạn trước nói: Vì sức Thiên nhãn, vì con đường ấy rất vi tế. Có những con đường rất vi tế, người khác không thể thấy được, chỉ có sức Thiên nhãn mới thấy. Nên ở đây nói đến sức Thiên nhãn mà không nói rõ Trung gian Hữu.

Lại nữa, như đoạn trước nói: Vì xứ Càn-thát-bà là con đường họ hưởng tới. Người này do trước tạo nghiệp thiện ác, đến lúc lâm chung tùy nghiệp thiện ác mà có đường để hưởng tới. Cho nên ở đây Phật nói đến xứ Càn-thát-bà mà không nói rõ Trung gian Hữu.

Lại như đoạn trước nói: Do có tương quan. Vì sao? Vì như lời ông nói, từ Tử hữu này sinh trong Trung gian Hữu, nó tương quan như ta chết đi rồi thọ sinh. Ở đây chỉ nói đến tương quan mà không nói rõ Trung gian Hữu.

Lại đoạn trước nói: Dụ như mầm lúa. Con đường này không dễ dàng. Vì sao? Vì dụ như mầm lúa nên con đường này thành ra không dễ

dàng. Vì sao? Vì tánh của lúa sinh ra mầm, sinh ra mầm rồi lại có thể trở thành lúa. Từ con người rơi vào Trung gian Hữu thì không thể sinh lại con người, Cho nên ở đây dụ cho cái rất khó chứ không nói rõ Trung gian Hữu.

Lại như đoạn trước nói: Vì ánh sáng chiếu thế gian. Điều này Tôn giả A-nan đã từng nói rồi, Tôn giả nói: Tôi thấy lúc Thế Tôn còn làm Bồ-tát chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, quang minh chiếu sáng tất cả thế gian. Sợ ánh sáng này là quang minh trong khoảng Bồ-tát thành Phật, chứ không phải quang minh lúc thành Phật. Cho nên ở đây không đúng, không nói rõ về Trung gian Hữu.

Lại như đoạn trước nói: Do con người sắp chuyển biến thọ sinh. Đây là thấy trong mộng. Như người trong nước Ban Trù Ma Thâu La thấy Ma Thâu La bị các nước phương Bắc cai trị. Như vậy là không có Trung gian Hữu. Con người sắp chuyển biến thọ sinh cũng như thế. nên ở đây không nói rõ về Trung gian Hữu.

Do vậy, nếu không có Trung gian Hữu, thì Phật không nên nói với các Tỳ-kheo: Như hai ngôi nhà có rất nhiều cửa sổ, nhưng chỉ có một cửa chính. Có một người đứng giữ cửa chính ấy nhìn thấy người ra vào. Ta dùng Thiên nhãn thấy chúng sinh đọa lạc thác sinh cũng như vậy. Nếu không có Trung gian Hữu, thì rõ ràng trái ngược với những gì Kinh đã chép. Nếu dùng Thiên nhãn thấy chúng sinh tới lui, lẽ đâu lại không có chúng sinh?

Lại nữa, nếu không có Trung gian Hữu thì không có việc từ con người thọ sinh trong đường khác. Vì sao? Vì lúc đời này diệt thì người ấy thọ sinh vào nơi khác. Nếu không có Trung gian Hữu, thì Thiên nhãn không nên biết người này tạo nghiệp thiện ác thọ sinh trong đường thiện đường ác. Thế nhưng như Phật đã nói: Ta dùng Thiên nhãn thấy chúng sinh đọa lạc, thọ sinh, tất cả đều như vậy. Từ đó, ta thấy từ con người đọa lạc có chỗ có thể dựa vào thọ sinh, vì thế chắc chắn phải có Trung gian Hữu.

Hỏi: Như trên vừa nói: Có người xả xứ sinh hữu năm mấ thọ xứ Trung gian Hữu năm ấm, người kia có làm như vậy không?

Đáp: Hạng phàm phu thứ nhất chưa chán năm ấm của Dục giới, mang đủ năm giới thọ sinh trong xứ Kha-la-la. Xứ Kha-la-la ấy không có “không” giới mà có hai môn là môn thân môn ý. Xứ hóa sinh kia tại sáu giới sáu môn. Xứ hóa sinh ấy không điếc không đui, nên có thể nhận biết. Có chín thiện căn và bất thiện căn, trong ba cõi có bảy phiền não, của Kiến đế bảy phiền não của Tư duy tổng cộng là mười bốn.

Chín mươi tám kiếp sử phiến não được phân thành năm loại nơi ba cõi.

Hạng phàm phu thứ hai lia cõi Dục sinh ở cõi trời Vô Tướng thọ hai ấm, năm giới, năm môn. cõi đó không có hợp ấm, nương vào môn ý giới mà sinh xuống. Cõi đó chán lia cõi Dục như thế.

Hạng phàm phu thứ ba chán lia cõi Sắc, từ cõi Sắc sinh xuống cõi Dục.

Hỏi: Như từ cõi Vô sắc đọa lạc, nghiệp và thiên định do họ tạo từ trước hợp với cõi Sắc, sinh ở trời Hữu tướng, tại sao không hợp với nghiệp họ đã tạo, hợp với Tam-ma-đề Vô tướng, từ cõi Vô sắc thác sinh trong trời Vô tướng?

Đáp: Không có có thể nói, từ cõi Vô sắc thác sinh trong trời Vô Tướng, vậy phải tư duy. Tướng trong cõi Dục hoại rồi thì sinh lên cõi trời Vô Tướng và cõi Sắc, như vậy có một cõi riêng biệt hủy hoại dục, giác, hỷ, lạc, từ cõi Vô sắc thác sinh xuống trời hữu tướng trong cõi Sắc, như vậy cũng riêng có xứ hủy tướng. Từ cõi Vô sắc sinh xuống trời Vô tướng là trong cõi Sắc, thì như đã nói người khác sinh vào một nơi thù thắng thì có cảnh giới để nói, còn như từ cõi Vô sắc sinh xuống trời Vô tướng trong cõi Sắc thì không có cõi để nói.

Nghiệp tướng trong Tam-ma-đề hữu tướng khác nhau, nghiệp tướng trong Tam-ma-đề vô tướng khác nhau, nên phải tìm xứ sở để nói.

Thứ tư là A-la-hán.

Hỏi: Nói như vậy thì người sắp chuyển biến thọ sinh không có đường để sinh, không có người thì chẳng thọ sinh. Vì sao? Vì nói như vậy là đoạn chín mươi tám kiếp sử, không có người thọ nhận khổ kết sử sinh?

Đáp: Có ba Hữu, là Sinh hữu, Tử hữu và Nghiệp hữu. Đó gọi là ba Hữu. Trong đây nói sinh hữu.

Thứ năm: Có hai người. Một người là Tu-đà-hoàn gồm bảy lần chết, bảy lần tái sinh. Một người là Tư-đà-hàm.

Thứ sáu: Có một người là Trung gian Hữu nhập Niết-bàn.

Thứ bảy: Có hai người : Một người sinh xong thì nhập Niết-bàn, một người là hành nhập Niết-bàn.

Thứ tám: Là bất hành nhập Niết-bàn.

Ở đây chỉ nói sơ về cõi Vô sắc, không nói đầy đủ. Như vậy, nói theo cõi ng thì tất cả phàm phu không chấp, mười ba hạng người dưới đây là có thể làm được. Những gì là mười ba ?

- Thứ nhất: Phàm phu chưa chán cõi Dục.

- Thứ hai: Phàm phu đã chán cõi Dục.
- Thứ ba: Phàm phu chán cõi Sắc.
- Thứ tư: Bảy lần sinh bảy lần tử (Tu-đà-hoàn).
- Thứ năm: Tư-đà-hàm.
- Thứ sáu: Gia gia Tư-đà-hàm (Hương Nhất lai).
- Thứ bảy: Nhất gián Tư-đà-hàm (còn thọ sinh một đời).
- Thứ tám: A-na-hàm thượng sinh chán cõi Dục.
- Thứ chín: Có ba người: Sinh xong liền nhập Niết-bàn, Hành nhập Niết-bàn và Bất hành nhập Niết-bàn.
- Thứ mười: Trung gian nhập Niết-bàn.
- Thứ mười một: Chán cõi Sắc sinh lên trên.
- Thứ mười hai: Sinh hành nhập Niết-bàn.
- Thứ mười ba: A-la-hán.

Phàm phu thứ nhất có hai loại: Sinh cõi thiện và sinh cõi ác.

Phàm phu thứ hai có hai loại: Sinh cõi Dục và sinh cõi Sắc.

Phàm phu thứ ba có ba loại: Sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Thanh văn của Đức Thế Tôn chưa chán cõi Dục có hai loại: Sinh cõi trời và cõi người thuộc cõi Dục.

Chán cõi Dục có hai loại : Sinh cõi Dục và cõi Vô sắc.

Chán cõi Sắc có ba loại : Sinh cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

A-la-hán có ba loại: Sinh cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Phàm phu chưa chán năm ấm xứ của cõi Dục kia có đủ tám loại năm ấm giới xứ.

Hỏi: Vậy là thế nào ?

Đáp: Hết thấy xứ trung gian hữu của cõi Dục, năm ấm, sáu giới, sáu môn. thế nên tạo trung gian thành tựu xong.

Sinh hữu, chúng ta nay nói :

1. Có người xả sáu giới xứ sinh hữu, thọ sáu giới xứ sinh hữu.
2. Xả năm giới xứ sinh hữu, thọ sáu giới xứ sinh hữu.
3. Xả sáu giới xứ sinh hữu, thọ năm, sáu giới xứ sinh hữu.
4. Xả sáu giới xứ sinh hữu, thọ sáu, năm giới xứ sinh hữu.
5. Xả năm giới xứ sinh hữu, thọ năm, sáu giới xứ sinh hữu.
6. Xả năm giới xứ sinh hữu, thọ sáu, năm giới xứ sinh hữu.
7. Xả sáu giới xứ sinh hữu, thọ năm, năm giới xứ sinh hữu.
8. Xả năm giới xứ sinh hữu, thọ năm, năm giới xứ sinh hữu.

Loại thứ nhất: Từ Hữu của thể căn đầy đủ đọa lạc, từ Hữu của Hóa sinh qua Hữu của Hóa sinh.

Loại thứ hai: Từ Kha-la-la, A-phù-đà, Già na, Nhục đoàn mà đọa lạc, từ Hữu của Hóa sinh đến Hữu của Hóa sinh.

Loại thứ ba: Từ Hữu của thể căn, đầy đủ đọa lạc, từ Kha-la-la v.v.. đến Hữu của Hóa sinh.

Loại thứ tư: Từ Hữu của thể căn, đầy đủ đọa lạc, từ Hữu của Hóa sinh đến Kha-la-la.

Loại thứ năm: Từ Kha-la-la v.v.. đọa lạc, từ Kha-la-la đến Hữu của Hóa sinh.

Loại thứ sáu: Từ Kha-la-la v.v.. đọa lạc, từ Hữu của Hóa sinh đến Kha-la-la.

Loại thứ bảy: Từ Hữu của thể căn, đầy đủ đọa lạc, từ Kha-la-la đến Kha-la-la.

Loại thứ tám: Từ Kha-la-la v.v.. đọa lạc, từ Kha-la-la đến Kha-la-la.

Như thế là tám thứ môn, xứ.

Thiện căn xứ gồm:

1. Nhất Thiết xứ: Có chín loại.

2. Không có người xả thiện căn xứ sinh hữu, thọ chín, chín xứ sinh hữu.

Lại có từ Hữu của địa ngục, Hữu của đoạn thiện căn mà đọa lạc. Từ Hữu của cộng thiện căn đọa lạc, từ Hữu của cộng thiện căn qua Hữu của cộng thiện căn.

Như vậy, nên tạo năm thứ của thứ năm không có thứ bảy, thứ tám.

Có các Luận sư cho, chỉ có người đoạn thiện căn, từ địa ngục sinh lại địa ngục, tám loại ấy được liệt vào xứ bất thiện căn một loại với xứ kết sử.

Chán xứ năm ấm của cõi Dục. Loại này gồm:

1. Chán tất cả năm ấm.

2. Xả xứ sinh hữu, thọ của hai ấm xứ sinh hữu của năm ấm.

Lại có người từ Hữu của trời Vô Tướng đọa lạc, từ Hữu của trời Hữu Tướng qua Hữu của trời Hữu tướng v.v.. cả thấy năm loại.

Có các Luận sư cho: Theo nghiệp đã tạo tác từ trước cùng với thiên định mà người này sinh liên tục ở cõi trời Hữu Tướng.

Lại nữa, do nghiệp đã tạo tác từ trước nhưng không có tướng và định, nên người này sinh liên tục ở cõi trời Vô Tướng. Hạng này có cả thấy tám loại.

Giới môn xứ và hai môn có bốn loại:

1. Xả sáu nhập xứ sinh hữu, thọ sáu, hai xứ sinh hữu.
2. Xả sáu giới xứ sinh hữu, thọ năm, hai xứ sinh hữu.
3. Xả năm giới xứ sinh hữu, thọ sáu, hai xứ sinh hữu.
4. Xả năm giới xứ sinh hữu, thọ năm, hai xứ sinh hữu.

Thế nên, phạm phu ở trong thai không chán có bốn loại chung với thiện căn, chung với bất thiện căn, chung với kết sử. Loại thứ năm có năm loại, không có thứ bảy, thứ tám.

- Chán ấm xứ của cõi Sắc có năm loại, chung với năm loại của sáu giới. Hai loại tại sao chung năm ?

Đáp: Có người xả xứ sinh hữu của một giới, thọ một năm xứ sinh hữu. Có người xả xứ sinh hữu của sáu giới, thọ một, năm xứ sinh hữu.

- Cộng nhập có bảy loại.
 - Cộng hai nhập có hai loại.
 - Như vậy, thiện căn xứ, bất thiện căn xứ, sử xứ có mười một loại.

- Năm ấm xứ của Tu-đà-hoàn có hết thủy năm.

- Giới xứ môn xứ có năm loại.

- Thiện căn xứ v.v... có một loại.

- Tư-đà-hàm, bất thiện căn xứ gồm hết thủy một.

- Sử xứ gồm hết thủy mười.

- Trường gia gia ấm xứ gồm một loại.

- Giới môn xứ có tám loại.

- Thiện căn xứ v.v... giống như Tư-đà-hàm.

- Nhất giáán ấm xứ gồm một loại.

- Giới môn xứ gồm bốn loại.

- Thiện căn xứ có một loại.

- Bất thiện căn xứ, sử xứ, Tư-đà-hàm có hai loại.

- Chán ấm xứ của cõi Dục có một loại.

- Giới môn xứ có hai loại.

- Thiện căn xứ sinh lên cõi trên v.v... có một loại.

- Hành xứ, Thành xứ v.v... có hai loại.

- A-la-hán chán năm ấm xứ của cõi Sắc có hai loại.

- Giới môn xứ có ba loại.

- Thiện căn xứ có ba loại.

- Bất thiện căn xứ, Sử xứ có bốn loại. Như vậy xứ trung gian hữu phải biết.

- Xứ hữu đầu, xứ hữu thứ hai: Chưa lìa dục.

- Xứ hữu thứ ba: Lìa dục.

- Xứ hữu đầu là dục.
- Xứ thứ hai, xứ thứ ba là dục.

Đó là mười tám giới và mười hai môn, ấm hữu lậu. Phải biết ấm xoay vần kết hợp với nhân duyên mà khởi, nên muốn trừ ấm, diệt ấm phải gắng hành chánh tinh tấn, như pháp tu hành.



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

LUẬN BÍCH CHI PHẬT NHÂN DUYÊN

SỐ 1650
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1650

LUẬN BÍCH CHI PHẬT NHÂN DUYÊN

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay căn cứ vào bản sao lục của đời Tần

QUYỂN THƯỢNG

Nhân duyên chứng ngộ Bích-chi Phật của Quốc vương Ba-la-nại.
Nhân duyên chứng ngộ Bích-chi Phật của Phụ tướng Tô Ma.
Nhân duyên chứng ngộ Bích-chi Phật của Đại thần Nguyệt Ái.

1. Nhân duyên chứng ngộ Bích-chi Phật của Quốc vương Ba-la-nại

*Quy mạng Thế Tôn Nhất Thiết Trí
Ngọn đèn lớn soi tỏ ba đời
Quy mạng pháp xuất thế vô thượng
Cùng chư Thánh Hiền Tăng Ứng chân.
Con nghe Bích-chi Phật vắng lặng
Tỏ ngộ chốn hành của nhân duyên
Tâm không tỳ vết, trừ phiền não
Khéo giữ giới cấm thường thanh tịnh.
Ví như trời thu không mây mù
Đạm bạc an vui nơi rừng sâu
Con nay khát ngưỡng công đức ấy
Thành tâm kính thuận sinh tin ưa.
Dù điều con muốn còn hoài nghi*

www.daitangkinh.org

*Sức kia thôi thúc khiến con tin
 Ai nghe thật hạnh của Khoái Sĩ
 Mà chẳng sinh khởi tâm kính tín!
 Con nay sẽ nói một phần nhỏ
 Công đức diệu hạnh Bích-chi Phật
 Những gì ngày trước Thầy truyền thọ
 Chỉ thuật nguyên lời không nói ngoa.
 Voi mẹ đi trước con theo sau
 Do vậy con nay xin diễn bày.*

Hỏi: Vì nhân duyên gì mà Bích-chi Phật tịch tĩnh giữ mình, thường sống trong tâm xả, trụ nơi thâm sơn cùng cốc, hay bên bờ sông vắng lặng, tâm hạnh vắng bật, cũng không nói năng, giống như tê giác chỉ đi một mình?

Lại nữa, Bích-chi Phật có công đức gì?

Đáp: Các vị Tiên đức đều nói như vậy: Xưa, Đức Phật thuyết pháp trong cung điện của cõi trời Ba mươi ba, khi Phật sắp về lại Diêm-phù-đề, bảy giờ Đế Thích sai Tỳ Thủ Yết Ma làm ba bậc thêm báu, từ cung trời thẳng đến nước Tăng Thi Sa để Phật về. Lúc Như Lai theo bậc thêm ấy trở về, Thích, Phạm Thiên Vương cùng các quyến thuộc tuôn mưa hoa cúng dường.

Bảy giờ, Tỳ-kheo ni Liên Hoa thấy Phật trở về, liền hóa thân thành Chuyển Luân Thánh Vương, hình dung uy nghiêm, đi trên bậc thêm bằng bảy báu. Mọi người thấy vậy đều sinh nghi cho là việc chưa từng có. Ai nấy đều hỏi: Còn người nào có thần lực vượt hơn Tỳ-kheo ni kia chăng?

Khi ấy, Thế Tôn thấy mọi người nhìn xem ba bậc thêm đó rồi sinh lòng kỳ lạ, lại thấy Tỳ-kheo ni Liên Hoa vận dụng thần biến khiến họ sinh lòng khát ngưỡng, vì muốn tăng trưởng lòng tin cho họ nên Phật bảo khắp mọi người:

Có một vị Bích-chi Phật, thần lực hơn hẳn Tỳ-kheo ni kia, người ấy tên là Thắng Bỉ Khoái Sĩ. Vì sao người ấy có tên như thế? Vì lúc Phật chưa xuất thế, ông ấy sinh trong thế gian, làm lợi ích cho chúng sinh. Ông ấy hiện thân làm người đói rét, xin áo xin cơm, làm ruộng phước cho chúng sinh, trang nghiêm pháp hành, thanh tịnh tịch diệt, điều phục lia dục, khiến cho chúng sinh, người nào nhìn thấy mình thì tâm ác vĩnh viễn đoạn sạch, vất bỏ dao gậy. Người ấy giống như Tê Giác chỉ đi một mình.

Tôi được nghe các vị Tiên đức từng kể lại: Thời Phật Ca Diếp

có một người xuất gia. Trong mười ngàn năm, người đó tu hành phạm hạnh, hộ trì giới cấm, tu hành nhẫn nhục, thường hành tinh tấn. Do tu hành như vậy, nên có rất nhiều Tỳ-kheo đến thân gần. Lúc ấy, các vị Tỳ-kheo kia đều nói:

Thầy phải dạy tôi, chỉ tôi tu tập. Các vị Tỳ-kheo kia đều có tâm tu tập, nhưng do quá đông, sinh ra ồn náo nên không thấu tỏ được chân lý. Đến lúc lâm chung, họ suy nghĩ như vậy: Pháp do Đấng Mười Lực (Phật) diễn nói đều mâu nhiệm sâu xa rất khó được nghe, thế mà ta được nghe, nhưng do phóng dật nên không chứng đắc đạo quả. Ta tuy trì giới thanh tịnh, tu hạnh nhẫn nhục, giáo hóa người khác, nhưng do ồn náo nên tổn hại tâm định, giống như mưa đá làm hại giống tốt, vì vậy khiến ta không chứng đắc đạo quả. Người ấy nói kệ:

*Con nay chìm ba cõi
Nơi phiền não nghiệp ác
Giống như voi già yếu
Sa chân trong bùn lầy.
Còn vị Bích-chi Phật
Sống một mình trong rừng
Giống như con Tê giác
Xa lìa mọi bầy đàn.
Muốn tránh ngọn lửa dữ
Cần phải riêng tu hành
Xa lìa nơi ồn ào
Con nguyện thường rời xa
Những đảng chúng náo nhiệt.*

Phát thệ nguyện ấy xong, đến lúc mạng chung, vị Tỳ-kheo kia được sinh lên cõi trời hưởng mọi an vui. Khi phước hết, vị Tỳ-kheo ấy mạng chung, thác vào thai của Đệ nhất phu nhân của vua Phạm Ma Đạt trong thành Ba-la-nại, nước Ca-thi. Lúc vị ấy nhập thai, phu nhân cảm thấy cơ thể mình khoan khoái như đóa hoa lay nhẹ trong hồ nước trong xanh. Phu nhân tỉnh dậy, biết mình mang thai. Bà liền dùng kệ tâu với vua:

*Thiếp tỉnh biết mang thai
Lòng thanh thản lạ thường
Chắc nhờ chí thai nhi
Nên xá kẻ có tội.
Vua nghe rất vui mừng
Liền đại xá thiên hạ*

*Bà lại tâu với vua
 Nên bố thí dân chúng.
 Vua nghe càng hoan hỷ
 Liền cho mở kho tàng
 Ban phát cho người nghèo
 Ai nấy đều no đủ.*

Lúc này, phu nhân đã sinh Thái tử. Thái tử có tướng mạo đoan nghiêm, tuấn tú, giống như trăng tròn. Mới tám tuổi, đã tỏ ra người thông minh, nhân từ. Vua cha mất, muôn dân trong nước đều muốn Thái tử kế vị ngay. Phụ tướng Ngôn Thuyết liền đưa Thái tử lên ngôi vương vị. Dù làm vua nhiều năm, nhưng nhờ sức thệ nguyện, Thái tử vẫn nhân từ, lương thiện, không làm các việc ác. Đối với chúng sinh, luôn rất yêu thương. Tuy ở vương cung nhưng vua luôn đặt mình nơi yên tĩnh, dù trú tại cung son, nhưng luôn nghĩ chẳng khác nơi gò mả, tuy ở nơi ồn náo, nhưng vua thường tu Thiên định, nhằm chán sinh tử, tự xét lỗi mình. Vì sự tu tập, ngài muốn bỏ luôn ngôi vua, quần thần can: Nếu ngày nay Đại vương chỉ lo tu hành, không đoái hoài gì đến đất nước, thì muôn kẻ xấu sẽ nổi lên, hủy hoại thuần phong của đất nước. Giống như qua biển, cần phải có người lèo lái con thuyền, nếu không ắt lâm vào cảnh hoạn nạn, và quần thần nói kệ:

*Vua nối nghiệp tiên tổ
 Xứ sở được như pháp
 Mong chăm lo muôn dân
 Xin đừng bỏ đất nước.
 Nếu dùng chánh pháp trị
 Muôn người không lỗi lầm
 Nhà vua phải nên biết
 Phước hộ quốc hơn hết.*

Vua nghe xong, bùi ngùi suy nghĩ, rồi nói kệ:

*Nếu ta không lo nước
 Nước ta ắt suy vong
 Ta hết lòng giữ nước
 Kẻ xấu chẳng xâm lăng.
 Nếu ta lo việc nước
 Chính sự nhiệm tâm ta
 Như có người phạm tội
 Ất phải bị gia hình.
 Hoặc phải giam giữ họ*

*Hoặc phải chặt chân tay
 Hoặc phải chịu tội chết
 Hoặc bị móc mắt ra.
 Đời ác trước hiện nay
 Phải có luật giết người
 Nếu làm việc giết người
 Đâu khác Chiên-đà-la!*

Nói kệ xong, vua bảo với quần thần thân tín: Các ông cũng biết, những thứ ta ăn không hơn một vị, những thứ ta mặc không hơn một lớp, chỗ ta nằm ngồi, không hơn một thân, từ đó mà xét cần gì tìm cầu cho nhiều mà không thấy đủ. Ngôi vua sở dĩ được tôn quý là vì hễ ban lệnh ra thì ai ai cũng kính cẩn làm theo, chỉ có điều đó là khác hẳn người thường. Vua lại nói với Phụ tướng: Điều ta mong muốn chỉ có một việc này, nay ta giao phó vận nước cho ông, ông phải sợ quả báo đời sau, phải dùng chánh pháp cai trị đất nước. Việc thu thuế phải dựa đúng pháp chế xưa nay, chớ thu quá nặng. Và vua nói kệ:

*Ta tuy sanh vương cung,
 Nói nghiệp của tiên tổ
 Nhưng ta chưa từng học,
 Việc bắt tội chém giết
 Nay ta rất hoảng sợ,
 Không thể làm việc này
 Ông đừng bắt chước ta,
 Hãy chăm lo dân chúng
 Người đời đều ngu si,
 Tự tạo muôn tội lỗi
 Đối với kẻ phạm tội,
 Càng sinh sợ hãi hơn
 Ông phải dùng chánh pháp
 An ủi cho không sợ
 Phải dựa vào chánh pháp,
 Mà dân dấy muôn dân.*

Nói kệ xong, vua liền giao đất nước cho Đại thần. Sau khi có được đất nước, chỉ trong hai năm, Đại thần này đã phóng túng vô độ, không thương xót muôn dân. Ông phóng tâm buông ý, ngày lại ngày làm rất nhiều việc phi pháp. Vinh hoa, ngôi vị quá cao làm ông sinh ra ngạo mạn, làm nhiều điều bạo ngược, tổn hại đến muôn dân, cướp đoạt của cải của người giàu có trong thành. Lúc đó, dân chúng trong thành đều

can ông không nên làm như thế. Ông nghe những lời trung thực ấy càng nổi sân hận. Ông đùng đùng nổi giận quát: Các người dám phát ngôn những lời ấy ư!

Mọi người thấy vậy hoảng sợ, chẳng còn ai dám nói gì với ông. Từ đó, càng ngày ông càng làm những việc vô đạo, như lửa gặp phải củi khô, ngọn lửa ngày càng dữ dội. Ông hoang dâm bạo ngược, trái đạo vua tôi, đến như người vợ của vua, ông cũng muốn cướp lấy. Phu nhân thấy vậy buồn tủi rơi lệ đến thưa với vua. Bà uất ức nghẹn ngào, nói không thành lời, khó khăn lắm mới kể được hết đầu đuôi cho vua nghe. Nhà vua nghe xong, liền triệu Đại thần ấy đến và nói: Đến như phi hậu của ta mà người còn không tha, làm việc trái đạo, huống gì là muôn dân. Từ nay về sau, người chớ làm những điều vô đạo ấy nữa!

Phụ tướng kia thấy vua đã ghét mình, muôn dân trong nước cũng chán ghét, ông ta liền bỏ nước trốn sang nước khác, dẫn vua và binh lính nước này về tấn công nhà vua. Nhà vua cùng các vị Phụ tướng, cận thần dẫn binh ra đón đánh, phá tan giặc phản, bắt sống vị Đại thần kia. Các vị cận thần tâu với nhà vua:

- Kẻ đó giết hại nhà vua. Bèn dẫn đến tày vua xử lý. Lúc ấy vua thấy Đại thần kia, nét mặt biến sắc tướng trạng sợ sệt, xấu hổ. Vua nói: Lạ thay! Việc sống chết! Vua liền nói kệ:

*Ngu si che tâm trí,
Chẳng biết khổ lớn sau
Chỉ vì chút lợi nhỏ,
Nay phải chịu xấu hổ
Như trong thức ăn ngon,
Gồm đủ các hương vị
Trong ấy có thuốc độc,
Kẻ ngu chẳng xem kỹ
Ham ngon nên ăn vào,
Ăn xong thì thành bệnh.*

Vua nói với các Phụ tướng, đại thần: Tội lỗi kẻ ấy đương nhiên là quá nặng, nhưng theo ý ta, ta không muốn bắt tội. Nhà vua nói kệ:

*Ai nấy đều tham sống,
Nay ta xá tội cho
Đừng nên giết kẻ khác,
Sẽ cảm thấy an lạc
Kẻ phạm tội quá nặng,
Ta nên sinh lòng từ*

*Họ tự chuốc tội lỗi,
Ta nên xót thương họ
Nếu như giết kẻ kia,
Tự hủy lòng nhân từ.*

Các vị Đại thần đều tâu: Hôm nay chúng thần dù trái lệnh vua, cũng phải giết chết kẻ này, không thể dung tha hãn. Nói rồi, họ rút kiếm chém người ấy ngay trước mặt nhà vua. Nhà vua thấy vậy càng sinh tâm nhàm chán. Nhìn cảnh tượng trước mắt, nhà vua thấy rõ tâm tu hạnh nhẫn nhục của mình trong quá khứ. Ngay lúc ấy, bỗng nhiên nhà vua chứng đạo quả Bích-chi Phật, chẳng khác nào hoa Ưu-bát-la nở rộ. Nhà vua liền bay bổng lên hư không, tất cả quần thần chấp tay chiêm ngưỡng.

Bích-chi Phật nhàm chán sinh tử, chứng được đạo quả diễn ra như vậy.

Quốc vương Ba-la-nại nói: Những gì ngày nay ta có, đều do phước báo trì giới. Nhà vua nói kệ:

*Ta tuy đeo anh lạc,
Nhưng tâm tu Phạm hạnh
Giữ mình điều phục căn,
Đạm bạc thường tịch tĩnh
Với tất cả mọi người,
Đều vứt mọi dao gậy
Ta một mình tu hành,
Như Tê giác đi riêng.*

Nói kệ xong, vua cạo tóc xuất gia. Bấy giờ, Tịnh Cư thiên liền dâng ca sa. Nhà vua nường hư không, bay thẳng vào Tuyết sơn. Trong núi có vị Bích-chi Phật hỏi nhà vua:

- Ông ở ngôi vua, nhàm chán việc gì mà tỏ ngộ Đạo quả này?
Nhà vua liền nói kệ trên để trả lời.

Do vậy, vì những người không thể tu hạnh nhẫn nhục, nên Như Lai nói Nhân duyên nhẫn nhục, vì những người ưa gần nơi ồn náo, nên Như Lai nói Nhân duyên không nên ưa gần nơi ồn náo; vì những người muốn hiểu công đức của Bích-chi Phật, nên Như Lai nói về Nhân duyên của Bích-chi Phật. Phật đã diễn nói Nhân duyên Bích-chi Phật này ở Thiện pháp đường cho chư Thiên nghe. Tại cõi trời Ba mươi ba, Phật đã làm cho chư Thiên sinh tâm nhàm chán việc ác, nên diễn nói Nhân duyên Bích-chi Phật này. Ở thành Tỳ-xá-ly, Đức Phật diễn nói việc xả thân nhập Niết-bàn. Hiện nay, nơi ấy vẫn còn một Bảo tháp tên là Ưu-đà-da.

2. Phụ tướng Tô Ma chứng ngộ quả Bích-chi Phật

*Kiên trì giữ giới không phá hạnh
 Những người có trí được giải thoát
 Chẳng học người khác, chẳng phiền ai
 Một mình bước đi như Tê giác.*

Tôi từng được các vị Tiên đức kể cho nghe: Thời Đức Phật Ca Diếp, có một vị Tỳ-kheo trong mười ngàn năm, tu hành phạm hạnh, tọa thiền được sức nhẫn nhục, tu trì giới cấm, xa nơi ồn ào, hành hạnh Đầu đà. Lúc mạng chung, Tỳ-kheo này sinh lên cõi trời, hưởng thọ năm thứ dục lạc. Tuổi thọ cõi trời hết, Tỳ-kheo ấy thác trong thai của phu nhân Phụ tướng Đề Bà ở thành Bà-kiều-đa. Bấy giờ, Phu nhân nói kệ thưa với chồng:

*Nay thiếp mang thai
 Lòng rất thanh thản
 Chắc người có phước
 Đến làm con ta.*

Từ đó phu nhân thường sinh lòng thương xót người khác. Bà lại nói với chồng: Thiếp ngày nay đã dứt tâm phóng túng, đã không còn ham muốn, giống như ngọn núi lớn Ma-lê có thể làm dứt sóng cuồng trong biển, lòng ham muốn của thiếp ngày nay cũng giống như vậy. Thiếp nay sợ nói dối, nên thường nghĩ đến lời thật, chẳng khác nào người lương thiện sợ đánh mất đi công đức của mình, thiếp nay cẩn thận, sợ hãi cũng giống như thế. Thiếp nay thấy rượu như thấy thuốc độc, sợ tài sản người khác như sợ lửa dữ. Do vậy, từ nay thiếp sẽ xa lìa những việc xấu ác, đó đều là nhờ phước đức của đứa con mà thiếp đang mang thai. Thiếp xin lấy việc xả bỏ dâm dục làm niềm vui cho chính mình.

Khi ấy, Phụ tướng Đề Bà nói với vợ: Nay ta sẽ để cho nàng được tự tại tu hành năm giới.

Từ đó, phu nhân phát tâm tu hành, làm rất nhiều việc thiện. Đủ mười tháng, phu nhân hạ sinh một bé trai, ông bà đặt tên con là Tô Ma.

Tô Ma ngày một lớn khôn. Tất cả kinh luận, cùng sáu mươi bốn thứ kỹ nghệ đều tinh thông. Tướng mạo tuấn tú, đoan nghiêm chẳng khác trăng tròn, thường làm cha mẹ rất vừa lòng, mãn nguyện. Thấm thoát, Tô ma đã đến tuổi trưởng thành. Một hôm, cha Tô Ma thưa với Quốc vương, rằng mình đã già yếu, xin vua cho nghỉ làm quan để được tu hành, tích phước cho đời sau.

Quốc vương đáp: Ta nay không cản trở việc ông tu hành, nhưng

ông phải đem con ông là Tô Ma giữ chức vị của ông, gánh vác công việc của ông để ông tu hành.

Phụ tướng nghe xong vô cùng vui mừng. Thế rồi, Quốc vương sai Tô Ma làm Phụ tướng, ban thưởng phong tước càng hơn cha mình. Giống như Đại thần Ngưu Vương ngày xưa, Tô Ma cũng là người hay được tất cả người nữ yêu mến. Bấy giờ, phu nhân của Quốc vương say đắm Tô Ma. Bà nói với Tô ma:

- Nếu khanh chiều theo ý ta, ta có thể làm cho muôn dân trong nước và cả Quốc vương đều theo khanh, hơn nữa ta không để khanh thiệt thòi sẽ cung phụng không khác Quốc vương. Khi đó, Tô Ma kiên quyết chối từ, chẳng hề khiếp sợ, dùng kệ đáp:

*Hãy nghe tôi nói,
Xin đừng oán trách
Tôi nghe lời này,
Như con ngựa gầy
Sa vào vũng bùn,
Chẳng ngoi lên được
Như ngựa vào trận,
Không tiến lên nổi
Tôi thấy vợ người,
Tình không đắm nhiễm
Chẳng nổi ham muốn,
Như sen ban đêm
Tôi thường kính người,
Như kính mẹ mình
Huống gì phu nhân.
Tôi rất kính trọng
Tâm tôi kiên trì,
Kính thờ, tôn quý
Giữ đạo bề tôi,
Không thể trái nghịch
Hơn nữa trong tôi,
Lúc tình phát khởi
Hễ thấy phụ nữ,
Tự nhiên tiêu tan
Dòng nước dữ kia,
Có nhiều sóng cuồn
Tôi như nước thu,*

*Tự nhiên trong sạch.
 Bấy giờ phu nhân.
 Tâm tự nhủ thầm
 Nếu gã bỏ ta.
 Xem thường ý ta
 Ta sẽ không tha,
 Mà gièm pha gã
 Rồi bà thưa vua:
 Phụ tướng Tô Ma
 Thường dấy tâm tà
 Muốn làm nhục ta.*

Khi đó, Quốc vương nghi hoặc, muốn làm rõ việc này là thật hay giả. Hôm ấy, Tô Ma đi ra vườn, thấy hai con bò mang ách cày bừa, trông rất cực nhọc. Tô Ma thấy vậy sinh tâm nhằm chán việc ác.

Quốc vương vốn tin những lời gièm pha của phu nhân, nên hôm ấy sai người đến giết Tô Ma. Lúc này, Tô Ma cảm thấy thân mình như bị một mũi tên bắn vào tận xương, liền suy nghĩ: Lúc con người giàu sang, muôn cái đẹp mình yêu thích đều có ngay trước mắt, như thuốc độc trộn lẫn trong thức ăn có muôn mùi muôn vị, nếu ăn vào ắt sẽ mất mạng, như người tham mùi vị của năm thứ dục. Ví như ngôi nhà bằng vàng bị lửa thiêu cháy, con người mê đắm sắc, ắt bị sắc dục làm hại, đến lúc mạng chung thân tâm bán loạn. Rồi Tô ma tự an ủi mình và suy nghĩ: Ta giữ tịnh giới không hề khuyết phạm, ta giữ giới chẳng khác Trâu mao yêu mền đuôi mình. Ta giữ giới cấm, giống như người nghèo được kho báu, cần phải ra công giữ gìn, và nói kệ:

*Đường ác đầy chông gai.
 Ta đã qua được rồi
 Ta gặp việc nguy khốn,
 Giữ giới mà chẳng phạm.
 Giống như nước thủy triều,
 Không vượt quá kỳ hạn
 Ta nay giữ gìn giới,
 Việc ấy cũng như thế.*

Bấy giờ, chư Thiên và các Thiện thần thấy phụ tướng lập thế nguyện như vậy, ai nấy đều vui mừng. Lúc đó, quỷ ác liền nhập vào phu nhân, phu nhân phát điên. Trước mặt Quốc vương phu nhân bị quỷ nhập, nói kệ:

Tôi nay tự phá hoại,

*Thân tôi phải chịu chết
 Người kia vốn lương thiện
 Xin đừng làm tổn thương.
 Tôi là kẻ ngu si
 Miệng thối núi Tu-di
 Núi chẳng hề dao động
 Người kia không hạnh uế
 Chỉ do tôi phỉ báng.*

Khi đó, Phụ tướng Tô Ma đang ở trong vườn tư duy nhằm chán việc ác và chứng quả Bích-chi Phật, bèn bay bổng lên hư không, râu tóc tự rụng. Tịnh Cư Thiên liền dâng Ca sa. Lúc này mọi người khuyên thỉnh ngài đừng bỏ họ mà lên cõi Trời Bích-chi Phật. Phải dùng bài kệ trên trả lời họ, rồi bay thẳng vào Tuyết sơn. Tại đây, Phụ tướng Tô Ma gặp một vị Bích-chi Phật, Ngài cũng đem sự việc này kể lại cho Bích-chi Phật kia nghe.

3. Nhân duyên chứng ngộ quả Bích-chi Phật của Đại thần Nguyệt Ái

*Thủy triều không quá hạn
 Trâu Mao chết vì đuôi
 Như trăng, tánh vốn lạnh
 Không thể biến thành nóng.
 Người điều phục các căn
 Giữ giới cấm cũng vậy
 Đó là đi một mình
 Chẳng hề khác Tê giác.
 Các Đại Sư ngày xưa
 Lăn lượt truyền trao nhau
 Con nghe từ Tiên đức
 Nay muốn xin diễn bày.*

Vào thời quá khứ, có vị Bích-chi Phật tên là Nguyệt Ái đến nước Bà-già-bà nơi Phật Ca Diếp ở, trông các căn lành, tu trì giới cấm, thường dùng trí tuệ quán chiếu các ấm thấy đều vô thường, nhưng vẫn chưa chứng đắc đạo quả Sa-môn. Người này mạng chung, sinh lên cõi trời, nhờ sức công đức tu tập ấy nên được hưởng những thú vui trên trời. Tuổi thọ cõi trời hết, người ấy sinh xuống nhân gian, thác sinh vào nhà một Đại Trưởng giả trong nước Chiêm-bà, Vừa mới sinh ra, ngài đã lanh lợi, thường lấy giới luật để tự sửa mình, hạnh lành của ngài vượt hơn các

bạc lão túc, nhưng ngài không tự phụ, không đố kỵ, hiềm nghi. Nếu có tiền của, đều đem phân phát cho người nghèo, bao nhiêu của cải ngài đều đem chia cho mọi người, bản thân mình lấy giới làm chuỗi anh lạc để tự trang nghiêm. Sau khi cha mất, ngài quản lý gia nghiệp. Muôn dân trong thành thấy ngài cao thượng, họ đều kính tín như bậc trưởng thượng. Đến tuổi trưởng thành, ngài khôi ngô tuấn tú, hết thủy phụ nữ ai thấy cũng yêu thương. Những khách lái buôn thấy ngài thật thà, đều đến kết bạn.

Bấy giờ có một lái buôn từ phương bắc đem rất nhiều ngựa tốt đến nước Chiêm-bà. Quốc vương Chiêm-bà bỏ tiền mua hết. Quốc vương bao ngược, chẳng theo chánh pháp, ông tự nghĩ: Tại sao ta không trả giá trước rồi hãy mua! Rồi vua họp đám nin thần lại, bàn bạc việc này. Nin thần tâu vua: Nếu phải trả tiền thì quốc khố hết sạch. Vua nói: Nếu ta lấy ngựa mà không trả tiền thì tiếng xấu của ta sẽ lan truyền khắp thiên hạ, hết thủy thần dân trong nước sẽ oán ghét ta, mà khách buôn khắp nơi cũng sẽ không đến đây buôn bán. Đám nin thần lại tâu: Nay xin tính kế cho nhà vua, chúng ta không cần trả tiền mà vẫn lấy được ngựa, đồng thời tiếng xấu không lọt ra ngoài, muôn dân cũng không oán ghét. Nay trong nước ta có Đại thần Nguyệt Ái là người ai nấy đều tin tưởng kính trọng, nếu đám lái buôn tới, nhà vua chỉ cần nói, ta đã sai Nguyệt Ái đem tiền đến trả các ông rồi. Gã lái buôn kia có vạn con ngựa, trị giá vạn đồng vàng, nếu nhà vua nói Đại thần Nguyệt Ái đã trả tiền rồi, thì muôn dân trong nước đương nhiên cũng sẽ sanh nghi, có thể họ nghi ngờ nhà vua, cũng có thể họ nghi ngờ Nguyệt Ái. Như vậy tiếng xấu của nhà vua đâu có lan xa, mà dân chúng làm sao oán ghét vua được.

Những người buôn ngựa đến vua đòi tiền để còn về nước. Nhà vua đáp: Ta đã sai Đại thần Nguyệt Ái giao tiền cho các ông rồi kia mà, sao lại còn đến đòi nữa! Các người lái buôn đều tâu với vua: Đại thần Nguyệt Ái có đến, nhưng không phải đến giao tiền, ông ấy là người thật thà đáng tin, thà bỏ thân mạng chứ không bao giờ chịu nói dối là đã trả tiền cho chúng tôi, và người buôn ngựa nói kệ:

*Giả sử trăng phun lửa
Mặt trời thành giá băng
Cát bụi thành dầu mỡ
Khuấy nước lã thành tô (váng sữa).
Trong lửa sinh hoa sen
Muốn khiến Nguyệt Ái kia*

*Làm đối trá, nói dối
Trợn không bao giờ có.*

Những người lái buôn lại tâu với nhà vua: Nay giữa thanh thiên bạch nhật, hãy mời Nguyệt Ái đến đối chứng, nếu Đại thần Nguyệt Ái nói đúng như lời nhà vua, rằng đã giao tiền cho tôi, thì tôi không hối hận. Bấy giờ, vua triệu Nguyệt Ái đến và nói: Trước đây không phải là ta đã đưa tiền cho ông, bảo ông hãy giao cho những người buôn ngựa rồi ư? Và nhà vua nháy mắt có ý bảo ngài nói có, và dọa: Nếu người không theo ý ta thì người phải chết.

Lúc đó, Đại thần Nguyệt Ái suy nghĩ: Nay ta nói thật hay phải làm theo lời vua? Và Ngài nghĩ tiếp: Nay ta giữ pháp thân hay giữ nhục thân? Và Ngài quyết định: Thà bỏ thân này chứ không chịu bỏ giới cấm, pháp thân, rồi Ngài nói kệ:

*Tôi nay tự suy nghĩ
Ở trong hai thân này
Nên xả bỏ thân nào
Tôi lại quán xét kỹ.
Thà bỏ thân ô uế
Trợn không bỏ giới luật
Nếu phải bỏ Pháp thân
Tiếng xấu sẽ truyền khắp
Tôi nay nếu làm lành
Ắt được người giúp đỡ
Còn như tôi làm ác
Trong lòng ắt ăn năn
Tâm chẳng được an vui
Bỏ thân ô uế rồi
Tất sẽ đọa địa ngục
Tự phá hủy giới hạnh
Trợn chẳng được an lạc
Chỉ vì ham một thân
Mà bỏ vô lượng hình
Nếu giữ gìn giới cấm
Vô lượng thân an lạc
Do vậy tôi cần phải,
giữ gìn cho Pháp thân
Đừng để bị hủy hoại
Vì lợi ích chánh pháp*

Phải dứt nói dối ngay.

Đại thần Nguyệt Ái tâu vua: Xin vua khai ân, mong đừng giận tôi, tôi thật không nhớ đã nhận tiền lúc nào.

Nhà vua đùng đùng nổi giận, vỗ kiếm thét: Sao lại không có! Đại thần Nguyệt Ái chẳng hề run sợ, Ngài tự suy nghĩ:

*Thà chết vì Thánh pháp
Chẳng sống kẻ ngu si
Tất cả được sinh ra
Có ai mà chẳng chết
Nếu nay ta chịu chết
Vì pháp mà tan thân
Nhất định sinh cõi Trời
Cần gì phải hoảng sợ.*

Và Ngài trả lời nhà vua: Ngày nay, giả sử nhà vua chặt bửa thân tôi thành muôn ngàn mảnh nhỏ, tôi cũng không bao giờ xả bỏ giới cấm. Tôi nay sống trong đạo Tiên Thánh, nếu dùng lưỡi này nói dối, thì đó không phải là việc nên làm. Nếu nay tôi vì nhà vua mà nói dối, sau này sẽ đọa địa ngục, không nơi nương tựa.

Nhà vua nghe vậy xấu hổ, tâm sân hận dâng cao, ông trừng mắt nhìn Nguyệt Ái, cơn giận bốc lên như lửa dữ. Lúc này, Đại thần Nguyệt Ái thấy tâm mình rất hoan hỷ, đây chính là lúc mình sinh được định ý, là lúc mình nắm giữ được pháp, cần gì phải tìm kiếm đâu xa. Hôm nay nhà vua đã nói pháp cho mình nghe, khiến mình xả thân vì pháp, nay nhà vua quả là Thiện trí thức của ta. Suy nghĩ đến đây, Nguyệt Ái tỏ ngộ, chứng đắc quả vị Bích-chi Phật. Ngài bay bổng lên không, khiến cho người phá giới sinh tâm hổ thẹn, khiến người tu nghiệp thiện tăng trưởng tín hạnh. Do nói lời chân thật, nên hiện ra quả thật, từ trong không trung, râu tóc của Ngài tự rụng. Bấy giờ Tịnh Cư Thiên dâng pháp phục Ca sa. Ngài bay thẳng vào Hương Sơn cùng nhóm họp với các vị Bích-chi Phật khác và nói lại bài kệ trên.



LUẬN BÍCH CHI PHẬT NHÂN DUYÊN

QUYỂN HẠ

- Nhân duyên chứng ngộ Bích-chi Phật của Đại trưởng giả thành Vương-xá.
- Nhân duyên chứng ngộ Bích-chi Phật của Quốc vương Ba-la-nại là Nguyệt Xuất.
- Nhân duyên chứng ngộ Bích-chi Phật của Quốc vương Câu-xá-di là Đại Đế.
- Nhân duyên chứng ngộ Bích-chi Phật của Quốc vương Câu-xá-di.
- Nhân duyên chứng ngộ Bích-chi Phật của Quốc vương Ba-la-nại là Thân Quán.
- Nhân duyên chứng ngộ Bích-chi Phật của vị Thái tử con út Chuyển Luân Thánh Vương.

1. Nhân duyên chứng ngộ Bích-chi Phật của Đại Trưởng giả thành Vương-xá

*Ví như trong rừng rậm
Muốn kéo cây lớn ra
Cành nhánh làm trở ngại
Không cách nào ra được.
Tại gia như rừng rậm
Muôn việc như nhánh cành
Dù có muốn xuất gia
Cũng khó lòng làm được.
Ngồi yên nơi rừng hoang
Quán cảnh, tu tâm mình
Cốt thoát khỏi muôn duyên
Lìa xa mọi thân ái.*

*Riêng một mình tu hành
 Chẳng khác nào Tê giác
 Nhờ Tiên đức truyền trao
 Tôi nghe được việc này.*

Xưa có một vị Bích-chi Phật, ở vào thời năm Đức Phật trong quá khứ thường tu các việc thiện, làm một Ưu-bà-tắc, rất ham việc nhà, dù thấy chư Phật nhưng không cầu xuất gia, nhưng giới luật của người tại gia thì chuyên tâm giữ gìn, không mảy may phạm giới. Vào thời Phật Ca Diếp, Ngài xuất gia học đạo, tu hạnh Đầu đà, chỉ dùng sáu vật dụng của Tỳ-kheo, chán lìa mọi thứ dục lạc. Sau đó, Ngài mạng chung sinh lên cõi trời. Tuổi thọ ở cõi trời hết, Ngài sinh xuống nhân gian, đầu thai làm con của Đại Trưởng giả trong thành Vương-xá. Ông Trưởng giả này của cải vô lượng, kho đụn tràn đầy, giàu có chẳng khác Na La Cửu Phúc La, con của Tỳ Sa-môn. Thế rồi, Ngài đam mê việc nhà, con cái đến ba mươi người, kho tàng nô bộc cùng nhiều vô kể, rồi nào là việc dựng vợ gả chồng cho con v.v.. Ngài lo việc nhà đến nỗi quên cả việc tu tập. Vì việc nhà trói buộc, không bỏ nổi thế duyên, nào là nghe gia nô tâu trình, nào là nghe thân thích bệnh chết, nghe người này dựng nhà, người kia gặp họa thất nghiệp. Toàn nghe những lời đau thương như vậy, nên Ngài thường ưu sầu, đau khổ, chẳng khác nào cả trăm mũi tên đồng loạt bắn vào tim mình. Ngài cũng được nghe những lời tốt đẹp, an lành như khách buôn trong nhà vừa được lợi to, an ổn trở về, rồi con mình đưa thì sanh được con trai, đưa thì sanh được con có phước tướng v.v.. Khi nghe những việc này, Ngài lại thấy vui mừng. Cứ thế, nào lợi, nào hại làm Ngài vui buồn lẫn lộn, như người diễn trò quay cái bánh xe.

Một hôm, Ngài cùng người bạn thân đi thăm vườn ruộng, khi ngang qua một cánh rừng, Ngài thấy một tiều phu đốn một cây gỗ lớn, do cành nhánh quá nhiều, cây cối rậm rạp, đến nỗi dùng mấy con voi nhưng vẫn không thể kéo cây gỗ ra khỏi rừng được. Tiều phu lại đốn một cây nhỏ, không có cành nhánh, và một mình kéo ra, xem dễ như không. Khi thấy việc ấy, Ngài suy nghĩ: Hôm nay ta mới thấy được nhân duyên này, và Ngài nói kệ:

*Ta thấy chặt cây lớn
 Cành nhánh lá quá nhiều
 Muốn kéo khỏi rừng rậm
 Không cách nào kéo được.
 Thế gian cũng như vậy
 Các quyến thuộc nam nữ*

*Yêu ghét trời buộc tâm
 Trong rừng rậm sinh tử.
 Không thể nào giải thoát
 Cây nhỏ không nhánh cành
 Rừng rậm không cản trở
 Nhờ đây thức tỉnh ta.
 Cắt đứt mọi ân ái
 Trong rừng rậm sinh tử
 Tự nhiên được giải thoát.*

Khi đó, Ngài được chứng quả Bích-chi Phật ngay trong khu rừng ấy. Lúc này người thân nói với Ngài: Trời sắp tối rồi, nay ta về thôi! Ngài đáp: Ông về một mình đi, nay tôi đã cắt đứt mọi ràng buộc của gia đình! Người bạn thân hỏi: Vì sao lại cắt đứt? Ngài đáp: Ngày trước do luyến tiếc nên tôi mê đắm việc nhà, nay thì đã dứt sạch tâm tham luyến ấy. Con người ta tham luyến vợ con, quyến thuộc, con trẻ, cháu thơ, nuôi lớn ân ái. Như lúc thấy cha, con trẻ vui mừng, chạy tới ôm chầm, do luyến ái như vậy nên sanh lòng mê đắm. Còn tôi ngày nay đã cắt đứt tâm luyến ái vợ con, quyến thuộc, đến như những việc kinh doanh làm giàu, chi ra thu vào, nên cho thứ này, nên giữ vật kia, việc ấy nên làm, việc kia không nên v.v.. những việc như thế nay tôi không còn bận tâm nữa. Tôi đã bỏ cái vui dục lạc, được cái vui giải thoát, đã chặt đứt gốc ái, đã đóng chặt cửa các nẻo, trừ ám chướng lớn, con đở ngày nay đối với tôi chẳng khác oan gia. Tôi nay đã như vậy thì làm sao về lại nhà được!

Người bạn thân của Ngài trở về báo tin cho con cháu Ngài biết. Toàn thể trai gái già trẻ trong nhà nghe Ngài không về liền kéo đi thăm. Lúc họ đến, chỉ thấy cha mình mặc pháp phục Sa-môn, bay bổng lên hư không. Đám con liền thưa: Nay vì việc gì mà cha lại chán ghét quyến thuộc? Từ trên hư không, Ngài nói lại bài kệ đó để đáp lời con cái. Nói kệ xong, Ngài bay thẳng vào Tuyết Sơn, cùng nhóm họp với vị Bích-chi Phật khác. Sau đó Ngài trở về lại nơi mình đã chứng đạo và xả thân nhập Niết-bàn. Bấy giờ, quyến thuộc của Ngài dựng một Bảo tháp, đương thời người ta gọi tháp này là tháp Đa Tử, Phàm là người trí, thiện căn đã thuần thực, chỉ cần một nhân duyên nhỏ, liền được khai ngộ.

**2.Nhân duyên giác ngộ Bích-chi Phật của
 Quốc vương Ba-la-nại là Nguyệt Xuất.
 Vợ con, bạn, của cải**

*Lo lắng trong sống chết
 Ở yên với rừng sâu
 Giải thoát như Tê giác.
 Đức Thiện Thệ nói ra
 Truyền mãi đến thầy tôi
 Tôi được thầy truyền lại
 Nay xin được diễn nói.*

Xưa, vào thời Đức Phật Ca Diếp, có một vi Bích-chi Phật trong mười hai ngàn năm tu hành phạm hạnh, thường hành Nhẫn nhục thương xót chúng sinh, dù là giới nhỏ nhưng chưa hề phạm. Đến lúc mạng chung, Ngài sinh lên cõi trời. Tuổi thọ ở cõi trời hết, Ngài sinh xuống nhân gian, đầu thai trong nhà của Quốc vương nước Ba-la-nại. Ngài sinh vào đúng lúc trăng mọc, vì vậy có tên là Nguyệt Xuất.

Đến lúc trưởng thành, Ngài được lập làm Thái tử. Vua cha mất, Ngài lên kế thừa ngôi vua. Nhờ sức nghiệp thiện của đời trước, nên Ngài dùng chánh pháp để trị nước an dân, sai con của Phụ tướng quản lý mọi việc thống lĩnh nước nhỏ và gả con gái mình cho con của Phụ tướng.

Con trai của Phụ tướng là một người văn võ song toàn, có nhiều quyến thuộc nên thường cậy tài buông thả quá mức. Lúc này, con của Quốc vương rất thân với con của Phụ tướng, nhân đó con của Phụ tướng ngầm mở yến tiệc, mời Vương tử đến dự, đồng thời bàn mưu tính kế tranh ngôi và nói với Vương tử: Anh em trong dòng tộc của Ngài rất nhiều, mà người đời thường nghe lời của đàn bà, Phụ vương của Ngài một mai nằm xuống, thì những người mẹ kế của Ngài sẽ to nhỏ với nhà vua rồi đưa con mình lên ngôi. Từ đó mà xét, ngôi vua ắt sẽ không đến tay Ngài. Nay trong lúc ai nấy chưa biết ta nên toan tính trước đi. Phàm ngôi vua là ngôi cao quý nhất trong thiên hạ, là nơi an vui chẳng khác cõi trời, tất cả thần dân đều phải kính phục. Nếu Ngài làm Quốc chủ, dùng chánh pháp trị nước, thì sau khi mạng chung, Ngài sẽ sinh lên cõi trời. Như miếng thịt ngon ai cũng muốn ăn, ngôi vua cũng như vậy, không ai chẳng mong muốn, và con của Phụ tướng nói kệ:

*Thí như nước chưa đến
 Nên lo làm cầu đường
 Một mai nước dữ tới
 Không thể nào làm kịp.
 Ngôi vua cũng như vậy
 Phải nên toan tính trước*

*Nắm chắc trong tay mình
 Tức mới thấy yên tâm.
 Anh em cùng ghét nhau
 Ngày sau đâu dễ giành
 Vương tử bèn suy nghĩ
 Như vậy người bạn này
 Đang muốn xô đẩy ta
 Vào trong hầm lửa lớn
 Hiện tại không an lạc
 Đời sau chuốc khổ lớn.*

Bấy giờ, Vương tử kể lại việc này cho vua cha nghe. Nhà vua nghe xong ùng ùng nổi giận, hai mắt trợn tròn, liền sai sứ giả tìm bắt con của Phụ tướng dẫn về khi mọi việc còn chưa ai biết. Lúc này, Vương tử nghe con của Phụ tướng đến, Ngài ra đón tiếp. Sau khi gặp xong, Ngài quá lo lắng và ngã bệnh. Sứ giả về tâu nhà vua rằng Vương tử bệnh nặng, tình trạng rất nguy ngập. Nhà vua nghe tin liền vội đến thăm. Thấy con mình bệnh tình quá nặng, mạng sống nguy khốn, toàn thân đau đớn, nhà vua liền suy nghĩ: Ngôi vua thật là họa lớn, thế mà con của Phụ tướng kia ngấm ngầm bày con ta làm nghịch mệnh trời, muốn làm kẻ trái đạo, nhưng ngôi vua của ta nói làm sao giành được. Con ta ngày nay, bệnh sắp mất mạng, tất cả thần dân đều sinh oán ghét. Từ đó mà xét, phải biết ngôi vua là nơi xấu ác vô cùng. Vì sao? Vì ngôi vua mà bỏ mất hạnh lành của mình, vì ngôi vua mà hại đến cha ông, những kẻ thân thích gây ra họa lớn vì tranh giành, đánh mất tâm hổ thẹn, gây lớn lòng kiêu ngạo, vì một chút lợi nhỏ mà chẳng sợ quả báo đời sau, và nhà vua nói kệ:

*Thieu thân vào lửa dữ
 Kẻ tham nước cũng thế
 Xét kỹ được và mất
 Việc nên làm, không làm.
 Chìm vướng trong quốc sự
 Chẳng được nơi an lạc
 Lúc suy nghĩ như vậy
 Thân tâm rất thanh tịnh
 Liền được tâm nhàm chán
 Chứng ngộ Bích-chi Phật.*

Lại có thuyết nói: Nhà vua thấy con mình lâm bệnh nặng, liền buồn rầu trở về cung. Lúc đó, có một Quốc vương láng giềng rất thân

với nhà vua vừa bị giặc loạn bức bách nên cho sứ đến xin viện binh. Nhà vua nghe xong, liền dẫn tướng sĩ đến cứu Quốc vương kia. Hai bên giao chiến dữ dội, giết người không gớm tay, đến nỗi mổ bụng đàn bà có mang, lôi thai nhi ra và giết. Tận mắt chứng kiến cảnh ấy, nhà vua phát khiếp, sinh lòng nhàm chán, và nói kệ:

*Tham chút lợi đất nước
 Trâm luân trong bùn dơ
 Ham muốn, giận dữ tăng
 Đánh nhau sinh thị phi.
 Cũng vì tham tài lợi
 Mà giết hại lẫn nhau
 Chẳng cầu thắng giải thoát
 Lại tàn diệt ngôi vua.
 Chẳng khác con thiêu thân
 Đâm đầu vào lửa chết
 Lạ thay! Trong sinh tử
 Toàn làm việc điên đảo.
 Chẳng đáp nghĩa sinh thành
 Lại gây bao họa khổ
 Như trên vách núi cao
 Có một chút mật ngọt
 Người ngu tham chút vị
 Chẳng biết khổ rơi xuống
 Tư duy như thế rồi
 Ngài chứng Bích-chi Phật.*

Lúc ấy, nhà vua nói với con: Con không nên nghe lời kẻ xấu, đừng nên làm cái việc phản nghịch. Nếu con trị quốc phải dùng chánh pháp dạy dỗ muôn dân. Nay cha sẽ đem vận nước giao phó cho con. Cha sắp đi đây!

Vương tử, Phụ tướng và hết thảy quyến thuộc nghe nhà vua nói vậy, đều buồn thương rơi lệ. Vương tử vòng tay hỏi vua cha: Bây giờ cha định đâu đâu?

Lúc ấy, nhà vua bay bổng lên hư không, đứng trên ngọn núi cao, nói kệ như trên, thân mặc pháp phục, hiện mười tám tướng biến hóa. Muôn dân thấy vậy vui mừng khôn xiết. Thí như con ngựa đã thuần phục, chỉ cần thấy bóng roi là ngoan ngoãn thuận theo, người trí cũng như vậy, thấy người khác chịu khổ, trong tâm liền khiếp sợ mà lo sửa mình.

3. Nhân duyên chứng ngộ quả Bích-chi Phật của Quốc vương Câu-xá-di là Đại Đế.

*Cha mẹ và vợ con
Lúa thóc, vải, tiền của
Người trí quán xét kỹ
Xem như kẻ qua đường.
Xả bỏ hết ái dục
Đi riêng như Tê Giác
Xưa tôi nhờ Thầy truyền
Mà nghe được việc này.*

Thuở xưa, trong thời Phật Ca Diếp, có một vị Tỳ-kheo thông minh lanh lợi, nhu hòa nhẫn nhục, hàng ngày ngài thường quán sát thể tính chân thật của các pháp. Đó là quán các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, như cây chuối đến thời kỳ khô rục, như huyễn như mộng, như bọt nước nổi tan. Ngài thường khéo quán sát như vậy mà tu tâm mình. Đến lúc mạng chung, được sinh lên cõi trời. Phước thọ ở cõi trời hết, ngài sinh xuống nhân gian, đầu thai làm con của Quốc vương thành Câu-xá-di, tên là Đại Đế. Khi vua cha mất, Đại Đế nối nghiệp cha mình, kế thừa ngôi vua. Cũng như những vua trước, ngài chuyên tu giới hạnh, dùng chánh pháp cai trị muôn dân. Bấy giờ, trong thành có một Đại Trưởng giả, của cải vô lượng, vốn là bạn thân của ngài từ nhỏ.

Đại Trưởng giả ấy bỗng mang bệnh nặng, nhà vua nghe tin đích thân đến thăm. Thấy Đại Trưởng giả thân hình tiêu tụy, nhà vua xót thương, cúi đầu buồn bã. Bấy giờ, Đại Trưởng giả dùng bình bằng bảy báu đựng đầy vàng ròng, dâng cho nhà vua. Vua bảo Trưởng giả: Ông bệnh nặng, mạng sống nguy cấp phải chăng! Trưởng giả đáp: Xin nhà vua thương xót, hãy nghe tôi giải bày, và ông nói kệ:

*Nhà tôi giàu có lớn
Chẳng khác Tỳ Sa-môn
Tiếng khen và của cải
Bạn thân đều đông vầy.
Vợ con cùng quyến thuộc
Nô bộc và tùy tùng
Tôi đều thương mến họ
Đãi ngộ rất hậu hỉ
Tôi nay bệnh sắp chết
Chẳng có ai làm bạn
Nhà vua liền an ủi*

Lời này rất chân thật
Quyến thuộc và con ông
Của cải cùng kho tàng
Đến sức lực của ông
Voi, ngựa, xe, kẻ hầu
Dù nhiều tới như vậy
Chẳng ai cứu được ông
Chúng ta là bạn bè
Thấy ông chịu khổ nạn
Chỉ có lời an ủi
Ưu sầu rơi lệ thôi.
Dù mạng ông sắp mất
Cũng chẳng thể cứu được
Chỉ một người cứu ông
Đó là sức nghiệp thiện
Vua nhìn kỹ người bệnh
Trong tâm như được định
Tổ ngộ các khổ hoạn
Chúng sinh đều phải chịu
Tất cả loài hữu tình
Đều bị bệnh bức bách
Bệnh thường làm khổ người
Chẳng có tâm thương xót
Hết thấy người thế gian
Đều phải vào đường chết
Nhưng chẳng ai nhàm sợ
Đến như vợ con ta
Là quyến thuộc của ta
Là tài sản của ta
Họ thân thiết với ta
Ta kết bạn với họ
Vì ngu mê thành bệnh
Nghĩ cạn kẻ như vậy
Thật họa lớn trước mắt
Kẻ ngu mà không thấy
Người thân khắp xưa nay
Chẳng ai cứu ta được
Suy nghĩ như thế rồi

Ngài chứng Bích-chi Phật

Hàng thân thích quyến thuộc của nhà vua khi thấy nhà vua đắc đao, dứt bỏ việc đời, nổi đau đớn của ái biệt ly khổ giày vò tâm can khiến ai nấy ưu sầu khổ não. Bấy giờ, vị Bích-chi Phật ấy, bay bổng lên hư không, hiện mười tám tướng biến hóa và nói lại bài kệ trên.

Lại có thuyết nói: Lúc nhà vua này còn làm vương tử, một hôm Ngài vào trong vườn thấy đám người mù đuổi bắt nhau. Nghe Vương tử đến nghĩ là sẽ có thức ăn, nên ai nấy tranh nhau chạy tới. Bên đường có vực thẳm, do không thấy đường nên đám người mù có người bị rơi hố sâu, chết ngay tại chỗ. Có người bẻ đầu, có người gãy chân gãy tay, thân thể nát nhừ. Vương tử thấy những cảnh tượng đau thương ấy. Ngài sinh tâm nhàm chán và suy nghĩ: Cảnh tượng này đã thức tỉnh ta, đám người mù này biết đâu đã từng là người giàu sang, do phóng túng nên nay phải chịu khổ. Ta nay chứng kiến cảnh tượng này rồi cần phải suy xét kỹ việc làm của mình, không nên phóng túng. Và Vương tử nói kệ:

*Như lửa nung chảy vàng,
Kết thành chuỗi trang sức
Chuỗi vàng tuy quý thật
Trợn bị lửa nung chảy
Ngôi vua cũng như thế
Cẩn thận chớ phóng dật
Người mù thức tỉnh ta
Không nên dung túng mình
Không nên vì ngôi vua
Mà khởi tâm kiêu ngạo
Bức bách khiến muôn dân
Phải sinh lòng sầu não
Ngày sau tự chuốc khổ
Khổ gấp trăm ngàn lần
Đã thấy người chịu khổ
Làm sao mình thấy an
Họ là thầy của ta
Chỉ cho ta thống khổ
Suy nghĩ như thế rồi
Ngài chứng Bích-chi Phật.*

Bấy giờ, Vương tử ban phát hết tiền bạc của cải cho đám người mù. Ngài mặc pháp phục của Sa-môn bay bổng lên hư không, hiện vô số thần biến và nói với đám quyến thuộc: Ta nay do không bị sân hận,

sợ hãi làm cho khổ não, cũng không ghét các ông, ta bỏ thân thích, quốc thành, muôn dân, của cải, vật báu không phải vì chán ghét quyền thuộc, và Vương tử nói lại kệ trên.

4. Nhân duyên chứng ngộ Bích-chi Phật của Quốc vương Câu-xá-di

*Bỏ mọi thú vui đùa
Như ta bỏ đằm dãi
Nhẫn vui với xuất ly
Đoạn diệt mọi thống khổ
Dứt sạch tham ái si
Tâm ta được giải thoát
Do vì được giải thoát
Như Tê giác đi riêng
Từng được thầy chỉ dạy
Tôi nghe được việc này.*

Vào thời Phật quá khứ, có một vị Bích-chi Phật tu tập các thiện căn, lần thọ sinh sau cùng, Ngài đầu thai làm con của Quốc vương thành Câu-xá-di. Năm đó, nước này gặp phải đại họa hạn hán, gió lốc thổi tràn, lại có sao rơi. Quốc vương liền triệu quan Thái sử coi việc bói đoán đến và dùng kệ hỏi:

*Nạn này do duyên gì
Hạn hán chẳng có mưa
Bầu trời không đám mây
Mỗi ngày càng nắng gắt.
Loài chim ác ăn thịt
Như quạ, thừu, kên kên
Bay đầy trên bầu trời
Ai thấy cũng khiếp sợ.
Họ đều hỏi nạn này
Là do ai gây nên
Có thể khiến yêu dị
Tai họa kia như thế?*

Thái sử tâu: Theo như thần biết, muôn dân trong nước ắt đang bị những việc khổ não bức bách. Quốc vương hỏi: Phải cầu cúng giải nạn ở phương nào? Thái sử tâu: Nếu nhà vua muốn đất nước an ổn, phải làm đúng như lời thần, và ông nói kệ:

Nếu nhà vua nương ngời

*Cởi áo cho người khác
 Trong vòng đúng sáu tháng
 Áo rách mà xin ăn
 Tai nạn liền tiêu trừ
 Công đức cũng viên mãn.*

Bấy giờ, nhà vua làm theo lời Thái sử, bỏ ngôi vua giả làm kẻ ăn xin và đi khắp nước. Dần dần Ngài đến thành Bà-sí-đa, gặp phải lúc Quốc vương của thành khác đem binh đến đánh. Vì sự an nguy của đất nước, Quốc vương Bà-sí-đa liền đem binh chống giặc. Hai bên giao chiến ác liệt, hai Quốc vương đều chết. Các vị Vương tử của thành Bà-sí-đa lại nổi lên tranh giành, dốc sức đánh nhau. Tỳ La Tiên vương thấy vậy, than: Lạ thay! Ngôi vua! Và Ngài nói kệ:

*Ngôi vua tuy cao quý
 An lạc thật mong manh
 Tại sao phải làm vậy
 Chịu đủ mọi tai ương.
 Tranh giành rồi đánh nhau
 Gây biết bao nghiệp ác
 Như ruồi ham mật ngọt
 Dính vào đều mất mạng.
 Con người cũng như thế
 Vì tham chút vui nhỏ
 Đánh nhau tự hoại mình
 Ngôi vua thật tai họa
 Tích tụ bao khổ não
 Họa hoạn và hủy diệt
 Như uống nước nhiễm độc
 Chất độc làm tan thân
 Chỉ vì một thân mình
 Làm hại bao kẻ khác
 Kẻ ngu tham ngôi vua
 Vui ít mà khổ nhiều
 Ta từ nay về sau
 Trọn chẳng cầu vui này
 Lại trăm ngàn việc nước
 Đầy đầy sự lo sợ.
 An vui chỉ chốc lát
 Khổ lo lắng khôn cùng*

*Thí như nhà phết vàng
 Bị lửa dữ thiêu trụi
 Người trí sợ lửa dữ
 Nên chẳng vào trong đó
 Suy nghĩ như vậy rồi
 Ngài chứng Bích-chi Phật
 Do nhờ sức thần thông
 râu tóc tự nhiên rụng
 Liền làm thân Sa-môn
 Bay bổng lên hư không
 Rồi từ hư không ấy
 Ngài nói kệ như đây.*

Nói kệ xong, Ngài bay thẳng vào trụ xứ của các Bích-chi Phật trong Tuyết sơn. Bấy giờ các vị Bích-chi Phật ấy hỏi vì nhân duyên gì mà Ngài chứng đạo? Quốc vương liền đọc bài kệ này mà đáp.

5. Nhân duyên chứng ngộ Bích-chi Phật của Quốc vương Ba-la-nại là Thân Quân.

*Thú vui chơi ở đời
 Cùng ái ngã, ngã sở
 Cần phải buông bỏ hết
 Tâm ý được giải thoát.
 Các căn đều vắng lặng
 Một mình như Tê giác
 Xưa tôi nhờ thầy truyền
 Mà nghe được việc này.*

Thuở xưa, Quốc vương thành Ba-la-nại tên là Thân Quân, ông có hai người vợ. Quốc vương thương yêu cả hai người, hề vợ muốn gì, ông đều chấp thuận. Ông say mê hai người vợ chẳng khác con voi cuồng ở Hương Sơn, nếu mùi hương trên núi này bay đến núi Ma Lê thì nó liền theo mùi hương chạy đến đó đập phá. Hai người vợ ông thường ganh ghét nhau, người này dòm ngó người kia. Người vợ thứ hai đưa thuốc độc cho kẻ thân tín, bảo hãy đem dâng cho bà vợ thứ nhất. Người vợ này uống phải thuốc độc, chất độc quá mạnh nên sau đó thì chết. Người vợ thứ hai thấy vậy giả bộ sầu não, bứt tóc đấm ngực than khóc thảm thương, cả cung ai cũng cảm động. Quốc vương nghe tin vợ mất rất ưu sầu khổ não. Tả hữu của người vợ thứ nhất có người rất trung thành, thấy chủ chết, người ấy bứt hết những đồ trang sức quý giá trên người vất đi,

rồi lấy bùn đất xoa khắp thân. Do khí độc ngấm vào tim, người ấy bỗng phát điên, lúc nào cũng hoảng sợ như có bầy chim két, chim ưng đuổi bắt mình, như Kim sí điểu, chim Thấu làm kinh động cả Long nữ. Thế nữ trong cung thấy chủ chết, ai nấy cũng khiếp sợ như vậy. Trong cung lúc này tang tóc chẳng khác nơi nghĩa địa, như bụi đen che phủ hết ánh sáng, tả hữu đều nơm nớp lo sợ. Quốc vương nghe nơi vương cung sâu não như vậy, lòng thấy hoảng sợ. Ông vất bỏ long bào, mũ miện cùng đồ trang sức nơi thân rồi vào bên quan tài. Thấy đám thế nữ vô cùng đau đớn, Quốc vương càng sâu não, ông suy nghĩ rồi nói kệ:

*Ví như ánh mặt trời
Thieu hoa tươi thành héo
Cái chết làm con người
Mặt mày đều u ám.
Môi miệng bụi bám đầy
Mắt sâu, mũi, tóc hôi
Ca múa hình dung đẹp
Bây giờ như gỗ đá.
Lúc sống hay khiến ta
Đam mê và vui sướng
Vì sao đến lúc chết
Lại làm ta hoảng sợ
Sống chết ôi! Đáng ghét
Hôi hám chẳng hề sạch
Hư huyền như giấc mộng
Không thật như cây chuối
Không có tướng chắc thật
Giả tạm như bóng bọt
Tạm hiện như bóng nước
Người trí hay nhàm ghét.
Kẻ không biết xét suy
Thường sinh lòng đắm vướng
Ở ngay trong bất tịnh
Thường sinh ham thích thân.
Mê muội rồi chấp trước
Giống như kẻ ngủ mê.*

Suy nghĩ thế rồi, Quốc vương cho thiêu xác vợ. Người vợ thứ hai giấu kín tội ác của mình, vẫn ăn ngon ngủ yên nhưng lại giả vờ sâu não, trá hiện buồn thương, bảo mình muốn tuyệt thực. Nhưng cứ lo sợ tội ác

của mình bị phát giác, nên trong lòng bà thường lo lắng. Do quá lo lắng như thế nên bà ăn không tiêu và mang bệnh nặng. Quốc vương thấy vậy càng khổ não muôn phần, sinh tâm nhàm chán. Tất cả thống khổ đều do họa hoạn sinh tử gây ra. Quốc vương nói kệ:

*Người nữ hay sinh ái
Càng ngày ái càng nặng
Con người ai cũng vậy
Do ái sinh vui thích.
Trở lại sinh đại ác
Ái là gốc của khổ
Lúc thấy ái gặp nhau
Phải biết là vô thường
Người mà ta yêu thích
Đoan nghiêm và tráng niên
Một mai cái chết đến
Do vậy cần phải biết
Tại sao có ham thích?
Ai người có trí tuệ
Khi ân ái gặp nhau
Lại sinh lòng vui thích?
Sợ họa già, bệnh, chết
Vì thế ta hằng lia
Suy nghĩ như vậy rồi
Ngài chứng Bích-chi Phật.*

Nói kệ xong, Quốc vương mặc long bào, đeo anh lạc, bay bổng lên hư không. Từ trên hư không Ngài nói lại bài kệ này rồi biến thành Samôn, bay thẳng vào trú xứ các Bích-chi Phật trong Tuyết Sơn.

6. Nhân duyên chứng ngộ quả Bích-chi Phật của vị thái tử con út Chuyển Luân Thánh Vương.

Trong vô lượng kiếp về quá khứ, có một vị Chuyển Luân Thánh Vương sinh đủ ngàn người con. Đứa con út thấy cha ngồi Kim Luân Bảo bằng bảy báu, có bốn thứ lính tùy tùng, lại có đủ cờ xí, phướn lọng để trang sức, bèn hỏi mẹ: Khi nào con sẽ có đầy đủ những đồ trang sức đó?

Người mẹ đáp: Đến mục xương con cũng chẳng có được.

Ngài lại hỏi mẹ: Tại sao chẳng có?

Mẹ ngài đáp: chín trăm chín mươi chín người anh con sẽ lần lượt

được truyền ngôi, cứ theo thứ tự như vậy, thì ngôi vua để gì đến tay con.

Ngài liền suy nghĩ: Ta đã không được những đồ trang sức ấy, thì chắc sống đến chết, thân rã xương khô. Cứ thế Ngài suy nghĩ vô số họa hoạn sống chết như vậy, và bỗng nhiên chứng đạo Bích-chi Phật. Ngài bay bổng lên không, hiện bày mười tám tướng biến hóa. Người mẹ thấy vậy cầu xin Ngài đừng đi xa, hãy ở nơi khu vườn trong cung để bà cúng dường.

Bấy giờ, vị Bích-chi Phật nhận lời thỉnh của mẹ và ở trong khu vườn sau, ngày ngày nhận sự cúng dường, cứ thế trải qua nhiều năm. Ngày nọ, Ngài nhằm chán vì còn có thân, nên Ngài liền xả thân nhập Niết-bàn. Bà mẹ luyến tiếc, liền dùng củi thơm hỏa thiêu thân Ngài, thâu lấy xá lợi dựng trong bình báu và dựng tháp lớn ở ngay vườn sau để an trí xá lợi. Lúc này, Chuyển Luân Thánh Vương đi tuần du bốn thành và hỏi, người giữ vườn thưa nhà vua: Con út của nhà vua chứng đắc quả Bích-chi Phật, nhập Niết-bàn ở đây, người mẹ đã dựng tháp này để cúng dường.

Nghe vậy, Chuyển Luân Thánh Vương liền mời người mẹ đến hỏi: Con ta vì sao chết và tại sao lại dựng tháp này?

Người mẹ bèn tâu rõ mọi chuyện cho vua nghe. Nhà vua trách: Con ta muốn vậy, sao nàng không nói ta biết. Nay tuy nó đã nhập Niết-bàn nhưng ta vẫn dùng đồ trang sức của vua an trí trên tháp.

Do nhân duyên đó, nên trong vô lượng kiếp, nhà vua thường làm Chuyển Luân Thánh Vương, thức ăn tự nhiên có sẵn, phước ấy không khi nào cùng tận. Nếu ở trong sinh tử, nhà vua có hai ngàn năm trăm đời làm Chuyển Luân Thánh Vương và sau thành Phật, có đủ hai ngàn năm trăm lọng báu. Vua A-xà-thế cúng Phật năm trăm lọng báu, Tỳ-xá-ly Luật Xa Tử cúng Phật năm trăm lọng báu, Hải Long vương cúng Phật năm trăm lọng báu, A-tu-la vương cúng Phật năm trăm lọng báu. Thiên Đế thích cũng dâng Phật năm trăm lọng báu. Bấy giờ, Đức Thế Tôn chỉ không nhận một lọng báu. Vì sao? Vì chúng đệ tử đời sau nếu thiếu y phục, vật thực, thì nhờ phước lực của lọng báu này sẽ khiến cho Trời người tự nhiên phát tâm cúng dường. Do vậy, cần phải biết, phước điền của Thánh hiền rộng sâu vô lượng.



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

LUẬN THẬP NHỊ
NHÂN DUYÊN

SỐ 1651

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1651

LUẬN THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN

Tạo luận: Bồ-tát Tịnh Ý.

Hán dịch: Đời Hậu Ngụy, Tam Tạng Bồ Đề Lưu Chi.

*Quy mạng Đức Mâu-ni
Diệu pháp Tỳ-kheo Tăng
Lược soạn Luận Nhân Duyên
Vì để hiển bày nghĩa.
Đức Mâu-ni diễn nói
Mười hai phần thắng thượng
Pháp do Nhân duyên sinh
Được ba pháp thâm tóm.
Phiền não, nghiệp và khổ
Kế đó cần phải biết
Phiền não: một, tám, chín
Nghiệp gồm hai và mười.
Còn lại bảy là khổ
Ba thâm mười hai pháp
Từ ba lại sinh hai
Từ hai sinh ra bảy.
Từ bảy lại sinh ba
Cứ thế mà luân chuyển
Tất cả pháp thế gian
Chỉ nhân quả, không người.
Chỉ từ các pháp “không”*

*Chỉ sinh trong pháp “không”
Thí dụ đèn, ấn, gương
Mặt trời, chủng tử, nước
Các ấm chuyển, không chuyển
Người trí giỏi suy xét.*

Có đệ tử thành tựu, nghe được pháp gì thì nhận lãnh, thọ trì, khiến không quên mất pháp của Như Lai. Còn những nghĩa lý như: Sự, phi sự, tánh, tướng... trong lòng sinh nghi hoặc, vì muốn biết nên hỏi Tôn giả:

*Pháp Mâu-ni diễn nói
Mười hai phần thắng thượng
Pháp do Nhân duyên sinh
Được ba pháp thấu tóm.
Trong những việc như vậy
Tôi nay xin thưa hỏi
Mong giải thích cho tôi
Đoạn lười nghi cho tôi
Thầy biết ý đệ tử
Sinh lòng khát ngưỡng pháp
Nên cung kính cầu xin
Thầy đáp: Ông lắng nghe
Mười hai phần thắng thượng
Được ba pháp thấu tóm
Phiền não, nghiệp và khổ
Kế đó cần phải biết
Mười và hai trong ấy
Nên gọi là mười hai
Do phân nói không khác
Nên gọi là Thắng phần
Như phần của chiếc xe
Nên nói: phần thù thắng.*

Mâu-ni được gọi là Tịch Diệt, hay Vô Phân Biệt, còn gọi là Định hay Vô Ngôn thuyết. Những điều Đức Mâu-ni diễn nói, tuyên thuyết được gọi là Giả danh. Nó không phải do lúc bậc Đại nhân Trưởng phu nhập định, tánh tướng sinh ra, mà nó chỉ do nhân duyên sinh thành. Mười hai phần ấy, do ba pháp là Phiền não, Nghiệp và Khổ cùng làm nhân duyên với nhau sinh ra. Như chân bàn, cái bình, cái bàn, ba thứ này cũng làm nhân làm duyên cho nhau mà tồn tại.

Hỏi: Cái gì là phiền não? Cái gì là nghiệp? Cái gì là khổ? Mà được

hình thành gồm thâu trong những phần thù thắng nhân duyên này?

Đáp: Trong mười hai phần thù thắng này, đầu tiên là Vô minh, thứ tám là Ái, thứ chín là Thủ, thứ mười là Hữu do phiền não gồm thâu. Thứ hai là Hành, thứ mười là Hữu, hai phần này do Nghiệp gồm thâu cả. Bảy phần (bảy chi) còn lại do khổ thâu tóm. Phiền não, nghiệp và khổ, ba pháp này gồm thâu cả mười hai phần. Bảy phần còn lại gồm: Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Sinh, Lão tử. Các pháp sinh khổ như: Ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, oán tắng hội khổ v.v... mười hai phần vừa nêu, lấy phiền não, nghiệp và khổ làm nền tảng. Gồm thâu cả mười hai phần này chỉ do ba pháp ấy chứ không phải pháp nào khác. Trong tất cả các kinh chỉ nói đến phần này chứ không nói đến phần nào khác.

Hỏi: Nghĩa của các phần thù thắng đã biết rồi, còn như phiền não, nghiệp và khổ ở đâu? Vì sao nó hình thành tất cả các sự?

Đáp: Từ ba sinh ra hai. Ba là phiền não, hai là nghiệp, nghĩa là từ phiền não sinh ra nghiệp. Lại từ hai sinh ra bảy. Bảy là khổ, nghĩa là từ nghiệp sinh ra khổ. Từ bảy sinh ra ba, tức là từ khổ sinh ra phiền não. Ở đây nói: Phiền não, nghiệp khổ, ba thứ này tác động lẫn nhau, vì vậy nó luân chuyển không định rồi tạo thành Hữu. Hữu ở đây chỉ cho cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Trong ba cõi này bất định, dụ như bánh xe quay. Do có Hữu nên tất cả phàm phu chúng sinh sinh lên đọa xuống, qua lại không cùng. Hữu vốn bất định nên có ba cõi.

Hỏi: Nó tạo tác ra tất cả thân, tất cả chúng sinh, vậy nó dựa vào cái gì mà tạo tác ra?

Đáp: Trong bài kệ nói: Tất cả pháp thế gian, chỉ nhân quả không người, Vì muốn bỏ giả thuyết cho nên nói có. Điều này phải suy xét kỹ. Đây không nói về tánh, vậy nên thấy nó không tạo tác ra chúng sinh.

Hỏi: Nếu vậy, tại sao nói từ thế gian đời này nhận thế gian đời sau?

Đáp: Thậm chí chẳng có mảy may pháp nào từ thế gian đời này nhận thế gian đời sau. Do vậy bài kệ nói: Chỉ từ các pháp “không”, chỉ sinh trong pháp “không”. Đủ thấy ngã và ngã sở đều “không”. Nghĩa là hành tánh của năm pháp trong phiền não và nghiệp tách lia không có ngã, phải hiểu như thế.

Hỏi: Như nói: Tánh vô ngã trong pháp, mà tánh hành vô ngã, nay lấy gì làm chứng?

Đáp: Bài kệ nói: Thí như đèn ấn gương, mặt trời chùng tử nước những thí dụ đó đủ làm bằng chứng. Tin không có tự thể, tánh là giả danh, cho nên nói có. Đời hiện tại đời vị lai ở đây, thí như thầy đọc tụng nhưng

kỳ thật không phải từ thầy truyền cho đệ tử. Tuy không phải từ thầy truyền cho đệ tử nhưng há không phải là trao cho đệ tử đó sao! Có thể nói, đệ tử không nhờ truyền mà nhận được, đó cũng là ngăn ngừa cái họa chấp không có nguyên nhân. Như lúc lâm chung, tâm thức không đến thế gian đời sau, nói vậy là nhằm ngăn ngừa cái họa chấp thường. Thân đời sau không phải từ nơi khác đến, nói vậy là ngăn ngừa cái họa chấp không có nguyên nhân. Như thầy đọc tụng là nhân, khiến cho đệ tử lãnh thọ, như vậy không thể nói là chính là nó, mà cũng không thể nói là khác với nó. Lúc lâm chung, tâm thức là nhân rồi chuyển sinh qua tâm thức thân sau. Nhưng tâm thức ấy không thể gọi là một mà cũng không thể gọi là khác, không lia nó, cũng không phải là nó, như từ đèn sinh ra đèn, từ ấn in thành ấn, từ gương hiện ra bóng, từ tiếng sinh ra âm hưởng, từ mặt trời sinh ra lửa, từ hạt nảy ra mầm, từ quả me miệng tiết ra nước bọt. Như vậy không thể gọi là nó, mà cũng thể gọi là khác với nó. Tất cả pháp nhân duyên chuyển và không chuyển, người có trí đều giải suy xét.

Trung ấm ở đây chỉ cho sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Thác sinh qua thân kia thì ấm của thân này diệt. Ấm này diệt thì ấm kia tiếp tục sinh, nhưng sự thật không có mảy may pháp nào từ chỗ này đến chỗ kia. Đây là nghĩa lần lượt của thế gian. Từ nghĩa này, nên tất cả thế gian đều vô thường, bất tịnh, khổ, vô ngã. Nếu hay quán sát kỹ như vậy thì đối với các pháp sẽ không bao giờ sinh tâm nghi hoặc. Không nghi hoặc thì không nhiễm, không nhiễm thì không đắm chấp, không chấp trước thì không khát ngưỡng, không khát ngưỡng thì không tạo nghiệp, không có nghiệp thì không nhận lấy sự, không nhận sự thì không hành động, không hành động nên không thọ sinh lại, không thọ sinh lại thì không có tất cả sự thống khổ của thân và tâm. Như thế, không gây ra năm loại nhân thì cõi kia không có bảy loại quả. Hễ không có quả thì gọi là giải thoát. Hiểu được như vậy, thì đã giải thích xong nghĩa của chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, hữu biên, vô biên v.v.. Bài kệ tóm lược:

*Chẳng thấy vô duyên sinh
Nhất định là hiểu đúng
Trong muôn việc nhiệm mầu
Do vậy không thành đoạn
Trong ấy không có diệt
Và cũng không có tăng
Thấy chắc thật như vậy
Muôn hình đều như thế.*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

LUẬN DUYÊN SANH

SỐ 1652

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1652

LUẬN DUYÊN SINH

Tạo luận: Thánh giả Uất Lãng Già.

Hán dịch: Đời Tùy, Tam Tạng Đạt Ma Cấp Đa.

*Từ một sinh ra ba
Từ ba chuyển sinh sáu
Sáu, hai, hai lại sáu
Từ sáu cũng sinh sáu
Từ sáu có ra ba
Ba này lại có ba
Ba lại sinh ra bốn
Bốn lại sinh ra ba
Từ ba sinh nơi một
Một kia lại sinh bảy
Tất cả khổ trong đó
Mâu-ni nói đều gồm.
Mười hai loại sai biệt
Thiện tịnh nói là “không”
Do sức phần duyên sinh
Phải biết mười hai pháp
Không trí và nghiệp thức
Danh sắc căn ba hòa (hợp)
Tri, khát cho đến Thủ
Tập, xuất, thực, biên sau.
Phiền não: một, tám, chín
Nghiệp thứ hai và mười*

Còn lại bảy đều khổ
 Ba gồm mười hai pháp
 Một, hai là quá khứ
 Hai sau thời vị lai
 Tám còn lại: hiện tại
 Đây là pháp ba thời
 Não khởi nghiệp cảm báo
 Báo lại sinh phiền não
 Phiền não lại sinh nghiệp
 Do nghiệp nên có báo
 Là não nghiệp sao có?
 Nghiệp hoại báo không còn
 Không báo thì là não
 Cả ba đều tự diệt
 Năm phần nhân sinh quả
 Gọi là phiền não, nghiệp
 Bảy phần kia làm quả
 Phải biết bảy loại khổ
 Trong nhân “không”, không quả
 Trong nhân cũng không nhân
 Trong quả “không”, không nhân
 Trong quả cũng không quả.
 Nhân quả cả hai “không”
 Tương ứng với người trí
 Bốn loại phần trong đời
 Nhân quả hợp mà có
 Phiền não, nghiệp, quả hợp
 Niệm, dục thành sáu phần
 Do Hữu tiết gồm sáu
 Hai tiết và ba lược
 Nhân quả tạp thành tiết
 Ba tiết bốn tổng lược
 Hai, hai, ba, ba, hai
 Lúc khổ có năm pháp
 Hình thành cảnh thai tạng
 Chuyển sinh và lưu hành
 Mê hoặc phát khởi quả
 Báo theo quả là hai

Tương ứng với căn phần
 Một, một, ba, hai phần
 Quả nhiệt nã, nghèo thiếu
 Chuyển sinh quả theo dòng
 Tương ứng với phần khác
 Hai, một, một, một pháp
 Đây có mười hai loại
 Bằng lực duyên tự sinh
 Không chúng sinh, thân mạng
 Không động, dùng tuệ biết
 Không ngã, không ngã sở
 Không ngã, không nhân ngã
 Bốn loại vô trí “không”
 Phần khác cũng như vậy
 Đoạn, thường, là hai biên
 Đây chính là Trung đạo
 Nếu biết, đã thành tựu
 Biết Thế là chut Phât
 Biết rồi ở trong chúng
 Tiên Thánh nói vô ngã
 Ở trong kinh Thành Dụ
 Đạo sư nói nghĩa này
 Kinh Ca-chiên-diên nêu
 Chánh kiến và không kiến
 Kinh Phá La Cự Nhị
 Cũng nói “không” thù thắng
 Duyên sinh nếu biết đúng
 Biết “không” tương ứng kia
 Nếu không biết duyên sinh
 Thì không biết “không” kia.
 Nơi “không” nếu khởi mạn
 Tức không chán thọ nhiều
 Nếu không thấy như vậy
 Thì mê nghĩa duyên sinh
 Do chẳng mê duyên sinh
 Là mạn, biết nó “không”
 Và nàm chán thọ nhiều
 Chẳng mê nghiệp quả hợp

Tạo nghiệp, duyên sinh tiếp
 Đều duyên theo chỗ này
 Duyên “không”, nên có đây
 Nghiệp báo và thọ dụng
 Mười hai phần sai khác
 Trước đã nói Duyên sinh
 Phiền não, nghiệp, khổ kia
 Ba loại như pháp thân
 Trong ba sinh ra hai
 Trong hai sinh ra bảy
 Trong bảy lại sinh ba
 Cứ xoay vần như vậy
 Nhân quả nơi các đời,
 Không có chúng sinh khác
 Chỉ ở trong pháp “không”,
 Lại tự sinh pháp “không”
 Nương duyên sinh phiền não
 Nương duyên mà sinh nghiệp
 Nương duyên sinh ra báo
 Không đâu chẳng do duyên
 Tụng đèn, ấn, gương, tiếng,
 Mặt trời hạt giống, nước
 Nối tiếp không vượt, đảo
 Người trí xét cả hai

Luận Bản Duyên Sinh Tam Thập xong.

Nay tôi xin lần lượt giải thích bộ Luận Duyên Sinh Tam Thập này.

Từ một sinh ra ba,
 Từ ba chuyển sinh sáu
 Sáu hai, hai lại sáu
 Từ sáu cũng sinh sáu.

Từ một sinh ra ba: Một tức là vô trí. Vô trí này gọi là vô minh. Do không biết gì về khổ, tập, diệt, đạo nên gọi là vô trí. Vì vô trí tức có phước, phi phước, và bất động, đây gọi là ba hành, đến như thân hành, khẩu hành, tâm hành cũng đều từ đây chuyển sinh.

Từ ba chuyển sinh sáu, tức là từ ba Hành sinh ra sáu Thân thức, đó là Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

Sáu hai, tức là sáu Thân thức chuyển sinh ra hai loại là danh và

sắc.

Hai lại sáu, nghĩa là hai loại danh sắc ấy chuyển sinh thành Lục nhập, đó là nhãn nhập, nhĩ thập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập và ý nhập.

Từ sáu cũng sinh sáu, tức là từ Lục nhập kia chuyển sinh ra sáu xúc, đó là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, và ý xúc.

*Từ sáu có ra ba
Ba này lại có ba
Ba lại sanh ra bốn
Bốn lại sinh ra ba.*

Từ sáu có ra ba, tức là từ sáu Xúc chuyển sinh ra ba Thọ là lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Ba này lại có ba, tức là từ ba thọ chuyển sinh ra ba loại khát ái, đó là dục khát ái, hữu khát ái và vô hữu khát ái.

Ba lại sinh ra bốn, tức là từ ba loại khát ái này chuyển sinh ra bốn thủ, là dục thủ, kiến thủ, giới khổ hạnh thủ và ngã ngữ thủ.

Bốn lại sinh ra ba, tức là từ bốn Thủ chuyển sinh ra ba Hữu là Dục hữu, Sắc hữu và Vô sắc hữu.

*Từ ba sinh ra một,
Từ một lại sinh bảy
Tất cả khổ trong ấy.
Mâu-ni nói đều gồm.*

Từ ba sinh ra một, tức là nó lấy ba Hữu kia làm duyên sinh ra một chủng tử sinh trong đương lai.

Từ một lại sinh bảy, nghĩa là từ một loại sinh này sẽ có bảy loại là già, chết, ưu, sầu, khổ, não, khốn đốn.

Tất cả khổ trong đó, Mâu-ni nói đều gồm, nghĩa tức trong ấy bắt đầu là vô minh, kết thúc là khốn đốn, vô lượng thống khổ ấy, Đức Thế Tôn đã lược nói và đều có cả trong ấy.

*Mười hai loại sai biệt
Thiện tịnh nói là không
Do sức phần duyên sinh
Phải biết mười hai pháp.*

Mười hai loại sai biệt, Thiện tịnh nói là “không”: Nghĩa là cái vô trí này đều khác không xen tạp, có tất cả mười hai phần. Nó đều là tự tánh rỗng không phải nên chánh kiến. Như vậy những gì ở đây nói chỉ là pháp “không”, pháp không của tự tính, do sức phần của duyên sinh, nên biết mười hai pháp. Nghĩa là nếu thứ lớp của sức phần duyên sinh phải

biết có mười hai pháp. Tướng mê hoặc ở trong đó là vô minh. Tướng tích tập sẽ có là hành. Tướng thọ sinh phần, chuyển sinh là thức. Tướng danh thân, sắc thân hòa hợp là danh sắc, tướng an trí cho nhau là lục nhập. Tướng cộng tụ của nhãn sắc thức là xúc, tướng thọ dụng ái, bất ái là thọ. Tướng không chán đủ là khát Ái. Tướng chấp trì, thủ lấy là thủ. Tướng của danh thân, sắc thân là Hữu. Tướng xuất sinh ra năm chúng là Sinh. Tướng thành thực là Lão. Mạng căn dứt là Tử. Tướng bồn chồn là Ưu. Tiếng khóc than là Bi. Tướng của thân bị thiêu đốt là khổ. Tướng buồn phiền của tâm là Não. Tướng đau khổ, thiếu thốn cùng cực là khổn đốn.

*Vô trí và nghiệp, thức
Danh sắc căn, ba hòa
Tri, khát cho đến Thủ
Tập, xuất, thực, biên sau.*

Trong đây, vô trí là vô minh. Nghiệp là Hành. Thức ở đây là sự hiểu biết. Danh sắc là nơi nhóm tụ của năm chúng. Căn ở đây là Nhập. Ba hòa là xúc. Tri là thọ, khát là khát ái. Thủ là chấp trì. Tập ở đây là Hữu. Xuất tức là Sinh. Thực ở đây là Lão và biên sau tức là Tử.

Lại nữa, nay xin lần lượt giải thích các tướng sai biệt ấy, tại đây có nghiệp, phiền não và quả báo sai biệt.

*Phiền não: một, tám, chín
Nghiệp gồm hai và mười
Còn lại bảy đều khổ
Ba gồm mười hai pháp.*

Ba phiền não gồm Vô minh, Khát ái và Thủ. Nghiệp có hai, là Hành và Hữu. Bảy chi còn lại là quả báo, đó là Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Sinh, Lão tử. Mười hai pháp này bị ba thứ ấy gồm thấu hết. Lại có thời sai biệt:

*Một, hai là quá khứ
Hai sau là vị lai
Tám còn lại: hiện tại
Đây là pháp ba thời.*

Hai chi thứ nhất và thứ hai là vô minh và Hành thuộc về quá khứ. Hai chi sau cùng là Sinh và Lão tử thuộc về vị lai. Tám chi còn lại là Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Khát ái, Thủ, Hữu, tám chi này thuộc về hiện tại.

Lại nữa, mỗi mỗi phần đều theo thứ lớp cùng sinh:

*Não khởi, nghiệp cảm báo
Báo lại sinh phiền não*

*Phiền não lại sinh nghiệp
Do nghiệp nên có báo.*

Như trước đã nói, do phiền não nên có nghiệp, do có nghiệp nên có báo, rồi lại do có báo nên có phiền não, do có phiền não nên có nghiệp và do có nghiệp nên có báo.

Hỏi: Nếu phiền não hết, mỗi mỗi đều tịch diệt thì thế nào?

Đáp: *Lìa não, nghiệp sao có?
Nghiệp hoại báo không còn
Không báo thì lìa não.
Cả ba đều tự diệt.*

Nếu thân mình không nhiễm phiền não thì sẽ không tích chứa nghiệp. Nếu không tạo nghiệp thì không chịu quả báo. Nếu diệt được quả báo thì không sinh phiền não, như vậy cả ba đều tự diệt.

Đây là phần của nhân và quả:

*Năm phần nhân sinh quả
Gọi là phiền não, nghiệp
Bảy phần kia làm quả
Phải biết bảy loại khổ.*

Năm loại nhân được gọi là phiền não, nghiệp này đã nói trong đoạn trước, đó là: Vô minh, Hành, Khát Ái, Thủ và Hữu. Bảy loại quả chuyển sinh cũng đã nói ở đoạn trước. Bảy loại khổ gồm: Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Sinh, Lão tử. Nhưng cả hai nhân quả này đều không:

*Trong nhân “không”, không quả
Trong nhân cũng không nhân
Trong quả “không” không nhân
Trong quả cũng không quả
Nhân quả cả hai “không”
Tương ứng với người trí.*

(Trong bản Phạm chỉ có một bài kệ, nay chia thành một bài rưỡi).

Hai loại nhân quả ở đây nói đến, nếu trong nhân không có quả, trong quả không có nhân thì nhân là không nhân, mà quả cũng là không quả, trong bốn khoảng cách này sẽ tương ứng nhau. Ở đây lại có những phần khác:

*Bốn loại phần trong đời
Nhân quả hợp mà có
Phiền não, nghiệp quả hợp
Niệm dục thành sáu phần.*

Bốn loại phần nhân quả trong thế gian do hòa hợp mà có. Năm loại nhân, bảy thứ quả trong đạo hòa hợp, nay tóm lược chung thành bốn loại, theo thứ tự có bốn phần: Vô minh, Hành, hai pháp trong quá khứ là phần thứ nhất. Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ của hiện tại là phần thứ hai. Khát Ái, Thủ, Hữu cũng thuộc hiện tại là phần thứ ba. Sinh, Lão tử trong vị lai là phần thứ tư. Đây gọi là bốn loại phần. Phiền não, nghiệp, báo ba thứ này hòa hợp, theo thứ lớp thì trong hai thứ căn bản đó sẽ có sáu loại phần, trong đó do Vô minh gồm sáu. Cho đến Thọ lấy vô minh làm gốc thì do Khát Ái gồm sáu, Lão tử lấy Khát Ái làm gốc; trong gốc Vô minh, vô minh trở thành phiền não, Hành là nghiệp. Thức, Danh, Sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ là Báo. Trong gốc Khát, thì Khát Ái và Thủ là phiền não. Hữu là Nghiệp và Sinh, Lão tử là Báo.

Kế đến là tóm lược chung về Tiết phần:

*Do Hữu tiết gồm sáu
Hai tiết và ba lược
Nhân quả tạp thành tiết
Ba tiết, bốn tổng lược.*

Hữu tiết làm gốc, phát khởi ra hai tiết, đó là khoảng giữa giữa sinh và hữu là tiết thứ nhất. Khoảng giữa của Hành và Thức là tiết thứ hai. Hai tiết này đều là tiết của nghiệp quả. Trong thọ và khát ái, nhân quả xen tạp nhau là tiết thứ ba. Ba thứ tiết này lại làm thành bốn loại tổng lược. Hai phần Vô minh và Hành là tóm lược chung thứ nhất. Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ năm phần này là tóm lược chung thứ hai. Khát ái, Thủ, Hữu, ba phần này là tóm lược chung thứ ba. Sinh, Lão tử hai phần này là tóm lược chung thứ tư. Đây gọi là ba tiết và bốn tóm lược chung.

Trong các pháp lại có sự khác nhau của thời.

*Hai, hai, ba, ba, hai
Lúc khổ có năm pháp
Hình thành cảnh Thai tạng
Chuyển sinh và lưu hành.*

Hai, hai ở đây gồm: Vô minh, Hành gọi là hai, Thức, Danh sắc cũng gọi là hai. Ba ba gồm Lục nhập, Xúc, Thọ; Khát ái, Thủ, Hữu. Hai nữa là Sinh, Lão tử. Năm pháp này trong lúc khổ sẽ hình thành cảnh giới thai tạng, chuyển sinh và lưu hành ngay trong đó. Trong số này, phải biết hai loại Vô minh, Hành được gọi là chủ thể tạo tác trong lúc khổ. Hai loại Thức, Danh sắc được gọi là Thai tạng trong lúc khổ. Sáu Nhập, Xúc, Thọ, ba thứ này gọi là cảnh giới trong lúc khổ. Ba loại Khát

ái, Thủ, Hữu được gọi là nhân tố phát chuyển trong lúc khổ. Hai loại Sinh, Lão tử được gọi là xuất sinh trong lúc khổ.

Lại có quả khác nhau:

*Mê hoặc phát khởi quả
Báo theo quả là hai
Tương ứng với căn phần
Một, một, ba, hai phần.*

Như trước đã nói, vô minh làm gốc, khát ái làm gốc, trong phần thứ nhất của gốc vô minh, do mê hoặc nên phát khởi báo chuyển và hình thành bốn loại quả. Trong các phần một, một, ba, hai, tùy theo thứ lớp mà tương ứng. Trong đó, vô minh là quả mê hoặc. Hành là quả phát khởi. Thức, Danh sắc, Lục nhập là quả báo. Xúc thọ là quả theo dòng. Lại có những quả thấp kém hơn đây nữa.

*Quả nhiệt não, nghèo thiếu
Chuyển sinh quả theo dòng
Tương ứng với phần khác
Hai, một, một, một pháp.*

Như trước đã nói, trong Khát ái thứ hai làm gốc, thì Nhiệt não và Nghèo thiếu sẽ chuyển sinh ra quả theo dòng, và nó sẽ tương ứng với các pháp hai, một, một, một, trong ấy. Ở đây, Khát ái và Thủ là quả Nhiệt não. Hữu là quả nghèo thiếu. Sinh là quả Chuyển xuất. Lão tử là quả theo dòng. Như vậy sẽ hình thành tám quả.

*Đây có mười hai loại
Bằng lực duyên tự sinh
Không chúng sinh, không mạng
Không động, dùng tuệ biết.*

Như vậy, đầu tiên là Vô minh, cuối cùng là Lão tử, mười hai phần này do mạnh như nhau, nên mỗi duyên đều tự sinh, nhưng không có chúng sinh, không có thọ mạng, không có động tác. Phải dùng trí tuệ thấy đúng như vậy. Trong đó, không có chúng sinh vì nó không bền chắc, không có thọ mạng vì không có ngã, không có động tác vì không có người tạo tác.

*Không ngã, không ngã sở
Không ngã, không nhân ngã
Bốn loại vô trí không
Phần khác cũng như vậy.*

Trong không ngã không có trí, trong không ngã sở không có trí, trong không ngã không có trí, trong không nhân ngã cũng không có trí,

vì trong đó không có ngã, nên bốn loại vô trí này đều không. Bốn loại vô trí này đã “không”, cho nên các phần khác như Hành v.v.. cũng đều “không”.

*Lìa hai biên Đoạn, Thường
 Đây chính là Trung đạo
 Nếu biết đã thành tựu
 Biết Thế là chư Phật.*

“Có” là thuộc về Thường, “không” là thuộc về Đoạn. Cả hai biên này hễ duyên bên nào thì các Hữu sẽ chuyển sinh theo biên ấy. Lìa hai biên này chính là Trung đạo. Nếu là ngoại đạo vô trí sẽ rơi trong hai biên, còn như chư Phật Thế Tôn đã giác ngộ rồi thì sẽ biết rõ bản thể, có thể thành tựu ngay trong thế gian này chứ không phải ở đâu khác.

*Biết rồi ở trong chúng
 Tiên Thánh nói vô ngã
 Ở trong kinh Thành Dụ
 Đạo sư nói nghĩa này.*

Một khi đã nhận ra Trung đạo, Phật thường nói Vô ngã cho chúng hội nghe. Phật nói: Này các Tỳ khưu! Phạm phu không hiểu biết, hễ nghe nói có ngã, ngã sở thì liền rơi ngay vào trong ấy, chạy theo cái giả danh rồi dựng thành ngã và ngã sở ngay ở đấy. Này các Tỳ khưu! Lúc sinh do khổ mà sinh, lúc diệt do khổ mà diệt, như trong kinh Thành Dụ, đạo sư đã diễn nói nghĩa này rồi.

*Kinh Ca-chiên-diên nói
 Chánh kiến và không kiến
 Kinh Phá La Cự Nhị
 Cũng nói “không” thù thắng.*

Ba bộ kinh này và những kinh khác nữa, Thế Tôn đều diễn nói những tướng như vậy, trong kinh luận này cũng nói những tướng ấy.

*Nếu biết đúng duyên sinh
 Biết “không” tương ứng kia
 Nếu không biết duyên sinh
 Cũng không biết “không” kia.*

Duyên sinh nơi đoạn trước nói đến, nếu biết đúng, biết nó không phải là cái gì khác, mà chính là “không”. Nếu không biết duyên sinh thì không biết cái “không” ấy. Đã không biết duyên sinh thì đương nhiên sẽ không hiểu và không thể nhập vào cái “không” đó được.

*Trong “không” nếu khởi mạn
 Thì không chán thọ nhiều*

*Nếu không thấy như vậy
Thì mê nghĩa duyên sinh.*

Trong “không” nếu khởi mạn thì không chán thọ nhiều. Nghĩa là nếu khởi tâm xem thường cái “không” ấy thì không sinh tâm nhằm chán năm dục. Nếu không thấy như vậy thì mê nghĩa duyên sinh, tức là do vì không thấy nên mê lầm nghĩa của duyên sinh này, như vậy sẽ chấp nhận một trong bốn loại kiến sau đây:

1. Đoạn kiến.
2. Thường kiến.
3. Cho là trời Tự Tại biến hóa.
4. Chỉ dựa vào những gì đời trước làm ra.

*Do chẳng mê duyên sinh
Lìa mạn, biết “không” kia
Và nhằm chán thọ nhiều
Chẳng mê nghiệp quả hợp.*

Do chẳng mê duyên sinh, lìa mạn biết “không” kia, nghĩa là trong các loại duyên sinh nơi đoạn trước nói đến, ta không có tâm mê lầm, không chấp chặt ngã và ngã sở, nếu lìa được tâm coi thường thì thường thể nhập vào cái “không” ấy đúng như pháp. Và nhằm chán thọ nhiều, chẳng mê nghiệp quả hợp, nghĩa là trong năm thứ cảm thọ, nhận lãnh, (khổ, lạc, ưu, hỷ, xả thọ), lại chấp chặt ngã và ngã sở nên luân chuyển không ngừng trong khắp thế gian. Nếu khởi tâm nhằm chán, xa lìa năm thứ cảm thọ ấy, thì dù nghiệp quả tương tục ta vẫn không điên đảo, không bị mê lầm.

Hỏi: Nghĩa này là thế nào?

Đáp:

*Tạo nghiệp, duyên sinh tiếp
Điều duyên theo chỗ này
Duyên “không”, sẽ có đủ
Nghiệp báo và thọ dụng.*

Tạo nghiệp duyên sinh tiếp, điều duyên theo chỗ này, thì phiền não, nghiệp như đoạn trước đã nói, nó lấy nghiệp tịnh, bất tịnh xô đẩy chúng sinh tác sinh nơi này, đọa lạc nơi kia, cứ thế tương tục sinh. Nếu không có nghiệp thì không có điều kiện phát sinh. Nếu không như vậy, thì lúc chưa tạo tác nó đã đến, lúc tạo tác xong rồi thì nó mất (Đến ở đây nghĩa là: Chưa tạo tác xong thì quả báo đến. Mất, nghĩa là nghiệp tạo tác xong thì quả báo mất). Duyên không sẽ có đủ, nghiệp báo và thọ dụng nghĩa là nếu do nghiệp tịnh, bất tịnh này mà có quả báo, thọ

dụng, thì tự tính là “không” vốn “không có ngã làm duyên để nó phát sinh. Tự tính không của duyên cũng như vậy.

*Mười hai phần sai khác
Trước đã nói duyên sinh
Phiền não, nghiệp, khổ kia
Ba loại như pháp thân.*

Đầu tiên là Vô minh, cuối cùng là Lão tử, đó là mười hai phần duyên sinh khác nhau. Như đoạn trước đã nói: Trong đó, phiền não có ba chi, nghiệp có hai chi, khổ có bảy chi, mười hai chi này đều nằm trong phiền não, nghiệp và khổ.

*Trong ba sinh ra hai
Trong hai sinh ra bảy
Trong bảy lại sinh ba
Cứ xoay vần như vậy.*

Vô minh, Khát ái, Thủ ba loại này sinh ra Hành và Hữu. Hai thứ này sinh ra Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Sinh, Lão tử. Trong bảy phần này như đoạn trước đã nói chúng lại sinh ra ba loại, ba loại ấy lại sinh hai loại, hai loại này lại sinh ra bảy loại. Do vậy, hai loại này tương tục không gián đoạn, chúng xoay vần như bánh xe quay.

*Nhân quả và các đời
Không có chúng sinh khác
Chỉ ở trong pháp “không”
Lại tự sinh pháp “không”.*

Nhân quả và các đời, không có chúng sinh khác, nghĩa là: Vô minh, Hành, Khát ái, Thủ, Hữu, năm thứ này được gọi là Nhân. Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Sinh, Lão tử, bảy thức này gọi Quả. Tất cả nhân quả này có khắp thế gian. Dù là ngã, là chúng sinh, là thọ mạng, dù sinh ra, dù trượng phu, dù người, dù người làm ra thì những thứ đó là chính, nếu ta theo trình tự phân biệt thì nó chỉ là hư vọng, giả dối. Đó chỉ là trong pháp “không” lại tự sinh ra pháp “không”. Nghĩa là, trong tự tính, vốn rỗng không ấy, tạm gọi là phiền não, nghiệp quả, chỉ có “không” mà phải đặt tên gọi, phiền não, nghiệp quả sinh ra.

*Nương duyên, sanh phiền não
Nương duyên mà sinh nghiệp
Nương duyên, sinh ra báo,
Không đâu chẳng do duyên.*

Nếu có phiền não thì sẽ có vô lượng vô số loại nghiệp và sẽ có vô số quả báo do nghiệp sinh ra, chúng cùng làm nhân làm duyên cho

nhau, không có cái gì mà không phải từ nhân duyên mà có.

Vì để làm rõ nghĩa này, nên nay xin đưa ra thí dụ:

*Tụng đèn, ấn, gương, tiếng
Mặt trời, hạt giống, nước
Sau không ngoài cái trước
Người trí xét cả hai.*

Ở đây có Giáo tụng và Thọ tụng. Tất cả Giáo tụng đều không bằng Thọ tụng. Vì sao? Vì Giáo tụng ở yên, không tương tục sinh tiếp, đó là vì nó không tự sinh. Như đèn lần lượt đốt sang đèn khác, thì đèn khác này không nằm ngoài cái đèn ban đầu, cũng không phải là lìa cái ban đầu mà có cái thứ hai. Cũng như ấn và hình, gương mặt và gương, tiếng và âm hưởng, mặt trời và lửa, hạt giống và mầm, nước bọt và lưỡi, tất cả những thứ này đều không vượt ngoài, cũng không phải tự sinh, cũng không phải không do nhân mà có. Lúc năm thứ cảm thọ nhận lãnh đến không phải là cảm thọ đầu tiên, cũng không vượt ngoài cảm thọ này mà có cảm thọ thứ hai, cũng không phải tự sinh, cũng không phải không do nhân mà có. Các loại cảm thọ ấy theo thứ lớp mà đến, người trí cần phải quán sát kỹ. Lại biết, nội thọ dụng, ngoại thọ dụng đều có mười loại. Mười thứ Ngoại thọ dụng là:

1. Chẳng phải thường.
2. Chẳng phải đoạn.
3. Không vượt ngoài.
4. Không ở giữa.
5. Không phải thể kia.
6. Không phải biệt dị.
7. Không có chủ thể tạo tác.
8. Không phải không có nhân.
9. Niệm niệm đều rỗng không.
10. Quả đồng loại liên kết nhau.

Tất cả chủng tử nằm ngoài những thứ này đều không tồn tại. Chẳng phải cái mầm thường sinh ra, chẳng phải hạt giống đoạn diệt mất. Mầm này vốn không có, nhưng nay phát sinh thì rõ ràng không vượt ngoài hạt giống. Nó tương tục không đoạn dứt. Nhân và quả liên kết chặt nên không có khoảng giữa. Hạt giống và mầm khác nhau, nhưng không phải Thể khác. Từ giống sinh ra nên không phải biệt dị. Nhân duyên hòa hợp nên không có chủ thể tạo tác. Hạt giống và nhân, nên không phải không có nhân. Hạt giống, mầm, nhánh cành, hoa lá, quả v.v.. liên tục mà sinh, nên niệm niệm đều không. Nước ngọt, mặn, đắng, cay đều tùy

vào nhân sai biệt mà có, quả đồng loại kết chặt trong đó.

Mười loại nội thọ dụng gồm:

1. Chết rồi thì thứ cảm thọ cũng diệt sạch, nên chẳng phải thường.
2. Được sinh lại, rồi được thọ nhận lại, nên chẳng phải đoạn.
3. Chết rồi thì các thứ cảm thọ hết sạch, đến khi thọ sinh lại thì cảm nhận tiếp, nó vốn không mà nay lại có, nên không vượt ngoài.
4. Các thứ cảm thọ tương tục không dứt, nhân quả liên kết chặt, nên không có khoảng giữa.
5. Chết rồi sinh lại thọ nhận cảm thọ khác nhau, nên không phải là “thể” khác.
6. Từ đó sinh ra, nên không phải biệt dị.
7. Nhân duyên hòa hợp, nên không có chủ thể tạo tác.
8. Phiền não, nghiệp làm nhân, nên không phải không có nhân.
9. Từ Ca-la-la, Át-phù-đà, Bế-thi, Già-na, Xa-khư, ra khỏi thai, trẻ con, đồng tử, thiếu niên, trưởng thành, già, cứ thế mà liên tục phát triển, nên niệm niệm đều rỗng không.
10. Huân tập thiện, bất thiện, tùy theo nhân sai biệt mà chuyển sinh ra quả, nên quả đồng loại liên kết với nhau.

Lại có ba bài kệ:

*Như lửa đèn chuyển sinh
Thức thân cũng như vậy
Khoảng trước và khoảng sau
Cũng không có tụ tập.
Không sinh và có sinh
Hư hoại không chấp trước
Sinh xong lại không trụ
Do đây, tạo nghiệp chuyển.
Nếu ngay trong duyên sinh
Mà quán biết là không
Như thế thiết lập giáo
Đó cũng là Trung đạo.*

Trong đây, Vô minh, Hành, Khát ái, Thủ, Hữu là Tập đế. Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, sinh, Lão tử là Khổ đế. Khi mười hai phần này diệt là Diệt đế. Ở trong duyên sinh thường thấy biết như thật là Đạo đế.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

LUẬN ĐẠI THỪA
DUYÊN SANH

SỐ 1653

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1653

LUẬN ĐẠI THỪA DUYÊN SINH

Tạo luận: Thánh giả Uất Lãng Già.

Hán dịch: Tam Tạng Sa-môn Bất Không

*Từ một sinh ra ba
Từ ba chuyển sinh sáu
Sáu hai, hai lại sáu
Từ sáu cũng sinh sáu
Từ sáu có ra ba
Ba này lại có ba
Ba lại sinh ra bốn
Bốn lại sinh ra ba
Từ ba sinh ra một
Một kia lại sinh bảy
Tất cả khổ trong đó
Mâu-ni nói đều gồm
Mười hai loại sai biệt
Người trí nói là không
Vì sức chi duyên sinh
Nên biết mười hai pháp
Vô tri và nghiệp thức
Danh sắc, căn, ba hòa
Lãnh khát cùng do thủ
Tập sinh thực tiếp chung
Một, tám, chín: phiền não*

Thứ hai, mười là nghiệp
 Còn lại bảy là khổ
 Ba thân mười hai pháp
 Một, hai là quá khứ
 Hai sau thời vị lai
 Tám còn lại: hiện tại
 Đây là pháp ba thời
 Phiền não nghiệp cảm báo
 Báo lại sinh phiền não
 Phiền não lại sinh nghiệp
 Do nghiệp nên có báo
 Là não đâu có nghiệp
 Là nghiệp đâu có báo
 Không báo thì là não
 Cả ba đều tịch diệt
 Năm chi nhân sinh quả
 Gọi là phiền não nghiệp
 Bảy chi kia làm quả
 Nên biết bảy loại khổ
 Trong nhân nói không quả
 Trong quả cũng không nhân.
 Trong nhân không có nhân
 Trong quả cũng không quả
 Người trí tương ứng “không”
 Bốn thứ chi trong đời
 Nhân quả hợp nên có
 Phiền não nghiệp quả hợp
 Liên kết thành sáu phần
 Do Hữu tiết gồm thân
 Hai tiết và ba lược
 Nhân quả hợp thành tiết
 Ba tiết bốn tổng lược
 Hai ba hai ba hai
 Trong khổ có năm pháp
 Người tạo cùng thai giới
 Cảnh chuyển sinh lưu hành
 Mê hoặc phát khởi quả
 Quả Đẳng lưu là hai

Tương ứng với căn phần
 Một, một ba hai phần
 Quả nhiệt nã, khuyết đoản
 Chuyển sinh quả đẳng lưu
 Tương ứng các phần khác
 Hai một một một pháp
 Đây có mười hai loại
 Hòa hợp nên duyên sinh
 Không chúng sinh, thọ mạng
 Là không, dùng tuệ biết
 Không ngã, không ngã sở
 Trong vô ngã không ngã
 Bốn loại vô tri “không”
 Chi khác cũng như vậy
 Là hai biên đoan, thường
 Đây chính là Trung đạo
 Nếu biết, đã thành tựu
 Biết Thế là chư Phật
 Biết rồi ở trong chúng
 Tiên Thánh nói vô ngã
 Ở trong kinh Thành Dụ
 Đạo Sư nói nghĩa này
 Kinh Ca-chiên-diên nêu
 Chánh kiến và không kiến
 Kinh Phá La Cự Noa
 Cũng nói “không” thù thắng
 Nếu biết đúng duyên sinh
 Biết tương ứng “không” kia
 Nếu không biết duyên sinh
 Thì không biết “không” kia
 Trong “không” nếu khởi mạn
 Nơi uẩn chẳng nhàm chán
 Đấy gọi “không” thuộc ác (cõi ác)
 Tức mê nghĩa duyên sinh
 Do chẳng mê duyên sinh
 Là mạn biết rõ “không”
 Và nhàm chán các uẩn
 Nên chẳng mê nghiệp quả

Tạo nghiệp duyên sinh tiếp
 Đều duyên theo chỗ này
 Duyên “không” sẽ có đủ
 Nghiệp báo và thọ dụng
 Mười hai chi sai biệt
 Trước đã nói duyên sinh
 Phiền não nghiệp khổ kia
 Cả ba như pháp thân
 Từ ba sinh ra hai
 Từ hai sinh ra bảy
 Từ bảy lại sinh ba
 Cứ vẫn xoay như vậy
 Tất cả do nhân quả
 Từ “không” sinh ra “không”
 Từ pháp sinh ra pháp
 Nương duyên sinh phiền não
 Nương duyên cũng sinh nghiệp
 Nương duyên sinh ra báo
 Tất cả đều do duyên
 Tụng đèn, ấn, gương, tiếng
 Mặt trời, giống, nước bọt
 Nói tiếp chẳng đổi thay
 Người trí xét cả hai.

Nay tôi xin lần lượt giải thích bộ
Luận Duyên Sanh Tam Thập này.

Từ một sinh ra ba
 Từ ba chuyển sinh sáu
 Sáu hai hai lại sáu
 Từ sáu cũng sinh sáu.

Từ một sinh ra ba: Một là vô tri. Vô tri này tức là vô minh. Do không biết Khổ, Tập, Diệt, Đạo nên gọi là vô tri. Do vô tri nên có phước, phi phước, bất động, gọi là ba Hành. Đến như Thân hành, Khẩu hành, Tâm hành cũng từ đây phát sinh.

Từ ba chuyển sinh sáu, tức là từ ba Hành sinh ra sáu Thân thức, đó là Nhân thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức và Ý thức.

Sáu hai, tức là sáu thân thức chuyển sinh ra hai loại là Danh và Sắc. Hai lại sáu tức là hai loại Danh sắc chuyển sinh ra sáu Xứ, là Nhân xứ, Nhĩ xứ, Tỷ xứ, Thiệt xứ, Thân xứ, Ý xứ.

Từ sáu cũng sinh sáu, tức là từ sáu Xứ chuyển sinh ra sáu Xúc, đó là Nhân xúc, Nhĩ xúc, Tỷ xúc, Thiệt xúc, Thân xúc, Ý xúc.

*Từ sáu sinh ra ba
Ba này lại có ba
Ba lại sinh ra bốn
Bốn lại sinh ra ba.*

Từ sáu sinh ra ba tức là từ sáu xúc chuyển sinh ra ba thọ đó là Lạc thọ, Khổ thọ, Bất khổ bất lạc thọ. Ba này lại có ba tức là từ ba thọ chuyển sinh ra ba ái, là Dục ái, Hữu ái và Vô hữu ái. Từ ba lại sinh bốn, tức là từ ba ái chuyển sinh ra bốn Thủ, đó là Dục thủ, Kiến thủ, Giới cấm thủ và Ngã ngữ thủ. Bốn lại sinh ra ba, tức là từ bốn Thủ chuyển sinh ra ba Hữu, là Dục hữu, Sắc hữu và Vô sắc hữu.

*Từ ba sinh ra một
Từ một lại sinh bảy
Tất cả khổ trong đó
Mâu-ni nói đều gồm.*

Từ ba sinh ra một, tức là từ ba Hữu này làm duyên sinh ra một loại Sinh trong vị lai (tức Vô minh). Một này lại sinh bảy, tức là từ một này sẽ có bảy loại: Già, chết, sầu, than, khổ, ưu, não. Tất cả khổ trong đó, Mâu-ni nói đều gồm, nghĩa là trong đó bắt đầu là vô minh, kết thúc là khổ, vô lượng sự khổ mà Đức Thế Tôn nói đều có đủ trong ấy.

*Mười hai loại sai biệt
Người trí nói là không
Do sức phần duyên sinh
Nên biết mười hai pháp.*

Mười hai loại sai biệt, người trí nói là “không”, nghĩa là: Những vô tri này gồm mười hai chi, mười hai chi ấy đều là cái không của tự tính. Biết được như vậy nên Phật nói nó chỉ là không. Từ không sinh ra không, từ pháp sinh ra pháp.

Do sức chi duyên sinh, nên biết mười hai pháp, tức là nếu theo thứ lớp thì có mười hai chi, trong đó, tướng mê hoặc là vô minh. Tướng tích tập sẽ có là Hành. Tướng thọ sinh, lưu chuyển là Thức. Tướng danh thân, sắc thân hòa hợp là Danh sắc. Tướng an trí cho căn là Lục xứ. Tướng cộng tụ của nhãn sắc thức là Xúc. Tướng thọ dụng ái, phi ái điên đảo là thọ. Tướng không biết nhàm chán đủ là Ái. Tướng chấp giữ, đầu lấy là Thủ. Tướng của danh thân, sắc thân là Hữu. Tướng sinh khởi của Uẩn là sinh. Tướng thành thực là Lão. Mạng căn dứt là Tử. Tướng phiền muộn ủ rũ là sầu. Tiếng than khóc là Than. Tướng bức bách, khổ não

của thân là khổ. Tướng bức bách, khổ não của tâm là ưu. Tướng tổn hại là Não.

*Vô tri và nghiệp thức
Danh sắc, căn, ba hòa
Lãnh khát cùng do thủ
Tập xuất thực biên sau.*

Trong đó, vô tri là vô minh. Nghiệp là hành. Thức là phân biệt. Danh sắc là năm uẩn tích tụ lại. Căn là xứ. Ba hòa chính là xúc. Lãnh nạp tức là thọ. Khát tức là khát ái. Thủ tức là chấp trì. Thọ dụng tức là Hữu. Khởi là sinh khởi. Thực là lão. Biên sau tức là tử.

Các tướng sai biệt ấy cùng gồm thấu nhau, nay tôi xin lần lượt giải thích. Trong đó có: Phiền não, nghiệp sai biệt:

*Một, tám, chín: Phiền não
Thứ hai, mười là nghiệp
Còn lại bảy là khổ
Ba thân mười hai pháp.*

Phiền não có ba chi là Vô minh, Ái, Thủ. Nghiệp có hai là Hành và Hữu. Báo có bảy chi là: Thức, Danh sắc, Lục xứ, Xúc, Thọ, Sinh, Lão tử. Mười hai pháp này do ba loại thấu tóm.

Lại có thời sai biệt:

*Một hai là quá khứ
Hai sau thời vị lai
Tám còn lại: hiện tại
Đây là pháp ba thời.*

Hai chi Vô minh và Hành thuộc về quá khứ. Hai chi sau cùng là Sanh là Lão tử thuộc về vị lai. Tám chi còn lại là Danh sắc, Lục xứ, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu thuộc về hiện tại.

Lại nữa, mỗi mỗi chi đều theo thứ lớp sinh:

*Phiền não nghiệp cảm báo
Báo lại sinh phiền não
Phiền não lại sinh nghiệp
Do nghiệp nên có báo.*

Ba thứ phiền não, nghiệp, báo như trước đã nói, do phiền não nên có nghiệp, do có nghiệp nên có báo, lại do có báo nên có phiền não, do có phiền não nên có nghiệp, do có nghiệp nên có báo.

Hỏi: Nếu phiền não, mỗi mỗi đều tịch diệt thì thế nào?

Đáp:

Lìa não sao có nghiệp

*Lìa nghiệp đâu có báo
Không báo thì lìa não
Cả ba đều tịch diệt.*

Nếu tâm mình không nhiễm phiền não thì sẽ không tích chứa nghiệp. Nếu không tạo nghiệp thì không chịu quả báo. Nếu diệt được quả báo thì không sinh phiền não, như vậy cả ba đều tịch diệt.

Ở đây lại có nhân và quả:

*Năm chi nhân sinh quả
Gọi là phiền não, nghiệp
Bảy chi kia làm quả
Phải biết bảy loại khổ.*

Năm thứ nhân được gọi là phiền não, nghiệp, như đoạn trước đã nói, đó chính là Vô minh, Hành, Ái, Thủ, Hữu. Bảy loại quả chuyển sinh gồm: Thức, Danh sắc, Lục xứ, Xúc, Thọ, Sinh. Lão tử. Đây chính là bảy thứ khổ.

Lại nữa nhân quả đều không:

*Trong nhân nói không quả
Trong quả cũng không nhân
Trong nhân không có nhân
Trong quả cũng không quả
Người trí tương ứng không.*

(Bản Phạm là một kệ, nay chia thành một kệ và một câu)

Nhân và quả ở đây nói, nếu nhân “không” thì quả cũng “không”, quả “không” thì nhân cũng “không”. Nhân của nhân “không” đã không, thì quả của quả “không” cũng không. Giai đoạn chuyển tiếp giữa bốn câu này tương ứng với nhau.

Lại còn có Hữu sai biệt:

*Bốn thứ chi trong đời
Nhân quả hợp nên có
Phiền não nghiệp quả hợp
Liên kết thành sáu phần.*

Bốn thứ chi trong đời, Nhân quả hợp nên có, nghĩa là: Ba đời năm loại nhân, bảy thứ quả đã nói đó tóm lược chung thành bốn loại. Theo thứ lớp nó sẽ có bốn chi: Vô minh, Hành, hai pháp thuộc quá khứ là chi thứ nhất. Thức, Danh sắc, sáu Xứ, Xúc, Thọ, thuộc về hiện tại là chi thứ hai. Ái, Thủ, Hữu cũng thuộc hiện tại là chi thứ ba. Sinh, Lão tử, hai pháp thuộc về vị lai là chi thứ tư. Đây gọi là bốn thứ chi, hay bốn loại phần.

Phiên não, nghiệp, quả hợp, liên kết thành sáu phần, nghĩa là: Ba thứ phiên não, nghiệp và báo liên kết nhau thành hai gốc và nó có sáu phần. Từ Vô minh cho đến Ái, phần này lấy Vô minh là gốc. Từ Ái cho đến Lão tử, phần này lấy Ái làm gốc. Trong gốc Vô minh thì vô minh là phiên não. Hành là nghiệp. Thức, Danh sắc, sáu Xứ, Xúc, Thọ là báo. Trong gốc Ái thì Ái, Thủ là phiên não. Hữu là nghiệp. Sinh, Lão tử là báo.

Lại có tiết và tổng lược:

*Do Hữu tiết gồm sáu
Hai tiết và ba lược
Nhân quả hợp làm tiết
Ba tiết, bốn tổng lược.*

Hữu tiết làm gốc, phát khởi ra hai tiết. Giữa Hữu và Sinh là Tiết thứ nhất. Giữa Hành và Thức là Tiết thứ hai. Hai tiết này đều là Tiết của nghiệp quả. Trong Thọ và Ái, khi nhân quả hòa hợp là Tiết thứ ba. Ba tiết này lại có bốn loại tổng lược. Vô minh, Hành là tổng lược thứ nhất. Thức, Danh sắc, sáu Xứ, Xúc, Thọ là tổng lược thứ hai. Ái, Thủ, Hữu là tổng lược thứ ba. Sinh, Lão tử là tổng lược thứ tư. Đây gọi là ba Tiết và bốn Tổng lược.

Trong các pháp này lại có Thời sai biệt:

*Hai ba hai ba hai
Trong khổ có năm pháp
Kẻ tạo cùng thai giới
Cảnh chuyển sinh lưu hành.*

Các pháp ở đây gồm: Vô minh, Hành là hai loại. Thức, Danh sắc, Lục xứ là ba loại. Xúc, Thọ là hai loại. Ái, Thủ, Hữu là ba loại. Sinh, Lão tử là hai loại. Năm pháp này là chủ thể tạo tác trong khổ. Nó hình thành cảnh giới thai tạng và lưu hành, chuyển vận ngay trong đó. Vô minh, Hành là chủ thể tạo tác trong khổ. Thức, Danh sắc, Lục xứ là thai tạng của khổ. Xúc, Thọ, là cảnh giới của khổ. Ái, Thủ, Hữu là phát khởi của khổ. Sinh, Lão tử là lưu hành của khổ.

Lại có quả sai biệt:

*Mê hoặc phát khởi quả
Quả Đẳng lưu là hai
Tương ứng với phân căn
Một một ba hai phần.*

Như trước đã nói, trong gốc Vô minh và gốc Ái, phần đầu tiên trong gốc Vô minh mê hoặc mà phát khởi quả Đẳng lưu và có bốn loại

quả. Một, một, ba, hai là số phần của nó, tùy theo thứ lớp mà nó tương ứng, trong đó vô minh là quả mê hoặc, Hành là quả phát khởi, Thức, Danh sắc, Lục xứ và quả báo, Xúc, Thọ là quả Đẳng lưu.

Lại có các quả thấp kém hơn nữa:

*Quả nhiệt nã, khuyết đoản
Chuyển sanh quả Đẳng lưu
Tương ứng các phần khác
Hai một một một pháp.*

Như trước đã nói, trong gốc Ái, nhiệt nã và khuyết đoản (thiếu thốn) chuyển sinh ra quả Đẳng lưu, tùy theo số phần gồm: hai, một, một, một, nó sẽ tương ứng với các phần ấy. Trong đó, Ái Thủ là quả nhiệt nã, Hữu là quả khuyết đoản, Sinh là quả Chuyển xuất, Lão tử là quả Đẳng lưu. Như vậy sẽ có tám quả.

*Đây có mười hai loại
Hòa hợp nên duyên sinh
Không chúng sinh, thọ mạng
Là không dùng tuệ biết.*

Đầu tiên là vô minh, cuối cùng là Lão tử, mười hai chi này ngang bằng nhau, hòa hợp nhau nên là duyên sinh, nhưng không có chúng sinh, không có thọ mạng, không tạo tác, phải dùng tuệ thấy biết như vậy. Không có chúng sinh vì không bền chắc, không có thọ mạng vì vô ngã, là không vì không có tạo tác, vì không có chủ thể tạo tác.

*Không ngã, không ngã sở
Trong vô ngã không ngã
Bốn loại vô tri không
Chi khác cũng như vậy.*

Vô tri là vô ngã. Ở đây vô tri là vô ngã sở. Vì vô ngã, nên trong vô ngã không có vô tri. Trong bốn loại vô tri, vô ngã sở nay không có cái “không” của vô tri. Bốn loại vô tri này đã “không”, nên các chi khác cũng như vậy, chúng đều là “không”.

*Lìa hai biên đoan, thường
Đây chính là Trung đạo
Nếu biết, đã thành tựu
Biết Thế là chư Phật.*

“Có” là chấp thường, “không” là chấp đoan. Cả hai biên này hễ duyên biên nào thì các Hữu sẽ sinh ở biên ấy. Lìa hai biên này thì khế hợp với Trung đạo. Do không biết nghĩa này nên ngoại đạo rơi vào hai biên, do thấu tỏ được nghĩa này nên tất cả chư Phật có thể thành tựu

ngay trong thế gian này chứ không phải ở đâu khác.

*Biết rồi ở trong chúng
Tiên Thánh nói vô ngã
Ở nơi kinh Thành Dự
Đạo sư nói nghĩa này.*

Khi đã nhận ra Trung đạo, trong chúng hội Phật thường nói vô ngã và vô ngã sở. Phật nói: Này các thầy Tỳ khưu! Các thầy nên biết, hạng phàm phu hiểu không biết, hễ nghe nói đến ngã, ngã sở thì chạy theo cái giả danh nêu đặt đó, lại dựng lập thêm ngã và ngã sở. Này các thầy Tỳ khưu! Lúc sinh chỉ là khổ sinh, lúc diệt chỉ là khổ diệt, như trong kinh Thành Dự, Đạo sư đã nói nghĩa này rồi.

*Kinh Ca-chiên-diên nêu
Chánh kiến và không kiến
Kinh Pháp La Cụ Noa
Cũng nói “không” thù thắng.*

Trong ba bộ kinh này và những kinh luận khác, Đức Thế Tôn đều diễn nói tướng đó.

*Nếu biết đúng duyên sinh
Biết tương ứng “không” kia
Nếu chẳng biết Duyên sinh
Cũng không biết “không” kia.*

Duyên sinh đoạn trước nói đến, nếu biết đúng, biết nó không phải cái gì khác, mà chính là không. Nếu không biết duyên sinh, thì không biết nó không, nghĩa là không biết được nghĩa của duyên sinh sẽ không hiểu và không thể nhập vào tính “không” ấy được.

*Trong “không” nếu khởi mạn
Thì chẳng nhàm chán uẩn
Nếu không biết như vậy
Thì mê nghĩa duyên sinh.*

Trong “không” nếu khởi mạn, thì chẳng nhàm các uẩn, nghĩa là nếu ta khởi tâm coi thường tính “không” thì không bao giờ sinh tâm nhàm chán, xa lìa các uẩn. Nếu không biết như vậy, thì mê nghĩa duyên sinh, nghĩa là do không thấy biết như vậy, nên mê lầm nghĩa của duyên sinh, và nhận lấy một trong bốn loại thấy biết sau:

1. Đoạn kiến.
2. Thường kiến.
3. Cho trời Tự Tại biến hóa.
4. Chỉ dựa vào những gì tạo tác từ trước.

*Do chẳng mê duyên sinh
Lìa mạn biết nó “không”
Và nhàm chán các uẩn
Nên không mê nghiệp quả.*

Do chẳng mê duyên sinh, Lìa mạn biết nó “không”, như trước đã nói, trong mỗi một duyên, nếu không có tâm mê lầm, không chấp chặt ngã, ngã sở, nếu lìa được tâm coi thường thì thường thể nhập cái “không” ấy đúng như pháp. Và nhàm chán các uẩn, nên chẳng mê nghiệp quả, nghĩa là trong năm uẩn, do chấp chặt ngã, ngã sở nên lưu chuyển không ngừng trong khắp thế gian. Nếu khởi tâm nhàm chán xa lìa năm uẩn đó, thì dù nghiệp quả tương tục, ta vẫn không điên đảo, không bị mê lầm

*Tạo nghiệp, duyên sinh tiếp
Đều duyên theo chỗ này
Không duyên đây sẽ có
Nghiệp báo và thọ dụng.*

Tạo nghiệp, duyên sinh tiếp, Đều duyên theo chỗ này, nghĩa là phiền não, nghiệp, báo trước đã nói, lấy nghiệp thiện, bất thiện xô đẩy chúng sinh thác sinh nơi này, đọa lạc nơi kia, cứ thế tương tục lưu chuyển. Nếu không phải vậy, thì không tạo nghiệp vẫn chịu báo, tạo nghiệp rồi báo liền mất. Không duyên đây sẽ có, Nghiệp báo và thọ dụng, nghĩa là: Do nghiệp thiện bất thiện này nên có báo, có thọ dụng, tự tính là không, vốn không có ngã, làm duyên phát sinh. Tự tính không của nó cũng vậy.

*Mười hai chi sai biệt
Trước đã nói duyên sinh
Phiền não nghiệp khổ kia
Cả ba như pháp gồm.*

Đầu tiên là Vô minh, cuối cùng là Lão tử, đây là mười hai chi duyên sinh khác nhau. Trong đó phiền não có ba chi, nghiệp có hai chi, khổ có bảy chi. Mười hai chi này đều nằm trong phiền não, nghiệp, khổ.

*Từ ba sinh ra hai
Từ hai sinh ra bảy
Từ bảy sinh ra ba
Cứ xoay vần như vậy.*

Vô minh, Ái, Thủ, ba loại này sanh ra hai loại là Hành và Thức. Hai loại Hành, Thức lại sinh ra bảy chi là: Thức, Danh sắc, Lục xứ, Xúc,

Thọ, Sanh, Lão tử. Trong bảy chi này, như đoạn trước đã nói, lại sinh ra ba loại, ba loại này lại sinh ra hai loại và bảy loại. Do vậy, hai loại này tương tục không gián đoạn, chúng xoay vần như bánh xe quay.

Nhân quả và các đời

Không chúng sinh nào khác

Chỉ ở trong pháp “không”

Lại tự sinh pháp “không”.

Nhân quả và các đời, Không chúng sinh nào khác, nghĩa là Vô minh, Hành, Ái, Thủ, Hữu, năm loại này là Nhân, Thức, Danh sắc, Lục xứ, Xúc, Thọ, Sinh, Lão tử, bảy loại này là quả. Tất cả nhân quả này có khắp thế gian. Dù là ngã, là chúng sinh, là thọ mạng, dù sinh ra, dù trưởng phu, dù là người, dù là người tạo tác, tất cả những thứ đó nếu ta phân biệt ra thì nó chỉ là giả hợp, không thật. Đó chỉ là trong pháp “không”, tự sinh ra pháp “không”, nghĩa là trong cái “không” của tự tính giả danh, phiền não, nghiệp quả chỉ do pháp “không” giả lập tên gọi phiền não, nghiệp quả sinh ra.

Nương duyên sinh phiền não

Nương duyên sinh ra nghiệp

Nương duyên sinh ra báo

Tất cả đều do duyên.

Nếu có phiền não thì sẽ có vô lượng vô số nghiệp, sẽ có vô số quả báo do nghiệp sinh ra. Chúng cùng làm nhân, làm duyên cho nhau, phải biết, không có pháp nào chẳng từ nhân duyên mà có.

Vì để làm rõ nghĩa này

Nay xin đưa ra thí dụ:

Tụng đèn, ấn, gương, tiếng

Mặt trời, giống, nước bọt

Nối tiếp chẳng đổi thay

Người trí xét cả hai.

Ở đây có Giáo tụng và Thọ tụng (đọc). Tất cả Giáo tụng đều không bằng Thọ tụng. Vì sao? Vì Giáo tụng ở yên. Do ở yên nên không tương tục sinh tiếp, vì nó không tự sinh. Như đèn lần lượt đốt sang đèn khác, thì đèn khác này không nằm ngoài cây đèn ban đầu, cũng không phải lìa cái ban đầu mà có cái thứ hai, cũng không phải không do nhân mà có. Như ấn và hình, gương mặt và gương, tiếng và âm hưởng, mặt trời và lửa, hạt giống và mầm, nước bọt và nước miếng, tất cả những thứ này đều không vượt ra ngoài (không đổi thay), cũng không phải tự sinh, cũng không phải không do nhân mà có. Khi năm uẩn tương tục sinh

chuyển, không phải vượt ngoài uẩn ban đầu mà có uẩn thứ hai, uẩn thứ hai này cũng không phải tự sinh ra, cũng không phải không do nhân mà có. Khi năm uẩn lần lượt phát sinh, người trí cần phải xét kỹ. Lại phải biết, nội thọ dụng và ngoại thọ dụng đều có mười loại.

Mười loại Ngoại thọ dụng gồm:

1. Chẳng phải thường.
2. Chẳng phải đoạn.
3. Không vượt ngoài.
4. Nhân quả tương tục không có khoảng giữa.
5. Chẳng phải thể khác.
6. Chẳng phải biệt dị.
7. Không có chủ thể tạo tác.
8. Không phải không có nhân.
9. Sát na đều diệt.
10. Quả đồng loại liên kết nhau.

Tất cả chủng tử nằm ngoài thọ dụng này đều không tồn tại. Chẳng phải do mầm thường sinh ra, chẳng phải do hạt giống đoạn diệt mất, mầm ấy vốn không, nhưng nay phát sinh rõ ràng không nằm ngoài hạt giống. Nó nối tiếp không đoạn dứt, nhân quả tương tục nên không có khoảng giữa. Hạt giống và mầm khác nhau nhưng không phải vật khác phát sinh ra nó. Không phải biệt dị vì từ giống sinh ra. Nhân duyên hòa hợp nên không có chủ thể tạo tác. Hạt giống là nhân nên không phải không có nhân. Hạt giống, mầm, nhành cành, lá hoa quả v.v.. liên tục sinh nên sát na đều diệt. Ngọt, mặn, đắng cay đều tùy vào nhân sai biệt mà có, nên quả đồng loại liên kết nhau.

Mười loại Nội thọ dụng gồm:

1. Chết rồi thì các uẩn cũng diệt hết, nên chẳng phải thường.
2. Được sinh lại và thọ uẩn lại, nên chẳng phải đoạn.
3. Chết rồi thì các uẩn cũng diệt hết, thọ sinh lại và tiếp tục thọ uẩn, nó vốn không nhưng nay lại có, nên không vượt ngoài.
4. Các uẩn tương tục không có đoạn dứt, nhân quả liên tục, nên không có khoảng giữa.
5. Chết rồi, sinh lại và thọ uẩn sai biệt, nên không phải “thể” khác.
6. Từ đó sinh ra, nên không phải biệt dị.
7. Nhân duyên hòa hợp, nên không có chủ thể tạo tác.
8. Phiền não, nghiệp là nhân nên không phải không có nhân.
9. Từ Ca-la-la, Át-phù-đà, Bế-thi, Già-na, Xa-khư, ra khỏi thai, trở

con, đồng tử, thiếu niên, trưởng thành, già, cứ thế mà liên tục phát triển nên sát na đều diệt.

10. Huân tập thiện, bất thiện tùy theo nhân sai biệt mà chuyển sinh ra quả, nên quả đồng loại liên kết nhau.

Lại có ba bài kệ:

*Như lửa đèn chuyển sinh
Thức thân cũng như vậy
Khoảng trước và khoảng sau
Cũng không có tích tập.
Không sinh và có sinh
Hư hoại không hòa hợp
Sinh rồi lại không trụ
Do đấy tạo nghiệp chuyển.
Nếu ngay trong duyên sinh
Mà quán biết là “không”
Biết đó là nêu bày,
Thì hợp với Trung đạo.*

Trong đó, Vô minh, Hành, Ái, Thủ, Hữu là Tập đế. Thức, Danh sắc, Lục xứ, Xúc, Thọ, Sinh, Lão tử là Khổ đế. Khi diệt được mười hai chi này và chứng được phương tiện là Đạo đế, tức chứng Niệm xứ, Chánh căn, Như ý túc, Căn, Lực và Giác chi, bát Thánh đạo.



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

LUẬN NHÂN DUYÊN
TÂM TỤNG

SỐ 1654

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1654

LUẬN NHÂN DUYÊN TÂM

Tạo luận: Bồ-tát Long Thọ.

PHẦN TỤNG

*Mười hai chi sai biệt
Năm Nhân nói duyên sinh
Nơi phiền não, nghiệp, khổ
Cả ba đều gồm hết
Một, tám, chín: phiền não
Hai và mười là nghiệp
Bảy tập khác là khổ
Chỉ ba thân mười hai
Từ ba sinh ra hai
Từ hai sinh ra bảy
Một lại sinh ra ba
Cứ thế mà xoay chuyển
Các đường, do nhân quả
Trong đấy không chúng sinh
Chỉ từ nơi pháp không
Lại sinh nơi pháp “không”
Tụng đèn, gương và ấn
Lửa, tinh, giống, mơ, tiếng
Các uẩn nối kết nhau
Không chuyển, dùng trí xét.*

www.daitangkinh.org

*Những việc rất vi tế
Nếu như có kiến đoạn
Là nhân duyên bất thiện
Chưa thấy nghĩa duyên sinh
Trong đây không còn thấy
Không mảy may an lập
Nơi chân mà quán chân
Thấy chân thì giải thoát.*

LUẬN NHÂN DUYÊN TÂM

PHẦN GIẢI THÍCH

Có vị Sa-môn thích nghe thường lắng nghe, thường khéo nghĩ, thọ trì, thường tỏ ngộ, thường quán sát, và biết chọn lựa, buông bỏ. Vị Sa-môn ấy đến chỗ thầy và hỏi: Mười hai chi sai biệt mà Đức Năng Nhân gọi là nhân duyên sinh, không, chúng thuộc về cái gì? Xin thầy hãy giải thích cho tôi được rõ.

Biết Sa-môn hỏi về nghĩa chân thật, nên thầy đáp: Ông bị ba thứ phiền não, nghiệp, khổ gồm thấu nên mới phân biệt mà hỏi những điều như vậy. Ở đây có tất cả mười hai chi, do nó khác nhau, nên gọi là sai biệt. Như các phần của chiếc xe nên gọi là chi (phần). Thường làm cho thân miệng vắng lặng nên gọi là Năng nhân (tịnh mặc). Năng nhân nói, tức là tuyên dương, giải thích, đó là cách gọi khác của diễn thuyết. Nó chẳng phải tự tính hình thành con người mà chỉ là giả tướng tự tại, tự nhiên tùy theo ý muốn. Hóa chủ bỗng nhiên gặp được các chỗ sinh này, nó do nhân duyên sinh. Mười hai chi pháp sai biệt này do phiền não nghiệp, khổ thấu tóm, trói chặt, như ta bó chặt bó cây lau. Ba thứ ấy gồm thấu hết mười hai pháp. Nói thấu tóm hết tức là không sót chi nào cả.

Hỏi: Cái gì là phiền não? Cái gì là nghiệp? Cái gì là khổ? Các pháp sai biệt này do cái gì thấu tóm?

Đáp: Thứ nhất, thứ tám, thứ chín là phiền não. Trong mười hai pháp sai biệt này, chi thứ nhất là Vô minh, thứ tám là Ái, thứ chín là Thủ. Ba chi này do phiền não gồm thấu. Chi thứ hai là Hành, chi thứ mười là Hữu, hai chi này do nghiệp gồm thấu. Bảy chi còn lại do khổ thấu tóm, đó là Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Sinh, Lão tử. Nói đều thấu tóm tức là trong đó còn có Ái biệt ly khổ, Oán tắng hội khổ, Cầu bất đắc khổ. Do vậy, mười hai chi này đều bị phiền não, nghiệp, khổ gồm thấu hết. Nói chỉ ba thấu tức là tất cả pháp trong kinh điển nói

đều nằm cả trong đó, không sót pháp nào.

Hỏi: Nghĩa này thì biết rồi, còn phiền não, nghiệp, khổ kia sao gọi là tương sinh?

Đáp: Từ ba sinh ra hai, tức là từ ba chi thuộc phiền não sinh ra hai chi thuộc về nghiệp, từ hai sinh ra bảy, tức là từ nghiệp sinh ra khổ. Từ bảy sinh ra ba, tức là từ khổ sinh ra phiền não. Lại từ ba chi thuộc về phiền não sinh ra hai chi thuộc về nghiệp. Cứ thế mà xoay chuyển tức là hình thành ra ba Hữu, gồm Dục, Sắc, Vô sắc và lưu chuyển không ngừng trong đó. Các phàm phu thế gian thường lưu chuyển trong ấy. Nói cứ thế mà xoay chuyển tức là muốn nói đến tính không cố định của nó. Nó lần lượt sinh ra các Hữu, đây là tính không cố định.

Hỏi: Cái gì là chúng sinh tự tại của thân? Tác dụng của nó như thế nào?

Đáp: Các cõi thọ sinh chỉ do nhân quả, chỉ trừ giả danh trong đó không có chúng sinh, đây là nghĩa chân thật, chứ không phải giả lập, có cảnh giả lập thì không thành vật thật được.

Hỏi: Nếu vậy thì ai từ đời này đi đến đời kia?

Đáp: Không có mảy may pháp nào từ đời này đi đến đời kia, đó chỉ từ trong pháp “không”, lại sinh trong pháp “không”, từ phiền não nghiệp vốn không có ngã, ngã sở, năm loại nhân không sinh lại trong không, vốn không có ngã, ngã sở. Vì vậy, bảy quả khổ cũng không có ngã, ngã sở. Bên này, bên kia đều không có ngã, ngã sở. Nó chỉ từ pháp vô ngã của tự tính, sinh trở lại trong pháp vô ngã của tính ấy.

Hỏi: Nếu từ pháp vô ngã của tự tính sinh trở lại trong ấy, nói vậy lấy gì làm thí dụ?

Đáp: Như đọc, đèn, gương và ấn; lửa, tinh, giống, mơ, tiếng. Từ những thí dụ này và giả dụ mà lập thành vô ngã của tự tính và thành tựu đời kia. Ví như Thầy đọc, rồi truyền đến đệ tử, sau khi Thầy đọc không nói năng tiếp, do vậy nên không đến. Người đệ tử kia đọc, cũng không phải từ Thầy khác, nên thành ra không có nhân quả. Tâm thức lúc lâm chung cũng giống như vậy. Do rơi vào lỗi Thường nên không đến được đời khác, mà đời khác ấy cũng chẳng phải từ đời khác mà có, nên thành ra không có nhân quả. Giống như Thầy đọc tụng và đệ tử đọc tụng, chính cái đó mà lại khác với cái đó, cho nên điều này nêu đặt không phải dễ. Như vậy, nương tâm thức lúc lâm chung kia mà sinh tâm thức, người được sinh cũng giống như vậy, ngay cái đó mà lại khác với cái đó. Ví như cây đèn này nối tiếp cây đèn khác, hình tượng hiện trong gương, từ ấn in thành hình, từ tinh xuất ra lửa, từ giống nảy ra mầm, từ

trái mơ làm cho chảy nước dãi, từ tiếng phát ra âm hưởng, ngay cái đó nhưng lại khác cái đó.

Các uẩn nối kết nhau, không chuyển, trí phải nên quán xét. Uẩn ở đây là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nối kết nhau, nghĩa là từ cái nhân này phát sinh ra những thứ khác. Không mảy may pháp nào từ đời này sinh sang đời kia, nên sự lưu chuyển ấy chỉ là từ tập khí hư vọng phân biệt mà sinh. Nói quán xét tức là phải quán ngược trở lại, nếu biết quán xét các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã thì không mê muội đối với muôn sự. Nếu không mê muội thì không có tham, không có tham thì không có sân hận, nếu không sân hận thì không tạo nghiệp, không tạo nghiệp thì không giữ lấy, không giữ lấy thì không tạo Hữu ở đời sau. Nếu không có Hữu thì không thọ sinh, nếu không thọ sinh thì không có sự khổ não của thân tâm. Như vậy là không tích chứa năm loại nhân, dù ở đâu cũng không có quả sinh. Quả không sinh thì được giải thoát. Do vậy cần phải đoạn trừ các thứ ác kiến như Đoạn kiến, Thường kiến v.v...

Ở đây còn có hai bài tụng:

*Những việc rất vi tế
Nếu như có kiến đoạn
Là nhân duyên bất thiện
Chưa thấy nghĩa duyên sinh.
Trong đây không còn thấy
Không mảy may an lập
Ngay chân mà quán chân
Thấy chân thì giải thoát.*



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

LUẬN CHỈ QUÁN
MÔN TỤNG

SỐ 1655

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1655

CHỈ QUÁN MÔN LUẬN TỤNG

Tạo luận: Bồ-tát Thế Thân.

Hán dịch: Đời Đường, Tam Tạng Pháp Sư Nghĩa Tịnh.

*Thấy hình tướng người nữ
Đoan trang và yêu kiều
Người ngu không thấu rõ
Vọng sinh ý dâm nhiễm.
Phật nói nào sinh tướng
Xúc trừ tâm dâm dục
Thường theo lời Thế Tôn
Được đạo quả thù thắng.
Nghe, tư duy tịnh giới
Thường tinh tấn tu tập
Buộc tâm quán các cảnh
Nhân giải thoát là đây.
Nếu người có sân nhiễm
Thùy miên và hôn trầm
Trạo cử cùng nghi hoặc
Cả năm, ngăn tu định.
Ít nghe, ít ở chúng
Ưu thích các việc xấu
Ái thân và thọ dụng
Cũng thường ngăn tâm định.
Tâm loạn có năm duyên*

Tĩnh (căn) theo cảnh tán loạn
 Mê đắm và lãng xãng
 Ngã mạn ưa danh tiếng.
 Tỳ khuu nương Thánh giáo
 Có lỗi phải bỏ ngay
 Khéo giữ trụ tâm duyên
 Đó là hạnh trước hết.
 Tiếp nương nơi vắng lặng
 Điều không ngại khó khăn
 Sau dứt suy nghĩ tà
 Là nghiệp đầu (của) Tỳ kheo.
 Phải ở rừng gò mả
 Mặc y phục phần tảo
 Thường cầu việc vắng lặng
 Đoạn trừ tâm nhiễm dâm.
 Khất thực, thấy người nữ
 Phải quán là bất tịnh
 Khép mắt trừ niệm tà
 Chính tâm nhận thức ăn.
 Nói nhiều, lo nhiều việc
 Cần phải mau xa lìa
 Duyên não loạn bức bách
 Phải dùng tuệ nhãn nhục
 Phải ở nơi đồng hoang
 Dưới cây, trong hang núi
 Lúc quán nên ở đây
 Vắng lặng mà tu tâm
 Lúc duyên cảnh tu định
 Không quá cao, quá thấp
 Đừng quá xa, quá gần
 Để tương ứng với cảnh
 Khéo chọn cảnh sở duyên,
 Mà quán xét tường tận
 Lúc nhắm mắt trụ tâm
 Cũng như mở mắt nhìn
 Phải nhiếp phục các căn
 Trụ niệm nội tâm lặng
 Duyên cảnh trước mắt quán,

Niệm niệm cho liên tục
Tướng hình mạo chọn đó
Mà dụng tâm quán xét
Quán thấy nữ sinh trưởng
Đáng sợ, thật ghê tởm
Giống như nước ao đục
Gió thổi làm chao động,
Thấy hình bóng của cây
Chẳng rõ ràng, chẳng tốt.
Nước phiền não như tâm,
Bị gió loạn tình thổi
Lúc lắng niệm quan sát
Tối tăm chẳng thể còn
Tâm chìm phải giục tỉnh
Nên quán việc thăng diệu
Như đĩa hút máu người
Dội nước khiến tỉnh lại.
Lại phải mau thu giữ,
An tâm trong cảnh cũ
Khiến ý có khả năng
Điều hòa tốt, theo niệm
Nếu tâm kia trạo cử
Phải nghĩ, chán việc ác
Khiến tâm trụ vắng lặng
Như móc buộc đầu voi
Lìa hôn trầm, trạo cử,
Phải bình đẳng vận tâm
Tùy tình mà trụ, xả
Đừng để vướng lối lầm
Từ đó dần được trụ
Giữ hình tướng an tâm
Thấy rõ hành Trung đạo,
Đèn chính niệm thường soi.
Lúc này dùng tầm tứ,
Lần lượt nên quán sát.
Bóng định sẽ được sinh
Rõ ràng trụ trước mắt.
Rõ sạch chẳng dao động.

Như hình đại tượng phu,
 Nhìn hình này mà quán
 Đó là tướng sai biệt
 Tướng này đã sinh rồi
 Dục, ái liền đoạn dứt
 Chính là người buộc tâm
 Tướng phương tiện sơ định
 Tiếp biết “thể” sân hận
 Vốn do tham nhiễm khởi
 Dục, ái đã diệt rồi
 Sẽ lìa được sân hận
 Tiếp dùng niệm tinh cần
 Trừ tâm hôn trầm, ngủ
 Đã quán tướng sai biệt
 Nghi tình sẽ dứt ngay
 Kế phải trừ ố tác,
 Hạnh thiện (là) đường an ổn.
 Vắng lặng không chướng ngại
 Thường đề phòng trạo cử.
 Phải từ nơi tướng thô
 Quán xét tướng của nó
 Ảnh hiện ngay trong tâm
 Bằng suy tìm tỉ mỉ
 Thấy sai khác, tâm vui
 Từ đó được khinh an
 Kế chứng vui của định
 Thứ lớp định như vậy
 Đây là định căn bản,
 Khéo an được niệm, tâm.
 Giống như muốn vào làng
 Và vào được làng ấy.
 Đã được định căn bản
 Lại càng phải tu tiếp
 Chứng tha tâm, tức mạng
 Thiên nhãn, thiên nhĩ thông
 Định lúc này còn tức (suy xét, tìm tòi)
 Tâm chưa được trụ yên
 Như nước còn gợn sóng

Không phải định địa trên.
Tuy đã được sơ định
Nhưng còn trụ sở duyên.
Kế nương hai tinh lự,
Đều dừng hẳn tâm, tứ
Dù trụ được chốn này
Vẫn còn sóng hỷ trộ
Lúc vào định thứ ba
Tâm này mới trụ yên
Do tâm này còn lạc (Thiền chi lạc)
Chưa thể khiến niệm trụ,
Chứng tinh lự thứ tư
Các lỗi mới điều trừ
Thối phần, thắng tấn phần
Trụ phần, quyết trạch phần
Tinh lự bốn loại phần
Người tu định phải biết
Định nếu thuận phiền não,
Đây gọi là thối phần
Sau hơn là Thắng phần.
Tự trụ là Trụ phần
Do trước phân biệt tốt
Là nhân quyết trạch đạo
Đây quyết định được kia
Nên gọi Quyết trạch phần
Hiểu rõ tướng vô thường...
Và các hành tạo khởi ...
Nếu người đắc định này
Là được đạo phần Noãn v.v...
Đối các tướng bân, trướng...
Có rất nhiều cách quán
Như Thánh giáo tu hành,
Cần phải biết sai biệt.
Gió thổi thân chết sinh
Chảy máu trong huyết
Toàn thân đều ghê tởm
Đây là quán sinh trướng
Chẳng yêu những thân thô

Chỉ ham thân mềm mại
 Với người tâm nhiễm ấy
 Dạy họ quán như vậy.
 Nếu ở phần thân chết
 Ít có mủ trắng chảy
 Thịt còn lại đều bầm
 Đây là quán bầm, trướng
 Thấy sắc mà sinh ái
 Đây là người mê sắc
 Dùng bầm trướng đối trị,
 Khiến họ sinh ghê tởm.
 Toàn thân đều chảy mủ
 Đây là tướng mủ chảy
 Đối trị người ưa mùi,
 Quán khiến dứt tâm nhiễm
 Thân chết đứt ngang lưng
 Đây là tướng đoạn hoại
 Đối trị yêu toàn thân
 Phật dùng đấy đối trị.
 Xương cốt rã bừa bãi
 Chim rĩa, còn gân tàn
 Đối trị yêu da thịt
 Nói rõ tướng bị ăn
 Xương tay chân, các chi...
 Đều phân tán mỗi nơi
 Đối trị tham chi phần
 Nói quán tướng tạp loạn
 Tướng đồng xương hỗn tạp,
 Dao gậy, đập xẻ rời
 Đối trị yêu toàn thân
 Khiến họ quán tướng này
 Thân xương bị dao chém
 Hoặc kích, tên đâm phải
 Máu chảy khắp cả thân
 Đây là tướng thân máu
 Lau sạch, thoa hương thân
 Thay áo quần mới, đẹp
 Người nhân đây khởi tham

Cho đây làm thuốc quý
Ích kỷ yêu giữ cảnh
Không cho người ngoài xem,
Quán trùng rửa thầy chết,
Khiến trừ bỏ niệm ác
Xương thịt đều tan rã
Chỉ còn xương và răng
Với người tham tướng răng
khiến quán tướng răng xương
Hoặc thấy người vừa chết
Thức mất, còn thân tàn
Những chúng sinh tham đắm
Khiến quán trừ tham dục
Phản tiểu và đờm dãi
tụ hợp cùng thành thân
Gồm ba mươi hai vật
Túi da, gọi là người
Lông tóc và móng răng
Tướng trong nào gan ruột
Ba trăm xương chống đỡ
Chín trăm gân kết đan
Chí lỗ chảy nước dơ
Ô uest khó nói hết
Xét kỹ, thật đáng ghét
Người trí chẳng nên gần
Quán thân người nữ rồi
Cũng lại xét thân mình
Nơi ấy nhân tham nhiễm
Lý nên thường buộc niệm
Chẳng thoát ngục ba cõi
Đều do tâm dục nhiễm
Do vậy, người trí sáng
Phải khéo xét việc này
Trải bao khổ địa ngục
May mới được làm người
Lẽ nào để tâm cuồng
Chẳng tu hạnh thù thắng?
Dâm tham có nhiều loại

Do vì ái khác nhau
Hễ quán, đều trừ sạch
Gọi là quán xương trắng
Gặp hình dung yêu kiều
Áo quần đẹp, tham đắm
Thuốc nào mà chữa được
Không ngoài quán xương trắng
Trước từ ngón chân cái
Tâm định duyên tướng sưng
Nát ra và chảy mủ
Da thịt đều thối rữa
Rồi quán đến bàn tay
Giống như màu cò trắng
Nó dần dần sưng tấy
Da thịt đều thối rữa
Lần lượt quán như vậy
Toàn thân, thịt thối rữa
Chính niệm thắng giải thành
Chỉ quán khung xương ấy.
Nếu còn lại miếng thịt
Thì gọi là ý loạn
Hướng gì tâm phóng túng
Chạy tìm đến các cảnh
Lúc nào cũng buộc niệm
Tự biết thường trụ tốt
Dần dần quán người khác
đều chung, là khung xương
Rộng ra đến biển cả
Chỉ đây là xương trắng
Thành tựu định này rồi
Xả rộng mà về hẹp
Ban đầu xả từ ngoài
Đến chỉ còn thân, xương
Lại quán đầu ngón chân
Thứ lớp mà tâm định
Có khi xả từng phần
Cho đến xương đỉnh đầu
Phải biết tâm sau cùng

*Thâu giữ giữa chặng mây
Nếu tu tập như thế
Thường sinh trong Phạm cung
Chẳng vào ba cõi ác
Sinh về Ngũ Tịnh Cư
Người đời mất tâm thiện
Trôi lại trong sinh tử
Người trí tu tâm định
Như cứu lửa cháy thân
Muốn xả được các duyên
Cần ở nơi rừng vắng
Chớ để vô thường bức
Chết uổng trong tâm loạn
Dùng trí tuệ, tịnh tâm
Chết cũng được quả vui.
Hoặc không cầu thân sau,
Nay, Thắng đạo nên tu.
Cạo tóc, mặc ca sa
Thích nghi tu Thánh đạo
Ngoài ra, việc huyền nào
Đều là nhân sinh tử.*



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

LUẬN BẢO HÀNH
VƯƠNG CHÁNH

SỐ 1656

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1656

LUẬN BẢO HÀNH VƯƠNG CHÁNH

Hán dịch: Đời Trần Tam Tạng Chân Đế.

Phẩm Thứ Nhất: AN LẠC GIẢI THOÁT

*Giải thoát tất cả chướng
Đức viên mãn trang nghiêm
Lạy bậc Nhất thiết trí
Bạn lành của chúng sinh
Chánh pháp quyết định thiện.
Đại vương yêu quý pháp,
Nên nay Tôi sẽ nói:
Nhờ pháp chảy vào bình,
Bình như người chứa pháp (Pháp khí)
Vậy trước nói nhân lạc (an lạc)
Sau luận về giải thoát
Chúng sinh an lạc trước
Rồi sau được giải thoát
Thiện đạo đủ là lạc (an lạc)
Giải thoát là hết Hoặc (phiền não)
Tóm lược hai nhân này
Chỉ là căn tín, trí (Tín căn, Tuệ căn)
Do tín, thường trì pháp
Do trí hiểu như thật
Trong đó trí trên hết*

www.daitangkinh.org

Trước nhờ tin phát hành
 Do sợ tham, sân, si,
 Mà chẳng thường hoai pháp,
 Biết đó là có tin.
 Vui, an lành là khí,
 Do luôn chọn lựa kỹ
 Nên nghiệp thân, khẩu, ý
 Thường lợi ích mình, người
 Đây là người có trí.
 Sát sinh, trộm, tà dâm
 Nói dối, nói hai lưỡi
 Chửi mắng, chẳng đúng lời
 Tham, sân và tà kiến
 Đây gọi là Mười ác
 Trái lại là Mười thiện
 Bỏ rượu, thân trong sạch,
 Không nã tâm bố thí,
 Cúng dường người đáng kính
 Nói lược pháp nên vậy.
 Nếu chỉ hành khổ hạnh
 Trọn chẳng sinh pháp thiện
 Do lừa trí và bi
 Nên chỉ có khổ hạnh
 Chẳng thể trừ tổn hại,
 Lợi ích cứu giúp người.
 Thí, giới như đã nói,
 Là đại lộ chánh pháp.
 Nếu bỏ, hành tà đạo
 Tự chuốc khổ, trâu đày.
 Sinh tử ấy mênh mông,
 Không cơm, nước, bóng cây
 Hoặc bị sói ăn thịt
 Cứ đi hoài trong đó
 Sát sinh nên yếu mạng
 Khổ nã và bệnh nhiều
 Vì trộm nên nghèo túng
 Chiếm đoạt, nên nhiều oán
 Nói dối bị phỉ báng

Hai lưỡi, (nên) xa người thân
 Ác khẩu, (nên) nghe không ưa
 Thêu dệt, người ta ghét
 Tham tổn hại ước mong,
 Sân hận, thường khiếp sợ
 Tà kiến sinh thiên chấp
 Uống rượu, (nên) tâm mê loạn
 Không bố thí: (nên) nghèo cùng
 Tà mạng: (nên) bị lừa dối
 Chẳng kính nên ti tiện
 Ganh ghét: (nên) không uy đức
 Thường hận: (nên) mặt mày xấu
 Chẳng học nên ngu si
 Báo này trong loài người
 Trước đã vào đường ác
 Những tội như sát sinh
 Quả báo như đã nói.
 Những nghiệp như vô tham ...
 Đây là tập nhân thiện
 Làm ác và chịu khổ
 Đều do tà pháp sinh
 Mọi an lạc Thiện đạo
 Đều từ pháp thiện khởi
 Thường liả tất cả ác
 Thường làm tất cả thiện
 Từ nghiệp thân, khẩu ý,
 Phải biết hai pháp này
 Pháp đầu thường ra khỏi
 Bốn đường như địa ngục
 Pháp thứ hai thọ nhận
 Giàu vui, vua trời người
 Nếu an trụ Phạm thiên
 Được cái vui cõi ấy.
 Nói lược tên nhân vui,
 Và quả vui như thế.
 Lại nữa pháp giải thoát
 Vi tế rất khó thấy
 Phàm phu không từng nghe

Nghe ắt sinh hoảng sợ
Hiện đời ngã đã không
Vị lai không ngã sở
Phàm phu nghe liền sợ
Người trí dứt hết sợ
Thế gian sinh ngã kiến
Chấp trói buộc việc, người
Phật vì chúng được đạo
Thương xót nói họ nghe
Ngã, ngã sở có ấy
Cả hai đều hư dối
Do thấy như thật lý
Hai chấp chẳng còn sinh
Các ám, ngã chấp sinh
Ngã chấp vốn không thật
Nếu chủng tử không thật
Mâm ấy làm sao chân
Nếu thấy ám không thật
Thì ngã kiến chẳng sinh
Do ngã kiến diệt hết
Các ám chẳng sinh nữa
Như nhìn vào gương sạch
Thấy được khuôn mặt mình
Hình ấy tuy thấy được
Nhưng vốn không phải thật
Ngã kiến cũng như vậy
Nhờ ám được hiển hiện
Như thật giữ, chẳng có
Giống như bóng trong gương
Nếu người chẳng cầm gương
Thì không thấy bóng mình
Nên nếu phân tích ám
Thì chẳng có ngã kiến
Nhân nghe nghĩa thế này
Nên Phật khiến A nan
Liên được mắt thanh tịnh
Thường vì người diễn nói
Nếu như còn chấp ám

Thì ngã kiến còn hoài
Bởi vì có ngã kiến
Nên có Nghiệp, Hữu mãi
Ba phần vòng sinh tử
Không đầu, giữa, cuối chuyển
Chẳng khác vòng tròn lửa
Sống chết cứ vẫn xoay
Lại tự mình và người
Ba đời chẳng thật có
Chứng được ngã kiến diệt
Và nghiệp báo cũng thế
Thấy nhân quả như vậy
Sinh và diệt đều hết
Nên không chấp thật có
Có, không của thế gian
Người ngu nghe pháp này
Có thể dứt các khổ
Do vô trí nên sợ
Những nơi không sợ hãi
Niết Bàn không như vậy
Vì sao ông hoảng sợ?
Kỳ thật nó rỗng lặng
Vì sao khiến ông sợ?
Giải thoát không ngã, ấm
Nếu ông ưa pháp này
Xả ngã và các ấm
Vì sao ông chẳng vui
Không chẳng phải Niết bàn
Hướng gì cho là có
Chấp có, không đều tịnh
Phật gọi là Niết Bàn
Nếu lược nói tà kiến
Tức bác không nhân quả
Nó khiến phước chẳng có
Cõi ác nhân nặng nhất
Nếu lược nói chính kiến
Tức tin có nhân quả
Thường làm phước đức đầy

Cõi thiện nhân tối thượng
 Có trí bất có, không
 Vượt khỏi phước chẳng phước
 Nên lìa đường thiện, ác
 Phật gọi là giải thoát
 Nếu thấy Sinh có nhân
 Người trí xả chấp “Không”
 Vì thấy Diệt cùng nhân
 Nên xả bỏ chấp “có”
 Hai nhân câu sanh trước
 Thật nghĩa thì không nhân
 Giả danh, không chỗ tựa
 Nên sinh chẳng phải thật
 Nếu đây có kia có
 Như có ngắn và dài
 Đây sinh nên kia sinh
 Như đèn có ánh sáng
 Trước dài, sau thành ngắn
 Nếu không, chẳng phải tính
 Do ánh sáng chẳng sinh
 Đèn cũng chẳng thật có
 Như vậy, nhân quả sinh
 Thấy thì, chẳng chấp “không”
 Thế gian đã tin thật,
 là do tâm loạn sinh.
 Thấy diệt, chẳng hư dối
 thì chứng đắc Chân như
 Bởi vậy chẳng chấp “có”
 Chẳng nương hai, giải thoát,
 Sắc là thấy từ xa
 Nếu gần rất rõ ràng
 Bóng nước nếu thật có
 Sao đến gần không thấy
 Nếu không có thật trí
 Liền thấy có thế gian
 Chứng thật thì chẳng thấy
 Không tướng, như hươu khát
 Nhìn dợn nắng tưởng nước

Chẳng phải nước, vật thật
Như vậy, ấm giống người
Chẳng phải người, pháp thật
Hươu khát chấp là nước
Chạy đến kia để uống.
Không mà chấp có nước
Người ngu si như đây,
Thế gian như hươu khát.
Nếu chấp thật có, không
Đây chính là vô minh
Ngu nên không giải thoát
Chấp “không”, đọa đường ác
Chấp “có”, sinh nẻo thiện
Nếu thường biết như thật,
Nương chẳng hai, giải thoát
Chẳng ưa chấp có, không
Nhờ chọn nghĩa chân thật
Nếu rơi vào chấp “không”
Sao không nói đọa “có”
Nếu nói do phá “có”
Nghĩ phải đến đọa “không”
Như đây phá chấp “không”
Sao chẳng rơi vào “có”?
Không nói, làm, khởi tâm
Vì nương vào Bồ đề
Nếu nói rơi vào “không”
Tại sao chẳng rơi “có”
Tăng khư, Tỳ Thế sư
Ni kiền nói người, ấm
Đứng về đời hỏi rằng
Nếu nói tội có, không
Không thể gọi là pháp
Do vì tội có, không
Ông phải biết thật sâu
Phật dạy rất rõ ràng
Hiểu rõ không đến, đi
Một niệm cũng chẳng trụ
Hiểu được tội ba đời

Đời nào là có thật?
 Hai đời không đến, đi
 Hiện tại cũng chẳng trụ
 Đời sinh trụ và diệt
 Đây nói gì là thật?
 Nếu thường bị đổi thay
 Pháp nào niệm chẳng diệt
 Nếu niệm niệm không diệt
 Tại sao có đổi thay?
 Nếu nói niệm niệm diệt
 Tức tất cả đều diệt
 Chẳng cùng phải chứng kiến
 Cả hai đều không đúng
 Nếu niệm, diệt đều hết
 Tại sao có vật cũ?
 Nếu thật niệm không diệt
 Vật cũ tại sao thành
 Như sát na sau cùng
 Khoảng trước đó vẫn có
 Sát na có ba phần
 Nên đời, niệm không trụ
 Một niệm có ba khoảng
 Phải lựa khoảng mà niệm
 Ba khoảng trước, giữa, sau
 Chẳng do tự, tha thành
 Chẳng phải một, nhiều phần
 Không phân làm sao có
 Là một, nhiều thì sao?
 Là có, pháp nào không
 Do diệt và đối trị
 Nếu nói có thành không
 Không này và đối trị
 Pháp nào còn có, không
 Bởi vậy đời, Niết Bàn
 Do nghĩa chẳng thành có
 Thế gian có đời sau?
 Ai hỏi, Phật im lặng
 Vì Nhất thiết trí tôn (tôn kính)

Chỉ người trí biết Phật
Do đó pháp sâu xa
Chẳng nói hạng không trí (phi pháp khí)
Như pháp giải thoát này
Sâu xa không nắm được
Nhất thiết trí chư Phật
Nói pháp không chỗ nương
Pháp không nương chấp ấy
Vượt hai biên “có, không”
Người đời ưa nương, chấp,
Do ngu nên sợ mất:
Mất tự mình, hoại người
Hoảng sợ, không chỗ nương
Mong Vua chẳng động tâm
Đừng do tự hoại kia.
Nay tôi nói chân lý
Để ông thành chẳng hoại.
Do nương không diên đảo
Lìa hai chấp có, không
Vượt qua, phước, phi phước
Nghĩa sâu xa tỏ rõ
Chẳng thân kiến, sợ “không”
Sẽ nói người và cảnh
Bốn đại và không, thức
Tụ lại chẳng phải người
Lìa, hợp chẳng phải người
Tại sao chấp có người
Sáu giới chẳng phải người
Tụ nên giả không thật
Mỗi mỗi cõi đều vậy
Do tụ nên chẳng thật
Ấm không ngã, ngã sở
Lìa ấm, chẳng thấy ngã
Nếu củi không bén lửa
Nương đâu ấm thành ngã
Địa giới chẳng ba đại,
Trong địa không có ba
Trong ba cũng không địa

Lìa nhau thì chẳng thành
Địa, thủy, hỏa, phong đại
Tự tánh riêng không thành
Lìa một, chẳng thành ba
Ba lìa một cũng vậy
Một ba và ba một
Nếu lìa nhau chẳng thành
Mỗi mỗi tự chẳng thành
Còn lìa thì thế nào?
Nếu lìa mà tự thành
Lìa củi sao không lửa
Động, ngại và tích tụ
Nước, gió, đất cũng vậy.
Nếu lửa chẳng tự thành
Ba làm sao đứng riêng
Nghĩa duyên sinh ba đại
Chống nhau làm sao thành
Nếu mỗi đại tự thành
Tại sao cùng nhau có?
Nếu nó chẳng tự thành
Tại sao hợp thành có?
Nếu nói chẳng lìa nhau
Các đại tự nó thành
Chẳng lìa thì chẳng chung
Nếu lìa chẳng thành riêng
Các đại chẳng tự thành
Tại sao tính tướng khác?
Tự thành chẳng riêng nhiều
Nên tướng là giả danh
Sắc, thanh, hương, vị, xúc
Lựa chọn nghĩa như đại
Nhãn, sắc, thức, vô minh
Nghị sinh chọn cũng vậy
Tác giả, nghiệp và sự
Hợp thành nhân quả, đời
Ngắn, dài, và danh, tướng
Chẳng tướng chọn cũng vậy.
Đất, nước, gió và lửa

Ngắn dài cùng nhỏ lớn
 Nào thiện, ác, thức, trí
 Trong trí diệt không sót
 Như Thức xứ vô hình
 Vô biên, hiện bày khắp
 Trong đây nào đất, nước...
 Tất cả đều diệt sạch
 Ngay trí vô tướng này
 Ngắn, dài, nghiệp thiện, ác
 Danh, sắc và các ấm
 Đều diệt sạch không còn
 Như đây... đối với thức
 Do vô minh có trước
 Từ thức nếu khởi trí
 Thì sau thức ... đều dứt
 Các pháp đời như thế
 Lửa thức, đốt cháy củi
 Do thật lờng lửa sáng
 Thức đời củi cháy hết
 Do ngu thấy có, không
 Sau lựa chọn Chân như
 Tìm có đã không được
 Thì làm sao được không?
 Từ không sắc mà thành
 “Không” chỉ là danh tự
 Là đại, gì là sắc
 Nên sắc chỉ là danh
 Thọ, tướng, hành và thức
 Tư duy như bốn đại
 Bốn đại rộng như ngã
 Sáu giới chẳng người pháp.

Phẩm Thứ Hai: TẬP

Như lột dần cây chuối
 Cuối cùng chẳng có gì
 Dưa sáu giới phân tích
 Rỗng không cũng như thế
 Do vậy Phật chính nói
 Tất cả pháp vô ngã
 Sáu giới gọi là pháp
 Nhưng rõ ràng vô ngã.
 Hai nghĩa ngã, vô ngã
 Thật chẳng nắm bắt được
 Nên Như Lai ngăn ngừa
 Hai biên ngã, vô ngã
 Thấy, nghe, hiểu, biết, nói
 Phật nêu: đều không thật
 Hai tướng đối đãi thành
 Cả hai như thật không.
 Như thật nắm thế gian
 Vượt thật cũng vượt giả
 Thì thế gian nương thật
 Nên rơi vào “có, không”
 Nếu pháp chẳng như vậy
 Thì tại sao Phật nói
 Hữu biên và vô biên
 Có hai và không hai.
 Phật quá khứ vô lượng
 Nay, sau cũng vô số
 Nhiều hơn cả chúng sinh
 Ba đời do Phật hiển
 Thế gian không lâu dài
 Đứng về đời mà nói
 Thế gian vượt có, không
 Sao Phật nói biên hạn
 Pháp sâu xa như vậy
 Chẳng nói phàm phu nghe
 Nói đời như huyễn hóa
 Là Phật phương tiện dạy
 Ví như hình huyễn hóa

Sinh diệt vẫn thấy được
Hình này và sinh diệt
Nghĩa thật nắm chẳng có.
Thế gian như huyễn hóa
Sinh diệt có thể thấy
Thế gian và sinh diệt
Về thật nghĩa đều hư
Hình huyễn chẳng hề có
Nơi đến và nơi đi
Chỉ tâm chúng sinh mê,
Do thật có chẳng trụ.
Đời vốn vượt ba đời
Nếu vậy đời nào thật
Lìa ngôn thuyết, có không
“Có, không” thật không nghĩa
Phật dựa nơi Tứ cú
Chẳng hề nói thế gian
Do có, không đều đối
Đối này chẳng hề đối.
Tướng bất tịnh thân này
Cảnh giới trí thô chứng
Thường thường nhìn thấy được
Còn chẳng trụ nơi tâm
Hướng chính pháp vi tế!
Sâu xa không chỗ nương
Tán tâm làm sao chứng
Làm sao vào dễ dàng
Nên Phật mới thành đạo
Liên muốn nhập Niết Bàn.
Do thấy chính pháp này
Sâu xa thật khó hiểu.
Nếu chẳng hiểu đúng pháp
Là làm hại người ngu
Do không nắm như vậy
Rơi vào hố tà kiến
Người biết pháp không rõ
Tự cao khinh thường pháp.
Hủy báng hoại thân mình

Cuối cùng vào Địa ngục
Ví như thức ăn ngon
Ăn nhiều sẽ nguy hại
Nếu như ăn vừa phải
Khỏe mạnh, vui, sống lâu
Nếu chỉ hiểu chính pháp
Gặp khổ cũng như vậy.
Nếu thường hiểu như lý
An lạc và Bồ đề
Người trí đối chính pháp
Lìa hủy báng tà chấp
Từ chánh trí khởi dụng
Nên thành việc như ý
Do chẳng hiểu pháp này
Con người khởi ngã kiến.
Vì thế tạo ba nghiệp
Sinh vào đường thiện, ác
Cho đến chuta chúng pháp
Thường trừ diệt ngã kiến
Thường kính, khởi chánh cần
Tu giới, thí nhĩn nhục ...
Làm việc, pháp đứng đầu
Rồi đến khoảng giữa, sau.
Chân lý không luống dối
Nay sau chẳng trầm luân
Hiện đời được tiếng thơm
Vui, chết không hoảng sợ
Đời sau được giàu vui
Nên thường cung kính pháp
Chỉ pháp là đường chính
Nếu thiên hạ ưa pháp.
Nhà vua theo lòng dân
Nay, sau chẳng bị lừa
Dùng tà pháp trị dân
Vua bị dân chán ghét
Vì thế gian oán ghét
Nay, sau chẳng an vui
Phép vua lừa dối người

Là nạn lớn cõi ác.
Trí ác và mạng tà
Làm sao gọi là chính
Nếu người chuyên lừa người
Sao gọi là việc chính
Bởi vậy nên muôn đời
Thường bị người lừa dối
Làm người ta oán, lo
Là đánh mất đức mình.
Do chỉ biết lợi mình
Nên khiến oán, buồn, não
Bố thí và ái ngữ
Lợi hành và đồng sự
Lấy đó mà trị đời
Là hoàng dương chính pháp
Một lời thật của vua
Như muôn dân tin chắc.
Trọng vọng ngữ như vậy
Đừng để người tin dối
Nói thật ý không trái
Đẹp lòng thường lợi người
Đây gọi là nói thật
Trái lại là nói dối
Như bỏ tiền và trí
Như giấu kín lỗi vua.
Như vậy, vua gian lận
Hại cả đức độ mình
Nếu vua dốt việc xấu
Đức cao, người yêu kính
Bởi vậy dạy mình quân
Nên ưa việc vắng lặng
Nhờ trí, vua khó động
Tự rõ chẳng tin người.
Trọn không bị lừa dối
Nên quyết phải tu trí
Nương để bỏ trí tĩnh
Thì vua đủ bốn thiện
Như chính pháp bốn đức

Trời người đều tán dương
 Điều phục nói thanh tịnh
 Do Bi, Trí không nhiễm.
 Thường ở cùng người trí
 Trí pháp vua tăng trưởng
 Thuyết thiện người khéo được
 Nghe lời thiện cũng khó
 Người thứ ba tối thắng
 Thường mau hành giáo thiện
 Nếu thiện không như ái
 Biết rồi phải tu mau
 Như vị thuốc tuy đắng
 Vì bệnh phải uống vào
 Ngồi vua thọ, không bệnh
 Thường nhớ nghĩ vô thường.
 Kế sinh tâm chán sợ
 Sau, chuyên tâm tu tập
 Thấy nhất định phải chết
 Chết do ác kiến khổ
 Người trí hiện tại vui,
 Nên chẳng tạo tội lỗi
 Thoạt thấy thì không sợ
 Thấy rồi sau mới sợ
 Nếu một niệm tâm an
 Niệm sau sao chẳng sợ
 Uống rượu bị người khinh
 Hư việc hại sức khỏe
 Si mê tạo tội lỗi
 Nên người trí bỏ rượu
 Những thứ vui cờ bạc
 Sinh tham sân dối lừa
 Ác khẩu và nói dối
 Nên cần phải rời xa
 Dâm dục sinh lỗi lầm
 Vì nghĩ thân nữ sạch
 Tìm xét trong thân nữ
 Thật chẳng mấy may sạch
 Miệng chứa đầy đờm dãi

Răng, lưỡi dơ, hôi hám.
Mũi hôi, nước mũi chảy
Mắt ghèn, chảy nước mắt
Bụng ruột đầy phần tiểu
Xương thịt hợp thành hình
Người ngu, do không thấy
Nên mê đắm thân này
Các căn rất ô uế
Là nhân thân chán ghét.
Trong ấy nếu sinh ái
Thì làm sao lìa dục
Ví như đồ phần tiểu
Heo thích đùa trong đó
Cửa bất tịnh của thân
Đa dục đùa cũng vậy
Sở dĩ cửa này sinh
Vì bỏ thân, cõi dơ.
Người mê, chấp tà ái
Chẳng nhìn lại thân mình
Ông tự thấy một phần
Nào phần tiểu chẳng sạch
Tụ lại gọi là thân
Vì sao ông ưa đắm.
Đỏ, trắng là giống sinh
Nước dơ nuôi dưỡng nó.
Nếu biết thân chẳng sạch
Cớ sao sinh đắm ưa
Khối dơ, thật đáng ghét
Da bao bọc nước dơ
Nếu hay nằm trong đó
Thì mê đắm thân nữ
Dù đáng ghét, đáng ưa
Già suy và trai trẻ.
Thân nữ đều chẳng sạch
Ông mê đắm chỗ nào?
Bày dơ, tụ sắc đẹp
Tướng đoan chính, mềm mại
Không nên khởi mê đắm

Thích thân nữ cũng vậy
Trong hơi hám bất tịnh
Ngoài túi da bao quanh.
Đó là tính thân chết
Thấy rồi sao chẳng biết
Da chẳng sạch như áo
Đâu thể tạm cởi giặt
Muôn dơ hợp thành da
Tùy thời rửa thành sạch
Trong chứa đầy ô ế
Ngoài trang sức đáng ghê
Thân này đầy thứ ế
Ông không gớm vì sao?
Nếu ông ghét bất tịnh
Tại sao không chán thân
Hương thơm đồ ăn, uống
Vốn sạch mà thường dơ
Nếu ông thấy chán ghét
Với ô ế mình, người
Tại sao ông không chán
Thân mình, người chẳng sạch.
Như thân nữ chẳng sạch
Thân mình dơ cũng thế
Bởi vậy người lia dục
Gọi tướng trong ngoài là
Chín cửa chảy đồ dơ
Tự thấy, tự tẩy rửa
Nếu không biết chẳng sạch
Mà nói về ái dục.
Hiếm thấy người không biết
Không thẹn và khinh người
Đối thân rất bất tịnh
Nào có lợi cho ông
Muôn chúng sinh do đây
Vô minh che tâm trí
Vì trần dục kết oán
Như chó giành phần dơ
Như ruồi ưa mọt ghẻ

Không ghê mới an vui
Như vậy có dục lạc
Người vô dục vui nhất
Nếu ông nghĩ nghĩa này
Chẳng thể nào lìa dục
Do nghĩ dục thấp hèn
Không tạo tội dâm dục.
Săn bắn nên yếu mạng
Sợ, khổ cùng bức bách
Đời sau ắt chịu báo
Nên phải hành từ bi
Hoặc có người khi thấy
Sinh lòng rất khiếp sợ
Như phần làm dơ thân
Sinh ra rắn ác độc.
Người này nếu đến đâu
Mà chúng sinh an lạc
Như mùa hạ đầy mây
Nông phu thấy muốn mưa
Nên ông xả pháp ác
Quyết tâm tu hạnh thiện
Mình, người đều chứng được
Quả Bồ đề Vô thượng.
Nền tảng của Bồ đề
Tâm vững như núi chúa
Tâm bi khắp mười phương
Và trí nương “không hai”
Đại Vương ông nghe kỹ
Ta sẽ nói ông nghe
Cảm ba mươi hai tướng
Thường trang nghiêm thân ông
Tháp, Thánh, người tôn kính
Cúng dường thường hầu cận.
Chân tay có Luân tướng
Sẽ thành Chuyển Luân Vương
Tay chân mềm, uyển chuyển
Thân có bảy chỗ cao
Do ban thức ăn ngon

Làm người khác no đủ
Thân ngay thẳng đây đặn
Tay, gót chân tròn dài.
Ông sẽ được sống lâu
Nhờ thương kẻ tù, chết
Đại Vương gìn giữ pháp
Khiến thanh tịnh lâu bền
Do đó chân bằng phẳng
Và sẽ thành Bồ tát
Hành bố thí, ái ngữ
Lợi hành và đồng sự.
Nhờ vậy tay có màng
Tám mươi chỉ tay chân
Gót chân cao đáng yêu
Lông xoay vẫn hướng lên
Do thường không từ bỏ
Gốc pháp đã thụ trì
Do cung kính lãnh thụ
Thấu tỏ và khéo léo.
Nên đùi như nai chúa
Có trí lớn, thông minh
Ta có vật người cần
Nay mau chóng ban cho
Nhờ vậy cánh tay lớn
Được làm vua ở đời
Nếu người thân xa nhau
Bồ tát khiến hòa hợp.
Nhờ vậy tướng âm tàng
Thường mặc áo hổ thẹn
Thường ban lâu đài, điện
Da mịn màng đáng ưa
Nên cảm thân sắc trời
Trơn, mịn, sáng, rất đẹp
Nhờ ban sự che chở
Như tôn trọng trưởng thượng.
Được chân lông một sợi
Lông trắng, mặt đoan nghiêm
Thường nói lời ái, thiện

Lại thường thuận chính giáo
Thân trên như Sư tử
Cổ tròn như Cam phù
Xem bệnh cho thuốc thang
Hoặc cấp người nuôi dưỡng.
Nên được tướng nách đầy
Muôn mạch có trăm vị
Pháp sự của mình, người
Thường đứng ra gánh vác
Xương đánh đầu, nhục kế
Vuông cao hơn gò má
Lúc nào cũng khéo nói
Lời êm dịu dễ nghe.
Được tám tướng Phạm âm
Và tướng lưỡi dài rộng.
Đã biết việc có lợi
Thường nói cho người nghe
Tướng đẹp như Sư tử
Mặt vuông thật đáng ưa
Do kính trọng người khác
Thuận theo, làm lý đúng
Răng trắng, đều và khít
Chẳng khác ngọc trên châu.
Do thường nói lời thật
Không nói dối, hai lưỡi
Nên đủ bốn mươi răng
Bằng, trơn, chắc, sạch trắng
Do nhìn thấy chúng sinh
Đẹp, không tham, sân, si
Nên mắt xanh tròn sáng
Khép mở như Ngưu vương
Do lược nói như thế
Tướng đại nhân và nhân
Chuyển Luân Vương, Bồ tát
Đẹp diệu đến như vậy
Có tám mươi vẻ đẹp
Do từ bi sinh ra
Đại Vương! Tôi không nói

Vì tránh phải dài dòng.
Dù các Chuyển Luân Vương
Đều có tướng tốt này
Sáng sạch và đáng yêu
Nhưng trọn không bằng Phật
Từ tâm thiện Bồ tát
Một niệm sinh một phần
Tướng tốt của Luân Vương
Còn chưa bằng đầy vậy.
Một người muôn ức kiếp
Tu, căn lành tăng trưởng
Với một tướng lông Phật
Còn chưa thể cảm được
Chư Phật và Luân Vương
Mỗi phần trong các tướng
Như đèn đốm mặt trời
Sáng, đẹp khác rất xa.

Phẩm Thứ Ba: TỬ LƯƠNG BỒ ĐỀ

*Chư Phật tướng rất tốt
Từ phước khó nghĩ sinh
Nay tôi nói ông nghe
Nương A hàm, Đại thừa
Tất cả phước Duyên giác
Phước Hữu học, Vô học
Phước thế gian mười phương
Phước thế gian khó lường
Phước này gấp mười lần
Được một tướng lông Phật
Chín vạn chín ngàn lông
Mỗi một phước đều vậy
Vô lượng phước như vậy
Sinh tất cả lông Phật
Lại gấp hơn trăm lần
Mới thành một tướng tốt.
Và nhiều lần như vậy
Tướng hảo lần lượt thành
Cho đến đủ tám mươi
Trang sức một tướng lớn
Nhóm phước đức như thế
Thường cảm tám mươi tướng
Hợp lại trăm dần tăng
Cảm Phật một tướng đại
Nhiều phước đức như vậy
Thường cảm ba mươi tướng
Lại tăng gấp trăm lần
Được tướng như trăng tròn.
Muốn được phước lông trắng
Phải gấp ngàn lần nữa
Phước này rất khó gặp
Tướng Nhục kế trên đỉnh
Vô lượng phước như vậy
Phương tiện nói hữu lượng
Trong tất cả mười phương
Nói gấp mười lần đời.
Nhân sắc thân chư Phật*

Còn như đời vô lượng
 Hướng Pháp thân chư Phật
 Lẽ nào có bến bờ
 Nhân thế gian tuy nhỏ
 Mà quả lớn khó lường
 Nhân Phật đã vô lượng
 Có thể lường quả chẳng.
 Chư Phật có sắc thân
 Đều từ phước hạnh khởi
 Còn Pháp thân chư Phật
 Do trí tuệ mà thành
 Do phước tuệ của Phật
 Là chính nhân Bồ đề
 Nên mong ông thường hành
 Hạnh phước tuệ Bồ đề.
 Thành tựu phước Bồ đề
 Ông chớ lo chìm đắm.
 Với A hàm hữu lý
 Thường khiến tâm tin, an
 Như mười phương vô biên
 Không và đất, nước, lửa
 Các chúng sinh có khổ
 Nó vô biên cũng vậy.
 Chúng sinh vô biên này
 Bồ tát nương Đại bi
 Từ khổ mà cứu tế
 Mong họ vào Niết Bàn
 Do phát tâm kiên cố
 Đi đứng nằm ngồi biết
 Có lúc chợt phóng túng
 Vô lượng phước thường chuyển
 Phước nhiều như chúng sinh
 Hằng chuyển không kể hở
 Nhân quả đã tương xứng
 Nên Bồ đề chẳng khó
 Thời tiết và chúng sinh
 Bồ đề và phước đức.
 Do bốn vô lượng này

Bồ tát kiên tâm làm
Bồ đề tuy vô lượng
Nhân bốn vô lượng trước
Tu hai hạnh phước, tuệ
Sao bảo là khó được?
Tu hai hạnh phước, tuệ
Như vậy không bến bờ.
Bồ tát thân tâm khổ
Nên mau chóng tiêu trừ
Nào đường ác, đói, khát
Thân khổ, nghiệp ác sinh
Bồ tát thường lìa ác
Làm thiện, khổ không sinh
Nào dục, sân, sợ hãi
Tâm khổ do si sinh
Do nương trí “không hai”
Bồ tát lìa tâm khổ
Nếu chút khổ ập đến
Khó nhẫn, hưởng gì nhiều
Lúc nào cũng không khổ
Có vui, nào khó gì
Trọn chẳng có khổ thân
Giả nói có tâm khổ.
Thương hai khổ thế gian
Nên thường ở sinh tử
Nhờ đó Bồ đề lớn
Người trí, tâm chẳng chìm
Vì diệt ác sinh thiện
Lúc này liên tục tu
Thâm sân và vô minh
Mong ông biết xả, lìa.
Các thiện như không tham...
Cần phải cung kính làm
Do tham sinh ngã quý
Do sân đọa địa ngục
Do si sinh súc sinh
Trái đây, vào trời người
Bỏ ác và tu thiện

Đây là nhân an vui.
Nếu là pháp giải thoát
Do trí bỏ hai chấp
Tượng Phật và tháp miếu
Điện đền cùng chùa viện
Vật cúng dường tối thắng
Ông nên thành tâm dâng
Ngồi trên hoa sen báu
Sắc đẹp rất nhiệm màu.
Tất cả thứ của báu
Ông nên tạo tượng Phật
Chính pháp và Thánh chúng
Dùng thân mau hộ trì
Vàng bạc làm lọng báu
Dâng hiến che tháp Phật
Vàng bạc muôn hoa báu
Ngọc san hô, lưu ly
Đế Thích Thanh Đại Thanh
Kim cương làm tháp báu.
Người thường nói chính pháp
Dùng bốn sự cúng dường
Pháp như Sáu hòa kính ...
Phải thường chuyên tu hành
Cung kính nghe tôn trưởng
Ân cần thờ, hầu hạ
Bồ tát phải nên làm
Chết rồi vẫn cúng dường.
Ở trong chúng ngoại đạo
Chẳng nên thân, thờ lạ
Đối vô tri tin tà
Chớ thờ tri thức ác
A Hàm và Luận Phật
Ghi chép, đọc tụng, giảng
Và ban cấp giấy mực
Ông nên tu phước này.
Trong nước dựng trường học
Nuôi thầy và học sĩ
Dựng cơ nghiệp lâu dài

Để phước tuệ tăng trưởng
Chữa bệnh, xem lịch số
Đều là lập ruộng tốt
Giúp trẻ già bệnh khổ
Có lợi cho nước nhà.
Dựng chùa, sửa đường sá
Đắp đê, hồ, làm nhà
Rồi cung cấp cho họ
Đủ gạo, muối, tương, củi
Với quốc độ lớn nhỏ
Nên dựng chùa, đình, quán
Đường xa thiếu nước uống
Đào ao giếng cấp nước.
Bệnh khổ, nghèo, bơ vơ
Kể ti tiện, sợ sệt
Dùng từ bi thấu nhận
Chuyên tâm lo cho họ
Cho đồ ăn thức uống
Rau trái và thóc gạo
Đại chúng và người cầu
Chưa cho, đừng dùng trước.
Nào giày dép, vải vóc
Gương, quạt và kim chỉ
Đồ ngủ nghỉ, đơm bắt
Để trong chùa, đình, quán
Trái cây, rau gạo muối
Mật đường, sữa, thuốc men.
Phải thường để tâm xét
Lo cầu nguyện, thuốc thang.
Hương thơm, dầu xoa thân,
Đèn đuốc, rau, gạo nếp
Thùng, gàu, dao, búa, rìu
Nên để trong đình quán
Thức ăn và thức uống
Lúa gạo, đường, tương, dầu
Phải để nơi mát thoáng
Hay trong chỗ nước sạch
Những nơi có kiến, chuột

Nếu có để thức ăn.
Phải sai người tin cậy
Ngày ngày phân tán đi
Trước và sau khi ăn
Phải cùng cho quỷ đói
Chó chuột, chim và kiến
Mong ông thường cho ăn
Lúc bệnh dịch, đói khát
Hạn hán và cướp bóc.
Nước thua phải cứu giúp
Mong ông thường thương tưởng
Nông dân gặp mất mùa
Hãy cấp lương, dụng cụ
Tùy lúc mà thu thuế
Nặng, nhẹ phải theo mùa
Giúp đỡ kẻ nợ, nghèo
Ra, vào chớ khinh khi.
Đề phòng, chớ ngủ nghỉ
Tùy lúc tiếp đãi khách
Trong, ngoài nước trộm cắp
Phương tiện khiến dứt ngay
Phải thường khuyên lái buôn
Giữ vật giá thẳng bằng
Ngồi nơi cao phán việc
Phải xét đúng như lý.
Những việc lợi muôn dân
Thường cung kính tu hành
Cần làm gì lợi mình
Như ông thường suy nghĩ
Lợi người làm sao thành
Ông nên gấp nghĩ suy
Nào đất nước gió lửa
Cỏ thuốc và cây hoang.
Như thế hoặc tạm thời
Chịu người khuyên chẳng ngại
Bảy bước chợt khởi tâm
Nên bỏ hết của cải
Phước đức Bồ tát thành

Như hư không khó lượng
Đồng nữ sắc nghiêm, đẹp
Nhờ bố thí mà có
Nên được Đà-la-ni
Luôn trì tất cả pháp
Yêu, đẹp đủ trang nghiêm.
Cùng tất cả vật dụng
Cho tám muôn đồng nữ
Thuở xưa Phật Thích-ca
Quang minh vô số màu
Y phục, đồ trang nghiêm
Nào hoa hương đều thí
Nương bi tuệ mà cầu
Nếu người lìa duyên này
Với pháp không an lạc
Thì nên ban cho họ
Đủ rồi, sau đừng cho
Độc, cũng phải cho họ
Nếu đó thường lợi người.
Cam lồ chẳng nên cho
Nếu đó tổn hại người
Như rấn cắn tay người
Phật cũng cho trừ khử
Hoặc Phật dạy lợi người
Có khi làm bức não
Chuyên tâm giữ chính pháp
Và người thường nói pháp.
Cung kính nghe, thọ trì
Hoặc thí pháp kẻ khác
Chớ thích người đời khen
Thường vui pháp thoát tục
Lập đức mình thế nào
Với người cũng như vậy
Nghe, đừng cho là đủ
Phải nghĩ, tu thật nghĩa.
Phải báo ơn thầy bạn
Cung kính làm, chớ tiếc
Chớ đọc luận ngoại, tà

Rồi khởi ra tranh luận
Chẳng nên khen đức mình
Mà nên khen đức người
Chớ tìm lỗi người khác
Và tâm ác, hai lưỡi.
Nếu người khác có lỗi
Đúng lý xem, nêu ra
Nếu từ lỗi làm đó
Người trí quở trách họ
Ta phải lìa lỗi ấy
Mà thường cứu giúp họ
Họ nhục, mình chớ sân
Phải quán ác nghiệp xưa.
Không báo ác với người
Đời sau không chịu khổ
Với người nên làm ơn
Đừng mong họ báo đáp
Chỉ riêng mình chịu khổ
Mong mọi người an vui
Nếu mình giàu có lớn
Đừng sinh tâm tự cao.
Đói khát như ngựa quỉ
Cũng đừng sinh bi lụy
Giả sử mất ngôi vua
Hoặc chết vì nói thật
Cũng thường nói lời đó
Không lợi thì im lặng
Nói sao, làm như vậy
Mong ông chăm làm thiện.
Nhờ đó tiếng thơm lan
Tự nhiên mình vượt trội
Cần phải chọn lựa kỹ
Sau mới nương lý làm
Chớ tin người rồi làm
Phải tự rõ thật nghĩa
Nếu nương lý làm lành
Tiếng thơm truyền khắp chốn
Vương hầu mãi không dứt

Vua càng thêm giàu, vui
Duyên chết có trăm thứ
Nhân sống lâu không nhiều.
Nhân sống, hoặc duyên chết
Cần phải thường tu thiện
Nếu người thường làm lành
Tất sẽ được an lạc
Xem mình cũng như người
Thiện này vui đầy đủ
Người lấy pháp làm tánh
Thức ngủ thường an lạc.
Trong mộng, thấy việc lành
Do tâm không xấu ác
Nếu người nuôi cha mẹ
Cung phụng bậc tôn trưởng
Kính người tốt, bố thí
Nhẫn nhục, phước thù thắng
Nhỏ nhẹ không hai lười
Lời thật cùng an vui.
Đây là nhân Đế Thích
Hết thọ, nên tu hành
Do xưa hành chín pháp
Thiên chủ được Đế vị
Thời thời ở pháp đường
Đến nay vẫn như vậy
Một ngày ba bữa thí
Thức ngon ban trăm phần.
Phước chẳng bằng phần trăm
Trong sát na hành từ
Trời người đều thương hộ
Ngày đêm được an vui
Lìa oán giận, độc hại
Hiện quả của làm Từ
Không công mà được của
Đời sau sinh Sắc giới.
Được mười công đức Từ
Nếu người chưa giải thoát
Dạy tất cả chúng sinh

Gắng phát tâm Bồ đề
 Đức Bồ tát như núi
 Tâm Bồ đề vững chắc
 Do tin, lìa tám nạn
 Nhờ giới sinh đường lành.
 Thường tu Chân như không
 Được thiện, không phóng dật
 Không nịnh, được niệm căn
 Thường nghĩ được Tuệ căn
 Cung kính, được nghĩa lý
 Hộ pháp, được Túc mạng
 Bố thí lắng nghe pháp
 Hoặc không cần người nghe.
 Mau được như mình thích
 Sẽ gặp được chư Phật
 Không tham, việc làm thành
 Không lận của cải Tăng
 Lìa mạn, lên Thượng phẩm
 Pháp nhãn, được Tổng trì
 Do làm năm điều thật
 Và ban điều không sợ
 Mãng chửi chẳng làm nhục
 Nên được sức thắng lớn.
 Bày đèn nơi tháp miếu
 Thắp đuốc nơi tối tăm
 Cúng đèn dầu thắp sáng
 Nên được Thiên nhân tịnh
 Lúc cúng dường chư Phật
 Mà đánh trống, thổi nhạc
 Tiếng hay như kèn, đàn
 Nên được Thiên nhĩ tịnh.
 Không xoi mói lỗi người
 Chẳng chê người thiếu đức
 Tùy thuận giữ ý họ
 Nên được Tha tâm trí
 Nhờ ban bố ghế, xe
 Chuyên chở giúp người yếu
 Cung kính bậc Trưởng thượng

*Nên được Như Ý thông.
Khiến người nhớ pháp sự
Và nghĩa lý chính pháp
Hoặc tâm tịnh ban pháp
Nên được Túc mạng trí
Do biết nghĩa chân thật
Tính “không” của các pháp
Nên được Thông thứ sáu
Tức là Lưu tận thông.
Tương ứng Bi bình đẳng
Nhờ tu trí Như thật
Nên tự được thành Phật
Thường giải thoát chúng sinh
Nhờ vô số nguyện tịnh
Nên cõi Phật thanh tịnh
Dùng của báu cúng tháp
Nên phóng vô biên quang.
Như vậy nghiệp và quả
Đã biết nghĩa tương ứng
Nên thường tu lợi tha
Tức tự lợi Bồ tát.*

Phẩm Thứ Tư: CHÍNH GIÁO VƯƠNG

Vua làm việc phi pháp
Hoặc việc chẳng đạo lý
Người thờ vua khen ngợi
Nên tốt xấu khó biết
Cũng có người thế gian
Chẳng thích thiện, khó dạy
Huống gì vua nước lớn
Thường nghe lời người hiền
Ta nay thương xót ông
Và thương người thế gian
Nên ta khéo dạy ông
Thật lợi, nếu chẳng ái.
Sống vui và lợi lạc
Đều nhờ tâm Từ bi
Phật thường dạy đệ tử
Nên ta nói ông nghe
Nếu nghe những lời thật
Nên trụ trong không sân
Nếu lấy ắt phải nhận
Như sông lấy nước sạch.
Nay ta nói lời thiện
Nay, sau đều lợi ích
Ông biết phải nhận làm
Vì mình và thế gian
Xưa giúp kẻ nghèo khổ
Nên nay được giàu sang
Vì tham chẳng biết ơn
Không thực hành bố thí
Ở đời chuyển lương thực
Không thuê, chẳng ai giúp
Nhờ bố thí phẩm vật
Đời sau được gấp trăm
Mong ông phát tâm lớn
Thường tạo dựng việc lớn
Nếu tâm lớn, việc lớn
Là người được quả lớn.
Ý nhỏ, lòng hẹp hòi

Chưa từng khởi tâm nguyện
Tiếng tốt, việc an lành
Nên dựa Tam Bảo làm
Mong nhà vua xét kỹ
Nếu làm việc phi pháp
Chết vẫn mang tiếng xấu
Do chẳng làm việc tốt.
Thường làm việc to lớn
Việc Đại nhân ít khi dùng
Thường ngăn nguyện kẻ dưới
Dùng lệnh thành việc này
Không tự tại bỏ vật
Để mãi đến sau này
Nếu giữ của đúng phép
Sẽ gặp việc nghịch ý.
Sản nghiệp của Tiên đế
Bỏ, giữ, do vua mới
Hãy xem ý Tiên đế
Ưa pháp hay ưa danh
Có của hiện đời vui
Bố thí, đời sau vui
Nếu không, mất cả hai
Chỉ chuốc thêm sầu khổ.
Sắp chết muốn bố thí
Bề tôi ngăn không cho
Ngôi vua hết, bỏ lại
Tùy vua mới tiêu xài
Nếu bỏ tất cả vật
Ông làm sao hoằng pháp
Thường trong trạng thái chết
Như đèn treo trước gió.
Nơi công đức bình đẳng
Do Tiên vương lập ra
Là miếu đường Thiên thần
Mong tu sửa như cũ
Không giết, thường làm lành
Giữ giới, tạo hòa khí
Khéo tăng của, không tranh

Gắng sức luôn tu thiện
 Thanh tịnh, không tích chứa
 Chẳng bỏ muôn việc khác.
 Thường làm người đứng đầu
 Nhận kho công đức kia
 Mù, bệnh, căn không đủ
 Đáng thương, không chỗ nương
 Nơi miếu, không được ngăn
 Bình đẳng ban thức ăn
 Người không mong đạo đức
 Hoặc ở chỗ vua khác.
 Việc chu cấp cũng vậy
 Đừng phân biệt đây kia
 Trong tất cả pháp sự
 Phải chọn người siêng năng
 Thông minh, không tham lam
 Sợ tội, không phạm pháp
 Tổ chính luận làm lành
 Thân ái bốn quán tịnh.
 Lời hay, chẳng khiếm nhược
 Thượng căn hay giữ giới
 Biết ơn, biết người khổ
 Như lý khéo quyết đoán
 Tám người cùng nhau làm
 Vì nước lập tám tòa
 Nhu hòa và độ lượng
 Can đảm rất yêu vua.
 Thật thà, biết dùng của
 Không phóng túng, làm thiện
 Việc làm đều nghệ kỹ
 Thường phân thành mười hai
 Thường hành bốn phương tiện
 Phải lập làm Đại thần
 Giữ pháp, giới thanh tịnh
 Rõ việc, có tài năng.
 Lại biết giữ của cải
 Thông hiểu, khéo tính toán
 Với người và việc khác

Sợ tội, thương yêu vua
Giàu có, nhiều quyến thuộc
Phải lập làm trưởng chức
Ngày ngày cần hỏi xem
Tất cả tiền thu, nhập.
Khi hỏi pháp sự rồi
Hoan hỷ, khéo chỉ dạy
Vì pháp ở ngôi vua
Không cầu danh ô nhiễm
Ngôi vua rất có lợi
Không có gì hơn đây
Đại vương! Ở thế gian
Có lắm kẻ tranh đoạt.
Về nghĩa của ngôi vua
Tôi nói, ông nghe kỹ
Trưởng lão ở chỗ vua
Lớn tuổi hiểu phải trái
Sợ ác, thường theo thiện
Để họ sẵn sóc vua
Bị tội phải dùng hình
Nếu đúng phép gia hình
Vua nên ban đại bi
Khoan dung, ban ơn cho.
Để mọi người lợi lạc
Thường phải khởi tâm từ
Nếu họ phạm tội nặng
Cũng sinh lòng thương xót
Ác nặng tâm cực hại
Tất nơi ấy hành bi
Họ trở thành đáng thương
Người chánh hành cảnh bi
Nếu người nghèo bị bắt
Năm ngày phải thả ra.
Người khác chiếu theo phép
Đừng nên giam giữ lâu
Nếu giam giữ một người
Sẽ sinh tâm bất mã
Chẳng lo đời sống họ

Vì vậy ác xoay vần
Dù họ chửa được thả
Nhưng vẫn thấy an vui.
Lo cơm, nước, thuốc thang
Mọi nhu cầu cho họ
Muốn họ thành người tốt
Phải từ bi dạy họ
Người tốt xấu như nhau
Không do sân, ham muốn
Nghĩ kỹ biết vậy rồi
Người không còn phản nghịch.
Không giết, bức bách họ
Mong vua giúp nước khác
Quyến thuộc như oan gia,
Vì mình không mất sáng
Thường nghĩ, không phóng dật
Làm mọi việc đúng pháp
Ban thưởng và cúng dường
Người có công phải hưởng.
Như nghĩ đức hơn thua
Báo ơn, thưởng cũng vậy
Nhân của người là hoa
Ban thưởng cho là quả
Vua làm cây nhãn nhục
Dân làm chim đến đậu
Vua giữ giới, Bối thí
Có uy được lòng người.
Ví như viên đường cát
Mùi vị cùng trộn lẫn
Nếu vua dựa đạo lý
Sẽ không hành pháp tà
Không nạn, không phi pháp
Thân tâm thường an lạc
Chẳng nhờ đời trước dẫn
Không thể vào vị lai
Ngôi vua từ pháp có
Chớ vì ngôi phá pháp.
Ngôi vua như nghiệp nhà

Truyền phải có giá trị
Vì chẳng cầu mà được
Điều đó ông nhớ nghĩ.
Ngôi vua như nghiệp nhà
Truyền phải có giá trị
Vì ham muốn, cầu được
Phải tu hành điều đó
Chuyển Luân Vương được đất
Hoặc đủ bốn thiên hạ
Chỉ có thân tâm vui
Giàu sang đều hư dối.
Chỉ đối trị các khổ
Thân có được an lạc
Tâm vui chỉ là tướng
Do phân biệt mà ra
Đối trị khổ là chính
Còn phân biệt là phụ
Tất cả vui thế gian
Giả dối không thật có.
Quốc độ và chỗ ở
Nào ngôi vị, cộ xe
Nào áo quần, vật thực
Vợ con cùng voi ngựa
Hễ tâm duyên vật nào
Thì do nó sinh vui
Các cảnh chẳng duyên theo
Thành giả dối, vô dụng.
Năm căn duyên năm trần
Nếu tâm không phân biệt
Cho dù thành nơi trần
Chẳng do nó sinh vui
Ngoài trần căn duyên theo
Còn lại không năng sở
Nên căn trần còn lại
Chân thật không có nghĩa.
Những thứ trần căn duyên
Tâm nhận tướng quá khứ
Phân biệt khởi tướng tịnh

Do nó sinh lạc thụ
Tâm duyên theo một trần
Tâm, trần chẳng cùng đời
Lìa tâm chẳng có trần
Lìa trần chẳng có tâm.
Như cha mẹ là nhân
Mới sanh ra con cái
Như vậy duyên căn, sắc
Nên thức... mới sinh ra
Căn trần đời xưa, sau
Chẳng thành vì không nghĩa
Không ra khỏi hai đời
Trần căn nay không nghĩa
Như mắt thấy vòng lửa
Do nhãn căn đảo loạn
Với trần trong hiện tại
Căn duyên trần cũng vậy
Năm căn và cảnh giới
Là trần của bốn đại
Tất cả đại hư dối
Trần, căn thì đều có.
Đại lia nhau mà thành
Lìa củi phải có lửa
Nếu lia không thể khác
Trần cũng giống như vậy
Bốn đại hai nghĩa đối
Nên chẳng thành hòa đồng
Đã vốn không hòa đồng
Nên, sắc trần không thành.
Thức, thụ, tưởng và hành
Tất cả thể chẳng thành
Chẳng hợp với duyên sinh
Chẳng có nên không hợp
Như phân biệt hỷ, lạc
Duyên khởi đối trị thành
Như vậy khổ bị chấp
Do vui hết nên thành.
Khi vui hòa hợp đi

Duyên không tướng nên diệt
Khi khổ xa lìa tham
Từ đó chẳng sinh quán
Dựa vào đời mà nói
Tâm là người năng kiến
Nếu không, lìa sở kiến
Thì năng kiến không thành.
Quán hạnh thấy thế gian
Hư huyễn không có thật
Không thủ, không phân biệt
Nhập Niết Bàn như lửa
Bồ tát thấy như vậy
Không thối chuyển Bồ đề
Nhờ sức Đại bi dẫn
Liên tục đến thành Phật.
Các Bồ tát tu đạo
Phật diễn nói Đại thừa
Kẻ vô trí ganh ghét
Bác bỏ không lãnh thọ
Chẳng biết công đức mất
Khởi tưởng mất công đức
Hoặc ganh ghét thắng lợi
Nên hủy báng Đại thừa.
Nếu biết tội hại người
Công đức hay lợi ích
Nên nói người phỉ báng
Chẳng biết ghen ghét thiện
Do chẳng thấy lợi mình
Cứ mãi làm lợi người
Đức Đại thừa thù thắng
Người phỉ báng phải thua.
Người tin do cố chấp
Chẳng tin do ganh ghét
Người tin báng còn diệt
Huống gì kẻ giận ghét
Như thầy thuốc thường nói
Lấy độc để trị độc
Khổ diệt, ác cũng mất

Lời này quả không sai.
 Các pháp, tâm làm trước
 Vì tâm là thượng thủ
 Dùng khổ diệt ác khác
 Người tâm thiện không lỗi
 Khổ đến, nếu có lợi
 Lấy ngay, hưởng gì vui
 Hoặc với mình và người
 Đây là pháp căn bản.
 Do hay bỏ vui nhỏ
 Thấy vui lớn sau này
 Người trí bỏ vui nhỏ
 Quán vui lớn về sau
 Nếu không chịu nghe lời
 Thầy thuốc trao vui khổ
 Phạm tội chẳng thể tha
 Nên lời ông không đúng
 Hoặc thấy việc chẳng nên
 Người trí làm theo nghĩa.
 Hoặc cấm, hoặc tạm cho
 Đâu cũng có nghĩa này
 Uy nghi của Bồ tát
 Trước Bi, sau thành Trí
 Đại thừa nói như vậy
 Vì sao lại phỉ báng?
 Không biết nên u mê
 Nghĩa rộng sâu thượng thừa
 Nếu phỉ báng Đại thừa
 Minh, người thành oan gia
 Thí giới, Nhẫn, Tinh tiến
 Định, Trí, Bi là Thể
 Phật nói pháp Đại thừa
 Sao bảo là tà thuyết
 Thí giới thì lợi người
 Nhẫn, tinh tiến lợi mình.
 Định tuệ thoát tự, tha
 Lược thấu nghĩa đại thừa
 Lược nói chính giáo Phật

Là giải thoát người, mình
Lục độ này quan trọng
Tại sao người bác bỏ
Phước tuệ là mầm mống
Phật nói đạo Bồ đề
Đặt tên là Đại thừa
Kẻ si, mù chẳng nhận.
Như hư không khó lường
Phước, tuệ thành cũng vậy
Đức chư Phật khó lường
Đại thừa, hãy tin nhận
Đại đức Xá lợi Phất!
Giới Phật chẳng cảnh này
Nên đức Phật khó suy
Vì sao chẳng tin nhận.
Vô sinh của Đại thừa
Tiểu thừa bảo không, diệt
Vô sinh diệt Nhất thể
Nghĩa nó đâu chống trái
Chân không, đức của Phật
Nếu chọn lựa đúng pháp.
Giáo pháp Đại Tiểu thừa
Người trí đâu tranh biện
Phật nói Bất liễu nghĩa
Hạ căn đâu dễ hiểu
Trong Nhất thừa, Tam thừa
Hộ trì, đừng tổn hại
Dù không tin tội phước
Ghét ác, không tin thiện.
Dù yêu mến thân mình
Cũng đừng chê Đại thừa
Hạnh, nguyện của Bồ tát
Hồi hướng khắp tất cả
Nếu tu theo Tiểu thừa
Làm sao thành Bồ tát
Tứ y của Bồ tát
Không nói Tiểu thừa nghe.
Phật đã tu pháp nào

Dám nói Tiểu thừa hơn
Dựa vào Đế, trợ đạo
Phật với họ đồng nhau
Nhân tu đã không khác
Sao quả lại vượt hơn
Hạnh Bồ đề chung riêng
Trong Tiểu thừa không nói.
Trong Đại thừa nói đủ
Nên người trí tin, nhận
Như Luận Tỳ-già-la
Trước dạy học chữ cái
Phật lập giáo như vậy
Theo căn tính giáo hóa
Có nơi, hoặc nói pháp
Khiến họ lia các khổ.
Hoặc thành tựu phước đức
Hoặc vì đủ cả hai
Hoặc bỏ hai thứ trước
Người thấp kém, khiếp sợ
Hoặc chỉ trải tâm Bi
Khiến người thành Bồ đề
Bởi vậy người thông minh
Bỏ tâm chê Đại thừa
Phải khởi tín, nhận sâu
Để chứng Vô đẳng giác
Do tín, thọ Đại thừa
Và hành giáo Đại thừa.
Nên thành Vô thượng đạo
Được mọi sự an vui
Thí giới và nhẫn nhục
Thường nói cho tại gia.
Pháp này Bi đứng đầu
Mong ông tu thành tánh
Do đời không bình đẳng
Ngôi vua nếu trái phép
Vì tiếng tốt và pháp
Xuất gia là hơn hết.

Phẩm Thứ Năm: XUẤT GIA CHÍNH HẠNH

Người mới tập xuất gia
 Thành tâm giữ giới cấm
 Đối với Giới và Luật
 Cần học nghĩa Phá, Lập
 Kế khởi tâm chính cần
 Xả bỏ Hoặc thô thiển
 Cả thấy năm mươi bảy
 Nghe kỹ, ta sẽ nói.
 Ngờ là tâm chống trái
 Hận là gây lỗi người
 Che tội ác là Bí
 Và giấu ác bày thiện
 Khoa trương là Lừa dối
 Siểm là hay dua nịnh
 Tật là ghét đức người
 Lận là sợ phải xả.
 Không hổ và không thẹn
 Với mình, người là Sĩ
 Chẳng nhường, chẳng kính người
 Lấy cơ động loạn, sân
 Say là chẳng kể người
 Phóng dật chẳng tu thiện
 Mạn gồm có bảy loại
 Nay ta sẽ lược nói.
 Nếu người khởi phân biệt
 Từ thấp xuống thấp nữa
 Từ thấp bằng và hơn
 Nói Hoặc này là Mạn
 Người kém chỉ biết mình
 Nhưng chẳng bằng người khác
 Đây gọi là hạ Mạn
 Do tự hạ thấp mình.
 Hạ căn khởi tự cao
 Cho mình bằng người hơn
 Hoặc này gọi cao mạn
 Do tự cao bằng hơn
 Hạ căn tự cho mình

Hơn hẳn người hơn kia
Đây gọi là Quá mạn
Như nhọt ung làm mủ
Năm loại đều chấp ám
Tự tính “không”, không người
Do si nên chấp ngã
Đây gọi là Ngã mạn.
Thật chừa chứng Thánh đạo
Nhưng cho mình đã chứng
Và vì tu thiên chấp
Đây là tăng thượng mạn
Nếu người do làm ác
Rồi cho mình hơn hết
Lại bác đức người khác
Đây gọi là Tà mạn
Ta nay không cần nữa
Hoặc hay hạ thấp mình
Đây cũng là Hạ mạn
Duyên tự thể mà khởi
Cầu lợi dưỡng, tiếng khen
Nên chế phục sáu căn.
Che giấu tâm tham dục
Đây gọi là cống cao
Vì muốn được lợi dưỡng
Nên khéo nói với người
Hoặc này duyên thế pháp
Gọi là lời cảm tạ
Muốn được của cải người
Nên khen vật này đẹp.
Đây gọi là Hiện tướng
Thường bày tự tâm mình
Vì muốn được chỗ cầu
Trước mắt chẳng chê người
Đây gọi là chê trách
Thường bắt người theo mình
Do ham muốn cầu lợi
Hoặc đề cao người khác.
Đây là lợi cầu lợi

Cả năm thuộc Tà mạng
Nếu luôn tìm lỗi người
Học thuộc lâu đủ loại
Đây gọi là âm hiểm
Tâm hận từ đây sinh
Hoảng sợ không an ổn
Do vô tri và bệnh.
Thô kệch thì đầy dẫy
Phỉ báng và biếng trễ
Ý nhiễm tham sân si
Gọi là chủng chủng tướng
Không quán như hiện tại
Gọi là chẳng tư duy
Biếng nhác việc đáng làm
Gọi là không cung kính.
Không tôn trọng thầy tổ
Gọi là không tôn trọng
Trong tâm thì khởi dục
Bên ngoài thì chấp chặt
Dục kiên cố phát sinh
Nặng nhất là chấp khắp
Tham muốn của về mình
Không thấy đủ là Tham
Mê đắm vật người khác
Đây là Bất đẳng dục
Cảnh ô trược, nữ nhân
Muốn lòng tham phi pháp
Không đức, bảo có đức
Đây gọi là Ác dục
Thường cầu lừa biết đủ
Đây gọi là Đại dục.
Muốn người biết tài mình
Đây gọi là Thúc dục
Chịu khổ chẳng an ổn
Đây gọi là Bất nhẫn
Với việc chánh, thầy tổ
Tà hạnh là không quý
Như pháp khéo giảng dạy

Khinh mạn là nạn ngữ.
 Mê đắm những người thân
 Suy nghĩ là Thân giác.
 Do muốn được nơi chốn
 Suy nghĩ là Thổ giác
 Chẳng nghĩ chết, hoảng sợ
 Gọi là Bất tử giác
 Do công đức chân thật
 Muốn người tôn trong mình.
 Nghĩ muốn người ta biết
 Gọi là Thuận giác giác
 Do tâm yêu và ghét
 Nghĩ lợi mình hại người
 Theo mình và người khác
 Đây là Hại tha giác
 Lo nghĩ tâm nhiễm ô
 Không nương là: Bất an.
 Thân trầm gọi là Cực
 Trì hoãn là biếng trễ
 Do theo tâm Hoặc trên,
 Thân cúi luôn là Tần
 Thân loạn không kiêng ăn
 Đây gọi là Thực túy (say ăn)
 Thân tâm rất hao gầy
 Đây gọi là Hạ liệt.
 Tham ái năm thứ trần
 Đây gọi là Dục lạc
 Làm tổn hại lòng người
 Từ chín nhân duyên sinh
 Lúc nào cùng nghi nan
 Đây gọi là Sân hận
 Do thân tâm nặng nề
 Chẳng làm việc là Nhược.
 Tâm mê gọi là Thùy
 Thân tâm động là Động
 Hối hận với việc ác
 Sau Ưu là Tiêu nhiên
 Với Tam Bảo, Tứ đế

Do dự gọi là Nghi
Nếu Bồ tát xuất gia
Phải lìa tướng thô này.
Hay tránh được xấu ấy
Đức đối trị dễ sinh
Các công đức ở đây
Bồ tát nên tu tập
Bố thí, giới, nhẫn nhục
Là Cần, Định, Tuệ, Bi
Xả vật mình là Thí
Làm lợi người là Giới.
Thoát khỏi sân là Nhẫn
Nhiếp thiện là Tinh tiến
Tâm vắng lặng là Định
Tỏ thật nghĩa là Trí
Với tất cả chúng sinh
Thường làm lợi là Bi
Thí sinh giàu, giới vui
Nhẫn ái siêng mãnh liệt
Định tĩnh, trí giải thoát
Bi sinh tất cả lợi
Thành tựu bảy pháp này
Đều đến được cứu cánh
Cảnh giới trí khó nghĩ
Khiến đến được quả Phật
Như ở trong Tiểu thừa
Nói quả vị Thanh văn
Trong Đại thừa cũng vậy
Nói mười Địa Bồ tát.
Sơ địa là Hoan Hỷ
Trong đây hỷ rất hiếm.
Do diệt sạch ba kiết
Và sinh trong nhà Phật
Do quả báo địa này
Hiện đời tu Bố thí
Trong trăm thế giới Phật
Được tự tại chẳng động
Các châu như Diêm phù

Làm Đại Chuyển Luân Vương.
 Trong thế gian thường chuyển
 Bảo Luân và Pháp Luân
 Hai là Địa Vô Cấu
 Các nghiệp thân, miệng, ý
 Mười nghiệp đều thanh tịnh
 Tự tính được tự tại
 Do quả báo địa này
 Hiện tiền giữ giới cấm.
 Trong ngàn thế giới Phật
 Được tự tại chẳng động
 Tiên, người, trời, Đế Thích
 Thường trừ ái dục trời
 Thiên ma và ngoại đạo
 Đều chẳng thể nào động
 Ba là Địa Minh Diễm
 Tuệ lạng sinh quang minh.
 Do Định và Thần thông
 Nên dục, sân Hoặc diệt
 Do quả báo địa này
 Hiện đời tu Nhẫn nhục
 Trong muôn thế giới Phật
 Được tự tại chẳng động
 Làm Dạ Ma, Thiên Đế
 Diệt tập khí, thân kiến.
 Tất cả tà sư chấp
 Hay phá khuông chính giáo
 Bốn là Địa Thiêu Nhiên
 Ánh sáng trí phát sinh
 Quả báo địa này do
 Hiện đời tu Tinh tiến
 Thường tu tập Đạo phẩm
 Vì diệt Hoặc sinh cõi
 Đâu Suất, Đà Thiên Chủ
 Trừ kiến giới ngoại đạo
 Do được sinh tự tại
 Trong cõi Phật mười phương
 Đến đi không chướng ngại

Còn lại giống Địa trước
 Năm là Địa Nan Thắng
 Ma, Nhị thừa chẳng bằng
 Nghĩa nhiệm mâu Thánh Đế
 Đều chứng đắc, thấy rõ.
 Quả báo địa này do
 Hiện đời tu Thiên định
 Làm Hóa lạc Thiên chủ
 Hồi nhị thừa hướng Đại
 Sáu là Địa Hiện Tiên
 Chính hướng đến pháp Phật
 Do thường tu Định, Tuệ
 Chứng đắc diệt viên mãn.
 Quả báo Địa này do
 Hiện đời tu Trí tuệ
 Tha Hóa Tự Tại Thiên
 Thường dạy Chân, Tục đế
 Bảy là Địa Viễn Hành
 Viễn hành thường tương tục
 Trong đó niệm niệm chứng
 Không sinh và không diệt.
 Quả báo địa này do
 Trí phương tiện hiện tiên
 Được làm Đại Phạm vương
 Thường thông Đệ nhất nghĩa
 Chứng thắng trí phương tiện
 Sáu độ không gián đoạn
 Làm bậc thầy cao nhất
 Cửa Ba thừa, thế tục.
 Tám là Địa Bất Động
 Do không lìa Chân quán
 Không phân biệt, khó bàn
 Không cảnh thân, miệng ý
 Quả báo địa này do
 Hiện đời thường nguyện độ
 Thắng Biến Quang Phạm Chủ
 Tự tại trong cõi tịnh.
 Nhị thừa không sánh kịp

Với Chân, Tục, Nhất nghĩa
 Tu cả động và tĩnh
 Thường lợi mình, lợi người
 Chín là địa Thiên Tuệ
 Ngôi Thái tử Pháp Vương
 Trong đó Trí tối thắng
 Do thông đạt bốn Biện.
 Quả báo địa này do
 Lực độ thường hiện tiền
 Làm Phạm Vương Biến Tịnh
 Biện tài khó sánh kịp
 Mười là Địa Pháp Vân
 Thường mưa nước chính pháp
 Ánh sáng làm nước rưới
 Nhận ngôi Quán Đảnh Phật.
 Quả báo địa này do
 Trí độ thường hiện tiền
 Làm Phạm Vương Tịnh Cư
 Thiên chủ Đại Tự Tại
 Cảnh trí tuệ khó suy
 Bí mật tàng chư Phật
 Được đầy đủ tự tại
 Đồi sau bậc Bồ Xứ.
 Như vậy địa Bồ tát
 Tôi đã nói đủ mười
 Phật địa khác Bồ tát
 Đức thù thắng, khó lường
 Địa này chỉ lược nói
 Có mười lực tương ứng
 Mỗi một lực ở đây
 Như hư không, khó lường.
 Như vậy có thể nói
 Vô lượng đức của Phật
 Như hư không mười phương
 Cùng đất, nước, gió, lửa
 Vô lượng đức của Phật
 Người khác rất khó tin
 Nếu chẳng thấy nhân này

*Khó lường quả như vậy.
Nhân và quả ở đây
Hiện tiền cúng dường Phật
Ngày đêm đủ sáu thời
Tụng mười hai bài kệ
Chư Phật, Pháp và Tăng
Tất cả các Bồ tát
Tôi đành lễ quy y
Cùng chiêm ngưỡng, cung kính.
Tôi lìa tất cả ác
Thâu giữ hết thủy thiện
Các hạnh lành chúng sinh
Tùy hỷ và làm theo
Đầu mặt lạy chư Phật
Chấp tay thỉnh trụ thế
Xin Phật chuyển pháp luân
Đến tận đời sinh tử.
Đức ta từ hạnh này
Đã làm và chưa làm
Nhân đây mong chúng sinh
Đều phát tâm Bồ đề
Vượt tất cả chướng nạn
Thành tựu căn vô cấu
Và đủ cả Tịnh mạng
Mong việc tự tại kia.
Tất cả đều vô biên
Chẳng khác bàn tay báu
Tận cùng đời vị lai
Mong chúng sinh như vậy
Nguyện hết thủy người nữ
Đều thành bậc trượng phu
Trong bất cứ lúc nào
Cũng được thông minh, đủ.
Uy đức hình dạng đẹp
Tướng tốt, người ưa nhìn
Không bệnh, đầy sức lực
Nguyện họ được sống lâu
Vượt ra các khổ, sợ*

Cùng quy y Tam Bảo
 Dùng phương tiện thiện xảo
 Làm pháp khí pháp Phật
 Từ bi, vui, hỷ xả
 Thường ở trong Tứ Phạm
 Thí, giới, nhẫn, tinh tiến
 Định, trí mà trang nghiêm.
 Đầy đủ hạnh Phước, Tuệ
 Tướng tốt, phóng quang minh
 Mong họ khó suy lường
 Hành mười Địa vô ngại
 Tương ứng với đức này
 Đức còn lại trang nghiêm.
 Giải thoát mọi tội lỗi
 Nguyên ta thương chúng sinh.
 Viên mãn tất cả thiện
 Những gì chúng sinh vui
 Trừ các khổ cho người
 Nguyên ta thường như vậy
 Nếu người có sợ hãi
 Dù lúc nào, ở đâu
 Do chỉ nghĩ tên ta
 Nên thoát tất cả khổ.
 Kính tin ta và sôn
 Nếu thấy và nhớ nghĩ
 Cho đến nghe tên ta
 Mong họ chứng Bồ đề
 Nguyên ta được Năm thông
 Thường ở trong mọi đời
 Ta mong thường xuất thế
 Giúp chúng sinh an vui.
 Nếu họ muốn làm ác
 Trong tất cả thế giới
 Nguyên dứt hết ác ấy
 Khiến họ đều tu thiện
 Như đất, nước, gió, lửa
 Thuốc cỏ và cây rừng
 Nếu họ muốn thụ dụng

Ta xin tự nhận chịu.
Những gì họ ưa thích
Như ý được sống lâu
Nguyện ta nhớ chúng sinh
Hơn vạn lần nhớ mình
Mong điều ác họ làm
Ta xin chịu quả báo
Những việc thiện của ta
Hãy để họ hưởng quả.
Một người chưa giải thoát
Còn sanh trong các đường
Ta mong sinh thay họ
Không thủ Bồ đề trước
Hay tu hành như vậy
Thì phước đức tạo ra
Trong hằng sa thế giới
Chẳng thể nào lường được
Phật, Thế Tôn tự nói
Nhân khó lường như vậy
Cõi chúng sinh vô lượng
Mong lợi ích cũng thế
Ta lược nói pháp này
Khiến làm người, mình lợi
Mong ông yêu pháp này
Như yêu mến thân mình
Nếu người yêu pháp này
Là thật yêu thân mình.
Nếu ghét điều mình ưa
Ghét đó nhờ pháp thành
Nên thờ pháp như thân
Trọng hành như trọng pháp
Như làm việc có tuệ
Như việc tuệ có trí
Thuận tịnh có trí tuệ
Khiến người giảng chính lý.
Do khởi ác nghi người
Người này hại việc mình
Nếu là Thiện tri thức

Ông cần phải thân gần
 Biết đủ, Từ bi, giới
 Trí tuệ luôn diệt ác
 Nếu bạn tốt dạy ông
 Ông cung kính làm theo.
 Đức trong, ngoài thù thắng
 Ông tất đến thắng xứ
 Thật nguyện, nói hòa nhã
 Tánh vui chẳng thể động
 Việc thật tăng dua nịnh
 Mong ông tự đổi thay
 Đã bỏ, đừng hối tiếc
 Như lửa tâm tắt lịm.
 Không lười biếng, trạo cử
 Không cống cao, bất hòa
 Mong sáng sạch như trăng
 Rực rỡ như mặt trời
 Sâu xa như biển cả
 Vững chắc như núi cao
 Xa lìa tất cả quả
 Dùng muôn đức nghiêm thân.
 Chúng sinh được thọ dụng
 Nhất thiết trí của ông
 Ta chẳng những vì vua
 Nói những pháp lành ấy
 Mà còn vì mọi người
 Muốn tất cả lợi ích
 Đại vương chính luận này
 Ông ngày ngày nghe kỹ.
 Vì để mình và người
 Được Bồ đề vô thượng
 Giữ giới, kính trọng thượng,
 Nhẫn nhục không ganh ghét
 Biết đủ, không tham, tiếc
 Cứu giúp, việc khó, nạn
 Người thường làm thiện, ác
 Thâu giữ và chế phục.
 Hộ trì chính pháp Phật
 Cầu Bồ đề nên hành.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

LUẬN THỦ TRƯỞNG

SỐ 1657

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1657

LUẬN THỦ TRƯỢNG

Tạo luận: Tôn giả Thích Ca Xứng.

Hán dịch: Đời Đường, Tam Tạng Pháp Sư Nghĩa Tịnh

Trong thế gian, có một loại hữu tình do không có trí tuệ hiểu biết nên sinh tà chấp. Vì xót thương họ trầm luân, nên nay tạo luận này. Tụng viết:

*Trên con đường bằng phẳng
Bước đi lại ngã nghiêng
Vì hạng ngu muội này
Nên nói Luận Thủ Trượng*

Luận: Mỗi mỗi đức Thế Tôn xuất hiện trong đời, đều thường hành giải thoát cho vô lượng vô biên các loài hữu tình, nhưng các hữu tình không có điểm cuối cùng hạn lượng, giống như hư không tính vốn không có biên hạn. Đây chính là Biên hạn dựa trên lý tánh mà Bồ-tát Thế Thân đã nêu ra, để đoan trừ, bác bỏ sự tính toán chấp trước ở số lượng. Cũng vì ngăn chặn chấp một nghĩa này cho nên nói là vô biên.

Nói có điểm cuối cùng tức là nghĩa cùng tận. Do chấp đây nên vướng vào lỗi không có chủ thể lập và đối tượng được lập, không có lia nhau. Tông thì bảo là vô chung (không có điểm cuối cùng), Nhân thì bảo là vô biên (không có bến bờ), đây là lỗi một phần ở Tông. Những Luận giả khác cũng nói như vậy: Chưa hề có hữu tình mới sinh ra, giống như thân cây, chặt phá bỏ hoang, nó tàn lụi, rồi sau đó nảy mầm lại, vốn không cùng tận. Do chấp trước như thế, nên họ lập thuyết không hề có loài hữu tình mới sinh. Đây tạm thuật lại như vậy, và hỏi đến đâu

thì đáp đến đó.

Mạng Dược Quân nói: Có hữu tình cũ, có hữu tình mới. Nói rộng ra như thế, cho nên quyết định nên chấp nhận như vậy. Nếu khác đây thì ví như dầu và hạt mè tụ lại không thấy có số lượng thêm là mới nhưng tổn giảm thì nhất định sẽ thấy chúng có điểm tận cùng. Nếu như ngay lúc này, chấp cho rằng hữu tình trước đây chưa có, nay mới bắt đầu sinh ra, thì như vậy thành ra chấp nhận sinh tử có điểm khởi đầu. Nếu thấy có điểm khởi đầu thì rơi vào lỗi không nhân. Đã không có nhân thì tất cả đều phải không nhân mà có, đây là bản ý của Á-giá-lợi-da (A Xà Lê). Họ lại trả lời điều này: Do có chủng tử nên tạo ra nghiệp tương ưng, chủng tử của hai pháp thiện, bất thiện, các việc thuộc thức A-đà-na, Yết-thích-la, đây là phần đầu tiên được sinh khởi. Đã hệ thuộc vào có chủng tử như vậy, do các nghiệp tự tạo tiếp cận với thiện ác mà đi vào dòng lưu chuyển, hoặc vào Niết Bàn. Đây là khéo thuận theo đạo lý của với duyên sinh, tức là Tăng Tác-ca-la-bát-đề, Tỳ nhược nam bà-bạc-bát-đề. Đã có nghĩa duyên sinh này, vì sao lại gượng ép chấp nhận có chủng hữu tình mới sinh? Luận giả như vậy tức rơi vào lỗi sinh tử có điểm đầu tiên.

Có Luận giả khác nói: Trả lời như vậy là không khéo, Vì sao? Vì chấp nhận có hữu tình mới sinh. Như vậy là có tăng thêm, mà tăng đối đãi với giảm. Đầu tiên là không có nhân, nếu nói hữu tình mới sinh này không hề biết gì về ý thức sinh tử, chỉ do nghiệp của họ làm duyên lực rồi đột nhiên sinh ra, nói như vậy thì các hữu tình đó nay phải chịu lưu chuyển, mỗi một sát na cứ lần lượt tương sinh, như vậy thành ra tăng thêm. Từ nghĩa lý này, đương nhiên sẽ thấy có hữu tình mới sinh ra. Từ một hữu tình, đầu tiên vì thấy có tăng thêm, đối đãi với giảm nên trong mỗi một sát na có vô lượng hữu tình sinh ra, số lượng hữu tình ấy đương nhiên tăng nhanh, vì đối đãi với từng hữu tình bị diệt trong những sát na trước đó. Cứ thế giảm dần, diệt dần đến khi chỉ còn độc nhất một hữu tình. Rõ ràng hữu tình đầu tiên này không đợi phải có nghiệp khác để thành cái đầu tiên, Không có nhân mà có nên ở đây chắc chắn không thể biện luận được lỗi của không nhân. Nếu nói nhất định có tăng thêm thì sẽ rơi vào lỗi này. Có tăng, không giảm là nhân tăng thừa, như đồ vật của người tham tiếc. Nhưng loài hữu tình này có giảm không? Nếu có thì tại sao không thể tính kể được có bao nhiêu vào nơi viên tịch trong Phật Đốt Ba Đà? Như có Tụng nêu:

Phật ra đời khó gặp

Tin giáo cũng khó gặp

*Nhân sinh thì dễ gặp
Thoát lý tướng chẳng đồng*

Luận: Do Phật ra đời thật khó gặp, như trong luận nói, nơi vô số kiếp đầu từng phụng sự năm lần bảy mươi ngàn Phật, kể đến phụng thờ sáu lần bảy mươi ngàn Phật, kiếp thứ ba phụng thờ bảy lần bảy mươi ngàn đức Phật như vậy. Cho nên, tư lương để thành Phật thật vô cùng khó được. như Tụng nói:

*Vô số trăm khổ hạnh
Vô số thiện căn sinh
Vô số thời tinh tiến
Đoạn vô số nghiệp chướng
Được Nhất thiết chủng trí
Trừ sạch mọi phiền não
Thành Vô thượng Thế Tôn
Như mở hòm thấy báu*

Giả sử có lúc nào đó ta gặp Phật ra đời, gặp giới luật thanh tịnh của Phật diển nói, thì người kính tín, chí thành lại là việc khó được. Bởi vì có tín tâm thì sẽ được hoàn bị đối với tám thứ chướng ngại thế gian (lợi suy...). Tuy nhiên với việc chứng đắc bản tính mình mới là khó nhất và nhân sinh khởi thì lại rất dễ được, đó là Hoặc và Nghiệp. Những nhân duyên này lúc nào cũng hiện ngay trước mắt. Phiền não này có ba loại duyên: Một là Tùy miên chưa đoạn, hai là cảnh trói buộc ở ngay trước mắt, ba là khởi tư duy không đúng lý ngay trong hai loại đó. Đây là những thứ mà phàm phu ngu muội thường tham đắm chấp. Nhưng nghiệp là do chính họ tạo tác, đắm trước, mà cái nhân giải thoát cũng không phải khó được. Hoặc một lúc nào đó khi công hạnh viên mãn là ta được giải thoát. Muốn đem chút phần cỏ con hồng đắp đổi với những gì mới tăng thêm, đương nhiên cũng không thoát khỏi lỗi, thật không hợp lý. Tụng:

*Khí thế giới không tăng
Sao thành có lúc giảm?
Sinh tử đã không đầu
Đây liền thành lỗi lớn*

Luận: Nếu thấy có hữu tình mới sinh, thì phải trôi dạt đến đây, như vậy không phải là khí thế giới. Như hữu tình, thế giới mà có tăng thật, thì thế giới ngang dọc an bày số nhất định sao có lúc giảm? Như lúc kiếp hoại, có thể rộng không. Có thuyết cho rằng, giống như trời mưa, nhưng nếu thay vì nước thì trời lại mưa cát, cát ấy liên tục từ trên không

đổ xuống, nếu thế, thì phương đông sẽ không có kẻ hở, không thiếu có thể giới thành hoặc hoại, như vậy rõ ràng không phải hữu tình mới sinh, mới lớn, mà có hạn lượng. Nhưng hữu tình thì tăng thêm vô cùng vô tận, đương nhiên thế giới không dung chứa hết, hữu tình có tranh giành nhau rồi chuốc lấy khổ không? Nay lại hỏi, luận về mới sinh, nếu cho rằng chưa hề có hữu tình nào bỗng dưng sinh ra do nghiệp lực, thức nên mới thọ sinh, thì như vậy có huân tập hay không có huân tập? Nếu có huân tập thì do họ chấp trước cái mới sinh thức huân tập cái này nên có “thể” nếu vậy đã rơi vào lỗi một và nhiều. Nếu luận về huân tập thì phải có cả pháp tạp nhiễm, pháp thanh tịnh cùng sinh cùng diệt, dựa vào đây mà làm nhân sinh khởi cho nó, chứ không phải hữu tình ấy trước đã có nhân sinh khởi. Hai pháp nhiễm tịnh cùng sinh cùng diệt ấy có thể lấy đó làm nhân sinh khởi được chăng? Nhưng với người thường mê đắm, chấp trước, thì Thức và hai pháp nhiễm tịnh cùng sinh cùng diệt ấy sẽ làm cái nhân sinh khởi của họ, và đương nhiên không có lỗi chống trái. Nếu vậy, Thức đầu tiên có huân tập, với người chấp trước thì sát na trước vốn là cái nhân này, sát na sau cũng nên như vậy. Nếu không phải thế này thì lý huân tập đương nhiên không thành. Từ lý này, cha dụng công thì cha được giải thoát, hoặc nhờ đa văn mà con không dụng công nhưng vẫn được như cha. Hoặc có lúc, cả hai cha con có lỗi lầm nhiều như nhau và đều chịu quả báo như nhau.

Nếu nói không do huân tập nhiều loại, mà do công năng tự khởi; hoặc bào chữa cho rằng vì không có nhiễm tịnh, vì cùng sinh cùng diệt, nếu lấy đây làm nhân thì rơi vào lỗi như trước, Nhưng nay chỉ lấy công năng chấp trước, nhân duyên hòa hợp, vì tăng thượng duyên, vì không có nguồn gốc, mà kia được sinh khởi, nghĩa này chắc chắn không có, lỗi không sinh quả. Nếu vậy thì công năng cho quả xong rồi diệt, cũng như công năng của nghiệp, công năng sở hữu các thứ tham v.v..., tất cả công năng thành quả rồi cũng sẽ diệt hết. Như nghiệp dị thực tự có công năng, khi sinh quả rồi thì nó tự diệt mất. Nếu không phải như vậy, thì liền thành vô lỗi không cùng tận. Ở đây cũng vậy, giả sử như vậy thì có lỗi gì? Tức sẽ không phí sức chuyên cần, tin nhận các loại giải thoát? Vì công năng của tham v.v.. đã diệt rồi. Lại là tất cả công năng tham v.v.. này càng thấy tự quả của chính mình không thể chấp nhận có chủng tử mới, bởi vì chủng tử đã đoạn mất. Nếu không tu tập Thánh đạo mà được viên tịch thì đây phù hợp với lời của Thiệt Kiến Thiên nói: Nếu vượt khỏi đây là khen ngợi phi pháp. Và ông nói kệ:

Ta thấy loài quần sinh

*Tâm mờ thân cũng mờ
 Lìa ham muốn an vui
 Lại mong trừ nhân khổ
 Chỉ cần thích diệu lạc
 Nhọc thấy khác làm gì
 Tức đem tâm tham nhiễm
 Nhận lấy lý Niết Bàn*

Chuyển sinh lại, nghiệp quá khứ vô dụng. Ở đây lược nói có ba loại phước nghiệp, đó là tính Thí, tính Giới, tính Tu. Từ đó phát tâm siêng năng, tinh tiến tu tập. Thật ra có vô dụng không? Vì sao như vậy? Vì công năng hòa hợp nên quả tự khởi. Nếu lúc các việc phước ấy sắp diệt, trong thức A lại da còn huân tập quả Dị thực, về sau, sự huân tập này khởi ra tự dụng được nhận sinh khởi trợ giúp, hòa hợp sinh ra quả Dị thực ở vị lai. Như vậy, công năng phước đức chúng ta làm để tạo ra quả của việc phước này không uổng bỏ. Nếu không, trước đây không tu thiện nghiệp, dựa vào sự chấp trước làm duyên, công năng của Dị thực bỗng nhiên sinh khởi. Từ đó, có thể sinh ra pháp trong hiện tại, sinh xong, mọi công lao cần mẫn tu tập, lao nhọc cả thân tâm ấy trong Dị thực cũng vô dụng giống như trước.

Lại nữa, hai loại nghiệp Tư và Tư tạo tác Thiện, Bất thiện và Vô ký. Những thứ này đều trở thành giả lập, không thật. Nếu nói, về sau huân tập, trừ sát na đầu tiên của A lại da thức, cho đến duyên trái nghịch từ chưa sinh đến nay, cứ thế tự nó liên tục huân tập tham v.v.. như vậy, thì không thể nào đưa ra lỗi. Nếu vậy thì, lúc trước huân tập cũng vậy, mọi sự huân tập của nó đều phải thấy rõ, nếu không làm sao làm nhân sinh khởi cho nó được. Dù chưa từng được trí xuất thế, nhưng vẫn thường ở và tiếp nối trong đó. Cũng như nói, cả hai đều không có tính trí, đều từ nơi huân tập này mà làm cái nhân sinh khởi. Huân tập việc nghe này thì rất thanh tịnh, vì đây là thể tính đẳng lưu của pháp giới. Pháp giới tức là pháp thân của Như Lai. Ngã, pháp cả hai đều hiểu là không có tính, chỉ là chỗ hiện bày của pháp giới. Pháp tức là pháp thân, giới ở đây là nhân. Đây là giới hạn của các pháp xuất thế gian, nghĩa là nó có thể nắm giữ tính huân tập kia, đoạn trừ các tập khí còn lại của phiền não chướng, sở tri chướng, nên gọi là Cực thanh tịnh. Nghe, huân tập như thế này cũng giống như quả kia. Nó là duyên Tăng thượng mà được sinh khởi, vì đồng với thể tính ấy.

Có thuyết cho rằng tất cả chủng tử thấy nghe, huân tập của hàng Bồ tát mới phát tâm, tuy gọi là thế gian, nhưng phải biết nó thuộc về

pháp thân. Thất-la-phước-ca-bát-đề-ca Phật đà tức là thuộc về thân giải thoát. Bởi vậy phải biết, tuy là thế gian nhưng có thể làm chủng tử gần cho tâm xuất thế gian. Nghĩa của thuyết pháp giống như thức, tướng phần tùy hiện là không có nhưng dựa vào từ chương nương vào cú nghĩa để hiển bày tất cả đạo lý ở trong đó. Đưa ra một thiên, các bài tụng khác cũng đồng như vậy. Thế rồi bỏ chương cú, dù không phân chia chương này chương kia nhưng đều hiểu rõ, như vậy có khác gì nó đã được nêu bày một cách rõ ràng, trước sau đều như vậy cả, chỉ là ở liên tục tiếp nối trong đó, do tham v.v.. huân tập mà ra. Nếu vậy, thì phải có chủng tử sinh trước rồi nó mới sinh khởi. Nó lại theo cái trước, do cái trước mà có, đây chính là Tát-bà-thạch-yết đều từ chủng tử thấy rõ được mà sinh khởi, bởi vậy chỗ chấp có chúng sinh mới thành ra không hợp lý, dựa vào đó nên hay có thể luận là có đời trước.

*Trời trao Nhãn thức đầu
Định từ thức khác có
Cần phải biết tính thức
Giống như thức ở sau
Nếu có diệt định khởi
Nó thâm tóm cả tâm
Trong Tông dùng lý tính
Giống lối “không, không định”
Tâm tâm đều khởi pháp
Đều từ bốn duyên sinh
Nó lập tâm đầu tiên
Sao bảo Đẳng vô gián*

Tâm tâm khởi pháp từ bốn duyên sinh, lý của A-tỳ-đạt-ma trở thành quyết định. Ông cho có cái tâm đầu tiên khởi ra, tại sao nó đồng với vô gián duyên, mà cũng không ở trong sự tương tục khác. Tất cả tâm tụ và tự tâm tụ, duyên thì hợp lý, vì có ít nhiều không đồng nên có lý nhất định. Từ đó sanh ra hữu nhiễm là phiền não của tự tha. Nay ông cho sanh tâm hữu nhiễm tức không phải của phiền não tự tha. Giả sử cảnh của ba đời không thể hình thành lý sanh khởi, vả lại chẳng phải quá khứ vì chưa từng kinh qua, cũng chẳng phải vị lai, do tưởng mình từng kinh qua nên khởi mong cầu, lại cũng chẳng phải hiện tại. Do ý thức mình mặc tình khởi lên, nên thành ra không có đui, điếc, v.v.. Lại vì năm căn và các đường, mệnh căn đều là Dị thực, ông trở thành chẳng phải Dị thực. Chỉ dựa vào cái Dị thực mà nói kinh, nhưng lại nói: Năm Hữu bên trong hàm dưỡng kỹ, nên biết năm căn như nhãn v.v.. Dị thực

tính của nó trở thành năm cõi, đây cũng là tính thể của Dị thực, chỉ lược nói như vậy.

Có thuyết cho, hữu tình Na-lạc-ca, do sức nhiễm lậu, phiền não hiện tiền này, tạo tạc ra nghiệp Nại-lạc-ca, khiến nó dần dần tăng trưởng, Hữu tình nghĩa là thân, khẩu, ý, nghiệp uế trước, đến lúc mạng chung, ở nơi thấp kém đáng ghét nhất khiến cho Dị thực của nó như sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều bị thiêu đốt. Dị thực sinh xong thì gọi là hữu tình Na-lạc-ca. Trong đó, nếu lìa pháp ấy thì không thể có Na-lạc-ca. Pháp ấy chính là Dị thực sinh là nghĩa Tác Kiêu Đà. Nhóm hợp nơi này thấy đều sai biệt. Nghĩa này chính là ngăn cái thật. Ta có thể dựa trên nghĩa các cõi mà hiểu được, ý chỉ thu nhiếp nhóm tụ biệt dị.

Nói Dị thực sinh, thì hữu tình được gọi là “thể”, tuy không sai biệt nhưng rõ ràng có Dị thực, nghĩa là, thiện, ác, vô ký bên trong năm tụ không phải là tính của các cõi, không phải là báo dị thực. Nếu nó cũng là thể của các cõi thì phải tạo ra Nại-lạc-ca. Các nghiệp bất thiện hoặc tăng trưởng thì đây phải là Na-lạc-ca, vì các Thức này là thể tính của các cõi, chỉ là Vô phú vô ký, thì gọi là hữu tình. Trong Đối pháp cũng nói như vậy.

Lại nữa, mạng căn là Tỳ-bá-ca. Xét chọn mạng căn nhất định chỉ là Dị thực của nó. Nhưng trong Du Già Luận Yếu lập các pháp đều là thức Dị thực, vì chưa hề có pháp nào vượt ngoài tính của Dị thực. Ông vừa lập luận hữu tình như vậy thành ra căn v.v.. không phải là Dị thực. Các loài hữu tình mới ấy, trước sau đều thọ nghiệp, vì trước đây chẳng phải có, hiện đời thọ nghiệp, ngay lúc ấy đâu thể nói là có được. Do những nhân thù thắng cho nên không có, mà lại thành những nghiệp khác khiến họ phải chiêu cảm lấy quả báo. Dựa vào Dị thiện luận về kinh, lẽ đâu đem những lý luận ấy rồi đặt hết tâm ý vào đó chẳng? Không giỏi kinh luận, không tỏ nghĩa lý thì trái với A-cấp-ma (A hàm).



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

LUẬN CHỮ GIÁO QUYẾT
ĐỊNH DANH NGHĨA

SỐ 1658

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1658

LUẬN CHỮ GIÁO QUYẾT ĐỊNH DANH NGHĨA

*Tạo luận: Bồ Tát Thánh Từ Thị.
Hán dịch: Đời Triệu Tống*

*Quy mạng tất cả Phật Thế Tôn
Quy mạng pháp ba thừa đã nói
Quy mạng hết thấy chúng hòa hợp
Quy mạng lý pháp giới Phổ Hiền.*

Nay sẽ lược nói các chữ căn bản trong tất cả giáo pháp, nghĩa như thật ấy vốn như thế nào? Đó là: Chữ Án là chữ thượng thủ. Ta nay đánh lễ tướng thanh tịnh trụ chẳng hai của chữ này. Nếu có người có thể truyền miệng cho nhau bằng chữ này thì họ chứng đắc các Tuệ căn bản chân thật. Trong tất cả giáo pháp, chữ này bí mật sâu xa vô cùng.

Lại có ba chữ, đó là “Kim Cang Hồng”, đây là chính nhân. Từ trong ba chữ này mà tuyên thuyết hết thấy nghi quỹ chính pháp. Tam giới, Tâm cũng cùng từ đây lưu xuất. Chữ Ác là nêu tướng, chữ Áng là tính “không”, tức chữ Ác kia làm mẹ của Tuệ. Dù đạo hay phi đạo đều nói như vậy, cũng chính là văn tự căn bản của pháp giới thể nhập khắp trong tính “không”. Trước sau tương ứng nhau, nhờ vậy mà chánh trí thành tựu. Nếu có nói pháp cũng nhân đây mà thành tựu, những pháp không thuyết cũng thành tựu như vậy. Vì thế tất cả tạo tác đều bình đẳng, cứ tùy thuận lưu chuyển trong luân hồi.

Pháp giới văn tự là cái gì? Đó là Ca Khư Nga Già Tả Sai Nhạ Tán Trá Xá Noa Trà Đa Tha Na Đà Ba Phả Ma Bà Dương La La Vống Tang

Hang.

Những chữ này như trước đã nói đều do chữ Áng thân tóm. Tướng của nó tức là tính “không”, xuất sinh hết thủy giáo pháp sâu xa vi diệu. Đây còn gọi là “không không”, xuất sinh hết tướng nêu, đó là Ca Khư Nga Già Tá Tha Nhạ Tấn Tra Xá Nga Trà Đa Tha Na Đà Ba Phả Ma Bà Da Ra La Phược Tát Hạ.

Những chữ này như trước đã nói đều do chữ Ác thân tóm. Tướng của nó là tất cả văn tự đều từ Nhất thiết trí trí sinh ra. Đầu tiên tương ứng với hành, ngã pháp đều bình đẳng, an trụ trong kim cang gia trì cứu cánh.

Lại nữa, hết thủy sự, nghiệp đều từ Kim cang Tam muội lưu xuất, đó là Ca Khư Nga Già Tá Tha Nhạ Tấn Tra Xá Noa Trà Đa Tha Na Đà Ba Phả Ma Bà Da La La Phược Tát Hạ.

Những chữ này đều do chữ A gồm thân. Tướng của nó là hết thủy sự, nghiệp của kim cang.

Lại nữa, Ô Ô Nhất Ế Lị Lị Lê Lê Y Ái Án Áo. Trong đây tướng của chữ ÁN là tất cả văn tự đều từ nó lưu xuất. Tướng của chữ Hồng như trước đã nói, tất cả sự, nghiệp đều từ Kim cang Tam muội lưu xuất. Lại nữa, những chữ đã nói ấy tức là Ba thân, hoặc tánh, hoặc tướng, như thật an trú. Đó là chữ Hồng tức là Pháp thân, chữ A là Báo thân, chữ Án là Hóa thân. Như vậy, ba chữ ấy gồm thân Ba thân. Phân biệt, giảng nói đạo giải thoát Ba thừa là nhân chính thuyết. Có Thanh văn, Duyên giác, Nhất thiết trí, và từ đó xuất hiện thuyết tất cả pháp. Ba chữ ấy cũng là Ba nghiệp của kim cang đã như thật an trụ. Đó là Án A Hồng. Trong đó chữ Án được gọi là kim cang thân nghiệp, chữ A là kim cang ngữ nghiệp, chữ Hồng là kim cang tâm nghiệp.

Lại nữa, hai chữ A và Ác an trụ trong tính “không”, trong đó chữ Ác cũng là chánh trí, chữ A là Chánh giác tối thượng bí mật.

Lại nữa, chữ Hồng làm Tâm trí, thấu rõ tất cả pháp. Như trước đã nói tất cả văn tự đều từ ba chữ Áng A Hồng sinh ra. Từ đó các pháp khởi lên, có vô số tướng trạng khác nhau. Tất cả pháp ấy đều tương quan mật thiết với hai chữ Áng và A. Trong đó, chữ Hồng xuất sinh ra tất cả. Trong ba cõi xuất hiện ra muôn sắc. như Trời, Người, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Càn-thát-bà, Thành Tựu Trì Minh Thiên, Cát Tường Thiên, Biện Tài Thiên, Ô Ma Thiên, Đế Thích Thiên, Phạm Vương Thiên, Na La Diên Thiên, Đại Tự Tại Thiên, những cõi trời ấy cho đến Thiên hậu, tất cả người nam người nữ trong cõi Hữu tình, cho đến chư Phật Bồ tát đều từ chữ Hồng này xuất sinh, biến hóa ra. Tất cả tâm ấy

đều an trụ trong tướng của chữ này.

Lúc tâm tưởng đến chữ này thì tâm trụ trong hư không, xuất sinh vô ngại, nghĩa là tâm của ba cõi cùng nhập trong cái nhất tâm này. Hễ nhập thì gọi là tâm, đây được gọi là hiện chứng Bồ đề. Phải biết tâm này không gì sánh bằng, không thủ, không chấp, không trụ, không biểu lộ, không có tướng. Nó là Nhất thiết trí bình đẳng như hư không, không có tương ứng, không tự không tha, tương ứng chánh hạnh. Như Chiên-đà-la trong thế gian là hạng hạ tiện nhất, cho đến bằng sinh, tất cả hành tướng, tạo tác sai biệt ấy tuy có khác nhau, nhưng chẳng lìa Nhất thiết trí trí tương ứng chánh hạnh.

Lại nữa, tánh của tất cả văn tự không phải có nêu bày, nhưng trí Nhất thiết trí ấy làm phương tiện để diễn thuyết văn tự, vậy văn tự nghĩa là gì? Nghĩa là hư không. Hư không là nghĩa gì? Nghĩa tính “không”. Tính “không” là nghĩa gì? Nghĩa Thú-thất-la. Thú-thất-la là nghĩa gì? Nghĩa vô thuyết. Vô thuyết là nghĩa gì? Nghĩa vô tướng. Vô tướng là nghĩa gì? Nghĩa Nhất thiết trí. Nhất thiết trí nghĩa là gì? Nghĩa Như ý bảo. Như ý bảo nghĩa là gì? Nghĩa là Trí. Trí lại là nghĩa gì? Nghĩa là Tâm, Tâm là nghĩa gì? Nghĩa Tam giới Đại tự tại. Tam giới Đại tự tại là nghĩa gì? Nghĩa Biến chiếu. Biến chiếu là nghĩa gì? Nghĩa Phạm thiên. Phạm thiên là nghĩa gì? Nghĩa Đại lực thiên. Đại lực thiên là nghĩa gì? Nghĩa Tự tại thiên. Tự tại thiên là nghĩa gì? Nghĩa là Phật. Phật là nghĩa gì? Nghĩa là Kim Cang Tát Đỏa. Kim Cang Tát Đỏa là nghĩa gì? Nghĩa là Quán tự tại. Quán tự tại là nghĩa gì? Nghĩa là thế gian. Thế gian là nghĩa gì? Nghĩa Luân hồi. Luân hồi là nghĩa gì? Nghĩa là Niết Bàn. Niết Bàn là nghĩa gì? Nghĩa không thể đếm, không thể đếm là nghĩa gì? Nghĩa không thể biết. Không thể biết. Không thể biết là nghĩa gì? Nghĩa Vô sinh. Vô sinh là nghĩa gì? Nghĩa là Vô diệt. Vô diệt là nghĩa gì? Nghĩa Vô sắc. Vô sắc là nghĩa gì? Nghĩa Vô thanh. Vô thanh là nghĩa gì? Nghĩa Vô căn bản. Vô căn bản là nghĩa gì? Nghĩa Vô trưởng dưỡng. Vô trưởng dưỡng là nghĩa gì? Nghĩa Vô trụ. Vô trụ là nghĩa gì? Nghĩa Vô sở hữu, lìa trí tuệ tư duy hữu lậu phân biệt, xuất khởi chư Phật và Phật Bồ đề, an trụ trong kim cang căn bản của chữ Hồng. Chữ Hồng này lại thành Liên hoa-hỏa-mạn-noa-la, trụ tánh “không không” lìa tánh pháp trần. Hai thứ căn bản tối thượng thanh tịnh này tương ứng với hạnh thù thắng.

Biết được vậy rồi, trong luân hồi hãy dừng mãnh tinh tiến khiến hết thấy đều được Niết Bàn đại an lạc. Nếu trụ ở tâm này tức là người trí diệt được khổ não, hai thứ căn bản đều bình đẳng, đây là hạnh tinh

tiến thù thắng tối thượng, thành tựu pháp đại an lạc của Mâu-ni. An trụ trong chánh niệm, như ánh sáng mặt trời chiếu khắp thế gian. Tâm trí bình đẳng, tương ứng an trụ, Tất cả bí mật sâu xa đều như trước đã nói. Thú-thất-la và hư không kia cũng như vậy.

Như thế là thành tựu pháp lạc tối thượng, liền đạt được tương ứng với tự tính của chư Phật, thấu tỏ tất cả sinh pháp của chúng sinh trong thế gian, hai thứ Hỷ, Ái hòa hợp tương ứng vốn không có tánh. Pháp vô thường ấy rốt ráo rỗng không, vắng lặng.



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

PHÁT BỒ ĐỀ TÂM KINH LUẬN

SỐ 1659
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1659

LUẬN KINH PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

Tạo luận: Bồ Tát Thiên Thân.

Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam Tạng Cưu Ma La Thập

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm Thứ Nhất: KHUYẾN PHÁT

*Kính lạy cõi vô biên,
Phật khứ, lai, hiện tại
Trí hư không chẳng động
Đức Đại Bi cứu đời*

Có pháp Đại Phương Đẳng vi diệu tối thượng mà BỒ-tát-ma-ha-tát nơi Tạng Ma-đắc-lặc-già (Tạng Luận) từng tu hành, đó là khuyến người ham ưa tu tập Bồ đề vô thượng, hay làm cho chúng sinh phát tâm rộng sâu, dựng lập thế nguyện, cứu kính trang nghiêm, xả bỏ thân mạng tài sản, thâm phục tâm tham lận, tu năm tụ giới để giáo hóa kẻ phạm giới, hành Nhẫn nhục rốt ráo để điều phục kẻ sân, ngu, phát tinh tiến, đồng mãnh để an lập chúng sinh, tu các thiền định để biết tâm chúng, tu hạnh Trí tuệ để diệt trừ vô minh vào cửa ngõ như thật, lia tất cả ngã chấp, diễn thuyết không, vô tướng, hạnh sâu xa, ngợi khen công đức khiến giống Phật không đoạn dứt. Có vô lượng phương tiện như vậy trợ giúp cửa ngõ thanh tịnh của pháp Bồ đề, sẽ vì tất cả hàng thượng thiện phân biệt, chỉ bày, khiến tất cả đều chứng đắc đạo quả BỒ-đề vô thượng.

Này chư Phật tử! Nếu quý vị thọ trì lời Phật dạy, hay diễn nói lại

cho chúng sinh nghe thì trước tiên phải ngợi khen công đức của Phật. Chúng sinh nghe xong sẽ phát tâm cầu trí tuệ của Phật, nhờ phát tâm nên giống Phật không đoạn diệt. Nếu Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, niệm Phật, niệm Pháp và niệm Như Lai hành Bồ tát đạo, vì cầu pháp mà trong vô số kiếp chịu mọi thống khổ. Do niệm như vậy và vì Bồ tát khác nói pháp dù chỉ một bài kệ, Bồ tát nghe được pháp ấy rồi sẽ được an vui, sẽ trồng căn lành tu tập pháp Phật, chứng đắc Bồ đề Vô thượng. Vì đoạn mọi khổ não sinh tử từ vô thủy kiếp cho vô lượng chúng sinh, nên Bồ tát muốn thành tựu vô lượng thân tâm, siêng năng tinh tiến phát nguyện rộng sâu, hành Đại phương tiện, khởi Đại từ bi, cầu Đại trí tuệ tương vô kiến Đảnh, cầu những Đại pháp ấy của chư Phật. Phải biết pháp này vô lượng vô biên. Pháp vô lượng, nên phước đức quả báo cũng vô lượng. Như Lai nói: Phước đức quả báo trong một niệm thấp kém của các Bồ tát mới phát tâm, dù trăm ngàn kiếp nói cũng không thể hết, huống gì một ngày, một tháng, một năm cho đến trăm năm, phước đức quả báo do tâm tính chứa ấy lẽ nào nói hết chẳng? Vì sao? Vì việc làm của Bồ tát vô tận, muốn làm cho tất cả chúng sinh đều trụ trong vô sinh pháp nhẫn, chứng đắc Bồ đề Vô thượng.

Này chư Phật tử! Bồ tát mới phát tâm Bồ đề giống như biển lớn bắt đầu sinh khởi. Phải biết đó là trụ xứ của các giá trị hạ, trung thượng cho đến bảo châu như ý vô giá, vì của báu này từ biển lớn phát sinh ra. Bồ tát mới phát tâm cũng giống như vậy. Lúc mới bắt đầu khởi, đã trở thành trụ xứ để phát sinh tất cả pháp lành Thiên định, Trí tuệ cho Trời, Người, Thanh văn, Duyên giác đến chư Phật, Bồ tát. Lại nữa, có ba ngàn đại thiên thế giới lúc bắt đầu sinh khởi liền trở thành hai lăm Hữu. Tất cả chúng sinh trong ấy đều lấy đó làm nơi nương tựa, cư trú. Bồ tát phát tâm Bồ đề cũng giống như vậy. Lúc mới bắt đầu khởi đã vì khắp tất cả vô lượng chúng sinh như sáu đường, bốn loài, chính kiến, tà kiến và tu tập thiện, ác, hộ trì giới cấm khởi phạm bốn trọng tội, kính phụng Tam Bảo, không phỉ báng chính pháp, các hàng ma vương, ngoại đạo các hàng Sa môn, Phạm chí, Sát lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, tất cả đều lấy đó làm nơi nương tựa, cư trú.

Lại nữa, Bồ tát phát tâm lấy Từ bi làm đầu. Lòng từ của Bồ tát vô lượng vô biên, bởi vậy phát tâm không có hạn lượng, ngang bằng với chúng sinh giới. Thí như hư không chỗ nào cũng che khắp, Bồ tát phát tâm cũng giống như vậy, tất cả chúng sinh đều được che chở hết. Nếu cõi chúng sinh vô lượng vô biên không thể cùng tột, thì Bồ tát phát tâm cũng giống như vậy, tâm ấy cũng vô lượng vô biên không thể cùng tận.

Hư không vô tận nên chúng sinh vô tận, chúng sinh vô tận nên Bồ tát phát tâm ngang bằng với cõi chúng sinh. Cõi chúng sinh thì không có hạn lượng, nay tôi nương lời dạy của Phật diễn nói phần nhỏ trong số ấy. Phương Đông có ngàn ức hằng hà sa vô số thế giới chư Phật, phương Nam, Tây, Bắc, bốn phương, thượng hạ, mỗi phương cũng có ngàn ức hằng hà sa vô số thế giới chư Phật. Tất cả thế giới đều nghiền thành vi trần, số vi trần đó nhục nhãn không thể nào đếm được. Tất cả chúng sinh trong trăm vạn ức hằng hà sa vô số ba ngàn đại thiên thế giới đều cùng nhóm họp và lấy một trần, tất cả chúng sinh trong hai trăm vạn ức hằng hà sa vô số ba ngàn đại thiên thế giới cùng lấy hai trần, cứ như vậy lấy hết số đất cát trong mười phương mỗi phương có ngàn ức hằng hà sa vô số thế giới chư Phật, và số vi trần ấy hết, cõi chúng sinh không cùng không tận cũng giống như vậy. Thí như có người chẻ sợi lông thành trăm phần, dùng một phần ấy chấm vào nước biển cả, nay tôi nói một phần nhỏ chúng sinh cũng giống như vậy. Những chúng sinh không thể tính kể được nhiều như nước biển cả. Giả sử trong vô lượng vô biên vô số kiếp chư Phật có diễn nói thí dụ cũng không bao giờ cùng tận. Bồ tát phát tâm hay che chở vô lượng vô biên chúng sinh như vậy.

Này chư Phật tử! Làm sao Tâm Bồ đề ấy có thể cùng tận được! Nếu có Bồ tát nghe nói như vậy mà không kinh sợ, thối thất, thì phải biết người đó nhất định phát được Bồ đề. Giả sử vô lượng thế thủy chư Phật trong vô lượng vô số kiếp ngợi khen công đức ấy cũng không thể nào cùng tận. Vì sao? Vì tâm Bồ đề này không có hạn lượng, không bao giờ cùng tận. Có vô lượng vô biên lợi ích như vậy, nên diễn nói để khiến cho tất cả chúng sinh đều tin nhận, thực hành.

Phẩm Thứ Hai: PHÁT TÂM

Vì sao Bồ tát phát tâm Bồ đề? Do nhân duyên gì tu tập Bồ đề? Nếu Bồ tát thân gần thiện tri thức, cúng dường chư Phật, tu tập căn lành, chí cầu thắng pháp, tâm thường nhu hòa, gặp khổ nhẫn được, từ bi thuần hậu, thâm tâm bình đẳng, tin ưa Đại thừa, cầu trí tuệ Phật, nếu người nào hay có đủ 10 pháp như vậy thì hay phát tâm Bồ đề vô thượng. Lại có 4 duyên để phát tâm tu tập Bồ đề vô thượng. Bốn duyên ấy là:

1. Nhớ nghĩ chư Phật mà phát tâm Bồ đề.
2. Quán lỗi lầm nơi thân mình mà phát tâm Bồ đề.
3. Thương xót chúng sinh mà phát tâm Bồ đề.
4. Cầu thắng quả tối thượng mà phát tâm Bồ đề.

Nhớ nghĩ chư Phật lại có năm việc:

1. Nhớ nghĩ chư Phật mới phát tâm trong quá khứ, hiện tại, vị lai khắp mười phương cũng đầy đủ tính phiền não như ta ngày nay, nhưng cuối cùng chư Phật thành tựu chính giác, làm đấng vô thượng, do nhân duyên này mà phát tâm Bồ đề.

2. Nhớ nghĩ tất cả chư Phật trong ba đời phát đại đồng mãnh, mỗi vị đều chứng đắc Bồ đề vô thượng. Nếu Bồ đề ấy hay chứng đắc được, thì ta cũng sẽ chứng đắc, do duyên này mà phát tâm Bồ đề.

3. Nhớ nghĩ tất cả chư Phật trong ba đời Đại trí tuệ, ngay trong vô minh mà dựng lập tâm thù thắng, tính tập khổ hạnh, hay tự thoát khỏi ba cõi, ta nay cũng sẽ tự cứu vớt mình như vậy, do duyên này mà phát tâm Bồ đề.

4. Nhớ nghĩ tất cả chư Phật trong ba đời đều làm đấng Đại hùng trong loài người, vượt qua biển cả sinh tử phiền não, ta nay là trượng phu cũng sẽ vượt qua được, do duyên này mà phát tâm Bồ đề.

5. Nhớ nghĩ tất cả Phật trong ba đời phát Đại tinh tiến, xả bỏ thân mạng tài sản, cầu Nhất thiết trí, ta nay cũng sẽ học theo chư Phật, do duyên này mà phát tâm Bồ đề.

Quán lỗi lầm nơi thân mình mà phát tâm Bồ đề cũng có năm việc:

1. Tự quán thân mình, năm ấm bốn đại hay tạo tác vô lượng ác nghiệp, vì muốn xả ly nên phát tâm Bồ đề.

2. Tự quán thân mình, chín lỗ thường chảy vật ô uế bất tịnh, vì sinh tâm chán lìa nên phát tâm Bồ đề.

3. Tự quán thân mình có tham sân si, vô lượng phiền não thiêu đốt thiện tâm, vì muốn trừ diệt nên phát tâm Bồ đề.

4. Tự quán thân mình như bọt bóng, niệm niệm sinh diệt, vì muốn xả bỏ ham muốn, huyễn thân mà phát tâm Bồ đề.

5. Tự quán thân mình do vô minh che lấp, thường tạo ác nghiệp luân hồi trong sáu nẻo, chẳng chút lợi ích, vì cầu thoát khỏi luân hồi nên phát tâm Bồ đề.

Cầu thắng quả tối thượng mà phát tâm Bồ đề cũng có năm việc:

1. Thấy Như Lai tướng tốt trang nghiêm, quang minh sáng sủa, người thấy sẽ trừ được phiền não, vì muốn tu tập được như vậy nên phát tâm Bồ đề.

2. Thấy Như Lai pháp thân thường trụ, thanh tịnh không nhiễm, vì muốn tu tập được như vậy, nên phát tâm Bồ đề.

3. Thấy Như Lai có Giới Định Tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, thanh tịnh pháp tụ, vì muốn tu tập được như vậy, nên phát tâm Bồ đề.

4. Thấy Như Lai có mười lực, bốn vô úy, ba niệm đại bi, vì muốn tu tập được như vậy, nên phát tâm Bồ đề.

5. Thấy Như Lai có Nhất thiết trí, thương xót chúng sinh, từ bi che chở khắp, hay dẫn dắt tất cả kẻ ngu mê vào con đường chân chính, vì muốn tu tập được như vậy, nên phát tâm Bồ đề.

Thương xót chúng sinh mà phát tâm Bồ đề cũng có 5 việc:

1. Vì thấy chúng sinh bị vô minh che lấp nên phát tâm Bồ đề.

2. Vì thấy chúng sinh bị mọi thống khổ vây bức nên phát tâm Bồ đề.

3. Vì thấy chúng sinh tạo nghiệp bất thiện nên phát tâm Bồ đề.

4. Vì thấy chúng sinh tạo tội cực ác nên phát tâm Bồ đề.

5. Vì thấy chúng sinh không tu tập chính pháp nên phát tâm Bồ đề.

Lại nữa, bị vô minh che lấp có bốn việc:

1. Thấy chúng sinh bị si mê, ái dục mê hoặc, chịu thống khổ lớn.

2. Thấy chúng sinh không tin nhân quả, tạo ra nghiệp ác.

3. Thấy chúng sinh xả bỏ chính pháp, tin nhận đạo tà.

4. Thấy chúng sinh chết chìm trong sông phiền não, bị trôi dạt trong 4 dòng sinh, già, bệnh, chết.

Lại nữa, bị mọi thống khổ vây bức cũng có bốn việc:

1. Thấy chúng sinh sợ sinh già bệnh chết, không cầu giải thoát lại tạo tác nghiệp ác.

2. Thấy chúng sinh ưu sầu khổ não, nhưng lúc nào cũng gây nhân khổ mà không chịu dừng nghỉ.

3. Thấy chúng sinh ái biệt ly khổ nhưng chẳng giác ngộ phương

tiện lại thường nhiễm chấp.

4. Thấy chúng sinh oán tăng hội khổ, thường khởi ganh ghét, gây thù kết oán.

Tạo nghiệp bất thiện cũng có bốn việc:

1. Thấy chúng sinh vì ái dục nên tạo nghiệp ác.

2. Thấy chúng sinh biết rõ ái dục sinh khổ nhưng vẫn không bỏ dục.

3. Thấy chúng sinh tuy muốn cầu an lạc nhưng không giữ giới cấm.

4. Thấy chúng sinh tuy không ưa khổ nhưng cứ gây khổ không dừng.

Tạo tội Cực ác cũng có bốn việc:

1. Thấy chúng sinh hủy phạm giới trọng tuy có ưu sầu, lo sợ, nhưng vẫn phóng dật.

2. Thấy chúng sinh tạo tội cực ác, gây nghiệp năm vô gián nhưng vẫn còn bướng che giấu, không sinh tâm hổ thẹn.

3. Thấy chúng sinh phỉ báng chính pháp Đại thừa phương đẳng, ngu mê chấp trước rồi khởi tâm kiêu mạn.

4. Thấy chúng sinh tuy thông minh lanh lợi nhưng đoạn mất căn lành, trái lại càng cao ngạo, chẳng biết hối cải.

Không tu chính pháp cũng có bốn việc:

1. Thấy chúng sinh rơi vào tám nạn, không nghe chính pháp, không biết tu thiện.

2. Thấy chúng sinh gặp Phật ra đời, được nghe chính pháp nhưng không chịu thọ trì.

3. Thấy chúng sinh nhiễm chấp nơi ngoại đạo, chỉ biết làm khổ thân, xa lìa đạo chính yếu.

4. Thấy chúng sinh tu chứng phi tướng, phi phi tướng định rồi cho đó là Niết Bàn, khi phước báo hết thì đọa lại trong ba đường Ác.

Bồ tát thấy chúng sinh ngu mê tạo nghiệp, chịu khổ trong đê mê dài, xả bỏ chính pháp, mê mờ chính đạo, vì thế Bồ tát phát Đại từ bi, chí cầu Bồ đề vô thượng, như cứu lửa cháy đầu. Tất cả chúng sinh những ai bị khổ não, ta sẽ cứu vớt khiến không còn một ai.

Này chư Phật tử! Ta đã lược nói những duyên sự làm nhân phát tâm của những người mới hành đạo Bồ tát. Nếu nói rộng ra thì có vô lượng vô biên duyên sự.

Phẩm Thứ Ba: THỆ NGUYỆN

Vì sao Bồ tát phát tâm hướng tới Bồ đề? Nhờ hạnh nghiệp gì mà thành tựu Bồ đề? Bồ tát phát tâm trụ trong Địa cần tuệ, trước tiên phải phát chính nguyện một cách kiên cố, nhiếp thụ tất cả vô lượng chúng sinh. Ta cầu Bồ đề vô thượng, cứu hộ độ thoát khiến không còn sót, làm cho tất cả chúng sinh đều nhập Niết Bàn Vô Dư. Bởi vậy lúc mới phát tâm phải lấy Đại bi làm đầu. Nhờ tâm Bi này, nên phát khởi mười chính nguyện rộng lớn. Mười chính nguyện ấy là gì? Đó là:

1. Nguyện tất cả căn lành do thân ta trong hiện tại trong quá khứ đã gây trồng về Bồ đề vô thượng, khiến cho nguyện này của ta niệm niệm tăng trưởng, đời đời sinh ra thường kết chặt trong tâm này, chẳng bao giờ quên mất, được Đà-la-ni giữ gìn.

2. Nguyện khi ta hồi hướng Đại Bồ đề rồi, nhờ căn lành này, sinh ra bất cứ nơi nào cũng thường được cúng dường hết thấy chư Phật, trọn không bao giờ sinh vào cõi nước không có Phật.

3. Nguyện khi ta sinh trong nước chư Phật rồi, thường được gần gũi hầu hạ chư Phật như bóng theo hình, chẳng sát na nào rời xa chư Phật.

4. Nguyện khi ta gần gũi Phật rồi, những điều ta muốn nghe đều được chư Phật giảng nói, mau chóng thành tựu Năm thông của Bồ tát.

5. Nguyện khi ta thành tựu Năm thông Bồ tát, liền hay thông đạt Thế đế, giả danh, thấu tỏ Đệ nhất Nghĩa đế, thật tính chân như, được chính pháp trí.

6. Nguyện khi ta được chính pháp trí, dùng tâm không nhằm chán diễn nói cho chúng sinh khiến họ nghe hiểu, được lợi ích, an vui.

7. Nguyện khi ta khai mở cho chúng sinh, dùng uy thần của Phật đến khắp thế giới trong mười phương cúng dường chư Phật nghe nhận chính pháp, nhiếp thụ tất cả chúng sinh.

8. Nguyện khi ta thọ nhận chính pháp của Phật, liền chuyển pháp luân thanh tịnh, tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới hãy nghe pháp ta, nghe danh hiệu ta liền xả bỏ tất cả phiền não, phát tâm Bồ đề.

9. Nguyện khi ta làm cho tất cả chúng sinh phát tâm Bồ đề, thường ở bên họ đoạn trừ việc không lợi ích, cho họ vô lượng an lạc, xả bỏ thân mạng tài sản, nhiếp thụ chúng sinh, gánh vác chính pháp.

10. Nguyện khi ta hay gánh vác chính pháp, dù hành chính pháp nhưng tâm không thấy có hành, như chư Bồ tát thực hành chính pháp, nhưng chẳng thực hành gì cả và chẳng có gì là không thực hành, vì giáo

hóa chúng sinh nên không bỏ chính nguyện.

Đó là 10 chính nguyện rộng lớn của Bồ tát phát tâm. Mười Đại nguyện có khắp trong cõi chúng sinh, nhiếp thụ tất cả hằng sa nguyện khác. Cõi chúng sinh cùng tận, nguyện của ta mới cùng tận, nhưng cõi chúng sinh không bao giờ cùng tận nên Đại nguyện này của ta cũng không bao giờ cùng tận.

Lại nữa, Bồ thí là nhân của Bồ đề, vì thâm lấy tất cả chúng sinh. Trì giới là nhân của Bồ đề, vì đầy đủ thiện căn, viên mãn sở nguyện. Nhẫn nhục là nhân của Bồ đề, vì tăng trưởng hạnh lành, siêng năng giáo hóa tất cả chúng sinh. Thiền định là nhân của Bồ đề, vì hay điều phục chính mình, lại hay biết tâm hạnh của tất cả chúng sinh. Trí tuệ là nhân của Bồ đề, vì hay biết khắp tánh tướng của các pháp.

Nói tóm lại, Lục độ Ba-la-mật là chính nhân của Bồ đề, Bốn tâm vô lượng, ba mươi bảy phẩm trợ đạo cùng muôn hạnh lành khác hỗ trợ cho nhau mà thành tựu. Nếu Bồ tát tu tập Sáu Ba-la-mật, tùy công hạnh hành trì của mình mà dần dần được gần với Bồ đề Vô thượng.

Này chư Phật tử! Người cầu Bồ đề chớ nên phóng dật, hạnh phóng dật hay phá hoại căn lành. Nếu Bồ tát chế ngự được sáu căn đừng cho phóng dật thì người này hay tu được Sáu Ba-la-mật. Bồ tát phát tâm, trước tiên phải chí thành lập thệ quyết định. Người lập thệ, trọn không phóng dật, biếng trễ, chậm chạp. Vì sao? Vì lập thệ quyết định sẽ có năm việc sau đây:

1. Có khả năng vững chắc tâm mình.
2. Có khả năng chế phục phiền não.
3. Có khả năng ngăn chặn phóng dật.
4. Có khả năng phá trừ Năm uẩn.
5. Có khả năng siêng tu Sáu Ba-la-mật.

Như Phật từng ngợi khen

Đấng Như Lai đại trí

Diễn thuyết các công đức

Sức nghiệp, phước, tuệ, nhẫn

Sức thệ nguyện hơn hết

Vì sao phải lập thệ? Nếu có người đến cầu xin mọi thứ nơi ta, lúc ấy ta tùy theo sở cầu của họ mà cho. Dù chỉ trong một niệm ta cũng không được sinh tâm tham tiếc. Nếu sinh tâm ác dù chỉ trong khoảnh khắc, đem nhân duyên đó cho họ mà cầu quả báo thanh tịnh, tức là ta đã lừa dối vô lượng vô biên vô số chư Phật hiện tại trong khắp mười phương thế giới. Trong đời vị lai chắc chắn không khi nào thành tựu

được vô thượng Bồ đề. Nếu ta Trì giới cho dù phải mất mạng đi nữa thì tịnh tâm thế nguyện vẫn không bao giờ thay đổi. Nếu ta tu hạnh Nhẫn nhục, dù người khác làm tổn hại ta thậm chí đến cắt xẻ thân ta thì ta vẫn thường từ ái lập thế mà không sinh tâm sân hận. Nếu ta tu hạnh Tinh tấn, dù gặp phải nóng, lạnh, phép vua, giặc cướp, nước, lửa, sư tử, hổ báo, không có cơm ăn, nước uống... nhưng ta vẫn kiên trì dụng tâm thế không thoái thất. Nếu ta tu Thiền định bị muôn việc quấy nhiễu không nhiếp tâm được, thì cần phải buộc niệm vào cảnh, thế không khởi loạn tưởng, phi pháp. Nếu ta tu tập Trí tuệ, quán tính như thật của tất cả các pháp, tùy thuộc thụ trì, với các pháp như thiện, bất thiện, hữu vi, vô vi, sinh tử, Niết Bàn không khởi Nhị kiến. Nếu tâm ta có sân hận, hối tiếc, thoái thất, loạn tưởng, khởi nhị kiến dù chỉ trong khoảng khảy móng tay mà tu Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ để cầu quả báo thanh tịnh tức là ta đã lừa dối vô lượng vô biên A-tăng-kỳ chư Phật hiện tại trong mười phương thế giới. Trong đời vị lai, chắc chắn không bao giờ thành tựu Bồ đề vô thượng. Bồ tát dùng mười Đại nguyện này tu tập chính pháp, dùng sáu thế lớn chế phục tâm phóng dật, như vậy chắc chắn tinh tiến chuyên cần tu tập Sáu Ba-la-mật, thành tựu đạo quả Bồ đề vô thượng.

Phẩm Thứ Tư: ĐÀN BA LA MẬT

Vì sao Bồ tát tu hạnh Bố thí? Nếu Bố thí mà tự lợi, lợi tha cả mình và người đều lợi lạc thì nên làm. Bố thí như vậy có thể hay trang nghiêm đạo Bồ đề. Bồ tát vì muốn điều phục chúng sinh khiến họ lìa khổ não, cho nên tu hạnh Bố thí. Người tu hạnh Bố thí thường sinh tâm xả bỏ tất cả tài sản vật dụng của mình. Đối với kẻ đến xin, thường khởi tâm cung kính tôn trọng chẳng khác cha mẹ, Sư trưởng, thiện hữu tri thức. Đối với kẻ nghèo cùng hạ tiện, thường khởi tâm thương xót họ giống như con một. Họ xin bất cứ thứ gì, ta cũng hoan hỷ, cung kính dâng cho, đó gọi là Bồ tát phát tâm tu hạnh Bố thí. Nhờ tu Bố thí nên tiếng tốt của mình lan khắp thiên hạ sinh ra nơi nào cũng giàu có, sung túc, đó là tự lợi. Có thể làm cho chúng sinh được đầy đủ, giáo hóa điều phục khiến họ không còn tâm tham tiếc, đó là lợi tha. Dùng tâm Bố thí không chấp tướng giáo hóa chúng sinh khiến họ được lợi ích như mình, đó là cả mình và người đều lợi ích. Do tu Bố thí mà được ngôi vị Chuyển Luân Thánh Vương, nhiếp thụ tất cả vô lượng chúng sinh, cho đến chứng đắc pháp tạng vô tận của chư Phật, đó là trang nghiêm đạo Bồ đề. Bố thí có ba loại:

1. Bố thí pháp.
2. Bố thí tâm không sợ sệt.
3. Bố thí của cải.

Bố thí pháp là khuyên người khác thụ giới, tu hạnh xuất gia, làm cho họ phá bỏ tà kiến, chấp thường chấp đoạn, bốn thứ điên đảo, nghiệp ác, tội lỗi, phân biệt giảng nói nghĩa Chân đế cho họ nghe, ngợi khen công đức tinh tiến, giảng nói quả báo xấu của tâm phóng dật.

Nếu có chúng sinh khiếp sợ vì phép vua, sư tử, hổ báo, lửa, nước, giặc cướp, thì Bồ tát cần phải cứu giúp, che chở cho họ. đây gọi là Bố thí tâm không sợ sệt.

Đem của cải của mình bố thí không hề tham tiếc, vật quý như vàng bạc châu báu, voi ngựa xe cộ, lúa là thóc gạo, y phục đồ ăn thức uống, vật nhỏ như cọng bún, sợi chỉ, dù ít dù nhiều phải đáp ứng tùy theo ý muốn của người xin, đó gọi là Bố thí của cải. Bố thí của cải có năm loại:

1. Chí tâm mà đem cho.
2. Tín tâm mà đem cho.
3. Tùy lúc mà đem cho.
4. Tự tay mình đem cho.
5. Như pháp mà đem cho.

Vật không nên đem Bồ thí cũng có năm loại:

1. Cửa cải kiếm được một cách phi pháp, vì đây là vật bất tịnh.
2. Rượu, và thuốc độc, vì làm cho chúng sinh tâm loạn.
3. Lưỡi, kích, cung, nỏ v.v.. vì làm cho chúng sinh khổ não.
4. Dao, gậy, cung, tên... vì làm hại chúng sinh.
5. Âm nhạc, sắc đẹp vì phá hoại tâm tịnh người khác.

Nói tóm lại những gì không đúng pháp, làm khổ não chúng sinh thì không được đem Bồ thí cho người khác. Còn lại, tất cả những gì hay khiến chúng sinh được an lạc thì được gọi là Như pháp thí.

Người ưa bố thí sẽ được năm thứ thanh danh, thiện lợi:

1. Thường được gần gũi hết thầy Hiền Thánh.
2. Tất cả chúng sinh đều ưa gặp.
3. Lúc vào chúng hội được mọi người cung kính.
4. Tiếng khen, thanh danh vang khắp mười phương.
5. Có khả năng làm cái nhân thượng diệu cho quả vị Bồ đề.

Hàng Bồ tát được gọi là Nhất thiết trí. Nhất thiết trí ở đây không phải là bố thí nhiều tiền của mà là tâm bố thí. Đúng như pháp mà cầu tiền của rồi đem Bồ thí thì gọi là Nhất thiết trí. Dùng tâm thanh tịnh, không đua nịnh mà bố thí là Nhất thiết trí. Thấy người nghèo cùng khởi tâm thương xót mà bố thí là Nhất thiết trí. Thấy người bị khổ, phát tâm từ bi bố thí gọi là Nhất thiết trí. Ở trong cảnh nghèo nàn túng thiếu mà vẫn đem của cải bố thí là Nhất thiết trí. Bảo vật mà mình yêu thích nhưng vẫn mở lòng đem ra bố thí là Nhất thiết trí. Chẳng cần biết người ấy giữ giới, phá giới, có phước, không phước, đều hoan hỷ bố thí cho họ gọi là Nhất thiết trí. Vì cầu đạo vô thượng Bồ đề mà bố thí gọi là Nhất thiết trí. Không vì cầu những tư an vui thượng diệu ở trời người mà bố thí thì gọi là Nhất thiết trí. Muốn bố thí thì bố thí ngay, bố thí rồi không hối hận thì gọi là Nhất thiết trí. Dùng hoa bố thí tức là bố thí đầy đủ Đà-la-ni Thất giác hoa. Dùng hương bố thí tức là đủ giới định tuệ xông ướp nơi thân. Dùng quả bố thí, tức là thành tựu đầy đủ quả vô lậu. Dùng cơm bố thí tức là thành tựu đầy đủ cái vui ở thân mạng. Dùng y phục bố thí tức là đầy đủ sắc thanh tịnh, trừ được tâm không hổ thẹn. Dùng đèn đuốc bố thí là đầy đủ Phật nhãn chiếu soi tất cả tính của các pháp. Dùng voi ngựa xe cộ bố thí là chứng đắc vô thượng thừa, đầy đủ thần thông. Dùng tư lự bố thí là đầy đủ tám mươi vẻ đẹp tùy hình. Dùng châu báu bố thí là đầy đủ ba mươi hai tướng đại nhơn. Dùng sức lực nô bộc bố thí là đầy đủ mười lực, bốn vô úy của Phật.

Nói tóm lại, dùng thành, nước, vợ con, đầu mắt, tay chân, đem cả

thân mạng bố thí, không khởi tâm tham tiếc tức là vì chứng đắc Bồ đề vô thượng độ thoát chúng sinh. Bồ tát Ma-ha-tát tu hạnh bố thí, không thấy vật bố thí, người nhận vật thí, vì không thấy có tướng bố thí. Như vậy là thành tựu viên mãn Đàn Ba-la-mật.

Phẩm Thứ Năm: THI LA BA LA MẬT

Vì sao Bồ tát tu hạnh Trì giới? Nếu Trì giới mà tự lợi, lợi tha, cả mình và người đều lợi lạc thì nên trì. Trì giới như vậy thì hay trang nghiêm đạo Bồ đề. Bồ tát vì muốn điều phục chúng sinh, khiến họ lìa khổ não, cho nên tu hạnh Trì giới. Người tu hạnh Trì giới thường làm thanh tịnh cả ba nghiệp thân, khẩu, ý, tâm hay xả bỏ những hạnh bất thiện, thường hay quở trách hạnh xấu, những giới bị hủy phạm, tâm thường hoảng sợ dù chỉ là lỗi nhỏ. Đó gọi là Bồ tát phát tâm tu hạnh Trì giới. Nhờ Trì giới mà người đó xa lìa tất cả tội ác, thường sinh nơi an lành, đó là tự lợi. Giáo hóa chúng sinh khiến họ không phạm, đó là lợi tha. Đem công đức giữ giới ấy hồi hướng đạo Bồ đề, giáo hóa chúng sinh cũng được lợi lạc như mình, đó gọi là cả mình và người đều được lợi lạc. Nhờ Trì giới mà được lìa dục, cho đến trừ sạch lậu hoặc, thành vô thượng giác, đây gọi là trang nghiêm đạo Bồ đề.

Giới có 3 loại:

1. Thân giới.
2. Khẩu giới.
3. Tâm giới.

Người giữ được thân giới sẽ vĩnh viễn xa lìa hạnh giết hại, trộm cướp, dâm dục, không cướp đoạt thân mạng kẻ khác, không cướp lấy tài sản của người, không phạm phải sắc đẹp của người. Lại nữa, không tạo tác nhân duyên, phương tiện để giết hại, không dùng gậy gộc, đá ngói làm tổn hại chúng sinh. Nếu vật thuộc về người khác thì người đó dùng, dù một lá rau, cọng cỏ, họ không cho thì không được lấy. Lại cũng không liếc nhìn sắc đẹp yêu kiều của người khác. Trong bốn uy nghi thường thận trọng, xét kỹ, đó gọi là giữ thân giới.

Giữ khẩu giới thì đoạn trừ tất cả nói dối, nói hai lưỡi, nói ác khẩu và nói thêu dệt, thường không lừa dối người, ly gián họ, không dùng văn từ hoa mỹ phỉ báng, hủy nhục người khác, không tạo phương tiện làm khổ não người khác. Hễ nói ra thì chân thật, nhu hòa, đáng tin, thường làm lợi ích người khác, khuyến hóa họ tu thiện, đó gọi là khẩu giới.

Giữ tâm giới thì trừ diệt tham dục, sân hận, tà kiến, thường tu tâm hòa nhã. không tạo lỗi lầm, tin hễ tạo tội lỗi tất chịu quả báo xấu, nhờ sức tư duy mà không làm các điều ác, dù tội nhẹ vẫn sinh tâm sợ như tội cực nặng, giả sử lỡ làm rồi thì sinh tâm hối hận, phiền não, thấy chúng sinh thì sinh tâm thương xót, biết ân báo ân không hề có tâm tham tiếc, ưa làm việc phước đức, thường giáo hóa người khác, thể hiện lòng từ,

thường xót tất cả, đó gọi là Tâm giới.

Thành tựu mười nghiệp lành này sẽ có năm lợi ích:

1. Có khả năng chế phục hạnh xấu.
2. Có khả năng phát khởi tâm thiện.
3. Có khả năng ngăn chặn phiền não.
4. Thành tựu được tâm tịnh.
5. Có khả năng làm giới tăng trưởng.

Nếu người tu tập hạnh không phóng dật sẽ đầy đủ chính niệm, biết phân biệt thiện ác, phải biết người này nhất định hay tu được mười nghiệp thiện. 84.000 vô lượng giới phẩm đều ở trong mười giới thiện này, mười giới thiện này có thể làm nền tảng cho tất cả thiện giới, đoạn trừ nghiệp ác của thân, khẩu, ý, có thể chế phục tất cả pháp bất thiện, bởi vậy nó được gọi là Giới. Giới có năm loại:

1. Giới Ba la đề mộc xoa.
2. Giới Định cộng.
3. Giới Vô lậu.
4. Giới Nhiếp căn.
5. Giới Vô tác.

Bạch Tứ yết ma, theo thầy mà thụ thì gọi là giới Ba-la-đề-mộc-xoa. Căn bản Bốn thiện, Bốn thiện vị đạo gọi là Giới Định Cộng. Căn bản Bốn thiện, Sơ thiện vị đạo là giới Vô lậu. Thâu giữ các căn, tu chính niệm tâm phóng dật là giới Nhiếp căn. Xả thân, đời sau không còn tạo ác nữa là giới Vô tác. Bồ tát tu giới không giống Thanh văn, Bích Chi Phật. Do không đồng như vậy nên được gọi là Thiện trì giới. Do khéo trì giới nên hay làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Trì tâm Từ giới, vì cứu hộ chúng sinh khiến họ an lạc. Trì tâm Bi giới, vì nhẫn thụ các khổ, cứu giúp ách nạn. Trì tâm Hỷ giới vì hoan hỷ tu thiện mà không sinh tâm biếng nhác. Trì tâm Xả giới, vì oán thân đều bình đẳng, lìa ái dục sân hận. Trì giới Bố thí, vì muốn điều phục giáo hóa chúng sinh. Trì giới Nhẫn nhục vì tâm thường như hòa, không nổi sân hận. Trì giới Tinh tiến, vì muốn nghiệp lành ngày càng tăng trưởng, không hề thoái chuyển. Trì giới Thiên định, vì muốn lìa dục, bất thiện, trưởng dưỡng Thiên định. Trì giới Trí tuệ, vì không nhằm chán thiện căn, nghe nhiều. Trì giới thân gần thiện hữu tri thức vì muốn trợ giúp để thành tựu đạo Bồ đề vô thượng. Trì giới xa lìa ác tri thức vì muốn xa lìa nơi có ba ác, tám nạn.

Hàng Bồ tát tu trì tịnh giới chẳng nương Dục giới, chẳng gần Sắc giới, chẳng trụ Vô sắc giới, đó gọi là giới thanh tịnh. Xa lìa trần dục,

đoạn trừ sân hận, diệt trừ vô minh là giới thanh tịnh. Là nhị biên đoan, Thường, không trái với nhân duyên là giới thanh tịnh. Không chấp tướng giả danh của sắc thụ tướng hành thức là giới thanh tịnh. Không chấp chặt nhân, không khởi dị kiến, không trụ trong nghi ngờ là giới thanh tịnh. Không trụ trong ba bất thiện căn Tham, Sân, Si là giới thanh tịnh. Không trụ trong ngã mạn, kiêu mạn, tăng thượng mạn, mạn mạn, đại mạn, khéo nhu hòa thuận theo là giới thanh tịnh. Lợi hại, khen, chê, khổ vui không hề lay động là giới thanh tịnh. Không khổ não, không nóng bức, vắng lặng là tướng là giới thanh tịnh.

Nói tóm lại, chẳng tiếc thân mạng, quán vô thường sinh tâm nhàm chán viễn ly, siêng tu căn lành, đồng mãnh tinh tiến là giới Thanh tịnh. Bồ tát ma-ha-tát tu hành trì giới, không thấy tâm tịnh, vì lìa khỏi tướng, như vậy là thành tựu viên mãn Thi-la Ba-la-mật.

Phẩm Thứ Sáu: SÀN ĐỀ BA LA MẬT

Vì sao Bồ tát tu hạnh Nhẫn nhục? Nếu Nhẫn nhục mà tự lợi lợi tha, cả mình và người đều lợi lạc thì nên tu. Nhẫn nhục được như vậy thì hay trang nghiêm đạo Bồ đề. Bồ tát vì muốn điều phục chúng sinh, khiến họ lìa xa khổ não nên tu hạnh Nhẫn nhục. Người tu Nhẫn nhục, tâm thường khiêm cung với tất cả chúng sinh, xả bỏ tâm ương bướng, kiêu mạn, thấy kẻ thô ác khởi tâm thương xót, lời nói thường hòa nhã, khuyến hóa người khác tu thiện, hay phân biệt giảng nói sự khác nhau giữ quả báo sân hận và nhẫn nhục, nhu hòa. Đó là Bồ tát phát tâm tu hạnh Nhẫn nhục. Nhờ tu hạnh Nhẫn nhục, mà xa lìa muôn ác, thâm tâm an vui, đây là tự lợi. Giáo hóa chúng sinh khiến họ nhu hòa, điều thuận là lợi tha. Đem công đức tu hạnh Nhẫn nhục hồi hướng, giáo hóa chúng sinh cùng được lợi ích như mình, đây gọi là cả mình và người đều được lợi lạc. Nhờ tu Nhẫn nhục mà được đoan chính, được người kính trọng, cho đến được tướng hảo thượng diệu như Phật, đây gọi là trang nghiêm đạo Bồ đề. Nhẫn nhục có ba loại, là thân, khẩu, và ý.

Thế nào là Thân Nhẫn nhục? Là nếu người làm ác, tổn hại, đánh đập mình, cho đến làm tổn thương mình, nhưng mình vẫn hay nhẫn chịu. Thấy chúng sinh bị nguy cấp, hoảng sợ, mình đem thân thay thế mà không biết mỏi mệt, đó là Thân nhẫn nhục.

Thế nào là Khẩu nhẫn nhục? Là bị người mắng chửi ta vẫn im lặng đón nhận, nếu gặp kẻ phi lý đến quở trách ta ta phải nói năng hòa nhã, tùy thuận với họ, nếu ta bị vu khống, phỉ báng đủ điều, cũng phải nhẫn chịu, đó là Khẩu nhẫn.

Thế nào là Ý nhẫn? Là thấy kẻ sân hận ta không giận họ, nếu bị bức bách khổ não nhưng tâm vẫn không loạn, nếu bị hủy nhục, tâm cũng không oán giận, đó gọi là Ý nhẫn.

Kẻ đánh đập trong thế gian có hai loại: Một là Thật, hai là vu khống. Nếu mình có lỗi, bị người nghi ngờ, đánh đập, thì ta phải vui vẻ nhận lãnh như uống nước Cam lồ, phải sinh tâm cung kính người đó, vì sao như vậy? Vì họ khéo giáo hóa điều phục ta, khiến ta lìa được tội lỗi. Nếu ta bị vu khống rồi bị đánh đập, ta phải suy nghĩ rằng, ngày nay ta vô tội đây là quả báo do đời trước tạo ra, nên phải nhẫn nhục. Lại suy nghĩ rằng, bốn đại giả hợp, năm duyên hội tụ, ai là người bị đánh, lại phải quán người đó giống như người điên cuồng, ta phải xót thương họ, vậy tại sao lại không nhẫn chịu!

Người mắng chửi cũng có hai loại, một là thật, hai là không thật.

Nếu người chửi thật ta nên sinh lòng hổ thẹn, nếu là không thật thì hãy nghĩ việc đó không can hệ gì đến ta, chẳng khác gió thoảng qua tai, chẳng làm tổn hại ta, bởi vậy nên nhẫn chịu. Lại nữa, người sân cũng vậy, họ đến nổi sân si với ta, ta phải nhẫn chịu. Nếu ta nổi sân với họ thì đời sau sẽ đọa trong cõi ác, chịu mọi thống khổ, vì nhân duyên đó, nếu thân ta có bị cứa xẻ, chặt đứt thành từng mảnh ta cũng không nổi sân. Phải quán nhân duyên nghiệp báo mà ta không nhẫn chịu được thì làm sao điều phục tâm mình, như vậy làm sao điều phục chúng sinh, khiến họ được giải thoát mọi pháp ác, thành tựu quả vô thượng? Nếu có người trí thích tu hạnh nhẫn nhục, người này thường được tướng mạo đoan nghiêm, giàu có sung túc, người khác thấy đều hoan hỷ kính phục. Lại phải quán xét, những người có dung mạo xấu xí, thân hình xấu xa, các căn không đủ, thiếu thốn tiền của, nên biết đó là quả báo của lòng sân hận. Do nhân duyên đó, người trí càng phải siêng tu nhẫn nhục. Nhân duyên phát sinh nhẫn nhục có mười loại.

1. Không thấy tướng ngã và ngã sở.
2. Không phân biệt chủng tính.
3. Phá trừ kiêu mạn.
4. Ác đến không báo thù.
5. Thấy tướng vô thường.
6. Tu hạnh từ bi
7. Tâm không phóng dật
8. Xả bỏ những việc như khổ vui, đói khát.
9. Đoạn trừ sân hận.
10. Tu tập trí tuệ.

Nếu người hay thành tựu mười việc này, phải biết người đó hay tu nhẫn nhục. Bồ tát ma-ha-tát lúc tu thanh tịnh cứu kính, mà thể nhập vào không, vô tác, vô nguyện, vô tướng, không hòa hợp với thấy, nghe, nguyện, không chấp trước không, vô tác, vô nguyện, vô tướng thì thấy, nghe, nguyện ấy đều không. Nhẫn như vậy là không có hai tướng, đây được gọi là nhẫn thanh tịnh cứu cánh. Dù vào tận kết, dù vào tịch diệt, nhưng không hòa hợp với kết sinh tử, nương tựa tận kết tịch diệt, các kiết ấy đều không. Nhẫn như vậy là không có hai tướng, đây gọi là nhẫn thanh tịnh cứu cánh. Dù tính chẳng tử sinh, chẳng do cái khác sinh, chẳng do hòa hợp sinh, cũng không nằm ngoài cái chẳng thể hủy hoại, cái không thể hủy hoại ấy là không cùng tận, nhẫn như vậy là không có hai tướng, đây gọi là nhẫn Thanh tịnh cứu cánh. Không tạo tác, chẳng tạo tác, không gá nương, không phân biệt, không trang nghiêm, không

tu tri, không phát tiến, rốt ráo chẳng tạo, chẳng sinh, nhãn như vậy gọi là nhãn vô sinh. Bồ tát tu hạnh nhãn ấy, được thụ ký nhãn, Bồ tát ma-ha-tát tu hành nhãn nhục, tánh tướng đều không, vì không có chúng sinh, như vậy là thành tựu viên mãn Sằn đề Ba-la-mật.



PHÁT TÂM BỒ ĐỀ KINH LUẬN

Tạo luận: Bồ Tát Thiên Thân.

Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam Tạng Cưu Ma La Thập.

QUYỂN HẠ

Phẩm Thứ Bảy: TỶ LÊ DA BA LA MẬT

Vì sao Bồ tát tu hạnh Tinh tiến? Nếu Tinh tiến mà tự lợi, lợi tha, cả mình và người đều lợi lạc thì nên làm. Tinh tiến như vậy là hay trang nghiêm đạo Bồ đề. Bồ tát vì muốn điều phục chúng sinh khiến họ xa lìa khổ não nên tu hạnh Tinh tiến. Người tu hạnh Tinh tiến bất cứ lúc nào cũng thường siêng năng, tu tập Phạm hạnh thanh tịnh, xa lìa biếng trễ, tâm không phóng dật. Đối với hoạn nạn, những việc không lợi ích, tâm thường tinh tiến, trọn không thoái chuyển. Đây gọi là Bồ tát phát tâm tu hạnh Tinh tiến. Nhờ tu tinh tiến nên hay được những pháp thiện thượng diệu của thế gian và xuất thế gian, đây là tự lợi. Giáo hóa chúng sinh khiến họ siêng tu thiện pháp, đây là lợi tha. Đem công đức tu tập chính nhân Bồ đề của mình giáo hóa chúng sinh khiến họ cũng lợi lạc như mình, đây là mình và người đều lợi lạc. Nhờ tu hạnh Tinh tiến mà được diệu quả thanh tịnh thù thắng, vượt qua các Địa, mau thành Chính giác, đây là trang nghiêm đạo Bồ đề. Tinh tiến có hai loại:

1. Vì cầu đạo Vô thượng mà phát tâm Tinh tiến.
2. Vì muốn cứu vớt mọi thống khổ nên phát tâm Tinh tiến.

Bồ tát thành tựu mười niệm nên hay phát tâm siêng năng thực hành Tinh tiến. Mười niệm ấy gồm:

1. Niệm vô lượng công đức của Phật.
2. Niệm tính giải thoát chẳng thể nghĩ bàn của Pháp.
3. Niệm tính thanh tịnh không nhiễm của Tăng.
4. Niệm thực hành Đại từ làm an ổn chúng sinh.
5. Niệm thực hành Đại bi cứu vớt mọi thống khổ.

6. Niệm nhóm chính định để khuyến phát tu thiện.
7. Niệm nhóm tà định để nhổ bỏ trở về cội nguồn.
8. Niệm sự đói khát nóng bức khổ não trong loài Ngạ quỷ.
9. Niệm phải chịu mọi thống khổ triền miên trong loài súc sinh.
10. Niệm phải chịu sự khổ đau thiêu đốt trong đường Địa ngục.

Bồ tát suy nghĩ mười niệm như vậy, công đức của Tam Bảo ta phải tu tập; từ bi chính định, ta phải khuyến khích; Tà định, nỗi thống khổ của chúng sinh trong ba đường ác ta phải cứu vớt. Tư duy như vậy, chuyên tâm bất loạn, ngày đêm cần tu không hề ngừng nghỉ, như thế được gọi là hay khởi chính niệm Tinh tiến. Bồ tát Tinh tiến cũng có bốn việc, đó là tu tập Bốn chính cần.

1. Pháp ác chưa sinh thì đừng cho phát sinh.
2. Pháp ác đã sinh phải mau đoạn trừ.
3. Pháp thiện chưa sinh phải làm cho nó phát sinh.
4. Pháp thiện sinh rồi phải làm cho nó tăng trưởng viên mãn.

Bồ tát tu tập Bốn chính cần như vậy không hề ngừng nghỉ, đó là Tinh tiến. Chuyên cần Tinh tiến hay phá trừ tất cả phiền não, tăng trưởng chính nhân Bồ đề vô thượng. Bồ tát hay nhận mọi sự thống khổ của thân tâm, vì muốn làm an ổn chúng sinh nên không hề biết mỏi mệt, đó là Tinh tiến. Lúc Bồ tát phát tâm Tinh tiến xa lìa dua nịnh, tà ác, tức là đã tu tập chính Tinh tiến, đó là tu Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Thiền định, Trí tuệ, Từ Bi Hỷ Xả. Việc muốn làm, đã làm, đang làm đều chí tâm siêng năng tinh tiến không hề hối tiếc. Đối với pháp thiện và việc cứu vớt thống khổ, như cứu lửa cháy đầu, tâm không thoái lui, đó là Tinh tiến. Bồ tát tuy không tiếc thân mạng, nhưng vì cứu vớt mọi thống khổ, hộ trì chính pháp, nên cần phải yêu tiếc thân mạng, không bỏ uy nghi, thường tu pháp thiện. Lúc tu pháp thiện tâm không biếng trễ, dù phải mất mạng cũng không bỏ chính pháp, đó là Bồ tát tu đạo Bồ đề, cần hành Tinh tiến. Người biếng trễ thì không thể trong một lúc mà bố thí khắp tất cả, không thể Trì giới, Nhẫn nhục. Đối với mọi thống khổ phải cần hành Tinh tiến, thân tâm chính định, phân biệt thiện ác. Bởi vậy nên nói, Tinh tiến là chính nhân làm cho Sáu Ba-la-mật tăng trưởng. Nếu hạnh Tinh tiến của Bồ tát ma-ha-tát tăng trưởng thì mau chóng thành tựu Bồ đề vô thượng. Bồ tát phát Đại trang nghiêm mà khởi hạnh Tinh tiến cũng có bốn việc:

1. Phát đại trang nghiêm.
2. Tích tập đồng mãn.
3. Tu tập căn lành.

4. Giáo hóa chúng sinh.

Vì sao Bồ tát phát đại trang nghiêm? Vì trong sinh tử, Bồ tát hay kham nhẫn vô lượng số kiếp, trong vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na do tha hằng hà sa vô số kiếp sẽ thành Phật đạo nên tâm không biết mỗi một, đó gọi là không biếng nhác trang nghiêm Tinh tiến. Bồ tát tích tập đồng mãnh mà khởi Tinh tiến, như trong ba ngàn đại thiên thế giới toàn là lửa dữ, nhờ gặp Phật nên được nghe pháp, vì đưa chúng sinh vào trong pháp thiện nên cần phải từ nhà lửa ấy mà vượt ra, vì điều phục chúng sinh nên đặt tâm thiện trong Đại bi, đó là đồng mãnh Tinh tiến. Bồ tát tu tập căn lành mà khởi Tinh tiến, như đem tất cả căn lành đã phát đó hồi hướng về Bồ đề Vô thượng, vì muốn thành tựu Nhất thiết trí, đó là tu tập căn lành Tinh tiến. Bồ tát giáo hóa chúng sinh mà khởi Tinh tiến, tính của chúng sinh không thể tính kể, như hư không vô lượng vô biên, Bồ tát lập nguyện ta phải độ thoát hết tất cả chúng sinh không còn sót, vì muốn hóa độ nên cần hành Tinh tiến, đó là giáo hóa Tinh tiến.

Nói tóm lại, Bồ tát tu tập trợ đạo tạo công đức trợ giúp thành tựu trí tuệ vô thượng, tu tập Phật pháp mà khởi Tinh tiến, công đức của chư Phật vô lượng vô biên, Bồ tát ma-ha-tát phát đại trang nghiêm, cần hành Tinh tiến cũng vô lượng vô biên như vậy. Bồ tát ma-ha-tát tu hành Tinh tiến không có tâm lừa dối, vì cứu vớt mọi thống khổ. Như vậy là đã thành tựu viên mãn Tỳ-lê-da Ba-la-mật.

Phẩm Thứ Tám: THIÊN NA BA LA MẬT

Vì sao Bồ tát tu tập Thiên định? Nếu Thiên định mà tự lợi, lợi tha, mình người đều lợi lạc thì nên tu. Thiên định như vậy thì có khả năng trang nghiêm đạo Bồ đề. Bồ tát vì muốn điều phục chúng sinh, khiến họ lìa khổ nên tu Thiên định. Người tu Thiên định thường khéo nhiếp phục tâm mình, tất cả loạn tưởng thấy đều không khởi, đi đứng nằm ngồi thường buộc niệm hiện tiền, quán thuận quán nghịch, quán từ đầu đến cổ, tay, chân, ngực, lưng, an ban sở tức, đó gọi là Bồ tát phát tâm tu Thiên định. Nhờ tu Thiên định nên không thụ các quả báo xấu, tâm thường an vui, đó là tự lợi. Giáo hóa chúng sinh khiến họ tu tập chính niệm, đó là lợi tha. Đem công đức tu tập Tam muội thanh tịnh, giác quan lìa ác ấy giáo hóa chúng sinh khiến họ cũng lợi lạc như mình, đó là mình và người đều lợi lạc. Nhờ tu Thiên định nên được tám thứ giải thoát, cho đến tam muội Thủ Lăng Nghiêm, Kim Cang đó gọi là trang nghiêm đạo Bồ đề, Thiên định do ba pháp sinh.

1. Từ Văn tuệ.
2. Từ Tư tuệ.
3. Từ Tu tuệ.

Từ ba pháp này mà dần dần sinh tất cả Tam muội. Thế nào Văn tuệ? Là tâm thường ưa thích những pháp đã được nghe, lại suy nghĩ rằng, vô ngại giải thoát v.v.. là pháp của chư Phật, cần phải nhờ nghe nhiều mà thành tựu. Suy nghĩ vậy rồi, bất cứ lúc nào cầu pháp cũng siêng năng Tinh tiến, ngày đêm thường ưa nghe pháp, không bao giờ thấy chán thấy đủ, đó là Văn tuệ.

Thế nào là Tư tuệ? Là suy nghĩ quán sát như thật tướng của tất cả pháp hữu vi, đó là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, niệm niệm sinh diệt, mau chóng tan hoại, nhưng chúng sinh bị ưu sầu khổ não yêu ghét trói buộc, bị lửa tham sân si thiêu đốt, tăng trưởng thống khổ thêm trong đời sau, nó không có thật tính, giống như huyễn hóa. Thấy như vậy rồi liền sinh tâm nhằm chán, xa lìa tất cả pháp hữu vi, càng thêm tinh tiến, hướng đến trí tuệ Phật. Suy nghĩ, trí tuệ của Như Lai không thể nghĩ bàn, không thể suy lường, có sức mạnh lớn không gì hơn được, nó hay làm cho chúng sinh đến được thành lớn an ổn không sợ sệt, không còn thoái chuyển, hay cứu vô lượng chúng sinh khổ não. Thấy được trí Phật vô lượng, thấy pháp hữu vi khổ não vô lượng, chí tâm mong cầu Đại thừa vô thượng, đó gọi là Tư tuệ.

Thế nào là Tu tuệ? Là từ mảnh xương đầu tiên quán mãi đến Bồ

đề Vô thượng, đều gọi là Tu tuệ. Lìa dục, pháp bất thiện, có giác có quán, lìa sinh hỷ lạc vào Sơ thiền. diệt giác quán, bên trong chế tâm một chỗ thanh tịnh, không giác không quán, Định sinh hỷ lạc vào Nhị thiền. Lìa hỷ cho nên xả hành, tâm niệm an lạc, thân được yên vui, hay xả những gì Hiền Thánh đã nói, thường niệm thụ lạc vào Tam thiền. Đoạn khổ, đoạn vui, trước phải diệt ưu, hỷ, xả bất khổ bất lạc hạnh, niệm thanh tịnh vào Tứ thiền. Vượt qua tất cả sắc tướng, diệt tất cả đối tượng, không niệm tất cả tướng sai khác, biết hư không vô biên liền thể nhập xứ hư không vô sắc định. Vượt qua tất cả tướng hư không, biết Thức vô biên liền thể nhập xứ vô sắc thức định. Vượt qua tất cả tướng Thức, biết vô sở hữu, liền nhập xứ vô sở hữu vô sắc định. Vượt qua tất cả vô sắc phi hữu xứ, biết phi hữu phi tướng vô tướng, liền thể nhập xứ Vô sắc phi hữu tướng phi vô tướng. Chỉ tùy thuận pháp hạnh nên không ưa đắm, cầu vô thượng thừa, thành Tối chính giác, đó là Tu tuệ. Bồ tát từ Văn, Tư, Tu tuệ mà tinh cần thâm giữ tâm, như vậy là thành tựu chính định. Ba minh, Sáu thông, viên mãn Thiền na Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ tát tu tập thiền định lại có mười pháp hạnh mà Thanh văn, Bích Chi Phật không có.

1. Tu định mà không thấy có ngã, vì đầy đủ các thiền định của Như Lai.

2. Tu định mà không đắm không chấp, vì xả bỏ tâm nhiễm, không cầu sự an vui cho chính mình.

3. Tu định có đủ thần thông, vì biết các tâm hành của chúng sinh.

4. Tu định biết tâm chúng sinh, vì độ thoát tất cả chúng sinh.

5. Tu định hành Đại bi, vì đoạn phiền não cho chúng sinh.

6. Tu định và các thiền định Tam muội, vì khéo biết ra, vào, vượt qua ba cõi.

7. Tu định thường được tự tại, vì đầy đủ tất cả pháp thiện.

8. Tu định, tâm mình vắng lặng, vì vượt xa Tam muội thiền định của Nhị thừa.

9. Tu định thường nhập trong Trí tuệ, vì vượt khỏi thế gian đến được bờ bên kia.

10. Tu định hay trùng hưng chính pháp, vì tiếp nối mạng mạch Tam Bảo không để đoạn dứt.

Thiền định như vậy, hàng Thanh Văn. Bích Chi Phật không cùng có. Lại nữa, vì biết tâm khổ não của tất cả chúng sinh nên tu tập Thiền định, trợ giúp thành tựu trụ tâm, khiến Thiền định này an trụ trong tâm bình đẳng, đây gọi là Thiền định. Thiền định như vậy là ngang bằng với

không, vô tướng, vô nguyện, vô tác. Không, vô tướng, vô nguyện, vô tác này ngang bằng với chúng sinh. Chúng sinh ngang bằng với các pháp, thể nhập được như vậy thì gọi là Thiền định. Lại nữa, Bồ tát tùy thuận hạnh của thế gian mà không nhiễm ô những hạnh ấy, xả tám pháp thế gian, diệt tất cả oán kết, xa lìa nơi ồn ào, thích ở một mình, Bồ tát tu tập thiền định như vậy thì tâm an lạc, lìa tất cả pháp thế gian. Lại nữa, Bồ tát tu Thiền định và đầy đủ trí tuệ, phương tiện, thần thông. Thế nào là thông? Thế nào là trí? Nếu thấy sắc tướng hay nghe âm thanh, hoặc biết tâm người hay nghĩ biết quá khứ, hoặc thông đạt đến khắp thế giới chư Phật, đó gọi là thông. Biết sắc chính là pháp tính, thấu tỏ âm thanh là tâm hạnh, tính tướng vắng lặng, ba đời bình đẳng, biết cõi chư Phật đồng với tướng của hư không mà không chứng diệt tận, đó gọi là Trí. Thế nào là phương tiện? Thế nào là Tuệ? Là lúc thể nhập Thiền định sinh tâm Đại từ bi, không bỏ thế nguyện, tâm như kim cang, quán thế giới chư Phật để trang nghiêm đạo tràng Bồ đề, đó gọi là phương tiện. Tâm mình rất ráo vắng lặng, không ngã, không chúng sinh, tư duy bản tính các pháp vốn không loạn, thấy cõi chư Phật đồng với hư không, quán những thứ trang nghiêm đồng với sự vắng lặng, đó gọi là Tuệ. Đây gọi là Bồ tát tu Thiền định đầy đủ thần thông, trí, tuệ, phương tiện. Bốn hạnh này đầy đủ thì sẽ gần đến được Bồ đề vô thượng. Bồ tát ma-ha-tát tu tập Thiền định sẽ không hề còn tâm ác vì pháp vốn chẳng động. Như vậy là thành tựu viên mãn Thiền na Ba-la-mật.

Phẩm Thứ Chín: BÁT NHÃ BA LA MẬT

Vì sao Bồ tát tu tập Trí tuệ? Nếu Trí tuệ ấy tự lợi, lợi tha cả mình và người đều lợi lạc thì nên tu. Tu Trí tuệ như vậy thì hay trang nghiêm đạo Bồ đề. Bồ tát vì muốn điều phục chúng sinh khiến họ xa lìa khổ não nên tu tập Trí tuệ. Người tu Trí tuệ tất học được tất cả việc thế gian, bỏ tham sân si tạo lập tâm từ, thương xót và làm lợi ích cho tất cả chúng sinh thường nhớ nghĩ cứu vớt, dẫn dắt họ, hay phân biệt diễn nói chính đạo, tà đạo và Quả báo thiện, ác, đó gọi là Bồ tát phát tâm tu tập Trí tuệ. Nhờ tu Trí tuệ mà xa lìa vô minh, đoạn trừ phiền não chướng và sở tri chướng, đó là tự lợi. Giáo hóa chúng sinh khiến họ được điều phục, đây là lợi tha. Đem đạo Bồ đề vô thương mà mình tu tập đó giáo hóa chúng sinh khiến họ cũng lợi ích như mình, đó là mình và người đều lợi lạc. Nhờ tu Trí tuệ nên chứng đắc Bồ tát Sơ địa tu tập Trí tuệ sẽ có hai mươi tâm dần dần được kiến lập.

1. Tâm phát thiện, muốn gần gũi bạn tốt.
2. Tâm xa lìa kiêu mạn, không phóng dật.
3. Tâm tùy thuận lời dạy, ưa nghe chính pháp.
4. Tâm nghe pháp không chán, lại khéo tư duy.
5. Tâm thực hành bốn hạnh thanh tịnh, tu tập chính trí.
6. Tâm quán mười hai nhân duyên, tu tập minh tuệ.
7. Tâm nghe các Ba-la-mật, tu tập niệm dục.
8. Tâm quán vô thường, khổ, vô ngã vắng lặng.
9. Tâm quán không, vô tướng, vô nguyên, vô tác.
10. Tâm quán Ấm, Giới, Nhập vô số lỗi lầm.
11. Tâm hàng phục phiền não, chẳng làm bạn với nó.
12. Tâm hộ trì pháp thiện, làm bạn với nó.
13. Tâm ngăn chặn pháp ác, khiến nó đoạn diệt.
14. Tâm tu tập chánh pháp, khiến nó tăng trưởng.
15. Tâm thường lìa bỏ các hạnh Nhị thừa.
16. Tâm ưa phụng hành khi nghe tụng Bồ tát.
17. Tâm tự lợi, lợi tha, tùy thuận tăng trưởng nghiệp lành.
18. Tâm trì hạnh chân thật, cầu tất cả pháp Phật.
19. Tâm quán hạnh bất tịnh sanh tâm nhằm chán xa lìa.
20. Tâm quán Bốn chân đế và mười sáu Thánh pháp.

Lại nữa, Bồ tát tu tập Trí tuệ có mười pháp mà tâm phải khéo tư duy, pháp này hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật không có.

1. Tư duy phân biệt định tuệ căn bản.

2. Tư duy không bỏ nhị biên Đoạn, Thường.
3. Tư duy nhân duyên sanh khởi các pháp.
4. Tư duy không có chúng sinh, ngã, nhơn, thọ mạng.
5. Tư duy không có pháp ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai.
6. Tư duy không phát hạnh vì không đoạn nhân, quả.
7. Tư duy pháp không, nhưng siêng năng trồng căn lành.
8. Tư duy không tướng, nhưng vẫn độ chúng sinh mà không bỏ.
9. Tư duy không nguyện, nhưng cầu Bồ đề mà không xa lìa.
10. Tư duy vô tác, nhưng thọ thân mà không xả.

Lại nữa, Bồ tát lại có mười hai pháp môn khéo nhập.

1. Khéo nhập tam muội không v.v.. mà không thủ chứng.
2. Khéo nhập tam muội Thiên định mà không sanh theo Thiên

định.

3. Khéo nhập Thông, Trí, mà mà không chứng pháp vô lậu.
4. Khéo nhập nội quán pháp mà không chứng quyết định.
5. Khéo nhập quán hết thấy chúng sinh rỗng lặng, mà không bỏ

Đại từ.

6. Khéo nhập quán hết thấy chúng sinh vô ngã, nhưng không bỏ

Đại bi.

7. Khéo nhập vào các đường ác nhưng không phải do nghiệp.
8. Khéo nhập lìa dục mà không chứng pháp ly dục.
9. Khéo nhập xả dục lạc mà không xả lạc pháp.
10. Khéo nhập xả tất cả hý luận, giác, mà không xả phương tiện

quán.

11. Khéo nhập chỗ xét lường về lỗi lầm của pháp hữu vi mà không bỏ hữu vi.

12. Khéo nhập pháp vô vi, thanh tịnh, xa lìa mà không trụ vô vi.

Bồ tát hay tu hết thấy pháp môn khéo nhập, thì hay hiểu được ba đời đều không, không thứ gì có cả. Quán được ba đời đều không là nhờ sức Trí tuệ. Nếu đem vô lượng công đức do chư Phật ba đời gây trồng ấy hồi hướng về đạo Bồ đề Vô thượng thì đây gọi là khéo quán phương tiện ba đời. Lại nữa, tuy thấy hết pháp quá khứ, vị lai thì chưa đến, mà thường tu căn lành, tinh tiến không giải đãi; quán pháp vị lai dù không sinh xuất, nhưng không bỏ tinh tiến, nguyện hướng đến Bồ đề; quán pháp hiện tại tuy niệm niệm sinh diệt, nhưng tâm không quên, phát khởi hướng tới Bồ đề. Đây gọi là Bồ tát quán phương tiện ba đời. Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại chẳng trụ, tuy quán như vậy niệm niệm đều biết rõ pháp sinh diệt tan hoại, nhưng vẫn thường tu tập căn lành

trợ giúp Bồ đề. Đây gọi là Bồ tát quán phương tiện ba đời. Lại nữa, Bồ tát quán tất cả thiện, bất thiện, ngã vô ngã, thật, không thật, không, bất không, thế đế, chân đế, chính định, tà định, hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu, nhiễm pháp, tịnh pháp, sinh tử, Niết Bàn, như pháp tính Nhất tướng, Vô tướng, trong đó không có pháp để gọi là Vô tướng, cũng không có pháp nào lấy làm Vô tướng, đây gọi là tất cả pháp ấn chẳng thể hoại ấn. Như vậy trong ấn cũng không có tướng ấn, đây gọi là Chân thật trí tuệ phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát ma-ha-tát phát tâm Bồ đề phải học như thế, phải hành như thế. Làm được như vậy là gần chứng Bồ đề Vô thượng. Bồ tát ma-ha-tát tu tập trí tuệ, tâm không chồn hành, vì pháp tính thanh tịnh, như vậy là thành tựu viên mãn Bát nhã Ba-la-mật.

Phẩm Thứ Mười: NHƯ THẬT PHÁP MÔN

Nếu có thiện nam thiện nữ tu tập Sáu Ba-la-mật, cầu đạo quả Bồ đề vô thượng, thì cần phải lìa bảy pháp:

1. Lìa tri thức ác. Tri thức ác ở đây là những người dạy người khác xa lìa thượng tín, thượng dục, thượng tinh tiến, lại đi thực hành những hạnh ô tạp khác.

2. Lìa nữ sắc, là tham đắm, ham muốn, đùa giỡn với người đời rồi cho đó là việc mình phải làm.

3. Lìa giác ác, là tự quán hình dung rồi sanh tâm tham tiếc, yêu mến, trân trọng, nhiễm đắm chấp chặt, bảo thân là cái đáng bảo dưỡng mãi.

4. Lìa sân hận, khinh mạn, ghen ghét vì đây là nhân gây khởi kiện cáo, làm hoại loạn tâm thiện.

5. Lìa phóng dật, kiêu mạn, biếng nhác, vì tự cậy chút thiện nhỏ rồi khinh khi người khác.

6. Lìa sách vở ngoại đạo và những thứ văn chương thù dệt bóng bẩy của người đời, vì không phải Phật nói, chẳng nên xem đọc.

7. Không nên gần gũi người tà kiến, ác kiến.

Bảy pháp ấy, hành giả cần phải xa lìa. Như Lai nói, Không thấy những pháp nào khác làm chướng ngại Phật đạo hơn. Bởi vậy, Bồ tát cần phải xa lìa bảy pháp này. Nếu muốn mau chóng thành tựu Bồ đề Vô thượng phải tu tập bảy pháp sau đây.

1. Bồ tát phải thân gần tri thức thiện. Tri thức Thiện ở đây là những người như Thanh văn, Bồ tát, chư Phật, vì họ hay làm cho Bồ tát trong trụ sâu pháp tạng và trong các Ba-la-mật, đây cũng là tri thức thiện của Bồ tát.

2. Bồ tát phải thân gần người xuất gia, và thân gần những pháp vắng lặng, xa lìa nữ sắc và những ham muốn, không nên làm việc cùng với người đời.

3. Bồ tát phải tự quán, hình dung ta như phấn như đất, chứa đầy các thứ ô uế, những bệnh phong hàn, nhiệt huyết, chẳng đáng để tham đắm, mỗi ngày gần kề cái chết, cần phải tư duy nhằm chán, tinh tiến tu tập.

4. Bồ tát cần phải thường hành nhu hòa, nhẫn nhục, cung kính điều thuận, và phải khuyến hóa người khác khiến họ an trụ trong nhẫn nhục.

5. Bồ tát phải tu tập tinh tiến, thường sinh tâm hổ thẹn, kính phụng Sư trưởng, thương xót kẻ bần cùng, thấy người gặp tai nạn nguy ách

phải đem thân chịu thay cho họ.

6. Bồ tát cần phải tu tập Đại thừa phương đẳng và tạng Bồ tát, cần phải đọc tụng thụ trì những pháp mà Phật ngợi khen.

7. Bồ tát cần phải thân gần tu tập Đệ nhất nghĩa đế, đó là Thật tướng, Nhất tướng, Vô tướng. Nếu Bồ tát muốn mau chóng thành tựu Bồ đề Vô thượng cần phải thân gần bảy pháp ấy.

Lại nữa, nếu người phát tâm Bồ đề, mà thấy sở đắc dù trải qua vô lượng vô số kiếp tu tập Từ bi, Hỷ xả, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tiến, Thiền định, Trí tuệ thì nên biết người này chẳng lìa sinh tử, chẳng hưởng Bồ đề. Vì sao? Vì tâm có sở đắc, thấy có sở đắc, thấy có ấm, giới, nhập, thấy có ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, thấy có Từ bi, Hỷ xả, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tiến, Thiền định, Trí tuệ. Nói tóm lại, người đó tăng thêm cái thấy pháp Phật, Niết Bàn. Do thấy như vậy nên tâm chấp trước, hễ chấp trước thì gọi là tà kiến, Vì sao? Vì người tà kiến phải luân chuyển mãi trong ba cõi không biết lối ra. Người chấp trước cũng giống như vậy, không biết ngõ ra, trọn không thể chứng đắc Bồ đề Vô thượng. Nếu người phát tâm Bồ đề cần phải quán sát tâm này là tướng không. Cái gì là tâm? Cái gì là tướng không? Tâm còn gọi là Ý thức, tức là Thức ấm, Ý nhập, Ý giới. Tướng không của tâm là tâm không có tướng, tâm không ai tạo tác. Vì sao? Vì tướng không của tâm này không có ai tạo tác ra cả, cũng không bảo ai tạo tác. Nếu không có người tạo tác thì không có tướng tạo tác. Nếu Bồ tát thấu suốt pháp ấy rồi, thì trong tất cả pháp, không hề chấp trước. Không chấp trước nên không dính vào thiện ác, không phải chịu quả báo. Khi thể hiện lòng Từ không thấy có ngã, khi thể hiện tâm Bi thấy không có chúng sinh, khi thể hiện tâm Hỷ không thấy có thọ mạng, khi thể hiện tâm Xả không thấy có con người. Tuy hành Bố thí nhưng không thấy có vật để Bố thí. Tuy giữ Giới nhưng không thấy tâm tịnh. Tuy hành Nhẫn nhục nhưng không thấy có chúng sinh. Tuy hành Tinh tiến nhưng không có tâm ly dục. Tuy tu Thiền định nhưng không có tâm diệt ác. Tuy tu Trí tuệ nhưng tâm không thấy có làm. Tất cả các duyên đều là Trí tuệ nhưng không chấp Trí tuệ, không được Trí tuệ, không thấy Trí tuệ. Hành giả phải tu tập Trí tuệ như thế, nhưng chẳng tu gì, chẳng có gì mà không tu. Vì giáo hóa chúng sinh nên thực hành Sáu độ nhưng bên trong thường thanh tịnh. Hành giả phải tu tập tâm mình như thế, trong khoảng một niệm, căn lành được trồng đó, phước đức quả báu của nó vô lượng vô biên, trong trăm ngàn ức A-tăng-kỳ kiếp cũng không thể nào nói hết, tự nhiên chứng đắc Vô thượng Bồ đề.

Phẩm Thứ Mười Một: KHÔNG, VÔ TƯỚNG

Thuở xưa, một lần đức Phật cùng vô lượng đại chúng Tỳ kheo nhóm họp tại vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo đại chúng: Các pháp Như Lai nói ra là không có tính không, không có sở hữu. Tất cả thế gian khó tin, khó hiểu. Vì sao? Vì sắc không có trói buộc, không có giải thoát. Thụ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Sắc không có tướng, lìa tất cả tướng; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Sắc không có niệm, lìa tất cả niệm; thụ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý tác pháp cũng đều như vậy. Không thủ, không xả, không dơ, không sạch, không đến, không đi, không thuận, không nghịch, không tối, không sáng, không mê, không ngộ, không phải bờ này, không phải bờ kia, không phải giữa dòng. Đó gọi là không trói buộc. Do không trói buộc nên rộng lặng. Rộng lặng tức là vô tướng, vô tướng cũng là rộng lặng. Đây gọi là không. Không, được gọi là niệm, vô niệm cũng chính là không. Trong không, không có thiện ác, cho đến không có tướng không, nên được gọi là không. Bồ tát biết tính của Ấm, Giới, Nhập đúng như vậy nên không chấp trước, đây là Pháp nhẫn. Bồ tát do nhẫn được như vậy nên được nhân thọ ký.

Này chư Phật tử! Ví như Bồ tát đưa tay viết trong hư không, viết chép được mười hai bộ loại kinh của Như Lai, qua vô lượng kiếp khi pháp Phật diệt rồi, người cầu pháp chẳng còn được nghe, chúng sinh điên đảo tạo tác vô biên tội ác, bấy giờ có người trí từ phương khác, thương xót chúng sinh nên tìm cầu pháp Phật, đến được nơi này thấy được chữ trong hư không, nét chữ rõ ràng nhìn vào biết ngay. Người đó thọ trì đọc tụng, tu hành đúng như kinh dạy, phân biệt giảng nói làm lợi ích chúng sinh. Sách trong hư không, chữ trong hư không, con người có thể nghĩ bàn được chăng? Rồi diễn nói, tu tập, thọ trì, dắt dẫn chúng sinh khiến họ lìa mọi trói buộc?

Này chư Phật tử! Như Lai nói, trong đời quá khứ lúc ta cầu đạo Bồ đề, gặp được ba mươi ba ức chín vạn tám ngàn chư Phật, khi ấy ta làm Chuyển Luân Thánh Vương, dùng tất cả những thứ an lạc cúng dường chư Phật và chúng đệ tử. Do ta thấy có chỗ thủ đắc nên không được thọ ký. Sau đó, ta gặp được tám vạn bốn ngàn ức chín vạn Bích Chi Phật, ta cũng dùng tứ sự suốt đời cúng dường. Sau đó, ta lại gặp được sáu trăm hai mươi vạn, một nghìn hai trăm sáu mươi một vạn Đức Phật. Lúc ấy ta cũng đem tất cả các thứ an lạc tâm cúng dường. Sau khi chư Phật diệt

độ, ta dựng tháp bảy báu an trí xá lợi cúng dường. Sau có Phật ra đời, ta khuyến thỉnh Phật chuyển pháp luân, cúng dường trăm ngàn vạn ức chư Phật như vậy nữa. Chư Phật ấy đều diễn nói các pháp tướng trong pháp không, nhưng do ta có chỗ thủ đắc nên không được thọ ký, Cứ như vậy mãi đến khi ta gặp Phật Nhiên Đăng ra đời. Ta gặp Phật, được nghe pháp liền chứng tất cả pháp nhãn vô sinh. Khi được nhãn ấy rồi ta mới được thọ ký. Đức Phật Nhiên Đăng diễn nói các pháp tướng trong pháp không, độ thoát vô lượng trăm ngàn chúng sinh, nhưng không hề nói, không hề độ. Thế Tôn Mâu Ni xuất hiện trong đời, ngay nơi pháp không, nói có văn tự, nhằm chỉ bày lợi lạc khiến chúng sinh tin nhận, tu hành, nhưng kỳ thật không hề chỉ bày, cũng không hề có hành trì. Phải biết, tính tướng của pháp ấy đều không, kinh đã không, cái biết ấy cũng không, diễn thuyết cũng không, hiểu cũng không. Từ xưa đến nay đều không, vị lai cũng không, hiện tại cũng không, nhưng chư Bồ tát tích tập mọi nghiệp thiện và sức phước thiện, tinh tiến, không biếng trễ nên công đức thành tựu viên mãn, chứng đắc Bồ đề vô thượng. Đây quả thật không thể nghĩ bàn. Trong cái không pháp mà diễn nói các pháp tướng, trong cái không chứng đắc mà nói có đắc pháp, những việc như thế này, và cảnh giới chư Phật chỉ dùng Vô lượng trí mới có thể hiểu được, chứ không phải do suy nghĩ phân biệt mà biết. Bồ tát mới phát tâm, thành tâm kính ngưỡng tin ưa Bồ đề, nhờ tin lời Phật mà dần dần thể nhập. Vậy tin là tin cái gì? Đó là tin quán Tứ đế, đoạn trừ phiền não vọng kiến, trói buộc, chứng đắc A-la-hán. Tin quán mười hai nhân duyên đoạn trừ vô minh, sinh khởi thiện hạnh, chứng Phật Bích Chi. Tin tu Bốn tâm vô lượng, Sáu Ba-la-mật chứng đắc Bồ đề Vô thượng. Đó gọi là Tín nhãn.

Chúng sinh từ vô thủy bị trôi lăn trong sinh tử là do vọng tưởng chấp trước, không thấy được pháp tính, vì vậy trước tiên phải quán Năm ấm là giả danh, chúng sinh ngay tự thân mình, trong ấy không có ngã, không có chúng sinh. Vì sao? Vì nếu có ngã ấy phải tự tại, thế nhưng chúng sinh thường bị sinh già bệnh chết vây bức làm hại mà chẳng được tự tại, cho nên phải biết nó vốn vô ngã. Vô ngã thì vô tác, vô tác thì vô thọ, pháp tính thanh tịnh thường trụ như thật. Quán sát như vậy vẫn chưa rốt ráo, đây gọi là thuận nhãn. Bồ tát khi đã tu tập Tín nhãn và Thuận nhãn rồi, không bao lâu chắc chắn thành tựu pháp nhãn tối thượng.

Phẩm Thứ Mười Hai : CÔNG ĐỨC TRÌ

Bồ tát tu đầy đủ tâm Vô tướng mà chưa từng trụ trong tạo tác nghiệp, đó là Bồ tát biết rõ nghiệp tướng nhưng vẫn tạo tác, vì tu căn lành cầu Bồ đề nên không hề bỏ pháp hữu vi, vì chúng sinh, tu hạnh Đại bi nên không trụ trong vô vi; vì Chân diệu trí của tất cả chư Phật nên không lia sinh tử; vì độ vô biên chúng sinh khiến không giết hại một loài nào nên không trụ Niết Bàn. Đó gọi là Bồ tát ma-ha-tát phát tâm sâu xa cầu đạo quả Bồ đề vô thượng.

Này chư Phật tử! Bồ tát thành tựu mười pháp nên vĩnh viễn chẳng thoái thất Bồ đề vô thượng. Mười pháp ấy là:

1. Bồ tát phát tâm Bồ đề vô thượng rất sâu chắc, giáo hóa chúng sinh, khiến họ cũng phát tâm.

2. Thường ưa gặp Phật, rồi đem những đồ quý giá của mình bố thí cúng dường, trồng gốc thiện sâu chắc.

3. Vì cầu pháp, nên tâm thường cung kính, tôn trọng, cúng dường Pháp Sư, nghe pháp không chán.

4. Nếu thấy chư Tỳ-kheo tăng phân thành hai nhóm nổi lên tranh cãi nhau, cùng tạo tội lỗi gây lỗi cho nhau, thì Bồ tát cần cầu phương tiện khiến họ hòa hợp.

5. Nếu gặp phải quốc độ có tà kiến nổi lên làm bại hoại pháp Phật, thì Bồ tát hay đọc tụng giảng nói, thậm chí chỉ một bài kệ nhằm để pháp Phật không đoạn diệt, chuyên tâm hộ pháp chẳng tiếc thân mạng.

6. Nếu thấy chúng sinh hoảng sợ, khổ não, Bồ tát liền cứu giúp, ban cho họ tâm không sợ sệt.

7. Phát tâm tinh tiến tu tập và cầu những kinh pháp phương đẳng Đại thừa sâu xa như vậy, cùng các tạng Bồ tát.

8. Được pháp ấy rồi thì thọ trì, đọc tụng, như thuyết tu hành, đúng pháp mà trụ.

9. Tự tại trong các pháp, hay khuyến hóa làm cho vô lượng chúng sinh thể nhập trong pháp ấy.

10. Thể nhập pháp ấy rồi, hay giảng nói, chỉ bày, khai ngộ chúng sinh.

Bồ tát thành tựu mười pháp ấy rồi sẽ không bao giờ thoái thất Bồ đề vô thượng, Bồ tát cần phải tu tập kinh này. Kinh điển không thể nghĩ bàn như thế này được gọi là hay sinh tất cả giống Đại từ bi. Kinh này hay khai ngộ dẫn dắt hàng phàm phu đủ thứ trói buộc, khiến họ phát tâm. Kinh này hay làm cái nhân sinh khởi cho những người hướng đến Bồ đề.

Kinh này hay thành tựu hết thảy hạnh Bất động của Bồ tát. Kinh này hay được chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai hộ niệm. Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ nào muốn siêng năng tu tập Bồ đề Vô thượng thì phải diển nói, lưu bố rộng rãi kinh này, khiến cho Diêm Phù Đề không thiếu mất kinh này, để vô lượng vô biên chúng sinh đều được nghe kinh. Nếu có thiện nam, thiện nữ nghe kinh này rồi, thì những người ấy đều đã được Đại trí tuệ, lanh lợi, đồng mãn, chẳng thể nghĩ bàn, được quả báo phước đức không thể nào tính kể được, Vì sao? Vì kinh này hay mở ra vô lượng Tuệ nhãn thanh tịnh, hay làm cho giống Phật chẳng bao giờ dứt, hay cứu độ vô lượng chúng sinh bị khổ não, hay chiếu phá tất cả vô minh tăm tối, hay phá bốn loại ma và nghiệp của ma, hay hàng phục tất cả ngoại đạo tà kiến, hay diệt trừ tất cả lửa dữ phiền não, hay làm tiêu tan nhân duyên sinh khởi nghiệp ác, hay đoạn trừ tham lam, phá giới, sân hận, biếng nhác, loạn tưởng, ngu si, cả thảy sáu bệnh nặng ấy, hay diệt trừ nghiệp chướng, vô minh chướng, trí chướng, tập chướng. Nói tóm lại, kinh này hay làm cho tất cả pháp ác tiêu diệt không còn thừa, hay làm cho tất cả pháp thiện tăng trưởng vượt bậc.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe được kinh này mà hoan hỷ tin ưa sinh tâm khó gặp, phải biết người đó đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, trồng sâu căn lành. Vì sao như vậy? Vì kinh này là con đường mà chư Phật ba đời đều đi qua. Vì vậy hành giả được nghe kinh này rồi sẽ tự thấy vui mừng, được thiện lợi lớn, Nếu có người biên chép, đọc tụng kinh này thì phải biết người đó được vô lượng vô biên phước báo, Vì sao như vậy? Vì nhân duyên của kinh này vô biên, phát khởi vô lượng Đại thế nguyện, nhiếp thọ tất cả chúng sinh, trang nghiêm Đại Bồ đề Vô thượng vì vậy phước báo có được ấy cũng vô lượng vô biên, không có giới hạn. Nếu người hiểu được nghĩa kinh rồi đứng như kinh dạy mà tu hành, thì phước báo của người đó dù trong vô số kiếp, tất cả chư Phật dùng vô lượng trí diển nói phước báo ấy, vẫn không thể nào diển nói hết. Nếu nơi có Pháp Sư giảng nói kinh này, thì phải biết nơi đó có Bảo tháp hiện ra. Vì sao vậy? Vì đây là nơi xuất sinh ra chính pháp chân thật. Ở quốc độ, thành ấp, làng xóm, chùa viện, tinh xá nào có kinh này, thì phải biết nơi đó có pháp thân. Nếu người nào dùng hương hoa, kỹ nhạc, vải lụa, cờ phướn, lọng báu, ca ngâm, tán thán, chấp tay, cung kính mà cúng dường kinh này, thì phải biết người đó đã tiếp nối được giống Phật, hưởng gì người thọ trì đầy đủ kinh này. Những người ấy thành tựu công đức, trí tuệ trang nghiêm, trong đời vị lai sẽ được thọ ký, nhất định sẽ thành tựu đạo quả Bồ đề vô thượng.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

LUẬN BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG

SỐ 1660
(QUYỂN 1 → 6)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1660

LUẬN BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG

Bồ-tát Long Thọ soạn.

Tỳ kheo Tỳ Tại giải thích.

Hán dịch: Đời Tùy, Tam Tạng Đạt Ma Cấp Đa.

QUYỂN 1

Nay hướng về chư Phật

Chấp tay cung kính lễ

Con sẽ như giáo giải

Tư lương Bồ-đề Phật.

Phật là sự giác ngộ ở trong tất cả những điều nên biết, đây là nghĩa về Phật, như những gì nên biết mà biết. Lại vì giác ngộ ở trong trí không thùy miên. Giác là lấy sự tỉnh ngủ làm nghĩa, vì xa rời giấc ngủ không có trí tuệ. Vả lại, các hàng Thích, Phạm không thể giác ngộ, sự giác ngộ này chỉ có người uy danh vang khắp ba cõi có thể giác ngộ, nên chỉ hết thấy chư Phật mới giác ngộ sự giác ngộ này. Vì Nhất thiết chủng biến trí chỉ riêng Phật biết được, không phải là các hàng Thanh văn, Độc giác, Bồ tát, vì Phật có đầy đủ pháp bất cộng. Chư là không thiếu, nghĩa là có đủ quá khứ vị lai hiện tại. Đảnh là phần phía trên cao. Hiệp chưởng là chấp tay lại, kính là hướng về lễ lạy. Con nói là tự phân biệt. Như giáo là các loại đã nói trong tất cả các kinh, nay cũng như giáo pháp ấy mà giảng nói. Phật là xa rời vô trí. Bồ-đề là trí Nhất thiết trí. Tư lương là năng lực đầy đủ của pháp Bồ-đề, ví như bình chậu đầy, nổi chảo đầy... ở thế gian, vì đây là nghĩa đầy tràn. Như vậy, lấy pháp Bồ-đề đầy đủ

làm tư lương của Bồ-đề. Lại lấy sự duy trì làm nghĩa, ví như cùng vận hành giữa thế gian mà mặt trời thuộc về nóng, mặt trăng thuộc về lạnh, vì nhiếp là nghĩa duy trì. Như vậy, lấy pháp Bồ-đề duy trì, làm tư lương của Bồ-đề. Nói tư lương tức là nghĩa duy trì. Lại, lấy sự nuôi lớn làm nghĩa, ví như thế gian có thể có người thỏa mãn với số ngàn, hoặc số trăm, hoặc số chục, hoặc chỉ có tự thỏa mãn, hoặc khó mà tự thỏa mãn. Tư lương Bồ-đề cũng lại như vậy, lấy sự nuôi lớn Bồ-đề làm nghĩa. Lại lấy nhân tố làm nghĩa, như trong các nhân tố về nhà cửa, thành thị, xe cộ..., nói là tư lương của nhà cửa, tư lương của thành thị, tư lương của xe cộ. Như vậy, hướng về trong pháp nhân duyên sanh khởi Bồ-đề, tên gọi là tư lương Bồ-đề.

Lại, lấy sự đầy đủ các thành phần làm nghĩa, ví như trong phần cứng tế đầy đủ các loại dầu đèn, bát đĩa mới gọi là tế tự, không phải là không đầy đủ. Cũng như thân thể đầy đủ tay chân đầu mình... thì được gọi là thân, không đầy đủ thì không được. Phần thí cũng như vậy, người thí giúp, vật thí giúp, người thọ nhận, hồi hướng. Những điều này đầy đủ gọi là tư lương của thí, không đầy đủ không được. Tư lương của giới v.v... cũng như vậy. Vì thế cho nên nghĩa đầy đủ mọi thành phần, là nghĩa của tư lương. Như vậy “Con nói tư lương Bồ-đề”, là chủ thể đầy đủ. Duy trì, nuôi lớn, nhân Bồ-đề, pháp phần Bồ-đề đầy đủ đều là nghĩa ấy.

*Người nào nói không thiếu
Các tư lương Bồ-đề?
Chỉ riêng có chư Phật
Được giác ngộ vô biên.*

Người nào là nói đến năng lực nào. Vì hoặc là Thanh văn, hoặc là Bồ-tát hiểu biết phần nhỏ thì không có năng lực. Nếu muốn nói về những tư lương Bồ-đề không thiếu không dư, chỉ chư Phật mới được giác ngộ vô biên về điều ấy. Nói vô biên giác, nghĩa là không phải giác ngộ một phần nhỏ. Vì chư Phật Thế Tôn ở trong vô biên nghĩa lý cần biết mà hiểu biết rõ không ngăn ngại, nên Phật gọi là bậc giác ngộ vô biên. Lại, ở trong dục lạc và biên kiến đến từ những chấp trước đau khổ, đoạn, thường, có và không... đã giác ngộ, không tham đắm, vì lẽ đó giác ngộ đến vô biên, nên Phật gọi là bậc giác ngộ vô biên.

Hỏi: Tại sao tư lương chỉ một mình đức Phật có thể nói, người khác không thể nói được?

Đáp:

Thế Phật đức vô biên

*Giác tư lương làm gốc
Vì thế giác tư lương
Cũng không có bờ.*

Thể Phật chính là thân Phật. Vì thế Phật đầy đủ vô biên công đức, nên nói thể Phật là vô biên đức. Công đức ấy nghĩa là đáng được ca ngợi và tán thán, nếu có thể ca ngợi tán thán thì gọi là công đức. Lại có nghĩa nhiều lần thực hiện, ví như thường xuyên tụng đọc hành tập kinh sách, điều ấy được gọi là tạo công đức.

Lại là nghĩa kiên cố, ví như bện dây thừng, hoặc hợp hai làm cộng, hoặc hợp ba làm cộng.

Lại là nghĩa tăng trưởng, ví như tiền lãi, hoặc tăng thêm hai làm công, hoặc tăng thêm ba làm công.

Lại là nghĩa nương dựa, ví như mọi vật đều lấy nơi nhờ cậy làm công sức. Như vậy thể Phật là nơi nương dựa của vô biên công đức khác nhau như giới định tuệ. Nói thể Phật có công đức vô biên là vậy. Giác tư lương làm gốc là tư lương Bồ-đề kia, cùng với thể Phật vô biên công đức làm căn bản. Căn là nghĩa kiến lập, Bồ-đề là trí. Căn chính là tư lương, nhờ tư lương ấy nên có thể kiến lập trí Nhất thiết trí. Vì vậy tư lương là căn bản của thể Phật, vì thể Phật có vô biên công đức, cần phải dùng vô biên công đức để thành tựu thể Phật ấy, do đó tư lương cũng không có giới hạn.

*Sẽ nói phần ít kia
Kính lễ Phật, Bồ-tát
Các vị Bồ-tát ấy
Tiếp Phật nên cúng dường.*

Các tư lương kia không biên giới mà trí có giới hạn, vì vậy nói tư lương không thể nào không có thiếu sót, nên nói: Sẽ nói phần ít kia, kính lễ Phật, Bồ-tát.

Hỏi: Nên lễ Phật, vì Ngài là bậc tối thắng trong tất cả chúng sanh, nghĩa gì trong này cũng lễ Bồ-tát?

Đáp: Vì các vị Bồ-tát này kế tiếp Phật nên phải cúng dường. Các vị Bồ-tát từ mới phát tâm cho đến quả vị giác ngộ đều nên cúng dường.

Bồ-tát có bảy bậc:

1. Mới phát tâm.
2. Chánh tu hành.
3. Đạt được nhãn vô sanh.
4. Quán đảnh.
5. Còn một đời là thành Phật (Nhất sanh bồ xứ).

6. Đời cuối cùng.

7. Đến nơi chốn giác ngộ.

Những bậc Bồ-tát này tiếp theo sau chư Phật nên thọ nhận sự cúng dường. Dùng thân-khẩu-ý và mọi vật bên ngoài để cúng dường các vị ấy. Mới phát tâm là chưa đến được địa. Chánh tu hành cho đến bảy địa. Đạt được nhãn vô sanh là trú ở Địa thứ tám. Quán đảnh là trú vào Địa thứ mười. Bậc Nhất sanh bổ xứ là còn một đời thì đi vào cõi Đâu-suất-đà. Bậc đời cuối cùng trú tại cõi Đâu-suất-đà. Bậc đến nơi chốn giác ngộ thì sắp thọ dụng trí Nhất thiết trí (Trí Phật). Ở trong bảy bậc Bồ-tát, Bồ-tát mới phát tâm thì tất cả chúng sanh đều nên kính lễ, hướng hồ những bậc khác. Tại sao? Vì thâm tâm rộng lớn, vì mức độ giáo pháp của Như Lai, lúc Bồ-tát mới phát tâm là phát tâm Bồ-đề, đối với phần hạn mười phương không có giảm bớt, các cõi Phật không hề giảm bớt, các chúng sanh chẳng hề giảm bớt, dùng tâm từ tràn đầy mọi nơi mà phát tâm Bồ-đề, nếu chúng sanh chưa độ thì con sẽ độ họ, người chưa giải thoát thì con sẽ giải thoát cho họ, người chưa đạt Niết-bàn thì con sẽ khiến họ đạt được, người chưa tịch diệt thì con sẽ khiến họ tịch diệt, người thuận theo Thanh văn thì con sẽ khiến họ đi vào thừa Thanh văn, người thuận theo Độc giác thì con sẽ khiến đi vào thừa Độc giác, người thuận theo Đại thừa thì con sẽ khiến đi vào Đại thừa. Muốn khiến cho chúng sanh đều được tịch diệt, không phải chỉ là tịch diệt phần ít chúng sanh. Vì thâm tâm rộng lớn ấy, nên tất cả chúng sanh đều phải kính lễ.

Như thế nào là vì lượng giáo pháp của Như Lai? Như Đức Thế Tôn nói với Tôn giả Ca-diếp: Ví như đầu tháng thì phải làm lễ, không phải là trăng tròn. Như vậy Ca-diếp, nếu tin lời Ta nói, thì nên hướng về kính lễ các vị Bồ-tát, không phải là vì Như Lai. Tại sao? Vì từ nơi Bồ-tát sanh ra Như Lai. Còn trong thừa Thanh văn cũng nói:

Đối với người biết pháp

Hoặc là lớn hoặc trẻ

Hãy cung kính cúng dường

Như Phạm chí thờ lửa.

Vì vậy cho nên các bậc Bồ-tát, tiếp theo Phật đều nên cúng dường. Như kệ nói:

Người kế thừa Phật chủng

Hơn hẳn công hạnh khác

Thế nên các Bồ-tát

Theo Phật, nên cúng dường.

Lòng từ sánh hư không
 Hiện khắp các chúng sanh
 Vì thế bậc Tối thắng
 Sau Phật, nên cúng dường.
 Đối với mọi chúng sanh
 Đại bi xem như con
 Cho nên Phật tử này
 Sau Phật, nên cúng dường.
 Tâm bi lợi chúng sanh
 Không hai, như hư không
 Thế nên bậc vô úy
 Sau Phật, nên cúng dường.
 Mọi lúc giống như cha
 Tăng trưởng các chúng sanh
 Cho nên các Bồ-tát
 Sau Phật, nên cúng dường.
 Giống như đất, nước, lửa
 Chúng sanh luôn thọ dụng
 Vì thế bậc thí lạc
 Sau Phật, nên cúng dường.
 Chỉ làm lợi chúng sanh
 Xả bỏ nhân tự lạc
 Vì thế nên tất cả
 Sau Phật, hãy cúng dường.
 Ngoài ra Phật, chư Phật
 Điều sanh từ sơ tâm
 Cho nên các Bồ-tát
 Sau Phật, nên cúng dường.

Hỏi: Tôn giả đã chính thức nói về duyên khởi của tư lương giáo, nay nên nói về thể của tư lương chăng?

Đáp:

Đã là mẹ Bồ-tát
 Cũng là mẹ chư Phật
 Nên Bát nhã Ba-la-mật
 Tư lương đầu của giác.

Vì Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của các Bồ-tát, nên là tư lương thứ nhất của Bồ-đề. Vì sao? Vì là tối thắng. Như trong các thân căn thì nhãn căn là hơn hẳn, trong các bộ phận của thân thì phần đầu là hơn hẳn,

trong các Ba-la-mật thì Bát nhã Ba-la-mật là hơn hẳn, cũng như vậy, vì thế Bát nhã Ba-la-mật là tối thắng, nên là tư lương thứ nhất.

Lại vì là người đi trước, như trong các pháp thì Tín là người đi trước, trong các Ba-la-mật thì Bát nhã Ba-la-mật đi trước cũng như vậy. Vì Đà na (Bố thí) kia, nếu không hồi hướng Bồ-đề, thì không phải là Bố thí Ba-la-mật. Như vậy Thi la (Trì giới)... nếu không hồi hướng Bồ-đề thì cũng không phải là Trì giới... Ba-la-mật. Hồi hướng Bồ-đề chính là Bát nhã (Trí tuệ). Do Trí tuệ đi trước nên luôn luôn hồi hướng. Vì nguyên nhân đi trước này, nên trong các Ba-la-mật thì Trí tuệ Ba-la-mật là tư lương thứ nhất của Bồ-đề. Đồng thời các Ba-la-mật này là thể của nhân ba luân thanh tịnh. Vì Trí tuệ Ba-la-mật là thể của nhân ba luân thanh tịnh đối với các Ba-la-mật, do đó Trí tuệ Ba-la-mật là tư lương thứ nhất của Bồ-đề. Ba luân thanh tịnh ấy là Bồ-tát lúc thực hành Bố thí ở trong Trí tuệ Ba-la-mật, không nghĩ đến tự thân, vì xa rời chấp thủ tự thân, không nghĩ đến sự khác nhau giữa người nhận, vì dứt trừ tất cả mọi phân biệt, không nghĩ đến quả bố thí, vì tướng của các pháp không đến không sanh ra. Như vậy, Bồ-tát đạt được sự Bố thí ba luân thanh tịnh.

Giống như Thí thanh tịnh, Giới thanh tịnh... cũng như vậy. Vì Trí tuệ Ba-la-mật này là thể của nhân ba luân thanh tịnh đối với các Ba-la-mật kia, nên Trí tuệ Ba-la-mật là tư lương thứ nhất của Bồ-đề. Đồng thời là quả to lớn, nên quả to lớn của Trí tuệ Ba-la-mật hơn hẳn các Ba-la-mật. Như kinh nói:

*Phước đức tâm Bồ-đề
Cùng lấy pháp thâm nhận
Nơi không, như tín giải
Giá hơn mười sáu phần.*

Nhân duyên đại quả trong Kinh Bì La Ma, ở đây thuận theo nói, vì là đại quả, nên Trí tuệ Ba-la-mật là tư lương thứ nhất của Bồ-đề.

Hỏi: Vì sao Trí tuệ Ba-la-mật được xem là mẹ của Bồ-tát?

Đáp: Do khả năng sanh ra, là phương tiện đã thâm tóm Trí tuệ sanh ra các Bồ-tát, khiến cầu đạt Bồ-đề vô thượng, không cầu mong Thanh văn, Độc giác, vì là nhân sanh ra thể Phật, cho nên Trí tuệ Ba-la-mật là mẹ của Bồ-tát. Lại xếp vào trong năm loại Ba-la-mật, như nói Minh Bát La Nhị Ba Đê. Minh là tánh, Bát La Nhị Ba Đê là tụng. Ngay tánh tướng này chính là Ma Đa [Ma Đa dịch là Mẫu, đối với âm chữ trong luận, chữ Ma Đa từ trong lời nói Minh Bát La Nhị Ba Đê đưa ra, Minh là thể tánh của Ma Đa, Bát La Nhị Ba Đê là nghĩa đọc tụng của Ma Đa. Bát La Nhị Ba Đê đích thực phiên dịch là Trí (xếp đặt), lấy Trí làm

nghĩa cho Mẫu (mẹ)]. Ví như mẹ sanh ra con, có lúc hoặc là đặt trên giường, hoặc là đặt trên đất. Trí tuệ Ba-la-mật cũng như vậy, lúc sanh ra Bồ-tát cầu đạo Bồ-đề, đặt vào trong năm loại Ba-la-mật như bố thí... , vì có thể đặt Bồ-tát vào cầu đạo Bồ-đề, nên nói Trí tuệ Ba-la-mật là mẹ của Bồ-tát. Lại vì mức lượng, như nói Mang Ma Nê. Mang là tánh, Ma Nê là đọc tụng, ngay tánh tướng này chính là Ma Đa [Đối với âm chữ trong luận, chữ Ma Đa lại từ trong lời nói Mang Ma Nê đưa ra, Mang cũng là thể tánh, Ma Nê là đọc tụng về nghĩa của nó, đích thực dịch là Lượng (lượng tính), lấy Lượng làm nghĩa của Mẫu (mẹ)]. Ví như mẹ sanh con rồi tính toán dẫn do tùy theo lúc, như vậy con mình nhờ thức ăn này nên thân thể tăng lên, theo đấy nên giảm bớt. Bồ-tát cũng như vậy, dùng Trí tuệ Ba-la-mật tự đánh giá thân mình, mình phải bố thí như vậy, mình nên trì giới... như vậy. Vì nhân duyên tự đánh giá ấy, cho nên nói Trí tuệ Ba-la-mật là mẹ của Bồ-tát. Lại dùng ý cân nhắc suy lường, ví như đồ vật đong lường có Bát la tát tha (cân), có A-trạch-ca, có Đột-lư-noa, có Khư-lê-để... (Như vậy các loại đấu-thăng-học-hợp trong này). Các Bồ-tát cân nhắc lường tính cũng thế, đây là mới phát tâm, đây là tu hành, đây là đạt được nhẫn vô sanh... Vì nhân duyên cân nhắc lường tính, nên nói Trí tuệ Ba-la-mật là mẹ của Bồ-tát. Lại vì đọc tụng nơi kinh (Tu-đa-la), đó là ở trong các kinh làm mẹ, gọi là Tụng (đọc tụng), nơi các kinh ấy có Bồ-tát danh xưng vang khắp các cõi Phật, tên là Tỳ-ma-la-cát-lợi-đế, nói Già tha (bài Tụng):

Trí tuệ Ba-la-mật

Mẹ của các Bồ-tát

Phương tiện khéo là cha

Từ bi là con gái.

Lại có kinh khác, cũng tụng như vậy, lấy kinh suy lường nên nói Trí tuệ Ba-la-mật là mẹ của Bồ-tát.

Hỏi: Tại sao Trí tuệ Ba-la-mật cũng là mẹ của chư Phật?

Đáp: Vì sanh ra và biểu hiện rõ ràng Trí tuệ không có chướng ngại. Chư Phật quá khứ vị lai và hiện tại, do Trí tuệ Ba-la-mật A hàm (không pháp nào sánh kịp) mà phiền não đã hết, đang hết và sẽ hết, vì sanh ra từ đấy nên nói Trí tuệ Ba-la-mật là mẹ của chư Phật. Biểu hiện rõ Trí tuệ không có gì chướng ngại ấy, là vì chư Phật Thế Tôn quá khứ vị lai hiện tại biểu hiện rõ ràng Trí tuệ không có chướng ngại, đều lộ rõ từ trong Trí tuệ Ba-la-mật. Vì Trí tuệ này biểu hiện rõ không có chướng ngại, nên chư Phật cũng lấy Trí tuệ Ba-la-mật làm mẹ. Trong này có tụng nói:

*Vì tương ứng đại bi
 Trí tuệ Ba-la-mật
 Nơi bến bờ vô vi
 Phật tử hay vượt lên
 Đến được Vô Đẳng Giác
 Lợi sâu các chúng sanh
 Trí độ chính là mẹ
 Người bậc trên như vậy
 Nhờ đạt được Trí độ
 Mới thành tựu thể Phật
 Nên là mẹ chư Phật
 Bậc Thắng Tiên đã nói.*

Tại sao đây gọi là Trí tuệ Ba-la-mật ? Vì không chung với Thanh văn, Độc giác, nên gọi là Trí tuệ Ba-la-mật. Lại ở trên trí tuệ này không còn gì phải biết nữa, nên gọi là Trí tuệ Ba-la-mật. Trí này đến được tất cả bến bờ kia, nên gọi là Trí tuệ Ba-la-mật. Ngoài Trí tuệ Ba-la-mật này thì không có năng lực nào hơn được, nên gọi là Trí tuệ Ba-la-mật. Ba đời bình đẳng, nên gọi là Trí tuệ Ba-la-mật. Những nhân duyên hơn hẳn như vậy, như trong kinh Bát Nhã Ba-la-mật nói, nên gọi là Trí tuệ Ba-la-mật.

Hỏi: Đã lược nói về tư lương thứ nhất của Bồ-đề, tư lương thứ hai nay nên nói chăng?

*Thí, giới, nhĩn, tấn định
 Cho đến năm loại này
 Đều do trí tuệ độ
 Ba-la-mật gồm sâu.*

Đà na (Bố thí) Ba-la-mật trong đây là tư lương thứ hai của Bồ-đề. Vì Trí tuệ đi trước, nên Bồ-tát vì Bồ-đề mà thực hành bố thí, do đó thí là tư lương thứ hai. Ở thí này, sanh ra ý làm vui cho thân người khác, nhân đó gọi là bố thí, không phải là làm khổ đau. Bố thí có hai loại, đó là tài thí và pháp thí. Tài thí cũng có hai loại, đó là cộng thức và bất cộng thức. Cộng thức cũng có hai loại, đó là nội và ngoại. Nếu bố thí tay chân v.v... của chính mình, hoặc là bố thí toàn thân, đây là nội thí. Nếu bố thí con cái, thê thiếp, cho đến các loài hai chân hay bốn chân..., đây là ngoại thí. Bất cộng thức cũng có hai loại, đó là ăn được và không thể ăn được. Ở đây có nhiều loại, nếu bố thí các vật ăn uống... nhận sử dụng trong thân, đây là ăn được. Nếu bố thí sự thọ dụng bên ngoài thân như hương liệu tốt đẹp, thuộc về vàng bạc châu báu, áo quần, ruộng đất,

của cải tiền bạc, ao hồ vườn tược, để vui chơi mọi nơi..., đấy là không thể ăn được. Nhưng pháp thí có thể thọ dụng, cũng có hai loại, đó là thế gian và xuất thế gian. Nếu nhờ vào pháp thí, ở trong sự lưu chuyển sanh ra thân căn và cảnh giới đáng yêu, đấy là pháp thế gian. Nếu nhờ vào quả báo của pháp thí, vượt qua được sự lưu chuyển, đây là pháp xuất thế gian. Tài thí và pháp thí ấy đều có hai loại, đó là chấp trước và không chấp trước. Hoặc là thân mình, hoặc là giúp đỡ sanh sống, hoặc là quả báo tốt đẹp, mong muốn nối tiếp nhau để tài thí và pháp thí, đấy là có chấp trước. Nếu vì lợi ích và an vui cho tất cả chúng sanh, hoặc là trí tuệ không có chướng ngại, đây là không chấp trước. Ngoài ra lại có loại Vô úy thí, cũng tùy thuận vào trong tài thí. Quả của hai loại bố thí kia cùng với tập khí còn lại, đầy đủ như kinh Đại thừa có nói, trong này sẽ lược nói về kệ:

*Ăn uống và y phục
Thuận cần, đều bố thí
Cũng thí vòng hoa, đèn
Hương xoa cùng âm nhạc.
Hoặc thí món ăn ngon
Thuốc men và gối tựa
Những thứ để nuôi bệnh
Người chữa bệnh, chăm sóc.
Trai, gái và thê thiếp
Nô tỳ, cùng kho tàng
Vật trang sức, nữ hầu
Thuận cần, đều bố thí.
Những vật quý vốn có
Nhiều đồ dùng trang nghiêm
Xe cộ cùng voi ngựa...
Đồ vật đẹp thí hết.
Cây cảnh nơi tu đạo
Ao giếng các phòng ốc
Ruộng đất cùng vật tạp
Nhà khách đều bố thí.
Hoặc hai chân, bốn chân
Hoặc lại là côn bĩ
Làng mạc cùng kinh đô
Đến cảnh vua đều thí.
Thí những vật tạo vui*

Lợi lạc cho người cần
 Chỗ dựa cho chúng sanh
 Người sợ, thí không sợ.
 Thí vật khó xả bỏ
 Tay chân mất mũi lưỡi
 Cũng thí cả tim đầu
 Toàn thân đều xả bỏ.
 Lúc tu hạnh bố thí
 Luôn hướng về người nhận
 Sanh khởi tưởng ruộng phước
 Như hàng thân thuộc tốt.
 Các quả báo bố thí
 Tụ tập đầy đủ thiện
 Hồi hướng vì tự - tha
 Thành Phật và cõi tịnh.
 Bồ-tát đã hành thí
 Chính hồi hướng thể Phật
 Bồ-tát này hành thí
 Được gọi Ba-la-mật.
 Hoặc bờ kia, bờ này
 Không ai có thể nói
 Quả thí đến nơi kia
 Nói là thí bờ kia.

Nay nói về sự sai khác của thí chủ :

Không tham với quả yêu
 Bi nên ba luân tịnh
 Chánh giác nói thí kia
 Là vì cầu Bồ-đề.
 Ta đã làm việc này
 Đang làm, cũng sẽ làm
 Nếu xả bỏ như vậy
 Tức làm thuê, không thí.
 Tham tăng nơi quả thí
 Tùy thuận tức nên xả
 Nói là sanh lợi người
 Trí - niệm chẳng thí chủ.
 Không tham tăng thêm quả
 Chỉ do tâm bi thí

Đây là thí chủ thật
 Còn lại đều bán buôn.
 Như mây lớn mưa khắp
 Mọi chốn tâm cùng thị
 Đây gọi thí chủ lớn
 Còn lại đều phần ít.
 Thí và quả báo thí
 Xót thương giúp người cần
 Thí chủ đối mọi người
 Giống như là cha mẹ.
 Không nghĩ những vật thí
 Người nhận và người thí
 Mà luôn vui bố thí
 Đây gọi là thí chủ.
 Nếu không phân biệt Phật
 Bồ-đề cùng Bồ-tát
 Vì Bồ-đề nên thí
 Sẽ mau được thành Phật.

Hỏi: Đã giải thích về Bố thí Ba-la-mật, nay nên nói về Trì giới Ba-la-mật?

Đáp: Nghĩa Ba-la-mật như trước đã giải thích. Nghĩa Thi la (Trì giới) nay sẽ nói. Vì Thi la nên nói là Thi la. Nói Thi la nghĩa là hành tập gần gũi. Đây là thể tướng. Lại là nghĩa về bản tánh, như thế gian có những giới về vui, giới về khổ... Lại có nghĩa là trong mát, là không hối hận, nhờ đó xa rời tâm nóng bức vì ưu sầu phiền muộn. Lại có nghĩa là an ổn, vì có thể làm nhân an vui cho đời khác. Lại có nghĩa an tĩnh, vì có thể kiến lập chỉ quán. Lại có nghĩa tịch diệt, vì đạt được nhân an lạc của Niết-bàn. Lại có nghĩa đoan nghiêm, vì có thể trang sức hoàn thiện. Lại có nghĩa là tịnh khiết, vì có thể gột rửa điều ác, phòng ngừa điều xấu. Lại có nghĩa là đứng đầu, vì có thể làm nhân để nhập chúng mà không khiếm nhục. Lại có nghĩa là tán thán, vì có thể sanh ra tiếng khen. Giới này là chuyển sanh từ hạnh thiện của thân khẩu ý, trong đó xa lìa không giết hại, không cho mà lấy, dâm dục hạnh tà..., là ba loại thân giới. Xa lìa lời nói dối, lời nói phá hoại, lời nói thô ác, lời nói đùa cợt, hỗn tạp..., là bốn loại khẩu giới. Xa lìa tham sân, tà kiến..., là ba loại ý giới. Như vậy biết hạnh thiện từ thân-khẩu-ý đã chuyển sang mười loại giới, cùng với mười loại hành ác đã phát sanh do tham sân si trở thành đối trị. Vì mười loại hành ác bậc hạ-trung-thượng kia thường

hành tập gần gũi nên rơi vào địa ngục, súc sanh, cõi Diêm la. Như trước kể ra mười loại giới hạnh thiện, nếu không tương ứng cùng với giác phần, bậc hạ-trung-thượng luôn hành tập gần gũi, tùy theo phước sai khác tốt hơn nữa, sẽ đạt được sự sai khác giữa trời và người. Nếu mười loại hạnh thiện tương ứng cùng với giác phần, giới tốt hơn nữa thường hành tập gần gũi nhiều, do đó sẽ đạt đến sự sai khác, chuyển sang hơn hẳn trong địa Thanh văn và địa Bồ-tát. Vả lại, tụ giới Bồ-tát này, có sáu mươi lăm loại vô tận, như trong Kinh Vô Tận Ý đã giải thích, nên biết. Nay lược nói có hai loại giới, đó là Bình đẳng chủng thi giới và Bất bình đẳng chủng thi giới.

Bình đẳng chủng thi giới, là dùng hạnh thiện của thân-khẩu-ý này tích tụ, ở trong đời đời gieo trồng, hoặc là cõi, hoặc là giàu vui, hoặc là Thanh văn, Độc giác, hoặc là cùng quả báo, hoặc là tịnh độ, hoặc là thành thực chúng sanh, hoặc là Chánh biến giác... Những nhân tố ấy đều gọi là Bình đẳng chủng thi giới. Trái lại với tướng này, gọi là Bất bình đẳng chủng thi giới. Lại có hai loại giới, đó là giới Hữu tác và giới Vô tác. Nếu ở trong Hữu tác có sự tạo tác, gọi là giới Hữu tác. Trái với tướng này gọi là giới Vô tác.

Lại có chín loại giới, đó là Phạm phu giới, Ngoại đạo ngũ thông giới, Nhân giới, Dục giới thiên tử giới, Sắc giới thiên tử giới, Vô sắc giới thiên tử giới, Chư học vô học Thanh văn giới, Độc giác giới, Bồ-tát giới.

Phạm phu giới là đi vào nơi sanh nên hết. Ngoại đạo ngũ thông giới là thần thông giảm sút nên hết. Nhân giới là mười nghiệp đạo thiện hết, nên không còn. Dục giới thiên tử giới là phước hết nên không còn. Sắc giới thiên tử giới là thiên định không còn, nên hết. Vô sắc giới thiên tử giới là Tam-ma-bát-đế (thiền định) không còn, cho nên hết. Chư học, vô học Thanh văn giới là cứu cánh Niết-bàn cho nên hết. Độc giác giới là thiếu đại bi cho nên hết. Bồ-tát giới là không có cùng tận, vì giới này có thể làm sáng tỏ các giới khác, vì chủng tử nối tiếp nhau không có kết thúc, vì Bồ-tát kế tục nhau không kết thúc, vì Như Lai giới không có tận cùng. Do nhân duyên này, nên Bồ-tát giới gọi là vô tận. Các giới Bồ-tát hồi hướng Bồ-đề, nên gọi là giới Ba-la-mật. Trong này có kệ:

*Giống như cha quý công sức con
Cũng như tự mình quý thọ mạng
Giới ra khỏi hữu ái cũng vậy
Người khỏe, tâm lớn đều quý giới.
Giới này Mâu-ni đã hành tập*

Giải thoát nơi dục lìa hữu ái
 Như quạ mọi người đều từ bỏ
 Người trí thường nên quý giới này.
 Giới ấy lợi ích cho mình, người
 Khiến thân đoan nghiêm rời buồn chán
 Đời này đời kia trang nghiêm đẹp
 Giới này người trí nên quý hơn.
 Giới này không dựa sức người khác
 Thấy đều đạt được không cầu xin
 Đều nhờ vào sức mình mà được
 Nên bậc thượng nhân quý giới này.
 Tài sản, đất nước và đất đai
 Xương thịt của mình cùng đầu, cổ
 Đều có thể bỏ, không bỏ giới
 Vì mong thanh tịnh đạo Bồ-đề.
 Giả sử từ trời rơi xuống đất
 Và từ đất bay lên trên trời
 Hoàn toàn lìa cấu, đất không nhiễm
 Thuận theo nên quyết không chuyển dời.
 Nếu đã đầy đủ giới, phương tiện
 Lúc này liền đạt Địa thứ hai
 Đã được địa Ly cấu thanh tịnh
 Là lúc thành tựu tâm mong muốn.
 Nếu trở lại trời, người, Tu la
 Và trong súc sanh ai độ
 Khéo biết phương tiện hành giáo hóa
 Tùy niệm hướng về lợi ích kia.
 Hoặc dùng bố thí thâu chúng sanh
 Hoặc cùng ái ngữ vào ý họ
 Hoặc lại ban cho lợi an ổn
 Hoặc dùng đồng sự để giúp sức.
 Hoặc trong loài người được làm chủ
 Hoặc ở chúng trời mà tự tại
 Rất nhiều phương tiện nhằm dẫn dắt
 Đều đang sắp đặt nơi pháp thiện.
 Vì đầy đủ giới thật, thần thông
 Có thể làm khô nước biển lớn
 Thế gian tận, lửa dữ bốc cao

*Trong khoảnh khắc hủy diệt tất cả.
 Quán xét thế gian bao phiền não
 Buồn sanh bệnh do xa người thân
 Người trí có giới thông phương tiện
 Vì đời thương yêu chỉ đạo mau.*

Hỏi: Đã giải thích về Thi la Ba-la-mật, nay nói về Sà-đề (Nhẫn nhục) Ba-la-mật?

Đáp: Trong này, nói đến Sà-đề là hoặc thân, hoặc tâm nhận chịu các khổ, vui, chỉ có thể chịu đựng mà tâm không cao thấp, không có nhiệm vụ. Đây gọi là lược nói về Sà-đề (Nhẫn nhục). Nếu nói rộng thì thiết lập thành ba loại, đó là Thân trú trì - Tâm trú trì và Pháp trú trì. Ở đây nhẫn của Thân trú trì, nghĩa là thân gặp phải những sự khổ, như bên ngoài tiếp xúc với cảnh cố ý hay vô tình không thích, đã nảy sanh khổ nơi thân có thể chịu đựng, không tính toán. Đây gọi là nhẫn của Thân trú trì. Cảnh sanh ở ngoài, nghĩa là do nhân duyên ăn uống nên xảy ra sợ hãi nóng giận, ngu si, cho đến các loài hai chân, bốn chân hay nhiều chân, như muỗi mòng, rắn rít, cọp beo, sư tử..., vô lượng nhân duyên từ các hoàn cảnh cố ý bức não nơi thân. Hoặc lại có người đến xin tay chân tai mũi đầu mắt và các chi phần mà cắt đứt. Đối với sự việc xấu ác này, tâm không hề buồn rầu, hỗn loạn, cũng không hề lay động. Đây gọi là nhẫn của Thân trú trì.

Lại còn nhân duyên bão tố dữ dội, thời tiết nóng nực lạnh lẽo, mưa đá trút xuống, lúc những hoàn cảnh vô tình đến bức bách phiền muộn, toàn thân tiếp xúc đau khổ mà có thể an nhiên nhận chịu, đây cũng gọi là nhẫn.

Lại vì trong thân đã dấy lên nhân duyên thay đổi về về cảnh giới, ăn uống nhạt nhẽo, cho đến dấy động sanh ra bốn trăm lẻ bốn bệnh khổ cho thân. Vào lúc bức bách phiền muộn, có thể chịu đựng không tính toán, cũng gọi là nhẫn của Thân trú trì.

Nhẫn trong Tâm trú trì là, nếu có những lời nói không thích nghe, như chửi mắng, giận dữ chê bai, quát tháo, phỉ báng, lăng nhục ức hiếp..., lúc đến bức bách não hại, tâm không lay động cũng không hỗn loạn, đây gọi là nhẫn của Tâm trú trì. Lại có tám loại pháp thế gian được tiếp xúc, đó là được lợi-mất lợi, tiếng tốt-tiếng xấu, chê bai-khen ngợi, -khổ-vui, trong tâm không có cao thấp tốt xấu, bất động như núi, thì gọi là nhẫn của Tâm trú trì. Lại vì bật dứt tâm ý nóng giận, nên theo đó không có tâm giết hại, không có tâm kết buộc oán hận, không có tâm tranh giành, không có tâm kiện tụng, tự bảo vệ mình và bảo vệ người,

tâm từ tương ứng trong mọi chúng sanh, cùng với tâm bi chung nhau thực hành, khởi ý hoan hỷ, luôn luôn xả bỏ tất cả. Những điều này cũng gọi là nhẫn của Tâm trú trì.

Nhẫn trong Pháp trú trì là, ở bên trong ở bên ngoài đều quán sát đúng như thật. Ngoài là những loại như chửi mắng, giết hại... Chửi mắng là tiếng và chữ hòa hợp cùng lúc không phân tán, vì chỉ trong nháy mắt chữ đã không có, tiếng giống như tiếng vang, tất cả rỗng lặng nào có gì thật, không thể nói ra nghĩa tương ứng theo thứ tự. Trong ấy không có chửi mắng, chỉ vì các hạng phàm phu phân biệt hư vọng mà sanh ra nóng nảy tức giận. Nếu chữ và tiếng căn cứ vào nghĩa của tự tánh, biết là không thể được, tâm sẽ thuận theo không làm trái nhau, bình đẳng chịu đựng. Đây gọi là nhẫn của Pháp trú trì. Lại đối với nơi bị giết hại, nên khởi suy nghĩ: Thân không phải là bị hại, thân nếu không cố ý, thì giống như cỏ cây tường vách... Tâm cũng không phải là bị hại, vì tâm chẳng phải là sắc, do đó không hề có đụng chạm hay ngăn ngại. Ở trong nghĩa bậc nhất, không hề có người giết hại. Lúc thực hành quán xét như vậy, không thấy sự giết hại, có thể chịu đựng được điều ấy, đây gọi là nhẫn của Pháp trú trì.

Bên trong là lúc quán xét pháp bên trong, dấy lên ý nghĩ như vậy: Sắc như bọt nước tự lại, theo duyên sanh ra, không có động tác, không tự sanh, hoàn toàn trống rỗng, xa rời ngã và ngã sở, thọ giống như bọt nước nổi, tưởng như ngọn nắng, hành như cây chuối, thức như huyền ảo. Tất cả đều theo duyên dấy lên, không có động tác, không tự sanh, từng sát na sanh diệt, hoàn toàn trống rỗng, lìa ngã và ngã sở. Ở đây sắc chẳng phải là ngã, sắc chẳng phải là ngã sở. Như vậy, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng khác gì. Thức chẳng phải là ngã, thức chẳng phải là ngã sở. Các pháp như vậy từ duyên sanh ra. Nếu từ duyên sanh thì tự tánh không hề sanh. Nếu tự tánh không hề sanh thì không có người nào có thể làm hại. Lúc quán xét như vậy, tự tánh của các pháp hoặc ở trong, hoặc ở ngoài đều không thể đạt được. Đây gọi là nhẫn của Pháp trú trì. Nếu ở trong thân - tâm - pháp, lúc dấy lên quán xét tự tánh, tức là thuận theo nhẫn vô sanh. Đây gọi là lược nói về Sằn đề Ba-la-mật. Như trong Tu-đa-la (kinh) đã nói đầy đủ. Có Thánh giả tụng:

*Oán, thân cùng ở giữa
Bi niệm luôn bình đẳng
Nhân sân còn không có
Sao sân với chúng sanh?
Khéo tu tập thường từ*

Chúng sanh đồng thể tánh
 Bình đẳng không có hai
 Sao phần nộ chúng sanh?
 Tâm thường xả bỏ sân
 Nhiều đời thương yêu vui
 Người mạnh đã không ngại
 Sao trái với cuộc đời?
 Đối với mọi chúng sanh
 Luôn cầu làm lợi giúp
 Tại sao khởi giận dữ
 Thêm ác cho chúng sanh?
 Tiếp tám pháp thế gian
 Tâm đó không động chuyển
 Như dùng miệng thổi núi
 Nên biết được sức nhẫn.
 Thâm tâm lia cấu ứ
 Việc ngăn không thể nhiễm
 Như bùn ném hư không
 Nên biết được sức nhẫn.
 Đối thân không yêu quý
 Đối mạng cũng chẳng tham
 Các oán đều không thể
 Lay được chí tiếp nối.
 Đối tiếng chẳng đáng yêu
 Tâm yên như tiếng vang
 Những lời như huyễn hóa
 Tâm nhẫn có trong tay.
 Không ở trong năm uẩn
 Giữ ngã cùng mạng tướng
 Thân cũng không ngã sở
 Nên biết đạt sức nhẫn.
 Nếu không thấy nơi ngã
 Cùng tự tánh ngã sở
 Đạt pháp nhẫn vô sanh
 Phật tử an ổn nhất.



LUẬN BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG

QUYỂN 2

Hỏi: Đã giải thích về Nhãn Ba-la-mật, nay nên nói về Tinh tấn Ba-la-mật hay không?

Đáp: Thể tướng mạnh mẽ dũng cảm, nghiệp ác hăng hái hơn mức bình thường..., đây là Tinh tấn. Ở trong các bậc Bồ-tát, từ mới phát tâm cho đến bậc ngồi nơi tòa Bồ-đề, kiến lập tất cả các phần Bồ-đề tương ứng với nghiệp thiện của thân-khẩu-ý, đây gọi là Tinh tấn Ba-la-mật. Và lại, nếu cùng với các phàm phu và các bậc học, vô học, Thanh văn, Độc giác, không cùng chung tinh tấn, đây gọi là Tinh tấn Ba-la-mật. Tinh tấn có ba loại, đó là thân khẩu và ý. Thân khẩu đó tinh tấn, dùng tâm tinh tấn để làm người đi trước. Lược nói thì có ba loại phước sự. Nếu thân cùng với phước sự tương ứng, là thân tinh tấn. Nếu khẩu cùng tương ứng, thì khẩu tinh tấn. Nếu ý cùng tương ứng, là ý tinh tấn. Lại còn thân thực hành hăng hái ở trong pháp thiện vừa lợi mình vừa lợi người, là thân tinh tấn. Khẩu thực hành hăng hái là khẩu tinh tấn. Ý thực hành hăng hái là ý tinh tấn. Còn có ba mươi hai loại tinh tấn của Bồ-tát, đó là tinh tấn không đoan dứt giòng giống Tam bảo, tinh tấn thành thực vô lượng chúng sanh, tinh tấn thấu nhận vô lượng lưu chuyển, tinh tấn cúng dường, hầu hạ vô lượng chư Phật, tinh tấn tích lũy tập hợp vô lượng thiện căn, tinh tấn sanh ra vô lượng tinh tấn, tinh tấn khéo léo giảng giải khiến cho chúng sanh hoan hỷ, tinh tấn làm yên ổn cho tất cả chúng sanh, tinh tấn làm những việc tùy theo các chúng sanh, tinh tấn thực hành xả bỏ ở trong các chúng sanh, tinh tấn thọ nhận các giới học, tinh tấn nhẫn nại cố gắng điều hòa mềm mỏng, tinh tấn sanh ra các Thiền na, Tam-ma-đề, Tam-ma-bát-đế, tinh tấn đầy đủ trí tuệ không chấp trước, tinh tấn thành tựu bốn phạm hạnh, tinh tấn sanh ra năm loại thần thông, tinh tấn dùng tất cả công đức nơi cõi Phật thành tựu theo cõi Phật, tinh tấn hàng phục các loại ma, tinh tấn như pháp hàng phục

các luận sư ngoại đạo, tinh tấn làm đầy đủ mọi pháp Phật như mười lực vô úy, tinh tấn trang nghiêm thân-khẩu-ý, tinh tấn vượt qua những việc làm trong các cõi, tinh tấn làm tổn hại các loại phiền não, người chưa vượt qua làm cho vượt qua, người chưa cởi bỏ làm cho cởi bỏ, người chưa thức tỉnh làm cho thức tỉnh, người chưa đạt Niết-bàn tinh tấn làm cho đạt Niết-bàn, tinh tấn quy tụ tích tập nhiều phước đức cùng tư lương, tinh tấn thấu nhận tất cả pháp Phật, tinh tấn đi lại qua vô biên cõi Phật, tinh tấn tiếp xúc với vô lượng chư Phật. Các loại tinh tấn này phát ra từ tâm đại bi, xa rời thân-khẩu-ý, trú trong trú xứ không lấy không bỏ, đạt được đến chỗ không đưa lên không hạ xuống, thấu tóm không sanh ra không khởi lên. Ba mươi hai pháp như vậy đầy đủ rồi, tinh tấn Ba-la-mật sẽ được thanh tịnh đầy đủ. Trong này cũng có Thánh tụng:

*Các Ba-la-mật như Bồ thí...
 Năng lực tinh tấn được thành tựu
 Vì thế tinh tấn làm căn bản
 Các bậc Bồ-tát đạt Phật thân.
 Tinh tấn phương tiện cầu Bồ-đề
 Tôi nghĩ tinh tấn phương tiện hơn
 Vì xả bỏ tinh tấn đó rồi
 Phương tiện không thể làm những việc.
 Nếu chỉ đơn độc một phương tiện
 Thì không siêng gắng hành sự nghiệp
 Những việc đều là tinh tấn làm
 Vì thế tinh tấn hơn phương tiện.
 Tâm có lực khéo làm phương tiện
 Tâm này từ tinh tấn sanh ra
 Thế nên việc làm ở các cõi
 Đều lấy tinh tấn làm căn bản.
 Các luận cho đến các công xảo v.v...
 Đủ tinh tấn nên đến bờ kia
 Thế nên ở trong các việc làm
 Tinh tấn là người tạo thành tựu.
 Hết thấy tự tại đến tài vật
 Người tinh tấn thì luôn đạt được
 Thế nên điều yên vui các cõi
 Đều dùng tinh tấn làm nhân đạt.
 Vì có tinh tấn rất tốt đẹp
 Phật là thượng thủ đối Thanh văn*

*Vì thế năng lực tinh tấn ấy
Là nhân tốt chẳng phải hành khác.
Người mạnh mẽ, tinh tấn hơn hẳn
Ở trong từng địa tuy như nhau
Người kia luôn được cao đẹp nhất
Thế nên luôn luôn khởi tinh tấn.
Lúc Phật ở nơi cõi Bồ-đề
Nhờ tinh tấn nên giác Bồ-đề
Vì thế tinh tấn là căn bản
Nhân đạt Phật thân, trước đã nói.*

Hỏi: Đã lược giải thích về Tinh tấn Ba-la-mật, nay nên nói về Thiền na Ba-la-mật hay không?

Đáp: Nói về Thiền na có bốn loại Thiền na, đó là có giác có quán ly sanh hỷ lạc, hành ở Sơ thiền. Không giác không quán định sanh hỷ lạc, hành đến Nhị thiền. Xa rời hỷ, hành xả, nghĩ đến tuệ, nhận được lạc, hành đến Tam thiền. Diệt trừ khổ lạc, xả niệm thanh tịnh không khổ không lạc, hành đến Tứ thiền. Ở trong bốn loại Thiền na này, xa rời phần vị chứng Thanh văn, Độc giác, hồi hướng quả vị Phật, được gọi là Thiền na Ba-la-mật. Các vị Bồ-tát có mười sáu loại Thiền na Ba-la-mật. Các vị Thanh văn- Độc giác vốn không có như vậy. Những gì là mười sáu loại? Đó là không giữ lấy thật thiền, không đắm vào vị thiền, đại bi theo duyên thiền, Tam-ma-địa hồi chuyển thiền, khởi tác thần thông thiền, tâm có thể chủ động thiền, các loại Tam-ma-bát-đế thiền, tịch tĩnh lại tiếp tịch tĩnh thiền, không thể lay động thiền, xa rời ác đối diện thiền, đi vào trí tuệ thiền, thuận theo tâm hành chúng sanh thiền, chúng tử Tam bảo không đoạn thiền, thiền không lui sụt, thiền nơi tất cả các pháp tự tại, thiền phá trừ tán loạn. Mười sáu loại thiền như vậy, chính là Thiền na Ba-la-mật.

Không giữ lấy thật thiền, là vì đầy đủ Như Lai thiền. Không đắm vào vị thiền, vì không tham niềm vui của chính mình. Đại bi theo duyên thiền, là thị hiện phương tiện đoạn trừ phiền não cho các chúng sanh. Tam-ma-địa hồi chuyển thiền, là dựa theo duyên cõi Dục làm thành duyên. Khởi tác thần thông thiền, là muốn biết tâm hành của tất cả chúng sanh. Tâm có thể chủ động thiền, là tâm thành tựu và trí tự tại. Các loại Tam-ma-bát-đế thiền, là được vượt ra các cõi Sắc và Vô sắc. Tịch tĩnh lại tiếp tịch tĩnh thiền, là vượt hơn hẳn các loại Tam-ma-bát-đế của hàng Thanh văn, Độc giác. Không thể lay động thiền, là rốt ráo về phía sau. Xa rời ác đối diện thiền, là loại trừ đến các loại huân

tập nối tiếp nhau. Đi vào trí tuệ thiền, là vượt ra ngoài các thế gian. Thuận theo tâm hành chúng sanh thiền, là cứu độ cho các chúng sanh. Chứng tử Tam bảo không đoạn thiền, là Như Lai thiền không có cùng tận. Thiền không lui sụt, là thường xuyên đi vào định. Thiền nơi tất cả các pháp tự tại, là các nghiệp đầy đủ. (Thiền phá trừ tán loạn thứ mười sáu, bản gốc thiếu nên không giải thích). Lại còn niệm tịnh, tuệ tịnh, nẻo tịnh, hổ thẹn tịnh, giữ tâm hy vọng tịnh, hồi hướng Bồ-đề tịnh, căn tịnh, không dựa tịnh, không chấp giữ thật thanh tịnh, khởi tác thần thông thanh tịnh, tâm gắng nhận thanh tịnh, thân xa lìa thanh tịnh, nội tịch tĩnh thanh tịnh, ngoài không hiện hành thanh tịnh, có kiến chứng đắc thanh tịnh, không chúng sanh không mạng không nhân thanh tịnh, trong tam giới không trụ chấp thanh tịnh, môn giác phần thanh tịnh, lìa ngăn che, đạt quang minh thanh tịnh, nhập trí tuệ thanh tịnh, nhân quả không trái nhau thanh tịnh, nghiệp tư duy nhẵn thanh tịnh, khai mở kho tàng tướng trí thanh tịnh, gồm thâu phương tiện khéo léo trước thanh tịnh, Bồ-đề tràng chướng ngại thanh tịnh, không chấp trước Thanh văn, Độc giác thanh tịnh, an trú Thiền na xuất sanh quang minh thanh tịnh, Tam-ma-địa Phật không tán loạn thanh tịnh, quán tự tâm hành thanh tịnh, biết các căn cơ của các chúng sanh như chỗ ứng hợp để thuyết pháp thanh tịnh (Bản gốc thiếu hai tịnh). Mười sáu loại Thiền na Ba-la-mật ấy, do ba mươi hai thứ thanh tịnh này nên được thanh tịnh, được đi vào địa Như Lai. Ở đây có tụng:

*Nếu mười sáu loại Thiền
Cùng ba mươi hai tịnh
Tương ứng với Thiền độ
Đây là câu Bồ-đề.
Đến bờ kia thiền định
Khéo biết nghiệp Thiền ma
Nằm thần thông người trí
Sanh ra không lui sụt.
Các sắc chẳng hề tận
Thông suốt thật tánh đó
Vì thiên nhãn hơn hẳn
Thấy khắp các sắc tướng.
Tuy dùng thiên nhĩ tịnh
Nghe âm thanh từ xa
Người trí biết thông suốt
Âm thanh chẳng nói năng.*

*Tâm tư mọi chúng sanh
 Quán xét các tướng đó
 Các tâm như huyền hóa
 Hiểu rõ tự tánh chúng.
 Chúng sanh trú kiếp trước
 Như thật, nghĩ biết được
 Các pháp không quá khứ
 Cũng biết được tự tánh.
 Hướng đến biết cõi nước
 Thấy có đủ trang nghiêm
 Tướng giống như hư không
 Biết rõ thật tánh ấy.
 Các phiền não chúng sanh
 Đều do tâm loạn sanh
 Thế nên người trí hơn
 Tu nhiều các thiền định.*

Hỏi: Những giải thích về Thiền na Ba-la-mật, lược nói đã xong. Nay thuận theo thứ tự nói về Bát nhã Ba-la-mật hay không?

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật, giải thích như trước, là đã nói trong tư lương thứ nhất, nay tôi lại giải thích về tướng đó, như kệ trước nói:

*Thí - giới-nhãn-tán định
 Còn ngoài năm loại này
 Các Ba-la-mật kia
 Trí độ gồm thấu cả.*

Ngoài những loại này, còn có bốn Ba-la-mật, đó là Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật, Nguyện Ba-la-mật, Lực Ba-la-mật, Trí Ba-la-mật. Bốn Ba-la-mật này, đều là Bát nhã Ba-la-mật gồm thấu. Bát nhã Ba-la-mật là, như Phật Thế Tôn ở nơi cõi Bồ-đề, dùng một niệm trí tương ưng, giác ngộ rõ các pháp, là Bát nhã Ba-la-mật. Lại là tướng vô ngại vì không có thân, tướng vô biên vì giống như hư không, tướng vô đẳng đẳng vì các pháp không đạt được, tướng xa lìa vì rốt ráo là không, tướng không thể hàng phục vì không thể đạt được, tướng vô cú vì không có danh thân, tướng không có tụ hợp vì xa rời đến và đi, tướng vô nhân vì xa rời người tạo tác, tướng vô sanh vì sanh không hề có, tướng không đi đến vì xa rời sự lưu chuyển, tướng vô tán hoại vì xa rời giới hạn trước sau, tướng vô nhiễm vì không thể giữ lấy, tướng vô hý luận vì xa rời các sự hý luận, tướng vô động vì là tự thể của pháp giới, tướng không dấy khởi vì không phân biệt, tướng vô lượng vì xa rời hạn lượng, tướng

không nương dựa vì nương dựa không hề có, tướng không nhiễm vì không sanh ra, tướng không thể lường vì không có giới hạn, tướng tự nhiên vì biết tự tánh của các pháp.

Lại, Bát nhã Ba-la-mật là tướng của văn tuệ, cùng đi vào chánh tư duy. Tướng của văn tuệ ấy có tám mươi loại, đó là các loại như lạc dục... Đi vào chánh tư duy có ba mươi hai loại, đó là các loại như an trú nơi Xa-ma-tha...

Lại, Bát nhã Ba-la-mật không cùng với mười sáu loại túc trụ đều có vô minh. Như vậy các tướng của Bát nhã Ba-la-mật, tùy theo mức độ đã nói. Nếu nói đầy đủ thì chính là vô lượng. Bát nhã Ba-la-mật này đã thâm tóm vào trong nó các phương tiện thiện xảo Ba-la-mật, có tám loại thiện xảo, đó là Chúng thiện xảo, Giới thiện xảo, Nhập thiện xảo, Đế thiện xảo, Duyên sanh thiện xảo, Ba đời thiện xảo, Các thừa thiện xảo, Các pháp thiện xảo. Thiện xảo Ba-la-mật trong ấy không hề có giới hạn. Lại, tùy vào nơi chốn sanh thuộc loại nào, dùng hành tướng thuộc loại như thế nào, thực hiện Bồ-đề để có thể tự tăng trưởng thiện căn và điều phục chúng sanh. Ở trong rất nhiều nơi chốn sanh ấy cùng ở trong rất nhiều hành tướng kia.

Tất cả các nơi này, hễ nơi nào thích ứng thực hiện các phương tiện, thì các bậc Đại nhân đã phân biệt, nói ra, nay tôi nói đến chỉ là một phần nhỏ trong kinh kia. Nếu nghiệp thiện nhỏ bé đã làm, nay làm, luôn làm cho nhiều thêm, có thể tốt đẹp đến vô lượng, đấy là phương tiện. Không tự vì mình chỉ vì chúng sanh, đấy là phương tiện. Chỉ dùng Bồ thí (Đà na) làm cho các Ba-la-mật được đầy đủ, đấy là phương tiện. Như vậy dùng Giới luật (Thi la) thâm tóm các nơi sanh ra, dùng Nhẫn nhục (Sàn đề) trang nghiêm thân khẩu tâm là hướng tới Bồ-đề, dùng Tinh tấn (Tỳ-lê-da) an trú nơi tinh tấn, dùng Thiền định không lui sụt đối với thiền, dùng Trí tuệ (Bát nhã) xả bỏ, xa rời vô vi, dùng Từ làm nơi nương tựa che chở, dùng Bi nên không từ bỏ lưu chuyển, dùng Hỷ luôn luôn chịu được sự việc không vui thích, dùng Xả để phát khởi các nghiệp thiện, dùng Thiên nhãn giữ lấy Phật nhãn, dùng Thiên nhĩ hành đầy đủ Phật nhĩ, dùng Tha tâm trí biết tất cả các căn, dùng Túc trú niệm biết ba đời không ngăn ngại, dùng Tự tại thông đạt được Như Lai tự tại thông, dùng phương tiện đi vào tâm ưa muốn của chúng sanh để biết các hành tướng đã vượt qua, lại đi vào, không nhiễm gì mà nhiễm, bỏ gánh nặng lại gánh lên, vô lượng bày tỏ hạn lượng, tối thắng hiện rõ thấp kém, vì phương tiện nên tương ứng với Niết-bàn mà rơi vào lưu chuyển. Tuy hành đến Niết-bàn đó mà không hoàn toàn tịch diệt, hiện

hành bốn ma, vượt lên trên các ma, đạt được trí bốn đế và quán vô sanh mà không đi vào chánh vị. Tuy hành theo nẻo náo loạn mà không hành thuận theo giác ngộ phiền não. Tuy hành xa lìa mà không dựa vào thân tâm dứt hết. Tuy hành nơi ba cõi, à ở trong cõi không hành Thế tục đế. Tuy hành ở nơi không mà tất cả mọi lúc luôn luôn cầu pháp Phật. Tuy hành vô vi mà không quay về vô vi tác chứng. Tuy hành đối với thông mà không để lộ tất cả. Tuy hiện rõ oai nghi hàng Thanh văn, Độc giác mà không rời bỏ niềm vui mong muốn pháp Phật. Như vậy, trong các loại phương tiện thiện xảo Ba-la-mật, hết thấy là phương tiện giáo hóa chúng sanh, những phương tiện ấy là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát giáo hóa nơi an trú, cần phải biết. Trong này, có Tụng:

*Các khổ não trong đường súc sanh
 Sanh địa ngục, ngạ quỷ cũng vậy
 Ở trong lưu chuyển, tương ứng nhận
 Vô số tội lỗi của chúng sanh.
 Những tụ khổ này không thể ngăn
 Ở nơi chúng sanh khởi lòng thương
 Chư Phật liền nói Bồ-tát kia
 Tất cả thế gian bi vô ngại.
 Trong luận nếu có khéo bao quát
 Rất nhiều nghiệp người khác làm
 Các mình như công xảo v.v... và việc
 Điều dùng ái ngữ trao chúng sanh.
 Giới, tài, văn tu tịch, điều hòa...
 Dùng công đức hóa độ người khác
 Giáo hóa rồi khiến thường tiếp tục
 Bạc Trắng Tiên nói trú đạo thiện.
 Hiện thân nữ cảm hóa thân nam
 Khiến họ điều phục mà thọ giáo
 Hoặc hiện thân nam cảm thân nữ
 Khiến họ điều phục mà thọ giáo.
 Nếu không chán vui nơi cảnh nhiễm
 Thương họ không đạo khiến nhập đạo
 Thuận chúng sanh giáo hóa nhiều cách
 Nơi rất bức não cũng không bỏ.
 Hoặc có tin hiểu nơi vô ngã
 Và biết các pháp là tự tánh
 Người này chưa lìa pháp thế gian*

Chỉ quán sát như vậy mà chuyển.
 Từ nghiệp và quả sanh tín thuận
 Mà có vô biên các điều khổ
 Nên vào lúc nhận chịu quả khổ
 Không thích sự bức thiết của khổ.
 Nếu đối với Thanh văn xuất gia
 Liền đặt nơi yên ổn vắng lặng
 Hoặc lại đặt vào đạo Duyên giác
 Hoặc đem mười loại thừa Diệu lực.
 Khiến họ đạt được thừa Chánh giác
 Hoặc được vắng lặng cùng nẻo trời
 Nếu quán sát hiện tại thấy quả
 Như chỗ đã làm đang sắp xếp.
 Như vậy từ đầu đến cuối cùng
 Việc khó trượng phu đều làm được
 Dựa vào nhiều phương tiện xảo ấy
 Là bỏ tất cả thích, không thích.
 Thừa này chư Phật thường khen ngợi
 Trăm ngàn công đức tự trang nghiêm
 Thường sanh tín rất tịnh cho đời
 Vì nói về đạo thiện diệu kỳ.
 Đối thừa Duyên giác, thừa Thanh văn
 Cho đến các thừa trong trời, người
 Đều lấy mười nghiệp thiện thành thực
 Cũng từ nhân thừa thành tựu người.

Đã giải thích về Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật, nay tôi sẽ nói về Nguyện Ba-la-mật. Các vị Bồ-tát lúc đầu có mười Đại nguyện, đó là cúng dường, hầu hạ chư Phật không có thiếu sót, là Đại nguyện thứ nhất. Ở nơi đức Phật ấy, giữ gìn chánh pháp vĩ đại, thâm nhận chánh giác, bảo vệ tất cả chánh giáo, là Đại nguyện thứ hai. Chư Phật xuất hiện trong các thế giới, bắt đầu trú trong cung trời Đâu suất, cho đến sanh xuống cõi dưới, đi vào thai, ở trong thai, mới sanh, đến xuất gia, chứng quả chánh giác, thỉnh chuyển Pháp luân, nhập Đại Niết-bàn, đều đi về nơi đó để được hành cúng dường ban đầu, không thể rời bỏ, là Đại nguyện thứ ba. Các vị Bồ-tát thực hành rộng lớn vô lượng, không rời xa các Ba-la-mật-đã thâm gồm thiện tịnh của các địa, sanh ra phần chung, phần riêng, tướng đồng, tướng dị, cùng chuyển, không cùng chuyển..., và rất nhiều các hạnh Bồ-tát, như thật, như mười địa đạo giải thích, tu

tập Ba-la-mật, chỉ dạy khuyên bảo, trao truyền rồi trú trì, phát khởi sanh ra những tâm như vậy, là Đại nguyện thứ tư. Không còn sót cõi chúng sanh nào, có sắc tướng, không có sắc tướng; có tướng, không có tướng; noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, ba cõi cùng đi vào, sáu chốn cùng chung sống, các đời thuận đến thuộc về danh sắc, hết thấy mọi cõi chúng sanh nào, tất cả đều được thành thực, khiến đi vào pháp Phật, đoạn trừ các nẻo xấu ác, an lập tại trí Nhất thiết trí, là Đại nguyện thứ năm. Các thế giới rộng lớn vô lượng không hề sót gì, hoặc tế, hoặc thô, hoặc ngang, hoặc dọc, hoặc trái ngược, hoặc bình thường, tất cả đều an trú, thuận đến để cùng hòa nhập, cùng chung sống, mười phương lồng lộng giống như màn lưới của Đế Thích, đi vào nơi mênh mông, dùng trí tuệ thực hành thuận theo, là Đại nguyện thứ sáu. Nơi tất cả quốc độ cũng chính như một quốc độ, một quốc độ cũng chính như nhiều quốc độ, Bồ-tát với tâm bình đẳng làm thanh tịnh vô lượng quốc độ, đều trang nghiêm khắp, xa lìa phiền não, đạo thanh tịnh đầy đủ, vô lượng tướng trạng trí tuệ, để chúng sanh được sung mãn bước vào cảnh giới Phật tối thượng, nhiệm mầu, và thuận theo tâm của họ mà thị hiện khiến được hoan hỷ, là Đại nguyện thứ bảy. Nguyện được đồng một tâm hạnh với các Bồ-tát, được tích lũy, tu tập những thiện căn bất cộng, được như các Bồ-tát đồng một mối nhân duyên: thường không rời bỏ hạnh bình đẳng của Bồ-tát, nguyện được phát khởi tự tâm thể nhập vào uy thần của Như Lai, để được thân thông thực hành hạnh bất thoái, để được du hành hóa độ các thế giới, để ảnh hưởng đến đại chúng các nơi, để tự thân khéo thuận đi vào các chốn sanh, để được đủ đầy pháp Đại thừa không thể nghĩ bàn, tức là để thực hành hạnh Bồ-tát. Đây là Đại nguyện thứ tám. Nguyện được thăng tiến thực hành hạnh Bồ-tát chẳng thoái chuyển, nên vì nghiệp thân khẩu ý chẳng để luống uổng, tức chính khi gặp chúng sanh khiến quyết định vào Phật giáo, khi phát ra lời nói thì khiến các chúng sanh được vào Phật tuệ, ngay khi họ tin, làm cho chuyển ngay phiền não. Vì mong đạt được như Đại y vương, vì hành các hạnh Bồ-tát. Đây là Đại nguyện thứ chín. Nguyện được ở trong các thế giới thành Chánh giác Bồ-đề vô thượng, được ở trong một thế giới phạm phu, cho đến tất cả thế giới phạm phu ngu muội khác, đều hiển hiện sanh ra, ngồi ở đạo tràng, chuyển Pháp luân, và Đại Bát Niết-bàn, đem trí tuệ đi vào cảnh giới uy thần, rộng lớn của Phật, được đối với chúng sanh như thâm tâm của Bồ-tát, giống như Phật khi ứng hiện ra đời là để khai ngộ chúng sanh khiến được tịch tĩnh mà thị hiện, được chánh giác ngộ một pháp, tất cả pháp... tất cả các pháp đều là tướng

Niết-bàn, được phát ra một âm thanh khiến cho tâm của các chúng sanh hoan hỷ, được hiện rõ Đại Niết-bàn mà không đoạn dứt công hạnh và năng lực, được hiện rõ quả vị đại trí tuệ, an lập các pháp, được dùng thần thông pháp trí của cảnh giới Phật bao phủ tất cả các thế giới, là Đại nguyện thứ mười. Các bậc Đại Bồ-tát như vậy với mong muốn thật rộng lớn sanh ra mười đại nguyện làm đầu tiên, đầy đủ Đại nguyện này rồi, xây dựng hạnh nguyện Bồ-tát khác trải qua A-tăng-kỳ kiếp, được trú trong địa Hoan hỷ của Bồ-tát, đây gọi là Nguyện Ba-la-mật.

Trên đã giải thích về Nguyện Ba-la-mật, nay tôi sẽ nói về Lực Ba-la-mật. Trong đây lược nói các vị Bồ-tát có bảy loại lực, đó là lực phước báo sanh, lực thần thông, lực tín, lực tinh tấn, lực niệm, lực Tam-ma-đê và lực Bát nhã.

Lực phước báo sanh: Như sức mười con voi nhỏ bằng sức một con voi lớn (long tượng). Sức mười con voi lớn bằng sức một con Hương tượng. Sức mười con Hương tượng bằng sức một con Đại hương tượng. Sức mười con Đại hương tượng bằng sức một Đại lực sĩ. Sức mười Đại lực sĩ bằng một nửa sức Na-la-diên. Sức mười nửa Na-la-diên bằng một sức Na-la-diên. Sức mười Na-la-diên bằng một sức Đại Na-la-diên... Sức mười Đại Na-la-diên bằng sức một Bồ-tát trải qua trăm kiếp. Sức mười Bồ-tát trải qua trăm kiếp bằng sức một Bồ-tát trải qua trăm ngàn kiếp. Sức mười Bồ-tát trải qua trăm ngàn kiếp bằng sức một Bồ-tát đạt được Nhân vị. Sức mười Bồ-tát đạt được Nhân vị bằng sức một Bồ-tát đời cuối cùng. Trú vào lực này rồi, Bồ-tát ngay từ lúc sanh ra có thể đi bảy bước. Sức mười Bồ-tát đời cuối cùng vào lúc sanh ra, mới bằng sức Bồ-tát lúc trẻ tuổi. Bồ-tát trú vào lực này rồi, hướng đến nơi Bồ-đề, thành tựu Đẳng Chánh Giác, đạt được Chánh Giác rồi, dùng sức của công đức trải qua trăm ngàn kiếp, thành tựu lực Như Lai Chánh Biến Tri, nhất chủng xứ phi xứ. Những thành tựu về mười lực như vậy, gọi là Lực phước báo sanh của chư Phật, Bồ-tát và một phần ít chúng sanh khác.

Lực thần thông: Đó là bốn thần túc khéo tu tập thực hiện nhiều lần rồi. Dùng điều này mong đạt được sức thần thông, có thể điều phục các chúng sanh. Bồ-tát kia lấy thần lực hiếm có, hiện rõ các loại như sắc tướng, hoặc là năng lực, hoặc là trí trì... Nếu các chúng sanh, nên dùng sắc tướng này có thể điều phục họ, liền dùng sắc tướng này, ở tại nơi những chúng sanh kia, thị hiện hoặc là sắc tướng của Phật - hoặc là sắc tướng của Độc giác - hoặc là sắc tướng của Thanh văn, như vậy hoặc là sắc tướng của các hàng Thích, Phạm, Hộ thế, Chuyển luân vương...,

hoặc lại là các sắc tướng khác, thậm chí là sắc tướng của súc sanh, vì điều phục chúng sanh mà thị hiện sắc tướng như vậy. Nếu có chúng sanh nhiều lực kiêu mạn, nóng giận, hung ác, tự cao, nên thuận theo dùng năng lực này để điều phục họ, lập tức hiện rõ năng lực này, hoặc năng lực của Đại lực sĩ, hoặc bốn phần năng lực của Na-la-diên, hoặc một nửa năng lực của Na-la-diên, hoặc năng lực của một Na-la-diên. Vì năng lực này, di chuyển núi chúa Tu Di cao mười sáu vạn tám ngàn do tuần, rộng tám vạn bốn ngàn do tuần, dùng ba ngón tay lấy đưa lên, như đưa quả Am-ma-lặc, đặt vào thế giới ở phương khác, mà Tứ Thiên Vương và cõi trời Ba Mười Ba đều không hề bị rối loạn. Đối với năng lực của Bồ-tát cũng không giảm bớt phần nào. Vả lại, Tam thiên đại thiên thế giới này tuy là rộng lớn mênh mông, nhưng từ nơi Thủy giới cho đến Hữu đảnh, đặt vào bàn tay, trải qua đời kiếp mà tồn tại. Đối với các đạo thần thông, thị hiện đầy đủ những năng lực như vậy. Nếu có chúng sanh kiêu mạn - tăng thượng mạn - nóng giận - hung ác - tự cao, thì thuyết pháp điều phục khiến cho xa lìa các tâm kiêu mạn - tăng thượng mạn - nóng giận - hung ác - tự cao, người kia đạt được trí trú trì thần túc như vậy rồi, dùng trí trú trì này phát sanh những trú trì khác, tùy theo ý muốn đều đạt được, như dùng biển lớn làm dấu chân bò, lập tức trở thành dấu chân bò, hoặc lấy dấu chân bò làm biển lớn, lập tức trở thành biển lớn. Nếu vì đại hỏa tai (kiếp thiêu) làm thành thủy tụ, lập tức trở thành Thủy tụ. Nếu vì đại thủy tai làm thành Hỏa tụ, lập tức trở thành Hỏa tụ. Nếu lấy Hỏa tụ làm thành Phong tụ, lập tức trở thành Phong tụ. Nếu lấy Phong tụ làm thành Hỏa tụ, lập tức trở thành Hỏa tụ. Như vậy, nếu dùng lực trú trì này, tùy theo những pháp trú trì bậc thượng - trung và hạ. Đã trú trì rồi, không người nào có thể làm chấn động hay che kín được, đó gọi là hoặc Đế Thích - hoặc Phạm Thiên - hoặc Ma vương và các người thế gian, đồng pháp khác, ngoài Đức Phật Thế Tôn ra, ở trong loài chúng sanh, không có chúng sanh nào làm chấn động hay che kín được đối với pháp của Bồ-tát đã trú trì. Dùng năng lực trú trì, thuyết pháp làm cho chúng sanh sanh ra rất nhiều tâm niệm vui mừng vô hạn tôn kính hẳn lên. Năng lực thần túc kia cao vượt tự tại, vượt qua ma phiến não đi vào cảnh giới Phật, giác ngộ các chúng sanh, tích tụ thiện căn, tư lương đời trước, ma và ma thân trời đều không thể nào làm chướng ngại được. Đây gọi là Lực thần thông của Bồ-tát.

Lực tín: Ở trong Phật, Pháp, Tăng và hạnh Bồ-tát, niềm tin và sự hiểu biết luôn không thể ngăn trở, hư hoại. Nếu ma ác làm thân Phật mà đến, tùy vào pháp nào mong phá hoại được niềm tin đó, Bồ-tát dùng

năng lực tín giải, ma ác kia không thể nào lay chuyển được Lực tín của Bồ-tát. Đây gọi là Lực tín.

Lực tinh tấn: Nếu Bồ-tát phát khởi tinh tấn, lúc tương ứng với rất nhiều pháp thiện, ở tại những nơi ấy đạt được năng lực kiên cố, tùy theo những việc nhận thực hành, hoặc loài trời hay là người không ai có thể tác động làm hỏng, khiến cho Bồ-tát ấy giữa chừng dừng lại. Đây gọi là Lực tinh tấn.

Lực niệm: Trú trong những pháp xứ kia thì tâm đó dừng nơi yên ổn, các phiền não còn lại không thể làm cho tán loạn. Do giữ chặt lực niệm nên phá tan các loại phiền não, các loại phiền não kia không thể nào phá hoại được ý niệm của Bồ-tát. Đây gọi là Lực niệm.

Lực Tam-ma-đề (Lực định): Ở trong sự náo loạn âm ĩ thực hành hạnh xa lìa. Các âm thanh của chúng sanh và lời nói đã nói ra, không trở thành tiếng chướng ngại đến Sơ thiền. Hành giác, quán thiện không trở ngại Nhị thiền. Sanh ra từ yêu thích không trở ngại Tam thiền. Thành thực chúng sanh, thu nhận các pháp chưa từng bỏ dở không trở ngại đến Tứ thiền. Như vậy đi qua bốn loại thiền, các thiền ác đối diện không thể phá hoại được. Tuy đi qua các thiền, nhưng không thuận theo thiền sanh ra. Đây gọi là Lực Tam-ma-đề của Bồ-tát.

Lực Bát nhã (Lực trí tuệ): Đó là trí không thể hủy hoại trong pháp thế gian và xuất thế gian, nơi đời đời không nhờ thầy chỉ dạy. Các nghiệp công xảo minh đã làm, cho đến các việc khó làm, khó chịu đựng nhất của thế gian, Bồ-tát đều có thể khiến hiện tiền. Nếu như pháp xuất thế gian cứu độ cho đời, trí tuệ của Bồ-tát tùy thuận đi vào rồi, thì chúng trời, người và A-tu-la đều không thể hủy hoại được. Đây gọi là Lực Bát nhã. Như vậy, bả lực của Bồ-tát đã trình bày sơ lược. Nếu muốn phát triển đầy đủ thì không có giới hạn nào. Đây gọi là Lực Ba-la-mật của Bồ-tát.

Đã giải thích về Lực Ba-la-mật, nay tôi sẽ nói về Trí Ba-la-mật.

Ở đây hoặc là những loại hành như thư, luận, in ấn, toán số của thế gian và giới tánh luận (Là các tánh phong, hoàng, đàm, ẩm). Phương luận (Là y phương luận) chữa trị các bệnh về gầy, điên cuồng, quỷ quái..., trừ bỏ các loài trùng độc hại. Lại tạo tác thứ vui đùa, trào lộng, các loại văn chương đàm luận, hài hước..., khiến được vui vẻ. Sanh ra các loại thôn quê, thành thị, vườn rừng, cây cảnh, ao hồ, sông giếng, hoa trái, các vị thuốc, cho đến rừng rậm..., thị hiện các tánh quý báu như vàng, bạc, ma ni, lưu ly, búi ngọc (Đá trắng như vỏ sò), san hô... Tham gia vào các sự việc mặt trăng, mặt trời xâm thực, chòm sao,

động đất, mộng寐 kỳ quái..., kiến lập tướng trạng của các chi phần nơi thân..., biết về giới cấm, hành xứ, thiền na, thần thông, vô lượng xứ vô sắc, cho đến còn lại bờ kia là quả vị Chánh giác tương ứng lợi lạc cho các chúng sanh. Lại còn biết các thế giới thành hoại, tùy theo thế giới thành, tùy theo thế giới hoại, đều biết rõ tất cả. Lại biết nghiệp tập hợp nên thế giới thành, nghiệp hết nên thế giới hoại. Biết thế giới thành trụ bao nhiêu thời gian, biết thế giới hoại trú bao nhiêu thời gian. Biết những sai biệt về địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc là vô lượng... Biết vi trần hết sức tinh tế, cũng biết tất cả vi trần tụ tập và vi trần phân tán. Biết tất cả số vi trần của đất trong thế giới, như vậy cũng biết các số vi trần của nước, lửa và gió. Biết tất cả số vi trần về thân chúng sanh, số vi trần về thân quốc độ. Biết các sai biệt về thân thô, thân tế của chúng sanh. Thậm chí cũng biết vi trần hợp thành thân của loài địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-la, trời, người... Biết sự thành hoại của cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc, và biết những sai biệt về lớn, nhỏ và vô lượng kia. Biết nghiệp thân, báo thân và sắc thân trong thân của chúng sanh, biết nhỏ lớn tịnh nhiễm trong thân quốc độ, cho đến sai biệt về phương hướng giăng phủ như trú theo chiều ngang, trú theo chiều đở xuống, trú theo chiều ngang bằng...

Biết thân danh tự sai biệt trong thân nghiệp báo. Biết thân danh tự sai biệt trong thân Thanh văn, Độc giác và Bồ-tát. Biết thân trú trì - thân hóa - thân nguyện - thân Chánh giác trong thân Như Lai, cùng các hình sắc, thân tướng hảo trang nghiêm - thân uy quang - thân ý niệm - thân phước và pháp thân. Biết trong trí thân hoặc là khéo phân biệt, hoặc là tư duy như lý, hoặc là quả tương ứng thân gồm, hoặc là thế gian và xuất thế gian, hoặc là an lập ba thừa, hoặc là pháp cộng và pháp bất cộng, hoặc là đạo xuất thế hay chẳng phải đạo xuất thế, hoặc là học, vô học. Biết trong pháp thân bình đẳng bất động, an lập danh tự xứ sở nơi thế tục đế, an lập chúng sanh chẳng phải là chúng sanh pháp, an lập pháp Phật Thánh chúng. Biết trong thân hư không hòa nhập vô lượng thân khác, tất cả mọi nơi chẳng phải thân chân thật, vô biên thân vô sắc sai biệt, được sanh ra những thân trí như vậy. Lại được mạng tự tại - tâm tự tại - mọi thứ đều tự tại - nghiệp tự tại - nguyện tự tại - tín giải tự tại - thần thông tự tại - trí tự tại - sanh tự tại - pháp tự tại. Đạt được mười tự tại như vậy rồi, trở thành bậc trí bất tư nghị - bậc trí vô lượng - bậc trí bất thoái. Trí như vậy có tám vạn bốn ngàn hành tướng, là Trí Ba-la-mật mà Bồ-tát biết được. Như thế tùy theo phần hạn giải thích về Trí Ba-la-mật, nếu muốn diễn nói đầy đủ, chỉ riêng Phật Thế Tôn mới

có thể giải thích rõ.

*Sáu Ba-la-mật ấy
Thâu tư lương Bồ-đề
Giống như trong hư không
Thâu tóm tất cả vật.*

Như đã giải thích trong sáu Ba-la-mật, thâu tóm toàn bộ tất cả tư lương Bồ-đề, ví như các vật đi đứng giữa hư không, có thức hay không có thức, đều được thâu tóm vào trong đó. Như vậy, còn lại văn tư lương cùng các tư lương khác đều gồm thâu vào trong sáu Ba-la-mật, giống nhau, không sai khác, nên biết.



LUẬN BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG

QUYỂN 3

*Lại có ý sư khác
Tư lương Bồ-đề ấy
Thật xả cùng tịch, trí
Thâu vào bốn xứ kia.*

Có một Luận sư thực hiện ý nghĩa như vậy: Tất cả tư lương Bồ-đề đều được thâu vào nơi Thật xứ - Xả xứ - Tịch xứ và Trí xứ. Thật là tướng không giả dối, thật chính là giới, vì vậy thật là Thi la Ba-la-mật. Xả tức là bố thí, do vậy nơi xả là Đàn na Ba-la-mật. Tịch là tâm không vẫn đục. Nếu tâm ở nơi không vẫn đục, thì sự việc thích hay không thích đều không thể lay động được, vì thế ở nơi tịch là Sàn đề Ba-la-mật và Thiền na Ba-la-mật. Ở nơi trí vẫn là Bát nhã Ba-la-mật và Tỳ-lê-da Ba-la-mật. Lần lượt đi vào các nơi nếu không có tinh tấn, thì tại các nơi ấy không có thành tựu. Vì vậy, Tỳ-lê-da Ba-la-mật thành tựu mọi sự việc. Vì vậy nên biết, tất cả mọi tư lương đều gồm thâu vào bốn xứ.

Hỏi: Như kinh nói: “Dùng tư lương Từ đạt được tâm vô ngại, dùng tư lương Xả đoạn trừ được yêu - ghét”. Từ bi ở đây có gì sai biệt?

Đáp:

*Đại bi thấu xương tủy
Chỗ tựa cho chúng sanh
Như cha đối con một
Từ thì hiện hữu khắp.*

Nếu đi vào con đường nguy hiểm của sanh tử, rơi vào các nẻo địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ, ở trong màng lưới tà kiến xấu ác, rừng rậm ngu si bao phủ, đi theo đường tà không phải đạo, giống như mù tối, trong không xuất ly được mà thấy là thoát ra, bị các tên giặc lão bệnh tử ưu bi khổ não bắt giữ, đi vào rừng rậm của ý ma, rời bỏ, cách xa ý của Phật. Bồ-tát vô cùng thương xót, chọc thủng thân mình từ da

thịt đến gân xanh, cùng tận đến xương tủy, vì các chúng sanh làm nơi nương tựa, khiến các chúng sanh này có thể vượt qua cánh đồng sanh tử mênh mông, con đường hiểm nạn xấu ác như vậy, bước vào trong cung điện vô úy của tòa thành Nhất thiết trí. Ví như Trưởng giả chỉ có một người con phước đức mà gặp phải bệnh khổ, yêu thương vô cùng tận, chỉ nghĩ đến lúc nào người con ấy được lành bệnh. Tâm Bi cũng như vậy, chỉ khởi lên từ trong đau khổ của muôn loài. Tâm Từ khởi lên mọi nơi ở trong tất cả chúng sanh. Và lại, Từ nên đối với các chúng sanh đạt được tâm vô ngại, Bi nên ở trong sanh tử không có gì mệt mỏi chán nản. Nhưng Từ ở trong người thiện mà sanh ra, Bi vào trong người bất thiện mà sanh ra. Còn Bồ-tát tăng trưởng Từ nên không đắm vào niềm vui của mình, thì sanh ra Đại Từ. Tăng trưởng Bi nên xả bỏ các phần thân thể cho đến tính mạng, thì sanh ra Đại Bi.

*Nếu nghĩ công đức Phật
Và nghe thân biến Phật
Yêu thích thọ nhận tịnh
Đây là niềm vui lớn.*

Nếu nghĩ đến công đức của Phật, thì điều gì trong đó là công đức của Phật? Đó là chư Phật, Thế Tôn trong vô lượng trăm ngàn câu chi kiếp, đã tích tụ thiện căn, nghiệp thân khẩu ý bất hộ, đoạn trừ nghi ngờ trong năm loại nên biết, không sai lầm trong bốn loại trả lời vấn nạn, giảng dạy ba mươi bảy phẩm trợ pháp Bồ-đề, mười hai phần nhân duyên, giác ngộ trong duyên sanh, dạy cho chín giáo, đầy đủ bốn loại trí tri, đạt được bốn tâm vô lượng, đầy đủ sáu Ba-la-mật, nêu rõ về mười địa Bồ-tát, thành tựu đầy đủ năm chúng xuất thế, đầy đủ bốn vô úy, mười lực, mười tám pháp bất cộng của Phật, vô biên cảnh giới, tự tâm chuyển đổi tự tại, không có pháp nào tự chán đủ, đạt được Tam-ma-địa như Kim cang, thuyết pháp không giả dối, pháp không một lực nào có thể hủy hoại được, vốn là bậc thầy của thế gian, không ai có thể nhìn thấy đỉnh cao, không gì sánh bằng, không gì có thể hơn được, vốn là pháp không thể nghĩ bàn. Đạt được Đại từ, Đại bi, Đại hỷ, Đại xả, đủ trăm phước tướng, vô lượng thiện căn, vô biên công đức, vô lượng công đức, vô số công đức, công đức không thể nào phân biệt, công đức hiếm thấy, công đức không giống nhau. Những tên gọi như vậy, đều là nghĩ đến các công đức của Phật.

Nghe về sức thần biến của chư Phật là hướng về chư Phật Thế Tôn đã giáo hóa các chúng sanh, khởi lên thần thông biến hiện, tùy theo những chúng sanh nào cần cứu độ, tùy theo thân chúng sanh, tùy

hình lượng của chúng dài ngắn rộng hẹp, tùy theo sắc loại đủ thứ sai khác, tùy theo âm thanh đó phân biệt thanh tịnh, chư Phật Thế Tôn dùng nhiều loại thần thông hy hữu, như những việc làm của họ - như niềm tin và hy vọng của họ, dùng các loại phương tiện ấy hiện bày thần thông sai khác, nhằm giáo hóa họ. Nghe được điều này rồi yêu thích thọ nhận rất thanh tịnh, gọi là niềm vui lớn. Ở trong ấy nếu như nghe tâm vui mạnh mẽ gọi là Ái, tâm yêu thích tràn khắp thân thể gọi là Hỷ, tâm vui mừng cảm thấy sung sướng gọi là Thọ. Vào lúc cảm nhận an lạc nghĩ đến đức thần thông to lớn của bậc Chánh giác, tâm đó không vẫn đục gọi là Tịnh. Lúc tâm ấy thanh tịnh và ý vui mừng chứa chan gọi là Đại hỷ. Người kia bước lên phần ít nơi thừa, tuy cũng có Hỷ, vì không giống với người trước nên được gọi là Đại hỷ. Bồ-tát nên rời bỏ chúng sanh, hay là không nên rời bỏ?

Đáp:

*Bồ-tát đối chúng sanh
Không được phép buông bỏ
Nên tùy lực có được
Mọi lúc nên thâm nhận.*

Bậc Đại Bồ-tát luôn luôn nghĩ đến việc tạo lợi lạc cho các chúng sanh. Nếu ai bị tham sân si não hại, hành các thứ keo kiệt, phá giới, sân hận, lừa nhác, tâm rối loạn và trí ác, đi vào con đường khác. Những chúng sanh này Bồ-tát không nên rời bỏ, mà tất cả mọi lúc nên giảng giải về bố thí, trì giới để tu tập, tùy theo khả năng có thể của mình, phải cố gắng thâm nhận họ.

*Bồ-tát từ ban đầu
Nên thuận theo năng lực
Phương tiện độ cho chúng sanh
Khiến họ vào Đại thừa.*

Bậc Bồ-tát này bước vào Đại thừa ở trong chúng sanh, tùy theo khả năng mình từ lúc đầu cần phải thực hiện. Như ở trước trong Phương tiện Ba-la-mật-đã nói về phương tiện, nên tinh tấn dùng các phương tiện giáo hóa đưa họ vào Đại thừa này.

Hỏi: Tại sao Bồ-tát chỉ dùng Đại thừa giáo hóa chúng sanh, mà không lấy thừa Thanh văn, Độc giác để giáo hóa?

Đáp:

*Hóa hằng sa chúng sanh
Khiến đạt A-la-hán
Độ một vào Đại thừa*

Phước đức này là hơn.

Nếu giáo hóa hằng hà sa chúng sanh, đạt được quả A-la-hán, thì phước giáo hóa khiến vào Đại thừa kia, hơn hẳn phước giáo hóa của các thừa Thanh văn, Độc giác, vì chúng tử là vô tận, chúng tử của thừa Bồ-tát này có thể làm phương tiện phát tâm Bồ-đề, cũng vì sanh ra hàng Thanh văn, Độc giác, do đó, phước này hơn hẳn phước trước. Phước này hơn hẳn là vì Đại thừa so với thừa Thanh văn, Độc giác thì ở trên. Lại vì tâm Bồ-đề có vô lượng vô số phước đức, đồng thời căn cứ vào Đại thừa mà chúng tử Tam bảo không đoan dứt. Vì thế nên muốn cầu đại phước, phải dùng Đại thừa giáo hóa chúng sanh, không thể dùng Thừa nào khác.

Hỏi: Các bậc Đại Bồ-tát há chỉ dùng Đại thừa giáo hóa chúng sanh, mà không thể dùng thừa Thanh văn, Độc giác hay sao?

Đáp:

Giáo hóa thừa Thanh văn

Cho đến thừa Độc giác

Do vì ít năng lực

Không kham hóa Đại thừa.

Nếu chúng sanh có ý chí thấp, trung bình, bỏ sự nghiệp lợi tha, thiếu mất lòng đại bi, không kham nổi sự giáo hóa của Đại thừa, mới dùng thừa Thanh văn, Độc giác hóa độ họ.

Hỏi: Nếu như có chúng sanh, không thể dùng ba Thừa giáo hóa được, đối với chúng sanh ấy nên bỏ hay không bỏ?

Đáp:

Thừa Thanh văn, Độc giác

Cùng trong pháp Đại thừa

Người không nhận giáo hóa

Thuận đặt nơi phước thiện.

Nếu có chúng sanh, vui thích sanh tử, chán ghét giải thoát, không thể dùng thừa Thanh văn, Độc giác, cho đến Đại thừa để hóa độ họ, thuận theo nên giáo hóa họ xếp vào trong bốn phạm hạnh của Phạm thừa (Thiên thừa). Nếu vẫn không kham nổi sự giáo hóa theo Phạm thừa, thì cần phải giáo hóa họ đi vào mười nghiệp đạo thiện của Thiên thừa, cho đến vào trong sự nghiệp phước thiện như là bố thí..., không nên rời bỏ họ.

Hỏi: Nếu có chúng sanh ưa thích niềm vui thế gian, đối với việc làm của ba loại phước thiện không có khả năng thực hành được, vậy đối với người ấy nên như thế nào?

Đáp:

*Nếu người không nhận được
Hóa theo trời, giải thoát
Dùng lợi đời hiện tại
Như lực thuận giúp họ.*

Nếu có chúng sanh, chỉ mong cầu dục lạc, không nghĩ đến đời khác, luôn hưởng về địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, không thể nào giáo hóa khiến họ sanh lên cõi trời hay được giải thoát, cũng nên thương xót loại người ấy trí như con trẻ, như hiện đời của họ đã thích ứng thân giữ, tùy theo năng lực của mình có thể dùng bố thí v.v... nhiếp phục, thương xót, không rời bỏ.

Hỏi: Nếu Bồ-tát đối với các chúng sanh có trạng thái như con trẻ, mà mình không có phương tiện nào thích hợp để hóa độ họ, vậy trước mắt đối với người ấy phải làm thế nào?

Đáp:

*Bồ-tát đối chúng sanh
Không duyên để giáo hóa
Nên khởi tâm từ bi
Không nên buông bỏ họ.*

Nếu Bồ-tát đối với các chúng sanh ưa thích tội ác, không cách nào có thể nhiếp phục, giáo hóa họ, thì nên khởi tâm đại từ bi thương xót như con cái của mình, như không có đạo lý nào khiến cha mẹ bỏ con!

Hỏi: Đã nói ở trong chúng sanh phải có phương tiện thâm phục họ nhận lấy, nay chưa biết phương tiện làm sao thâm phục họ khiến thọ nhận?

Đáp:

*Thí nhiếp cùng thuyết pháp
Trở lại lắng nghe họ thuyết pháp
Cũng thực hành công việc lợi tha
Đây là phương tiện để thâm hóa.*

Các Bồ-tát vì hóa độ chúng sanh, hoặc là dùng bố thí làm phương tiện giáo hóa, hoặc nhận bố thí của người khác, hoặc vì người khác mà thuyết pháp, hoặc lắng nghe người khác thuyết pháp, hoặc làm điều lợi ích cho người khác, hoặc dùng ái ngữ, hoặc lấy đồng sự, hoặc nói về lãnh vực các mình, hoặc dạy dỗ bằng công xảo, hoặc thị hiện làm mọi công việc, hoặc khiến người bệnh được khỏi bệnh, hoặc cứu giúp những tai nạn nguy hiểm. Như vậy đều gọi là phương tiện hóa độ chúng sanh. Nên dùng các phương tiện này để thâm nhận chúng sanh, không nên rời

bỏ.

Hỏi: Dùng những phương tiện hóa độ như vậy để thâm hóa chúng sanh rồi thành tựu lợi ích gì?

Đáp:

*Những việc lợi chúng sanh
Không mệt mỏi, buông thả
Khởi nguyện vì Bồ-đề
Lợi đời là lợi mình.*

Trong đây nói Bồ-tát dấy lên tâm nguyện tạo lợi ích cho thế gian, phát khởi ý như vậy: Phàm là việc có lợi cho thế gian mình đều phải làm. Lập lời thề này rồi, ở trong các chúng sanh làm mọi công việc, không nên mệt mỏi lơ lửng, không nên mặc ý buông thả. Lại nên khởi ý niệm: Nếu tạo lợi ích cho thế gian tức là lợi cho mình, vì vậy Bồ-tát đối với nhân duyên lợi lạc chúng sanh, không nên rời bỏ.

Hỏi: đã nói Bồ-tát thường nên làm lợi lạc cho chúng sanh, không nên hành xả bỏ, vậy ở trong các pháp là rời bỏ hay không rời bỏ?

Đáp:

*Vào sâu trong pháp giới
Diệt, lìa mọi phân biệt
Tất không có công dụng
Các nơi tự nhiên bỏ.*

Pháp giới chính là duyên sanh, vì vậy trước tiên nói: Như Lai nếu như xuất hiện hay không xuất hiện, vẫn thường trú trong pháp tánh của pháp giới này, đó gọi là duyên sanh. Lại như trước kia nói: A-nan-đà! Duyên sanh rất sâu xa, nên chứng đắc cũng rất sâu xa. Vì vậy Bồ-tát đi vào pháp giới rất sâu xa này, diệt trừ tất cả hai phía có và không, giữ lấy trí phương tiện rồi, lập tức đoạn trừ các niệm động hý luận phân biệt, xa rời các tướng thủ, các tâm ý thức hành xứ đều không hiện trở lại, thậm chí ở nơi hạnh Phật, hạnh Bồ-đề, hạnh Bồ-tát, hạnh Niết-bàn cũng không thực hành, nên đối với các pháp không tạo công dụng nữa. Ở trong các pháp, tâm được tịch tĩnh, vô cùng tịch tĩnh không có phân biệt, đây gọi là đệ nhất nghĩa xả. Đây chính là Bồ-tát không có phân biệt. Đã nói về xả của xuất thế gian, nay sẽ nói về xả của thế gian.

*Những lợi, danh, khen, vui
Bốn xứ đều không vướng
Ngược trên cũng không ngại
Như vậy gọi là xả.*

Ở trong lợi dưỡng, danh tiếng, ca ngợi, niềm vui... không có gì

chấp trước, ngược lại với điều này, trong những lúc không có lợi, không có danh, hủy báng, khổ đau, cũng không thoái lui vướng ngại, rời bỏ yêu-ghét, trú ở giữa, không có phân biệt. Đây gọi là phần thứ hai nói về xả của thế gian.

Hỏi: Nếu Bồ-tát ở trong các pháp, thực hiện đệ nhất nghĩa xả ấy, vì Bồ-đề nên như lửa cháy đầu, y phục, như thế, Bồ-tát phải siêng năng thực hành như thế nào để có thể đạt được?

Đáp:

*Bồ-tát vì Bồ-đề
Cho đến chưa bất thoái
Như lửa cháy đầu, y
Nên hành hạnh siêng năng.*

Tuy Bồ-tát đối với các pháp nên xả bỏ như thế, mà thường quyết định tu tập như cứu lửa cháy đầu, y phục... Thậm chí nếu chưa được bất thoái chuyển nơi Bồ-đề, vì đạo Bồ-đề nên phải siêng năng tu trì... Ở đây, Bồ-tát có năm loại nhân duyên không thoái chuyển Bồ-đề, cần phải biết. Những gì là năm loại? Trong các kinh như Hoa Tụ... nói: “Nếu nghe đầy đủ về Đại nguyện của các Bồ-tát và danh hiệu Phật Thế Tôn, đây là nhân duyên thứ nhất. Nếu vì nguyện sanh đến cõi nước của Đức Phật kia, đây là nhân duyên thứ hai. Thọ trì và nói về Bát nhã Ba-la-mật cùng những kinh pháp sâu xa, đây là nhân duyên thứ ba. Tu tập, hiện tại trú vào các Tam-ma-đề (Định) và tùy hỷ được điều ấy, đây là nhân duyên thứ tư.

Bốn nhân duyên này gọi là chưa đạt được vị nhẫn bất thoái chuyển của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát này trú vào địa Bất động của Bồ-tát rồi đạt được nhẫn vô sanh, thì gọi là cứu cánh quyết định bất thoái chuyển. Đây là nhân duyên thứ năm”.

Hỏi: Nếu trong bốn loại nhân duyên ấy, thuận theo một nhân duyên, Bồ-tát được bất thoái chuyển, thì trước nói như lửa cháy đầu, y phục, nên phải siêng năng tu hành, vậy Bồ-tát kia thành tựu như thế nào?

Đáp:

*Nhưng các Bồ-tát kia
Luôn vì cầu Bồ-đề
Tinh tấn không ngừng nghỉ
Vì gánh trách nhiệm nặng.*

Tuy trong bốn nhân duyên, tùy theo một nhân duyên, Bồ-tát đều đạt được bất thoái, nhưng phải tinh tấn không nên ngơi nghỉ. Do đó

trước tiên nói rõ: Tôi sẽ khiến cho các chúng sanh đều đạt được Niết-bàn. Vì gánh vác trách nhiệm nặng như vậy, nên ở trong thời gian đó luôn tinh tấn không nghỉ.

Hỏi: Tại sao ở trong thời gian đó tinh tấn không ngơi nghỉ?

Đáp:

*Chưa sanh đại bi, nhẫn
Tuy được bất thoái chuyển
Bồ-tát còn sanh tử
Phóng dật còn khởi lên.*

Ở trong bốn nhân duyên thuận theo nhân duyên nào, đạt được quả vị Bồ-tát bất thoái chuyển? Do Bồ-tát kia chưa sanh khởi đại bi, cho đến chưa đạt được nhẫn vô sanh, ở trong thời gian đó nhận chịu nghiệp lực sanh tử, vì đi vào những phóng dật, do vậy Bồ-tát cần phải siêng năng thực hành như lửa cháy đầu, y phục, để đạt được nhẫn vô sanh, vì vậy trong thời gian đó tinh tấn không ngừng.

Hỏi: Bồ-tát lại có cái chết nào?

Đáp:

*Địa Thanh văn, Độc giác
Nếu vào liền thành chết
Vì đoạn nơi Bồ-tát
Các căn đã biết rõ.*

Như trước đã nói về bốn loại nhân duyên, tùy theo nhân duyên nào đạt được bất thoái chuyển? Vì Bồ-tát này chưa có đại bi, chưa đạt được nhẫn vị, chưa vượt qua phần vị Thanh văn, Độc giác, hoặc vì lực của bạn ác nên sợ hãi nỗi khổ sanh tử, hoặc trong thời gian thọ sanh, hoặc thời điểm kiếp hoại, vì hiềm khích trách mắng Bồ-tát, hủy hoại phỉ báng chánh pháp, tâm Bồ-đề thay đổi, đã dấy lên tâm ở phần vị Thanh văn, Độc giác, hoặc giải thoát ở tại Thanh văn. Nếu Độc giác lấy giải thoát tác chứng, thì đoạn mất căn Bồ-tát. Đó là đại bi, là vì các Bồ-tát và chư Phật Thế Tôn, gọi là các bậc địa hiểu biết về cái chết.

Hỏi: Chỗ này nên suy nghĩ tùy theo Bồ-tát, vì sợ trú trong địa ngục, hay là sợ rơi vào phần vị Thanh văn, Độc giác?

Đáp:

*Giả sử rơi địa ngục
Bồ-tát không sợ hãi
Vào Thanh văn, Độc giác
Thì thành sợ hãi lớn.*

Giả sử Bồ-tát ở trong địa ngục, cùng với vô lượng vô số khổ não

vây quanh, không bằng nỗi sợ hãi rơi vào phần vị Thanh văn, Độc giác.

Hỏi: Tại sao như vậy?

Đáp:

*Không rơi trong Nê-lê
Rốt ráo ngăn Bồ-đề
Địa Thanh văn, Độc giác
Thành chướng ngại vô cùng.*

Giả sử đi vào địa ngục, đối với đạo quả chánh giác, không thể trở thành chướng ngại cuối cùng. Lúc ở trong địa ngục, thậm chí nghiệp ác đạt tới mức độ cao nhất, đối với đạo Bồ-đề chỉ tạm thời làm cho chướng ngại. Nhưng nếu Bồ-tát rơi vào phần vị Thanh văn, Độc giác, thì rốt cuộc không thể sanh tâm hướng đến chánh giác, cho nên rơi vào địa Thanh văn, Độc giác, chính là chướng ngại đối với đạo quả Chánh giác. Do nghĩa này, nên Bồ-tát vào trong địa ngục địa ngục, không sợ hãi bằng rơi vào phần vị Thanh văn, Độc giác.

Hỏi: Nỗi sợ hãi đó như thế nào?

Đáp:

*Như người quý trọng thọ
Sợ hãi việc chém đầu
Địa Thanh văn, Độc giác
Dấy sợ hãi như vậy.*

Trong kinh Đức Phật có dạy như vậy: Như người quý trọng thọ, sợ hãi khi phải chém đầu, Bồ-tát muốn cầu Bồ-đề vô thượng, sợ hãi vị Thanh văn, Độc giác cũng như vậy. Thế nên Bồ-tát tuy vào Nê-lê mà không sợ bằng rơi vào vị Thanh văn, Độc giác.

Hỏi: Đã nói các vị Bồ-tát chưa đạt được nhãn vô sanh bị chướng ngại nơi pháp, Bồ-tát này làm sao đạt được nhãn vô sanh?

Đáp:

*Không sanh cũng không diệt
Phải không sanh không diệt
Phi cả hai, không hai
Không, bất không cũng vậy.*

Trong đây, nói lúc Bồ-tát quán duyên sanh suy nghĩ như vậy: Có pháp duyên sanh chỉ là thiết lập mà có, như trong vô sanh mà có sanh. Vì vậy tự thể của sanh ấy không thành tựu. Tự thể không thành tựu nên sanh thì chẳng phải có. Như tự thể của sanh chẳng phải là có, với diệt kia trở thành hai, cả hai đều không có thể như sanh diệt. Không sanh

và không diệt kia làm thành hai, cả hai cũng hoàn toàn không có thể. Trong hai loại sanh diệt ấy, sanh không sanh ra-diệt không diệt đi, cũng không có gì trái ngược lẫn nhau. Không cũng như vậy, vì như tự thể của có ấy không có, thì bất không và không bất không kia cũng như vậy.

Hỏi: Nếu khởi lên ý niệm như vậy: Vì duyên sanh nên các pháp không có tự thể. Tại sao lại dấy lên ý niệm này: Cũng không có pháp nào là duyên sanh?

Đáp:

*Theo những pháp vốn có
Trong đó quán bất động
Ấy là nhãn vô sanh
Đoạn dứt mọi phân biệt.*

Như vậy, lúc Bồ-tát quán duyên sanh như thật, đạt được cái thấy xa rời tự thể của các pháp, vì thấy xa rời tự thể, lập tức đoạn trừ chấp thủ tự thể của pháp. Lúc đoạn trừ chấp thủ tự thể của pháp, dấy lên ý niệm như vậy: Không phải là không có pháp trong ngoài, nhưng không có tự thể của pháp, tuy có pháp duyên sanh, nhưng giống như bó lau sậy, huyền mộng. Nếu pháp thuận theo duyên sanh, thì tự thể kia không sanh ra. Thực hiện quán xét như vậy rồi, thì hoặc là Sa-môn, hoặc là Bà-la-môn, tự mình không thể nào lay động, nhưng không giữ lấy chứng đắc (thủ chứng). Lúc ấy, vì vui với sự quán xét pháp vô sanh, đoạn trừ mọi sự phân biệt, gọi là nhãn vô sanh. Bồ-tát này đã trú vào địa Bất động, là Địa thứ tám của Bồ-tát. Kệ nói:

*Đã được nhãn này rồi
Tức thời được thọ ký
Ông tất sẽ thành Phật
Nên được không thoái chuyển.*

Đạt được nhãn vô sanh này, ngay vào lúc đạt được, không trước không sau, chư Phật hiện rõ trước mắt thọ ký làm Phật: Ông vào đời sau, ở trong kiếp nọ - thế giới nọ - thời gian nọ - nơi chốn nọ, sẽ thành Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri hiệu ấy... Đây gọi là Bồ-tát bất thoái chuyển.

Hỏi: Các Bồ-tát trú từ Địa thứ nhất cho đến Địa thứ bảy, đều quyết định hướng đến tam Bồ-đề, tại sao không nói là bất thoái chuyển, chỉ nói là trú nơi địa Bất động của Bồ-tát mới là bất thoái chuyển?

Đáp:

*Các Bồ-tát trú địa Bất động
Đạt được trí bất thoái nơi pháp*

*Trí kia, Nhị thừa không thể chuyển
Vì vậy được gọi là bất thoái chuyển.*

Điều này nói là tất cả thiện căn xuất thế gian như tín..., các hàng Thanh văn, Độc giác cho đến Bồ-tát trú ở Địa thứ bảy, không thể nào tạo chướng ngại khiến thiện căn đó thối chuyển được, nên gọi là bất thoái chuyển, không phải là mười bậc Bồ-tát khác vì tam Bồ-đề ở trong các pháp mà bất thoái chuyển. Đã nói về nhân duyên bất thoái chuyển, ở đây còn được sự thọ ký thù thắng. Trong pháp Đại thừa nói có bốn loại thọ ký: Thọ ký khi chưa phát tâm Bồ-đề, cùng phát tâm Bồ-đề được thọ ký, thọ ký lặng lẽ kín đáo, thọ ký công khai trước mặt, đây là bốn loại thọ ký.

Ở trong cách thọ ký cho người chưa phát tâm Bồ-đề, người ấy căn lành lợi, có đủ niềm tin tăng thượng, Đức Phật dùng Phật nhãn vô ngại quan sát, rồi thọ ký cho họ. Thọ ký cùng phát tâm Bồ-đề là trước đã tu tập thành thực chủng tử thiện căn và chủng tử Bồ-đề, căn đó mạnh mẽ sắc bén, đạt được công hạnh tăng thượng, chỉ mong muốn giải thoát cho mọi chúng sanh, ngay lúc phát tâm đi vào vị bất thoái chuyển, không có pháp nào rơi rụng, xa rời tám điều không an nhàn, gọi là tám nạn. Người này hoặc nghe tự mình thọ ký, đối với sáu Ba-la-mật không biểu lộ tinh tấn. Nếu như không nghe lại biểu lộ tinh tấn để khiến không nghe, muốn làm cho người khác nghe được sự thọ ký đó, đoạn trừ tâm ý nghi ngờ, Đức Phật dùng uy thần lặng lẽ kín đáo thọ ký. Nếu Bồ-tát thành thực năm căn xuất thế, đạt được nhãn vô sanh, trú trong địa Bất động của Bồ-tát, lúc ấy lập tức hiện rõ trước mặt để thọ ký. Đây là bốn loại thọ ký. Ngoài ra còn có mật ý thọ ký, là thứ năm, như trong Kinh Pháp Hoa đã nói:

*Chúng ta đều tùy hỷ
Đại Tiên nói ý mật
Như thọ ký Thánh giả
Xá-lợi-phất vô úy.
Chúng ta cũng sẽ được
Quả vị Phật vô thượng
Lại dùng lời ý mật
Nói Chánh giác vô thượng.*

Vì nghĩa gì nói lời đặc biệt để thọ ký? Có luận sư giải thích: Vì khiến cho người chưa quyết định đi vào thừa Thanh văn phát tâm Bồ-đề. Còn những người đã phát tâm Bồ-đề lúc đầu làm Bồ-tát, sợ nổi khổ lưu chuyển, muốn quay về Niết-bàn của Thanh văn chọn lấy diệt độ, làm

cho tâm Bồ-đề của họ được kiên cố. Lại có Bồ-tát nơi cõi Phật phương khác, tụ tập nơi cõi này, khi Phật thọ ký đến, vì tên gọi tương tự, nhận được sự thọ ký đó. Các luận sư phân biệt lời nói đặc biệt để thọ ký. Như vậy, ở trong nghĩa lý thật sự chỉ có Đức Phật mới biết rõ điều đó.

Bồ-tát cho đến đạt

Chư Phật hiện rõ trước

Tam-ma-đề vững chắc

Không nên khởi phóng dật.

Chư Phật hiện rõ trước mắt, đạt được Tam-ma-đề rồi an trú. Nghĩa là hiện tại chư Phật hiện rõ trước mặt người đó, an trụ vào Tam-ma-đề. Tam-ma-đề ấy là trụ bình đẳng. Bồ-tát thậm chí chưa đạt được Tam-ma-đề này, trong thời gian ấy không nên buông lung, vì chưa đạt được Tam-ma-đề, Bồ-tát hãy còn rơi vào đường ác, chưa xa rời những điều không an ổn, do đó vì đạt được Tam-ma-đề này, nên không buông lung. Nếu đạt được Tam-ma-đề, những nỗi sợ hãi kia đều được giải tỏa. Tam-ma-đề ấy có ba loại, đó là duyên nơi sắc, duyên nơi pháp và không duyên dựa. Trong đó, nếu duyên nơi hình sắc tướng hảo trang nghiêm nơi thân Như Lai, nghĩ đến Phật, đây là Tam-ma-đề duyên nơi sắc. Nếu trở lại duyên vào thân có đủ mười danh hiệu, mười lực vô úy, pháp Phật bất cộng cùng vô lượng loại sắc và công đức của Phật, nghĩ đến Phật, đây là Tam-ma-đề duyên nơi pháp. Nếu tiếp tục không duyên theo sắc, không duyên theo pháp, cũng không dấy lên ý nghĩ đến Phật, cũng không có gì đạt được, xa rời các tướng không Tam-ma-đề, đây là Tam-ma-đề không duyên. Nơi thời gian Bồ-tát mới phát tâm, đạt được Tam-ma-đề duyên nơi sắc, sau đó đi vào thực hành là duyên nơi pháp, đạt được nhãn vô sanh là không duyên dựa. Như vậy đều gọi là được quyết định, tự tại không còn ràng buộc.

Chư Phật hiện trước mắt

Tam-ma-đề vững chắc

Đây là cha Bồ-tát

Đại bi, nhãn là mẹ.

Ở đây đã nói về ba loại Tam-ma-đề. Hiện tại Đức Phật hiện rõ trước mắt, thấu tóm công đức của các Bồ-tát và công đức của chư Phật, nên nói là cha của các vị Bồ-tát. Đại bi là ở trong dòng lưu chuyển của sanh tử, không sanh ra một mới. Còn đối với bến bờ của vị Thanh văn, Độc giác, bảo vệ khiến không thuận theo, vì vậy nói là mẹ. Nhãn là đạt được nhãn vị của Bồ-tát, ở trong các khổ lưu chuyển và các chúng sanh xấu ác, không chán nản sự lưu chuyển, không rời bỏ chúng sanh

cho đến Bồ-đề. Do không nảy sanh chán nản, nên nhẫn này còn làm mẹ của các Bồ-tát. Lại có kệ khác nói:

*Trí độ dùng làm mẹ
Phương tiện trở thành cha
Vì sanh khởi, giữ gìn
Nói cha mẹ Bồ-tát.*

Vì Bát nhã Ba-la-mật phát sanh pháp của các Bồ-tát, nên Đức Phật nói Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của Bồ-tát. Pháp của các Bồ-tát từ Bát nhã Ba-la-mật sanh ra, được giữ gìn bằng phương tiện khéo léo, không khiến hướng đến bến bờ của địa Thanh văn, Độc giác, vì chính là giữ gìn Bồ-đề, nên nói phương tiện khéo léo là cha của Bồ-tát.

Hỏi: Bồ-tát nhờ vào bao nhiêu phước để có thể đạt được Bồ-đề?

Đáp:

*Phước tích tụ chỉ ít
Không thể đạt Bồ-đề
Lượng phước trăm Tu Di
Tích lũy được mới đạt.*

Bồ-đề, gọi là trí Nhất thiết trí, trí ấy không ai có thể biết đầy đủ. Nên biết là sánh cùng với hư không, hư không vô biên nên sự hiểu biết cũng vô biên. Dùng phước đức có hạn lượng thì không thể đạt được Bồ-đề. Làm sao đạt đến phước đức vô lượng cả trăm Tu Di, tích lũy gom góp mới có thể đạt được Bồ-đề?



LUẬN BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG

QUYỂN 4

Hỏi: Nếu như vậy thì phước đức tích tụ số lượng đến trăm Tu Di sẽ không có, vì thế cũng không một người nào có thể đạt được Bồ-đề sao?

Đáp:

*Tuy tạo phước đức nhỏ
 Đây cũng có phương tiện
 Nơi tất cả chúng sanh
 Nên đều khởi duyên dựa.*

Nếu vậy thì Bồ-tát tuy tạo ít phước đức, nhưng vì có phương tiện nên trở thành tích lũy phước đức to lớn. Hoặc lấy đồ ăn thức uống bố thí cho chúng sanh, hoặc dùng hoa hương tốt đẹp dâng cúng hình tượng Như Lai. Những phước đức ấy, đối nơi các chúng sanh thuộc tất cả thế giới, thấy đều thực hiện duyên dựa: Ta dùng phước đức này, làm cho các chúng sanh đều đạt được Chánh giác Vô thượng. Lại dùng phước đức ấy, cùng chia sẻ với các chúng sanh. Những phước đức như vậy, cùng với các chúng sanh hồi hướng Bồ-đề, đây gọi là Bồ-tát thực hành phương tiện. Hồi hướng như thế, phước đức đó trở thành vô lượng vô biên không thể kể xiết. Vì vậy nên trí Nhất thiết trí ấy tuy là vô biên, nhưng cũng dùng tướng phước đức vô biên này tức có thể đạt được. Lại có nghĩa khác:

*Mình có những việc làm
 Thường vì lợi chúng sanh
 Những tâm hành như vậy
 Ai lường được phước đó?*

Bồ-tát từ ngày đến đêm, thường khởi tâm hành như vậy: Nếu tất cả việc làm tốt đẹp phát xuất từ thân khẩu ý của mình, đều là vì cứu độ các chúng sanh, vì giải thoát các chúng sanh, vì thức tỉnh các chúng

sanh, vì tịch diệt cho các chúng sanh nên dấy lên, cho đến vì khiến chúng sanh đạt đầy đủ trí Nhất thiết trí. Bồ-tát ấy đầy đủ đại bi như vậy, an trú trong phương tiện thiện xảo, thì phước đức vốn có, trừ chư Phật ra, người nào có thể suy lường được? Vì vậy, người có đủ phước đức này có thể đạt được quả vị Bồ-đề.

Hỏi: Tại sao phước đức này lại là vô lượng?

Đáp:

*Không ái thân thuộc mình
Cùng thân mạng, tài sản
Không tham vui tự tại
Phạm thế và cõi khác.
Cũng không tham Niết-bàn
Vì hướng về chúng sanh
Đây chỉ nghĩ chúng sanh
Phước đó ai lường được?*

Đây là trong lúc Bồ-tát thực hành hạnh sáu độ, đối với con cái cho đến thân thuộc, hoặc là tài sản như vàng bạc..., hoặc là thọ mạng của mình, hoặc là các phần thân thể, hoặc là toàn thân, hoặc là niềm vui của thân và tâm, hoặc là trời - người tự tại, hoặc là thân trời cõi Phạm, hoặc là trời cõi Vô sắc, cả đến Niết-bàn, vì chúng sanh nên tất cả cũng đều không tham ái, chỉ thương xót nghĩ đến chúng sanh không hề rời bỏ. Mình nên làm gì khiến cho chúng sanh thơ đại, hàng phạm phu vô trí đang bị màng mắt che mù này, thoát khỏi ngục tù của ba cõi, đặt yên ổn vào trong tòa thành vô úy thường lạc của Niết-bàn? Bồ-tát thực hành công việc lợi lạc như vậy, đối với các chúng sanh không nhân mà lại yêu thương, phước đức vốn có này người nào có thể lường tính? Kệ nói:

*Thế gian không che chở
Cứu giúp những khổ não
Khởi tâm hạnh như vậy
Phước đó ai lường tính?*

Bồ-tát này thường lấy đại bi, khởi lên ý niệm như vậy: Nay tại thế gian này không ai cứu giúp - không ai che chở, đi khắp nơi sáu nẻo vào trong lửa dữ của ba khổ, không có nơi nào trở về nương nhờ, đành phải dong ruổi hết nơi này đến nơi khác, những căn bệnh của thân tâm luôn luôn phát sanh khổ não. Không có nơi nào nương tựa, che chở thì mình nên làm nơi nương tựa, cứu giúp thân tâm của họ đã nhận chịu các khổ. Khởi tâm hạnh này, phước đức vốn có ấy người nào có thể lường tính?

*Trí độ thường tương ứng
Như đất bò vừa sanh
Một tháng lại nhiều tháng
Phước đó ai lường tính?*

Bát nhã Ba-la-mật này luôn sanh ra chư Phật, Bồ-tát, và thành tựu pháp của chư Phật, Bồ-tát. Bồ-tát như đối với việc đất bò vừa sanh, tư duy tu tập về phước đức ấy, còn không có số lượng, hướng hồ như là một ngày đêm - hai ngày đêm - ba ngày đêm, cho đến bảy ngày đêm - nửa tháng - một tháng, nếu tiếp tục nhiều tháng tu tập tương ứng, thì phước đức vốn có ấy người nào có thể lường tính?

*Nơi kinh Phật từng khen
Tự tụng, cũng dạy người
Cho đến phân biệt nói
Đó là phước đức tụ.*

Thâm diệu, nghĩa là kinh rất sâu xa, tương ứng với hư không sanh ra ở thế gian, nên kinh ấy quả là rất sâu xa. Vả lại, vì phân biệt về duyên sanh, duyên sanh ấy chính là pháp, pháp chính là thân Như Lai. Pháp đó tương ứng với thân Như Lai, là kinh rất thâm diệu. Chư Phật đã khen ngợi điều ấy, hoặc là tự mình đọc tụng, hoặc chỉ dẫn người khác đọc tụng, hoặc vì người khác giảng giải, tâm không mong cầu gì, vì chỉ muốn thân Như Lai không bị ẩn mất. Thân Như Lai chính là pháp thân, nên mong muốn làm cho tồn tại mãi mãi giữa thế gian. Tất cả phước đức ấy người nào có thể lường tính được.

*Khiến vô lượng chúng sanh
Phát tâm vì Bồ-đề
Phước giữ lại tăng hơn
Nên được địa Bất động.*

Bồ-tát này có phương tiện thiện xảo, trước hết sử dụng bốn nhiếp pháp để thu phục các chúng sanh, biết chúng sanh kia nhận làm theo lời mình nói rồi, sau đó dạy dỗ khiến phát tâm Bồ-đề. Bồ-tát có đầy đủ phương tiện thiện xảo như vậy, khiến các chúng sanh phát tâm Bồ-đề, tất cả phước đức ấy không người nào có thể lường tính được, vì vô lượng. Lại vì khiến cho các chúng sanh phát tâm Bồ-đề, phước giữ lại càng nhiều lên hẳn. Nói là phước cất giữ (phước tạng), vì phước đó không có tận cùng, vì khả năng đạt đến mức không tận cùng nên không thể hết được. Địa Bất động là vì không thể lay động nên gọi là địa Bất động. Trong này, nói về Bồ-tát khiến người khác phát tâm Bồ-đề, ở trong đời đời kiếp kiếp, tâm Bồ-đề không lay động, không biến đổi. Do

khiến cho người khác phát tâm Bồ-đề, nên tâm này chính là nhân của địa Bất động.

*Thuận theo Phật đã chuyển
Là pháp luân tối thắng
Diệt trừ mọi nghiệp ác
Là phước tạng Bồ-tát.*

Như Đức Phật, ở trong vườn Nai - trú xứ của người cõi Tiên - nơi thành Ba-la-nại, chuyển pháp luân rồi, đối với pháp luân tối thắng ấy tùy thuận chuyển tiếp, cũng là phước lưu trữ. Tùy thuận chuyển này có ba loại nhân duyên, đó là đối với kinh thâm diệu Như Lai giảng nói, tương ứng với hư không xuất hiện ở thế gian, hoặc là giữ gìn, hoặc là giảng nói, cho đến thuận theo pháp thực hành pháp. Nếu đối với các kinh như vậy, giữ gìn khiến cho không mất, đây là tùy thuận chuyển pháp luân thứ nhất. Vì chúng sanh có căn khí mà phân biệt diễn giải, đây là tùy thuận chuyển pháp luân thứ hai. Như trong kinh đã nói, dựa theo pháp tu hành, đây là tùy thuận chuyển pháp luân thứ ba. Diệt trừ sạch mọi nghiệp ác, như Đức Phật dạy nghiệp ác ấy đó là tà kiến của ngoại đạo, cho đến ma ác cõi Dục tự tiện quấy phá, ghét bỏ giải thoát. Nếu trong bốn chúng, hoặc có người khác, không phải pháp nói là pháp, không phải luật nói là luật, không phải thầy dạy nói là thầy dạy..., đây là những nghiệp ác trong nội bộ Phật giáo, cần phải như pháp làm cho những hạng kia phải khuất phục, bẻ gãy kiến chấp, phá tan kiêu mạn, khiến cho giáo pháp của Phật tỏa sáng hẳn lên. Đây gọi là diệt trừ sạch mọi nghiệp ác. Vì diệt trừ sạch nghiệp ác, nên nói là Bồ-tát tạng trữ phước đức.

*Vì lợi lạc chúng sanh
Nhẫn chịu khổ địa ngục
Huống hồ những khổ nhỏ
Quả Bồ-đề ở tay.*

Nếu Bồ-tát mặc áo giáp kiên cố, thường vì lợi lạc cho chúng sanh, ý phát khởi tinh tấn, đối với một chúng sanh vì khiến được giải thoát, tuy ở trong địa ngục A-tỳ cho đến địa ngục lớn hơn, trải qua đời kiếp vất vả cực nhọc có thể nhẫn không lay động, huống hồ những khổ nhỏ khác. Bồ-tát có thể chịu đựng những khổ như vậy, nên biết quả vị Bồ-đề dường như ở trong bàn tay phải.

*Khởi tạo không vì mình
Chỉ lợi lạc chúng sanh
Đều do tâm đại bi*

Quả Bồ-đề trong tay.

Những việc được khởi lên thực hiện của Bồ-tát, như là bố thí..., do tâm đại bi, chỉ vì lợi lạc cho chúng sanh, cũng vì làm cho chúng sanh được đến Niết-bàn, cuối cùng không vì niềm vui nhỏ của riêng mình, đó cũng là tâm bi rộng lớn. Bậc đại nhân như vậy, nên biết quả vị Bồ-đề đã đến trong tay phải.

Trí tuệ là hý luận

Tinh tấn là lười nhác

Bố thí là tham tiếc

Quả Bồ-đề trong tay.

Hỏi: Trước đã giải thích về các Ba-la-mật là Đà-na v.v..., nay lại giải thích là có những ý gì?

Đáp: Trước đã giải thích phần nhiều vì người tu hành, nay giải thích là vì người không hề có sức nhẫn và không có trí tuệ soi sáng. Vì hiểu biết cùng chung một tướng, nên trí người kia xa rời mọi hý luận. Do không rời bỏ cái ách, người kia tinh tấn mọi sự lười nhác. Vì trừ bỏ tham, người kia bố thí xa lìa tâm keo kiệt tiếc nuối. Bồ-tát như vậy, nên biết quả vị Bồ-đề đã đến trong tay phải.

Không nương-không giác định

Giới viên mãn không lẫn

Đạt được nhẫn vô sanh

Quả Bồ-đề trong tay.

Nếu Bồ-tát thành tựu Thiền na Ba-la-mật rồi, thì định này không dựa vào ba cõi, tướng đó vắng lặng không có sự suy tư. Còn Thi la đầy đủ không lẫn tạp, không vẩn đục, hôi hướm Bồ-đề không mất. Lại khéo thành tựu Bát nhã Ba-la-mật rồi, trong pháp duyên sanh trú vào nhẫn vô sanh, xưa nay tốt đẹp nên không thối chuyển. Nên biết quả vị Bồ-đề đã ở trong bàn tay phải.

Hỏi: Đã nói về nguyên do tu hành cho đến đạt được nhẫn vị, tích tụ phước đức của Bồ-tát, phước đức này quy tụ có thể đạt được quả vị Bồ-đề, đâu nói đến nguyên do tích tụ những phước đức của hàng Bồ-tát mới phát tâm, phước đức này quy tụ có thể đạt được quả vị Bồ-đề hay không?

Đáp:

Hiện tại trú mười phương

Các bậc Chánh Đẳng Giác

Con đều trước các vị

Nói rõ những bất thiện.

Nếu có chư Phật Thế Tôn hiện tại, ở nơi thế gian khắp mười phương không có chướng ngại, dùng nguyện lực của mình, vì lợi ích cho chúng sanh mà an trú, nay hướng về trước các Đức Phật, những bậc đã chứng thực tỏ bày các tội lỗi: Nếu con từ vô thủy lưu chuyển đến nay, ở tại đời trước đó và thời gian hiện tại này, hoặc tự mình tạo các nghiệp ác, hoặc dạy người khác làm, hoặc tùy hỷ với họ, vì tham-sân-si đẩy lên nghiệp ác của thân-khẩu-ý, con đều nói ra tất cả không dám che giấu, tất cả nên đoạn trừ vĩnh viễn, trọn đời không tạo ra nữa.

*Ở mười phương thế giới
Chư Phật chứng Bồ-đề
Không diễn nói kinh pháp
Con thỉnh chuyển Pháp luân.*

Nếu Đức Phật Thế Tôn đầy đủ đại nguyện, ở nơi cõi Bồ-đề, chứng quả vị Chánh giác Vô thượng, an trú yên lặng trong thiểu dục, không vì thế gian chuyển pháp luân của Phật, con sẽ thỉnh cầu Đức Phật ấy chuyển pháp luân, đem lợi ích cho mọi người, đem an lạc cho nhiều người, thương xót thế gian, vì đại chúng ban lợi lạc cho trời người.

*Hiện tại mười phương giới
Tất cả Chánh Đẳng Giác
Nếu sắp xả thọ mạng
Đảnh lễ, thỉnh cầu trụ.*

Nếu Đức Phật Thế Tôn ở thế gian không còn vương bận, quyết định ở mười phương chứng quả Bồ-đề, chuyển pháp luân, an trú chánh pháp, những chúng sanh cần hóa độ đã hóa độ xong, nên xả bỏ thọ mạng, con sẽ đảnh lễ Đức Phật ấy, thỉnh cầu Ngài an trú thời gian lâu dài, tạo lợi ích cho mọi người, tạo an lạc cho nhiều người, thương xót thế gian, vì đại chúng ban lợi lạc cho trời người.

*Nếu các loài chúng sanh
Thuận nơi thân khẩu ý
Đã sanh thí-giới-phước
Cùng với tư duy tu.
Thánh nhân cùng phạm phu
Đời quá-hiện-vị lai
Phước đức tích tụ được
Con đều sanh tùy hỷ.*

Nếu các chúng sanh đã làm điều phước đức như là bố thí-trì giới-tu tập..., phát sanh ra từ nơi thân-khẩu-ý, đã tích tu-đang tích tụ, cho đến sẽ tích tụ. Hàng Thanh văn-Độc giác-chư Phật-Bồ-tát và các Thánh

nhân, cho đến những phước đức vốn có của hàng phàm phu, con đều tùy hỷ tất cả. Tùy hỷ như vậy, ấy là người cao nhất, là người an trú hơn hẳn, người ở cảnh giới đặc biệt, người cao nhất ở trên, người thâm phục tốt đẹp, người vô cùng tuyệt vời, người vô thượng, người vô đẳng, người vô đẳng đẳng. Tùy hỷ như vậy mới gọi là tùy hỷ.

*Nếu con phước hiện có
Đều làm thành một khối
Quay lại giúp chúng sanh
Để khiến được Chánh giác.*

Nếu con từ vô thủy lưu chuyển đến nay, đối với Phật Pháp Tăng và bên cạnh người khác, tất cả phước đức tích tụ được, thậm chí bố thí cho loài súc sanh một nắm thức ăn, hoặc là thiện căn quy y, hoặc thiện căn sám hối lỗi lầm, hoặc thiện căn thỉnh cầu, hoặc thiện căn tùy hỷ, tất cả điều ấy đều tùy theo số lượng cùng làm thành một khối. Con vì các chúng sanh, hồi hướng Bồ-đề đều bố thí cho hết. Dùng thiện căn này, làm cho các chúng sanh chứng được quả vị Chánh giác Vô thượng, đạt đến Nhất thiết trí.

*Con hối lỗi như vậy
Khuyến thỉnh phước tùy hỷ
Và hồi hướng Bồ-đề
Nên biết như chư Phật.*

Nếu con vì các chúng sanh hồi hướng thiện căn về Bồ-đề, như thiện căn sám hối lỗi lầm, hoặc là thiện căn khuyến thỉnh chuyển pháp luân, hoặc thiện căn thỉnh cầu trường thọ, hoặc thiện căn tùy hỷ..., tất cả thiện căn ấy đều tùy theo số lượng làm thành một khối, như chư Phật Thế Tôn quá khứ-vị lai-hiện tại trong thời gian làm Bồ-tát, đã thực hiện hồi hướng, đang thực hiện hồi hướng, con cũng như vậy, đem các thiện căn hồi hướng Bồ-đề, vì hồi hướng thiện căn này, khiến cho con và các chúng sanh sẽ chứng được quả vị Chánh giác Vô thượng. Nay con lại nói sơ lược:

*Nói hối tội của con
Thỉnh Phật tùy hỷ phước
Và hồi hướng Bồ-đề
Như bậc Tối thắng dạy.*

Tự mình có tội lỗi, tất cả đều nói sám hối, thỉnh cầu Đức Phật chuyển pháp luân, an trú thọ mạng trong thời gian dài lâu, tùy hỷ mọi phước đức, hồi hướng mọi phước đức. Hồi hướng vì cầu Bồ-đề như trước. Như bậc Tối thắng đã chỉ dạy, hồi hướng như vậy chỉ vì cầu đạt

đến Bồ-đề.

Hỏi: Còn hồi hướng ấy, nên làm thế nào?

Đáp:

*Gối phải vòng sát đất
Một tay sửa y phục
Ngày đêm hành ba lần
Chấp tay làm như vậy.*

Nên tự mình thanh tịnh, mặc áo quần sạch sẽ, rửa ráy tay chân, y phục chỉnh tề. Từ trên một cánh tay khoác y phục vào rồi, dùng đầu gối bên phải đặt gọn trên mặt đất, chấp tay lại nhất tâm xa rời ý phân biệt. Nếu như ở nơi tháp thờ Phật, hoặc ở trước tượng Phật, hoặc ở tại hư không, dựa theo duyên chư Phật như đang ở trước mặt, khởi lên ý như vậy, như trước đã nói, hoặc ngày hoặc đêm đều thực hành ba lần.

*Phước đã làm một thời
Nếu như có hình sắc
Hằng sa đại thiên giới
Cũng không thể dung nạp.*

Ở trong sáu lần hồi hướng đã nói kia, nếu phân biệt phước đức từ trong một lần thực hành, chư Phật Thế Tôn, bậc thấy như thật đã nói, thì phước đức nếu có hình sắc giống như các loại lúa thóc tích tụ, phước đức tích tụ đó không có hạn lượng, tuy đại tam thiên thế giới số nhiều như Hằng hà sa, cùng tận giới hạn đó cũng không thể nào chứa đựng hết. Vì phước hồi hướng ấy cùng với cõi hư không bằng nhau, cho đến hồi hướng một lần, còn có phước tụ như vậy, nên dần dần có thể đạt được quả vị Bồ-đề.

Hỏi: Đã nói các vị Bồ-tát có phương tiện thành tựu phước tụ to lớn, nay muốn bảo vệ phước tụ thì dùng phương tiện gì?

Đáp:

*Người ấy mới phát tâm
Đối các Bồ-tát nhỏ
Nên khởi tâm kính trọng
Giống như thầy, cha, mẹ.*

Bồ-tát mới phát tâm, nếu muốn bảo vệ thiện căn cùng với thân tướng của mình, thì đối với các vị Bồ-tát mới phát tâm, nên khởi tâm kính trọng hết sức, giống như đối với Đức Phật là bậc thầy Nhất thiết trí và là bậc cha mẹ đã sanh ra mình. Như vậy, lấy Bồ-tát mới phát tâm làm đầu tiên. Đối với các vị Bồ-tát cũng nên thể hiện sự kính trọng hết sức như vậy. Nếu khác với điều này, thì tự thân và thiện căn chẳng đều

mất hết. Như trong kinh, Đức Thế Tôn từng nói: Ta không thấy một pháp còn lại nào làm chướng ngại Bồ-tát, cho đến mất hết thiện căn. Như đối với Bồ-tát khởi tâm sân giận, Bồ-tát kia tuy có trải qua trăm kiếp tu tập tích lũy thiện căn, mà do tâm sân này, tất cả thiện căn đều mất hết... Vì vậy đối với các vị Bồ-tát nên khởi tâm tôn trọng, giống như thầy dạy.

*Bồ-tát tuy có lỗi
Hãy còn không nên nói
Huống hồ sự không thật
Chỉ nên khen như thật.*

Nếu Bồ-tát chê bai lỗi lầm của người thực hành Đại thừa, khiến họ phải mang tiếng xấu, thì tất cả pháp thiện của nhiều đời kiếp thấy đều mất hết, pháp thanh tịnh không thể tăng trưởng. Vì vậy các bậc Bồ-tát tuy có sai lầm, vì bảo vệ thiện căn thân mạng của chính mình, không nên nói để lộ ra, huống là không có thật, ví như gán tội cho vua. Như trong kinh nói: “Có vị Bồ-tát sống đời thanh tịnh, không có gì đáng nói xấu, nhưng Tỳ kheo Đạt Ma kia nói càn về điều xấu xa của Bồ-tát đó. Vì vậy, ở trong bảy mươi kiếp nhận chịu báo ứng của địa ngục, lại ở trong sáu vạn đời làm người bần cùng, thường bị đui mù câm ngọng, dịch bệnh tệ hại”. Thế nên đối với các vị Bồ-tát, nếu có điều xấu hoặc không có điều xấu, đều không được nói ra. Họ có đức thật sự chỉ nên ca ngợi truyền tụng, để thiện căn của mình được tăng trưởng, cũng là giúp cho người khác phát sanh niềm tin.

*Nếu người nguyện làm Phật
Muốn cho không thoái chuyển
Bày tỏ rõ mãnh liệt
Cũng khiến sanh vui thích.*

Nếu có chúng sanh đã phát nguyện cầu đạo Bồ-đề, chỉ mong muốn khiến nguyện đó không lui sụt, nhưng có người ngu si, nóng giận và tham lam, tự câu kết bè nhóm nên nói như vậy: Cần gì hành thêm hạnh khó hành của Bồ-tát. Niết-bàn đó là niềm vui bình đẳng giống nhau, thực hành hạnh Thanh văn mau chóng đến được Niết-bàn. Loại người này, sau sẽ nói đến quả báo của họ. Nếu dùng nhiều loại thí dụ để hiển bày công đức của Phật, khiến đi vào trong tâm, đây là chỉ bày rõ. Khiến họ có đầy đủ các hạnh tinh tấn của Bồ-tát, đây là làm cho mãnh liệt. Muốn khiến cho tinh tấn càng tăng thêm để mau chóng được lợi ích, vì họ nói về đại thần thông và công đức của bậc Chánh giác, đây là làm cho vui thích. Như vậy làm cho người kia không rời bỏ tâm

nguyện Bồ-đề.

*Chưa hiểu kinh sâu xa
Đừng nói chẳng Phật thuyết
Nếu nói lời như vậy
Nhận báo ác khổ nhất.*

Kinh rất sâu xa: Đó là Đức Phật đã thuyết giảng pháp tương ứng với Không-Vô tướng-Vô nguyện, trừ bỏ vô lượng biên kiến về đoạn-thường..., diệt sạch tự tánh về ngã-nhân-chúng sanh-thọ giả..., hiển bày công đức hy hữu và đại thần thông của Như Lai. Đối với kinh luật này, nếu như chưa chứng thực biết rõ, đừng vì ngu si mà nói là không phải Đức Phật giảng nói. Vì sao? Vì Đức Phật giảng nói, nếu như phỉ báng kinh luật của Như Lai đã thuyết giảng, thì báo ác thật là khổ.

*Các tội nơi Vô gián
Đều làm thành một khối
So hai loại tội trước
Phần số không thể đạt.*

Đức Thế Tôn ở trong Kinh Bất Thoái Luân có nói: “Hết thấy tội lỗi của năm nghiệp vô gián, như tội báo đoạn dứt mạng sống của các chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới. Hoặc như tất cả các tháp của hàng sa số chư Phật diệt độ rồi, hoặc làm hư hoại, hoặc thiêu đốt, hoặc làm chướng ngại pháp nhãn của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, mọi tội báo thuộc loại như vậy đều đem tích tập, quy tụ lại. Nếu như đối với kinh sâu xa không hiểu rõ được, khởi lên chấp trước nói là không phải Đức Phật thuyết giảng, và Bồ-tát phát nguyện Bồ-đề, lại làm cho thoái lui tâm Bồ-đề của họ. Hai loại tội báo này, đem tất cả tội báo của năm nghiệp vô gián trước kia tập hợp lại để so sánh, thì trăm phần không bằng, ngàn phần không bằng, thậm chí phần Số, phần Kha la, phần Toán, phần Thí dụ, phần Ưu ba ni sa đà (số đếm-đong lường-tính toán-ví dụ-tưởng tượng) cũng không bằng được”. Vì tướng tội báo như vậy, nên để bảo vệ tự thân và thiện căn của mình, đừng tạo ra hai loại tội lỗi ấy.

Hỏi: Đã nói Bồ-tát bảo vệ thiện căn của mình, thì đâu mới là thắng nghĩa của sự tu đạo?

Đáp:

*Đối ba môn giải thoát
Thuận nên khéo tu tập
Đầu là không, tiếp vô tướng
Thứ ba là vô nguyện.*

Ở trong thời gian Bồ-tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thuận theo tu tập ba môn giải thoát. Đầu tiên nên tu tập về môn giải thoát Không, vì phá tan các kiến chấp. Thứ hai là tu về môn giải thoát Vô tướng, vì không giữ lấy các ý phân biệt theo duyên. Thứ ba là tu về môn giải thoát Vô nguyện, vì vượt lên trên cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Hỏi: Tại sao những pháp này gọi là môn giải thoát?

Đáp:

*Không tự tánh nên Không
Đã Không, gì thành tướng?
Các tướng đã vắng lặng
Người trí đâu có nguyện.*

Do duyên sanh nên pháp không có tự tánh, đây gọi là Không. Vì không ấy nên tâm không có duyên dựa, đây là Vô tướng. Xa rời các tướng nên không có nguyện gì nữa. Vả lại, nếu như pháp thuận theo duyên sanh, thì tự tánh của pháp là vô sanh. Vì tự tánh vô sanh nên pháp ấy là không. Nếu pháp là không thì trong đó sẽ là Vô tướng. Tướng không có nên pháp ấy là Vô tướng. Nếu không có tướng thì trong ấy tâm không có nơi dựa vào, vì không có chỗ dựa nên ở trong ba cõi, tâm không có nguyện.

*Ở thời gian tu niệm
Hương gần đạo Niết-bàn
Đừng nghĩ không phương tiện
Nơi kia đừng buông lung.*

Lúc tu tập ba môn giải thoát này, nếu không phải là phương tiện gồm thâu, thì hướng đến tiếp cận Niết-bàn, tuy thuận tu tập, nhưng chớ rơi vào xứ sở Bồ-đề khác, nên cầu nhẫn vô sở đắc, thuận trú trong phương tiện thiện xảo.

*Mình ở trong Niết-bàn
Không thuận theo tác chứng
Nên phát tâm như vậy
Nên thành thực Trí độ.*

Phát tâm như vậy: Ta nên tạo lợi ích cho các chúng sanh, độ thoát cho các chúng sanh, tuy tu tập ba môn giải thoát, nhưng không bằng lòng ở tại Niết-bàn tác chứng. Nhưng vì học Bát nhã Ba-la-mật, do đó trong ba môn giải thoát, chuyên chú thuận theo thành thực. Ta nên tu tập về Không, không nên chứng đắc Không. Ta nên tu tập Vô tướng, không nên chứng đắc Vô tướng. Ta nên tu tập Vô nguyện, không nên chứng đắc Vô nguyện.

*Như xạ thủ bắn tên
 Đều chuyển sang cùng bắn
 Giữ lấy không khiến rơi
 Đại Bồ-tát cũng vậy.*

Ví như xạ thủ học cách bắn quen thuộc rồi, bắn mũi tên vào không trung, tiếp tục bắn mũi tên sau tất cả đều bắn tiếp nhau, mũi tên ấy trở thành nhiều lên, giữ lấy nhau giữa hư không, không cho rơi xuống mặt đất.

*Trong môn giải thoát không
 Khéo bắn mũi tên tâm
 Khéo giữ tên tiếp nhau
 Không rơi vào Niết-bàn.*

Như vậy bậc Đại Bồ-tát này bắn ra, dùng cây cung tu học về Không, Vô tướng và Vô nguyện, hướng về bầu không gian của ba môn giải thoát, bắn lên mũi tên của tâm rồi lại dùng mũi tên của phương tiện thiện xảo thương xót chúng sanh, lần lượt nối tiếp nhau ở trong hư không của ba cõi, giữ lấy mũi tên của tâm ấy, không để cho rơi xuống thành trì Niết-bàn.

Hỏi: Vì sao lại khiến cho tâm ấy không rơi vào Niết-bàn?

Đáp:

*Ta không bỏ chúng sanh
 Vì tạo lợi ích cho họ
 Trước khởi ý như vậy
 Tiếp tu tập tương ứng.*

Nếu như ta đối với ba môn giải thoát, thành thực tốt đẹp rồi, muốn đạt được Niết-bàn thì dễ như ở trong bàn tay. Nhưng ta vì hạng phàm phu thơ đại giống như đang còn uống sữa, không thể tự sức hưởng tới thành trì Niết-bàn ấy được. Vì chưa đến Niết-bàn nên ta đối với Niết-bàn không thể một mình bước vào, ta phải như vậy mà phát khởi tinh tấn, tùy theo những việc làm, chỉ nhằm tạo lợi ích cho các chúng sanh, cũng để cho họ được đến Niết-bàn. Trước tiên, nên khởi tâm hành như vậy, tiếp theo, ngay nơi tâm tùy thuận tương ứng, tùy thuận ấy là thuận ở nghĩa sau. Nếu không như thế, thì mũi tên tâm không có phương tiện khéo léo thâm tóm, khi thực hành ba môn giải thoát... lập tức rơi vào giải thoát của Thanh văn, hoặc là trong giải thoát của Độc giác. Nay lại có thêm phương tiện thiện xảo.

*Những chúng sanh bị đấm
 Đem tâm tối hiện hành*

*Điên đảo cùng các tướng
Thấy đều do si mê.*

Hạng phạm phu thơ đại và các chúng sanh, vì si mê nên từ vô thỉ kiếp lưu lạc trôi nổi trong đêm dài tăm tối, đắm vào bốn thứ điên đảo, vô thường nói là thường, khổ nói là vui, bất tịnh nói là tịnh, vô ngã nói là ngã. Cho đến ở trong các giới-nhập nội ngoại, suy nghĩ về ngã-ngã sở, cho là có sở đắc, trong đêm dài đã tạo tác và hiện tại đang tạo tác.

*Người đắm tướng điên đảo
Nói pháp để đoạn trừ
Trước phát tâm như vậy
Tiếp tu tập tương ứng.*

Các chúng sanh thuộc hạng như thế, vì si mê khởi lên hai loại suy nghĩ chấp trước vào ngã và ngã sở. Lại ở trong các sắc thái không hề có, vọng niệm khởi lên phân biệt giữ lấy tướng, sanh ra bốn loại điên đảo sai lạc, ta vì họ nói pháp khiến đoạn trừ điên đảo ấy, trước tiên phát tâm như vậy rồi, sau đó trong ba môn giải thoát tu tập tương ứng. Nếu khác với đây mà tu ba môn giải thoát thì sẽ hưởng tới gần con đường Niết-bàn.

*Bồ-tát lợi chúng sanh
Nhưng không thấy chúng sanh
Cũng là điều khó làm
Hiếm có, không nghĩ bàn.*

Bồ-tát khởi suy nghĩ đến chúng sanh, đây cũng là điều khó nhất và không thể nghĩ bàn, vì chưa từng có giống như vẽ lên hư không. Ở trong nghĩa tối thắng vốn không có chúng sanh, cho nên tinh tấn thực hành, chỉ trừ đại bi, nơi nào lại có việc khó như vậy.

*Tuy trú trong chánh định
Tu hợp môn giải thoát
Vì chưa đủ bản nguyện
Không thể chứng Niết-bàn.*

Thuận theo suy nghĩ này: Nếu Bồ-tát đạt đến vị chánh định, dùng ba mươi hai pháp để đi vào vị chánh định, lúc tương ứng với môn giải thoát, trong thời gian đó chưa đầy đủ bản nguyện, là chứng Niết-bàn hay là không chứng? Vì vậy, trong kinh Đức Thế Tôn dạy: Bốn đại có thể làm cho thay đổi, không có trường hợp đi vào vị chánh định, trong thời gian ấy Bồ-tát chưa đầy đủ bản nguyện mà chứng Niết-bàn. Vì vậy Bồ-tát đạt đến vị chánh định, chưa đầy đủ bản nguyện thì không chứng Niết-bàn.

*Chưa đến vị chánh định
Lực phương tiện khéo thâm
Vì chưa đủ bản nguyện
Không thể chứng Niết-bàn.*

Nếu Bồ-tát mới phát tâm, chưa đến vị chánh định, nên dùng phương tiện thiện xảo thâm tóm, lúc tu tập ba môn giải thoát, trong thời gian chưa đầy đủ bản nguyện, cũng không thể chứng Niết-bàn.

*Rất chán nẻo lưu chuyển
Nhưng cũng hướng lưu chuyển
Tin ưa nơi Niết-bàn
Mà cũng rời Niết-bàn.*

Bồ-tát này ở trong lưu chuyển, vì ba loại lửa rục cháy, nên hết sức chán muốn xa rời, nhưng không bằng lòng khởi tâm trốn tránh lưu chuyển, nên nghĩ đối với chúng sanh như con cái để hướng về lưu chuyển, cho đến ưa thích Niết-bàn, giống như che chở bảo vệ nhà cửa, nhưng phải rời bỏ Niết-bàn, vì để làm cho đầy đủ trí Nhất thiết trí. Trong lưu chuyển, nếu có chán ngán xa rời, thì ở Niết-bàn cũng có niềm tin ưa thích. Nếu như không hướng về lưu chuyển, không rời bỏ Niết-bàn thì bản nguyện chưa thể viên mãn, nên lúc tu tập môn giải thoát, bèn quay về Niết-bàn tác chứng.

*Nên sợ hãi phiền não
Không trừ hết phiền não
Nên tụ tập các thiện
Để ngăn chặn phiền não.*

Vì là nhân của sự lưu chuyển này, nên phải sợ phiền não, nhưng không nên dồn hết sức trừ bỏ mọi phiền não. Nếu đoạn trừ phiền não, thì không thể nào tích tập được tư lương Bồ-đề. Vì vậy, Bồ-tát dùng pháp để ngăn chặn các phiền não. Do ngăn chặn khiến chúng không có sức lực, thì có thể tụ tập thiện căn làm tư lương Bồ-đề. Vì thiện căn được tu tập nên làm viên mãn bản nguyện, có thể đạt đến Bồ-đề.

Hỏi: Vì sao không dùng nguyên nhân đoạn dứt để diệt các phiền não?

Đáp:

*Tánh phiền não Bồ-tát
Không là tánh Niết-bàn
Không đốt các phiền não
Sanh chủng tử Bồ-đề.*

Như các bậc Thánh nhân Thanh văn, lấy Niết-bàn làm tánh, do

duyên dựa nơi Niết-bàn nên đạt được quả Sa-môn. Chư Phật không dùng Niết-bàn làm tánh, chư Phật lấy phiền não làm tánh, vì tâm Bồ-đề từ nơi này nảy sanh. Hàng Thanh văn, Độc giác thiêu đốt các phiền não, chủng tử của tâm Bồ-đề không phát sanh được. Vì chủng tử của tâm hàng Nhị thừa không có lưu chuyển, vậy nên phiền não là tánh Như Lai. Vì có phiền não chúng sanh mới phát tâm Bồ-đề, sanh ra thể Phật, nên không xa rời phiền não là vậy. Hỏi: Nếu đốt cháy phiền não, thì chủng tử của tâm Bồ-đề không phát sanh, tại sao trong Kinh Pháp Hoa đã thọ ký cho các bậc Thanh văn đốt cháy phiền não?

Đáp:

*Thọ ký chúng sanh ấy
Ký này có nhân duyên
Đức Phật dùng thiện xảo
Phương tiện đến bờ kia.*

Không biết chúng sanh thành thực như thế nào, nhân duyên trong họ chỉ có Đức Phật mới biết được. Vì điều phục để đến bờ kia, nên không tương tự cùng với những chúng sanh khác. Mà chủng tử nơi tâm Bồ-đề của các chúng sanh ấy không phát sanh, vì đi vào vị chánh định vô vi. Như trong kinh nói:

*Như hư không, hoa sen
Núi cao và hầm sâu
Giới chẳng nam ca giá
Cũng như đốt chủng tử.*

Giống như trong hư không chẳng thể nào nảy sanh chủng tử, như vậy ở trong vô vi, chưa từng phát sanh pháp Phật, cũng không thể sanh ra, như nơi vùng cao nguyên, đồng rộng không thể nào mọc lên hoa sen. Như vậy Thanh văn, Độc giác đi vào vị chánh định vô vi, không sao phát sanh pháp Phật. Sườn núi cao là ở trong tòa thành của đạo trí Nhất thiết trí, có hai dãy núi cao lớn, đó là dãy núi cao ở địa Thanh văn và dãy núi cao ở địa Độc giác. Hàng Thanh văn, Độc giác nếu như có Nhất thiết trí, thì không phải là hai dãy núi cao của Bồ-tát. Hầm sâu là, nếu như hàng trưởng phu khéo học hỏi nhảy vượt qua, tuy rơi xuống hố sâu nhưng vẫn yên ổn đứng trong đó, nếu không khéo học hỏi mà rơi vào hố sâu thì sẽ chết ở đấy. Như vậy, hàng Bồ-tát tu tập vô vi khéo tương ứng, tuy tu vô vi mà không rơi vào trong vô vi. Hàng Thanh văn, Độc giác tu tập vô vi không khéo tương ứng, nên rơi vào trong vô vi. Giới là hàng Thanh văn vướng vào cảnh giới vô vi, không tiếp tục thực hành được trong hữu vi, vì vậy ở trong ấy tâm Bồ-đề không thể phát sanh.

Chẳng nam là giống như hàng trưởng phu mất nam căn, đối với năm thứ dục lạc thuận hợp, không thể trở lại có lợi ích. Như vậy hàng Thanh văn có đủ pháp vô vi, đối với các lợi ích của pháp Phật cũng không được lợi ích. Ca giá là giống như ngọc báu Ca giá, chư Thiên thế gian tuy khéo gọt giũa làm đẹp ngọc quý Ca giá, nhưng cuối cùng không thể nào trở thành cái bao dao bằng ngọc lưu ly quý. Như vậy, hàng Thanh văn tuy có đủ các loại giới học, công đức đầu đà, Tam-ma-đề..., nhưng cuối cùng không thể nào ngồi nơi đạo tràng chứng được quả vị Chánh giác Vô thượng. Cũng như thiêu hạt giống là giống như hạt giống bị đốt cháy, tuy đặt vào trong lòng đất có tưới nước, hơi ấm mặt trời, nhưng cuối cùng không thể nảy mầm được. Như thế, hàng Thanh văn đốt cháy chủng tử phiền não rồi, nghĩa là ở trong ba cõi cũng không có sự sống. Theo các kinh đều như vậy, nên biết hàng Thanh văn đạt được pháp vô vi thì tâm Bồ-đề không phát sanh.



LUẬN BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG

QUYỂN 5

Hỏi: Bồ-tát rất kiên cường ở trong chúng sanh, sao nói cần phải tu hành?

Đáp:

*Các luận và công xảo
Nhiều loại nghề, thuật hay
Vi lợi ích thế gian
Nên sanh ra kiến lập.*

Từ trong sách vở, in chép, tính toán, luận bàn về khoáng sản, về y học, những luận cứ có thể diệt trừ ma quỷ, đối kháng chất độc... Xuất sanh những luận thuyết về nông thôn, thành thị, công viên, vườn cảnh, sông suối, ao hồ, núi non cao thấp, hoa trái thuốc thang..., biểu hiện rõ những thuyết về tánh quý như vàng bạc-trân châu-lưu ly-bối thạch - san hô..., ghi nhận luận giải về tướng như mặt trăng-mặt trời-tinh tú-động đất-giác mộng..., bàn về tướng trạng các chi phần của thân thể... Vô lượng các luận thuyết như vậy, có thể làm lợi lạc cho thế gian. Lúc kiếp chuyển sang thời hoại diệt, tất cả đều diệt mất. Lúc kiếp chuyển sang thời kỳ phát sanh thì tiếp tục sanh ra và thành lập tại nhân gian. Như gỗ sắt ngói đồng làm ra đồ vật, mà công sức khéo léo không phải là như nhau. Có thể diệt trừ ma quỷ, đối kháng được độc tố, điên cuồng, bệnh dịch, ăn không tiêu và các loại phiền muộn bức bách khác làm ra nhiều loại thuật tinh xảo như chạm trở-họa vẽ-thêu thùa-dệt đan..., các loại sự nghiệp có thể làm lợi lạc cho thế gian ấy, cũng đều sanh ra và khiến được tồn tại.

*Tùy chúng sanh hóa độ
Giới, nẻo cùng chốn sanh
Như nghĩ liền hướng tới
Nguyện lực nên thọ sanh.*

Các bậc Đại Bồ-tát tùy theo thế giới nào, hoặc là thế giới của trời, người, hoặc là sanh vào các chủng tộc Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Tỳ-xá..., ở những xứ sở ấy, nếu chúng sanh có thể hóa độ, vì họ nên khởi lên vô lượng ý niệm, suy nghĩ. Vì nhằm hóa độ những chúng sanh ấy, tùy theo sắc loại dài ngắn, lớn nhỏ, âm thanh, quả báo của họ, có thể khiến chúng sanh mau chóng tiếp nhận sự giáo hóa, lập tức thuận theo như nguyện.

*Nơi vô số việc ác
Chúng sanh dua nịnh, huyễn
Nên dùng áo giáp chắc
Chớ chán nản lo ngại.*

Nếu bị mắng nhiếc, hoặc sợ hãi, kinh động, hiềm khích, thù hận, đánh bằng roi, giam nơi ngục tối, tra hỏi..., những sự việc xấu ác như vậy đặt vào nơi mình và các chúng sanh có vô số tâm ý dua nịnh huyễn hoặc, biết không thể nào cảm hóa nổi, vì các chúng sanh ấy, không nên tự mình trì hoãn mặc giáp phục, cũng đừng chán ngán sự lưu chuyển, đừng ngần ngại cầu đến Bồ-đề. Lại cần phải phát tâm như vậy: Tôi không vì chúng sanh không dua nịnh, huyễn hoặc mà mặc áo giáp này. Chính vì những chúng sanh kia mà mặc áo giáp này. Tôi sẽ phát khởi tinh tấn làm những việc như vậy, để khiến những chúng sanh kia nhanh chóng trở nên không dua nịnh, không huyễn hoặc, do đó phải tự mình mặc giáp phục kiên cố như vậy.

Hỏi: Đã nói Bồ-tát tu hành kiên cường như thế, sao lại nói Bồ-tát tu hành chưa được kiên cường?

Đáp:

*Ý đầy đủ thắng tịnh
Không nịnh không huyễn hoặc
Bày rõ các tội lỗi
Che giữ mọi điều thiện.*

Đầy đủ ý thắng tịnh: Đó là ý tăng thượng, lại là thiện tăng trưởng. Ý là tâm, tức là tâm ấy đầy đủ, gọi là ý đầy đủ thắng tịnh. Không siểm cũng không huyễn: Siểm nghĩa là dua nịnh tâm phân biệt, tâm phân biệt thì không chất trực. Và lại, siểm gọi là tâm cong vẹo. Huyễn nghĩa là đối trá. Nếu tâm không cong vẹo, không đối trá, đó chính là không dua nịnh, không huyễn hoặc, tỏ bày các tội lỗi. Nếu có tội lỗi thì nói rõ tất cả, đó gọi là bày rõ các tội lỗi. Che giữ các điều thiện: Nếu có các thứ thiện to lớn thì che giữ, đó gọi là cất giữ che kín mọi điều thiện. Nếu Bồ-tát muốn nhanh chóng đạt được Bồ-đề, cần phải đầy đủ ý thanh tịnh,

không dua nịnh, không dối trá, bày tỏ rõ tội lỗi, che giấu điều thiện. Vì vậy Đức Thế Tôn dạy bảo đệ tử: Dua nịnh trái với Bồ-đề, dối trá không phải là Bồ-đề.

*Nghiệp thân khẩu thanh tịnh
Nghiệp ý cũng thanh tịnh
Tu tập các học giới
Đừng khiến có thiếu sót.*

Các vị Bồ-tát này muốn tương ứng với sự tu niệm, trước hết phải làm thanh tịnh nghiệp thân-khẩu-ý. Trong đó ba loại là sát sanh, không cho mà lấy, trái với hạnh tịnh (sát đạo dâm) thuộc về hành ác của thân, cần phải thanh tịnh. Trái với điều này là ba loại hành thiện của thân, cần phải tiếp nhận. Nói dối, nói phá phá hoại, nói thô ác, nói đùa cợt hỗn tạp, là bốn loại thuộc về hành ác của khẩu, cần phải thanh tịnh. Ngược lại với điều này là bốn loại hành thiện của khẩu, cần phải tiếp nhận. Tham-sân-tà kiến là ba loại thuộc về hành ác của ý, cần phải thanh tịnh. Trái với đây là ba loại hành thiện của ý, cần phải tiếp nhận. Các Ba la đề mộc xoa học cú (các học giới) cũng nên tiếp nhận, thuận theo để chuyển hóa. Đối với các học giới kia, vì không hiểu biết mà phá hỏng, nếu người giữ giới bị thiếu sót, hư hoại thì ở trong sự tu niệm, tâm sẽ không ổn định.

*An trụ trong chánh niệm
Lặng suy thấu tóm duyên
Dùng niệm bảo vệ mình
Tâm định không chướng ngại.*

Như vậy đối với giới đích thực được thanh tịnh rồi, đoạn trừ năm cái, ở nơi vắng lặng thanh tịnh, xa rời chốn đông người, ít các loại âm thanh ồn náo, ruồi muỗi, rắn rít, cạp beo, giặc cướp..., không lạnh lắm, không nóng lắm, không nằm mãi trên giường, hoặc là đứng, hoặc kinh hành, hoặc ngồi xếp bằng tròn, hoặc hướng vào chóp mũi, hoặc hướng lên phần trán, niệm quay lại an trú tùy vào một duyên khéo thấu tóm được. Nếu đối với cảnh giới, tâm có sự loạn động khởi lên, thì dùng niệm để làm người gác cổng. Như vậy bố trí canh giữ rồi, giặc cướp chướng ngại trong tâm rời xa, ý chỉ có một nơi không còn tán loạn, nên tiếp tục tu tập tư duy.

*Như lúc khởi phân biệt
Nên hiểu thiện, bất thiện
Cần bỏ các bất thiện
Tu tập nhiều phần thiện.*

Vào lúc tư duy, nếu khởi lên phân biệt, lập tức ở tại lúc khởi hiểu rõ sự phân biệt này. Nếu là bất thiện, nên liả bỏ, đừng để tiếp tục tăng lên. Nếu là phần thiện thì chỉ hướng về thực hiện nhiều hơn nữa, không nên tán loạn giống như đèn trong nhà không đóng kín cửa để gió thổi lùa.

*Duyên cảnh, tâm phân tán
Cần chuyên chú nghĩ biết
Lại hướng về cảnh ấy
Tùy động liền khiến trụ.*

Tỳ kheo trong lúc tu định, lúc tâm tư duy nên nắm giữ một ý đừng để hỗn loạn. Nếu tâm xa rời cảnh thì phải biết rõ, thậm chí không để cho liả cảnh quá xa, trở lại thu giữ tâm đó an trú trong cảnh, giống như sợi dây buộc vượn khỉ cột chặt vào cột, khiến chúng chỉ được quần quanh cây cột mà không thể đi nơi nào khác. Như vậy phải dùng sợi dây niệm buộc vượn khỉ của tâm giữ chặt vào cột của cảnh, chỉ được quần ở tại cây cột của cảnh, không thể nào đi xa nơi khác.

*Không nên hoãn, nhân ác
Mà tu tập tinh tấn
Do định không thể giữ
Vì thế phải luôn tu.*

Hoãn nghĩa là xa rời thúc giục thường xuyên. Nhận lấy ác nghĩa là không dẫn đến điều thiện. Nếu như mong thành tựu Tam-ma-đề, thì không nên trì hoãn và gắng sức nhận lấy điều ác, vì làm trì hoãn và gắng sức nhận lấy điều ác, Tam-ma-đề sẽ không thể giữ được. Vậy nên người thực hành tu định phải luôn luôn tu tập đích thực.

*Nếu chứng thừa Thanh văn
Cho đến thừa Độc giác
Chỉ là hành tự lợi
Không bỏ tinh tấn vững.*

Nếu như muốn chứng quả nơi thừa Thanh văn và thừa Độc giác, vì chỉ trở thành tự lợi, tự đạt Niết-bàn cho mình, luôn trong mọi ngày đêm không xả bỏ tinh tấn kiên cố, thúc giục siêng tu.

*Hướng hồ Đại trượng phu
Tự độ và độ người
Mà không thể phát khởi
Tinh tấn trăm ngàn lần?*

Nhưng Bồ-tát này bằng lòng ở trong dòng sông lưu chuyển để cứu độ các chúng sanh, cũng thuận theo để tự độ, sao có thể không

phát khởi, vượt qua người của hai thừa Thanh văn, Độc giác, tinh tấn đến trăm ngàn lần? Giống như tự mình vượt qua dòng sông của sự lưu chuyển, cứu độ người khác cũng như vậy.

*Nửa thời, hoặc biệt hành
Một lúc hành nẻo khác
Tu định không như vậy
Phải duyên một cảnh giới.*

Trước mắt một ngày này, không nên để một nửa thời gian tu tập định riêng, thời gian còn lại thực hành cách khác, chỉ hướng về một pháp định thích ứng duyên với cảnh, tâm thuận theo một cảnh, đừng hướng về nơi khác.

*Đối thân đừng có tham
Nơi mạng cũng đừng tiếc
Dù thân này được giữ
Cùng là pháp hủy hoại.*

Cần phải phát tâm niệm như vậy: Trong thân này của mình, chỉ có da dày da mỏng, máu thịt gân xương tủy não..., cuối cùng sẽ cạn khô, thọ mạng này cũng sẽ kết thúc. Bậc trượng phu tinh tấn, trượng phu uy lực, trượng phu thực hành mạnh mẽ thế kia, ta cũng đạt được. Nếu chưa đạt được điều ấy, ta quay về tinh tấn không nên thư thả kéo dài, tuy thân này được bảo vệ đến trăm năm, nhưng chắc chắn đang là pháp bị hủy hoại.

*Lợi dưỡng, cung kính, danh
Hoàn toàn đừng tham đắm
Như lửa cháy đầu, áo...
Siêng hành, thành tựu nguyện.*

Trước mắt lúc này, nếu như ở nơi cư trú rộng thoáng, thân mạng đừng tham tới lui trong đó. Nếu lúc có lợi dưỡng, cung kính, danh tiếng nổi lên, không nên tham đắm, vì nhằm thành tựu tâm nguyện, nên nhanh chóng chịu khó thực hành, giống như lửa cháy trên đầu, trên y phục.

*Quyết định khởi thắng hạnh
Không thể chờ ngày mai
Ngày mai quá xa xôi
Duyên nào giữ mạng mỏng?*

Lúc người kia chịu khó thực hành giống như lửa cháy thân mình, ngày mai xa xăm mờ mịt đừng đợi. Nếu đối với thân mình có điều gì thắng lợi, quyết định lập tức phát khởi, cần phải sanh tâm niệm như vậy: Duyên nào có thể giữ gìn mạng sống trong thời gian mở mắt, khép

mất (vô thường). Nay ta lập tức khởi các hành rất thuận lợi, ngày mai xa xăm quá, đừng đợi đến ngày mai.

*An trú trong chánh niệm
Như ăn thịt con quý
Đối với những món ăn
Đừng thích cũng đừng bỏ.*

Tỳ kheo thực hành tu định như vậy, hoặc ở trong thôn xóm, hoặc nơi Tăng phường, tùy theo nơi có cơ duyên như pháp, không có hiềm nghi, xin được món ăn rồi, chớ khởi tâm tham thích vướng mắc, cũng đừng chê bai không vừa ý. Cần an trú trong chánh niệm, như ăn thịt đứa con yêu quý của mình, chỉ vì thân trú không hủy hoại để thọ mạng được tồn tại, thâu giữ bảo vệ hạnh tịnh. Giống như xưa kia nói: “Lúc vợ chồng đi qua cánh đồng rộng lớn, cùng ăn thịt người con”.

*Xuất gia vì nghĩa gì?
Việc mình làm xong chưa?
Nay nghĩ làm hay không
Như mười pháp kinh nói.*

Cần phải quan sát như vậy: Ta vì ý nghĩa gì mà xuất gia, vì sợ không thể sống được, vì cầu quả vị Sa-môn? Nếu như vì cầu quả vị Sa-môn, thì nên suy nghĩ: Ta đối với việc của Sa-môn là đã làm, là chưa làm, hay là nay đang làm? Nếu như chưa làm và đang làm, vì nhân duyên thành tựu, cần phải cố gắng rất nhiều. Ta đã từ bỏ gia đình, tức không giống như họ, phải luôn suy nghĩ: Mạng sống của ta gắn liền nơi kẻ khác, ta cũng phải thực hiện nghi thức khác. Ta từ nơi giới luật đạt được không hiềm nghi hay không? Người có trí cùng chung hạnh tịnh, đối với giới luật của mình không có hiềm nghi gì chẳng? Ta đã cùng với các sự ân tình có sai khác về tướng trạng, hay là cùng giống nhau không khác? Ta thuộc về nghiệp, sanh ra từ nghiệp, thọ dụng nơi nghiệp, nghiệp là ruột thịt của ta, dựa vào nghiệp thực hành, nghiệp ta đã tạo, hoặc thiện hoặc ác tự ta phải nhận lấy, ở trong ngày đêm vì sao tạo ra? Ta thích niềm vui vắng lặng hay không? Ta có pháp của người tu hành hay không? Có thể đạt được sự thấy biết thù thắng của Thánh nhân hay không? Nếu như sau này vào lúc người cùng chung hạnh tịnh hỏi về điều đó lúc ấy nói mà không biết xấu hổ chẳng?

Nên nhiều lần suy nghĩ đến mười pháp như vậy, đó gọi là Tỳ kheo thực hành tu định. Nên luôn suy nghĩ!

*Quán hữu vi vô thường
Không có ngã, ngã sở*

*Tất cả các nghiệp ma
Nên hiểu rõ là bỏ.*

Hữu vi nghĩa là nhân duyên hòa hợp sanh. Vì nhân duyên hòa hợp sanh ra nên pháp ấy không có ngã sở. Do hữu vi nên pháp ấy là vô thường. Nếu là vô thường thì pháp ấy bị sự bức bách từ nơi khác nên khổ. Nếu như khổ không chuyển hóa tự tại nên vô ngã. Đối với pháp hữu vi nên quán xét như vậy. Tất cả các nghiệp ma nên hiểu rõ mà là bỏ. Hoặc ở trong kinh nói tâm Bồ-đề tương ứng với sáu độ, tạo nhân duyên không dục lạc, nhân duyên không tán loạn, nhân duyên không trì hoãn, nhân duyên không chướng ngại. Nếu như từ nơi mình khởi lên hoặc là từ nơi khác khởi lên, đều tùy theo đó hiểu biết rõ. Từ đây các nghiệp ma ác đều được nhận biết đã xa rời, không để chúng tự tiện hiện hành.

*Căn, lực và giác phần
Thần túc, chánh đoạn, đạo
Cùng với bốn niệm xứ
Phát khởi tinh tấn tu.*

Tín-Tinh tấn-Niệm-Định và Tuệ, đây là năm Căn. Tín-Tinh tấn -Niệm-Định và Tuệ, đây là năm Lực. Niệm-Trạch pháp-Tinh tấn-Hỷ -Ý (Khinh an) - Định và Xả, đây là bảy Giác phần. Dục định-Tinh tấn định-Tâm định và Tư duy định, đây là bốn Thần túc. Điều ác và pháp bất thiện chưa sanh làm cho nó không sanh, điều ác và pháp bất thiện đã phát sanh thì làm cho nó đoạn trừ, pháp thiện chưa sanh thì làm cho sanh ra, pháp thiện đã sanh thì làm cho tồn tại, sanh ra phát triển thường xuyên thấm vào tâm, xây dựng nguyện, đây là bốn Chánh đoạn (chánh cần). Chánh kiến-Chánh phân biệt (chánh tư duy)-Chánh ngữ-Chánh nghiệp-Chánh mạng-Chánh phát hạnh (chánh tinh tấn)-Chánh niệm và Chánh định, đây là tám phần Thánh đạo. Thân-Thọ-Tâm và Pháp, đây là bốn Niệm xứ. Như vậy ba mươi bảy pháp hỗ trợ Bồ-đề này, vì tu tập nên phát khởi tinh tấn thường xuyên.

*Tâm cùng thiện lợi lạc
Truyền mãi nơi chúng sanh
Và các căn xấu loạn
Đều nên khéo quán sát.*

Tâm nếu được điều phục nhuần nhuyễn, canh giữ cẩn thận, buộc chặt một nơi thì cùng với việc thiện lợi lạc, làm nhân truyền mãi cho chúng sanh. Nếu không điều phục, không canh giữ, không tu tập, không buộc chặt, thì cùng với những gì không có lợi-xấu ác-hỗn loạn làm

thành căn đã biết, đối với những điều ấy cần phải khéo quán sát. Do tướng sanh-trú khác nhau, không trú vào hai phía trong và ngoài, đời quá khứ, vị lai và hiện tại không đồng đều, không có nơi đến, không có chỗ đi, không dừng lại trong khoảng khắc thời gian, giống như huyễn hoặc, cho nên để tu tập cần phải quán sát.

*Ta ở trong pháp thiện
Ngày ngày tăng trưởng gì?
Lại có điều giảm sút
Phải hết sức quán sát.*

Như Đức Thế Tôn đã dạy, các pháp thiện như bố thí..., có thể sanh ra Bồ-đề, mình đối với những pháp thiện ấy có gì tăng trưởng và có gì giảm sút? Luôn phải tập trung tinh thần để quán sát như vậy. Trong từng ngày, khởi lên rồi lại khởi lên.

*Thấy người khác tăng trưởng
Lợi dưỡng, cung kính, danh
Tâm bủn xỉn ganh ghét
Đều không nên hành tác.*

Nếu nhìn thấy người khác cùng chung hạnh tịnh, hoặc là Sa-môn, hoặc là Bà-la-môn, lúc họ tăng trưởng về lợi dưỡng, sự cung kính và danh tiếng, cũng không nên sanh tâm bủn xỉn đố kỵ. Trở lại nên suy nghĩ và sanh tâm niệm như vậy: Mình cũng thích được nhiều thứ đồ dùng như áo quần, thức ăn uống, giường chiếu, thuốc thang chữa bệnh và lợi dưỡng như chúng sanh, mình cũng thích được sự cung kính của hàng tại gia và xuất gia, mình cũng thích được đầy đủ các pháp đáng ca ngợi.

*Không mong muốn cảnh giới
Hành như ngu, câm, điếc
Lúc lại Sư tử gầm
Hươu nai ngoại đạo hoảng.*

Nếu như lúc nhìn thấy người khác tăng trưởng về lợi dưỡng, sự cung kính và có danh tiếng, nơi cảnh giới của sắc, thanh..., không nên ao ước mong đợi. Ở trong sắc-thanh-hương-vị thích hay không thích, tuy không phải là ngu, mù, câm, điếc, mà làm ra vẻ như thế. Nếu có năng lực, không nên lặng câm đứng nhìn, nên dùng chánh pháp xua trừ, hoặc phá tan sự đảo điên cố hữu, khiến đám hươu ngoại đạo kinh sợ để giữ gìn chánh giáo. Lại phải làm nên tiếng sư tử gầm, chấn động thế gian. Tôi đã giải thích về tu tâm, nay sẽ giải thích về tu tướng. Đó gọi là:

Nghênh tiếp và tiễn đưa

*Nên cung kính tôn trọng
Ở trong các sự pháp
Tùy thuận mà trợ giúp.*

Đối với những bậc tôn kính thì nghênh tiếp hầu hạ và tiến đưa chu đáo, vào lúc nghe pháp thì cúng dường hoa hương thanh tịnh, trong những sự pháp như sửa chữa chùa tháp (chi đề) thì cung kính thực hiện. Trước mắt có thể trở thành anh em với nhau, đó lại là tướng mạo của quyến thuộc lớn từ trước.

*Cứu người bị giết hại
Điều thiện tặng không giảm
Khéo tu mình công xảo
Tự học, dạy cho người.*

Có người bị giết hại nên cứu cho họ thoát khỏi, là nhân duyên bảo vệ tính mạng, xa rời nơi giết hại sanh linh. Được những nghiệp này thường hành tập trong đêm dài sanh tử, nên sẽ đạt được tướng ngón tay dài, tướng gót chân vuông vắn, tướng thân thể thẳng vững, đó là tướng trước kia trường thọ. Tự mình đã được pháp thiện, thì làm tặng trưởng khiến không giảm sút, nên đạt được tướng cổ chân cao như cây bối, tướng lông hươu lên phía trên. Hai tướng ấy là tướng trước kia không giảm sút về pháp. Khéo tu các nghiệp về Minh luận và công xảo, tự mình học hỏi và dạy bảo cho người khác, nên đạt được tướng đầu gối như gối nai chúa, ấy là tướng trước kia nhanh chóng thâm gồm.

*Đối pháp thiện thù thắng
Kiên cố mà tiếp nhận
Tu hành bốn nhiếp sự
Thí y phục, thức ăn.*

Đối với các pháp thiện tốt đẹp nhất, kiên cố tiếp nhận và giữ gìn, vì thường gần gũi và thực hiện, nên sẽ đạt được tướng đứng tốt, đó là tướng trước kia có năng lực thực hiện sự nghiệp. Tu hành bốn nhiếp pháp là Bố thí-Ái ngữ-Lợi hành và Đồng sự, vì luôn gần gũi luyện tập, nên sẽ đạt được tướng tay chân có màng nổi, đó cũng là tướng trước kia nhanh chóng thâm gồm. Lấy đồ ăn thức uống và y phục tốt đẹp để bố thí, vì luôn gần gũi tập luyện, nên sẽ đạt được tướng tay chân mềm mại, tướng bầy chỗ cao hơn bình thường, hai tướng ấy là tướng trước kia có được đồ ăn thức uống ngon quý và các loại y phục thuộc hạng thượng diệu.

*Người xin không làm trái
Hòa hợp người thân thích*

*Quyển thuộc không trái lìa
Giúp nhà cửa, cửa cải.*

Tùy có vật gì, nếu người đến cầu xin, liền giúp cho, không hề trái ý, sẽ đạt được tướng cánh tay tròn trịa, đó là tướng trước kia điều phục tự tại. Thân quyến bạn bè hòa hợp cùng nhau cư trú, không làm cho mọi người trái nhau điều gì. Nếu như người có điều trái ngược cũng khiến hòa hợp, vì vậy sẽ đạt được tướng nam căn ẩn kín, đây là tướng trước kia nhiều con. BỐ THÍ NHÀ CỬA, CỬA CẢI, cho đến bố thí giường ghế, y phục, phòng ốc, cung điện... tốt đẹp, nên đạt được tướng sắc vàng rực, tướng da mịn màng trơn mỏng, hai tướng ấy là tướng đời trước được các thứ giường ghế y phục phòng ốc cung điện tốt đẹp.

*Cha mẹ cùng bạn thân
Tùy chỗ hợp, đặt yên
Nơi chốn đều an ổn
Chủ tự tại vô thượng.*

Ưu-ba-đê-da-dạ (ở đây nói là Cận tụng là Hòa thượng. A-già-lợi-da (chánh hạnh, là A xà lê), cha mẹ anh em..., những người đáng tôn kính ấy, thuận theo đặt yên ở những nơi thích ứng để trở thành người chủ tự tại không gì hơn, nên sẽ đạt được tướng một lỗ chân lông chỉ có một sợi lông, và tướng chòm lông trắng trên mặt, hai tướng ấy là tướng đời trước bình đẳng.

*Tuy lại là nô bộc
Khéo nói cũng nhận lấy
Sanh ra tôn trọng nhất
Giúp thuốc thang khỏi bệnh.*

Giúp cho thuốc thang trị lành bệnh: Đối với những người bệnh, giúp cho thuốc thang cung cấp thức ăn uống nghỉ ngơi, vì cung cấp mọi thứ ăn uống nghỉ ngơi, nên bệnh tình có thể chóng khỏi, nên đạt được tướng giữa lòng bàn tay đầy đặn bằng phẳng, và tướng phần trên trong lưỡi màu đỏ thắm, hai tướng ấy là tướng đời trước ít bệnh.

*Trước tiên hành nghiệp thiện
Lời tốt đẹp tiếp xúc
Lời nói đúng với ý
Trước sau đều cúng dường.*

Trước hành nghiệp thiện làm đầu: Vườn rừng phòng ốc tụ hội với chính nghĩa và lợi ích chung, giếng nước vườn hoa ao hồ, đồ ăn thức uống, hoa lá mượi mà, ở nơi khó đi lại thì xây cầu, cho đến trong những việc tạo ra nhà cửa cho Tăng và nơi du ngoạn. Khuyến khích người

khác thì tự mình làm người dẫn đường, những gì bố thí vượt qua người khác, nên đạt được tướng toàn thân sắc vàng sáng ngời và tướng búi tóc tròn trên đỉnh đầu, hai tướng ấy là tướng đời trước làm người đứng đầu hơn hẳn. Nói lời tốt đẹp khi tiếp xúc, vì nói và hành như thế qua suốt đêm dài sanh tử, đã đạt được tướng lưỡi rộng dài và tướng Phạm âm, hai tướng ấy là tướng đời trước đạt được năm phần, năm phần nói về đạo có đầy đủ các âm thanh. Năm phần, năm phần nói về đạo có đầy đủ âm thanh:

1. Có thể biết.
2. Dễ hiểu.
3. Thích nghe.
4. Không trái ngược.
5. Thâm diệu.
6. Xa rộng.
7. Không có hiểm nghi.
8. Êm tai.
9. Biện giải đúng đắn.
10. Không lẫn lộn (hai loại năm phần cho nên có mười).

Trước sau đều cúng dường: Vì nói lời đúng với ý, nói lời chân thật qua suốt đêm dài sanh tử, nên đạt được tướng răng như sư tử, đó là tướng đời trước là ái ngữ. Trước sau đều cúng dường: Người khác tuy là có trước-sau, nhưng đều cúng dường và không có gì không thể cúng dường, vì oai nghi như pháp, oai nghi bình đẳng, nên đạt được tướng răng đều đặn như nhau và tướng răng trơn bóng tinh tế, hai tướng ấy là tướng đời trước làm quyến thuộc tốt đẹp trong sáng.

*Không hoại quyến thuộc người
Mắt từ nhìn chúng sanh
Cũng không tâm hiểm nghi
Đều như bạn thân thiết.*

Đối với các chúng sanh, khởi tâm cứu mang an ủi để thâm nhận vì ánh mắt nhìn không tham không sân không si, nên đạt được tướng mắt sáng tròn và tướng mi mắt như bò chúa, hai tướng ấy là tướng đời trước nhìn bằng ánh mắt yêu thương.

Tôi đã giải thích về nghiệp sanh khởi ba mươi hai tướng của bậc Đại trượng phu, ngoài ra còn có nhiều hạnh của Bồ-tát, nay sẽ giải thích.

*Phải nên như đã nói
Tức thuận làm như vậy*

*Như lời nói tức làm
Người khác sanh tin tưởng.*

Phải nên như những gì đã nói, lập tức làm như vậy, người khác sẽ sanh tin tưởng, tùy theo có dạy bảo, lập tức tin tưởng nhận ngay.

*Phải nên ủng hộ pháp
Biết rõ người buông thả
Làm màn lưới vàng báu
Che phủ cho chùa tháp.*

Hướng về trong pháp này nên tự mình ủng hộ, nếu có chúng sanh nào phóng túng làm trái giáo pháp, đối với người kia cũng tùy theo phương tiện nhận biết khiến họ hướng về với giáo pháp. Tại các nơi chùa tháp của Như Lai, nên dùng các loại lưới giăng quý báu bày ra che phủ, khiến đầy đủ các tướng tốt.

*Nếu có cầu thể nữ
Trang nghiêm để tặng cho
Cũng nói công đức Phật
Và giúp ngọc nhiều màu.*

Nếu như có người cầu xin thể nữ, tức thì trang điểm nơi các thể nữ để bố thí. Những người thể nữ ấy đều đoan chánh, lấy những người này bố thí, khiến các việc ái sự nơi người mong cầu đều được thỏa mãn. Lại dùng vô lượng cách khác, nói về công đức của Phật, nên ở nơi tụ tập, lên tiếng nói, làm cho vui ý đẹp lòng, vì họ giảng nói rộng, để đạt được những phần âm thanh thanh tịnh. Lại dùng các loại đồ vật bằng ngọc anh lạc chiếu sáng, khiến họ vui thích mà bố thí, nhân đây đạt đầy đủ những tướng hảo tùy hình.

*Tạo ra hình tượng Phật
An tọa trên đóa sen
Và ở trong sáu pháp
Tu tập cùng vui vẻ.*

Dùng các thứ quý báu như vàng bạc châu... để tạo ra hình tượng Đức Phật, an tọa trên đóa hoa sen, để được hóa sanh, và để đạt được thân Phật. Sáu loại pháp đồng hỷ, đối với hàng đồng phạm hạnh, thì thân khẩu và ý nghiệp hiền từ, không phân biệt các vật được thọ dụng, giới pháp đầy đủ, kiến giải đầy đủ. Đây là những pháp trong sáu pháp đồng hỷ, nên gần gũi luyện tập nhiều lần để đạt được đồ chúng, không gặp phải những sự phá hoại của các luận thuyết ngoại đạo.

*Đáng cúng dường đều cúng
Vì mạng, không hủy báng*

*Pháp Đức Phật đã nói
Cùng với người thuyết pháp.*

Đáng cúng dường đều cúng dường: Trong đó thuận theo phải cúng dường, đó là Hòa thượng A-xà-lê, cha mẹ, anh em..., không người nào là không cúng dường, không người nào là không tôn kính, tuy là nuôi sống mạng họ mà quyết không hủy báng. Pháp Phật và người giảng giải về pháp Phật, cũng không nên phỉ báng, không nên khinh khi họ, vì để tự bảo vệ và cố gắng giúp đỡ cho thiện căn thành tựu.

*Vàng quý rải thân thầy
Và rải trên tháp mộ
Nếu như quên bài tụng
Nên nghĩ, khiến không mất.*

Nên lấy vàng bạc cung cấp cho thầy dạy, cũng nên dùng ngọc ma ni, vàng bạc quý để xây cất bảo tháp thờ thầy dạy. Bồ-tát có Tam-ma-đê, gọi là đối diện hiện tại Phật. Trụ trong những Tam-ma-đê này, ở trong nhiều đời, hiện tiền tu tập để được nghe thầy và giữ gìn. Nếu có chúng sanh quên mất kinh sách hướng dẫn cho đời an lạc mà mình đã tụng, đối với chúng sanh ấy, cùng làm cho nhớ lại, để không quên mất tâm Bồ-đề cùng để được nhớ lại sự hiểu biết hiện tại.

*Chưa nghĩ việc đã làm
Đừng vội tùy người khác
Ngoại đạo, trời rồng, thần thánh
Trong đó chớ tin theo.*

Nghiệp hành đã làm, như thân-khẩu-ý, ở trong mọi nơi, nếu không suy nghĩ mình đã làm rồi, thì đừng vội mất điềm tĩnh, cũng đừng thuận theo người khác, đồng ý làm như vậy. Nếu khác với điều này thì sanh ra phiền muộn, cũng vì thế mà ân hận. Đối với các ngoại đạo như Ni-kiền xuất gia du hành và ở trong các loài trời rồng, Dạ-xoa, Kiền-thát-bà..., đều không nên tin theo.

*Tâm nên như kim cương
Thông suốt được các pháp
Tâm cũng nên như núi
Mọi chuyện không lay động.*

An trí tâm đó phải giống như kim cương, vì có tuệ lực nên có thể chịu được, trong các pháp thế gian và xuất thế gian, nếu tự tánh thông suốt như thật, thì đối với các sự việc tâm đó vẫn an nhiên tự tại. Cũng nên như núi lớn, tám loại pháp thế gian không thể nào lay động.

Vui thích pháp xuất thế

*Đừng vui theo thế gian
Tự nhận các công đức
Cũng nên khiến người nhận.*

Hoặc ngôn thuyết có khả năng xuất thế gian, hoặc tương ứng với Phật Pháp Tăng, hoặc tương ứng với sáu độ, hoặc tương ứng với địa Bồ-tát, hoặc tương ứng với địa Thanh văn, Độc giác, ở đấy nên dấy lên niềm vui thích. Hoặc có ngôn thuyết dựa theo pháp thế gian, tăng trưởng tâm thế gian, tương ứng cùng với tham-sân-si, trong ấy không nên vui thích. Nếu có những công đức thù thắng về tiếp nhận các học giới, hành hạnh đầu đà... và được những người tốt khen ngợi, được người nhận lấy, thì nơi những việc ấy đều nên tiếp nhận, cũng làm cho người khác nhận được công đức này.

*Tu năm giải thoát nhập
Tu mười tướng bất tịnh
Tám Đại trượng phu giác
Cũng thuận phân biệt tu.*

Ở đây, giải thoát nhập có năm loại:

1. Thuyết pháp vì người khác.
2. Tự mình thuyết pháp.
3. Tự mình đọc tụng pháp.
4. Đối với pháp, tùy giác, tùy quán.
5. Chọn lấy tùy theo tướng Tam-ma-đề thuộc loại nào.

Đây là năm pháp giải thoát nhập, cần phải nhớ tu tập. Mười tướng bất tịnh là nghĩ đến sự sinh trưởng, nghĩ đến làm ứ xanh đen, nghĩ đến thân nát rữa, máu mủ chảy, nghĩ đến nứt toác, nghĩ đến chim thú ăn, nghĩ đến rời ra từng mảnh, nghĩ đến phân tán khắp nơi, nghĩ đến máu me vung vãi, nghĩ đến thịt còn sót lại, nghĩ đến xương trắng. Đây là mười pháp tướng bất tịnh, nếu lúc tham phát sanh cần phải nhớ tu tập, căn bản là để đoạn trừ tâm tham dục. Tám sự giác ngộ của bậc Đại trượng phu cũng nên phân biệt tu: Ở đây có tám điều giác ngộ của bậc Đại trượng phu, đó là ít ham muốn là pháp, nhiều ham muốn là trái với pháp, đây là giác ngộ thứ nhất. Biết vừa đủ là pháp, không biết vừa đủ là trái với pháp, đây là giác ngộ thứ hai. Xa lìa là pháp, ồn náo hỗn loạn là trái với pháp, đây là giác ngộ thứ ba. Phát khởi tinh tấn là pháp, lười nhác là trái với pháp, đây là giác ngộ thứ tư. An trú trong niệm là pháp, quên mất niệm là trái với pháp, đây là giác ngộ thứ năm. Nhập định là pháp, không nhập định là trái với pháp, đây là giác ngộ thứ sáu. Trí tuệ là pháp, không có trí tuệ là trái với pháp, đây là giác ngộ thứ bảy.

Không vui với hý luận là pháp, vui với hý luận là trái với pháp, đây là giác ngộ thứ tám. Đó là tám điều giác ngộ của bậc Đại trượng phu, cần phải hiểu rõ điều ấy. Nhiều ham muốn... cho đến vui với hý luận là tám loại giúp cho tâm bất thiện, cần phải đoạn trừ.

Thiên nhĩ cùng Thiên nhãn

Thần túc, Tha tâm thông

Cho đến Túc mạng trụ

Nên tu năm thông tịnh.

Ở đây thiên nhãn, thiên nhĩ, ức niệm túc trú trí, tha tâm, thần túc, năm loại trí thông như vậy, cần phải tu tập.



LUẬN BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG

QUYỂN 6

Hỏi: Làm thế nào tu tập?

Đáp:

*Bốn thần túc làm gốc
Tâm dục tấn tư duy
Bốn vô lượng trú trì
Là Trì-Bi-Hỷ-Xả.*

Ở trong bốn vô lượng này, thường tiếp cận thực hành nhiều, nhất định tâm có thể kham nổi, tâm như thế thì đi vào Sơ thiền, Nhị thiền như vậy, Tam thiền như vậy, Tứ thiền như vậy. Người ấy đạt được bốn bậc thiền, đạt được thân tâm nhẹ nhàng thư thái. Vì lúc ấy thân tâm thư thái đầy đủ, nảy sinh đi vào đường thần thông, đi vào đường thần thông ấy tức sinh ra thần túc, đó gọi là vừa mong muốn vừa tinh tấn vừa tâm niệm vừa tư duy. Ở đây, mong muốn là hướng về pháp, tinh tấn là thành tựu pháp, tâm là quán sát tại pháp, tư duy là thiện xảo đối với pháp. Bồ-tát kia đối với thần thông vừa tin hiểu vừa có tác dụng, tâm đó tự tại, thực hành tùy theo ý muốn, vì khéo thành thực, nên do sự gìn giữ căn bản của chính nó mà các xứ thuận theo thực hành như gió khắp hư không. Tại đây, Bồ-tát đạt được bốn tâm vô lượng và bốn bậc thiền, vừa tin hiểu vừa có tác dụng, phát sinh ra Thiên nhãn. Nếu các chúng trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà..., hoặc là người học cho đến Thanh văn, Độc giác ở trong Thiên nhãn chỉ có lực tăng thượng, thì đối với Bồ-tát thanh tịnh hơn hẳn, sáng chói hơn hẳn, cao vút hơn hẳn và đặc biệt hơn hẳn, ánh mắt đó không bị ngăn ngại do sắc tướng to - nhỏ - xa - gần của thế gian, tùy theo ý muốn tất cả sắc tướng kia đều nhìn thấy được. Như vậy, nghe thấy âm thanh của các loài trời-người-súc sanh..., như thế là nhớ biết không giới hạn về đời kiếp trước, như thế là biết tâm người khác cùng với những ý niệm tham dục cho đến tám vạn bốn ngàn sai biệt,

như thế là đạt được vô lượng thần túc không thể nghĩ bàn. Do đạt được thần túc, nên những chúng sanh nào cần phải điều phục thì đều khiến được điều phục.

*Bốn giới như rắn độc
Sáu nhập như thôn vắng
Năm chúng như kẻ giết
Nên quán sát như vậy.*

Luôn luôn mê lầm theo các nhân duyên thọ dụng dục lạc vốn có, tuy là có bảo vệ, nghỉ ngơi, nuôi lớn lên, nhưng bốn đại chủng như đất-nước-lửa-gió này lại nhanh chóng phát động, không biết đến ân nuôi sống, không thể nương nhờ, không thể tin cậy được, cần phải quán sát giống như rắn độc, vì không có người chủ, vì xa rời ngã và ngã sở. Các nhập là nhãn-nhĩ-tỷ... có sáu thứ giặc cướp, bức bách não hại rất đáng sợ, cần phải quán sát giống như thôn làng trống vắng, vì chúng cùng tập trung với hoàn cảnh khác để phá hoại không thể ngăn được, giống như kẻ tìm cách giết hại, đối với năm thọ uẩn, cần phải từng ngày từng ngày quán sát như vậy.

*Trọng pháp cùng pháp sư
Bỏ tâm bỏn sẻn pháp
Thầy dạy đừng giữ mặt
Người nghe chớ tán loạn.*

Ở đây có bốn loại pháp, có thể nảy sanh đại trí, cần phải tiếp nhận áp dụng. Đối với pháp và pháp sư cần phải tôn trọng, cũng xả bỏ tâm keo kiệt đối với pháp, thuận theo pháp đã được nghe cứ thế thường xuyên đọc tụng, giảng giải rộng cho người khác biết.

Nếu có người vui mong với pháp, thầy dạy đừng vì thế mà khoan tay tiếc rẻ giữ kín, người nghe chớ phân tâm tán loạn, đó gọi là không có ham muốn gì khác.

*Không mạn, không trông mong
Chỉ vì tâm thương xót
Ý tôn trọng cung kính
Vì mọi người nói pháp.*

Lại có bốn loại pháp, là tướng của bậc đại trí, cần phải tiếp nhận áp dụng, đó là xa lìa tâm tự cao khinh thường người khác, vì không có kiêu mạn. Nên xả bỏ sự lợi dưỡng, cung kính và danh tiếng, vì không có tâm niệm mong muốn. Nên đối với vô minh ám chướng trong chúng sanh chỉ vì lòng thương xót, nên tôn trọng cung kính nói pháp cho họ biết. Do bốn loại pháp này, nên Bồ-tát có đầy đủ đại trí, cần phải tiếp

nhận áp dụng.

*Nghe không hề chán đủ
Nghe rồi đều trì tụng
Không đối ruộng phước kính
Cũng khiến thầy hoan hỷ.*

Nghe nhiều không chán, nghe rồi giữ gìn pháp, giữ gìn pháp nên thuận theo pháp thực hành. Không lừa dối bậc ruộng phước tôn kính, cũng làm cho thầy dạy pháp này hoan hỷ, thì tâm Bồ-đề không quên mất nhân tố ban đầu.

*Không nên xét nhà người
Tâm mang sẵn cúng dường
Chớ nên nêu vấn nạn
Tập tụng kinh sanh đời.*

Không nên vì nhân duyên cung kính cúng dường mà quán xét nhà cửa người, ngoại trừ vì xây dựng mối nhân duyên cho tâm Bồ-đề. Cũng không nên vì ham muốn vấn nạn luận điểm của đối phương mà luyện tập học hỏi các luận thuyết của thế gian, ngoại trừ vì nhân duyên đa văn.

*Đừng vì quá giận dữ
Hủy báng các Bồ-tát
Pháp chưa nhận-chưa nghe
Cũng chớ sanh hủy báng.*

Vì sao? Vì bảo vệ cho nhân duyên của pháp thiện nối tiếp phát sanh.

*Đoạn trừ tâm kiêu mạn
Nên trú bốn Thánh chủng
Chớ hiềm nghi với người
Cũng đừng đề cao mình.*

Người đoạn trừ tâm kiêu mạn, ở trong các chúng sanh, nên hạ tâm xuống như loài chó mèo để đoạn trừ ngã mạn. Ở trong bốn Thánh chủng, đơn giản, tiết kiệm vừa đủ cơm ăn, áo mặc, giường chiếu, thuốc thang và sống đời bình thường biết đủ, đối với Thánh chủng kia, không nên hiềm nghi người khác, cũng không nên tự đề cao mình.

*Nếu thật không thật phạm
Không được phát giác người
Đừng tìm sai lầm người
Tự mình lỗi, nên biết.*

Người ấy cùng chung phạm hạnh mà phạm lỗi, nếu như thật sự

hoặc là không thật, đều không nên phát giác. Người ấy có sai lầm không nên soi mói tìm kiếm, chỉ đối với lầm lỗi của mình cần phải hiểu và biết rõ.

*Đức Phật, giáo pháp Phật
Không phân biệt, nghi ngờ
Pháp tuy tin khó nhất
Trong đó nên tin thuận.*

Đối với đức Phật không nên phân biệt, vì Đức Thế Tôn đầy đủ pháp chưa từng có, đối với pháp Phật cũng không nên nghi ngờ, vì là pháp bất cộng đối với các chúng sanh. Ở trong pháp Phật khó tin nhất, vì để đạt tâm thanh tịnh sâu xa, phải nên tin tưởng pháp Phật.

*Tuy chết vì lời thật
Thối mất Chuyển luân vương
Đến Thiên vương cõi trời
Chỉ nên nói chân thật.*

Nếu Bồ-tát vì lời nói chân thật, hoặc bị đoạt lấy mọi vật, hoặc là chết đi, dù rời bỏ ngôi vị Chuyển luân vương và Thiên vương cõi trời, cũng chỉ thuận theo lời nói chân thật, huống hồ là những gì còn lại mà không thể nói lời chân thật?

*Đánh mắng, dọa giết, trói
Trợn không oán trách người
Đều là tội mình chịu
Nghiệp báo nên xảy ra.*

Có những người khác đến đánh mắng, đe dọa giết hại, trói buộc giam giữ, đều là tội lỗi của mình nên đã xảy ra điều ấy, hoàn toàn không oán giận người, đây là nghiệp của mình đã làm từ đời trước, lúc này trở lại gánh chịu các quả báo hậu như chẳng thích. Các chúng sanh kia đều không có tội gì, chỉ là tội lỗi do nghiệp báo của mình đã hiện rõ, nên phải có các thứ ấy.

*Nên hết sức tôn kính
Phụng dưỡng đối cha mẹ
Cúng dường hầu Hòa thượng
Cung kính A-xà-lê.*

Đối với cha mẹ mình, phải hết sức thương yêu và phụng dưỡng rất mực tôn trọng, nên nghĩ như trời đất, thuận theo ý cha mẹ làm cho họ được vui lòng, xa rời tâm dua nịnh dối trá. Lại nên cung kính, chu cấp hầu hạ các bậc Hòa thượng, A-xà-lê, thuận theo pháp đã nói từ các bậc Hòa thượng, A-xà-lê tu hành thanh tịnh, không có gì bí mật bên trong,

đều là hóa hiện ở bên ngoài.

*Vì tin thừa Thanh văn
Cho đến thừa Độc giác
Nói pháp sâu xa nhất
Là Bồ-tát sai lầm.*

Bồ-tát trong này có bốn hạng Bồ-tát sai lầm, cần phải xa rời, đó là đối với các chúng sanh trong thừa Thanh văn, thừa Độc giác, vì họ nói về pháp sâu xa bậc nhất, là sai lầm của Bồ-tát.

*Vì tin sâu Đại thừa
Giảng nói cho chúng sanh
Thừa Thanh văn, Độc giác
Đây cũng là sai lầm.*

Ở trong các chúng sanh tin sâu vào Đại thừa, vì họ giảng nói về thừa Thanh văn và thừa Độc giác, là sai lầm của Bồ-tát.

*Người trên cầu giáo pháp
Chậm, hoãn, không giảng nói
Lại thâm nhận điều ác
Ủy nhiệm người không tin.*

Nếu có chúng sanh đích thực là bậc lớn, lúc đến có những mong cầu, nên lập tức nói pháp thiện cho họ, nhưng lại chậm hoãn, còn những kẻ hành pháp ác phá giới lại thâm nhận họ, là sai lầm của Bồ-tát. Người ở trong Đại thừa chưa có niềm tin và sự hiểu biết, chưa dùng bốn nhiếp sự để thành thực, tin tưởng ủy nhiệm cho họ, là sai lầm của Bồ-tát. Như vậy là bốn loại sai lầm, nên nhận biết là nên tránh.

*Rời bỏ xa sai lầm
Nói công đức đầu đà
Nơi ấy nên nghĩ biết
Cũng đều nên quen gần.*

Trong này, đã nói về bốn loại sai lầm, cần phải rời bỏ và tránh xa, vì điều này nên không đến gần Bồ-đề. Như đã nói trong thừa Thanh văn, Độc giác có công đức đầu đà và những công đức khác, nhưng biết những người ấy không thể làm chướng ngại cho Bồ-đề, ở những nơi ấy, cũng thuận theo gần gũi, luyện tập.

*Tâm nói pháp bình đẳng
Bình đẳng khéo an lập
Cũng khiến tương ưng thực
Các chúng sanh không khác.*

Đây là bốn loại đạo Bồ-tát, cần phải gần gũi luyện tập. Như thế

nào là bốn loại? Đó là trong các chúng sanh khởi tâm bình đẳng, trong các chúng sanh nói pháp bình đẳng, trong các chúng sanh khéo an lập bình đẳng, trong các chúng sanh khiến đích thực tương ứng. Những loại này đều không có gì sai khác. Đây là bốn loại đạo Bồ-tát.

*Vì pháp không vì lợi
Vì đức không vì danh
Mong chúng sanh thoát khổ
Không mong vui cho mình.*

Bốn hạng Bồ-tát chân thật ấy, cần phải biết rõ. Như thế nào là bốn hạng? Đó là chỉ vì đối với giáo pháp không vì tài lợi, chỉ vì công đức không vì danh tiếng, chỉ mong chúng sanh thoát khỏi đau khổ, không mong niềm an vui cho chính mình.

*Ý mật cầu nghiệp quả
Việc tạo phước đã sanh
Cũng vì thành thực chúng
Rời bỏ việc riêng mình.*

Nếu đối với nghiệp quả mật ý mong cầu dục, thực hiện ba việc phước đức, lúc phước đức này phát sanh, chỉ vì Bồ-đề tạo lợi lạc cho chúng sanh, cũng chỉ vì Bồ-đề thành thực chúng sanh, vì lợi ích chúng sanh nên rời bỏ sự nghiệp riêng mình. Đây là bốn hạng Bồ-tát chân thật.

*Gần gũi tri thức thiện
Là pháp sư, Đức Phật
Khuyến khích người xuất gia
Cho đến hạng cầu xin.*

Đây là bốn hàng tri thức thiện của Bồ-tát, cần phải thân cận. Như thế nào là bốn hàng? Đó là pháp sư là tri thức thiện của Bồ-tát, vì giúp giữ gìn Văn tuệ. Đức Phật là tri thức thiện của Bồ-tát, vì giúp giữ gìn các pháp Phật. Người khuyến khích xuất gia là tri thức thiện của Bồ-tát, vì giúp giữ gìn các thiện căn. Người cầu xin là tri thức thiện của Bồ-tát, vì giúp giữ gìn tâm Bồ-đề. Bốn hàng tri thức thiện của Bồ-tát này, cần phải thân cận.

*Dựa vào luận thế gian
Chuyên cầu vật thế gian
Tin hiểu thừa Độc giác
Cho đến thừa Thanh văn.*

Đây là bốn loại tri thức ác của Bồ-tát, cần phải biết điều ấy. Như thế nào là bốn loại? Đó là loại học thuyết thế gian, vì gần gũi luyện tập

các thức biện tài hỗn tạp. Loại thuộc về tài vật thế gian, vì không thuộc về giáo pháp. Loại thừa Độc giác, vì ít chính nghĩa và lợi ích chung, ít thực hiện trách nhiệm. Loại thừa Thanh văn, vì làm lợi riêng cho bản thân mình.

*Bốn loại tri thức ác
Bồ-tát nên biết rõ
Lại có người mong cầu
Là bốn bậc Đại tạng.*

Như trước đã nói về bốn loại tri thức, là tri thức ác biết rồi nên xa rời. Lại có người thỏa mãn mong cầu đạt được, đó gọi là bốn bậc Đại tạng.

*Phật hiện nghe các Độ
Cho đến các pháp sư
Thấy tâm không ngại ngại
Vui ở nơi tĩnh lặng.*

Đây là bốn thứ Đại tạng của Bồ-tát, cần phải đạt được như thế. Như thế nào là bốn bậc? Đó là phụng sự chư Phật xuất thế, nghe thấy sáu Ba-la-mật. Dùng tâm vô ngại hưởng về pháp sư, dùng tâm không buông thả vui ở những nơi trống vắng lặng yên. Đây là bốn thứ Đại tạng của Bồ-tát, cần phải đạt được như thế.

*Đất, nước, gió, lửa, không
Điều tương tự cùng mình
Tất cả xứ bình đẳng
Lợi ích các chúng sanh.*

Cùng với các loại đất nước gió lửa và hư không, có hai nhân duyên giống như Bồ-tát, cần phải tiếp nhận gìn giữ. Đó gọi là bình đẳng và lợi ích. Như bốn đại chủng là đất-nước-gió-lửa và hư không là năm loại, ở trong các loại có tâm, không có tâm, tất cả mọi nơi đều bình đẳng, không có tướng nào khác. Các loại chúng sanh luôn sử dụng để giúp đỡ cho mình, nhưng không hề thay đổi, không cầu mong đền ân, mình cũng như vậy, cho đến cuối cùng ngôi nơi tòa giác ngộ, vì sự sử dụng để giúp đỡ cho các chúng sanh, không hề thay đổi, không cầu mong báo ân.

*Nên theo tư duy nghĩa
Phát sanh Đà-la-ni
Với người lắng nghe pháp
Đừng tạo những chướng ngại.*

Nghĩa là nghĩa lý của Đức Phật đã giảng giải. Đối với nghĩa lý ấy nên khéo tư duy, như cùng nhau trò chuyện, hoặc là ở một mình, suy

ngĩ nên làm như vậy. Lại an trú trong giới cấm để tâm ý luôn thanh tịnh, chăm chỉ, trong sáng nên phát sanh đạt tới mức nghe được các thần chú (Đà-la-ni) như chủ biển, chủ bạc. Lại đối với những người lắng nghe pháp, đừng vì nhân duyên nhỏ làm thành chướng ngại, khiến xa rời pháp và phát sanh tai họa.

Phiền não nên điều phục

Việc nhỏ bỏ không sót

Tám sự do lười nhác

Cũng đều phải đoạn trừ.

Trong phiền não có thể điều phục được, có chín loại sự việc làm cho phiền não, đó là việc đã làm, đang làm, sẽ làm, đối với mình trở thành không lợi ích, đây là ba loại, việc đã làm, đang làm, sẽ làm. Đối với người thân yêu của mình trở thành không lợi ích, lại là ba loại, việc đã làm - đang làm - sẽ làm. Đối với người mình ghét, trở thành ích lợi, lại là ba loại. Những loại này đều là việc dấy lên phiền não. Từ trong chín loại sự việc phiền não ấy, nên tự mình điều phục. Việc nhỏ bỏ đi không còn gì, ở đây có hai mươi loại việc nhỏ, đó là:

1. Bất tín (Không tín).
2. Vô tâm (Không hổ).
3. Siểm huyễn (Dua nịnh dối gạt).
4. Trạo cử.
5. Loạn động.
6. Phóng dật.
7. Hại.
8. Vô quý (Không thẹn).
9. Giải đãi (Biếng trễ).
10. Ưu (Ưu sầu).
11. Hôn trầm.
12. Thùy miên (Ham ngủ nghỉ).
13. Hận.
14. Phú.
15. Tật.
16. Kiên.
17. Cao.
18. Phẫn.
19. Hối.
20. Muộn (Phiền muộn).

Hai mươi loại tiểu sự như vậy, đều nên bỏ hết không còn gì. Tám

loại sự việc biếng nhác... cũng đều nên đoạn trừ tất cả. Đó là:

1. Mình muốn làm công việc, lúc bắt đầu làm thì nằm yên, không thể tinh tấn.
2. Mình làm công việc xong.
3. Mình ở tại đường đi.
4. Mình đi hết đường.
5. Mình cảm thấy thân thể mệt mỏi, không thể nào hành tác.
6. Thân mình nặng nề, không có khả năng làm việc.
7. Mình đã phát sanh bệnh tật.
8. Bệnh mình có thể không bao lâu sẽ khỏi, bắt đầu làm thì nằm yên, không thể khiến tinh tấn.

Vì những nguyên nhân này, nên điều cần đạt được không thể nào đạt được, nơi nên đến lại không thể nào đến, quả vị nên chứng đắc lại không thể nào chứng đắc. Trong tám loại sự biếng nhác như vậy, để làm cho đoạn trừ hết, cần phải phát khởi tinh tấn.

Đừng dấy tham không phận

Tham tràn không vừa ý

Xa rời đều khiến hợp

Chẳng hỏi thân không thân.

Nếu thấy chúng sanh có đầy đủ lợi dưỡng, danh tiếng, yên vui, mọi người ca ngợi và nhiều phước đức, từ trong phước đức đầy đủ kia, đừng dấy lên tâm tham không yên phận, vì dấy lên tâm tham không yên phận thì không sao vừa ý được, nên điều ấy không thể tùy ý xảy ra. Lại từ trong tất cả mọi thứ đã cạnh tranh, ly tán, phá hoại nhau, bất kể thân hay không, đều khiến cho hòa hợp, một lòng thương yêu nhau.

Đối không đạt được không

Người trí không dựa hành

Nếu sẽ được tại không

Ác kia vượt thân kiến.

Dựa vào không để trừ dứt sự tích tụ quá lớn về vô trí. Người trí tuệ đừng dựa vào sự đắc không mà hành. Nếu dựa vào chỗ đạt được không mà hành, thì đối với người có thân kiến, khó chữa trị vượt qua, niêm ác cũng vượt qua. Vì các kiến hành căn cứ vào không mà lìa, nếu đắm vào chỗ chấp về không thì cái thấy ấy không thể nào chữa trị, lại không có cách nào làm cho rời xa.

Quét bụi và trang nghiêm

Cùng nhiều loại nhạc trống

Vật cúng dường, hương hoa

Cúng dường tháp miếu Phật.

Đối với tháp thờ Như Lai và nơi hình tượng Ngài, quét dọn sạch sẽ bụi đất và dùng hương hoa tốt đẹp chưng bày, đốt hương, xông trầm, lọng báu, cờ phướn..., cùng với những vật dụng cúng dường trang nghiêm, để lúc thực hiện cúng dường, đạt được sự uy nghiêm và giới hương tự tại. Dùng các loại nhạc cụ cúng dường như tù và, sáo địch, không hầu, trống cơm, trống đại, vỗ tay như sấm động, để đạt được thiên nhĩ.

Làm các loại đèn lồng

Cúng dường tháp điện Phật

Bố thí dù, giày da

Các phương tiện ngựa, xe...

Trong tháp điện thờ Phật, nên dùng các loại hương hoa, đèn nến tốt đẹp để thực hiện sự cúng dường, vì để đạt được Phật nhãn. Bố thí các loại dù lọng, giày da, voi ngựa, xe cộ và các phương tiện đi lại..., vì để đạt được thần thông vô thượng của Bồ-tát đi lại không khó khăn.

Thuận theo vui thích pháp

Vui được biết tin Phật

Vui mừng cúng dường Tăng

Cũng vui Chánh pháp.

Bồ-tát ở đó luôn thuận theo niềm vui đối với pháp như vậy, không vui thích phước lạc của năm dục, nên biết rõ lợi ích đã đạt được từ niềm tin đối với Phật, không chỉ là niềm tin vui thấy được đối với sắc thân. Hương về Tăng chúng dùng các loại nhạc cụ thường vui để cúng dường, không chỉ là vui hưởng đến thăm hỏi sức khỏe, luôn thích được nghe pháp, không lúc nào chán đủ, không chỉ là vui trong chốc lát được nghe những pháp đó.

Trong đời trước không sanh

Trong hiện tại không trú

Trong tương lai không đến

Quán các pháp như vậy.

Vì lực nhân duyên hòa hợp, và vì từ trước tới nay không hề có, trong đời trước không sanh vì từng niệm từng niệm tiêu tan và vì không dừng lại. Trong đời hiện tại không dừng vì mất đi không còn, và vì không có gì đến hay đi. Trong đời vị lai không đến. Nên quán sát các pháp đều như vậy.

Việc tốt cho chúng sanh

Không mong cầu đền đáp

Nên một mình chịu khổ

Không riêng thọ hưởng vui.

Bồ-tát đối với các chúng sanh, nên lấy việc tốt đẹp tạo lợi lạc cho họ, bản thân mình không mong muốn những chúng sanh ấy đền trả, và các chúng sanh có vô lượng sự khổ, mình đơn độc thay họ chịu đựng. Mình có những niềm vui, tặng cho các chúng sanh, tiếp nhận sử dụng để đạt an vui hơn.

*Tuy đủ phước cõi trời
Tâm không dấy, không mừng
Tuy nghèo như ngọc quý
Cũng không hạ không buồn.*

Tuy ở trong phước báo đầy đủ và to lớn của cõi trời, nhưng tâm không dấy lên mừng vui và dâng cao. Tuy là ngọc quý bản cùng, phiền muộn bức bách, đời sống ấy là khó khăn nhất, nhưng không nên sanh tâm thấp kém, lại cũng không nên buồn rầu, hướng hồ làm người bản cùng.

*Nếu có người đã học
Nên hết sức tôn trọng
Chưa học khiến vào học
Không sanh ý khinh miệt.*

Nếu có chúng sanh đã học, đối với họ nên khởi tâm tôn trọng hết mực. Nếu chúng sanh chưa học nên làm cho họ tham gia học hỏi, cũng không nên khinh miệt xa rời họ.

*Cung kính người giới đủ
Phá giới khiến giữ giới
Thân cận người đủ trí
Người ngu khiến đượ trí.*

Người giới luật đầy đủ cần phải thường xuyên thăm hỏi, chấp tay vái chào cung kính với những bậc ấy, cũng nên vì họ nói về phước của giữ giới. Nếu người phá giới nên khiến họ đi vào giới luật, cũng nên vì họ nói về tội của phá giới. Nếu như người trí tuệ đầy đủ, phải nên thân cận, cũng nên vì họ hiển hiện đức của trí tuệ. Người ngu tối nên làm cho họ đạt được trí tuệ, cũng nên vì họ nói rõ về sai lầm của ngu si.

*Khổ lưu chuyển nhiều loại
Sanh lão tử đường ác
Không sợ những khổ này
Hàng ma ác, trí ác.*

Bồ-tát ở trong lưu chuyển có rất nhiều loại, như những khổ về sanh lão bệnh tử ưu bi bức bách, như những đường ác địa ngục, ngọc quý,

súc sanh, A-tu-la... Không nên sợ hãi, chỉ nên làm cho ma ác, trí ác phải hàng phục.

*Cõi nước của chư Phật
Tích tụ các công đức
Vì đạt được thành tựu
Cần phát nguyện, tinh tấn.*

Khấp mười phương có vô lượng cõi nước của chư Phật, hoặc là cõi Phật đầy đủ, hoặc là cõi Phật trang nghiêm, hoặc nghe được từ chư Phật, Bồ-tát, hoặc tự mình nhìn thấy cõi đó, các cõi nước ấy đều tích tụ vô lượng công đức thù thắng, đều khiến cho những cõi nước ấy đi vào được trong cõi Phật của mình, cần phải phát nguyện như vậy. Tùy theo nguyện đã phát ra theo đó thành tựu, cũng nên tinh tấn tu hành như vậy.

*Luôn hướng về các pháp
Không giữ mà hành xả
Đây vì các chúng sanh
Nhận gánh vác việc cần.*

Vì giữ lấy nên khổ đau, không giữ lấy nên an vui. Dấy lên ý niệm này, luôn đối với các pháp không giữ lấy mà lại xả bỏ. Tuy không lấy mà lại bỏ, nếu như lúc trước đây vì hướng đến Bồ-đề, khởi lên nguyện vọng được gánh vác chúng sanh, người chưa hóa độ tôi sẽ hóa độ, người chưa giải thoát tôi sẽ giải thoát, người chưa đạt Niết-bàn tôi sẽ tạo Niết-bàn cho họ. Đây là nguyên nhân cần phải gánh vác vì chúng sanh.

*Chánh quán từ các pháp
Không có ngã, ngã sở
Đừng bỏ tâm đại bi
Cùng với tâm đại từ.*

Nói các pháp không gì vốn có, vì như giấc mộng, như huyễn dối. Các pháp không có ngã, không có ngã sở là nguyên cơ quán về vô tướng, như vậy là theo nghĩa tối thắng về pháp. Lúc quán sát tướng này, đối với chúng sanh cũng không mất tâm đại bi và tâm đại từ. Như vậy càng gấp bội xứng với lời ca ngợi đặc biệt: Kỳ diệu thay! Các chúng sanh kia bị ngu si ám muội che phủ, chấp vào ngã và ngã sở, ở trong nghĩa tối thắng của đạo pháp này mà không biết được là đang ở thời gian nào? Vì khiến cho các chúng sanh kia vào trong nghĩa tối thắng của đạo pháp được giác ngộ, nên đối với họ không mất tâm đại bi và lòng đại từ vô lượng.

Vượt hơn các cúng dường

*Là cúng dường Như Lai
Phải thực hiện thế nào?
Đó là cúng dường pháp.*

Nếu có người dùng các lễ vật cúng dường, dâng lên cúng dường các bậc Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát và chư Phật, đó là hoặc dùng các thứ hoa hương quý báu, trầm hương, đèn lồng để cúng dường, hoặc dùng các loại lọng báu cờ phướn để cúng dường, hoặc dùng các thứ âm nhạc để cúng dường, hoặc dùng các loại thuốc quý, đồ ăn thức uống bậc nhất để cúng dường. Nếu như muốn vượt hơn các cách cúng dường ấy để cúng dường chư Phật, lại phải như thế nào? Đáp: Đó gọi là cúng dường pháp.

Cúng dường ấy lại có tướng gì?

*Nếu giữ tạng Bồ-tát
Đạt được Đà-la-ni
Vào cõi nguồn sâu xa
Chính là cúng dường pháp.*

Ở đây, nếu tương ứng với tạng Bồ-tát, là Như Lai đã thuyết giảng các kinh điển rất sâu xa, rõ là ngược với các luận thuyết của thế gian, khó đạt được ngọn nguồn của giáo pháp ấy, nghĩa lý vi tế khó thấy được, dùng kinh Tổng trì vương chứng nghiệm phù hợp được điều ấy. Nhân bất thoái chuyển sanh từ sáu Độ, khéo thấu gồm những gì cần phải thấu gồm, lần lượt đi vào pháp trợ Bồ-đề hợp với tánh chánh giác. Đi vào các Đại bi nói về Đại từ, xa rời cái thấy của ma, khéo giải thích về duyên sanh, đi vào không có chúng sanh, không có phần mạng, không có nuôi lớn, không có con người, tương ứng với Không - Vô tướng - Vô nguyện. Ngồi nơi tòa giác ngộ chuyển pháp luân, được các loài Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà hết lời ca ngợi, độ cho hàng tại gia, thấu phục các bậc Thánh nhân, diễn nói các hạnh Bồ-tát, đi vào các biện tài Pháp, Nghĩa, Từ, Nhạo thuyết... Làm chấn động với những âm thanh Vô thường - Khổ - Không - Vô ngã, làm kinh hãi các chấp trước về kiến thức của các ngoại đạo. Chư Phật đã khen ngợi là người đối trị được lưu chuyển, chỉ bày niềm vui Niết-bàn. Các kinh điển như vậy nếu giảng nói hoặc là chấp trì, quán sát tiếp nhận để áp dụng, gọi là cúng dường pháp. Vả lại, cúng dường pháp ấy đạt đến nơi không còn thoái lui thuận theo hành tổng trì, ở trong pháp sâu xa tương ứng với Không - Vô tướng - Vô nguyện, đi vào đến tận cùng nơi ấy, không lay động, không nghi ngại. Đây gọi là cúng dường Pháp trong nghĩa tối thắng.

Cần phải dựa vào nghĩa

*Đừng yêu thích tạp vị
Trong đạo pháp sâu xa
Khéo vào chỗ buông lung.*

Cúng dường pháp, nếu ở trong pháp tư duy về pháp, thực hành theo pháp, tùy thuận duyên sanh, xa rời các biên kiến và kiến thủ, nhất định không ra ngoài nhãn vô sanh và đi vào vô ngã. Ở trong nhân duyên không trái ngược, không tranh chấp, xa rời ngã và ngã sở. Nên dựa vào nghĩa lý, đừng dong ruổi theo ý vị câu chữ traу chuốc lẫn lộn. Nên dựa vào trí, đừng dựa vào thức. Dựa vào kinh hiểu rõ nghĩa lý, đừng đắm vào nghĩa lý không rõ ràng và ngôn từ thế tục. Nên dựa vào pháp, đừng chọn lấy cách nhìn của người. Nên tùy thuận pháp hành như thật đi vào xứ vô trú. Khéo quán sát Vô minh - Hành - Thức - Danh sắc - Lục nhập - Xúc - Thọ - Ái - Thủ - Hữu - Sanh, Lão tử ưu bi khổ não vây hãm cùng cực, thấy đều vắng lặng không còn. Như vậy, quán sát duyên sanh đã khiến sanh khởi vô tận, vì nghĩ thương chúng sanh, nên không chấp vào những cái thấy, không làm điều phóng dật. Nếu luôn như vậy, mới có thể gọi là cúng dường pháp không gì hơn.

*Như vậy tư lương này
Hằng sa các đại kiếp
Người xuất gia, tại gia
Thành tựu quả Chánh giác.*

Như trước đã nói về tư lương từ trong Hằng hà sa vô lượng đại kiếp, chúng xuất gia và chúng tại gia thuộc thừa Bồ-tát, trải qua thời gian dài đầy đủ hạnh nguyện, được thành tựu quả vị Chánh giác.

*Kết tụng tư lương kia
Để tư duy Bồ-đề
Nghĩa tư lương không thiếu
Có thể biết nơi tụng.
Nay tôi giải thích tụng
Đối nghĩa có thêm bớt
Khéo giải thích nghĩa tụng
Bậc Hiền trí hãy xét.
Giải thích tụng tư lương
Những phước thiện đã làm
Vì chúng sanh lưu chuyển
Sẽ được Chánh Biến Giác.*

Luận Bồ Đề Tư Lương do Thánh giả Long Thọ soạn thuật. Tôi là Tỳ kheo Tự Tại giải thích xong.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

LUẬN BỒ ĐỀ TÂM
LY TƯỚNG

SỐ 1661

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1661

LUẬN BỒ ĐỀ TÂM LY TƯỚNG

Bồ-tát Long Thọ tạo.

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ

Quy mạng chư Phật trong ba đời, nay con lược nói về nghĩa của tâm Bồ-đề. Thành tâm đánh lễ tâm Bồ-đề ấy, như người lính dũng cảm nắm binh khí thù thắng, nghĩa của tâm Bồ-đề cũng như vậy. Nhưng tâm Đại Bồ-đề ấy, hết thấy ba đời mười phương chư Phật, các vị Đại Bồ-tát, đều dựa vào đó phát khởi tâm Bồ-đề này, con phát tâm Bồ-đề cũng như vậy. Những thành tựu cho đến ngôi nơi tòa Bồ-đề đạt được quả vị Chánh giác, đều là nhờ tâm kiến cố. Hơn nữa, tâm Bồ-đề này là môn hạnh tổng trì của các vị Bồ-tát. Quán tưởng như vậy, phát sanh như vậy, nay con ca ngợi nói về tâm Bồ-đề ấy, để làm cho tất cả chúng sanh dứt khổ luân hồi, người chưa được độ khiến tất cả được độ, người chưa giải thoát khiến được giải thoát, người chưa an ổn khiến được an ổn, người chưa đạt Niết-bàn khiến đạt được Niết-bàn. Vì muốn đầy đủ trọn vẹn hạnh nguyện tốt đẹp như vậy, nên dựa vào chánh thể an lập tự tướng, đi vào quán xét chân thật đệ nhất nghĩa. Tâm Bồ-đề ấy tự tướng là vô sanh, vì vậy nay nói rõ, tâm Bồ-đề đã nói ấy, xa lìa tất cả các tánh.

Hỏi: Trong này vì sao nói là xa rời tất cả các tánh?

Đáp: Đó là uẩn, xứ, giới, xa rời các sự lấy bỏ. Pháp vô ngã và bình đẳng, tự tâm xưa nay không sanh, tự tánh vốn rộng lặng. Trong này vì sao nói ngã, uẩn đều có những biểu hiện rõ, nhưng tâm phân biệt hiện tiền là vô thể? Vì vậy nếu luôn hiểu rõ tâm Bồ-đề ấy, thì có thể an trú trong tướng không của các pháp. Vả lại, luôn hiểu rõ được tâm

Bồ-đề ấy, dùng tâm Bi quán Đại bi làm Thể, như vậy nên ở trong các uẩn không có tướng ngã có thể đạt được. Có các ngoại đạo, dấy lên các hành chẳng tương ứng, chấp tướng phân biệt nói là các uẩn có chẳng phải là pháp vô thường, nhưng thật thì không phải tướng ngã kia có thể đạt được. Các pháp được nhận giữ trong tánh chân thật, không thể chấp thường cũng chẳng phải là vô thường. Ở trong ngã, uẩn, tên gọi hãy còn không có thật, huống hồ lại có tạo tác và các phân biệt? Nếu nói có một pháp cho đến có các pháp, người nói như vậy, đó là tâm thế gian chuyển đổi theo hành tướng thế gian, tâm đó chẳng phải là tương ứng, là hành tướng thường. Nghĩa lý này không đúng. Vì vậy nên biết các pháp là vô tánh. Như ở trong, như ở ngoài, không thể phân biệt được. Người kia luôn chấp vào tâm nhưng có nhân gì? Nói là không thể xa rời, tùy theo tướng thế gian. Hoặc là nhân hay là tướng, cả hai loại này không có khác nhau, đây chính là chẳng phải thường cũng không phải là chấp, nên biết tâm tánh không thể chấp thường, vì vậy tánh vô thường ấy là thường. Nếu biết tánh ấy là vô thường, phải làm những gì, sanh ra từ đâu để giữ lấy các tướng của ngã? Nếu lìa thế gian thì ở trong uẩn không có chướng ngại, hoặc là xứ hay là giới hiểu rõ cũng như vậy. Hai pháp thủ, xả sẽ không thể đạt được.

Trong này nói về uẩn, nghĩa là sắc, thọ, tưởng, hành và thức, đây là nói để những người Thanh văn đối với năm uẩn tìm hiểu được tốt hơn. Lại nên biết điều này: Sắc giống như bọt nước tụ lại, thọ giống như bóng nước trôi nổi, tưởng giống như dợn nắng. Hành giống như thân cây chuối, thức giống như người huyễn. Nghĩa về năm uẩn này, Đức Thế Tôn vì các Bồ-tát nên tuyên thuyết như vậy.

Gọi là sắc uẩn, nay lược chỉ ra tướng đó, nghĩa là bốn đại chủng và những gì do bốn đại tạo ra, gọi là sắc uẩn, còn không phải sắc, chính là ba loại thọ, tưởng và hành còn lại. Các giáo pháp nên biết, thức uẩn, hành, tướng như sau sẽ nói.

Trong này nói xứ, nghĩa là những nơi chốn của căn bên trong, những xứ sở của sắc bên ngoài, ở đây nói là mười hai xứ.

Ở đây nói giới, nghĩa là các cảnh giới của nhãn căn, các cảnh giới của nhãn thức, các cảnh giới của sắc, tức là mười tám giới. Như vậy, uẩn, xứ, giới nếu lìa các sự lấy, bỏ thì không có phương, không có phần, không thể nào phân biệt. Phân biệt nhìn thấy điều ấy thì nghĩa không phải như vậy. Thuận theo khởi lên phân biệt thì có những chấp trước. Điều ấy lại như thế nào mới có thể tương ứng? Nếu như có một tướng thấy ở ngoài nghĩa ấy, nên biết đấy là đã bị chuyển đổi của trí

phá hoại. Ý nuôi lớn sắc là nghĩa thế nào? Nên biết như vậy là chẳng phải một, chẳng phải khác. Có các ngoại đạo như hạng Ba-lý-một-la-nhã-ca, thuận theo các thứ thấy khác nhau khởi lên ba phân biệt, nghĩa này không phải như vậy. Như người trong giấc mộng tạo ra sự giết hại, nhưng hành tướng người kia đã làm là không có thật. Lại như người mơ thấy ở địa vị cao nhất, nhưng hành tướng người kia cũng không phải là tốt đẹp nhất. Nghĩa này như thế nào? Đó là vì ánh sáng của thức phá trừ tướng lấy, bỏ. Thức và pháp như vậy còn có nghĩa gì khác? Vì vậy các pháp không có nghĩa gì khác, nên biết tất cả các sắc tướng đã biểu lộ, từ ánh sáng của thức chiếu rọi vào sắc tướng, như người nhìn thấy thành trì Càn-thát-bà huyền hóa, thấy dợn nắng sóng nắng kia dẫn đến cho là thật. Những người không có trí dùng tâm ngu si chấp trước, nhìn các sắc cho là thật có cũng lại như vậy, do ngã chấp này nên tâm theo đây chuyển đổi. Như trước đã nói về nghĩa của uẩn, xứ, giới, nên biết xa rời các phần sai biệt, chỉ ở phần vị của tâm đã thiết lập, mà các loại sắc tướng chỉ là sự biểu hiện của tâm. Nghĩa này thành tựu như trong Thành Duy Thức nói. Ở đây hỏi: Trước nói về năm uẩn, tự tướng của thức như thế nào? Đáp: Như nói về nghĩa của tâm, thức cũng như vậy. Như Đức Phật thường giảng giải thế này: Nên biết tất cả chỉ do tâm hiện bày. Nghĩa này rất sâu xa, những người ngu si vì thế không thể nào hiểu rõ, không nhìn thấy chân thật. Vì vậy nếu có thể làm rõ ràng tướng ngã đó, thì đối với tâm này không sanh phân biệt. Người khởi lên phân biệt, đó gọi là tà giáo, họ đã tạo dựng nghĩa này không thành tựu. Nghĩa như thật là nhìn thấy pháp là vô ngã, chính là nghĩa về pháp vô ngã trong Đại thừa, tự tâm xưa nay vốn không sanh khởi, thuận theo có những sanh khởi nhưng cũng bình đẳng, tự tâm tăng lên mạnh mẽ đi vào nghĩa chân thật, phát sanh ra từ hành môn Du Già. Trong ấy, nên biết những nơi nương tựa lại không có thật thể, đây chính gọi là tâm tịnh hiện hành. Nếu là pháp quá khứ thì quá khứ không có thật, nếu là pháp vị lai thì vị lai chưa đến, nếu là pháp hiện tại thì hiện tại không dừng, ở trong ba đời nên trú như thế nào? Giống như quân lính đông đúc đều có sẵn nhiều pháp, nên biết thức ấy là tướng vô ngã, thức ấy cũng không phải là nơi nương tựa. Nếu đối với các pháp đã thấy như vậy, thì giống như mây đỏ nhanh chóng tản mất, vì vậy nên biết, nếu như pháp có là từ nơi suy nghĩ hiện bày, thì thức A-lại-da lại cũng như thế. Các loài hữu tình như đến như đi, pháp vốn như vậy. Ví như biển cả bao la mọi dòng chảy đều trở về, thức A-lại-da là nơi nương tựa cũng như vậy. Nếu có quán xét thức kia như vậy, thì không thể phát sanh ra tâm phân biệt. Nếu tất cả

uẩn xứ giới đều biết như thật, thì những tên gọi ấy lại còn có gì để nói? Nếu biết rõ tất cả về tánh của các vật, thì tất cả vật kia không thể nào gọi tên sự vật ra được. Dấy lên nói điều này thì đúng là lời quyết định, vì vậy các pháp cũng quyết định phát sanh, đối với tất cả mọi sự việc thuận theo chuyển đổi được thành tự, chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức là hai khía cạnh sai biệt, đối tượng nhận thức nếu không có chủ thể nhận thức thì đâu tồn tại. Cả hai đều là pháp không có thật thì vì sao nói là đạt được? Vì vậy nên biết, gọi là tâm nhưng chỉ là có tên gọi, tên gọi ấy lại cũng không có gì khác để có thể đạt được, chỉ dùng để biểu hiện rõ, nên tự tánh của tên gọi ấy cũng không thể đạt được. Do nghĩa này, người có trí tuệ cần phải quán sát tự tánh của tâm Bồ-đề giống như huyền ảo, như bên trong như bên ngoài và ở giữa hai phía cầu tìm cũng không thể được, không có pháp nào đáng lấy, không có pháp nào đáng bỏ, không phải hình sắc có thể nhìn thấy, không phải sắc lộ rõ có thể biểu hiện, không phải tướng nam nữ, không phải tướng huỳnh môn, không trụ ở trong tất cả tướng sắc, không có pháp nào có thể nhìn thấy và không phải cảnh giới của mắt nhìn, chỉ riêng tất cả chư Phật quán sát bình đẳng mới nhìn thấy được. Nếu tâm có tự tánh hoặc là không có tự tánh, trong pháp bình đẳng sao có thể nhìn thấy?

Tánh đã nói chỉ là tên gọi phân biệt. Nếu lìa phân biệt thì tâm và tánh đều rỗng lặng. Nếu phân biệt thì có thể thấy tâm ấy, trong này tại sao gọi là không? Vì vậy nên biết, không có chủ thể giác, không có đối tượng được giác. Nếu có thể quán sát tâm Bồ-đề như vậy, chính là thấy được Như Lai. Nếu có chủ thể giác và có đối tượng được giác, thì tâm Bồ-đề không thể thành lập được. Vì vậy vô tướng cũng lại vô sanh, không phải ngôn ngữ nói năng nào có thể xưng tán được.

Vả lại, tâm Bồ-đề ấy giống như hư không, tâm và hư không hoàn toàn không có hai tướng. Ở đây nói là “Tâm không - không trí bình đẳng, thần thông của Phật với Phật hoàn toàn không khác nhau”. Tất cả sự nghiệp của chư Phật ba đời, hết thảy đều được thấu giữ và an trú trong cảnh giới Bồ-đề, tuy đã thấu giữ tất cả các pháp nhưng luôn vắng lặng cùng cực, cũng trở lại quán sát pháp vô thường này giống như huyền hóa. Không phải đã thấu giữ và điều phục ba hữu, vì trú trong pháp không, tất cả không sanh ở đây nói là không, tất cả không có ngã cũng nói là không. Nếu dùng hai loại vô sanh và vô ngã kia quán sát trở thành không, thì quán sát không thành tự. Phân biệt hai loại hoặc là nhiễm hay là tịnh, thì trở thành tướng của hai loại đoạn kiến và thường kiến. Nếu nói dùng trí quán sát về không, thì không ấy cũng lại không

thể riêng có được, vì thế tâm Bồ-đề lia các các đối tượng duyên trú vào tướng của hư không. Nếu quán sát hư không là nơi an trú, trong đó lập tức thuận theo có không và có tánh, hai tên gọi sai biệt nên biết là không. Giống như sư tử giữa thế gian gầm lên một tiếng làm cho mọi loài thú đều kinh sợ, như một chữ không vừa nói ra làm cho mọi lời nói đều yên lặng, nên biết khắp nơi đều yên lặng, tất cả đều rỗng lặng. Và lại, biết pháp là vô thường, pháp sanh ra từ vô thường, tánh vô thường kia chính là tâm Bồ-đề, nơi này nói về nghĩa Không cũng chẳng trái ngược nhau. Nếu tánh vô thường chính là tâm Bồ-đề, thì như yêu thích Bồ-đề tức là tâm bình đẳng, nhưng cũng không nói là yêu thích cái không kia, tâm giữ lấy không sẽ đạt được thế nào? Nên biết tự tánh chân thật vốn có là tất cả nghĩa để thành tựu tâm Bồ-đề. Hơn nữa, cần phải biết mọi vật không có tự tánh, tánh không có tự tánh, là nói về chỗ này. Đã nói như vậy thì tâm thế nào? Nếu lia ngã, pháp thì tâm không trú, ở đây không phải là một pháp cũng không phải là các pháp, tất cả đều là tự tánh mà lại lia tự tánh, như vị ngọt của mật đường ở thế gian là tự tánh, lại như hơi nóng của lửa là tự tánh, các pháp kia rỗng lặng, tự tánh cũng như vậy, tánh của các pháp kia chẳng phải thường còn, chẳng phải đoạn mất, chẳng phải đạt được, chẳng phải xa rời. Do nghĩa này, cho nên vô minh là đầu tiên, lão tử là sau cuối, các pháp duyên sanh đã được thành lập. Giống như mộng huyền kỳ ảo, thể cũng không có thật, căn cứ vào đây nói thành mười hai chi pháp, ngay nơi này cũng gọi là mười hai chi luân, tuần hoàn chuyển đổi trong cửa ngõ sanh tử, mà thực sự không có ngã, không có chúng sanh nào khác, không có sai biệt về ba nghiệp hành cùng với quả báo.

Nếu ở trong này hiểu rõ pháp duyên sanh, thì có thể thoát ra khỏi cửa ngõ của các cảnh giới, lúc ấy không phải hành tướng, không thể hủy hoại nhân chánh sanh ra từ uẩn, luân hồi về sau không phải là hành tướng, tất cả không đối kháng với không và không sanh, pháp pháp đều bình đẳng tạo ra nhân gánh chịu quả, là lời Đức Phật đã dạy rõ. Tất cả các pháp sanh ra theo tự loại, như đánh trống thì có tiếng vang, như gieo lúa thì nảy mầm. Các pháp quy tụ theo chủng loại nghĩa đó cũng như vậy, như huyền mộng kỳ ảo hiện bày từ duyên sanh, nhân sanh ra các pháp mà cũng không sanh ra, vì nhân chính nó không thì chỗ nào mà sanh ra! Vì vậy, nên biết các pháp không có sanh ra, ngay nơi không có sanh ra này nên gọi là không. Như nói năm uẩn, tánh của uẩn đều bình đẳng, tất cả các pháp kia cũng nghĩa như vậy. Nếu nói không thì như chân thật mà nói, nhưng đã nói thể không thì cũng chẳng phải đoạn,

trong thể chẳng phải đoạn thực sự cũng không thể đạt được, nói thể là không thì không cũng chẳng có thể. Nếu như hiểu rõ không có thật thì điều dấy lên là vô thường, các nghiệp phiền não tích tập lại làm thành thể, nghiệp này cũng lại sanh ra từ nơi tâm. Nếu tâm không trú vào nghiệp thì đâu có gì đạt được, như tâm vui vẻ thì tánh vắng lặng yên ổn. Tâm kia vắng lặng nhưng không thể lấy được, những người có trí có thể thực sự quán sát, vì cái thấy của họ chân thật nên được giải thoát. Và lại, tâm Bồ-đề chân thật không gì hơn, nghĩa chân thật này gọi là không, cũng gọi là chân như, cũng gọi là thật tế, đây chính là đệ nhất nghĩa đế vô tướng.

Nếu không hiểu biết rõ nghĩa không như vậy, nên biết người kia chẳng có phần giải thoát, là hạng đại ngu si ở trong vòng luân hồi, làm người đi trong luân hồi chuyển đời vào ra khắp sáu đường khổ. Nếu người trí tuệ có thể quán sát như thật về tâm Bồ-đề tương ứng với hư không, quán sát như vậy rồi mới có thể thành tựu công hạnh lợi tha và trí tuệ không ngăn ngại, không chấp trước, đây chính là người biết ơn và báo ân Phật. Lại luôn luôn dùng tâm Bi quán sát tất cả chúng sanh, có rất nhiều tướng của cha mẹ quyến thuộc, ngọn lửa phiền não thường xuyên thiêu đốt họ, khiến các chúng sanh luân hồi mãi trong vòng sanh tử. Như đau khổ họ đã chịu đựng nghĩ nên gánh chịu thay cho họ, như niềm vui hòa hợp nghĩ nên ban cho tất cả, lại quán sát các quả yêu thích, không yêu thích của thế gian, đường thiện đường ác, nhiều lợi ích hay không nhiều lợi ích, tùy theo chúng sanh mà chuyển đổi, nhưng các chúng sanh xưa nay không đạt được gì, thuận theo trí sai khác khởi lên nhiều loại tướng, như tất cả các hàng Phạm vương, Đế Thích và các trời bảo vệ thế gian..., do đó hoặc loài trời hay loài người, tất cả đều không xa rời tướng của thế gian. Và lại, quán xét hết thủy địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tất cả chúng sanh trong các đường này có vô lượng vô số chủng loại sắc tướng, không thể đạt lợi ích nhiều mà đau khổ thường làm cho chuyển đổi theo, đói khát bức bách, giết hại lẫn nhau, ăn nuốt lẫn nhau, vì vậy nên quả đau khổ không hủy hoại được. Chư Phật, Bồ-tát luôn như thật quán sát về các nghiệp báo của tất cả chúng sanh trong đường thiện hay đường ác có tự tướng như vậy. Như những gì đã quán sát mà tâm khởi lên phương tiện, hết sức bảo vệ chúng sanh khiến xa rời các cấu uế. Các vị Bồ-tát do đây dùng tâm Đại bi làm căn bản, lấy chúng sanh kia làm cảnh nơi đối tượng duyên. Vì vậy các vị Bồ-tát không đắm vào tất cả ý vị vui sướng của thiên định, không mong cầu quả báo đạt được từ tự lợi, vượt qua vị Thanh văn không bỏ

rời chúng sanh, tu hạnh lợi tha phát tâm đại Bồ-đề, sanh mầm Đại Bồ-đề cầu quả vị Bồ-đề của Phật. Dùng tâm Đại bi quán sát chúng sanh đau khổ, địa ngục A-tỳ rộng lớn không bến bờ, luân chuyển tùy theo các nghiệp nhân khổ báo, những loại tội lỗi ấy gánh chịu những loại khổ này, tâm Bồ-tát xót thương nghĩ cần phải nhận chịu thay họ. Những loại khổ ấy có những hình tướng này, nói không có thật cũng chẳng phải là không có thật, nếu hiểu biết rõ về không thì sẽ biết rõ pháp này, thuận theo các nghiệp quả lần lượt thực hành như vậy. Vì thế, các Bồ-tát vì muốn cứu độ các chúng sanh, xây dựng tâm dũng mãnh đi vào bùn lầy sanh tử, tuy ở nơi sanh tử nhưng không hề nhiễm vướng, giống như hoa sen không vấy mùi bùn. Đại bi làm thể không rời bỏ chúng sanh, không trí đã quán không xa rời phiền não. Vì vậy Bồ-tát dùng lực phương tiện thị hiện sanh ở cung vua, vượt thành xuất gia, tu đạo khổ hạnh, ngồi nơi cõi Bồ-đề thành tựu quả vị Đẳng Chánh Giác, hiện rõ sức thần thông phá tan các loại quân ma, vì cứu độ chúng sanh mà chuyển Đại pháp luân, hiện bày ba bậc thêm quý báu của đạo pháp từ cõi trời, xuống nhân gian bắt đầu từ các tướng Hóa thân, tùy thuận thế gian đi vào Đại Niết-bàn. Trong thời gian đó, hiện bày các sắc tướng, hoặc làm Phạm vương, hoặc là Đế thích, hoặc là trời, hoặc là người chuyển đổi thuận theo các tướng, thị hiện các sắc tướng nhiều chủng loại như vậy, nên được tôn xưng là bậc Đạo sư cứu đời. Những sự việc này đều là nguyện lực đại bi của chư Phật, Bồ-tát, điều phục tất cả thế gian khiến an trú tương ứng với thắng hạnh, vì vậy ở trong luân hồi không nảy sanh mệt mỏi lùi bước. Từ trong Nhất thừa thuyết về pháp Nhị thừa, Nhất thừa hay Nhị thừa đều là nghĩa chân thật. Hoặc là Bồ-đề Thanh văn, hoặc là Bồ-đề Phật, trí thân chỉ có một tướng, Tam-ma-địa duy nhất một thể, tuy đã thuyết ra, không phải thuyết ra, hoặc có thuyết ra làm thành các loại sắc tướng, nhưng chỉ là dẫn dắt cho các chúng sanh. Nếu như chúng sanh được lợi ích, mà Bồ-đề phước trí bình đẳng với Phật, nhưng thật sự không có hai tướng có thể trú vào. Nếu có tướng trú vào thì trở thành chủng tử, tướng chủng tử ấy đã nảy sanh theo chủng loại, vì vậy mầm cây sanh tử tăng thêm. Như đức Phật thường xuyên giảng giải rõ, phá sạch các loại hành tướng thế gian, chỉ vì chúng sanh nên thực hiện các phương tiện, thật sự không phải là phá bỏ. Nếu như xa rời phân biệt thì nghĩa này rất sâu xa, trong nghĩa rất sâu xa không có hai tướng, tuy nói có phá, mà cũng không phải phá, ở trong pháp không không có hai tướng các pháp nhận giữ tự tánh chân thật, trí Ba-la-mật-đa này chính là tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề ấy là loại trừ tất cả mọi cách nhìn. Vì vậy nên

biết, các yếu tố về thân, ngữ và tâm đều là pháp vô thường, chỉ vì làm lợi ích cho chúng sanh. Trong này nói không, không nhưng chẳng phải là đoạn, trong này nói có, có cũng không thể thường, vì vậy không có sanh tử, cũng không có Niết-bàn, nhưng đều an trú vào Niết-bàn vô trú, các Phật đều thuyết giảng như vậy. Vô lượng phước đức sanh ra từ nơi tâm bi, tâm ấy chính là lý của không chân thật tối thượng, sanh ra từ oai thần của chư Phật, thành tựu hai hạnh nguyện tự lợi và lợi tha. Nay tôi cúi đầu lễ lạy tất cả các tánh ấy, tôi thường tôn kính tâm Bồ-đề ấy, cầu nguyện sự xưng tán không đoạn mất chúng tử Phật, chư Phật thường an trú giữa thế gian, tâm Bồ-đề ấy là tối thắng trong Đại thừa, tôi hướng về tâm này an trú chánh niệm.

Vả lại, tâm Bồ-đề ấy an trú cùng dẫn dắt tâm phát sanh thuận theo phương tiện, nếu hiểu rõ tâm này sanh tử bình đẳng, thì thành tựu hai công hạnh tự lợi và lợi tha. Và hơn nữa, tâm Bồ-đề ấy xa rời các tướng thấy, không có phân biệt trí chân thật mà chuyển hóa, những người trí tuệ phát tâm Bồ-đề, những người ấy đạt được phước đức to lớn không có giới hạn. Lại nếu như người ở trong một khoảnh khắc, quán tưởng tâm Bồ-đề, người ấy đạt được phước đức không thể lường tính được, vì tâm Bồ-đề không phải là sự lường tính. Tâm Bồ-đề là vật quý giá thanh tịnh vô nhiễm, bậc cao nhất đẹp nhất và lớn nhất, kiên cố chân thật không thể hủy hoại được và chẳng phải là bị hủy hoại, nhưng có khả năng phá trừ tất cả các ma như phiền não..., đầy đủ các hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền. Tâm Bồ-đề ấy là nơi hướng về quy tụ của tất cả các pháp. Đã nói là chân thật xa rời các hý luận, đây chính là môn hạnh thanh tịnh của Bồ-tát Phổ Hiền, xa rời tất cả các tướng, ở đây đã nói như thế.

*Con đã xưng tán tâm Bồ-đề
 Như bậc phước, trí thực đã nói
 Tâm Bồ-đề đẹp và cao nhất
 Phước đức tích tụ cũng vô lượng.
 Con đem phước này giúp chúng sanh
 Nguyện tất cả vượt biển ba Hữu
 Như lý như thật đã xưng dương
 Người trí nên tu học như vậy.*



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

KINH BỒ ĐỀ HÀNH

SỐ 1662
(QUYỂN 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1662

KINH BỒ ĐỀ HẠNH

Bồ tát Long Thọ tập tụng.

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Sa-môn Thiên Trúc Tai.

QUYỂN 1

Phẩm 1: CA NGỢI TÂM BỒ ĐỀ

*Như Đức Phật - pháp diệu thể vô biên
Phật tử tâm chân chánh quy mạng kính lễ
Giới Phật như cam lồ rưới xuống che chở
Nay con ca ngợi nói đều dựa vào pháp.
Nói ra điều không có và chuta từng có
Cũng chẳng phải tự con chuyên giữ một mình
Lúc con không có Tự và Tha như vậy
Mới tự mình tư duy quán sát thực hiện.
Lúc phát tâm quán sát như vậy
Có thể khiến con tăng trưởng thiện này
Lúc nhìn thấy cõi Ta-bà như vậy
Đây chính là lúc Đức Phật tư duy.
Cõi này trong sát na khó sanh ra được
Được sanh làm người nên tự mình vui
Tư duy nếu xa rời tâm Bồ-đề ấy
Đến sau này, lấy gì làm chứng đắc?
Như mây che kín, đêm đen tăm tối*

Ánh chớp sáng hiện rõ trong khoảnh khắc
 Uy đức lợi ích của Phật cũng như vậy
 Ý phát khởi thoáng chốc người được phước.
 Vì vậy lực thiện ít tuy nhỏ bé
 Có thể phá tan nghiệp lực ác lớn
 Nếu phát khởi tâm Bồ-đề như vậy
 Thiện nầy dũng mãnh tiến vượt ác kia.
 Tư duy từ vô lượng vô biên kiếp
 Thấy chư Phật đều thuyết chân thật nầy
 Nếu không an vui sẽ được an vui
 Tăng trưởng cứu độ vô lượng chúng sanh.
 Vì các hữu tình vốn nhiều đau khổ
 Khiến lìa trăm ngàn khổ đau sợ hãi
 Được nhiều an vui đến trăm ngàn loại
 Để luôn luôn không rời tâm Bồ-đề.
 Bạc Thiện Thệ ấy ở nơi triền cái
 Đi trong luân hồi không còn yêu thích
 Như trong khoảnh khắc nói tâm Bồ-đề
 Trời người hoan hỷ đều cùng quy mạng.
 Như người thợ trị hình tượng không sạch
 Ví như hình tượng Phật bảo vô giá
 Như thuốc thay đổi bên chắc khắp nơi
 Nếu tu trì tâm Bồ-đề kỳ diệu.
 Tâm Bồ-đề quý báu ứng nghiệm vô biên
 Giá trị thế gian không thể ví dụ
 Dẫn dắt thực hành cùng bạn đồng hành
 Tất cả khiến cho thợ trị kiên cố.
 Thân chuối không thật nhưng sanh ra buồng
 Cây chuối sanh buồng mà thân tàn tạ
 Cây tâm Bồ-đề mà thường thanh tịnh
 Thường sanh ra quả tốt mà không hết.
 Đã tạo ra nhiều nghiệp tội bạo ác
 Nhờ tâm Bồ-đề cởi bỏ trong khoảnh khắc
 Dũng mãnh nương tựa không gì đáng sợ
 Hữu tình ngu kia sao không nương tựa?
 Ví như lửa dữ lúc kiếp tận cùng
 Phút chốc thiêu đốt sạch củi tội nghiệp
 Ca ngợi Đấng Từ Tôn, thật vô lượng ngôn từ

Đúng chỉ nói: Bậc trí. Lành thay! Đã hiện.
Rất nhiều loại tâm giác ngộ ấy
Chánh trí mà luôn luôn bình đẳng
Tâm Bồ-đề thệ nguyện bao la
Luôn hành trì công hạnh Bồ-đề.
Như người hướng đến muốn thực hành
Phân biệt nói rõ cho người kia
Trí tuệ phân biệt nói rõ rồi
Thực hành giống như trí sử dụng.
Tâm nguyện bao la của Bồ-đề
Quả báo to lớn như luân hồi
Phước đức cho nên không gián đoạn
Cũng giống như ý đã thực hành.
Nếu chúng sanh kia không giới hạn
Giải thoát được cảnh giới hữu tình
Cùng với tâm Bồ-đề bình đẳng
Nguyện Bồ-đề không thể giảm sút.
Những chúng sanh kia thích ngủ vùi
Cũng lại nhiều đắm say mê muội
Làm gián đoạn ở dòng phước đức
Như hư không chẳng có vật gì.
Duỗi cánh tay đẹp hỏi điều này
Hữu tình với ý nghĩ thấp kém
Đối với giải thoát được sanh ra
Là chính mình hay là Như Lai?
Thế là tư duy để loại trừ
Bao nỗi khổ não của hữu tình
Khiến cho khổ não trừ sạch hết
Thu được phước đức không giới hạn.
Hữu tình đau khổ không biên giới
Làm sao mà chữa lành yên ổn
Khiến cho tất cả đều an lạc
Đạt được công đức đến vô biên?
Lấy gì lợi ích cho cha mẹ
Như vậy cho tới mọi người thân
Được sanh loài Trời và loài Tiên
Chứng tộc Bà-la-môn hạnh tịnh?
Như vậy thì những hữu tình kia

Chính là trong giấc mộng quá khứ
 Không mong muốn cho lợi ích mình
 Chỉ muốn làm lợi ích cho người.
 Hữu tình quý báu tốt đẹp nhất
 Hiếm có sao có thể phát sanh
 Rất nhiều ý nghĩ lợi cho người
 Không riêng đối với lợi ích mình?
 Hoan hỷ gieo trồng cho thế gian
 Tinh tấn làm thuốc cho thế gian
 Tâm quý báu và có phước đức
 Nhưng người kia nói như thế nào?
 Làm gì cho các loài hữu tình
 Đạt được tất cả niềm vui sướng
 Hãy phát khởi tâm nguyện Bồ-đề
 Cúng dường hướng về Đức Như Lai.
 Say mê yêu thích và vui sướng
 Thế là hiểu rõ hơn hiềm khích
 Xa lìa và thuận theo thực hành
 Tất cả từ nơi ý của mình.
 Nếu như tâm cầu mong an vui
 Chẳng loại khổ não lại vô biên
 Tích lũy các niềm vui tốt đẹp
 Thì những khổ đau được tiêu trừ.
 Phá tán các nguyên nhân mê hoặc
 Tốt đẹp quá làm sao đạt được?
 Gần gũi các bậc tri thức thiện
 Phước đức ấy đạt được như vậy.
 Tạo lợi ích nếu như hồi hướng
 Họ ắt trở lại luôn khen ngợi
 Làm điều thiện không cầu lợi ích
 Nói người ấy là bậc Bồ-tát.
 Nếu như có bố thí ít đồ ăn
 Tu thiện cúng dường tại thế gian
 Đã bố thí lớn nhỏ như ruồi muỗi
 Cũng được vui sướng trong nửa ngày.
 Làm sao thu được ở tại Năng Nhân
 Muốn hóa độ hết vô lượng hữu tình
 Hữu tình vô tận giống như hư không

*Nhất thiết trí cầu tự mình viên mãn.
Phật tử tĩnh niệm nhớ mà tư duy
Nếu phiền não sanh tự tâm dấy lên
Thường sanh phiền não lại sanh nghi ngờ
Phật dạy người này rơi vào địa ngục.
Nếu như Phật tử phát tâm Bồ-đề
Diệt tội lớn nỗ lực đạt quả tốt
Nay con quy mạng tâm ngọc ma ni
Cứu độ hữu tình đạt được an vui.*

Phẩm 2: TÂM BỒ ĐỀ, BỐ THÍ CÚNG DƯỜNG

Dem tâm ngọc ma ni cung kính ấy
 Để dâng lên cúng dường Đức Như Lai
 Và pháp bảo vi diệu thanh tịnh kia
 Biển công đức Phật sâu rộng vô biên.
 Dùng hoa thật đẹp của thế gian
 Cho đến quả ngon và thuốc hay
 Tất cả châu báu làm trong sạch nước
 Thấy đều dâng lên cúng dường được vừa ý.
 Vật báu và các vật báu trong núi
 Nơi rừng cây yên lặng thích hợp tâm tư
 Hoa kết trang nghiêm cây cối tươi sáng
 Quả trĩu dưới thấp cành nhánh là đà
 Hương xoa hương ướp của trời và người
 Cho đến cây lâu năm và cây báu
 Hồ nước trong sạch lại trang nghiêm
 Tiếng ngỗng nhận dịu êm thật thích ý
 Hoa màu tự nhiên sanh không phải gieo trồng
 Mọi thứ trang nghiêm khác nhau mà cúng dường
 Như cõi hư không rộng lớn bao la
 Tất cả có nơi này đều thọ dụng.
 Nay con đã dâng lên tất cả gì nhỏ bé
 Cúng dường Phật Mâu-ni cao cả nhất
 Vì con không buông bỏ lòng Đại bi
 Thọ nhận sự cúng dường tối thượng.
 Vì con vô phước quá bần cùng
 Lại không may mắn cúng dường sai khác
 Nay con tư duy vì mình và người
 Nguyên Đức Phật tiếp nhận sự cúng dường tùy sức.
 Tự thân con làm theo tất cả Đức Phật
 Để cho tự thân cùng tất cả mọi nơi
 Gia hộ cho con thực hiện trước hữu tình
 Hữu tình luôn luôn được Phật giáo hóa.
 Con được Như Lai gia hộ rồi
 Giáo hóa lợi ích hữu tình không còn sợ hãi
 Tội nghiệp quá khứ thấy đều xa lìa
 Các tội lỗi vị lai không tiếp tục gây ra.

Nơi ánh sáng quý báu rất vui mừng sung sướng
 Lọng trời trang nghiêm hầu hạ chân như
 Nước rất trong suốt lại sáng ngời
 Nhiều loại phòng ốc thượng diệu làm nơi tắm rửa
 ngát hương.

Bình quý lớn chứa đầy nước thơm
 Lại gắn vào các loài hoa lạ kỳ như ý
 Tắm gội thân vô cấu của Như Lai
 Con hướng về tán thưởng ca ngợi dâng lên âm nhạc
 Hương thanh tịnh xông ướp áo quần thượng hạng
 Dùng lọng báu che chở sắc tướng tối thượng.
 Nay con dâng lên y phục thượng diệu này
 Nguyên Đức Phật từ bi thương xót thu nhận!
 Các loại y phục cõi trời mềm mại tuyệt vời
 Trong sự trang nghiêm mà tối thượng ấy
 Cúng dường Như Lai và các Đại Bồ-tát
 Như Phổ Hiền-Văn-thù cùng Quán Tự Tại.

Phẩm 3: HỘ GIỚI

Giữ giới luật là bảo vệ tâm
 Bảo vệ tâm khiến cho kiên cố
 Tâm này không thể bảo vệ được
 Làm sao có thể bảo vệ giới?
 Ví như voi say không thuần phục
 Không ưu sầu đối với đau khổ
 Tâm buông thả giống như voi say
 Sẽ dẫn đến các ngục A-tỳ.
 Sợi dây niệm luôn luôn giữ chặt
 Trói buộc vào con voi trong tâm
 Được xa rời nỗi sợ phóng dật
 Giành lại tất cả mọi yên vui.
 Nếu có thể giữ được một tâm
 Tất cả đều có thể giữ được
 Nếu tự mình hàng phục một tâm
 Thì tất cả tự nhiên hàng phục.
 Sư tử-gấu-cọp beo-lang sói
 Dạ xoa-La-sát và ma quỷ
 Tất cả binh lính chốn địa ngục
 Đều biết là oán thù của chúng.
 Nếu sợ hãi tất cả oán thù
 Khổ não tụ tập không biên giới
 Đều do nơi tâm đã tạo ra
 Đức Phật dạy đích thực như vậy.
 Những nỗi khổ đau chốn địa ngục
 Và vô số cực hình tàn khốc...
 Ai gây ra lại từ đâu sanh
 Tất cả đều do tham sân si.
 Vì các tội lỗi vì tâm ấy
 Phật sanh ra ở các thế gian
 Do vì diệt sạch tâm ba cõi
 Do đó không có gì sợ hãi.
 Nếu ngày xưa thực hành bố thí
 Đời nay nhờ vậy mà không nghèo
 Hiện tại nghèo thiếu đừng phiền não
 Quá khứ làm sao hối hận được!

Nếu như người có chút tâm tư
Thực hành Bồ thí Ba-la-mật
Vì thế cho nên nói quả báo
Tất cả cùng nhau hành bồ thí.
Nếu như người có tâm trì giới
Hiềm khích ai mà phải giết hại?
Tâm sân hận chính là kẻ thù
Giết hại tất cả như hư không.
Mặt đất bao la không giới hạn
Da nào mà có thể che đậy?
Giày dép sử dụng một chút da
Tùy ý đi lại khắp mọi nơi.
Ngã tánh bên ngoài cũng như vậy
Tất cả ai có thể khuyên nhủ?
Chỉ khuyên nhủ từ tự tâm mình
Ngã bên ngoài sẽ tự khuất phục.
Vì thân tham nên không có phước
Quả ấy giống như nhân đã làm
Nếu tâm bồ thí một chiếc áo
Cảm đến quả mà tăng thêm phước.
Các công hạnh nếu thường tu trì
Tâm niệm luôn luôn không rời bỏ
Tất cả các tâm không lợi ích
Giả dối rộng lạng nên xa lìa.
Hết thấy tâm-pháp-tài lợi ích
Tùy nghi bí mật mà quán sát
Lìa đau khổ đạt được yên vui
Người ấy được vượt quá thế gian.
Mình phải tu hành như thế nào?
Tu hành chỉ vì bảo vệ tâm
Vì thế mình phải quán xét tâm
Luôn luôn nhớ mà giữ gìn tâm.
Ví như vượn khỉ thân bị nhọt
Dốc lòng mà chăm sóc bảo vệ
Điều ác trong con người như vậy
Luôn bền lòng nhằm bảo vệ tâm.
Sợ hãi ung nhọt của khổ não
Mình dốc lòng luôn luôn bảo vệ

Làm hủy hoại ở các hòa hợp
 Vết lở tâm mới không sợ hãi.
 Thường dấy lên thực hành như vậy
 Điều ác trong người không làm được
 Tội lỗi trong người không phạm vào
 Tự nhiên mà không sợ hãi gì.
 Mình cần phải dùng hết thân mạng
 Làm việc lợi ích mà cúng dường
 Thân mạng sai khác đều dùng hết
 Tâm thiện làm nhưng không giảm sút.
 Mình cần phải canh giữ cho tâm
 Chắp hai tay nay chuyên thực hiện
 Trong từng niệm từng niệm của tâm
 Tất cả làm phương tiện bảo vệ.
 Ví như đối với người bệnh nặng
 Mọi chuyện không thể nén chịu đựng
 Tâm tán loạn cũng giống như vậy
 Không thể chịu được các sự nghiệp.
 Tâm tán loạn không thể ổn định
 Nghe-tư duy cùng với quán sát
 Như đồ dùng rò rỉ thấm ra
 Không thể nào dùng chứa đựng nước.
 Do có người học rộng biết nhiều
 Đối với những phương tiện như Tín...
 Tâm sai lầm không thể ổn định
 Mắc phải tội không yên lặng được.
 Do vì tâm không quyết định được
 Giặc cướp mê hoặc thật vừa lòng
 Tất cả mọi phước đức thiện căn
 Bị trộm đưa vào chỗ xấu ác.
 Đám trộm cắp phe cánh phiền não
 Đánh vào ma nên chúng được dịp
 Vì mạng lưới ma đã phát khởi
 Làm tổn hại sanh mạng tốt đẹp.
 Giữ chặt cánh cửa ý căn kia
 Điều ác không thể dấy đi được
 Nhớ đến tội lỗi khổ não ấy
 Thứ tự trở lại được an trú.

Lành thay! Thuận theo lời thầy dạy
 Niệm thiện nhất định được phát sanh
 Vâng theo sự dạy dỗ của thầy
 Nên dốc lòng cúng dường đầy đủ.
 Đối với chư Phật và Bồ-tát
 Tâm quyết định ngay trong khoảnh khắc
 Nên nhớ lại những gì sợ hãi
 Xin Phật xót thương hiện ngay trước mặt.
 Tâm dong ruổi mà không ổn định
 Cứ rời xa không thể trở về
 Nếu có thể canh giữ cửa ý
 Bảo vệ đừng lại không thể tản ra.
 Nay con phải bảo vệ tâm này
 Luôn bền lòng chắc chắn như vậy
 Ví như cây không có gốc rễ
 Không sanh ra cành lá xấu ác.
 Mắt quán sát đối với sắc tướng
 Biết rõ hư giả không chân thật
 Mọi vật luôn luôn nhìn tỉ mỉ
 Do đó không thể đắm vào được.
 Vì thế nhìn thấy mà quán sát
 Quán sát khiến cho chẳng mê hoặc
 Quán sát đến nơi nhìn thấy rồi
 Yên tâm khâm phục theo thiện đến.
 Muốn thực hành không biết phương hướng
 Trông về bốn phía sanh sợ hãi
 Quyết định biết rõ phương hướng rồi
 Quán sát tâm hành cũng như vậy.
 Những công hạnh của người có trí
 Tư duy hướng về trước và sau
 Loại này là thiện-đây là ác
 Như vậy việc làm không sai lầm.
 Không thể dừng lại nơi thân này
 Xa rời thân này tiếp làm gì?
 Tại vì sao trú nơi thân này?
 Nên trở lại quán sát bên trong.
 Quán sát nội tâm cũng như vậy
 Nhưng sử dụng các phương tiện ấy

Dùng pháp làm thành cây cột lớn
 Buộc chặt vào khiến không thể cởi.
 Trước mắt dùng ý nghĩ như vậy
 Quán sát mình là ở chỗ đó
 Tất cả các thức đều như vậy
 Thân gồm khiến dừng trong khoảnh khắc.
 Nếu như sợ do vì nghiệp lực
 Có thể hướng theo cầu an vui
 Tu bố thí-trì giới độ kia
 Cho đến những xả bỏ lớn lao.
 Nếu như tu tập nhân Bồ-đề
 Phân biệt không tư duy điều ấy
 Luôn luôn tu tập tự tâm mình
 Nên khởi lên cách nhìn như vậy.
 Như thế tu tập các điều thiện
 Không khởi lên những gì sợ hãi
 Mà lại làm cho các phiền não
 Quyết định không thể tăng trưởng được.
 Các loại ngôn thuyết hợp chánh lý
 Thấy hiện đang mà lại rất nhiều
 Quan sát xem hết quyết định hiểu
 Phá hỏng lưới nghi đạt được quả.
 Giống như cỏ dại bị cắt đứt
 Niệm Phật giới có thể nhẫn nại
 Sát na thực hành công hạnh này
 Thu được kết quả rất tốt đẹp.
 Nếu muốn đối với các chánh thuyết
 Toàn bộ đều có thể thông suốt
 Nên quán sát hiểu rõ tự tâm
 Thường xuyên tu tập cho tinh tấn.
 Ví như cây không có tình ý
 Không nói năng không làm điều gì
 Nhìn tự tâm mình cũng như vậy
 Quyết định làm cho được như vậy.
 Tâm dấy lên hướng về khinh mạn
 Như người say rượu mê muội kia
 Chỉ mưu cầu khen ngợi tự mình
 Không phải là người tu hành ấy.

Nếu như người khác đối với mình
Mà phát sanh ra sự hủy báng
Đó gọi là tâm ý sân si...
Trú tâm luôn luôn giống như cây.
Như cây cối không thể phân biệt
Lợi dưỡng-địa vị và khen chê
Cũng không vì thân thích họ hàng
Thậm chí những quan hệ kế thừa...
Lợi cho người không tự lợi mình
Chỉ mong ước mình vì tất cả
Vì thế cho nên nói tâm mình
Kiên quyết bền lòng như cây cối.
Nhất tâm an trụ như cây cối
Đối với người thân và bạn bè
Cho đến đối với ba nghiệp hành
Không nảy sanh yêu-ghét-sợ hãi.
Quán sát cả với những phiền não
Như hư không nên chẳng chấp trước
Hãy dũng mãnh và luôn kiên định
Thọ trì thường xuyên thật chăm chỉ.
Không có thiện-xấu hổ đáng sợ
Nên một lòng mong cầu người khác
An trú thanh tịnh trong Tam muội
Được người khác tôn trọng khâm phục.
Tuy ở phần vị còn thơ trẻ
Nhưng không làm người khác buồn giận
Tự mình cũng không giận người khác
Lòng từ bi luôn luôn như vậy.
Mình thọ trì các pháp thiền định
Làm cho ý luôn luôn vắng lặng
Để cho tất cả mọi chúng sanh
Thường xuyên ở nơi không tội lỗi.
Từng niệm từng niệm trong khoảnh khắc
Một thời gian dài thành tốt đẹp
Tâm thọ trì chuyên cần như thế
Không lay động như núi Tu-di.
Chim đại bàng tham thịt không chán
Người tham điều thiện cũng như vậy

Thân và tâm không thể tu hành
 Làm sao có thể rời xa được?
 Làm sao bảo vệ được thân ý?
 Tất cả mọi lúc tự chăm chỉ
 Mọi người đã thực hành được gì?
 Tất cả đều chuyên chú dốc lòng.
 Mê muội ngu si không tìm chế
 Tham lam xăng bậy như thân cây
 Thân này do bất tịnh tạo ra
 Tại sao trở lại yêu say đắm?
 Xương thịt dựa vào nhau giữ gìn
 Da bên ngoài để mà trang sức
 Tự hiểu rõ khiến cho không tham
 Giải thoát do lưỡi dao trí tuệ.
 Cắt đứt các phần trên thân thể
 Khiến nhìn thấy tinh tú trong thân
 Quán sát và tư duy tưởng tượng
 Vì sao nhìn thấy có con người?
 Dốc lòng luôn quán sát như vậy
 Xem xét tỉ mỉ không thấy người
 Tại sao thân này là bất tịnh
 Tham lam yêu quý để giữ gìn?
 Ở trong thai ăn vật bất tịnh
 Ra khỏi thai uống toàn máu sữa
 Không ăn uống các loại như vậy
 Làm sao tạo được thân thể này?
 Sói lang-đại bàng... đều tham thịt
 Không thể phân biệt thiện và ác
 Nên giống như người yêu quý thân
 Thọ dụng trở thành tích lũy nghiệp.
 Nhưng bảo vệ thân người như vậy
 Đến chết nhân tâm không yêu thương
 Cùng sói lang-đại bàng không khác
 Ông sao lại luôn làm như thế?
 Thân chết đi thức không ở lại
 Áo quần ăn uống há đáng giữ?
 Thân rơi rụng thức ắt chuyển đổi
 Có được để dùng tại sao lại tham?

Vì thế cho nên nay tác ý
 Không tham lam những điều như vậy
 Như vậy không thể rời bỏ được
 Tất cả những điều bất thiện kia.
 Giống như thân người có sự sống
 Mình và tay chân cầu thành tựu
 Thân có được nhưng trí không tăng
 Quay trở lại chỉ tự hãm mình.
 Đối với cuộc đời mặc thân-sơ
 Nét mặt hiền hòa an ủi trước
 Như vậy thường tự kìm chế mình
 Tâm niệm luôn luôn không rời bỏ.
 Cười mỉm không cần phải cao tiếng
 Không đùa giỡn ném các vật ngòi
 Tay nhẹ nhàng gõ cửa người khác
 Tin chắc thật bền lòng tự giữ.
 Như kẻ trộm-như mèo rình chuột
 Theo đuổi việc làm không tiếng động
 Tu tâm cũng như những loại này
 Nên xa rời đối với thô lỗ.
 Những sự hiềm khích do người khác
 Không chính nghĩa lợi ích không nói
 Luôn luôn vừa lòng các đệ tử
 Trong lời nói vẫn luôn kính yêu.
 Tất cả những gì đã nói ra
 Nghe rồi làm cho xứng với thiện
 Quan sát việc phước họ đã làm
 Ca ngợi tán thưởng làm hoan hỷ.
 Trong lòng mình nói đức của họ
 Họ nghe được tâm ất vui mừng
 Lúc muốn khen ngợi nói về họ
 Hãy quán sát đức hạnh người kia.
 Tu tập những việc làm hoan hỷ
 Khó có được tâm chân thành ấy
 Thường xuyên tu đức lợi cho người
 Sẽ nhận được báo ứng vui sướng.
 Nỗi khổ yêu-ghét nên rời bỏ
 Vì nỗi khổ lớn của kiếp sau

Nỗi khổ này mình không trú vào
 Kiếp sau an vui rất lớn lao.
 Lời nói lành tiếng nói mềm mỏng
 Căn đau buồn nghe sanh vui vẻ
 Biểu hiện việc làm vừa ý họ
 Nên tin theo lời nói chân thật.
 Luôn thương xót nghĩ đến chúng sanh
 Yêu quý giữ gìn như quý mắt
 Làm cho họ trú trong chân thật
 Chắc chắn tương lai được thành Phật.
 Người ấy chân thật được thành tựu
 Tất cả bạn bè đều lợi ích
 Công đức tu tập trong khoảnh khắc
 Rời đau khổ vô cùng an lạc.
 Công đức ân cần chịu khó tu
 Luôn làm mà tự mình đạt được
 Không khoe khoang không hề cất giấu
 Người nào nói đến những việc này?
 Các Ba-la-mật như bố thí...
 Tuyệt diệu vô cùng mà cao nhất
 Những hạnh khác chẳng phải cao nhất
 Lợi ích xuống dưới không rời xa.
 Đức Phật lợi cho người như vậy
 Điều ấy luôn luôn thiết thực nhất
 Trong giáo pháp của Đức Như Lai
 Thấy rõ trách nhiệm Từ Bi ấy.
 Khi bậc thầy ba cõi nhập diệt
 Phân biệt rõ ràng người xuất gia
 Thức ăn có được-không có được
 Không xa rời ba y-bình bát...
 Pháp thân vi diệu của vị lai
 Không thể khổ não vì chúng sanh
 Đối với chúng sanh luôn như vậy
 Tùy ý được đầy đủ trọn vẹn.
 Xả bỏ không cần tất cả mạng
 Xả bỏ kia cần phải bình đẳng
 Tâm thương xót hướng về thanh tịnh
 Quả báo tự nhiên được tốt đẹp.

Tâm thanh tịnh mà tôn trọng pháp
Không giữ các loại gậy và dao...
Không cầm dù lọng che trên đầu
Không có các tâm ý khinh mạn.
Vì tất cả người nam người nữ
Giảng về pháp sâu xa rộng lớn
Không phân biệt người tốt kẻ xấu
Khiến cho họ coi trọng bình đẳng.
Pháp không hề có sự rộng lớn
Mới đạt tới chẳng phải pháp hành
Xa rời không cung kính lễ dạy
Vui vẻ nói về pháp Đại thừa.
Xỉa răng và khạc nhổ đàm dãi
Không được vứt ở nơi đất sạch
Nước sạch và nhà cửa sạch sẽ
Không được bỏ các thứ tùy tiện.
Thức ăn đừng chứa đầy trong miệng
Ăn đừng làm cho có tiếng to
Lúc ăn không nói chuyện qua lại
Cũng đừng mở miệng mồm rộng toác.
Ngồi không được đung đưa nhịp chân
Đi cũng không vung vẩy cánh tay
Không cùng với người nữ chung xe
Cũng không cùng nhau ngồi chung giường.
Những việc gì vốn không đúng luật
Người trông thấy tâm không ưa thích
Tất cả những người đã nhìn thấy
Rời xa mà không thể cung kính.
Người khác hỏi để biết đường đi
Không được dùng một tay chỉ đường
Hai tay mà chỉ đường cho họ
Chỉ ra nơi đến con đường đó.
Tất cả các bước chân mình đi
Không vung cánh tay phát ra tiếng
Cũng đừng bật ngón tay xằng bậy
Oai nghi giữ gìn luôn như vậy.
Thầy tuy đã hóa thân diệt độ
Bốn oai nghi thuận theo nên học

Tôn trọng giới hạnh không coi thường
 Quyết định đạt được quả bậc Thánh.
 Vô lượng công hạnh đạo Bồ-tát
 Điều đã nói không có giới hạnh
 Hướng về dùng tâm tư thanh tịnh
 Quyết định mà vâng mạng thực hành.
 Đối với thời gian một ngày đêm
 Tất cả phân ra làm ba thời
 Thực hành đạo sám hối tất cả
 Trú trong tâm Bồ-đề của Phật.
 Tâm Bồ-đề tự mình an trú
 Cũng khiến cho người khác đạt được
 Phật tử trú trong các học giới
 Dốc hết lòng giữ gìn như vậy.
 Giới Thể của Phật luôn thanh tịnh
 Không thể trông thấy có mây may
 Luôn khởi lên thực hành như vậy
 Phước ấy không có gì tính được.
 Từ vô thủy vì các chúng sanh
 Từng hạnh từng hạnh không sai khác
 Như vậy vì tất cả chúng sanh
 Cảm hóa khiến tất cả giác ngộ.
 Nên biết là bậc tri thức thiện
 Giống như tính mạng không thể bỏ
 Bồ-tát giới là pháp tối thượng
 Giáo pháp Đại thừa cũng như vậy.
 Giải thoát dựa vào thầy học hỏi
 Mà luôn luôn sanh ra tốt đẹp
 Chư Phật thuyết khiến kinh trí tuệ
 Đọc rồi nhìn thấy những giới pháp.
 Nếu như tâm người bảo vệ giới
 Mọi công hạnh đều đã nhìn thấy
 Nếu ở nơi thân hoặc nơi tâm
 Nên quán sát hết sức tường tận.
 Miệng đọc lâu thân không thực hành
 Những ví dụ sao tương xứng được?
 Ví như người mắc bệnh hiểm nghèo
 Nói viễn vông về sức của thuốc.

*Trong Kinh Hư Không Tạng đã nói
Giới luật Ba La Ba Để (Ba-la-đề-mộc-xoa)
Tập hợp các giới - định như vậy
Mở rộng như kinh điển đã nói.
Bậc Thánh giả Bồ-tát Long Thọ
Dốc hết lòng tập hợp tụng này
Tùy theo xứ sở mình cư trú
Khuyến khích bèn lòng biết cúng dường*



KINH BỒ ĐỀ HẠNH

QUYỂN 2

Phẩm 4: TÂM BỒ ĐỀ, NHÃN NHỤC BA LA MẬT ĐA

Vông mạng thực hành các nghiệp thiện
 Bồ thí-Trì giới để dẫn đường
 Cúng dường hướng về các Như Lai
 Trăm ngàn đời kiếp không cùng tận.
 Tu hành hướng về nơi Sân đề (Nhãn nhục)
 Tội lỗi sân giận không tồn tại
 Quán sát các loại Thế đều Không
 Vì thế dốc hết lòng nhẫn nhịn.
 Không thể được ham theo vui sướng
 Giữ gìn ý khiến cho bình đẳng
 Tâm có bệnh giận dữ phiền muộn
 Không ngủ luôn luôn không đầy đủ.
 Bên này bên kia có thí chủ
 Cung cấp đầy đủ cho lợi dưỡng
 Tùy tâm yêu mến sâu nặng kia
 Không được sanh ra sự buồn giận.
 Tất cả những quan hệ gần gũi
 Không khởi lên do tâm hiềm ghét
 Đối với kia không còn tức giận
 Mới đạt được niềm an lạc ấy.
 Nhãn nhịn mọi sự việc như vậy
 Nếu như đối với kẻ oan gia
 Sự tức giận nếu có thể trừ

Đời đời thu được sự bình an.
 Oán thù nếu phát sanh nơi tâm
 Đối với yêu thương cũng không vui
 Như bữa cơm tối ăn buồn giận
 Không khéo nhẫn nại không làm hỏng.
 Món ăn kia mình oán thù lắm
 Đối với mình không ích lợi gì
 Biết oán thù kia không thể ăn
 Vì thế cho nên nhẫn bền vững.
 Hễ thấy oán thù đến hay đi
 Hoan hỷ mà không hề giận giữ
 Đối với oán thù nếu nổi giận
 Thiện-lợi chung quy diệt không còn.
 Tâm nhẫn nại luôn luôn như vậy
 Khiến cho giận dữ không được khởi
 Trú trong nhẫn không có thời hạn
 Giận dữ oán thù tự nó không sanh.
 Nếu người tự yêu quý giữ gìn
 Không tạo ra khẩu nghiệp xấu ác
 Khẩu nghiệp nếu như không xa rời
 Sau cảm lấy nỗi khổ oan gia.
 Sự khổ đau không rời xa được
 Không làm nhân của mọi khổ đau
 Vì vậy tâm nhẫn nại kiên định
 Thu được những niềm vui bình an.
 Hạng Nột Lăng Nga Tử nơi ấy
 Nhìn nhận tà vạy cầu giải thoát
 Dao cắt mình-lửa đốt cháy thân
 Không có lợi do có thể nhẫn.
 Hạng ngu si không có chánh kiến
 Nhận chịu vô ích lắm khổ nã
 Mình vì tâm luôn hướng Bồ-đề
 Tại sao khổ không nén chịu đựng?
 Các loài muỗi bọ chết rận rệp ...
 Thường đói khát vô cùng khổ sở
 Rất ngứa ngứa làm người phiền muộn
 Trú trong nhẫn nại mà không thấy.
 Thời tiết lạnh nóng và mưa gió

Bệnh tật-gông xiềng-đùi gậy đánh
 Gặp phải các sự việc khổ sở
 Nén chịu đựng không cầu an vui.
 Giết người khác máu chảy xối xả
 Tâm kiên quyết càng dũng mãnh hơn
 Cắt thân mình tự trông thấy máu
 Sợ hãi nên kinh động ngã nhào.
 Người có trí tâm tư thanh tịnh
 Luôn luôn sợ buồn giận xâm hại
 Cùng với phiền não giằng co nhau
 Tâm nhẫn nại luôn luôn dũng mãnh.
 Bụng rắn trườn đi trên mặt đất
 Dụ như giận dữ nấp trong tâm
 Giết nó thì nói không dùng khí
 Giết hại kẻ kia được tối thắng.
 Như Lai-bậc Đại bi bao la
 Xót thương khổ đau nói luân hồi
 Khiến cho biết gốc rễ tội lỗi
 Trú trong nhẫn nại mà không làm.
 Tâm cha mẹ nào tính toán gì
 Chỉ sợ con gặp phải chìm đắm
 Giữ cho tâm xa rời giận dữ
 Tự mình xa khổ báo vô cùng.
 Ví như người không có trí tuệ
 Khiến cho tội lỗi được phát sanh
 Tu hành mà không có trí tuệ
 Giận dữ sanh ra cũng như vậy.
 Muốn trú vào nơi không nghĩ bàn
 Trước mắt phải giữ gìn tự tâm
 Ở tại đây phát sanh quý trọng
 Khiến cho nóng giận không sanh khởi.
 Nếu tham lam với trần cảnh ấy
 Mà nảy sanh các loại tội lỗi
 Do vì năng lực các nghiệp kia
 Nên không thể nào tự tại được.
 Đối với cảnh nếu như không tham
 Tập ấy không có nhân tồn tại
 Do vì tâm hòa hợp không có

Cho nên không có gì nảy sanh.
Không tham trước nên không nảy sanh
Không có gì được mà tự nói
Do mình đã đạt được như vậy
Thì phát sanh không nghĩ bàn được.
Vô sanh kia không thể phát sanh
Thì đạt được có như thế nào?
Nhìn và xét đối với hai bên
Diệt hết đã không sót lại gì
Tâm này luôn luôn được thanh tịnh
Ví như màu sắc ngọc ma ni.
Mọi biến đổi đều tùy theo nhân
Không có nhân thì tướng nào có?
Lúc thực hành công hạnh quá khứ
Công hạnh ấy đã làm những gì
Tùy theo nhân đã thực hành kia
Cùng với nhân mà cảm lấy quả.
Tất cả cần phải tùy thuộc nhân
Nhân thiện ác căn cứ vào tâm
Nói là mutu câu tánh tịch tĩnh
Như vậy có gì là sai lầm?
Nếu như giữ lấy nhân hòa hợp
Là niềm vui đối với khổ não
Tâm này không thể dừng lại được
Người có trí nên tự khuyến khích.
Vì thế cho nên thấy oan gia
Nghĩ là làm bậc tri thức thiện
Nhờ công hạnh thực hành như vậy
Trước mắt đạt được niềm vui sướng.
Như vậy tất cả các chúng sanh
Do nghiệp không thể tự tại được
Nếu như tự tại được thành tựu
Ai chịu hưởng về nơi đau khổ?
Tâm tán loạn duyên theo trần cảnh
Tâm bị cắt nát không cảm giác.
Món ăn mất ăn thêm giận giữ
Ở nơi khổ mà lại yêu thích.
Tự mình nếu không có phước hạnh

*Yêu thích trở lại trời buộc nghiệp
Như ăn buổi tối đây thuốc độc
Rơi vào bến bờ của sanh tử.
Tự mình ở trong phiền não này
Đúng là vì không bảo vệ mình
Mong muốn giải thoát cho người khác
Việc làm này do đâu mà được?
Phiền não làm mê mờ hỗn loạn
Rồi đến mức quay về tự sát
Độc tố nhiều không có xót thương
Tại sao giận dữ không bảo vệ?
Tự tánh đã ngu si mê muội
Đối với người làm cho rối loạn
Giận dữ kia sanh chẳng nghi ngờ
Như ngọn lửa luôn luôn thiêu đốt.
Lúc tánh chúng sanh đã ngu si
Thường làm ra bao điều sai trái
Ngu si mê muội nên như vậy
Như khói xông phủ giữa hư không.
Nếu người giận dữ không bảo vệ
Vì ngu si mê muội vô trí
Ví như cầm gậy khuyên nhủ người
Mà buồn giận kia càng tăng thêm.
Mình ở tại đời kiếp quá khứ
Làm khổ sở đến các chúng sanh
Vì thế cho nên ở thân này
Bị khổ sở có thể nhẫn chịu.
Thân mình ví như cùng gang thép
Chịu đựng ngọn lửa rền đập kia
Như gang thép ấy để giữ mình
Sao có thể có nỗi khổ kia?
Nay mình đối với thân thể này
Như hình tượng không có tình cảm
Tuy gặp phải các điều khổ não
Mà giận dữ không hề nổi lên.
Ngu muội khởi lên nghiệp yêu thương
Không biết gốc rễ đau khổ đó
Duyên khổ tự mình phải vượt qua*

Tại sao phát sanh buồn căm giận?
Ví như nhận chịu khổ địa ngục
Các loại chim thú núi rừng gươm...
Biết rõ nghiệp mình đã phát sanh
Nơi nào có giận dữ buồn bực?
Nghiệp mình nhất định phải như vậy
Sai lầm này biết đã xảy ra
Giả sử khiến đi vào địa ngục
Không do người khác mà gây nên.
Muốn sạch hết nghiệp chướng của mình
Vô lượng không có gì giới hạn
Nghiệp chướng của mình đã như vậy
Nhận chịu địa ngục suốt thời gian.
Mình vượt qua nơi này như vậy
Người kia thật oan gia với mình
Phân biệt biết rõ tại vì sao
Ngu muội nóng giận đã tạo ra.
Nếu như người tự bảo vệ mình
Đối diện oán thù nên không hận
Thì tâm phát sanh mọi công đức
Địa ngục vì sao phải đi vào?
Tất cả những việc làm của mình
Nhất định do vì như lúc ấy
Không nhẫn giận không thể bảo vệ
Làm tổn hại đến sự tu hành.
Ý không tương mạo không hình dáng
Tán loạn chính là làm tổn hại
Vì nhờ vào thân được bảo vệ
Thân đau khổ phải nên chịu đựng.
Mình đối với nghiệp ác của miệng
Nhiều sai lầm nhưng không thể làm
Thân không gặp phải những khổ đau
Tại vì sao tâm có nóng giận?
Mình ở trong kiếp sống hiện tại
Tịnh tâm hành công hạnh lợi ích
Đối với lợi ích đã không có
Việc gì phải hướng về ăn uống?
Tất cả việc làm đã làm ra

Cần phải vì lợi ích cho người
 Không có lợi ích kia chẳng quý
 Chắc chắn mắc tội không nghi ngờ.
 Không bằng trước mắt mạng này chết
 Chẳng còn tham tà thọ mạng gì
 Tà mạng dừng lại tuy lâu dài
 Nhưng chết phải rơi vào đường khổ.
 Ví như đang sống trong giấc mộng
 Trăm năm nhận được niềm an lạc
 Giống như được an vui chân thật
 Tỉnh giấc rồi biết chẳng có thật.
 Ví như lúc ấy vô thường đến
 Thọ mạng dài ra hay ngắn lại
 Hiểu rõ hai sự việc này rồi
 Lúc ấy nào có thể vui sướng?
 Ở lâu trong những niềm vui sướng
 Tự cho là được nhiều lợi ích
 Như người đi đường gặp phải cướp
 Thân hình trần trụi lại trắng tay.
 Phước lợi tùy theo sai lầm giảm
 Tội căn vẫn trở lại nảy sanh
 Phước hết tội lỗi không nảy sanh
 Là được lợi ích không nóng giận.
 Sao vì cứu sống tính mạng kia
 Luôn luôn làm những điều bất thiện?
 Không thể tư duy được như vậy
 Không thiện nào không bị tổn hại.
 Không nên khen ngợi đối với sân
 Do vì làm tổn hại chúng sanh
 Tâm lợi ích cho người như vậy
 Nóng giận kia không có đường sanh.
 Giúp đỡ cho người tu tâm ấy
 Nhẫn chịu với điều không chịu được
 Nhìn thấy phiền não kia phát sanh
 Thì ca ngợi công đức của nhẫn.
 Chùa tháp - Phật tượng hay pháp diệu ...
 Có kẻ phỉ báng và phá hoại
 Phật bình đẳng không hề khổ não

Mình đối với họ không nóng giận.
Đối với thầy và trong thân thích
Không khởi lên do nghiệp yêu thích
Nay vì đời kiếp nơi quá khứ
Gặp lại nhau mà tự nhủ mình.
Tâm giác ngộ quán xét chúng sanh
Luôn luôn còn rất nhiều khổ não
Trông thấy chúng sanh như vậy rồi
Đối với khổ não thường nhẫn chịu.
Nóng nảy giận dữ và ngu si
Phân biệt cùng một loại sai lầm
Đối với sai lầm độc hại này
Đâu có thể nói là không lỗi?
Tại vì sao ở trong quá khứ
Lại làm ra nghiệp hại người khác?
Nhân tố của các nghiệp như thế
Gián đoạn nghiệp này phải làm sao?
Như phước trí của Phật cũng vậy
Nay mình dốc hết lòng thực hiện
Cùng với tất cả mọi chúng sanh
Tâm yêu thương nhìn thấy lẫn nhau.
Ví như lửa cháy nhà cửa đó
Trong nhà mà ngọn lửa đi vào
Trong nhà nếu như có rơm rạ
Ngọn lửa kia tự cháy lan tràn.
Như vậy trở lại dụ cho tâm
Hòa hợp với ngọn lửa nóng giận
Đốt cháy công đức phước thiện kia
Trong khoảnh khắc không còn có gì.
Nếu như người bị giết trong tay
Cố gắng tha cho thật đáng khen
Khổ địa ngục có thể tránh được
Phước thiện này ai không ca ngợi?
Nếu như người ở tại thế gian
Một chút khổ không thể nhẫn được
Đau khổ địa ngục thật vô lượng
Nhân nóng giận sao không đoạn dứt?
Mình vì những đau khổ như vậy

Trải qua trăm ngàn chốn địa ngục
 Tất cả vì lợi ích cho người
 Đã làm không tự lợi cho mình.
 Mình không có điều gì khổ não
 Và những nỗi khổ lớn như thế
 Để giúp họ xa rời thế gian
 Làm công hạnh lợi ích như vậy.
 Xa rời đau khổ được an vui
 Chúng sanh đều ngợi khen công đức
 Được mọi người khen ngợi như thế
 Tại vì sao lại không vui mừng?
 Mọi người thấy đều đã vừa lòng
 Vui sướng không có gì ngăn ngại
 Làm lợi cho người là trên hết
 Người có trí sao không cố gắng?
 Công hạnh cao nhất là như thế
 Có thể vui sướng không tu tập
 Nếu như không bỏ cách nhìn này
 Thì làm tổn hại cho chánh kiến.
 Nếu kính yêu đối với người khác
 Lấy đức mà ca ngợi tán thưởng
 Đức người khác đã ngợi ca được
 Mới chính là tự mình kính yêu.
 Trước mắt nên phát tâm Bồ-đề
 Nguyên vì tất cả mọi chúng sanh
 Làm cho đạt được những vui sướng
 Tại sao nóng giận với chúng sanh?
 Đức Phật ban vui khắp ba cõi
 Mong muốn chúng sanh được thành Phật
 Lợi ích thế gian đã không thật
 Phiền não kia dấy lên làm gì?
 Giống như xương thịt của con người
 Cho đến những người thân họ hàng
 Nuôi dạy cho những mạng sống ấy
 Không vui sao nảy sanh oán giận?
 Như người mong cầu Bồ-đề kia
 Trước mắt sử dụng tâm Bồ-đề
 Nhưng không yêu quý các chúng sanh

Phước tự bỏ đi oán giận gì?
Nếu như người có những mong cầu
Chi ra tiền của bố thí nhiều
Những mong cầu đã không đạt được
Không bằng tiền của còn trong nhà.
Phước thiện công đức rất thanh tịnh
Nào ngăn trở gì mà không được
Đạt được rồi tự mình không nhận
Như tu hành ở trong oán giận.
Gây tội lỗi và làm phước thiện
Không như nhau không thể tùy hỷ
Lại cũng không thể dựa nhau làm
Nên tự nhiên không có may mắn.
Nếu yêu thương đối với oan gia
Muốn cầu sự hoan hỷ của họ
Lại cầu mong những lời khen ngợi
Sự việc này không có nhân duyên.
Tuy hy vọng lợi ích viên mãn
Trái lại khổ mà chẳng có vui
Tâm Bồ-đề không nhẫn nhịn được
Đối với lợi ích không thành tựu.
Cái móc tặc hại của phiền não
Dắt con người không thể tự tại
Giống như binh lính chốn địa ngục
Ném người ta vào hầm lửa nóng.
Mình vốn cầu lợi ích cho người
Đâu cần phải ngợi khen giả dối
Không có phước chẳng kể thọ mạng
Không có sức chẳng kể bình an.
Tự lợi ích làm không trọn vẹn
Người có trí cần phải hiểu rõ
Tiếp về sau mà tự thực hành
Nên yêu thích niềm vui viên mãn.
Tu hành muốn ngợi ca tán thưởng
Giống như cầm dao tự giết mình
Như thế gian lắm điều không thật
Vô ích và không có lợi lạc.
Ví như làm tổn hại nhà cửa

Mặt trời soi chiếu thấy trong ngoài
 Cũng do vì ngợi khen không đúng
 Cần phải dụng tâm hiểu rõ ràng.
 Ông tư duy đối với tiếng nói
 Khởi lên và diệt đi bình đẳng
 Tâm lợi ích cho người như vậy
 Nên thực hành công hạnh như thế.
 Đối với người có gì yêu quý
 Mà làm điều lợi ích cho họ?
 Họ đã được niềm vui sung sướng
 Mình lợi ích không phải giả dối.
 Những người kia được sự lợi lạc
 Dùng tất cả lời khen tặng mình
 Tại vì sao lại đối với mình
 Không niềm vui uy đức gì khác?
 Người ấy khen tặng mình như vậy
 Vì yêu thương tự nhiên phải thế
 Người ấy không có duyên như vậy
 Giống như ngu si như mê muội.
 Mình tuy nhận được lời khen này
 Nhanh chóng bỏ qua đừng chấp trước
 Hạng xấu cảm ghét đức chính đáng
 Từ đó mà dấy lên oán giận.
 Chính là lời khen thành chướng ngại
 Mình làm cho không thể phát khởi
 Bảo vệ không rơi vào đường ác
 Vì người thực hành pháp vô ngã.
 Nếu như cõi cho các chúng sanh
 Những trói buộc tôn ti lợi dưỡng
 Khiến cho chúng sanh được giải thoát
 Ý họ tại sao lại oán giận?
 Nếu người muốn rời bỏ khổ đau
 Hãy đi vào cửa ngõ giải thoát
 Đây là uy đức của chư Phật
 Tại sao mình oán giận nơi ấy?
 Oán giận này mình không dấy lên
 Vì tạo chướng ngại cho phước thiện
 Tu hành bình đẳng nén chịu đựng

Phước ấy không gì không thu được.
 Những sai lầm từ bản thân mình
 Nhẫn nhục cho nên không phát sanh
 Do vì sai lầm không xảy ra
 Nên phước thiện kia gặt hái được.
 Nếu như người không có phước thiện
 Nén lòng chịu đựng sẽ tự sanh
 Thường khiến cho an trú nhẫn nại
 Tại vì sao nói là chướng ngại?
 Ở thế gian cầu lợi ích cho người
 Không thể thí làm thành chướng ngại
 Do vì chướng ngại hàng xuất gia
 Thì không thể nào xuất gia được.
 Những điều khó được ở thế gian
 Cầu mong mà có thể tặng cho
 Mình chỉ nói đến thiện và lợi
 Còn ở lỗi lầm không gì được có.
 Do lẽ công hạnh Bồ-đề ấy
 Xa rời đối với mọi oán thù
 Như mở ra kho báu trong nhà
 Vì thế cho nên nói không khó.
 Sám hối đối với những nghiệp nhân
 Điều ấy đầu tiên để dẫn đường
 Vì vậy đối với quả nhẫn nhục
 Như vậy mà nhất định nảy sanh.
 Lúc ấy tâm không có của mình (ngã sở)
 Tâm này chính là trú vào nhẫn
 Thành tựu không thể nghĩ bàn được
 Cúng dường hướng về pháp vi diệu.
 Tâm này làm lợi ích cho người
 Thậm chí dùng thọ mạng của mình
 Hoặc vì oán thù không cung cấp
 Tại vì sao riêng nói nhẫn nhục?
 Đối với những tâm xấu ác kia
 Tất cả đều nhẫn nhục ủng hộ
 Do có thể nhẫn nhục như vậy
 Nhờ đó cúng dường pháp vi diệu.
 Cõi Phật cùng với cõi chúng sanh

Đại Thánh Mâu-ni dạy điều này
 Hướng về nơi ấy phụng sự nhiều
 Có thể cảm đến quả giàu sang.
 Như Lai và đối với giáo pháp
 Cùng với chúng sanh luôn bình đẳng
 Vì thế tôn trọng đối với Phật
 Tôn trọng chúng sanh cũng như vậy.
 Xây dựng ý chính là như vậy
 Đối với mình không làm điều gì
 Dùng tâm hết sức bình đẳng ấy
 Bình đẳng đối với mọi chúng sanh.
 Ý bao la hướng về chúng sanh
 Lòng dạ cho vui (tâm Từ) mà cúng dường
 Phước thiện phát tâm như Đức Phật
 Đạt được phước thiện như Đức Phật.
 Vì thế cho nên hành pháp Phật
 Đức Phật và chúng sanh bình đẳng
 Đức Phật bình đẳng khắp mọi nơi
 Biển cả công đức không giới hạn.
 Công đức của Phật thuần tịnh khiết
 Không công đức nào so sánh được
 Tuy khắp nơi ba cõi cúng dường
 Nhìn thấy mà không nhận của mình.
 Phật là bậc thầy của các pháp
 Là bậc tối thượng của chúng sanh
 Cúng dường tất cả các chúng sanh
 Nên thực hiện ý nghĩ như vậy.
 Đối với hàng quyến thuộc của mình
 Không thể phát khởi lợi hành này
 Đối với người khác mà phụng sự
 Không thực hiện được sao vượt qua?
 Làm tổn hại thân đi vào ngục Vô gián
 Như người kia đã làm lại tiếp mình làm
 Tâm rộng lớn vì tất cả chúng sanh
 Như vậy thường thực hành mọi điều thiện.
 Như người đời mong làm chủ tự tại
 Do việc của mình không xứng huân tình
 Tại sao trở thành lệ thuộc người ta

Mình làm không phải tính cách nô bộc ấy.
 Cũng như Phật vào khổ mà không khổ
 Như được vui sướng mà lại hoan hỷ
 Tất cả Phật chắc chắn hoan hỷ người kia
 Hoan hỷ vì họ có thể làm việc này
 Như thân phiền não mà có khắp nơi
 Muốn tất cả thiếu sót đều được đầy đủ
 Đối với đau khổ của chúng sanh cũng vậy
 Mình không có phương tiện thương xót rộng lạng.
 Vì thế cho nên nỗi khổ này mình lìa xa
 Cứu tất cả khổ khởi lòng thật xót thương
 Trước kia làm phiền nhiễu ở người nhẩn nhục
 Tội lỗi ấy nay mình nên sám hối.
 Nay con phụng sự đối với Như Lai
 Giống như các hạng tôi tớ ở thế gian
 Mọi người chân đạp trên đầu con
 Hoan hỷ chịu đựng giống như Đức Phật.
 Tất cả việc nhỏ của thế gian đều có thể làm
 Vì xót thương nên không có ngăn ngại
 Thấy sắc tướng này tất cả không sánh được
 Bậc ấy như vậy người nào không tôn kính.
 Phụng sự đối với Như Lai như vậy
 Để cho tự lợi thành tựu như vậy
 Vì diệt trừ khổ não cho đời như vậy
 Nay con mới xuất gia như vậy.
 Ví như một người ở ngôi vua
 Có tài điều phục được đại chúng
 Chúng không phải một người có thể điều phục
 Do vì lâu năm thân cận với vua.
 Người kia một nhưng không đơn độc
 Do vì có lực lượng của vua
 Tuy cấm đoán mà không run sợ
 Cũng không có sai lầm sơ suất.
 Tâm xót thương trú trong nhẩn chịu
 Gắng sức như thuộc hạ địa ngục
 Làm việc bảo vệ cho chúng sanh
 Cũng như việc làm vì vua ác.
 Oán giận không làm theo lệnh vua

Như nỗi khổ nơi địa ngục kia
Làm cho phiền não đến chúng sanh
Thì nỗi khổ kia mình nhận chịu.
Vui không vì những thứ vua ban
Như được những gì từ Đức Phật
Tâm tốt đối với các chúng sanh
Tâm này sao không tiếp nhận được.
Làm việc bảo vệ cho chúng sanh
Sau này sẽ được thành vị Phật
Thấy cảm quả ngợi khen tôn trọng
Niềm vui này sao không trông thấy?
Không bệnh tật gì lại nghiêm trang
Vui vẻ sung sướng mà trường thọ
Giàu sang làm vị Chuyển luân vương
Đầy đều từ nhẫn nhục đạt được.

Phẩm 5: TÂM BỒ ĐỀ, TINH TẤN BA LA MẬT ĐA

Người có trí thực hành nhẫn nhục
 Tâm Bồ-đề trú trong tinh tấn
 Lười biếng trễ nãi xa rời phước
 Cũng như người xa rời gió mà đi.
 Năng lực tinh tấn hiểu thế nào?
 Điều ấy cần phải phân biệt nói
 Lười biếng trễ nãi không tinh tấn
 Như chất độc nên tự quán xét.
 Thú vị ham vào trong giấc ngủ
 Nói không làm việc là vui sướng
 Nỗi khổ luân hồi đáng bỏ đi
 Nhưng phát sanh từ trong lười nhác.
 Nhà cửa của bao nhiêu phiền não
 Năng lực lười nhác dắt dẫn vào
 Đã đến trước cánh cửa vô thường
 Tại sao trước mắt mà không biết?
 Tinh tấn vì mình và vì người
 Công hạnh này ông không trông thấy
 Lười nhác uể oải lại muốn ngủ
 Lúc này như trâu mặc ý giết.
 Nếu như vậy mà không trông thấy
 Tất cả đạo lý đều mất hết
 Hạng kia đã không được điều gì
 Tại vì sao vui ham giấc ngủ?
 Nếu như vừa lòng với oai nghi
 Vô thường bất chợt mà đi đến
 Thi hành cũng không còn kịp nữa
 Vì sao dừng lại trong lười nhác?
 Tinh tấn nhưng không tu tập
 Không lo lắng gì như tinh tấn
 Bỗng nhiên hướng đến cửa Vô thường
 Tư duy chông chất khổ vô cùng.
 Trông thấy cửa ngõ Diệm-ma kia
 Khổ não mà nóng lòng hết sức
 Trong khoảnh khắc tuôn dài dòng lệ
 Quyển thuộc không thể nào cứu được.

Vắng nghe âm thanh chốn địa ngục
 Tự nghĩ đến nghiệp đang bức bách
 Thân mình ở trong chỗ bất tịnh
 Kinh hãi không thể nào nói xiết.
 Nỗi khổ địa ngục rất tàn ác
 Nghiệp ác sao tiếp tục gây ra?
 Giống như các sóng trong nồi chảo
 Nỗi sợ ấy cần phải như vậy.
 Nghiệp dữ địa ngục đã làm ra
 Mới nhận chịu khổ đau bỏng cháy
 Thân thối nát khổ não biết bao
 Được thanh tịnh phải như thế nào?
 Ma vương làm bao người đau khổ
 Bắt người dẫn đến cửa Vô thường
 Nỗi khổ Vô thường thật đáng sợ
 Ở đây trông thấy quả lười nhác.
 Ngu si mê muội ham ngủ vùi
 Sai lầm này lại không phải nhỏ
 Đi vào dòng sông đầy đau khổ
 Trở lại không có được thân người.
 Ngoại trừ vui với pháp tối thượng
 Chứng tử niệm vui không giới hạn
 Lười nhác trễ nãi và cười cợt
 Nhân khổ đau ông vui về gì?
 Trông thấy bị nhiều giận dữ vây
 Biết điều ấy tự mình tinh tấn
 Mình và người đều phải thực hành
 Như mình với người luôn bình đẳng.
 Mình làm sao đạt được Bồ-đề
 Mà không phân biệt để thực hiện?
 Theo lời chân thật của Như Lai
 Nói chân thật về tánh giải thoát.
 Các loài muỗi ruồi sâu bọ kia
 Cho đến loài tôm cua ốc hến...
 Nếu như có được sức tinh tấn
 Cũng xác đáng đạt được Bồ-đề.
 Chúng và mình sao sanh làm người
 Có thể biết lợi hay bất lợi

*Luôn luôn biết nhiều cách tinh tấn
Sao không thể đạt được Bồ-đề?
Hoặc xả bỏ đối với tay chân
Ở tại đây mà sanh sợ hãi
Ngu mê làm trái lời thầy dạy
Lợi nơi này không biết nơi kia.
Chặt mổ giết hại và đun nấu
Cứu thoát ra đều không giới hạn
Vô lượng vô biên vô số kiếp
Mà vẫn chưa đạt được Bồ-đề.
Trải qua vô số đau khổ này
Rất lâu mới chứng quả Bồ-đề
Dụ như chất độc làm đau khổ
Chất độc hết đau khổ đều lìa.
Làm người chữa bệnh cho tất cả
Cứu chữa các bệnh tật đau khổ
Vì thế cho nên khổ tiêu trừ
Tất cả bệnh tật đều mất đi.
Vì thế cho nên nói cứu chữa
Thuốc ngọt không lợi gì cho bệnh
Thầy thuốc bậc cao chữa bệnh nặng
Thuốc ngọt đều không cho sử dụng.
Từ trước đến sau đều như vậy
Người có trí đều phải thực hành
Tiếp tục về sau mà tiến tu
Thân xác nên xả bỏ có ích.
Người có trí quán xét thân xác
Nhờ vào thức ăn mà lớn lên
Khô rụng bỏ đi như rác rưởi
Thì xả bỏ không khó khăn gì.
Nếu thân đã làm ra đau khổ
Thì tâm nói là giả làm ra
Người có trí thì tâm chẳng ác
Họ không có nghiệp ác khổ đau.
Biết rõ pháp ý luôn an vui
Đầy đủ phước thân được yên lành
Không có luân hồi giả dối này
Đã khổ đau nói gì xót thương?*

Cầu sạch hết tội lỗi quá khứ
 Đi sâu vào biển phước lợi người
 Năng lực của tâm Bồ-đề này
 Hàng Nhị thừa cần phải khẩn cấp
 Lợi ích không vui mừng như vậy
 Công hạnh thực hành sao phải khổ?
 Tâm Bồ-đề là xe người kéo
 Người có trí đi được vui vẻ
 Vì thành tựu cho các chúng sanh
 Vui thực hành năng lực phương tiện.
 Sức mình làm sợ hãi đau khổ
 Nhìn chỉ có ca ngợi tán thưởng
 Đoạn dứt những phân biệt như vậy
 Tăng thêm đối với sự tinh tấn.
 Thân mình nhưng có thể bỏ được
 Vượt lên trên thân phương tiện kia
 Mình xóa bỏ khoảng cách Tự - Tha
 Vô số điều sai lầm sơ xuất.
 Mỗi một sự sai lầm sơ xuất
 Như cướp sạch không còn lại gì
 Sai lầm ấy tất cả đều hết
 Mình không có một mảy may nào.
 Vô biên đau khổ đã rời ra
 Tâm mình làm sao mà tổn hại?
 Mình mong cầu thật nhiều công đức
 Vì lợi ích cho mình và người.
 Học theo tất cả các công đức
 Kiếp tận cùng - học không cùng tận
 Mảy may trong mọi công đức ấy
 Cả đời mình chưa hề thực hiện.
 Hoặc trước mắt ở nơi được sanh
 Sống uống phí không có điều gì
 Mình vui mừng khởi tâm cúng dường
 Cúng dường Đức Thế Tôn vô thượng.
 Vì nghèo khổ không thể làm được
 Nên nguyện ước không sao trọn vẹn
 Không thực hành làm yên nỗi sợ
 Không chú ý để mẹ vui sướng.

Như đi vào thai tạng của mẹ
Mẹ chỉ có bệnh tật khổ não
Quá khứ vì xa rời giáo pháp
Nay mình có được quả báo này.
Mình sanh ra đã là như vậy
Nên thực hành pháp hạnh nào đây?
Tất cả mọi tâm căn thánh thiện
Thích Ca Mâu-ni của thế gian
Căn ấy luôn luôn không lui sụt
Thường đạt được quả báo tốt đẹp.
Phiền não khổ mãi không thoát được
Nên nhất định rất nhiều sợ hãi
Đối với người chướng nạn yêu thương
Phát sanh tội lỗi mà tự cảm.
Nếu như người hướng về mọi nơi
Luôn luôn khởi tâm mong muốn tốt
Mà cảm đến phước các nơi kia
Thu được các quả của cúng dường
Nếu người đối với khắp mọi nơi
Gây tội lỗi lấy làm vui thích
Mà cảm đến những báo ứng kia
Phải bị khổ đau làm tổn hại.
Mặt trăng chứa đầy sự mát lạnh
Trong sáng bao la thật lạ kỳ
Âm thanh Phật ý vị bậc nhất
Không tu tập không thể đạt được.
Nhưng bậc Thiện Thệ vô thượng ấy
Nhất định hiểu rõ pháp Thiện Thệ
Như hoa sen nở ra đẹp nhất
Cũng như vầng trăng tròn Nhân Giác.
Ngục tốt thuộc hạ chốn Diêm-ma
Lôi kéo những thân hồn đau khổ
Hầm lửa cho đến cột đồng cháy
Đun nấu tất cả đều đi vào.
Ngọn lửa rừng rực thiêu cháy người
Trăm ngàn đao cắt đứt xương thịt
Rơi vào địa ngục sắt cháy bỏng
Đây là vì làm nhiều bất thiện.

Vì thế cho nên tâm làm thiện
 Quán sát vi tế đến cùng cực
 Dựa vào cờ hiệu Kim Cang ấy
 Tu học mà thực hiện quán xét.
 Ban đầu học quán sát hoà hợp
 Không quán sát ông chẳng phải học
 Nên không có tên gọi Tối Thượng
 Ông cần phải hồi tâm thực hiện.
 Đã dấy lên từ trong sanh mạng
 Tăng thêm những tội lỗi đau khổ
 Không xây dựng sự nghiệp lên cao
 Xuống thấp kia không cầu tốt đẹp.
 Ba loại quan hệ cần phải biết
 Căn cứ vào nghiệp lực phiền não
 Nhân tố xấu ác của tương lai
 Từ đây làm thế nào thực hiện?
 Tất cả phiền não của thế gian
 Trói buộc con người không tự tại
 Mình như người ta không năng lực
 Vì thế cho nên mình không làm.
 Đã xây dựng sự nghiệp dưới thấp
 Làm thế nào khiến an trú được?
 Nên quán sát mình không có ngã
 Nhưng đã làm ra ngã như vậy.
 Một hạt cam lồ vi diệu thay
 Chim nuốt thành ra chim cánh vàng
 Ý mình cho là nhỏ bé quá
 Có thể trừ đi chút khổ nạn.
 Nóng giận gây ra nạn vô tình
 Vì các tội lỗi là bất thiện
 Không phải cố ý thấy phát khởi
 Rộng lớn hơn hẳn khó sánh bằng.
 Vì thế cho nên tâm thanh tịnh
 Ca tụng làm ra câu văn này
 Khiến cho biết rõ ba cõi ấy
 Mình nên xa lìa mọi hý luận.
 Mình nhất định hơn hẳn tất cả
 Không có người nào hơn được mình

Mình bây giờ mà tự biết mình
Là dòng dõi Sư Tử của Phật.
Chúng sanh xa rời ngã và Nhân
Lúc ấy sẽ đạt đến Tối Thượng
Không hàng phục oán thù biếng trễ
Oán thù biếng trễ tự đầu hàng.
Do vì bị dắt vào đường ác
Thân tốt đẹp nhanh chóng tổn hại
Do làm tội lỗi cho ngu ác
Ăn nhờ mà chịu đựng gậy cùm.
Chịu đựng điều ấy vì tất cả
Tu hành trú vào trong ngã mạn
Nhưng mà có được tiếng tăm này
Thấp kém kém cõi làm sao nói!
Như vậy nếu đừng cảm đôn sức
Tự đánh bại những oan gia kia
Dùng mãnh thực hành tu hạnh này
Oán thù ngạo mạn không chịu nổi.
Tâm ngạo mạn kia nếu dấy khởi
Trở thành oan gia thật ngã này
Quả tốt đẹp tuy muốn lớn lên
Nhưng quả này thấy đều vất bỏ.
Dụ như bậc Sư tử tinh tấn
Hiện ra giữa bầy thú phiền não
Bầy thú phiền não có ngàn vạn
Tuy đông nhưng không thể địch nổi.
Thế gian có nỗi khổ to lớn
Người tự trông thấy đầy đủ hết
Phiền não không thể nào hàng phục
Mới gặp phải khổ đau như vậy.
Mình thà để làm cho đầu rơi
Cho đến moi tim móc ruột ra
Phiền não và các loại oan gia
Tất cả mình không chịu đầu hàng?
Nhờ vào tinh tấn này tu tập
Nhất định hết nghiệp kiêu mạn kia
Thu được quả báo thật tốt đẹp
Tự cảm đến niềm vui thanh thản.

Vì an lạc làm nhân tu tập
 Điều ấy lại không thể có được
 Những sự tu tập không quyết định
 Cũng được quả không thể thù thắng.
 Luân hồi ham muốn không biết đủ
 Dụ như tham mật nơi lưỡi dao
 Nếu như tham phước thiện cam lồ
 Sau khi ăn rồi chuyển thành ngon.
 Vì thế cho nên nghiệp tịch tĩnh
 Cảm quả kỳ diệu thuận theo hành
 Như mặt trời ấm - mặt trăng lạnh
 Ngày và đêm lần lượt theo nhau
 Có năng lực tinh thần tinh tấn
 Đối với biếng nhác phá tan được
 Vì đã rời xa được phiền não
 Tâm vui mừng quý trọng vô cùng.
 Gây phiền não cứng chắc kiên cố
 Đấu với thanh kiếm niệ m tuệ kia
 Dụ cho gây kiếm giằng co nhau
 Giống như người nữ kia bắt chước.
 Cầm kiếm tay không có sức lực
 Lạc đường gươm luống cuống sợ hãi
 Mất thanh gươm niệ m cũng như vậy
 Địa ngục mà lại ở nơi tâm.
 Người thế gian biết những điều thiện
 Không bằng lòng uống máu độc hại
 Tâm vượt qua cũng lại như vậy
 Tâm vượt qua mà không thể làm.
 Tâm tinh tấn của người xuất gia
 Dụ như bưng giữ bát dầu đầy
 Bát rơi nhất định là phải chết
 Vì thế rất sợ bát bị rơi.
 Lười nhác say sưa trong giấc ngủ
 Dụ như rắn độc ở trong lòng
 Không đuổi ra phải bị tổn hại
 Cần phải gấp rút đuổi nó ra.
 Đi sâu vào từng sai lầm một
 Cần phải hồi tâm để tư duy

*Sai lầm này không thể giữ lấy
Tại vì sao mình lại gây ra?
Nghịệp nhân hòa hợp thành thân này
Dùng gươm chánh niệm để chặt đứt
Tại sao nói là địa vị mình
Vì ý niệm này mà có được.
Tâm chánh niệm nếu không phát khởi
Không thể nào trừ diệt mảy may
Nghịệp đến như việc làm đã qua
Tất cả báo ứng đều nhận được.
Như bông vải Đô La miền kia
Thuận theo chiều gió mà đi lại
Người luôn tinh tấn cũng như thế
Tăng thêm sức mạnh được như vậy.*



KINH BỒ ĐỀ HẠNH

QUYỂN 3

Phẩm 6: TÂM BỒ ĐỀ, TÍNH LỰ BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

Phật hoan hỷ tinh tấn tăng thêm
 Ý an trú vào trong thiền định
 Thương xót người tâm tán loạn kia
 Mâm phiền não cư trú trong họ.
 Nay mình biết rõ về thân tâm
 Không nảy sanh ra sự tán loạn
 Vì vậy không đến gần thế gian
 Cũng cách xa nghi ngờ mê hoặc.
 Công hạnh lợi ích thật đáng quý
 Đáng quý không xa rời thế gian
 Người có trí tư duy như vậy
 Cho nên ở đây đều xả bỏ.
 Dựa vào các pháp Xa-ma-tha (Chỉ)
 Và các pháp Vĩ-bát-xa-năng (Quán)...
 Như vậy mà bắt đầu thực hành
 Làm tổn hại đến các phiền não.
 Trước tiên cầu tìm Xa-ma-tha
 Không dựa vào các hành thế gian
 Vô thường mà lại luôn luôn có
 Đối với ái đâu đâu cần quan trọng.
 Nếu như trông thấy từ ngàn kiếp
 Không trở lại dấy lên ái trước
 Không vui mừng xả bỏ Vĩ-bát

Cũng không an trú trong Đẳng trì (Định).
 Trông thấy rồi không thể dừng chân
 Thì mắc bệnh khát khao quá khứ
 Như thật nhưng không thể trông thấy
 Lẽ nào có thể hết phiền não?
 Ý duyên hướng về nơi ái tập
 Bị phiền não đốt cháy nóng bỏng
 Tư duy rơi xuống dưới thấp kia
 Mạng ngăn ngủi dừng lại chốc lát.
 Bận bịu tốt không lâu dài được
 Pháp kiên cố không thể thành tựu
 Đi cùng với những hạng ngu muội
 Quyết định rơi vào trong đường ác.
 Sao có thể cùng với ngu si
 Lấy chất độc phân chia lời kéo
 Mà đối với quyến thuộc của mình
 Trong khoảnh khắc mắc phải sân giận?
 Tánh phàm phu sanh khởi khác nhau
 Mừng vui buồn giận không nhất định
 Lắm giận khó kể thừa trách nhiệm
 Xa rời đối với điều tốt đẹp.
 Tâm thấp kém tự ca ngợi mình
 Trói buộc vào nỗi khổ yêu ghét
 Không xả bỏ sự nóng giận kia
 Phải bị rơi vào trong đường ác.
 Mê muội ngu si không giữ tâm
 Vì vậy không có công đức gì
 Tự khen mình - nói xấu người khác
 Vui với luân hồi mình gánh chịu.
 Đã duy trì ngu si mê muội
 Ở trong những loại bất thiện này
 Không tốt đẹp và không hòa hợp
 Những sự việc kia đều có được.
 Lòng mình đầy những niềm vui sướng
 Nhưng ý không tham đắm điều gì
 Xa lìa nơi ngu si mê muội
 Xứng đáng được yêu quý thừa sự.
 Không vì hướng về nơi khen ngợi

An trú vào trong việc thiện nào
 Ví như loài ong làm ra mật
 Yên lặng tự nhiên được thành tựu.
 Mình đi khắp tất cả mọi nơi
 Giống như chưa từng có điều ấy
 Luôn luôn được nhiều người hướng về
 Khen ngợi mà kính yêu tôn trọng.
 Nếu như mê muội khắp mọi nơi
 Ý vừa lòng vui với niềm vui
 Lấy điều này ở tại thế gian
 Phải sanh tử vô cùng sợ hãi.
 Vì thế cho nên người trí ấy
 Rất kính hãi đối với sanh tử
 Biết rõ rất nhiều loại khổ não
 Ở nơi ấy quyết định nhận chịu.
 Nếu như quay về trong khoảnh khắc
 Tự mình tu tập rất tinh tấn
 Nhận được tên gọi thật tốt đẹp
 Lại cũng rất nhiều sự lợi dưỡng.
 Lấy điều ấy cùng lợi cho người
 Chê ta là không phải công đức
 Nếu người này gia tăng vào hủy báng
 Mình nói là vui thích ngợi khen.
 Tuy hủy báng mà không nóng giận
 Ca ngợi cũng không thể ưa thích
 Đó gọi là Phật và chúng sanh
 Tất cả các loại đều như vậy.
 Xưng tán nhất định có công đức
 Hủy báng dẫn đến quả báo khổ
 Thế gian không thể tư duy được
 Đây gọi là do vì ngu si.
 Tự tánh đau khổ cùng an trú
 Sống nơi ấy có gì là vui?
 Ngu si mê muội không bạn bè
 Đây chính là lời Như Lai nói.
 Nếu ở chỗ ngu si mê muội
 Tự lợi mình không gì không thích
 Nếu vào cửa lợi ích cho người

Như vậy là tự yêu quý mình.
Không làm hỏng đối với chúng sanh
Không hết lòng kế thừa tôn trọng
Giảm bớt công hạnh lợi ích người
Như phiền não khiến hoại nghiệp thiện.
Như cung điện nơi cõi trời kia
Cho đến nhà cửa và cây cối
Tùy tâm yêu quý vui mừng kia
Thuận theo ý đều được tốt đẹp.
Tự tánh rộng lớn và mệnh mông
Đây là nơi không ngăn ngại gì
Nơi chốn ấy chưa từng trông thấy
Cũng không thể nào quán sát được.
Giàu sang ví như đồ ngói gạch
Tuy thành tựu nhưng không bền chắc
Thọ hưởng như thế thật tự tại
Khổ não lại cứ nhanh chóng đến.
Như lấy trộm áo quần người khác
Phân chia mặc vào trên thân mình
Đi đứng không sao tự tại được
Khổ não trước mắt không xa rời.
Thích hợp tùy theo với thân mình
Đó thực sự là pháp khổ não
Mình lúc này thân hình như vậy
Thân này chắc chắn phải hư hoại.
Quán sát ở tại thân thể này
Tánh và thân xa rời lẫn nhau
Tánh như vậy không hề hư hoại
Thân làm thức ăn cho sói lang.
Một lần sanh phải một lần tử
Giới hạn của chúng sanh như vậy
Lúc ấy lại trông thấy điều gì?
Các Đại chúng đều phân tán ra.
Như người đi trên lộ trình xa
Hy vọng đến được nhà mình ở
Buồn khổ không khác gì nơi ấy
Chỉ cầu không có gì chướng ngại.
Dụ cho luân hồi cũng như thế

Tất cả đều được vào sanh - trú
 Chẳng đến khi đối với bốn người
 Lúc ấy mới được pháp xa rời.
 Một thân một mình là như vậy
 Oan gia không thể khen ngợi được
 Cho đến lúc thành tựu như thế
 Không chán ngán tai họa thế gian.
 Thời quá khứ ở tại thế gian
 Sanh tử không có gì hối hận
 Công hạnh thực hành không tiếp cận
 Có thể lià được khổ thế gian.
 Niệm Phật tâm và miệng như nhau
 Không có người nào không vừa ý
 Vì vậy thân và ý điều hòa
 Vắng lặng không có gì phiền nhiễu.
 Như vậy mình bền lòng thực hành
 Diệt sạch tất cả các phiền não
 Giải thoát quay về với tự tâm
 Trở lại giải thoát cho tất cả.
 Đạt được tâm bình đẳng lúc này
 Đối với đời này và đời sau
 Đoạn dứt khổ não ràng buộc kia
 Cho đến các đường ác địa ngục...
 Nếu có những người nam người nữ
 Chắp tay cung kính biết bao
 Lợi ích tốt đẹp chẳng tính tới
 Được xưng là người không đau khổ.
 Có báu vàng của mình khéo sử dụng
 Xa rời dứt bỏ nỗi sợ hãi
 Hạnh này nếu có thể thực hành
 Thì đạt được vắng lặng cao nhất.
 Người ấy có thu được điều này
 Mình tự đạt được không khác gì
 Hiểu rõ ràng thực hành như thế
 Sao không hướng về yên lặng đó?
 Một lòng trú trong tham và ái
 Đây là thú thấp kém kéo đi
 Nghiệp cảm bước vào cửa Diệm-ma

Thấy ở phía trước thật đáng sợ.
Cửa ấy là oán thù của ông
Phiền não hiện nay không như nhau
Rõ ràng trú trong tham và ái
Nay trông thấy làm sao được thoát?
Sai lầm tội lỗi tự bao che
Tất cả mắt người khác trông thấy
Người kia hiện nay được ăn uống
Đố kị sao không thể bảo hộ?
Chim đại bàng luôn luôn tham ăn
Chỉ thích món thịt béo mập này
Lại dùng máu me để dụ dỗ
Món ăn ấy rất được coi trọng.
Dụ cho thấy hình dáng loài quý
Gây khô tiêu tụy và hành động
Cùng với tướng mạo đã như vậy
Nhìn thấy chịu đựng thật đáng sợ.
Miệng nhô ra và răng nhọn dài
Đều từ bất tịnh mà sanh ra
Bất tịnh không làm sao chịu được
Ăn uống nơi kia yêu thích gì?
Cảm xúc dịu êm như Đô la miên
Cùng ưa thích láng mịn đùa giỡn
Hôi thối há không thể tiết ra
Nên dục vọng tâm tự mê muội.
Tham điều này gọi là khổ cái
Người say mê khăng khăng chìm đắm
Không tham đắm thì không việc gì
Tại sao mà lại không xa rời?
Tướng già yếu thuận theo sanh ra
Da thịt nhão tồ điểm thêm vào
Không biết thân kia vốn trống rỗng
Mà lại vui mừng mê khăng khít?
Như cái túi chứa đầy bất tịnh
Người mê muội không thể tư duy
Thân nhiều thứ bất tịnh như vậy
Sao ông thích thực hành nơi ấy?
Thân xác chẳng phải tịnh mà thành

Người trí kẻ ngu đều trông thấy
 Tự tánh căn bản không có tâm
 Vì sao vọng yêu quý xác thịt?
 Nếu người kia tâm không yêu quý
 Thì nhất định trông thấy rõ ràng
 Nếu có thể không có đôi bên
 Tự không tiếp xúc mà kháng khí.
 Ngoài ra có chẳng phải bất tịnh
 Mà tự mình không phải là hiếm
 Không tự mình thanh tịnh như vậy
 Việc ấy với ông không là hiếm có
 Tâm bất tịnh ngu si mê muội
 Thể ví dụ đối với hoa sen
 Mặt trời tuệ soi sáng bày ra
 Không thanh tịnh thấy gì yêu quý?
 Thân bất tịnh vô thường trước mắt
 Nhuốm ái dục nay không chính đáng
 Muốn bày thân đích thực thanh tịnh
 Tại vì sao nhuốm theo ái dục?
 Tại vì sao kháng khí thân kia?
 Vì đã tham những bất tịnh người ấy
 Quay về những nơi bất tịnh đó
 Chúng tử có sự sống tăng thêm.
 Ông nhận lấy thân thể bất tịnh
 Thân này chỉ tụ tập giòi bọ
 Thân này đã không phải thanh tịnh
 Không thanh tịnh không đáng yêu quý.
 Bất tịnh mà lại rất nhiều loại
 Nhưng ông tự mình không ghét bỏ
 Không khác gì đồ vật bất tịnh
 Đồ vật này ai yêu quý lắm?
 Những loại như long não - gạo thơm ...
 Và đồ ăn thức uống vừa lòng
 Mùi vị ngon nhất đi vào miệng
 Đều là thanh tịnh rất phù hợp.
 Nếu như rấ rõ ràng điều này
 Thân bất tịnh kia không xa rời
 Chết bỏ thói tha trong rừng vắng

Thì thân này cũng giống như vậy.
 Da bong từng mảng - thịt nát rữa
 Trông thấy thật đáng sợ vô cùng
 Đã có thể biết điều ấy rồi
 Yêu quý vui mừng đâu sanh ra.
 Hương thơm bạch đàn lại tinh khiết
 Thân không có tuyệt vời như vậy
 Tại sao hương thơm tốt đẹp nhất
 Dụng tâm mà phân biệt yêu quý?
 Tự tánh xấu xa nếu tham đắm
 Không vui với niềm vui tịch tĩnh
 Cũng đối với các pháp sắc - hương...
 Tất cả đều nhiễm vương đắm say.
 Nếu đối với tóc dài - móng tay cong
 Răng xám xịt bẩn thỉu vô cùng
 Những dơ bẩn dính đầy trong đó
 Lộ rõ ra tánh ác trong thân.
 Mặc sức hỗn loạn tự si mê
 Muốn chỗ dùng được trên mặt đất
 Lại nắm giữ các loại binh khí
 Một lòng toan tự giết chết mình.
 Xương khô hiện ra trong rừng lạnh
 Trông thấy mà cất tiếng hãi hùng
 Xương khô lay động nơi thôn xóm
 Người mê lại yêu quý vui mừng.
 Thân bất tịnh chính là như vậy
 Khổ này vì đã yêu thích kia
 Như ở trong chốn địa ngục kia (Na-lạc)
 Không đau khổ nào không nhận chịu.
 Tuổi trẻ ham thọ hưởng dục lạc
 Không hết sức cầu được điều thiện
 Tuổi trẻ nếu như không mong cầu
 Già đến muốn thực hiện làm sao?
 Như mặt trời kia sắp lặn xuống
 Trở thành khốn đốn không đến được
 Lại như các bầy thú hươu nai...
 Đến đêm rộng lặng đói khát quay về.
 Tích trượng - bình bát mang theo mình

Ở đường đi mà bị khốn khổ
Như ghé con đi theo bên mẹ
Không sợ hãi gì cũng như vậy.
Nếu tự vì dục vọng mê mờ
Tự bán mình làm kẻ tay sai
Lúc ấy không thể tự tại được
Lại cũng tùy theo nghiệp dẫn lôi.
Như người nữ sanh con trong rừng
Như chiến trận mạng sống khó giữ
Người mê muội bị dục vọng lừa dối
Cậy vào mình cảm quả nô bộc.
Đoạn trừ dục tâm vọng thanh tịnh
Đối với khổ luôn luôn xét kỹ
Thấy lửa dục vọng kia đốt cháy
Lại giống như lưỡi lê hiểm độc.
Người mê muội đuổi theo cảnh dục
Vui giành được canh giữ xăng bậy
Việc không ích gì không giới hạn
Điều thanh tịnh bị làm tổn hại.
Tài sản thế gian là hư huyễn
Người ngu si tham lam bận rộn
Luân hồi qua lại thường đau khổ
Biết đến thời gian nào mà giải thoát
Tham mùi vị dục vọng như vậy
Dục vọng ấy thọ hưởng không ít
Dụ như bò kéo chiếc xe nặng
Thậm chí miệng mình không cỏ rơm.
Mùi vị dục và không rơm cỏ
Khó có được người thấy điều ấy
Thấy rồi phá bỏ biết là trái
Hiếm có giác ngộ trong khoảnh khắc.
Nhưng thân dấy lên làm điều này
Tất cả thời gian luôn mệt mỏi
Định nghiệp tốt đẹp không tu tập
Nhất định phải rơi vào địa ngục.
Ở đó vô lượng vô số kiếp
Phần khốn khổ chịu đặng không biết
Phải trải qua đau khổ chồng chất

Không phải vì cầu quả Bồ-đề.
 Không vũ khí - lửa dữ độc hại
 Không núi đồi oán thù sân hận...
 Xa rời dục vọng ấy như vậy
 Nói là xa rời khổ địa ngục.
 Là xa mọi dục vọng như vậy
 Phân biệt sanh ra mọi yêu thích
 Yêu thích chẳng phải nơi trống rỗng
 Nhưng can ngăn đất rừng của thiện.
 Ánh sáng từ vầng trăng Thiện Tài
 Hương thanh tịnh Bạch đàn mát mẻ
 Trong lầu gác quý báu rộng lớn
 Đi đứng thật thanh thản trong lòng.
 Rừng thiện không âm thanh ồn náo
 Làn gió thanh tịnh quạt lớn lên
 Nhưng nơi ấy rất là lắng lặng
 Tâm tư duy sang khoái lạnh lợi.
 Nếu nơi nào có thể thân cây
 Nhà ở giữa không - dưới cây cao
 Xả bỏ yêu thích - xa phiền não
 Bảo vệ căn thức không ràng buộc.
 Nơi này không có gì chi phối
 Đi đứng tùy mình không ràng buộc
 Hoan hỷ thọ nhận niềm vui sướng
 Cõi trời Đế Thích nào đoán được.
 Quán xét công đức và trí tuệ
 Tất cả các pháp đều như vậy
 Lại đích thực là tâm Bồ-đề
 Tiêu trừ đối với mọi nghi hoặc.
 Trước tiên nên quán xét như vậy
 Mình và người quan trọng như nhau
 Mình tự mình thực hành tất cả
 Đau khổ - mừng vui cũng bình đẳng.
 Tự tay làm nhiều loại công việc
 Giữ gìn bảo vệ như một mình
 Pháp thế gian hoại hay không hoại
 Đau khổ - mừng vui đều bình đẳng.
 Như nổi khổ riêng bản thân mình

Mỗi một đau khổ đều trừ hết
Mình tiếp nhận giữ gìn như vậy
Vì hướng về tất cả chúng sanh.
Nếu mình yêu thương đối với họ
Khiến cho được niềm vui bình đẳng
Họ được vui vẻ an ổn rồi
Ở mình được hơn làm gì có mất?
Nếu như mình không yêu thương họ
Họ phải chịu khổ đau sợ hãi
Họ không thoát khổ đau sợ hãi
Đối với mình được tốt đẹp gì?
Nay nếu gặp khổ đau làm hại
Mà vì thế không bảo vệ được
Thân vị lai khổ đau sợ hãi
Làm sao mà có thể bảo vệ?
Nếu như mình trú trong tà kiến
Lại dấy lên tâm ý ngã mạn
Như vậy được sanh ra khác nhau
Như vậy phải chết đi sai khác.
Gây tội lỗi - không gây tội lỗi
Như tay và chân nơi thân kia
Tay chân khổ sở không như nhau
Làm sao cùng nói là bảo vệ?
Do vì điều này biết không hợp
Tâm trú vào trong những ngã mạn
Thì cần phải đoạn trừ tất cả
Lúc ấy tự mình nên tùy sức.
Chúng tử tụ tập theo thứ tự
Xếp theo hàng giống như quân lính
Nếu như vậy mà không đau khổ
Lúc ấy không biết đạt được gì?
Đau khổ vốn không phải là chúa tể
Mà cả thế gian không thắng nổi
Nếu như trú vào trong giới luật
Thì đau khổ không thể tồn tại.
Nếu như trú trong giới thanh tịnh
Có thể ngăn tất cả khổ đau
Tất cả khổ đau không có nhân

Các khổ đau sẽ không phát sanh.
 Buồn đau khổ sở vì sao lắm?
 Lực nào mà có thể phát sanh?
 Tư duy hướng về với thế gian
 Vì thế buồn lo khổ sở nhiều.
 Một nỗi khổ mà không phải nhiều
 Trông thấy chúng sanh phải chịu đựng
 Buồn lo đau khổ sanh như vậy
 Bình đẳng đối với mình và người.
 Đau khổ của mình không tiêu trừ
 Muốn tiêu trừ đau khổ của người
 Vì vậy vâng trăng đẹp của người
 Nói ra câu nói chúng sanh kia.
 Người cố gắng quán xét như vậy
 Người khác khổ bảo vệ bình đẳng
 Giả sử ở trong ngục Vô gián
 Như ngỗng bơi lội giữa hồ sen.
 Vì đã giải thoát mọi chúng sanh
 Nơi ấy giống như biển hoan hỷ
 Như vậy luôn luôn không biết đủ
 Như đó là ý vị giải thoát.
 Làm thành mặt trời lợi ích người
 Vô ngã không có nghi ngờ gì
 Lợi ích người không mưu cầu gì
 Quả báo người nào nói yêu quý?
 Vì thế cho nên mình như vậy
 Không có đức mà tự mình nói
 Tâm xót thương và tâm bảo vệ
 Vì người khác dấy lên như vậy.
 Người có trí hiểu biết vi tế
 Từ những Du-yết-la máu huyết...
 Người có trí phải hiểu điều này
 Quán sát mọi vật không thật có.
 Thân này không phải riêng làm ra
 Vì sao tự mình không hiểu biết?
 Theo mình hiểu biết thân người khác
 Như vậy cho nên không khó gì.
 Tự biết bản thân có sai lầm

Không biết công đức của người khác
 Tự tánh không vui với xả bỏ
 Không quán sát người khác bố thí.
 Thân này sanh ra do hòa hợp
 Nhân duyên như tiếng vỗ bàn tay
 Duyên này là duyên của thế gian
 Chúng sanh vì sao không thể biết?
 Tại vì sao học những vô sanh?
 Nếu như học mà tự mình biết
 Thân mình mà chẳng phải là thân
 Do tự mình như thân người khác.
 Như vậy mà lợi ích cho người
 Làm rồi không hoài nghi lo lắng
 Quả chín muối tự mình nhận lấy
 Trước mắt giành được vô sanh kia.
 Vì vậy điều học ở thế gian
 Tâm xót thương và tâm bảo vệ
 Tâm yêu quý này tự che lấp
 Như phiền não nặng nề hết sức.
 Biết nỗi sợ hãi của chúng sanh
 Làm bậc thầy chỉ ra điều học
 Nếu có thể học theo như vậy
 Tuy khó nhưng không thể rút lui.
 Sa-môn trông thấy nỗi sợ hãi
 Người kia không thể tự bảo vệ
 Nếu tự mình cùng với người khác
 Cấp tốc nên hướng về cứu giúp.
 Nóng giận như oán thù đáng sợ
 Không yêu thương sợ hãi ít hơn
 Dùng phương tiện bí mật tối thượng
 Mình và người chuyển nhau làm lợi.
 Trên bộ - dưới nước và giữa không
 Đừng khiến người làm điều giết hại
 Giống như ở tại thời gian này
 Cứu giúp vượt qua nạn đói khát.
 Nếu như người do vì tài lợi
 Giết cha mẹ - phỉ báng Tam bảo
 Trông thấy đời xấu ác trang nghiêm

Chết nhận báo ứng ngục A-tỳ.
Đâu phát sanh đối với người trí
Gặp gỡ yêu quý mà cúng dường?
Gặp phải oán thù không muốn nhìn
Làm sao nói đến được cúng dường?
Quý nầy mà tự lợi ích mình
Xả bỏ nó nhận được điều gì?
Lợi ích cho người không phát sanh
Làm sao xả bỏ những thọ dụng?
Lấy lợi mình - hại đến người khác
Địa ngục sẽ riêng mình sanh ra
Hại mình mà lợi cho người khác
Mọi công đức đều có đầy đủ.
Ý thực hiện gặp đức Thiện Thệ
Như vậy thực hành riêng một cõi
Thấp kém không tự yêu quý mình
Ngu si lao vào nơi đường ác.
Tự lợi mình biết rất nhỏ bé
Nay phải rơi vào hạng tội tử
Lợi cho người khác biết rất nhỏ
Sẽ trở thành người chủ tự tại.
Thế gian có những người đau khổ
Xưa tự mê say theo tham ái
Những người an vui ở thế gian
Xưa kia lợi lạc cho người khác.
Đâu cần phải nói ra nhiều loại
Trong những điều này đã thấy rõ
Ngu si mê muội vui cho mình
Bậc Mâu-ni làm lợi cho người.
Không cầu mong Bồ-đề của Phật
Luân hồi sao có được niềm vui?
Khổ của mình muốn cho người khác
Quay trở lại không tùy mình được.
Quán sát hướng về đời kiếp sau
Thiện lợi không thể nào thành tựu
Từ hạng tội tử dấy lên nghiệp
Người chủ mà trở lại nhận chịu.
Lợi ích vui vẻ cùng với nhau

Người mê trông thấy mà xa rời
 Nhưng trở lại làm khổ lẫn nhau
 Phải nhận chịu khổ báo trong đường ác.
 Nếu gặp phải tai họa thế gian
 Cho đến khổ đau rất kinh hãi
 Tất cả điều ấy tự gây ra
 Tại sao lại dấy lên như vậy?
 Không thể nào xả bỏ tự thân
 Đối với khổ không xa rời được
 Như không xa rời đối với lửa
 Không thể xa cái họa thiêu cháy.
 Khổ của mình nếu trừ diệt được
 Có thể tiêu trừ khổ người khác
 Lấy tự - tha kia mà nhận chịu
 Vì thế cho nên dẫn đến Dự.
 Nay ông không suy nghĩ phân biệt
 Làm lợi ích cho các chúng sanh
 Ý của ông quyết định thực hiện
 Theo nghiệp phát sanh mọi phân biệt.
 Mắt lấy cái thấy làm chủ thể
 Cảnh sở quán không thể làm mất
 Tay dùng để nắm là công dụng
 Vật được nắm lẽ nào là tay?
 Nhưng do vì tất cả chúng sanh
 Cũng không trú vào trong thân kiến
 Là cái thấy chính là Thiện Thệ
 Như vậy thường thực hành lợi ích.
 Trông thấy người kia thuộc bậc thấp
 Mà khởi lên thấy mình và người
 Tuy quán yêu thương - ghét bỏ ấy
 Nhưng tâm mình không thể nghi hoặc.
 Thực hiện thật tốt vô ngã này
 Đạt được Vô ngã cùng với ngã
 Nhiều phỉ báng và lăm ngời khen
 Không đau khổ cũng không vui mừng.
 Mình đã dấy lên nhân của nghiệp
 Có thể an trú vào thiện kia
 Khiêm tốn đời sau được tối thượng

Không đức gì chính là có đức.
Do vì không ca tụng đức ấy
Tất cả công đức tự lớn lên
Khiêm tốn hạ mình mà như vậy
Hơn hẳn mình đạt được từ đây.
Xa rời phiền não giới thủ kiến
Từ đó đạt được lực vô ngã
Như người chữa trị các căn bệnh
Tùy sức thuốc thuyên giảm khác nhau.
Mình giúp đỡ chữa trị như vậy
Mà còn tự thấy nói thế nào?
Nhưng công đức mình nay có được
Không thể trú vào công đức ấy.
Cánh cửa xấu ác của địa ngục
Vào nơi ấy không sanh lo buồn
Vì đã phát sanh mọi công đức
Đây là việc làm của người trí.
Nếu tự mình quán xét bình đẳng
Tự nhiên lợi ích sẽ tăng lên
Tự lợi phân chia rõ trên dưới
Tranh chấp nhưng mà lại thành tựu.
Tất cả mọi nơi thế gian này
Ai có thể thấy được công đức?
Nếu vậy thì tên gọi công đức
Không nghe thấy người nào đạt được.
Tội lỗi bao trùm tâm quý báu
Không thể tự mình cúng dường được
Đối với phần tự lợi ích mình
Nhưng cuối cùng không sao đạt được.
Có thấy nhưng vui trong chốc lát
Lâu dài nhất định sẽ không thích
Cười mỉm tất cả những người khác
Phỉ báng và ca ngợi như vậy.
Tâm thấp kém đầy những ngã mạn
Mình thắng lợi ghét người giống mình
Khoe khoang trí tuệ và dung mạo
Đẳng cấp chủng tộc và của cải...
Lấy điều này làm đức của mình

Thường hy vọng nghe được ngợi ca
 Nghe ca ngợi tâm sanh hơn hẳn
 Hoan hỷ mà vui mừng an ổn.
 Lấy điều này làm lợi đạt được
 Tự nói là năng lực công đức
 Đời trước tạo nhân chỉ mảy may
 Được điều này không phải chánh nghiệp.
 Dùng hết quả báo nhỏ nhoi này
 Vĩnh viễn còn ở trong luân hồi
 Ở trong cõi luân hồi như vậy
 Nhận chịu trăm ngàn đau khổ ấy
 Trải qua đời kiếp không giới hạn
 Không biết bao giờ được thoát ra
 Bị khổ đau thường rất khốn đốn
 Tâm tội lỗi mà không giác ngộ.
 Không biết không giác ngộ như vậy
 Rất lâu mới phát ra giống thiện
 Về sau gặp được Như Lai dạy
 Chân thật đạt được những công đức.
 Nếu như ông trông thấy quá khứ
 Không nhận chịu những nghiệp ác kia
 Bồ-đề chính là niềm vui sướng
 Niềm vui này không được xa rời.
 Vì thế cho nên lấy ví dụ
 Với những Thâu yết la như kia...
 Ông tại vì sao lại dấy lên
 Ngã mạn và những điều bất thiện?
 Các hành cho đến thân của mình
 Quán sát nó nhưng không trông thấy
 Thu được sự xa rời như vậy.
 Ông thường làm lợi ích cho người
 Mình vui mà làm khổ người khác
 Việc làm này quả là thấp kém
 Từ trong một tâm niệm của ông
 Dấy lên yêu - ghét đối với người.
 Trong thời gian ấy chợt tư duy
 Lúc nào - sao gây ra điều ấy?
 Thế là tự xả bỏ an vui

Cũng không làm đau khổ người khác.
Thà cho đầu của mình tự rơi
Lại không tạo ra sai lầm khác
Thậm chí đối với sai lầm nhỏ
Bậc Đại Mâu-ni dạy điều này.
Dùng những điều thiện tốt đẹp nhất
Đối với người xưng tán kín đáo
Dụ như tôi tớ làm cho chủ
Nên như vậy đối với chúng sanh.
Chúng sanh ở trong những sai lầm
Không yên ổn - không có công đức
Mình giống như không biết người khác
Dấy lên ý làm công đức này.
Nếu như ông gấp rút thực hiện
Mình làm và dạy mọi người làm
Người ấy gấp nét cũng như mình
Chắc chắn khổ não tự rút lui.
Tu điều này chính là bậc nhất
Nhưng chưa đạt được năng lực đó
Dụ như mới trú vào oai nghi
Vì tài lợi mà rất kinh sợ.
Thân tiếp nhận giữ gìn như vậy
Thuần phục tâm không thể tán loạn
Ông hướng về an trú như vậy
Điều này sao ông không thực hiện?
Do vì thường quán sát như vậy
Khiến cho tâm vọng không dấy lên
Như vậy làm cho mình điều phục
Dừng lại tất cả mọi sai lầm.
Trông thấy mình đi về nơi nào
Khiến tổn hại tất cả vô minh
Giống như thời gian quá khứ kia
Như ông đã làm tổn hại mình.
Mình nay phát sanh tự lợi mình
Rời xa điều này hay không xa?
Như người bán mình cho người ta
Đau khổ nhiều không tự tại được.
Ông không thân thiết với chúng sanh

Tuy nói là không thể tán loạn
 Vì thế nếu như theo người khác
 Không khác gì giao cho ngục tốt.
 Các loại sự việc trong địa ngục
 Bị làm hại cũng rất lâu dài
 Chỗ này có thể là lợi mình
 Niệm oán hận kia không nảy sanh.
 Không dấy lên do mình yêu quý
 Mà mình yêu quý đã phát sanh
 Nếu như trông thấy tự bảo vệ
 Do vì bảo vệ không thực tế.
 Thân này chính là thân Như Như
 Mà dấy lên hướng về canh giữ
 Có thể nhu hòa ở bậc cao
 Đến đây cũng trở lại như vậy.
 Nếu như nơi này mà nhận được
 Như mặt đất tiếp nhận tất cả
 Nếu không thể đầy đủ trọn vẹn
 Ý người nào cầu mong sử dụng?
 Phiền não của tâm ý yêu thích
 Nhưng mà không thể đánh đổ được
 Như sự giàu sang lâu dài kia
 Không thể nào mong cầu tất cả.
 Nếu tham tài vật của người khác
 Không nhận được danh xưng bậc Hiền
 Vì thế cho nên cầu tốt thêm
 Thân tâm không thể phóng túng được.
 Yêu thích ấy cuối cùng diệt hết
 Nơi này động - nơi này không giác
 Thân bất tịnh lắm thứ xấu ác
 Tại vì sao giữ lấy ngã này?
 Thân này của mình như thế nào
 Tuy sống nhưng nhất định phải chết
 Cùng với đất đá có khác gì
 Ngã chấp thấy sao không phá bỏ?
 Do vì thân này là không thật
 Nhận chịu những khổ não giả danh
 Sao lại đối với loài vô tình

Lại dấy lên tâm ý giận dữ?
Nay mình nuôi dưỡng thật uống phí
Cuối cùng làm thức ăn cho thú
Đến đây không yêu thích - giận dữ
Yêu thích ấy đâu tồn tại được.
Nếu người kia trú trong giận dữ
Trước mắt hoan hỷ mà cúng dường
Người kia không thể biết như vậy
Vì sao vất vả mà thực hiện?
Nay mình yêu quý thân thể này
Thế là trở thành ruột thịt mình
Tất cả yêu quý thân của mình
Tại sao mình không yêu quý được?
Vì thế cho nên mình xả thân
Là xả bỏ đối với thế gian
Quán sát thân này lắm sai lầm
Dụ như đồ vật nắm giữ nghiệp.
Nghiệp ấy thực hiện ở thế gian
Mình rời bỏ mà theo bên thân
Lặng yên nhớ nghĩ không tán loạn
Hướng về đoạn dứt những vô minh.
Vì thế cho nên phá phiền não
Mình ở vào trong lòng thiền định
Tà đạo không thể lôi kéo tâm
Tự gọi là trú nơi tối thượng.



KINH BỒ ĐỀ HẠNH

QUYỂN 4

Phẩm 7: TÂM BỒ ĐỀ BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

*Như Lai bậc Nhân đức trí tuệ
 Vì tất cả mọi nơi thế gian
 Khiến cho cầu xa rời đau khổ
 Cho nên trí tuệ được phát sanh.
 Chân như cùng với pháp thế gian
 Nay giải thích về hai pháp này
 Do vì biết chân như của Phật
 Thuyết pháp nhưng mà rất trí tuệ.
 Các hạng phàm phu thế gian kia
 Trông thấy hai loại này tương ứng
 Có hại và làm hại hơn hẳn...
 Chính là điều tương ứng thế gian.
 Nhìn thấy hai sự việc ấy rồi
 Tiếp xúc điều đó chính là trí
 Trí trông thấy tánh của thế gian
 Là Như ví dụ cho Chân như.
 Lúc này nói không có đến - đi
 Trí ấy không có gì không thấy
 Sắc - thanh - hương... đều rất rõ ràng
 Chính là sự tương ứng thế gian.
 Bất tịnh nhưng mà trở thành tịnh
 Trí ấy dụ như có ích lợi
 Do vì biết rõ về thế gian*

Chính là nói về tánh thế gian.
Vì trông thấy ở tại Chân như
Tiếp xúc và trú trong sát na
Tương ứng với hành tướng thế gian
Hành tướng này không có sai lầm.
Biết người nữ là thân bất tịnh
Những điều có hại đến đời khác
Nói là Phật - phước đều hư huyễn
Làm cho mình thế nào tin được?
Chúng sanh như cảnh sắc huyễn ảo
Tại sao lại sanh ra - diệt đi?
Nhân lúc ấy tập trung hòa hợp
Mới có được do duyên huyễn ảo.
Chẳng tử chúng sanh đã nảy sanh
Làm sao có gì là chân thật
Giết chết con người hư huyễn ấy
Không có tâm tánh cùng tội lỗi
Tâm bình đẳng đều là hư huyễn
Tội lỗi - phước đức được sanh khởi
Năng lực chân ngôn và Đẳng trì
Cảnh huyễn ảo tâm không chấp vướng.
Do vì các loại huyễn ảo kia
Sanh ra các loại nhân của nghiệp
Đâu có đối với một người nào
Đạt được tất cả mọi năng lực.
Nếu như trú vào trong Chân như
Hoặc trú vào trong giới thanh tịnh
Như vậy chính là công hạnh Phật
Người nào nói công hạnh Bồ-đề?
Nhân duyên nên đoạn trừ tất cả
Huyễn hóa không thể nào đạt được
Nếu đoạn trừ tất cả nhân duyên
Không sanh khởi mà tự đạt được.
Nếu như không trú vào nghi vọng
Cảnh huyễn ảo sẽ không tồn tại
Cảnh huyễn ảo nếu không có nó
Tất cả không thể nào đạt được.
Như vậy chính là pháp Chân như

Được hiện rõ ở tại thể tâm
 Tâm như vậy nếu chia chẻ ra
 Hư huyền do đâu mà trông thấy?
 Tâm không thể tự thấy là tâm
 Là lời Đức Thế Tôn đã nói
 Giống như lưới kiếm tụy sắc bén
 Tụy sắc nhưng không chặt chính nó.
 Tự tánh vốn là giống như vậy
 Lại dụ như ánh sáng ngọn đèn
 Phá tan đen tối mà được lên
 Nhưng không nói là tự soi sáng.
 Lại giống như châu ngọc thủy tinh
 Thể vốn có chỉ là trong suốt
 Nhờ màu xanh mà có màu xanh
 Hình ảnh hiện ra tùy màu sắc.
 Không phải xanh mà có màu xanh
 Giống như tâm mà tự dấy lên
 Lại như ánh sáng ngọn đèn ấy
 Trí ấy biết rõ luận thuyết này.
 Trí tuệ khai thông ở chỗ này
 Biết ấy chỗ nào mà nói?
 Tuy mở ra nhưng không thể mở
 Giống như người không nhìn thấy gì.
 Gái bất dục (Thạch nữ) nghĩa là không sanh
 Cùng với nghĩa này chỉ là một
 Cũng giống như không có tâm thức
 Duyên niệm không có gì đạt được.
 Không phải niệm mà phân biệt sanh
 Niệm hư vọng giống như chất độc
 Nghĩa là như nhân và như quả
 Vì pháp mà tự giải thích ra.
 Có bàn luận phương thuốc về mắt
 Trông thấy bình nhưng không có thuốc
 Dường như thấy nghe và hiểu biết
 Lúc này có mà chẳng phải có.
 Niệm đoạn trừ đối với khổ nhân
 Niệm chân thật này mà đang niệm
 Từng niệm từng niệm không sai khác

Tâm này trước mắt là bình đẳng.
Cảnh trần phía trước thường mê hoặc người
Hiểu rõ nó không hề có gì
Như huyễn ảo nên không chân thật
Tâm vọng mà lại tự hiện ra.
Trú vào trần cảnh chón luân hồi
Dụ như hư không chẳng cậy nhờ
Trú trong tánh trần cũng như vậy
Cũng không có điều gì đạt được.
Nếu cùng với tất cả bất thiện
Những bất thiện ông đã có được
Nếu như tâm có thủ và xả
Cúng dường tất cả các Như Lai.
Tâm ý sử dụng được như vậy
Nhưng mà phát sanh công đức gì?
Cảnh huyễn ảo tất cả đều biết
Phiền não làm sao đoạn dứt được?
Đối với ba độc huyễn kia
Xa lìa mà không thể dấy lên
Biết rõ đối với tâm phiền não
Nó dấy lên nhưng mà chưa hết.
Ở tại lúc thấy được điều ấy
Ý Không - Hữu chẳng còn năng lực
Tánh phiền não không phải là hết
Cùng với Không mà trộn lẫn nhau.
Thậm chí không có cái học ấy
Sau đó mới có thể hết được
Tánh ấy mà không đạt được gì
Lại cũng không thể nào trông thấy.
Tánh ấy nếu như không có trụ
Tại sao trú vào thân tướng này?
Nếu như tánh mà không có gì
Thì thân trú vào nơi vô tánh.
Tánh này giống như đến và đi
Tùy lúc hiện rõ không vướng mắc
Cây Kiếp-ba và ngọc Ma ni
Luôn đầy đủ trọn vẹn như ý.
Đức Phật biến hóa cũng như vậy

Trước mắt đối với hạnh nguyện này
 Ví như chú nguyện cho cây rừng
 Chú nguyện thành mà cây khô héo.
 Những chất độc tuy hại lâu dài
 Tất cả độc kia đều tiêu trừ
 Sự tu hành của bậc Bồ-tát
 Là những sự nghiệp đã thực hiện.
 Hạnh Bồ-đề tốt đẹp bậc nhất
 Cây Phật quả có thể thành tựu
 Do vì công hạnh bình đẳng ấy
 Mà an trú quay về tĩnh lặng
 Và thực hiện không nghĩ bàn được
 Cúng dường đạt được quả vị nào?
 Tùy theo nhân đã thực hành ấy
 Mà đạt được những quả vị ấy
 Những sự cúng dường đều chân thật
 Đạt được quả sẽ xứng với thật.
 Làm sao có thể đạt pháp Không
 Thật sự đạt được pháp giải thoát
 Không xa rời đạo lý Mâu-ni
 Trước mắt có thể vào Bồ-đề.
 Ông không mong cầu pháp Đại thừa
 Pháp nào cầu đầy đủ trọn vẹn?
 Hàng Nhị thừa có thể thành tựu
 Thành tựu không phải là viên mãn.
 Nếu như nhân đã thực hiện kia
 Sợ hãi đối với pháp Đại thừa
 Những sợ hãi khác không phải thật
 Sợ hãi này thật gọi là sợ.
 Pháp này quan trọng cần phải biết
 Vốn luận bàn về pháp Đại thừa
 Xa rời pháp này là pháp khác
 Biết rõ luận về ngoại đạo kia.
 Pháp chính là căn bản của Tăng
 Tăng biết rõ về pháp xuất ly
 Tâm nếu có nơi nào vướng mắc
 Niết-bàn không thể nào đạt được.
 Tâm giải thoát không chút vướng mắc

Phiền não nhất định được tiêu diệt
Phiền não - nghiệp chướng đã tiêu trừ
Nhờ vào năng lực giải thoát này.
Ái và thù không duyên với nhau
Từ đây không khăng khăng giữ lấy
Nghiệp ái sẽ dần dần yếu kém
Thì không có gì si ái được.
Thọ và ái duyên được với nhau
Thọ này mà có gì đạt được
Thì tâm an trú có vướng mắc
Đây được gọi là khắp mọi nơi.
Nếu như tâm đó không rỗng lặng
Lại có thể gọi là vướng mắc
Tâm tánh nếu như nói là không
Như thức mà chẳng đạt được gì.
Giống như bậc Ứng Chánh Đẳng Giác
Đã thuyết giảng tất cả pháp diệu
Nghĩa lý này chính là Đại thừa
Công hạnh Đại thừa luôn bình đẳng.
Thuyết giảng pháp đó trong một lúc
Hiểu rõ tất cả mọi sai lầm
Chỉ một ý vị là bình đẳng
Chư Phật ba đời đều thuyết giảng.
Đại Tôn giả danh xưng Ca-diếp
Giống như không biết lời nói đó
Ông nói không hiểu được điều ấy
Không tiếp nhận nên làm thế nào?
Nếu sợ hãi năng lực giải thoát
Luân hồi nhất định được hình thành
Mê say sự việc Khổ - Không kia
Mà nhất định quay về quả này.
Người kia mê theo Không như vậy
Không được bài bác đối với pháp
Không này phải quán sát tường tận
Vì thế có thể không nghi ngờ.
Xa lìa tối tăm biết phiền não
Nhờ vào pháp biết quay về không
Muốn nhanh chóng biết rõ tất cả

Quán sát tường tận lời nói kia.
 Nếu người khác sanh ra từ khổ
 Nỗi sợ khổ này được lớn lên
 Nhân khổ ấy dấy lên trống rỗng
 Nỗi sợ kia sao được sanh ra?
 Nếu từ nỗi sợ của người kia
 Đây chính là nói về ngã sở
 Như vậy ngã không có gì cả
 Nỗi sợ khổ đau sao nảy sanh?
 Răng - tóc - móng tay và móng chân
 Xương - thịt cùng máu huyết tủy não
 Nước mũi - nước miếng - máu mủ dịch
 Mỡ màng - lòng ruột với dạ dày
 Đại - tiểu tiện - mồ hôi - nóng - gió
 Chín lỗ chảy ra và sáu thức
 Các pháp hoàn toàn giống như vậy
 Tất cả đều không hề có ngã.
 Nói đến trí kia cùng với thanh
 Thanh luôn luôn tiếp nhận tất cả
 Nếu nói thanh và trí lia nhau
 Xa rời nơi ấy làm sao biết?
 Nếu như không hiểu biết về trí
 Trí kia khó mà hiểu biết được
 Trí ấy đã là trí quyết định
 Mới tiếp cận đối với trí Phật.
 Trí này không phải thanh tiếp nhận
 Thanh kia dùng cái gì để nghe?
 Thanh ấy tiếp cận ở tại tâm
 Tâm ấy biết về sắc như vậy.
 Nếu tiếp nhận đối với sắc - thanh
 Nhưng Sắc lại tiếp nhận cái gì?
 Giống như cha con ấy chỉ một
 Tư duy không có gì chân thật.
 Chúng sanh bị trần cảnh che mờ
 Không có cha cũng không có con
 Hiểu biết về thanh - sắc như vậy
 Ví như vui hòa hợp chốc lát
 Tự tánh ấy cũng là như vậy

Một mình nó mà lại nói có.
 Những Sắc còn lại đều không thật
 Ở đây nói về sắc phẩm hạ
 Tâm của bậc Nhất thiết trí ấy
 Tất cả phiền não đều thanh tịnh.
 Tư duy về một tâm giác ngộ
 Những loại kia nếu như không có
 Ái như giả dối không chân thật
 Vì sao trú vào nơi cái thấy?
 Không có ngã mà không có tâm
 Tâm này ví như họa chân dung
 Là sự tương ứng tâm và trí
 Thanh tịnh phá nát những ngu si.
 Tâm mình chính là như vậy
 Làm điều ấy làm như thế nào?
 Tâm ngu kia không công hạnh gì
 Ngã này nhưng mà làm không thật.
 Có công hạnh tự mình xuất ly
 Mà không có quả của nghiệp ác
 Nếu vì làm tổn hại nghiệp
 Quả thiện làm thế nào đạt được?
 Hạnh quả của cả hai loại này
 Đánh đổ và thành tựu lẫn nhau
 Nói điều ấy biết không giả dối
 Tự nó mà không có việc gì.
 Nhân và quả chắc chắn tương ứng
 Ác kiến cần phải không nảy sanh
 Công hạnh này mà thật an trú
 Nay sẽ nói đến tác và thọ.
 Tâm này sanh ra ngã sụp đổ
 Ngã không trở lại sanh khởi được
 Như dùng thân chuối làm cây cột
 Không gì có thể đảm nhiệm được.
 Tâm mình sanh khởi cũng như vậy
 Thì nhất định hết sức quán sát
 Chúng sanh nếu như không thể có
 Công hạnh này làm sao thực hiện?
 Nay nếu như làm công hạnh ấy

Nhưng vì có các điều si mê
Chúng sanh nào thật sự không có
Si mê ví như yêu việc đó.
Nếu như diệt hết mọi khổ não
Trước mắt đoạn trừ điều si mê
Ngã mạn là nhân của khổ đau
Si mê thì có thể tăng trưởng.
Sự việc ấy tâm không quay lại
Quán về không trở thành tối thượng
Không có chân - không có bấp gối
Không có lưng lại không có đuôi
Không cánh tay cũng không có vai
Không có rốn - không có ngực lưng
Không có sườn và không có eo
Không có tay cũng không có mũi
Không có gáy cũng không có đầu
Tất cả mọi thứ đều như vậy
Quán sát toàn bộ thân thể này
Không được ở tại một nơi nào.
Thực hành điều ấy khắp mọi nơi
Nơi nào tự mình sẽ an trú?
Dùng những tay chân thân thể kia
Tất cả mọi nơi đều trú vào.
Chỉ một thân thể kia như vậy
Cho đến đối với những tay chân...
Không ở trong - không ở ngoài thân
Đâu chỉ có thân và các loại...
Tay chân các loại không phân biệt
Tại sao lại xuất hiện nơi kia?
Nơi ấy đã không có thân si
Lẽ nào nói ý là tay chân...?
Trú vào rồi tiếp cận thù thắng
Quán xét biết ví như con người
Nếu như nhân duyên kia hòa hợp
Người gỗ có thể giống như vậy.
Nếu như hiểu rõ tướng như vậy
Thân kia cùng với cái thấy này
Như vậy xả bỏ những ngón chân

Những ngón tay cũng đều xả bỏ.
Ban đầu ấy quán xét hợp lại
Sau thấy từng đoạn tự lìa ra
Thân thể này phá bỏ đã hết
Lúc ấy trú vào phân biệt thấy.
Phân biệt nhìn thấy thân thể này
Có thể ví dụ như hư không
Sắc thân mộng ảo là như vậy
Người có trí vui thích chỗ nào?
Giả sử nếu như không có thân
Thì đâu xuất hiện người nam - nữ...?
Nếu như vui thực sự phải khổ
Điều này tại sao không trừ bỏ?
Quán sát điều này tại vì sao
Thọ hưởng vui sướng rất phiền não
Niềm vui sướng ấy không chân thật
Như thân kia không giữ được gì.
Ông đau khổ lại làm thế nào?
Như thân kia tự mình không được
Thân ấy có khổ đau vì tế
Đã vì tế mà không thể nói.
Do vì đau khổ vì tế kia
Không thể nói khiến họ vui mừng
Vì nóng giận mà khổ sanh ra
Đã sanh ra thì có diệt đi.
Nếu như trong định có nhìn thấy
Đối với sanh tự mình không nhận
Như vậy nhưng mà đã biết rõ
Quán sát nhân và quả như vậy.
Thiền và ái hoặc là tương ứng
Được sanh từ nơi nghi ngờ kia
Những sự nhạy bén của thiện căn
Đều đối với người nào quay về.
Bên này bên kia sao hòa hợp
Hòa hợp mà có được điều gì?
Con người dụ đối với hư không
Tuy hợp lại mà không hòa vào.
Không hòa vào nhưng không phải hợp

Là thực hành không hề phân biệt
 Không cầu mong tên gọi hòa hợp
 Hoặc là thấy mà là không thấy
 Hòa hợp kia đã không đốc cầu
 Làm sao gọi là đã được sanh?
 Có vật không phải là hòa hợp
 Như dẫn dắt mà hiểu biết trước.
 Nhưng mà thức kia là vô tướng
 Không trú vào trong thân hòa hợp
 Xúc chạm thân ấy pháp như vậy
 Cảm thọ gì mà được sanh ra?
 Ngã này đã làm những điều gì
 Mà phải chịu đau khổ tổn hại?
 Nếu như không được những cảm thọ
 Đau khổ làm hại mà không biết.
 Ở chỗ này thấy được điều ấy
 Yêu thích gì không thể xa lìa?
 Nay thấy xúc chạm mộng ảo này
 Là những huyễn hóa của tự tâm.
 Đã trông thấy tánh xúc chạm kia
 Cảm thọ ấy ông cũng đạt được
 Đời trước kia và đời sau này
 Niệm niệm mà không cảm thọ gì.
 Nếu như vậy quán sát tự thân
 Cảm thọ cũng không hề đạt được
 Những cảm thọ đã không có thật
 Thì thân kia biết là không có.
 Nếu như vậy không có tự thân
 Tại sao có tổn hại như vậy?
 Tự nhiên trú trong tánh sắc đó
 Không nguồn gốc - không có trung gian
 Sắc không ở trong - không ở ngoài
 Nơi khác cũng không thể đạt được.
 Nếu như thân không có nơi khác
 Không hợp lại - không có phân biệt
 Tự tánh của tất cả chúng sanh
 Vắng lặng không có nơi chốn kia.
 Người có trí đều như biết trước

Vì sao mà lại có tham đắm?
Người có trí cùng chung trí ấy
Sanh thân kia đâu cần chấp trước.
Đều là trí là trí hậu đắc
Trí này tại sao mà đạt được?
Tất cả các pháp đều như vậy
Tuy phát sanh mà không đạt được.
Pháp như vậy dường như không có
Pháp này tại sao lại là hai?
Nếu như là pháp còn lại kia
Tất cả chúng sanh đều tịch tĩnh.
Tha tâm kia xuất hiện nghi ngờ
Đối với tự mình đã không có
Định lúc ấy - thân tâm sau kia
Pháp này không bên này bên kia
Tư duy đối với tự tâm mình
Là hai pháp an trú lẫn nhau
Như đạt được quay về chánh trú
Bậc Nhất thiết trí nói như vậy.
Nếu như phát sanh những trí ấy
Sẽ thu được đối với trí trí
Người có trí đạt được trí này
Lúc ấy tức là không địa vị.
Người có trí đạt được trí này
Có đạt được mà không an trú
Không an trú chính là vô sanh
Ấy là nói hướng về Niết-bàn.
Nếu như hai pháp ở nơi kia
Như vậy khó an trú vô cùng
Nếu như pháp căn cứ vào trí
Người có trí nhờ đâu mà có?
Trí này căn cứ vào hiểu biết
Người hiểu biết không gì có được
Hai pháp cùng căn cứ lẫn nhau
Là chúng sanh không hề có tánh.
Không có cha chắc chắn không con
Muốn con sanh ra đâu có được
Có cha rồi mới có được con

Hai pháp kia cũng là như vậy.
 Mâm mống từ chủng tử sanh ra
 Chủng tử có thể mong cầu gì?
 Hiểu biết từ trí tuệ sanh ra
 Trí ấy thật sao không làm được?
 Mâm mống từ trí chủng sanh ra
 Hiểu biết từ mâm trí nảy sanh
 Nếu hiểu biết kia không hiểu biết
 Sao có thể phát sanh Trí trí?
 Tất cả nhân duyên của con người
 Trước kia đều đã nói rõ ràng
 Nhân và quả đã sanh khởi ấy
 Tất cả ví dụ như hoa sen.
 Nhân quả nào do mình thực hiện
 Điều thuận theo từ đời quá khứ
 Quả này làm sao mà đạt được
 Căn cứ vào nghiệp lực quá khứ.
 Nhân tố thế gian không ràng buộc
 Không ràng buộc kia nói điều gì?
 Như vậy được quả báo đời sau
 Những tên gọi ấy đâu lẫn lộn.
 Sự việc này chỉ vì bất định
 Chẳng phải tâm - chẳng phải Hiền Thánh
 Tội lỗi không có quả báo thiện
 Lúc ấy sao có thể tự tại?
 Không trông thấy giống như hư không
 Không trông thấy từ đời quá khứ
 Tự tại không thể nghĩ bàn được
 Lý lẽ này không nên nói ra.
 Người chủ kia đâu phải tối thượng
 Họ cũng tự mình không yên ổn
 Thiện ác đều có tự tánh riêng
 Người có trí biết không giới hạn.
 Vì nghiệp có đau khổ - vui sướng
 Điều ấy nói thực hiện thế nào?
 Nhân trước kia nếu như không có
 Quả báo người nào nói có được?
 Tại sao không luôn luôn xảy ra

Điều đó không nhìn thấy riêng biệt
Điều ấy xảy ra đã không khác
Sao có thể thấy những cái kia?
Nếu như nhìn thấy nhân hòa hợp
Không trở lại nói là tự tại
Hòa hợp này không có người chủ
Pháp kia chính là không có chủ.
Yêu cái kia không yêu chính mình
Yêu cái này mà không thực hiện
Đã đạt được mà do người khác
Cái gì nói là tự tại làm?
Điều ấy không làm từ quá khứ
Nghĩa là như thường còn không diệt
Yêu quý số trời tối thượng này
Nói là thế gian vẫn thường hằng.
Chúng sanh bị cảnh trần che kín
Trú trong công năng xấu ác ấy
Cho đấy nói rõ là tối thượng
Đây nói là thế gian xấu ác
Tự tánh của một cùng với ba
Không hợp lại mà không có gì
Công đức này không hề có gì
Tất cả đều có ba loại kia.
Công đức tuy không có tiếng vang
Tiếng vang này có cũng vượt xa
Như áo quần... đều là vô tâm
Từ đó phát sanh niềm an vui.
Tánh sắc ấy cũng là như vậy
Quán sát tánh đó không có gì
Tất cả nhân tố an vui kia
Có - không cũng giống như y phục.
Áo quần này là niềm vui sướng
Đây chính là tánh của vui sướng
Niềm vui sướng của những loại ấy
Không thể nào có được lâu dài.
Đạt được điều ấy là vi tế
Làm sao lại là thô tế kia?
Niềm vui sướng như vậy thật có

Tư duy sao không cảm thọ được?
 Xa rời thô đạt được vi tế
 Vi tế không thể lâu dài được
 Tất cả mọi vật cũng như vậy
 Lâu dài sao không thể đạt được?
 Niềm vui sướng đạt được không thô
 Niềm vui sướng không thường ổn định
 Điều ấy không có gì sanh ra
 Ở đây nói là không chân thật.
 Công đức chân thật ấy sanh ra
 Đạt được điều ấy không muốn dừng
 Vì đã ăn món ăn bất tịnh
 Mà phát sanh đối với nhân quả.
 Yêu quý bộ y phục vô giá
 Mua chũng tử cỡi trời Đâu-suất (Đồ-la)
 Không yêu quý thế gian ngu si
 Lúc ấy trú vào trí Chân như.
 Trí ấy ở thế gian cũng có
 Tại sao mà không tiếp xúc được?
 Mức lượng giống như thế gian kia
 Đường như ở đây thấy rõ ràng.
 Thế gian lượng mà chẳng phải lượng
 Trí ấy nói năng không hư vọng
 Do đó quán xét về chân như
 Không kia tức gọi là không sanh
 Biết rõ tánh đó không xúc chạm
 Là tánh mà không chấp trước gì
 Tánh ấy thật nhưng chẳng phải thật
 Vì vậy không phải là tánh thật.
 Vì thế hiểu biết các mộng huyễn
 Nghi ngờ này không có tánh kia
 Tánh ấy nếu như nhìn thấy có
 Chính là không thật sanh chấp trước.
 Vì thế cho nên biết tánh kia
 Không có nhân thì không có gì
 Tất cả đều là không có chủ
 An trú trong hết thấy nhân duyên.
 Do tánh kia không có sai khác

Không dừng lại cũng không mất đi
 Đối với thật nếu mê tánh ấy
 Trở lại thành thế gian hơn hẳn.
 Do vì sanh ra thuận theo nhân
 Vì dấy lên thuận theo huyễn hóa
 Tánh ấy đâu đến và đâu đi
 Hiểu biết rõ ràng mà như vậy.
 Như vậy nhưng hiểu biết rõ ràng
 Mới thấy thật sự Vô tánh kia
 Làm sao biết được giả và thật?
 Do vì giống như những hình bóng.
 Tánh nếu như nói là tự có
 Thì nhân đâu có gì tồn tại?
 Tánh ấy nếu như là không có
 Căn cứ vào trăm ngàn đời kiếp
 Nhân kia nên biết là không dụng
 Mọi tánh tướng của có không
 Địa vị ấy thế nào là tánh
 Sao có thể ở tại Biệt tánh?
 Vào lúc tánh ấy là Vô tánh
 Tánh này đạt được ở lúc nào?
 Vô tánh chính là không sanh khởi
 Nên dựa vào tánh ấy thực hiện.
 Tánh không có tánh của quá khứ
 Nhưng tùy thuộc tánh không sanh khởi
 Chẳng phải Hữu tánh và Vô tánh
 Dụ cho huyễn hóa hòa hợp thành.
 Tất cả Hữu tánh và Vô tánh
 Có như vậy không thể diệt đi
 Đây là tất cả các thế gian
 Vì thế cho nên không sanh diệt.
 Biết Hành Không chẳng phải chân thật
 Dụ như mộng - dụ như Ba Tiêu
 Phân biệt diệt đi - không diệt đi
 Tất cả không thể nào đạt được.
 Tánh Không chính là tánh như vậy
 Đâu đạt được mà cảm thọ gì
 Luôn luôn như vậy không hề thật

Những tánh kia đạt được thế nào?
 Đâu là khổ - đâu là vui sướng
 Đâu là yêu - đâu là không yêu?
 Yêu cái ấy yêu vì cái gì
 Quan trọng nên biết rõ tự tánh
 Thế gian cũng có thể biết được
 Tên gọi nào trở thành Vô thượng?
 Người nào - đã thân thiết thế nào
 Sinh nơi nào mà được cái gì?
 Tất cả đều ví như hư không
 Cảm thọ đôi bên đều sai lầm.
 Hoan hỷ và nóng giận đối nhau
 Nhân tố hoan hỷ hoặc tranh chấp
 Các hạnh tà giận dữ phiền não
 Tất cả đều làm cho tan tác.
 Tội ác tự yêu thích vui vẻ
 Thì nhất định nói là đường ác
 Chết lập tức rơi vào đường ác
 Chịu khổ đau mà không ân hận.
 Hoặc đi lại trong các cõi Trời
 Đời đời mà thọ hưởng vui sướng
 Xả bỏ nơi chốn nhiều tội khổ
 Nói là chân thật được như vậy.
 Như vậy thật sự là Vô tánh
 Lại yêu thương - ghét bỏ lẫn nhau
 Nói đến tương lai xấu ác kia
 Chìm trong biển khổ đau vô tận.
 Năng lực sắc thân và thọ mạng
 Nơi kia có được mà rất ít
 Tuy được những niềm vui sung sướng
 Mà vẫn chịu được đời khát khốn khổ.
 Giấc ngủ hôn mê trong tai họa
 Như hư huyền mộng ảo hòa hợp
 Cần phải hết sạch hư huyền kia
 Như vậy nhưng mà khó làm được.
 Học điều ấy thực hiện những gì
 Thực hành sao - đoạn trừ thế nào?
 Rất nhiều những việc ma quỷ kia

Thì trở thành bến bờ tội lỗi
Đối với rất nhiều chánh đạo kia
Khó có được mà không thực hành.
Lại ở trong khoảnh khắc sát na
Khó có được giác ngộ sanh ra
Đau khổ đời quá khứ - vị lai
Khó cạn được biển sâu phiền não.
Nhưng ở tại biển khổ đau này
Mình oán đau khổ cầu lìa bỏ
Như vậy an trú tại nơi này
Nếu tự mình không thích an trú.
Như trong từng khoảnh khắc thời gian
Đi vào lửa mà tắm rửa mình
Trông thấy tự lợi mình như vậy
Mà cảm thọ đối với khổ này.
Tự tại không có những lão - tử
Các hành kia nhân là như vậy
Thuận theo ác pháp kia mà đến
Cảm báo ác mà dứt khoát trước.
Lửa đau khổ nóng bức như vậy
Mình lúc nào mới được chấm dứt?
Tự hành động ở nơi vui sướng
Vàng mây phước tỏa ra hòa quyện.
Do vì mình thấy biết điều gì
Mà nói là biết trí tuệ Không!
Cúi đầu lạy bậc Cụ túc tri
Cúi đầu lạy Đấng Phước đức dày!

Phẩm 8: TÂM BỒ ĐỀ HỒI HƯỚNG

Hạnh Bồ-đề nếu là như vậy
 Tư duy hướng về hạnh và phước
 Trang nghiêm tốt đẹp hạnh Bồ-đề
 Tất cả mọi người đều đạt được.
 Cho đến tất cả mọi nơi chốn
 Người nào thân tâm đang khổ não
 Nơi ấy đạt được diệu phước này
 Hoan hỷ trong biển cả vui sướng.
 Nếu có điều gì không tự tại
 Mà lại ở nơi vòng luân hồi
 Khiến đạt được niềm vui thế gian
 Và có được niềm vui Bồ-đề.
 Nếu có người nào trong thế giới
 Thậm chí ở trong các địa ngục
 Mà làm cho những hạng người ấy
 Đều nhận được niềm vui sướng nhất.
 Lạnh lẽo khổ sở được ấm áp
 Nóng bức đắng cay được mát lành
 Bồ-tát phủ vầng mây bao la
 Lại tắm gội trong biển nước pháp.
 Cây sắt - đỉnh núi sắt cháy bỏng
 Rừng kiếm nhấp nhoáng chớp sáng lòe
 Tất cả trở thành cây như ý
 Tội nhân vui mừng được an ổn.

Ví như các thứ vàng bạc châu báu của cõi trời (Ca-na-ma, Ca-la-noa) các loài chim uyên ương - thiên nga - chim nhạn cất tiếng hót làm cho vui sướng dễ chịu, ao hồ rộng lớn yên lặng không một chút vẩn đục dơ bẩn, các mùi hương vi diệu tỏa ra khiến vô cùng thư thái vui vẻ.

Lò than địa ngục tích tụ lại
 Mà trở thành ngọc quý ma ni
 Đất nóng bỏng - nước rất rét buốt
 Lại có núi báu cùng hòa hợp.
 Dùng những vật cứng dường như vậy
 Trong cung Thiện Thệ đều đầy đủ
 Thanh lửa nóng bỏng - kiếm tuôn mưa

Từ nay về sau rưới mưa hoa.
 Dao kiếm ấy giết hại lẫn nhau
 Sau cùng tung hoa mừng cho nhau
 Đánh đập nát nhừ các thân xác
 Ví như sắc hoa của vua kia.
 Xương thịt giống như cùng với lửa
 Vứt vào trong nước sông Nại Hà
 Do vì năng lực thiện của mình
 Khiến cho thành cung điện cõi trời.
 Ánh sáng kia như ngàn mặt trời
 Soi khắp hòn đảo giữa biển kia
 Ngục tối ở trong cõi Diêm-ma
 Trông thấy chúng không ai kinh sợ.
 Những loài bay như quạ - đại bàng...
 Đều lia khổ vì ăn vật ác
 Thích niềm vui sướng rộng khắp kia
 Điều này có thể sanh thiện gì?
 Phước ví như ở tại hư không
 Quán xét những loài cao thấp này
 Giống như trông thấy tay kim cang
 Nhanh chóng diệt trừ mọi tai họa.
 Rưới xuống làn mưa hoa hương kia
 Làm tiêu tan ngọn lửa địa ngục
 Thế nào gọi là niềm vui sướng
 Thế nào gọi là niềm hoan hỷ?
 Người ở nơi những địa ngục kia
 Được trông thấy Ngài Quán Tự Tại
 Cùng với tất cả mọi uy đức
 Ngàn vạn Đồng tử tóc búi tròn.
 Tâm Bồ-đề chan chứa đại bi
 Cứu độ cho tất cả chúng sanh
 Dùng vật cõi trời kia cúng dường
 Áo mũ và hoa hương cõi trời.
 Cho đến hoa của tâm đại bi
 Lâu gác quý báu thật vui sướng
 Thiên nữ cùng nhau vui chuyện trò
 Trăm ngàn loại âm nhạc hát ca.
 Ca ngợi bậc Đại Thánh Văn-thù

Và Đại Thánh Bồ-tát Phổ Hiền
 Lấy những công đức tốt đẹp này
 Cùng giúp cho những chốn địa ngục.
 Đại Thánh từ bi Quán Tự Tại
 Quán sát nỗi khổ đau địa ngục
 Vô lượng khổ đau thật đáng sợ
 Tay vẫy ra dòng sữa cam lồ.
 Cứu giúp những loài ngạ quỷ kia
 Cho thức ăn - cho được tắm gội
 Khiến được no đủ và mát lành
 Lìa đau khổ đạt được vui sướng.
 Như người ở châu Bắc Câu Lô
 Năng lực sắc thân và thọ mạng
 Người điếc được nghe thấy âm thanh
 Người mù được trông thấy cảnh sắc.
 Lúc mang thai cho đến sanh đẻ
 Ví như Ma da không khổ gì
 Tuy áo quần - tuy có ăn uống
 Nhưng trang nghiêm mà lại thanh tịnh.
 Tất cả thuận theo ý mong cầu
 Được lợi ích lại nhiều vui sướng
 Người sợ không cảm thọ sợ hãi
 Không vui sướng mà được vui sướng.
 Phiền não sẽ được không phiền não
 Gặp gỡ mọi người đều hoan hỷ
 Người bệnh tật luôn được bình an
 Giải thoát tất cả mọi ràng buộc.
 Không có sức mà được sức lực
 Tâm thương yêu giúp đỡ lẫn nhau
 Bình an vui vẻ khắp mười phương
 Hành đạo tất cả đều hết lòng.
 Việc ác đều diệt sạch không còn
 Nên thành tựu tất cả việc lành
 Người dùng tàu thuyền đi buôn bán
 Ý được thỏa mãn những mong cầu.
 Bình an vui vẻ đến bờ kia
 Những người thân thích cùng đùa giỡn
 Đi đường lúc mất mùa đói kém

Gặp bạn bè không còn sợ hãi.
Không sợ giặc cướp và cọp beo
Lại không sợ say say sưa mê muội
Đồng không mộng quạnh không tai nạn
Già trẻ không chủ trị được mình.
Các bậc Hiền Thánh đều gia hộ
Giải thoát tất cả mọi phiền não
Thương xót tin tưởng và trí tuệ
Đầy đủ tất cả tướng tu hành.
Luôn luôn đạt được Túc mạng thông
Mà lại đạt được Vô tận tạng
Cho đến đạt được Hư không tạng
Không nhân duyên không hề phương tiện.
Rất nhiều tài năng không vui mừng
Chúng sanh thiếu tên gọi nổi tiếng
Sẽ đạt được danh xưng lớn lao
Xuất gia nếu hình hài xấu xí
Sẽ có được đầy đủ sắc tướng
Nếu như quả báo nơi ba cõi
Khiến cho họ được tướng trượng phu
Cũng xa rời phân biệt cao thấp.
Trước mắt phá tan ý ngã mạn
Nay đạt được tất cả phước đức
Lợi ích cho tất cả chúng sanh
Nên xa rời tất cả tội lỗi.
Luôn luôn làm lợi ích tốt đẹp
Tâm Bồ-đề thực hành cần mẫn
Hạnh Bồ-đề không hề giảm sút
Xa lìa các nghiệp của ngã mạn.
Xứng đáng được Đức Phật thọ ký
Cùng tất cả các loài chúng sanh
Đạt được thọ mạng đến vô lượng
Thọ mạng được lâu dài miên viễn.
Làm tổn hại tiếng nói vô thường
Vườn cây như ý thật vui sướng
Tất cả các phương đều đạt được
Pháp diệu vô biên ý rạng ngời.
Viên mãn giống như Phật với Phật

Các vùng đất đá cao thấp kia
 Giống như bàn tay mà bằng phẳng
 Mềm mại ánh sắc màu lưu ly.
 Tất cả mọi nơi đều có được
 Rất nhiều các vị Đại Bồ-tát
 Khắp nơi các cõi nước mười phương
 Vào trú trong ánh sáng của mình.
 Trang nghiêm ở tại mặt đất này
 Các loại cây cối và chim thú
 Ánh sáng hướng về giữa hư không
 Âm thanh thuyết pháp không dừng lại
 Các loài chúng sanh thường nghe được
 Đức Phật cùng với các đệ tử
 Những vị ấy luôn luôn được thấy
 Mây tỏa cúng dường không giới hạn.
 Cúng dường hướng về Đức Thế Tôn
 Trời rưới mưa dựa vào thời tiết
 Lúa mè hoa quả đều tốt tươi
 Thế gian được đầy đủ yên lành.
 Vương pháp được y theo thực hành
 Sức thuốc tăng nhiều gấp bội lần
 Năng lực hiểu biết đều thành tựu
 Các quỷ La-sát Noa-cát-nhĩ
 Những loài quỷ này đều thương xót
 Không xuất hiện làm khổ chúng sanh.
 Không tội lỗi lại không tật bệnh
 Không thể khinh mạn và thấp kém
 Phiền não không có gì xảy ra
 Độc tưng mà không bị ràng buộc.
 Tùy theo ý muốn mà đi đứng
 Mọi người tập hợp là thường hằng
 Thành tựu đối với trách nhiệm Tăng
 Tỳ kheo an trú giới thanh tịnh.
 Lại được tất cả các hiểu biết
 Quán sát hướng về nghiệp của tâm
 Xả bỏ rời xa các phiền não
 Tỳ kheo đã đạt được lợi ích.
 Nên xa rời các sự tranh chấp

Những người xuất gia cũng như vậy
Không thể nào phá hỏng giới cấm
Đạt được giới hãy cố giữ gìn.
Luôn luôn vui trừ hết các lỗi
Nếu người nào không phá giới cấm
Được lợi ích hưởng đến cõi trời
Nếu như người nào giữ bình bát
Làm được những lợi ích tốt đẹp
Có được chủng tử rất thanh tịnh
Tên gọi nổi tiếng khắp các phương
Vĩnh viễn không nhận chịu tội khổ.
Bên lòng nơi việc làm không khổ
Giúp cho vô số các chúng sanh
Cúng dường chư Phật khắp ba đời
Sẽ nhận được thân tướng cõi trời.
Người ấy thành Phật giữa thế gian
Chúng sanh không thể nghĩ bàn được
Vui với Phật mà được niềm vui
Nguyện giúp cho mọi nơi thế gian.
Bậc Bồ-tát nhất định thành tựu
Lòng kính trọng ấy như tư duy
Chúng sanh kia khiến cho đạt được
Quả vị Phật-bích-chi an lạc
Và đạt được niềm vui Thanh văn
Các hàng trời - người - A-tu-la...
Ý tôn trọng mà luôn bảo vệ
Nếu như được Túc Mạng thông ấy
Xuất gia luôn luôn được điều này.
Nếu như địa Hoan hỷ nơi kia
Văn-thù-sư-lợi thường an trú
Mình dường như theo quả vị ấy
Tùy sức mà có thể tham dự.
Nếu như biết an trú hòa hợp
Được sanh ra ở khắp mọi nơi
Hoặc có người nào muốn gặp gỡ
Và có người nào muốn nghe thấy.
Như vậy họ nhất định thấy nghe
Bậc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi

*Như mặt trời soi sáng mười phương
Giúp đỡ cho tất cả chúng sanh.
Tu hành theo Đại sĩ Văn-thù
Mình đạt được công hạnh như vậy
Lúc ấy hoặc trú trong hư không
Hoặc an trú ở tại thế gian.
Nay mình an trú cũng như vậy
Được san bằng nỗi khổ thế gian
Nếu như thế gian có đau khổ
Tất cả những điều mình được kia
Là tất cả thiện của thế gian
Bồ-tát vui thích đã đạt được
Loại thuốc cứu độ khắp thế gian
Tất cả đều chan chứa niềm vui
Tất cả cùng chung một lợi ích
Phật giáo sẽ tồn tại lâu dài.
Dùng ý tốt đẹp và thanh tịnh
Quy mạng hướng về Ngài Văn-thù
Con nói là bậc tri thức thiện
Tâm thanh tịnh này luôn tăng trưởng.*



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

BỒ ĐỀ
TÂM QUÁN THÍCH

SỐ 1663

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1663

BỒ ĐỀ TÂM QUÁN THÍCH

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Pháp Thiên.

Quy mạng Đức Bốn Sư, Đấng Thế Tôn Đại Giác, nay con lược giải thích về quán tâm Bồ-đề.

Như Đức Phật đã nói: Tất cả các pháp từ tâm sanh ra. Nay con hướng về bàn luận tâm Bồ-đề ấy. Sao nói là tánh? Đáp: Là tất cả các tánh. Sao nói là tất cả các tánh? Đó gọi là các tánh uẩn-xứ-giới. Vì tâm Bồ-đề ấy là bỏ thủ-xả, thì pháp vô ngã, tự tánh bình đẳng, từ trước đến nay không sanh nên tự tánh vốn là không. Nói tất cả tánh, ấy là tánh của tất cả các ngã... Đó gọi là tánh của ngã-nhân-chúng sanh - thọ giả, Bồ-đặc-già-la, Ma-noa-phước-ca..., nhưng các tánh ấy không phải là tâm Bồ-đề, đối với ý đó nói thế nào? Đó là các tánh ngã-nhân... ấy, nhưng ở trong tự tánh là xa tất cả các tướng, đã sanh ra ngã kiến, thuận theo ngã kiến phát sanh tất cả phiền não, ở đây không nảy sanh tâm kia. Hoặc nói là các uẩn-xứ-giới cũng là thủ-xả, nghĩa là tánh các uẩn-xứ-giới theo lý chân thật thì không thể đạt được. Sao nói là sắc tướng đều không có thật? Đó là vì sắc uẩn do bốn đại chủng hòa hợp mà thành. Bốn đại chủng ấy, tức là địa - thủy - hỏa và phong. Tiếp tục phát sanh năm sắc, đó là sắc-thanh-hương-vị và xúc. Các đại chủng ấy cùng với năm sắc, mỗi một loại đều có tự tánh không thể đạt được. Như vậy các pháp đều như thế. Vì vậy biết sắc chỉ là tên gọi hư giả. Từ đây biết sắc uẩn là không, ví như nhờ cây mà có bóng, cây mất thì bóng không còn. Sắc uẩn như vậy, thọ uẩn cũng thế. Sao nói là thọ? Thọ có ba loại, đó là khổ thọ-lạc thọ-phi khổ lạc thọ, nhưng ba thọ này nhân duyên với nhau. Lại

có hai loại, đó là thân thọ và ý thọ. Thân gồm vào sắc uẩn, vì thế thân không thể đạt được. Nếu như không có thân thì không có cảm thọ, cũng không thể nói năng - cũng không thể giải thích, chẳng phải ngắn-chẳng phải dài, không hình sắc-không tướng mạo, không có thật-không vướng mắc, không thể biết được. Thân thọ như vậy, Ý thọ cũng như thế. Thọ uẩn như vậy, thấy thọ uẩn là không, tướng uẩn cũng hư giả không thật, duyên lự đã thấu tóm. Nhưng duyên lự ấy không thể đạt được, vì thế chính là không phải duyên lự. Không phải duyên lự cho nên thấy tướng uẩn là không. Tướng uẩn như vậy, hành uẩn cũng như thế. Tâm đã tạo tác các hành động thiện và ý ghi nhớ, vì không hề có gì, tâm pháp kia đã sanh các uẩn như sắc-thọ..., tất cả các uẩn không hề sanh ra. Vì thế biết nghiệp tướng của hành uẩn không thật cũng không có chi phối thì thấy hành uẩn là không. Hành uẩn như vậy, thức uẩn cũng như thế, cho đến nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân-ý, nhãn thức-nhĩ thức... ấy tất cả tự tánh đều không thể đạt được. Nhãn ấy duyên với hữu sắc, thuận theo duyên sanh ra thức, không có duyên thì không sanh ra thức, mà nhãn sắc này và các sắc uẩn kia đều không phân biệt như nhau, phân biệt nhãn sắc này tức là không phải nhãn sắc, thức không hề sanh khởi. Nhãn thức như vậy, nhĩ - tỷ - thiệt - thân và ý cũng như thế. Như vậy biết thức này dựa vào Mạt-na thức (Ma năng thức), vì dựa vào Mạt-na thức, cho nên đã phát sanh các pháp quá khứ, vị lai và hiện tại. Sao nói là pháp quá khứ, vị lai và hiện tại? Đó là quá khứ đã diệt đi, vị lai chưa sanh khởi, hiện tại không dừng lại. Vì vậy biết thức uẩn là không. Như vậy từng loại một nói về uẩn - xứ - giới, tất cả đều phân biệt, tự tánh đều là không, chẳng phải vô tánh kia chính là câu nói chân thật, ví như không có hạt giống (chủng tử) thì không sanh ra mầm cây. Vì thế cho nên nói các uẩn - xứ - giới ấy cũng là thủ - xả.

Tại sao nói tâm Bồ-đề không có thủ - không có xả? Như Đức Phật đã thuyết: Nói với Bồ-tát Bí Mật Chủ về tâm Bồ-đề ấy: Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết rõ tâm ấy, chẳng phải xanh - chẳng phải vàng, chẳng phải đỏ - chẳng phải trắng, chẳng phải màu hồng - chẳng phải màu pha lê, chẳng phải ngắn - chẳng phải dài, chẳng phải tròn - chẳng phải vuông, chẳng phải sáng - chẳng phải tối, chẳng phải nữ - chẳng phải nam, chẳng phải hoàng môn. Lại nữa, Bí Mật Chủ! Tâm Bồ-đề không phải là tánh cõi Dục, không phải là tánh cõi Sắc, không phải là tánh cõi Trời - không phải tánh Dạ-xoa, không phải tánh Càn-thát-bà - không phải tánh A-tu-la, không phải tánh người - không phải tánh phi nhân, thậm chí Nhất thiết trí cầu mong cũng không thể đạt được. Như

vậy đạt được (Thủ) tâm chẳng phải là có.

Tại sao nói là có xả? Lại như Đức Phật thuyết: Nói với Bồ-tát Bí Mật Chủ, tâm Bồ-đề chẳng phải trong - chẳng phải ngoài - chẳng phải trung gian, vì thế không thể đạt được. Ý đó thế nào? Vì tự tánh vắng lặng. Lại Bí Mật Chủ! Tâm Bồ-đề ấy Nhất thiết trí cầu không thể đạt được, sao nói có thể thủ - xả? Như vậy đối với pháp có thể xa rời thủ - xả, bình đẳng vô ngã, như tất cả các pháp, vô ngã cũng vậy. Như Đức Phật đã thuyết, tâm Bồ-đề cũng vậy. Tất cả các pháp là không, vô tướng, vô ngã, các pháp tịch tĩnh không có tướng tịch tĩnh, tâm vốn bình đẳng từ trước đến nay không sanh ra cũng không phải không sanh ra.

Lại nữa, sao nói là tánh? Đáp: Tánh rỗng lặng. Rỗng lặng sao nói là tánh? Đó là vì như hư không. Như Đức Phật đã thuyết, tánh của hư không vì rỗng lặng chẳng có gì rõ ràng, tâm Bồ-đề cũng lại như vậy. Tên gọi của Bồ-đề chẳng phải là tánh - chẳng phải là tướng, không có sanh - không có diệt, chẳng phải giác - chẳng phải vô giác, nếu hiểu rõ như vậy, thì gọi là tâm Bồ-đề.

Lại như Đức Phật thuyết, nói với Bồ-tát Bí Mật Chủ: Đối với tâm vốn có của mình biết rõ như thật, đối với pháp không và có cũng không thể nào đạt được, vì thế nên gọi là Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Lại nói với Bồ-tát Bí Mật Chủ: Phải đối với tự tâm quán sát như thật rồi, sau đó hãy phát khởi phương tiện quán sát đối với chúng sanh, biết các chúng sanh đối với tánh Giác của mình không hiểu biết như thật, dấy lên những nghi hoặc sai lạc chấp trước điên đảo, nhận chịu các loại đau khổ to lớn nơi vòng luân hồi, vì vậy nên Ta khởi tâm đại bi, khiến cho các chúng sanh giác ngộ chứng thực như thật đối với chính tâm pháp của họ, đây chính gọi là tâm Bồ-đề, là tâm lợi ích, là tâm an lạc, là tâm tối thượng, là tâm pháp giới thiện giác. Dùng trí như vậy thấu tóm các chúng sanh, cho nên gọi là tâm Bồ-đề. Phát ra tâm này, phước đức thu được cũng không có giới hạn, bao la như hư không, biến công đức đó lại cũng vô lượng. Tuy kiếp có tận cùng nhưng công đức chẳng bao giờ cùng tận. Như vậy gọi là phát tâm Bồ-đề tối thượng làm căn bản cho Nhất thiết trí.



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

LUẬN QUẢNG THÍCH
BỒ ĐỀ TÂM

SỐ 1664
(QUYỂN 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1664

LUẬN QUẢNG THÍCH BỒ ĐỀ TÂM

*Bồ-tát Liên Hoa Giới tạo luận.
Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.*

QUYỂN 1

*Quy mạng tất cả Phật ba đời
Lược tập hợp pháp hành Đại thừa
Xây dựng sự nghiệp đầu thù thắng
Nay con giải rộng tâm Bồ-đề.*

Trong này vì sao nói: Nếu muốn nhanh chóng chứng được Nhất thiết trí, lược nêu chung tâm trú vào ba chỗ, phát sanh tâm bi, thuận theo Bi phát sanh tâm Đại Bồ-đề. Tất cả pháp Phật tối thắng vốn có, đều do tâm bi làm căn bản. Tâm bi này vốn vì quán xét chúng sanh, như Kinh Thánh Pháp Tập nói: “Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại thưa Đức Phật: Thưa Đức Thế Tôn! Các Bồ-tát không nên tu tập nhiều loại pháp môn, chỉ ở tại một pháp tự mình cần mẫn thực hành, thì đối với tất cả các pháp như đã trong tay. Như thế nào là một pháp? Đó gọi là Đại bi? Các Bồ-tát nhờ vào đại bi này, thì đối với tất cả pháp Phật như đã nắm trong tay. Thế Tôn! Ví như vị Chuyển luân Thánh vương đi khắp mọi nơi với xe báu, thì quy tụ được tất cả mọi năng lực. Các Bồ-tát cũng lại như vậy, Đại bi đi qua mọi nơi, đã có thể tích tụ thành tựu năng lực của tất cả pháp Phật. Thế Tôn! Lại như bậc sĩ phu có mạng căn kiên cố, thì có thể làm cho các căn sẽ được chuyển hóa. Các Bồ-tát cũng lại

như vậy, đại bi kiên cố mới có thể làm cho các pháp hành Bồ-đề được chuyển hóa”.

Như Kinh Vô Tận Ý nói: “Lại nữa, Xá-lợi-tử! Nên biết các Bồ-tát có đại bi vô tận. Tại sao? Vì làm người dẫn đường cho tất cả các pháp. Xá-lợi-tử! Ví như bậc sĩ phu vốn có mạng căn cùng với hơi thở ra vào nên làm người dẫn đường. Pháp môn Đại thừa rộng lớn tập hợp tất cả cũng lại như vậy, cho nên Bồ-tát lấy đại bi làm người dẫn đường”.

Như Kinh Tượng Đầu nói: “Bấy giờ, có một vị trời thưa hỏi Bồ-tát Diệu Cát Tường: Nên nói thế nào là có thể phát khởi tất cả các hạnh tốt đẹp của Bồ-tát, lại an trú thế nào?”

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói với vị trời: Tâm đại bi có thể phát khởi tất cả các hạnh tốt đẹp của Bồ-tát. Bồ-tát duyên với các chúng sanh làm cảnh giới an trú, vì thế nên Bồ-tát thường khởi ái niệm tất cả chúng sanh, đối với bản thân mình không hề tiếc nuối, thuần nhất làm lợi ích nuôi lớn người khác, ở trong thời gian lâu dài phát sanh các hạnh khó làm nhưng làm được”.

Như Kinh Tín Lực Pháp Môn nói: “Các Bồ-tát ấy tâm bi kiên cố, vì cứu độ tất cả chúng sanh, luôn nghĩ không có một chút nào gian khổ. Nếu được độ rồi cũng nghĩ không có gì đã độ, không bỏ tất cả các hạnh gian khổ khó thực hành. Như vậy, không bao lâu các hạnh được viên mãn, thành tựu sở nguyện vốn có, chứng được Nhất thiết trí, đạt được tất cả pháp Phật. Như vậy, đều căn cứ vào bi làm căn bản. Hết thủy chư Phật, Thế Tôn hiện chứng Nhất thiết trí, đại bi thâm tóm khắp nơi, rộng ra làm lợi ích tốt đẹp nhất cho thế gian, an trú nơi vô trú Niết-bàn. Như vậy, chư Phật đã thực hiện, đều lấy đại bi làm nhân tố đó. Trong nhân của chư Phật giả sử có khổ não, bấy giờ bèn tác ý duyên với chúng sanh, quay trở lại làm cho tăng trưởng sự không lui sụt nhiều hơn”. Như Đức Phật đã thuyết giảng trong các kinh, tất cả chúng sanh nơi các nẻo có nhiều loại đau khổ, như chúng tương ứng với khổ não hết sức to lớn, Bồ-tát thường vì chúng sanh mà thương xót quán sát. Đó là báo ứng trong chốn địa ngục có nhiều loại đau khổ, lửa nghiệp thiêu đốt suốt thời gian dài không gián đoạn và khổ não không bao giờ hết. Như các loại sửa trị trừng phạt đấm trộm cướp của thế gian, giam cầm đánh đập cùm kẹp xua đuổi, chặt đứt thân hình khổ đau vô cùng nhưng phải nhận chịu, khổ não này cũng vậy. Trong chốn nạ quỷ có các loại đau khổ đói khát cùng cực của loài đó, thân thể khô đét, vì rình rập tìm kiếm thức ăn cho nên tàn hại lẫn nhau, tuy luôn mong cầu, cho dù trải trăm năm, nhưng cuối cùng không thể nào có được phần nhỏ những thứ còn thừa lại bỏ đi

và bất tịnh... Lại có ngựa quý sức mình yếu kém dựa vào nơi khác mạnh hơn, tuy dựa vào họ mà chẳng được gì. Giả như có giành được, trở lại bị các quý sức mạnh hơn, ức hiếp chèn ép cướp đoạt bức bách đánh đập trừng trị, nhận chịu vô lượng khổ não thuộc loại như vậy. Nhận chịu khổ đau này, là các loại được an vui tự tại trong loài người xưa kia, do nhờ các điều ác nên vào trong chốn này. Trong loài súc sanh nhận chịu vô số khổ đau, khởi tâm thù hận làm hại ăn nuốt lẫn nhau, hoặc có khi xâu thủng lỗ mũi, hoặc mổ thịt lột da trên thân của nó, hoặc đánh đập trói buộc... không tự tại chút nào, bức bách thân mình đau khổ vô cùng, thật sự không có chút nào đáng để vui mừng yêu thích. Như người gánh gánh nặng từng không dám có lưỡi mỗi, tuy trải qua thời gian dài nhưng không thể nghĩ là cần nghỉ ngơi vì mất nhiều sức lực. Lại có các loài súc sanh ở giữa đồng hoang mênh mông, dốc lòng buông thả tùy tiện, dong ruổi nơi này đến nơi kia, chưa hề tạm dừng, tàn hại lẫn nhau, sợ hãi lẫn nhau, ở trong loài này lại có đau khổ như thế.

Như vậy, các nẻo địa ngục, ngựa quý, súc sanh, vì khởi lên nhiều loại nghiệp ác và phiền não, vì nhân tố đó mà ở trong những nẻo ấy nhận chịu các khổ não. Như người rơi vào nơi núi non nguy hiểm, khổ não cũng như thế. Trong cõi người kia, có nhiều loại đau khổ, như nơi khác có nói rõ. Tiếp đến các trời cõi Dục, lửa dục vọng thiêu đốt làm tán loạn tâm ý, muốn khiến cho tự tâm trong phút chốc được quy tụ ổn định một chỗ, cuối cùng không thể nào làm được. Nên biết lúc dục lạc đi qua thì khổ đau lập tức hiện rõ trước mặt, như người nghèo khổ làm sao có vui sướng? Trong cõi trời Dục ấy thường bị sợ hãi, buồn lo và những điều tổn hại của sự đoạ lạc, hủy diệt, cũng không phải là niềm vui của họ. Tất cả các trời cõi Sắc, vì các hành thường bị chuyển đổi, báo nơi cõi trời ấy dùng hết, hoặc trở lại rơi vào các nẻo địa ngục... Trong các nẻo tương tự đều như vậy, nghiệp và phiền não luôn luôn ràng buộc làm cho không được tự tại, vì vậy phát sanh các khổ não. Do đó, nên biết ngọn lửa đau khổ bùng cháy lên, thiêu cháy thế gian không lúc nào dừng lại. Bồ-tát trông thấy khổ đau này rồi tức thì phát khởi tâm bi, quán sát khắp nơi tất cả chúng sanh. Vả lại, lúc Bồ-tát thấy các chúng sanh nhận chịu các loại khổ đau, khởi tâm thương xót không oán không thân, bình đẳng quán sát cứu độ cho tất cả. Hơn nữa, tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay lưu chuyển trong vòng luân hồi, Bồ-tát chưa từng đối với một chúng sanh nào không khởi lên nghĩ là bạn thân, khởi tâm bình đẳng này, lập tức theo đó thực hành, quán sát hướng về tất cả chúng sanh khắp mười phương. Nếu như thấy một chúng sanh nào

có điều khổ não, Bồ-tát thương yêu họ như con, liền thay họ nhận chịu không để cho chúng sanh chịu đựng điều khổ não ấy, dùng tâm bi này chuyển hóa, nên có thể làm cho tất cả chúng sanh chấm dứt khổ não, mới thành tựu được công hạnh tốt đẹp của đại bi.

Như Kinh Vô Tận Ý nói: Bồ-tát quán, thực hành theo tâm bi này. Ở Kinh A Tỳ Đạt Ma, đầu tiên Phật đã giảng nói: Vì muốn cứu độ tất cả hữu tình, Bồ-tát khởi các lực bi, nguyện... hướng đến cầu quả vị Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Nếu không vì cứu độ chúng sanh, Ta lập tức không phát tâm Bồ-đề.

Như Kinh Thập Địa nói: “Trong tất cả chúng sanh, những người không ai cứu hộ, không có nơi quay về, không có chốn nương tựa, không có sự hiểu biết, Bồ-tát thấy họ rồi lập tức sanh niệm bi, mới phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng. Nếu như không vì họ mà giảng giải khuyên bảo, chỉ dạy rõ, thì Bồ-tát đã không phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng”. Vì thế nên biết các vị Bồ-tát đã dũng cảm phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng, đó chính là tâm bi kiên cố.

Như Kinh Như Lai Trí Ấn Tam Ma Địa Thắng Thượng nói: “Tâm Bồ-đề đã thực hành có thể trừ bỏ nỗi khổ luân hồi”.

Như Kinh Di Lặc Giải Thoát nói: “Này người thiện nam! Ví như có người không lấy vật báu Đại Kim Cang, nhưng chỉ đạt được tất cả đồ dùng trang nghiêm bằng vàng, mà cũng không bỏ vật báu Đại Kim Cang, đối với người nghèo túng có thể cứu giúp rộng khắp. Này người thiện nam! Bồ-tát cũng lại như vậy, không chọn lấy tâm Nhất thiết trí là vật báu Đại Kim Cang, nhưng chỉ đạt được tất cả công đức hàng Thanh văn, Duyên giác là đồ dùng trang nghiêm bằng vàng, mà cũng không bỏ mất công hạnh Bồ-tát, vì đối với tất cả người nghèo trong luân hồi, nó có năng lực cứu giúp rộng khắp. Bồ-tát có thể đối với tất cả các loại, tất cả các pháp môn tu học, bình đẳng tu tập, vì vô lượng công hạnh thù thắng này, nên thuận theo tâm Bồ-đề để sanh khởi, đưa ra các phương tiện, thành tựu quả vị Đại Bồ-đề”.

Như Kinh Như Lai Thị Giáo Thắng Quân Vương nói: “Đức Phật nói với Đại vương: Nếu ông đã làm nhiều loại sự nghiệp, đối với tất cả các loại, tất cả các nơi, nên tạo điều kiện để Bồ thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát nhã Ba-la-mật-đa tương ưng mà học. Vì thế Đại vương, ông nên như vậy đối với Chánh Đẳng Giác, khởi lên các tâm mong muốn, tin tưởng, cầu nguyện và hướng đến... Trong bốn oai nghi hoặc đi, đứng, nằm, ngồi, hoặc là ăn uống, hoặc trong các việc làm, quyết luôn luôn nhớ nghĩ định ra ý hướng, quán tưởng hết thủy chư Phật - Bồ-tát - Duyên

giác-Thanh văn, các phàm phu chúng sanh cho đến bản thân mình..., tất cả quá khứ, vị lai và hiện tại, tất cả thiện căn hợp lại tập trung một nơi, phát tâm thẳng thượng tự hướng về tùy hỷ rồi, rộng khắp ở trong tất cả chư Phật - Bồ-tát - Duyên giác - Thanh văn, cúng dường thừa sự những công đức vốn có, tặng cho tất cả chúng sanh cùng chung hưởng, nguyện cầu mọi chúng sanh cho đến đạt được Nhất thiết trí, tất cả pháp Phật thấy đều viên mãn. Nếu như ngày từng ngày ba thời hồi hướng về đạo quả Bồ-đề vô thượng, này Đại vương, việc ông đã làm đều được thanh tịnh, các hạnh Bồ-đề cũng đều thành tựu. Lại nữa, này Đại vương! Tâm Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng đã phát sanh vô số quả báo thiện căn. Như sanh trong loài người hoặc sanh lên cõi trời, ở tất cả mọi nơi thường được tốt đẹp nhất, mà ông là Đại vương cũng làm như vậy, thì trở thành rộng lớn. Và lại, này Đại vương! Tâm Đại Bồ-đề là tối thượng tối thắng, nếu như tiếp tục thực hành được chân thật, thì có thể thành tựu kết quả Đại Bồ-đề”.

Như Kinh Vô Úy Thọ Vấn nói: “Phát tâm Bồ-đề đã sanh ra những phước đức giống như hư không giới, rộng lớn bao la không có cùng tận. Giả sử, có người dùng châu báu ngọc ngà chứa đầy trong hăng hà sa số cõi Phật để cúng dường Đức Thế Tôn. Nếu như người có thể chấp tay thành kính, một lần phát tâm đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng ấy, mà phước đức này hơn hẳn phước đức trước không thể so sánh tính toán được”.

Như Kinh Hoa Nghiêm nói: “Này người thiện nam! Từ tâm Bồ-đề sanh ra tất cả pháp Phật, rộng lớn tối thượng và trang nghiêm. Tâm Bồ-đề có hai loại của nó: 1. Tâm nguyện. 2. Tâm phần vị”. Lại ở kinh ấy nói: “Này người thiện nam! Điều mà tất cả chúng sanh rất khó có được, đó gọi là đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Nếu như rộng ra khỏi lên hạnh nguyện, thì được an trú trong Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng hiện đang phía trước, có thể làm lợi ích khắp nơi tất cả thế gian. Này người thiện nam! Ta được thành Phật, nghĩa là do phát khởi tâm cầu Bồ-đề, tâm nhờ vào bốn nguyện. Về sau theo đó đã thực hành các công hạnh, trước đây đã khởi lên tất cả hạnh ấy, mà thấy đều thấu tóm rộng khắp trở thành phần vị tâm. Vì thế cho nên những năng lực của hạnh nguyện dường như đều thành lập, liền được tri thức thiện hiện rõ trước mắt thấu nhận, xả bỏ tất cả mọi cảnh tướng không thật, như Bồ-tát Diệu cát Tường ở trước dựa vào nhà vua đã phát tâm Bồ-đề. Bồ-tát phát tâm Bồ-đề như vậy rồi, tự thực hành Bồ-đề thí cùng các Ba-la-mật-đa tương ứng với thẳng hạnh. Nếu như người tự mình không thể điều phục

được mình, sao có thể điều phục được người khác? Vì thế nên biết Bồ-tát nếu như không tự mình tu tập các công hạnh, sao có thể đạt được quả vị Đại Bồ-đề?”

Lại như Kinh Tượng Đầu nói: “Các Bồ-tát đã thực hành chân thật cho nên đạt được Bồ-đề, không phải là các công hạnh không chân thật”.

Như Kinh Tam Ma Địa Vương nói: “Này Đồng tử! Như Ta đã thực hành được chân thật, mà ông là Đồng tử nên học như vậy. Tại sao Đồng tử? Vì nếu đã thực hành chân thật, thì không khó gì đạt được đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng”.

Như vậy, các công hạnh Bồ-tát đã thực hành, hoặc là dùng mười Ba-la-mật-đa, bốn vô lượng, bốn nhiếp pháp... phân biệt điều ấy rộng ra, như Kinh Vô Tận Ý - Kinh Bảo Vân... đều nói. Và lại, học có hai loại, đó là thế gian và xuất thế gian. Sao nói là thế gian học? Đó là những kỹ năng công xảo. Sao nói là xuất thế gian học? Đó là các thiện định. Những gì còn lại nói sao? Đó là đã làm tất cả sự nghiệp lợi ích cho chúng sanh. Trong này nên biết các thực hành của Bồ-tát, tóm tắt mà nói, đó là tuệ và phương tiện, nhưng hai pháp này không khiến cho giảm bớt.

Như Kinh Duy Ma Cật nói: “Bồ-tát không có tuệ phương tiện ràng buộc, có tuệ phương tiện giải thoát; không có tuệ phương tiện ràng buộc, có tuệ phương tiện giải thoát”. Lại như Kinh Tượng Đầu nói: “Tổng quát lược nói: Về các Bồ-tát, có hai loại đạo, đối với hai đạo này nếu như người đầy đủ, thì các Bồ-tát ấy sẽ có thể nhanh chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Như thế nào là hai đạo? Đó gọi là tuệ và phương tiện. Nếu như xa rời hạnh Bát nhã Ba-la-mật-đa, thì các Ba-la-mật-đa - bốn nhiếp pháp..., làm sao có thể trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật rất phong phú tự tại, thành thực hữu tình thực hiện các hóa sự, khắp nơi thâm gồm các pháp phương tiện thiện xảo? Vì thế cho nên tuệ này cùng với phương tiện kia, là tánh không có điên đảo mà nhân có phân biệt. Căn cứ vào nhân này nên khởi lên phương tiện đích thực. Như đã nói về các pháp, khởi tư duy phân biệt không có điên đảo, có thể suy cho cùng là lợi lạc cho mình và người, có thể làm cho phiền não không khởi lên, giống như các chất độc bị bùa chú ngăn trừ”. Lại kinh này nói: “Trí tuệ thâm tóm phương tiện, đây là trí có phân biệt”.

Lại như Kinh Tín Lực Pháp Môn nói: “Sao nói là phương tiện thiện xảo? Đó gọi là thâm tóm tất cả các pháp. Sao nói là tuệ? Đó là đối với tất cả các pháp không hề làm tổn hại đến thiện căn”.

Như vậy hai loại tuệ và phương tiện, đi vào khắp nơi các địa, trong tất cả mọi lúc luôn luôn thực hành, không được ở trong đó làm cho nó bị giảm bớt. Tất cả các Bồ-tát Thập Địa thực hành mười hạnh Ba-la-mật-đa cho đến rộng ra thực hành các hạnh, như Kinh Thập Địa giải thích nhiều, hết thấy Bồ-tát Bát Địa, thuận theo oai nghi Phật bắt đầu thực hành chắc chắn dừng lại. Kinh ấy nói: “Lại nữa, Phật tử là bậc Đại Bồ-tát, nên hưởng về dựa vào đại nguyện đã phát khởi trước đây gia trì trú trong năng lực thiện căn, chư Phật Thế Tôn cũng từ pháp môn này, lưu chuyển ra đại trí viên mãn các công hạnh. Đây chính là thành tựu pháp môn nhân cao nhất, tất cả pháp Phật từ đây mà tụ tập. Lại nữa, này người thiện nam! Không nên như vậy khởi lên thực hành dừng lại. Như Ta đã đạt được mười lực-bốn vô sở úy-mười tám bất cộng, các thần thông cùng tất cả pháp Phật, nhưng ông chưa đầy đủ thì hãy phát khởi tinh tấn, thành lập các nguyện cầu tương ứng mà thực hành. Vì thế cho nên ông đối với pháp môn Nhân như vậy, không nên lìa bỏ. Này người thiện nam! Lẽ nào ông không quán sát các hạng phàm phu ngu muội, tích tập các loại phiền não, khởi các loại tìm cầu nối tiếp nhau không gián đoạn, tại sao lại muốn khởi lên thực hành dừng lại? Lại nữa, này người thiện nam! Nên biết pháp tánh của các pháp mà tự thường trú, vì pháp tánh thường trú, cho nên Như Lai chính là vô sanh, nghĩa là các hàng Thanh văn, Duyên giác, không hiểu rõ tất cả các pháp không có phân biệt - không có sanh ra, Như Lai dùng thiện phương tiện xuất hiện giữa thế gian thôi. Lại nữa, này người thiện nam! Ông nhìn thấy thân vô lượng - trí vô lượng của Ta, cõi Phật vô lượng - viên quang vô lượng, trí hiện tiền môn vô lượng - thanh tịnh vô lượng, các pháp rộng lớn thuộc loại như vậy, vì thế nên ông nương theo nguyện hạnh vốn có, hãy luôn luôn suy nghĩ và nhớ làm lợi ích cho chúng sanh, thì đạt được pháp môn trí không thể nghĩ bàn như vậy”.

Như Kinh Thập Địa đã nói về hành tướng, cùng với Kinh Duy Ma Cật trái ngược nhau, kinh ấy nói: “Diệu Cát Tướng! Nếu người nào đối với pháp Như Lai đã thuyết ra mà khởi lên khinh thường phỉ báng, người này tuy nói ra lời phỉ báng, như Ta đã nói cũng được thanh tịnh. Lý và sự trong này cũng không trái ngược nhau”.

Như Kinh Tượng Đầu nói: “Đức Phật dạy: Từ Thị! Các Bồ-tát vì Bồ-đề, nên tích tập Ba-la-mật-đa. Hoặc có người si mê khởi lên nói như vậy: Bát nhã Ba-la-mật-đa là pháp học hàng Bồ-tát, tại sao nói trở lại học các Ba-la-mật-đa khác? Hoặc có người nghe rồi đối với các phương tiện và các Ba-la-mật-đa khởi lên ý lìa bỏ. Này Từ Thị! Theo ý

của ông thế nào? Như Ca Thi Vương lấy xác thân của mình mà cứu cho chim bồ câu, vị Vương này lẽ nào là ngu si ư? Từ Thị thưa: Thưa Thế Tôn, không phải vậy. Đức Phật dạy: Từ Thị! Lúc Ta tu hạnh Bồ-tát, tu nhiều về sáu Ba-la-mật-đa tương ứng với thiện căn, nên không có lợi ích gì chẳng? Từ Thị thưa: Thưa Thế Tôn! Không phải vậy. Đức Phật dạy: Như vậy Từ Thị, như ông tích tập ở trong sáu mươi kiếp, Bồ thí cùng các Ba-la-mật-đa, cho đến trong sáu mươi kiếp tích tập Bát nhã Ba-la-mật-đa cũng lại như vậy”. Trong kinh ấy nói rộng về hành tướng, cần phải biết.



LUẬN QUẢNG THÍCH BỒ ĐỀ TÂM

QUYỂN 2

Lại nữa, trong này, như Kinh Tỳ Lô Giá Na Thành Phật nói: “Tất cả trí Nhất thiết trí (Trí Phật) lấy tâm bi làm căn bản, thuận theo bi phát sanh ra tâm Đại Bồ-đề, sau đó thành lập các phương tiện. Vì vậy các Bồ-tát đối với tất cả mọi lúc, luôn thực hành hai loại này. Tất cả các phương tiện như bố thí... hiện rõ thân, hiện rõ cõi, sắc tướng quyến thuộc, quả báo rộng lớn, vì hai loại thân gồm nên thấy đều được thành tựu. Như Phật Thế Tôn không trú vào Niết-bàn, vì khiến cho tất cả khởi chánh tuệ, có thể đoạn trừ các điên đảo khắp nơi lại không trú vào sanh tử, vì sanh tử khởi điên đảo. Vì vậy Đức Thế Tôn thành tựu Niết-bàn Vô trú. Lại nữa, nên biết tự tướng đã thực hành của tuệ và phương tiện, cần phải xa rời hai bên cộng tướng và hủy báng. Xa rời hai bên nên đã thực hành trung gian thì đạt được vô ngại”. Đã nói là hai bên cộng tướng và hủy báng, nghĩa là tuệ xa rời bên cộng tướng, phương tiện xa rời bên hủy báng. Như vậy trong này, như Kinh Thánh Pháp Tập nói: “Nếu sắc thân đầy đủ các tướng hảo, thì có thể khiến người nhìn thấy khởi lên được ý vui mừng hơn hẳn. Nếu ở trong Tam muội quán sát pháp thân ấy, thì không thể nào làm cho khởi ý vui mừng được”. Lại có thuyết nói: “Tuệ và phương tiện sanh ra các Như Lai, có thể khiến cho người khác khởi tín giải thanh tịnh”. Như vậy nên biết! Và lại có nơi nói: Như pháp thế gian cần phải biết rõ, pháp này còn phải bỏ huống hồ chẳng phải là pháp, vì xa rời tướng thủ, các tâm chấp thủ điên đảo kia đoạn dứt. Do đoạn dứt nơi kia rồi nên ở đây nói: Đây thực sự có được ý vui mừng, không nên ở trong những việc đã làm ấy, mà dấy tâm quyết định thực sự nương nhờ. Cũng như có nơi nói: Trong tất cả các pháp cũng không đáng lấy, cũng không đáng bỏ, vì pháp lấy bỏ ấy không thể đạt được.

Hoặc có thuyết nói: Các hành như bố thí... cảm đến quả sanh tử. Ở đây vì sao nói là xa rời tuệ mà thực hành bố thí...? Đạt được một chút

thiện cho là niềm vui đủ để khởi tâm dũng mãnh, tiếp tục khởi lên ý tưởng thiện căn được tăng thượng.

Như Kinh Duy Ma Cật nói: “Tất cả các pháp vốn có, nên cùng với tuệ và phương tiện thực hành cả hai loại. Các việc làm như bố thí... nếu là tuệ thâm tóm, thì có thể gọi là Ba-la-mật-đa, tên gọi khác đây thì không phải là bố thí... thanh tịnh”.

Trong ấy nên biết, nếu như trú vào Tam-ma-địa thì có thể sanh khởi các tuệ, vì gia hạnh chuyên chú tổng thâm các tạo tác, nghĩa là do trước khởi lên nghe thành tựu tuệ, theo nghĩa của bốn tông mà đích thực nhiếp trì, sau đó từ suy nghĩ thành tựu tuệ mới có thể sanh khởi. Ở trong sự tư tuệ này quán sát như thật nghĩa, sự quán sát ấy quyết định chân thật, không có tà vọng điên đảo giả dối. Quán sát như vậy nên nghi hoặc chấm dứt, chánh trí sanh ra như lý mà tu tập đúng đắn. Như Đức Phật ngồi nơi cội Bồ-đề vì các ngoại đạo thuyết về pháp vô ngã. Trong này cần phải tư duy quán sát, chắc chắn có chánh nhân đạt được quả Niết-bàn. Khác với điều này đều là nhân phân biệt bình thường của ngoại đạo, không phải là tịch tĩnh. Vì thế nên trong Tạp A Hàm đều nói rõ. Trong tư duy đã thành tựu tuệ như lý quán sát rồi, thuận theo quán sát các vật có tự tướng chân thật, mà tự tướng kia trong Thắng nghĩa đế chính là không sanh khởi. Như vậy quyết định tương ứng với những gì trong A Hàm đã nói.

Như Kinh Thánh Pháp Tập nói: “Vô sanh chân thật, không thật thì gọi là pháp sai khác. Những loại như vậy đều là vô sanh tùy thuận với Thắng nghĩa đế. Đây nói là chân thật, còn thắng nghĩa vô sanh chính là chẳng phải vô sanh, tất cả các hành ấy đều là tánh quá khứ”. Ở đây lại nói: “Này người thiện nam! Hai pháp sanh diệt suy cho cùng đều là sự chấp thủ của thế gian. Vì thế nên Đức Phật đại bi vì muốn cảnh tỉnh thế gian xả bỏ các hành tướng, thuyết về pháp sanh diệt suy cho cùng không có một pháp nào được sanh ra”.

Lại trong Kinh Thánh Pháp Tập nói: “Sao nói là sanh, sao nói là diệt? Đáp: Vô sanh gọi là sanh, vô diệt gọi là diệt”. Trong này lại nói: “Pháp môn chữ A nghĩa là tất cả các pháp xa rời sanh diệt, đây chính là tất cả các pháp không có chủng loại tự tánh, tự tánh thành tựu từ Không”.

Kinh Thánh Nhị Đế nói: “Nếu như vô sanh bình đẳng, thì đạt được tất cả các pháp bình đẳng”.

Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa nói: “Này Tu-bồ-đề! Sắc sắc tự tánh là không, cho đến thức thức tự tánh đều là không, tự tướng được thành

tự từ không”.

Kinh Tượng Dịch nói: “Tất cả các tánh không thể nào được sanh ra, ở trong vô sanh tánh, người ngu muội chấp có tánh sanh ra”.

Kinh Phụ Tử Hiệp Tập nói: “Tất cả các pháp kia thấy đều bình đẳng, ba đời cũng bình đẳng, tất cả các pháp quá khứ xa rời tự tánh, cho đến tất cả các pháp hiện tại cũng xa rời tự tánh”. Như vậy là nói tổng quát về tánh các pháp. Trong A Hàm kia nghĩa chắc chắn tương ứng cần phải quán sát, khác với điều này có nhân thì không thể thành tựu được. Trong này như lý quán sát quyết định rồi, nói tóm tắt: Nghĩa là các tánh sanh ra hoặc nói là có nhân, hoặc nói là không có nhân. Như thật nên biết. Không phải tánh ấy có nhân, không phải tánh ấy không có nhân, nghĩa này nói thế nào? Nếu như tánh xả bỏ nhân, thì tánh sai biệt này hoặc biểu hiện rõ là có thật, không phải là không có nhân của nó. Nếu lúc pháp sanh ra chính là tất cả các tánh khắp tất cả các xứ, sao nói là chẳng phải có? Lúc tánh kia không có hoặc là không hề sai biệt, trong lúc sanh ra cũng không phải là có được, không phải tánh đó có nhân. Nói tổng quát như vậy, tánh ấy không phải là không có nhân mà được hòa hợp, cũng không phải là có nhân mà được hòa hợp. Như vậy đã nói nếu nghĩ là có ngã tức là ngoại đạo khởi lên chấp vào nhân thường có, thì vô tánh kia được sanh ra, có thể khởi lên các hành mà biểu hiện rõ. Làm hỏng các nhân của tánh thì sao có thể sanh khởi các hành, vì xả bỏ không như lý. Vả lại, không phải ngoại đạo đã chấp vào ngã đều tự nó có năng lực, đối với pháp sai biệt nơi khác có thể không xả bỏ tánh. Đã chấp là tánh thường có thì không thể đối với nơi khác làm những điều lợi ích được. Nếu không có lợi ích thì trái với pháp tương ứng. Trong này như vậy nên biết, đã chấp vào tất cả mọi năng lực của các ngã, thì rốt cuộc đều là không, giống như người phụ nữ vô sanh. Không có tự tánh kia ở trong các việc đã làm, thì không thể nào thành tựu những việc ấy. Giả sử có năng lực đã làm không có thật, thì dường như chẳng phải đã làm lại chẳng phải hòa hợp. Lại giống như tất cả mọi việc thuận theo có làm ra, quyết định từ lúc sanh ra về sau, nếu có năng lực thì chính năng lực ấy, thuận theo chuyển đổi tự tánh như trước đã nói, các sự đã khởi làm mà được hòa hợp, hoặc không thuận theo chuyển đổi cũng như trước đã nói. Không có tự tánh kia thì tánh là nhân vô thường chắc chắn không hòa hợp. Vì vậy trong các nhân vô thường không có một pháp nào có thể đạt được.

Ý ấy trong này như Đức Thế Tôn dạy: “Lại nữa, Đại Tuệ! Cộng tướng không thật, đó gọi là hư không diệt mất Niết-bàn không có tạo

tánh, không có tánh, không chấp thủ cộng tướng, vì vậy nên đều là vô thường”. Sanh này không hòa hợp mà cũng chẳng phải vô thường, như tánh trong hai sự việc của quá khứ và vị lai, cũng chẳng phải có sanh mà được hòa hợp, nhân kia không có hòa hợp thì tánh theo đó chuyển đổi. Nếu cùng thời gian sanh ra có những tướng ứng, cũng không phải là nhân cùng thời gian đã làm tự tánh của sự việc được quyết định. Quán sát cùng lúc ấy cũng không có tánh nào được thành tựu, hoặc quán sát thời gian khác nhau cũng không phải là thời gian khác nhau. Nếu như quán sát ở trong thời gian - trong duyên, thì tánh ấy cũng không sanh ra - không có thật. Quá khứ nếu như sanh ra có những hòa hợp, nhưng cũng không phải là duyên - cũng không phải là có sanh ra, tất cả ngã ấy cũng không có duyên, lại không phải tất cả sát na thuận theo đi vào trong một sát na, kiếp và sát na phân biệt hạng lượng mà không thể hòa hợp, như các vi trần tập hợp tích tụ lại thành đồng lớn, trong này cũng không có ngã ở mức vô cùng nhỏ mà được hòa hợp. Như vậy trong một tập hợp - một thành phần, sát na uẩn kia tích tụ tánh không thể hòa hợp, tự nó không được sanh ra cũng không có thành phần của nhân. Nếu như ở trong này giữ lấy phần của tánh ấy, thì tự ngã đã khởi lên trái với nhau cũng không có hai loại. Nếu như có hai phần của tánh thì thuận theo mắc phải hai loại sai lầm. Như vậy nói tóm lại, vì tất cả thế tục đã sanh khởi có những tánh đạt được, ở trong Thắng nghĩa đế mà thật sự không có sanh khởi. Điều này nói không trái ngược gì với A Hàm.

Như Đức Phật đã nói: “Tánh của các chúng sanh đều gọi là thế tục, trong Thắng nghĩa đế chúng sanh không có tự tánh, trong tự tánh không có nếu như khởi lên nghi hoặc, lúc ấy chính là thật sự khởi lên ý nghĩ thế tục”. Đã nói như lý, thì Phật Thế Tôn là chân thật vui với ý thù thắng, như những thân lúa của thế gian, tự tánh và tha tánh ở trong hai loại nói là không có nhân sanh ra, nghĩa này nên chấm dứt. Trong này nên thuận theo quán sát như lý, nếu là Sắc hay Vô sắc, hai tánh ấy thì sắc giống như những loại bình lọ v.v... và Vô sắc là những, hạn lượng nhỏ vô cùng không thể làm hỏng tánh sắc, đối với phần vị trước (sắc) nhưng không phải là một tánh, trong phần vị trước (sắc) nếu như có những tổn hại thì tánh kia (Vô sắc) không thành tựu. Lại nữa, không phải trong tập hợp những nhỏ bé cùng cực ấy có một tánh hay nhiều tánh, xa rời một hay nhiều tánh ấy sao nói là có tự tánh? Nếu như không có tự tánh thì đây chính là thắng nghĩa, giống như tướng sắc, tánh sắc đã đạt được trong mộng ảo. Nghĩa đó nên biết và đây chính là lời Đức Phật đã thuyết.

Như Kinh Lăng Già nói: “Lại nữa, nầy Đại Tuệ! Ví như một con voi lớn tách ra nhỏ như hạt bụi, ở trong tướng hạt bụi nầy, như lý quán sát tánh sắc của con voi kia thật sự không có tự tánh. Lại như các màu sắc xanh vàng đỏ trắng trong Sắc uẩn, sắc ấy có đối ngại nhau nhưng không có tự tánh. Như vậy suy cho cùng ngoài thức không có sắc. Nghĩa nầy cần phải biết”.

Như Đức Thế Tôn nói: “Bên ngoài không có các sắc mà hiện ra do tự tâm. Các loại sắc tướng xanh vàng đỏ trắng ngoài kia thật sự không có đối ngại, mà tướng lấy - bỏ cũng không đối ngại, chẳng phải một tánh tương ứng, cũng chẳng phải nhiều tánh tương ứng”. Một và nhiều trái ngược nhau sao nói là chẳng phải một tánh? Vì là một tập hợp tánh sắc không phải là một tánh sanh ra, không phải là nhiều tánh, nghĩa đó cần phải biết! Trong nầy quán sát các tướng sắc là có, tự thể không chân thật cho nên không có đối ngại. Thức kia cũng không thật, tại sao thức xa rời tự tướng, không nói là sắc ấy xa rời thức mà có? Vả lại tự tướng của thức rất nhiều loại không thật, vì vậy nên nói là thức không thật. Do đó Đức Phật nói thức giống như huyền sĩ. Như thế, nói tóm lại, nếu là một tánh hay nhiều tánh thì tánh đều là không. Trong Thắng nghĩa để quyết định nghĩa nầy: Tất cả các tánh không có thật.

Lại như Kinh Lăng Già nói: “Ví như cảnh tượng đã nhìn thấy trong gương, chẳng phải cùng một tánh, chẳng phải là khác tánh”. Lúc quán sát như vậy thì tánh chẳng phải có. Tại sao xa rời một tánh và khác tánh? Vì không thể nắm bắt được một tánh hay khác tánh. Hoặc có thuyết nói: Người trí quán sát tự tánh thật sự không thể đạt được, trong nầy không thể nói rõ là không có tự tánh. Những loại như vậy đều có những luận thuyết riêng vì thế hãy quán sát như lý. Đây là tuệ thành tựu từ tư duy quyết định như thật, nghĩa nầy thành tựu và từ đây tu tập trở thành tuệ tương xứng được sanh khởi. Nếu như không có nghe, suy nghĩ thì tu tuệ không thành tựu.

Như Kinh Bảo Vân nói: “Các chánh hạnh ấy có trí trong sáng, sanh ra trong đó thì chánh hạnh kia không hủy hoại, do trí sanh ra các sự tu tập, mà khởi sanh ra các thành tựu. Ví như trong đất đầy dẫy những thứ bất tịnh, những gì được sanh ra (sở) và tồn tại đâu nói là chủ thể (năng) phát sanh. Các sự tu tập cũng như vậy, đã thông suốt rõ trí quả trong tánh chân thật, vì Như lý xuất hiện.

Như Kinh Tam Ma Địa Vương nói: “Nếu như có người khởi lên nhiều loại tìm cầu, mà tâm đã khởi lên lại có vướng mắc có nương nhờ. Vì vậy nếu như muốn chứng được tu tuệ chân thật ấy, thì ban đầu nên

tu Xa-ma-tha tương ứng với thắng pháp, khiến cho tâm an trú giống như làm cho dòng nước dừng lại. Nếu tâm có dao động thì chẳng phải là Xa-ma-tha, không thể thâm gồm giữ gìn mà dừng lại được”. Như Đức Phật đã thuyết: “Tâm an trú, tâm đẳng dẫn có thể biết như thật. Nếu vị trí của tâm bị phân tán thì không tương ứng với định này. Vì vậy lúc tu Xa-ma-tha, tất cả những gì đạt được, những gì mong muốn, nên trú trong bình đẳng mà xả bỏ, những khổ đau trong Thế thấy đều trừ bỏ, an trú trong tịnh giới và phát khởi tinh tấn nhanh chóng được thành tựu”. Trong này là như vậy nên biết.

Như Kinh Hòa Hợp Giải Thoát nói: “Trước tiên tu các hạnh thắng thượng như bố thí, trì giới..., sau đó trú vào thực hành Xa-ma-tha. Nếu người muốn trú trong Xa-ma-tha này, tùy theo các phần vị, đối với chư Phật, Bồ-tát trước tiên nên quy mạng sám hối và tùy hỷ, tiếp sau đó hãy khởi tâm đại bi nảy sanh ý tưởng cứu độ rộng khắp tất cả thế gian, vào trong chỗ ngồi yên ổn kín đáo ngồi xếp bằng tròn lặng lẽ, thân vươn thẳng đoan trang hiện tại chánh niệm tràn đầy, dẫn phát Tam-ma-địa tương ứng với hiện tại trước mắt. Thuận theo lúc đầu chuyên chú như thích ứng quán sát, cho đến nhiều loại sự việc đã duyên vào, thâm gồm tất cả khắp cả các nơi gắn chặt tâm trú trong vắng lặng. Lại tiếp tục tổng hợp để gọn lọc, trong hai loại Sắc và Vô sắc, cần phải xả bỏ những sai lầm tán loạn, tổng nhiếp các đối tượng duyên kia khởi lên ý thực hiện tốt đẹp, cho đến tất cả mọi sự thuộc loại uẩn - xứ - giới, đều không phân biệt gì thì được thanh tịnh”. Tất cả nói rộng về các hành tướng đối tượng duyên, như phần tương ứng thứ mười tám trong kinh Hòa Hợp Giải Thoát.

Hết thấy sự việc thâm gồm hữu tình của Đức Thế Tôn, phân biệt về các sắc và phân biệt về tất cả sự việc, sơ lược trong phần mở rộng về hành tướng, như những gì nói trong Luận A Tỳ Đạt Ma.

Ý trong này là đối với những sự việc kia, quán sát đã xa rời lầm lỗi mà thâm gồm tất cả, làm cho tâm tương tục được tiến tới tu tập nhiều hơn. Nếu như tâm nảy sanh các tham ái chấp trước, lúc ấy cần phải thực hiện những cách quán về bất tịnh, được dừng lại rồi, lại tiếp tục vượt qua trước khởi tâm thắng tiến. Hết thấy hành tướng của quán bất tịnh này (sợ văn nhiều nên thôi không nói ra). Nếu như tâm ấy không thể thắng tiến khởi lên ý vui mừng tốt đẹp, cũng là những sai lầm do tán loạn, lúc ấy nên quán Tam-ma-địa vốn có các công đức để khởi lên ý vui mừng hơn hẳn, thì có thể dừng lại ý vui mừng không phải tốt đẹp. Nếu lúc ấy sanh khởi hôn trầm muốn ngủ, nên quán các công đức của

Phật và những việc vui thích thù thắng, thì hôn trầm kia có thể chấm dứt. Vả lại, ở trong những duyên như vậy, nếu như thích hợp thấu gồm giữ gìn kiên cố không phân tán, thì nhất định tương ứng. Vả lại, nếu như lúc tâm trước yêu thích vui vẻ, tâm sau theo đó sanh ra bốc lên cao, lúc ấy nên thực hiện cách quán về Vô thường. Như vậy nói tổng quát, ở trong các duyên thuận theo làm cho tâm không có hoạt động gì, chuyên chú trú trong tĩnh lặng xa rời các pháp cao thấp, những hành tướng bình đẳng nên tâm được thanh tịnh, làm cho hiểu ra những nguyên nhân tán loạn kia mà xả bỏ tất cả. Nếu như có sự gợi mở hiểu biết chân thật về những điều làm cho tâm ấy bị tán loạn, thì vào trong những duyên đã gặp dường như không có tác động gì. Như vậy mới đạt được những ham muốn những công hạnh tương ứng với Định tốt đẹp, lúc ấy nên biết Xa-ma-tha có thể thành tựu. Những loại như vậy nên biết là cộng tướng của tất cả Xa-ma-tha, đó gọi là tự tánh trong Tâm nhất cảnh tánh. Xa-ma-tha ấy đã duyên quyết định như vậy. Những pháp Xa-ma-tha này, Đức Phật đã giảng giải rộng trong các kinh nói về Bát nhã Ba-la-mật-đa.

Hơn nữa, nên biết tu tập Xa-ma-tha có chín phương pháp:

1. Trừ bỏ.
2. Trừ bỏ tất cả.
3. Trừ bỏ phần vị.
4. Trừ bỏ tiếp cận.
5. Điều phục.
6. Dừng lại.
7. Dừng lại tiếp cận.
8. Luôn luôn thực hiện.
9. Biết dừng lại.

Chín loại hành tướng này nói thế nào? Đó là tất cả chín pháp này, đây chính gọi là Trừ. Giữ tâm gắn liền trong những duyên thì gọi là Biến trừ. Tiếp nối vào trong những duyên mà chuyển đổi là Phần vị trừ. Tán loạn hiện tại trước mắt mà biết làm cho thuần phục nhanh chóng, đây là Cận trừ. Tán loạn xa rời rồi lại tiếp tục tiến lên trước, trừ diệt tất cả các duyên, đây là Điều phục. Nếu như lúc tâm ái khởi làm cho thuần phục được thì gọi là Chỉ. Nếu sai lầm do tán loạn hiện tại trước mắt không thể khởi lên, ý được vui vẻ mà có thể dừng lại thì đây là Cận chỉ. Nếu lúc hôn trầm mơ màng thùy miên cùng khởi lên, nhanh chóng làm cho phải xa lìa, đây là hoàn toàn được tạo. Ở trong những duyên đã không có tác động gì nữa, sau đó chuyên chú được tương ứng với Chỉ, đạt được Chỉ tương ứng rồi, trú tâm vào nơi xả, đây là Tri chỉ. Những

nghĩa như vậy, như bậc Thánh giả Bồ-tát Từ Thị đã nói.

Vả lại, nên biết những lúc tu tập tất cả các Tam-ma-địa, có sáu loại lỗi lầm:

1. Biếng trễ.
2. Quên mất đối tượng duyên.
3. Cảm thấy nặng nề.
4. Bốc lên cao quá đáng.
5. Không làm cho thức tỉnh.
6. Phát ra hiểu biết.

Lúc sáu loại sai lầm này phát sanh, nên khởi lên tám loại Đoạn hành để đối trị. Như thế nào là tám loại? Đó là: 1. Tín. 2. Dục. 3. Cần. 4. Khinh an. 5. Niệm. 6. Chánh tri. 7. Tư. 8. Xả. Những hành tướng đối trị này như thế nào? Đó là bốn pháp như tín v.v... đối trị biếng trễ. Ý nói trong này là do trong công đức của Tam-ma-địa, cần phải có đủ trạng thái thuận theo chánh tín tăng thượng, tương ứng tín ấy thì khởi lên niềm hy vọng tốt đẹp, vào lúc hy vọng làm cho thực hành tinh tấn, đã khởi lên tinh tấn thì thân tâm dừng mãi về sau được khinh an. Vì thế nên mới nói là Đối trị. Niệm đối trị với quên mất đối tượng duyên, nghĩa này thuận theo biết rõ. Chánh tri đối trị với tâm vọng nặng nề và lên cao quá đáng (hưng phấn thái quá), nghĩa là dùng sự hiểu biết chính đáng khởi lên quán sát đúng đắn, có thể làm cho hai pháp cao - thấp được dừng lại. Vì thế cho nên phải đối trị. Tư đối trị với không gọi mở thức tỉnh, nghĩa này tùy theo biết rõ. Xả đối trị với sanh ra hiểu biết, do pháp cao thấp trước đây có thể dừng lại rồi, tâm an trú thì chính là không gọi mở thức tỉnh, vì thế cho nên hãy đối trị. Tám loại Đoạn hành như vậy, đối trị với sáu loại sai lầm do sơ suất rồi, thì sự nghiệp Tam-ma-địa tối thượng vốn có sẽ được thành tựu, thần túc và công đức căn cứ vào đây mà phát sanh.

Như các kinh nói, nếu như có đủ tám loại đoạn hành, thì có thể phát khởi bốn loại thần túc, có tâm nhất cảnh tánh, sự nghiệp tốt đẹp cao cả nhất định tương ứng chính đáng, bèn có thể chứng đạt vào trong pháp môn thiền định giải thoát, đầy đủ trọn vẹn tất cả mọi công đức thù thắng nhất.



LUẬN QUẢNG THÍCH BỒ ĐỀ TÂM

QUYỂN 3

Lại nữa, trong này lần lượt nêu tu tập các thiền định. Đó nói là nếu như có thể xa rời dục ái mà có hỷ lạc, nội tâm thanh tịnh trú vào nơi chánh tương ứng, có tầm có tứ là Thiền định thứ nhất. Tiếp tục trú trong sơ thiền, không có tầm chỉ có tứ, gọi là trung gian thiền. Bậc Thiền thứ nhất nếu như ái có thể xa rời được, tất cả mọi niềm hỷ lạc nội tâm thanh tịnh an trú ở chánh tương ứng, là Thiền thứ hai. Bậc Thiền thứ hai nếu như ái được xa rời rồi, lạc, xả, chánh tri an trú chánh tương ứng, là Thiền thứ ba. Bậc Thiền thứ ba nếu như ái được xa rời rồi, xả, niệm tương ứng, là Thiền thứ tư. Tất cả những hành tướng của định vô sắc cần phải biết. Các tướng nơi đối tượng duyên trong này thuận theo nên phân biệt, vào trong đối tượng duyên khiến cho tâm được kiên cố, như lý khởi lên theo tuệ mà quán sát, ánh sáng trí tuệ phát ra phá tan chủng tử vô minh, rồi cuộc được đoạn trừ chính là đích thực tương ứng. Khác với đây thì đều là những pháp tu của ngoại đạo, không phải là Tam-ma-địa chính đáng, không thể đoạn trừ được phiền não.

Như các kinh nói, tất cả mọi lúc đang tu tập Tam-ma-địa, nếu như ngã tưởng nảy sanh, thì chính là quay trở lại phát khởi phiền não, lúc ấy trú tâm phải giống như làm cho dòng nước dừng lại, đi vào Tam-ma-địa tương ứng với thực hành quán.

Như kinh Lăng Già nói: “Nói tóm lại, chánh tuệ quán hành chỉ do tâm an trú vắng lặng, ngoài ra không có phân biệt. Nếu trú vào đối tượng duyên của chân như, thì chính ngay đối tượng duyên tâm phải vượt qua, nếu tâm vượt qua rồi, thì sự không đối ngại kia tâm cũng phải vượt qua. Trong không có đối ngại nếu tương ứng an trụ là quán Đại thừa, tâm kia đạt đến sự tịch tĩnh thù thắng nhất, không phát khởi ngộ tức chính là trí vô ngã thù thắng, quán không có đối ngại”.

Ý trong này nói: Như thật quán sát ngoài tâm chắc chắn không có

sắc pháp phân biệt, đây chính là thắng hạnh tương ứng cao nhất. Nếu vậy thì thức và sắc sao nói là có khác nhau? Hoặc không thể khác nhau tức là thức cũng phải có nghĩa đối ngại chăng? Không phải như vậy, vì phần vị như mộng ảo và cái thấy không thật có, cho nên ngoài thức quán sát như thật, các sắc vô cùng bé nhỏ và tinh vi mà giữ lấy không thể nào được. Vì không thể đạt được nên như vậy trở thành chỉ có thức, không còn tất cả các nghĩa ngoài thức có thể có, chỉ có tâm an trú vắng lặng, ngoài ra không có phân biệt. Ở trong sự quán sát vì xa rời sắc pháp cho nên có tướng sở đắc, vì đắc ấy suy cho cùng thì không có sở đắc, cho nên đối với các sắc pháp phải quán là vô sắc. Điều ấy nếu như chỉ có tâm mà không có thật sự chủ thể thủ cũng không có đối tượng thủ thì, tánh của hai thủ này thật sự không thể đạt được, xa rời thủ - xả cho nên ngay nơi tâm không có hai tánh. Như vậy quán sát cũng không có hai tướng, ở trong chân như đối tượng duyên thì tâm cũng vượt qua, tướng nơi đối tượng thủ kia cũng lại vượt qua. Cả hai không có đối đãi ngăn trở, ở trong trí không hai này trú vào nghĩa như thật. Đã nói là chỉ có tâm vượt qua rồi thì cả hai không có đối đãi ngăn ngại, ở trong trí này mà cũng phải xa rời. Vì thế trong tự tánh hay tha tánh đều có tánh phát sanh nhưng không thể đạt được. Như vậy thuận theo quán sát tánh của các chúng sanh cũng không hòa hợp, như thủ như xả cả hai tánh không thật có đều phải xa rời. Nên biết tánh của tất cả mọi vật đều có sự chấp giữ, ở trong trí không hai đều nên xả bỏ. Ở trong trí không hai, không có đối đãi ngăn ngại nếu an trú như vậy, thì đối với tất cả các pháp hoàn toàn hiểu rõ như thật không có tự tánh, lúc ấy chính là có thể đi vào thật tánh cao nhất, phù hợp với pháp môn Tam-ma-địa vô phân biệt. Hơn nữa, nếu vào trong trí không hai, không có đối đãi ngăn ngại mà an trú tương ứng, thì chính là an trú trong thật tánh tối thượng, là cái thấy thuộc hàng Đại thừa, như vậy cũng thấy Thật tánh tối thượng. Do vì thấy thật tánh tối thượng, chính là tuệ nhãn quán không đối với tất cả các pháp, trong ánh sáng trí tuệ đều nhìn thấy như thật.

Như các kinh nói thì như thế nào là kiến (thấy) Thắng nghĩa đế? Đó là không thấy tất cả các pháp. Như vậy ở trong này, đã nói là không thấy gì (vô kiến), là ý vui mừng chân thật hơn hẳn, không thấy gì nhưng không phải là như những chúng sanh đui mù và người nhắm mắt giữa thế gian, vì thiếu duyên hoặc vì không tác ý mà đều là không nhìn thấy được, những loại ấy có tánh điên đảo và chủng tử hoàn toàn không thể đoạn dứt được. “Không thấy” này thì không phải như vậy. Lại như đi vào định vô tướng, sau đó hoặc là lúc rời xa vẫn trở lại sanh khởi có

tánh đạt được chấp giữ lấy, các phiền não căn bản như tham... tích tụ lại mà không giải thoát. Đã nói là có tánh chấp giữ và hành tướng các phiền não căn bản như tham..., như các Kinh Thánh Nhị Đế... đã nói. Nếu như trở lại có nói đi vào pháp môn Tổng trì vô phân biệt, trong pháp vô phân biệt xa rời tướng của các sắc, dùng tuệ quyết định vào trong vô sắc, quán không có chỗ thủ đắc cũng không có tác ý, thì tướng ý lạc không phải như những định vô tướng, đối với các loại sắc trong pháp chấp thủ tác ý mà xa rời. Vì vậy nên biết như trước đã nói, trong các loại sắc tác ý xa rời tướng. Nếu không có chánh tuệ thì không thể nào đoạn dứt chủng tử nghi hoặc, ví như ngọn lửa ở thế gian nếu lúc nó còn lại thì sẽ đốt cháy các vật khác, sao nói có thể xa rời một pháp của Tư? Nếu như không điều phục làm cho dừng lại thì tất cả tà (Từ sở hữu tà tức là tất cả tà... trở xuống, theo bản đời Tống và Minh đều có tiếp theo 317 chữ bắt đầu từ: vọng phân biệt cho đến giới cụ túc...).

Từ đó nên biết, trong các đối tượng duyên của tất cả Xa ma địa, tâm an trú kiên cố như lý đã thực hiện, dùng tuệ quán sát sanh ra ánh sáng của trí, ánh sáng hiện ra thì bóng tối diệt trừ - trí tuệ sanh ra thì chướng ngại không còn. Giống như đôi mắt con người tùy theo mức độ không sai khác gì, đối với các phần vị chiếu rọi rõ không khác nhau, ánh sáng của trí phát ra cũng lại như vậy, không phải trong ánh sáng có tánh sáng - tối trái ngược lẫn nhau, nên biết trong Tam-ma-địa xa rời tánh tối tăm cũng lại như vậy. Nếu không như thế tại sao nói là có thể trú tâm nhất cảnh tướng. Vì thế nếu vào trong Tam-ma-hý-đà (Tam muội) biết rõ như thật, thì có thể luôn luôn tùy thuận với chánh tuệ. Ở đây đã nói tất cả không trái ngược nhau.

Hơn nữa, trong Tam-ma-hý-đà, thuận theo tuệ quán thì tất cả không có sắc tướng, đối với tất cả các pháp hoàn toàn không có đạt được, chúng trong các phần vị tướng tương ứng, không có tiến tới hưởng đến và không có cảm thấy thức tỉnh, hoặc tự hay là tha đều thấy là vô tánh, các tướng hý luận phân biệt có tánh thủy đều chấm dứt. Như vậy chính là ở trong chánh tuệ quán sát vô tướng vô tánh mà được tương ứng, tâm có phân biệt đều không thể tồn tại, thì vô tánh kia cũng không thể đạt được. Nếu như ở trong này hoặc nói là có tánh mà có thể thấy, thì cái thấy ấy phải làm cho dừng lại. Như vậy đã dừng lại, nếu như đối với vô tánh phân biệt chuyển đổi, điều này cũng không đúng. Giả sử tánh có tương ứng với ba thời, dùng tuệ nhãn quán sát vô tướng không có đạt được, còn gì dừng lại sao? Như thật nghĩa ấy thì có tánh - không có tánh chẳng cần phân biệt, một tánh và khác tánh cũng không đáng

phân biệt. Trong này nếu xa rời hai phân biệt về tánh và không có tánh, thì đều có thể chiếu rọi đạt được các phân biệt là không, tức trí là chủ thể chiếu kia và tánh là đối tượng được chiếu cũng không hề có gì. Như vậy mới đạt được tương ứng vô phân biệt tối thắng tối thượng. Trong này nếu trú vào tương ứng như vậy, thì tất cả mọi phân biệt đều có thể đoạn trừ sạch, hết thấy phiền não chướng - trí chướng ngại cũng có thể đoạn trừ. Ở trong phiền não chướng kia tánh không sanh ra không diệt đi, mà các tánh điên đảo căn bản đều bị trừ diệt.

Các kinh như Kinh Thánh Nhị Đế nói: “Như vậy trong tương ứng hành, tất cả các tánh đều phân biệt đoạn trừ hết, tất cả mọi gốc rễ của phiền não chướng, tự tánh vô minh và các tánh điên đảo lập tức đoạn trừ. Gốc rễ kia đoạn trừ hết thì các phiền não chướng ngại sẽ có thể đoạn trừ sạch”.

Lại như trong Kinh Thánh Nhị Đế: “Hỏi Bồ-tát Diệu Cát Tường: Làm sao có thể điều phục được phiền não? Làm sao mà có thể biết rõ phiền não? Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Trong Thắng nghĩa đế rốt cuộc không sanh khởi, tất cả pháp kia trong tánh vô sanh, thế tục đều là điên đảo không thật, cần phải ngăn lại tất cả các tánh đã khởi điên đảo tư duy phân biệt. Nếu tư duy phân biệt kia không ngăn lại thì đó chính là có cộng tướng của ngã, đã có cộng tướng của ngã thì dấy lên thành lập các cái thấy, nếu cái thấy dấy lên thì phiền não chuyển vận. Thiên tử! Nếu như có thể biết rõ tất cả các pháp trong Thắng nghĩa đế rốt cuộc không có sanh ra, tức là Thắng nghĩa đế có đủ mười loại không điên đảo. Nếu trong Thắng nghĩa đế không có điên đảo tức là không có phân biệt. Nếu không có phân biệt thì đạt được Diệt tương ứng. Nếu Diệt tương ứng với cộng tướng của ngã kia không thể nào đạt được. Nếu cộng tướng của ngã đã không thể nào đạt được, thì các cái thấy kia không thể thành lập, cho đến trong Thắng nghĩa đế dù là cái thấy Niết-bàn cũng không thể dấy lên được. Vì như vậy cho nên ngay từ trong hành vô sanh đã điều phục được tất cả mọi phiền não. Thiên tử nên biết, các phiền não ở trong Thắng nghĩa đế vô ngại trí, rốt cuộc là không - rốt cuộc là Vô tướng - rốt cuộc là vô tánh. Biết như vậy chính là biết rõ về phiền não. Thiên tử! Ví như rắn độc bị nguyên rửa làm hại, chủng loại phiền não kia cũng lại như vậy. Thiên tử lại hỏi: Sao nói là chủng loại phiền não? Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Thiên tử! Trong Thắng nghĩa đế kia rốt cuộc tánh không có sanh ra. Nếu vào lúc đối với tất cả các pháp khởi lên phân biệt, ngay lúc này chính là các chủng loại phiền não, từ đây dấy các tánh điên đảo, ở trong điên đảo không thể soi chiếu thông

suốt. Vì thế nếu ở trong pháp đã đoạn trừ thì tất cả điên đảo đều có thể đoạn trừ, tất cả trí chướng có thể quyết định đúng đắn mà trừ bỏ hết. Trí chướng đã đoạn trừ thì không có tánh nối tiếp nhau, ví như lúc ánh sáng mặt trời tỏa ra xa rời các áng mây che lấp, ở tất cả mọi nơi chiếu sáng không ngăn ngại gì, mà ánh sáng trí tuệ kia thanh tịnh soi rõ, hoặc là sắc hay là tâm tất cả tự tánh cũng lại như vậy. Thật tánh mọi vật quyết định thường trú, ở trong tánh không có nối tiếp nhau, chân thật rõ ràng như tánh của tất cả mọi vật như thật nghĩa của nó. Tánh của vật trong này, làm sao có thể dùng ngôn từ để nói ra được, vì thế đối với thắng nghĩa kia trong thế tục để nói là Như Như, tức nói như thật biết rõ tất cả mọi sắc tướng và tánh các vật, thì đạt được Nhất thiết trí. Như vậy đã nói về các nghĩa đoạn trừ chướng ngại, là chứng Nhất thiết trí tối thượng thắng đạo, không phải là đạo của các hàng Thanh văn, Duyên giác, các điên đảo ấy không thể nào trừ hết được, lại cũng không thể đích thực đoạn trừ hai chướng”.

Như Kinh Lăng Già nói: “Nầy Đại Tuệ! Người Thanh văn kia khởi lên nhân sai khác và có những trú trước, thấy pháp rồi lấy làm Niết-bàn tự nói là được thành Phật, không thể thấy pháp theo lý vô ngã. Nầy Đại Tuệ! Đây không phải là giải thoát. Như vậy người Thanh văn với trí tuệ tự họ chứng được chưa phải thực sự xuất ly mà nói là được xuất ly. Vì tuy thấy chuyển đổi khác nhau nhưng những việc làm kia chẳng tương ưng với điều này, sự hành đạo của họ không phải là giải thoát thực sự. Thế Tôn chỉ thuyết về pháp Nhất thừa, không thuyết về đạo lý của hàng Thanh văn. Người hàng Thanh văn kia chỉ ở trong Uẩn quán sát vô ngã, mà những gì đạt được họ nói là con người vô ngã. Trong điều này không phải vậy, nên quán sát ba cõi tất cả chỉ do thức. Nếu như nói ngoài thức có nghĩa vô ngã đạt được, như vậy chính là đối với trí vô nhị ở trong vô ngã, mà không thể đi vào được, vì dùng tha tánh để có thể đi vào. Nếu như tha tánh có thể đi vào, thì lúc ấy chính là không phải đi vào tánh duy thức”.

Lại như trong phẩm Thánh Xuất Thế của kinh này nói: “Lại nữa, Phật tử nên biết, ba cõi chỉ do tâm, hiện rõ ra là tâm, cũng không có phần giữa các biên hạn có thể đạt được. Nếu nói có giới hạn (Hữu biên) thì có những đối tượng được phát sanh, nếu nói có phần giữa thì có những tồn tại, tất cả đều là tướng của phân biệt. Nếu như tâm không có phần giữa, thì vì thế có thể đi vào trí không hai ấy (Vô nhị trí), đi vào như vậy chính là đi vào chân thật”.

Trong này có hỏi: Nếu như vậy thì các phần vị tương ưng sẽ sanh

khởi như thế nào? Đáp: Căn cứ vào nguyện lực thù thắng và thanh tịnh ấy, Bồ-tát phát khởi đại bi, vì tất cả chúng sanh làm công việc lợi ích, thuận theo nguyện lực ấy, sanh ra các hạnh thiện rõ ràng thù thắng tối thượng như Bồ thí..., đó chính là chân thật thanh tịnh đã phát sanh. Và lại, Bồ-tát vì đại bi, nếu tất cả chúng sanh chưa có thể vào hết trong trí thanh tịnh và các pháp vô tánh, thì Bồ-tát thậm chí thuận theo đi vào luân hồi, cũng không bị sai lầm trong luân hồi làm cho ô nhiễm, lẽ nào lại trú vào trong pháp tịch tĩnh không phát khởi tử ngộ kia sao? Như tụng trong kinh nói: “Thấy trong chỗ không có đối ngại, trí vô ngã tuyệt vời bậc nhất”.

Vì vậy nếu như vào trong cảnh giới không có hai tướng giảng giải không có hai lời, thật là tuyệt vời bậc nhất, chính là vui với ý tốt đẹp thực sự trong Thắng nghĩa đế. Ở trong trí không có hai - không có đối đãi ngăn ngại, chung quy là vô ngã không có tự tánh, thì nhất định tương ứng với những cái thấy. Tất cả cái thấy ấy thấy không có sai khác, tất cả không có phân biệt và không có phát khởi ngộ ra, tất cả đều vắng lặng. Lại hỏi: Nếu như vậy làm sao có thể khởi lên các tướng ứng hành? Đáp: Không phải thế. Nếu như có thấy điều ấy thực sự, nhưng không thể tùy thuận với thắng nghĩa. Tại sao? Do trong này không có chi phối và tự tại tương ứng với tướng, nhưng sao có thấy? Chỉ vì trong pháp thế tục tùy thuận với tướng nơi cảnh giới của các sắc. Nếu như trí sanh khởi, thì thức cũng tùy thuận với những hành tướng thế gian. Vì vậy nên biết trí bên này bên kia, trong trí sâu xa có thể là có những cái thấy, mà lại không phải là thật sự có các tướng chi phối. Nếu như lúc trí sanh khởi hiểu được tất cả như thật không có hai, không có đối đãi ngăn ngại, mới có thể ở trong trí này đạt được cái thấy như thật, không phải nói là tất cả các pháp ở trong Thắng nghĩa đế không có tự tánh mà quyết định tương ứng với thế tục đế. Nếu khác với ý chỉ này, thì đó là trí hẹp hòi nhỏ bé của các chúng sanh.

Như Kinh Thánh Nhị Đế nói: “Trong Thắng nghĩa đế suy cho cùng là vô tánh, trong thế tục đạo thuận theo cũng quán sát như vậy. Nếu như khác với điều này, thì các phần vị của phàm phu - chúng sanh - Thanh văn - Duyên giác - Bồ-tát và Phật, sẽ tồn tại ra sao? Nói là thế tục không có nhân, thế tục không sanh khởi. Trước mắt điều này không phải như vậy, vì trong thế tục đạo thuận theo quán sát như vậy, đối với Thắng nghĩa đế thật sự không có sanh khởi. Trong Thắng nghĩa đế nếu như có gì đạt được thì giống như là lông rùa sừng thỏ, vì các pháp thế tục như huyền ảo - như hình bóng và như tiếng vang... Do như vậy, nên

thế tục duyên sanh cùng với Thắng nghĩa đế, tánh của vật trong này không phải là không hòa hợp, quán sát tư duy xét kỹ điều ấy không có tánh đổi thay sai khác. Như vậy trong này, nên biết thế gian tất cả đều như huyễn hóa, các phiền não nghiệp chính là nhân tố huyễn ảo, các chúng sanh sanh ra tức là sự thay đổi huyễn ảo, tất cả các hành phước trí tương ứng cũng là nhân tố huyễn ảo. Như vậy trí tương ứng tức là sự chuyển đổi ở trong huyễn ảo”.

Như Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa nói: “Này Tu-bồ-đề! Hết thấy Thanh văn như hóa - Duyên giác như hóa, Bồ-tát như hóa - Như Lai như hóa, phiền não như hóa - nghiệp cũng như hóa. Này Tu-bồ-đề! Vì duyên này cho nên tất cả các pháp như hóa. Như vậy các hành sai biệt và các chúng sanh này, đều là tướng như huyễn. Ở trong huyễn ấy như những gì đã biết rõ, đều là sự chấp giữ giả dối. Nếu có thể biết như vậy, thì chính là tương ứng với điều ấy. Nếu như cho là thật, thì chính là chúng sanh phàm phu ngu muội. Như vậy đã nói hoàn toàn không trái ngược nhau”.

Như tụng trong Kinh Thánh Pháp Tập nói:

*Công việc đã làm giống như huyễn
Thuận theo chuyển hóa được giải thoát
Điều này biết rõ ràng như trước
Chẳng có vướng mắc trong chuyển hóa.
Nói là ba cõi như huyễn hóa
Chư Phật, Bồ-tát đều biết rõ
Biết rồi khoác áo giáp tốt đẹp
Làm việc lợi ích cho thế gian.*

Trong các đối tượng hành thuộc loại như vậy, thuận theo quán sát thật tánh, như trước đã nói ở trong Xa-ma-tha (Định - Chỉ), nếu như lúc dấy lên các tâm ý nặng nề hẳn xuống hay bốc lên quá đáng, nên quán sát tất cả các pháp hoàn toàn không có tự tánh. Bấy giờ, phải xa rời ý dấy lên cao - thấp để trí có thể thành tựu. Xa-ma-tha (Chỉ) và Tỳ-bát-xá-na (Quán) ấy tương ứng hành là đạo của những công hạnh thực hành, tức là phải đầy đủ, cho đến có thể phát khởi các năng lực tín giải, trú vào địa vị giải hành, quán sát về sau lúc tâm ý dục dấy lên vẫn trở lại tư duy, trong Thắng nghĩa đế không có tự tánh, thế tục đế kia cũng an trú như vậy.

Như Kinh Bảo Vân nói: “Bồ-tát làm sao đạt được lý vô ngã? Này người thiện nam! Bồ-tát nên dùng chánh trí quán sát sắc - thọ - tưởng - hành - thức, lúc quán sát ấy thì sắc sanh ra không thể đạt được, tập

không thể đạt được, diệt không thể đạt được, các thọ, tưởng, hành, thức hoặc sanh, hoặc tập, hoặc diệt đều không thể đạt được. Trong Thắng nghĩa đế ấy biết rõ hành vô sanh rồi, dấy lên tuệ quán sát, không trở lại những gì được thực hành mà có sự chấp giữ. Do vậy người ngu si vô trí, ở trong không có tự tánh như vậy, chấp là có tánh, chấp giữ điên đảo, vì vậy mà sanh tử theo nhau không bao giờ chấm dứt, hiện tại nhận chịu bao nỗi khổ đau không có hạn kỳ dừng lại. Bồ-tát thường khởi lòng đại bi như vậy, không ngừng suy nghĩ đến những việc làm hiện tại trước mắt, xót thương vì làm lợi ích mà phát ra nguyện hạnh cao cả, như những gì mình đã thực hành tùy đó đạt được Nhất thiết trí, đối với pháp tánh này giác ngộ rõ như thật, sau đó hướng về hết thảy chư Phật và Bồ-tát hết lòng cúng dường xưng tán. Những việc làm thành tựu rồi, từ kho tàng đại bi rộng lớn, phát sanh tất cả phước hạnh bố thí bình đẳng”.

Như Kinh Thánh Pháp Tập nói: “Nếu các Bồ-tát như thật biểu hiện rõ ràng điều ấy, nghĩa là ở giữa tất cả chúng sanh dùng đại bi chuyển hóa, mình vui với Tam-ma-địa này, trong tất cả các pháp biểu hiện rõ, tất cả chúng sanh làm cho được thành tựu. Lúc đã khai phát lòng đại bi này, tức thì đạt được giới định tuệ tăng thượng, các sự học được viên mãn, thành tựu quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng”. Trong này nên biết, tuệ và phương tiện là thắng đạo tương ứng với chốn hành của các Bồ-tát, không đoạn mất thế tục đế, biểu hiện rõ Thắng nghĩa đế. Nếu như không đoạn mất thế tục thì luôn dùng đại bi để làm người dẫn đường, cố gắng làm việc lợi ích cho chúng sanh, rời xa mọi điên đảo, đó chính là gọi năng lực khéo xây dựng tuệ xuất thế gian. Từ đây mới trở thành phương tiện thuận theo thực hành, trong lúc thực hành các phương tiện, hiểu rõ tướng như huyền cũng không điên đảo, dùng trí xuất thế gian, phương tiện tốt đẹp nhất cố gắng tu Như Như, có thể ở trong văn từ nghĩa lý chân thật, làm cho ý dũng mãnh sanh ra tuệ thù thắng. Bồ-tát đạt được tuệ và phương tiện này rồi, mới trú trong thắng đạo thực hành công hạnh tương ứng.

Như Kinh Vô Tận Ý nói: “Thiền định vô tận có thể sanh ra tuệ và phương tiện, sự ra đời của điều ấy nên biết chính là tương ứng hành, ấy là thắng đạo đã thực hành.

* Chú thích số 3 ô 2 trang 568 (gồm 317 chữ...) tất cả tà vọng phân biệt ngang ngược..., sao có thể trừ hết? Vả lại trong này làm sao có thể xa rời chủng tử nghi hoặc được? Điều ấy có nghĩa là ở trong tương ứng định, dùng tuệ nhãn quán sát chủng tử ấy là không. Như trước đã nói, ở trong các sắc nếu như có tướng đã đạt được mà trở thành có được nó thì

suy cho cùng không đạt được gì. Giống như người mê muội thấy sợi dây nói là con rắn, trí hiểu rõ không có khác, trong sắc xa rời nghi ngờ thì nghĩa đó cũng như vậy. Dùng tuệ nhãn quán sát các cảnh đều là chấp trước tà vọng không thật, như người ở trong nhà tối lại còn che kín, chỉ toàn một màn đen mờ mịt không trông thấy cái gì. Lại như trong các đồ dùng như bình lọ chứa đầy các vật khác, vì đậy kín cho nên cũng không trông thấy vật gì. Ý trong này nói: Những nhà tối đen này tuy không trông thấy gì, nhưng sự nghi hoặc các sắc loại có tánh... bám chặt lấy không thể nào xa rời được. Do không xa rời nên nơi ấy tuy không trông thấy gì nhưng không đoạn dứt được sai lầm. Những người như vậy với các tâm ý chấp giữ rốt cuộc làm sao có thể đoạn trừ được? Vì thế nên dùng Tam-ma-địa, tay nắm thanh gươm trí tuệ rất vi diệu và sắc bén, chặt đứt tư duy về các sắc, thì chủng tử phân biệt tà vọng, được đoạn trừ chân thật như vậy. Ví như nhổ cây ngay cả rễ cũng trừ bỏ hết, đất đã không có rễ thì không thể tiếp tục sanh trưởng, chủng tử tư duy tà vọng đã được đoạn dứt rồi, thì tất cả mọi sai lầm hoàn toàn không nảy sanh trở lại. Như vậy trong này, nghĩa đoạn trừ các chương ngại là pháp môn tương ứng với Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na (Chỉ và Quán), chính là đạo lý phải thực hành của người tu hành. Như Đức Thế Tôn dạy: Pháp môn tương ứng này là tánh của nhân thành tựu chánh trí, vô phân biệt. Cho nên tụng trong kinh nói: “Trước tiên an trú giới, tiếp theo đạt được định, đạt được định ấy rồi, tuệ hướng về tu tập. Thanh tịnh và sáng ngời, trí tuệ được thành tựu, trí thanh tịnh trước tiên, nhờ vào giới đầy đủ”.



LUẬN QUẢNG THÍCH BỒ ĐỀ TÂM

QUYỂN 4

Lại nữa, trong này, như Kinh Bảo Vân nói: “Bồ-tát làm sao đạt được pháp Đại thừa? Nghĩa là nếu như Bồ-tát cố gắng học hỏi tất cả các pháp, họ tuy là có học hỏi nhưng vào lúc học và pháp đã học hoàn toàn không thể đạt được. Tuy ở trong cái học quyết định không có đạt được, cũng không ở trong pháp nhân duyên kia mà dấy lên cái thấy đoạn dứt (Đoạn kiến)”.

Như Kinh Thánh Pháp Tập nói: “Sao nói là đối tượng hành của các Bồ-tát? Nghĩa là nếu như Bồ-tát ở trong các đối tượng hành từ thân, ngữ và ý, luôn luôn không bỏ rơi tất cả chúng sanh, nội tâm phát khởi đại bi tăng thượng, vì muốn làm lợi lạc cho các chúng sanh, theo đó dấy lên suy nghĩ: Nếu công hạnh hiện tại và công hạnh đã thực hành của mình, toàn bộ tặng cho tất cả chúng sanh, thực hiện lợi ích an lạc to lớn. Bồ-tát tuy quán xét các uẩn như huyễn, cũng không ở trong đó mà sanh ra chán bỏ, tất cả đối tượng hành hoàn toàn không có chướng ngại. Xứ như trụ trống rỗng, cũng không thể ở trong đó mà sanh ra chán bỏ, tất cả đối tượng hành đều không có chướng ngại. Giới giống như rắn độc, cũng không ở trong đó sanh ra chán bỏ, tất cả đối tượng hành hoàn toàn không có chướng ngại. Hơn nữa, tuy quán sắc giống như bọt nước tụ lại, cũng không rời bỏ sắc thân tướng hảo của Như Lai. Thọ giống như bong bóng nước trôi nổi, cũng không ở trong các thiền định - Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đề của Như Lai sanh ra niềm vui tuyệt vời mà không thành lập phương tiện. Tưởng giống như dợn nắng, sóng nắng, cũng không ở trong các trí của Như Lai mà không khởi lên ý tưởng tốt đẹp. Hành giống như thân cây chuối, cũng không ở trong tất cả pháp hành của Phật làm người dẫn đường mà không thực hành điều gì. Thức giống như người có pháp thuật huyễn ảo, cũng không ở trong trí ba nghiệp làm người dẫn đường của Như Lai mà không thực hành điều gì. Như vậy tất

cả các đối tượng hành, hoàn toàn không có chướng ngại”.

Vả lại, các kinh đều nói: Nên biết tuệ và phương tiện, là những công hạnh đang thực hành của các Bồ-tát. Vì vậy các vị Bồ-tát ở trong vô số tất cả các hạnh kia, luôn luôn đã phát khởi tuệ và phương tiện, quán tưởng tu tập thực hiện qua thời gian dài không gián đoạn. Như vậy chính là đạt được mười hai phần vị, các địa vị này được an lập rồi, trong từng địa vị ấy công đức được tăng lên thấy đều đầy đủ. Đã nói là mười hai phần vị ấy, đó là từ địa Tín giải hành cho đến Phật địa. Trong những địa này chỉ ngoại trừ Phật địa, những địa còn lại đều là phàm phu và Bồ-tát gồm thâu. Địa Tín giải hành trong này, chưa có thể chứng được hai lý vô ngã, luôn luôn phát khởi tín giải kiên cố, quân ma không thể lay động được. Năng lực tín giải ấy cũng chưa có thể quán thật tánh duy thức, nhưng ở trong pháp tín giải kiên cố, thành lập địa Giải hành. Lại trong các địa, tùy theo mỗi địa đều có vô số các công đức thuộc loại Tam-ma-địa - Tổng trì - Giải thoát - Thần thông...

Như Kinh Bảo Vân nói: “An lập bốn loại thuận theo phần quyết trạch mà bốn địa vị ấy có phát ra ánh sáng trí tuệ bậc thượng, bậc trung và bậc hạ. Bốn địa vị này đều quán các pháp vô ngã, trong này nếu như có phát sanh ánh sáng trí tuệ thuộc phẩm thấp, thì đây là Noãn vị. Phần vị ấy đã chứng định tên gọi là Minh đấc. Nếu có phát sanh ánh sáng trí tuệ thuộc phẩm trung, thì đây là Đảnh vị. Địa vị ấy đã chứng định tên gọi là Minh tăng. Nếu có phát sanh ánh sáng trí tuệ tối thượng không có đối đãi ngăn ngại nào khác, đối với phần vị của tâm xa rời tướng chủ thể thủ, thì đây là Nhẫn vị. Địa vị ấy chứng được định gọi là Nhất phần nhập. Nếu ở trong tướng chủ thể thủ và đối tượng thủ biết không có đạt được, vì trí không có hai, do đó quyết định phù hợp hai tướng thủ kia là không, thì đây là vị thế đệ nhất. Địa vị ấy chứng được định tên gọi là vô gián, từ vô gián này đi vào tánh duy thức”. Trong này, nói tóm lại, những giải thích như vậy, đều là địa Tín giải hành đã thâu tóm.

Hơn nữa, Thập Địa chính là mười phần vị. Địa thứ nhất là người thuận theo thế đệ nhất pháp trước đây không gián đoạn, sơ tâm được vào vị kiến đạo, đã đạt được Thánh tánh phát sanh đại hoan hỷ, vì thế địa này gọi là địa Hoan Hỷ. Địa này có thể phần chứng hai lý vô ngã, được phát sanh trí tuệ chân thật về pháp vô tánh, tất cả mọi sự phân biệt hỷ luận đều xa rời. Ở đây có thể đoạn trừ một trăm mười hai hoặc do kiến đạo đoạn, ngoài ra, tu đạo đoạn ba cõi tất cả có mười sáu hoặc, như thích ứng mà đoạn. Địa này Bồ-tát đạt được trí bình đẳng, tự lợi và lợi tha, đối với Bồ thí Ba-la-mật-đa được viên mãn, an trú trong Tam-

ma-địa, cho đến chưa có thể xa lìa cấu nhiễm hủy phạm vi tế. Nếu như có thể đạt phần chứng đắc thì tiến tiếp vào vị trí Địa thứ hai.

Địa thứ hai có thể xa rời tất cả mọi cấu nhiễm và phạm giới, vì thế địa này gọi là địa Ly Cấu. Ở địa ấy Bồ-tát có thể đích thực xa lìa mọi cấu nhiễm do phạm giới rất vi tế, đối với Trì giới Ba-la-mật-đa sẽ được viên mãn, thậm chí chưa có thể thành tựu được Tam-ma-địa - Tam-ma-bát-để thù thắng cho đến văn tổng trì. Nếu có thể đạt phần chứng đắc thì được tiến tiếp vào vị trí Địa thứ ba.

Địa thứ ba có thể phát ra vô lượng ánh sáng trí tuệ thù thắng, vì vậy địa này gọi là địa Phát Quang. Ở địa này, Bồ-tát thu được tất cả mọi Tam-ma-địa và văn tổng trì, nhẫn chịu mọi khổ đau, đối với Nhẫn nhục Ba-la-mật-đa được viên mãn, ở trong tất cả Tam-ma-bát-để xả bỏ tâm ái, cho đến chưa có thể tu tập nhiều về phần pháp Bồ-đề. Nếu có thể đạt phần chứng đắc thì tiếp tục tiến vào vị trí Địa thứ tư.

Địa thứ tư là ngọn lửa trí tuệ của phần pháp Bồ-đề, có thể đốt cháy mọi thứ củi phiền não, vì thế địa này có tên gọi là địa Diệt Tuệ. Ở địa này Bồ-tát đã xa rời và giảm bớt sự phân biệt của ngũ ý, cố gắng tu tập phần pháp Bồ-đề không thiếu sót, do Tinh tấn Ba-la-mật-đa được viên mãn, cho đến chưa có thể thực hiện quán bốn đế. Nếu như có thể đạt phần chứng đắc thì tiến tiếp vào vị trí Địa thứ năm.

Địa thứ năm, đối với sanh tử và Niết-bàn, dùng phương tiện khéo léo quán sát bình đẳng, do tu tập thù thắng vượt qua những nạn khó nhất, vì thế địa này có tên gọi là địa Nan Thắng. Ở địa này Bồ-tát từ trong bốn Thánh đế có thể khéo léo quán sát thực hiện nhiều sự tu tập, vì Thiên định Ba-la-mật-đa được viên mãn, từ trong thuận theo phần quyết trạch vượt ra đến trong địa này, mới đạt được hành về vô tướng, cho đến chưa có thể thực hiện quán duyên sanh. Nếu có thể đạt phần chứng đắc thì tiến vào vị trí Địa thứ sáu.

Địa thứ sáu là có đủ tuệ thù thắng, lại có thể thuận theo chuyển vận pháp môn hiện tại trước mắt, thù thắng của tất cả pháp Phật vì vậy địa này có tên là địa Hiện Tiền. Ở địa này Bồ-tát có thể khéo léo quán sát về pháp duyên sanh, do Trí tuệ Ba-la-mật-đa được viên mãn, đạt được vô tướng hành, cho đến chưa có thể viên mãn hạnh này. Nếu có thể đạt phần chứng đắc thì tiến vào vị trí Địa thứ bảy.

Địa thứ bảy là vào trong đạo phương tiện không có công dụng, tuy chưa thể đầy đủ, nhưng vì trải qua lâu dài, vì thế địa này có tên là địa Viễn Hành. Ở địa này Bồ-tát quán tất cả các tướng đều giống như sự việc hóa hiện không thật, biết rõ chân thật tướng dụng đã thực hành

hoàn toàn không có xa cách ngăn ngại, lúc ấy có thể thành tựu công hạnh về vô tướng. Do phương tiện Ba-la-mật-đa được viên mãn, thậm chí chưa có đủ công hạnh và không có công dụng, nếu có thể đạt phần chứng đắc thì được tiến vào vị trí Địa thứ tám.

Địa thứ tám có các loại tướng dụng hoàn toàn không thể lay động, vì thế địa này có tên gọi là địa Bất Động. Ở địa này Bồ-tát dễ dàng đạt được công hạnh về công dụng vô tướng, do Nguyên Ba-la-mật-đa được viên mãn, thậm chí chưa có thể phân biệt tất cả các tướng thuyết pháp tự tại. Nếu có thể đạt phần chứng đắc thì được tiến vào vị trí Địa thứ chín.

Địa thứ chín có đủ tuệ tối thắng dễ dàng nói về các pháp, vì thế địa này có tên gọi là địa Thiện Tuệ. Ở địa này Bồ-tát được tương ứng với tuệ lực tối thắng của bốn loại vô ngại giải, do Lực Ba-la-mật-đa được viên mãn, cho đến chưa có thể vào trong pháp hội cõi Phật tùy loại ứng hóa, hiện thân thuyết pháp, lợi ích chúng sanh được viên mãn tự tại. Nếu có thể đạt phần chứng đắc thì được tiến vào Địa thứ mười.

Địa thứ mười có thể đối với tất cả các thế giới không giới hạn, tỏa ra vàng mây pháp rộng lớn, rưới mưa cam lồ vi diệu, vì thế địa này có tên gọi là địa Pháp Vân. Ở địa này Bồ-tát có được trí tuệ thù thắng tương ứng thuyết pháp lợi ích cho chúng sanh, thực hiện các hóa sự đều được tự tại, cho đến chưa có thể ở trong tất cả các tướng, tất cả những gì đã biết đạt được trí vô ngại. Nếu có thể đạt phần chứng đắc thì được tiến vào vị trí Phật địa.

Các địa như trên vốn có những hành tướng đã được thành lập, như trong Kinh Hòa Hợp Giải Thoát nói. Và lại, các địa này đã có rất nhiều nơi giảng giải, uẩn - xứ - giới thanh tịnh và phần vị tướng, ở những nơi khác có văn nhưng sợ nhiều quá nên tạm thời không nói đến.

Hơn nữa, Phật địa chính là một phần vị. Phật địa ở đây là tất cả các tướng thù thắng thủy đều đầy đủ, tất cả mọi công đức thủy đều viên mãn, đã có thể rộng khắp tất cả mọi giới hạn. Vượt qua phần vị thắng thượng này không có phần vị nào khác, nhưng hết thủy công đức trong Phật Địa, ngay như đến chư Phật dùng mọi ngôn từ vi diệu, cũng không thể nào xưng tán được một phần trong muôn vạn. Vì thế nên biết, công đức của chư Phật vô lượng vô biên không thể nào ca ngợi suy tính được, chỉ có Phật Thế Tôn dùng trí tuệ tự nhiên quán xét tự chứng thực biết được. Như trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói về công đức, cũng chính là một phần mà không thể nào cùng tận, huống hồ nay tôi làm ra luận này, dám dùng ngôn từ để giảng giải ngợi ca đầy đủ được ư? Và lại, tất cả

công đức trong Phật địa, toàn bộ thâu tóm tất cả các nghĩa thù thắng, như trong Kinh Lăng Già nói đầy đủ.

Tiếp theo, tụng nêu:

*Cần phải biết rõ ràng về ba thân ấy
Thâu gồm tất cả các thân của chư Phật
Chỗ dựa của pháp nơi nghĩa tối thù thắng
Vì thế biểu hiện rõ ràng tướng ba thân.
Thân của tự tánh và thân của chánh báo
Ba thân như ứng hóa là tối thắng thượng
Phân biệt thân vốn có của chư Thế Tôn
Thân thứ nhất cho hai thân kia làm y chỉ.
Đã tu hạnh khó làm và hạnh hiếm có
Trăm loại rèn luyện tâm nhẫn nại yên ổn
Tất cả các pháp môn tốt đẹp vốn có
Luôn luôn tích tập tất cả không bỏ sót.
Tu tập từ vô lượng kiếp kiếp đến nay
Pháp môn vi diệu tối thượng của Đại thừa
Tất cả mọi chướng ngại thấy đều trừ diệt
Hết sạch không sót lại gì được thanh tịnh.
Trong nhân vốn có những chướng ngại vi tế
Trí lực trong quả trừ dứt hết tất cả
Ví như vật báu kỳ lạ mới mở hòm
Phát ra ánh sáng rực rỡ soi tất cả.
Tùy thuận thế gian hiện tại có sanh ra
Trải qua đau khổ chỉ cầu quả Bồ-đề
Thuyết pháp hóa độ lợi ích trăm ngàn cách
Cố gắng thực hành khắp tất cả mọi nơi.
Như Lai cao vòi vọi mà lại bất động
Bậc Đại Thánh Tôn an trú giữa thế gian
Như núi chúa Tu Di giữa các núi kia
Ngước mặt nhìn cao đẹp sừng sững uy nghi.
To lớn là vì tâm bi làm gốc rễ
Pháp môn Tam-ma-địa cố gắng sanh ra
Khắp nơi trong ba cõi hiện bày thân ấy
Tất cả không đâu không chỉ bày xứ sanh.
Như vầng mặt trời trong sáng tỏa ánh sáng
Khắp nơi thế gian đều chiếu rọi rõ ràng
Ánh sáng vi diệu từ trí tuệ chư Phật*

*Luôn luôn biết rõ các pháp cũng như vậy.
Những người hàng Thanh văn đã chứng quả
Rời bỏ thế gian làm thù thắng nhất
Nhưng trong quả đạt được của Thanh văn kia
Lại không giống như ở địa vị Duyên giác.
Duyên giác nếu như so với địa Bồ-tát
Ở trong các phân không thể bằng một phân
Bồ-tát nếu như so với Phật Như Lai
Trong gáp ngàn phân không bằng một phân.
Như Lai đã chứng đắc đạo quả Bồ-đề
Vô lượng công đức không thể nghĩ bàn được
Như thời gian xứ sở đã thực hành ấy
Tùy thuận phương tiện mà cố gắng chuyển đổi.
Trong quả đã chứng được tối thắng tối thượng
Năm căn thanh tịnh diệu dụng đã thành tựu
Công đức pháp môn trong mười hai phần vị
Tất cả nghĩa ấy đều có thể chuyển đổi.
Trong quả tối thắng tối thượng đã chứng được
Tất cả mọi ý đạo thấy đều thanh tịnh
Như quả đã chứng được ấy đều biết rõ
Tất cả không còn cấu nhiễm không phân biệt.
Trong quả tối thắng tối thượng đã chứng được
Thâu gồm các nghĩa lợi ích đều thanh tịnh
Cõi Phật thanh tịnh như những gì mong muốn
Tất cả tự tại mà hiện rõ trước mắt.
Trong quả tối thắng tối thượng đã chứng được
Tất cả phân biệt hoàn toàn được thanh tịnh
Những việc làm trong lúc bình thường không hỏng
Cố gắng tu tập sự nghiệp Nhất thiết trí.
Trong quả tối thắng tối thượng đã chứng được
Tất cả đều thanh tịnh dễ dàng an trú
Đã đạt được vô trú với Đại Niết-bàn
Đầy đủ trọn vẹn câu “Chư Phật Thanh Tịnh”.
Trong quả tối thắng tối thượng đã chứng được
Tất cả các pháp nhiễm chấp đã thanh tịnh
Không xen lẫn phiền não - vốn không tì vết
Thường đi vào diệu lạc hạnh của chư Phật.
Trong quả tối thắng tối thượng đã chứng được*

*Ý tưởng như hư không thấy đều thanh tịnh
Tích góp quy tụ thắng nghĩa môn rộng lớn
Xa rời các sắc tướng để mà quán sát.
Như Lai hóa tướng rộng lớn tột cùng
Vô lượng công hạnh này đều được thanh tịnh
Thành sở tác trí vi diệu khó nghĩ được
Nơi y chỉ thù thắng nhất của chư Phật.*

Trong này nên biết, pháp giới thanh tịnh chính là tất cả pháp chân như, là chánh nhân tự tánh không điên đảo của tất cả các pháp, nhưng luôn luôn sanh ra chư Phật và trí tuệ chư Phật, xa rời các chướng ngại nhiễm vương, xây dựng pháp môn Tổng trì - Tam-ma-địa, và vô lượng phước đức các công hạnh phác, thành tựu những sự nghiệp tạo lợi lạc cho tất cả chúng sanh, cho đến thành thực tất cả các chủng tử nghe - giữ (Văn trì) chánh pháp, những tướng như vậy đều được thành tựu.

Nói là chư Phật trí ấy, đó chính là bốn trí. Thứ nhất là trí đại viên cảnh, là trí lìa xa tướng ngã và ngã sở, cho đến xa rời phân biệt chủ thể thủ và đối tượng thủ, không lẫn lộn với tất cả các phiền não cấu nhiễm, ở trong tướng của tất cả đối tượng duyên - đối tượng hành - đối tượng nhận biết, không thể quên không thể ngu si, trí và ảnh phát sanh lẫn nhau hiện rõ chủng loại tựa vào nhau giữ gìn, làm sở y thanh tịnh của Nhất thiết trí, đây chính là trí vô phân biệt mà chân như đã duyên theo. Thứ hai là trí bình đẳng tánh, đạt được đối tượng duyên thắng thượng, trí này luôn luôn quán sát tự và tha bình đẳng, đã có thể an ổn ở nơi Niết-bàn vô trú bàn, khởi lên đại từ bi thuận theo hướng tới tất cả mọi nơi hiện thân hiện rõ quốc độ, dùng phương tiện khéo léo tương ứng với tất cả. Thứ ba là trí diệu quán sát, thấu gồm rộng khắp tất cả các pháp môn Tam-ma-địa - Tam-ma-bát-đề và Tổng trì, đối với tất cả các phần vị đã biết, vô ngại mà chuyển hóa và có thể phát sanh mọi công đức thù thắng, phương tiện hiện thân khéo đoan trừ những gì nghi ngờ, như những gì thích hợp với điều ấy thì có thể dễ dàng thuyết pháp. Thứ tư là trí thành sở tác, có thể dùng các loại phương tiện không thể nghĩ bàn được, làm cho người khác thành thực tất cả mọi việc đã làm, như thuận theo hóa độ tất cả chúng sanh. Những tướng như vậy chính là bốn trí.

Tiếp theo, tụng nêu:

*Phân vị ba thân phân ra hai-hai-một
Hai Pháp thân-hai Báo thân-một Hóa thân
Trong pháp giới chư Phật hoàn toàn thanh tịnh
Hoặc một hay nhiều tánh không thể tồn tại.*

Ý trong này nói: Pháp thân thanh tịnh giống như hư không mà không có hình tướng, từ trong thân này phát sanh ra tất cả các pháp, những pháp này đều là bạch pháp tối thắng vì diệu không gì ví dụ được, là chân lý thanh tịnh làm nhân cho sự lợi lạc to lớn, sanh ra thiện lạc tối thượng trong Phật Địa, để có thể viên mãn đại dương chánh pháp vô tận. Lại luôn luôn đầy đủ diệu tuệ thanh tịnh, tức là có thể thành tựu tâm Đại Bồ-đề. Nghĩa lý của tâm Bồ-đề đã giải thích như trên, ở trong các kinh sơ lược sưu tập những văn quan trọng, chỉ có Phật Bồ-tát mới có năng lực thấy biết tất cả.



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

KIM CANG ĐẢNH
DU GIÀ TRUNG PHÁT
A NẬU ĐA LA
TAM BỒ ĐỀ TÂM LUẬN

SỐ 1665

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1665

LUẬN KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ TRUNG PHÁT A NẬU ĐẠ LA TAM MIỆU TAM TÂM BỒ ĐỀ

Bồ-tát Long Thọ soạn.

Hán dịch: Đời Đường, Sa-môn Bất Không.

A-xà-lê Đại Quảng Trí nói: Nếu có người thuộc hàng thượng căn thượng trí, không vui với pháp Nhị thừa, ngoại đạo, có độ lượng lớn, dũng mãnh sắc bén không có mê hoặc, thích hợp với pháp tu Phật thừa, nên phát tâm như vậy: Nay tôi chí nguyện cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, không cầu đạt quả vị nào khác. Tâm thể đã quyết định, cung ma chấn động, mười phương chư Phật thấy đều chứng biết, thường ở giữa trời người nhận được sự vui sướng, nơi đã sanh ra, nhớ giữ không quên như nguyện được thành tựu, các thân Bồ-tát trong Du Già ấy, cũng gọi là phát tâm Bồ-đề. Điều này nói gì? Đó là các bậc ấy đều cùng thân Phật như Đức Đại Tỳ Lô Giá Na, như người ham danh tiếng quan chức thì phát tâm cầu mong danh tiếng, quan chức, tu dưỡng quan tâm đến hành tướng của danh tiếng, quan chức, nếu người ham tiền của châu báu thì phát tâm mong cầu tiền của châu báu, thực hiện việc làm kinh doanh tài vật. Người bình thường muốn làm điều thiện hay điều ác, đều trước tiên nêu lên tâm tư của họ, rồi sau đó sẽ thành tựu chí hướng đó. Vì lẽ đó, người cầu Bồ-đề, phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Bồ-đề, đã phát tâm như vậy rồi, cần phải biết rõ hành tướng của tâm Bồ-đề. Hành tướng đó là ba môn phân biệt. Chư Phật, Bồ-tát, xưa

kia còn trong nhân địa, phát tâm nảy rồi, thuận theo thắng nghĩa-hạnh nguyện-Tam-ma-địa làm giới, cho đến lúc thành Phật, không lúc nào tạm quên. Chỉ có trong pháp Chân ngôn, chính thân nảy thành Phật. Vì vậy nói Tam-ma-địa ở trong các giáo, thiếu sót nên không ghi lại:

1. Hạnh nguyện.
2. Thắng nghĩa.
3. Pháp Tam-ma-địa.

Thứ nhất là Hạnh nguyện, là người tu tập luôn luôn hoài bão tâm niệm như vậy: Mình phải làm lợi ích an lạc cho pháp giới chúng sanh không bỏ sót một chúng sanh nào, quán xét hàm thức khắp mười phương giống như bản thân mình. Nói về những lợi ích ấy, là khuyến khích làm cho tất cả chúng sanh đều được an trú trong Bồ-đề vô thượng, chung quy không dùng pháp Nhị thừa khiến được độ thoát. Nay người thực hành Chân ngôn, phải biết tất cả chúng sanh đều có đủ tánh của Như Lai Tạng, đều có thể tùy ý an trú nơi Bồ-đề vô thượng, vì thế cho nên không dùng pháp Nhị thừa khiến được độ thoát. Do đó trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “Không có một chúng sanh nào mà không có đủ trí tuệ Như Lai, nhưng vì vọng tưởng điên đảo chấp trước mà không sao chứng được. Nếu xa rời vọng tưởng, thì Nhất thiết trí, trí tự nhiên, trí vô ngại sẽ được hiện rõ trước mắt”. Nói về những an lạc ấy, nghĩa là người thực hành vì đã biết tất cả chúng sanh cuối cùng sẽ thành vị Phật, cho nên không dám khinh mạn, lại còn ở trong phương tiện đại bi, càng cần phải cứu giúp, thuận theo sự mong cầu của chúng sanh đều làm cho tất cả được vừa lòng, thậm chí thân mạng cũng không luyến tiếc, lẽ nào giữ lại thân mạng của mình, làm cho được vui vẻ sung sướng ư? Đã thân cận rồi, tín nhiệm lời thầy nói. Nhờ sự gần gũi nhau ấy, cũng có thể chỉ bày dạy dỗ. Chúng sanh ngu tối mê muội, không thể miễn cưỡng hóa độ họ được, người thực hành Chân ngôn phải phương tiện dìu dắt họ tiến lên.

Thứ hai là Thắng nghĩa, là quán xét tất cả các pháp không có tự tánh. Sao nói là không có tự tánh? Nghĩa là phàm phu vốn có những chấp trước về danh vọng, lợi dưỡng, cung cấp để sanh tồn, theo đuổi để làm cho yên thân, phóng túng làm theo ba độc và năm dục. Người thực hành Chân Ngôn thành thật nên lo lắng chán ngán và cầu mong có thể vứt bỏ tất cả. Vả lại, các hạng ngoại đạo, lưu luyến thân mạng ấy, hoặc dùng các vị thuốc để hỗ trợ được sống thọ trong cảnh thần tiên, hoặc là sanh đến cõi trời coi như đạt được kết quả cao nhất. Người thực hành Chân Ngôn, nên quán xét nghiệp lực của những loại kia nếu như không còn, nhưng chưa xa rời ba cõi và phiền não hãy còn tồn tại, tai ương đời

trước chưa diệt hết, niệm ác lập tức dấy lên, thời gian sau đó trôi nổi trong biển khổ khó được thoát ra. Nên biết pháp của ngoại đạo, cũng giống như huyễn mộng dợn nắng nóng mà thôi. Còn người hàng Nhị thừa, Thanh văn thì chấp lấy pháp Tứ đế, Duyên giác thì chấp vào Thập nhị nhân duyên, biết rõ bốn đại và năm ấm suy cho cùng sẽ mất đi, dấy lên tâm ý ghét bỏ hết sức, phá bỏ sự chấp trước của chúng sanh, chịu khó tu theo pháp của mình, hạn định chứng đến quả ấy, hưởng về Niết-bàn của mình để làm kết quả cuối cùng. Người thực hành Chân Ngôn, nên quán xét người hàng Nhị thừa, tuy phá cái chấp về con người (Nhân chấp) nhưng còn có cái chấp về pháp (Pháp chấp), chỉ ý thức văng lạng mà không biết gì khác. Lâu dần đạt được quả vị, dùng khôi thân diệt trí, hưởng về Niết-bàn của họ, thường văng lạng rất sâu giống như bầu hư không rộng lớn. Người có tánh định, khó có thể phát sanh, cần phải đợi đầy đủ các hạn định thời kiếp, mới có thể phát sanh. Nếu như người bất tánh định, bất luận hạn định thời kiếp, gặp được duyên thì hồi tâm hướng Đại, từ Hóa Thành dấy lên cho là đã vượt ra ngoài ba cõi, nghĩa là nhờ niềm tin vào Phật đã có từ lâu, mới được lực gia trì của Phật Bồ-tát dùng pháp phương tiện, tức thì phát tâm rộng lớn, chính là bắt đầu từ Thập Tín, về sau trải qua tất cả các địa, qua ba vô số kiếp chịu khó thực hành khổ hạnh, như vậy có thể thành Phật, đã biết Thanh văn, Duyên giác, vì trí tuệ hẹp cạn, nên cũng không đáng mừng vui. Lại có chúng sanh phát tâm Đại thừa, thực hành hạnh Bồ-tát, đối với các pháp môn, tất cả đều lần lượt tu tập, lại trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp tu sáu độ muôn hạnh, thấy đều đầy đủ. Nhưng chứng được Phật quả, lâu dài mới thành tựu, đây là do những giáo pháp tu tập có thứ tự rất tinh tế. Nay người thực hành Chân Ngôn, như trước quán xét rồi, tiếp tục phát tâm làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh trong pháp giới không bỏ sót một chúng sanh nào, dùng đại bi quyết định vĩnh viễn vượt lên trên cảnh giới Nhị thừa ngoại đạo, lại tu pháp, nhân (người) Du Già thắng thượng, có thể từ địa vị phàm phu đi vào địa Phật, cũng vượt lên trên cảnh giới của Thập địa Bồ-tát. Lại biết sâu xa tất cả các pháp không có tự tánh. Sao nói là không có tự tánh? Trước đã nói về tướng, nay sẽ nói rõ về ý chỉ. Pháp làm cho sai đường lạc lối, từ vọng tưởng nảy sanh, thậm chí từ nơi này đến nơi khác, trở thành vô lượng vô biên phiền não, luân hồi trong sáu nẻo. Nếu như giác ngộ rồi, thì vọng tưởng trừ diệt, tất cả các pháp mất đi, vì thế không có tự tánh. Vả lại, chư Phật vì lòng từ bi, thuận theo chân thật khởi lên công dụng, cứu vớt thâu phục chúng sanh, tùy bệnh cho thuốc, thực hiện các pháp môn, tùy theo phiền não

của họ mà đối trị, bên mê gặp được thuyền bè đến bờ bên kia, pháp cũng phải bỏ, cho nên tự tánh là không có. Như Kinh Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật nói: “Các pháp vô tướng, nghĩa là tướng hư không. Thực hiện quán sát như vậy rồi, gọi là Thắng nghĩa tâm Bồ-đề. Nên biết tất cả các pháp là không, vì hiểu ra pháp vốn không sanh khởi, thể tâm tự như vậy, không thấy có thân tâm, trú vào trí chân thật cứu cánh bình đẳng tịch diệt, khiến cho không thoái thất. Nếu tâm vọng khởi lên, biết mà đừng tùy theo, lúc vọng niệm dường như dừng lại, nguồn tâm rộng lặng, vạn đức có đủ tại đây, diệu dụng vô cùng vô tận. Vì lẽ đó mười phương chư Phật, dùng Thắng nghĩa và Hạnh nguyện làm giới. Chỉ đầy đủ tâm này, mới có thể chuyển được pháp luân, mình và mọi người đều lợi ích”. Như trong Kinh Hoa Nghiêm nói:

*Bi soi sáng tuệ làm chủ yếu
 Phương tiện cùng tương ứng với nhau
 Tâm tín, giải luôn luôn thanh tịnh
 Là vô lượng Lực của Như Lai.
 Trí vô ngại hiện rõ trước mắt
 Tự hiểu ra không nhờ người khác
 Đầy đủ giống như Đức Như lai
 Phát ra tâm nguyện tối thắng này.
 Phật tử mới bắt đầu phát sanh
 Tâm quý báu tuyệt vời như vậy
 Sẽ vượt qua địa vị phàm phu
 Đi vào nơi thực hành của Phật.
 Sanh ra trong nhà của Như Lai
 Chủng tộc không có khuyết điểm gì
 Cùng bình đẳng giống như Đức Phật
 Quyết định thành tựu Vô Thượng Giác.
 Tâm vừa mới phát sanh như vậy
 Lập tức được đi vào Địa thứ nhất
 Tâm vui mừng không thể lay động
 Giống như núi chúa Đại Tu Di.*

Lại theo trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “Từ Địa thứ nhất cho đến Địa thứ mười, ở trong từng địa, đều lấy đại bi làm chủ yếu”. Như Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Tâm Phật chính là đại từ bi”. Còn trong Kinh Niết Bàn nói: “Nam mô Thuần Đà, thân tuy là thân người, mà tâm giống như tâm Phật”. Lại nói:

Bậc y vương cao cả xót thương thế gian

*Thân và trí tuệ đều vắng lặng an nhiên
Trong pháp vô ngã phát sanh ra chân ngã
Vì thế cung kính đảnh lễ Vô Thượng Tôn.
Phát tâm, ban đầu và cuối không phân biệt hai
Phát tâm như vậy thì tâm trước là khó
Mình chưa được độ trước tiên độ người khác
Thế nên con đảnh lễ người bắt đầu phát tâm.
Người bắt đầu phát tâm làm thầy của trời người
Vượt lên hơn hẳn hàng Thanh văn, Duyên giác
Phát tâm như vật vượt qua được ba cõi
Vì thế được gọi là vô thượng bậc nhất.*

Như trong Kinh Đại Tỳ Lô Giá Na nói: “Bồ-đề là nhân, đại bi là gốc rễ, phương tiện là cuối cùng”.

Thứ ba là nói về Tam-ma-địa. Người thực hành Chân Ngôn quán xét như vậy rồi, làm sao có thể chứng được Bồ-đề vô thượng? Nên biết pháp như vậy thuận theo trú vào đại tâm Bồ-đề của Phổ Hiền. Tất cả chúng sanh vốn có Bồ-đề, vì bị ràng buộc do tham sân si phiền não, chửi Phật vô cùng xót thương, dùng trí thiện xảo, nói về pháp Du Già bí mật thâm diệu này, khiến cho người tu hành quay về trong nội tâm, quán tưởng vầng trăng sáng tỏ. Nhờ thực hiện quán tưởng vầng trăng này soi sáng thấy được tâm ban đầu, thanh tịnh trong lặng, giống như vầng trăng tròn sáng ngời chiếu khắp hư không chẳng có phân biệt, cũng gọi là không có giác ngộ hoàn toàn, cũng gọi là pháp giới thanh tịnh, cũng gọi là đại dương Thật tướng Bát nhã Ba-la-mật, luôn luôn chứa đựng tất cả các loại trân bảo rộng lớn mênh mêng. Tam-ma-địa giống như vầng trăng tròn trong trắng rõ ràng. Tại sao? Vì tất cả chúng sanh đều hàm chứa tâm của Phổ Hiền, mình thấy tâm mình, hình dạng giống như vầng trăng. Vì sao lấy vầng trăng để thí dụ? Vì trăng tròn là thể của ánh sáng trọn vẹn, thì trạng thái tương tự với tâm Bồ-đề. Bình thường vầng trăng có mười sáu phần hạn, dụ cho trong Du Già từ Kim Cang Tát Đỏa cho đến Kim Cang Quyền có mười sáu vị Đại Bồ-tát, ở trong ba mươi bảy bậc, năm phương là địa của Phật, đều biểu hiện cho một trí. Đông phương Phật A Súc, nhân thành tựu trí đại viên cảnh, cũng gọi là trí kim cang. Nam phương Phật Bảo Sanh, do thành tựu trí bình đẳng tánh, cũng gọi là trí quán đảnh. Tây phương Phật A Di Đà, từ đó thành tựu trí diệu quán sát, cũng gọi là trí liên hoa, cũng gọi là trí chuyển pháp luân. Bắc phương Phật Bất Không Thành Tựu, từ đó thành tựu trí thành sở tác, cũng gọi là trí kiết ma. Trung ương Tỳ Lô Giá Na Phật,

từ đây thành tựu pháp giới trí làm căn bản. Bốn Trí Phật ở trên sanh ra bốn Bồ-tát Ba-la-mật, mà bốn Bồ-tát chính là pháp nghiệp quý báu như vàng ngọc, là mẹ sanh thành, dưỡng dục của tất cả các bậc Thánh Hiền ba đời, ở trong thể tánh pháp giới thành tựu phù hợp này, phát xuất ra bốn vị Phật. Như Lai ở bốn phương đều thấu gồm bốn vị Bồ-tát, Đông phương Phật A Súc thấu gồm bốn vị Bồ-tát, đó là Kim Cang Tát Đỏa - Kim Cang Vương - Kim Cang Ái và Kim Cang Thiện Tai. Nam phương Phật Bảo Sanh thấu gồm bốn vị Bồ-tát, đó là Kim Cang Bảo - Kim Cang Quang - Kim Cang Tràng và Kim Cang Tiểu. Tây phương Phật A Di Đà thấu gồm bốn vị Bồ-tát, đó là Kim Cang Pháp - Kim Cang Lợi - Kim Cang Nhân và Kim Cang Ngữ. Bắc phương Phật Bất Không Thành Tựu thấu gồm bốn vị Bồ-tát, đó là Kim Cang Nghiệp - Kim Cang Hộ - Kim Cang Tài và Kim Cang Quyền. Bốn phương Phật đều có bốn vị Bồ-tát, tất cả là mười sáu Đại Bồ-tát. Ở trong ba mươi bảy địa vị, ngoài năm vị Phật - bốn vị Bồ-tát Ba-la-mật cho đến về sau bốn gồm - tám cúng dường, chỉ chọn lấy mười sáu Đại Bồ-tát là được bốn phương Phật thấu tóm. Còn trong Kinh Ma Ha Bát Nhã, từ nội không đến vô tánh tự tánh không cũng có mười sáu nghĩa. Tất cả chúng sanh ở trong bản chất của tâm, có một phần tánh thanh tịnh, các hành đều đầy đủ, thể đó vô cùng vi diệu, trong sáng rõ ràng, thậm chí luân hồi trong sáu nẻo cũng không sao biến đổi, giống như một trong mười sáu phần hạn của trăng, tương sáng của một phần ánh trăng đó, hoặc tương đương với các vì sao hợp lại, nhưng vì ánh sáng mặt trời ban ngày, làm mất đi tánh sáng của nó, vì lẽ đó không hiện rõ ra. Đầu tháng mới xuất hiện, ngày từng ngày dần dần tăng lên, đến ngày mười lăm tròn đầy không ngăn ngại gì. Vì lẽ đó người thực hành quán tưởng, ban đầu dùng chữ A phát khởi rõ ràng trong tâm mình, chỉ có dần dần khiến cho trong sáng rõ ràng, chứng được trí vô sanh. Nói đến chữ A ấy là nghĩa về tất cả các pháp vốn không sanh ra.

Theo như Kinh Tỳ Lô Giá Na giải thích về chữ A, gồm có năm nghĩa: 1. Chữ A (âm ngắn) là tâm Bồ-đề. 2. Chữ A (âm kéo ra) là nghĩa của hạnh Bồ-đề. 3. Chữ Ám (âm dài) là nghĩa của chứng Bồ-đề. 4. Chữ Ác (âm ngắn) là nghĩa của Bát Niết-bàn. 5. Chữ Ác (âm kéo dài) là nghĩa về đầy đủ trí phương tiện. Lại lấy chữ A, kết hợp giải thích bốn chữ Khai Thị Ngộ Nhập trong Kinh Pháp Hoa, chữ Khai ấy là Khai mở tri kiến Phật, chính là Khai mở hai vấn đề về Bồ-đề và Niết-bàn, như chữ A thứ nhất, là nghĩa của tâm Bồ-đề. Chữ Thị là nêu ra tri kiến Phật, như chữ A thứ hai, là nghĩa của hạnh Bồ-đề. Chữ Ngộ là hiểu ra tri

kiến Phật, như chữ Âm thứ ba, là nghĩa của chứng Bồ-đề. Chữ Nhập là đi vào tri kiến Phật, như chữ Ác thứ tư, nghĩa là của Bát Niết-bàn. Nói một cách tổng quát là thành tựu đầy đủ. Chữ Ác thứ năm là nghĩa của phương tiện thiện xảo và trí viên mãn vậy.

Trước mắt ca ngợi chữ A là nghĩa của Tâm Bồ-đề, tụng nêu:

*Đóa sen trắng tám cánh trong một khuỷu tay
Thấy rõ chữ A thuần màu trắng sáng ngời
Thiền trí đều đi vào buộc chặt kim cang
Vẫy gọi vào trí tịch tĩnh của Như Lai.*

Nói đến có thể lĩnh hội chữ A, thì phải thì phải lắng lòng thực sự quán tưởng điều ấy, nên quán tưởng thức thanh tịnh tròn sáng. Nếu như vừa mới nhìn thấy nó, thì gọi là nhìn thấy chân thực Thắng nghĩa đế. Nếu thường xuyên nhìn thấy, thì đi vào Địa thứ nhất Bồ-tát. Nếu chuyển sang dần dần tăng trưởng, thì rộng khắp pháp giới, hạn lượng sánh bằng hư không, tụ vào tản ra tự tại, sẽ đầy đủ Nhất thiết trí. Phạm là người thực hành quán tưởng tu tập pháp Du Già, trước mắt cần phải tu đầy đủ ba hạnh bí mật, chứng ngộ nghĩa lý năm tướng thành tựu thân. Nói về ba bí mật: 1. Thân mật, là như kết ấn phù hợp triệu thỉnh Thánh chúng quang lâm. 2. Ngữ mật, là giống như bí mật đọc tụng chân ngôn khiến cho câu chữ sáng tỏ rõ ràng, không có một sai lầm nào. 3. Ý mật, là giống như trú trong Du Già tương ứng với vầng trăng tròn đầy sáng ngời quán tưởng về tâm Bồ-đề vậy.

Tiếp đến nói về năm tướng thành tựu thân:

1. Tâm thông đạt.
2. Tâm Bồ-đề.
3. Tâm kim cang.
4. Thân kim cang.
5. Chứng Bồ-đề vô thượng được thân kim cang kiên cố.

Nhưng năm tướng này đầy đủ mới thành tựu thân của Bốn Tôn, thân ấy sáng đầy đặn đó là thân Phổ Hiền, cũng là tâm Phổ Hiền, cùng với chư Phật mười phương như nhau. Cũng chính là ba đời tu hành mà chứng đạt thì có trước sau, cho đến giác ngộ thông suốt rồi cũng không có gì là quá khứ, vị lai hay hiện tại, tâm phàm như hoa sen khép cánh, tâm Phật giống như vầng trăng tròn. Quán tưởng như vậy nếu thành tựu, thì cõi nước khắp mười phương, hoặc là tịnh hay là uế, hàm thức trong sáu đường, hành vị trong ba thừa, cho đến cõi nước trong ba đời thành hay hoại, nghiệp chúng sanh sai biệt, hành tướng nhân địa của Bồ-tát, chư Phật ba đời, tất cả đều từ trong thân Bốn Tôn hiện rõ ra chứng minh

cho tất cả hạnh nguyện Phổ Hiền đã đầy đủ.

Trong Kinh Đại Tỳ Lô Giá Na nói: “Tâm chân thật như vậy, cho nên Đức Phật đã tuyên thuyết”.

Hỏi: Trước đây nói người hàng Nhị thừa, vì có pháp chấp, do đó không được thành Phật, nay lại khiến cho tu Tâm Bồ-đề theo pháp Tam-ma-địa ấy, sai biệt thế nào?

Đáp: Người hàng Nhị thừa, vì có pháp chấp, rất lâu mới chứng được lý, chìm đắm sa đà trong cảnh giới vắng lặng hoàn toàn, hạn định theo kiếp số, nhưng phát tâm Đại thừa, lại nhân tiện trong thiện môn phân tán, trải qua vô số kiếp, vì thế đủ để có thể chán bỏ, xa lìa, không thể y chỉ. Nay người thực hành Chân Ngôn, đã phá bỏ hai chấp về nhân - pháp, tuy trí chân thật có thể chánh kiến, hoặc là vì cách trở gián đoạn từ vô thủy, cho nên không thể chứng được Như Lai Trí Nhất thiết trí. Muốn cầu diệu đạo, tu trì theo thứ tự từ phàm phu đi vào địa Phật, ngay nơi Tam-ma-địa này, có thể đạt được tự tánh của chư Phật, ngộ Pháp thân chư Phật, chứng Thể tánh trí pháp giới, thành Đại Tỳ Lô Giá Na Phật, tự tánh thân - thân thọ dụng - biến hóa thân - đấng lưu thân, vì người thực hành chưa chứng được, lý đương nhiên tu pháp đó. Vì thế trong Kinh Đại Tỳ Lô Giá Na nói: “Hết thấy các địa từ tâm sanh” Như Kinh Kim Cang Đánh Du Già nói: “Tất cả các nghĩa thành tựu Bồ-tát, ban đầu ngồi nơi tòa kim cương, thủ chứng đạo vô thượng, liền được chư Phật trao cho tâm địa này”. Nhưng có thể chứng quả, người bình thường bây giờ, nếu như tâm quyết định tu hành đúng theo giáo pháp, không bắt đầu từ chỗ ngồi, Tam-ma-địa hiện rõ trước mắt, thuận theo được thành tựu thân của Bốn Tôn. Do đó trong Kinh Đại Tỳ Lô Giá Na nói: “Cúng dường pháp theo thứ tự, nếu như không có uy lực tăng thêm nhiều hơn nữa, thì trú vào pháp nhưng quán tưởng về tâm Bồ-đề”. Đức Phật giảng giải trong này có đủ vạn hạnh, dần dần đạt tới pháp thanh tịnh thuần khiết. Tâm Bồ-đề này luôn luôn ẩn chứa tất cả các pháp công đức của chư Phật, nếu như tu chứng thì sẽ xuất hiện, trở thành bậc thầy của tất cả, nếu quay về nguồn gốc thì chính là bí mật trang nghiêm quốc độ, không rời khỏi chỗ ngồi mà có thể thành tựu tất cả các Phật sự. Ca ngợi về tâm Bồ-đề:

*Nếu như người mong cầu Phật tuệ
Hiểu thông suốt về tâm Bồ-đề
Thân này sanh ra từ cha mẹ
Nhanh chóng chứng quả vị Đại Giác.*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

LUẬN ĐẠI THỪA
KHỞI TÍN (1)

SỐ 1666

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1666

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN (1)

Tựa: Dương Châu - Tăng Trí Khải soạn.

Nói đến Luận Khởi Tín, đó chính là luận Đại thừa đạt đến điểm cao nhất, là bí điển thâm diệu khai thị như lý về nghĩa của duyên khởi. Ý chỉ của luận sâu rộng, vắng lặng mà vô tướng. Công dụng của luận lớn rộng bao la vô biên, là nơi nương tựa cho phàm Thánh, là nguồn gốc của các pháp. Vì luận đó văn từ sâu, ý chỉ xa, người tin rất ít ỏi. Do vậy hơn sáu trăm năm sau khi Như Lai diệt độ, các đạo phái dấy lên hỗn loạn, tà ma tranh nhau kích động, không ngừng hủy báng đối với chánh pháp của Phật. Bấy giờ, có một vị Sa-môn đức hạnh tuyệt vời, tên là Mã Minh, rất hợp với Đại thừa cùng tận sâu xa pháp tánh, vì Đại bi nội tu thông suốt tùy cơ ứng hiện, xót thương chúng sanh còn mãi mê muội cho nên soạn ra luận này, phát huy Tam bảo trùng hưng ánh sáng Phật đà. Khởi Tín chưa bao lâu đã bỏ tà theo chánh, làm cho chánh điển Đại thừa hiển bày trở lại từ lúc ấy, lý duyên khởi sâu xa càng làm cho đời sau sáng tỏ. Những hạng mê muội với các kiến giải khác nhau thì xả bỏ chấp trước mà quy y. Bè nhóm nghiêng về tình duality như mờ mịt, vứt đi tham đắm mà được tiếp cận tốt đẹp. Từ xưa đến nay, mãi giấu kín ở Tây Vực, không truyền đến cho người vùng Đông Hạ (Trung Quốc). Do phiên dịch khởi dòng có lúc, do đó Lương Vũ hoàng đế trước kia, phái người đến kết thân với nước Ma-già-đà vùng Trung Thiên Trúc lấy kinh. Cùng với các vị Pháp sư, gặp được Tam Tạng Câu Lan Nan Đà, tên được dịch là Chân Đế. Con người ấy xem đầy đủ các kinh, nhưng đối với Đại thừa lại thấu triệt sâu xa. Lúc Quốc vương đồng ý lập tức

phái người di chuyển, Pháp sư hết sức từ chối nhưng không tránh khỏi, phải lên đênh theo thuyền, đồng thời tặng cho tô hợp và tượng Phật đến triều kiến, cùng Cù Đàm và nhiều người đi theo. Nhưng chưa đến mười ngày thì gặp phải tình trạng chư hầu xâm phạm quá nhiều, Pháp sư chọn lấy loại xuất sắc giúp đỡ lưu thông, ngậm ngọc không nhả ra, tuệ nhật tạm thời dừng lại, muốn quay trở về, liền dẫn dò Trực Kinh Ấp Anh Hiền Tuệ - Hiền Trí Thiều - Trí Khải - Đàm Chấn - Tuệ Mân, cùng với Giả Hoàng Việt đại tướng quân Thái Bảo Tiêu Công Bột, từ Đại Lương niên hiệu Thừa Thánh năm thứ ba, ngày 10 tháng 9 năm Quý Dậu, ở tại chùa Kiến Hưng quận Thỉ Hưng - Hoàn Châu, kính cẩn thỉnh cầu Pháp sư diễn giải phát triển Đại thừa, xiển dương bí điển, chỉ bày cho kẻ mê muội, liền phiên dịch một quyển luận này. Để sáng tỏ tông chỉ của luận, Huyền Văn có hai mươi quyển, Đại Phẩm Huyền Văn có bốn quyển, kinh Thập Nhị Nhân Duyên có hai quyển, Cửu Thức Nghĩa Chương có hai quyển, người truyền bá ngôn ngữ nước Thiên Trúc là Nguyệt Chi Thủ Na, người cầm bút viết là Trí Khải, từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc thời gian hai năm mới hoàn tất. Mã Minh căn cứ vào tông chỉ, càng chiếu sáng đối với bấy giờ, các loại tà kiến khuất phục thuận theo sự cảm hóa từ chánh đạo. Tôi tuy xúc động vì không thể diện kiến được Ngài, mà vui mừng gặp được huyền chỉ, sung sướng với tông chỉ sâu thẳm đó, lưu luyến mãi không quên, không thể đắn đo mà không nghe, hẳn tạm ghi tựa nói rõ, nếu như gặp được người trí, rủ lòng ban cho sự sửa chữa cao thâm.

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN (1)

Bồ tát Mã Minh tạo luận.

Hán dịch: Đời Lương, Tam Tạng Pháp sư Chân Đế.

*Kính lạy chư Phật khắp mười phương
Sự nghiệp tối thắng biết tất cả
Sắc thân tự tại không chướng ngại
Đại bi cứu giúp cho thế gian.
Đạt đến Thể tướng sắc thân ấy
Là biến cả pháp tánh chân như
Kho tàng công đức không bến bờ
Cùng những bậc tu hành như thật.
Vì muốn khiến cho mọi chúng sanh
Trừ nghi ngờ, bỏ hết chấp tà
Xây dựng chánh tín với Đại thừa
Để dòng giống Phật không đoạn mất.*

Luận nêu: Có pháp có thể phát khởi tín căn của Đại thừa, vì vậy cần phải giới thiệu. Nói ra có năm phần. Những gì năm phần? Đó là:

1. Phần nhân duyên.
2. Phần lập nghĩa.
3. Phần giải thích.
4. Phần tín tâm tu hành.
5. Phần khuyến khích tu vì lợi ích.

Thứ nhất nói về Nhân nhân duyên.

Hỏi: Do nhân duyên gì mà soạn ra luận này?

Đáp: Nhân duyên này có tám loại. Những gì là tám loại? Đó là:

1. Nhân duyên tổng tướng. Đó là vì làm cho chúng sanh xa rời tất cả mọi khổ đau, đạt được niềm vui cứu cánh, không phải cầu mong danh lợi và sự cung kính của thế gian.

2. Vì muốn giải thích nghĩa lý căn bản của Như Lai, làm cho các chúng sanh hiểu chính xác không sai lầm.

3. Vì khiến cho chúng sanh thành thực những thiện căn đối với Pháp Đại thừa có thể đảm đương được và không lui sụt niềm tin.

4. Vì làm cho chúng sanh có thiện căn nhỏ yếu, tu tập vun trồng niềm tin.

5. Vì nêu ra phương tiện trừ bỏ nghiệp chướng xấu ác, cố gắng giữ gìn tâm đó, rời bỏ ngu si kiêu mạn vượt ra khỏi mạng lưới tà vạy.

6. Vì chỉ ra cách tu tập về Chỉ và Quán, để đối trị tâm sai lầm của hàng phàm phu, Nhị thừa.

7. Vì nêu ra phương tiện chuyên chú tâm niệm, sanh ở trước Đức Phật, chắc chắn không lui sụt niềm tin ấy.

8. Vì chỉ ra lợi ích để khuyến khích tu hành. Có những nhân duyên như vậy, cho nên soạn ra luận này.

Hỏi: Trong kinh điển có đủ các pháp ấy, đâu cần phải nói lại?

Đáp: Trong kinh điển tuy có những pháp này, nhưng vì căn hành của chúng sanh không như nhau, duyên tiếp nhận và lý giải cũng sai khác. Nghĩa là lúc Như Lai ở đời thì chúng sanh còn có nhiều lợi căn, Ngài giảng nói thì sắc thân và tâm niệm đều là nghiệp thù thắng, âm thanh đầy đủ một khi phát ra, các chủng loại khác nhau đều hiểu được, vì thế không cần đến luận bàn. Nếu như sau khi Như Lai diệt độ, hoặc là có chúng sanh có thể dùng năng lực của mình nghe nhiều kinh pháp mà được hiểu biết. Hoặc là có chúng sanh cũng dùng năng lực của mình nghe ít kinh pháp nhưng hiểu được nhiều. Hoặc là có chúng sanh vì trí lực của mình không có nên nhờ vào luận bàn mở rộng mà được hiểu biết. Cũng có chúng sanh lại vì luận văn mở rộng là nhiều và cho là phiền phức, tâm chỉ thích nắm lấy tổng quát loại nào ít văn mà thâm tóm nhiều nghĩa lý để có thể hiểu được. Những điều như vậy mới có luận này, vì muốn thâm gồm tất cả nghĩa lý bao la không giới hạn trong giáo pháp sâu xa rộng lớn của Đức Như Lai, nên phải giới thiệu luận này.

Đã nói về phần nhân duyên, tiếp theo nói về phần lập nghĩa.

Đại thừa, nói tổng quát có hai loại. Sao nói là hai loại? Đó là: 1. Pháp. 2. Nghĩa. Nói về pháp, đó gọi là tâm chúng sanh, tâm này thâm tóm tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Căn cứ vào tâm này biểu hiện rõ nghĩa lý của Đại thừa. Vì sao? Vì tâm này là tướng Chân như, chính là biểu thị cho thể của Đại thừa, tâm này là tướng nhân duyên sanh diệt, có thể biểu thị cho tướng dụng nơi tự thể của Đại thừa.

Nói về nghĩa thì có ba loại. Sao nói là ba loại? Đó là: 1. Thể Đại, nghĩa là tất cả các pháp Chân như bình đẳng không tăng giảm. 2. Tướng Đại, nghĩa là Như Lai tạng đầy đủ vô lượng tánh công đức. 3. Dụng Đại,

luôn luôn sanh ra tất cả mọi nhân quả thiện của thế gian và xuất thế gian. Tất cả chư Phật vốn đã vận dụng, tất cả Bồ-tát đều vận dụng pháp này mà đạt đến địa Như Lai.

Đã nói về phần lập nghĩa, tiếp theo nói về phần giải thích.

Phần giải thích có ba loại. Những gì là ba loại? Đó là: 1. Biểu hiện rõ chánh nghĩa. 2. Đối trị chấp tà. 3. Phân biệt tướng phát huy hướng về đạo.

Biểu hiện rõ về chánh nghĩa, là dựa vào một tâm pháp có hai loại môn. Sao nói là hai?

Đó là: 1. Môn tâm chân như. 2. Môn tâm sanh diệt. Hai chủng loại này đều thấu gồm toàn bộ tất cả các pháp. Nghĩa này nói gì? Vì hai chủng loại này không xa rời nhau. Tâm chân như chính là Thế Đại tổng tướng pháp môn của một pháp giới, đó là tâm tánh bất sanh bất diệt, tất cả các pháp chỉ dựa vào vọng niệm mà có sai biệt, nếu xa rời vọng niệm thì không có tất cả các tướng của cảnh giới. Vì vậy tất cả các pháp từ xưa đến nay, xa rời tướng ngôn thuyết, xa rời tướng danh tự, xa rời tướng tâm duyên, hoàn toàn bình đẳng không hề có sự biến đổi, không thể hủy hoại được, chỉ là một tâm nên gọi là Chân như. Vì tất cả ngôn thuyết đều là giả danh không thật, chỉ tùy theo vọng niệm không thể nào đạt được. Nói là Chân như, cũng không hề có tướng, nghĩa là đến tột cùng của ngôn thuyết mượn ngôn ngữ mà hủy bỏ ngôn ngữ. Thế Chân như này không gì có thể hủy hoại, vì tất cả các pháp đều là chân thật. Nên biết tất cả các pháp đều là Chân thật, cũng không thể thiết lập được, vì tất cả các pháp đều cùng là Như. Nên biết tất cả các pháp không thể giảng giải, không thể phân biệt, đó gọi là Chân như.

Hỏi: Nếu nghĩa lý là như vậy, thì các chúng sanh làm sao có thể tùy thuận, tự bản thân hội nhập được?

Đáp: Nếu như biết tất cả các pháp tuy nói là không gì có thể nói mà đáng để nói, tuy nghĩ cũng không thể nghĩ mà đáng để nghĩ, gọi là tùy thuận. Nếu xa rời phân biệt thì gọi là được hội nhập.

Vả lại, Chân như này là dựa vào ngôn thuyết phân biệt mà có hai loại nghĩa. Sao nói là hai loại? Đó là:

1. Như thật không, vì năng lực cứu cánh biểu hiện rõ “Thật”.

2. Như thật bất không, vì có tự thể đầy đủ tánh công đức vô lậu.

Nói về không, vì từ xưa đến nay không thể tương ứng với tất cả các pháp nhiễm ô, nghĩa là xa rời tướng sai biệt của tất cả các pháp, vì không có tâm niệm gì hư vọng. Nên biết tự tánh chân như, chẳng phải có tướng - chẳng phải không có tướng, chẳng phải chẳng có tướng

- chẳng phải không phải không có tướng, chẳng phải có - không có đều là tướng, chẳng phải một tướng - chẳng phải khác tướng, chẳng phải không là một tướng - chẳng phải không là khác tướng, chẳng phải một - khác đều là tướng, thậm chí nói tổng quát là dựa vào tất cả chúng sanh vì có tâm vọng phân biệt trong từng niệm từng niệm, đều không thể tương ứng, nên nói là không. Nếu như xa rời tâm vọng thì thật không có gì là không.

Nói về bất không, đã biểu hiện thể của pháp là không và không có vọng ảo, chính là chân tâm thường hằng bất biến, đầy đủ các pháp thanh tịnh, gọi là bất không, cũng không hề có tướng có thể đạt được, vì xa rời phân biệt cảnh giới chỉ tương ứng với chứng.

Tâm sanh diệt dựa vào Như Lai tạng nên có tâm sanh diệt, nghĩa là bất sanh bất diệt cùng với sanh diệt hòa hợp chẳng phải một, chẳng phải khác, gọi là thức A-lê-gia. Thức này có hai loại nghĩa, có thể thâm gồm và sanh khởi tất cả các pháp. Sao nói là hai loại? Đó là:

1. Nghĩa về giác.
2. Nghĩa về bất giác.

Nói về nghĩa giác, là thể của tâm xa rời phân biệt, tướng xa rời phân biệt giống như hư không bao la không nơi nào là không bao phủ. Pháp giới một tướng chính là pháp thân bình đẳng của Như Lai, dựa vào pháp thân này gọi là Bản giác. Tại sao? Vì nghĩa Bản giác đối với Thỉ giác mà nói. Vì Thỉ giác chính là đồng với Bản giác. Nghĩa Thỉ giác là dựa vào Bản giác mà có bất giác, dựa vào bất giác nên nói có Thỉ giác. Lại vì cội nguồn của tâm giác nên gọi là Giác cứu cánh, cội nguồn của tâm bất giác nên chẳng phải là Giác cứu cánh. Nghĩa này nói gì? Như người bình thường giác ngộ biết niệm trước dấy lên là ác, có thể ngăn lại niệm sau khiến nó không dấy lên, tuy cũng gọi là giác nhưng chính là bất giác. Như hàng Nhị thừa quán trí và các bậc Bồ-tát mới phát tâm, giác ngộ đối với tướng của niệm khác nhau và niệm không khác nhau, vì xả bỏ tướng phân biệt chấp trước thuộc phần thô, gọi là giác tương tự. Như pháp thân Bồ-tát giác ngộ niệm an trú và niệm không có tướng an trú, vì lìa phân biệt tướng niệm thô nên gọi là giác tùy phần. Như Bồ-tát ở địa cuối cùng, đầy đủ phương tiện tương ứng với nhất niệm, tâm giác ngộ mới khởi tâm không có tướng ban đầu, vì xa rời ý niệm vi tế, thấy được tâm tánh, tâm tánh chính là thường trú nên gọi là Giác cứu cánh. Vì vậy trong kinh nói: “Nếu có chúng sanh nào có thể quán xét vô niệm thì đó chính là hướng tới trí Phật”. Còn tâm khởi lên, không có tướng ban đầu có thể biết, nhưng nói là biết tướng ban đầu, gọi là

vô niệm. Vì thế tất cả chúng sanh không gọi là giác. Vì từ xưa đến nay niệm niệm nối theo nhau chưa hề xa rời phân biệt, nên nói là vô minh vô trí. Nếu đạt được vô niệm, thì biết tướng sanh trú diệt của tâm. Vì không có những phân biệt, mà thật sự không có khác nhau về Trí giác, bốn tướng cùng lúc mà có đều là không có tự tồn tại, xưa nay bình đẳng cùng chung một giác.

Hơn nữa, Bốn giác tùy theo sự ô nhiễm, phân biệt sanh ra hai loại tướng, cùng với Bốn giác ấy không tách rời lẫn nhau. Sao nói là hai loại? Đó là:

1. Tướng trí tịnh.
2. Tướng bất tư nghị nghiệp.

- Tướng trí tịnh, nghĩa là dựa theo năng lực của pháp huân tập, như thật tu hành, đầy đủ mọi phương tiện, phá trừ tướng hòa hợp của thức, diệt tướng tương tục của tâm, biểu hiện rõ pháp thân, nên trí hoàn toàn thanh tịnh. Nghĩa này là thế nào? Do tướng của tất cả tâm thức đều là vô minh, tướng của vô minh không xa rời tánh giác, không phải có thể hủy hoại, không phải không thể hủy hoại, như nước giữa biển khơi vì gió mà nổi sóng, tướng của nước và tướng của gió không tách rời nhau, nhưng tánh của nước không phải là động, nếu như gió dừng lại hoàn toàn thì tướng động sẽ không còn, tánh ướt vẫn không thể hoại mất. Như vậy tâm thanh tịnh và tự tánh của chúng sanh, vì gió vô minh mà tâm động, tâm và vô minh đều không có hình tướng và không tách rời nhau, nhưng tâm không phải là tánh động, nếu vô minh diệt thì nối tiếp theo nhau sẽ diệt, tánh của trí không thể hoại mất.

- Tướng bất tư nghị nghiệp là vì dựa vào tướng thanh tịnh của trí, có thể làm ra tất cả mọi cảnh giới thắng diệu, đó gọi là tướng của vô lượng công đức thường không đoạn tuyệt, tùy căn cơ chúng sanh mà tự nhiên tương ứng, biểu hiện đủ mọi hình thái và làm lợi ích cho tất cả.

Tiếp tục nói về thể tướng của giác, có bốn loại nghĩa lớn, giống như hư không và tựa như tấm gương trong sáng. Những gì là bốn loại? Đó là:

1. Tấm gương như thật không, tách rời tất cả các tướng nơi cảnh giới của tâm, không có pháp nào có thể bày rõ mà chẳng phải là nghĩa soi chiếu từ giác.

2. Tấm gương của nhân huân tập, nghĩa là như thật bất không, tất cả mọi cảnh giới thế gian đều hiện rõ từ trong đó, thường trú một tâm không ra, không vào, không mất đi, không hủy hoại, vì tất cả các pháp chính là tánh chân thật. Và lại, tất cả các pháp nhiễm ô vốn không thể

làm nhiệm ô được, thể của trí là bất động, nên đầy đủ mọi pháp vô lậu xông ướp cho chúng sanh.

3. Tắm gương của pháp xuất ly, nghĩa là pháp bất không, vượt ra ngoài sự chướng ngại của phiền não và trí, tách rời tướng hòa hợp nên trong sáng thuần khiết.

4. Tắm gương của duyên huân tập, nghĩa là dựa vào pháp tách rời, soi chiếu tất cả tâm địa của chúng sanh, khiến tu thiện căn, tùy theo ý niệm mà bày tỏ rõ.

Nói về nghĩa bất giác, nghĩa là vì không biết như thật về pháp Chân như chỉ là một, tâm không giác ngộ mà dấy lên có sự phân biệt, niệm phân biệt không có tự tướng và không xa rời Bản giác, giống như người mê muội dựa vào phương hướng cho nên mê lạc, nếu như xa rời phương hướng thì không có mê muội. Chúng sanh cũng vậy, dựa vào giác ngộ nên không nhận ra, nếu tách rời tánh giác thì không có gì không giác ngộ. Vì có tâm vọng tưởng không giác ngộ, nên có thể biết danh nghĩa là nói về giác ngộ chân thật, nếu xa rời tâm không giác ngộ, thì không có tự tướng giác ngộ chân thật nào đáng nói.

Tiếp theo dựa vào không giác ngộ nên sanh ra ba loại tướng, cùng với không giác ngộ ấy tương ứng không xa rời. Sao nói là ba loại? Đó là:

1. Tướng vô minh nghiệp, vì dựa vào không giác ngộ nên tâm vọng động, gọi đó là nghiệp. Giác ngộ thì tâm không động, động thì có khổ, quả ấy không rời nhân.

2. Tướng có thể thấy. Vì dựa vào tâm động nên có thể thấy tướng, tâm nếu không động thì không thể thấy.

3. Tướng cảnh giới, vì dựa vào chủ thể tiếp xúc nên cảnh giới huyễn vọng hiện bày, xa rời tiếp xúc thì không có cảnh giới. Vì có cảnh giới duyên theo nên tiếp tục sanh ra sáu loại tướng. Sao nói là sáu loại? Đó là:

1. Tướng trí, dựa vào cảnh giới mà tâm khởi lên phân biệt yêu thích và ghét bỏ.

2. Tướng tương tục, dựa vào trí nên phát sanh ra cảm giác khổ vui, tâm khởi lên phân biệt tương ứng không dứt.

3. Tướng chấp thủ, dựa vào duyên liên tục phân biệt đối với cảnh giới, giữ lấy khổ vui mà tâm dấy lên đắm chấp.

4. Tướng kế danh tự, dựa vào phân biệt vọng chấp tướng của danh ngôn không thật.

5. Tướng khởi nghiệp, dựa vào danh tự tìm lấy tên gọi, giữ lấy

tham đắm tạo ra các loại nghiệp.

6. Tướng nghiệp hệ khổ, vì dựa vào nghiệp mà nhận chịu quả báo không tự tại. Nên biết vô minh có thể sanh ra tất cả các pháp nhiễm ô, vì tất cả các pháp nhiễm ô đều là tướng bất giác.

Tiếp theo nói về giác và bất giác có hai loại tướng. Sao nói là hai loại? Đó là:

1. Đồng tướng.
2. Dị tướng.

- Nói là Đồng tướng, ví như các loại đồ dùng bằng sành sứ đều cùng tánh tướng vi trần, như vậy các loại nghiệp huỷ hoại ảo như vô lậu - vô minh, đều cùng chung tánh tướng là Chân như. Vì thế trong kinh dựa vào nghĩa Chân như này nên nói tất cả chúng sanh xưa nay thường trú vào trong Niết-bàn, pháp Bồ-đề không phải là tướng có thể tu, không phải là tướng có thể làm, suy cho cùng là không có đạt được, cũng không có sắc tướng nào có thể nhìn thấy, nhưng có nhìn thấy sắc tướng ấy, chỉ là tùy theo nghiệp nhiễm ô huỷ hoại hóa tạo thành, không phải là tánh bất không của trí sắc, vì tướng của trí không thể nào nhìn thấy được.

- Nói về Dị tướng, như các loại đồ dùng bằng sành sứ mỗi loại có một vẻ riêng không hề như nhau, như vậy vô lậu, vô minh, tùy theo nhiễm ô huỷ hoại hóa sai biệt, cho nên tánh nhiễm ô huỷ hoại hóa cũng sai biệt.

Tiếp theo nói về nhân duyên sanh diệt. Đó nói là chúng sanh dựa vào tâm ý và ý thức chuyển đổi mà thành. Nghĩa này thế nào? Vì dựa vào thức A-lại-da nên nói là có vô minh, vì không giác ngộ mà dấy lên, chủ động nhìn thấy, chủ động hiện bày, chủ động giữ lấy cảnh giới, khơi dậy phân biệt tiếp theo nhau, nên nói là ý. Ý này lại có năm tên gọi. Đó là:

1. Gọi là nghiệp thức, là tâm vọng động không giác ngộ vì lực của vô minh.
2. Gọi là chuyển thức, dựa vào tâm vọng động luôn luôn nhìn thấy tướng.
3. Gọi là hiện thức, đó là chủ động hiện bày tất cả các cảnh giới, giống như gương sáng hiện rõ ra những cảnh sắc, hiện thức cũng vậy, tùy theo năm trần ấy hướng đến thì lập tức hiện bày mà không hề có trước sau, do đó tất cả mọi lúc tùy ý vận dụng mà dấy lên, luôn luôn ở phía trước.
4. Gọi là trí thức, nghĩa là phân biệt pháp có nhiễm và tịnh.
5. Gọi là thức tương tục, vì niệm tương ứng không dứt, tùy ý nắm

giữ nghiệp thiện ác của vô lượng đời kiếp trong quá khứ khiến không mất đi, lại có khả năng làm thành thực các báo ứng khổ vui trong đời hiện tại và vị lai không hề sai khác, có khả năng khiến cho sự việc hiện tại đã trải qua bỗng nhiên lại nhớ rõ, sự việc của vị lai không cảm giác được khiến suy nghĩ viễn vông. Vì vậy ba cõi không có thật chỉ do tâm mà hiện bày, tách rời tâm ra thì không có cảnh giới của sáu trần. Nghĩa này thế nào? Do tất cả các pháp đều từ tâm dấy lên vọng niệm mà sanh ra, tất cả mọi phân biệt chính là phân biệt từ tâm mình, nhưng tâm không nhìn thấy, tâm không có tướng có thể đạt được. Nên biết tất cả mọi cảnh giới ở thế gian, đều dựa vào tâm vọng vô minh của chúng sanh mà được giữ lại. Vì vậy tất cả các pháp, giống như cảnh tượng trong gương không có thật Thế để đạt được, chỉ do tâm hư vọng hiện bày, do đó tâm sanh thì các loại pháp sanh ra, tâm diệt thì các loại pháp diệt đi.

Tiếp theo nói về ý thức. Chính là thức tương tục này, dựa vào các phàm phu chấp trước chuyển thành sâu nặng, chấp ngã và ngã sở, các loại vọng chấp tùy theo sự mà bám lấy duyên, phân biệt sáu trần gọi là ý thức, cũng gọi là thức phân ly, lại còn gọi là thức phân biệt sự. Thức này dựa vào nghĩa do kiến ái phiền não tăng trưởng. Dựa vào vô minh huân tập đã dấy lên thức ấy, không phải phàm phu có thể biết được, cũng không phải trí tuệ Nhị thừa hiểu thấu được, nghĩa là dựa vào Bồ-tát, từ khi bắt đầu chánh tín phát tâm quán sát, nếu như chứng pháp thân thì có thể biết được phần ít, cho đến Bồ-tát ở địa cuối cùng cũng không có khả năng biết tất cả, chỉ có địa Phật mới hiểu rõ đến tận cùng. Tại sao? Do tâm này từ xưa đến nay là tự tánh thanh tịnh, nhưng có vô minh, vì vô minh làm cho ô nhiễm, nên có tâm nhiễm ô đó, tuy có tâm nhiễm ô mà thường hằng bất biến, vì vậy nghĩa này chỉ có Phật hiểu biết hoàn toàn. Vốn gọi là tâm tánh thường vô niệm, nên nói là bất biến, vì không thông suốt một pháp giới nên tâm không tương ứng bỗng nhiên khởi lên phân biệt gọi là vô minh. Tâm nhiễm ấy có sáu loại. Thế nào là sáu loại? Đó là:

1. Chấp tương ứng nhiễm, vì dựa vào sự giải thoát của Nhị thừa và niềm tin tương ứng với địa được xa rời.
2. Bất đoạn tương ứng nhiễm, dựa vào niềm tin tương ứng với địa, tu học phương tiện dần dần có thể xả bỏ, đạt được phần vị tâm thanh tịnh nên cuối cùng sẽ xa rời.
3. Phân biệt trí tương ứng nhiễm, dựa vào địa đầy đủ giới pháp dần dần được xa rời, cho đến xa rời hoàn toàn ở địa phương tiện vô tướng.
4. Hiện sắc bất tương ứng nhiễm, dựa vào địa sắc tương tự tại có

khả năng xa rời.

5. Năng kiến tâm bất tương ứng nhiễm, dựa vào địa tâm tự tại có năng lực xa rời.

6. Căn bản nghiệp bất tương ứng nhiễm, dựa vào địa cuối cùng của Bồ-tát được tiến vào địa Như Lai có năng lực xa rời. Không hiểu rõ về nghĩa lý của một pháp giới, thì từ địa niềm tin tương ứng quán sát học mà đoạn dứt, tiến vào địa tâm thanh tịnh tùy theo từng phần mà được rời xa, cho đến địa Như Lai thì có năng lực xa rời hoàn toàn.

Nói về nghĩa tương ứng, nghĩa là tâm phân biệt pháp sai khác, dựa vào sự sai biệt giữa nhiễm và tịnh, mà biết tướng duyên theo cũng giống nhau. Nghĩa bất tương ứng, là chính nơi tâm không giác ngộ bình thường không có sai khác, vì không giống như biết tướng duyên theo tướng. Và lại, nghĩa về tâm nhiễm, gọi là phiền não chướng ngại, vì có năng lực cản trở trí căn bản của chân như. Nghĩa về vô minh, gọi là chướng ngại của trí, vì có khả năng cản trở trí nghiệp tự nhiên của thế gian. Nghĩa này thế nào? Vì dựa vào tâm nhiễm luôn tiếp xúc, luôn hiện bày, vọng giữ lấy cảnh giới trái với tánh bình đẳng, do tất cả các pháp luôn luôn tĩnh lặng, không có tướng nào khởi lên, vô minh bất giác vọng động trái với pháp nên không thể nào tùy thuận với các loại trí của tất cả mọi cảnh giới ở thế gian.

Tiếp theo, phân biệt về tướng sanh diệt có hai loại. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Thô, cùng với tâm tương ứng.
2. Tế, cùng với tâm không tương ứng.

Lại có cảnh giới của phạm phu thô thiển ở trong thô thiển, cảnh giới của Bồ-tát vi tế trong thô thiển và thô thiển ở trong vi tế, vi tế trong vi tế là cảnh giới của Phật. Hai loại sanh diệt này, dựa vào vô minh huân tập mà có, vốn gọi là dựa vào nhân, dựa vào duyên. Dựa vào nhân là nghĩa về bất giác. Dựa vào duyên là nghĩa về vọng tác cảnh giới. Nếu như nhân diệt thì duyên diệt, nhân diệt nên tâm bất tương ứng diệt, duyên diệt nên tâm tương ứng diệt.

Hỏi: Nếu như tâm diệt thì thế nào là tương tục? Nếu là tương tục thì sao nói là cứu cánh diệt?

Đáp: Nói là diệt, chỉ là tướng tâm diệt chứ không phải là thể tâm diệt, như gió dựa vào nước mà có tướng động, nếu như nước không còn thì tướng gió đoạn tuyệt không có nơi nương tựa. Vì nước không diệt nên tướng gió nối tiếp theo nhau, chỉ vì gió diệt nên tướng động diệt theo chứ không phải là nước diệt. Vô minh cũng như vậy, dựa vào thể

tâm mà động, nếu như thể tâm diệt đi thì chúng sanh đoạn tuyệt không có nơi nào nương tựa, vì thể không diệt nên tâm được tương tục, chỉ do ngu si diệt đi nên tướng tâm diệt theo chứ không phải là tâm trí diệt mất.

Vả lại, có bốn loại pháp với ý nghĩa là huân tập, pháp nhiễm và pháp tịnh dấy lên không hề đoạn tuyệt. Sao nói là bốn loại? Đó là:

1. Pháp tịnh, gọi là Chân như.
2. Hết thấy nhân nhiễm, gọi là vô minh.
3. Tâm vọng, gọi là nghiệp thức.

4. Cảnh giới vọng, đó là sáu trần. Nghĩa về huân tập, giống như ở thế gian thì các loại áo quần thật sự không có hương thơm, nếu như người dùng hương thơm mà huân tập cho nên sẽ có mùi thơm. Ở đây cũng như vậy, pháp chân như thanh tịnh thật ra không có nhiễm ô, chỉ vì vô minh huân tập mà có tướng nhiễm ô, pháp ô minh nhiễm ô thật sự không có nghiệp thanh tịnh, nhưng dùng chân như mà huân tập nên sẽ có công dụng thanh tịnh. Sao nói là huân tập khởi lên pháp nhiễm ô không dứt? Đó là vì dựa vào pháp chân như nên có vô minh, vì có nhân của pháp nhiễm ô nên chính là huân tập chân như, vì huân tập thì có tâm vọng, vì có tâm vọng chính là huân tập vô minh. Không hiểu rõ pháp chân như nên bất giác phân biệt khởi lên hiện bày cảnh giới huyễn vọng, vì có cảnh giới huyễn vọng duyên theo pháp nhiễm ô thì sẽ huân tập tâm vọng, khiến phân biệt cố chấp tạo ra các loại nghiệp, nhận chịu những khổ đau đối với tất cả thân tâm. Nghĩa huân tập cảnh giới hư vọng này có hai loại. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Tăng trưởng ý niệm huân tập.
2. Tăng trưởng giữ lấy huân tập.

Nghĩa huân tập tâm vọng có hai loại. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Nghiệp thức căn bản huân tập, có thể cảm thọ nỗi khổ sanh diệt của A-la-hán, Phật-bích-chi và tất cả các vị Bồ-tát.
2. Tăng trưởng thức phân biệt sự huân tập, có thể cảm thọ nỗi khổ gắn với nghiệp của phàm phu.

Nghĩa vô minh huân tập có hai loại. Thế nào là hai loại?

1. Căn bản huân tập, vì nghĩa có thể thành tựu nghiệp thức.
2. Đã dấy lên kiến ái huân tập, theo nghĩa có năng lực thành tựu thức phân biệt sự.

Sao nói là huân tập khởi lên pháp thanh tịnh không dứt? Đó gọi là vì có pháp chân như nên có thể huân tập vô minh. Vì lực nhân duyên huân tập, làm cho tâm vọng chán nỗi khổ sanh tử vui mừng cầu đến

Niết-bàn. Do tâm vọng nảy có nhân duyên chán ngán và mong cầu thì chính là huân tập chân như, tự tin vào tánh của mình, biết tâm vọng động chưa từng có cảnh giới, tu pháp rời xa. Vì biết chân như chưa từng có cảnh giới, các loại phương tiện khởi lên tùy thuận thực hành không giữ lấy không phân biệt, cho đến nỗ lực huân tập lâu dài do đó vô minh sẽ diệt đi. Do vô minh diệt nên tâm không có khởi lên, vì không khởi lên nên cảnh giới theo đó cũng diệt đi. Vì nhân duyên đều diệt nên tâm tướng đều hết, gọi là được Niết-bàn thành tựu nghiệp tự nhiên. Nghĩa huân tập của tâm vọng có hai loại. Thế nào là hai loại?

1. Thức phân biệt sự huân tập, dựa vào những người thuộc hàng phàm phu, Nhị thừa, chán nổi khổ sanh tử tùy theo năng lực có thể thực hiện, để dần dần hướng đến đạo vô thượng.

2. Ý huân tập, nghĩa là các vị Bồ-tát phát tâm dũng mãnh, nhanh chóng hướng về Niết-bàn.

Nghĩa huân tập về chân như có hai loại. Thế nào là hai loại?

1. Tự thể tướng huân tập.

2. Dụng huân tập. Tự thể tướng huân tập là từ vô thỉ đời kiếp đến nay đầy đủ pháp vô lậu, có đủ các nghiệp bất tư nghị, làm tánh của cảnh giới. Dựa vào hai nghĩa này luôn luôn huân tập, vì có năng lực nên có thể khiến cho chúng sanh chán nổi khổ sanh tử vui mừng mong cầu Niết-bàn, tự tin vào bản thân mình có pháp chân như mà phát tâm tu hành.

Hỏi: Nếu nghĩa như vậy, thì tất cả chúng sanh đều có chân như và đều huân tập chân như, tại sao có người tin và có người không tin, trước sau khác sau rất nhiều, đều thuận theo trong một lúc tự biết mình có pháp chân như, chịu khó tu tập phương tiện cùng đi vào Niết-bàn?

Đáp: Chân như vốn có một, nhưng có vô lượng vô biên vô minh, từ xưa đến nay tự tánh khác nhau dày mỏng bất đồng, có quá nhiều phiền não dựa vào vô minh dấy lên sai biệt vô cùng vô tận, ngã kiến và ngã ái nhiễm chấp phiền não dựa vào vô minh dấy lên sai biệt. Tất cả mọi phiền não như vậy dựa vào vô minh đã dấy lên, trước sau sai biệt quá nhiều, chỉ có Như Lai mới có năng lực biết hết. Vả lại, mọi pháp Phật đều có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ mới được thành tựu. Như tánh lửa trong cây là chánh nhân của lửa, nếu không có người biết, không tìm mọi cách thích hợp mà củi tự cháy thì không có điều ấy. Chúng sanh cũng như vậy, tuy có chánh nhân là năng lực huân tập, nếu không gặp được chư Phật, Bồ-tát và tri thức thiện để làm duyên cho họ, có thể tự mình đoạn trừ phiền não hội nhập Niết-bàn được thì điều

đó không thể có. Nếu như có năng lực của duyên bên ngoài, mà pháp thanh tịnh bên trong chưa có sức mạnh của sự huân tập, thì cũng không thể nào hoàn toàn chán nỗi khổ sanh tử, vui mừng cầu đến Niết-bàn. Nếu như nhân duyên đầy đủ, đó gọi là tự mình có năng lực của sự huân tập, lại được chư Phật, Bồ-tát vì nguyện lực từ bi che chở, có thể khởi tâm chán đau khổ sanh tử, tin có Niết-bàn và tu tập mọi thiện căn. Vì tu thuần thực thành tựu những thiện căn, nên gặp được chư Phật, Bồ-tát chỉ bày dạy dỗ làm cho vui mừng ích lợi, mới có thể tiến lên hưởng đến đạo quả Niết-bàn.

Công dụng của sự huân tập, chính là năng lực ngoại duyên của chúng sanh. Như vậy ngoại duyên có vô lượng nghĩa, nói sơ lược có hai loại. Thế nào là hai loại?

1. Duyên sai biệt.

2. Duyên bình đẳng.

- Duyên sai biệt, là người này dựa vào chư Phật và các vị Bồ-tát, từ lúc mới phát tâm bắt đầu cầu đạo giải thoát cho đến lúc đạt được quả Phật, trong thời gian đó hoặc tiếp xúc hoặc nghĩ nhớ, hoặc làm người thân như cha mẹ bà con, hoặc làm người cung cấp hay kẻ sai sử, hoặc làm bạn bè hiểu biết, hoặc làm kẻ thù với nhau, hoặc khởi lên bốn sự thâm hóa cho đến tất cả mọi việc làm và vô lượng duyên thực hành, vì năng lực của sự huân tập khởi lên đại bi, luôn làm cho chúng sanh tăng trưởng thiện căn, hoặc tiếp xúc hay nghe được đều nhất định đạt lợi ích. Duyên này có hai loại. Thế nào là hai? 1. Duyên gần, vì mau chóng được độ thoát. 2. Duyên xa, vì lâu dài mới được độ thoát. Hai duyên gần và xa này, phân biệt lại có hai loại. Thế nào là hai loại? 1. Duyên tăng trưởng hành. 2. Duyên thọ đạo.

- Duyên bình đẳng là hết thấy chư Phật và các vị Bồ-tát, đều tâm nguyện độ thoát cho tất cả chúng sanh, tự nhiên huân tập luôn không rời bỏ. Do năng lực của trí tuệ đồng thể, tùy theo chúng sanh nên thấy nghe mà hiện thân làm mọi công việc, đó gọi là chúng sanh dựa vào Tam muội, mới được bình đẳng thấy chư Phật. Thế dụng huân tập này, phân biệt lại có hai loại. Thế nào là hai loại? 1. Chưa tương ứng, nghĩa là phạm phu, Nhị thừa và các vị Bồ-tát mới phát tâm, vì ý và ý thức huân tập, nên dựa vào sức mạnh của niềm tin mà có thể tu hành, nhưng chưa đạt được tâm vô phân biệt tương ứng với thể, chưa đạt được nghiệp tự tại tu hành tương ứng với dụng. 2. Đã tương ứng, nghĩa là pháp thân Bồ-tát đạt được tâm vô phân biệt, tương ứng với trí dụng của chư Phật, chỉ dựa vào pháp lực mà tự nhiên tu hành, huân tập chân như diệt trừ

vô minh.

Vả lại, pháp nhiệm ô từ vô thỉ đến nay được huân tập không ngừng, cho đến sau khi thành Phật thì phải có sự chấm dứt. Pháp thanh tịnh huân tập thì không có đoạn diệt và cùng tận đời vị lai. Nghĩa này thế nào? Do pháp chân như thường xuyên huân tập, nên tâm vọng sẽ đoạn diệt mà pháp thân được hiển hiện, khởi lên công dụng huân tập nên không có đoạn diệt.

Hơn nữa, thể và tướng của chân như ấy, tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật không có sai biệt hay tăng giảm, không phải thời gian trước sanh ra, không phải thời gian sau diệt đi, hoàn toàn thường hằng, từ xưa đến nay tâm tánh này tự nhiên đầy đủ tất cả các công đức, đó gọi là tự thể có nghĩa lý của trí tuệ lớn, sáng suốt, nghĩa lý của sự soi sáng khắp pháp giới, nghĩa lý của sự hiểu biết chân thật, nghĩa lý của tâm thanh tịnh trong tự tánh, nghĩa lý của bốn đức Thường - Lạc - Ngã - Tịnh, nghĩa lý của sự trong lành tự tại bất biến. Đầy đủ như vậy những phẩm chất của pháp Phật không thể nghĩ bàn vượt lên trên mọi tư duy hằng sa số, không xa rời, không mất hẳn, không sai khác và vượt lên trên mọi tư duy lý luận, cho đến đầy đủ không có một nghĩa lý nào thiếu sót, đó gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là Pháp thân Như lai.

Hỏi: Trước đây đã nói thể của chân như là bình đẳng xa rời tất cả mọi tướng, tại sao ở đây lại nói thể có các loại công đức như vậy?

Đáp: Tuy thật có các nghĩa về công đức như vậy, nhưng không có tướng của mọi sai biệt, cùng chung một vị duy nhất là Chân như. Nghĩa này thế nào? Vì không có phân biệt và xa rời tướng phân biệt, nên không có hai tướng. Lại vì nghĩa gì mà có thể nói sai biệt? Do dựa vào tướng sanh diệt đã biểu thị cho nghiệp thức. Điều này biểu thị thế nào? Vì tất cả các pháp xưa nay chỉ do tâm chứ thật ra không có phân biệt, nhưng có tâm vọng bất giác khởi lên phân biệt thấy các cảnh giới nên nói là vô minh. Tâm tánh không dấy lên chính là nghĩa của trí tuệ lớn sáng suốt này. Nếu tâm dấy lên cái thấy thì có tướng không nhìn thấy, tâm tánh xa rời cái thấy chính là nghĩa của sự soi sáng khắp pháp giới. Nếu tâm có vọng động thì không phải sự hiểu biết chân thật là không có tự tánh, chẳng phải Thường - chẳng phải Lạc - chẳng phải Ngã - chẳng phải Tịnh, mà là nóng bức, biến động, là không tự tại, cho đến có đủ các nghĩa vọng niệm vượt quá hằng hà sa số đối với nghĩa công đức thanh tịnh. Nếu tâm không có vọng động, thì có vượt qua số hằng sa các nghĩa về tướng trạng công đức thanh tịnh được biểu hiện rõ. Nếu tâm

có dấy lên, lại thấy pháp trước có thể phân biệt thì có những thiếu sót. Như vậy vô lượng công đức của pháp thanh tịnh, chính là tâm chuyên nhất lại không có phân biệt. Vì vậy đầy đủ gọi là kho tàng của Pháp thân Như Lai.

Tiếp theo nói về công dụng của chân như, đó gọi là chư Phật Như Lai, vốn căn cứ vào Nhân địa phát khởi Đại từ bi, tu các hạnh Ba-la-mật nhiếp phục chúng sanh, cũng không hạn định kiếp số tận cùng đời vị lai, vì chọn lấy tất cả chúng sanh giống như chính bản thân mình, nhưng cũng không giữ lấy tướng chúng sanh. Đây là nghĩa thế nào? Nghĩa là nhận thức như thật tất cả chúng sanh cùng với bản thân mình bình đẳng chỉ một chân như không có sai khác. Do có trí tuệ phương tiện rộng lớn như vậy, diệt trừ vô minh thấy được Pháp thân vốn có, tự nhiên mà có các loại công dụng của nghiệp không thể nghĩ bàn, chính là đồng đẳng với chân như khắp tất cả nơi chốn, lại cũng không có tướng dụng nào có thể đạt được. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai chỉ là thân của trí tướng Pháp thân, thuộc về Đệ nhất nghĩa đế mà không có thế tục đế và không cả cảnh giới, xa lìa mọi thiết lập, nhưng tùy chúng sanh thấy nghe được lợi ích nên nói là dụng.

Dụng này có hai loại. Sao nói là hai loại? Đó là:

1. Dựa vào thức phân biệt sự, là những gì mà tâm hàng phàm phu Nhị thừa thấy được, gọi là Ứng thân. Vì không biết do chuyển hóa từ thức hiện bày nên thấy là đến từ bên ngoài, chấp lấy giới hạn trong phạm vi của sắc chất nên không thể nào nhận thức hết được.

2. Dựa vào thức nghiệp, là những gì mà tâm của các vị Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến địa Bồ-tát cuối cùng nhìn thấy được, đó gọi là Báo thân. Thân này có vô lượng hình sắc, mỗi hình sắc có vô lượng tướng trạng, mỗi tướng trạng có vô lượng vẻ đẹp, nơi quả dựa vào an trú cũng có vô lượng các thứ trang nghiêm, tùy theo nơi thị hiện mà không có giới hạn, không thể cùng tận được, vì xa rời tướng giới hạn phạm vi, tùy theo những gì thích hợp đó mà luôn có thể giữ gìn không hủy hoại, không mất đi. Như vậy công đức đều nhờ các hạnh Ba-la-mật và các hành vô lậu huân tập, đạt đến những thành tựu của sự huân tập không nghĩ bàn được. Do đầy đủ vô lượng tướng an lạc, nên được gọi là Báo thân.

Vả lại, thân mà hạng phàm phu nhìn thấy được là sắc chất thô thiển, tùy theo sáu đường chúng sanh đều nhìn thấy không giống nhau, rất nhiều chủng loại sai khác không phải là tướng cảm thọ an lạc, nên nói là Ứng thân.

Hơn nữa, những gì mà các vị Bồ-tát mới phát tâm nhìn thấy được, là vì thâm tín pháp chân như nên thấy được phần ít, biết những sắc tướng trang nghiêm kia, không đến không đi - xa rời phạm vi giới hạn, chỉ dựa vào tâm mà hiện bày chứ không rời chân như. Nhưng các vị Bồ-tát này tự mình hãy còn phân biệt, vì chưa tiến vào địa Pháp thân. Nếu tâm được thanh tịnh thì những vi diệu đã thấy, nhờ dụng của tâm sẽ chuyển thành thù thắng hơn, cho đến Bồ-tát ở địa cuối cùng thấy được trọn vẹn. Nếu xa rời nghiệp thức thì không nhìn thấy tướng, vì Pháp thân chư Phật không có sắc tướng bên này bên kia thay đổi thấy lẫn nhau.

Hỏi: Nếu Pháp thân chư Phật xa rời sắc tướng, thì tại sao có thể hiện bày rõ sắc tướng?

Đáp: Chính Pháp thân này là sắc thể nên luôn luôn hiện bày nơi sắc, đó gọi là từ xưa đến nay sắc và tâm không hai, vì tánh sắc chính là trí nên sắc thể là vô hình, gọi là trí thân, vì trí tánh chính là sắc. Gọi là Pháp thân vì khắp tất cả mọi nơi, sắc đã hiện bày không có phạm vi giới hạn, tùy tâm có thể bày rõ khắp mười phương thế giới, vô lượng Bồ-tát vô lượng Báo thân, vô lượng trang nghiêm tất cả đều sai biệt, đều không có phạm vi giới hạn và không ngăn ngại lẫn nhau. Đây không phải là tâm thức phân biệt có thể biết được, vì đó là nghĩa về dụng tự tại của chân như.

Tiếp theo biểu hiện rõ ràng từ phương diện sanh diệt mà lập tức tiến vào phương diện chân như. Đó gọi là suy xét tìm tòi tâm cùng với sắc thân nơi năm ấm, cảnh giới sáu trần hoàn toàn không phân biệt, vì tâm không có hình tướng thì cầu tìm tâm đó khắp mười phương rốt cuộc không thể nào được. Như người lạc đường thì nói Đông là Tây, thật ra thì phương hướng không hề chuyển đổi. Chúng sanh cũng như vậy, vì vô minh làm cho mê muội vì thế nói tâm là phân biệt, nhưng thật ra thì tâm không hề biến động. Nếu có thể quan sát biết tâm không hề phân biệt, nhất định tùy thuận tiến vào phương diện chân như.

Đối trị chấp tà, thì tất cả mọi chấp tà đều dựa vào ngã kiến. Nếu như xa rời ngã thì không có chấp tà. Ngã kiến này có hai loại. Thế nào là hai loại? 1. Nhân ngã kiến. 2. Pháp ngã kiến.

Nhân ngã kiến là dựa vào các hạng phàm phu nói có năm loại. Sao nói là năm loại?

1. Nghe kinh điển nói Pháp thân Như Lai vắng lặng tận cùng giống như hư không. Vì không biết là phá bỏ chấp trước, nên cho hư không là tánh của Như Lai. Đối trị thế nào? Rõ ràng tướng hư không là pháp huyền vọng nên Thế của nó không hề có thật, vì đối với sắc nên có, thì

tướng có thể thấy làm cho tâm sanh diệt, mà tất cả các sắc pháp vốn có thì tâm thật ra không ở ngoài sắc. Nếu không có sắc bên ngoài thì không có tướng của hư không, đó gọi là tất cả mọi cảnh giới chỉ do tâm vọng động dấy lên nên có. Nếu tâm xa rời vọng động thì tất cả cảnh giới diệt đi, chỉ có một chân tâm không nơi nào không đầy khắp. Đây gọi là nghĩa lý tuyệt đối trong trí tánh rộng lớn của Như Lai, chứ không phải như tướng của hư không.

2. Nghe kinh điển nói các pháp thế gian suy cho cùng có thể là rỗng lặng, thậm chí pháp chân như Niết-bàn cũng hoàn toàn là rỗng lặng, từ xưa đến nay tự rỗng lặng xa rời tất cả các tướng, mà không biết là vì phá bỏ chấp trước, nên nói tánh của chân như Niết-bàn chỉ là cái rỗng lặng ấy. Đối trị thế nào? Rõ ràng Pháp thân, Chân như tự thể là bất không, vì đầy đủ vô lượng tánh công đức.

3. Nghe kinh điển nói Như Lai tạng không có tăng giảm, thể đầy đủ tánh của tất cả công đức, vì không hiểu được nên liền nói Như Lai tạng có tự tướng sai biệt của pháp sắc - tâm. Đối trị thế nào? Do chỉ dựa vào nghĩa trên phương diện chân như mà nói, do đó nghĩa trên phương diện sanh diệt nhiễm ô biểu hiện rõ mà nói là có sai biệt.

4. Nghe kinh điển nói tất cả pháp sanh tử nhiễm ô của thế gian đều dựa vào Như Lai tạng mà có, tất cả các pháp không xa rời chân như. Do không hiểu rõ nên nói là tự thể Như Lai tạng từ xưa đến nay chỉ có công đức thanh tịnh nhiều hơn số hằng hà sa, nên nghĩa lý chân như không tách rời, không đoạn mất và không sai khác. Vì pháp nhiễm ô phiền não nhiều như hằng hà sa, chỉ là vọng huyễn mà có chứ tánh tự nó vốn không hề có, từ vô thủy đời kiếp đến nay chưa từng tương ứng với Như Lai tạng. Nếu thể của Như Lai tạng có pháp vọng huyễn, khiến cho chứng nhập để vĩnh viễn chấm dứt vọng huyễn thì thật là vô lý.

5. Nghe kinh điển nói dựa vào Như Lai tạng nên có sanh tử, dựa vào Như Lai tạng nên đạt được Niết-bàn. Vì không hiểu rõ nên nói là chúng sanh có bắt đầu, vì thấy bắt đầu do đó lại nói là Như Lai đã đạt được Niết-bàn, Niết-bàn đó có điểm cuối cùng thì trở lại làm chúng sanh. Đối trị thế nào? Vì Như Lai tạng chưa từng có ranh giới hạn định, tướng vô minh cũng không có bắt đầu. Nếu như nói ngoài ba cõi lại có chúng sanh mới bắt đầu, thì chính là kinh của ngoại đạo nói ra. Vả lại, Như Lai tạng không có ranh giới hạn định về sau, tương ứng với Niết-bàn của chư Phật đã đạt được thì không có ranh giới về sau.

Pháp ngã kiến ấy thì dựa vào hàng độn căn Nhị thừa, Như Lai chỉ vì nói về người vô ngã, vì Ngài nói chưa rốt ráo, do đó hàng Nhị thừa

thấy có pháp sanh diệt của năm uẩn, sợ hãi sanh tử mà vọng giữ lấy Niết-bàn. Đối trị thế nào? Vì pháp của năm uẩn tự tánh không sanh khởi thì không có diệt, xưa nay là Niết-bàn.

Tiếp theo nói về rốt ráo xa rời vọng chấp. Nên biết pháp nhiệm hay pháp tịnh đều là đối đãi với nhau, không có tự tướng nào có thể nói. Vì vậy tất cả các pháp từ xưa đến nay chẳng phải sắc - chẳng phải tâm, chẳng phải trí - chẳng phải thức, chẳng phải có - chẳng phải không, suy cho cùng là không thể nói về tướng. Nhưng có nói về tướng ấy, nên biết Như Lai tạo phương tiện hết sức khéo léo, tạm dùng ngôn từ giảng giải để dẫn dắt chúng sanh mà thôi, tông chỉ của Ngài đều là làm cho chúng sanh xa rời phân biệt quay về với chân như. Do tất cả các pháp phân biệt làm cho tâm sanh diệt không thể hòa nhập trong thật trí.

Phân biệt làm cho hướng về tướng đạo, nghĩa là đạo lý đã chứng ngộ của hết thủy chư Phật, nghĩa của sự phát tâm tu hành hướng đến của tất cả Bồ-tát. Nói sơ lược về phát tâm thì có ba loại. Thế nào là ba loại?

1. Tín thành tựu phát tâm.
2. Giải hạnh phát tâm.
3. Chứng phát tâm.

Tín thành tựu phát tâm thì căn cứ vào hạng người như thế nào, tu công hạnh loại nào, thành tựu được niềm tin thì có thể phát tâm, đó gọi là dựa vào chúng sanh thuộc loại bất định, có năng lực huân tập của thiện căn, tin vào nghiệp của quả báo có thể bắt đầu tu mười nghiệp thiện, chán bỏ nỗi khổ sanh tử muốn cầu niềm vui Bồ-đề vô thượng, được gặp chư Phật, đích thân được cúng dường và tin tưởng tu hành, trải qua một vạn kiếp niềm tin được thành tựu, chư Phật và các vị Bồ-tát chỉ dạy khiến phát tâm, hoặc vì lòng đại bi nên có thể tự mình phát tâm, hoặc vì chánh pháp sắp hoại diệt nhờ nhân duyên hộ pháp mà tự mình có thể phát tâm như vậy thì tiến vào chánh định tụ hoàn toàn không lui sụt, được gọi là ở trong dòng dõi của Như Lai, tương ứng với chánh nhân. Nếu như có chúng sanh vì thiện căn nhỏ yếu, từ lâu xa đến nay còn nhiều phiền não sâu dày, cho dù được gặp Phật và được cúng dường, nhưng nảy sanh hạt giống trời người, hoặc dấy lên hạt giống Nhị thừa, giả sử có mong cầu Đại thừa thì căn cơ cũng không ổn định, hoặc tiến tới hoặc lui sụt. Hoặc là có người cúng dường chư Phật, chưa trải qua một vạn kiếp, trong thời gian đó cũng gặp được duyên lành, cũng có phát tâm. Đó gọi là thấy sắc tướng của Phật mà phát tâm, hoặc nhờ cúng dường chúng Tăng mà phát tâm, hoặc nhờ người hàng Nhị thừa

chỉ dạy khiến phát tâm, hoặc học theo người khác mà phát tâm. Những loại phát tâm như vậy đều là không cố định, gặp phải nhân duyên xấu ác thì có thể thoái thất rơi vào địa Nhị thừa.

Vả lại, niềm tin thành tựu mà phát tâm, thì phát tâm ấy như thế nào? Nói sơ lược có ba loại. Thế nào là ba loại?

1. Trực tâm, là chánh niệm về pháp chân như.
2. Thâm tâm, là vui mừng tập hợp tất cả các hạnh thiện.
3. Tâm đại bi, là muốn trừ hết mọi nỗi khổ đau cho chúng sanh.

Hỏi: Trước đây nói về pháp giới chung một tướng, Phật thể không có hai, vì sao không chỉ nghĩ đến chân như, mà lại phải cầu học các hạnh thiện?

Đáp: Ví như thể tánh của ngọc Đại ma ni là trong suốt, nhưng có tạp chất của quặng lẫn vào, nếu như người tuy nghĩ đến tánh quý của ngọc, mà không dùng mọi cách mài giũa làm đẹp thì rốt cuộc không thể nào trong suốt được. Như vậy pháp chân như của chúng sanh có thể tánh là không, thanh tịnh, nhưng có vô lượng phiền não làm cho vấy bẩn, nếu như người tuy nghĩ đến chân như, mà không dùng mọi phương tiện huân tu thì cũng không thanh tịnh được. Vì vô lượng vết bẩn biến khắp tất cả các pháp, nên tu tất cả các hạnh thiện để đối trị, nếu như người tu hành tất cả các pháp thiện thì tự nhiên trở về thuận theo pháp chân như.

Nói sơ lược về phương tiện thì có bốn loại. Thế nào là bốn loại?

1. Thực hành phương tiện căn bản, là quán sát tất cả các pháp, tự tánh không sanh ra, xa lìa vọng kiến, không trú vào sanh tử. Quán sát tất cả các pháp nhân duyên hòa hợp và nghiệp quả không mất, khởi tâm đại bi tu các công đức phước thiện, giáo hóa chúng sanh mà không trú vào Niết-bàn, vì tùy thuận pháp tánh không trú vào nơi nào.

2. Phương tiện có năng lực làm cho dừng lại, là hổ thẹn và hối hận về sai lầm của mình, có thể ngăn lại tất cả mọi pháp ác khiến không tăng trưởng được, vì tùy thuận pháp tánh xa rời các sai lầm.

3. Phương tiện phát khởi và tăng trưởng thiện căn, là thường xuyên cúng dường và lễ bái Tam bảo, tán thán, tùy hỷ và khuyến thỉnh chư Phật. Vì tâm kính mến Tam bảo thuần hậu như vậy nên niềm tin được tăng thêm, mới có thể bền chí cầu đạt quả vô thượng. Lại nhờ năng lực của Phật Pháp Tăng hộ trì, nên có thể tiêu trừ nghiệp chướng và thiện căn không thoái chuyển. Để tùy thuận pháp tánh, xa rời si mê chướng ngại.

4. Phương tiện đại nguyện bình đẳng, đó là phát nguyện tận cùng vị lai, hóa độ tất cả chúng sanh khiến không có một chúng sanh nào bỏ

sốt, đều khiến cho hoàn toàn đạt đến Niết-bàn vô dư để tùy thuận pháp tánh không hề đoạn tuyệt.

Pháp tánh rộng lớn bao phủ tất cả chúng sanh bình đẳng không hai, không phân biệt bên này bên kia và hoàn toàn vắng lặng. Bồ-tát phát tâm như vậy thì đối với Pháp thân có thể thấy được phần ít. Vì thấy được Pháp thân nên thuận theo nguyện lực của mình, có năng lực hiện rõ ra tám loại lợi ích cho chúng sanh, đó là từ cõi trời Đâu Suất lại vào thai, trú trong thai và ra khỏi thai, xuất gia - thành đạo, Chuyển pháp luân - nhập Niết-bàn. Nhưng Bồ-tát này chưa được gọi là Pháp thân, vì nghiệp hữu lậu của vô lượng đời kiếp từ quá khứ đến nay chưa có thể đoạn trừ tất cả, tùy theo nơi sanh ra đó tương ứng với nỗi khổ nhỏ, nhưng cũng không phải là nghiệp lực ràng buộc, vì có năng lực tự tại của đại nguyện. Như trong kinh điển hoặc là nói có lui sụt rơi vào đường ác, thật ra không phải là lui sụt, chỉ vì hàng Bồ-tát sơ học chưa tiến vào phần vị chính thức mà người đời biếng, lại sợ hãi sự dũng mãnh mà thôi. Và lại, hàng Bồ-tát này một khi đã phát tâm sau đó thì không còn khiếp nhược, hoàn toàn không sợ rơi vào địa Nhị thừa, cho dù nghe chịu khó chịu khổ làm những việc khó làm trải qua vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp mới đạt được Niết-bàn, cũng không hề khiếp nhược, vì tin tưởng và biết rõ tất cả các pháp từ xưa đến nay là Niết-bàn tự có.

Giải hạnh phát tâm nên biết chuyển hóa hơn hẳn. Vì Bồ-tát này bắt đầu từ lúc tin tưởng đích thực đến nay, ở tại A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất sắp sửa đầy đủ, ở trong pháp chân như hiểu sâu sự tu tập xa lìa tướng ở hiện tiền, vì biết thể của pháp tánh là không tham tiếc, nên tùy thuận tu hạnh Bồ thí (Đàn) Ba-la-mật, vì biết pháp tánh là không nhiễm ô và xa rời sai lầm của năm dục, nên tùy thuận tu hạnh Trì giới (Thi la) Ba-la-mật, vì biết pháp tánh là không đau khổ nên xa rời mọi sân nã, tùy thuận tu hạnh Nhẫn nhục (Sàn đề) Ba-la-mật, vì biết pháp tánh không có tướng thân tâm nên xa rời tâm ý lười nhác, tùy thuận tu hạnh Tinh tấn (Tỳ-lê-da) Ba-la-mật, vì biết pháp tánh là luôn luôn ổn định nên thể không hỗn loạn, tùy thuận tu hành Thiền định Ba-la-mật, vì biết thể pháp tánh trong sáng nên xa rời vô minh, tùy thuận tu hạnh Trí tuệ (Bát nhã) Ba-la-mật.

Chứng phát tâm là các vị Bồ-tát từ địa tâm thanh tịnh cho đến địa cuối cùng, các vị này chứng cảnh giới nào? Đó là chứng chân như. Vì dựa vào thức chuyển hóa nói là cảnh giới, nhưng chứng đạt ở đây không có cảnh giới, chỉ là trí chân như mà gọi là Pháp thân. Các vị Bồ-tát này ở trong khoảnh khắc một niệm có thể đến được vô lượng thế giới khắp

mười phương, cúng dường chư Phật và thỉnh cầu các Ngài chuyển pháp luân, chỉ vì chỉ dạy dẫn dắt làm lợi ích cho chúng sanh, mà không cần cứ vào văn tự. Hoặc biểu hiện vượt lên trên địa mau chóng thành tựu Chánh giác, chỉ vì hàng chúng sanh khiếp sợ yếu kém. Hoặc vì hàng chúng sanh lười nhác, khinh thường, mà nói Ta ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp sẽ thành tựu Phật đạo. Có thể biểu hiện vô số phương tiện không thể nghĩ bàn như vậy, nhưng thật ra thì chủng tánh và căn cơ của các vị Bồ-tát, sẽ phát tâm bình đẳng, chứng ngộ cũng bình đẳng, không có pháp nào vượt lên trước, vì tất cả Bồ-tát đều trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, nhưng tùy theo thế giới của chúng sanh không giống nhau, sự kiến giải, nghe hiểu, căn cơ và tánh ham muốn khác nhau, nên biểu hiện những việc làm cũng có sai khác. Có ba loại tướng vi tế của tâm. Thế nào là ba:

1. Chân tâm: Là tâm không phân biệt.
2. Tâm phương tiện: Tự nhiên tu hành hiện bày khắp lợi ích chúng sanh.
3. Tâm nghiệp thức: Tâm vi tế khởi lên, diệt đi.

Lại nữa, các Bồ-tát này... thành tựu đầy đủ mọi công đức, đối với cõi Sắc cứu cánh, biểu hiện tất cả thân tướng cao lớn nhất thế gian, nghĩa là dùng một ý niệm tương ứng với tuệ, thì vô minh lập tức không còn, gọi là Nhất thiết chủng trí, tự nhiên mà có nghiệp dụng không thể nghĩ bàn, có năng lực hiện bày khắp mười phương làm lợi ích cho chúng sanh.

Hỏi: Hư không vô biên nên thế giới vô biên, thế giới vô biên nên chúng sanh vô biên, chúng sanh vô biên nên tâm hạnh sai khác lại cũng vô biên. Cảnh giới như vậy không thể hạn định phạm vi nên rất khó hiểu biết. Nếu vô minh đoạn mất thì không có tướng tâm làm sao có năng lực hiểu rõ gọi là Nhất thiết chủng trí?

Đáp: Tất cả cảnh giới vốn có chỉ một tâm, xa rời mọi ý tưởng phân biệt. Vì chúng sanh vọng nhìn thấy cảnh giới nên tâm có giới hạn phạm vi. Do sai lầm dấy lên ý tưởng phân biệt không phù hợp với pháp tánh nên không có năng lực quyết đoán rõ ràng. Chư Phật Như Lai xa rời ý tưởng nhận thức này nên không có nơi nào không cùng khắp. Vì tâm chân thật chính là tánh của các pháp, Thể của nó biểu hiện soi sáng tất cả các pháp huyễn vọng. Có trí lớn dùng vô lượng phương tiện, tùy theo các chúng sanh có thể hiểu rõ một cách thích ứng, đều có thể chỉ bày rõ các loại pháp nghĩa, vì thế được gọi là Nhất thiết chủng trí.

Lại hỏi: Nếu chư Phật có nghiệp dụng tự nhiên, có năng lực hiện

bày tất cả mọi nơi làm lợi ích cho chúng sanh, tất cả chúng sanh hoặc là thấy được thân tướng của Ngài, hoặc là nhìn thấy thân thông biến hóa của Ngài, hoặc là nghe được lời nói của Ngài, không chúng sanh nào không được lợi ích, tại sao thế gian phần nhiều không thể thấy nghe được?

Đáp: Pháp thân của chư Phật Như Lai là bình đẳng khắp tất cả mọi nơi, không có tác ý, nhưng nói là tự nhiên, chỉ là căn cứ vào tâm của chúng sanh, hiện rõ tâm chúng sanh ấy giống như đối trước gương. Nếu gương có vết thì cảnh sắc không hiện rõ. Như vậy, nếu tâm chúng sanh có cấu trược thì Pháp thân không hiện rõ được.

Đã nói về phần giải thích, tiếp theo nói về phần tâm tín tu hành.

Trong phần này căn cứ vào hạng chúng sanh chưa tiến vào chánh định mà nói về tâm tín tu hành. Tâm tín như thế nào và tu hành làm sao? Nói sơ lược thì tâm tín có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Đó là: 1. Niềm tin căn bản, đó là vui với ý niệm về pháp chân như. 2. Niềm tin vào Phật có vô lượng công đức, thường nghĩ đến sự thân cận cung kính cúng dường, phát khởi thiện căn, nguyện cầu đạt được Nhất thiết trí (Trí Phật). 3. Niềm tin vào Pháp có lợi ích to lớn nên luôn luôn nghĩ đến tu tập thực hành các hạnh Ba-la-mật. 4. Niềm tin vào Tăng có năng lực đích thực tu hành các hạnh lợi mình và lợi người, luôn luôn thích được gần gũi các chúng Bồ-tát, cầu mong học theo sự thực hành đúng chân lý.

Tu hành có năm phương diện (môn), có thể thành tựu niềm tin này. Thế nào là năm phương diện? Đó là:

1. Phương diện Bố thí.
2. Phương diện Trì giới.
3. Phương diện Nhẫn nhục.
4. Phương diện Tinh tấn.
5. Phương diện Chỉ và Quán.

Sao nói là tu hành trên phương diện Bố thí? Nếu thấy tất cả người đến cầu xin điều gì, đồ vật tiền bạc vốn có tùy theo sức mà giúp cho, để tự bỏ tính tham tiếc và làm cho người ấy hoan hỷ. Nếu ai gặp phải tai ách hoạn nạn nguy hiểm bức bách vô cùng sợ hãi, tùy theo khả năng của mình có thể đảm nhiệm mà giúp họ không còn lo sợ. Nếu có chúng sanh đến cầu học hỏi pháp Phật, thì tùy theo sự hiểu biết của mình phương tiện giảng nói cho họ, không nên tham cầu danh lợi và sự cung kính, chỉ nghĩ đến việc làm lợi mình và lợi người để hồi hướng quả Bồ-đề Phật.

Sao nói là tu hành trên phương diện Trì giới? Đó là không giết hại, không trộm cắp, không dâm loạn, không nói hai lưỡi, không nói lời ác, không nói dối trá, không nói thêu dệt, rời xa tham lam, ganh ghét, lừa dối, gian trá, dua nịnh quanh co, nóng giận và tà kiến. Nếu là người xuất gia thì hãy bẻ gãy mọi phiền não, cũng phải xa rời nơi ồn ào náo loạn, thường ở nơi vắng lặng tu tập các hạnh đầu đà, ít ham muốn, biết vừa đủ, thậm chí lỗi lầm bé nhỏ cũng sanh tâm sợ hãi, hổ thẹn và hối hận sửa chữa, không được xem thường đối với giới cấm Như Lai đã chế định, nên giữ gìn để tránh sự hiềm khích, chê bai, đừng làm cho chúng sanh dấy lên tội lỗi một cách oan uổng.

Sao nói là tu hành trên phương diện Nhẫn nhục? Đó là phải nhẫn chịu sự náo hại của người khác, tâm không ôm mang sự trả thù, cũng nên nén chịu đựng với những tâm ý được lợi ích, mất vừa ý, nói xấu trước mặt, khen ngợi trước mặt, nói tốt sau lưng, mỉa mai sau lưng, đau khổ hay an vui.

Sao nói là tu hành trên phương diện Tinh tấn? Đó là đối với các việc thiện tâm không lười nhác rút lui, lập chí kiên cường rời xa tâm ý yếu kém, hãy nghĩ quá khứ lâu xa đến nay, mình nhận chịu tất cả mọi nỗi khổ đau hết sức nơi thân tâm giả dối nầy mà không có lợi ích gì, vì vậy nên chịu khó tu các công đức, làm lợi cho mình và lợi ích cho người, mau chóng xa rời mọi khổ đau.

Vả lại, nếu như người tuy tín tâm tu hành, nhưng vì từ đời trước đến nay có nhiều tội nặng và nghiệp ác chướng ngại, bị sự náo loạn của tà ma quỷ quái, hoặc bị các loại liên quan đến công việc thế gian ràng buộc, hoặc bị sự bức não của bệnh tật khổ đau, có rất nhiều những chướng ngại, vì thế cần phải dũng mãnh tinh cần, ngày đêm sáu thời lễ tụng chư Phật, thành tâm sám hối, khuyến tỉnh, tùy hỷ, hồi hướng đạ quả Bồ-đề. Thường xuyên không ngừng, không giữa chừng bỏ dỡ, thì nhất định trừ diệt các chướng và tăng trưởng thiện căn.

Sao nói là tu hành trên phương diện Chỉ và Quán? Nói là Chỉ, nghĩa là ngăn lại tất cả các tướng của cảnh giới, tùy thuận với nghĩa quán của Xa-ma-tha. Nói Quán, nghĩa là phân biệt tướng sanh diệt của nhân duyên, tùy thuận với nghĩa quán của Tỳ-bát-xá-na. Sao nói là tùy thuận? Do hai nghĩa nầy dần dần tu tập không rời bỏ nhau cả hai cùng hiện rõ trước mắt, cùng lúc tu tập. Nếu như tu về Chỉ thì ở nơi vắng lặng ngồi ngay thẳng - ý chính đáng, không dựa vào hơi thở - không dựa vào thân hình, không dựa vào hư không - không dựa vào đất nước gió lửa, thậm chí không dựa vào thấy nghe hiểu biết, tất cả các tướng nầy theo

ý nghĩ đến đều bị loại trừ, cũng gạt bỏ luôn ý tưởng loại trừ. Vì tất cả các pháp từ xưa nay không hề có tướng, niệm niệm không sanh ra, niệm niệm không diệt đi, cũng không được tùy theo tâm mà nghĩ đến cảnh giới bên ngoài, sau đó dùng tâm loại trừ tâm, nếu tâm dong ruổi phân tán, lập tức hãy thu tóm để trú vào chánh niệm. Chánh niệm này nên biết chỉ có tâm mà không có cảnh giới nào khác, đã trở lại tâm này thì cũng không có tướng của nó, niệm niệm không thể đạt được. Nếu từ chỗ ngồi đứng dậy qua lại đi đứng có những động tác thực hành, vào tất cả mọi lúc luôn luôn nghĩ đến phương tiện thuận theo quán sát, luyện tập lâu dần sẽ thuần thực và tâm đó nhất định dừng lại. Vì tâm dừng lại nên dần dần sắc bén hẳn lên, tùy thuận được tiến vào Chân như tam muội, hàng phục sâu các phiền não, tâm tín tăng thêm, nhanh chóng thành tựu không còn lui sụt. Chỉ trừ ra những hạng nghi ngờ mê hoặc, không có niềm tin, phỉ báng, tội nặng, nghiệp chướng, kiêu mạn, lưỡi biếng..., những hạng người như vậy vốn không có năng lực tiến vào.

Hơn nữa, vì dựa vào Tam muội như vậy, thì biết một tướng của pháp giới, nghĩa là Pháp thân của hết thầy chư Phật và thân của chúng sanh bình đẳng không hai, tức gọi là Tam-muội Nhất hành. Nên biết Chân như là căn bản của Tam-muội, nếu người tu hành thì dần dần có năng lực phát sanh vô lượng Tam-muội. Hoặc có chúng sanh không có sức lực của thiện căn, thì bị tà ma, ngoại đạo, quỷ thần làm cho mê hoặc rối loạn. Hoặc trong lúc đang ngồi mà chúng hiện hình làm cho sợ hãi, hoặc hiện bày các tướng nam nữ đoan nghiêm đẹp đẽ, ý niệm lúc ấy chỉ là cảnh giới của tâm thì sẽ diệt, rốt cuộc không nào hại được. Hoặc hiện ra hình dáng chư thiên, hình dáng Bồ-tát, cũng hiện bày hình dáng Như Lai đầy đủ tướng tốt. Hoặc nói các Đà-la-ni (thần chú), hoặc nói về Bồ-thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, hoặc nói về bình đẳng, không, vô tướng, vô nguyện, không oán thù, không thân thiết, không có nhân, không có quả, hoàn toàn rỗng lặng và chính là Niết-bàn chân thật. Hoặc khiến cho người biết được sự việc thuộc quá khứ của mình ở đời kiếp xa xưa, cũng biết sự việc của tương lai, được biết rõ tâm người khác, được biện tài vô ngại, có thể làm cho chúng sanh tham đắm danh vọng và quyền lợi của thế gian. Còn khiến cho người hay giận hay vui, tánh khí thất thường không chuẩn mực, hoặc nhiều lòng yêu thương, ngủ nhiều, bệnh nhiều, tâm đó lưỡi nhắc uể oải, hoặc đột nhiên khởi lên tinh tấn sau đó liền bỏ dở, sanh ra không tin tưởng, lắm nghi ngờ lắm lo nghĩ. Hoặc bỏ các công hạnh tốt đẹp vốn tu, trở lại tu các nghiệp hỗn tạp, dường như vướng vào các loại ràng buộc lôi kéo của thế

sự. Cũng có thể làm cho người đạt được những Tam-muội tương tự phần nào, mà đều là những thứ đạt được của ngoại đạo, không phải là Tam-muội chân thật. Hoặc lại làm cho người trú ở trong định một ngày, hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày, được ăn uống những thức thơm ngon tự nhiên có sẵn, thân tâm vui sướng dễ chịu, không đói không khát, khiến cho người yêu thích say đắm. Hoặc cũng làm cho người ăn uống không có chừng mực, lúc nhiều lúc ít, dung mạo đổi khác. Do nghĩa ấy, người thực hành luôn luôn thuận theo trí tuệ mà quán sát, đừng để cho tâm nảy rơi vào mạng lưới tà ma. Nên siêng năng chánh niệm, đừng lấy, đừng đắm say, thì có năng lực rời xa các nghiệp chướng này. Nên biết tất cả Tam-muội của ngoại đạo, đều không xa rời tâm của kiến, ái và ngã mạn, vì tham đắm danh vọng, quyền lợi và sự cung kính của thế gian. Tam-muội Chân như thì không trú vào tướng thấy, không trú vào tướng được, cho đến ra khỏi định cũng không hề lưỡi nhác hay kiêu mạn, tất cả phiền não dần dần nhỏ bé hẳn đi. Nếu các hạng phàm phu không luyện tập pháp Tam-muội này, thì không thể nào đi vào được trong dòng dõi của Như Lai. Vì tu các Thiên Tam-muội của thế gian phần nhiều nảy sanh đắm chấp vị, dựa vào ngã kiến hệ lụy ở ba cõi, cùng với ngoại đạo như nhau. Nếu như xa rời sự bảo vệ của bậc trí thức thiện, thì khởi lên cách nhìn của ngoại đạo.

Tiếp theo nói về chuyên tâm tinh cần tu học Tam-muội này thì đời hiện tại sẽ được mười sự lợi ích. Thế nào là mười? Đó là:

1. Thường được chư Phật và Bồ-tát khắp mười phương gia hộ che chở.
2. Không bị các loại ma tà quỷ ác làm cho khiếp sợ.
3. Không bị sự mê hoặc, nhiễu loạn của chín mươi lăm loại ngoại đạo quỷ thần.
4. Rời xa tội nặng phỉ báng giáo pháp thâm diệu và nghiệp chướng dần dần nhẹ ít đi.
5. Diệt trừ tất cả mọi nghi hoặc và những nhận thức xấu ác.
6. Đối với cảnh giới của Như Lai niềm tin được tăng thêm hơn nữa.
7. Rời xa mọi buồn khổ ân hận, ở trong sanh tử mà dũng mãnh không hề sợ hãi.
8. Tâm tư hòa nhã, xả bỏ kiêu mạn, không bị người khác làm cho hoảng hốt.
9. Tuy chưa đạt được định nhưng ở trong mọi lúc và tất cả mọi nơi, vẫn có năng lực giảm bớt phiền não, không vui với niềm vui thế gian.

10. Nếu đạt được Tam muội thì không bị ngoại duyên và tất cả mọi âm thanh làm cho kinh động.

Lại nữa, nếu người chỉ tu tập phương pháp về Chỉ, thì tâm hay chìm lặng hoặc sanh ra lười nhác, không vui với với mọi điều thiện, rời xa yếu tố Đại bi, vì vậy cần phải tu Quán. Tu tập về Quán, trước mắt quán xét tất cả các pháp hữu vi ở thế gian, không thể dừng lại lâu dài, đổi thay hư hoại trong từng khoảnh khắc, tất cả mọi tâm hành sanh diệt trong từng ý niệm. Vì đây là nguyên nhân của khổ đau, nên quán xét các pháp đã nhớ nghĩ trong quá khứ phảng phất như cảnh mộng. Nên quán xét hiện tại thì các pháp đang phân biệt giống như ánh chớp nhoáng. Nên quán xét vị lai thì các pháp đã nghĩ đến giống như mây mù bỗng nhiên dần lên như thế, nên quán xét thế gian này tất cả mọi thân thể đang tồn tại thấy đều bất tịnh, lấm thứ ô uế và không có một chút nào đáng được yêu thích. Ý niệm đang là như vậy, thì tất cả chúng sanh từ vô thủy đời kiếp đến nay, đều do vô minh đã huân tập nên làm cho tâm sanh diệt, đã nhận chịu nỗi khổ vô cùng của tất cả thân tâm. Hiện tại thì có vô lượng những điều bức bách, nỗi khổ của đời vị lai cũng không có phạm vi giới hạn. Nỗi khổ đó khó bỏ khó rời nhưng không thức tỉnh và không hề nhận biết. Chúng sanh như vậy thật là đáng thương xót!

Khởi lên tư duy này, ngay lập tức dừng mãi xây dựng thệ nguyện rộng lớn, nguyện làm cho tâm mình xa rời mọi phân biệt, đối với khắp mười phương tu hành tất cả các công đức phước thiện tận cùng thời gian vị lai, dùng vô lượng phước thiện cứu giúp tất cả chúng sanh đang bị khổ não giày vò, khiến họ đạt được niềm vui đệ nhất nghĩa của Niết-bàn. Vì thành lập hạnh nguyện như vậy, nên vào tất cả mọi lúc và tất cả mọi nơi, các điều thiện vốn có thuận theo đã có thể thực hiện mà không bỏ sự tu học, tâm không hề lười nhác, chỉ trừ lúc ngồi tĩnh lặng chuyên tâm vào phương pháp Chỉ, dường như những lúc còn lại tất cả đều hướng về quán sát nên làm hay không nên làm. Trong mọi động thái đi đứng ngồi nằm, đều thuận theo thực hành cả hai phương pháp Chỉ và Quán, đó gọi là tuy nghĩ tự tánh của các pháp không sanh, mà lại chính là nhớ nghiệp thiện ác do nhân duyên hòa hợp thì báo ứng khổ vui không mất đi, không hoại diệt. Tuy nghĩ đến nhân duyên, thiện ác, nghiệp báo, mà cũng chính là nghĩ tánh không thể đạt được.

Nếu như tu phương pháp Chỉ, thì đối trị sự bám víu tham đắm trong cuộc đời của hạng phàm phu, có khả năng xả bỏ quan điểm yếu kém trước cuộc đời của hàng Nhị thừa. Nếu như tu phương pháp Quán, thì đối trị cái sai của hàng Nhị thừa là không khơi dậy lòng Đại bi và tâm ý

trốn tránh hẹp hòi, đồng thời cũng đối trị cái sai của hàng phàm phu là rời xa công hạnh và không tu dưỡng thiện căn. Do ý nghĩa này mà hai phương pháp Chỉ và Quán cùng hỗ trợ thành tựu lẫn nhau, không thể bỏ xa nhau được. Nếu như Chỉ và Quán không đầy đủ, thì không có năng lực tiến vào đạo quả Bồ-đề.

Hơn nữa, chúng sanh mới học tập những phương pháp này, muốn cầu niềm tin đích thực mà tâm ý của họ yếu kém quá. Vì ở tại thế giới Ta-bà này, tự nhiên sợ không thể thường xuyên được gặp chư Phật và có cơ hội thân cận thừa sự cúng dường. Sợ tức là niềm tin khó có thể thành tựu và ý muốn lui sụt. Nên biết Như Lai có phương tiện thù thắng để tiếp nhận và bảo vệ tâm tín, nghĩa là dùng nhân duyên chuyên tâm chú ý niệm Phật, tùy nguyện được sanh đến cõi Phật ở các phương khác, thường được thấy Phật, vĩnh viễn rời xa nẻo ác. Như trong kinh điển nói: “Nếu người nào chuyên chú trì niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc Tây phương, những thiện căn đã tu tập hồi hướng nguyện cầu sanh về thế giới ấy, thì nhất định sanh đến cõi ấy, thường được thấy Phật, cho nên suốt tận cùng thời gian không có sự thoái lui”. Nếu như người nào quán sát Pháp thân chân như của Phật, luôn luôn chịu khó tu tập thì cuối cùng được sanh ra và trú trong Chánh định.

Đã nói về phần tín tâm tu hành, tiếp theo nói về phần khuyến khích tu vì lợi ích.

Như vậy tư tưởng Đại thừa là kho tàng bí mật của chư Phật, tôi đã giới thiệu tổng quát. Nếu có chúng sanh nào hy vọng có thể phát sanh niềm tin đích thực đối với cảnh giới rất sâu xa của Như Lai và rời xa sự phỉ báng, tiến vào con đường Đại thừa, thì trước mắt nắm giữ luận này để suy nghĩ và tùy khả năng tu tập, kết quả cuối cùng có thể đạt đến đạo quả vô thượng. Nếu người nào nghe pháp này rồi mà không hề sợ hãi, nên biết người này chắc chắn kế thừa dòng dõi của Phật, nhất định nhận được sự thọ ký của chư Phật. Giả sử có người có năng lực cảm hóa chúng sanh trong khắp Tam thiên đại thiên thế giới, khiến cho tất cả thực hành mười nghiệp thiện, không bằng có người ở trong khoảng thời gian một bữa ăn suy nghĩ đích thực về pháp này, và hơn hẳn công đức của người nói ở trước, vì công đức này không thể nào ví dụ được.

Lại nữa, nếu người nào tiếp nhận giữ gìn luận này và quán sát tu hành, hoặc như trong một ngày một đêm thì đã có được công đức vô lượng vô biên không thể nào nói được. Dù cho hết thủy chư Phật khắp mười phương, các Ngài đều từ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp khen ngợi công đức của người đó cũng không thể nào hết. Tại sao? Vì công

đức của pháp tánh không có cùng tận, nên công đức của người này lại cũng không có giới hạn như vậy.

Trái lại, nếu có chúng sanh nào đối với tư tưởng Đại thừa trong luận này mà hủy báng không tin, họ sẽ mắc phải tội báo trải qua vô lượng đời kiếp nhận chịu nỗi khổ đau vô cùng. Vì vậy chúng sanh chỉ nên tin ngưỡng mà không nên phỉ báng, vì rất có hại cho mình và cũng làm hại đến người khác, đoạn tuyệt tất cả chủng tử của Tam bảo. Mà hết thấy Như Lai đều dựa vào pháp này để đạt được Niết-bàn, tất cả Bồ-tát nhờ pháp này tu hành tiến vào trí Phật. Nên biết các vị Bồ-tát trong quá khứ đã dựa vào pháp này được thành tựu niềm tin trong sáng, các vị Bồ-tát trong hiện tại sẽ dựa vào pháp này được thành tựu niềm tin trong sáng, các vị Bồ-tát trong vị lai đang dựa vào pháp này được thành tựu niềm tin trong sáng. Vì thế nên chúng sanh hãy thường xuyên nỗ lực tu học tư tưởng Đại thừa này!

*Nghĩa lý rộng lớn thật sâu xa
Nguồn gốc hội nhập của chư Phật
Trước hết con thuận theo từng phần
Giới thiệu tổng quát để giữ gìn.
Hồi hướng công đức phước thiện này
Chân thật như pháp tánh vô biên
Lợi ích rộng khắp cho chúng sanh
Tất cả được niềm tin trong sáng.*



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN (2)

SỐ 1667

(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1667

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN TÂN DỊCH - TỰA

Đồng thanh thì thích ứng, hợp đạo tự nhiên gần, vì giáo pháp hùng vĩ này là mạng mạch của tông chỉ dựa vào để tuyên dương với Pháp tử. Pháp vương xưa lưu truyền quy phạm nhờ đó truyền nhau thuật lại với bề tôi xưa nay. Vì Đức chắc chắn không đơn lẻ, Thánh không hề ứng hiện rỗng lặng. Luận Khởi Tín là bí điển của hệ tư tưởng Đại thừa. Hơn năm trăm năm sau khi Đức Phật diệt độ, có Bồ-tát Mã Minh xuất hiện giữa thế gian. Đương thời xưng gọi là vàng Mặt trời thứ tư, Đạo vương của cõi trời thứ năm, chuyển vận bánh xe Bất thoái, xây dựng pháp Nhẫn vô sanh, khắc vào trí ấn Tổng trì, ở nhà Chân không rốt ráo, được Ba xa phú chúc, gặp Thích tôn viển ký, khéo nói Pháp yếu mở đường dẫn lối bến mê, mong muốn làm cho quần sanh nảy mầm tín căn bất hoại, gieo trồng Phật chủng khó suy, nên làm ra luận này. Làm thành luận ấy là chỉ ra vật quý vô giá, giải thích về Tối thượng thừa, phát triển hăng sa pháp môn, chỉ ở tại lòng người, mở kho tàng bí mật của chư Phật, vốn có từ một tâm này, loại bỏ cố chấp mà không mất đi sự chân thật, giữ lại tu tập mà cũng quên đi tướng trạng của nó, văn ít mà thâm gồm nhiều nghĩa, mượn danh mà hội nhập tông chỉ sâu xa. Lỗi lạc thay! Vàng trắng trí tuệ sáng rực giữa bầu trời quang đấng. Cuồn cuộn ngút ngàn thay! Dòng sông thiền định chảy vào biển cả lý tánh, bỏ mê mờ trở về nguồn cội không có con đường nào không đi qua đây.

Luận này truyền đến phương Đông (Trung Hoa) tổng cộng trải

qua hai lần phiên dịch, Bản dịch đầu tiên là do Tam Tạng Pháp sư người vùng Tây Ấn Độ tên gọi là Ba La Mật Đà, ở đây gọi là Chân Đế, từ ngày 10 tháng 9 năm Quý Dậu vào niên hiệu Thừa Thánh năm thứ ba thời Lương Vũ Đế, ở tại chùa Kiến Hưng, quận Thỉ Hưng, Hoàn Châu, cùng với Sa-môn Trí Khải người Dương Châu đã phiên dịch. Bản này (Tân dịch) chính là do Tam Tạng Pháp sư Thật Xoa Nan Đà người nước Vu Điền, ôm bản Phạn văn đến đây. Lại vào trong thập Từ Ân vùng Tây Kinh, gặp được bản Phạn văn đã từng có, cùng với các vị Sa-môn Nghĩa Học, Kinh Châu, Hoàng Cảnh, Sùng Phước, Pháp Tạng, vào ngày 8 tháng 10 năm Quý Hợi niên hiệu Thánh Lịch năm thứ ba thời Đại Chu, ở tại chùa Thọ Ký, cùng với Kinh Hoa Nghiêm theo thứ tự mà phiên dịch. Sa-môn Phục Lễ ghi lại, mở ra thành hai cuốn, nhưng cùng với bản dịch cũ đương thời có lúc lộ rõ, có lúc ẩn đi, đại khái là ý muốn của người phiên dịch. Vả lại, bản Phạn văn không phải là như nhau. Nói đến lý u huyền thì khó tin, đạo tôn quý thì ma thịnh hành, huống hồ đang là thời kỳ kiếp trước thì càng tăng thêm gấp bội! Vì thế khiến cho hạng có cách nhìn lệch lạc, chấp vào Thành Duy Thức mà phỉ báng luận này, đúng sai lẫn lộn với nhau. Đã biểu hiện ở trên ngôn ngữ tức thì làm sáng tỏ lúc lắng nghe, Phương Đẳng là vị cam lồ trở thành chất thuốc độc. Nên kinh nói: “Chỉ có Phật với Phật mới có năng lực suy xét tận cùng Thật tướng của các pháp”. Lẽ nào có thể vội vàng lấy tâm phàm phu đánh giá suy lượng nơi tông chỉ bậc Thánh sao?

Nói đến Chân như là tánh của vật. Đây đủ nghiệp dụng khó nghĩ suy, tàng trữ công đức thù thắng của Bất không, bên trong huân tập vọng pháp khiến cho phát sanh tâm lý chán bỏ và mong cầu. Vì thế Kinh Thắng Man nói: “Vì có Như Lai tạng, khiến chán bỏ nỗi khổ sanh tử vui mừng cầu được Niết-bàn”. Kinh này lại nói: “Người hạng xiển đề, vị lai nhờ năng lực của Phật tánh, mà thiện căn phát sanh trở lại. Như ngọc quý trong suốt kia có năng lực làm trong nước đục”. Nghĩa lý thù thắng này là luôn luôn tốt đẹp, khác nào bầu trời rộng lớn không hề ghi nhận. Do đó kinh nói: “Phật tánh thường hằng nên không phải là ba đời thấu tóm, hư không không có nên chẳng phải ba đời thấu gồm”. Lẽ nào chấp sự không mà giống như là chân lý?

Luận về vọng thì dựa vào lý nên không nhận ra chân tánh, đi theo dòng chảy trở thành sai lầm trôi nổi không ngừng. Do đó kinh nói: “Tùy theo nơi lưu chuyển đó phát sanh các loại phân biệt hư vọng”. Lại trong kinh Lăng Già nói: “Như Lai tạng bị huân tập do những yếu tố giả dối và thói quen xấu ác từ vô thủy, gọi là thức tạng”. Kinh Mật

Nghiêm nói: “Đức Phật thuyết về Như Lai tạng, cho là A-lại-da”. Tuệ ác không có năng lực nhận biết, tạng chính là thức Lại-da, tuy đang ràng buộc mà thể trong sáng, tánh không thay đổi nhưng trở thành mê muội. Do đó kinh nói: “Đúng là vị thuốc đích thực thì lưu lại ở trên núi, giống như trăng tròn”. Lại nói: “Tuy ở trong năm nẻo nhận chịu thân hình sai khác, mà Phật tánh này thường hằng bất biến”. Nếu như nói Chân không huân tập vọng, vọng không huân tập chân, Chân và vọng là hai loại khác nhau lẽ nào lĩnh hội được Trung đạo? Vì thế trong Luận Lương Nhiếp nói: “Trí tuệ rất mù mờ đen tối, nói là Chân, tục cố chấp khác nhau”. Nay thì Chân trở thành Thể vọng, vọng mượn Chân làm thành, tánh tướng đều lưu thông, nhất dị cùng loại bỏ. Nên Kinh Mật Nghiêm nói: “Như Lai là kho tàng thanh tịnh, thế gian là A-lại-da thức, như vàng cùng với nhẫn đeo tay, chuyển qua chuyển lại không phân biệt”. Thánh giáo rõ ràng, nơi nào dẫn đến nghi ngờ? Vì vướng vào tướng mà trái với Chân, tìm ngọn mà bỏ mất gốc, ngôn từ vượt qua quy củ, chuyển động trở thành hý luận, tự để cho Thánh Hiền quả trách rất đáng xót thương thay!

Tôi từ lúc thơ dại đến nay, chuyên tâm vào luận này, nghiên ngẫm mãi không thôi, đọc tụng quên mệt mỏi, vụng về học hỏi truyền bá hơn hai mươi lần, tuy chưa suy xét kỹ nghĩa lý sâu xa, mà biết sơ qua ý văn, cho là gương sáng của Đại thừa chẳng pháp nào hơn được luận này. Hy vọng người có đức hạnh cùng tông chỉ và tư tưởng, luôn luôn xem luận văn này, ngõ hầu mỗi ngày tiến vào một sâu hơn, đành cố làm bài tựa dẫn lối nói như vậy.

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN

Bồ-tát Mã Minh tạo luận.

Hán dịch: đời Chu, Tam Tạng Thật Xoa Nan Đà.

QUYỂN THƯỢNG

*Quy mạng chư Phật khắp mười phương
Tạo lợi ích to lớn mọi nơi
Bậc cứu giúp che chở thế gian
Trí tuệ tự tại không giới hạn.
Cùng với đại dương Thế tướng ấy
Pháp vô ngã câu nghĩa rõ ràng
Tăng kho giữ công đức vô biên
Nỗ lực cầu mong quả Chánh giác.
Do vì muốn làm cho chúng sanh
Trừ nghi ngờ loại bỏ chấp tà
Khởi tín kế thừa dòng giống Phật
Nên con soạn ra luận này.*

Luận nói: Vì muốn phát khởi niềm tin trong sáng đối với Đại thừa, đoạn dứt những nghi ngờ đen tối và chấp trước sai lầm của chúng sanh, khiến chúng tánh Phật nối tiếp nhau không ngừng, nên soạn ra luận này.

Có pháp có năng lực phát sanh tín căn của Đại thừa, vì vậy cần phải nói ra. Nói ra có năm phần:

1. Tác nhân.
2. Lập nghĩa.
3. Giải thích.
4. Tu tín.
5. Lợi ích.

Trong này, phần Tác nhân có tám:

1. Tổng tướng, vì khiến cho chúng sanh xa rời đau khổ, đạt được yên vui, không vì tham cầu danh vọng và mọi điều lợi dưỡng.

2. Vì hiển bày thật nghĩa căn bản của Như Lai, khiến các chúng sanh phát sanh lý giải chính đáng.

3. Vì khiến cho thiện căn được thành thực và chúng sanh không thoái lui tâm tín, đối với giáo pháp Đại thừa có đủ năng lực để đảm nhận.

4. Vì khiến cho chúng sanh có thiện căn ít ỏi, phát khởi tâm tín đến mức không còn thoái lui.

5. Vì khiến cho chúng sanh tiêu trừ mọi nghiệp chướng, điều phục tự tâm mình xa rời ba độc.

6. Vì khiến cho chúng sanh tu tập đích thực phương pháp Chỉ và Quán, đối trị tâm sai lầm của hàng phàm phu, Tiểu thừa.

7. Vì khiến cho chúng sanh tư duy đúng như lý đối với giáo pháp Đại thừa, được sanh ra trước nơi Đức Phật và kết quả cuối cùng là không lui thoái niềm tin vào Đại thừa.

8. Vì hiển bày lợi ích của niềm tin với Đại thừa, khuyến khích mọi hàm thức khiến họ hưởng đến trở về.

Những câu nghĩa này trong kinh Đại thừa tuy đã có nói đến, nhưng do căn cơ được hóa độ có mong muốn không như nhau nên duyên đối đãi khác nhau, vì vậy soạn ra luận. Điều này lại nói thế nào? Nghĩa là lúc Như lai còn ở đời, chúng sanh được hóa độ thường là hàng lợi căn, thấy sắc tâm của Phật thù thắng, một âm thanh phát ra làm thông suốt vô biên nghĩa lý nên không cần tạo luận. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, hoặc có người có năng lực dùng sức mình, thấy ở nơi kinh ít mà hiểu rõ nhiều nghĩa. Lại có người có năng lực dùng sức mình xem nhiều kinh điển cho đến hiểu rõ nghĩa lý. Hoặc có người tự mình không có trí lực nhờ người khác luận bàn mở rộng mà được hiểu rõ nghĩa lý. Cũng có người tự mình không có trí lực sợ nói rộng, thích nghe luận tóm lược thấu tóm nghĩa lý rộng lớn mà tu hành một cách đúng đắn. Nay tôi vì hạ hạng người sau cuối ấy, sơ lược thấu tóm vô biên nghĩa lý rất sâu xa và tốt đẹp nhất của Như Lai, soạn ra luận này.

Phần lập nghĩa nói gì? Nghĩa là hệ thống tư tưởng Đại thừa sơ lược có hai loại: Hữu pháp và pháp. Nói là hữu pháp, nghĩa là tâm của tất cả chúng sanh, tâm này thì thấu gồm hết thủy pháp thế gian và pháp xuất thế gian, dựa vào đây biểu hiện rõ nghĩa lý Đại thừa. Vì tâm này là tướng Chân như, tức nêu ra cái thể của Đại thừa, tâm này là tướng của nhân duyên sanh diệt, có thể biểu hiện rõ ràng thể, tướng, dụng của Đại thừa. Nói về pháp, tóm lược có ba loại:

1. Thể đại, nghĩa là tất cả các pháp Chân như dù là nhiễm hay tịnh

nhưng tánh vẫn luôn luôn bình đẳng, không tăng không giảm không có gì sai khác.

2. Tướng đại, nghĩa là Như Lai tạng xưa nay đầy đủ vô lượng vô biên tánh của mọi công đức.

3. Dụng đại, có năng lực phát sanh tất cả nhân quả tốt đẹp của thế gian và xuất thế gian, hết thấy chư Phật vốn đã vận dụng, hết thấy Bồ-tát đều nhờ vào đây mà tiến vào quả vị Phật.

Phần giải thích nói gì? Phần này có ba vấn đề, đó là:

1. Biểu hiện rõ về thật nghĩa.
2. Đối trị các chấp tà.
3. Phân biệt tướng tu hành của chánh đạo.

Trong đây biểu hiện rõ về thật nghĩa là dựa vào một tâm có hai phương diện, đó là: Phương diện tâm chân như và phương diện tâm sanh diệt. Cả hai phương diện này đều thâm tóm tất cả các pháp, vì hai phương diện này lần lượt không tách rời nhau. Tâm chân như chính là thể đồng nhất của pháp giới, là đại tổng tướng của mọi pháp môn. Vì bản tánh của tâm là trạng thái bất sanh bất diệt, tất cả các pháp đều do vọng niệm mà có sai biệt, nếu như tách rời vọng niệm thì không còn tướng trạng sai biệt của cảnh giới. Vì vậy các pháp từ xưa đến nay là tánh xa rời ngôn ngữ, tất cả văn tự không có năng lực giải thích hay biểu hiện, xa rời tâm bám theo duyên thì không có mọi tướng trạng, hoàn toàn bình đẳng, vĩnh viễn không hề chuyển biến không thể phá hủy, chỉ là một tâm nên nói là chân như. Do chân như cho nên từ xưa đến nay không thể giảng giải, không thể phân biệt. Tất cả ngôn từ nói năng chỉ là giả tạo chứ không chân thật, chỉ tùy theo vọng niệm mà không hề có gì. Nói là Chân như, thì Chân như này cũng không có tướng trạng, chỉ là tận cùng của hết thấy ngôn ngữ nói năng, dùng ngôn ngữ loại trừ ngôn ngữ, không phải là thể tánh đó có một chút gì đáng loại trừ hay một chút gì có thể thiết lập.

Hỏi: Nếu là như vậy thì chúng sanh làm thế nào tùy thuận mà thức tỉnh tiến vào? Đáp: Nếu như biết tuy nói tất cả các pháp nhưng không có chủ thể giảng giải và đối tượng được giảng giải, tuy phân biệt tất cả các pháp nhưng không có chủ thể phân biệt và đối tượng phân biệt, lúc này tùy thuận không còn vọng niệm, đó chính là gọi thức tỉnh tiến vào.

Vả lại, Chân như ấy dựa vào ngôn ngữ mà thành lập thì có hai loại khác biệt:

1. Chân thật không, là hoàn toàn tách rời tướng trạng không thật mà biểu hiện thật thể.

2. Chân thật bất không, vì bản tánh có thể của nó và đầy đủ mọi công đức không giới hạn.

Lại nữa, Chân thật không ấy từ xưa đến nay không tương ứng với tất cả các pháp nhiễm ô, tách rời tướng trạng sai biệt của tất cả các pháp, không có tâm phân biệt hư vọng. Phải nhận thức Chân như chẳng phải có tướng, chẳng phải không có tướng, chẳng phải có, không có tướng; không chẳng phải có, không có tướng. Chẳng phải đồng nhất, chẳng phải khác nhau, chẳng phải đồng nhất, khác biệt; không chẳng phải đồng nhất, khác biệt. Nói tóm lại, vì tất cả chúng sanh phân biệt sai lầm tâm vốn không thể nào tiếp xúc được nên nói là không. Căn cứ vào đạo lý chân thật, thì vọng niệm không phải là có, do đó tánh không cũng không. Vì đối tượng bị che lấp là không có, thì chủ thể che lấp cũng không có.

Nói về Chân thật bất không, thì vì vọng niệm rỗng lặng không có, tức là biểu hiện Chân tâm thường hằng bất biến đầy đủ trọn vẹn các pháp thanh tịnh nên gọi là bất không. Cũng không có trạng thái bất không, vì không phải là chốn hành của tâm vọng niệm, chỉ là sự chứng thực tách rời mọi phân biệt mà thôi.

Về phương diện tâm sanh diệt, nghĩa là dựa vào Như Lai tạng mà chuyển sang có tâm sanh diệt, không sanh diệt cùng với sanh diệt hòa hợp không phải đồng nhất cũng không phải khác biệt, gọi là thức A-lại-da. Thức này có hai loại nghĩa: Có năng lực thấu tất cả các pháp và có năng lực phát sanh tất cả các pháp. Lại có hai loại nghĩa lý:

1. Nghĩa về giác.
2. Nghĩa về bất giác.

- Nói về nghĩa giác, đó là tánh đệ nhất nghĩa của tâm này xa rời tất cả các trạng thái vọng niệm, xa rời như thế, nên bao la như hư không chẳng nơi nào là không bao phủ. Pháp giới đồng nhất tướng chính là Pháp thân bình đẳng của hết thảy Như Lai. Dựa vào Pháp thân này, nói hết thảy Như Lai là Bản Giác, vì đối lại với Thủ Giác mà thành lập Bản Giác. Nhưng lúc là Thủ Giác lại chính là Bản Giác, không có Giác nào riêng được khởi lập.

Thủ Giác, nghĩa là căn cứ vào Bản Giác mà có Bất Giác, dựa vào Bất Giác nên nói là có Thủ Giác. Lại vì nguồn gốc của tâm là giác nên gọi là Giác cứu cánh, nguồn gốc của tâm là Bất Giác nên không phải là Giác cứu cánh. Như người phạm phu, niệm trước không giác ngộ dấy lên mọi phiền não, niệm sau kìm chế lại làm cho không tiếp tục sanh khởi, lúc này tuy gọi là giác mà chính là Bất giác. Như người hàng Nhị

thừa và Bồ-tát mới phát tâm, giác ngộ có ý niệm, không có ý niệm thì sai khác về thể tướng, vì xả bỏ sự phân biệt về phần thô, nên gọi là giác Tương tự. Như Pháp thân Bồ-tát, giác ngộ niệm và vô niệm đều không có trạng thái, xả bỏ sự phân biệt thuộc loại trung bình, nên gọi là Tùy phần giác. Nếu như vượt lên trên địa cuối cùng của Bồ-tát đầy đủ đạo quả, một niệm tâm giác ngộ tương ứng bắt đầu khởi dậy, mới gọi là giác. Rồi xa trạng thái giác đến cuối cùng hết sạch mọi sự phân biệt vi tế, tánh căn bản của tâm thường trú hiện rõ ở trước, đây chính là Như Lai, gọi là giác cứu cánh. Vì vậy trong kinh điển đã nói: “Nếu có chúng sanh nào có thể quán xét tất cả vọng niệm là vô tướng, thì sẽ chứng được trí tuệ của Như Lai”.

Vả lại, nói về tâm sơ khởi, chỉ là tùy theo thế tục mà nói, cầu trạng thái ban đầu đó chung quy không thể đạt được, tâm hãy còn không có hướng hồ có ban đầu? Vì thế tất cả chúng sanh không gọi là Giác, vì từ vô thủy đến nay luôn luôn có vô minh vọng niệm liên tục theo nhau chưa từng tách rời. Nếu như vọng niệm ngừng lại, biết được quá trình sanh trú diệt của tâm tướng thấy đều vô tướng, do đối với một tâm trước sau đồng một lúc đều không tương ứng, không có tự tánh. Nhận thức như vậy rồi thì biết Thủy Giác không thể đạt được, vì không khác biệt với Bản Giác.

Hơn nữa, Bản Giác tùy theo pháp ô nhiễm, phân biệt sanh ra hai loại trạng thái sai biệt:

1. Trạng thái trí tuệ trong sáng.
2. Trạng thái vận dụng không nghĩ bàn được.

Trạng thái trí tuệ trong sáng, nghĩa là dựa vào pháp huân tập mà tu hành đúng như thật đầy đủ các công hạnh, phá bỏ thức hòa hợp, diệt trừ trạng thái chuyển thành thức, hiển hiện Pháp thân và trí tuệ thanh tịnh. Trạng thái của tất cả tâm thức chính là trạng thái của vô minh, cùng với Bản Giác chẳng phải đồng nhất chẳng phải khác biệt, không phải là có thể hủy hoại hay không phải không thể hủy hoại. Như nước biển và sóng không phải đồng nhất không phải khác biệt, sóng vì gió lay động chứ không phải tánh nước lay động. Nếu như gió ngừng lại thì sóng lay động lập tức không còn chứ không phải tánh nước diệt mất. Chúng sanh cũng như vậy, tự tánh thanh tịnh mà tâm bị gió vô minh lay động nên sóng nước của thức dâng trào. Ba sự việc như vậy đều không có hình tướng, chẳng phải đồng nhất chẳng phải khác biệt. Nhưng tánh thanh tịnh mà tâm là nguồn gốc của thức biến động, lúc vô minh diệt đi thì thức biến động theo đó cũng diệt mất, mà tánh của trí không hề hủy

diệt. Trạng thái vận dụng không thể nghĩ bàn được, là dựa vào trí thanh tịnh, có năng lực phát sanh tất cả mọi cảnh giới thù thắng vi diệu luôn luôn không gián đoạn, nghĩa là thân Như Lai đầy đủ vô lượng công đức tăng thượng, tùy theo căn cơ chúng sanh, thị hiện thành tựu vô lượng lợi ích.

Tiếp theo nói về trạng thái của giác ngộ có bốn loại nghĩa lớn, thanh tịnh như gương sáng giữa hư không:

1. Nghĩa lớn về Chân thật không, giống như gương sáng giữa hư không, nghĩa là tất cả trạng thái cảnh giới của tâm và trạng thái của giác ngộ đều không thể đạt được.

2. Nghĩa lớn về Chân thật bất không, giống như gương sáng giữa hư không, nghĩa là tất cả các pháp thành tựu đầy đủ trọn vẹn không có năng lực hủy diệt tánh, tất cả trạng thái của cảnh giới thế gian đều hiện rõ ra từ trong đó, thường trú vào một tâm không ra, không vào, không hủy diệt, không biến hoại, tất cả các pháp ô nhiễm vốn không thể nào làm ô nhiễm, thể của trí đầy đủ vô biên công đức làm nhân, huân tập cho tâm của tất cả chúng sanh.

3. Nghĩa lớn về Chân thật bất không xa rời chướng ngại, giống như gương sáng giữa hư không, nghĩa là phiền não chướng và đối tượng nhận thức chướng vĩnh viễn đoạn trừ nên hòa hợp thức diệt mất, nên bản tánh thanh tịnh luôn luôn an trú. 4. Nghĩa lớn về Chân thật bất không chỉ bày rõ giống như gương sáng giữa hư không, nghĩa là dựa vào pháp xa rời chướng ngại tùy theo những gì cần phải chuyển hóa, hiện rõ các loại sắc, thanh của Như Lai, khiến cho chúng sanh tu hành thành tựu mọi thiện căn.

- Nghĩa về Bất Giác, là vì từ vô thủy đến nay biết không đúng như thật về pháp chân như đồng nhất, tâm không giác ngộ dấy lên mà có vọng niệm, nhưng vọng niệm ấy tự nó không có thật tướng, không xa rời tánh giác vốn có (Bổn Giác). Giống như người lạc đường dựa vào phương hướng nên không nhận ra, lạc đường không có tướng của nó nên không xa rời với phương hướng. Chúng sanh cũng như vậy, căn cứ vào tánh giác mà có nầy sanh không giác ngộ, vọng niệm và mê muội. Nhưng trạng thái không giác ngộ ấy tự nó không có thật tướng, không xa rời tánh giác vốn có. Vì đối lại với Bất giác mà nói là Chân giác, Bất giác đã không có thì Chân giác cũng loại trừ.

Vả lại, vì dựa vào tánh giác mà có Bất giác, nầy sanh ba loại trạng thái không tách rời nhau:

1. Tướng vô minh nghiệp, do dựa vào Bất giác mà tâm vọng động

trở thành nghiệp, giác thì không vọng động, vọng động thì có khổ đau, vì quả không xa rời nhân.

2. Tướng năng kiến, vì dựa vào tâm vọng động mà có thể nhìn thấy cảnh giới, không vọng động thì không có thấy.

3. Tướng cảnh giới, vì dựa vào chủ thể nhìn thấy nên trạng thái cảnh giới hư vọng hiện bày, xa rời cái thấy thì không có cảnh giới tướng.

Vì có duyên vào cảnh giới hư vọng, tiếp tục phát sanh sáu loại trạng thái:

1. Tướng trí, nghĩa là duyên theo cảnh giới sanh ra tâm ý yêu thích hay chẳng yêu thích.

2. Tướng tương tục, nghĩa là dựa vào trí mà cảm giác nghĩ đến khổ và vui tương ứng liên tục.

3. Chấp trước tướng, nghĩa là dựa vào cảm giác nghĩ đến khổ và vui nối tiếp nhau mà sanh ra chấp trước.

4. Các tướng chấp vào tên gọi, nghĩa là dựa vào chấp trước phân biệt trên các tên gọi mà thành lập tướng trạng của nó.

5. Tướng khởi nghiệp, nghĩa là dựa vào chấp trước các tên gọi đẩy lên rất nhiều các nghiệp sai biệt.

6. Nghiệp gắn liền với khổ đau, nghĩa là căn cứ theo nghiệp mà cảm thọ khổ đau không thể tự tại được. Vì vậy nên biết, tất cả các pháp nhiệm ô hoàn toàn không có tướng trạng của nó, đều do vô minh mà sanh khởi vậy thôi.

Hơn nữa, Giác và Bất giác có hai loại trạng thái:

1. Đồng tướng.

2. Dị tướng.

Nói về Đồng tướng, giống như các loại đồ vật bằng sành sứ đều là tướng đất như nhau, như vậy các loại huyễn dụng vô lậu hay vô minh, đều chung một tướng Chân như. Vì thế Đức Phật dạy: “Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay thường đi vào Niết-bàn, Bồ-đề không phải là tướng có thể tu tập, không phải là tướng có thể sanh ra, hoàn toàn không đạt được, không có sắc tướng nào mà có thể thấy được, thấy sắc tướng của trí sắc bất không, vì tướng của trí là không thể thủ đắc”. Rộng ra như nơi ấy đã nói.

Nói về Dị tướng, giống như các loại đồ vật bằng sành sứ tất cả mỗi loại đều không như nhau. Ở đây cũng như vậy, các loại huyễn dụng của vô lậu và vô minh có tướng trạng sai biệt. Vả lại, nhân duyên sanh diệt, là các chúng sanh dựa vào tâm mà chuyển thành ý thức. Nghĩa lý

này nói sao? Vì dựa vào thức A-lại-da mà có vô minh và không giác ngộ dấy khởi, chủ động nhìn thấy, chủ động hiển bày, chủ động chọn lấy cảnh giới phân biệt nối theo nhau, đó gọi là ý. Ý này lại có năm tên gọi khác:

1. Gọi là nghiệp thức, là năng lực của vô minh làm biến động tâm không giác ngộ.

2. Gọi là chuyển thức, là dựa vào tâm biến động luôn luôn nhìn thấy tướng trạng của cảnh sắc.

3. Gọi là hiện thức, là hiện bày tất cả tướng trạng của các cảnh giới, giống như gương sáng hiện rõ ra nhiều cảnh sắc hình tướng. Hiện thức cũng vậy, nếu như năm cảnh tượng đối diện thì lập tức hiện bày, không có trước sau và không do công lực nào.

4. Gọi là trí thức, là phân biệt các pháp sai biệt về nhiễm hay tịnh.

5. Gọi là thức tương tục, là luôn tác ý tương ứng không ngừng, đảm nhận duy trì các nghiệp thiện ác trong quá khứ khiến không mất đi không hủy hoại, thành thực các báo ứng khổ vui của hiện tại và vị lai khiến không sai trái không vượt quá, việc đã từng trải qua bỗng nhiên nhớ đến, việc chưa hề trải qua vọng sanh ra phân biệt. Vì vậy mà ba cõi, tất cả đều lấy tâm làm tự tánh, xa rời tâm thì không có cảnh giới sáu trần. Tại sao? Vì tất cả các pháp lấy tâm làm chủ từ vọng niệm dấy lên, tất cả những gì phân biệt đều là phân biệt tự tâm mình, nhưng tâm không nhìn thấy, tâm không có tướng có thể đạt được. Vì vậy nên biết, tất cả tướng trạng cảnh giới của thế gian, đều dựa vào vô minh vọng niệm của chúng sanh mà được hình thành. Giống như cảnh tượng trong gương không có thể thật sự, chỉ từ nơi tâm phân biệt hư vọng biến hiện, tâm sanh thì các loại pháp sanh, tâm diệt thì các loại pháp diệt.

Nói về ý thức, nghĩa là hết thảy phàm phu dựa vào thức tương tục mà chấp ngã và ngã sở, vọng giữ lấy đủ loại, khắp tất cả sáu loại cảnh giới, cũng gọi là thức phân ly, cũng gọi là thức phân biệt sự. Do dựa vào các loại kiến và ái huân tập mà lớn thêm hơn nữa. Từ vô tử bị vô minh huân tập mà thức đã dấy lên, điều này không phải trí tuệ của phàm phu và Nhị thừa có thể biết được. Bồ-tát ở địa Giải hành bắt đầu học hỏi và quán sát, đến địa Pháp thân Bồ-tát thì có thể biết được phần ít, đến địa Bồ-tát cuối cùng hãy còn chưa biết hết được, chỉ có Như Lai có năng lực hiểu rõ tất cả. Nghĩa này nói gì? Vì tâm tánh đó xưa nay thanh tịnh, vì năng lực của vô minh nên tâm nhiễm ô cùng hiện rõ ra, tuy có tâm nhiễm ô mà thường trong sáng không có gì thay đổi. Lại vì bản tánh

không có phân biệt, tuy tiếp tục phát sanh tất cả cảnh giới nhưng không hề biến dị. Do không giác ngộ pháp giới đồng nhất nên không tương ứng, mà vô minh phân biệt đẩy lên sanh ra các tâm nhiễm ô. Nghĩa lý sâu xa khó lường như vậy, chỉ có Đức Phật có năng lực biết được chứ không phải ai cũng biết.

Tâm nhiễm ô đã sanh ra này có sáu loại khác:

1. Chấp tương ứng nhiễm, Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát ở địa tín tương ứng có thể xa lìa.

2. Bất đoạn tương ứng nhiễm: Các Bồ-tát ở địa tín nỗ lực tu tập thì có thể xa rời được phần ít, đến địa tâm thanh tịnh thì vĩnh viễn hết sạch không sót lại gì.

3. Phân biệt trí tương ứng nhiễm, từ địa đầy đủ giới pháp cho đến địa trí tuệ hoàn hảo có thể xa rời được phần ít, đến địa vô tướng hành mới được hoàn toàn xa rời.

4. Hiện sắc bất tương ứng nhiễm, đây là sự trừ diệt ở địa tự tại với sắc (cảnh giới).

5. Kiến tâm bất tương ứng nhiễm, đó là địa trừ diệt của tâm được tự tại.

6. Căn bản nghiệp bất tương ứng nhiễm, đây là sự trừ diệt ở địa Bồ-tát cuối cùng tiến vào địa Như Lai.

Không giác ngộ pháp giới là đồng nhất, tức là bắt đầu từ địa tín quán sát khởi hạnh, đến địa tâm thanh tịnh thì có thể xa rời được phần ít, tiến vào địa Như Lai mới được xa rời hoàn toàn. Nghĩa về tương ứng, là tâm phân biệt sai khác, nhiễm và tịnh phân biệt khác nhau, biết tương duyên như nhau. Nghĩa về bất tương ứng tức là tâm không giác ngộ và luôn luôn không có gì sai khác, biết tương duyên không giống như nhau. Tâm nhiễm là phiền não chướng, vì có thể làm chướng ngại cho trí căn bản của chân như. Vô minh là sở tri chướng, có thể làm chướng ngại cho trí tự tại của nghiệp thế gian. Nghĩa này nói gì? Vì dựa vào tâm nhiễm ô, chấp trước vô lượng cảnh giới hư vọng và chủ thể giữ lấy, đối tượng được giữ lấy, trái với tánh bình đẳng của tất cả các pháp. Tánh của tất cả các pháp là bình đẳng vắng lặng không có tướng nào phát sanh, vì vô minh không giác ngộ và hư vọng nên trái với tâm giác ngộ. Vì vậy đối với tất cả mọi nghiệp dụng sai biệt của các loại cảnh giới thế gian, tất cả đều không có năng lực biết đúng như thật.

Lại nữa, tâm phân biệt tương sanh diệt có hai loại khác nhau:

1. Thô, gọi là tâm tương ứng.

2. Tế, nghĩa là tâm bất tương ứng.

Trí cảnh của phàm phu là cái thô trong cái thô, trí cảnh của Bồ-tát là cái tế trong cái thô và cái thô trong cái tế. Hai loại tướng này, đều do năng lực huân tập của vô minh mà nảy sanh. Nhưng dựa vào nhân diệt thì duyên diệt, duyên diệt nên tâm tương ưng diệt, nhân diệt vì tâm không tương ưng với diệt.

Hỏi: Nếu tâm diệt thì sao nói là tướng tục, nếu tướng tục thì sao nói là diệt?

Đáp: Thực sự như vậy. Nay nói là diệt, chỉ là tướng tâm diệt chứ không phải là thể tâm diệt. Như nước vì gió mà có tướng trạng của sóng dậy, vì gió lặng nên tướng trạng của sóng dậy lập tức không còn, không phải là thể của nước mất đi. Nếu như nước không còn thì tướng trạng của sóng dậy sẽ mất hẳn, vì không có khách thể nhờ cậy và không có chủ thể nhờ cậy (Sở y năng y), do đó thể của nước không mất thì tướng trạng của sóng vẫn tương tục. Chúng sanh cũng vậy, vì năng lực của vô minh làm cho tâm đó biến động, vô minh không còn nên trạng thái biến động mất hẳn, chứ không phải là thể của tâm mất đi. Nếu tâm mất thì chúng sanh mất hẳn, vì không có khách thể dựa vào và không có chủ thể y cứ, nên thể của tâm không mất đi thì tâm biến động không ngừng lại.

Hơn nữa, vì nghĩa huân tập của bốn loại pháp nên pháp nhiễm và tịnh dấy lên không hề có sự mất hẳn:

1. Pháp tịnh, đó là chân như.
2. Nhân nhiễm, đó là vô minh.
3. Tâm vọng, đó là nghiệp thức.
4. Cảnh vọng, đó là sáu trần cảnh.

Nghĩa của huân tập là giống như áo quần giữa cuộc đời chẳng hôi chẳng thơm, tùy theo dùng thứ gì xông ướp thì áo quần sẽ có mùi ấy. Chân như là pháp tịnh thì tánh chẳng phải là nhiễm ô, vì vô minh xông ướp thì sẽ có trạng thái nhiễm ô. Vô minh là pháp nhiễm thì thật sự không có nghiệp thanh tịnh, vì chân như xông ướp nên nói là có tác dụng thanh tịnh.

Sao nói là pháp nhiễm ô huân tập không ngừng? Đó gọi là dựa vào chân như mà khởi dậy vô minh làm các nhân của nhiễm ô. Nhưng vô minh này chính là xông ướp chân như, đã huân tập rồi thì tâm sanh ra vọng niệm. Tâm vọng niệm này trở lại xông ướp vô minh, vì huân tập nên không giác ngộ được pháp chân như. Do không giác ngộ nên cảnh hư vọng hình thành. Vì năng lực huân tập của tâm vọng niệm, nên phát sanh các loại chấp trước sai biệt tạo ra các loại nghiệp, nhận chịu quả

báo đau khổ của các loại thân tâm. Nghĩa về cảnh hư vọng huân tập có hai loại khác nhau:

1. Huân tập lớn thêm phân biệt.
2. Huân tập lớn thêm chấp giữ.

Nghĩa về tâm hư vọng huân tập cũng có hai loại khác nhau:

1. Huân tập lớn thêm nghiệp thức căn bản, khiến cho A-la-hán, Phật-bích-chi và hết thảy Bồ-tát nhận chịu cái khổ sanh diệt.
2. Huân tập lớn thêm thức phân biệt sự, làm cho các phàm phu nhận chịu các khổ do nghiệp ràng buộc.

Nghĩa về vô minh huân tập cũng có hai loại khác nhau:

1. Huân tập căn bản, nghĩa là thành tựu nghiệp thức.
2. Huân tập kiến ái, nghĩa là thành tựu thức phân biệt sự.

Sao nói là pháp thanh tịnh huân tập không ngừng? Nghĩa là dùng chân như huân tập cho vô minh, vì năng lực của nhân duyên huân tập, khiến cho tâm vọng niệm chán bỏ nỗi khổ sanh tử mà cầu mong niềm vui Niết-bàn. Dùng nhân duyên chán bỏ và cầu mong của tâm vọng này trở lại huân tập chân như. Vì huân tập thì tự tin vào bản thân mình có pháp chân như và tánh vốn thanh tịnh, biết tất cả các cảnh giới chỉ do tâm vọng động chứ suy cho cùng là không có. Do có thể như vậy nên biết đúng như thật, tu pháp rời xa, khởi lên các loại công hạnh tùy thuận với tâm, không có phân biệt và không có gì nắm giữ lấy, trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, nỗ lực luyện tập xuyên suốt nên vô minh diệt hết, vô minh diệt đi nên tâm tướng không dấy lên, tâm không dấy lên nên tướng trạng cảnh giới mất hẳn. Như vậy tất cả nhân nhiễm, duyên nhiễm cho đến quả nhiễm và tướng tâm đều diệt hết thì gọi là đạt được Niết-bàn, thành tựu các loại nghiệp dụng tự tại.

Nghĩa về tâm vọng huân tập có hai loại riêng biệt:

1. Thức phân biệt sự huân tập, khiến cho tất cả phàm phu và Nhị thừa chán nỗi khổ sanh tử, tùy theo năng lực có thể hướng về đạo vô thượng.
2. Ý huân tập, khiến cho các Bồ-tát phát tâm dũng mãnh, nhanh chóng hướng về tiến vào Niết-bàn vô trú.

Nghĩa về chân như huân tập cũng có hai loại riêng biệt:

1. Thể huân tập.
2. Dụng huân tập.

Thể huân tập ấy có nghĩa là chân như từ vô thủy đến nay đầy đủ tất cả vô lượng công đức vô lậu, cũng đầy đủ tác dụng của cảnh giới thù thắng khó nghĩ được, thường xuyên huân tập trong tâm chúng sanh,

vì năng lực này nên làm cho các chúng sanh chán nỗi khổ sanh tử cầu mong niềm vui Niết-bàn, tự tin bản thân mình có pháp chân thật và phát tâm tu hành.

Hỏi: Nếu như tất cả chúng sanh cùng có chân như và đều huân tập chân như, tại sao lại có người tin, có người không tin? Từ mới phát tâm cho đến Niết-bàn, lại có vô lượng sai biệt và trước sau không như nhau? Như vậy thì tất cả đều phải bình đẳng như nhau mới hợp lý?

Đáp: Tuy tất cả chúng sanh đều có chân như, nhưng từ vô thủy đến nay vô minh dày mỏng và tự tánh sai khác nhiều hơn hằng hà sa, các loại ngã kiến, ngã ái ràng buộc chằng chịt, do đó phiền não cũng giống như vậy. Chỉ có trí tuệ của Như Lai mới có năng lực biết rõ, vì thế khiến cho niềm tin của chúng sanh sai khác và có trước sau. Vả lại, các pháp Phật đều có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ thì sự việc mới được thành tựu. Như tánh lửa trong cây gỗ là chánh nhân của lửa, nếu không người nào biết hoặc là có người tuy biết cách mà không thi công, muốn khiến cho lửa phát ra đốt cháy cây gỗ là điều không thể. Chúng sanh cũng vậy, tuy có năng lực của nhân tố huân tập từ Thể chân như, nếu không gặp được Phật, các vị Bồ-tát và hàng tri thức thiện làm duyên, hoặc tuy không tu tập thẳng hạnh, không phát sanh trí tuệ, không đoạn trừ phiền não mà có thể đạt được Niết-bàn, thì điều này thật vô lý. Hơn nữa, tuy có tri thức thiện làm duyên, nếu như bên trong không có năng lực từ nhân tố huân tập của chân như, thì chắc chắn cũng không thể chán nỗi khổ sanh tử, mong cầu niềm vui Niết-bàn. Cần phải đầy đủ nhân duyên mới có thể phát sanh chán nỗi khổ sanh tử và mong cầu niềm vui Niết-bàn. Sao nói là đầy đủ? Nghĩa là tự bên trong luôn luôn có năng lực huân tập, lại được chư Phật và các vị Bồ-tát từ bi gia hộ, mới có thể chán nỗi khổ sanh tử và mong cầu niềm vui Niết-bàn, gieo trồng các thiện căn và tu tập thành thực. Từ đây lại được gặp chư Phật và các vị Bồ-tát chỉ dạy rõ ràng mà được lợi ích vui vẻ, khiến cho tu tập thẳng hạnh thẳng đến thành Phật tiến vào Niết-bàn.

Dụng huân tập, chính là năng lực ngoại duyên của chúng sanh, có vô số ý nghĩa, lược nói về hai loại:

1. Duyên sai biệt.
2. Duyên bình đẳng.

Duyên sai biệt, nghĩa là các chúng sanh từ lúc mới phát tâm cho đến lúc thành Phật, gặp được Phật Bồ-tát cùng các bậc tri thức thiện, tùy theo thích ứng hóa độ mà hiện thân, hoặc làm cha mẹ, hoặc làm vợ con, hoặc làm bà con, hoặc làm tôi tớ, hoặc làm bạn bè, hoặc làm kẻ

thù, hoặc là thị hiện hình tướng các vị Thiên Vương, hoặc dùng bốn sự thâm hóa, hoặc lấy sáu hạnh Ba-la-mật, cho đến tất cả duyên tố thực hiện Bồ-đề, vì lòng đại bi chan chứa và kho tàng phước trí minh mông, huân tập thuận theo hóa độ tất cả chúng sanh, khiến cho những chúng sanh ấy thấy nghe cho đến nhớ nghĩ các hình tướng của Đức Như Lai mà được lớn thêm thiện căn. Duyên này có hai loại:

1. Duyên gần, là vì mau chóng đạt được Bồ-đề.
2. Duyên xa, vì qua thời gian lâu dài mới đạt được kết quả.

Hai duyên sai biệt này lại có hai loại khác:

1. Duyên tăng thêm công hạnh.
2. Duyên tiến vào đạo pháp.

Nói về duyên bình đẳng, nghĩa là hết thấy chư Phật và các vị Bồ-tát, dùng trí tuệ bình đẳng và chí nguyện bình đẳng, mong cứu độ cho tất cả chúng sanh, tùy ý vận dụng liên tục không hề gián đoạn, dùng trí tuệ và tâm nguyện này huân tập chúng sanh, khiến họ nhớ nghĩ chư Phật và Bồ-tát, hoặc thấy hoặc nghe để thực hiện mọi điều lợi ích, tiến vào Tam muội thanh tịnh tùy theo đó đoạn chướng ngại đạt được ánh mắt không chướng ngại gì, tất cả mọi thế gian bình đẳng hiện rõ ra ở trong từng niệm từng niệm và được thấy vô lượng chư Phật cùng các vị Bồ-tát. Thể và tác dụng huân tập này lại có hai loại khác:

1. Chưa tương ứng.
2. Đã tương ứng.

Chưa tương ứng, nghĩa là hàng phàm phu, Nhị thừa và các vị Bồ-tát mới thực hành, dùng ý và ý thức huân tập, chỉ dựa vào sức mạnh của niềm tin mà tu hành, chưa có thể tu hành đúng với tâm không phân biệt, vì chưa tương ứng với Thể của chân như, chưa đạt được sự tu hành tự tại, vì chưa tương ứng với Dụng của chân như. Đã tương ứng, nghĩa là Pháp thân Bồ-tát đạt được tâm không phân biệt, tương ứng với Thể vi diệu của tất cả chư Phật, đạt được nghiệp tự tại nên tương ứng với trí dụng của hết thấy Như Lai, chỉ dựa vào pháp lực mà tùy ý vận dụng tu hành, huân tập chân như diệt trừ vô minh. Vả lại, huân tập pháp nhiệm từ vô thủy đến nay không đoạn dứt, đến lúc thành Phật mới đoạn trừ. Huân tập pháp tịnh thì tận cùng vị lai hoàn toàn không đoạn mất. Vì pháp chân như luôn luôn huân tập, nên tâm vọng sẽ diệt trừ và Pháp thân được hiển bày rõ, tác dụng huân tập phát khởi, do đó không có gì là đoạn diệt.

Hơn nữa, thể tướng của chân như thì tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật không hề có sự tăng giảm, không phải

thời gian trước sanh ra, không phải thời gian sau diệt đi, mà hoàn toàn bất sanh bất diệt. Từ vô thủy đến nay bản tánh có đầy đủ tất cả các công đức, đó là nghĩa lý của Đại trí tuệ quang minh, nghĩa lý của biến chiếu pháp giới, nghĩa lý của chân thật nhận biết rõ, nghĩa lý của bản tánh thanh tịnh tâm, nghĩa lý của thường lạc ngã tịnh, nghĩa lý của tịch tĩnh bất biến tự tại. Như vậy đều vượt quá hằng hà sa số pháp Phật không thể nghĩ bàn chẳng phải đồng nhất chẳng phải biệt dị và không hề có đoạn tuyệt. Căn cứ vào nghĩa lý này nên gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là Pháp thân.

Hỏi: Trước đây đã nói chân như xa rời tất cả các tướng, tại sao ở đây nói là đầy đủ tất cả các tướng công đức?

Đáp: Tuy thực tế có đủ tất cả mọi công đức, nhưng không hề có tướng sai biệt, tất cả các pháp ấy đều cùng một vị đồng nhất chân như, xa rời tướng phân biệt nên không có hai tánh, vì dựa vào thức nghiệp và tướng sanh diệt, mà lập nên tướng của tất cả mọi sai biệt ấy. Ở đây sao nói là lập nên? Vì tất cả các pháp vốn có chỉ do tâm mà thực sự không có sai biệt, vì không giác ngộ nên tâm phân biệt dấy lên thấy có cảnh giới, thì gọi là vô minh. Tâm tánh vốn thanh tịnh vô minh không dấy lên, chính là đối với chân như lập nên nghĩa lý của đại trí tuệ quang minh. Nếu như tâm phát sanh thấy có cảnh giới thì xuất hiện trạng thái của không thấy, tâm tánh không tiếp xúc thì không có gì không thấy, ngay nơi chân như lập thành nghĩa lý của biến chiếu pháp giới. Nếu tâm có vọng động thì không phải là sự hiểu biết chân thật, không phải là bản tánh thanh tịnh, không phải là thường lạc ngã tịnh, không phải là tịch tĩnh, mà là biến dị không tự tại. Vì vậy đã dấy lên quá nhiều những sự tạp nhiễm hư vọng. Do tâm tánh không có vọng động nên ngay lập tức hình thành nghĩa lý của chân thật biết rõ, cho đến rất nhiều những nghĩa lý về tướng công đức thanh tịnh. Nếu tâm có dấy lên thấy có cảnh giới khác có thể phân biệt cầu tìm, thì đối với pháp bên trong có những sự thiếu sót, vì công đức vô biên tức là tự tánh của tâm đồng nhất, không thấy có pháp nào khác để có thể cầu thêm nữa. Vì vậy đầy đủ vô số lượng pháp chẳng biệt dị, chẳng đồng nhất, không thể nghĩ bàn của chư Phật và không có gì đoạn tuyệt, nên nói chân như được gọi là Như Lai tạng, lại cũng gọi là Pháp thân của Như Lai.

Nói về tác dụng của chân như, nghĩa là hết thảy chư Phật khi còn ở địa vị tu nhân phát khởi Đại từ bi, tu hạnh Ba-la-mật và thực hành bốn sự thâm hóa, quán xét chúng sanh tất cả khắp nơi bình đẳng mà cứu độ, tận cùng thời gian vị lai mà không hạn định kiếp số, hiểu biết đúng như

thật mình và người đều bình đẳng, nhưng cũng không giữ lấy tướng của chúng sanh. Dùng trí phương tiện rộng lớn như vậy diệt trừ vô minh từ vô thủy để chứng được Pháp thân vốn có, tùy ý vận dụng thành lập nghiệp bất tư nghị, thành tựu các loại tác dụng tự tại khác nhau, rộng khắp pháp giới sánh bằng hư không và đồng đẳng với chân như, mà cũng không có tướng dụng nào có thể đạt được. Tại sao? Vì hết thảy Như Lai chỉ là Pháp thân, là tác dụng của cảnh giới Đệ nhất nghĩa đế chứ không có tác dụng của cảnh giới thế tục đế, nhưng thuận theo sự thấy nghe của chúng sanh, mà phát sanh các loại tác dụng khác nhau.

Tác dụng này có hai loại:

1. Dựa vào thức phân biệt sự, nghĩa là cái thấy của tâm phàm phu và Nhị thừa thì gọi là Hóa thân. Những người này không biết chính do thức chuyển hóa mà ảnh hiện ra, trông thấy đến từ bên ngoài mà lấy sắc để hạn định phạm vi, nhưng Hóa thân của Phật thì không có hạn lượng.

2. Dựa vào thức nghiệp, nghĩa là cái thấy của tâm các vị Bồ-tát từ mới phát tâm cho đến địa cuối cùng của Bồ-tát ấy gọi là thân thọ dụng, thân có vô lượng sắc thái, sắc có vô lượng hình tướng, hình tướng có vô lượng vẻ đẹp, quả vị của thân ấy an trú cũng đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm, thuận theo những gì nhìn thấy đều là vô lượng vô biên, không thời gian và không đoạn mất, không phải ở ngoài tâm mà thấy như vậy. Các công đức này đều nhờ các Ba-la-mật và các hạnh vô lậu huân tập đạt đến sự thành tựu do huân tập không thể nghĩ bàn, nên đầy đủ vô biên tướng công đức an lạc và hoan hỷ, cũng gọi là Báo thân.

Vả lại, thân Phật mà các phàm phu nhìn thấy là tác dụng của thấy thô thiển, tùy theo sáu nẻo các loại sai khác, không có tướng an lạc của vô biên công đức nên gọi là Hóa thân. Hàng Bồ-tát mới thực hành (Sơ hạnh) nhìn thấy cái dụng bậc trung bình của thân, vì rất tin chân như nên được nhìn thấy phần ít, biết sắc thân Như Lai không đi không đến không có gì đoạn tuyệt, chỉ do tâm ảnh hiện không xa rời chân như. Nhưng Bồ-tát này còn chưa có năng lực xa rời sự phân biệt vi tế, vì chưa tiến vào địa Pháp thân, đến địa Bồ-tát tâm thanh tịnh thì thấy được cái dụng vi tế, như vậy chuyển sang thù thắng cho đến địa Bồ-tát cuối cùng nhìn thấy mới trọn vẹn. Cái dụng vi tế này là thân thọ dụng, vì có thức nghiệp nhìn thấy thân thọ dụng. Nếu xa rời nghiệp thức thì không có gì đáng thấy, vì thân của hết thảy Như Lai đều là Pháp thân, không có sắc tướng sai biệt này kia, và nhìn thấy lẫn nhau.

Hỏi: Nếu Pháp thân của Phật không có các loại sắc tướng sai biệt,

sao nói là có năng lực hiện rõ ra các loại sắc tướng?

Đáp: Vì Pháp thân là thật thể của sắc tướng, nên có năng lực hiện rõ ra các loại sắc tướng, nghĩa là từ xưa đến nay sắc và tâm không có hai phạm vi tương phản, vì bản tánh của sắc chính là tự tánh của tâm, nên gọi là Trí thân. Vì bản tánh của tâm chính là tự tánh của sắc, nên gọi là Pháp thân. Dựa vào Pháp thân, hiện rõ ra sắc thân của hết thảy Như Lai, khắp tất cả mọi nơi không có gì gián đoạn. Bồ-tát mười phương tùy theo khả năng có thể đảm nhận và tùy theo niềm vui với hạnh nguyện của mình, thấy được vô lượng thân thọ dụng và vô lượng cõi nước trang nghiêm, tất cả đều sai biệt mà không chướng ngại nhau, không có gì đoạn tuyệt. Sắc thân đã hiện bày này không phải là tâm và ý thức của tất cả chúng sanh có năng lực suy nghĩ biết được, vì đều là tác dụng rất sâu xa và tự tại của chân như.

Vả lại, vì khiến cho chúng sanh từ phương diện tâm sanh diệt tiến vào phương diện chân như, đó là làm cho quán xét tướng trạng của các sắc đều không thành tựu. Sao nói là không thành tựu? Nghĩa là phân tích sắc thô dần dần đến vi trần, lại dùng phương pháp phân tích vi trần này, vì thế tất cả các sắc hoặc là thô hay tế, chỉ là tâm vọng phân biệt ảnh hiện ra chứ thật sự không có gì. Suy xét tìm kiếm các uẩn khác dần dần đến sát na, tìm cầu tướng trạng sát na này, không có một pháp vi nào khác cũng lại như vậy, xa rời pháp giới chung quy không thể đạt được. Như vậy hết thảy các pháp khắp mười phương thuận theo biết đều là như thế. Giống như người lầm đường nói Đông là Tây mà phương hướng thực sự không chuyển đổi. Chúng sanh cũng vậy, vì vô minh làm cho mê muội mà nói tâm là biến động nhưng thực sự là không biến động. Nếu như biết tâm biến động chính là không sanh diệt, tức là có thể tiến vào cửa ngõ của chân như.



LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN

QUYỂN HẠ

Nói về đối trị chấp tà, tất cả các chấp tà chẳng có chấp nào là không dựa vào ngã kiến mà dấy lên. Nếu xa rời ngã kiến thì không có chấp tà. Ngã kiến có hai loại:

1. Ngã kiến của nhân.
2. Ngã kiến của pháp.

Ngã kiến của nhân căn cứ vào các phàm phu nói ra có năm loại:

1. Như trong kinh nói: “Pháp thân Như Lai rất ráo vắng lặng giống như hư không”. Hạng phàm phu ngu muội nghe điều ấy, không hiểu nghĩa lý đó, thì chấp là tánh Như Lai giống như hư không luôn luôn ở khắp nơi. Vì loại trừ chấp trước của họ, nên trình bày về tướng hư không chỉ là phân biệt chứ thật sự không thể đạt được. Có cách nhìn đối đãi do các sắc, dùng tâm phân biệt nên gọi là hư không. Sắc đã chỉ là tâm vọng phân biệt, nên biết hư không cũng không có thật thể, tất cả mọi cảnh tướng chỉ là những phân biệt của tâm vọng. Nếu xa rời tâm vọng thì tướng nơi cảnh giới không còn, chỉ riêng tâm chân như không nơi nào không đầy khắp, đây là nghĩa lý về tự tánh của Như Lai giống như hư không, chứ không phải là nói như không gian là thường còn, là luôn có.

2. Như trong kinh nói: “Tất cả pháp thế gian đều hoàn toàn trống vắng, thậm chí pháp Chân như, Niết-bàn cũng hoàn toàn là không, bản tánh như vậy xa rời tất cả mọi tướng”. Hạng phàm phu ngu muội nghe điều ấy, không hiểu nghĩa lý đó, liền chấp là pháp Niết-bàn, Chân như chỉ là không và chẳng có gì. Vì loại trừ kiến chấp của họ, nên trình bày về Pháp thân chân như tự thể bất không, vì đầy đủ vô lượng tánh công đức.

3. Như trong kinh nói: “Như Lai tạng đầy đủ các tánh công đức không tăng không giảm”. Hạng phàm phu ngu muội nghe rồi không

hiểu nghĩa lý đó, liền chấp là Như Lai tạng có pháp sắc và tâm, tự sai biệt với nhau. Vì loại trừ kiến chấp này, nên trình bày về chân như vốn không có pháp nhiễm ô nào sai biệt, hình thành có tướng công đức vô biên, chứ không phải là tướng nhiễm ô.

4. Như trong kinh nói: “Tất cả các pháp tạp nhiễm của thế gian đều dựa vào Như Lai tạng mà phát sanh, tất cả các pháp không khác với chân như”. Hàng phàm phu ngu muội nghe điều ấy nhưng không hiểu nghĩa lý đó, liền nói Như Lai tạng có đủ tất cả pháp nhiễm ô phiền não. Vì trừ bỏ kiến chấp này, nên trình bày về Như Lai tạng vốn có vượt qua hằng sa số công đức thanh tịnh không khác với chân như, vượt qua hằng sa số các pháp phiền não, ô nhiễm chỉ là vọng phân biệt là có, chứ vốn không có vì tự tánh từ vô thủy đến nay chưa từng có chút tương ứng với Như Lai tạng, nếu Như Lai tạng tương ứng với nhiễm ô mà khiến chứng đắc hội nhập dứt trừ vọng chấp thì không hợp lý.

5. Như trong kinh nói: “Dựa vào Như Lai tạng mà có sanh tử đạt được Niết-bàn”. Hàng phàm phu ngu muội nghe điều ấy nhưng không biết được nghĩa lý đó, liền nói dựa vào Như Lai tạng thì sanh tử có bắt đầu, vì thấy có bắt đầu nên lại nói Niết-bàn có điểm cuối cùng của Niết-bàn. Vì loại trừ kiến chấp này, nên trình bày về Như Lai tạng không có ranh giới ban đầu, vô minh theo đó mà có sanh tử từ vô thủy. Nếu nói ngoài ba cõi lại lại có chúng sanh mới phát sanh, đó là luận thuyết trong kinh của ngoại đạo, chứ không phải là lời Phật thuyết ra. Vì Như Lai tạng không có thời gian sau cuối, chứng đạt chủng tử này thì mãi mãi đoạn dứt sanh tử, đạt được Niết-bàn cũng không có thời gian cuối cùng. Dựa vào ngã kiến của nhân mà phát sanh bốn loại nhận thức, vì thế từ đây hình thành bốn loại kia.

Nói về ngã kiến của pháp, là vì hàng Nhị thừa độn căn, Đức Thế Tôn chỉ vì họ thuyết giảng về con người là vô ngã, những người ấy liền chấp trước hoàn toàn vào năm uẩn sanh diệt, sợ hãi sanh tử, vọng giữ lấy Niết-bàn. Vì trừ bỏ kiến chấp này, nên trình bày về pháp năm uẩn vốn có tánh không sanh, không sanh nên cũng không có diệt, không diệt nên xưa nay là Niết-bàn. Nếu như hoàn toàn xa rời phân biệt chấp trước, thì biết tất cả pháp nhiễm hay pháp tịnh đều là đối đãi nhau mà hình thành. Vì vậy nên biết, tất cả các pháp từ xưa đến nay, chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải trí, chẳng phải thức, chẳng phải không, chẳng phải có, suy cho cùng đều là tướng không thể diễn tả được, nhưng có ngôn ngữ diễn tả chỉ bày nên dạy về pháp ấy, đều là phương tiện khéo léo của Như Lai, mượn ngôn ngữ để dẫn dắt chúng sanh, khiến

chúng sanh vượt khỏi văn tự phân biệt mà tiến vào chân như. Nếu như theo ngôn ngữ mà chấp trước nghĩa lý thì tăng thêm phân biệt hư vọng, không phát sanh trí tuệ chân thật và không đạt được Niết-bàn.

Phân biệt về tướng trạng tu hành chánh đạo, nghĩa là hết thấy Như Lai đạt được chánh nhân thành tựu đạo quả, tất cả Bồ-tát phát tâm tu tập, khiến cho hiện tại tiến lên thành tựu đạo nghiệp. Sơ lược mà nói thì phát tâm có ba loại tướng trạng:

1. Tín thành tựu phát tâm.
2. Giải hạnh phát tâm.
3. Chứng phát tâm.

- Tín thành tựu phát tâm: Là dựa vào địa vị nào tu tập công hạnh gì, đạt được niềm tin vững chắc để có thể có năng lực phát tâm. Nên biết người này căn cứ vào chủng loại bất định (Bất định tụ), dùng năng lực của pháp huân tập thiện căn, tin sâu vào nghiệp quả mà thực hành mười nghiệp thiện, chán nổi khổ sanh tử và mong cầu Vô thượng giác, được gặp chư Phật và các vị Bồ-tát, thừa sự cúng dường, tu hành các công hạnh, trải qua mười ngàn kiếp, niềm tin mới được thành tựu. Từ đấy về sau, hoặc là nhờ sức chỉ dạy của chư Phật và các vị Bồ-tát, hoặc vì lòng đại bi, hoặc vì chánh pháp sắp đến thời kỳ hoại diệt, do bảo vệ pháp Phật nên tự mình phát tâm. Đã phát tâm rồi tiến vào tụ chánh định, hoàn toàn không thoái lui, trú trong chủng tánh Phật tương ứng với nhân tố thù thắng. Hoặc có chúng sanh, từ lâu xa đến nay vì thiện căn kém cỏi, phiền não sâu dày che kín tâm tư, tuy được gặp chư Phật và các vị Bồ-tát lại thừa sự cúng dường, mà chỉ gieo chủng tử được sanh vào cõi trời, người, hoặc gieo trồng chủng tử Bồ-đề thuộc hàng Nhị thừa. Hoặc có người tuy cầu Đại đạo Bồ-đề, nhưng căn cơ không vững chắc nên có khi tiến lên, có khi thoái lui, hoặc có người được gặp Phật và các vị Bồ-tát lại cúng dường thừa sự tu hành các công hạnh, chưa đầy đủ được mười ngàn đại kiếp, trong thời gian ấy gặp được duyên mà phát tâm. Gặp được duyên như thế nào? Đó có nghĩa là hoặc được thấy hình tướng của Phật, hoặc cúng dường chúng Tăng, hoặc được hàng Nhị thừa chỉ dạy, hoặc thấy người khác phát tâm. Phát tâm thuộc loại này đều là chưa ổn định, nếu như gặp phải duyên xấu thì có người sẽ thoái lui, rơi vào phần vị Nhị thừa.

Lại nữa, tín thành tựu phát tâm, nói sơ lược có ba:

1. Phát tâm chánh trực, là đúng như lý nghĩ nhớ chính đáng về pháp chân như.
2. Phát tâm thâm trọng, là vui mừng tập hợp tất cả các hạnh

thiện.

3. Phát tâm đại bi, là nguyện trừ bỏ tất cả đau khổ cho chúng sanh.

Hỏi: Tất cả chúng sanh và tất cả các pháp đều cùng chung một pháp giới, không có hai tướng, dựa theo lý thì chỉ cần nhớ nghĩ chính đáng về chân như, vì sao lại nhờ tu tập tất cả các hạnh thiện cứu giúp tất cả chúng sanh?

Đáp: Không phải như vậy. Giống như ngọc quý mà ni có bả tánh trong suốt lại ở trong quặng hỗn tạp, giả sử có người luôn luôn nhớ nghĩ đến điều ấy, mà không làm mọi cách và không dùng công sức để gạn lọc, thì mong muốn được trong suốt rốt cuộc không thể nào được. Pháp Chân như cũng lại như vậy, thể tuy trong sáng và đầy đủ mọi công đức, nhưng bị vô số phiền não làm cho nhiễm bấn, giả sử có người luôn luôn nhớ nghĩ đến điều ấy, mà không thực hành phương tiện và không tu tập các công hạnh, muốn cầu được thanh tịnh thì cuối cùng không kết quả gì. Vì vậy cần phải trước mắt tập hợp tất cả các hạnh thiện để cứu giúp tất cả mọi chúng sanh, xa rời vô số phiền não cấu nhiễm kia để pháp chân như hiển hiện sáng ngời.

Phương tiện thực hành sơ lược có bốn loại:

1. Phương tiện thực hành căn bản, là quán xét tất cả các pháp bốn tánh vô sanh, xa rời vọng kiến không trú trong sanh tử.

Lại quán xét tất cả các pháp do nhân duyên hòa hợp thì nghiệp quả không mất, dấy lên lòng đại bi tu tập các hạnh thiện, thâm hóa chúng sanh chứ không trú vào Niết-bàn. Vì chân như tách rời tướng trạng sanh tử và Niết-bàn tùy thuận hạnh này để làm căn bản. Đây gọi là phương tiện thực hành căn bản.

2. Phương tiện có năng lực làm cho dừng lại, đó là sự hổ thẹn và hối hận về sai lầm của mình, năng lực này ngăn lại tất cả các pháp ác khiến không lớn thêm được. Vì chân như xa rời tất cả các tướng sai lầm, nên tùy thuận chân như mà ngăn lại các điều ác. Đây gọi là phương tiện có năng lực làm cho dừng lại.

3. Phương tiện phát sanh và nuôi lớn thiện căn, là tâm khởi lên sự cung kính đối với Tam bảo, tôn trọng, cúng dường, đảnh lễ và xưng tán, tùy hỷ khuyến thỉnh làm cho lớn thêm niềm tin chính đáng, cho đến chí nguyện cầu được Bồ-đề vô thượng, lại nhờ uy lực che chở của Tam bảo mà nghiệp chướng tiêu trừ sạch và thiện căn không bị giảm sút. Vì chân như xa rời tất cả mọi chướng ngại và đầy đủ tất cả các công đức, nên tùy thuận chân như tu hành mọi nghiệp thiện, đây gọi là phương tiện phát

sanh và nuôi lớn thiện căn.

4. Phương tiện đại nguyện bình đẳng, là phát khởi thệ nguyện tận cùng thời gian vị lai, bình đẳng cứu độ cho tất cả chúng sanh, khiến tất cả được an trú Niết-bàn vô dư. Vì biết tất cả các pháp chỉ một thể tánh, thấy đều bình đẳng, hoàn toàn vắng lặng, tùy thuận chân như với ba loại tướng này phát khởi thệ nguyện vĩ đại. Đây gọi là phương tiện đại nguyện bình đẳng.

Lúc Bồ-tát phát tâm như vậy, được thấy một phần ít Pháp thân của Phật, có năng lực tùy theo sức mạnh của thệ nguyện hiện rõ ra tám loại hình thức, đó là từ cung trời Đâu Suất đến nhân gian đi vào thai mẹ - ở trong thai và sanh ra, xuất gia - thành Phật - chuyển pháp luân và nhập Niết-bàn. Nhưng các Bồ-tát này vẫn chưa được gọi là Pháp thân, vì các vị đó từ vô lượng đời kiếp quá khứ đến nay chưa đoạn trừ hết nghiệp hữu lậu, hoặc vì các nghiệp xấu mà cảm thọ nỗi khổ vi tế, nhờ nguyện lực đã chủ quản nên không phải là người bị ràng buộc lâu dài do nghiệp quả. Trong kinh có nơi nói: “Bồ-tát phát tâm nhờ niềm tin thành tựu, hoặc có vị thoái lui rơi vào trong nẻo xấu ác”. Đây là vì hàng Bồ-tát mới phát tâm đang còn nhiều biếng nhác không thể tiến vào vị chính thức, dùng lời này để làm cho họ tăng thêm sự dũng mãnh tu học chứ không phải diễn tả đúng như thật.

Vả lại, các vị Bồ-tát này một khi đã phát tâm, thì tu tập các hạnh gian khổ lợi mình và lợi người, tâm không còn yếu kém, không sợ rơi vào địa của hàng Nhị thừa, huống hồ là sợ rơi vào đường dữ. Nếu như nghe trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp chịu khó tu các loại khổ hạnh khó thực hành thì mới được thành Phật, các vị ấy cũng không hề sợ hãi, huống hồ có lúc khởi tâm địa Nhị thừa và rơi vào đường ác. Vì niềm tin quyết định tất cả các pháp từ xưa đến nay vốn là tánh Niết-bàn.

Giải hạnh phát tâm, nên biết là chuyển sang thù thắng, vì vô số kiếp đầu tiên sắp được đầy đủ, ở trong chân như được sự tỏ ngộ sâu xa, tu tất cả các hạnh đều không chấp trước. Bạc Bồ-tát này biết pháp tánh xa rời tướng tham tiếc là Thí độ thanh tịnh, tùy thuận tu hạnh Bố thí (Đàn-na) Ba-la-mật. Biết pháp tánh xa rời cảnh giới của năm dục và không có tướng phá giới là Giới độ thanh tịnh, tùy thuận tu hạnh Trì giới (Thi-la) Ba-la-mật. Biết pháp tánh không có tướng khổ não và xa rời tướng nóng giận làm hại là Nhẫn độ thanh tịnh, tùy thuận mà tu hành Nhẫn nhục (Sàn-đề) Ba-la-mật. Biết pháp tánh xa rời tướng thân tâm không có biếng nhác là Tấn độ thanh tịnh, tùy thuận mà tu hành Tinh tấn (Tỳ-lê-da) Ba-la-mật. Biết pháp tánh không biến động và không

hỗn loạn là Thiền độ thanh tịnh, tùy thuận tu hành Thiền định (Thiền na) Ba-la-mật. Biết pháp tánh xa rời các sự ngu muội tối tăm là Tuệ độ thanh tịnh, tùy thuận tu hành Trí tuệ (Bát-nhã) Ba-la-mật.

Chứng phát tâm thì từ địa Bồ-tát tâm thanh tịnh cho đến địa Bồ-tát cuối cùng chứng đạt cảnh giới nào? Đó là chứng đạt chân như. Vì dựa vào chuyển thức diễn tả là cảnh giới, nhưng trong sự chứng đạt chân thật không có tướng của cảnh giới. Bậc Bồ-tát này dùng trí không phân biệt, chứng đạt Pháp thân chân như, xa lìa ngôn ngữ diễn tả, có năng lực ở trong một khoảnh khắc hưởng đến tất cả thế giới khắp mười phương, cúng dường chư Phật và thỉnh cầu các Ngài chuyển pháp luân. Thực hiện như vậy chỉ vì chúng sanh mà làm lợi ích chứ không mong cầu nghe được âm thanh từ ngữ tuyệt vời. Hoặc vì chúng sanh yếu kém nên bày tỏ sự tinh tấn vĩ đại, vượt lên trước vô lượng kiếp nhanh chóng thành bậc Chánh giác, thành tựu vì chúng sanh lười biếng, nên trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, mãi mãi tu các hành khổ hạnh mới bắt đầu thành Phật. Thị hiện vô số phương tiện như vậy, đều vì lợi ích nhiều hơn cho tất cả chúng sanh, mà thật sự thì chẳng tánh và các căn của Bồ-tát là bình đẳng, phát tâm và chứng ngộ bình đẳng, tất cả đều bình đẳng, không có pháp nào vượt lên trên, quyết định đều trải qua ba vô số kiếp thành tựu địa vị Chánh giác, chỉ tùy theo thế giới không như nhau của chúng sanh, cách nhìn, nhận thức, căn cơ và tánh ham muốn khác nhau mà bày tỏ những sự tu hành hết sức khác nhau. Trong chứng phát tâm này có ba loại tâm:

1. Chân tâm, vì không có phân biệt.
2. Phương tiện tâm, vì tùy ý vận dụng lợi ích cho người.
3. Nghiệp thức tâm, vì sanh khởi và diệt đi rất là vi tế.

Hơn nữa, bậc Bồ-tát này đã đầy đủ trọn vẹn cả hai phương tiện trí tuệ và phước đức trang nghiêm, ở tại cõi Sắc Cứu Cánh có được thân tướng thù thắng tôn nghiêm nhất trong tất cả thế gian, dùng một ý niệm tương ứng với tuệ, lập tức trừ sạch mọi gốc rễ vô minh, đầy đủ Nhất thiết chủng trí, tùy thuận vận dụng mà xuất hiện nghiệp không thể nghĩ bàn được, hưởng về vô lượng thế giới khắp mười phương hóa độ tất cả chúng sanh.

Hỏi: Hư không vô biên nên thế giới vô biên, thế giới vô biên nên chúng sanh vô biên, chúng sanh vô biên nên tâm hành sai biệt cũng lại vô biên, cảnh giới như vậy không có hạn định phạm vi, thật khó hiểu và khó biết được. Nếu như vô minh đoạn trừ thì vĩnh viễn không còn tâm tướng, làm sao có thể hiểu rõ tất cả các loại, thành tựu Nhất thiết

chúng trí?

Đáp: Tất cả mọi cảnh giới huyễn vọng từ xưa đến nay, lý thật sự chỉ là một tâm làm tánh, tất cả chúng sanh vì chấp trước cảnh giới hư vọng, không thể biết được tánh đệ nhất nghĩa của tất cả các pháp. Chư Phật, Như Lai không có chấp trước, thì có năng lực ngay nơi ấy thấy rõ thật tánh của các pháp, lại có trí tuệ vĩ đại biểu hiện chiếu rọi tất cả mọi sự sai biệt về nhiễm - tịnh, dùng vô lượng vô biên phương tiện thiện xảo, tùy theo những gì thích hợp để làm lợi ích cho chúng sanh, vì vậy tâm vọng niệm diệt trừ, hiểu rõ tất cả mọi chủng loại và thành tựu Nhất thiết chủng trí.

Hỏi: Nếu chư Phật có vô lượng phương tiện, có năng lực đối với mười phương tùy ý vận dụng làm lợi ích cho các chúng sanh, tại sao chúng sanh không thường xuyên được thấy Phật, hoặc nhìn thấy Ngài biến hóa thân thông, hoặc nghe Ngài thuyết pháp?

Đáp: Như Lai thật sự có phương tiện như vậy, chỉ cần đợi đến lúc tâm của chúng sanh được thanh tịnh, thì Ngài mới hiện rõ thân tướng được. Như mặt gương có bụi bặm thì cảnh tượng hình sắc không hiện rõ được, trừ sạch bụi bặm thì hiện bày rõ. Chúng sanh cũng vậy, tâm chưa xa rời cấu nhiễm thì Pháp thân không hiện bày được, xa rời cấu nhiễm thì lập tức hiện bày rõ ràng.

Sao nói là tu tập phần tín? Đây là căn cứ vào chúng sanh chưa tiến vào chánh định mà nói: Thế nào là tâm tín? Làm sao để tu tập? Tín có bốn loại:

1. Niềm tin căn bản, đó là vui với ý nghĩ về pháp chân như.
2. Niềm tin vào Đức Phật có đầy đủ vô biên công đức, đó là luôn vui với sự cúng dường và lễ lạy cung kính, lắng nghe chánh pháp và tu hành đúng như pháp, để hồi hướng cho Nhất thiết trí (Trí Phật).
3. Niềm tin vào pháp có lợi ích to lớn, đó là luôn luôn vui với sự tu hành các hạnh Ba-la-mật.
4. Niềm tin vào Tăng là bậc tu hành chính đáng, đó là luôn luôn cúng dường các vị Bồ-tát tu tập đích thực công hạnh lợi mình và lợi cho người. Tu tập năm phương diện thực hành, có năng lực thành tựu niềm tin này, đó là phương diện Bồ thí, phương diện Trì giới, phương diện Nhẫn nhục, phương diện Tinh tấn, phương diện Chỉ và Quán.

Sao nói là tu trên phương diện Bồ thí? Nghĩa là nếu thấy chúng sanh nào đến cầu xin, thì lấy tiền bạc đồ vật của mình tùy khả năng để giúp cho họ, xả bỏ tâm lý tham tiếc của mình làm cho người ấy hoan hỷ. Nếu thấy chúng sanh nào gặp nguy hiểm và tai họa bức bách, tìm mọi

cách cứu giúp khiến họ không còn sợ hãi. Nếu gặp chúng sanh nào đến để cầu hiểu biết về giáo pháp, thì lấy những hiểu biết của mình tùy khả năng mà giảng giải cho họ. Lúc tu hành ba loại bố thí như vậy, không vì tiếng tăm, danh vọng và quyền lợi, cũng không tham đắm quả báo của thế gian, chỉ nghĩ đến sự lợi ích và yên vui cho mình lẫn người, hồi hướng công đức vun đắp quả vị Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng.

Sao nói là tu trên phương diện Trì giới? Nghĩa là hàng Bồ-tát tại gia nên xa rời sự giết hại, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói hung ác, nói thêu dệt, tham lam, nóng giận, ganh ghét, đua nịnh, dối gạt và tà kiến. Nếu là người xuất gia thì hãy phá bỏ và điều phục các phiền não, nên xa rời nơi ồn náo và luôn ở nơi vắng lặng, tu tập các hạnh ít ham muốn, biết vừa đủ, hành hạnh đầu đà, thậm chí sai lầm nhỏ cũng sanh khởi tâm lý sợ hãi vô cùng, luôn luôn cảm thấy hổ thẹn, hối hận và tự quả trách mình, bảo vệ giữ gìn giới cấm của Đức Như Lai đã chế định, không để cho người thấy phát sanh những sự mỉa mai hiểm nghị, luôn khiến chúng sanh xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

Sao nói là tu tập trên phương diện Nhẫn nhục? Nghĩa là thấy điều ác không hiểm nghị, gặp điều khổ không biến động, luôn luôn vui với sự quán sát văn từ nghĩa lý rất sâu xa.

Sao nói là tu tập trên phương diện Tinh tấn? Nghĩa là tu các hạnh thiện nhưng tâm không lười nhác rút lui, nên nghĩ về vô số kiếp quá khứ đến nay, vì mưu cầu cảnh giới tham dục của thế gian, mà nhận chịu tất cả mọi nỗi khổ đau trên thân và tâm một cách vô ích, hoàn toàn không có một chút ý vị. Vì khiến cho đời vị lai rời xa nỗi đau khổ này, hãy nỗ lực tinh tấn đừng sanh ra biếng nhác, lòng đại bi làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Hàng Bồ-tát sơ học đó tuy tu hành trên phương diện tâm tín, nhưng vì đời trước đến nay có nhiều tội lỗi và nghiệp chướng sâu nặng, do đó hoặc là bị tà ma làm cho phiền muộn, hoặc bị ràng buộc do thế sự phiền toái, hoặc bị bức bách vì các loại bệnh tật khốn cùng, những sự việc như vậy làm cho khốn đốn không phải là ít, khiến người thực hành ấy bỏ dở sự nghiệp xây dựng phẩm chất tốt đẹp. Vì vậy cần phải dũng mãnh tinh tấn thực hành, ngày đêm sáu thời lễ lạy chư Phật, cúng dường ca ngợi, sám hối tội chướng và khuyến thỉnh tùy hỷ, hồi hướng mọi phước thiện cho quả vị Bồ-đề vô thượng, phát khởi thệ nguyện lớn lao không có sự ngừng nghỉ, khiến cho mọi chướng ngại xấu ác phải tiêu trừ và tất cả thiện căn được lớn mạnh.

Sao nói là tu trên phương diện Chỉ và Quán? Đó là ngừng hết tất cả cảnh giới hý luận là nghĩa về Chỉ, thấy rõ ràng tướng của nhân quả

sanh diệt là nghĩa về Quán. Ban đầu đều tách biệt mà tu dần dần tăng lên, đến mức thành tựu thì tự nhiên vận dụng thực hành cả hai. Tu pháp Chỉ thì ở nơi vắng lặng ngồi kiết già, thân ngay thẳng - ý chuyên nhất, không theo hơi thở - không theo hình sắc, không dựa vào hư không, không dựa vào đất nước gió lửa, cho đến không dựa vào thấy nghe hiểu biết, tất cả mọi ý niệm phân biệt đều gạt bỏ, cũng loại trừ ý tưởng vì tất cả các pháp không sanh ra và không diệt đi, mọi pháp đều không có tướng trạng. Tâm trước dựa vào cảnh lần lượt xả bỏ đối với cảnh, niệm sau dựa theo tâm trở lại xả bỏ đối với tâm, vì tâm dong ruổi theo ngoại cảnh nên thân gồm hưởng về nội tâm, sau lại khởi tâm không giữ lấy trạng thái của tâm, vì xa rời chân như không thể nào đạt được. Mọi động thái đi đứng ngồi nằm trong tất cả mọi lúc cũng như vậy tu tập thực hành luôn luôn không đoạn dứt, dần dần được tiến vào tam muội chân như, đến cuối cùng làm cho tất cả phiền não phải khuất phục, tâm tin được lớn mạnh và mau chóng thành tựu không còn lui sụt. Nếu như tâm có sự nghi hoặc, phỉ báng không tin, nghiệp chướng ràng buộc do ngã mạn, lừa nhác, thì những người như vậy vốn không có năng lực tiến vào.

Hơn nữa, dựa vào tam muội này mà chứng đạt tướng trạng pháp giới, biết Pháp thân của hết thảy Như Lai cùng với thân của tất cả chúng sanh bình đẳng không khác, đều là đồng nhất tướng, vì vậy gọi là tam muội Nhất tướng. Nếu tu tập tam muội này, thì có năng lực phát sanh vô lượng tam muội, vì chân như chính là nơi chốn căn bản của tất cả các tam muội.

Hoặc có chúng sanh vì thiện căn ít ỏi, bị các ma, ngoại đạo, quỷ thần làm cho mê hoặc hoảng loạn, có khi hiện ra hình tướng độc ác để làm cho tâm hành giả sợ hãi, có khi hiện ra thân hình đẹp đẽ để làm cho ý hành giả mê say. Có khi hiện ra hình tướng chư thiện hoặc là hình tướng Bồ-tát, thậm chí hình tướng trang nghiêm đầy đủ vẻ đẹp của Như Lai cũng có thể hiển bày được. Với những hình tướng này có khi nói ra Tổng trì, hoặc là nói về các Ba-la-mật, có khi lại diễn nói về các môn giải thoát, không oán thù, không thân thiết, không nhân tố, không kết quả, tất cả các pháp hoàn toàn rỗng lặng, tánh vốn có là Niết-bàn. Có khi lại khiến cho biết sự việc trong quá khứ, vị lai và biết tâm tư người khác, có tài biện luận diễn giảng không vướng mắc, không gián đoạn, làm cho hành giả tham đắm trong danh vọng và quyền lợi. Có khi làm cho hành giả trở nên thất thường, hay nóng giận, hay mừng vui, nhiều thương xót, nhiều yêu thích, có khi luôn luôn thích ngủ mê mệt, hoặc

lâu lắm không ngủ. Có khi thân mắc bệnh tật, hoặc tính tình không chịu khó siêng năng, hoặc đột nhiên nổi lên tinh tấn rồi lập tức bỏ dở nửa chừng, hoặc tính tình lắm nghi hoặc và không phát sanh niềm tin được. Có khi rời bỏ công hạnh thù thắng ban đầu chuyển sang tu tập những điều tạp loạn, khiến chứng được các thiền định của ngoại đạo, hoặc định trong một ngày cho đến bảy ngày, trụ ở trong thiền định được ăn uống toàn những thức thượng diệu, thân và tâm vui vẻ khoan khoái không đói không khát. Có khi lại khuyến khích làm cho cảm thọ những sắc đẹp của người nữ, hoặc khiến cho hành giả ăn uống không điều độ, hoặc làm cho hình dáng hành giả thay đổi lúc đẹp lúc xấu. Nếu như bị những kiến hoặc phiền não nhiễu loạn, lập tức hủy bỏ mất thiện căn trước kia. Vì vậy cần phải quán sát tường tận, hãy dấy lên suy nghĩ: Đây đều là do thiện căn của mình quá ít ỏi mà nghiệp chướng lại quá sâu dày, nên bị sự mê hoặc của các loại tà ma quỷ quái. Biết như vậy rồi, nghĩ tất cả các cảnh tượng kia đều chỉ là do tâm. Tư duy như vậy trong phút chốc lập tức diệt hết, xa rời các tướng trạng tiến vào Tam muội chân như. Tâm tướng đã xa rời thì chân tướng cũng không còn, từ trong thiền định khởi lên các kiến hoặc phiền não đều không hiện hành, vì năng lực của tam muội phá trừ chủng tử của mọi phiền não, phẩm thiện thù thắng thuận theo nối tiếp nhau thêm nhiều, tất cả chướng nạn thấy đều rời xa, phát khởi tinh thần tinh tấn vĩ đại luôn không đoạn dứt.

Nếu như người không tu tập thực hành tam muội này, thì không ai có thể tiến vào trong chủng tánh Như Lai, vì những tam muội khác đều là có tướng, cùng với ngoại đạo giống nhau, nên không thể gặp được chư Phật và các vị Bồ-tát. Vì vậy, Bồ-tát đối với tam muội này hãy nỗ lực tu tập, khiến cho thành tựu hoàn toàn. Tu tập tam muội ấy, thân hiện tại sẽ đạt được mười loại lợi ích:

1. Thường được sự gia hộ che chở của chư Phật và Bồ-tát khắp mười phương.
2. Không bị sự nhiễu loạn của tất cả các loại ma tà quỷ ác.
3. Không bị tất cả các loại tà đạo làm cho mê hoặc.
4. Khiến cho tội nặng và nghiệp chướng của sự phỉ báng chánh pháp sâu xa đều dần dần giảm bớt đến tiêu hết.
5. Diệt trừ tất cả nghi ngờ và các nhận thức xấu ác.
6. Đối với cảnh giới của Như Lai thì niềm tin được lớn mạnh.
7. Xa rời buồn lo ân hận và vào trong sanh tử dưng mảnh không sợ hãi.
8. Xa rời tâm ý kiêu mạn, tính tình nhu hòa nhẫn nhục, luôn luôn

được tất cả thế gian tôn kính.

9. Giả sử không trú trong Định nhưng ở trong tất cả mọi lúc, tất cả mọi cảnh, chủng tử phiền não dù nhỏ bé rốt cuộc vẫn không hiện khởi lên được.

10. Nếu như trú vào định thì không bị sự biến động hỗn loạn do các duyên của tất cả mọi âm thanh.

Vả lại, nếu chỉ tu pháp Chỉ, thì tâm sẽ chìm sâu xuống hoặc là sanh ra biếng nhác, không vui với các điều thiện, xa rời ý niệm đại bi, vì vậy cần phải tu gồm cả pháp Quán. Tu pháp Quán thế nào? Đó là hãy quán xét tất cả các pháp trên thế gian không ngừng sanh và diệt, vì vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Nên quán xét pháp quá khứ như giấc mộng, pháp hiện tại như ánh chớp, pháp vị lai như bóng mây, bỗng nhiên như vậy mà dấy lên. Nên quán xét có thân đều là bất tịnh, các thứ giòi bọ ô uế và phiền não lẫn lộn với nhau. Quán xét các pháp đã thấy của các hạng phàm phu ngu muội, ở trong chỗ không có vọng chấp trước là có. Quán sát tất cả các pháp từ duyên sanh mà ra, đều như biến hóa kỳ ảo hoàn toàn không có thật. Quán xét Đệ nhất nghĩa đế không phải là động thái của tâm, không thể nào ví dụ, không thể nào nói năng diễn tả. Quán xét tất cả chúng sanh, từ vô thủy đến nay đều vì sức mạnh huân tập của vô minh mà nhận chịu vô lượng nỗi khổ lớn đối với thân tâm, hiện tại và vị lai cũng lại như vậy, vô biên đau khổ, vô hạn thời gian khó thoát ra và khó vượt qua, luôn ở trong đó, không có năng lực giác ngộ, quán sát, thật là đáng thương xót.

Quán xét như vậy rồi sanh ra trí tuệ quyết định khởi lên ý niệm đại bi rộng lớn, phát đại dũng mãnh, lập đại thệ nguyện, nguyện cho tâm mình xa rời các phân biệt điên đảo, gần gũi tất cả chư Phật, Bồ-tát, đánh lễ, cúng dường, cung kính và tán thán công hạnh siêu tuyệt của các Ngài, lắng nghe chánh pháp tu hành đúng như giáo pháp, tận cùng thời gian vị lai không có sự ngừng nghỉ, dùng vô lượng phương tiện cứu giúp tất cả các chúng sanh đang nổi trôi trong đại dương đau khổ, khiến trú vào niềm vui đệ nhất nghĩa của Niết-bàn. Phát ra thệ nguyện như vậy rồi, đối với tất cả mọi lúc, tùy theo năng lực có thể đảm đương mà tu hành công hạnh lợi mình và lợi người, đi đứng ngồi nằm luôn luôn nỗ lực quán sát điều gì phải làm và điều gì không nên làm. Đây gọi là tu pháp Quán.

Hơn nữa, nếu chỉ tu pháp Quán thì tâm không thể dừng lại, phát sanh lẩn nghỉ hoặc và không tùy thuận với đệ nhất nghĩa đế, không sanh ra được trí vô phân biệt. Vì thế Chỉ và Quán nên tu hành song song

cả hai pháp, nghĩa là tuy nghĩ tất cả các pháp đều vô tự tánh, không sanh không diệt, xưa nay vắng lặng, tự tánh là Niết-bàn, mà cũng ngay nơi ấy thấy nhân duyên hòa hợp, nghiệp báo thiện ác không mất và không bị hủy hoại. Tuy nghĩ nhân duyên hòa hợp, nghiệp báo thiện ác, nhưng cũng ngay nơi ấy thấy tất cả các pháp không có sanh ra, không có tánh thể cho đến Niết-bàn. Như vậy, tu hành pháp Chỉ, là đối trị sự mê say tham đắm trong sanh tử của hạng phàm phu, cũng đối trị sự chấp trước sanh tử sanh ra sợ hãi của hàng Nhị thừa. Tu hành pháp Quán, là đối trị lại hạng phàm phu không xây dựng thiện căn, cũng đối trị lại hàng Nhị thừa không phát khởi đại bi vì tâm địa hẹp kém. Vì vậy, Chỉ và Quán hỗ trợ thành tựu lẫn nhau mà không rời bỏ nhau. Nếu như Chỉ và Quán không đầy đủ, thì chắc chắn không có năng lực đạt được quả vị Bồ-đề vô thượng.

Vả lại, hàng Bồ-tát sơ học ở tại thế giới Ta bà này, hoặc gặp phải những nỗi khổ như nóng lạnh, gió mưa không hợp thời, mất mùa đói kém, hoặc thấy bất thiện thật là đáng sợ, chúng sanh bị ba độc tố ràng buộc cộng thêm tà kiến điên đảo, ruồng bỏ đạo thiện quen làm pháp ác, ở trong tâm Bồ-tát sanh ra khiếp nhược, sợ không thể gặp được chư Phật và các vị Bồ-tát, sợ không có năng lực thành tựu tâm tín thanh tịnh, nên nảy sanh nghi ngờ muốn lùi lại. Hãy nên suy nghĩ: Hết thấy chư Phật và Bồ-tát khắp mười phương, đều đạt được thần thông rất lớn không có chướng ngại, có năng lực dùng các loại phương tiện khéo léo, cứu giúp tất cả mọi tai ách đáng sợ cho chúng sanh. Khởi lên ý nghĩ này rồi phát khởi thệ nguyện rộng lớn, một lòng chuyên niệm Phật và Bồ-tát, vì sanh khởi tâm quyết định như vậy, nên ở tại cõi này mạng sống chấm dứt, chắc chắn được sanh vào trong cõi Phật phương khác, được thấy Phật và Bồ-tát thành tựu tâm tín, vĩnh viễn xa rời đường dữ. Như trong kinh nói: “Nếu người thiện nam, người thiện nữ nào, chuyên chú niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà là vị giáo chủ thế giới Cực Lạc nơi phương Tây, dùng các thiện căn hồi hướng nguyện cầu sanh đến thì quyết định được sanh đến, thường được thấy Đức Phật nên tâm tín lớn mạnh và vĩnh viễn không còn thoái chuyển, ở nơi cõi ấy được nghe pháp quán tưởng Pháp thân của Phật, dần dần tu tập và thực hành được tiến vào vị Chánh giác”.

Phần lợi ích nói gì? Văn từ nghĩa lý bí mật của Đại thừa như vậy nay đã nói sơ lược. Nếu có chúng sanh nào, muốn vào trong pháp rộng lớn và cảnh giới rất sâu xa của Như Lai để phát sanh tâm ý giải giác ngộ tin tưởng một cách trong sáng, tiến vào con đường Đại thừa không

có chương ngại, thì đối với luận văn sơ lược này hãy chịu khó lắng nghe tiếp nhận để tư duy tu tập. Nên biết người này quyết định nhanh chóng thành tựu Nhất thiết chủng trí. Nếu như nghe pháp này mà không sanh ra kinh động sợ hãi, nên biết người này chắc chắn kế thừa dòng giống của Phật và nhanh chóng được thọ ký thành vị Phật.

Giả sử có người, hóa độ chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới, khiến cho họ an trú trong mười nghiệp thiện, không bằng một người khác ở trong khoảnh khắc tư duy đích thực về pháp này, nên biết công đức người này hơn hẳn người trước đến mức vô lượng vô biên. Nếu như trong thời gian một ngày đêm như thuyết tu hành, thì công đức đã phát sanh vô lượng vô biên không thể nào diễn tả được. Dù cho hết thủy chư Phật khắp mười phương, đều ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, giảng nói công đức ấy cũng không thể hết. Vì công đức của chân như không có giới hạn, thời gian, nên công đức tu hành cũng lại không có giới hạn.

Nếu như đối với pháp này mà sanh ra phỉ báng thì nhận chịu vô lượng tội lỗi, ở trong A-tăng-kỳ kiếp thọ nhận vô lượng khổ đau. Vì vậy đối với pháp này hãy tin tưởng một cách tuyệt đối, đừng nảy sanh phỉ báng đến nỗi tự hại mình và hại người khác mất đi chủng tử Tam bảo. Hết thủy chư Phật dựa vào pháp này tu hành thành tựu trí vô thượng, hết thủy Bồ-tát từ nơi pháp này chứng được Pháp thân Như Lai, Bồ-tát đời quá khứ dựa vào pháp này được thành tựu niềm tin trong sáng đối với Đại thừa, các vị Bồ-tát đời hiện tại, vị lai đều sẽ thành tựu niềm tin trong sáng đối với Đại thừa. Vì vậy người nào muốn thành tựu hạnh nguyện thù thắng của hai phương diện Tự Lợi và Lợi Tha, hãy đối với luận này chịu khó tu học hơn nữa!

Hiện con đã giải thích sơ lược

Nghĩa lý rộng lớn thật sâu xa

Công đức giúp cho mọi chúng sanh

Câu nguyện thấy được pháp Chân như.



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 113

LUẬN
THÍCH MA HA DIỄN

SỐ 1668
(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1668

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN TỰA

Nghe rằng đài gương mặt trăng-châu ngọc mặt trời, ở gần bên cung thiên núi chúa, đi vào theo hai đường, dạo qua trăm cõi nước nhờ vào các pháp quán, thông suốt muôn cõi Phật nêu lên cao nhất hạt minh châu hoan hỷ, nhìn trộm cung điện linh thiêng chốn tịch diệt, dẫn dắt nghe được ở xưa kia, mà vẫn còn không cảm giác được trăm khu vực vĩnh cửu ấy, sững sờ suy nghĩ, rồi lúc ấy mới bắt đầu hiểu ra. Trước kia nghe tiếng ca ngợi của ngô phổ, đứng lặng trông chờ sự giáo hóa, trông thấy hình thể hư huyền của dấu vết, ngược nhìn cõi phong trần phân tán. Sau quả nhiên gặp được kho tàng Ma-ni báu đến tận phía Đông, khác nào nhờ vào châu ngọc của mạng lưới Đà-la-ni, mà được quay về hằng hà sa thế giới, từ trong niềm vui sướng tuyệt vời mà đạt được tâm chẳng? Ngồi đài sen nơi Kỳ Viên, bỏ đi để mong làm đài gương rùa vàng bày tỏ, thừa vui mừng từ bên ngoài mà ngược nhìn trước mắt chẳng? Chậm rãi hưởng về đài cao dần hiện rõ, đừng trở về mà kính trọng ngôi sao sáng ư? Trầm mới hiểu rằng hoa cỏ tốt tươi nhờ vào khu rừng quý báu của bảy giác, trồng giống hoa sen vào hồ nước châu ngọc của tám đức, lại hoan hỷ hưởng về, tức thì khẩn cấp từ nay về sau, lại dùng bánh xe vàng tự đến phương Đông, thích ứng với khu vực của uy môn, bài kệ của Đạo Vương đặt trước tập sách, đài gương châu ngọc trên núi cao đã hạ thấp xuống, đến trước mặt của hằng hà sa thế giới. Văn của Ma Da đã từng ghi, từ đời vị lai có tám vạn bốn ngàn pháp, môn mà lần lượt chuyển đến phương Đông, và quá khứ năm trăm năm

mà ngọc châu giác ngộ đến phương Nam rồi, đó là giáo pháp ấy mà. Ở trong Quán Âm cầu xin tay mắt được rảnh rang, mà nhìn chăm chú để tìm tòi giáo môn vượt qua số hằng hà sa, đó là nghĩa lý ấy mà. Ở trong kinh Thi Ca La Việt Lục Phương Lễ dựa vào công của mạng lưới ngọc châu, mà chiếu sáng bày rõ nghĩa lý nhiều như bụi trần. Dùng đức trong sáng của Thánh giả Mã Minh, biểu hiện đầy đủ cho đương thời. Đại sĩ Long Thọ, là điềm lành của vầng mây kỳ diệu, mở đường cho bốn phương, mệnh mệnh vi vu, tự mình không phải kết thành thệ nguyện ở trong núi rừng, gieo trồng hai nhân ở trong hồ hương, có lẽ nào treo cao ngọc châu phát triển nguồn nước, che kín với Di Lạc về trước, bày bí mật hết sức tin phục, bình thường với Thích Ca về sau ư?

Giải thích về Luận Ma-ha-diễn, đây chính là truy tìm kỹ căn nguyên kho tàng bí mật của đại dương tánh của tâm, hết sạch nguồn gốc ngôn từ sâu thẳm của nhân thực hành, lấy vầng sao mà vượt quá ngọc sáng mặt trăng, quân tử chẳng biết chỉ quy đó, dùng hoa gấm mà đến được cương vực mặt trời, so với chủng loại không lường được bến bờ giới hạn, có thể nói là trong một ngọn núi tồn tại hai mặt trăng mặt trời, trong một thế giới có hai vị hoàng đế. Trẫm nghe bản Phạm Văn đó trước kia nằm ở vùng Trung Thiên Trúc, sai người tôn trọng đón về, gần đến ranh giới phương Đông, vào thượng tuần tháng chín năm Tinh Kỷ niên hiệu Hoàng Thỉ thứ ba, ở tại chùa Đại Trang Nghiêm, đích thân được nhuận sắc, cung kính phiên dịch luận này. Người phiên dịch thẳng ra là Tam Tạng Phiệt Đề Ma Đa, người truyền thọ tục ngữ là Lưu Liên Đà..., người cầm bút viết là Tự Hiền Kim..., từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc tròn hai năm sao chép hoàn tất luận văn. Trước mặt hai vầng mặt trăng mặt trời đối diện trọn vẹn, từng mục của chòm sao vốn có dẫn dắt, dòng nước của sông ngòi được lắng trong, sóng lớn của biển khơi rào rạt. Trẫm chưa đạt tới chỗ tường tận, có vòng xe vàng ở trên mặt đất, đi vào núi Diệu Cao ở trong bàn tay, tinh tế thay cửa ngõ mừng vui rộng khắp pháp giới, vĩ đại thay căn nhà thanh tịnh đi vào trong mảy lông Thiếu đi lý này, tuyệt đối không xứng với nghĩa lý văn từ của luận, xa rời ví như so với màu sắc của bức tranh. Lời nói thì trẫm chê trách Tịnh Danh, trò chuyện thì trẫm nói ra Thiện Cát. Nhưng lời nói đầu, trú vào lý tuyệt vời mà ngâm nga, ngăn lại từ ngữ sai mà lặng lẽ, phá đổ đài cao quan sát ấy chẳng nơi nào mở rộng như hư không, hủy diệt đài gương vàngngọc ấy không tiên tan dấu tích ngàn năm. Trẫm dùng lời để chỉ trích không thể lạm dụng vầng trăng mà thỉnh cầu văn tự, quay về dựa vào văn tự giả danh, nhất định nói rõ để soạn lời thô lậu, mà viết ra lời tựa như vậy.

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

Long Thọ Bồ-tát tạo luận.

Hán dịch: Đời Điều Tần, Tam Tạng Phiệt Đề Ma Đa.

QUYỂN 1

*Dành lễ Giác viên mãn
Giác Pháp tạng chứng đắc
Và Đại sĩ tạo luận
Cùng các chúng Hiền Thánh.
Muốn mở cửa Bồ thí
Tạm hiển hướng quả vị
Lợi ích các chúng sanh
Báo ân sư muôn một.*

Luận nêu: Nay soạn ra luận này nhằm giải thích lại về Đại thừa (Ma-ha-diễn), là muốn biểu hiện rõ thể sâu xa khó hiểu và vi diệu vô cùng của bậc thầy mình. Nếu người chưa được chứng đạt đích thực và chưa ra khỏi hạnh tà, thì tối tăm mờ mịt thực sự không nhìn thấy được gì, vì Ma-ha-diễn vượt lên trên cảnh giới của tư duy. Hoặc là muốn khiến cho chúng sanh căn cơ lợi鈍, mở ra cánh cửa vào nhanh pháp Phật (giáo lý đốn nhập), chỉ rõ các vị trí tu hành tiệm tiến hướng đến hội nhập chân lý rất sâu xa. Hoặc do bậc thầy dừng lại những điều có hại đối với ý thức, tư tưởng rất là sâu nặng, để đền đáp phần nào đại ân đức của thầy. Hoặc là bí mật quán xét chúng sanh đời vị lai, sẽ nảy sinh rất nhiều sự tranh chấp phá bỏ tông chỉ của luận. Hoặc đích thân lắng nghe tiếp nhận niềm vui trong tâm (A-thế-da). Vì có các nhân duyên như vậy, nên cần phải soạn ra luận này.

Đã nói về phần gốc của luận, tiếp đến nói về sự khác biệt của luận. Luận này có bao nhiêu loại, bao nhiêu luận đã thu gồm, luận Ma-ha-diễn thuộc về loại nào? Tụng nói:

*Mười vạn chín ngàn bộ
Mười luận thu tóm chung
Ma Ha La, Bạt Đề
Ô Xá Ma, Xà Tha luận
Luận Phiệt Na, Đề Xá
A Bộ Đế, Bạt Ma
Ô Ha Ma Tăng Na
Và Kiện Bà Ma Ca.*

Luận nói: Tập hợp tất cả các luận thuộc các loại suốt một thế hệ, tổng quát có mười vạn chín ngàn bộ. Các luận như vậy được thu gồm trong mười bộ lớn. Sao nói là mười bộ? Đó là:

1. Luận Ma Ca La.
2. Luận Bạt Đề.
3. Luận Ô Xá Ma.
4. Luận Xà Tha.
5. Luận Phiệt Na Đề Xá.
6. Luận A Bộ Đế.
7. Luận Bạt Ma.
8. Luận Hô Ha.
9. Luận Ma Tăng Na.
10. Luận Kiện Bà.

Đây gọi là mười bộ luận. Luận Ma-ha-diễn thuộc về Luận Như Ý. Bộ luận do Bồ-tát Mã Minh soạn thuật, luận đó kể ra có bao nhiêu văn, bao nhiêu nghĩa, là Ma-ha-diễn thuộc về loại nào? Tụng nói:

*Gồm có một trăm bộ
Chín mươi chín loại văn
Mười loại nghĩa thu tóm
Luận này thuộc sách quý.*

Luận nói: Các luận do Bồ-tát Mã Minh soạn thuật gồm có một trăm bộ, ở trong một trăm bộ, có chín mươi chín loại thuộc vào luận Hoa Văn, còn lại mười loại luận thu tóm thuộc vào Nghĩa luận. Luận này thuộc vào loại sách quý. Mười loại thu tóm thuộc Nghĩa luận, tên gọi các luận ấy thế nào, luận đó đã khai triển đồng nhất hay biệt lập? Tụng nói:

Biến Mãn cùng Quy Chân

*Trung Tạng cùng Vi Diệu
Hợp Nhất và Tam Muội
Luận Thanh Tịnh, Bốn Nguyên
Luận Huyền Lý, Khởi Tín
Kiến lập đồng một tướng.*

Luận nói: Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Luận Nhất Tâm Biến Mãn.
2. Luận Dung Tục Quy Chân.
3. Luận Pháp Giới Trung Tạng.
4. Luận Bí Mật Vi Diệu.
5. Luận Chúng Mạng Hợp Nhất.
6. Luận Tam Muội Chân Chư.
7. Luận Tâm Tánh Thanh Tịnh.
8. Luận Bất Động Bốn Nguyên.
9. Luận Thâm Thâm Huyền Lý.
10. Luận Đại Thừa Khởi Tín.

Đây là tên gọi của mười bộ luận. Như vậy mười bộ luận ấy về số lượng khác nhau, nhưng tướng thiết lập là cùng một loại.

Đã nói về sự sai biệt của luận, tiếp theo nói về sự sai biệt của tạng. Tạng có bao nhiêu loại, bao nhiêu tạng đã thu tóm, Luận Ma-ha-diễn thuộc về loại nào? Tụng nói:

*Hoặc năm mươi một tạng
Hoặc chỉ mười như kinh
Thâu chung vào ba Tạng
Luận hoặc chung hoặc riêng.*

Luận nói: Năm mươi một tạng là phân biệt nhân, quả, biểu thị cho công đức để dẫn dắt người thực hành. Trong Kinh Kim Cang nói như vậy: “Đức Phật dạy: Này Phật tử! Ta sẽ vì ông dùng ngôn từ vô ngại, tuyên thuyết khai bày rõ năm mươi tạng về nhân và một tạng về quả”. Do đó, hoặc có mười Tạng. Sao nói là mười Tạng? Đó là:

1. Chỉ thiết lập một tạng thu tóm toàn bộ các pháp, gọi là Tạng Pháp Giới Pháp Luân. Trong Kinh Viên Mãn (Hoa Nghiêm) nói như vậy: “Tất cả chúng sanh vốn có lời nói, âm thanh, không có loại nào không gồm thâu vào âm thanh pháp luân của Như Lai”.

2. Thiết lập hai tạng thu tóm toàn bộ các pháp, đó là tạng Thanh văn và tạng Bồ-tát. Trong Kinh Tổng Trì (Đại Thừa Phương Quảng) nói như vậy: “Pháp môn tuy vô biên nhưng không ra ngoài hai Tạng”.

3. Thiết lập ba Tạng thu tóm toàn bộ các pháp, đó là thêm vào

Như Lai tạng. Trong Kinh Quang Minh (Kim Quang Minh) nói như vậy: “Hết thầy chư Phật nhiều hơn số hằng hà sa, chỉ nhằm tuyên thuyết về pháp tạng Thanh văn, pháp tạng Bồ-tát và pháp Như Lai tạng, lại không bỏ sót một đạo lý nào”.

4. Thiết lập bốn tạng thân tóm toàn bộ các pháp, đó là thêm vào Tạng Bồ Đặc Già La. Trong Kinh Đạo Phẩm nói như vậy: “Này Phật tử! Hãy lắng nghe rõ, Ta sẽ vì ông nói về pháp giải thoát, đó là tạng nhân, tạng nghĩa, tạng lễ, tạng trí cho đến tạng tín cùng tạng Thanh văn, tạng Bồ-tát và tạng pháp Đại giác. Nguyên cố thế nào? Vì để cho những người thực hành dần dần chuyển vận pháp theo thứ tự được thắng lợi”.

5. Thiết lập năm tạng thân tóm toàn bộ các pháp, đó là thêm vào tạng Thiên. Trong Kinh Thiên Tử nói như vậy: “Đức Phật nói với Da Luận: Không thể dùng ngôn ngữ diễn tả được sự thanh tịnh của báo không, Ta sẽ vì đại chúng tuyên thuyết rộng về phạm vi của tạng Tịnh, tạng Nhân và tạng Nhị thừa cùng pháp tạng Đại giác của hết thầy chư Phật”.

6. Thiết lập sáu tạng thân tóm toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào tạng Nại-lạc-ca. Trong Kinh Bồ Úy nói như vậy: “Ta ngồi bất động phân biệt tuyên thuyết về tám vạn bốn ngàn tạng Nại-lạc-ca”. Như trước đã nói về năm loại tạng.

7. Thiết lập bảy tạng thân tóm toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào tạng Ma La Cưu Đa Da. Trong Kinh Ban Mẫu nói như vậy: “Nay Ta dùng lời chân thật vì Ban Mẫu cùng một ức bảy vạn ba ngàn đại chúng, phân biệt tuyên thuyết về năm vạn một ngàn ba trăm lẻ hai loại tạng Quỷ thần”. Như trước đã nói về sáu loại tạng.

8. Thiết lập tám tạng thân tóm toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào tạng Kiện Bà Đà Na Bạt. Trong Kinh Long Vương nói như vậy: “Long vương Nan Đà phát ra tám ngàn câu hỏi, thưa hỏi Đức Như Lai. Đức Phật mở ra mười ức thuộc về tạng Bàn sanh đạo”. Như trước đã nói về bảy loại tạng.

9. Thiết lập chín tạng thân tóm toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào tạng Khí Thế Giới. Trong Kinh Thế Giới nói như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Thọ Thân: Lành thay! Lành thay! Như ông đã nói, nếu muốn nghe về điều ấy, nay Ta sẽ vì ông phân biệt diễn giảng nói về tạng Sở y chỉ”. Như trước đã nói về tám loại tạng.

10. Thiết lập mười tạng thân tóm toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào tạng Tạt loạn. Trong Kinh Âm Thanh nói như vậy: “Nay Ta khai bày rõ ràng về tám loại tạng Tạt loạn”. Như trước đã nói về chín loại

tạng.

Đây gọi là mười tạng. Các tạng như vậy thâu tóm toàn bộ mười ức tám ngàn pháp tạng.

Ba tạng căn bản hoặc thâu tóm cả mười tạng. Sao nói là ba tạng? Đó là:

1. Tạng Tố Đất Lãm (tạng Kinh).
2. Tạng Tỳ Nại Da (tạng Luật).
3. Tạng A Tỳ Đạt Ma (tạng Luận). Đây gọi là ba tạng.

Luận Ma-ha-diễn hoặc là thâu vào các tạng, hoặc chỉ thâu vào Tạng A Tỳ Đạt Ma. Vì vậy tụng nói “Hoặc chung-hoặc riêng”. Chung nghĩa là nối thông toàn bộ, riêng có nghĩa là lựa chọn khác biệt. Chủ quản các pháp thực hành đó tùy thuận tiếp nhận không mất, vì lẽ ấy lập tên gọi là Tạng.

Đã nói về sự sai biệt của Tạng, tiếp đến nói về sự sai biệt của kinh.

Kinh có bao nhiêu số và bao nhiêu đã gồm thâu? Luận Ma-ha-diễn này thì những kinh nào làm nơi nương dựa? Tụng nói:

*Gồm trăm số Lạc xoa
Thâu mười hai bộ kinh
Tu-đa-la - Kỳ Dạ
Cùng Tỳ Già La Na
Già Đà, Ưu Đà Na
Cùng với Ni Đà Na
Kinh A Ba Đà Na
Y Đế Mục Đa Già
Xà Đà Già, Phật Lược
A Phù Đà, Đạt Ma
Kinh Ưu Ba Đề Xá
Dựa hoặc chung hoặc riêng.*

Luận nói: Tập hợp tất cả các kinh thuộc các loại trong một đời Đức Phật thuyết ra có một trăm ức bộ, các kinh như vậy gồm thâu vào mười hai bộ kinh lớn. Những gì là mười hai bộ? Đó là:

1. Tu-đa-la là Khế kinh.
2. Kỳ Dạ là Trùng Tụng.
3. Tỳ Già La Na là Cô Khởi.
4. Già Đà là Phúng Tụng.
5. Ưu Đà Na là Tự Thuyết.
6. Ni Đà Na là Nhân Duyên.

7. A Ba Đà Na là Thí Dụ.
8. Y Đế Mục Đa Già là Bốn Sự.
9. Xà Đà Già là Bốn Sanh.
10. Tỳ Phật Lược là Phương Quảng.
11. A Phù Đà Đạt Ma là Vị Tăng Hữu.
12. Ưu Ba Đề Xá là Luận Nghị.

Đây gọi là mười hai bộ. Kinh căn bản làm nơi nương dựa của Luận Ma-ha-diễn, hoặc là chung, hoặc là riêng. Chung nghĩa là nối thông toàn bộ, riêng có nghĩa là lựa chọn khác biệt. Văn cú trong Luận Ma-ha-diễn thì hẹp và ít là hết sức nhỏ, ít, tại sao đại dương của Khế kinh là vô lượng vô biên lại chung làm chỗ dựa? Vì như Bà Tát Y Già cho phép, như Tiêu Đa La dẫn đưa, vì vậy không có sai lầm gì. Kinh làm chỗ dựa riêng thì số đó có bao nhiêu, tên gọi như thế nào và quyền thuộc của mỗi thứ là bao nhiêu? Tụng nói:

*Gồm một trăm Khế kinh
Như Quang Minh Đại Giác ...
Năm mươi đầu đều trăm
Năm mươi sau đều ngàn.*

Luận nói: Kinh làm nơi nương dựa riêng của Luận Ma-ha-diễn, gồm có một trăm kinh. Những gì là một trăm? Đó là:

1. Kinh Quang Minh Đại Giác.
2. Kinh Thập Thâm Thuận Lý.
3. Kinh Kim Cang Tam muội.
4. Kinh Chư Pháp Vô Hành.
5. Kinh Thọ Lâm Thuyết Pháp.
6. Kinh Vô Tận Nhất Địa.
7. Kinh Thanh Tịnh Như Như.
8. Kinh Tự Tánh Tự thể.
9. Kinh Đại Thừa Đồng Tánh.
10. Kinh A-lê-da Thức.
11. Kinh Quả Viên mãn.
12. Kinh Hư Không Đẳng.
13. Kinh Tam Tam muội.
14. Kinh Nhất Tâm Pháp.
15. Kinh Bốn Tánh Trí.
16. Kinh Chân Pháp Giới.
17. Kinh Nhiếp Vô Lượng.
18. Kinh Tối Thượng Cực.

19. Kinh Duy Ma Cật.
20. Kinh Lăng Già Vương.
21. Kinh Trung Thật.
22. Kinh Vô Thi.
23. Kinh Thập Nhân.
24. Kinh Luân Chuyển.
25. Kinh Từ Vân.
26. Kinh Khí Tâm.
27. Kinh Vô Vị.
28. Kinh Hiền Thánh.
29. Kinh Ẩn Mật.
30. Kinh Hoa Nghiêm.
31. Kinh Đại Phẩm.
32. Kinh Tích Diệt.
33. Kinh Thánh Quý.
34. Kinh Biến Duyên.
35. Kinh Huân Tập.
36. Kinh Phật Tánh.
37. Kinh Huyền Lý.
38. Kinh Lăng Già.
39. Kinh Bốn Nghiệp.
40. Kinh Uẩn Cao Sơn.
41. Kinh Quy Bốn.
42. Kinh Chân Tu.
43. Kinh Bát Đức.
44. Kinh Phật Tuệ.
45. Kinh Duyên Khởi.
46. Kinh Nhất Thế.
47. Kinh Tự Phật.
48. Kinh Đại Hải.
49. Kinh Vô Tướng.
50. Kinh Biến Chân Như.
51. Kinh Thập Chủng Như Lai tạng.
52. Kinh Tam Thân Bốn Hữu.
53. Kinh Bát thức Thông Đạt Duyên.
54. Kinh Chúng Sanh Thân Đẳng Pháp.
55. Kinh Chư Phật Vô Tận Tạng.
56. Kinh Tán Thán Bất Thiện Phẩm.

57. Kinh Chư Pháp Đồng Nhất Tướng.
58. Kinh Nhất Thể Đại Bi Quán.
59. Kinh Như Như Bốn Trí Tuệ.
60. Kinh Trần Trần Pháp Giới Sát Độ.
61. Kinh Luân Chuyển Bốn Tế.
62. Kinh Pháp Giới Pháp Luân.
63. Kinh Đại Trí Bốn Hữu.
64. Kinh Bình Đẳng Pháp Giới.
65. Kinh Tứ Tướng Thường Trú.
66. Kinh Chân Như Nhất Tướng.
67. Kinh Lưu Chuyển Bất Động.
68. Kinh Tịch Tĩnh Niết Bàn.
69. Kinh Thông Đạt Âm Thanh.
70. Kinh Như Lai tự tướng.
71. Kinh Phu Nhân.
72. Kinh Pháp Môn.
73. Kinh Bát Dụ.
74. Kinh Trung Tại.
75. Kinh Tổng Trì.
76. Kinh Bất Động.
77. Kinh Lương Trí.
78. Kinh Đạo Trí.
79. Kinh Bốn giác.
80. Kinh Đại Vô Lượng.
81. Kinh Tự Nhiên Bốn Quả.
82. Kinh Thâm Thâm Pháp Tạng.
83. Kinh Nhất Đạo Thanh Tịnh.
84. Kinh Thập Chủng Vọng Tướng.
85. Kinh Pháp Môn Hiển Liễu.
86. Kinh Cảnh Giới Viên mãn.
87. Kinh Quang Minh Thật Trí.
88. Kinh Nhân Quả Đồng Thể.
89. Kinh Tâm Thần Bất Không.
90. Kinh Chân Trí Vô Sanh Hạnh.
91. Kinh Vô Ngại Giải Thoát.
92. Kinh Tùy Duyên Tăng Trưởng.
93. Kinh Pháp Tánh Thật tế.
94. Kinh Quảng Đại Hư Không.

95. Kinh Bốn Nhân Duyên Khởi.
96. Kinh Chư Pháp Vô Vi.
97. Kinh Bốn Lai Thanh Tịnh.
98. Kinh Tu Hành Đạo Địa.
99. Kinh Bất Tu Cự Đức.
100. Kinh Ma Ha Tát Vân Nhã.

Đây là tên gọi một trăm kinh. Như vậy quyển thuộc của một trăm kinh này, như dưới đây thì năm mươi kinh đầu đều có số trăm, năm mươi kinh sau đều có số ngàn. Nêu lên mục lục của kinh là rõ mạng lưới của luận. Phần sau sẽ tùy văn để mở bày rõ.

Đã nói về sự sai biệt của kinh, tiếp theo sẽ nói về người soạn ra luận. Những kinh nêu bày khác nhau, số đó có bao nhiêu, nay Sư Mã Minh thuộc về nơi nào? Tụng nói:

*Gồm có sáu Mã Minh
Khế kinh giới thiệu khác
Nhưng thuận căn cơ hợp
Không có tướng sai trái.*

Luận nói: Tập hợp tất cả các kinh trong một đời Đức Thế Tôn thuyết giảng thì có nhiều loại văn khác nhau, tổng quát có sáu loại. Thế nào là sáu loại? Đó là:

1. Trong Kinh Đại Thừa Bốn Pháp nói như vậy: “Đấng Đại Giác vô thượng thuyết về duyên nhập Niết-bàn, Bồ-tát Mã Minh liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lạy sát chân Phật, chấp tay cung kính, hướng về Đức Thế Tôn nói kệ:

*Vô Thượng Tôn đầy đủ đại từ
Vô biên biển kiếp đủ vạn hạnh
Chỉ vì từ bi thương mọi loài
Đức Phật tự nói nhập Niết-bàn.
Con cùng tất cả các đại chúng
Mờ mịt hoang mang, tâm bấn loạn
Đầy đủ đại từ Thế Tôn còn
Bỏ đàn con đến thế giới khác
Hướng hồ con từ bi chưa đủ
Theo Đức Phật đến thế giới khác.*

Bấy giờ, Mã Minh nói kệ này xong, nhìn thấy đôi mắt Đức Phật từ từ tự mạng chung”.

2. Trong Kinh Biến Hóa Công Đức nói như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Mã Minh: Hơn ba trăm năm sau khi Ta diệt độ, ông

nên kế thừa tiếp theo Ta, gắng sức dùng các loại pháp phương tiện tạo lợi ích an lạc cho chúng sanh đời vị lai. Nếu như Ta không tiếp thêm sức lực thì ông sẽ không có khả năng thực hiện”.

3. Trong Kinh Ma Ha Ma Da giải thích như vậy: “Sáu trăm năm sau khi Đức Như Lai diệt độ, dấy lên chín mươi sáu loại ngoại đạo, cùng với những kiến giải sai lầm tranh nhau xuất hiện hủy diệt pháp Phật, có một vị Tỳ Kheo tên là Mã Minh, khéo giảng giải về pháp yếu, hàng phục tất cả các đám ngoại đạo”.

4. Trong Kinh Thường Đức Tam Muội giải thích như vậy: “Sau khi Đức Phật diệt độ trong khoảng tám trăm năm, có một người trí tuệ tên là Mã Minh, hoặc là từ nơi chúng ngoại đạo, hoặc là đệ tử nhà Phật, phá trừ các ngoại đạo kiến lập pháp Phật”.

5. Trong Kinh Ma Ni Thanh Tịnh nói như vậy: “Hơn một trăm năm sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, Đại sĩ Mã Minh xuất hiện giữa thế gian, giữ gìn bảo vệ chánh pháp, dựng lên ngọn cờ Phật giáo”.

6. Trong Kinh Thắng Đảnh Vương nói như vậy: “Như Lai thành đạo ngày thứ mười bảy, có một ngoại đạo tên là Ca La Nặc Cưu Thi Ma, biến hóa thân mình làm Đại Long Vương, hiện rõ tám mươi sáu ngàn đầu với tám mươi sáu ngàn lưỡi, trong một lúc phát khởi tám mươi sáu ngàn tướng trạng khác nhau chất vấn Phật, hỏi Như Lai. Như Lai lập tức trả lời làm ba lớp, giải thích tất cả các vấn nạn kia. Lúc ấy, Long vương lại làm mười lớp (lần) hỏi Phật. Phật làm một trăm lớp (lần) giải đáp. Như vậy hỏi đáp xong, Đức Phật nói với Long vương: Lành thay! Lành thay! Sa-môn Mã Minh, vì nhằm bảo vệ thành lũy giáo pháp, dùng tướng trạng phá hoại để xây dựng pháp Phật, nhẫn nại và cũng chịu khó, luôn tu như vậy, luôn hành như vậy, đừng đi loanh quanh lối nhỏ mà hãy đi khắp tất cả mọi nơi. Thế là Long vương dùng thân hình vốn có của mình xả bỏ tướng trạng súc sanh, đến trước Đấng Vô Thượng thành kính lễ bái và xin phép lui bước, dung mạo hoan hỷ hưởng về Đức Thế Tôn, lại nói tụng:

*Khéo thay, khéo thay lời Phật dạy!
Qua sự lắng nghe từ tai con
Tự mình giả dối hay chân thật
Trong tâm con vô cùng nghi ngờ.
Con không phải là thân súc sanh
Con không phải là chúng ngoại đạo
Để tán thán, hóa làm súc sanh
Biến hóa thành hình tướng như vậy.*

*Đức Thế Tôn biết rõ như gương
Con ẩn hình ở tại cõi này
Xuất hiện nơi các thế giới khác
Như lời dạy đi khắp mọi nơi.*

Bấy giờ, Mã Minh trình bày kệ này xong, như đi vào trong căn nhà vắng lặng nhập thiền định”.

Đây gọi là sáu loại.

Như vậy các kinh đều nói khác nhau, tùy theo căn cơ hiện tại tiếp nhận không có gì sai trái nhau. Bồ-tát Mã Minh là người đang ở địa nào? Cõi nào? Nguyên nhân gì mà Mã Minh sinh ra? Tụng nói:

*Vốn là Đức Phật Đại Quang Minh
Tức nhân ở trong địa Bất Động
Xuất hiện nơi vùng Tây Thiên Trúc
Thuận theo quá khứ lập tên gọi.*

Luận giải thích: Bồ-tát Mã Minh nếu nói về Bồn địa thì chính là Đức Phật có danh hiệu là Đại Quang Minh. Nếu luận về Nhân địa thì chính là Bồ-tát ở trong địa trú thứ tám, sinh ra ở vùng Tây-Thiên Trúc, cha tên là Lư Già, mẹ tên là Cù Na, phát sinh lợi ích như nhau vì cùng chung tâm nguyện. Trong đời quá khứ, có một vị Đại vương tên là Luân Đà, có hàng ngàn loài chim màu trắng đều có tiếng hót rất hay. Nếu chim cất tiếng hót thì phước đức của Đại vương tăng lên, nếu như chim không cất tiếng hót thì phước đức của Đại vương giảm đi. Các loài chim như vậy, nếu thấy ngựa trắng thì cất lên tiếng hót rất hay, nếu lúc không thấy ngựa trắng thì luôn im lặng không hót. Lúc ấy, Đại vương đi khắp nơi cầu tìm ngựa trắng nhưng suốt cả ngày vẫn không tìm được, liền nói như vậy: Nếu như chim hót này thuộc chúng ngoại đạo, thì đều sẽ phá niềm tin, sự tôn trọng duy nhất vào Phật giáo. Hoặc là chim này thuộc đệ tử Phật thì khi hót lên, đều sẽ phá tan sự tôn trọng, tin tưởng duy nhất vào giáo lý ngoại đạo. Khi đó, Bồ-tát dùng sức thần thông, hiện ra một ngàn ngựa trắng hý vang và một ngàn chim trắng cất tiếng hót, tiếp nối phát huy làm hưng thịnh chánh pháp khiến không đoạn dứt, vì vậy Đức Thế Tôn gọi Bồ-tát ấy tên là Mã Minh.

Đã nói về những tướng sai khác của người soạn luận. Tiếp theo, nêu nguyên bản để giải thích. Bồn luận. (Luận gốc) nói:

*Quy mạng khắp mười phương
Nghịệp tối thắng, trí khắp
Sắc vô ngại tự tại
Đại bi cứu thế gian.*

Luận giải thích: Trong một tụng này có hai phương diện. Sao nói là hai phương diện? Đó là:

1. Tổng quát thân gồm tất cả chúng sanh.
2. Quay hướng nơi bậc Đại giác viên mãn.

Tổng quát thân gồm tức là: Thân tóm chung tất cả các mạng căn của hết thầy chúng sanh trong mười phương thế giới. Như trong luận nói “Mạng khắp mười phương”.

Quay về hướng đến tức là: Sử dụng những mạng căn như vậy quay trở về hợp với con người đầy đủ đại từ bi. Như trong luận nói “Nghịệp tối thắng trí khắp, Sắc vô ngại tự tại, Đại bi cứu thế gian”. Luận sư nêu ra ngần ấy đức tướng để ca ngợi Đấng Đại Giác, tất cả tướng trạng đó như thế nào? Tụng nói:

*Gồm tám vạn bốn ngàn
Bốn mươi tám thứ đức
Đức tối thắng v.v... đều mười
Trí vô ngại đều bốn.
Và tám vạn bốn ngàn
Các sắc tướng khác nhau
Công đức tuy vô lượng
Không ra ngoài số này.*

Luận giải thích: Bồ-tát Mã Minh tổng quát đưa ra tám vạn bốn ngàn bốn mươi tám chủng loại công đức, tôn kính ca ngợi bậc Đại Giác vô thượng. Công đức thanh tịnh trong quả Phật vị tròn đầy, tuy có vô lượng vô biên, nhưng chung quy không ra ngoài số lượng này. Vì vậy Bồ-tát Mã Minh đã ca ngợi về tướng chung như thế. Sao nói là tám vạn bốn ngàn công đức? Vì sắc tướng sai biệt nên thành tám vạn bốn ngàn công đức. Sao nói là bốn mươi? Vì hành, nghịệp, tối, thắng mỗi thứ có mười loại công đức nên thành số bốn mươi. Sao nói là tám loại? Vì trí và vô ngại đều có bốn loại nên thành tám loại.

Sao nói là mười Tối (bậc nhất)? Đó là:

1. Tối siêu quá, là rời xa địa Nhị thừa.
2. Tối xuất ly, là vĩnh viễn xa rời biên vực của ba cõi.
3. Tối đối trị, là nhanh chóng đoạn dứt bốn trụ địa.
4. Tối yếm hoạn, là đã vượt qua xóm làng của năm uẩn.
5. Tối ly ái, là vĩnh viễn lìa xa con đường rẽ vào sáu nẻo.
6. Tối uy đức, là đánh bại làm cho bảy loại quân ma phải rút lui.
7. Tối bình chúng, là tám khu rừng tà vạy đều sạch.
8. Tối trí tuệ kiểm, là quyết chặt đứt chín loại kết buộc.

9. Tối giải thoát, là đoạn trừ mười sợi dây ràng buộc.

10. Tối dừng mãnh, là bề gãy, làm cho chín mười sáu loại ngoại đạo phải khuất phục. Đây gọi là mười loại Tối, ở trong kinh nói là mười loại đệ nhất.

Sao nói là mười Thắng? Đó là:

1. Thắng Lực, là đầy đủ mười Lực.

2. Thắng Vô úy, là đầy đủ bốn Vô úy.

3. Thắng Bất cộng, là đầy đủ mười tám pháp Bất cộng thù thắng.

4. Thắng Đạo phẩm, là đầy đủ ba mươi bảy đạo phẩm.

5. Thắng Biến hóa, là đầy đủ trăm ngàn loại biến hóa.

6. Thắng Ngôn âm, là đầy đủ tám mươi tám loại Phạm âm.

7. Thắng Đoan nghiêm, là đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của đấng trượng phu.

8. Thắng Cát tường, là tùy theo cảnh giới và nơi sanh ra tất cả mọi công đức thiện căn đều được lớn lên.

9. Thắng Nan đắc, là bậc tôn kính nhất ở trong ba cõi.

10. Thắng Trú xứ, nơi cung điện mình cư trú dùng chín vạn tám ngàn loại vi diệu viên mãn mà làm cho trang nghiêm. Đây gọi là mười Thắng, ở trong kinh nói là mười loại thù thắng.

Sao nói là mười Nghiệp? Đó là:

1. Nghiệp tự nhiên, là những việc làm được tự tại.

2. Nghiệp Bình đẳng, là giáo hóa làm cho lợi ích không có gì sai khác.

3. Nghiệp Tương ứng, là thuận theo căn cơ mà xuất hiện.

4. Nghiệp Cụ túc, là đầy đủ trọn vẹn hai tư lương về phước và trí.

5. Nghiệp Vô tận, là không có giới hạn, thời gian.

6. Nghiệp Đồng sanh, là thuận theo các nẻo cõi mà thọ sanh.

7. Nghiệp Vô trước, là xa rời hệ lụy trần tục giống như hoa sen.

8. Nghiệp Y chỉ, là làm nơi trở về nương tựa giống như mặt đất.

9. Nghiệp Vô yếm, là thấu gồm chúng sanh không tận cùng giống như biển lớn.

10. Nghiệp Thông đạt, là không có chướng ngại giống như hư không. Đây gọi là mười Nghiệp, ở trong kinh nói là mười loại Tác dụng.

Sao nói là mười Biến (Hành)? Đó là:

1. Căn biến, là các sắc căn của Phật mỗi một căn-mỗi một sắc đều hiện bày khắp tất cả pháp giới.

2. Thức biến, là các tâm thức của Phật không gì là không thông

suốt.

3. Cảnh giới biến, là trí trọn vẹn đã duyên không phân chia giới hạn.

4. Thọ mạng biến, là không thể nghĩ bàn được.

5. Quyển thuộc biến, là không thể lường tính được.

6. Công đức biến, là tất cả công đức sánh bằng hư không giới.

7. Từ bi biến, là không có sự lựa chọn.

8. Ngôn thuyết biến, là âm thanh của Đức Phật vang lên không đâu là không đến.

9. Chứng biến, là không nơi nào không cùng tận.

10. Vô đẳng biến, là không có gì sánh bằng.

Đây gọi là mười Biến, ở trong kinh nói là mười loại châu biến.

Sao nói là bốn Trí? Đó là:

1. Trí quang minh vô tận tạng, vì có năng lực sinh ra mười ức một ngàn môn trí tuệ.

2. Trí nhất vị nhất tướng, vì thông suốt hằng sa hết thảy các pháp không có sai biệt.

3. Trí đại bi vô biên, vì thuận theo chúng sanh thực hiện giáo hóa đồng nhất đầy khắp tất cả mọi thế giới ở mười phương.

4. Trí vô vi tịch diệt, vì rời xa tất cả mọi hình thái gây ra nghiệp.

Đây gọi là bốn trí, ở trong kinh nói là bốn loại trí viên mãn.

Sao nói là bốn Vô ngại? Đó là:

1. Pháp vô ngại, là biết rõ về thật tướng và thật tánh của các pháp.

2. Nghĩa vô ngại, là biết rõ về các pháp cùng tướng sai biệt và tướng sanh diệt của các chúng.

3. Từ vô ngại, là không hủy hoại giả danh mà lại nói rõ thật tướng.

4. Lạc thuyết vô ngại, là phát ra lời nói diễn giảng về đại dương kinh pháp theo thứ tự không đoạn tuyệt.

Đây gọi là bốn Vô ngại, ở trong kinh nói là bốn loại trí giải thoát. Nói tự tại là chung cho cả phần trên, vì vậy không giải thích riêng, còn danh nghĩa của sắc tướng như trong Đại Tổng Trì đã giải thích rõ và rộng.

Đã nói về Giác bảo (Phật bảo), tiếp theo nói về Pháp, Tăng. Bốn luận viết:

*Đến thể tướng thân kia
Biển chân như pháp tánh*

*Kho công đức vô lượng
Tu hành đúng như thật.*

Luận giải thích: Trong một tụng này lại có hai phần. Sao nói là hai phần? Đó là:

1. Thể thù gồm tất cả thân của chúng sanh.
2. Thông hiểu toàn bộ Pháp tạng Tăng già.

Thể thù tóm: Là thù tóm toàn bộ tất cả các thân vô thường-lưu chuyển-sanh diệt của vô lượng chúng sanh, như trong luận nói “Thể tướng của thân kia”.

Thông hiểu toàn bộ: Là do thân tướng của chúng sanh như vậy, thông hiểu toàn bộ các pháp tạng rất sâu xa, và tất cả những người tu hành đúng như thật. Trong luận gốc nói “Biển chân như pháp tánh, kho công đức vô lượng, tu hành đúng như thật”. Nói “vân vân” là ý thông tỏ chung về sự lễ lạy tôn kính. Luận sư dựa vào bao nhiêu Pháp-Tạng mà lễ lạy tôn kính, tướng trạng ấy như thế nào? Tụng nói:

*Quy chung nơi mười bốn
Tăng mười và Pháp bốn
Hoặc bao gồm trên dưới
Tăng chúng có nhiều loại.*

Luận giải thích: Bồ-tát Mã Minh quy y chung nơi mười bốn xứ đức, vì Tăng có mười và Pháp có bốn, tất cả đều sai biệt.

Sao nói là Tăng có mười? Vì mười Địa sai biệt.

Sao nói là Pháp có bốn? Vì Giáo-Lý-Hành-Quả đều sai biệt. Pháp là Giáo pháp, đó gọi là tùy thuận căn cơ như biển cả kinh điển tiếp nhận tất cả chúng sanh. Tánh chân như là Lý pháp, nơi thể tánh bình đẳng của tất cả các pháp, xa rời cái giả của hư vọng, đoạn tuyệt cái thật của chấp trước. Biển là Quả pháp, đối với quả vị Diệu giác muôn đức viên mãn không có cùng tận, như biển lớn. Công đức vô lượng là Hành pháp, vì sáu độ vạn hạnh, công đức thanh tịnh cùng với quyển thuộc không thể nghĩ bàn và vượt lên trên mọi số lượng. Như là nói đến mười loại chân như. Thật tu hành nói về mười loại Chánh trí, là chứng lý chân như hướng về trí chân thật xây dựng tên gọi của Tăng. Lý và trí nối thông với nhau, chủ thể và đối tượng bình đẳng một ý vị, vì bình đẳng nên không tranh luận.

Vì sao lấy mạng nêu lên mười phương như vậy? Vì muốn biểu hiện rõ mạng căn đã thù gồm rộng lớn đầy đủ trọn vẹn không có biên vực. Vì sao lấy thân nêu lên tướng ấy? Là muốn biểu hiện rõ bốn tướng đã làm rối loạn tất cả chúng sanh đều thù tóm được hết, muốn khiến

đạt được thân kim cương thường trú bất động.

Tại sao tám Thánh không chỉ quy mạng với tự thân, mà chính là chọn lấy chung nơi thân mạng vốn có của tất cả vô lượng chúng sanh để trở về với Tam bảo? Vì biết rõ tất cả chúng sanh đều bình đẳng, bình đẳng chỉ một chân như không có sai khác, thân mạng của chúng sanh và thân mạng của mình cùng một vị một tướng không rời xa nhau. Vì vậy tụng nói là Đẳng, chữ Đẳng nghĩa rất sâu xa. Tại sao thấu đạt được vô lượng thân mạng của tất cả chúng sanh, trở về với Tam bảo, thành tựu tướng lễ lạy cung kính (hòa nam)? Do ba đời mười phương hết thấy chư Phật đều rất hoan hỷ, ba đời mười phương hết thấy các vị Bồ-tát đều rất hoan hỷ, ba đời mười phương hết thấy các Pháp tạng luôn được truyền khắp không bao giờ đoạn tuyệt.

Bồ-tát Mã Minh chứng đến địa Bất động, công đức nơi các địa dưới đều đã đầy đủ. Tại sao đối với các vị Tăng ở địa dưới thấy đều lễ lạy cung kính? Vì người là chủ thể quay trở về đều không giống với địa mình đạt được. Nếu tự mình quy y thì chỉ nên nói lễ lạy cung kính bậc đã hoàn toàn chứng đắc địa Bất động và hai địa trên. Nếu như vậy tại sao không nói các địa trước? Vì không phải không có người quy y nên không nêu ra riêng, từ trên xuống dưới đã cùng hiển hiện rõ. Lúc Bồ-tát của địa Pháp vân (Địa thứ mười) là người có thể quy y thì nên dựa vào Tăng bậc nào? Hướng về địa Diệu giác có Tăng chân thật nên không có lỗi lầm. Nếu như vậy thì sao không nêu riêng? Vì từ dưới lên trên đã cùng được biểu hiện rõ. Do đó tụng nói “Hoặc bao gồm trên dưới, Tăng chúng có nhiều loại”.

Đã nói về Pháp, Tăng, tiếp theo nói về ý nghĩa căn bản. Bốn luận nêu:

*Vì muốn khiến chúng sanh
Trừ nghi bỏ chấp tà
Khởi chánh tín Đại thừa
Dòng Phật không đoạn dứt.*

Luận giải thích: Trong một tụng này tức có hai phần. Sao nói là hai phần? Đó là:

1. Đoạn dứt mọi chướng ngại ràng buộc.
2. Liên tục được giải thoát.

Trong phần đoạn dứt có bốn loại sai biệt. Những gì là bốn loại? Đó là:

1. Phân tín tâm quyết định, làm cho vô lượng hết thấy chúng sanh đoạn trừ tâm nghi hoặc, phát khởi tâm tin bền vững, quyết định hướng

về chánh đạo Đại thừa rất sâu xa.

2. Xa rời tâm chán bỏ, vì muốn cho vô lượng hết thảy chúng sanh... rời xa tâm ý chán bỏ, tăng trưởng ý niệm cầu vui, tinh tấn đối với chánh đạo Đại thừa rất sâu xa.

3. Phần đối trị luận tà, để khiến đối trị được chín mươi sáu loại ngoại đạo lớn, cùng với chín mươi ba ngàn ngoại đạo quyến thuộc, bốn loại đại ma cùng ba mươi hai ngàn các ma quyến thuộc, đoạn trừ một trăm bốn mươi sáu ngàn loại luận thuyết thế gian, hướng vào chánh đạo rất sâu của Đại thừa.

4. Phần loại trừ chấp trước, để khiến tất cả mọi phàm phu và các hạng Nhị thừa cùng tất cả Bồ-tát, đoạn trừ năm loại nhân kiến, chứng được năm loại đối trị, đoạn trừ hai loại chấp về Pháp, chứng được hai loại đối trị, hồi hướng về chánh đạo Đại thừa rất sâu xa. Như trong Bản tụng nói “Vì muốn khiến chúng sanh, Đoạn nghi bỏ chấp tà, Khởi chánh tín Đại thừa”.

Trong phần liên tục có ba loại sai biệt. Những gì là ba loại? Đó là:

1. Không đoạn mất cửa ngõ vào đại giác, vì muốn tập hợp các nhân thành tựu vạn hạnh, trang nghiêm quả vị Đại Giác, không đoạn dứt dòng dõi Pháp vương Vô thượng.

2. Không đoạn mất kho tàng chánh pháp, làm cho tiếng vang của Phạm âm vi diệu thù thắng được xuất hiện, tuyên bày biển cả của hết thảy kinh giáo, khiến tám mươi bốn ngàn pháp tạng không bị đoạn dứt.

3. Không đoạn mất toàn thể Tăng già, khiến tu tập đại đạo của địa trước địa trên, xây dựng cung điện của pháp giới chân như, trụ giữ Tăng đoàn của hai thời Chánh pháp và Mạt pháp không bị đoạn tuyệt. Như trong Bản tụng nói “Phật chủng không đoạn dứt”. Tụng về chúng sanh nói đến phần hạn là thế nào? Là muốn đối trị, đoạn trừ những gì? Kiến lập Tam bảo không đoạn dứt? Tụng nói:

*Gồm chung người ba tụ
Vì chưa được viên mãn
Đối trị bốn loại đoạn
Xây dựng ba không dứt.*

Luận giải thích: Bồ-tát Mã Minh duyên thông với ba tụ làm cảnh giới. Vì sao? Vì chưa chứng được quả viên mãn. Như vậy, ba Tụ có ba loại của nó. Những gì là ba loại? Đó là:

1. Trước Thập Tín gọi là tụ định tà, vì không thể tin vào các loại

nghiệp nhân-quả báo. Ba Hiền và mười Thánh gọi là tụ chánh định, vì quyết định an lập vị không thoái chuyển. Mười loại tâm tín gọi là tụ bất định, vì hoặc tiến lên, hoặc lui sụt không quyết định.

2. Trước Thập Tín và mười tâm tín gọi là tụ định tà, vì đều không có thiện căn. Quả vị Đại Giác vô thượng gọi là tụ chánh định, vì đã hoàn toàn đầy đủ. Ba Hiền và mười Thánh gọi là tụ bất định, vì đều chưa đến quả cuối cùng.

3. Trước Thập Tín gọi là tụ định tà, vì không có tâm vui cầu. Mười Thánh gọi là tụ chánh định, vì đã được chứng đạt chân thật. Thập Tín và ba Hiền gọi là tụ bất định, vì chưa thể chính thức chứng đạt.

Đây gọi là ba loại. Bồ-tát Mã Minh cần đến chủng loại thứ nhất kia, là muốn đối trị bốn loại đoạn dứt, nghĩa của sự xây dựng Tam bảo không đoạn dứt. Những gì là bốn loại? Đó là:

1. Nghi hoặc đoạn, vì tâm do dự không thể quyết định được, nên đoạn mất chủng tử Tam bảo.

2. Yếm xả đoạn, vì tâm tham ái hữu nên không thể vui với pháp, do đó đoạn mất chủng tử Tam bảo.

3. Tà kiến đoạn, vì tâm vọng tưởng nên không thể có chánh kiến, vì thế đoạn mất chủng tử Tam bảo.

4. Định chấp đoạn, vì tâm chấp thật có nên không thể xa rời chấp trước, do vậy đoạn mất chủng tử Tam bảo.

Đây gọi là bốn loại đoạn dứt. Đã nói về ý nghĩa căn bản của Luận, tiếp theo là triển khai phần thể tổng quát.

Bổn Luận nói: Có pháp có thể khởi tín căn của Đại thừa, vì vậy cần phải giới thiệu.

Luận giải thích: Trong văn này có hai phần. Những gì là hai phần? Đó là:

1. Môn chủ thể nhập.

2. Môn đối tượng được nhập.

- Môn chủ thể nhập là đối với lý của đối tượng được nêu giảng khéo hướng vào.

- Môn đối tượng được nhập là khéo vì pháp kia làm nơi nương dựa. Hữu pháp là nêu tổng quát về mười sáu pháp của môn chủ thể nhập. Có thể khởi tín căn là nêu tổng quát tương tác nghiệp của môn pháp. Ma-ha-diễn là nêu tổng quát mười sáu thể của pháp được nhập cùng với thể bất nhị của Ma-ha-diễn, tín quyết định để tâm tiến lên, căn sinh trưởng để thực hành pháp. Nếu để đi vào lý thì không ra ngoài hai điểm ấy, nên gọi là tín căn.

Lại nữa, Tín gọi là Thập Tín, Căn nghĩa là từ trụ Sơ phát tâm cho đến địa Pháp Vân. Vì sao? Vì Tín ban đầu không có căn và tiến lùi tùy theo duyên, ví như hoa Ban-đa-già-y-ma. Tín về sau chuyển dần đến kiên cố bất động hơn hẳn, ví như cây Kiện cư a di lễ. Tín căn có bao nhiêu nghĩa, các tướng đó như thế nào? Tụng nói:

*Đều có mười loại nghĩa
Là trường tịnh, hạ chuyển ...*

Luận giải thích: Tín có mười loại nghĩa. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Nghĩa lắng sạch, là có năng lực làm cho tánh của tâm được thanh tịnh sáng rõ.
2. Nghĩa quyết định, là có năng lực làm cho tánh của tâm thuần nhất kiên cố.
3. Nghĩa hoan hỷ, là có năng lực khiến đoạn trừ các ưu não.
4. Nghĩa không chấp, là có năng lực khiến đoạn trừ tâm lười biếng.
5. Nghĩa tùy hỷ, là đối với công hạnh tốt đẹp của người khác luôn phát khởi tâm niệm đồng tình.
6. Nghĩa tôn trọng, là đối với những người có đức hạnh không phát sinh ý niệm khinh rẻ.
7. Nghĩa tùy thuận, là thuận theo những gì thấy nghe, không hề trái ngược.
8. Nghĩa tán thán, là thuận theo công hạnh tốt đẹp ấy mà chân thành ca ngợi.
9. Nghĩa bất hoại, là chuyên nhất tâm tư không để cho sai lầm, mất đi.
10. Nghĩa ái lạc, là có năng lực làm thành tựu tâm từ bi.

Đây gọi là mười nghĩa về Tín.

Căn có mười loại nghĩa. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Nghĩa Hạ chuyển, là có năng lực loại trừ tâm kiêu mạn.
2. Nghĩa Ẩn mật, là có năng lực giải thích lý lẽ rất sâu xa.
3. Nghĩa Xuất sanh, là sinh ra và nuôi lớn rất nhiều những công đức.
4. Nghĩa Kiên cố, là thâm giữ tất cả, không khiến cho thiếu sót.
5. Nghĩa Tương tục, là chuyển đổi cùng lớn thêm, không có đoạn dứt.
6. Nghĩa Xuất ly, là từng địa từng địa chuyển sang tốt đẹp và dần dần xa lìa.

7. Nghĩa Tập thành, là tu tập các loại pháp hành trong vô số đạo phẩm.

8. Nghĩa Mậu vinh, là dùng các đức hạnh trang nghiêm rất đáng vui mừng yêu thích.

9. Nghĩa Cụ túc, là trong quả vị Đẳng giác hoàn toàn đầy đủ nhân hạnh.

10. Nghĩa Cao thắng, là ở tại quả vị Diệu Giác thù thắng và rộng lớn nhất không có năng lực nào vượt lên trên được. Đây gọi là mười nghĩa về Căn.

Các loại sai biệt về chủ thể nhập và đối tượng được nhập, trong phần lập nghĩa sẽ nói rõ.

Đã nói về thể tổng quát, tiếp theo trình bày về sự kiến lập.

Bốn Luận nói: Giải thích có năm phần. Thế nào là năm phần? Một là phần Nhân duyên. Hai là phần Lập nghĩa. Ba là phần Giải thích. Bốn là phần Tín tâm tu hành. Năm là phần Lợi ích khuyến tu.

Luận giải thích: Tại sao theo thứ tự như thế? Vì giáo pháp nơi xuất hiện pháp vốn như vậy. Nghĩa lý này thế nào? Là muốn nói rõ thuốc hay, vị tốt (tối thượng) chính do đối trị bệnh tật chướng ngại mà xuất hiện. Giáo pháp có năng lực cảm hóa, chắc chắn do đối trị căn cơ mà phát khởi, trước bệnh không có thuốc, trước cơ nghi không có giáo pháp. Do đó đầu tiên lập phần Nhân duyên, là muốn nói rõ ngọc quý Như ý tuy chỉ là một, là căn bản của tất cả các thứ báu. Pháp Ma-ha-diễn tuy chỉ là một, nhưng trở thành thể tánh của hàng sa pháp môn, uy thế mạnh mẽ như Đại Long mới tiếp nhận sử dụng được, căn cơ sắc bén như người trí tuệ mới có thể lãnh ngộ.

Thứ hai là phần Lập nghĩa, là muốn biểu hiện rõ tạng báu Ma-ni tuy đầy đủ vô lượng các loại châu báu, nhưng mở ra hàng ngàn lớp cửa thì mọi loài rồng mới biết rõ. Nguồn gốc của pháp Đại thừa tuy đầy đủ hàng ngàn nghĩa lý không giới hạn nhưng lại tách ra giải thích giới thiệu riêng, rộng thì hàng căn cơ chậm lụt mới rõ được.

Thứ ba là lập phần Giải Thích, là muốn biểu hiện rõ tuy trong tai mắt thấy nghe pháp thuật lạ kỳ của cơn mưa báu, trong tâm tư hiểu biết rõ đức hạnh trọn vẹn vô tận, mà còn hiện ra tướng lưỡi uy nghiêm, không tranh nhau vẫn tìm được lối vào, khai thông hướng về xưa nay, không tiếp cận hay cách xa Đản na, đạt được Bảo tạng Như ý không phải bước chân lên cung điện hay đài cao. Tuy trong miệng lưỡi trì tụng từ ngữ tôn kính của giáo nghĩa, tâm tư quán sát lý lẽ sâu xa có mở rộng và tóm lược, thường xuyên thực hành thêm nữa thêm vào sự tinh tấn

hơn hẳn thì mới ở tòa kim cang. Không khởi niềm tin kiên cố, đạt được Bảo tạng pháp giới mà không có sự giải thích thì do đâu kế hợp được với nghĩa lý diệu huyền.

Thứ tư là lập phần Tín tâm tu hành, tuy mở ra pháp có rộng, lược, chỉ cho cửa ngõ tiến vào, nhưng hàng chúng sanh khiếp nhược, nghe những pháp môn nêu rộng, không thể tiến vào để tu hành, hàng chúng sanh độn căn nghe những pháp môn nói lược, nhưng không có năng lực hiểu rõ nên tâm sinh chán, xa. Những loại chúng sanh như vậy, nếu gặp được duyên khuyến khích chỉ dẫn, dần dần tiến tu, đầy đủ nhân tố của trăm hạnh đạt, đến kết quả của vạn đức. Nếu không gặp được duyên khuyến khích thúc đẩy thì càng ngày càng lùi lại xa hơn, đem hàng sa phiến não vào nơi vô tánh. Bồ-tát Mã Minh nhìn thấy lợi ích này, nên biểu hiện rõ lợi ích để khuyến khích chỉ dẫn tu hành, do đó, sau cuối lập phần Lợi ích khuyến tu.

Có nhân duyên gì mà không thêm không bớt, chỉ lập ra năm phần như vậy? Tụng nói:

*Thâu nơi Địa Đại Tổng
Gồm năm mươi pháp môn
Vì vậy không thêm bớt
Chỉ kiến lập năm phần.*

Luận giải thích: Trong mười vạn tụng trong Luận Đại Tổng Địa do Bồ-tát Mã Minh soạn, lập chung năm mươi phần, phán định giải thích về những giáo lý. Nay trong luận này, lập năm phần pháp môn, mỗi pháp môn thâu tóm mười môn kia, vì vậy không thêm không bớt, chỉ lập năm phần.

Đó gọi là luận kia kiến lập mười môn để giáo hóa đầy đủ trọn vẹn.

Phần Nhân duyên đã thâu tóm mười môn như một trăm sáu mươi pháp Ma-ha-diễn.

Phần Lập nghĩa đã thâu tóm mười môn như tùy thuận quyết trạch v.v... được an lập.

Phần Giải thích đã thâu tóm mười môn như tu tập, quyết định, hướng vào...

Phần Tu hành đã thâu tóm mười môn như khuyến tỉnh, quả trách, dẫn dắt và những gì thuộc về phần khuyến tu.

Đã nói về phần kiến lập, tiếp theo nói về phần nêu chương và phán thuyết.

Bổn Luận nói: Đầu tiên nói về phần Nhân duyên.

Hỏi: Có nhân duyên gì khiến tạo luận này?

Đáp: Có tám loại nhân duyên. Những gì là tám loại? Đó là:

1. Nhân duyên tổng tướng, nghĩa là để khiến cho chúng sanh xa rời tất cả khổ đau-đạt được niềm vui rất ráo, không phải vì cầu danh lợi và sự cung kính của thế gian.

2. Vì muốn giải thích về nghĩa lý căn bản của Như Lai, khiến các chúng sanh hiểu đúng đắn không sai lầm.

3. Vì làm cho chúng sanh thành tựu mọi thiện căn, đối với giáo pháp Đại thừa có thể đảm nhận được mà không thoái lui tâm tín.

4. Vì khiến cho những chúng sanh có thiện căn nhỏ yếu tu tập phát khởi tâm tín.

5. Vì chỉ ra phương tiện làm tiêu tan nghiệp chướng xấu ác, cố gắng bảo vệ tâm ấy rời xa ngu si kiêu mạn, à vượt ra ngoài màng lưới tà vạy.

6. Vì nêu ra phương pháp Chỉ và Quán, đối trị tâm sai lầm của hàng phàm phu, Nhị thừa.

7. Vì nêu ra phương tiện chuyên nhất tâm niệm sanh ở trước Phật, chắc chắn không thoái lui tâm tín.

8. Vì bày tỏ lợi ích để khuyến khích tu hành. Có những nhân duyên như vậy, nên làm ra luận này.

Luận giải thích: Trong tám nhân duyên này, một nhân duyên đầu làm nhân duyên chính cho phần Lập nghĩa. Hai nhân duyên tiếp theo làm nhân duyên chính cho phần Giải thích. Bốn nhân duyên tiếp theo làm nhân duyên chính cho phần Tín tâm tu hành. Một nhân duyên cuối cùng làm nhân duyên chính cho phần Lợi ích khuyến tu. Trong một nhân duyên đầu thì có bốn phần, trong bảy nhân duyên sau mỗi nhân duyên đều có ba phần.

Những gì là bốn phần? Đó là:

1. Phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện.

2. Phần chúng sanh là đối tượng được hóa độ trong giới hạn thích hợp.

3. Phần lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo.

4. Phần loại trừ mọi sự tranh luận và phỉ báng.

Những gì là ba phần? Đó là ba phần ở trước. Nay sẽ đưa ra tướng, lần lượt giải thích riêng. Nhân duyên Tổng tướng là nêu tổng quát phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện, nghĩa là làm nhân duyên chính cho thể chung của tám loại căn bản, nên nói là Nhân duyên tổng. Làm nhân duyên chính cho hai mươi bốn loại tướng phân biệt riêng,

nên nói là Nhân duyên tướng. Đối với ba mươi hai loại pháp tướng tổng và biệt này, trong phần Lập nghĩa tự chúng nói rõ. “Để khiến cho chúng sanh” là nêu tổng quát phần chúng sanh là đối tượng được hóa độ trong giới hạn thích hợp. Nghĩa là thấu tóm mười ức tám vạn sáu ngàn loại chúng sanh thuộc tụ định tà, ba mươi loại chúng sanh thuộc tụ bất định, một trăm hai mươi loại chúng sanh thuộc tụ chánh định. “Xa rời tất cả khổ, đạt niềm vui rốt ráo” là nêu tổng quát phần lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo. Nghĩa là duyên với ba Tụ làm thành cảnh giới, tuyên thuyết mở bày chỉ rõ về nội dung quan trọng của diệu pháp, nhằm khiến cho hết thảy vô lượng chúng sanh, rời xa nỗi khổ của sanh diệt, của vô thường, đạt được niềm vui căn bản của toàn bộ các tướng.

“Không phải vì cầu mong danh lợi và sự cung kính của thế gian”, là nêu tổng quát phần loại trừ mọi sự tranh luận và phỉ báng. Nghĩa là chúng sanh ngu muội dấy lên mối nghi ngờ như vậy: Bồ-tát Mã Minh ở địa Bất động chưa đến địa Pháp vân, mà duyên với các vị Bồ-tát ở địa trên, làm thành cảnh giới của đối tượng được hóa độ đó, chỉ biểu hiện sự thù thắng của mình, là cầu mong danh lợi... Có những lời nói giả dối không có nghĩa lý thật, lẽ nào Bồ-tát ở địa dưới có thể giáo hóa được Bồ-tát địa trên sao? Do đó Bồ-tát Mã Minh vì loại trừ những nghi ngờ không tin như vậy, tự thông tỏ mà nói: Tôi từ kiếp lâu xa đã thành tựu quả vị Chánh Giác, trợ giúp sự nghiệp giáo hóa làm lợi ích cho chúng sanh, vì viên mãn bốn nguyện nên tạm thời bày tỏ ở phần vị đang tu tập, không phải là nói vì mong cầu danh lợi gì khác mà nêu bày như vậy. Đã nói về Nhân duyên thứ nhất.

Nhân duyên thứ hai nói về phần giải thích nghĩa lý căn bản của Như Lai, là nêu tổng quát phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện. Nghĩa là nhân duyên này có thể làm nhân duyên chính cho sự biểu hiện rõ nghĩa chánh đối trị tất cả chấp tà, nên nói là nghĩa lý căn bản của Như Lai. Vì sao? Vì hết thảy Như Lai, suốt ba đời khắp mười phương, không một vị Phật nào không thuận theo một tâm căn bản làm thành hai môn bảy loại đối trị để thành tựu Chánh giác. “Khiến cho các chúng sanh” là nêu tổng quát phần chúng sanh là đối tượng được hóa độ trong giới hạn thích hợp. Nghĩa là thấu tóm mười ức tám vạn sáu ngàn loại chúng sanh thuộc tụ định tà. “Hiểu đúng không sai lầm” là nêu tổng quát phần nghĩa lý lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo. Nghĩa là duyên theo chúng sanh cuồng loạn thuộc tụ định tà để làm cảnh giới, tuyên thuyết, mở bày, chỉ rõ pháp rất sâu xa biểu hiện rõ nghĩa chánh để đối trị mọi chấp tà, chấn chỉnh lại sự hiểu sai lạc vô cùng

tận, phá vỡ vô số kiến giải trái ngược, đoạn trừ chướng ngại không có lòng tin của hạng xiển đề, làm cho hướng vào Đại thừa của Thập Tín. Đã nói về Nhân duyên thứ hai.

Nhân duyên thứ ba làm nhân duyên chính cho sự phân biệt phát khởi hướng về đạo. Đây gọi là phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện. Nghĩa là ba loại phát tâm. “Chúng sanh thành tựu thiện căn” là nêu tổng quát phần chúng sanh là đối tượng được hóa độ trong giới hạn thích hợp. Nghĩa là thu gồm các chúng sanh ở vị phẩm thượng của Thập Tín-ba phẩm Thập Giải-ba phẩm Thập Hạnh-ba phẩm Thập Hưởng và ba phẩm Thập Địa. “Đối với giáo pháp Đại thừa, có thể đảm nhận không thoái lui tâm tín” là nêu tổng quát phần giáo pháp lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo. Nghĩa là duyên với hai loại chúng sanh để làm cảnh giới, tuyên thuyết, mở bày, chỉ rõ ba loại phát tâm khiến vượt lên trên tự mình, có thể tiến tới tốt đẹp. Đã nói về Nhân duyên thứ ba.

Nhân duyên thứ tư làm nhân duyên chính cho phần Tín tâm tu hành, gồm có bốn loại tín tâm và bốn loại tu hành. Đây gọi là phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện. “Chúng sanh có thiện căn nhỏ, yếu” là nêu tổng quát phần chúng sanh là đối tượng được hóa độ trong giới hạn thích hợp. Nghĩa là thu tóm được chúng sanh phẩm trung ở năm tâm trước vị Thập Tín. Vì đã đạt được năm tâm trước, không phải hoàn toàn không có thiện căn, nên nói là thiện căn nhỏ, yếu. Vì chưa được năm tâm sau nên không thể đầy đủ, không gọi là thành tựu. “Tu tập khiến phát khởi tâm tín” là nêu tổng quát phần lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo. Nghĩa là có năng lực làm cho thành tựu năm tâm sau. Đã nói về Nhân duyên thứ tư.

Nhân duyên thứ năm là cuối cùng tiến vào cửa ngõ của phần Tín tâm tu hành. Lại nữa, nếu như có người tuy tín tâm tu hành, cho đến có thể tránh khỏi các chướng ngại, nuôi lớn thêm thiện căn làm nhân duyên chính, gọi là phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện. Chúng sanh trong này thu tóm được chúng sanh bậc hạ sơ, tâm ở vị Thập tín. Đây gọi là phần chúng sanh là đối tượng được hóa độ trong giới hạn thích hợp. “Tiêu trừ nghiệp chướng xấu ác...” là nêu tổng quát phần lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo. Nghĩa là nêu ra các phương tiện như lễ bái, sám hối..., để tiêu trừ các loại nghiệp chướng sâu dày. Đã nói về nhân duyên thứ năm.

Nhân duyên thứ sáu nói về phương pháp tu tập Chỉ và Quán, là nêu tổng quát phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện.

Nghĩa là làm nhân duyên chính cho phần tu hành Chỉ và Quán trong phần Tín tâm tu hành. Hàng phàm phu, Nhị thừa là nêu tổng quát phần chúng sanh bậc hạ, có hai tâm ở vị Thập tín. Tụ định tà thâu gồm hết thấy hàng Nhị thừa. “Đối trị tâm lỗi lầm” là nêu tổng quát phần lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo. Nghĩa là dùng hai luân nối thông với nhau để đối trị mọi sai lầm do kiến chấp của hàng phàm phu, Nhị thừa. Đã nói về nhân duyên thứ sáu.

Nhân duyên thứ bảy là cuối cùng của phần Tín tâm tu hành. Lại nữa, chúng sanh mới học pháp này cho đến cuối cùng được sanh ra và an trú trong tụ chánh định, nên làm nhân duyên chính. Đây gọi là phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện. Chúng sanh trong này thâu tóm được bốn tâm trước nơi vị Thập Tín, lại không thể tiến vào trong chúng sanh bậc hạ, nghĩa là trú ở thế giới này thành tựu tâm tín hết sức sợ hãi. Đây gọi là phần chúng sanh là đối tượng được hóa độ trong giới hạn thích hợp. “Chắc chắn không thoái lui tâm tín” là nêu tổng quát phần lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo. Nghĩa là dùng năng lực của duyên thù thắng để an lập trong tụ chánh định. Đã nói về nhân duyên thứ bảy.

Nhân duyên thứ tám làm nhân duyên chính cho phần bày tỏ lợi ích để khuyến khích tu hành. Đây gọi là phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện. Chúng sanh trong này thâu tóm mười ức tám vạn sáu ngàn loại các chúng sanh thuộc tụ định tà. Đây gọi là phần chúng sanh được hóa độ trong giới hạn thích hợp. Vì bày tỏ lợi ích để khuyến khích tu hành là nêu tổng quát phần lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo. Nghĩa là vì nhằm khiến cho niềm vui được tăng thêm nên giảng nói những công đức, biểu hiện rõ những sai lầm tai họa nhằm giác ngộ để lìa bỏ. Đã nói về nhân duyên thứ tám.

Tất cả các giáo pháp đều gồm hết vào phần Lập nghĩa. Tất cả các căn cơ được hóa độ đều gồm hết vào phần Nhân duyên thứ nhất, tại sao mở ra ba phần để giải thích riêng, lập ra bảy nhân duyên để giải thích phân tán như vậy? Vì muốn biểu hiện rõ sự khác nhau giữa nhanh-chậm-rộng-lược-chung và riêng. Tại sao người hàng Nhị thừa nhận lấy lần nữa về bốn xứ? Do muốn biểu hiện rõ chúng sanh Nhị thừa kém hẹp, phát tâm Bồ-đề hướng về đạo Vô thượng là vô cùng khó khăn và không thể vượt lên trên các loại chúng sanh khác. Tại sao chúng sanh thuộc loại định tà khác chỉ nhận lấy nơi ba xứ? Vì muốn biểu hiện rõ những chúng sanh khác có những lỗi lầm nhưng nhẹ hơn so với hàng Nhị thừa. Tại sao người thuộc loại bất định phân biệt chọn lấy ba phẩm?

Do muốn biểu hiện rõ chúng sanh thuộc loại bất định căn tánh mỏng, chậm, tối, phát tâm quyết định hướng về đạo vô thượng, thật sự vô cùng khó để vượt lên trên so với chúng sanh thuộc loại chánh định. Tại sao người thuộc loại chánh định không phân biệt ba phẩm mà nối thông với nhau gồm tất cả? Vì muốn biểu hiện rõ chúng sanh thuộc loại chánh định có những lỗi lầm mà nhẹ hơn so với chúng sanh bất định.

Có nhân duyên gì không thêm không bớt mà chỉ lập thành tám loại nhân duyên? Vì sao theo thứ tự như vậy? Tụng nói:

*Thâu chung Địa Đại Tổng
Có tám mươi nhân duyên
Tu hành chuyển thù thắng
Nên theo thứ tự ấy.*

Luận nói: Trong mười vạn tụng nơi Luận Đại Tổng Địa do Bồ-tát Mã Minh soạn thuật, toàn bộ lập thành tám mươi nhân duyên để làm duyên do của Luận. Nay trong Luận này, tám loại nhân duyên, mỗi loại thâu tóm mười loại nhân duyên trong Luận kia, nên không thêm không bớt, chỉ lập thành tám loại nhân duyên. Do nghĩa này nên nói là như vậy v.v..., chữ v.v... là thâu tóm chung tám mươi nhân duyên ấy.

Nhân duyên theo thứ tự thực hành từng pháp như vậy, nghĩa là loại trừ chướng ngại không tin của hạng Xiển-đề, đạt được tâm thuộc hàng Thập Tín, loại trừ chướng ngại chấp ngã, đạt được tâm thuộc hàng Thập Trụ, loại trừ chướng ngại sợ khổ đạt được tâm thuộc hàng Thập Hạnh, loại trừ chướng ngại rời bỏ, đạt được tâm thuộc hàng Thập Hồi Hướng, đoạn dứt mười loại chướng ngại của tánh phàm phu v.v... chứng đạt mười loại Địa như Hoan Hỷ v.v...

Đã nói về tám nhân duyên. Tiếp theo nói về bốn loại căn.

Bốn Luận nêu: Hỏi: Trong Khế kinh có đủ những pháp này, đâu cần phải giới thiệu lại? Đáp: Trong Khế kinh tuy có những pháp này, nhưng vì căn hạnh của chúng sanh không giống nhau, duyên tiếp nhận lý giải sai khác. Điều ấy có nghĩa là lúc Đức Như Lai còn ở thế gian thì chúng sanh căn tánh thông lợi, người là chủ thể thuyết giảng có sắc-tâm và nghiệp rất thù thắng, âm thanh trọn vẹn vừa phát ra thì các loài khác nhau đều hiểu được, vì vậy không cần đến Luận. Sau khi Đức Như Lai diệt độ, hoặc có chúng sanh có thể dùng năng lực của mình nghe nhiều, đạt được hiểu biết. Hoặc có chúng sanh cũng dùng năng lực của mình nghe ít mà hiểu biết nhiều. Hoặc có chúng sanh không có năng lực của tự tâm, nhờ vào luận bàn mở rộng mà có thể hiểu biết. Hẳn nhiên cũng có chúng sanh cho luận mở rộng văn nhiều trở thành phiền phức, tâm

chỉ thích tổng trì ít văn mà thấu gồm rất nhiều ý nghĩa, có thể dẫn đến hiểu biết. Như vậy luận này vì muốn thấu tóm toàn bộ nghĩa lý không giới hạn trong giáo pháp sâu rộng của Như Lai, do đó thuận theo giới thiệu luận này.

Luận giải thích: Trong văn ở đây có hai phần. Thế nào là hai phần? Đó là:

1. Phần nghi ngờ chất vấn không khác gì những điều đã nói.
2. Phần nêu ra thời gian, phần vị để giải quyết nghi ngờ.

Hỏi: Trong Khế kinh có đủ những pháp này, đâu cần phải giới thiệu lại. Đây là phần nghi ngờ chất vấn. Nghĩa là trong một trăm Khế kinh như Quang Minh Đại Giác... khai mở rõ tất cả vô lượng Pháp tạng, tùy căn cơ và mức độ thấu tóm đạt được lợi ích không có thiếu sót. Kẻ sĩ bậc trung đâu cần phải nhọc sức làm ra bộ luận này, để truyền lại giáo pháp ấy, càng không có gia tăng tức để hiển bày. Nay soạn ra luận này giới thiệu lại giáo pháp ấy, có thể không cầu mong những điều như danh lợi và sự ca ngợi tán thưởng hay sao? Suy cho cùng là tôn trọng tin tưởng không hết được lý lẽ đó. Đây gọi là phần nghi ngờ chất vấn không khác gì những điều đã nói.

Đáp: “Trong Khế kinh tuy có những pháp này, nhưng vì căn hành của chúng sanh không giống nhau, duyên tiếp nhận lý giải sai khác”, là tổng quát đưa ra phần giải quyết nghi ngờ. Điều ấy có nghĩa là Bồ-tát Mã Minh tự thông hiểu mà nói, hết thấy giáo lý nơi ba đời chư Phật, tự nhiên thường trú trong một ý vị là bình đẳng, hoàn toàn không có sự di chuyển, không có sanh khởi và hủy diệt, vì vậy tuy đề bảng sai khác, văn chương không giống nhau, nhưng giáo pháp ấy chỉ là một vị, chỉ là bình đẳng. Hoặc không phân chia-hoặc không riêng khác, nhưng căn tánh của chúng sanh sai biệt và nhanh chậm không đồng, tâm hành sai khác và rộng lược khác nhau. Cơ duyên được hóa độ đã khác nhau, thì người là chủ thể hóa độ không thể tự như nhau được, khiến tiếp nhận tên gọi của giáo pháp đều sai khác, khiến lãnh hội nhân duyên của văn nghĩa đều riêng. Nghĩa là hoặc có chúng sanh dựa vào vị Già Đà Tu Lê Tỳ La của Phật mà được hiểu rõ. Hoặc có chúng sanh dựa vào vị Già Đà Thi Tu Lê Tỳ La của Bồ-tát mới được hiểu rõ, do đó vì hạng người này nên cần phải soạn ra luận.

Lại nữa, lúc Như Lai còn ở thế gian thì người là đối tượng được hóa độ thanh tịnh, người là chủ thể hóa độ đầy đủ tám mươi bốn ngàn loại sắc, bốn loại tâm biến trí, mười loại tác nghiệp, mười loại thù thắng, sáu mươi tám Phạm âm trọn vẹn và tám mươi tám diệu âm, phô diễn ngay

một lúc không có trước sau, vô lượng vô biên chủng loại sai khác thấy đều hiểu được. Hoặc có chúng sanh nhìn thấy sắc tướng mâu nhiệm của Phật mà được hiểu rõ. Hoặc có chúng sanh tư duy về tâm niệm của Phật mà được hiểu rõ. Hoặc có chúng sanh quán sát mười nghiệp, mười sự thù thắng của Như Lai mà được hiểu rõ. Hoặc có chúng sanh lắng nghe Phạm âm trọn vẹn và âm thanh vi diệu của Phật mà được hiểu rõ. Như vậy, bình đẳng hiểu rõ thông suốt thì không cần đến Luận. Sau khi Đức Phật diệt độ, người là đối tượng được hóa độ tạp loạn - người là chủ thể hóa độ thiếu sót, thì cơ duyên của kinh luận khác nhau - căn tánh rộng lược sai khác. Căn tức là bốn loại căn, cơ tức là cơ của ba thừa. Thế nào là bốn loại căn? Đó là:

1. Căn tự lực mở rộng.
2. Căn tự lực tóm lược.
3. Căn không có sức phải dựa vào nơi khác mở rộng.

4. Căn không có sức phải dựa vào nơi khác tóm lược. Trong bốn loại căn tánh như vậy, hai căn đầu là chúng Tu-đa-la (Khế kinh), hai căn sau là chúng Ưu Bà Đề Da (luận nghị).

Tại sao trong phần Nhân duyên thì người là đối tượng được hóa độ viên mãn, trong phần Căn tánh thì người là đối tượng được hóa độ lại nhỏ yếu? Vì muốn biểu hiện rõ ý lạc của Tăng đoàn thanh tịnh là không có giới hạn, vì muốn biểu hiện rõ chủng loại chúng sanh tiếp nhận giáo pháp thực hành có giới hạn thích hợp của mình. Vì nhân duyên gì mà xuất hiện hai tầng giáo pháp mở rộng và tóm lược? Tương trạng đó thế nào? Tụng nói:

*Vì bốn nguyên hệ thuộc
Xuất hiện pháp môn này
Khế kinh Lăng Già Vương
Giảng giải biểu hiện rõ.*

Luận nói: Do hệ thuộc với lực của nhân duyên, nên phát sinh ra hai tầng pháp môn rất sâu xa. Vì sao? Vì ở trong Khế kinh đã giải thích biểu thị rõ. Đó là trong Khế kinh Lăng Già Vương giải thích như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Ta nhớ từ trong vô lượng kiếp quá khứ, hơn năm trăm đời làm người Tiên nhân nhục, ở chốn núi rừng chuyên tâm tu hành các pháp thanh tịnh như thực hành hạnh thiếu dục, tri túc, bốn pháp Thánh chủng. Lúc ấy, có một con rắn lớn từ trên đỉnh núi bò xuống, đến gần chỗ Ta, nghe được những điều Ta đọc tụng, bèn gieo mình lễ lạy sám hối. Xong rồi, vùi đầu dưới đất, nghẹn ngào làm văn, nói lời kệ:

Làm người Tiên nhân nhục
 Cứ trú tại núi này
 Ngày sáu thời hành đạo
 Mà nhất thời nóng giận
 Vì sức của nhân duyên
 Nay phải làm thân rắn
 Thường chịu nhiều đau khổ
 Nếu sau khi mạng chung
 Được làm thân con người
 Con sẽ là đệ tử
 Theo Ngài để tu hành
 Những lời Ngài đọc tụng
 Con luôn đọc tụng
 Vì vậy bây giờ con
 Cảm thấy rất hổ thẹn.

Nói lời kệ này xong lập tức mạng chung, về sau được làm thân người làm đệ tử của Ta. Bây giờ, lời phát nguyện cũng hổ tương hệ thuộc. Nghĩa là Ta phát lời nguyện như vậy: Nếu Ta chứng được Đạo Vô thượng, sẽ tuyên thuyết chín mươi Lạc xoa giới thiệu rộng về khế kinh, làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh. Tuyên thuyết Lạc xoa, giới thiệu tóm lược về khế kinh, làm lợi ích an vui cho toàn bộ chúng sanh. Tức là đệ tử của Ta, phát lời nguyện như vậy: Sau khi Thầy diệt độ, con sẽ tạo chín mươi bộ giới thiệu rộng về Ưu Bà Tát Đề Da, làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh. Tạo mười bộ, giới thiệu tóm lược về Ưu Bà Tát Đề Da, làm lợi ích an vui cho toàn bộ chúng sanh. Vì nhân duyên này, nay Ta tuyên thuyết các khế kinh cùng một vị. Vì nhân duyên này, nên sau khi Ta diệt độ, đệ tử của Ta hiện tạo tác luận bàn về giáo pháp”.

Đã nói về phần Nhân duyên, tiếp theo nói về phần Lập nghĩa. Danh tự pháp môn trong phần Lập nghĩa, số đó có bao nhiêu và tướng đó là thế nào? Tụng nói:

Có ba mươi ba loại
 Mười sáu pháp đối tượng hội nhập
 Mười sáu môn chủ thể hội nhập
 Và không hai riêng khác.

Luận giải thích: Danh số, pháp môn trong phần Lập nghĩa, tổng quát có ba mươi ba loại sai biệt. Những gì là ba mươi ba loại sai biệt? Đó là mười sáu pháp căn bản là đối tượng hội nhập và mười sáu môn

là chủ thể hội nhập cùng Ma-ha-diễn không hai, tất cả đều sai biệt. Tại sao Ma-ha-diễn trở thành mười sáu loại? Vì trong Ma-ha-diễn căn bản đã chia ra tám loại. Trong ba nghĩa lớn của pháp giới nhất tâm đều chia ra hai loại. Tại sao môn chủ thể hội nhập trở thành mười sáu loại? Vì pháp giới Nhất tâm và ba nghĩa lớn đều có hai loại, hoặc đều chia ra hai loại môn. Đây gọi là số vốn có.

Đã nói về Pháp số, tiếp theo sẽ giải thích riêng.

Bổn Luận nói: Ma-ha-diễn là tổng, nêu bày có hai loại. Thế nào là hai loại? Đó là: 1. Pháp. 2. Nghĩa. Nói là pháp nghĩa là tâm chúng sanh. Tâm ấy thấu gồm tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian, dựa vào tâm này hiển bày rõ nghĩa lý của Đại thừa (Ma-ha-diễn). Tại sao? Vì tâm này là tướng chân như, do đó bày tỏ thể của Đại thừa. Do tâm này là tướng nhân duyên sanh diệt, nên có thể bày tỏ tướng dụng nơi tự thể của Đại thừa.

Nói về nghĩa có ba loại. Thế nào là ba loại? Đó là:

1. Thể lớn, là tất cả các pháp đều một chân như bình đẳng không thêm không bớt.
2. Tướng lớn, là Như Lai tạng đầy đủ vô lượng pháp tánh công đức.
3. Dụng lớn, là có năng lực phát sanh tất cả mọi nhân quả thiện của thế gian và xuất thế gian, là đối tượng hành hóa gốc của tất cả chư Phật, tất cả Bồ-tát đều nhờ vào pháp này mà đến được địa Như Lai.

Luận giải thích: Trong văn này có ba phần. Thế nào là ba phần? Đó là:

1. Phần tổng thể căn bản của đối tượng hội nhập.
2. Phần biệt tướng của chủ thể nương tựa hưởng nhập.
3. Phần thông suốt phép tắc bất động.

Hai chủng loại đều có hai lớp của chủng loại đó, là trú vào tư duy, thuận theo quán xét. Ma-ha-diễn là tổng, tức là phần tổng thể căn bản của đối tượng hội nhập, chính là trong Ma-ha-diễn căn bản có tám loại sai biệt. Thế nào là tám loại? Đó là:

1. Ma-ha-diễn là một thể một tâm.
2. Ma-ha-diễn có ba phần từ một tâm.
3. Ma-ha-diễn có vô lượng vô biên các pháp sai biệt là thể lớn không thêm không bớt.
4. Ma-ha-diễn vắng lặng không tạp loạn chỉ một vị bình đẳng là thể lớn không thêm không bớt.
5. Như Lai tạng gồm đủ công đức là tướng lớn của Ma-ha-diễn.

6. Đây đủ tánh công đức là tướng lớn của Ma-ha-diễn.

7. Có năng lực phát sanh tất cả nhân quả thế gian là dụng lớn của Ma-ha-diễn.

8. Có năng lực phát sanh tất cả nhân quả tốt đẹp xuất thế gian là dụng lớn của Ma-ha-diễn.

Đây gọi là tám loại. Tám loại pháp Ma-ha-diễn như vậy, đều từ chủ thể hội nhập mà kiến lập tên gọi. Nghĩa là dùng một thể một tâm làm môn cho pháp Ma-ha-diễn hướng nhập, nên gọi là Ma-ha-diễn một thể một tâm. Cho đến dùng năng lực phát sanh tất cả nhân quả thiện xuất thế gian làm dụng lớn, trở thành môn đã hướng nhập, gọi là có thể phát sanh tất cả nhân quả tốt đẹp xuất thế gian là dụng lớn của Ma-ha-diễn. Ví như Chuyển luân Thánh vương, nghĩa là như Luân Vương thuận theo tướng luân (vòng xe) của mình mà kiến lập tên gọi, pháp Ma-ha-diễn cũng lại như vậy, thuận theo tướng môn mà kiến lập tên gọi. Trong kinh Đại Giác giải thích như vậy: “Đức Phật nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Hãy lắng nghe kỹ và cố gắng tư duy, nhớ đến điều ấy! Ta sẽ vì ông phân biệt giải thích, mở ra tám loại thân pháp. Như thế nào là tám loại? Đó là:

1. Thân pháp hướng nhập một thể.

2. Thân pháp cả ba tự hướng nhập.

3. Thân pháp hướng nhập thể lớn của các pháp sai biệt không tăng không giảm.

4. Thân pháp hướng nhập thể lớn của một tướng thuần tịnh, không xen tạp, không tăng giảm .

5. Thân pháp hướng nhập tướng lớn của Như Lai tạng gồm đủ công đức được hiển bày rõ.

6. Thân pháp hướng nhập tướng lớn của tánh công đức viên mãn được hiển bày rõ.

7. Thân pháp hướng nhập dụng lớn xuất sanh nhân quả thế gian tự tại vô ngại.

8. Thân pháp hướng nhập dụng lớn, xuất sanh nhân quả vi diệu xuất thế gian tu tập vô ngại.

Đây gọi là tám loại, cho đến nói rộng”.

Bồ-tát Mã Minh đích thực thấu tóm văn ấy, vì vậy giải thích Ma-ha-diễn là Tổng. Tổng nói đến trong này, là Tổng thể ở trong hai xứ, nghĩa là hướng lên trên và xuống dưới. Trong Luận Đại Tổng Địa chia ra tám mươi môn, giải thích riêng về pháp Ma-ha-diễn căn bản, nay tất cả thấu tóm mười thành một loại, nên chỉ thiết lập tám pháp. Do nơi

nghĩa nào mà có tám loại nên biết? Biệt tướng của chủ thể hội nhập có tám loại. Tổng thể của đối tượng được hội nhập có tám loại nên biết. Tướng pháp của tám thứ chủ thể hội nhập, đối tượng được hội nhập, hơn kém, rộng hẹp, tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Bình đẳng, một bình đẳng
Đều không có sai khác
Vì thấu tóm các pháp
Cuối cùng không tạp loạn.*

Luận giải thích: Như vậy, mười sáu pháp tướng của chủ thể hội nhập và đối tượng được hội nhập, đầy khắp mọi nơi, hoàn toàn bình đẳng, một vị, một tướng đều không sai biệt. Vì sao? Vì thấu tóm các pháp hoàn toàn rốt ráo. Nếu như vậy thì gốc, ngọn cùng với chung, riêng, tất cả đều trộn lẫn trở thành tạp loạn chăng? Cuối cùng gốc, ngọn ấy không tạp loạn, môn riêng chung ấy trước sau chẳng phải là không có, nhưng mỗi mỗi thấy đều bằng nhau về lượng, nên nói là bình đẳng, không phải cho là một pháp nên gọi là bình đẳng.

Đã nói về lớp thứ nhất. Trong bốn loại pháp thuộc lớp thứ hai đều có đủ ba môn. Thế nào là ba môn? Đó là:

1. Môn quyết định pháp căn bản đã dựa vào.
2. Phần giới hạn thích hợp căn bản đã thấu tóm các pháp nơi ngọn.
3. Phần kiến lập hai loại Ma-ha-diễn.

Đã nói pháp nghĩa là tâm chúng sanh, tức là phần quyết định pháp căn bản đã dựa vào. Nay cần dựa vào tụng chính về Tổng trì để giải thích rõ. Tướng ấy như thế nào? Tụng nói:

*Chúng nghĩa là bốn chúng
Sanh là bốn loại sanh
Là một pháp giới tạng
Khắp nơi tám xứ kia.*

Luận nói: Chúng có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Đó là:

1. Tất cả chúng Như Lai.
2. Tất cả chúng Bồ-tát.
3. Tất cả chúng Thanh văn.
4. Tất cả chúng Duyên giác.

Đây gọi là bốn chúng.

Sanh có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Đó là:

1. Noãn sanh.
2. Thai sanh.

3. Thấp sanh.

4. Hóa sanh.

Đây gọi là bốn sanh.

Quá số đếm nên gọi là chúng, thọ sanh nên là sanh, là tâm của một pháp giới. Trong tám xứ kia đầy đủ trọn vẹn cùng khắp, không thể phân tích, không thể chia lìa, chỉ là một thể, chỉ là một tướng. Vì bốn loại chúng đều gồm hết cả các Thánh, vì bốn loại sanh đều tóm tắt cả các phàm, Luận sư Mã Minh vì biểu hiện một tâm rộng lớn đầy đủ trọn vẹn, gọi là chúng sanh. Trong kinh Thuận Lý giải thích như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn phóng ra luồng ánh sáng lớn, biểu hiện thần lực xong, bảo với Phật tử: Hãy lắng nghe kỹ và cố gắng tư duy, nhớ đến điều ấy! Ta sẽ vì các ông phân biệt giải thích về một pháp giới tạng. Nay người thiện nam! Một pháp giới tạng nghĩa là khắp nơi các chúng Như Lai, các chúng Bồ-tát, các chúng Thanh văn, các chúng Duyên giác và các phàm phu, không nơi nào không thông suốt, không nơi nào không đến được, không nơi nào không ứng hợp, vì vậy gọi là một pháp giới tạng”.

Nay đều tóm tắt nên gọi là chúng sanh. Trong sáu vạn kệ tụng trong Luận Bốn Tạng của Bồ-tát Mã Minh, đã chia ra mười loại môn giải thích riêng giảng rộng. Nay lược đều tóm tắt nên chỉ nói là chúng sanh. Đã nói về Phần quyết định pháp căn bản dựa vào. Tâm này tức đều tóm tắt cả các pháp thế gian và pháp xuất thế gian, đó chính là phần giới hạn thích hợp của căn bản đều tóm pháp chi mật. Tướng đó như thế nào? Tụng nói:

*Là tâm một pháp giới
Thâu chung hai loại môn
Thâu tóm thế - xuất thế
Tạo pháp giới là pháp.*

Luận giải thích: Một tâm pháp giới đều tóm chung tất cả pháp môn sanh diệt, vì vậy gọi là đều tóm pháp thế gian. Thâu gồm chung tất cả các pháp thuộc về môn Chân như, vì vậy gọi là đều tóm pháp xuất thế gian, đều làm thành pháp giới nên gọi là pháp. Trong Kinh Tự thể giải thích như vậy: “Quảng Đại Thần Vương tức đều gồm tất cả các loại vô minh, tất cả các loại pháp nhiễm, tất cả các loại phẩm pháp thanh tịnh. Lại đều tóm tắt cả các pháp thanh tịnh, tất cả các pháp vô ngại, tất cả pháp giải thoát, tất cả pháp lìa dứt, tất cả pháp đầy đủ, tất cả các pháp vắng lặng. Nhưng Quảng Đại Thần Vương không phải là pháp thế gian, không phải là pháp xuất thế gian”. Nay đều tóm tắt nên

gọi là gồm thân. Trong tám vạn kệ tụng nơi Luận Quy Tông của Bồ-tát Mã Minh, đã chia ra hai mươi môn và giải thích tường tận, trong đây chỉ tóm lược nên như vậy.

Đã nói về phần giới hạn thích hợp của căn bản thân tóm những pháp chi mật. Dựa vào tâm này biểu hiện rõ về những nghĩa lý của Ma-ha-diễn, chính là phần kiến lập hai loại Ma-ha-diễn. Tướng đó như thế nào? Tụng nói:

*Nêu chung hai thứ môn
Nói dựa vào tâm này
Nêu chung hai pháp gốc
Chỉ rõ Ma-ha-diễn.*

Luận giải thích: Tổng quát nêu lên hai loại chủ thể hội nhập, nên nói là căn cứ vào tâm này. Tổng quát nêu lên hai loại pháp của đối tượng được hội nhập, nên nói là biểu hiện rõ nghĩa lý của Ma-ha-diễn.

Sao nói là hai môn? Đó là:

1. Môn tâm Chân như.
2. Môn tâm sanh diệt.

Sao nói là hai pháp gốc? Đó là:

1. Ma-ha-diễn của một thể.
2. Ma-ha-diễn của tự thể - tự tướng - tự dụng.

Như vậy, hai loại pháp căn bản của đối tượng hội nhập, hoặc thuận theo chủ thể hội nhập mà kiến lập tên gọi, nghĩa là dùng thể chân như làm môn của Ma-ha-diễn hướng về hội nhập, nên gọi là thể. Dùng tự tướng nơi tâm của Bản giác làm môn của Ma-ha-diễn hướng về hội nhập, nên gọi là tự. Vì môn chủ thể hội nhập có hai loại riêng, nên pháp căn bản của đối tượng hội nhập có hai loại cần biết. “Tại sao”: chính là lời thỉnh cầu thưa hỏi, nghĩa là do nghĩa gì mà trong câu “Dựa vào tâm này” có đủ hai loại môn. Trong câu “Biểu hiện rõ nghĩa của Ma-ha-diễn” có đủ hai loại pháp căn bản? Đáp: Thiết lập một tâm pháp giới thuộc môn Chân như, chính là biểu hiện rõ một Thể của pháp Ma-ha-diễn. Thiết lập một tâm pháp giới thuộc môn sanh diệt, có thể nêu rõ tự thể - tự tướng - tự dụng nơi pháp Ma-ha-diễn. Vì nghĩa này, nên biết đều có đủ hai môn và hai pháp.

Trong Kinh Đại Giác giải thích như vậy: “Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Có hai loại pháp rất sâu xa vi diệu không thể nghĩ bàn. Như thế nào là hai pháp? Đó là:

1. Ma-ha-diễn của thể tướng bình đẳng.
2. Ma-ha-diễn của tự tướng tự nhiên.

Nếu muốn chứng đắc hai loại pháp này, nên thực hành hai môn. Như thế nào là hai môn? Đó là:

1. Không đoạn - không buộc.

2. Có đoạn - có buộc. Cho đến nói rộng”. Nay thâu tóm văn này thực hiện giải thích như vậy. Trong Luận Đại Tổng Địa chia ra tám loại môn, giải thích rộng và rõ. Đã nói về phần kiến lập hai loại môn Ma-ha-diễn.

Trong nghĩa của ba đại đều lược bớt hai môn đầu và thiết lập một môn sau. Bồ-tát Mã Minh căn bản hướng về ý lạc, đưa phần sau thâu tóm phần đầu, phần giữa nên như vậy. Lại nữa, so với thứ tự tiếp theo biểu hiện rõ tất cả. Vì tụng hai nghĩa trên vốn chuyển dẫn tương ứng đưa đến nghĩa này.

1. Thể lớn, là nêu tổng quát hai loại pháp căn bản của đối tượng hội nhập. Sao nói là hai loại? Một là vô lượng vô biên các pháp sai biệt, nhưng Ma-ha-diễn không thêm không bớt. Hai là Ma-ha-diễn vắng lặng không tạp loạn, chỉ một vị bình đẳng, không thêm không bớt. Nghĩa là tất cả các pháp Chân như bình đẳng không thêm không bớt, là nêu tổng quát hai loại môn riêng của chủ thể hội nhập. Sao nói là hai loại? Nghĩa là như tên gọi của pháp căn bản, môn chủ thể hội nhập cũng như vậy.

2. Tướng lớn, là nêu tổng quát hai loại pháp căn bản của đối tượng hội nhập. Sao nói là hai loại? Một là Ma-ha-diễn của Như Lai tạng có đủ công đức. Hai là Ma-ha-diễn đầy đủ tánh công đức. Nói Như Lai tạng đầy đủ vô lượng tánh công đức, là nêu tổng quát hai loại biệt tướng của chủ thể hội nhập. Sao nói là hai loại? Đó là như tên gọi của pháp căn bản, môn cũng như vậy.

3. Dụng lớn, là nêu tổng quát hai loại pháp căn bản của đối tượng được hội nhập. Sao nói là hai loại? Một là Ma-ha-diễn có năng lực phát sanh tất cả nhân quả thế gian. Hai là Ma-ha-diễn có năng lực phát sanh tất cả nhân quả tốt đẹp của xuất thế gian. Nói Ma-ha-diễn có năng lực phát sanh tất cả nhân quả tốt đẹp của thế gian và xuất thế gian, là nêu tổng quát hai loại môn riêng biệt của chủ thể hội nhập. Sao nói là hai loại? Đó là như tên gọi của pháp căn bản, môn cũng vậy.

Ba loại nghĩa về lớn phân riêng từng phần để giải thích, như trong phẩm Bốn Địa của Luận Tổng Địa đã giải thích rõ.

Tại sao pháp Ma-ha-diễn bất nhị không có nhân duyên? Vì là pháp hết sức vi diệu, sâu xa, là tôn kính bậc nhất, xa rời mọi căn cơ. Vì sao xa rời mọi căn cơ? Vì không có căn cơ, đâu cần phải kiến lập hay không kiến lập. Pháp Ma-ha-diễn này là pháp của chư Phật đạt được

chăng? Có năng lực đối với chư Phật, nên chư Phật đạt được hay không? Bồ-tát, Nhị thừa và tất cả phàm phu cũng lại như vậy. Đại dương của tánh đức đầy đủ trọn vẹn là thế. Vì sao? Vì xa rời căn cơ, xa rời giáo thuyết.

Do đâu tám loại pháp căn bản bắt đầu từ nhân duyên? Vì ứng với cơ, thuận theo giáo thuyết.

Vì sao ứng với cơ? Vì có căn cơ. Như vậy, tám loại pháp căn bản, chư Phật đã đạt được chăng? Chư Phật đã đạt được, đạt được đối với chư Phật hay không? Bồ-tát, Nhị thừa và tất cả phàm phu cũng lại như vậy. Tu hành gieo trồng biển nhân là thế. Vì sao? Vì có căn cơ, vì có giáo thuyết. Tại sao pháp Ma-ha-diễn dựa vào môn Chân như để hướng vào mà chỉ lập tên gọi “Thế”? Tại sao dựa vào môn Chân như để hướng nhập mà pháp Ma-ha-diễn chỉ thiết lập tên gọi của tự mình? Do trong môn Chân như không có tướng khác biểu hiện, trong môn sanh diệt có tướng khác biểu hiện. Tướng khác, nghĩa là tất cả các loại pháp thuộc phẩm bất thiện. Tự, nghĩa là tất cả các loại pháp thuộc phẩm thanh tịnh. Nếu đối tượng được đối trị không có tướng khác, thì chủ thể đối trị tự nó không có, vì vậy chỉ nói là thế không nói tự. Nếu như đối tượng được đối trị có tướng khác, thì chủ thể đối trị tự nó cũng có, nên gọi là tự không chỉ là thế. Lại nữa, vì muốn biểu hiện rõ thế của một pháp giới là bình đẳng, bình đẳng không có riêng tư của mình, vô lượng tánh đức tự nhiên vốn có, không phải đạt được nhờ năng lực nào khác.

Hơn nữa, tùy nghi an lập, vì không có gì là cố định. Tại sao trong phần giải thích riêng về môn, một tâm biệt lập làm thành một, mà ba lớn hợp chung thành một, nhưng giống nhau, đều giải thích về hai loại Ma-ha-diễn? Nghĩa về ba lớn phù hợp, mới thuận theo có thể giải thích về hai loại Ma-ha-diễn. Tên gọi của nghĩa về lớn chung nơi ba loại, nên hợp làm một nghĩa, không có ý hướng gì khác. Nay đã chia ra rõ mười sáu pháp môn, hơn kém, rộng hẹp. Tướng đó thế nào? Tụng nói:

Bình đẳng, một bình đẳng

Đều không có sai khác

Vì thấu tóm các pháp

Cuối cùng không tạp loạn.

Luận giải thích: Mười sáu pháp môn của chủ thể hội nhập và đối tượng được hội nhập, đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn bình đẳng, hiện bày đủ khắp pháp giới không có sai biệt. Vì sao? Vì đều thấu tóm tất cả các pháp rốt ráo trọn vẹn, nhưng hoàn toàn không xen tạp giữa gốc và ngọn-chủ thể và đối tượng.

Đã nói về hai môn tổng - biệt, là đối tượng hành hóa căn bản của hết thầy chư Phật, tất cả Bồ-tát đều nhờ vào pháp này mà đến được địa Như Lai, chính là môn thông suốt phép tắc bất động. Nghĩa là số chư Phật đời quá khứ nhiều như vi trần, số chư Phật đời hiện tại nhiều như vi trần, số chư Phật đời vị lai nhiều như vi trần, thầy đều nhờ vào ba mươi hai loại này, an lập phương tiện rất sâu xa, đến được địa thanh tịnh vô thượng. Tất cả Bồ-tát trong ba đời khắp mười phương cũng lại như vậy. Bồ-tát nói đến trong này là chọn lấy chung tất cả chúng sanh trong ba Tụ. Vì sao? Vì không có một chúng sanh nào mà không thông đạt được địa Như Lai.



LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 2

Đã nói về phần lập nghĩa, tiếp theo nói về phần giải thích.

Danh tự, pháp môn trong phần giải thích, số lượng đó có bao nhiêu, tướng ấy thế nào? Tụng nói:

*Chỉ có bốn loại pháp
Hai mươi chín môn khác
Tóm lược không giải thích
Trong chín luận đã nêu.*

Luận giải thích: Trong phần giải thích, chỉ giải thích về bốn pháp. Những pháp môn còn lại tóm lược mà không giải thích riêng biệt. Thế nào là bốn pháp? Đó là:

1. Ma-ha-diễn nhất thể.
2. Ma-ha-diễn tam tự.
3. Môn Chân như.
4. Môn sanh diệt.

Tại sao những pháp còn lại đã lược bớt không giải thích riêng? Vì trong chín luận như Luận Nhất Tâm Biến Mãn đã giải thích. Nói Nhất tâm biến mãn trong Luận ấy chỉ giải thích bốn pháp, các pháp môn còn lại thì tóm lược, không giải thích riêng.

Thế nào là bốn pháp? Đó là:

1. Ma-ha-diễn của một thể một tâm.
2. Ma-ha-diễn của ba tự thể một tâm.
3. Môn một thể một tâm.
4. Môn ba tự thể một tâm.

Trong Luận Dung Tục Quy Chân chỉ giải thích bốn pháp, những pháp môn còn lại lược bớt, không giải thích riêng. Thế nào là bốn pháp? Đó là:

1. Ma-ha-diễn của thể đại là vô lượng vô biên các pháp sai biệt

không thêm không bớt.

2. Ma-ha-diễn của thể đại là các pháp tịch tĩnh không tạp lẫn, một vị bình đẳng không tăng, không giảm.

3. Môn của thể đại là các pháp sai biệt không thêm không bớt.

4. Môn của thể đại là các pháp một vị bình đẳng không thêm không bớt.

Trong Luận Pháp Giới Trung Tạng chỉ giải thích bốn pháp, những pháp môn còn lại thì lược bớt, không giải thích riêng. Thế nào là bốn pháp? Đó là:

1. Như Lai tạng gồm đủ công đức là tướng đại của Ma-ha-diễn.

2. Có đầy đủ tánh công đức là tướng đại của Ma-ha-diễn.

3. Như Lai tạng gồm đủ công đức là tướng đại của môn.

4. Có đầy đủ tánh công đức là tướng đại của môn.

Trong Luận Bí Mật Vi Diệu chỉ giải thích bốn pháp, những pháp môn còn lại thì lược bớt mà không giải thích riêng.

Thế nào là bốn pháp? Đó là:

1. Có năng lực phát sanh tất cả nhân quả tốt đẹp của thế gian là dụng lớn của Ma-ha-diễn.

2. Có năng lực phát sanh tất cả nhân quả tốt đẹp của xuất thế gian là dụng lớn của Ma-ha-diễn.

3. Nhân quả tốt đẹp của thế gian là dụng lớn của môn.

4. Nhân quả tốt đẹp của xuất thế gian là dụng lớn của Môn.

Trong Luận Chúng Mạng Hợp Nhất chỉ giải thích bốn pháp, những pháp môn còn lại thì lược bớt mà không giải thích riêng. Thế nào là bốn pháp? Đó là:

1. Vô lượng vô biên các pháp sai biệt không thêm không bớt là Ma-ha-diễn.

2. Tịch tĩnh không tạp loạn chỉ một vị bình đẳng không thêm không bớt là Ma-ha-diễn.

3. Các pháp sai biệt không thêm không bớt là môn.

4. Một vị bình đẳng không thêm không bớt là môn.

Trong Luận Tam Muội Chân Chư chỉ giải thích bốn pháp, những pháp môn còn lại đã lược bớt mà không giải thích riêng.

Thế nào là bốn pháp? Đó là:

1. Ma-ha-diễn của Như Lai tạng gồm đủ công đức.

2. Ma-ha-diễn có đầy đủ tánh công đức.

3. Môn Như Lai tạng có đủ công đức.

4. Môn có đầy đủ tánh công đức.

Trong Luận Tâm Tánh Thanh Tịnh chỉ giải thích bốn pháp, những pháp môn còn lại thì lược bớt mà không giải thích riêng.

Thế nào là bốn pháp? Đó là:

1. Ma-ha-diễn có năng lực phát sanh tất cả nhân quả thế gian.
2. Ma-ha-diễn có năng lực phát sanh tất cả nhân quả tốt đẹp của xuất thế gian.
3. Môn nhân quả thế gian.
4. Môn nhân quả tốt đẹp của xuất thế gian.

Trong hai loại Luận Bất Động Bản Nguyên và Thâm Thâm Huyền Lý chỉ giải thích một pháp, những pháp môn còn lại đã lược bớt, không giải thích riêng. Thế nào là một pháp? Đó gọi là pháp Ma-ha-diễn bất nhị, giải thích rộng ra hay giải thích sơ lược đều khác nhau. Tại sao trong các luận kiến lập môn pháp đều nêu đủ số lượng vốn có, còn trong phần giảng giải rộng về môn đều thiếu đi số lượng đó? Vì muốn biểu hiện rõ pháp thể không phân chia nghĩa lý mà môn loại có thể sai khác. Hơn nữa, vì muốn làm cho người học nâng cao năng lực tư duy. Lại nữa, vì nhằm khiến mở bày rõ giáo lý sâu xa và hết sức cao rộng, xuất sanh tâm ca ngợi, tôn trọng. Vả lại, vì muốn biểu hiện rõ pháp môn rộng lớn như hư không, nghĩa lý vô cùng vô tận như đại dương trong suốt diệu kỳ, nói năng giảng giải không thể bàn luận hết, tư duy cũng không biết được số lượng đó ra sao.

Đã nói về phần số lượng căn bản, tiếp theo sẽ giải thích riêng.

Bổn Luận nói: Giải thích có ba loại. Sao nói là ba loại? Đó là:

1. Biểu hiện rõ về nghĩa chánh yếu.
2. Đối trị những chấp tà.
3. Phân biệt tướng phát khởi tương hưởng về đạo.

Luận giải thích: Ba môn như vậy giải thích số lượng môn lớn của bốn pháp.

Bổn Luận nói: Biểu hiện rõ về nghĩa chánh yếu, là dựa vào một tâm pháp có hai loại môn. Sao nói là hai loại? Đó là:

1. Môn tâm Chân như.
2. Môn tâm sanh diệt. Hai loại môn này mỗi môn đều thấu tóm tổng quát tất cả các pháp. Nghĩa này nói gì? Vì hai môn này không tách rời nhau.

Luận giải thích: Chính là phần giải thích tóm lược, trong này có ba môn. Thế nào là ba môn? Đó là:

1. Phần kiến lập bốn loại pháp tướng.
2. Phần pháp môn thấu tóm đầy đủ trọn vẹn.

3. Phần phát khởi hỏi, đáp để làm rõ nhân.

Dựa vào một tâm pháp có hai loại môn. Sao nói là hai loại? Đó là:

1. Môn tâm Chân như.

2. Môn tâm sanh diệt, tức là phần kiến lập bốn loại pháp tướng. Tên gọi về hai pháp - hai môn có sai biệt, số lượng đó có bao nhiêu, tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Đều có mười loại tên
Khế kinh nói khác nhau
Nhưng không có Thể khác
Thuận theo thể lập tên.*

Luận giải thích: Hai pháp - hai môn đều có mười tên gọi, trong các khế kinh phân biệt giải thích khác nhau, nhưng thể của pháp ấy không có sai biệt, tùy theo công năng kia mà lập tên gọi của nó. Mười tên gọi của hai loại pháp căn bản là thể nào? Tụng nói:

*Tỳ Ma Ha Kiện Na
Ma Ha Cưu Thi Đế,
Ma Thi Đà Na La
Ma Ca La Câu Xá,
Tất Tát Y Ni La
Bà Già Bà Câu Xá,
Tất Đạt Ma Biên Na
Hoặc gọi Ma-ha-diễn,
Bà Già Xoa La Bà
Tất A Tố Ma Lợi.
Mười tên gọi như vậy
Chung hai loại pháp gốc.*

Luận giải thích: Hai loại pháp căn bản đều có mười tên gọi. Tên gọi thì chung mà nghĩa khác nhau. Sao nói là mười tên gọi? Đó là:

1. Gọi là Quảng Đại Thần Vương. Trong này có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Cưu Na Da Thần Vương. Hai là Già Tỳ Khư La Thần Vương. Thần Vương thứ nhất ở núi Kim Cang, luôn chỉ sanh ra các loại thần an lành. Thần Vương thứ hai ở trong biển lớn, nối thông khắp nơi, sanh ra tất cả các loại thần chúng an lành và thần chúng tai họa. Quảng Đại Thần Vương của hai loại pháp căn bản cũng lại như vậy. Một là Thể pháp căn bản, hoàn toàn sanh ra pháp Chân như thanh tịnh. Hai là ba tự pháp căn bản, nối thông khắp nơi sanh ra tất cả các loại phẩm pháp thanh tịnh và phẩm pháp nhiễm ô. Trong Kinh Tự Thể

giảng giải như vậy: “Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến trước Đức Phật thưa: Thưa Thế Tôn! Hai loại Đại thừa rất sâu xa và hết sức vi diệu, tâm mọi người không biết, không hiểu là đồng nhất hay biệt dị, nên nghi ngờ vô cùng, nếu như thích hợp thì thỉnh cầu Đức Thế Tôn giảng giải lại cho mọi người! Đức Phật thị hiện sắc tướng nói Bồ-tát Văn-thù: Này người thiện nam! Hai pháp như vậy: ví như Kim Cang Thần Vương và Chủ Hải Thần Vương, tướng của họ đều sai khác”.

Nghĩa là như Kim Cang Thần Vương ở núi Kim Cang, hiện ra các cảnh giới, chỉ hiện rõ ánh sáng vàng chói, không hiện ra ánh sáng nào khác. Kim Cang Thần Vương của Chân như nhất tâm cũng lại như vậy, chỉ có pháp tịnh, không có pháp nào khác. Lại như Kim Cang Thần Vương chỉ sanh ra quyền thuộc thanh tịnh, luôn không sanh ra quyền thuộc tạp loạn. Chân như nhất tâm cũng lại như vậy, chỉ sanh ra pháp thanh tịnh vô cấu.

Lại nữa, ví như Chủ Hải Thần Vương ở trong biển lớn, sanh ra các loại quyền thuộc xấu dữ và các loại quyền thuộc thiện diệu. Chủ Hải Thần Vương của một tâm sanh diệt cũng lại như vậy, sanh ra tất cả các pháp thanh tịnh và nhiễm ô.

2. Gọi là Đại Hư Không Vương. Ở đây có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Không Tự Tại Không Vương. Hai là Sắc Tự Tại Không Vương. Không Vương thứ nhất lấy không dung nạp tiếp nhận trở thành tự tại. Không Vương thứ hai lấy sắc dung nạp tiếp nhận trở thành tự tại.

Hai loại pháp căn bản cũng lại như vậy, Không Vương một thể lấy xứ Vô trú để tự tại, Không Vương ba Tự lấy xứ Hữu trú để thành tự tại.

Trong Kinh Kim Cang Tam Muội giải thích như vậy: “Nhất tâm như pháp, lý tự thể rỗng lặng không có gì, như Không Vương kia vốn không có trú xứ”. Trong kinh Nhất Địa giải thích như vậy: “Nhất tâm pháp thể, đối với các chướng ngại, không có chướng ngại, khiến trú vào các pháp, ví như Không Vương đối với tất cả các sắc, được tự tại nên dung nạp tiếp nhận đại chúng”.

3. Gọi là Xuất Sanh Long Vương. Trong này có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Xuất Sanh Quang Minh Long Vương. Hai là Xuất Sanh Phong Thủy Long Vương. Long Vương thứ nhất dùng ánh sáng thanh tịnh làm nơi nương dựa. Long Vương thứ hai dùng đức của gió và nước làm nơi nương dựa. Hai loại pháp căn bản Xuất Sanh Long Vương cũng lại như vậy. Một thể pháp căn bản lấy pháp thuần tịnh làm thể của

mình. Ba Tự pháp căn bản lấy pháp nhiệm và tịnh làm đức của mình.

Trong kinh Thuận Lý giải thích như vậy: “Pháp căn bản nhất tâm thuần nhất không có xen tạp, ví như Quang Minh Long Vương lấy ánh sáng thanh tịnh làm cung điện, lấy ánh sáng thanh tịnh làm tướng thân mình, lấy ánh sáng thanh tịnh để làm đồ chúng”.

Trong kinh Vô Thỉ giải thích như vậy: “Ví như trong biển lớn có Đại Long Vương, tên là Xuất Sanh Phong Thủy, từ trên đỉnh đầu của Long Vương đó sanh ra nước trong veo, từ cuối phần đuôi của Long Vương sanh ra ngọn gió mát mẻ, do Long Vương này nên gió nước trong biển lớn luôn nối tiếp nhau không lúc nào ngừng lại. Long Vương của Nhất Tâm cũng lại như vậy, có năng lực sanh ra tất cả các pháp sai biệt và bình đẳng, hết thảy các loại luôn nối tiếp nhau không hề có sự đoạn tuyệt”.

4. Gọi là Như Ý Châu Tạng. Trong này có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Kim Vương Như Ý. Hai là Mãn Chủ Như Ý. Như Ý thứ nhất chỉ sanh ra kim cang, Như Ý thứ hai sanh ra đầy đủ các vật tốt đẹp và xấu xí. Hai loại pháp căn bản cũng lại như vậy. Như Ý của một Thế chỉ sanh ra pháp thanh tịnh. Như Ý của ba Tự sanh ra tất cả các pháp nhiệm và tịnh.

Trong kinh Như Như giải thích như vậy: “Đức Phật nói với Bồ-tát Kim Cang Tạng: Này Phật Tử! Ví như Chim cánh vàng chứa mạng chung, sau đó tim của nó rơi vào biển thành ngọc báu như ý, có năng lực phát sanh cát vàng lợi ích cho Long Vương. Pháp căn bản nhất tâm cũng lại như vậy, có năng lực phát sanh chân lý làm lợi ích đầy đủ và trọn vẹn”.

Vì vậy trong kinh Bốn Tánh Trí giải thích như vậy: “Ví như loài quý Già Đa Lợi, vì báo ân nên suốt một vạn kiếp, làm ngọc châu như ý tạo lợi ích cho chúng sanh ở biển.

Như Ý của Nhất tâm cũng lại như vậy, có năng lực sanh ra và nuôi lớn pháp sanh tử cùng pháp Niết-bàn”.

5. Gọi là Phương Đẳng. Trong này có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Bạch Hào Phương Đẳng. Hai là Loạn Sắc Phương Đẳng. Trong Phương Đẳng thứ nhất chỉ hiện rõ ở trước hình tượng loài trời. Trong Phương Đẳng thứ hai hiện bày trước tất cả năm đường. Như vậy thân phận hai loại (hào) chúng sanh, biểu hiện hoàn toàn rõ ví như gương sáng. Hai loại pháp căn bản cũng lại như vậy.

Trong kinh Nhiếp Vô Lượng giải thích như vậy: “Thanh tịnh pháp giới như Bạch Hào Phương Đẳng (Bạch Tất Tát Y Ni La), vô tận pháp

giới như Loạn Sắc Phương Đẳng (Loạn Tất Tất Y Ni La)”.

6. Gọi là Như Lai tạng. Ở đây có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Như Lai tạng Viên Chuyển Viên Phược. Hai là Như Lai tạng Dữ hành, Dữ Tướng. Trong kinh Thật Tế giải thích như vậy: “Này Phật Tử! Như Lai tạng là chỉ có giác ngộ, chỉ có Như Như, xa rời nhân tố lưu chuyển, xa rời sự trói buộc của suy nghĩ hiểu biết, tuyệt đối trong sáng, vì vậy gọi là Như Lai tạng”.

Trong kinh Lăng Già giải thích như vậy: “Như Lai tạng là nhân của thiện và bất thiện, nhận chịu quả khổ hay vui, cùng với nhân thiện, bất thiện đều có, hoặc sanh ra hoặc diệt, giống như người có pháp thuật biến hóa”.

7. Gọi là Nhất Pháp Giới. Trong này có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Nhất Pháp Giới Thuần Bạch. Hai là Nhất Pháp Giới Vô Tận. Pháp Giới thứ nhất như thời gian kiếp Không. Pháp Giới thứ hai như thời gian kiếp Trụ.

Trong kinh Chân Pháp Giới giải thích như vậy: “Chủng loại hư không vô ngại giống như thời gian dài rộng lặng, chủng loại đầy khắp vô ngại giống như thời gian dài có tồn tại”.

8. Gọi là Ma-ha-diễn, nghĩa như trước đã giải thích.

9. Gọi là Trung Thật. Trong này có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Trung Thật Đẳng Trú. Hai là Trung Thật Biệt Trú. Trung Thật thứ nhất giống như hạt minh châu riêng biệt, Trung Thật thứ hai giống như hạt minh châu thuận theo. Trong kinh Minh Trung Thật giải thích như vậy: “Xa rời các biên là chân tâm, nếu Chân như dựa vào thì như hạt minh châu dị đồng. Nếu sanh diệt dựa vào thì như hạt minh châu đồng dị”.

10. Gọi là Nhất Tâm. Trong này có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Nhất Tâm Thị Nhất Thị Nhất. Hai là Nhất Tâm Thị Nhất Thiết Thị Nhất Thiết. Nhất Tâm thứ nhất tùy theo những việc làm để thiết lập tên gọi. Nhất Tâm thứ hai tùy theo năng lực làm việc mà thiết lập tên gọi.

Trong kinh Nhất Tâm Pháp giải thích như vậy: “Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến trước Đức Phật, thưa: Thưa Thế Tôn! Trong kinh Bốn Địa giảng giải như vậy: Thể tánh của tâm ấy chẳng lớn - chẳng nhỏ, chẳng phải pháp - chẳng phải phi pháp, chẳng giống nhau - chẳng sai khác, chẳng phải một - chẳng phải tất cả, là do nhân duyên gì? Hôm nay tự nhiên nói Chân như nhất tâm vì một nhân nên là Nhất tâm, Sanh diệt nhất tâm vì nhiều nhân nên là Nhất tâm, há không phải là Đức Thế

Tôn đã trái ngược nhau không có trước sau chẳng! Đức Phật dạy: Này người thiện nam! Đừng khởi ý nghĩ như vậy! Vì sao như thế? Vì tâm pháp chẳng phải là một, vì nhân thực hiện chỉ là một nên tạm gọi là Nhất tâm, tâm pháp chẳng phải là tất cả, vì nhân thực hiện là tất cả nên tạm gọi là tất cả tâm. Nhưng nói một tâm chứ không nói là tất cả các tâm, là tùy theo năng lực thực hiện của tâm để thiết lập tên gọi của nó, cho đến giải thích rộng”.

Đây gọi là mười tên gọi. Mười tên gọi như vậy thâu tóm toàn bộ tên gọi nơi tất cả các pháp tạng căn bản của chư Phật.

Đã nói về mười loại tên gọi riêng của hai pháp, tiếp theo nói về tên gọi sai biệt của hai Môn. Mười tên gọi của Chân Như, tương đó thế nào? Tụng nói:

*Bà Già Bà Câu Xá
Kiện Già A Đa Na
Tất Bồ Đề Bà Lê
Kiện Ha Kiện Bà Na
A Đà A Chỉ Ni
A Già A Thử Đa
Ây Độ La Nặc Bồ Đề
Mạc Hô Kiện Na Địa
Ma Ha Tiêu Đà Nhất
Bà A Xoa Ni La
Mười tên gọi như vậy
Chân như không cùng xưng.*

Luận giải thích: Môn tâm Chân như có mười loại tên gọi. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Gọi là môn Như Lai tạng, vì không hề tạp loạn.
2. Gọi là môn Bình đẳng bất nhị, vì không có sai biệt.
3. Gọi là môn Nhất đạo thanh tịnh, vì không có đường rẽ nào khác.
4. Gọi là môn Bất khởi bất động, vì xa rời tác nghiệp.
5. Gọi là môn Vô đoạn vô phược, vì không có đối trị chướng ngại.
6. Gọi là môn Vô khứ vô lai, vì không có trên dưới.
7. Gọi là môn Xuất thế gian, vì không có bốn tướng.
8. Gọi là môn Tịch diệt tịch tĩnh, vì không có qua lại.
9. Gọi là môn Đại tổng tướng, vì không có tướng riêng.
10. Gọi là Môn Chân như, vì không có giả đối.

Đây gọi là mười tên gọi. Mười tên gọi như vậy, thâu tóm toàn bộ

tất cả danh tự - pháp môn - nghĩa lý bình đẳng trong tất cả Pháp tạng của chư Phật.

Mười tên gọi của môn sanh diệt, tướng đó thế nào? Tụng nói:

*A-lê-da Kiện Ma
Bà Già Bà Câu Xá
A Y Bà Na La
Kiện Ha Kiện Chử Ni
Kiện Già Kiện Thử Na
Xoa Nhãn Phiệt Na La
La Nặc Bồ Đế Ni
Xà Phược Đa Niết Bàn
A Chử Già Na Thi
Đa Bạt Đa Kiện Xá
Mười tên gọi như vậy
Sanh diệt không cùng nêu.*

Luận giải thích: Môn tâm sanh diệt có mười loại tên gọi. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Gọi là môn Tạng thức, vì thù giữ tất cả các pháp nhiệm và tịnh.
2. Gọi là môn Như Lai tạng, vì che giữ thể của Pháp thân Như Lai.
3. Gọi là môn Khởi động, vì liên tục tạo ra nghiệp.
4. Gọi là môn Hữu đoạn hữu phược, vì có đối trị chướng ngại.
5. Gọi là môn Hữu khứ hữu lai, vì có trên dưới.
6. Gọi là môn Đa tướng phần dị, vì pháp nhiệm và tịnh nhiều vô số kể.
7. Gọi là môn Thế gian, vì bốn tướng đều chuyển.
8. Gọi là môn Lưu chuyển hoàn diệt, vì có đầy đủ pháp sanh tử và Niết-bàn.
9. Gọi là Tương đãi câu thành, vì không có pháp nào tự riêng nó mà thành.
10. Gọi là môn Sanh diệt, vì biểu lộ tướng vô thường.

Đây gọi là mười loại. Mười tên gọi như vậy, thù tóm toàn bộ các loại danh tự - pháp môn sai biệt trong tất cả các pháp tạng của chư Phật.

Đã nói về mười loại tên gọi sai khác của hai Môn, tiếp theo nói về phần tướng đồng - dị. Hai loại pháp căn bản đồng - dị sai biệt, tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Có ba khác - hai giống
 Điều nương, môn cảnh
 Điều khắp nơi - tên đồng
 Đồng tên mà nghĩa khác.*

Luận nói: Hai loại pháp căn bản có ba khác biệt và hai giống nhau. Thế nào là ba khác biệt? Đó là:

1. Nơi nương vào khác biệt, vì tất cả có chỗ dựa là Ma-ha-diễn.
2. Môn khác biệt, vì đều có đủ môn chủ thể hội nhập có sai biệt.
3. Cảnh giới khác biệt, vì đều duyên vào nơi nương tựa của chính nó làm cảnh giới.

Đây gọi là ba khác biệt. Thế nào là hai giống nhau? Đó là:

1. Khắp nơi như nhau, vì pháp giới rộng khắp cùng một số lượng.
2. Tên gọi như nhau.

Mười loại tên gọi nối thông với hai pháp. Đây gọi là hai giống nhau. Vì sao? Vì cùng chung tên gọi nhưng nghĩa khác nhau. Hai loại pháp môn đồng - dị sai biệt, tương đó thế nào? Tụng nói:

*Có bảy khác - một giống
 Người, Pháp, Nương, Thể, Hành
 Cảnh giới phân vị khác
 Tên khác, nghĩa lý khác.*

Luận nói: Hai loại môn này có bảy khác biệt và một giống nhau. Thế nào là bảy khác biệt? Đó là:

1. Mọi người khác nhau, vì trong môn Chân như chỉ có người giải thoát thanh tịnh. Trong môn sanh diệt có đầy đủ tất cả chúng sanh thuộc ba Tụ.

2. Pháp môn khác nhau, vì trong môn Chân như chỉ có phẩm pháp luôn thuần khiết. Trong môn sanh diệt có đầy đủ tất cả các pháp nhiễm và tịnh.

3. Nơi nương tựa khác nhau, vì tất cả có nơi nương tựa là Ma-ha-diễn.

4. Thực hành pháp khác nhau, vì trong môn Chân như một tâm một niệm sanh khởi đã bị trói buộc thì không sanh khởi, xem như công hành của mình. Trong môn sanh diệt lấy sanh để diệt sanh - lấy diệt để diệt trừ diệt được xem như công hành của mình.

5. Thể tướng khác nhau, vì môn tâm Chân như cùng với bốn tâm của mình là đồng đẳng. Môn tâm sanh diệt cùng với bốn tâm của mình là sai khác. Trong kinh Lăng Già giải thích như vậy: “Tịch diệt gọi là Nhất tâm, Nhất tâm gọi là Như Lai tạng”.

6. Cảnh giới khác nhau, vì đều duyên với nơi nó nương tựa làm thành cảnh giới.

7. Vị địa khác nhau, vì trong môn Chân như an trú lẫn lộn với nhau, còn trong môn sanh diệt thì an trú qua lại. Đây gọi là bảy khác biệt. Thế nào là một giống nhau? Nghĩa là khắp nơi như nhau. Vì sao? Vì khác tên gọi và khác nghĩa lý.

Địa, vị hai môn trong các kinh nào giải thích biểu hiện rõ, tất cả có bao nhiêu địa, vị? Tụng nói:

*Khế kinh như Lăng Già...
Chân như có một loại
Môn sanh diệt có hai
Vị trên dưới lẫn lộn.*

Luận giải thích: Địa, vị nơi hai môn trong các kinh như Lăng Già... giải thích biểu hiện rõ. Nghĩa là trong kinh Đại Bản Lăng Già giải thích như vậy:

*Hồi hướng tức tâm tín
Tâm tín là Phật địa
Địa Phật tức mười Địa
Mười Địa tức phát tâm.*

Trong kinh Phân lưu Lăng Già giải thích như vậy:

*Địa thứ mười là Địa thứ nhất
Địa thứ nhất là Địa thứ tám
Địa thứ chín là Địa thứ bảy
Địa thứ bảy là Địa thứ tám
Địa thứ hai là Địa thứ ba
Địa thứ tư là Địa thứ năm
Địa thứ ba là Địa thứ sáu
Tịch diệt phát sanh thứ tự gì?*

Trong kinh Chân Tu giải thích như vậy:

*Mẹ một tuổi một lúc
Sanh con năm mươi tuổi
Con trẻ năm mươi tuổi
Mẹ một tuổi mang thai
Một tuổi sanh năm mươi
Con trai đại trượng phu
Hoặc há có như vậy?
Hoặc há không như vậy?*

Các kinh như vậy v.v... đã căn cứ vào tâm, môn Chân như kiến lập

vị địa, đối với môn Chân như chỉ có địa, vị trí hoàn toàn tạp loạn không có vị địa nào khác. Do vậy tụng nói là “chỉ có loạn”. Trong các kinh khác nói đủ loại vị địa thứ tự qua lại dựa vào môn sanh diệt mà được an lập, cần phải quán sát kỹ. Đối với môn sanh diệt thì có hai loại vị địa. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Môn Hưởng thượng.

2. Môn Hưởng hạ.

Sanh diệt và Quyết trạch, hai môn như vậy từ đây sẽ nói rõ. Môn tâm sanh diệt từ chánh trí đã chứng tánh thì lý Chân như thuộc về môn nào? Thuộc về môn sanh diệt chứ không phải là môn Chân như, vì phân giới khác biệt. Chân như trong hai môn lại có sai biệt thế nào? Lý của môn Chân như là lý từ nơi lý. Lý của môn sanh diệt là trí từ nơi lý. Vị địa của hai môn vì nghĩa gì mà lý đó đều khác biệt? Vì Chân như thì không có chướng ngại còn sanh diệt thì có chướng ngại. Đưa ra một phương diện này để tùy đó quán xét thích hợp.

Đã nói về phương diện kiến lập bốn loại pháp tướng, hai phương diện này (chủng môn) đều thâm tóm tổng quát trong giới hạn mỗi loại. Tất cả các pháp chính là phần pháp môn thâm tóm đầy đủ trọn vẹn. Nghĩa là dùng môn Chân như thâm tóm tất cả các pháp, nên không một pháp nào không phải là Chân như. Dùng môn sanh diệt thâm tóm tất cả các pháp, vì thế không một pháp nào không phải là Sanh diệt. Nhưng môn Chân như, không thể thâm gồm tất cả các pháp trong môn sanh diệt, còn môn sanh diệt thì không thể nào thâm tóm tất cả các pháp thuộc về môn Chân như. Nhưng nói thâm tóm tổng quát tất cả các pháp, là thâm tóm tổng quát tất cả các pháp Sanh diệt, thâm gồm tổng quát tất cả các pháp Chân như. Vì sao? Vì hai Môn như vậy đều bình đẳng và có những sai biệt của mỗi Môn.

Đã nói về phương diện pháp môn thâm gồm đầy đủ trọn vẹn. Nghĩa ấy là thế nào? Vì hai Môn này không tách rời nhau, chính là phần phát khởi hỏi đáp để biểu hiện nhân. Nghĩa là trực tiếp bày tỏ câu hỏi và trực tiếp giải thích để trả lời.

Đã nói về phần giải thích tóm lược, tiếp theo nói về phần giải thích mở rộng.

Bổn Luận nói: Tâm chân như chính là Thể của pháp môn nơi tổng tướng lớn của một pháp giới, nghĩa là tánh của tâm bất sanh bất diệt, tất cả các pháp chỉ dựa vào niệm vọng mà có sai biệt, nếu xa rời tâm niệm thì không có tướng của tất cả cảnh giới. Vì vậy, tất cả các pháp từ xưa đến nay, xa rời tướng ngôn thuyết, xa rời tướng danh tự, xa rời

tướng tâm duyên và hoàn toàn bình đẳng, không có biến đổi, không thể phá hủy, chỉ là một tâm nên gọi là Chân như. Do tất cả ngôn ngữ trình bày đều là giả danh không thật, chỉ tùy theo vọng niệm nên không thể đạt được. Nói là Chân như cũng không hề có tướng, nghĩa là đạt tới tột cùng của ngôn ngữ diễn tả, dựa vào ngôn ngữ loại trừ ngôn ngữ. Thể của Chân như này không gì có thể gạt bỏ, vì tất cả các pháp đều là chân thật. Cũng không thể thiết lập, vì tất cả các pháp đều cùng là Như. Nên biết tất cả các pháp, không thể diễn tả và không thể suy nghĩ được, nên gọi là Chân Như.

Hỏi: Nếu nghĩa lý như vậy thì các loại chúng sanh làm sao tùy thuận để có thể hội nhập được?

Đáp: Nếu như biết tất cả các pháp, tuy không có gì có thể nói mà lại đáng nói, tuy nghĩ đến cũng không có thể nghĩ mà có thể nghĩ được, thì gọi là tùy thuận. Nếu như xa rời diễn tả, suy nghĩ thì gọi là được hội nhập.

Lại nữa, Chân như dựa vào ngôn ngữ diễn tả, phân biệt có hai loại nghĩa. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Như thật không, vì năng lực cứu cánh biểu hiện rõ thật.

2. Như thật bất không, vì có tự thể đầy đủ tánh công đức vô lậu. Nói là không, là từ xưa đến nay không tương ứng với tất cả các pháp nhiệm ô, nghĩa là xa rời tướng sai biệt của tất cả các pháp, vì không có tâm niệm hư vọng. Nên biết tự tánh của chân như chẳng phải có tướng, chẳng phải là không tướng, phi phi có tướng, phi phi không tướng, chẳng phải có, không cùng là tướng, chẳng phải một tướng, chẳng phải khác tướng, không chẳng phải một tướng, không chẳng phải khác tướng, chẳng phải một và khác đều là tướng, cho đến nói tổng quát, căn cứ vào tất cả chúng sanh mà có tâm vọng, niệm niệm phân biệt đều không tương ứng nên nói là không. Nếu xa rời tâm vọng thì thật sự không có gì là không. Nói là bất không, là vì đã biểu hiện thể của pháp là không mà không có vọng tướng, chính là chân tâm thường hằng bất biến, đầy đủ các pháp thanh tịnh, gọi là bất không, cũng không có tướng nào có thể giữ lấy, vì xa rời cảnh giới phân biệt chỉ chứng đạt tương ứng.

Luận giải thích: Đây chính là phần giải thích mở rộng. Trong này có ba môn. Thế nào là ba môn? Đó là:

1. Môn thể tánh căn bản của Chân Như.

2. Môn phát khởi vấn đáp giải quyết nghi ngờ.

3. Môn nhờ vào diễn tả bày ra tướng Chân như.

Trong môn thứ nhất có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần

kiến lập danh tự. Hai là phần giải thích trực tiếp Chân như. Ba là phần giải thích tên gọi.

“Tâm chân như chính là thể của pháp môn nơi tổng tướng lớn của một pháp giới”. Đây tức là phần kiến lập danh tự, nghĩa là tùy theo công năng mà thiết lập tên gọi. Một tâm chân như, tất cả có mười tên gọi, tại sao loại trừ những tên gọi khác, chỉ thiết lập tên gọi này? Vì tác nghiệp thích hợp, những tên gọi còn lại chắc chắn không phải như vậy nên lược bớt, không thiết lập. Nghĩa này là thế nào? Vì một tâm thực hiện nghiệp lớn, pháp làm thành nghiệp tổng quát, giới tạo ra tướng nghiệp, nên là pháp môn, môn tức là thể, do đó nói là thể của pháp môn. Các loại biệt tướng theo như trước, nên quán xét.

Đã nói về phần kiến lập danh tự. Tiếp đến nói về phần giải thích trực tiếp thể của Chân như. Nói “Tâm tánh bất sanh, bất diệt” là giải thích trực tiếp về môn Chân như, phân biệt với môn sanh diệt. Nghĩa là pháp Chân như chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, không có sanh, không có diệt, chẳng phải trú, chẳng phải dị, không có trú, không có dị, không phải như pháp sanh diệt, là sanh, là diệt, có sanh, có diệt, là trú, là dị, có trú, có dị, vì tướng có và không là nguyên cố của sai biệt.

Vả lại, chẳng phải Thị nói là không thể (Bất), chẳng phải nghĩa là Phi nên nói là không thể (Bất). Vì sao? Vì pháp Chân như là trăm Phi chẳng phải là Phi, ngàn Thị chẳng phải là Thị, chẳng phải Phi, chẳng phải Thị, đối với cả hai chẳng phải cũng không thể trụ. “Tất cả các pháp chỉ căn cứ vào niệm vọng mà có sai biệt”, là tạm thời mượn cái “có” kia để biểu hiện cái “không có” này. Nghĩa là mượn cái Có không thật của môn sanh diệt nêu ra cái Không thật sự của môn Chân như. Nếu xa rời tâm niệm thì không có tướng của tất cả cảnh giới, nếu xa rời nhận thức của mọi hý luận thì không có tất cả các cảnh giới hư vọng. “Vì vậy tất cả các pháp từ xưa đến nay xa rời tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, tướng tâm duyên”, là trực tiếp biểu hiện rõ tướng lia, dứt hẳn của pháp Chân như.

Ngôn thuyết - danh tự - tâm lượng, tất cả có số lượng bao nhiêu, tướng đó thế nào? Tụng nói:

Ngôn thuyết có năm loại

Danh tự có hai loại

Tâm lượng có mười thứ

Kinh nói có khác nhau.

Luận nói: Ngôn thuyết có năm loại. Thế nào là năm loại? Đó là:

1. Ngôn thuyết của tướng.

2. Ngôn thuyết của mộng.
3. Ngôn thuyết vọng chấp.
4. Ngôn thuyết vô thủ.
5. Ngôn thuyết như nghĩa.

Trong kinh Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Ngôn thuyết của tướng đó là chấp trước các tướng sắc, thanh v.v... sanh ra. Này Đại Tuệ! Ngôn thuyết của mộng là nghĩ đến cảnh giới hư vọng đã thọ dụng trước đây, rồi nương theo cảnh giới mộng ấy, đến khi tỉnh biết là dựa vào cảnh giới hư vọng không thật phát sanh. Này Đại Tuệ! Ngôn thuyết chấp trước là nghĩ đến các nghiệp đã nghe, đã làm lúc đầu mà phát sanh. Này Đại Tuệ! Ngôn thuyết vô thủ là từ vô thủ đến nay chấp trước hý luận, huân tập chủng tử phiền não mà phát sanh”.

Trong Kinh Kim Cang Tam Muội giải thích như vậy: “Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Tất cả vạn pháp đều là ngôn ngữ văn tự, tướng của ngôn ngữ văn tự chính không hợp với nghĩa lý, vì nghĩa lý đúng như thật thì không nói năng diễn tả được. Nay Như Lai làm sao thuyết pháp? Đức Phật nói: Ta thuyết pháp là vì chúng sanh các ông đang phát sinh mà nói, nói về pháp không thể nói được, vì vậy nên nói về điều ấy. Những gì Ta nói là nói về ý nghĩa chứ không phải là văn tự, chúng sanh diễn tả là nói về văn tự chứ không phải là ý nghĩa. Không phải nói về ý nghĩa thì đều trống rỗng chẳng có gì. Lời nói trống rỗng lặng có gì thì không nói gì đến ý nghĩa, không nói đến ý nghĩa thì đều là vọng ngữ”.

Như nghĩa ngữ ấy là thật không chẳng không, không thật chẳng thật tách rời đối với hai tướng trung gian và bất trung, pháp của bất trung tách rời đối với ba tướng, vì không thấy xứ sở và Như Như giống như thuyết.

Như vậy trong năm loại ngôn thuyết, bốn loại trước vì ngôn thuyết hư vọng nên không thể bàn luận về Chân, một loại ngôn thuyết sau là ngôn thuyết đúng như thật nên được bàn luận đến Chân. Bồ-tát Mã Minh dựa vào bốn loại trước nên nói lìa tướng ngôn thuyết như vậy.

Danh có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là danh của tự tự. Hai là danh của tự ảnh. Trong kinh Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Lại nữa, danh thân nghĩa là các chữ thuận theo tên gọi sai khác, từ chữ A cho đến chữ Ha gọi là danh thân”.

Trong kinh Đạo Phẩm giải thích như vậy: “Trong gương diễn tả giống nhau gọi là hiển ảnh danh”.

Chữ có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là chữ dựa vào âm thanh. Hai là chữ dựa vào hư không.

Trong kinh Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Hơn nữa, tự thân là thanh điệu dài ngắn, âm vận cao thấp gọi là tự thân”. Trong kinh Đại Hải giải thích như vậy: “Đức Phật nói Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Trước kia ông đã hỏi, thế nào gọi là luân tự hư không, ấy là ví như chim bay giữa hư không, lúc vượt quá ánh sáng mặt trời phát ra mười loại hòa thanh, do đó luận tự hư không nên quán tưởng như vậy”. Như thế trong hai loại thì loại đầu của mỗi loại, không thể nào giải thích bày rõ chân lý rất sâu xa, loại sau của mỗi loại có thể giải thích được chân lý ấy. Nay dựa vào loại trước mà Bồ-tát Mã Minh nói: “Lìa tướng danh tự” như vậy.

Tâm lượng có mười loại. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Tâm Nhãn thức.
2. Tâm Nhĩ thức.
3. Tâm Tỷ thức.
4. Tâm Thiệt thức.
5. Tâm Thân thức.
6. Tâm Ý thức.
7. Tâm Mạt na thức.
8. Tâm A-lê-da thức.
9. Tâm Đa nhất thức.
10. Tâm Nhất nhất thức.

Trong mười loại như vậy, chín loại tâm đầu không duyên với chân lý, một loại tâm sau cùng có thể duyên với chân lý để làm thành cảnh giới. Nay dựa vào chín loại trước nên nói như vậy: “Lìa tướng tâm duyên”. Trong kinh Bốn Hữu giải thích như vậy: “Chân lý rất sâu xa không phải cảnh giới nào khác, chỉ duyên vào chỗ nương tựa của chính nó làm thành cảnh giới”. “Hoàn toàn bình đẳng, không có biến đổi, không thể phá hủy” là biểu hiện rõ công đức của ba loại lìa xa. Nghĩa là tất cả sai biệt dùng bốn loại ngôn thuyết hư vọng làm căn bản để chuyển biến. Chín loại Biến luận - mười loại Dị chấp của tất cả ngoại đạo, chỉ lấy Danh Tự làm căn bản chuyển đổi. Tất cả phiền não hủy hoại, chướng ngại, tất cả phá hoại, chướng ngại của đối tượng nhận thức, chỉ có dùng tâm pháp dựa vào để chuyển hóa. Nhưng trong thể của Chân lìa xa ba tướng nên đầy đủ ba đức. “Chỉ là một tâm nên gọi là Chân Như”, là tổng kết về Thể của Chân Như. “Do tất cả mọi ngôn ngữ diễn tả đều là giả danh không thật, chỉ tùy theo niệm vọng nên không thể đạt được”, là biểu hiện rõ nhân duyên lìa xa ba tướng, nghĩa là vì tất cả mọi ngôn thuyết không có thật, tất cả đều là giả danh không thật,

tất cả tâm thức chỉ tùy theo niệm vọng nên không thể đạt được. Trong lý chân thật không thể nói năng diễn tả, vì nêu rõ lia xa ba tướng, do đó tướng hư giả và pháp như thật hết sức trái ngược nhau. Nói Chân như cũng không hề có tướng, là phần thứ hai lấy ngôn ngữ loại trừ lỗi lầm chấp trước. Nghĩa là chúng sanh ngu muội dấy lên chấp như vậy: Lia xa ba tướng đầy đủ trọn vẹn ba đức là lý của thể Chân như, tuy không có tướng giả mà có tướng thật, tự nhiên thường trú quyết định là thật có. Do chấp trước như vậy nên rơi vào chấp thường không biết lúc nào thoát ra được. Vì lý do này để loại trừ cách nhìn như vậy, nên nói Chân như cũng không hề có tướng. Nói “Đạt tới chỗ tột cùng của ngôn thuyết, dùng ngôn ngữ loại trừ ngôn ngữ” là trực tiếp chỉ ra nhân duyên vô tướng của Chân như. Nghĩa là mọi ngôn ngữ diễn tả đến mức tột cùng, đối với Chân như lại chẳng thể diễn tả hết. Đã đoạn tuyệt ngôn ngữ diễn tả, há có thể có tướng mà không có ngôn ngữ? Vì thế cần phải nhờ vào ngôn ngữ loại trừ ngôn ngữ, ngay sau đó có thể loại trừ Như Như đúng như diễn tả, đã loại trừ bốn loại ngôn thuyết hư vọng.

Trong kinh Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Cưu Na A Phiệt Đà Đa: Các đại chúng chúng tôi, tất cả mọi người đều tùy theo những niềm vui của mình, diễn tả nói ra tám ngàn pháp cùng một loại hướng về môn Bất nhị, nếu như thích hợp thì Duy Ma Cật vì đại chúng chúng tôi, lia xa ngôn thuyết để diễn tả ngôn thuyết, không phải bất nhị mà là bất nhị, loại trừ luôn sự gạt bỏ ô nhiễm của giả thuyết. Ngay sau đó, Duy Ma Cật lặng lẽ không nói gì. Lúc ấy, Văn-thù khen ngợi Duy Ma Cật: Lành thay! Lành thay! Như ngôn ngữ diễn tả về Như - như tai nghe theo lý Như. Lành thay! Lành thay! Đây chính là pháp môn bất nhị chân thật, đây chính là pháp môn bất nhị chân thật”.

Đã nói giải thích trực tiếp về thể Chân như, tiếp theo nói về phần giải thích tên gọi. “Thể Chân như này không gì có thể gạt bỏ, vì tất cả các pháp đều là chân thật”, là dựa vào Chân để giải thích tên gọi. “Cũng không có thể thiết lập, vì tất cả các pháp đều cùng là Như”, là dựa vào Như để giải thích tên gọi. Văn này trình bày rõ về nghĩa lý gì? Đó gọi là biểu hiện rõ không có trí đoạn chứng. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là đạo đoạn khởi lên tất nhân nơi đối trị chướng ngại, chứ không thể tự khởi. Nhưng trong thể Chân không có pháp nhiễm nào để có thể loại trừ, do đó cũng không có đạo đoạn của chủ thể đối trị. Vì sao? Vì không có một pháp nào không phải là thể của Chân. Vả lại, nếu như trí có chướng ngại, tùy theo tâm cao thấp, thì thích ứng kiến lập tất cả

các vị địa, nhưng trong thể của Như không có phần vị nào để có thể kiến lập, nên không hề có phương tiện nào có thể thiết lập. Vì sao? Vì không một pháp nào không phải là thể của Như. “Nên biết tất cả các pháp không thể diễn tả được, không thể suy nghĩ được, nên gọi là Chân Như”, là tổng kết những gì đã nói ở trên.

Đã nói về phần Thể tánh căn bản của Chân như, tiếp theo nói về phần phát khởi vấn đáp giải quyết nghi ngờ.

Hỏi: Nếu nghĩa lý như vậy thì các loại chúng sanh làm sao tùy thuận để có thể hội nhập được? Tức là sinh nghi dẫn đến chất vấn như vậy. Người chất vấn căn cứ vào những câu nào, phát sinh những nghi ngờ như thế? Đó là căn cứ vào câu “không thể diễn tả, không thể suy nghĩ được” mà phát sinh nghi ngờ, chất vấn về nghĩa tùy thuận. Căn cứ vào câu thứ hai là lấy ngôn ngữ loại trừ lỗi lầm chấp trước, phát sinh nghi ngờ chất vấn về phương diện có thể hội nhập được. Đối với câu Tùy thuận thì dứt khoát là nghi ngờ về nhân, với câu có thể hội nhập được thì dứt khoát là nghi ngờ về quả. Vì sao? Vì ngôn ngữ diễn tả khéo léo là phương tiện tùy thuận để sanh trưởng Văn Tuệ, Văn tạo thành Tuệ là phương tiện tùy thuận để sanh trưởng Tư Tuệ. Tư tạo thành Tuệ là phương tiện tùy thuận để sanh trưởng Tu Tuệ. Tất cả thiện giáo đạt tới chỗ tốt cùng của ngôn ngữ diễn tả, thì toàn bộ ba Tuệ ra sức hoàn thành đối với ý niệm về pháp. Nếu không có ngôn ngữ diễn tả thì không có ba Tuệ, nếu không có ba Tuệ thì không có vạn hạnh, mà pháp Chân như không thể diễn tả nên không có ngôn giáo. Không thể suy nghĩ thì không có ba Tuệ, không có ba Tuệ nên không thể thành tựu vạn hạnh của mười địa. Các loại chúng sanh lấy gì để dựa vào mà dần dần tiến tu? Vì nghi ngờ như vậy nên dẫn đến chất vấn làm sao tùy thuận thực hành nhân nơi chủ thể khởi và có quả đức nơi đối tượng được khởi. Nếu không có nhân phát khởi thì không có chủ thể hội nhập. Nếu không có chủ thể hội nhập thì không thể chứng đắc đối tượng hội nhập. Chủ thể hội nhập gọi là tâm kim cang, đối tượng hội nhập gọi là địa kim cang. Đã không có nhân thì lấy gì làm cách thức để chứng thực hội nhập trong đại dương Nhất thiết chủng trí của Như Lai? Vì nghi ngờ như vậy nên dẫn đến chất vấn: Làm sao có thể hội nhập được? Hai câu hỏi như vậy là căn cứ vào môn sanh diệt mà nghi ngờ về môn Chân như. Nghĩa là có chúng sanh dấy lên nghi ngờ như vậy: Nếu như trong môn sanh diệt đoạn trừ tất cả mọi pháp ác, tu tập tất cả các pháp thiện, thì đầy đủ mọi nhân hạnh, quả đức viên mãn. Trong môn Chân như cũng lại như vậy, há môn Chân như “không thể nói” là bỏ pháp khéo gia hạnh, “không

thể nghĩ đến” là bài báng vị địa năm bậc sao? Nay đưa ra ý này khởi sự chất vấn như vậy.

Đáp: Nếu nhận thức được tất cả các pháp, tuy nói là không gì có thể nói mà lại đáng nói, tuy nghĩ đến cũng không có thể nghĩ được mà có thể nghĩ được, thì gọi là tùy thuận. Nếu như xa rời nói và suy nghĩ thì gọi là được hội nhập” tức là như thứ tự ấy để giải quyết hai nghi ngờ kia. Nói tùy thuận thì tự nó có hai loại. Thế nào là hai? Một là tùy thuận sinh diệt. Hai là tùy thuận Chân như. Trong tùy thuận sinh diệt lại có hai loại. Thế nào là hai? Một là tùy thuận hưởng thượng. Hai là tùy thuận hưởng hạ. Tùy thuận hưởng thượng là bắt đầu từ địa Tín cho đến địa kim cương, có năng lực làm phương tiện tùy thuận quả vị Bồ-đề. Tùy thuận hưởng hạ là từ địa Tạng tự tánh tịnh diệu cho đến địa Niệm tín thứ nhất, có năng lực làm phương tiện tùy thuận với địa Da Da. Nói tùy thuận hưởng thượng, là nhờ vào âm thanh ngôn ngữ diễn tả pháp vô thường sanh trưởng Văn Tuệ về vô thường. Dựa vào Văn tuệ về vô thường sanh trưởng Tư Tuệ về vô thường. Dựa vào Tư tuệ về vô thường sanh trưởng Tu tuệ về vô thường. Dựa vào Tu tuệ về vô thường sanh trưởng hành đức của vô thường. Đây gọi là hưởng thượng.

Nói tùy thuận hưởng hạ là dựa vào hành đức của thường sanh trưởng Tu Tuệ về thường. Dựa vào Tu Tuệ của thường sanh trưởng Tư Tuệ về thường. Dựa vào Tư Tuệ của thường, sanh trưởng Văn Tuệ về thường. Dựa vào Văn Tuệ của thường sanh trưởng ngôn ngữ diễn tả về thường. Đây gọi là hưởng hạ. Hai phương diện như vậy đồng thời đầy đủ không có trước sau, còn các biệt tướng chướng ngại trí, đến văn xứ tự sẽ giải thích rõ.

Trong môn Chân như nói như vậy: “Không thể nói” là vì không có âm thanh ngôn ngữ diễn tả về thường và vô thường. “Không thể nghĩ suy” là vì không có ba Tuệ về thường và vô thường, chứ không phải là không có ngôn ngữ diễn tả và suy niệm của chính nó để dấy lên giải thích: “Không thể nói, không thể nghĩ suy”. Do nghĩa này không thể dùng môn khác vấn nạn môn khác, là cái này có nên cái kia có, cái kia có nên cái này có. Nếu như vậy, trong môn Chân như ngôn ngữ diễn tả và suy niệm thuộc về tướng nào? Nghĩa là có ngôn ngữ diễn tả, không phải là âm thanh của thường - không phải là âm thanh của vô thường, là không thể diễn tả mà có thể diễn tả được Như Như đúng như diễn tả. Lại nữa, có suy niệm mà không phải là ba Tuệ về thường, không phải là ba Tuệ về vô thường, nghĩa là không thể suy niệm mà có thể suy niệm về ý niệm tịch diệt tịch tĩnh. Vì sao? Vì trong môn Chân như không hề

có gì qua lại mà chỉ trú trong tạp loạn.

Thế nào gọi là tùy thuận Chân như? Nghĩa là nếu nhận thức được tất cả các pháp tuy có nói, nhưng không có diễn tả nào nói về thường, không có diễn tả nào nói về vô thường, không có diễn tả nào có thể nói, không có diễn tả nào đáng nói. Đây gọi là tùy thuận với âm thanh Chân như. Nếu trái với tướng này thì gọi là điên đảo đối với âm thanh của Chân như.

Lại nữa, nếu nhận thức được tất cả các pháp tuy có suy niệm mà không có cái tuệ niệm về thường, không có tuệ niệm về vô thường, không có suy niệm nào có thể suy niệm, không có suy niệm nào đáng suy niệm. Đây gọi là tùy thuận với ý niệm tịch diệt tịch tĩnh. Nếu trái với tướng này thì gọi là điên đảo đối với ý niệm tịch diệt tịch tĩnh.

Đã nói về phần tướng tùy thuận, tiếp theo giải đáp nghi ngờ về nghĩa “Được hội nhập”. Trong này có hai vấn đề. Thế nào là hai? Một là Sanh diệt được hội nhập. Hai là Chân như được hội nhập. Trong phần Sanh diệt được hội nhập lại có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là Được hội nhập hưởng thượng. Hai là Được hội nhập hưởng hạ. Nói được hội nhập hưởng thượng, tức là địa Kim Cang. Nói được hội nhập hưởng hạ tức là địa Da Da. Câu: “Cần tùy thuận là phải quán sát kỹ.

Chân như được hội nhập” là nương tựa vào tự nó. Vì sao gọi là được hội nhập? Nghĩa là an trú lẫn trong nhau. Được hội nhập thế nào? Nghĩa là xa rời mọi diễn tả suy niệm. Xa rời diễn tả suy niệm là như thế nào? Nghĩa là môn Chân như hoàn toàn chẳng phải là ngôn ngữ diễn tả và cũng đều chẳng phải là suy niệm, vì vậy nói nếu xa rời mọi diễn tả suy niệm thì gọi là được hội nhập, do đó lời chuyển thứ nhất được thành tựu. Lời chuyển thứ hai mới nghi quyết định loại trừ thì nghĩa lý được sáng tỏ.

Đã nói về phần phát khởi vấn đáp giải quyết nghi ngờ. Tiếp theo nói về phần nhờ vào diễn tả bày ra tướng của Chân như. Trong này có hai Môn. Thế nào là hai? Một là môn Chân như như thật không. Hai là môn Chân như như thật bất không. Như thật không, là trong thể Như Như có hằng hà sa số tất cả các pháp nhiệm, thấy đều trống rỗng không có gì. Như thật bất không, là trong thể Như Như có hằng hà sa số tất cả các pháp tịnh, thấy đều đầy đủ hoàn hảo không hề thiếu gì. Hai môn như vậy thuận theo có đủ tất cả và không tách rời nhau. Đối với điều này phải đọc lời tụng về nghĩa lý u huyền. Như tụng ấy nói:

*Lìa xa ba tướng giả
Tròn đầy ba đức thật*

Vì những nhân duyên ấy
 Thể chân như kiến lập.
 Là xa tướng bốn câu
 Viên mãn đức bốn pháp
 Do nhân duyên như vậy
 Tướng chân như kiến lập.
 Tất cả hành sai lầm
 Ba - bốn tướng làm gốc
 Tất cả phẩm công đức
 Ba - bốn đức làm gốc.
 Những nhân duyên như vậy
 Không tăng cũng không giảm
 Chỉ đối số lượng phẩm
 Tạo an lập như vậy.

Nay đọc lời tụng này, cần phải giữ lấy môn Chân như, vì lia cảnh giới suy niệm chỉ chứng đạt tương ứng, là chứng đạt trong sự an trú lẫn lộn chứ không phải là chứng đạt trên phương diện qua lại.

Đã nói về môn tâm Chân như, tiếp đến nói về môn tâm sanh diệt.

Bổn Luận nói: Tâm sanh diệt là dựa vào Như Lai tạng nên có tâm sanh diệt. Điều ấy nghĩa là bất sanh, bất diệt hòa hợp cùng với sanh diệt, không phải đồng nhất không phải dị biệt, gọi là thức A-lê-da. Thức này có hai loại nghĩa, có năng lực thấu gồm tất cả các pháp, có năng lực phát sanh tất cả các pháp. Thế nào là hai loại? Một là nghĩa giác. Hai là nghĩa bất giác.

Luận giải thích: Trong này có hai phương diện. Thế nào là hai? Đó là:

1. Đối tượng được dựa là môn tổng tướng.
2. Chủ thể dựa là môn biệt tướng.

Ở đây có hai loại, an trú tư duy, thuận theo quán sát. Nghĩa là môn sanh diệt lấy nhất tâm làm nơi nương tựa. Môn sanh diệt thấu gồm nghĩa giác và bất giác, vì A-lê-da làm nơi nương tựa. Trước tiên nói về nghĩa Giác thứ nhất: Tâm sanh diệt là vì có đề xướng phần trên nên thiết lập phần dưới. Do chủ thể dựa nơi Như Lai tạng thì đối tượng nương dựa nhất tâm, đối tượng nương dựa đó là nhiều hay một tâm cũng gọi là Như Lai tạng. Tức là chữ tâm trên, trở xuống dưới kiến lập tên gọi khác. Có tâm sanh diệt, là pháp môn của chủ thể nương dựa, nghĩa là môn sanh diệt. Nay sẽ căn cứ vào kinh hiện bày rõ về môn Như Lai tạng. Môn

Như Lai tạng có số lượng bao nhiêu? Nay Như Lai tạng này, nơi nào thâm tóm? Tụng nói:

*Như Lai tạng có mười
Các kinh giải thích khác
Như Lai tạng ở đây
Hành tướng thâm tóm.*

Luận nói: Như Lai tạng có mười loại, vì trong các kinh giải thích phân biệt khác nhau. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Như Lai tạng đại tổng trì, vì thâm tóm hết tất cả Như Lai tạng. Trong kinh Chư Phật Vô Tận Tạng giải thích như vậy: “Đức Phật nói với Bồ-tát Văn-thù: Có Như Lai tạng, tên là Đại Bảo Vô Tận Thù Thắng Viên mãn Đà-la-ni, thâm gồm tất cả các Tạng, không gì là không thông suốt - không gì là không thích hợp, viên mãn của sự viên mãn, bình đẳng của sự bình đẳng, tất cả các Như Lai tạng vốn có, không tạng nào là không lấy đây làm căn bản. Tại sao? Vì Như Lai tạng này là Như Lai tạng Vương - Như Lai tạng Chủ, là Như Lai tạng Thiên - Như Lai tạng Địa. Do các nghĩa ấy nên gọi là Như Lai tạng Đại Bảo Vô Tận Thù Thắng Viên mãn Đà-la-ni”. Văn kinh này giải thích về nghĩa gì? Đó là nói rõ tổng tướng nơi đối tượng nương dựa của tạng Đà-la-ni. Trong các kinh khác thì Như Lai tạng là biệt tướng của chủ thể nương dựa. Dùng nghĩa nào mà gọi là Như Lai tạng? Là nghĩa thâm giữ.

2. Như Lai tạng xa chuyển xa buộc, do chỉ một thể thanh tịnh, một thể viên mãn. Trong kinh Thật Tế giải thích như vậy: “Này Phật tử! Như Lai tạng chỉ có giác ngộ, chỉ có Như Như, lìa nhân lưu chuyển - lìa sự ràng buộc của suy nghĩ nhận thức, tất cả đều sáng rõ. Vì vậy gọi là Như Lai tạng”. Văn kinh này giải thích về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ về môn Chân như chỉ một tâm, không có nhân mê lầm - không có nhân giác ngộ, không có quả mê lầm - không có quả giác ngộ, vì một Chân một Như chỉ có thể thanh tịnh tuyệt đối của Như Lai. Do nghĩa nào gọi là Như Lai tạng? Nghĩa là không hề lẫn tạp.

3. Như Lai tạng cùng hành cùng tướng, Pháp thân Như Lai cùng với sức mạnh của sự lưu chuyển đều khiến được che giữ. Trong kinh Lăng Già giải thích như vậy: “Như Lai tạng làm nhân cho thiện và bất thiện nên cảm thọ khổ hay vui, cùng với nhân đều có hoặc sanh hoặc diệt, giống như người có pháp thuật kỳ ảo”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ môn sanh diệt chỉ một tâm, đối với mê lầm cho lực, cũng đối với giác ngộ cho lực nảy sinh các pháp sanh tử và Niết-bàn, giống như người không phải là huyễn ảo mà biến hóa kỳ

ảo, đối với các sự việc huyền ảo, thuận theo những thích ứng mà cho lực dụng. Do nghĩa nào gọi là Như Lai tạng? Là nghĩa khiến được che giấu.

4. Như Lai tạng Chân như chân như, vì chỉ có Như Như. Trong kinh Chân Tu giải thích như vậy: “Như Lai tạng Như lý - Như lý, chẳng kiến lập, chẳng phỉ báng, chẳng phải là thường, chẳng phải là vô thường, chẳng phải là sự chứng đắc của thể trí đích thực, cũng chẳng phải là cảnh giới nơi đối tượng duyên của ý và ý thức. Tại sao? Vì chỉ có lý lý chứ không có điều gì khác”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ lý tánh Chân như trong môn Chân như, chỉ có lý là lý của tự nó chứ không phải là lý của trí. Do nghĩa nào gọi là Như Lai tạng? Là nghĩa không có lý tánh khác.

5. Như Lai tạng Sanh diệt, chân như: Là bất sanh bất diệt bị nhiễm do sanh diệt. Trong kinh Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Phạm phu ngu si không hiểu biết gì, chấp trước các pháp không dừng lại khoảnh khắc nào, thuận theo các tà kiến, nói: Pháp vô lậu cũng không dừng lại trong khoảnh khắc, do đó phá đổ Chân như nơi Như Lai tạng kia. Và lại, này Đại Tuệ! Như Lai tạng Kim cang là pháp Như Lai chứng đạt, không phải là không dừng lại trong khoảnh khắc. Này Đại Tuệ! Pháp Như Lai chứng đạt nếu không dừng lại trong khoảnh khắc, thì tất cả Thánh nhân không trở thành Thánh nhân được”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ lý tánh Chân như trong môn sanh diệt, lia xa tướng của vô thường và là pháp bất sanh bất diệt. Do nghĩa nào gọi là Như Lai tạng? Nghĩa là vì bị vấy nhiễm.

6. Như Lai tạng không, vì tất cả các không phủ kín Như Lai tạng. Trong kinh Thắng Man giải thích như vậy: “Thưa Thế Tôn! Như Lai tạng không, hoặc xa lìa - hoặc thoát khỏi - hoặc khác biệt với tất cả tạng phiền não”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ về tất cả các pháp nhiễm trong môn sanh diệt, vì che kín tự tướng nơi Bản giác và vô lượng tánh công đức. Do nghĩa nào mà tất cả các pháp nhiễm gọi chung là không? Đó là vì tất cả các pháp nhiễm đều là huyền hóa sai biệt, Thể tướng không có thật và tác dụng chẳng rõ nên gọi là không, nhưng có thể che kín Đức chân thật và Thể thực sự của Pháp thân Như Lai, vì vậy gọi là Như Lai tạng. Vì thuận theo năng lực tàng trữ ô nhiễm mà thiết lập tên gọi.

7. Như Lai tạng bất không, vì tất cả bất không bị nhiễm do không. Trong kinh Thắng Man giải thích như vậy: “Thưa Thế Tôn! Như Lai tạng bất không vượt quá hàng sa số pháp Phật không lìa xa - không thoát

khỏi - không khác biệt và không nghĩ bàn được”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ về tự tướng Bốn giác trong môn sanh diệt, đầy đủ tất cả mọi công đức vượt quá hằng sa số, bị vấy nhiễm do tất cả các pháp nhiễm vượt quá hằng sa số. Do nghĩa nào mà tất cả các pháp tịnh gọi chung là bất không? Đó là tác dụng thắng diệu thật sự trong tự thể của tất cả các pháp tịnh, lìa xa hư giả, vượt lên trên mọi giả dối không thật, vì thế gọi là bất không. Bị che lấp do pháp nhiễm nên gọi là Như Lai tạng, đến lúc xuất hiện gọi là Pháp thân, vào lúc khuất kín thì gọi là Như Lai tạng, thuận theo nghĩa thanh tịnh được tàng trữ mà thiết lập tên gọi đó.

8. Như Lai tạng năng nhiếp, là tịnh tâm của tự tánh trong tạng vô minh, có năng lực thâm gồm tất cả các công đức. Trong kinh Bất Tăng Bất Giảm giải thích như vậy: “Như Lai tạng bản tế tương ưng với thể và pháp thanh tịnh, pháp này là pháp Phật như thật - không hư vọng - không tách rời - không đọa lạc, là trí không thể nghĩ bàn. Từ vô thủy đến nay, pháp thể tương ưng và thanh tịnh ấy đã có”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ tâm thanh tịnh của tự tánh của tất cả các chúng sanh từ vô thủy đến nay đầy đủ ba trí, trọn vẹn bốn đức và không có thiếu sót. Do nghĩa nào gọi là Như Lai tạng? Vì tâm điên đảo không nhận thức rõ được, thuận theo chủ thể và đối tượng thanh tịnh mà thiết lập tên gọi.

9. Như Lai tạng sở nhiếp, tất cả pháp nhiễm tàng trữ trong địa phận của vô minh, đã tách ra và đầy đủ trọn vẹn tánh giác là đối tượng được thâm tóm. Trong kinh Bất Tăng Bất Giảm giải thích như vậy: “Bản tế của Như Lai tạng không tương ưng với thể và pháp phiền não triền là pháp không thanh tịnh. Bản tế của pháp này tách rời, thoát ra không tương ưng, với pháp phiền não triền không thanh tịnh, vì vậy chỉ có trí tuệ Bồ-đề của Như Lai mới có thể đoạn trừ”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ Trí giác tròn đầy của Phật, đoạn trừ tất cả mọi chướng ngại - có đủ Nhất thiết trí, trí sáng tỏ là bên ngoài - chướng ngại tối tăm là bên trong, tất cả pháp nhiễm được trí thâm giữ. Do nghĩa nào gọi là Như Lai tạng? Nghĩa là thâm giữ.

10. Như Lai tạng ẩn phủ, vì pháp thân Như Lai bị phiền não che kín không lộ bày được. Trong kinh Bất Tăng Bất Giảm giải thích như vậy: “Như Lai tạng vào thời gian vị lai luôn bình đẳng cùng với pháp có sự tồn tại, đây là căn bản của tất cả các pháp, đầy đủ tất cả các pháp - vốn có tất cả các pháp, do đó ở trong pháp thế gian không hề tách rời và không thoát ra”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ

thể của nhiều tâm, một tâm, bình đẳng ở pháp giới khắp cả ba đời, hoàn toàn có đầy đủ các pháp nhiệm và tịnh, do đó không nơi nào là không thông suốt - không nơi nào là không đến được. Vả lại, vì biểu hiện tâm thanh tịnh c tự tánh trong môn tùy duyên, bị che giấu, ẩn kín nơi pháp nhiệm nên Pháp thân Như Lai không xuất hiện được. Đây gọi là mười tên gọi. Như vậy trong mười tên Như Lai tạng này, Như Lai tạng hiện nay là thuộc về Như Lai tạng cùng hành cùng tướng.

Đã nói về môn Như Lai tạng, tiếp theo nói về môn thức A-lê-da. Đó là bất sanh bất diệt cùng với sanh diệt hòa hợp, chẳng phải đồng nhất, chẳng phải dị biệt, gọi là thức A-lê-da, là lược bớt tên gọi phân biệt, là kiến lập tên gọi đầy đủ, tuy nghĩa lý đầy đủ mà ngôn từ chưa đầy đủ. Bất sanh, bất diệt cùng với sanh diệt đã nói trong đây, thì những pháp của mỗi loại là như thế nào và giới hạn thích hợp ra sao? Tụng nêu:

*Thâu chung pháp vô vi
Gọi là không sanh diệt
Thâu chung pháp hữu vi
Nên gọi là sanh diệt*

Luận nói: Thâu tóm toàn bộ tất cả các pháp vô vi, vì vậy gọi là bất sanh bất diệt, là tổng tướng của các pháp vô vi bất sanh bất diệt. Thâu tóm toàn bộ tất cả các pháp hữu vi, vì thế gọi là sanh diệt, nên nói sanh diệt là tổng tướng của các pháp hữu vi. Như vậy, hai pháp hữu vi và vô vi, mỗi loại có số lượng bao nhiêu, tên gọi như thế nào? Tụng nói:

*Vô vi tuy vô lượng
Lược nói có bốn loại
Là Chân như, Bốn giác
Thỉ giác cùng hư không.
Hữu vi tuy vô lượng
Lược nói có năm thứ
Là vô minh căn bản
Cùng phẩm của bốn tướng.*

Luận nói: Pháp vô vi có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Đó là:

1. Vô vi của Chân như.
2. Vô vi của Bốn giác.
3. Vô vi của Thỉ giác.
4. Vô vi của Hư không.

Đây gọi là bốn loại.

Pháp hữu vi có năm loại. Thế nào là năm loại? Đó là:

1. Hữu vi của vô minh căn bản.
2. Hữu vi của tướng sanh.
3. Hữu vi của tướng trụ.
4. Hữu vi của tướng dị.
5. Hữu vi của tướng diệt.

Đây gọi là năm loại.

Vả lại, bốn pháp vô vi lấy gì làm thể, có tác dụng như thế nào?

Tụng nói:

*Dựa vào có hai loại
Đó là chung và riêng
Như thể, dụng cũng vậy
Thuận giải nên quán sát!*

Luận nói: Vô vi của Chân như có hai chỗ dựa. Thế nào là hai? Đó là:

1. Chỗ dựa chung là chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp vốn có trong một tâm lấy đó làm thể.

2. Chỗ dựa riêng, là trong môn sanh diệt thì lý nơi pháp tịch tĩnh lấy đó làm thể.

Vô vi của Bốn giác có hai chỗ dựa. Thế nào là hai? Đó là:

1. Chỗ dựa chung, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp vốn có trong một tâm và lấy đó làm thể.

2. Chỗ dựa riêng, là trong môn sanh diệt thì trí vốn có tự nhiên và lấy đó làm thể.

Vô vi của Thi giác có hai chỗ dựa. Thế nào là hai? Đó là:

1. Chỗ dựa chung, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp vốn có trong một tâm và lấy đó làm thể.

2. Chỗ dựa riêng, là trong môn sanh diệt thì trí khởi lên từ nơi khác và lấy đó làm thể.

Vô vi của Hư không có hai chỗ dựa. Thế nào là hai? Đó là:

1. Chỗ dựa chung, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp vốn có trong một tâm và lấy đó làm thể.

2. Chỗ dựa riêng, là trong môn sanh diệt không hề có sự việc gì và lấy đó làm thể. Đây gọi là hai loại chỗ dựa.

Vả lại, vô vi của chân như có hai loại tác dụng. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dụng chung, là làm cho tất cả các pháp được sanh ra.

2. Dụng riêng, là làm cho không mất tánh của sự bình đẳng.

Vô vi của bốn giác có hai loại tác dụng. Thế nào là hai loại? Đó

là:

1. Dụng chung, là không giữ lấy tự tánh.
2. Dụng riêng, là không chuyển biến.

Vô vi của Thủ giác có hai loại tác dụng. Thế nào là hai loại? Đó

là:

1. Dụng chung là thuận theo vọng chuyển.
2. Dụng riêng là đối trị sai lầm của mình.

Vô vi của Hư không có hai loại tác dụng. Thế nào là hai loại? Đó

là:

1. Dụng chung là cần muốn có khiến cho có.
2. Dụng riêng là khiến không mất tánh rỗng lặng không có.

Đây gọi là hai tác dụng. Chung được nói trong này là nghĩa từ nơi khác và riêng là nghĩa từ bản thân. Dựa vào hai lời này nên quán sát rộng ra. Các loại biệt tướng đến xứ văn, tự sẽ giải thích, biểu hiện.

Năm loại hữu vi lấy gì làm thể, có tác dụng như thế nào? Tụng nói:

*Dựa đều có hai loại
Đó là chung và riêng
Như thể - dụng cũng vậy
Thuận giải nên quán sát!*

Luận nói: Hữu vi của vô minh căn bản có hai loại nương dựa. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dựa chung, là pháp vốn có trong một tâm chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi và lấy đó làm thể.

2. Dựa riêng, là sức mạnh to lớn trú giữ trong môn sanh diệt và lấy đó làm thể.

Hữu vi của tướng sanh có hai loại nương dựa. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dựa chung, là pháp vốn có trong một tâm chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi và lấy đó làm thể.

2. Dựa riêng, là pháp nhiệm phân tế trong môn sanh diệt và lấy đó làm thể.

Hữu vi của tướng trụ có hai loại nương dựa. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dựa chung, là pháp vốn có trong một tâm chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi và lấy đó làm thể.

2. Dựa riêng, là pháp nhiệm phân thô trong môn sanh diệt và lấy đó làm thể.

Hữu vi của tướng dị có hai loại nương dựa. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dựa chung, là pháp vốn có trong một tâm chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi và lấy đó làm thể.
2. Dựa riêng, là pháp nhiệm phần thô trong môn sanh diệt và lấy đó làm thể.

Hữu vi của tướng diệt có hai loại nương dựa. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dựa chung, là pháp vốn có trong một tâm chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi và lấy đó làm thể.
2. Dựa riêng, là pháp nhiệm phần thô trong môn sanh diệt và lấy đó làm thể. Đây gọi là hai loại nương dựa.

Lại nữa, vô minh căn bản có hai loại tác dụng. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dụng chung, là có năng lực nảy sanh tất cả các pháp nhiệm.
2. Dụng riêng, là tùy những nơi đạt đến, tạo những điều chướng ngại.

Hữu vi của tướng sanh có hai loại tác dụng. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dụng chung, là đối với hạng thượng, hạ, trung đều có năng lực của nó.
2. Dụng riêng, là tùy theo những nơi đến, dấy khởi những điều chướng ngại. Như nói về tướng sanh, tướng trú và tướng diệt cũng vậy.

Hữu vi của tướng diệt có hai loại tác dụng. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dụng chung, là đối với phần trên và tự bản thân có cùng năng lực của mình.
2. Dụng riêng, là có khả năng gây ra mọi chướng ngại. Đây gọi là hai loại tác dụng. Các loại biệt tướng còn lại tại nơi văn sẽ giải thích, biểu hiện rõ.

Do nghĩa nào mà giải thích như vậy? Vì tất cả các pháp hữu vi và vô vi, chung lấy một tâm để làm thể của mình, do đó trong các kinh đều giải thích như vậy. Các kinh nào? Đó là kinh Đạo Trí. Giải thích thế nào? Ở trong kinh ấy giải thích: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trước Đức Phật thưa: Thưa Thế Tôn! Thức A-lê-da vốn có tất cả các pháp, đầy đủ tất cả các pháp, vô lượng vô biên số vượt quá hằng hà sa, các pháp như vậy lấy gì làm căn bản và phát sanh ở tại nơi nào? Đức Phật dạy: Tất cả các pháp hữu vi và vô vi như vậy, sanh ra từ nơi thù thắng

không thể nghĩ bàn được. Tại sao? Vì ở tại nơi chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp hữu vi, là pháp vô vi, nhưng có năng lực phát sanh. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại thưa với Đức Phật: Thưa Thế Tôn! Tại sao gọi là nơi chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi? Đức Phật dạy: Nơi chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, nghĩa là ngay nơi pháp vốn có trong một tâm này, chẳng phải hữu vi nên có năng lực tạo ra hữu vi, chẳng phải vô vi do đó có năng lực làm ra vô vi, vì vậy Ta nói sanh ra từ nơi thù thắng không thể nghĩ bàn được. Vả lại, này người thiện nam! Ví như thứ dân có hai nơi nương tựa, một là nhà vua, hai là cha mẹ. Tất cả các pháp hữu vi và vô vi cũng lại như vậy, mỗi loại đều có hai nơi nương tựa, đó là dựa vào sự thông đạt và dựa vào các chi phần. Hơn nữa, này người thiện nam! Ví như tất cả các loại cỏ cây có hai nơi nương tựa, một là mặt đất. Hai là hạt giống, tất cả các pháp hữu vi và vô vi cũng lại như vậy, mỗi loại đều có hai nơi nương tựa, đó là dựa vào sự thông đạt và dựa vào các chi phần, cho đến nói rộng”. Cùng hòa hợp, chính là bày rõ sự sai biệt của chủ thể huân tập và đối tượng được huân tập. Bày rõ như thế nào? Đó là biểu hiện rõ các pháp nhiệm và tịnh, có năng lực hay không có năng lực, đều có sự hơn kém lẫn nhau. Nay sẽ làm thành hai Môn để giải thích rõ. Thế nào là hai Môn? Đó là:

1. Môn hạ chuyển.
2. Môn thượng chuyển.

Trong môn sanh diệt không ra ngoài hai Môn này, hai Môn như vậy sai biệt thế nào? Tụng nói:

*Các pháp nhiệm có lực
Các pháp tịnh không lực
Bỏ gốc, chuyển xuống thấp
Gọi là môn hạ chuyển.
Các pháp tịnh có lực
Các pháp nhiệm không lực
Hướng nguồn, chuyển lên trên
Gọi là môn thượng chuyển.*

Luận nói: Vì các pháp nhiệm và tịnh đều có sự hơn kém lẫn nhau, nên hai loại môn chuyển được thành lập. Nay trước tiên sẽ giải thích phần đầu nói về môn hạ chuyển. Vô minh căn bản lấy những pháp thuộc loại nào làm đối tượng huân tập, ở trong thời gian nào tiến hành công việc huân tập? Tụng nói:

*Sở huân có năm loại
Là tâm một pháp giới*

*Cùng bốn loại vô vi
Không đầu - chẳng giữa sau
Vì chọn lấy đầu - giữa - sau
Như kế kinh nói rõ.*

Luận nói: Vô minh căn bản lấy năm loại pháp để làm đối tượng huân tập. Đó là một pháp giới và bốn vô vi. Huân tập một pháp giới thì tướng ấy như thế nào? Tụng nói:

*Một loại tâm pháp giới
Có hai thứ tự tại
Là hữu vi, vô vi
Vô minh căn bản này
Dựa vào tự tại đầu
Thực hiện sự huân tập.*

Luận nói: Một tâm pháp giới có hai loại tự tại. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Hữu vi tự tại, có thể vì pháp hữu vi làm thành nơi nương dựa.

2. Vô vi tự tại, có thể vì pháp vô vi làm nơi nương dựa. Vô minh căn bản dựa vào hữu vi tự tại, có thể dấy tạo huân tập các pháp, chứ không phải là vô vi tự tại. Trong kinh Trung Thật giải thích như vậy: “Vô minh căn bản huân tập tùy theo giới hạn thích hợp nơi nương dựa của nó, chứ không phải là nơi nương dựa nào khác”. Huân tập pháp Chân như thì tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Pháp chân như vô vi
Có hai loại tác dụng
Đó là chung và riêng
Quyết trạch như trước nói.
Vô minh căn bản này
Dựa tác dụng thứ nhất
Để thực hiện huân tập
Vô vi khác cũng vậy.*

Luận nói: Vô vi của chân như có hai loại tác dụng, đó là chung và riêng, như trước đã nói. Vô minh căn bản dựa vào tác dụng thứ nhất, có thể dấy khởi huân tập các pháp, không phải là tác dụng thứ hai. Như nói về vô vi của chân như, ba pháp vô vi còn lại cũng như vậy, đều dựa vào tác dụng thứ nhất chứ không phải là tác dụng thứ hai. Vô minh căn bản tùy theo lúc dấy khởi huân tập các pháp, chẳng phải là đầu cũng chẳng phải giữa và sau, vì chọn lấy cả đầu - giữa và sau. Trong kinh Bốn Trí giải thích như vậy: “Năng lực mạnh mẽ của vô minh vào lúc dấy khởi

huân tập các pháp, thì đầu và giữa - sau đều cùng một lúc chọn lấy, không phải là chọn lấy riêng biệt”.

Ở đây đã nói về chủ thể huân tập và đối tượng được huân tập, do nghĩa gì gọi đó là huân? Nghĩa là có năng lực dẫn dắt pháp ấy, để hợp với tự thể mà không tách rời nhau, cùng tiến hành, cùng chuyển đổi nên gọi là chủ thể huân tập. Lại có năng lực làm cho pháp kia không tạo chướng ngại, như tùy thuận không trái ngược, vì thế gọi là đối tượng được huân tập. Nghĩa là năm pháp hữu vi là chủ thể huân tập bốn thứ pháp vô vi và tâm một pháp giới. Đối tượng huân tập là năm pháp thuận theo mà xuất hiện, nhưng cùng với năm chủ thể huân tập có thể hòa hợp qua lại với nhau và cùng chuyển đổi. Vì vậy nói bất sanh bất diệt hòa hợp cùng với sanh diệt. Như pháp vốn có của một tâm hoàn toàn vô minh là chỗ nương dựa, dựa vào hữu vi tự tại làm sự huân tập, bốn tướng hữu vi nên biết như vậy. Như vô minh căn bản dựa vào tác dụng thông đạt của bốn pháp vô vi, có thể thực hiện sự huân tập, bốn tướng hữu vi nên biết như vậy. Những nghĩa như thế đến phần tự quyết định chọn lựa thì lý ấy sẽ rõ.

“Chẳng phải đồng nhất, chẳng phải khác biệt” chính là mở bày rõ sự sai biệt về đồng nhất hay khác biệt của pháp hữu vi và vô vi. Mở bày rõ thế nào? Đó là vì muốn biểu hiện rõ vô vi tự tại trong tâm một pháp giới. Bốn loại vô vi với những tác dụng riêng biệt, cùng với hữu vi tự tại trong tâm một pháp giới. Bốn loại vô vi với tác dụng thông đạt, lý không như nhau nên gọi là chẳng phải đồng nhất. Vì muốn biểu hiện rõ tiếp nhận năng lực huân tập pháp nhiệm - hữu vi tự tại trong tâm một pháp giới và bốn loại vô vi với tác dụng thông đạt, cùng với năm loại hữu vi có năng lực thực hiện huân tập, lý đó không khác nhau, vì thế gọi là chẳng phải khác. Hơn nữa, pháp tịnh là đối tượng huân tập cùng với pháp nhiệm là chủ thể huân tập, tất cả đều sai biệt nên gọi là chẳng phải đồng nhất. Chủ thể huân tập và đối tượng được huân tập cùng một tâm tạo ra, không có nơi nào khác nên gọi là chẳng phải khác biệt. Gọi là thức A-lê-da, là tổng kết về chữ viên mãn.

Đã nói về môn hạ chuyển, tiếp đến nói về môn thượng chuyển. Nếu muốn thành lập môn thượng chuyển này, cần phải căn cứ vào các lời kinh điển. Trong kinh Lăng Già Vương giải thích như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với đại chúng: Các Phật Tử! Ta nhớ xưa kia, trong lúc đi ra, Ta đến nương nhờ người khác. Trong lúc đi vào, người khác đến nương nhờ Ta”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ về hai chuyển. Biểu hiện rõ như thế nào? Nghĩa là trong lúc đi ra, Ta

đến nương nhờ người khác, tức là chuyển hạ. Trong lúc đi vào, người khác đến nương nhờ Ta, tức là chuyển thượng. Nghĩa này là thế nào? Ta có nghĩa là Phật, là Chân như, Bản giác, Như Lai tạng. Đến là nghĩa của sự tiếp nhận huân tập. “Nương nhờ người khác” là trái với Bản giác của mình mà dựa vào vô minh của nơi khác. Căn cứ vào văn kinh này, tiến hành giải thích như vậy, nên nói bất sanh bất diệt hòa hợp cùng với sanh diệt, tức là môn hạ chuyển. Nếu muốn thành lập môn thượng chuyển, thì có thể nói sanh diệt hòa hợp cùng với bất sanh bất diệt. Vì nghĩa này nên trong Luận Huyền Lý vẫn giữ lại lời nói ấy. Bồ-tát Mã Minh, vốn đề cập đến A Thế Da, so với nghĩa kế tiếp thì phân minh, đưa ra một gồm đủ một mà phỏng theo bày tỏ. Vì vậy không có sai lầm thiếu sót. Nghĩa của chuyển thượng đối với phần đối trị, lý đó tự sáng tỏ.

Đã nói về môn thượng chuyển, tiếp theo nói về phần thâm tóm đầy đủ để an lập. Các thức sai biệt số lượng đó có bao nhiêu, trong những kinh nào giải thích và tất cả có bao nhiêu loại thức? Tụng nói:

*Mâu Ni Đại Giác Tôn
 Một đời thuyết Thánh giáo
 Hợp chung có mười loại
 Các kinh nói khác nhau.
 Một loại là đầu tiên
 Mười loại thành sau cuối
 Các kinh quy về gốc
 Giải thích biểu hiện rõ.*

Luận nói: Tập hợp tất cả khế kinh nêu giảng khác nhau trong các Thánh giáo tuyên thuyết một đời, gồm có mười loại. Nghĩa là từ một loại thức cho đến mười loại thức. Thế nào là mười loại kinh sai biệt? Đó là:

1. Thiết lập một loại thức thâm gồm toàn bộ các thức. Trong này có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Một là thiết lập hết thảy một tâm thức thâm tóm chung các thức. Đó là dùng một tâm thức hiện hữu khắp hai loại tự tại, không nơi nào là không an lập. Trong kinh Nhất Tâm Pháp Giới giải thích như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nhờ vào sức uy thần của Đức Phật, tức thì thừa Phật: Thừa Thế Tôn! Ngài giải thích về bao nhiêu loại thức, thể tướng như thế nào? Xin hãy vì con mở bày phân biệt rõ! Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Lành thay! Lành thay! Nay Văn-thù-sư-lợi! Ông vì các đại chúng nên thưa hỏi việc này, hãy lắng nghe kỹ và cố gắng suy nghĩ, nhớ rõ điều ấy, Ta sẽ phân biệt giải thích. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa: Lành thay Đức Thế Tôn! Con xin

vui muốn được nghe! Đức Phật nói với Văn-thù-sư-lợi: Ta chỉ kiến lập một loại thức, những thức khác chẳng phải kiến lập. Vì sao thế? Vì một loại thức ấy gồm nhiều các loại thức, thức này có nhiều loại lực, có thể làm thành tất cả các loại tên gọi, mà chỉ một thức, hoàn toàn không có pháp khác. Vì vậy Ta nói chỉ kiến lập một loại thức, những thức còn lại không phải kiến lập”. Hai là thiết lập thức A-lê-da thu tóm toàn bộ các thức. Đó là dùng thức A-lê-da, có đầy đủ nghĩa chướng ngại và không chướng ngại, không có nơi chốn nào là không thu tóm. Trong kinh A Lê Da Thức giải thích như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Quán Tự Tại liền bạch Đức Phật: Thưa Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là thông đạt tổng tướng nơi thức? Do nghĩa gì gọi là tổng tướng? Đức Phật nói với Bồ-tát Quán Tự Tại: Thông đạt tổng tướng nơi thức ấy chính là thức A-lê-da. Thức này có sự ngăn ngại và không ngăn ngại, vốn có tất cả các pháp và đầy đủ tất cả các pháp, ví như biển cả là tên gọi tổng tướng của mọi sóng nước. Vì nghĩa này nên gọi là Tổng tướng”. Ba là thiết lập thức Mạt na thu tóm toàn bộ các thức. Đó là vì thức Mạt-na có đầy đủ nghĩa của mười một loại và không có nghĩa lý nào không thu tóm. Trong kinh Hiền Liễu giải thích như vậy: “Các loại tâm thức tuy có vô lượng, nhưng chỉ thức Mạt-na chuyển đổi chứ không có pháp nào khác. Vì sao? Vì thức Mạt na này vốn có đủ mười một loại nghĩa, không có loại nào không làm được”. Bốn là thiết lập một ý thức thu tóm chung các thức. Đó là vì ý thức có bảy loại chuyển biến tự tại, tùy theo năng lực thực hiện được sự việc của nó. Trong kinh Thất Hóa giải thích như vậy: “Ví như người có phép thuật biến hóa kỳ ảo chỉ là một người, dùng lực của phép thuật biến hóa hiện ra bảy người, người ngu si trông thấy nói là có bảy người, nhưng người trí tuệ nhìn thấy chỉ có một người chứ không có bảy người nào khác. Như người có phép thuật kỳ ảo ý thức cũng lại như vậy, chỉ một thức có năng lực thực hiện được bảy sự việc, hàng phàm phu trông thấy nói là có bảy sự việc, nhưng người giác ngộ nhìn thấy chỉ có ý thức chứ không có bảy sự việc nào khác”. Đây gọi là bốn Kinh kiến lập cùng một loại thức.

2. Thiết lập hai loại thức thu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là hai loại? Một là thức A-lê-da. Hai là ý thức. Thức A-lê-da là đưa ra tổng quát ba thức: Nghiệp, Chuyển, và Hiện. Ý thức là đưa ra tổng quát bảy loại thức chuyển. Trong kinh Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Nói rộng có tám loại thức, nói lược thì có hai loại thức. Thế nào là hai loại? Một là thức liễu biệt. Hai là thức phân biệt sự”. Cho đến nói rộng.

3. Thiết lập ba loại thức đầu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là ba loại? Một là thức A-lê-da. Hai là Thức Mạt-na. Ba là ý thức. Thức A-lê-da là nêu tổng quát ba tướng của thức. Thức Mạt-na là chỉ thẳng đến ý căn. Ý thức là nêu tổng quát sáu loại chuyển thức. Trong kinh Từ Vân giải thích như vậy: “Lại nữa, này Kính Thủ! Nói rộng có mười loại thức, nói tổng quát có ba loại thức. Thế nào là ba loại? Một là thức tế tướng tánh. Hai là thức căn tướng tánh. Ba là thức phân ly tướng tánh, cho đến nói rộng”.

4. Thiết lập bốn loại thức đầu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là bốn loại? Đó là trong ba loại trước thêm vào một tâm thức. Trong Kinh Vô Tướng giải thích như vậy: “Pháp của thức tuy là vô lượng, nhưng không ra ngoài bốn loại thức. Thế nào là bốn loại? Một là thức sở y bốn nhất. Hai là thức năng y trì tạng. Ba là thức ý trì, . Bốn là thức biến phân biệt. Cho đến nói rộng”.

5. Thiết lập năm loại thức đầu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là năm loại? Đó là trong bốn loại trước , thêm vào Tùy thuận biến chuyển thức”. Trong kinh Đại Vô Lượng giải thích như vậy: “Lại nữa, có thức, không phải là những thức kia đầu gồm mà hiện bày khắp các thức ấy, đó là thức tùy thuận biến chuyển”.

6. Thiết lập sáu loại thức đầu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là sáu loại? Đó là năm thức riêng biệt như nhãn, nhĩ... và thức thứ sáu là ý thức. Trong Kinh Tứ Thánh Đế giải thích như vậy: “Đức Phật bảo Thọ Vương: Ta vì các chúng sanh căn cơ nhỏ yếu, dùng ý bí mật, khởi xướng lên như vậy: Chỉ có sáu thức chứ không có thức nào khác. Nhưng thật ra thì chủ ý là muốn khiến cho hạng đó biết trong sáu loại thức vốn có tất cả các thức, do đó ở giữa đại chúng nói rõ như vậy”.

7. Thiết lập bảy loại thức đầu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là bảy loại? Đó là trong sáu loại trước thêm vào thức Mạt na. Trong Kinh Pháp Môn giải thích như vậy: “Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Pháp của thức có bảy loại. Thế nào là bảy loại? Đó là sáu thức thân và thức Mạt na. Bảy thức như vậy hoặc là chuyển đổi cùng một lúc, hoặc là chuyển đổi có trước sau. Vả lại, thức thứ bảy có năng lực thù thắng, có lúc tạo tác với công dụng chủ quản giữ gìn, có lúc tạo tác dựa vào sự phân biệt”.

8. Thiết lập tám loại thức đầu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là tám loại? Đó là trong bảy thức trước thêm vào thức A-lê-da. Trong Kinh Đạo Trí giải thích như vậy: “Tâm vương có tám loại. Thế nào là tám loại? Một là nhãn thức tâm vương, cho đến tám là dị thực báo thức tâm

vương. Các loại pháp của thức không ra ngoài số lượng này”.

9. Thiết lập chín loại thức đầu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là chín loại? Đó là trong tám loại trước thêm vào thức Am-ma-la. Trong Kinh Kim Cang Tam Muội giải thích như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Vô Trú thưa Đức Phật: Thưa Tôn Giả! Làm sao chuyển đổi có hiệu quả, để chuyển tất cả tình thức của chúng sanh vào trong thức Am-ma-la? Đức Phật dạy: Chư Phật Như Lai thường dùng một thứ giác ngộ để chuyển các thức vào trong thức Am-ma-la”.

10. Thiết lập mười loại thức đầu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là mười loại? Đó là trong chín loại trước thêm vào thức Nhất thiết nhất tâm. Trong Kinh Pháp Môn giải thích như vậy: “Tâm lượng tuy là vô lượng nhưng không ra ngoài mười thức,” cho đến nói rộng. Đây là mười loại, các kinh đã giải thích khác nhau. Mười loại như vậy ở trong Bốn Luận đầu tóm thế nào, an lập thế nào? Tụng nói:

*Nơi Bốn luận tuy rõ
Nay lại giải thích nữa
Dùng văn tán trong kinh
Là nói chung luận này.*

Luận nói: Ở trong Bốn luận tuy đã giải thích rõ, nhưng nay vì hàng độn căn nên phải giải thích lại, dùng văn Kinh có liên quan đến Luận. Đó là trong Kinh Nhất Tâm Pháp Giới đã kiến lập chung: Tất cả một tâm thức, Luận Ma-ha-diễn đầu tóm một pháp giới, nghĩa như trước đã nói.

Trong Kinh Thức A-lê-da, đã kiến lập chung thức A-lê-da. Luận Ma-ha-diễn đầu tóm toàn bộ thức A-lê-da. Vì sao? Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Đó là bất sanh bất diệt hòa hợp với sanh diệt, chẳng phải đồng nhất, chẳng phải khác biệt, nên gọi là thức A-lê-da. Thức này có hai loại nghĩa, có năng lực đầu tóm tất cả các pháp và phát sanh tất cả các pháp. Thế nào là hai loại? Một là nghĩa giác. Hai là nghĩa bất giác”. Trong Kinh Hiển Liễu, đã kiến lập chung thức Đại Mạt-na, Luận Ma-ha-diễn đầu tóm toàn bộ thức Mạt-na. Tại sao? Trong Bốn luận giải thích như vậy: “Vả lại, nhân duyên sanh diệt nghĩa là chúng sanh dựa vào sự chuyển đổi của tâm ý, ý thức. Nghĩa này là thế nào? Vì dựa vào thức A-lê-da, nói có vô minh, không giác ngộ được, nơi cảnh giới luôn thấy, luôn hiện có và luôn giữ lấy, dấy lên phân biệt liên tục nên nói là ý. Ý này lại có năm tên gọi. Thế nào là năm tên gọi? Một là gọi thức nghiệp, là vì lực của vô minh nên không giác ngộ, do đó tâm biến động. Hai là gọi thức chuyển, vì dựa vào sự biến động của tâm nên

luôn thấy có tướng. Ba là gọi thức, đó là luôn hiện bày tất cả các cảnh giới. Giống như gương sáng hiện rõ các cảnh sắc hình tượng. Thức hiện cũng vậy, tùy theo năm trần cảnh hưởng đến lập tức hiện rõ không hề có trước sau, trong tất cả mọi lúc tùy ý vận dụng khởi lên và hiện tiền. Bốn là gọi thức trí, là vì phân biệt các pháp nhiệm tịnh. Năm là gọi thức tương tục, vì niệm tương ưng không ngừng lại, cho đến nói rộng”. Trong kinh Thất Hóa đã kiến lập tổng quát cùng một ý thức, Luận Ma-ha-diễn thâm tóm một phần ý thức, nói về tướng tuy thiếu nhưng mật ý thì đầy đủ. Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Vả lại, nói ý thức, chính là thức tương tục này, dựa vào sự chấp giữ của các hàng phàm phu chuyển sang sâu dày, các loại vọng chấp về ngã và ngã sở, thuận theo việc chạy theo sáu trần mà duyên phân biệt, gọi là ý thức”, cho đến nói rộng. Tất cả các kinh như vậy, tùy theo xứ sở thích hợp nên phối hợp tương xứng như thế.

Đã nói về phần thâm tóm đầy đủ để an lập, tiếp theo nói về phần tạng thức phân tích theo tên chữ. Tên gọi sai biệt của thức A-lê-da, số lượng đó có bao nhiêu, ở trong kinh điển giải thích khác nhau và tướng đó thế nào? Nghĩa của chữ như thế nào và thuộc về những nơi nào? Tụng nói:

*Thức A-lê-da có mười
Khế kinh giải thích khác
Ma Ha Kiện Đát Tiêu
Ai Kiện A Thi Già La
Bạch Bạch Am Ma La
Hắc Bạch Am Ma La
Yết La La Kiện Ma
Phược Đa Đề Kiện Ma
Xa Ha Na Kiện Ma
Bà A Xoa Ni La
Bạch Bạch Ca Tát La
Hắc Bạch Ca Tát la.
Mười loại thức như vậy
Trong Luận Ma Ha Diễn
Giải thích biểu hiện rõ
Tùy thuận nên phối hợp.*

Luận nói: Thức A-lê-da toàn bộ có mười loại. Vì sao? Vì ở trong các kinh đã giải thích phân biệt khác nhau. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Gọi là thức A-lê-da Đại Nhiếp Chủ, đó chính là Đại Tổng Tướng của thức, nghĩa như trước đã nói.

2. Gọi là thức A-lê-da vô minh căn bản, đó là vô minh căn bản thiết lập riêng, lấy đó làm thức A-lê-da. Trong Kinh Thập Chung Tướng vọng giải thích như vậy: “Thức Sát Xa Chỉ Đa Đề Vương, chính là pháp hư vọng, không thể thấu rõ được thể của một pháp giới, tất cả các pháp nhiễm, thức A-lê-da lấy đó làm căn bản, sanh ra và nuôi lớn thêm, không lúc nào đoạn dứt. Nếu không có thức Đề Vương thì quyến thuộc của phẩm đen tối vĩnh viễn không có nơi nương tựa, không thể sanh trưởng được. Thức A-lê-da này sẽ thuộc về phần quyết trạch nào?”. Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Đó là nói về nghĩa bất giác, nghĩa là không biết đúng như thật pháp Chân như duy nhất, tâm bất giác dấy lên nên có sự phân biệt”, cho đến nói rộng.

3. Gọi là thức A-lê-da thanh tịnh Bốn giác, đó là trí căn bản tự nhiên được thiết lập riêng, lấy đó làm thức A-lê-da. Trong Kinh Bốn Giác giải thích như vậy: “Tự thể thanh tịnh của Phật trong thức A-lê-da, đầy đủ mọi công đức vô lậu và viên mãn, luôn thanh tịnh và luôn quyết định, không có tướng bị huân tập, không có tướng biến dị, thể của trí không biến động có đầy đủ phẩm chất trong sáng (phẩm Bạch), vì vậy gọi là chỉ có một thức thanh tịnh”. Thức A-lê-da này sẽ thuộc về phần quyết trạch nào? Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Vả lại, thể tướng của giác có bốn loại nghĩa về đại, sánh cùng hư không và giống như gương sáng”, cho đến nói rộng.

4. Gọi là thức A-lê-da nhiễm tịnh Bốn giác, đó là trí Đà-la-ni không giữ lấy tự tánh mà thiết lập riêng, lấy đó làm thức A-lê-da. Trong Kinh Bốn Nhân Duyên Khởi giải thích như vậy: “Bấy giờ, Đồng tử Quang Nghiêm liền thưa với Đức Phật: Thưa Tôn giả! Do nhân duyên gì khó vào trong chúng hội, chưa từng có mà dấy lên nói như vậy? Vì tùy theo duyên khác khởi lên trí Đà-la-ni, gọi là thức Lăng Già Vương. Thế nào là Lăng Già Vương? Lấy điều đó để ví dụ bày tỏ duyên khởi của trí Đà-la-ni kia? Tôn giả nói với Đồng tử Quang Nghiêm: Lăng Già Vương này thường ở trong núi Ma-la giữa biển lớn, dẫn theo mười vạn sáu ngàn chúng quỷ thần để làm quyến thuộc. Các quyến thuộc như vậy đều nhờ vào cung điện hóa hiện du hành qua các cõi nước, tất cả đều nhờ vào Lăng Già Vương mới được đến nơi. Nghĩa là các chúng quỷ thần cùng nói như vậy: Chúng thần chúng tôi không có uy đức, không có khí lực, đối với những gì đã làm hoàn toàn không có năng lực của mình, nếu như thích hợp mong Đại Vương ban cho năng lực có thể để mọi người chúng

tôi thực hiện được. Lăng Già Vương lập tức thuận theo, lúc đó ban cho lực thù thắng, không tách rời nhau mà cùng chuyển dời. Tức Lăng Già Vương tuy không phân thân nhưng có thể hiện hữu khắp nơi trong các thân chúng, đối với tất cả mỗi mỗi người đều khiến đạt được số lượng của toàn thân, ở trong tất cả mọi lúc, ở tại tất cả mọi nơi, cùng nhau chuyển đổi không xa rời. Trí không giữ lấy tự tánh cũng lại như vậy, có thể tiếp nhận vô lượng vô biên phiền não của tất cả pháp nhiệm do chúng quý thân huân tập, nhưng không tách rời nhau mà cùng chuyển đổi. Vì nhân duyên này, Ta mới nói là khó vào trong hội chúng như vậy, thuận theo chuyển đổi giác trí gọi là thức Lăng Già Vương”. Thức A-lê-da này sẽ thuộc về phần quyết trạch nào? Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Tự tánh thanh tịnh của tâm, vì gió Vô minh làm cho lay động, tâm và vô minh hoàn toàn không có hình tướng và không tách rời nhau”. cho đến nói rộng.

5. Gọi là thức A-lê-da nghiệp tướng nghiệp thức. Đó là tướng nghiệp cùng với thức nghiệp căn bản, thiết lập riêng để trở thành thức A-lê-da. Trong Kinh Bốn Tánh Trí giải thích như vậy: “Thức A-lê-da không có chủ thể tạo tác phân biệt, không có đối tượng được tạo tác phân biệt, không thể phân tích và không thể cách biệt, chỉ căn cứ vào nghĩa rất bền và lưu chuyển kín, nên gọi là Kiện Ma”. Thức A-lê-da này sẽ thuộc phần quyết trạch nào? Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Vả lại, dựa vào bất giác nên phát sanh ba loại tướng, cùng với bất giác tương ứng không xa rời. Thế nào là ba tướng? Là tướng Vô minh, Nghiệp, vì dựa vào bất giác, tâm biến động nên nói là Nghiệp. Giác thì không biến động, biến động thì có khổ, vì quả không lia nhân”.

6. Gọi là thức A-lê-da chuyển tướng chuyển thức, đó là năng lực thấy tướng của cảnh giới cùng với chuyển thức, thiết lập riêng để trở thành thức A-lê-da. Trong Kinh Đại Vô Lượng giải thích như vậy: “Thức A-lê-da có cái thấy thì cái thấy chuyển đổi – không có cái thấy thì cái thấy khởi lên”. Thức A-lê-da này sẽ thuộc phần quyết trạch nào? Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Hai là tướng có thể thấy, vì dựa vào sự biến động nên có thể thấy, không biến động thì không thấy gì”.

7. Gọi là thức A-lê-da hiện tướng hiện thức, đó là tướng của cảnh giới cùng hiện thức, thiết lập riêng để làm thành thức A-lê-da. Trong Kinh Thật Tế giải thích như vậy: “Biệt dị và biệt dị ở địa hiện tiền chuyển đổi, cùng khác biệt và cùng khác biệt đầy đủ hành chuyển, vì vậy gọi là thức A-lê-da. Hơn nữa, thức A-lê-da này thực sự là pháp dị thực vô ký, tướng thanh tịnh nên hoặc gọi là thành thực”. Thức A-lê-da

này sẽ thuộc phần quyết trạch nào? Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Ba là tướng cảnh giới, vì dựa vào chủ thể nhìn thấy, cảnh giới huyền vọng hiện rõ, do đó lia cái thấy thì không có cảnh giới”.

8. Gọi là thức A-lê-da thuộc về lý tánh Chân như, đó là chánh trí đã chứng Chân như thanh tịnh, thiết lập riêng để trở thành thức A-lê-da. Trong Kinh Chư Pháp Đồng Thể giải thích như vậy: “Có thức là thức, không phải thức thuộc về thức, đó gọi là thức A-lê-da Như Như”. Thức A-lê-da này sẽ thuộc phần quyết trạch nào? Tức là cảnh của Bát nhã thanh tịnh thuộc về Chân như.

9. Gọi là thức thức A-lê-da, thuộc về Thỉ giác thanh tịnh. Đó là vốn có Bát nhã thuần khiết của Thỉ giác, thiết lập riêng để làm thành thức A-lê-da. Trong Kinh Quả Viên Mãn giải thích như vậy: “Đức Phật nói với Thọ Vương Bồ Đề: Thức A-lê-da Thỉ giác tự nhiên, sẽ luôn không lia Bốn giác thanh tịnh. Bốn giác thanh tịnh sẽ luôn không lia thức thanh tịnh của Thỉ giác, thuận theo nơi này mà nơi kia có, thuận theo nơi kia mà nơi này xuất hiện, hoặc là chẳng cùng loại – hoặc chẳng phải khác loại”. Thức A-lê-da này sẽ thuộc phần quyết trạch nào? Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Nghĩa Bốn giác là đối với Thỉ giác mà nói, vì Thỉ giác ấy tức giống như Bốn giác”.

10. Gọi là thức A-lê-da nhiễm tịnh Thỉ giác. Đó là Bát nhã của tùy duyên Thỉ giác, thiết lập riêng để trở thành thức A-lê-da. Trong Kinh Quả Viên Mãn giải thích như vậy: “Lại nữa, này Thọ Vương! Giống như thức thanh tịnh của Thỉ giác và Bốn giác trong sáng, nói về thức A-lê-da Thỉ giác nhiễm hay tịnh, không giữ lấy tự tánh mà duyên vào đó khởi Bốn giác cũng lại như vậy”. Thức A-lê-da này sẽ thuộc phần quyết trạch nào? Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Nghĩa Thỉ giác là dựa vào Bốn giác mà phát sinh Bất giác, dựa vào Bất giác nên nói là có Thỉ giác. Lại vì giác ngộ nguồn gốc của tâm nên gọi là Cứu cánh giác, không giác ngộ gốc tâm nên chẳng phải là Cứu cánh giác”, cho đến nói rộng. Những ý nghĩa như vậy đến phần Tự quyết trạch sẽ quảng diễn đầy đủ. Đồng thời, mười loại Mạt-na và sáu loại ý thức, ở trong văn sau theo thứ tự sẽ giải thích, nay chỉ lược nêu.

Đã nói về phần Tạng thức phân tích theo tên chữ, phần phân Biệt tướng. Tiếp đến nói về phần Tổng thức thâm gồm và phát sinh đầy đủ trọn vẹn. Thức này có hai loại nghĩa, có năng lực thâm tóm tất cả các pháp và có năng lực phát sanh tất cả các pháp. Thế nào là hai nghĩa? Một là nghĩa Giác. Hai là nghĩa Bất giác. Nhưng toàn bộ là biểu hiện rõ về tướng viên mãn thù thắng của Bốn thức. Nghĩa này là thế nào? Đó

là đầy đủ hai loại viên mãn. Thế nào là hai loại? Một là công đức viên mãn. Hai là lỗi lầm gồm đủ. Công đức viên mãn là câu chữ về nghĩa của Giác, vì có năng lực thâm gồm tất cả các công đức vô lượng vô biên, vượt quá hằng hà sa số không rời xa, không gián đoạn, và có năng lực phát sanh tất cả các công đức vô lượng vô biên, vượt quá hằng sa số, không xa rời, không gián đoạn. Lỗi lầm gồm đủ là câu chữ về nghĩa của Bất giác, vì có sức thâm tóm tất cả các lỗi lầm vô lượng vô biên, vượt quá hằng sa số hoặc xa rời hoặc thoát khỏi, có sức phát sanh tất cả các lỗi lầm vô lượng vô biên vượt quá hằng sa số hoặc xa rời hoặc thoát khỏi. Như vậy các loại tướng trạng thâm tóm và phát sanh huân tập sai biệt, đến phần Quyết trạch biệt tướng sẽ biểu hiện phân biệt rõ.



LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 3

Đã nói về phần tổng thức đầu tóm và phát sinh viên mãn. Tiếp theo nói về phần trình bày phân nhỏ để phân biệt về tổng tướng.

Bổn Luận nói: Nói về nghĩa của giác, là thể của tâm lia tướng phân biệt. Là tướng phân biệt sánh bằng hư không giới, một tướng pháp giới không đâu là không hiện hữu khắp, chính là Pháp thân bình đẳng của Như Lai. Dựa vào Pháp thân này nên gọi là Bổn giác. Tại sao? Vì nghĩa của Bổn giác là đối với Thỉ giác mà nói. Vì Thỉ giác tức đồng với Bổn giác. Nghĩa của Thỉ giác ấy dựa vào Bổn giác mà xuất hiện Bất giác, dựa vào Bất giác nên nói là có Thỉ giác. Lại, vì giác ngộ bổn tâm nên gọi là Cứu cánh giác, không giác ngộ về bổn tâm do đó không phải là Cứu cánh giác.

Luận giải thích: Ở trong văn này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần lược nói về an lập Bổn giác. Hai là phần lược nói về an lập Thỉ giác. Trong phần Bổn giác đã có hai vấn đề. Thế nào là hai? Một là về phương diện Bổn giác thanh tịnh. Hai là về phương diện Bổn giác nhiễm tịnh. Trong phần Thỉ giác lại có hai vấn đề. Thế nào là hai? Một là về phương diện Thỉ giác thanh tịnh. Hai là về phương diện Thỉ giác nhiễm tịnh. Thế nào gọi là Bổn giác thanh tịnh? Vì vốn có Pháp thân từ vô thỉ đến nay có đầy đủ các công đức viên mãn vượt quá hằng sa số và luôn trong sáng.

Thế nào gọi là Bổn giác nhiễm tịnh? Vì tự tánh thanh tịnh của tâm bị vô minh lôi kéo che chắn, lưu chuyển trong sanh tử không lúc nào đoạn dứt.

Thế nào gọi là Thỉ giác thanh tịnh? Đó là tánh trí vô lậu tách rời tất cả vô lượng vô minh, không bị tất cả vô minh lôi kéo che chắn.

Thế nào gọi là Thỉ giác nhiễm tịnh? Đó là Thỉ giác Bất nhã bị vô minh lôi kéo che chắn không thể nào xa rời được. Các giác như vậy

đều là quyền thuộc của trí, sẽ chứng được lý nào để trở nên thành phần của thể? Đó là lý tánh Chân như và lý hư không. Hai lý như vậy thì mỗi lý có bao nhiêu loại? Mỗi lý có hai loại? Thế nào gọi là hai loại Chân như? Một là Chân như thanh tịnh. Hai là Chân như nhiễm tịnh. Lý của hư không cũng lại như vậy. Thế nào gọi là Chân như thanh tịnh? Đó là hai loại giác thanh tịnh đã chứng Chân như, vì xa rời mọi sự huân tập. Thế nào gọi là Chân như nhiễm tịnh? Đó là Chân như của hai loại Giác nhiễm, tịnh đã chứng, vì không xa rời sự huân tập. Lý của hư không cũng lại như vậy. Do nghĩa nào mà tạm gọi là Bốn, Giác? Quan hệ của chữ sai biệt và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Bốn, Giác đều có mười
Thế tuy đồng sự chữ
Tất cả đều sai biệt
Nghĩa các loại căn - kính.*

Luận nói: Bốn, Giác mỗi loại có mười. Thế nào là mười Bốn? Đó là:

1. Bốn quan hệ với chữ Căn, vốn có Pháp thân có thể khéo an trú và giữ gìn tất cả mọi công đức. Ví như cây có gốc rễ nên có thể khéo giữ chắc tất cả cành lá và hoa quả khiến không thể hỏng mất.
2. Bốn quan hệ với chữ Bốn, vốn có Pháp thân từ vô thủy đến nay, tánh tự nhiên có chứ không phải bắt đầu phát khởi.
3. Bốn quan hệ với chữ Viễn, vốn có Pháp thân và lúc có công đức thì trùng trùng vô tận không phân chia được giới hạn.
4. Bốn quan hệ với chữ Tự, vốn có Pháp thân và mình tự thành tựu, không phải là ai khác thành tựu cho mình.
5. Bốn quan hệ với chữ Thể, vốn có Pháp thân vì các cành nhánh công đức làm nơi nương tựa.
6. Bốn quan hệ với chữ Tánh, vốn có Pháp thân với nghĩa không xoay chuyển, vì luôn kiến lập.
7. Bốn quan hệ với chữ Trú, vốn có Pháp thân an trú ở nơi vô trú không có đi đến.
8. Bốn quan hệ với chữ Thường, vốn có Pháp thân quyết định phù hợp với thực tế không lưu chuyển.
9. Bốn quan hệ với chữ Kiên, vốn có Pháp thân xa rời tướng lay động (gió), kiên cố bất động giống như kim cang.
10. Bốn quan hệ với chữ Tổng, vốn có Pháp thân rộng lớn đầy đủ trọn vẹn, không đâu là không hiện bày khắp và trở thành Thể nối thông với nhau. Đây gọi là mười Bốn.

Thế nào là mười Giác? Đó là:

1. Giác quan hệ với chữ Kính, (tấm gương) là tuệ Nhất thiết trí thanh tịnh trong suốt, không hề vướng bụi.
2. Giác quan hệ với chữ Khai, là tuệ Nhất thiết trí thông đạt biểu hiện rõ không có chướng ngại.
3. Giác quan hệ với chữ Nhất, là tuệ Nhất thiết trí độc tôn độc nhất không gì sánh được.
4. Giác quan hệ với chữ Ly, là tuệ Nhất thiết trí có tự tánh giải thoát, tách rời tất cả các loại ràng buộc.
5. Giác quan hệ với chữ Mãn, là tuệ Nhất thiết trí có đầy đủ vô lượng các loại công đức, không có thiếu sót.
6. Giác quan hệ với chữ Chiếu, là tuệ Nhất thiết trí phát ra ánh sáng vĩ đại, soi chiếu khắp tất cả vô lượng cảnh giới.
7. Giác quan hệ với chữ Sát, (quán sát) là tuệ Nhất thiết trí luôn trong sáng rõ ràng không hề mê loạn.
8. Giác quan hệ với chữ Hiển, là trong thể thanh tịnh của tuệ Nhất thiết trí hiện rõ tất cả các hàng quyến thuộc thanh tịnh.
9. Giác quan hệ với chữ Tri, là tuệ Nhất thiết trí đối với tất cả các pháp không pháp nào không cùng tận.
10. Giác quan hệ với chữ Giác, là công đức vốn có của tuệ Nhất thiết trí chỉ có tuệ giác soi chiếu, không có bất cứ một pháp nào không phải là Giác. Như vậy mười loại nghĩa của chữ Bốn, Giác, chỉ dựa vào một loại Pháp thân của Đại Tánh, tùy theo nghĩa nên có giải thích khác nhau, căn cứ vào tự thể thì không sai khác. Trong hai loại Bốn, Giác đã nói trong này, xác đáng là Bốn giác nào? Đó là Bốn giác thanh tịnh chứ không phải là Bốn giác nhiễm tịnh.

Nghĩa của chữ Bốn giác nhiễm tịnh sai biệt và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Trong Bốn giác nhiễm tịnh
Hoặc đều có mười nghĩa
Trong mười sự nói trước
Đều có xa rời tánh.*

Luận nói: Trong Bốn giác này hoặc là tất cả có mười nghĩa. Vì sao? Vì trong mười nghĩa ở trước tất cả đều có nghĩa “không giữ lấy tự tánh”, còn quan hệ của chữ kết hợp thì theo như trước nên biết. Hai Giác như vậy là giống nhau hay khác nhau? Chẳng phải giống nhau mà giống nhau, chẳng phải khác nhau mà khác nhau, vì nghĩa này nên hoặc là giống nhau, hoặc là khác nhau, hoặc chẳng phải là giống nhau, hoặc

chẳng phải là khác nhau, do đó đều là nó, đều không phải là nó. Do nghĩa nào mà tạm gọi là Thỉ giác, quan hệ của chữ sai biệt và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Từ vô thỉ đến nay
Không lúc nào mê loạn
Hôm nay lần đầu giác
Nên gọi là Thỉ giác.*

Luận nói: Thỉ giác Bát nhã từ vô thỉ đến nay, không có lúc nào mê loạn, lúc không mê ấy, bây giờ mới lần đầu giác, nên gọi là Thỉ giác. Như vậy, Thỉ giác nếu trước mê sau mới giác thì chẳng phải là Thỉ giác, nhưng lúc không mê ấy mà lý luôn trước mắt, luôn là ban đầu, nên gọi là Thỉ giác. Như Thỉ giác này trong hai loại Thỉ giác, thích hợp là Giác nào? Đó là Thỉ giác thanh tịnh chứ không phải là Thỉ giác nhiễm tịnh. Quan hệ của chữ Thỉ giác nhiễm tịnh sai biệt ra sao, tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Trí Thỉ giác thanh tịnh
Vì không giữ tự tánh
Mà bị nhiễm huân tập
Nên gọi Giác nhiễm tịnh.*

Luận nói: Thỉ giác thanh tịnh tuy không có lúc nào mê lầm, nhưng vì không giữ lấy tự tánh nên có thể bị pháp nhiễm huân tập, thuận theo duyên mà lưu chuyển. Do nghĩa này nên gọi là Thỉ giác nhiễm tịnh.

Vì nghĩa nào mà tạm gọi là Chân như, quan hệ của chữ ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Lý thể tánh Chân như
Bình đẳng và bình đẳng
Không có một, nhiều tướng
Nên gọi là Chân như.*

Luận nói: Lý của tánh Chân như là bình đẳng và hoàn toàn bình đẳng, chỉ đồng một tướng, cũng không có một tướng, cũng không có nhiều tướng. Vì không có một tướng nên xa rời duyên giống nhau, vì không có nhiều tướng nên tách rời duyên khác nhau. Do nghĩa này nên gọi là Chân như. Như vậy hai loại trí thanh tịnh của Chân Như tự trong tâm đã chứng đạt. Vả lại, Chân - Như đều có mười nghĩa.

Thế nào là mười Chân? Đó là: 1. Chân quan hệ với chữ Căn, cho đến thứ mười là Chân quan hệ với chữ Tổng. Như vậy mười Chân với mười loại nghĩa của Bốn, tương ứng đều có và không tách rời nhau, vì vậy tên gọi giống nhau để biểu thị.

Thế nào là mười Như? Đó là: 1. Như quan hệ với chữ Kính, cho đến thứ mười là Như quan hệ với chữ Giác. Như vậy mười Như với mười loại nghĩa về Giác, tương ứng đều có và không tách rời nhau, vì vậy tên gọi giống nhau để biểu thị. Vì sao? Vì mười loại lý của Chân, vốn có Pháp thân và có phương tiện của công đức. Mười loại lý của Như, thì tuệ Nhất thiết trí có phương tiện của giác ngộ. Do nghĩa này nên lặp lại ngôn từ bày tỏ như vậy. Ở đây nói đối với hai loại Chân Như thích hợp là Chân Như nào? Đó là Chân Như thanh tịnh chứ không phải là Chân Như nhiễm tịnh. Quan hệ của chữ Chân - Như nhiễm tịnh sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Lý Chân Như thanh tịnh
 Vì không giữ tự tánh
 Mà bị nhiễm huân tập
 Gọi Chân Như nhiễm tịnh.*

Luận nói: Chân như thanh tịnh từ vô thủy đến nay, tự tánh thanh tịnh bình đẳng và hoàn toàn bình đẳng, bất sanh bất diệt, cũng không có đi - đến, cũng không có nơi chốn. Nhưng lý tánh của Chân Như không giữ lấy tự tánh nên tùy theo duyên mà biến động lưu chuyển, vì vậy gọi là Chân Như nhiễm tịnh. Như thế hai trí tịnh và nhiễm của Chân Như tự trong tâm đã chứng đạt, tương ứng đều có và không tách rời nhau. Các nghĩa như vậy, hãy xem ở trước đã nói so sánh chỗ tương tự cần biết. Do nghĩa nào mà tạm gọi là hư không, quan hệ với chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Hư không có mười nghĩa
 Thế tuy đồng với nghĩa
 Vì tất cả sai biệt
 Là các nghĩa vô ngại.*

Luận nói: Lý về tánh hư không có mười loại nghĩa. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Nghĩa không chướng ngại, vì trong các sắc pháp không có chướng ngại.
2. Nghĩa châu biến, vì không đâu là không đến.
3. Nghĩa bình đẳng, vì không lựa chọn gì.
4. Nghĩa quảng đại, vì không phân chia giới hạn.
5. Nghĩa vô tướng, vì đoạn tuyệt sắc tướng.
6. Nghĩa thanh tịnh, vì không vướng trần cấu ô nhiễm.
7. Nghĩa bất động, vì không có thời kỳ thành và hoại.
8. Nghĩa hữu không, vì diệt trừ hạn lượng của có.

9. Nghĩa không không, vì xa rời chấp trước không.

10. Nghĩa vô đắc, vì không thể nắm giữ được.

Đây gọi là mười nghĩa. Như vậy mười sự việc có ý nghĩa và tác dụng sai biệt, nếu như dựa vào thể thì không có phân biệt.

Hai loại trí thanh tịnh về lý hư không này tự trong tâm đã chứng đạt, tương ứng đều có và không tách rời nhau. Trong hai lý hư không thì hư không nào là thích hợp? Đó là hư không thanh tịnh chứ không phải là hư không nhiễm tịnh. Quan hệ của chữ hư không nhiễm tịnh sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Lý hư không thanh tịnh
Vì không giữ tự tánh
Bị pháp nhiễm huân tập
Gọi hư không nhiễm tịnh.*

Luận nói: Hư không thanh tịnh vốn có đủ mười đức, cũng không có tướng nhiễm ô - cũng không có tướng thanh tịnh, nhưng tánh hư không chẳng giữ lấy tự tánh, vì thế có thể bị pháp nhiễm huân tập, tùy theo duyên mà biến động lưu chuyển, nên gọi là hư không nhiễm tịnh. Chủ thể huân tập, đối tượng huân tập, kiến lập và phỉ báng cùng các loại phương diện khác, đến phần giải thích mở rộng về lý đó sẽ hiển bày đầy đủ.

Đã nói về phần quan hệ của chữ, tiếp theo nói về phần thuận theo giải thích.

Nói về nghĩa của Giác, chính là câu tổng hợp, từ đây về sau đều là câu phân tích. Tổng là bày tỏ chung về tất cả về Giác. Biệt là tất cả mỗi loại đều nói khác nhau. Ngay trong câu phân tích trước tiên nói về Bốn giác thanh tịnh, Thỉ giác thanh tịnh, tiếp đến nói về Bốn giác nhiễm tịnh, Thỉ giác nhiễm tịnh. Như thứ tự đó nói về tướng có thể thấy, nghĩa là tâm thể tách rời tướng niệm, chính là Bốn giác thanh tịnh. Tâm chính là tâm thanh tịnh của tự tánh, thể chính là thể của Pháp thân vốn có. Như vậy tâm thể chính là tên gọi của Bốn giác. Lý tướng niệm chính là biểu hiện rõ về nghĩa của thanh tịnh. Điều ấy nghĩa là rời xa ý niệm vô minh to lớn nên nói là ly niệm, rời xa bốn loại tướng của vô thường nên nói là ly tướng, vượt qua hàng hà sa quyến thuộc của phiền não. Đây là năm pháp hữu vi và lấy đó làm căn bản, vì vậy nêu lên vốn không có, bày tỏ quyến thuộc đều là không. Xa lìa tướng niệm, tức là người xướng lên Bốn giác thanh tịnh, từ ngữ diễn tả chính là con người. Sánh bằng hư không giới không đâu không đầy khắp, người giác ngộ như vậy khéo chứng lý hư không vốn có đủ nghĩa của mười loại công đức. Một

tướng pháp giới là như người giác ngộ này đối với Chân như pháp giới đã chứng đạt, cùng nhau hòa hợp, cùng một vị, cùng một tướng chẳng có sai biệt, đó chính là Pháp thân bình đẳng của Như Lai. Khéo chứng đạt lý của hai loại thắng diệu về Giác thanh tịnh, chính là tự tánh, tự thể của Pháp thân Như Lai. Dựa vào Pháp thân này, gọi là Bản giác, tức vốn có Pháp thân trong đức của tự tánh, làm thành nơi quay về nương tựa, kiến lập gọi là Bản giác thanh tịnh.

Đã nói về Bản giác thanh tịnh, tiếp theo nói về Thỉ giác thanh tịnh.

Tại sao như vậy? Chính là ngôn từ xin thưa hỏi, nghĩa là muốn kiến lập Thỉ giác thanh tịnh phải thưa thỉnh như thế. Hỏi về tướng trạng thế nào, nghĩa là có chúng sanh chất vấn như vậy: Pháp thân vốn có từ xưa đến nay, có đầy đủ vô lượng tánh công đức, luôn trong sáng, luôn tự tại. Dựa vào nghĩa này nên gọi là Bản giác. Như vậy Bản giác ở trong thời gian nào, do nhân duyên gì và có đầy đủ tất cả công đức vô lượng gọi là Bản giác chăng? Nếu nói như vậy, thì Bản giác này có trí lực vĩ đại, có thể khéo đoạn trừ tất cả mọi sai lầm. Có đầy đủ các công đức tốt đẹp ấy, chính là Bản giác này trước mê hoặc sau mới giác ngộ, không phải là Bản giác sáng rõ. Tức là công đức đoạn này trở về trước là ẩn kín, trở về sau đoạn là lộ rõ thì không phải là tự tánh sáng rõ. Há mê hoặc - giác ngộ - ẩn kín hay lộ rõ, là nghĩa vốn có mà được thành lập sao? Nếu nói như vậy thì thường đoạn lại không đoạn được, thường đầy đủ lại không đầy đủ được, vì vậy thuận theo phát sinh Bản Đoạn - Bản Đức, nghĩa này cũng không thành lập. Không có nghĩa lỗi lầm công đức, là tất cả mọi chướng ngại từ xưa đã đoạn xong lại không cần phải đoạn, tất cả mọi công đức từ xưa vốn có đủ càng không cần phải đầy đủ, thì Giác ấy chính là Thỉ giác chứ không phải là Bản giác. Vì vậy trong Bát Nhã Ba-la-mật giải thích như vậy: “Nếu Giác là Thỉ giác, nếu Bất giác tức là Vô minh, nếu tách rời hai loại này thì gọi là Bản giác”. Do nghĩa gì mà có thể giải thích như vậy. Trong đức nơi tự tánh của Pháp thân vốn có, làm thành nơi quay về nương tựa và gọi là Bản giác, vì thế nói là tại sao. Nghĩa về Bản giác là đối với Thỉ giác mà có, là trực tiếp giải quyết sự nghi ngờ. Nghĩa là Đại sư Mã Minh tự thông suốt mà nói: Bản giác thanh tịnh, từ xưa đến nay không sanh không diệt, không phải kiến lập mà có - không phải phỉ báng mà không có, hoặc chẳng phải sai lầm - hoặc chẳng phải công đức, đạo ngôn ngữ tuyệt - xứ tâm hành diệt, mà lại có ngôn ngữ diễn tả. Vô lượng tánh đức đầy đủ tốt đẹp vượt quá hằng sa số gọi là Bản giác, nên biết từ vô thỉ đến nay, lại có Thỉ giác

thanh tịnh, là do phát khởi trí lực lớn - phát khởi định lực lớn, đối với tất cả mọi lúc - đối với tất cả mọi nơi, luôn đối trị, vượt qua hằng sa số đại dương sai lầm vô lượng vô biên, đầy đủ trọn vẹn vô lượng vô biên công đức thanh tịnh vượt quá hằng sa số. Đối với Thỉ giác thanh tịnh này, nên lập thành tên gọi của Bốn giác thanh tịnh, vì Thỉ giác chính là giống như Bốn giác. Nên lên những lý do ấy, nói là vì Thỉ giác tự nhiên và Bốn giác kia như nhau, có thể đối với Thỉ giác chỉ ra Bốn giác. Như vậy, có hai Giác huân tập sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Bốn, Thỉ giác thanh tịnh
 Từ vô thỉ đến giờ
 Xa lìa tất cả nhiễm
 Trong sáng như hư không.
 Thế nên trong môn này
 Pháp nhiệm không huân tập
 Pháp tịnh luôn huân tập
 Chỉ có tự phẩm đức.*

Luận nói: Hai Giác như vậy không có sai biệt giữa chủ thể huân tập với đối tượng được huân tập, chỉ có công đức chân thật của chính nó. Trong môn này không cần phải kiến lập chủ thể huân tập và đối tượng được huân tập. Nếu là như vậy, ở trong môn này có nghĩa gì là huân tập mà cho có huân tập? Pháp nhiệm và pháp tịnh không đối đãi nhau mà thành, đó là ngay nơi này đầy đủ chuyển thành huân tập. Huân tập ấy là thế nào? Đó là hoàn toàn rõ ràng. Trong Kinh Tam Thân Bốn Hữu giải thích như vậy: “Bốn giác vốn có - Thỉ giác vốn có, chỉ có công đức huân tập không có lỗi lầm, công đức huân tập chỉ có chuyển đầy đủ, không có từng phần chuyển đổi theo sự”.

Đã nói về Thỉ giác thanh tịnh, tiếp đến nói về hai Giác lìa tánh.

Nghĩa về Thỉ giác là dựa vào Bốn giác mà có Bất giác, dựa vào Bất giác nên nói là có Thỉ giác, ấy là nêu ra rõ hai loại Bốn - Thỉ lìa tánh. Nói dựa vào Bốn giác mà có Bất giác, chính là Bốn giác xa rời tánh. Dựa vào Bất giác nên nói là có Thỉ giác, chính là Thỉ giác xa rời tánh. Nghĩa này là thế nào? Vì Bốn giác Bất nhã không giữ lấy tự tánh, dễ dàng bị pháp nhiệm huân tập, các pháp nhiệm kia khiến có thể dừng lại, chính là nghĩa của Bốn giác xa rời tánh. Thỉ giác Bất nhã không giữ lấy tự tánh, dựa vào các pháp nhiệm đến nay mới dấy lên thì bị pháp nhiệm lừa gạt, chính là nghĩa của Thỉ giác xa rời tánh. Thỉ giác Bất nhã có năng lực đoạn trừ các chướng ngại để chứng đạt các công đức, vì sao nói là trí của Thỉ giác bị pháp nhiệm lừa gạt? Vì đối với pháp không có

sai lầm thì thiết lập các loại sai lầm để đoạn trừ chướng ngại, đối với pháp không có công đức thì thiết lập các công đức để chứng đạt được lý. Nếu vậy thì Thỉ giác ở trong thời gian nào mới được xa rời niệm vọng? Lúc đạo giải thoát đạt tới tột cùng, mới được xa rời hoàn toàn, vì trong lúc ấy đạt đến nơi không còn niệm. Hai sự việc mãn chuyển và phần chuyển về sau sẽ nói rõ.

Đã nói về phần lược nêu an lập hai Giác, tiếp theo nói về phần mở rộng để quyết trạch hai Giác.

Bốn Luận nói: Nghĩa này là thế nào? Như người phạm phu, vì biết niệm trước khởi dấy là niệm ác, nên có thể ngăn niệm sau khiến niệm ác ấy không nổi lên, tuy lại gọi là Giác mà chính là Bất giác. Như các hàng Nhị thừa quán trí - Bồ-tát mới phát tâm..., giác ngộ đối với niệm khác nhau mà niệm không hề khác tướng. Do xả bỏ tướng chấp trước phân biệt thuộc phần thô, nên gọi là Tương tự giác. Như hàng Bồ-tát pháp thân, giác ngộ đối với niệm, an trú vào niệm không trú vào tướng, vì lìa phân biệt tướng niệm thuộc phần thô, nên gọi là Tùy phần giác. Như Bồ-tát ở địa cuối cùng, đầy đủ mọi phương tiện một niệm tương ưng, biết tâm mới phát khởi mà tâm không có tướng ban đầu, vì tách rời ý niệm vi tế, thấy được tánh của tâm thì tâm lập tức thường trú, đó gọi là Cứu cánh giác. Vì vậy kinh nói: “Nếu chúng sanh nào có thể quán sát vô niệm, tức là hướng về Phật Địa”. Vả lại, tâm khởi lên không có tướng ban đầu có thể biết. Nhưng nói là biết tướng ban đầu, tức nói vô niệm. Vì vậy tất cả chúng sanh không thể gọi là Giác, vì từ xưa đến nay niệm niệm nối tiếp nhau chưa từng tách rời, do đó nói vô minh vô thỉ. Nếu người nào đạt được vô niệm, thì biết rõ tướng tâm là sanh trú dị diệt. Do không có những niệm vọng, nên thật sự không có gì khác với Thỉ giác. Vì bốn tướng cùng lúc mà có, hoàn toàn không tồn tại một mình, xưa nay bình đẳng một tánh giác như nhau.

Luận giải thích: Đây chính là phần nói rộng để quyết trạch Thỉ giác. Trong văn này có hai môn. Thế nào là hai môn? Đó là:

1. Môn kiến lập bốn tướng.
2. Môn kiến lập tùy giác.

Trong môn bốn tướng tức có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Một là bốn tướng lỗi lầm thuộc phần thô trọng. Hai là bốn tướng lỗi lầm thuộc vi tế. Ba là bốn tướng công đức vô thường. Bốn là bốn tướng công đức thường trú.

Bốn tướng thuộc phần thô chính là trải qua thời gian dài. Bốn tướng thuộc phần tế tức là chỉ trong thời gian ngắn. Tướng vô thường là

lỗi lầm trái với công đức mới bắt đầu. Tướng thường trú là lỗi lầm trái với công đức thường trú phát sinh.

Trong môn Tùy giác cũng có hai môn. Thế nào là hai môn? Một là môn Mãn giác. Hai là môn Phần giác. Môn Mãn giác là làm sáng tỏ chỉ một tánh giác. Môn Phần giác là biểu hiện rõ đủ về giác và bất giác.

Thế nào gọi là bốn tướng trải qua thời gian dài? Đó là bắt đầu từ địa Thập Tín cho đến lúc đạo giải thoát đạt tới tột cùng, mới hoàn toàn tách rời.

Thế nào gọi là bốn tướng chỉ trong thời gian ngắn? Vì nhân duyên phát sinh pháp không vượt qua một sát na. Thế nào gọi là bốn tướng mới bắt đầu khởi? Đó là bắt đầu diệt thì diệt đã diệt - bắt đầu dị thì dị đã dị, bắt đầu trú thì đức đã trú - bắt đầu sanh thì đức đã sanh. Vì vậy giải thích nói là bốn tướng mới bắt đầu, trái với sai lầm nên gọi là công đức, nay mới bắt đầu nên gọi là vô thường. Thế nào gọi là bốn tướng thường trú? Đó là nay mới bắt đầu nhưng đức xưa nay vốn có.

Thế nào gọi là một loại giác? Vì giác và bất giác không có hai. Thế nào gọi là giác bất giác? Vì giác hoặc là bị pháp nhiễm huân tập, hoặc là không bị huân tập. Như thứ tự ấy nói về tướng có thể quán sát. Bốn tướng trong này có hai thứ tự. Thế nào gọi là hai thứ tự? Một là theo thứ tự trước sau. Hai là theo thứ tự cùng có. Theo thứ tự trước sau, là trong lúc các tướng kia không có thì chúng có trước sau sai biệt. Theo thứ tự cùng có, là trong lúc có các tướng kia thì chúng trước sau đồng một loạt có. Lúc các tướng kia không có là dựa vào thời gian không liên tục. Thời lúc các tướng kia có là dựa vào thời gian không ổn định. Theo thứ tự cùng có thì tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tướng sanh trú dị diệt
Bốn thứ tướng như vậy
Một lúc tức trước sau
Không dần chuyển đổi được.
Một lúc nên cùng có
Trước sau theo thứ tự
Cùng lúc thành một tướng
Riêng nên thành bốn tướng.*

Luận nói: Bốn tướng theo thứ tự cùng có:

1. Tướng sanh.
2. Tướng trú.
3. Tướng dị.
4. Tướng diệt.

Bốn tướng như vậy hoặc là trong một lúc, hoặc là thứ tự trước sau. Do nghĩa nào gọi là trong một lúc? Vì cùng thích hợp với nhau. Do nghĩa nào nói là trước sau? Vì thô và tế khác nhau. Không phải dần dần chuyển đổi được, là phân biệt để biểu hiện rõ về nghĩa của trong một lúc. Do nghĩa nào nói là cùng có? Vì ngay một lúc. Do nghĩa nào mà nói là theo thứ tự? Vì có trước sau. Bốn tướng như vậy cùng lúc có nên chỉ là một tướng, phân biệt thô, tế nên thành ra bốn tướng. Cùng một lúc nói đến trong này là ở thời gian nào? Ở vào lúc vô minh căn bản huân tập chân tâm. Ở trong thời gian này bốn tướng phát khởi đầy đủ, không nhận thức được tánh chân thật của tất cả các pháp bao trùm khắp nơi, kiến lập vô lượng phiền não vượt quá hàng sa số, có thể che kín tự tánh thanh tịnh nên tâm không biết bao giờ trở về trạng thái trong sáng ban đầu. Vì vậy nói bốn tướng cùng có trong một lúc. Vì sao gọi là sanh cho đến gọi là diệt, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Trụ địa đại vô minh
Thời gian huân Bốn giác
Sinh ba loại tướng tế
Nên gọi là tướng sanh.*

Luận nói: Lúc vô minh căn bản xông Bốn giác phát sinh ba loại tướng, nên gọi là tướng sanh. Thế nào là ba tướng? Một là tướng độc lực nghiệp. Hai là tướng độc lực tùy. Ba là tướng câu hợp động. Tướng độc lực nghiệp là không chọn lấy thể của vô minh mà chọn lấy nghiệp của vô minh. Tướng độc lực tùy không chọn lấy thể của Bốn giác mà chọn lấy dụng của Bốn giác. Tướng câu hợp động chọn lấy tướng biến động hòa hợp. Tổng quát đưa ra ba loại này nên gọi là tướng sanh, vì tên gọi của tướng sanh thành lập vào lúc mới sinh. Nghĩa của chữ tướng trú ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tướng trú có bốn loại
Tướng chuyển và tướng hiện
Tướng trí cùng yương tục
Đây là bốn loại tướng.*

Luận nói: Tướng trú có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Một là tướng chuyển. Hai là tướng hiện. Ba là tướng trí. Bốn là tướng yương tục. Đây gọi là bốn loại tướng. Bốn tướng như vậy, vì nghĩa nào mà nói là trú? Nghĩa về trú nói đến trong này là tùy theo những tướng ứng nên sai biệt, nghĩa là nếu dựa vào tướng chuyển nói về tướng trú, có thể giữ chắc tâm thức huân tập, nên gọi là tướng trú. Nếu dựa vào tướng hiện

nói về tướng trí, có thể giữ chắc sắc tướng huân tập, nên gọi là tướng trí. Nếu dựa vào tướng trí nói về tướng trí, có thể giữ chắc sáu loại dần dần phân biệt trí tương ứng pháp nhiệm, nên gọi là tướng trí. Nếu dựa vào tướng tương tục nói về tướng trí, có thể giữ chắc thức phân biệt sự liên tục nhiệm ô, nên gọi là tướng trí. Đây chính là phần tế chứ không phải là phần thô. Nghĩa của chữ tướng dị ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tướng dị có hai thứ
Chấp thủ, chấp danh tự
Như vậy hai thứ tướng
Chính là hạng người chấp.*

Luận nói: Tướng dị có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là tướng chấp thủ. Hai là tướng chấp danh tự. Hai tướng như vậy chính là người thuộc hạng chấp. Hai tướng như thế vì nghĩa nào gọi là tướng dị? Nếu dựa vào chấp thủ để nói về tướng dị, thì có thể duyên với tất cả vô lượng tướng biệt, tùy theo các tướng đó, thức phân biệt thuộc phần thô, luôn chấp trước, khác với tự nó trở thành riêng nên gọi là tướng dị. Nếu dựa vào danh tự để nói về tướng dị, thì tùy theo tướng, thành lập tên gọi, dựa vào tên gọi đó đẩy lên mọi tham trước, nên gọi là tướng dị.

Nghĩa của chữ tướng diệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tướng diệt có hai loại
Khởi nghiệp và quả báo
Tổn hại tâm dị trước
Khiến chịu khổ là diệt.*

Luận nói: Tướng diệt có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là tướng khởi nghiệp. Hai là tướng nghiệp hệ khổ. Hai tướng như vậy hủy hoại vị thế dị biệt trước kia khiến nhận chịu quả khổ của sanh tử, nên gọi là tướng diệt. Vả lại, lúc nhận chịu quả khổ của sanh tử, có năng lực diệt mất tất cả vô lượng thiện phẩm, nên gọi là tướng diệt. Hơn nữa, lúc nghiệp phát khởi thì thiện căn dần của Phật tánh dần mất đi, nên gọi là tướng diệt.

Đã nói về cùng lúc có, tiếp theo nói về trước sau. Tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tướng diệt, dị, trí, sanh
Bốn loại tướng như thế
Theo trí lực hơn - kém
Có tăng - giảm không đồng.*

Luận nói: Theo thứ tự trước sau thì: Một là tướng diệt. Hai là tướng

dị. Ba là tướng trú. Bốn là tướng sanh. Bốn tướng như vậy tùy theo mức độ của trí tuệ mà có sự tăng giảm không như nhau. Nghĩa này là thế nào? Vì người ở vị Tín thiếu một mà vốn có ba, người ở vị ba Hiền thiếu hai mà có hai. Ở trong Thập Địa thì Địa thứ chín thiếu ba mà có một, trong Địa thứ mười thiếu một phần thô mà có một phần tế, trong địa Như Lai thì bốn tướng đều không có, nên thanh tịnh rất ráo. Vì vậy giải thích nói tăng giảm không như nhau.

Đã nói về phần kiến lập, tiếp đến nói về phần thuận theo giải thích.

Dựa vào bốn tướng kia làm rõ về Giác có sai biệt, tức là có năm vị. Thế nào là năm vị? Đó là:

1. Vị Thập Tín.
2. Vị Ba Hiền.
3. Vị Cửu Địa.
4. Vị Nhân Mãn.
5. Vị Quả Mãn.

Trong bốn vị trước, mỗi vị có bốn sự việc. Thế nào là bốn sự? Một là người hưởng đến tu hành. Hai là tướng của nhân tu hành. Ba là tướng của nhân quả thực hành. Bốn là tướng đồng thời huân tập và tách rời. Trong vị thứ năm chỉ có ba sự. Thế nào là ba sự? Một là người có năng lực viên mãn. Hai là tướng thực hành đối trị. Ba là tướng viên mãn cứu cánh.

Nếu như theo thứ tự giải thích tương ứng với quán thì vị thứ nhất nói như người hàng phạm phu, tức là người hưởng đến tu hành, vị ở Thập Tín chưa đạt được bất thối gọi là phạm phu, đã ra khỏi định tà gọi là bậc Giác. Nhận thức được niệm trước dấy lên là ác, tức biểu hiện rõ về tướng của nhân tu hành, nghĩa là chưa hội nhập Thập Tín trở về trước, không nhận thức được hai loại tướng diệt là nguồn gốc của sai lầm, tạo ra đủ tất cả nghiệp ác thuộc các loại, khắp nơi nhận chịu tất cả quả khổ vô lượng, mãi luân hồi trong năm đường, bốn loài, không lúc nào dừng lại. Ngày nay nhờ diệu duyên gặp được tri thức, biết đến Thánh pháp và phép tắc trong sáng, có năng lực được đi vào vị Thập Tín, giác ngộ các nghiệp ác là rất sai lầm, biết rõ các khổ quả thật là sự không vui vẻ. Nói nhận thức được niệm trước dấy lên là ác, chính là biểu hiện rõ về nghĩa giác ngộ đối với tướng diệt. Do đó có thể ngăn niệm sau khiến nó không khởi lên, tức biểu hiện rõ về tướng của nhân quả thực hành. Nghĩa là trong vị này mới bắt đầu khởi đạo đối trị sức lực rất yếu kém nên gọi là cố gắng, phát tâm tiếp tục dấy khởi đạo đối

trị chuyển dần sang tự tại. Vả lại, lúc trước không nhận thức được nên luôn tạo nghiệp ác, nay nhận thức rồi nên tâm sinh hổ thẹn không gây ra các nghiệp, tướng diệt xấu xa dừng lại không khởi. Tuy cũng gọi là Giác mà chính là Bất giác, tức biểu hiện rõ tướng đồng thời huân tập và tách rời. Điều ấy có nghĩa là nhận thức được pháp của tướng diệt thật sự là sai lầm. Chủng loại của tướng diệt ấy không tạo sự diệt, nên nói là huân tập và tách rời khỏi chủng loại của tướng diệt ấy. Từ vô thủy đến nay không nhận thức được thể tánh thanh tịnh, thật sự là công đức, nên nói là cùng huân tập. Câu chữ trong này lưu chuyển xa thuận theo đến ở Địa thứ mười. Hơn nữa, biểu hiện rõ Giác và Bất giác lại chính là như nhau, tất cả là một vị.

Vị thứ hai nói hàng Nhị thừa quán trí và Bồ-tát mới phát tâm, tức là người hướng đến tu hành, vị thuộc về ba Hiền. Ở trong vị này quán nhân không vô lậu, thành tựu tự tại không có nghi ngờ sợ hãi, vì thế lấy Nhị thừa cùng với Bồ-tát trình bày tổng quát. Vả lại, biểu hiện rõ tất cả Nhị thừa thấy đều tu hành đạo Bồ-tát, do đó chứng nhập tự tại trong biển cả của địa Đại giác. Giác ngộ đối với niệm dị, chính là biểu hiện rõ về tướng của nhân tu hành. Nghĩa là hai loại tướng khác nhau lại cố gắng cùng nhau, luôn giữ lấy tướng của cảnh giới, phát khởi yêu thích để tìm kiếm tên gọi. Vì phân biệt ngôn từ tướng trạng, nên không thỏa mãn về ngã và ngã sở, chuyển sang mạnh hơn dựa vào duyên suy xét càng tăng thêm suốt ngày không ngừng nghỉ. Ngày nay phát khởi nhân không Bát nhã, kiến lập phương tiện pháp không hiện rõ trước mắt, nhận thức được tâm tịnh của Bốn giác vì giấc ngủ vô minh, mộng thấy ở tại trạng thái khác lạ, dấy lên tất cả chướng ngại, phân biệt tách rời và dần dần cùng với trí rời xa, à tương ưng cùng nhau, từ giấc mộng của niệm kia nên được giác ngộ. Vì vậy giải thích nói là giác ngộ đối với niệm dị. Niệm không có tướng dị, tức là biểu hiện rõ về tướng của nhân quả thực hành, là trong Thủ giác chánh niệm hai loại tướng dị không hề có. Vì xả bỏ tướng phân biệt chấp trước thuộc phần thô, đó chính là biểu hiện rõ không có duyên theo tướng dị. Nghĩa là ý thức có hai phân biệt, lại có thể phân biệt được tất cả các pháp. Thế nào là hai? Một là phân biệt phần thô. Hai là phân biệt phần tế. Thô là khởi lên các tâm tham sân..., vì có thể khéo phân biệt hoàn cảnh trái hay thuận. Tế là pháp chấp phân biệt, vì luôn lưu động tiến vào. Nay đã tách rời được phân biệt phần thô, chứ không phải là phân biệt thuộc phần tế. Phân biệt thuộc phần tế là rất vui mừng được xa rời, nên gọi là Tương tự giác, đó chính là kết thúc phần trước, và gồm cả việc biểu hiện rõ về

tướng đồng thời huân tập tách rời. Nghĩa về tướng tự trong này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là tướng tự dị loại. Hai là tướng tự đồng loại. Tướng tự dị loại là tướng tự của Nhị thừa. Tướng tự đồng loại là tướng tự của Bồ-tát. Nhị thừa nhân không đối chiếu ba Hiền không, làm thành nghĩa tướng tự. Bồ-tát ba Hiền theo phương tiện pháp không đối chiếu vị tâm trong sáng làm thành nghĩa tướng tự. Vì vậy, nói tổng quát là Tướng tự giác.

Vị thứ ba nói là như hàng Bồ-tát pháp thân, hướng đến tu hành tức vị thuộc về chín địa. Bồ-tát chín địa lấy pháp giới Chân như làm thành thân mình, dùng thật trí Bát nhã làm thành tâm mình, hệ lụy cấu trước đã vượt ra - chướng ngại ràng buộc đều đoạn dứt, thanh tịnh sáng ngời, tự tại vô ngại, vì thế gọi là Bồ-tát pháp thân. Giác ngộ đối với niệm trú tức là biểu hiện rõ về tướng của nhân tu hành. Nghĩa là bốn loại tướng trú đối với tất cả mọi lúc, có năng lực phát khởi pháp chấp phân biệt, tách rời tánh của Bốn giác, có thể làm cho ngủ quên đi, tâm của Bốn giác ấy mộng thấy ở tại tướng trú, không làm sao tỉnh, sáng được, phải trú lại một cách cuồng loạn. Nay vầng dương của Thỉ giác Bát nhã mọc lên, soi sáng màn đen mê loạn của tướng trú, chánh trí của Thỉ giác không có tánh phân biệt, tướng trú mê loạn lại có tánh phân biệt, vì có - không - giác - loạn hết sức trái ngược nhau, nên không thể cùng thực hành được. Đạo lý như vậy rõ ràng ở trước mắt, do đó giải thích nói là giác ngộ đối với niệm trú. Niệm không có tướng trú, tức là biểu hiện rõ về tướng của nhân quả thực hành. Vì tách rời phân biệt về tướng niệm thuộc phần thô, chính là biểu hiện rõ không duyên theo tướng trú. Nghĩa là bốn loại tướng trú so sánh với tướng sanh kia hiện rõ hết sức thô, do đó e rằng thời gian sanh và trú lẫn lộn làm hỗn loạn cho nhau, thực hiện giải thích như vậy: Ngưng tư duy, thuận theo quán. Như vậy bốn loại tướng trú mê loạn, nếu như theo thứ tự, ở trong địa Cực hỷ - địa Quá tam hữu - địa Tịch tĩnh - địa Thiện tuệ, mỗi địa xa rời một tướng, nên gọi là Tùy phần giác, đó chính là kết thúc phần trước, đồng thời bao gồm việc biểu hiện rõ về tướng cùng lúc huân tập, tách rời, vì tướng sanh đối với niệm vi tế chưa thoát ra được.

Vị thứ tư nói như Bồ-tát ở địa cuối cùng, hướng đến tu hành. Trong câu chữ này tự nhiên xuất hiện hai người. Thế nào là hai? Một là người nhân viên mãn. Hai là người có quả viên mãn. Nhân viên mãn là bậc cuối cùng của địa Học. Quả viên mãn là quả vị Vô học đã hoàn toàn đầy đủ. Người trước đối trị với tướng câu hợp động, người sau đối trị với tướng độc lực nghiệp và vô minh căn bản, còn độc lực tùy tướng không

phải là pháp đoạn trừ được, nên không có pháp đối trị. Từ đây về sau biểu hiện rõ về hai loại viên mãn. Đây đủ phương tiện nhất niệm tương ứng, chính là biểu hiện rõ về người có nhân viên mãn, nghĩa là trong vị này đã có hai loại định kim cương dụ. Thế nào là hai loại? Một là kim cương phương tiện. Hai là kim cương chánh thể. Hành vô cấu là hai loại Tam-ma-đề kim cương dụ dùng làm tự thể, vì vậy đưa ra đạo để nêu rõ người. Tâm giác mới khởi lên mà tâm không có tướng ban đầu, tức là biểu hiện rõ về người có quả viên mãn. Đại viên cảnh trí rõ ràng hiện ở phía trước, không nơi nào là không thông suốt, không đâu là không cùng tận, pháp giới chung một thể không gì sánh bằng. Tướng động lực nghiệp và vô minh căn bản không thể tự xuất hiện, bình đẳng như hư không và cùng một tướng là vô tướng, nên không có niệm ban đầu. Vì rời xa ý niệm vi tế nên thấy được tánh của tâm thì tâm lập tức thường trú gọi là Cứu cánh giác. Đó chính là biểu hiện rõ về tướng viên mãn của Thủ giác Bát nhã. Nhưng đạt đến vô sanh giác, nên kinh nói: “Nếu chúng sanh nào có thể quán sát vô niệm, tức là hướng về Phật Địa”, đó chính là dẫn lời trong kinh giúp cho những lời mình đã giải thích. Như vậy văn kinh chứng minh cho nghĩa nào? Chứng minh cho quả Phật. Thế nào là chứng? Nghĩa là trong quả Phật chứng minh thành tựu lìa xa hai loại ý niệm. Thế nào là hai loại? Một là ý niệm về vô minh căn bản. Hai là ý niệm về tướng nghiệp vi tế. Như vậy hai ý niệm đạt tới cực điểm nơi đạo giải thoát trong một lúc trái ngược lẫn nhau, không thể cùng hiện hành. Vì thế giải thích quả Phật vô niệm. Nếu như không có niệm vọng thì sẽ có niệm gì? Đó gọi là chánh niệm. Thế nào gọi là chánh niệm? Vì tương ứng với mười đức. Thế nào là mười đức? Đó là:

1. Công đức xuất ly, là tách xa tất cả các xứ nạn.
2. Công đức đồng thể, là tất cả mọi pháp nhiệm quy về nơi mình.
3. Công đức thường trú, là tách xa sai lầm mới nảy sanh.
4. Công đức nhất vị, là Thủ giác viên mãn - Bản giác không đổi.
5. Công đức câu ly, là xa lìa tất cả các pháp nhiệm tịnh.
6. Công đức hoàn chuyển, là sanh ra ở khắp các nẻo.
7. Công đức vô trú, là đối với tất cả mọi nơi không thuộc về nơi nào.
8. Công đức tu hành, là vì các chúng sanh mà tu vạn hạnh.
9. Công đức viên mãn, là vì các chúng sanh mà thành tựu đạo quả Chánh Giác.
10. Công đức hư không, là các loại công đức đã nói như trước, vì từ xưa đến nay tự tánh đều rỗng lặng chẳng có gì. Đây gọi là mười đức.

Như vậy mười đấng cùng với giải thoát tột cùng trong sát na đầu tiên, cùng lúc hiện hành - cùng lúc phát khởi không có trước sau, trong một lúc cùng chuyển gọi là chánh niệm. Kinh văn đã dẫn chứng không ra ngoài nghĩa này, nên quán sát kỹ!

Vả lại, tâm khởi lên không có tướng ban đầu có thể biết, lại nói biết tướng ban đầu, chính có nghĩa là vô niệm, là loại bỏ nghi ngờ khiến phát sanh hiểu biết thù thắng. Nghĩa là có chúng sanh dấy lên nghi ngờ như vậy: Lúc đạo giải thoát đạt tới tột cùng hội nhập Bốn giác thì mới phát sanh rất là vi tế, biết được là có hay biết được là không có? Nếu biết được là có thì đạo giải thoát tột cùng sẽ không phải là vô niệm, Vì sao? Vì biết có niệm ban đầu. Nếu biết là không có thì đạo giải thoát tột cùng sẽ không thể có được, Vì sao? Vì đã không có ý niệm ban đầu thì đợi ý niệm nào không có mà thiết lập đạo giải thoát là có? Do nghi ngờ như vậy, nay tự thông suốt nói: Tướng của đối tượng nhận thức từ xưa đến nay không hề có tự tánh, trí của chủ thể nhận thức từ xưa đến nay không lúc nào khởi lên. Đã không có tướng của đối tượng giác ngộ thì cũng không có trí của chủ thể giác ngộ, há có thể nói là có tướng ban đầu vi tế mà trí tuệ nhận biết được sao? Nhưng có ngôn ngữ diễn tả nhận biết tướng ban đầu, chính là biểu hiện rõ về đạo lý vô niệm. Vì sao? Vì lý của pháp tánh, tuy không có tướng mới bắt đầu của đối tượng nhận thức, cũng không có trí Thủ giác của chủ thể nhận thức, có thể thông suốt không có tướng đối tượng nhận thức, và không có trí chủ thể nhận thức, không hề có gì để giác ngộ và tất cả không phải là trống không không có gì. Vì vậy nay tạm thời dựa vào đạo lý này, giải thích như vậy: Biết tướng ban đầu. Do đó tất cả chúng sanh không gọi là Giác, vì từ xưa đến nay niệm niệm tiếp theo nhau chưa hề tách rời ý niệm nên nói là vô minh vô trí. Đó chính là thành lập nghĩa về vô niệm nói ở trên. Nghĩa là từ địa kim cương trở về sau tất cả chúng sanh, ý niệm chưa tách rời được vô minh căn bản và tướng động lực nghiệp, chính là biểu hiện rõ tất cả chúng sanh đều có niệm vọng nên gọi là chúng sanh, hết thảy chư Phật đã đạt đến vô niệm nên xưng là Phật.

Từ đây về sau biểu hiện rõ về cảnh giới viên mãn rộng khắp của Thủ giác. Nghĩa là bậc Đại Giác đã đến bờ bên kia, biết hết tất cả vô lượng chúng sanh, chỉ vì một tâm lưu chuyển mà tạo ra bốn tướng. Như Bốn Luận nói: “Nếu người nào đạt đến nơi không còn niệm vọng thì biết rõ tướng tâm là sanh trú diệt”. Vì nghĩa nào mà biết như vậy? Lúc tự mình đạt đến nơi không còn niệm vọng, thì tất cả các chúng sanh đều được bình đẳng, như Bốn Luận nói: “Vì không còn niệm vọng...”.

Vì nghĩa nào mà lúc chỉ một hành giả đạt đến nơi không còn niệm vọng, tất cả các chúng sanh đều có thể không còn niệm vọng? Vì mỗi một chúng sanh đều có Bản giác của mình. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là một hành giả vào lúc Thỉ giác viên mãn giống như Bản giác, thì khắp mọi nơi giống như tất cả vô lượng chúng sanh trong tâm của Bản giác, chứ không phải là Bản giác riêng mình. Vì sao? Vì tự tánh của Bản giác đầy khắp các cõi chúng sanh, không nơi nào là không đến được. Bạc Giác Ngộ thanh tịnh vào lúc đạt đến nơi không còn niệm vọng, tất cả chúng sanh đều có thể không còn niệm vọng, vậy thì Bạc Giác Ngộ thanh tịnh vào lúc đoạn sạch vô minh, tất cả chúng sanh cũng có thể đoạn sạch sao? Nếu vậy có sai lầm không? Nếu lúc Thỉ giác đoạn trừ vô minh, thì tất cả chúng sanh đều được đoạn trừ vô minh, tại sao ở trước nói là từ địa kim cương trở về sau tất cả chúng sanh, vì niệm vọng của vô minh căn bản và tướng động lực nghiệp, chưa tách rời được nên không gọi là Giác? Nếu các chúng sanh vì vô minh vô thỉ chưa tách rời ra được, mà cùng với chư Phật như nhau đạt đến nơi không còn niệm vọng, thì các nghĩa lý về vô niệm chỉ có ngôn từ diễn tả chứ không có nghĩa lý chính xác, há có thể nói là tất cả chúng sanh đều có Bản giác cũng có Thỉ giác sao? Quyết định để loại trừ chất vấn này sẽ có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là tự nơi tông chỉ quyết định loại trừ. Hai là hướng về nơi khác quyết định loại trừ. Tự nơi tông chỉ quyết định loại trừ, là chánh tông của luận này, vì muốn biểu hiện rõ tất cả chúng sanh cùng chung một tướng liên tục theo nhau không hề sai biệt, do đó có thể nói một người tu hành đến lúc đoạn trừ hoàn toàn vô minh vô thỉ, thì tất cả chúng sanh cũng đoạn trừ hết như nhau. Một người tu hành đến lúc đầy đủ Thỉ giác, thì tất cả chúng sanh cũng được đầy đủ như nhau. Vì vậy trong kinh Tam Thân Bốn Hữu giải thích như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Ta nhờ vào hai đẳng mà thành tựu Chánh giác. Thế nào là hai đẳng? Một là đoạn đẳng. Hai là đắc đẳng. Nói đoạn đẳng, là lúc đạo giải thoát cao nhất của Ta mới phát khởi, tất cả chúng sanh vốn có vô lượng vô minh vô thỉ, ngay một lúc lập tức quyết định đoạn trừ hoàn toàn. Nói đắc đẳng, là lúc ta mới thành đạo đầy đủ Thỉ giác, tất cả chúng sanh đều được đầy đủ. Đây gọi là hai đẳng”. Hướng về nơi khác quyết định loại trừ, là nêu lên sự viên mãn hướng về các cõi chúng sanh, không có một pháp nào mà không phải là thanh tịnh. Đưa ra các chúng sanh hướng về Đấng Vô Thượng Tôn, đi vào tạng vô minh không có nhận thức, thấy đều thanh tịnh không có chướng ngại. Các nghĩa về vô niệm mới được thành lập như vậy. Đi

vào tạng vô minh mà không có nhận thức, vẫn đã nói trên không có trái ngược nhau, đưa ra một khía cạnh này thuận theo quán sát rộng.

Từ đây về sau hòa hợp các Thủ giác khiến đồng với Bốn giác, nghĩa là năm mươi mốt phần vị đầy đủ Thủ giác, thật sự không có khác nhau của sự dần dần chuyển sang thù thắng, cũng không có sự tột cùng viên mãn cứu cánh. Vì sao? Vì tất cả Thủ giác cùng lúc phát sanh bốn tướng, nhưng được dừng lại đều không tồn tại độc lập, từ xưa đến nay tự tánh viên mãn chỉ một vị là bình đẳng, hợp lại như nhau không có khác ngoài một tướng Giác. Như Bốn Luận nói: “Nhưng thật sự không có khác nhau gì về Thủ giác, vì bốn tướng cùng lúc mà có đều không tồn tại độc lập, xưa nay bình đẳng cùng một tánh Giác như nhau”.

Trong kinh Đại Tổng Trì giải thích như vậy: “Bát nhã của Thủ giác thuộc loại giác ngộ tướng diệt, trong phần vị có tướng diệt nếu giống nhau thì cùng lúc có, trong lúc không có tướng diệt thì Thủ giác tùy theo cũng không có. Thủ giác Bát nhã thuộc loại giác ngộ tướng dị, trong phần vị có tướng dị nếu giống nhau thì cùng lúc có, trong lúc không có tướng dị thì Thủ giác tùy theo cũng không có. Thủ giác Bát nhã thuộc loại giác ngộ tướng trú, trong phần vị có tướng trú nếu giống nhau thì cùng lúc có, trong lúc không có tướng trú thì Thủ giác tùy theo cũng không có. Thủ giác Bát nhã thuộc loại giác ngộ tướng sanh, trong phần vị có tướng sanh, nếu giống nhau thì cùng lúc có, trong lúc không có tướng sanh thì Thủ giác tùy theo cũng không có. Vì sao? Vì tất cả Thủ giác không thể tự khởi lên, phải chờ đợi pháp nhiệm mới có thể khởi lên được, tất cả pháp nhiệm không thể tự diệt, phải cần đến trí lực mới có thể diệt được. Nói rộng cho đến từ xưa tới nay, tất cả pháp nhiệm trống rỗng, không có tự thể, mà Thủ giác ấy vốn không có mà ở trong đó làm thành giải thoát có, cùng lúc mà chuyển đổi vì vậy không gọi là chánh”.

Đã nói về phần nói rộng để quyết trạch Thủ giác, tiếp theo nói về phần nói rộng để quyết trạch Bốn giác.

Bốn Luận nói: “Hơn nữa, Bốn giác tùy theo pháp nhiệm phân biệt phát sinh hai loại tướng, cùng với Bốn giác không tách rời nhau. Thế nào là hai tướng? Một là tướng trí tịnh. Hai là tướng bất tư nghị nghiệp. Tướng trí tịnh nghĩa là dựa vào năng lực của pháp huân tập mà tu hành như thực đầy đủ mọi phương tiện, phá bỏ sự hòa hợp của tướng thức, diệt trừ sự tương tục của tướng tâm, biểu hiện rõ trí tuệ thuần tịnh của Pháp thân. Nghĩa này thế nào? Vì tướng của tất cả tâm thức đều là vô minh, tướng của vô minh không xa rời tánh Giác, không có thể hủy hoại cũng không phải không có thể hủy hoại, như nước giữa biển khơi vì

gió mà nổi sóng, tướng của nước và tướng của gió không tách rời nhau, nhưng nước không phải là tánh động, nếu gió ngừng lại thì tướng động lập tức mất hẳn mà tánh ướt không bị tổn hại. Như vậy tâm thanh tịnh trong tự tánh của chúng sanh, bị gió vô minh làm cho biến động, tâm và vô minh hoàn toàn không có hình tướng và không tách rời nhau, nhưng tâm không phải là tánh động, nếu vô minh diệt thì sự tương tục sẽ diệt mà tánh của trí không bị hủy hoại. Tướng bất tư nghị nghiệp là dựa vào trí tịnh, có thể tạo ra tất cả mọi cảnh giới thù thắng vi diệu. Điều đó là tướng của vô lượng công đức luôn không đoạn tuyệt, tùy theo căn cơ của chúng sanh tự nhiên tương ứng, rất nhiều chủng loại ngay lúc ấy được lợi ích”.

Luận giải thích: Đây chính là phần nói mở rộng tùy theo pháp nhiệm để quyết trạch Bốn giác. Ở trong văn này đã có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là tánh trí thanh tịnh vốn có. Hai là nghiệp dụng tự tại vô ngại. Trong phần thứ nhất cũng có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là không giữ lấy tự tánh tùy theo duyên. Hai là Đối trị tất cả mọi nghiệp chướng. Trong phần thứ hai lại có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là tùy thuận căn cơ thích đáng. Hai là Bản tánh thường vắng lặng không xao động. Bốn phần như vậy thuận theo giải thích cần phải phù hợp. Bốn giác tùy nhiệm chính là câu giản lược, giản lược vì khác với thanh tịnh Bốn giác trí. Câu này là muốn biểu hiện rõ về nghĩa nào? Đó là để biểu hiện rõ về nghĩa nhận chịu huân tập, thẳng thắn nói rõ Bốn giác nhận chịu vô minh huân tập mà không giữ lấy tự tánh, tùy duyên vô ngại cùng lúc mà chuyển đổi, vì vậy gọi là Bốn giác tùy nhiệm, ngay cả câu chữ này cũng từ những pháp nhiệm đã tùy thuận lập nên tên gọi.

Từ đây về sau trực tiếp biểu hiện có thể tùy theo thể tướng của Bốn giác, phân biệt phát sinh hai loại tướng cùng với Bốn giác không tách rời nhau. Thế nào là hai tướng? Một là tướng trí tịnh. Hai là tướng bất tư nghị nghiệp. Như vậy hai loại tướng thù thắng này, cùng với tánh trí của Bốn giác tùy thuận pháp nhiệm, cùng lưu thông cùng chuyển đổi không tách rời nhau. Hành tướng trí tịnh của Bốn giác như vậy, tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Phá trừ tất cả chướng
Hiển bày thân pháp tánh
Trí tuệ thật thanh tịnh
Gọi là tướng trí tịnh.*

Luận nói: Đoạn trừ tất cả điều ác, tu dưỡng tất cả điều thiện, công

đức đầy đủ, trí tuệ viên mãn, trang nghiêm Pháp thân gọi là tướng trí tịnh. Đoạn trừ tất cả chướng ngại nên cần đến năng lực nào? Cần phải có năng lực đầy đủ. Năng lực đầy đủ thì số lượng đó có bao nhiêu? Có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là pháp lực huân tập đầy đủ lực phương tiện. Hai là tu hành như thực đầy đủ lực phương tiện. Hai loại lực phương tiện như vậy, từ vô thủy đến nay thường trú tự nhiên chứ không phải là mới bắt đầu. Trong hai loại ấy, dựa vào pháp lực huân tập đầy đủ lực phương tiện, để phá trừ vô minh căn bản và tướng động lực nghiệp, dựa vào tu hành như thực đầy đủ lực phương tiện, để diệt sạch tướng câu hợp nghiệp, tướng năng kiến cho đến tướng hiện, tướng phân biệt trí và tướng tương tục. Phá trừ vô minh căn bản và tướng động lực nghiệp, do đó thể của tự tánh nơi thân hiện bày rõ trước mắt. Diệt sạch các tướng câu hợp cho đến tướng tương tục, nên thật trí Bát nhã thanh tịnh sáng ngời. Như Bốn Luận nói: “Tướng trí tịnh nghĩa là dựa vào năng lực của pháp huân tập mà tu hành như thực đầy đủ mọi phương tiện, phá bỏ sự hòa hợp của tướng thức, diệt trừ sự tương tục của tướng tâm, biểu hiện rõ trí tuệ thuần tịnh của Pháp thân”. Tại sao ba Hiền và vị Thập Tín đã bỏ qua không nói rõ? Vì so với thứ tự kế tiếp đã biểu hiện rõ. Tại sao nay trong phần này, đầu tiên đối trị vô minh căn bản, cho đến cuối cùng đối trị tướng diệt? Vì muốn giản lược về Bát nhã của Thủ giác khác nhau, giác ngộ theo thứ tự. Tại sao Thủ giác rời bỏ phạm hưởng về Thánh? Vì tiếp tục lên cao hơn là theo thứ tự chuyển đổi, Bốn giác tùy thuận pháp nhiệm rời bỏ Thánh hưởng về phạm, tiếp tục xuống thấp hơn là theo thứ tự chuyển đổi, vì pháp vốn như vậy. Hai thứ tự chuyển đổi như thế là trong một lúc hay là có trước sau? Quyết định trong một lúc tức không có trước sau. Những nghĩa lý như vậy trong kinh nào giải thích biểu hiện rõ? Đó là kinh Chứng Thuyết. Trong kinh ấy giải thích như thế nào? Nghĩa là trong kinh Chứng Thuyết giải thích như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Đà-la-ni phát ra mười ngàn câu hỏi thưa hỏi Như Lai. Ngay sau đó, Như Lai liền thực hiện mười vạn câu trả lời giải quyết các nghi ngờ, làm thông suốt mọi câu hỏi của Bồ-tát. Như thứ tự trả lời những câu hỏi kia rồi bảo với Bồ-tát Đà-la-ni: Tại sao Nhân giả không hỏi một sự việc mà cần phải hỏi nhiều sự việc? Thích hợp hơn nữa Phật tử lại hỏi để mở mang, vì lợi mình lợi người nên thưa hỏi Như Lai. Bấy giờ, Bồ-tát Đà-la-ni, liền nhờ vào uy thần của Đức Phật thưa với Đức Phật: Thưa đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì, ở giữa đại chúng nói ra lời như vậy:

Phật tử hãy nghe kỹ

*Ta phàm phu buộc đủ
 Trải qua tất cả địa
 Viên mãn biển nhân hạnh
 Trang nghiêm quả Đại Giác
 Ta từ địa thanh tịnh
 Trải qua tất cả địa
 Dem hết thấy các hạnh
 Đạt vị Tín thứ nhất
 Vào biển tạng vô minh
 Hai đại sự như vậy
 Một lúc, chẳng trước sau?*

Con và tất cả các đại chúng thấy đều hoài nghi là không có thời hạn giải thoát. Nếu như thích hợp thỉnh cầu Thế Tôn vì các Phật tử, tùy nghi khai bày chỉ ra các loại phương tiện! Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Tổng Trì: Hãy lắng nghe kỹ và cố gắng tư duy, nhớ đến điều ấy! Ta sẽ vì ông lược nói về điều quan trọng đó! Nay người thiện nam! Hai sự việc quan trọng này biểu hiện rõ hai loại Bát nhã của Giác trí. Thế nào là hai loại? Một là Thỉ giác Bát nhã. Hai là Bổn giác Bát nhã. Nay người thiện nam! Thỉ giác Bát nhã là từ địa phàm phu có đủ mọi ràng buộc dần dần thoát ra, cho đến địa kim cương viên mãn nhân hạnh phát ra đạo lý cứu cánh, lập tức đoạn trừ vô minh căn bản trú địa, vầng dương giác ngộ soi sáng khắp nơi không đâu là không cùng khắp, vì vậy gọi là Thỉ giác Bát nhã. Nay người thiện nam! Bổn giác Bát nhã là từ nơi tánh thanh tịnh dần dần tách xa, cho đến địa Tín - mới phát khởi trí cứu cánh, đoạn trừ phẩm loại tướng diệt vào biển cả vô minh tùy theo duyên biến động mà chuyển hóa, vì vậy gọi là Bổn giác Bát nhã. Bồ-tát Tổng Trì và các đại chúng nghe lời nói này rồi, nhận thức rõ các pháp là tướng như nhau, thể như nhau, cũng không có tướng như nhau, cũng không có Thể như nhau, cũng rỗng lặng không có ngôn từ, rỗng lặng không có ngôn từ cũng rỗng lặng, mà tánh của các pháp cũng là thật tướng, cũng là thường trú, cũng là quyết định, cũng là thật có”.

Từ đây xuống dưới là giải thích riêng, tách ra nói rõ về nhân duyên. Nghĩa này là thế nào? Chính là câu hỏi tổng quát. “Vì tướng của tất cả tâm thức đều là vô minh”, đó chính là câu trả lời tổng quát. Nghĩa là rất nhiều các loại thức hý luận, phát khởi nhiều loại tùy theo các duyên dựa vào, suy nghĩ nhận biết tất cả vô lượng cảnh giới, mê hoặc theo tướng của tất cả cảnh giới không tách rời được, vì đó đều là trạng thái của vô minh. Chính là thành lập hai nghĩa về phá - diệt đã

nói trong phần trước.

Tại đây tiếp xuống là biểu hiện rõ sự sai biệt giữa đoạn và phi đoạn. Vô minh trong này là xác định có thể đoạn hay là không thể đoạn được? Những nghi ngờ ấy do đâu? Nếu có thể đoạn thì tâm của Bốn giác cũng là có thể đoạn. Tại sao? Vì pháp nhiệm của vô minh và tánh trí của Bốn giác, cùng hiện hành, cùng chuyển vận không xa rời nhau. Ví như người đàn ông ngủ và khi thức, đều hiện hành, đều chuyển vận không thể tách rời nhau. Cũng không thể nói là lúc chém người ấy đang ngủ mà người ấy thức tỉnh không tổn thương, vì là một tướng tục. Cũng không thể nói lúc người ấy được thức tỉnh và người ấy đang ngủ là không có gì xảy ra, vì cùng nhau tướng tục. Nếu nói là khác nhau thì sai lầm quá mức. Nếu không thể đoạn được tức là tâm của tự tánh thanh tịnh luôn bị vô minh che lấp, luân chuyển trong năm đường không lúc nào thoát ra được. Vì vậy nếu nói không thể đoạn được thì sai lầm cũng lắm. Như vậy thì vô minh cũng có thể đoạn trừ, cũng không thể đoạn trừ. Nghĩa này là thế nào? Vì vô minh và Bốn giác có hai nghĩa. Thế nào là hai nghĩa? Một là nghĩa về đồng thể đồng tướng. Hai là nghĩa về dị thể dị tướng. Nói về nghĩa đồng, là nói về lý của tất cả pháp. Nói về nghĩa dị là vì tất cả các pháp đều có công đức hay lầm lỗi tai họa sai biệt của mỗi pháp. Nếu dựa vào phần đầu thì không thể đoạn trừ được, nếu dựa vào phần sau thì cũng có thể đoạn trừ. Trong kinh Chư Pháp Vô Hành giải thích như vậy:

*Tham dục là Niết-bàn
Giận, si cũng như vậy
Như thế trong ba sự
Có vô lượng Phật đạo
Thấy, chẳng thấy một tướng
Chấp, không chấp cũng vậy
Đây không Phật, không pháp
Biết này gọi thế trí.*

Trong Kinh Bốn Trí giải thích như vậy:

*Vô minh căn bản tối
Lực của nó rất mạnh
Hay chướng Nhất thiết trí
Khiến không được tự tại.
Đoạn cần gươm Bát nhã
Trang nghiêm báu công đức
Biển vô minh dần cạn*

Núi Pháp thân lộ bày.

Như Bốn Luận nói: “Tướng của vô minh không xa rời tánh Giác, chẳng phải có thể hủy hoại, chẳng phải không thể hủy hoại được”.

Từ đây xuống dưới là nói về dụ để biểu hiện rõ. Biển cả là dụ cho thức A-lê-da, thức này có hai loại nghĩa, vì rộng lớn tròn đầy giống như biển cả. Nước là dụ cho tâm của Bốn giác, vì tâm của tự tánh thanh tịnh lộ bày rõ trong sáng, giống như nước trong. Gió là dụ cho vô minh căn bản, vì xưa nay không giác ngộ luôn làm cho thức biến động chuyển sang suy nghĩ nhận biết, giống như gió. Sóng nổi lên là dụ cho các thức hý luận, vì các thức như vậy dời đổi biến động lưu chuyển, qua lại không ổn định giống như sóng biển. Tướng gió tướng nước không tách rời nhau là dụ cho chân vọng trợ giúp lẫn nhau cùng hiện hành, cùng chuyển đổi. Nghĩa là tâm của Bốn giác không tự khởi lên, phải nhờ vào lực của vô minh mới có thể khởi. Vô minh căn bản không tự chuyển đổi, cần phải nhờ vào lực của chân tâm mới có thể chuyển đổi, giống như nước không tự làm thành sóng nước, phải nhờ vào lực của gió mới có thể tạo thành sóng. Gió không tự mình hiện rõ tướng động, cần phải dựa vào nước mới có thể hiện rõ. Nhưng nước không phải là tánh động là dụ cho tâm của Bốn giác xa rời tướng hữu vi, nghĩa là chân tâm của Bốn giác từ xưa đến nay, tách xa động niệm cởi bỏ mọi ràng buộc, thể tánh thanh tịnh và tướng dụng tự tại, nhưng không giữ lấy tự tánh, tùy theo duyên của vô minh làm thành các loại tướng. Như nước không phải là tánh động nhưng không giữ lấy tự tánh, tùy theo duyên của gió dấy lên các loại sóng. Nếu gió ngừng lại hẳn thì tướng động sẽ mất, là dụ cho vô minh căn bản diệt thì các thức hý luận đều diệt không sót lại gì. Bốn giác đoạn trừ chướng ngại thì trước là đối trị vô minh căn bản, sau là đối trị các thức suy nghĩ nhận biết vin theo duyên. Tánh ướt không hủy hoại là dụ cho trí của Bốn giác xa rời các pháp đoạn diệt, nghĩa là vô minh diệt hết thì các thức không còn. Vì chân tâm của Bốn giác không có hoại diệt, giống như gió kia diệt thì các làn sóng đều ngừng lại mà nước trong sạch chung quy không hề hoại diệt.

Từ đây tiếp xuống là biểu hiện rõ về hợp để nói, như thứ tự đó thuận theo phối hợp. Biển cả, gió và nước từ đâu xuất hiện? Đó là từ Long vương sanh khởi. Tất cả từ nơi nào phát sanh? Điều ấy có nghĩa là nếu như nước thì từ đỉnh đầu Long vương phát ra, nếu là gió thì từ mút đuôi Long vương sinh ra. Tại sao nước biển bị gió làm cho biến động, tạo thành rất nhiều làn sóng không bao giờ ngừng dứt? Là vì hai sự việc? Thế nào là hai sự việc? Một là vì có đại chủng cùng loại. Hai là vì

pháp vốn như vậy. Nghĩa này là thế nào? Đó là vì trong Thủy đại cũng có Phong đại, trong Phong đại cũng có Thủy đại, phát sinh lẫn nhau, hòa hợp cùng nhau tạo thành rất nhiều làn sóng, luôn nối tiếp nhau không hề dừng lại. Nếu trong Thủy đại không có Phong đại, thì gió sẽ không thể nào làm cho nước biến động. Nếu trong Phong đại không có Thủy đại, thì nước sẽ không thể nào tùy theo gió chuyển động. Tại sao? Vì bốn Đại chủng cùng phát sanh, cùng chuyển đổi không xa rời nhau, tùy theo một Đại hiển hiện biết rõ, các Đại còn lại không thể phân biệt, là vì tướng trạng thêm bớt lại không như nhau.

Lại nữa, từ vô thủy đến nay do pháp vốn là vậy, thì vô minh và Bốn giác lại cũng như thế. Đại Long vương là dụ cho một tâm pháp, gió là dụ cho vô minh trú địa, từ nút đuôi phát ra là biểu hiện rõ hình tướng xấu kém của pháp này. Nước là dụ cho chân tâm của Bốn giác, từ đỉnh đầu phát ra là biểu hiện rõ hình tướng thắng diệu của pháp ấy. Trong Thủy đại cũng có Phong đại, là dụ cho trong tâm của Bốn giác tự tánh thanh tịnh có vô minh căn bản. Trong Phong đại cũng có Thủy đại, là dụ cho trong vô minh tạng căn bản có Phật tánh của Bốn giác. Chủ ý của luận này nói tương dị là đầu - tướng đồng là sau, thuận theo giải thích mà quán xét. Trong kinh Chư Phật Vô Tận Tạng giải thích như vậy: “Trong đại dương phiến não có Như Lai viên mãn, tuyên thuyết về lý của thật tướng thường trú. Trong thật tánh của Bốn giác có chúng sanh vô minh, dấy lên vô lượng vô biên làn sóng của phiến não. Việc lớn trong cảnh giới của Phật và Bồ-tát như vậy, không phải là những hạng phàm phu, Nhị thừa có thể biết được”.

Đã nói về phần tánh trí thanh tịnh vốn có, tiếp theo nói về phần nghiệp dụng tự tại vô ngại. Đó là trong phần này, tánh trí vốn có lấy làm nơi nương cậy, khởi lên các dụng chuyển hóa, vì tất cả những hành giả tu tập biểu hiện rõ các loại sắc tướng thắng diệu, làm cảnh giới cho nhãn căn. Xuất hiện các loại âm thanh thắng diệu, làm cảnh giới cho nhĩ căn. Phát khởi các loại hương thơm, làm cảnh giới cho tỷ căn. Hiện bày các loại pháp vị thắng diệu, làm cảnh giới cho thiệt căn. Dấy khởi các loại tiếp xúc của Tam muội thắng diệu, làm cảnh giới cho thân căn. Hiện ra các loại Pháp tạng thâm diệu, làm cảnh giới cho ý căn. Như thứ tự đó, chính là Quang Minh Nhật Nguyệt Bảo Đức Như Lai, Âm Thanh Phạm Hưởng Thanh Tịnh Như Lai, Hương Tích Phần Lưu Viên mãn Như Lai, Nhất Vị Vô Tạp Bình Đẳng Như Lai, Giác Xúc Phân Minh Hiển Tướng Như Lai, Trí Tuệ Minh Đạt Biến Mãn Như Lai. Thành tựu đầy đủ tùy theo thời gian - tùy theo nơi chốn - tùy theo mức độ của căn

cơ, giáo hóa làm lợi ích tự tại vô ngại, một niệm không biến động mà xuyên suốt trong ba đời, một thân không phân biệt mà đầy khắp giữa mười phương để luôn làm mọi Phật sự. Như Bốn Luận nói: “Tướng bất tư nghị nhiếp là dựa vào trí tịnh, có thể tạo ra tất cả mọi cảnh giới thù thắng vi diệu. Điều đó là tướng của vô lượng công đức luôn không đoạn tuyệt, tùy theo căn cơ chúng sanh tự nhiên tương ứng, rất nhiều chủng loại ngay lúc ấy được lợi ích”.

Đã nói về phần nói mở rộng Bốn giác tùy nhiên, tiếp theo nói về phần Bốn giác tánh tịnh.

Bốn Luận nói: Lại nữa, thể tướng của giác có bốn loại nghĩa về đại, sánh cùng với hư không và giống như gương trong sáng. Thế nào là bốn loại? Một là kính như thật không, rời xa tất cả tướng cảnh giới của tâm và không có pháp nào có thể hiện bày, vì không phải là nghĩa của giác tuệ soi chiếu. Hai là kính nhân huân tập, là như thật bất không, tất cả cảnh giới của thế gian đều hiện rõ trong đó, không ra không vào, không mất không hoại, luôn thường trú tại một tâm, vì tất cả các pháp chính là tánh chân thật. Vả lại, tất cả pháp nhiễm vốn không có thể nhiễm được, là thể trí bất động, đầy đủ vô lậu thường huân tập chúng sanh. Ba là kính pháp xuất ly, là pháp bất không vượt ra ngoài sự ngăn trở của phiền não của trí và xa rời tướng hòa hợp, thuần là trong sáng. Bốn là kính duyên huân tập, là dựa vào pháp xuất ly, soi chiếu khắp nơi trong tâm chúng sanh khiến tu tập thiện căn, tùy theo ý niệm mà bày tỏ.

Luận giải thích: Đây chính là phần nói rộng về Bốn giác tánh tịnh. Trong bốn loại nghĩa về đại này, mỗi loại có hai nghĩa, cùng với nghĩa về đại kia không tách rời nhau. Thế nào là hai nghĩa? Một là nghĩa sánh bằng hư không. Hai là nghĩa đồng với gương sáng. Như Bốn Luận nói: “Lại nữa, thể tướng của giác có bốn loại nghĩa về đại, sánh cùng với hư không và giống như gương trong sáng”.

Thế nào gọi là kính như thật không và có hai nghĩa thì tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Trong Bốn giác tánh tịnh
Lìa mọi nghĩ biết như
Rời xa cảnh vọng thật
Chỉ nghĩa rời xa không
Gương Ma xa phu sa
Nêu một bày tỏ một.*

Luận nói: Trong thể tánh của Bốn giác thanh tịnh, rời xa tất cả

mọi suy nghĩa nhận biết dựa theo duyên và các thức hý luận, thành tựu nghĩa của một vị bình đẳng nên gọi là như. Rời xa các loại tướng phần của mọi cảnh giới hư vọng, thành tựu tướng quyết định chân thật nên gọi là thật. Vì muốn biểu hiện rõ nghĩa của sự rời xa nên gọi là không. Kính là tên gọi của dụ. Nhưng kính trong này chính là dụ cho đài gương bằng ngọc quý Ma-xa-phu-sa, chứ không phải các loại đài gương sơn son thếp vàng nào khác lấy làm ví dụ. Tại sao? Vì lấy đài gương bằng ngọc Ma-xa-phu-sa này đặt vào một nơi, trong vị trí phía trước gương ngọc hoặc là tụ tập các loại đá quý, hoặc là tụ tập các loại đồ ăn thức uống, hoặc là tụ tập các loại đồ vật trang nghiêm, hoặc là tụ tập gương ngọc cùng loại, trong gương ngọc ấy không hiện rõ ra hình ảnh nào khác, chỉ hiển bày hoàn toàn rõ ngọc quý cùng loại. Kính như thật không cũng lại như vậy, ở trong đài gương này chỉ an lập tập hợp thành tựu công đức thanh tịnh giống với chủng loại của mình, các pháp lỗi lầm tai họa của rất nhiều chủng loại khác đều rời xa. Như Bốn Luận nói: “Thế nào là bốn loại? Một là kính như thật không, là rời xa tất cả tướng cảnh giới của tâm và không có pháp nào có thể hiện bày”. Tại sao mỗi loại có hai loại nghĩa mà chỉ nêu ra nghĩa đồng với gương sáng, còn nghĩa sánh bằng hư không sao chẳng biểu hiện rõ? Vì đưa ra một nghĩa gồm đủ bày tỏ một nghĩa. Nếu như vậy thì thế nào gọi là nghĩa sánh bằng hư không? Nghĩa là như hư không thanh tịnh chẳng nhiễm vướng và bốn chướng vốn không thể che lấp, rộng lớn không giới hạn nên ba đời không thể nào thấu gồm được. Kính như thật không cũng lại như vậy. Vì không phải là nghĩa của giác tuệ soi chiếu, tức là biểu hiện rõ rời xa nhân duyên, là như trong đài gương bằng ngọc quý Ma-xa-phu-sa kia, các hình ảnh như đá quý... không hiện ra trước gương, vì các pháp như đá quý... đều là thô lậu uế tạp, trong gương ngọc Bốn giác này, các loại pháp hư vọng không hiện ra ở trước gương. Tất cả pháp nhiễm đều là tướng vô minh bất giác, vì vậy không có nghĩa soi chiếu đến.

Thế nào gọi là kính nhân huân tập và có hai nghĩa thì tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Trí Bốn giác tánh tịnh
Ba loại pháp thế gian
Thấy đều không lìa bỏ
Vì một giác huân tập
Trang nghiêm quả Pháp thân
Nên gọi nhân huân tập
Đài gương hoa Đa-lê*

Dung nạp cùng mọi nơi.

Luận nói: Bốn giác tánh tịnh trong ba thế gian thấy đều không xa rời, huân tập ba thế gian trở thành một tánh giác, trang nghiêm cho một quả vĩ đại của Pháp thân, vì vậy gọi là kính nhân huân tập. Thế nào gọi là ba loại thế gian? Một là chúng sanh thế gian. Hai là khí thế gian. Ba là trí chánh giác thế gian. Chúng sanh thế gian gọi là cõi của tánh phàm phu. Khí thế gian gọi là thế giới cư trú của chúng sanh. Trí chánh giác thế gian gọi là Phật và các vị Bồ-tát. Đây gọi là ba thế gian. Đài gương trong này gọi là đài gương làm bằng vòng hoa Đa Lê, như lấy vòng hoa Đa Lê, đặt vào một nơi xung quanh tập hợp các vật, tất cả các vật do hoa này huân tập thấy đều sáng sủa, đồng thời các vật sáng sủa trong vòng hoa hiện rõ phía trước thấy đều không sót vật gì. Trong tất cả các vật và các vật hiện rõ ở phía trước hoa lại cũng không sót vật gì. Kính nhân huân tập cũng lại như vậy, huân tập tất cả các pháp trở thành giác thanh tịnh, khiến đều được bình đẳng. Hơn nữa, nghĩa về hư không tức có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là nghĩa dung nạp. Hai là nghĩa khắp nơi như nhau. Nghĩa dung nạp là dung nạp các sắc không có chướng ngại. Nghĩa khắp nơi như nhau là rất nhiều các loại sắc chỉ cùng chung một loại hư không rộng lớn. Như Bốn Luận nói: “Hai là kính nhân huân tập, gọi là như thật bất không, tất cả cảnh giới thế gian đều hiện rõ trong đó”. Như vậy, Bốn giác từ vô thủy đến nay rời xa bốn tướng sai lầm, tự tánh thanh tịnh thường trú tại một tâm. Thế nào là bốn tướng? Một là rời xa sai lầm của sự không biến khắp, vì ba loại thế gian không ra ngoài đài gương Bốn giác thanh tịnh, như Bốn Luận nói: “Bất xuất”. Hai là rời xa sai lầm của sự tạp loạn, vì tất cả các pháp không vào trong đài gương Bốn giác thanh tịnh, như Bốn Luận nói: “Bất nhập”. Ba là rời xa sai lầm của sự lo sợ, vì trong đài gương Bốn giác hiện rõ các pháp phía trước, tất cả đều là công đức thanh tịnh của Bốn giác. Như Bốn Luận nói: “Bất thất”. Bốn là rời xa sai lầm của sự vô thường, vì các pháp hiện rõ ở trước đài gương Bốn giác, không có gì là trí không phải thường trú vô vi, như Bốn Luận nói: “Bất hoại”. Rời xa sai lầm về giới hạn và viên mãn thật sự với phần giữa, vì thế nói nhất tâm thường trú.

Từ đây xuống dưới là biểu hiện rõ về nhân duyên. Vì nhân duyên gì mà các pháp thuộc nhiều loại ở trong trí của Bốn giác, như Bốn giác xa rời các sai lầm chẳng? Do các pháp thuộc nhiều loại hoàn toàn không có pháp nào không phải là thể chân thật, như Bốn Luận nói: Vì tất cả các pháp chính là tánh chân thật.

Từ đây tiếp xuống tạo ra duyên để giải quyết nghi ngờ. Nghĩa là có chúng sanh dấy lên nghi ngờ như vậy: Trong ba thế gian thì chúng sanh thế gian có đầy đủ toàn bộ pháp nhiệm vô minh, lưu chuyển và biến động không lúc nào ngừng, thế gian như vậy hiện rõ trong Bốn giác thì không thể nào được pháp gọi là Bốn giác thanh tịnh rời xa các sai lầm. Vì nghĩa này nên nay thông suốt mà nói, đồng thời tất cả pháp nhiệm vốn không thể nào nhiệm được, thật trí Bát nhã là Thể không biến động, tự tánh thanh tịnh đầy đủ không thiếu, luôn huân tập chúng sanh thế gian khiến cho thường thanh tịnh. Như Bốn Luận nói: “Vả lại, tất cả pháp nhiệm vốn không thể nhiệm được, là trí thể bất động đầy đủ không sót và thường huân tập chúng sanh”.

Thế nào gọi là kính pháp xuất ly và có hai nghĩa thì tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Pháp như thật bất không
Thoát khỏi ba lỗi lầm
Đầy đủ ba loại đức
Nên gọi pháp xuất ly
Gương luyện từ pha lê
Nghĩa không vượt các sắc.*

Luận nói: Tánh đức vô lậu, thoát khỏi ba loại sai lầm, viên mãn ba loại công đức, gọi là pháp xuất ly. Thế nào gọi là ba loại sai lầm? Một là phẩm vô minh nhiệm, gọi là phiền não làm chướng ngại. Hai là vô minh căn bản, gọi là chướng ngại của trí. Ba là câu hợp tướng chuyển, gọi là thức hý luận. Đây gọi là ba loại sai lầm. Vì xa rời hoàn toàn ba sai lầm như vậy, nên gọi là xuất ly. Như Bốn Luận nói: “Ba là kính pháp xuất ly, nghĩa là pháp bất không vượt ra ngoài sự ngăn trở của phiền não của trí và xa rời tướng hòa hợp”. Thế nào gọi là ba loại công đức? Một là công đức thuần thành tự. Hai là công đức tịnh thành tự. Ba là công đức minh thành tự. Đây gọi là ba loại công đức. Như Bốn Luận nói: “Thuần là thanh tịnh, sáng suốt”. Thoát khỏi sai lầm nào và viên mãn công đức gì? Đó là thoát khỏi sự ngăn trở của phiền não - viên mãn công đức tịnh thành tự, thoát khỏi sự chướng ngại do trí - viên mãn công đức minh thành tự, thoát khỏi tướng hòa hợp chuyển biến - viên mãn công đức thuần thành tự. Tại sao tướng đối đãi với pháp vốn là như vậy? Vì đài gương trong này là ngọc quý pha lê, ví như ngọc quý pha lê chìm sâu trong bùn, tức liền xuất hiện thoát ra khỏi bùn lầy kia, vọt ra ngoài nơi khác cách xa cả dặm, nếu đặt vào trong nước đục thì tự nhiên loại trừ tất cả mọi chất bẩn dòn đến, chỉ có nước trong còn lại

trong đó. Nếu đặt vào trong rừng Phước đa già, phát ra mùi thơm ngăn trở mọi mùi hôi thối nơi ấy, cách xa mà trụ. Kính pháp xuất ly cũng lại như vậy. Dụ giải thích trong này là dụ về nghĩa thanh tịnh của tự thể, trú vào tư duy thuận theo quán sát. Nghĩa sánh bằng hư không là xa rời các sắc, nghĩa là như hư không rời xa đại chúng, luôn thanh tịnh. Kính pháp xuất ly cũng lại như vậy.

Thế nào gọi là kính duyên huân tập, và có hai nghĩa thì tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Nơi vô lượng vô biên
Trong duyên các chúng sanh
Hiện vô lượng vô biên
Ứng, Hóa thân thù thắng.
Huân tập tâm chúng sanh
Sinh ra các thiện căn
Tăng trưởng hai vòng hoa
Trang nghiêm quả Pháp thân.
Nên gọi duyên huân tập
Pha lê trong gương biếc
Tùy thuận không thành nghĩa
Như pháp nên quán sát.*

Luận nói: Ví như lấy ngọc pha lê đặt vào một nơi, xung quanh tích tập nhiều loại châu ngọc đủ màu, ngọc pha lê hưởng vào loại ngọc màu gì thì chuyển đổi màu sắc ngọc ấy ngay lập tức. Kính duyên huân tập cũng lại như vậy. Lại ví như hư không có năng lực tự tại, ở trong tất cả các việc đã tạo tùy thuận thành lập. Kính duyên huân tập cũng lại như vậy, ở trong nẻo hành của tất cả chúng sanh, tùy thuận thích hợp để kiến lập. Như Bốn Luận nói: “Bốn là kính duyên huân tập, nghĩa là dựa vào pháp xuất ly, soi chiếu khắp nơi trong tâm chúng sanh khiến tu tập thiện căn, tùy theo ý niệm mà bày tỏ”.

Bốn loại nghĩa đại của Bốn giác như vậy, khắp trong tất cả phạm vi của chúng sanh, tất cả phạm vi của Nhị thừa, tất cả phạm vi của Bồ-tát, tất cả phạm vi của Như Lai, không nơi nào là không an trú, không nơi nào là không soi chiếu, không nơi nào là không thông suốt, không nơi nào là không đến được, đầy đủ và tốt đẹp trọn vẹn.



LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 4

Đã nói về phần Nêu rộng Bốn giác tánh tịnh, tiếp đến nói về phần Vô minh căn bản trú địa.

Bổn Luận nói: Nói về nghĩa bất giác, tức vì không biết đúng như thật về pháp Chân như đồng nhất, tâm không giác ngộ khởi lên nên sinh niệm đó. Niệm không có tự tướng, không xa rời Bốn giác, giống như người lạc đường dựa vào phương hướng nên không nhận ra, nếu rời bỏ phương hướng thì không có mê lầm nữa. Chúng sanh cũng vậy, dựa vào giác nên mê, nếu lìa xa tánh giác thì không có bất giác. Vì có tâm tưởng vọng không giác ngộ, nên có thể biết danh nghĩa để diễn tả về chân giác, nếu lìa xa tâm không giác ngộ thì không có tự tướng chân giác để có thể diễn tả.

Luận nói: Ngay trong văn này đưa ra hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nói khác về tương ứng thích hợp. Hai là phần theo thứ tự giải thích riêng nói rộng. Phần đầu là thế nào? Tụng nói:

*Đấng Đại Giác Mâu Ni
Thánh giáo trong một đời
Gồm có sáu loại diễn
Là minh, ám, câu, phi
Không cùng với đầy đủ
Sáu vô minh như vậy
Tùy nghĩa lập tên khác
Thế không hề sai biệt.*

Luận nói: Tập hợp tất cả các loại thuyết giảng khác nhau trong một đời của Đức Thích Ca Mâu Ni đã nêu bày, gồm có sáu loại. Thế nào là sáu loại? Một là minh vô minh. Hai là ám vô minh. Ba là câu thị vô minh. Bốn là câu phi vô minh. Năm là không vô minh. Sáu là đầy đủ vô minh. Đây gọi là sáu loại. Như vậy, sáu loại này tùy theo nghĩa mà

lập thành tên gọi, dựa vào thể không có sai khác.

Minh vô minh, nghĩa chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Rốt ráo hết là vô
Thông suốt rõ là minh
Vì nhân duyên như vậy
Lời chung, ý riêng tỏ.*

Luận nói: Rốt ráo không còn gì nên gọi là vô, thông suốt rõ nên gọi là minh. Đó là mặt trời Bát nhã tròn đầy soi sáng khắp pháp giới, không một pháp nào mà không sáng tỏ. Vì thế hãy nhận thức vô minh như vậy là lời tổng quát mà ý riêng biệt.

Trong Kinh Quang Minh Thật Trí giải thích như vậy: “Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất thưa với Đức Phật: Thưa Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà ở giữa đại chúng nói lên lời nói như vậy: Nay Ta đã nói trong tất cả kinh pháp, từng chữ từng chữ, từng câu từng câu, thấu gồm toàn bộ hết thấy vô lượng những gì đã giải thích, nhưng vì chúng sanh hạng độn căn, nên dùng các loại ngôn từ diễn tả để bàn luận. Nếu như lời Thế Tôn diễn tả, trước mắt sẽ có lỗi lầm. Tại sao? Vì như chữ vô minh chỉ biểu thị về phẩm loại đen tối, không thể biểu thị cho trí Bát nhã sáng tỏ, cho đến chữ vô thường chỉ biểu thị về tướng sanh diệt, chứ không thể giải thích biểu thị cho pháp vô vi an trú trong lý chân thật. Đức Thế Tôn diễn tả như vậy là như thế nào? Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Nay Ta đã nói thật sự không có lỗi lầm. Tại sao? Vì như chữ vô minh không thể nhất định nói là chỉ biểu thị về phẩm loại đen tối, vì năng lực trí tuệ của ông còn cạn hẹp ít thấy ít nghe, do đó dấy lên nghi ngờ như vậy. Vì chữ vô minh này lại thấu tóm hết thấy trí Bát nhã sáng tỏ, đầy đủ trọn vẹn không có thiếu sót. Đó là nghĩa cứu cánh, là nghĩa châu biến, là nghĩa viên mãn, là nghĩa bình đẳng, là nghĩa vô dư, nói là Vô. Là nghĩa thông đạt, là nghĩa hiển liễu, là nghĩa quán chiếu, là nghĩa hiện tiền, là nghĩa vô ngại, nói là Minh. Cho đến giải thích rộng”.

Vô minh tối tăm, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tất cả Bát nhã sáng
Che ẩn khiến không sanh
Ví như vật trong tối
Không có điều thù thắng.*

Luận nói: Vô minh căn bản có năng lực che phủ tất cả trí tuệ tổng trì sáng tỏ, khiến bị ngăn ngại không phát sanh được. Ví như trong bóng

tối, đồ vật trang nghiêm tuy có hình dạng trắng diêu, nhưng bị bóng tối làm cho ngăn ngại, không nhìn thấy được sự thù thắng kia, vì vậy gọi là vô minh đen tối.

Trong Kinh Viên mãn giải thích như vậy: “Tất cả chúng sanh vốn có đủ ba trí, vì điên đảo nên không hiểu biết, không giác ngộ được”.

Câu thị vô minh, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Chỉ một loại vô minh
Hoặc cùng sáng hoặc tối
Ví như một cảnh tối
Hai người đều nhìn khác.*

Luận nói: Một loại vô minh hoặc là sáng hoặc là tối, ví như một cảnh sắc hai người nhìn thấy khác nhau. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là giống như Ca-la-cưu-xa-na và người đồng phận trong màn đêm thật tối, cùng ở một nơi, nhìn sắc tối này, nếu là Ca-la-cưu-xa-na thì chỉ thấy màu sắc sáng chói thanh tịnh, nếu là người đồng phận thì chỉ thấy cảnh sắc luôn tối tăm. Câu thị vô minh cũng lại như vậy, chỉ một vô minh và hoặc là trí tuệ sáng ngời hoặc là pháp bất thiện tối tăm, hai trạng thái cùng có trong ấy.

Trong Kinh Thâm Thâm Mật Nghiêm giải thích như vậy: “Vô minh căn bản ở trong con người huyền ảo có năng lực tạo ra bản chất huyền ảo, ở trong con người đạo đức có năng lực tạo ra bản chất đạo đức, vì vậy không thể chọn lấy một mà phản đối một”.

Câu phi vô minh, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Từ vô thị đến nay
Không có dựa ngôn thuyết
Xa mọi chuyển phân biệt
Và hoàn toàn rời xa.*

Luận nói: Nói câu phi là không dựa vào ngôn từ, là xa rời sự chuyển biến của tâm, vì vậy gọi là câu phi vô minh. Trong Kinh Bát Thắng Thiên Tử giải thích như vậy: “Bấy giờ, Thiên tử tên là Quang Minh Tự Tại Hoa Bảo Diệu Luân, nhờ vào thần lực của Phật thừa với Đức Phật: Thừa Thế Tôn! Vô minh có chăng? Đáp: Không phải. Hỏi: Vô minh không có chăng? Đáp: Không phải. Hỏi: Vô minh cũng có cũng không có chăng? Đáp: Không phải. Hỏi: Vô minh không phải có, không phải không có chăng? Đáp: Không phải. Không phải chính là vô minh chăng? Đáp: Không phải. Hỏi: Tại sao như vậy? Đáp: Vì không có

điều gì có thể sáng tỏ, do đó nói là vô minh vô trí”.

Không vô minh, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào?
Tụng nói:

*Không thể dụng là không
Như lông rùa, sừng thỏ
Đạo lý như vậy rõ
Vì vậy nói là minh.*

Luận nói: Không vô minh, thể và dụng đều rỗng lặng, nên gọi là minh. Ví như lông rùa và sừng thỏ xưa nay không có thật thể, tất cả mọi người thấy đều biết rõ. Trong Kinh Vô Trí giải thích như vậy: “Vô minh căn bản không hề có việc gì, chỉ tại tánh biến kế sở chấp”.

Đây đủ vô minh, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tất cả pháp nhiễm, tịnh
Sinh ra, tăng thêm chung
Vì nhân duyên như vậy
Kiến lập tên đầy đủ.*

Luận nói: Nói đầy đủ là vô minh căn bản có năng lực phát sanh tất cả các pháp nhiễm và tịnh, khiến tăng thêm, do đó thành lập tên gọi là đầy đủ. Trong Kinh Phật Tánh Giải Thoát giải thích như vậy: “Từ hạt giống vô minh sinh ra cây giác tri, từ cây giác tri sinh ra hoa trí tuệ công đức, từ hai đóa hoa này kết thành quả giải thoát Pháp thân, cho đến nói rộng”. Như vậy, sáu loại vô minh căn bản, ở trong văn của luận giải thích rõ, an lập phù hợp là tạm thời lược nêu. Còn tên gọi của vô minh tối tăm có sai biệt ra sao, tướng đó thế nào, kinh điển giải thích khác nhau và số lượng đó có bao nhiêu? Tụng nói:

*Gồm có mười loại tên
Khế kinh giải thích khác
Kiến nhất xứ trú địa
Hoặc Báo ân vô tận.
Hoặc Vô trí hữu chung
Hoặc Vô đẳng đẳng sanh
Hoặc Sanh đắc, quán mãn
Trí ngại cùng Bất giác.
Giác liễu và Tử tạng
Mười loại tên như thế
Tùy nghĩa dụng sai biệt
Chỉ một vô minh ám.*

Luận nói: Tập hợp tất cả các loại kinh giáo thuyết ra trong một đời, gồm có mười loại tên gọi. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Kiến nhất xứ trú địa.
2. Báo ân vô tận trú địa.
3. Vô thí hữu chung trú địa.
4. Vô đẳng đẳng sanh trú địa.
5. Sanh đắc trú địa.
6. Quán mãn trú địa.
7. Trí ngại trú địa.
8. Bất giác trú địa.
9. Giác liễu trú địa.
10. Tử tạng trú địa.

Đây gọi là mười Địa. Mười loại tên gọi như vậy chỉ là một thể, tùy theo nghĩa dụng sai khác, nên quán sát kỹ!

Kiến nhất xứ trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tuệ Bát nhã viên mãn
Hiện thấy một pháp giới
Thể vô minh tức đoạn
Nên gọi Kiến nhất xứ.*

Luận nói: Từ tâm kim cang trở lại, chưa đầy đủ trí tuệ, phước đức còn thiếu kém, vì thế không đạt được nơi chốn thật sự trong một tâm. Vô minh căn bản hãy còn chưa rời ra, mà lúc theo vạn hạnh đến quả vị, Thí giác Bát nhã hiển bày rõ, công đức vốn có đầy đủ viên mãn, ngay lúc ấy thấy pháp giới trong một tâm liền an lập trú xứ, vô minh căn bản lập tức đoạn trừ không còn, vì vậy gọi là Kiến nhất xứ hoặc. Trong Kinh Quang Nghiêm Đồng Tử giải thích như vậy: “Vả lại, có tâm mê vọng (Hoặc) nên hàng Thanh văn, Phật-bích-chi và Bồ-tát Thập Địa vốn không thể đoạn trừ, đó là Kiến nhất xứ vô minh trú địa. Như vậy trú địa chứng đạt pháp giới đồng nhất, chỉ có bậc giác ngộ thanh tịnh mới có năng lực đoạn trừ”.

Báo ân vô tận trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Vô lượng các đức Phật
Báo ân của vô minh
Hết vị lai không cùng
Nên gọi Ân vô tận.*

Luận nói: Hết thủy chư Phật suốt ba đời khắp mười phương đều

trả ân vô minh, hết thời gian vị lai cũng không hề cùng tận. Vì sao? Vì tất cả các bậc Giác ngộ lấy vô minh làm nhân vô vi, trang nghiêm đầy đủ cho quả vị Pháp thân. Trong kinh Bốn Lai Thanh Tịnh giải thích như vậy: “Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thưa Đức Thế Tôn! Trong vô số đời kiếp không tiếc thân mạng, đoạn trừ tất cả điều ác, tu dưỡng tất cả mọi điều thiện, nhân thực hành viên mãn trang nghiêm cho đại dương tánh của tâm, hỷ lạc tự tại và tác dụng công đức vô ngại, vì nhân duyên gì mà nói lời như vậy: Ta có nhiều ân đức dùng hết thời gian vị lai cũng không thể báo đền hết được? Đức Phật nói: Ta căn cứ vào vô minh, lấy đó làm bản chất để thành tựu đạo quả Chánh giác, vì vậy Ta nói là có ân đức rất sâu nặng, ở trong vô lượng kiếp báo ân không hết. Do nghĩa này mà Vô minh trú địa cũng gọi là Báo ân vô tận trú địa”.

Vô tử hữu chung trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Quá khứ không giới hạn
Tiến vị lai có tận
Vì nhân duyên như vậy
Gọi Vô tử hữu chung.*

Luận nói: Vô minh căn bản nếu lùi lại về quá khứ thì không có giới hạn ban đầu, gọi đó là Vô tử. Nếu tiến vào vị lai thì chắc chắn có gián đoạn, gọi đó là Hữu chung. Trong Bát Nhã Ba-La-Mật giải thích như vậy: “Trí thanh tịnh của Thi giác có bắt đầu mà không có kết thúc, vô minh trú địa không có bắt đầu nhưng có kết thúc”.

Vô đẳng đẳng sanh trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Phiền não thượng vô số
Một lúc, không trước sau
Sanh ra có đầy đủ
Gọi là Vô đẳng đẳng sanh.*

Luận nói: Vô minh căn bản có lực thù thắng, vượt quá hàng sa số các phiền não phẩm thượng, không có trước sau mà cùng phát sanh trong một lúc, vì vậy gọi là Vô đẳng đẳng sanh. Trong Kinh Tự Thể giải thích như vậy: “Ví như Thiên ma Ba-tuần đối với Tự Tại thiên, sắc tướng, sức lực, thọ mạng, quyến thuộc đều đầy đủ tự tại thù thắng hơn hẳn, đại lực trú địa sanh ra không gì sánh bằng, cũng lại như vậy, thô hay tế - trước và sau đều sanh trưởng ngay một lúc, không có trước sau”.

Sanh đắc trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Sanh là ba loại sanh
Đắc là lập thành tựu
Vô minh căn bản lập
Nên gọi là Sanh đắc.*

Luận nói: Nói là sanh, nghĩa là ba loại tướng sanh. Gọi là đắc có hai nghĩa. Thế nào là hai nghĩa? Một là nghĩa kiến lập. Hai là nghĩa thành tựu. Vô minh căn bản có năng lực để thành lập ba loại tướng sanh, vì thế gọi là Sanh đắc trú địa. Trong Kinh Thập Chung Vọng Tướng giải thích như vậy: “Dựa vào từng chủng tử một chuyển biến phát sanh kiến lập thành tựu trú địa, chứ không phải dựa vào tự thể, nên gọi là Sanh đắc”.

Quán Mãn trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Thế vô minh căn bản
Kim cương hoàn không dứt
Phải đợi quả viên mãn
Nên gọi là Quán mãn.*

Luận nói: Vô minh căn bản đối với tâm kim cương trở lại vẫn còn tồn tại chứ không phải đã hết, phải đợi lúc địa viên mãn mới vĩnh viễn đoạn trừ không còn gì, vì vậy gọi là Quán mãn trú địa. Trong Kinh Vô Thượng Bồ Đề giải thích như vậy: “Vô minh căn bản đợi đến lúc đạo quả viên mãn, gọi là Quán mãn, các thức hý luận tùy theo địa dần dần loại trừ, gọi là Quán phần”

Trí ngại trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Ngăn Nhất thiết chủng trí
Thông suốt nghịch thế gian
Sai lầm trái ngược nặng
Nên gọi là Trí ngại.*

Luận nói: Vô minh căn bản rất tối tăm, Nhất thiết chủng trí hiển lộ rất sáng tỏ, như vậy sáng và tối trái ngược nhau hết sức sâu nặng, vì thế gọi là Trí ngại trú địa. Trong Kinh Thâm Thâm Nhân Duyên giải thích như vậy: “Phiền não sâu dày làm chướng ngại cho trí của chánh thể, trái ngược nhau hết sức nên kiến lập làm chướng ngại. Tuệ Bát nhã cùng với hậu đắc trí bị chướng ngại, trái ngược sâu nặng nên kiến lập làm chướng ngại. Cho đến nói rộng”.

Bất giác trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Từ vô thí đến nay
Đủ ba thân Bồ-đề
Tròn bốn đức Niết-bàn
Không thể giác, chẳng giác.*

Luận nói: Tất cả chúng sanh từ vô thí đến nay, ba thân đầy đủ, bốn đức viên mãn, tự tánh thanh tịnh rời xa mọi ràng buộc vướng mắc, nhưng vì vô minh nên không nhận thức được, vì thế gọi là Bất giác trú địa. Trong Kinh Đại Bản Lăng Già giải thích như vậy: “Bất nhĩ không có tri thức, các thức hý luận đều là cái biết không đúng nghĩa, vô minh căn bản chính là Bất giác. Vì sao như vậy? Vì Bất giác đối với tánh giác, cho đến nói rộng”.

Giác liễu trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Không phải cảnh Thập Địa
Cũng không cảnh phàm tiểu
Chỉ bậc Đại giác hiểu
Nên gọi là Giác liễu.*

Luận nói: Vô minh căn bản thì hàng Bồ-tát Thập Địa chưa thể dễ biết được điều ấy huống chi là hàng phàm, tiểu? Chỉ bậc Đại giác mới hiểu rõ tận cùng không sót, vì vậy gọi là Giác liễu trú địa. Trong Kinh Bảo Tích giải thích như vậy: “Chỉ có cảnh giới Phật chứ không phải cảnh giới nào khác có thể biết được, nên gọi là Giác liễu vô minh”.

Tử tạng trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Biển lớn tạng vô minh
Thâu giữ mọi phiền não
Như gieo trồng giữ hạt
Nên gọi là Tử tạng.*

Luận nói: Vô minh vô thí thâu giữ phiền não làm cho dừng lại, ví như các loại hạt giống chủ quản sự ẩn kín hay hiện rõ, vì thế gọi là Tử tạng trú địa. Trong Kinh Bốn Nghiệp giải thích như vậy: “Cất giữ các chủng tử đủ loại ví như lưới giăng của cõi trời”. Vì nhân duyên gì đều gọi là Trú địa, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Lực vô minh rất lớn
Nắm giữ mọi pháp nhiễm
Như đất giữ bốn loại
Nên gọi tên là Trú địa.*

Luận nói: Vô minh căn bản có năng lực rất lớn, có thể dễ nắm giữ tất cả mọi pháp nhiệm, ví như mặt đất có năng lực thù thắng nên chủ quản bốn trách nhiệm quan trọng, vì vậy gọi là Trú địa. Thế nào là bốn trách nhiệm? Một là biển lớn. Hai là núi non. Ba là cỏ cây. Bốn là chúng sanh. Đây gọi là bốn trách nhiệm. Trong Kinh Thắng Man giải thích như vậy: “Thưa Đức Thế Tôn! Như vậy thì năng lực của vô minh trú địa, ở trong số bốn trú địa của hữu ái, vô minh trú địa là loại có năng lực lớn nhất”. Cho đến nói rộng...

Đã nói về phần tách ra tương ưng thích hợp, tiếp đến nói về phần theo thứ tự giải thích riêng, phân tán. Nói về nghĩa Bất giác là nêu tổng quát gốc ngọn của tất cả Bất giác. Từ đây tiếp xuống tiến hành giải thích lược chỉ ra. Đầu tiên giải thích về căn bản Bất giác, tiếp đến giải thích tách ra quyền thuộc của Bất giác, mở rộng về gốc - lược bớt phần ngọn, nên quán sát kỹ.

Không biết đúng như thật về pháp Chân như chỉ là một nên tâm Bất giác khởi lên, đó chính là biểu hiện rõ về nhân duyên khởi lên căn bản Bất giác. Căn bản Bất giác vì nhân duyên gì có thể dấy lên mà có? Vì nhân không như thật nên có thể dấy lên mà có. Trong những pháp như thế nào mà lại không như thật? Đó là trong ba pháp mà lại không như thật. Nói về không như thật (bất như), điều ấy có nghĩa gì? Đó là nghĩa về sự trái ngược. Thế nào là ba pháp? Một là thật sự biết rõ một pháp. Hai là chân như chỉ một pháp. Ba là một tâm một pháp. Đây gọi là ba pháp. Thật sự biết rõ một pháp, nghĩa là tất cả các giác chính là trí của chủ thể thông đạt. Chân như chỉ một pháp, nghĩa là lý bình đẳng chính là cảnh của đối tượng thông đạt. Một tâm một pháp, nghĩa là một pháp giới chính là thể của đối tượng nương dựa. Đối với ba pháp này đều trái ngược do đó vô minh nhất định dấy lên, vì thế nói không biết đúng như thật về pháp Chân như chỉ là một nên tâm Bất giác khởi lên. Ba loại pháp kia chung quy đều giữ lấy trong một không rời bỏ, nên gọi chung là một.

Từ đây tiếp xuống là sơ lược chỉ ra quyền thuộc, phát sinh niệm vọng, chính là biểu hiện rõ về sự phân ly của vô minh, nghĩa là căn bản đã lập nên tất cả quyền thuộc do đó tất cả đều phải có.

Từ đây xuống dưới có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần Quy đức thành huyễn, có lực và không có lực. Hai là Cử vọng hiển chân có lực và không có lực.

Quy đức thành huyễn, là tất cả vô minh, nếu chế ngự cho đến căn bản thì không có tự thể tướng chỉ là dựa vào bốn giác mà được

thành lập. Ví như người lạc đường do dựa vào đường đi nên không nhận ra, nếu xa rời đường đi thì không có điều gì mê loạn. Như Bốn Luận nói: “Niệm vọng không có tự tướng, không xa rời Bốn giác, giống như người lạc đường dựa vào phương hướng nên không nhận ra, nếu tách rời phương hướng thì không có mê loạn. Chúng sanh cũng vậy, vì dựa vào giác nên mê muội, nếu tách rời tánh giác thì không có gì là Bất giác”.

Phần Cử vọng hiển chân, là Pháp thân Bát nhã không thể tự nó hiển lộ được, phải đợi Bất giác sau đó mới có thể tán dương danh nghĩa đầy đủ hiện rõ trước mắt. Ví như bậc tướng phu dũng mãnh làm cho quân lính phải khuất phục, sau đó mới có thể đạt được vị trí cao hơn. Như Bốn Luận nói: “Vì có tâm vọng tưởng không giác ngộ, có thể hiểu biết về danh nghĩa để diễn tả Chân Giác, nếu lìa tâm Bất giác thì tự tướng chân giác không có thể diễn tả”.

Đã nói về phần Vô minh căn bản trú địa, tiếp đến nói về phần Quyển thuộc của vô minh trú địa. Trong sự quyển trạch này có hai tầng. Thế nào là hai tầng? Một là phần biểu hiện rõ về quyển thuộc vi tế. Hai là phần biểu hiện rõ về quyển thuộc thô trọng. Phần đầu như thế nào?

Bốn Luận nói: Lại nữa, dựa vào Bất giác nên phát sanh ba loại tướng, cùng với Bất giác tương ứng không lìa xa. Thế nào là ba tướng? Một là tướng vô minh nghiệp, vì dựa vào Bất giác nên tâm biến động, gọi là nghiệp. Giác thì không biến động, biến động thì có đau khổ, do quả không không lìa xa nhân. Hai là tướng tăng kiến, vì dựa vào biến động nên có thể thấy, không biến động thì không thể thấy. Ba là tướng cảnh giới, vì dựa vào chủ thể thấy nên cảnh giới hư vọng xuất hiện, xa lìa thấy thì không có cảnh giới nào.

Luận giải thích: Ngay trong văn này tức có hai tầng. Thế nào là hai tầng? Một là phần nêu tổng quát, lược bày. Hai là phần nêu ra, giải thích cùng thành lập. Phần thứ nhất nói “Dựa vào Bất giác nên phát sanh ba loại tướng cùng với Bất giác tương ứng không lìa xa”, tức là biểu hiện rõ phần tướng của ngọn nhờ vào sức lực của phần thể từ gốc mà được thành lập. Và lại, phần thể của gốc được các cành nhánh của phần tướng từ ngọn nuôi dưỡng nên có thể tồn tại. Ví như cha và con làm nhân cho nhau mà được thành lập. Vì vậy nói là “tương ứng không lìa xa”. Nếu nói như vậy, thì từ Địa thứ tám trở lên các bậc Bồ-tát ở địa trên sẽ đoạn trừ vô minh giống như địa Diệu giác hay sao? Điều này không phải như vậy, vì tuy Bồ-tát đoạn trừ tướng thuộc phần thô, mà ba tướng vi tế hãy còn chưa đoạn hết.

Từ đây xuống dưới giải thích phần thứ hai. Trong ba tướng này thì

tướng nghiệp thứ nhất, giữa chủ thể trông thấy và đối tượng được trông thấy không có sai biệt, tâm vương phân biệt pháp không thể phân tích, chỉ căn cứ vào nghĩa luôn biến động, ngấm ngấm lưu chuyển nên gọi là nghiệp. Như vậy biến động và lưu chuyển chỉ do Bất giác. Nếu giác thì không biến động mà biến động thì có đau khổ. Vì sao như vậy? Vì quả ban đầu của tướng nghiệp không xa rời nhân ban đầu của vô minh. Như Bốn Luận nói: “Một là tướng vô minh nghiệp, vì dựa vào Bất giác nên tâm biến động, gọi là nghiệp. Giác thì không biến động, biến động thì có đau khổ, vì quả không lia xa nhân”. Tướng chuyển thứ hai, vì tướng nghiệp niệm vọng là nơi nương cậy, chuyển biến làm duyên chủ động lưu chuyển trở thành tướng rõ ràng. Nếu không có phần vị của tướng nghiệp động niệm, sẽ không có kiến phần của tướng liễu biệt chuyển, dựa vào bên này biến động làm chuyển đổi bên kia nên gọi là tướng chuyển. Như Bốn Luận nói: “Hai là tướng chủ thể nhận thức, vì dựa vào biến động nên có thể thấy, không biến động thì không thể thấy”. Tướng hiện thứ ba, vì dựa vào phân biệt chuyển làm nơi nương cậy, nên cảnh giới hý luận hiển bày đầy đủ trước mắt, tướng phần đã duyên theo trải rộng khắp nơi. Nếu lia xa phần vị của thức phân biệt kiến, thì không có trần tướng của cảnh giới nơi đối tượng duyên. Dựa vào kiến phần này hiện bày tướng phần kia, ví như dựa vào gương sáng nên hiện rõ các cảnh sắc hình tượng, nên gọi là tướng hiện. Như Bốn Luận nói: “Ba là tướng cảnh giới, vì dựa vào chủ thể thấy nên cảnh giới hư vọng xuất hiện, lia thấy thì không có cảnh giới nào”. Như vậy, ba tướng tuy khác biệt về tên gọi nhưng cùng chỉ ra thức vốn có, nơi phần Quyết trạch ở trước đã nói rộng. Trong ba tướng này thì tướng thứ nhất là chủ thể và đối tượng cùng chung, thể không sai khác. Tướng thứ hai chỉ có chủ thể trông thấy vì không có đối tượng trông thấy. Tướng thứ ba thì chủ thể cùng đối tượng đều đầy đủ và viên mãn.

Vô minh căn bản lại có gì sai khác? Nghi ngờ này do đâu? Vì tự thể của vô minh không rõ. Điều ấy có nghĩa là nếu nói tâm thể không biến động, thì ngay lúc này gọi là vô minh, điều ấy không phải như vậy. Vì sao như thế? Vì ba là phần nói về lý do dựa vào Bất giác nên tâm biến động, gọi là nghiệp. Nếu nói không có gì động thì phần vị thức nghiệp chẳng phải vô minh, điều này cũng không phải vậy. Vì sao như thế? Vì phần so sánh nói là do không thông đạt một pháp giới nên tâm không tương ưng, bỗng nhiên niệm vọng khởi lên nên gọi là vô minh. Hai vấn đề động và khởi đều dựa vào thức nghiệp để giải thích như vậy, chứ không phải là vô minh. Vì sao? Vì chủ thể biến động, chủ thể khởi

lên là vô minh căn bản, thuận theo biến động, thuận theo khởi lên chính là thức nghiệp. Vì nghĩa này nên không có sai trái lẫn nhau. Nếu vậy thì thể của vô minh căn bản, làm thế nào có thể biến động được tâm thể và làm thế nào có thể khởi lên các niệm vọng? Chỗ này không rõ. Vì Thập Địa không phải là cảnh giới mà ba Hiền không thể suy lường, chỉ có Phật mới hiểu rõ đến cùng nên không thể vọng nói được, nhưng dựa vào kinh giải thích mượn ngôn từ tạm gọi chỉ nói là Bất giác. Có được nhân duyên trong phần Quyết trạch sau sẽ nêu rõ.

Tướng nghiệp - niệm vọng vi tế - chủ thể - đối tượng chưa rõ, tướng và cảnh giới không thể phân biệt, vì nhân duyên gì thiết lập tên gọi động để giải thích tướng nghiệp vậy? Điều này lại cũng không thể vọng nói, chỉ dựa vào kinh giải thích mà nói như vậy: Tướng nghiệp và bản thức, không có chủ thể tạo tác rõ, không có đối tượng tạo tác rõ, không thể phân tích, không thể cách biệt, chỉ căn cứ vào nghĩa luôn biến động ngấm ngấm lưu chuyển, nên gọi là Kiện ma. Nếu chúng sanh cần phải dùng các loại ngôn từ phô bày để nói về điều này, thì nói suốt ngày cũng không thể nói rõ hết được.

Đã nói về phần biểu hiện rõ về quyền thuộc vi tế, tiếp đến nói về phần biểu hiện rõ về quyền thuộc thô trọng.

Bổn Luận nói: Vì có cảnh giới duyên theo nên lại phát sanh sáu loại tướng. Thế nào là sáu loại? Một là tướng trí, vì dựa vào cảnh giới mà tâm khởi lên yêu thích và ghét bỏ. Hai là tướng tương tục, vì dựa vào trí nên sanh ra cảm nhận nỗi khổ và niềm vui, tâm khởi niệm tương ưng không ngừng. Ba là tướng chấp thủ, vì dựa vào duyên tương tục phân biệt cảnh giới, giữ chặt những nỗi buồn vui nên tâm khởi lên chấp trước. Bốn là tướng kế danh tự, vì dựa vào vọng chấp phân biệt đủ loại tướng trạng, danh ngôn không thật. Năm là tướng khởi nghiệp, vì dựa vào tên gọi tìm tên gọi dẫn đến tham đắm tạo ra đủ loại nghiệp. Sáu là tướng nghiệp hệ khổ, vì dựa vào nghiệp nhận chịu quả không thể tự tại được.

Luận giải thích: Sáu tướng như vậy đều từ nơi ý thức chứ không phải là thức hay pháp nào khác. Vì sao như vậy? Vì trong Kinh Đại Bổn giải thích như vậy. Phần quyết trạch này là kinh nào giải thích? Đó là Kinh Lăng Già. Nơi kinh ấy sẽ giải thích điều gì? Đó là trong Kinh Phân Lưu Lăng Già giải thích như vậy:

*Ví như sóng biển lớn
Do gió mạnh nên khởi
Sóng to vỗ vào bờ*

Không lúc nào gián đoạn
 Thường trú biển tạng thức
 Gió cảnh giới chuyển động
 Đủ loại sóng các thức
 Cuộn tung mà chuyển sanh
 Các loại sắc xanh đỏ
 Sữa trắng và mật ong
 Nhiều hoa quả vị nhạt
 Nhật, nguyệt và ánh sáng
 Chẳng khác, chẳng không khác
 Nước biển khởi sóng cuộn
 Bảy thức cũng như vậy
 Tâm cùng hòa hợp sanh
 Như nước biển biến đổi
 Sóng cuộn chuyển biến theo
 Bảy thức cũng như vậy
 Tâm cùng hòa hợp sanh
 Là từ nơi tạng thức
 Đủ các thức chuyển tiếp
 Đó là ý thức kia
 Tư duy nghĩa các tướng
 Sinh tám tướng không hoại
 Không có tướng, không tướng.

Dựa vào văn kinh này giải thích, phát khởi văn nói về sáu tướng. Nay văn kinh này là trình bày về nghĩa gì? Đó là muốn biểu hiện rõ về tự tánh thường trú tại biển cả của hiện thức, bị gió cảnh giới của sáu trần làm cho trôi nổi. Bảy loại chuyển thức lấy thể của hiện thức làm nhân bên trong, lấy cảnh giới sáu trần làm duyên bên ngoài, khiến cho sáu loại tướng thô trọng dấy lên mạnh mẽ. Như kinh nói:

Ví như sóng biển lớn
 Do gió mạnh cuộn lên
 Sóng to vỗ vào bờ
 Không lúc nào gián đoạn
 Thường trú biển tạng thức
 Gió cảnh giới chuyển động
 Đủ loại sóng các thức
 Cuộn tung mà chuyển sanh.

Thế nào gọi là gió của cảnh giới, gió ấy hình trạng như thế nào?

Đó là các loại màu sắc rõ như xanh vàng đỏ trắng..., có năng lực dấy lên nhãn thức. Các loại châu ngọc như vàng bạc quý... hiện sanh ra nhiều loại âm thanh thù thắng vi diệu, có năng lực dấy lên nhĩ thức. Các loại mùi thơm ngào ngạt xông ướp khắp nơi như hương thanh đàn..., có năng lực dấy lên tỷ thức. Các loại lụa là mềm mại xúc chạm hòa hợp cùng với các loại vật tốt tạo an lạc, có năng lực dấy lên thân thức. Các mùi vị ngọt nhạt, tùy theo những gì thích hợp với nó phát ra các loại mùi vị, có năng lực dấy lên thiệt thức. Hoa của hiện tại, quả của vị lai là các loại pháp trần, thuận theo làm thành cảnh giới đã duyên vào của thức, có năng lực dấy lên ý thức. Nay trong văn này đưa ra trần chọn lấy thức, nên quán sát kỹ. Thức Mạt-na kia chính là phần vị vi tế của ý thức mà không có Thể riêng biệt. Như vậy sáu trần có thể làm dấy động tâm thể khiến trở thành tán loạn, ví như gió mạnh nên gọi là gió của cảnh giới. Như kinh nói:

*Các loại sắc xanh đỏ
Sữa trắng và mật ong
Nhiều hoa quả vị nhạt.*

Như vậy, bẩy thức cùng với tạng thức, giống nhau hay là khác nhau? Chẳng phải giống nhau cũng chẳng phải khác nhau, vì xa rời cả hai bên. Ví như mặt trời và ánh sáng, nước và sóng nước, chẳng phải giống nhau cũng chẳng phải khác nhau. Bẩy thức và tạng thức chẳng phải giống nhau, chẳng phải khác nhau, nghĩa lý cũng như vậy. Như kinh nói:

*Nhật, nguyệt và ánh sáng
Chẳng khác, chẳng không khác
Nước biển khởi sóng cuộn
Bảy thức cũng như vậy
Tâm cùng hòa hợp sanh.*

Bảy thức như vậy từ xứ sở nào đến hội nhập trong tạng thức làm thành số của bẩy loại, lưu chuyển khởi động không lúc nào gián đoạn? Như vậy, bẩy chuyển thức không đến từ bên trong, không đến từ bên ngoài, không đến từ phần giữa, chỉ do thể của tạng thức biến đổi làm thành bẩy thức, ví như nước biển khởi biến đổi gây ra sóng cuộn. Như kinh nói:

*Ví như nước biển biến
Vô số sóng cuộn chuyển
Bảy thức cũng như vậy
Tâm cùng hòa hợp sanh*

*Nghĩa là nơi tạng thức
Vô số các thức chuyển
Là vì ý thức kia
Tư duy nghĩa các tướng.*

Như vậy, hiện thức và bảy chuyển thức là tám loại tâm thức, chỉ có tướng của sanh diệt vô thường hay là cũng có tướng Chân thật - tướng Thường trú? Như vậy, tám thức từ vô thủy đến nay, ba đời không biến động, bốn tướng không dời chuyển, là tướng chân thật thường trú, tự tánh thanh tịnh không thể hủy hoại, đầy đủ viên mãn không có thiếu sót. Tất cả công đức đều như vậy, giống như pháp giới nên không có hai tướng, không có hai tướng do đó chỉ là một tướng, chỉ là một tướng vì vậy cũng là vô tướng, đều vì vô tướng nên vô tướng cũng vô tướng. Như kinh nói:

*Tướng không hoại có tám
Không tướng, cũng không tướng.*

Kinh Lăng Già này trình bày tất cả bao nhiêu thức? Chính là phát sinh hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nói lược. Hai là phần nói rộng. Như vậy trong hai phần cả ba bản kinh đều nói khác nhau. Nói khác nhau thế nào? Đó là trong một bản kinh Phân lưu Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Nói lược có ba loại thức, nói rộng có tám loại thức. Như thế nào là ba loại thức? Đó là thức chân - thức hiện và thức phân biệt sự”.

Lại một bản kinh Phân lưu Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Nói rộng có tám loại thức, nói lược thì có hai loại thức. Thế nào là hai loại thức? Một là thức liễu biệt. Hai là thức phân biệt sự”.

Lại một bản kinh Phân lưu Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Nói lược có bốn loại thức, nói rộng có bảy loại thức. Thế nào là bốn loại thức? Đó là thức nghiệp - thức chuyển - thức hiện và thức phân biệt sự”.

Như vậy, cả ba bản kinh dứt khoát là chân thuyết, phải quay về nương theo kinh Lăng Già loại nào đây? Nhân Duyên Lăng Già, Sa La Lăng Già, Bàn Thi Đa Lăng Già..., bao nhiêu loại kinh này chính là ngụy tạo nói ra không thật nên không đáng để nương theo. Nay nên dựa vào một vạn sáu ngàn tụng trong Đại Bản Lăng Già, ba kinh tuy an lập khác nhau về tướng nhưng kết hợp nhau cùng giải thích, như thứ tự ấy cần phải quán sát kỹ.

Trong kinh thứ nhất, thì thứ nhất là thức chân, dứt khoát là vô minh căn bản đã huân tập chân tâm của Bản giác. Thứ hai là thức hiện,

dứt khoát là tướng hiện của thức A-lê-da. Thứ ba là thức phân biệt sự, dứt khoát là ý thức, phần thô là ý thức, phần tế chính là mạt-na. Tại sao kinh này chỉ nói phần tế của ý thức là thức Mạt-na-đà. Thức nghiệp và thức chuyển, trong ba phần tế lại lược bỏ không nêu ra. Chính chỗ này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần Nêu lên hai biểu hiện ba có đủ số. Hai là phần Dẫn theo trên biểu đạt dưới có đủ số.

Phần một nói thế nào? Đó là nêu lên phần thô mạnh để biểu hiện phần tế kém. Nghĩa này là thế nào? Vì ở trong ba phần tế thì phần thô là thức hiện, ở trong bảy thức thì mạnh hơn là ý thức. Nêu phần thô là thức hiện để biểu hiện phần tế là thức nghiệp và thức chuyển, vì thế chỉ nói thức hiện. Nêu lên cái mạnh là ý thức để chỉ cái kém là Mạt-na, do đó chỉ nói ý thức. Vì thế ngôn ngữ lược mà nghĩa lý đủ, đây gọi là phần Nêu lên hai biểu hiện ba có đủ số.

Phần hai nói gì? Đó là trước sau tự nhiên tên gọi đầy đủ. Nghĩa này là thế nào? Văn kinh nói là: Các thức có ba loại tướng, đó là tướng chuyển, tướng nghiệp và tướng chân. Thứ nhất là tướng chuyển, chính là ba phần tế thô tóm được thức chuyển. Thứ hai là tướng nghiệp, tức ba phần tế đã thô tóm thức nghiệp. Thứ ba là tướng chân, chính là thức Mạt-na được thô tóm do phần tế của ý thức. Dẫn văn kinh này đạt tới văn sau, tên gọi đầy đủ, nghĩa lý trọn vẹn, đây gọi là phần Dẫn theo trên biểu đạt dưới có đủ số.

Trong kinh này nói tám loại thức, đó là A-lê-da - Mạt na - ý thức và năm thức thân, đây gọi là tám loại thức. Vì sao trở thành tám loại? Vì trong một ý thức phân ra bảy loại khác nhau.

Trong kinh thứ hai thì thứ nhất là thức liễu biệt, dứt khoát là tướng hiện của thức A-lê-da. Thứ hai là thức phân biệt sự, dứt khoát là ý thức, nghĩa đã nói như trước, cùng nói là Mạt-na. Trong kinh thứ nhất trên kia gọi là tướng chân, trong kinh thứ hai này gọi là thức trí tướng, là tên gọi khác mà nghĩa lý như nhau. Trong phần vị Mạt-na bắt đầu có tuệ tâm sở, phân biệt đối với ngoại trần gọi là thức trí tướng. Như vậy, trí trong cảnh của đối tượng duyên nơi thức khởi lên hiểu rõ về tướng chân thật mà chuyển hóa nên gọi là tướng chân. Tám thức trong này dựa theo trước có thể biết.

Trong kinh thứ ba nói đến bốn loại pháp thức, sắc thái của văn rõ nên tạm thời lược bớt không nói. Nói về bảy thức, là Mạt-na và ý thức chung làm một, vì thô và tế tuy có khác nhau nhưng chỉ là một thức.

Trong Kinh Pháp Giới Pháp Luân giải thích như vậy: “Ý thức thứ sáu trong lúc phân biệt cảnh giới của sáu trần, chắc chắn dựa vào Mạt

na làm gốc của chỗ dựa mới có thể sanh khởi, vì thế ý thức sẽ là chủ thể dựa, thức Mạt-na sẽ là đối tượng được dựa”. Chủ thể và đối tượng ấy không thể cùng là một loại, tại sao nay nói là một thể không khác? Ý kinh phân tách nên không có gì trái ngược nhau. Nghĩa là trong kinh ấy đã thiết lập chủng loại khác nhau. Nay trong kinh này thiết lập chủng loại như nhau. Vì văn nào mà hiện tại biết rõ về thức phân biệt sự, không dựa vào Mạt-na nhưng vẫn có thể sanh khởi? Do trong Kinh Lăng Già giải thích rất rõ. Kinh ấy giải thích thế nào? Đó là trong Phân lưu Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Thức liễu biệt sự và thức phân biệt sự, hai loại thức ấy không có sai biệt, lại luân lưu làm nhân cho nhau”.

Lại trong một bản Phân lưu Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Thức hiện và thức phân biệt sự, hai tướng hoại và bất hoại này liên tiếp chuyển đổi làm nhân cho nhau”. Căn cứ vào văn ấy nên biết rõ về ý thức, chỉ lấy tướng hiện của thức A-lê-da làm đối tượng được dựa bên trong, sanh khởi hay động chuyển không dựa vào Mạt na. Hơn nữa, trong Kinh Đại Bản Lăng Già nói như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Nghiêm bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Ý thức tướng thô và ý thức tướng tế lấy gì làm nhân, lấy gì làm duyên mà chuyển đổi liên tục không ngừng? Đức Phật nói: Đúng như vậy! Ý thức thô và tế, lấy thức hiện kính để làm nhân, lấy cảnh giới sáu trần để làm duyên, chuyển đổi liên tục theo nhau”. Do nghĩa này mà thức Mạt na thứ bảy duyên với cảnh giới sáu trần. Vì cảnh nơi đối tượng duyên mà nghĩa chuyển đã thành lập. Tại sao? Vì trong kệ tụng của kinh giải thích như vậy: “Gió cảnh giới đã động, Sóng bảy thức cuộn nổi”. Vả lại, nếu chúng sanh nào trải qua thức hiện, đó chính là thức Mạt na này, vì thế ý thức lấy đó làm nhân. Lời này không đáng để căn cứ theo sao?

Đã nói phần căn bản dựa theo kinh, tiếp đến giải thích văn của luận. Ngay trong văn này tự có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu tổng quát, lược chỉ ra. Hai là phần nêu ra và giải thích đều thành tựu. Vì có duyên vào cảnh giới nên lại phát sanh sáu loại tướng, đó chính là phần một. Văn này là trình bày về nghĩa nào? Đó là biểu hiện rõ về sáu loại tướng thô của một ý thức, lấy cảnh giới sáu trần trong thức hiện kính làm duyên phát khởi, lấy thể của thức hiện kính làm nhân dựa vào, nên được sanh trưởng liên tục và chuyển đổi đầy đủ. Nếu như vậy thì tại sao chỉ nói là lấy cảnh giới làm duyên, không nói đến lấy thức vốn có kia làm nhân? Vì nghĩa biểu hiện lẫn nhau nên tạm thời lược bớt, chứ lý đó không phải là không có. Nếu vậy thì thức hiện

chính là tương ứng với Mạt-na, làm chỗ dựa gấn gũi cho ý thức, giống như là ý căn? Giải thích về nghĩa này có hai ý. Thế nào là hai ý? Một là ý ngăn trở. Hai là ý cho phép. Ngăn trở là chặn lại chủng loại sai khác. Cho phép là thừa nhận A-lê-da và Mạt-na. Nghi vấn khó xử lý như vậy đến trong phần Quyết trạch Đại Mạt na, lý đó tự nhiên hiển lộ.

Từ đây xuống dưới giải thích về phần thứ hai. Trong sáu tướng này thì hai tướng thứ nhất chính là chấp pháp, hai tướng thứ hai chính là chấp ngã, hai tướng thứ ba chính là tướng sai khác của nghiệp nhân quả báo. Vả lại, hai tướng thứ nhất thì hàng Địa thượng đã đoạn trừ, hai tướng thứ hai thì hàng ba Hiền đã đoạn trừ, hai tướng thứ ba thì hàng Thập tín đã rời xa. Hơn nữa, hai tướng đầu là tướng tế, bốn tướng sau đều là tướng thô. Tiếp đến, một tướng đầu là tướng tế, một tướng sau là tướng thô. Lại nữa, sáu tướng đều là tướng thô. Tiếp nữa, sáu tướng đều không có tướng tế cũng không có tướng thô. Như thứ tự đó thuận theo nên tư duy kỹ.

Đã nói về phần biểu hiện rõ quyền thuộc thô trọng, tiếp đến nói về phần biểu hiện rõ vô minh có quyết nghi.

Bổn Luận nói: Nên biết vô minh có năng lực sanh ra tất cả mọi pháp nhiễm, vì tất cả mọi pháp nhiễm đều là tướng Bất giác.

Luận giải thích: Ngay trong văn này tự có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu trực tiếp nhất định có. Hai là phần giải thích về tướng để giải quyết nghi ngờ. Phần một nói gì? Tụng nói:

*Ví như trông thấy cây
Nên biết có chủng tử
Thấy các phiền não trên
Biết vô minh cũng vậy.*

Luận giải thích: Ví như người thấy cây rừng thì quyết định là biết rõ có hạt giống của nó, thấy các phiền não thì biết vô minh là có, nghĩa lý cũng như vậy. Như Bổn Luận nói: “Nên biết vô minh có năng lực sanh ra tất cả mọi pháp nhiễm”.

Phần hai nói gì? Đó là chúng sanh dấy lên nghi ngờ như vậy: Vô minh chỉ có một mà pháp nhiễm thì vô lượng, há một vô minh mà sanh ra mọi phiền não? Do đó khởi lên tâm không tin. Nếu giải quyết nghi ngờ kia phải nói lời này: Ví như hạt giống chỉ có một mà sanh ra vô lượng vô biên tất cả các loại hoa trái cành lá..., vô minh căn bản cũng lại như vậy, chỉ một vô minh mà có năng lực sanh ra tất cả pháp nhiễm của phiền não vô lượng vô biên. Vì sao biết được tất cả mọi phiền não đều do vô minh sanh ra? Vì các pháp nhiễm kia đều là tướng Bất giác.

Nếu như đợi đến lời này thì nghi ngờ kia được giải quyết nhanh chóng. Như Bồ Luận nói: “Vì tất cả mọi pháp nhiệm đều là tướng Bất giác”. Từ trước đến nay căn cứ trên vô minh lược giải thích rồi. Từ đây xuống dưới thấu tóm toàn bộ hết thấy các pháp nhiệm - tịnh, lại làm thành hai loại phân biệt giữa đồng và dị, biểu thị chủ ý chân thật của người tạo luận. Tướng đó thế nào?

Bồ Luận nói: Vả lại, Giác và Bất giác có hai loại tướng. Thế nào là hai loại? Một là tướng đồng. Hai là tướng dị. Nói về tướng đồng, ví như các loại đồ dùng bằng sành sứ đều cùng chung tánh tướng là vi trần. Như vậy, vô lậu, vô minh và các loại nghiệp huyễn ảo đều cùng chung tánh tướng là Chân như. Vì vậy trong kinh dựa vào nghĩa này nói: “Tất cả chúng sanh thường trú xưa nay, hòa nhập với pháp Bồ-đề Niết-bàn, không phải là tướng có thể tu tập, không phải là tướng có thể làm ra, suy cho cùng không có gì đạt được, cũng không có sắc tướng nào có thể trông thấy, mà sắc tướng có thể trông thấy, chỉ là nghiệp huyễn ảo đã tạo ra tùy theo pháp nhiệm, chứ không phải là tánh bất không của trí sắc, vì tướng trí không gì có thể trông thấy”. Nói về tướng dị, ví như các loại đồ dùng bằng sành sứ mỗi loại có hình dạng riêng và hoàn toàn khác nhau. Như vậy, vô lậu, vô minh tùy theo pháp nhiệm huyễn ảo sai biệt nên tánh nhiệm huyễn ảo cũng sai biệt.

Luận giải thích: Ngay trong văn này tự có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần tướng đồng. Hai là phần tướng dị. Để trình bày về nghĩa nào mà kiến lập phần tướng đồng? Vì muốn biểu hiện rõ tất cả các pháp chỉ có một chân như chứ không có pháp nào khác, là môn Chân như. Để trình bày về nghĩa nào mà kiến lập phần tướng dị? Vì muốn biểu hiện rõ chỉ có một Chân như làm nên tất cả các pháp, danh tướng hoàn toàn khác nhau, nghĩa - dụng không loại nào giống loại nào, là môn sanh diệt. Hai môn như vậy dựa vào kinh nào để kiến lập? Đó là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trả lời trong kinh thứ nhất. Trong kinh ấy xác đáng là nói về điều gì? Nghĩa là trong kinh ấy nói như vậy: “Đức Phật hỏi Bồ-tát Văn-thù: Ông từ lâu xa đến nay luôn không nghỉ ngơi, đi lại khắp trong cõi nước mười phương thấy điều gì đặc biệt? Bồ-tát Văn-thù trả lời: Con từ lâu xa đến nay không thấy điều gì khác, chỉ thấy bụi đất. Đức Phật lại hỏi: Trong một trăm năm ông ở nhà họ Luân, không trông thấy hình dạng các loại đồ dùng bằng sành sứ chẳng? Bồ-tát Văn-thù trả lời: Con chỉ thấy bụi đất chứ không thấy đồ dùng bằng sành sứ. Đức Phật lại nói: Ông thật sự không trông thấy các loại hình dạng như đất nước lửa gió, núi sông cây cối... hay sao? Bồ-tát Văn-thù trả lời: Con thật

sự không thấy những hình dạng như thế, chỉ thấy toàn là bụi đất. Như thế, như thế... Đức Thế Tôn hỏi vặn lại, Văn-thù đáp: Đúng như vậy, như vậy... Đến thứ một trăm lần Đức Phật hỏi Văn-thù thấy toàn bụi đất ư? Văn-thù trả lời: Con từ lâu xa đến nay không thấy cát bụi. Bây giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù: Lành thay! Lành thay! Ông đúng là Đại sĩ, có năng lực hiểu được tướng đồng nhất, có năng lực hiểu được tướng đồng nhất chính là pháp không hề có tướng. Nay Văn-thù-sư-lợi! Một bậc Nhân giả như ông không phải chỉ hiểu được như vậy, mà dựa vào môn nhất tướng, tất cả chúng sanh thường trú xưa nay, hội nhập với pháp Bồ-đề Niết-bàn, đạt đến nơi tướng trí không gì có thể thấy”.

Bồ-tát Mã Minh dựa vào văn kinh ấy thiết lập môn tướng đồng, nội dung của văn rõ nên không cần phải giải thích lại. Về phần tướng dị, trong kinh ấy nói như sau: “Đức Phật nói với Thân Tử: Ông thấy cõi này là tâm nào thấy? Thân Tử đáp: Con thấy cõi này, thì các loại tướng trạng của núi sông - cây rừng - cát đá - đất đai - mặt trăng - mặt trời - cung điện nhà cửa..., tất cả đều có hình tướng tên gọi sai biệt và không hề giống nhau. Đức Phật nói: Sức trí tuệ của ông hạn kém, tâm có cao thấp, nên thấy khác nhau như vậy, chỉ vì một người như ông, không phải thấy như thế. Tất cả chúng sanh lại cũng như thế, thậm chí các pháp cũng lại như thế, chân - vọng huân tập lẫn nhau, công đức - tội lỗi - hình tướng - tên gọi tất cả đều sai biệt, tùy theo tâm phàm phu đã lập thành danh tướng, có mà chẳng phải là thật, chỉ toàn là pháp huyễn hóa, cho đến nói rộng”. Do dựa vào văn này, thuật ra tìm nghĩa thiết lập môn tướng dị, nội dung của văn rõ nên không cần phải giải thích lại. Trong hai môn này vốn giữ lại môn đầu, thuận theo nên tư duy kỹ. Từ trước đến nay giải thích trong phần này đều là câu chữ của tâm sinh diệt. Từ đây về sau giải thích thẳng về nhân duyên.

Bổn Luận nói: Lại nữa, nhân duyên sinh diệt, vốn gọi là chúng sanh dựa vào tâm ý và ý thức mà chuyển. Nghĩa này là thế nào? Vì dựa vào thức A-lê-da để nói, có vô minh Bất giác dấy lên, chủ động tiếp xúc - chủ động hiện rõ - chủ động chọn lấy cảnh giới khởi lên niệm vọng liên tục không dứt, nên nói là ý. Ý này lại có năm loại tên gọi. Thế nào là năm loại? Đó là:

1. Gọi là thức nghiệp, nghĩa là vì năng lực của vô minh nên tâm không giác tỉnh, bị biến động.
2. Gọi là thức chuyển, nghĩa là vì dựa vào tâm biến động nên chủ động thấy tướng.
3. Gọi là thức hiện, đó là chủ động hiện ra tất cả cảnh giới, giống

như gương sáng hiện rõ đủ mọi hình tượng cảnh sắc. Thức hiện cũng vậy, tùy theo năm trần cảnh hưởng đến lập tức hiện rõ không có trước sau, vì tất cả mọi lúc tùy ý vận dụng khởi lên luôn ở phía trước.

4. Gọi là trí thức, nghĩa là vì phân biệt rõ pháp nhiệm và pháp tịnh.

5. Gọi là thức tương tục, vì niệm tương ứng không dứt.

Luận giải thích: Ngay trong văn này đã có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần đầu gồm nghĩa biểu hiện tông chỉ phát sinh kiến giải. Hai là phần thuận theo văn nêu rộng để giải quyết nghi ngờ. Phần một nói gì? Trong phần này nói về nhân duyên và có hai tầng của nó. Thế nào là hai tầng? Một là nhân duyên bất tương ứng sanh diệt. Hai là nhân duyên tương ứng sanh diệt.

Nhân duyên tầng thứ nhất thì tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Là vô minh căn bản
Là thuận duyên Bốn giác
Nhân duyên đều có đủ
Là ba bất tương ứng.
Đích thực tạo nhân duyên
Nhân duyên sanh diệt tế
Lại tác ý quán sát
Nên xét kỹ nghĩa lý.*

Luận nói: Vô minh căn bản thuận theo duyên Bốn giác, tất cả các nhân duyên có đầy đủ hai nghĩa, có thể vì ba loại bất tương ứng nhiệm, đích thực làm thành nhân duyên, vì thế nói là phần nhân duyên vi tế của sanh diệt. Hình tướng đầy đủ trong phần nói chi tiết, lý đó sẽ sáng tỏ.

Nhân duyên tầng thứ hai ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tự thể thức hiện kính
Tướng cảnh giới sáu trần
Là ba loại tương ứng
Hay làm thành nhân duyên.*

Luận nói: Thể của thức hiện kính là cảnh giới sáu trần. Như thứ tự đó, có thể làm thành nhân duyên cho ba loại tương ứng pháp nhiệm, vì thế nói là phần nhân duyên thô trọng của sanh diệt. Trong thể của thức hiện còn có nghĩa về duyên, thuận theo nên tư duy xét kỹ. Hơn nữa, lại có hai tầng nhân duyên. Thế nào là hai tầng? Một là nhân duyên bốn biển. Hai là nhân duyên mặt biển. Nói về bốn biển là đưa ra vô minh căn bản và tâm của Bốn giác, hưởng vào sáu tướng thô mà có nghĩa về nhân duyên. Nói về mặt biển là đưa ra tướng nghiệp và tướng chuyển

hướng vào ba loại tướng ứng mà có nghĩa của nhân duyên. Tiếp tục lại có hai tầng của nhân duyên. Thế nào là hai tầng? Một là nhân duyên thượng hạ. Hai là nhân duyên hạ thượng. Nói về thượng hạ thì vô minh là bắt đầu, quả báo là cuối cùng, xuống thấp nữa thì cùng với năng lực cũng không vượt qua số đó, vì làm thành nhân duyên rồi. Nói là hạ thượng thì quả báo là ban đầu, vô minh là cuối cùng, lên cao hơn nữa cùng với năng lực cũng không vượt qua số đó, nên làm thành nhân duyên.

Lại nữa, tất cả các pháp hữu vi sanh diệt không dừng lại trong sát na vì không có nhân và không có duyên. Vả lại, pháp nhân duyên là không không có chủ, thực ra vì tự tánh không thể đạt được. Hơn nữa, “Pháp không thể đạt được” cũng không thể đạt được. Như thứ tự đó, cần phải xem xét tư duy và chọn lựa.

Đã nói về phần thấu tóm nghĩa, biểu hiện tông chỉ phát sinh kiến giải, tiếp đến nói về phần thuận theo văn nói rộng để giải quyết nghi ngờ. Trong đây có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu tổng quát. Hai là phần giải thích rộng. “Lại nữa, nhân duyên sinh diệt, đó là chúng sanh dựa vào tâm ý và ý thức mà chuyển”, chính là phần thứ nhất. Văn này là trình bày về nghĩa nào? Đó là muốn biểu hiện rõ sự sai biệt của chủ thể dựa và đối tượng được dựa. Thế nào là đối tượng được dựa? Đó là tâm của Bồ đề giác. Thế nào là chủ thể dựa? Đó chính là chúng sanh. Nói chúng sanh là hướng về pháp nào? Đó là ý và ý thức. Tại sao ý và ý thức gọi là chúng sanh? Ý và ý thức là do tất cả pháp nhiệm tập hợp lại phát sanh, nên gọi là chúng sanh, nhưng không có tự thể riêng, chỉ dựa vào tâm làm thể, vì thế nói là dựa vào tâm mà liên tục chuyển.

Đã nói về phần nêu tổng quát, tiếp đến nói về phần giải thích rộng. Trong này có hai loại, trước là nói về Mạt na chuyển, sau là nói về ý thức chuyển. Nội dung của văn có thể thấy. Nghĩa này nói gì? Đó là hỏi tổng quát về hai chuyển.

Từ đây xuống dưới thực hiện giải thích nói chi tiết. Phần ý thức chuyển này dựa vào kinh nào để kiến lập? Đó là Kinh Hiển Liễu. Trong kinh ấy xác đáng là nói về điều gì? Nghĩa là trong Kinh Hiển Liễu nói như vậy: “Các loại tâm thức tuy có vô lượng, nhưng chỉ do Mạt-na chuyển đổi chứ không có pháp nào khác. Vì sao? Vì thức Mạt na này vốn có đủ mười một nghĩa và không có việc gì không làm được”. Trong kinh ấy lược đi không nói riêng tên gọi của mười một nghĩa, vì vậy Luận giả đưa ra đầy đủ tên gọi riêng của mười một loại để biểu hiện rõ. Thế nào gọi

là mười một loại tên gọi? Đó là:

1. Vô minh căn bản.
2. Tướng nghiệp.
3. Tướng chuyển.
4. Tướng hiện.
5. Tướng trí.
6. Tướng tương tục.
7. Thức nghiệp.
8. Thức chuyển.
9. Thức hiện.
10. Thức trí.
11. Thức tương tục.

Đây gọi là mười một tên gọi. Như Bốn Luận nói: “Vì dựa vào thức A-lê-da để nói, nên có vô minh Bất giác dấy lên, chủ động tiếp xúc - chủ động hiện rõ - chủ động chọn lấy cảnh giới khởi lên niệm vọng liên tục không dứt, nên nói là ý. Ý này lại có năm loại tên gọi, nói rộng cho đến năm - gọi là thức tương tục, vì niệm tương ứng không dứt”. Trong kinh Bốn Địa nói như sau: “Thức Đại Mạt na có mười hai chuyển, tức dựa vào Bốn giác mà làm thành một”.

Hai chữ Tướng và Thức sai biệt thế nào, lại thêm số đó mà kiến lập riêng như vậy? Do sai biệt rất lớn. Sai biệt thế nào? Nghĩa là tất cả các pháp nhiệm quyển thuộc, tất cả mỗi pháp đều có đủ hai nghĩa. Thế nào là hai nghĩa? Một là nghĩa về thân giải. Hai là nghĩa về ám độn. Nghĩa về thân giải là căn cứ theo bên lưu chuyển của Bốn giác. Nghĩa về ám độn là căn cứ theo bên lưu chuyển của vô minh. Dựa vào nghĩa đầu nên kiến lập tên gọi thức, dựa vào nghĩa sau nên kiến lập tên gọi tướng. Hai phần sai biệt nên biết. Tại sao như vậy? Vì nói thức, tức hiểu phân biệt nghĩa lý nên thuận với Bốn giác. Nói tướng, tức trái với nghĩa lý vốn có nên thuận theo vô minh. Vì vậy trong kinh Thường Trú Phật Tánh nói như vậy: “Vì sao có thể biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh? Đáp: Vì tất cả chúng sanh đều có tâm thức, nên biết là có Phật tánh. Tại sao Phật gọi là Giác giả? Vì có năng lực để soi chiếu thông suốt tất cả các pháp, trong thân chúng sanh có tâm giác này, nên tất cả chúng sanh có thể sinh thức liễu biệt”. Do nghĩa nào mà gọi là ý? Vì có hai nghĩa. Thế nào là hai nghĩa? Một là nghĩa về căn. Hai là nghĩa về thân. Nói về nghĩa căn là vì nghĩa chủ thể sanh khởi. Nói đến nghĩa về thân, ấy à nghĩa tựa vào nhau dừng lại. Do nghĩa nào mà vô minh căn bản và Bốn giác tùy pháp nhiệm đều có đủ nhân duyên? Vì cùng

hướng đến với nhau. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là đưa ra Bốn giác và vô minh cùng hưởng về ba thức thì Bốn giác làm nhân - vô minh làm duyên, cùng đưa ra hai trạng thái ấy hưởng về nơi ba tướng, thì vô minh làm nhân - Bốn giác làm duyên. Vì sao? Vì gần gũi là nhân - xa hơn là duyên. Vì sao ở trước nói phân biệt tướng trí và tướng tướng tục là phần tế của ý thức, nay trong văn này lại nói Mạt-na thấu gồm? Vì muốn thành lập Mạt-na, ý thức, chỉ là một thể chứ không có hai thể riêng. Nếu vậy thì tại sao lược bỏ phần thô không lấy làm Y? Căn cứ ở sự thực đều là ý, nhưng lý tận cùng nên tạm thời lược bớt, vì vậy kinh nói: “Không có việc gì không làm được”. Nhưng kiến lập riêng về ý thức chuyển, là vì muốn kiến lập pháp môn của chủ thể dựa và đối tượng được dựa, nên đưa ra ba tướng quyết trạch này để Mạt-na thuận theo mở rộng thông suốt. Và lại, vì muốn biểu hiện rõ thức A-lê-da không nhất định là A-lê-da, Mạt-na không nhất định là Mạt-na, ý thức không nhất định là ý thức. Vì không nhất định nên tạng thức là Mạt-na, Mạt-na là tạng thức, ý thức là tạng thức, tạng thức là ý thức, cũng đều là tạng thức, đều là Mạt-na, đều là ý thức, lại cũng đều là không phải. Như vậy, vì không có nhất định, nên đều là vô thường, vô thường nên chẳng phải là chân thật, chẳng phải là chân thật nên đều là huyễn hóa, vì huyễn hóa nên tự tánh rỗng lặng không có, tự tánh rỗng lặng nên quyết định là tịch diệt, vì tịch diệt nên tịch diệt cũng vắng bật luôn. Trong Kinh Kim Cang Tam Muội nói như sau: “Bồ-tát Địa Tạng nói: Không thể nghĩ bàn được! Không thể nghĩ bàn được! Tụ bầy và năm không sanh ra, tám và sáu vắng lặng hoàn toàn, chín tướng là không. Có không, không có, không không cũng không có. Cả đến văn trước cũng nói: “Đức Phật nói thấy thì vọng”. Tại sao? Vì tất cả vạn vật không có sanh ra, không có tướng trạng, ban đầu không tự đặt ra tên gọi, thấy đều rỗng lặng. Tất cả mọi pháp tướng cũng lại như vậy. Tất cả thân chúng sanh cũng như vậy. Thân hãy còn không có nói gì đến có thấy.

Đã nói về phần thuận theo văn nêu chi tiết để giải quyết nghi ngờ, tiếp đến nói về phần Nghiệp dụng tướng tục sai biệt.

Bốn Luận nói: “Nghiệp thiện ác của vô lượng đời kiếp quá khứ được nắm giữ chắc chắn làm cho không mất, lại có thể thành tựu quả báo khổ vui trong hiện tại và vị lai không hề sai lạc trái ngược. Có thể khiến cho sự việc của hiện tại đã trải qua bỗng nhiên nhớ lại, sự việc của vị lai không hiểu rõ nên suy nghĩ vọng ảo”.

Luận giải thích: Thức tướng tục này có ba nghĩa. Thế nào là ba nghĩa? Một là nghĩa thấu tóm trước không mất. Hai là nghĩa chiêu cảm

quả thành tựu. Ba là nghĩa suy nghĩ vọng ảo duyên theo khắp nơi. Nghĩa thứ nhất nói gì? Thức tương tục này có năng lực phát khởi phiền não làm cho nghiệp được thấm ướt, nắm giữ chắc những gì từ quá khứ do vô minh đã khởi lên, tất cả các loại nghiệp thiện và bất thiện có thể khiến tác dụng thực hiện thành tựu mọi quả. Như Bốn Luận nói: “Nghiệp thiện ác của vô lượng đời kiếp quá khứ được nắm giữ chắc khiến không mất”. Nghĩa thứ hai nói gì? Thức tương tục này lại có năng lực phát khởi phiền não lớn lên tươi tốt, có thể làm cho nghiệp đã được phân rõ, quyết định quả báo an lập thuộc về nơi thích hợp. Như Bốn Luận nói: “Lại có thể thành tựu quả báo khổ vui trong hiện tại và vị lai không hề sai lạc trái ngược”. Nghĩa thứ ba nói gì? Thức tương tục này vin theo duyên chuyển sang phạm vi rộng và phân biệt càng mạnh mẽ hơn. Duyên với cảnh đã biết thì tâm biểu lộ trạng thái vui và không vui, đối với cảnh hiện rõ trước mắt tâm tăng lên cảm giác thích và không thích. Duyên với cảnh chưa biết thì không rõ nhưng lại suy tư vọng huyễn. Như Bốn Luận nói: “Có thể khiến cho sự việc của hiện tại đã trải qua bỗng nhiên nhớ lại, sự việc của vị lai không hiểu rõ lại suy nghĩ vọng ảo”. Như vậy, thức này sanh tử liên tục khiến không thể đoạn tuyệt, vì thế gọi thức tương tục là theo nghĩa ấy.

Đã nói về phần nghiệp dụng sai biệt, tiếp đến nói về phần chỉ do tâm xoay chuyển các pháp.

Bốn Luận nói: Vì vậy ba cõi không có thật chỉ do tâm tạo ra, lìa tâm thì cảnh giới sáu trần không có. Nghĩa này là thế nào? Vì tất cả các pháp đều thuận theo tâm khởi lên niệm vọng sanh ra, tất cả mọi phân biệt chính là phân biệt từ nơi tâm, tâm không trông thấy - tâm không có tướng có thể đạt được. Nên biết tất cả mọi cảnh giới của thế gian, đều dựa vào tâm vọng vô minh của chúng sanh mà được giữ gìn chắc chắn. Vì vậy tất cả các pháp, như hình bóng trong đài gương không thể đạt được, chỉ do tâm hư vọng mà có, vì tâm sanh thì các loại pháp sanh, tâm diệt thì các loại pháp diệt.

Luận giải thích: Văn này là trình bày về nghĩa nào? Vì muốn biểu hiện rõ về tất cả các pháp chỉ do tâm xoay chuyển biến đổi chứ không có pháp nào khác. Vì sao? Vì tùy theo tâm có hay không có mà các pháp sai biệt có hay không có. Các pháp chỉ do tâm thì tâm này là có sao? Như thế thì tâm và pháp cũng không thể đạt được. Nếu vậy thì chỉ là nghĩa về tâm, sao nói là thành lập? Vì đây cũng là tâm. Vì sao biết ngay được? Vì văn kinh nêu rõ. Nói thế là thế nào? Nghĩa là trong kinh Phần Lưu Lăng Già giải thích như vậy: “Không có tâm lượng của tâm

thì Ta nói là tâm lượng”. Và lại, căn cứ vào câu “Tâm không thể thủ đắc” nên thành lập nghĩa của đại không, căn cứ vào câu “Tâm lượng của không tâm” nên thành lập nghĩa của huyền sai biệt. Hơn nữa, căn cứ vào nghĩa của đại không, nên các pháp được thành tựu. Căn cứ vào nghĩa của huyền sai biệt, nên lý về không được hiển lộ. Lại nữa, vì liên quan với nhau nên không xác định hai sự việc, không có hai sự việc nên không thành tựu một sự việc, không có một sự việc nên không thành tựu, cũng không thể thành tựu. Như thứ tự đó nên quán sát kỹ.

Đã nói về phần tướng chuyển rộng lớn của Mạt-na, tiếp đến nói về phần tướng chuyển của thức phân biệt sự.

Bổn Luận nói: “Lại nữa, nói về ý thức, chính là thức tương tục, dựa vào sự chấp giữ chuyển sang sâu xa của các phàm phu, vọng phân biệt ngã và ngã sở, các loại vọng chấp tùy theo sự vin dựa theo duyên, phân biệt sáu trần, gọi là ý thức, cũng gọi là thức phân ly. Và lại, gọi là thức phân biệt sự, thì thức này là dựa vào nghĩa tăng trưởng phiền não do kiến và ái”.

Luận giải thích: Ngay trong văn này tự có bốn phần. Thế nào là bốn phần? Một là phần lựa chọn mượn người cùng phần vị. Hai là phần sanh khởi tướng chuyển thô trọng. Ba là phần kiến lập tên gọi sai biệt. Bốn là phần biểu hiện rõ đối tượng dựa được an lập.

Phần lựa chọn mượn người, là đưa ra ba loại phàm phu chọn lấy hàng Thánh nơi Địa thượng. Thế nào là ba loại phàm phu? Một là phàm phu đui điếc không có căn. Hai là phàm phu ngu si tà vạy. Ba là phàm phu khăng khăng cố chấp. Đây gọi là ba loại phàm phu. Như Bổn Luận nói: “Dựa vào các phàm phu”.

Phần sanh khởi thô trọng, nếu căn cứ vào các chúng sanh thuộc tụ định tà, thì thường dấy lên thức hý luận phân biệt, chấp giữ tất cả các loại cảnh giới, chuyển đổi liên tục trở thành sâu dày không có giới hạn, không có trước sau, vì thế luôn không đoạn tuyệt. Như Bổn Luận nói: “Chấp giữ chuyển sang sâu xa”. Nếu căn cứ vào các chúng sanh thuộc tụ bất định, tuy giác ngộ tướng diệt chắc chắn là bất thiện khởi lên không tác ý, nhưng vì trí nhân không Bát nhã chưa hiện rõ trước mắt, nên duyên với các cảnh giới và phần thân v.v... toan tính làm ngã và ngã sở, chấp chặt không lìa bỏ. Như Bổn Luận nói: “Vọng chấp ngã và ngã sở”. Nếu căn cứ chúng sanh ở vị ba Hiền, tuy thành tựu lĩnh hẳn giác mộng tướng diệt, mà chân trí pháp không hãy còn chưa hiện rõ trước mắt, vì thế dấy lên các loại đăm chấp kiên cố chấp giữ thật pháp, tùy theo sự việc suy xét không thể nào thông suốt được lý lẽ chính xác về

bình đẳng. Như Bồ Luận nói: “Các loại vọng chấp tùy theo sự vin dựa theo duyên, phân biệt sáu trần”.

Phần kiến lập tên gọi có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là tên gọi dựa vào nơi vi tế. Hai là tên gọi dựa vào nơi thô hiện. Ba là tên gọi thuận theo cảnh giới. Đây gọi là ba loại tên gọi. Tên gọi thứ nhất nói gì? thức này dựa vào Mạt-na vi tế, lấy đó làm căn bản nương dựa mà được an lập nên gọi là ý thức. Như Bồ Luận nói: “Gọi là ý thức”. Tên gọi thứ hai nói gì? thức này dựa vào năm căn là mắt - tai..., lấy đó làm căn bản nương dựa lại để phân biệt năm trần, vì vậy cũng gọi là thức phân ly. Như Bồ Luận nói: “Cũng gọi là thức phân ly”. Tên gọi thứ ba nói gì? thức này hoàn toàn duyên vào cảnh giới của sự mà chuyển sang phân biệt, chưa lấy như lý làm cảnh giới của mình, vì vậy gọi là thức phân biệt sự. Như Bồ Luận nói: “Vả lại, gọi là thức phân biệt sự”. Phần biểu hiện rõ đối tượng được nương dựa, là hai hoặc của kiến và tu huân tập vào thức ban đầu, căn cứ vào lực huân tập ấy kiến lập ý thức thuộc phần thô, vì tăng trưởng liên tục và luôn chuyển đổi nên được giữ gìn chắc chắn. Như Bồ Luận nói: “Thức này là dựa vào nghĩa tăng trưởng phiền não do kiến và ái”.

Từ trước đến nay là phần quyết trạch về nhân duyên sanh diệt. Từ đây xuống dưới là biểu hiện rõ về tướng thù thắng không thể nghĩ bàn được của nhân duyên.

Bồ Luận nói: Dựa vào vô minh huân tập đã khởi lên thức, không phải hạng phàm phu có thể biết được, cũng không phải trí tuệ của Nhị thừa hiểu được, nghĩa là dựa vào hàng Bồ-tát từ mới chánh tín phát tâm quán sát, nếu như chứng Pháp thân thì có thể biết được phần ít, cho đến địa Bồ-tát cuối cùng cũng không có năng lực biết hết được, chỉ có Phật mới hiểu rõ tận cùng. Tại sao? Vì tâm này từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh, nhưng có vô minh, bị vô minh làm cho vấy nhiễm nên có tâm nhiễm, tuy có tâm nhiễm nhưng luôn bất biến, vì thế nghĩa này chỉ có Phật mới có năng lực biết rõ. Điều ấy có nghĩa là tánh của tâm luôn không có niệm nên gọi là bất biến, vì không thông suốt một pháp giới nên tâm không tương ứng, bỗng nhiên niệm vọng dấy lên nên gọi là vô minh. Tâm nhiễm ấy có sáu loại. Thế nào là sáu loại? Một là nhiễm chấp tương ứng, là dựa vào Nhị thừa giải thoát và địa tín tương ứng mà được lìa xa. Hai là nhiễm bất đoạn tương ứng, là dựa vào địa tín tương ứng tu học các phương tiện, dần dần có thể xả bỏ, đạt được địa tâm tịnh, xa lìa rất ráo. Ba là nhiễm phân biệt trí tương ứng, là dựa vào địa đầy đủ giới dần dần xa rời, cho đến địa phương tiện vô tướng thì xa lìa rất

ráo. Bốn là nhiệm hiện sắc bất tương ứng, là dựa vào địa sắc tự tại có năng lực xa rời. Năm là nhiệm chủ thể nhận thức tâm bất tương ứng, là dựa vào địa tâm tự tại có năng lực xa rời. Sáu là nhiệm căn bản nghiệp bất tương ứng, là dựa vào địa Bồ-tát cuối cùng được vào địa Như Lai có năng lực xa rời. Không hiểu rõ nghĩa lý về pháp giới đồng nhất ấy, là từ địa tín tương ứng quán sát tu học để đoạn trừ, đi vào địa tâm tịnh tùy theo từng phần mà được xa rời, cho đến địa Như Lai mới có năng lực xa rời hoàn toàn.

Nói về nghĩa tương ứng, đó là tâm pháp và pháp niệm khác nhau, dựa vào sự sai biệt của nhiệm và tịnh mà biết duyên lẫn nhau, đồng với nhau.

Nghĩa về bất tương ứng, nghĩa là ngay nơi tâm không giác ngộ, luôn không có sai khác, nên không giống như biết tương duyên lẫn nhau. Vả lại, nghĩa về tâm nhiệm, gọi là phiền não chướng, vì có năng lực làm cản trở đến trí căn bản của Chân như. Nghĩa về vô minh, gọi là trí chướng, vì có năng lực làm cản trở cho trí nghiệp tự nhiên của thế gian. Nghĩa này là thế nào? Vì dựa vào tâm nhiệm chấp mà chủ động trông thấy, chủ động hiện rõ, vọng giữ lấy cảnh giới làm trái với tánh bình đẳng? Vì tất cả các pháp luôn vắng lặng không có trạng thái dấy động, thì vô minh không giác ngộ ảo vọng đã trái ngược với pháp, nên không có năng lực biết được các loại thuận theo tất cả mọi cảnh của thế giới.

Luận giải thích: Ngay trong văn này vốn có năm phần. Thế nào là năm phần? Một là phần nêu ra con người, biểu hiện rõ sự thù thắng. Hai là biểu hiện rõ về duyên sâu rộng để giải quyết nghi ngờ. Ba là phần nêu ra chướng ngại chỉ rõ đối trị phối hợp xác đáng. Bốn là phần biểu hiện ứng và bất ứng sai biệt. Năm là phần thiết lập hai ngại tách biệt tác dụng của chướng. Đây gọi là năm phần.

Trong phần thứ nhất lại có ba người. Thế nào là ba người? Một là người cả phần và mãn đều đoạn tuyệt, là phạm phu định tà và tất cả Nhị thừa, vì ngu si sâu dày, trí tuệ yếu kém. Như Bốn Luận nói: “Dựa vào vô minh huân tập đã khởi lên thức, không phải hạ phạm phu có thể biết được, cũng không phải trí tuệ của Nhị thừa hiểu được”. Hai là người có phần, không có mãn, là người ở địa thứ năm mươi có Bát nhã của Thủ giác chưa viên mãn. Như Bốn Luận nói: “Nghĩa là dựa vào hàng Bồ-tát từ mới chánh tín phát tâm quán sát nếu như chứng pháp thân thì có thể biết được phần ít, cho đến địa Bồ-tát cuối cùng cũng không có năng lực biết hết được”. Ba là người có mãn - không có phần, là đại viên cảnh trí

trong quả vị Phật soi chiếu tất cả hiện rõ trước mắt. Như Bốn Luận nói: “Chỉ có Phật mới hiểu rõ tận cùng”.

Đã nói về phần nêu ra con người biểu hiện rõ sự thù thắng, tiếp đến nói về phần biểu hiện rõ về duyên sâu rộng để giải quyết nghi ngờ. Trong phần này có hai ý. Thế nào là hai ý? Một là thường - vô thường. Hai là vô thường - thường. Nói về thường - vô thường, là tự tướng của tâm của Bốn giác từ vô thủy đến nay, quyết định thường trú trong thể tánh bất biến, vì không lúc nào là không phải vô thường, không nơi nào là không phải biến hóa. Như Bốn Luận nói: “Tại sao? Vì tâm này từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh, nhưng có vô minh, bị vô minh làm cho vấy nhiễm nên có tâm nhiễm đó”. Nói về vô thường - thường, là tâm của Bốn giác này từ vô thủy đến nay, luôn vô thường - luôn biến dị, không lúc nào không phải là thường trú, không nơi nào không phải là bất biến. Như Bốn Luận nói: “Tuy có tâm nhiễm mà luôn bất biến, vì thế nghĩa này chỉ có Phật mới có năng lực biết rõ”. Đây là tổng kết về sự thù thắng. Từ đây xuống dưới lại dùng hai câu để giải thích hai câu trên, sắc thái trong văn có thể thấy rõ.

Đã nói về phần biểu hiện rõ duyên sâu xa để giải quyết nghi ngờ. Tiếp đến nói về phần nêu ra chướng ngại chỉ rõ đối trị phối hợp xác đáng.

Ngay trong phần này đã có hai ý. Thế nào là hai ý? Một là phần vị tùy chuyển để đối trị. Hai là phần vị căn bản đối trị. Phần tùy chuyển để đối trị, là sáu loại thuận theo tướng như thứ tự của nó, phát tâm là đầu, diệu giác là sau mà thuận theo lìa xa. Như Bốn Luận nói: “Tâm nhiễm ấy có sáu loại. Thế nào là sáu loại? Một là nhiễm chấp tương ứng, là dựa vào Nhị thừa giải thoát và địa tín tương ứng mà được lìa xa. Nói rộng cho đến sáu là nhiễm căn bản nghiệp bất tương ứng, là dựa vào địa Bồ-tát cuối cùng được vào địa Như Lai có năng lực xa rời”. Phần căn bản đối trị là đại lực vô minh, cực hỷ là đầu, diệu giác là sau mà thuận theo lìa xa. Như Bốn Luận nói: “Không hiểu rõ nghĩa lý về pháp giới đồng nhất ấy, là từ địa Tín tương ứng quán sát tu học để đoạn trừ, đi vào địa tâm tịnh tùy theo từng phần mà được xa rời, cho đến địa Như Lai mới có năng lực xa rời hoàn toàn”. Trong địa Cực hỷ căn bản tùy theo tướng đối trị, hình tướng sẽ sai khác như thế nào? Nghĩa là đối tượng đoạn của trí hậu đặc gọi là vô minh và đối tượng đoạn của trí chánh thể gọi là tùy tướng, nên biết như thế. Như nói địa Cực hỷ, trong tất cả các địa cũng lại như vậy.

Đã nói về phần nêu ra chướng ngại chỉ rõ đối trị phối hợp xác

đáng. Tiếp đến nói về phần biểu hiện ứng và bất ứng sai biệt. Thế nào gọi là nghĩa tương ứng? Nói về nghĩa tương ứng, đó là phẩm tâm và pháp niệm khác nhau. Thế nào là phẩm tâm? Đó là tâm của Bốn giác tùy theo pháp nhiệm. Thế nào là pháp niệm? Đó là không ngừng dựa vào vô minh sanh trưởng pháp vọng. Do nghĩa nào mà gọi là tương ứng? Đó là tương và lực. Hai pháp như vậy tại sao nói là khác nhau? Vì nguồn gốc đều sai khác. Như Bốn Luận nói: “Nói về nghĩa tương ứng, đó là tâm pháp và pháp niệm khác nhau”. Pháp niệm là dựa vào nhiệm, phẩm tâm là dựa vào tịnh. Hai pháp như vậy thấy đều sai biệt, không có giống nhau. Cũng như nước với lửa, tại sao nói thành tựu nghĩa tương ứng được? Do biết tương duyên tương khế hợp như nhau. Thế nào gọi là biết tương thích hợp như nhau? Vì phẩm tâm và pháp niệm không tách rời nhau, hòa hợp nhau mà chuyển. Thế nào gọi là tương duyên thích hợp như nhau? Vì hai phẩm như vậy cùng chung nơi đối tượng duyên. Như Bốn Luận nói: “Dựa vào sự sai biệt của nhiệm và tịnh mà biết duyên lẫn nhau giống với nhau”. Trong Kinh Đại Bản Kim Cang Tam Muội giải thích như vậy: “Ba loại tương đồng, dị nên trở thành đồng, vì nếu đồng thì không thể đồng được”. Nếu vậy tại sao trong Kinh Bộ Tông lại giải thích như vậy: “Ba loại thô nhiệm có hai nghĩa nên chuyển. Thế nào là hai chuyển? Một là trái ngược nhau mà chuyển. Hai là thuận theo nhau mà chuyển”. Cho đến nói rộng, ngược với trên, thuận với dưới mà giải thích như vậy, ý nghĩa sâu xa không có sai khác. Nghĩa về bất tương ứng và tương trái ngược nhau, nên quán sát kỹ.

Đã nói về phần biểu hiện ứng và bất ứng sai biệt. Tiếp đến nói về phần thiết lập Ngại tách biệt tác dụng của chướng. Phiền não gây nhiều trở ngại khiến tánh biến động phân tán, trí Chân như này không ngừng làm cho tánh vắng lặng trong sáng. Trái ngược nhau như vậy nên thiết lập làm chướng. Như Bốn Luận nói: “Vả lại, nghĩa về tâm nhiệm, gọi là phiền não chướng, vì có năng lực làm cản trở đến trí căn bản của Chân như. Trí tuệ ngăn chặn tánh tối tăm mù mịt, nghiệp tác trí này là tánh nhanh nhạy sáng suốt. Trái ngược nhau như vậy nên thiết lập làm chướng. Như Bốn Luận nói: “Nghĩa về vô minh, gọi là chướng trí, vì có năng lực làm cản trở trí nghiệp tự nhiên của thế gian”. Nghĩa này thế nào, phần tiếp xuống biểu hiện rõ về nhân duyên của nó, tùy theo xem xét, suy nghĩ để chọn. Hai chướng và hai ngại lại có gì khác nhau? Thiết lập phần hai chướng là căn cứ vào luôn đoạn, thiết lập phần hai ngại là căn cứ vào đoạn hay bất đoạn, hãy biết như vậy, hãy quán như vậy! Từ trước đến nay là phần quyết trạch nhân duyên thù thắng.

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 5

Từ đây xuống dưới là biểu hiện rõ về tướng sai biệt của sanh diệt.

Bổn Luận nói: Lại nữa, phân biệt về tướng sanh diệt có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là thô vì cùng với tâm tương ứng. Hai là tế vì cùng với tâm không tương ứng. Vả lại, cảnh giới của phàm phu là thô ở trong thô, cảnh giới của Bồ-tát là tế ở trong thô và thô ở trong tế, cảnh giới của Phật chính là tế ở trong tế. Hai loại sanh diệt này, dựa vô minh huân tập mà có, đó gọi là dựa vào nhân và dựa vào duyên. Dựa vào nhân là nghĩa về Bất giác, dựa vào duyên là nghĩa về vọng làm cảnh giới. Nếu nhân diệt thì duyên diệt, nhân diệt nên tâm bất tương ứng diệt, duyên diệt nên tâm tương ứng diệt.

Hỏi: Nếu tâm diệt thì tại sao nói là tương tục, nếu tương tục thì tại sao nói là cứu cánh diệt?

Đáp: Nói là diệt, chỉ có tướng tâm diệt chứ không phải là thể tâm diệt. Như gió dựa vào nước mà có tướng động, nếu nước không còn thì gió đoạn tuyệt không có nơi nào nương dựa, vì thể không diệt nên tâm được nối tiếp nhau, chỉ có diệt sạch ngu si thì tướng tâm tùy theo sẽ diệt, chứ không phải là tâm trí diệt mất.

Luận giải thích: Ngay trong văn này đã có năm phần. Thế nào là năm phần? Một là nêu lên giải thích cùng thành tựu chỉ ra tướng. Hai là phần dẫn tướng thuộc về con người giả định. Ba là phần biểu hiện rõ về chỗ dựa thô tế. Bốn là phần Bổn giác đối trị theo thứ tự. Năm là phần phát khởi hỏi đáp giải quyết nghi.

Nói về phần nêu lên giải thích cùng thành tựu chỉ ra tướng, ấy là sanh diệt thuộc phần thô trọng cùng với tâm tương ứng, sanh diệt thuộc phần vi tế cùng với tâm không tương ứng. Thế nào gọi là sanh diệt thô trọng, sẽ tương ứng cùng với thức nào? Đó là thức Mạt-na, cùng với

thức phân biệt sự tương ứng như nhau. Thế nào gọi là sanh diệt vi tế, sẽ không tương ứng cùng với thức nào? Đó là thức Mạt-na cùng với ba phần vị của thức này nhưng không thể tương ứng.

Bồ-tát Mã Minh dựa vào bản kinh nào mà giải thích như vậy? Đó là kinh Lăng Già. Trong kinh ấy giải thích như thế nào? Nghĩa là trong một bản kinh Phân lưu Lăng Già giải thích như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Đại Tuệ bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Các thức có bao nhiêu loại sanh - trú - diệt? Đức Phật bảo Đại Tuệ: Các thức có hai loại sanh, gọi là Lưu chú sanh và Tương sanh. Có hai loại trú, gọi là Lưu chú trú và Tương trú. Có hai loại diệt, gọi là Lưu chú diệt và Tương diệt”.

Lại trong một bản kinh Phân lưu Lăng Già nói thế này: “Này Đại Tuệ! Các thức có hai loại diệt. Thế nào là hai loại? Một là Tương diệt. Hai là Tương tục diệt. Có hai loại sanh. Như thế nào là hai loại? Một là Tương sanh. Hai là Tương tục sanh. Có hai loại trú. Như thế nào là hai loại? Một là Tương trú. Hai là Tương tục trú”. Còn trong kinh Đại Bản Lăng Già nói như sau: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền thưa với Phật: Thưa Thế Tôn! Các pháp của tâm thức có bao nhiêu tướng vô thường? Đức Phật bảo Văn-thù: Nếu thứ nhất có thức vi tế ràng buộc, thì có Thượng phẩm không xa rời sanh diệt. Nếu chuyển phần giữa có thức vi tế ràng buộc, thì có Trung phẩm chẳng xa rời sanh diệt. Nếu chuyển phần xa có thức vi tế ràng buộc, thì có Hạ phẩm chẳng xa rời sanh diệt. Nếu thức thô trước phân biệt khắp nơi, thì có kính phân ly diện chẳng xa rời sanh diệt”. Như vậy, trong ba bản Kinh Lăng Già là trình bày về nghĩa gì? Vì muốn biểu hiện rõ về tướng sai biệt của hai loại sinh diệt thô trọng và vi tế, nên ở trong kinh chỉ đưa ra tên gọi mà không nói rõ nghĩa lý của tên gọi. Do nghĩa này mà Bồ-tát Mã Minh phân biệt phù hợp hay không phù hợp để biểu hiện rõ hai loại sinh diệt thô tế. Như Bản Luận nói: “Lại nữa, phân biệt về tướng sanh diệt thì có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là thô vì cùng với tâm tương ứng. Hai là vi tế vì cùng với tâm bất tương ứng”.

Đã nói về phần nêu lên giải thích cùng thành tựu chỉ ra tướng. Tiếp đến nói về phần dẫn tướng thuộc về con người giả định.

Con người giả định trong này có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là phàm phu không lui sụt. Hai là bậc thanh tịnh tùy phần. Ba là bậc thanh tịnh hoàn toàn. Đây gọi là ba loại người giả định. Người thứ nhất lấy gì tương ứng để làm thành cảnh giới của mình? Đó là lấy nhiễm chấp tương ứng để làm cảnh giới của mình. Như Bản Luận nói: “Vả lại, cảnh giới phàm phu là thô ở trong thô”.

Người thứ hai dùng nhiễm như thế nào để làm cảnh giới của mình. Đó là hai tướng ứng sau và hai bất tướng ứng đầu, cùng với một phần của thức nghiệp để làm cảnh giới của mình. Như Bốn Luận nói: “Cảnh giới Phật chính là tế ở trong tế”.

Đã nói về phần dẫn tướng thuộc về con người giả định. Tiếp đến nói về phần biểu hiện rõ về chỗ dựa thô tế. Chỗ dựa trong này đã có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là Thông. Hai là Biệt. Thông là hai loại sanh diệt, đều lấy vô minh làm chỗ dựa. Biệt là hai loại sanh diệt như thứ tự đó, tất cả nhân và duyên làm thành chỗ dựa. Như Bốn Luận nói: “ Hai loại sanh diệt này, dựa vào vô minh huân tập mà có, đó gọi là dựa vào nhân và dựa vào duyên. Dựa vào nhân nghĩa là về Bất giác, dựa vào duyên là nghĩa về vọng làm cảnh giới”. Nay vẫn trong luận này dựa vào kinh nào mà soạn thuật? Đó là kinh Lăng Già. Trong kinh ấy nói như thế nào? Nghĩa là trong kinh Phân lưu Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Huân tập không thể nghĩ bàn và biến đổi không thể nghĩ bàn, là nhân của thức hiện. Giữ lấy các loại trần và huân tập vọng tưởng từ vô thủy, là nhân của thức phân biệt sự”. Còn trong kinh Đại Bản Lăng Già nói như sau: “Lại nữa, không xa rời nhân nhiễm là huân tập không thể nghĩ bàn, cho đến biến đổi có thể nghĩ bàn và biến đổi không thể nghĩ bàn. Vả lại, các nhân nhiễm phân ly là các loại gió mạnh, vọng tưởng thức hiện cảnh cho đến nói rộng”. Pháp nào gọi là huân tập thể nghĩ bàn? Đó gọi là vô minh căn bản. Vì nghĩa nào gọi là huân tập không thể nghĩ bàn? Nghĩa là vì rất sâu rộng. Thế nào là rất sâu rộng? Nghĩa là từ địa kim cang trở lui lại tất cả chúng sanh không hiểu rõ nơi này, vì vậy gọi là huân tập không thể nghĩ bàn. Giống như huân tập, biến đổi cũng như vậy, nên trong kinh Đại Bản giải thích như vậy: “Có thể nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn, chính người từ địa kim cang trở về trước”.

Đã nói về phần biểu hiện rõ chỗ dựa thô tế. Tiếp theo nói về phần Bốn giác đối trị theo thứ tự. Nghĩa là trí của Bốn giác và vô minh căn bản là bất đầu, tướng diệt là cuối cùng. Như thứ tự đó để dần dần đối trị. Nhưng trong này đoạn trừ không xả bỏ vô minh để làm thành sự đoạn trừ, chứ không phải lấy đoạn trừ làm thành đoạn trừ. Nếu vậy thì làm sao nghĩa đoạn trừ được thành tựu? Nghĩa là đoạn tâm phiền não, vì đoạn trừ nên không khởi lên, do đó gọi là đạo đối trị của Bốn giác theo thứ tự. Như Bốn Luận nói: “Nếu nhân diệt thì duyên diệt, nhân diệt nên tâm bất tướng ứng diệt, duyên diệt nên tâm tương ứng diệt”.

Đã nói về phần Bốn giác đối trị theo thứ tự. Tiếp đến nói về phần

phát khởi hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Ngay trong phần này tự nó có hai ý. Thế nào là hai ý? Một là phần đóng cửa cả hai vấn đề. Hai là khai thông để giải quyết nghi ngờ, nội dung trong văn có thể thấy. Trí của Bốn giác sáng suốt đoạn trừ vô minh căn bản, ba loại nhiễm vi tế vĩnh viễn diệt trừ không khởi lên, ba loại tâm vi tế đã không còn thì sáu loại tâm thô trước cũng không thể khởi lên. Ba loại tâm tế, sáu loại tâm thô vĩnh viễn diệt trừ, không khởi lên, thì tánh trí của Bốn giác không thể tự nhiên phát sinh. Tại sao như vậy? Vì ba loại tâm tế, sáu loại tâm thô không phải chỉ là hoàn toàn vô minh mà cũng đều có Bốn giác, chân và vọng hòa hợp gọi là ba tâm tế, sáu tâm thô. Nhưng nếu như nói ba tâm tế, sáu tâm thô diệt, thì Bốn giác cùng diệt chẳng có gì còn lại, há có thể nói tâm của Bốn giác lại cần phải tương tục đến nơi tụ định tà hay sao? Nên có ý hỏi: Nếu tâm diệt thì làm sao tương tục? Đây chính là vấn đề thứ nhất. Nếu như nói Bốn giác là pháp công đức thì pháp chẳng phải là đoạn dứt, luôn tương tục không hề đoạn tuyệt, há có thể nói ba tâm tế, sáu tâm thô vĩnh viễn diệt trừ không khởi lên? Nên nói: Nếu như tương tục thì tại sao nói là cứu cánh diệt? Đây chính là vấn đề thứ hai. Từ đây xuống dưới là giải thích để xử lý nghi ngờ, nội dung trong văn rõ ràng nên không cần phải giải thích lại.

Từ trước đến đây, phần quyết trạch về tướng của sanh diệt đã xong. Từ đây về sau biểu hiện rõ về nghĩa nhiễm tịnh huân tập lẫn nhau phát sanh lẫn nhau không thể đoạn tuyệt.

Bốn Luận nói: “Lại nữa, có nghĩa huân tập của bốn loại pháp, vì vậy pháp nhiễm pháp tịnh dấy lên liên tục. Thế nào là bốn loại? Một là pháp tịnh, gọi là Chân như. Hai là tất cả mọi nhân nhiễm, gọi là Vô minh. Ba là tâm vọng, gọi là thức nghiệp. Bốn là cảnh giới hư vọng, đó là sáu trần. Nghĩa về huân tập, giống như áo quần ở thế gian thật sự không có mùi thơm, nếu người ta dùng mùi thơm để huân tập thì sẽ có mùi thơm. Ở đây cũng như vậy, pháp Chân như thanh tịnh thật sự không có tại nhiễm chấp, chỉ vì vô minh huân tập mà phát sanh tướng nhiễm. Pháp ô nhiễm vô minh thật sự không có nghiệp thanh tịnh, nhưng dùng Chân như huân tập nên phát sinh tác dụng thanh tịnh.

Sao nói là huân tập dấy lên pháp nhiễm liên tục? Đó là vì dựa vào pháp Chân như nên phát sinh vô minh, vì có nhân của pháp nhiễm vô minh nên lập tức huân tập Chân như, vì huân tập nên lập tức có tâm vọng, vì có tâm vọng nên lập tức huân tập vô minh. Không rõ về pháp Chân như, nên không nhận thức mà niệm vọng dấy lên hiện bày cảnh giới hư vọng. Vì có cảnh giới hư vọng duyên theo pháp nhiễm, nên lập

tức huân tập tâm vọng, khiến đắm vào niệm vọng đó tạo ra các loại nghiệp, nhận chịu mọi khổ đau của tất cả thân tâm. Nghĩa huân tập từ cảnh giới hư vọng này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là tăng trưởng niệm huân tập. Hai là tăng trưởng thủ huân tập. Nghĩa huân tập tâm vọng có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là thức nghiệp căn bản huân tập, vì luôn nhận chịu khổ sanh diệt của A-la-hán, Phật-bích-chi và tất cả Bồ-tát. Hai là tăng trưởng thức phân biệt sự huân tập, vì luôn nhận chịu nỗi khổ do nghiệp ràng buộc của phàm phu.

Nghĩa về vô minh huân tập có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là căn bản huân tập, vì theo nghĩa có năng lực thành tựu thức nghiệp. Hai là đã dấy lên kiến - ái huân tập, vì theo nghĩa có năng lực thành tựu thức phân biệt. Sao nói là huân tập dấy lên pháp tịnh liên tục? Đó là vì có pháp Chân như, có năng lực huân tập vô minh. Do lực nhân duyên huân tập, nên sẽ khiến tâm vọng chán ngán nỗi khổ sanh tử cầu mong niềm vui Niết-bàn. Vì tâm vọng này có nhân duyên chán ngán và mong cầu, nên lập tức huân tập Chân như tự tin vào tánh của mình, biết tâm vọng động, không hề có cảnh giới, tu theo pháp rời xa. Do biết đúng như thật là cảnh giới không hề có, nên các loại phương tiện khởi lên thuận theo hành mà không giữ lấy, không phân biệt, cho đến gắng sức huân tập lâu dài, thì vô minh sẽ bị trừ diệt. Do vô minh diệt nên tâm không có gì dấy lên, vì tâm không dấy lên nên cảnh giới thuận theo diệt. Vì nhân duyên đều diệt hết nên tâm và tướng đều hết, gọi là đạt được Niết-bàn thành tựu nghiệp tự nhiên. Nghĩa về tâm vọng huân tập có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là thức phân biệt sự huân tập, là dựa vào các hạng phàm phu, Nhị thừa, chán ngán nỗi khổ sanh tử và tùy theo sức của mình có thể, theo đó dần dần hướng về đạo pháp vô thượng. Hai là ý huân tập, đó là các Bồ-tát phát tâm dũng mãnh nhanh chóng hướng về Niết-bàn.

Nghĩa về Chân như huân tập có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là tự thể tướng huân tập. Hai là dụng huân tập. Tự thể tướng huân tập, là từ vô thủy đời kiếp đến nay vốn có đầy đủ pháp vô lậu. Dụng huân tập, là tánh có đầy đủ nghiệp bất tư nghị làm thành cảnh giới. Dựa vào hai nghĩa này luôn huân tập, vì có năng lực huân tập nên có thể khiến cho chúng sanh chán ngán nỗi khổ sanh tử cầu mong niềm vui Niết-bàn, tự tin vào bản thân mình có pháp Chân như mà phát tâm tu hành.

Hỏi: Nếu là nghĩa như vậy thì tất cả chúng sanh biết mình có Chân như và các pháp thanh tịnh đều đang huân tập, tại sao có người tin - có người không tin và sai biệt trước sau không kể xiết? Tất cả đều phải trong một lúc tự biết mình có pháp Chân như, siêng năng tu tập các

phương tiện để cùng hội nhập Niết-bàn mới đúng nghĩa chăng?

Đáp: Chân như vốn có một mà vô minh lại có vô lượng vô biên, từ xưa đến nay tự tánh sai biệt - dày mỏng khác nhau, các phiền não tăng lên vượt quá hằng hà sa số dựa vào vô minh khởi lên sai biệt. Ngã kiến - ngã ái đủ mọi phiền não nhiễm chấp dựa vào vô minh khởi lên sai biệt. Như vậy, chỉ Như Lai là có năng lực biết rõ. Vả lại, pháp của chư Phật đều có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ mới được thành tựu. Như tánh lửa trong gỗ là nhân chính của lửa, nếu người không có kiến thức không nhờ vào phương tiện, mà có thể tự nói cây củi bốc cháy thì điều này không hợp lý. Chúng sanh cũng vậy, tuy có sức mạnh huân tập của nhân chính, nếu không gặp được chư Phật - Bồ-tát cùng các vị thiện trí thức, lấy đó làm duyên mà có thể tự mình đoạn trừ phiền não, hội nhập Niết-bàn thì điều này sẽ không hợp lý! Nếu tuy có sức mạnh của ngoại duyên, mà pháp thanh tịnh bên trong chưa có sức mạnh huân tập, thì cũng không thể nào chán ngán tốt cùng nỗi khổ sanh tử mong cầu niềm vui Niết-bàn. Nếu như nhân duyên đầy đủ, thì đó là tự mình có sức mạnh của sự huân tập, lại được chư Phật và các vị Bồ-tát từ bi gia hộ, nên có thể dấy lên tâm chán ngán nỗi khổ, tin có Niết-bàn và nỗ lực tu tập thiện căn. Do sự tu tập thiện căn được thành tựu, vì thế được gặp chư Phật và các bậc Bồ-tát chỉ dạy khiến vui mừng được lợi ích, mới có thể tiến lên hưởng đến đạo lý Niết-bàn. Dụng huân tập ấy chính là lực ngoại duyên của chúng sanh. Ngoại duyên như vậy có vô lượng nghĩa, lược nói có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là duyên sai biệt. Hai là duyên bình đẳng. Duyên sai biệt, là người này nương theo chư Phật và các vị Bồ-tát, từ lúc mới phát tâm bắt đầu tu đạo cho đến lúc được thành Phật, ở trong thời gian đó hoặc thấy, hoặc nhớ nghĩ, hoặc làm bà con thân thích cha mẹ anh chị với nhau, hoặc làm tôi tớ phục dịch, hoặc làm bạn bè quen biết, hoặc làm kẻ thù với nhau, hoặc thực hiện bốn sự nhiếp hóa, cho đến tất cả mọi duyên tố đã làm thành vô lượng công hạnh, dùng năng lực huân tập khởi tâm đại bi, có thể làm cho chúng sanh tăng trưởng thiện căn, hoặc thấy hoặc nghe đều được lợi ích. Duyên này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là duyên gần, vì nhanh chóng được cứu độ. Hai là nhân duyên xa, vì về lâu dài mới được độ thoát. Hai duyên gần xa này phân biệt lại có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là duyên tăng trưởng hành. Hai là duyên nhận được đạo. Duyên bình đẳng, là hết thảy chư Phật và Bồ-tát đều nguyện độ thoát tất cả chúng sanh, tự nhiên huân tập luôn không xả bỏ, vì trí lực cùng một thể, thuận theo mọi sự thấy nghe mà hiện rõ thực hành mọi việc

làm, đó gọi là chúng sanh dựa vào Tam muội, mới được bình đẳng thấy chư Phật. Thể dụng huân tập này phân biệt lại có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là chưa được tương ứng, nghĩa là phàm phu, Nhị thừa và các vị Bồ-tát mới phát tâm, dùng ý và ý thức huân tập, dựa vào tín lực để tu hành, nhưng chưa đạt được tâm không phân biệt tương ứng cùng với thể, chưa đạt đến sự tu hành nghiệp tự tại tương ứng cùng với dụng. Hai là đã được tương ứng, nghĩa là Bồ-tát pháp thân đạt được tâm không phân biệt, tương ứng cùng với trí dụng của chư Phật, chỉ dựa vào pháp lực tự nhiên tu hành, huân tập Chân như diệt trừ vô minh. Vả lại, pháp nhiệm từ vô thủy đến nay không ngừng huân tập, cho đến sau khi thành Phật thì được ngưng hẳn. Pháp tịnh huân tập thì không có đoạn dứt và tận cùng thời gian vị lai. Nghĩa này là thế nào? Vì pháp Chân như luôn huân tập, tâm vọng sẽ diệt trừ mà Pháp thân hiển hiện, khởi lên dụng huân tập nên không có đoạn dứt.

Luận giải thích: Ngay trong văn này đã có năm phần. Thế nào là năm phần? Một là nêu tổng quát về cương yếu. Hai là phần lập tên gọi lược chỉ ra. Ba là phần giải thích chung về huân tập. Bốn là phần phân tích nói chi tiết. Năm là phần phân biệt giữa tận và bất tận.

Trong phần thứ nhất tự nó có sáu ý. Thế nào là sáu ý?

Một là ý đối đãi tác thành lẫn nhau hình như có. Đó là muốn biểu hiện rõ các pháp nhiệm tịnh, thấy đều đối đãi nhau mà được thành lập, vì không có pháp nào chỉ riêng mình được kiến lập.

Hai là ý vốn không có tánh, rộng lặng chẳng phải là có. Đó là muốn biểu hiện rõ những loại tên gọi của các pháp nhiệm tịnh, từ trong căn bản không có tạm thời giả định để kiến lập, vì tất cả đều không phải là tên gọi của chính nó.

Ba là ý đối đãi tác thành lẫn nhau biểu hiện về không. Đó là muốn biểu hiện rõ các pháp nhiệm tịnh do quán sát lẫn nhau, nên từ xưa đến nay không hề có tự thể và tự tánh rộng lặng.

Bốn là ý tự nhiên vô ngại như hư không. Đó là muốn biểu hiện rõ tất cả các pháp chẳng phải là có, chẳng phải có nên tự nhiên trở thành rộng lặng, chẳng phải là ngại, chẳng phải ngại nên luôn làm thành nghĩa vô chướng ngại.

Năm là ý tự nhiên chẳng phải làm nên chẳng phải tạo ra. Đó là muốn biểu hiện rõ tất cả các pháp, có Phật hay không có Phật vẫn có thể huân tập lẫn nhau phát sanh lẫn nhau không hề đoạn tuyệt, vì pháp vốn như vậy và đạo lý về tánh như thế.

Sáu là ý không giữ lấy tự tánh và không có chủ. Đó là muốn biểu

hiện rõ tất cả các pháp, làm thành nghĩa duyên khởi Đà-la-ni. Tổng quát nêu lên vô lượng nghĩa thuộc loại như vậy, nên gọi là phần nêu tổng quát về cương yếu. Như Bốn Luận nói: “Lại nữa, có nghĩa huân tập của bốn loại pháp, vì vậy pháp nhiệm pháp tịnh dấy lên liên tục không thể đoạn tuyệt”.

Đã nói về phần nêu tổng quát về cương yếu. Tiếp đến nói về phần lập tên gọi lược chỉ rõ. Ở trong phần này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần pháp tướng tịnh chân. Hai là phần pháp tướng nhiệm vọng. Nói là chân, là tạng trí của Bốn giác tự tánh thanh tịnh. Nói là vọng, là vô minh trong cùng tận tách rời thể tướng. Trong phần nhiệm vọng lại có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là vô minh. Hai là thức nghiệp. Ba là cảnh giới. Như vậy có bốn pháp gồm một Chân và ba Vọng, có năng lực tạo thành sự huân tập là số tên gọi căn bản. Nay trong văn này nêu ra một, sau có bao gồm đầy đủ nên quán sát kỹ. Vì sao? Vì tất cả mọi pháp nhiệm đều có đầy đủ sự huân tập. Như Bốn Luận nói: “Thế nào là bốn loại? Một là pháp tịnh, gọi là Chân như. Hai là tất cả mọi nhân nhiễm, gọi là vô minh. Ba là tâm vọng, gọi là thức nghiệp. Bốn là cảnh giới vọng, đó là sáu trần”.

Đã nói về phần lập tên gọi lược chỉ rõ. Tiếp đến nói về phần giải thích chung về huân tập. Ở trong phần này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần khéo thí dụ để so sánh. Hai là phần pháp - dụ kết hợp giải thích để an lập. Phần khéo thí dụ để so sánh, là ví như áo quần từ trước đến nay, cũng không có mùi thơm, cũng không có mùi hôi và luôn không có mùi gì, nhưng nhiều người lúc đi vào rừng Ban đa già da sa xoa để ô, vì Hội mặt da để huân tập nên đã có mùi hôi, lúc đi vào rừng Phạm-đàn-chỉ-đa-na, vì Đà-ma-kiện-đa huân tập, do đó có mùi thơm. Như Bốn Luận nói: “Giống như áo quần ở thế gian thật sự không có mùi thơm, nếu người ta dùng mùi thơm để huân tập thì sẽ có mùi thơm”.

Phần pháp - dụ kết hợp giải thích để an lập, là đạo lý thắng nghĩa cũng lại như vậy. Tự tánh thanh tịnh và tánh đức vô lậu, từ vô thủy đến nay luôn sáng sạch, cũng không có gì cấu bẩn, cũng không có gì nhiễm ô, nhưng vì vô minh huân tập nên đã có cấu bẩn. Đại dương vô minh từ vô thủy đến nay luôn đen tối, cũng không có trí sáng, cũng không có phẩm chất sạch, nhưng lấy Bốn giác mà huân tập nên sẽ có tác dụng trong sạch. Nhiễm tịnh như vậy chỉ là giả định mà thiết lập, nhiễm không phải là thật sự nhiễm - tịnh không phải là thật sự tịnh, đều là huyền hóa, không có tự tánh thật sự. Như Bốn Luận nói: “Ở đây cũng

như vậy, pháp thanh tịnh Chân như thật sự không có ở tại nhiễm chấp, chỉ vì vô minh huân tập mà phát sanh tướng nhiễm. Pháp ô nhiễm vô minh thật sự không có nghiệp thanh tịnh, nhưng dùng Chân như huân tập nên phát sinh tác dụng thanh tịnh”.

Đã nói về phần giải thích chung về huân tập. Tiếp đến nói về phần phân tích nói chi tiết. Ở trong phần này tức có bốn phần. Thế nào là bốn phần? Một là phần Hắc phẩm có năng lực huân tập lẫn nhau. Hai là phần Bạch phẩm có năng lực huân tập lẫn nhau. Ba là phần phát khởi hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Bốn là phần đưa ra duyên nói rộng để thông suốt. Trong phần thứ nhất lại có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là hỏi tổng quát - trả lời tổng quát để biểu hiện tông chỉ. Hai là quy về tổng làm khác biệt để nói chi tiết. Trong phần thứ hai cũng có hai phần này, nên quán sát kỹ. Trong phần thứ tư tự có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu tổng quát về phép tắc quyết định. Hai là phần nhân duyên đều chỉ ra để phát sanh kiến giải. Như thứ tự đó nói về tướng có thể thấy.

“Sao nói là huân tập dấy lên pháp nhiễm liên tục”, chính là hỏi tổng quát, đó là tổng hợp tất cả câu hỏi về nghĩa của hết thủy Hắc phẩm huân tập lẫn nhau, phát sanh lẫn nhau không dứt đoạn.

Từ đây xuống dưới chính là phần trả lời tổng quát. Ngay trong phần nói về câu trả lời này, từ Tạng tịnh diệu cho đến thô trọng, rồi bỏ cội gốc hướng về cành ngọn dần dần chuyển sang hơn hẳn để nói theo thứ tự của nó. Nói thứ tự về tướng nên quán sát kỹ. Vô minh căn bản không thể tự có, phải dựa vào Chân như mới có thể trụ lại chắc chắn được. Vì sao? Vì tánh Chân như giống như hư không, thậm chí cai quản làm chủ thật sự trong chướng và không chướng ngại, làm chỗ nương tựa trở về không hề trở ngại. Như Bốn Luận nói: “Đó là vì dựa vào pháp Chân như nên phát sinh vô minh”. Như vậy, vô minh có nơi chốn của nó, có đủ sức hơn hẳn và công năng tự tại, có năng lực huân tập Chân như khiến cho trở thành vọng pháp, tăng thêm trạng thái không hiểu biết - thêm nhiều tác dụng đen tối và đần độn, ví như cha ái dục sinh ra các con trai - gái. Như Bốn luận nói: “Vì có nhân của pháp nhiễm nơi vô minh nên lập tức huân tập Chân như, vì huân tập nên lập tức có tâm vọng”. Như vậy, thức nghiệp và tâm vọng vi tế, vì vô minh nên từ thể đó phát sinh, trở lại huân tập vô minh có thể làm cho tăng trưởng. Ví như sanh ra con nuôi lớn lên có thể sanh ra cha. Lực huân tập như vậy càng tăng thêm, không thể nào thông suốt nhất tâm viên mãn bình đẳng như lý được, vì thế dấy lên niệm vọng mê hoặc của thức chuyển, sanh

ra cảnh giới hư vọng của tướng hiện, khiến cho đại dương sanh tử càng sâu hơn, bến bờ Niết-bàn càng cao lên. Như Bốn Luận nói: “Vì có tâm vọng nên lập tức huân tập vô minh, không rõ về pháp Chân như nên không nhận thức mà niệm vọng dấy lên hiện bày cảnh giới hư vọng”. Như vậy, gió của cảnh giới trở lại huân tập đại dương của thức hiện, dấy lên sóng nước của bảy thức. Các thứ này vui đắm trong cảnh giới của sáu trần, cảnh kia trực tiếp hưởng về trước nhãn thức, lần lượt tạo ra các nghiệp bất thiện, nhận chịu đủ tất cả mọi khổ báo, trong vòng xoay của ba cõi tuần hoàn khởi lên giặc bốn độc nhiều loạn. Như Bốn Luận nói: “Do có cảnh giới hư vọng duyên theo pháp nhiễm, nên lập tức huân tập tâm vọng, khiến đắm vào niệm vọng đó tạo ra các loại nghiệp, nhận chịu mọi khổ đau của tất cả thân tâm”.

Đã nói về phần hỏi tổng quát - trả lời tổng quát để biểu hiện tông chỉ. Tiếp đến nói về phần quy về tông làm thành biệt để nói chi tiết. Ngay trong phần này đã có ba tầng. Thế nào là ba tầng? Một là cảnh giới. Hai là tâm vọng. Ba là vô minh. Đây gọi là ba tầng. Ba loại như vậy, mỗi loại đều có hai nên sẽ thành ra sáu số. Như thứ tự ấy, đầu lấy làm sau - sau lấy làm đầu, lần lượt biểu hiện rõ.

Tầng thứ nhất nói gì? Vì cảnh giới hư vọng này có lực huân tập đúng như thực nên tăng thêm niệm chấp pháp, có lực huân tập giống như có, nên lớn thêm niệm chấp nhân. Hai chấp về nhân - pháp dấy lên đủ, thì các loại phiền não nhiều hơn số hằng sa thấy đều phát khởi, vì thế gọi là cảnh giới huân tập. Như Bốn Luận nói: “Nghĩa huân tập từ cảnh giới hư vọng này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là tăng trưởng niệm huân tập. Hai là tăng trưởng thủ huân tập”.

Tầng thứ hai nói gì? Nói là thức nghiệp và tâm vọng có lực huân tập của phía trên, đã được rời khỏi hàng Thánh nhân ba thừa, nhưng có thể khiến nhận chịu nỗi khổ vi tế của sanh tử biến dịch. Có lực huân tập của phía dưới, chưa được tách rời địa của tất cả phàm phu nên có thể khiến nhận nỗi khổ thô nặng của sanh tử phần đoạn, vì vậy gọi là tâm vọng huân tập. Như Bốn Luận nói: “Nghĩa về tâm vọng huân tập có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là thức nghiệp căn bản huân tập, vì luôn nhận chịu nỗi khổ sanh diệt của A-la-hán, Phật-bích-chi và tất cả Bồ-tát. Hai là tăng trưởng thức phân biệt sự huân tập, vì luôn nhận chịu nỗi khổ do nghiệp ràng buộc của phàm phu”.

Tầng thứ ba nói gì? Do vô minh trú địa là từ nơi thể vốn có, có thể huân tập từ đầu đến cuối khiến được thành tự. Vì thông suốt khắp, có thể huân tập sự thức khiến được thành tự. Tại sao chỉ nêu ra phần đầu

và cuối mà phần trung gian không biểu hiện? Vì có hai ý? Thế nào là hai ý? Một là ý về hữu thành tựu. Hai là ý về không thành tựu. Thế nào gọi là hữu thành tựu? Vì nêu lên các biên “Có”, tức biểu hiện trung gian cũng “có”. Thế nào gọi là ý về không thành tựu? Đó là đưa ra trong đó không có, tức hiển bày các biên đều rỗng lặng. Nghĩa sau nói gì? Ở trong kinh giải thích như vậy. Xác đáng là kinh nào? Đó là kinh Huân Tập. Trong kinh ấy giải thích như thế nào? Nghĩa là trong kinh Huân Tập giải thích như vậy: “Thức chuyển, thức hiện và thức Mạt-na, không phải là thuận theo vô minh mà được thành tựu. Vì sao? Vì vô minh căn bản chỉ thành tựu ở các biên không phải là thành tựu ở phần giữa”. Nghĩa sau trong văn này giải thích thẳng về kinh ấy, vì thế biết rõ ràng là nghĩa này được thành tựu. Như Bốn Luận nói: “Nghĩa về vô minh huân tập có hai loại? Thế nào là hai loại? Một là căn bản huân tập, vì theo nghĩa có năng lực thành tựu thức nghiệp. Hai là đã dấy lên kiến và ái huân tập, vì theo nghĩa có năng lực thành tựu thức phân biệt sự”.

Đã nói về phần Hắc phẩm có năng lực huân tập lẫn nhau. Tiếp đến nói về phần Bạch phẩm có năng lực huân tập lẫn nhau. “Sao nói là huân tập dấy lên pháp tính không đoạn dứt?” chính là câu hỏi tổng quát. Nghĩa là tổng hợp tất cả phần hỏi về nghĩa của hết thấy Bạch phẩm huân tập lẫn nhau, phát sanh lẫn nhau không dứt đoạn.

Từ đây xuống dưới chính là phần trả lời tổng quát. Ngay trong phần trả lời này, tự nó có hai loại huân tập. Thế nào là hai loại? Một là huân tập tự nhiên từ vô thủy. Hai là huân tập từ lúc mới có sự kiến lập. Huân tập từ vô thủy, là từ vô thủy đến nay có hai vị trí của nhân và quả. Huân tập từ lúc bắt đầu kiến lập là nhờ năng lực tu hành. Nhân quả vốn có ấy, tướng của nó thế nào? Nghĩa là từ vô thủy đến nay có địa của ba Hiền và mười Thánh, nên có kết quả của ba Thân và bốn Đức. Nhân quả mới bắt đầu ấy tướng của nó thế nào? Vì lúc này tu hành mới nảy sinh mười Địa của vô thủy, hiện bày nhân quả vốn có. Nhân quả vốn có ấy theo thứ tự như thế nào? Từ vô thủy đến nay đã có mười loại chân trí của Bốn giác và mười loại pháp giới như thật, nên có năng lực huân tập mười loại Chi mạt vô minh, lại vì có một loại tâm pháp giới có năng lực huân tập vô minh căn bản, nên đây gọi là Bốn địa. Như Bốn Luận nói: “Đó là vì có pháp Chân như, có năng lực huân tập vô minh”.

Nhân quả mới bắt đầu huân tập theo thứ tự như thế nào? Đó là tuy chưa đạt được địa Thập Tín, nhưng vì lực huân tập vốn có, thì trong tự tâm chán ngán nỗi khổ sanh tử và mong cầu niềm vui Niết-bàn, dùng năng lực này lập tức huân tập tánh Chân như, tự tin có Phật tánh đi vào

địa Thập Tín. Biết tâm là hư vọng đi vào địa Thập Giải. Biết cảnh giới không đi vào địa Thập Hạnh. Tu tập vượt ra hướng về pháp đi vào địa Thập Hưởng. Dùng Bát nhã như thật biết cảnh giới không, phát khởi vô lượng phương tiện thực hành thuận theo tánh pháp giới, không giữ lấy Niết-bàn, không nghĩ đến sanh tử, đi vào địa Cực hỷ cho đến Kim cang. Vì huân tập từ sâu xa, nên phát khởi đạo giải thoát, vô minh lập tức đoạn trừ, gốc rễ dứt hết nên cành ngọn đều không có, gốc và ngọn của Hắc phẩm không có, nên đạt được Pháp thân Niết-bàn, thành tựu nghiệp dụng của Ứng hóa, đây gọi là Thỉ địa. Như Bốn Luận nói: “Vì lực nhân duyên huân tập, nên sẽ khiến tâm vọng chán ngán nổi khổ sanh tử cầu mong niềm vui Niết-bàn. Vì tâm vọng này có nhân duyên chán ngán và mong cầu, nên lập tức huân tập Chân như tự tin vào tánh của mình, biết tâm vọng động, không hề có cảnh giới, tu theo pháp rời xa. Do biết đúng như thật là cảnh giới không hề có, nên các loại phương tiện khởi lên thuận theo thực hành mà không giữ lấy, không khởi ý niệm, cho đến gắng sức huân tập lâu dài, thì vô minh sẽ bị trừ diệt. Vì vô minh diệt nên tâm không có gì dấy lên, vì tâm không dấy lên nên cảnh giới theo đó diệt. Do nhân duyên đều diệt hết nên tâm và tướng đều hết, gọi là đạt được Niết-bàn thành tựu nghiệp tự nhiên”.

Đã nói về phần hỏi tổng quát - trả lời tổng quát để biểu hiện tông chỉ. Tiếp đến nói phần quy về tổng làm khác biệt để nói chi tiết. Trong phần này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nhiệm vọng huân tập. Hai là phần pháp tịnh huân tập. Trong phần nhiệm pháp lại có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là loại thô. Hai là loại tế. Nói về phần thô, chính là ý thức. Nói về phần tế, đó là mười một Mạt na. Ý thức huân tập thì tướng đó thế nào? Đó là bốn mươi tâm phàm phu và các hàng Nhị thừa, dùng phần trí của Bốn giác trong ý thức, huân tập phần vô minh ngu si trong ý thức, chán bỏ nổi khổ sanh tử, vui với niềm vui Niết-bàn, dần dần chuyển sang thù thắng hướng về Phật đạo. Như Bốn Luận nói: “Nghĩa về tâm vọng huân tập có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là thức phân biệt sự huân tập, là dựa vào các hạng phàm phu, Nhị thừa, chán ngán nổi khổ sanh tử và tùy theo sức của mình có thể, theo đó dần dần hướng về đạo pháp vô thượng”. Nghĩa về mười một Mạt-na huân tập, tướng đó thế nào? Đó là từ địa hàng Thánh bắt đầu cho đến địa Kim cang, như thứ tự đó, dùng phần thanh tịnh huân tập phần nhiệm ô để chứng nhập với đạo Bồ-đề Vô thượng, vì các vị Bồ-tát đoạn trừ vô minh, nên như Bốn Luận nói: “Hai là ý huân tập, đó là các vị Bồ-tát phát tâm dũng mãnh nhanh chóng hướng về Niết-bàn”.

Đã nói về phần nhiệm vọng huân tập, tiếp đến nói về phần pháp tịnh huân tập. Phần này tự có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu tổng quát. Hai là phần giải thích. Phần nêu tổng quát là nêu tổng quát về tên gọi. Như Bốn Luận nói: “Nghĩa về Chân như huân tập có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là tự thể tướng huân tập. Hai là dụng huân tập”. Trong phần giải thích tự có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là Pháp thân tự nhiên huân tập. Hai là Ứng hóa luôn huân tập. Nói Pháp thân tự nhiên huân tập, là tánh trí của Bốn giác từ vô thỉ đến nay, có công đức viên mãn và trí tuệ đầy đủ, đương nhiên tự mình tự nhiên dấy lên chứ không có năng lực nào khác. Như Bốn Luận nói: “Tự thể tướng huân tập, là từ vô thỉ đời kiếp đến nay vốn có pháp vô lậu”. Nói về Ứng hóa luôn huân tập, là Bốn giác như vậy phát khởi các loại nghiệp dụng vượt quá hàng sa số vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn, tùy thuận theo giáo hóa các tướng tâm trong tất cả chúng sanh, đoạn trừ mọi nghiệp ác tu dưỡng mọi nghiệp thiện, có đủ nhân của trăm hạnh, tròn đầy kết quả của vạn đức. Như Bốn Luận nói: “Dụng huân tập, là tánh có đầy đủ nghiệp bất tư nghị làm thành cảnh giới”. Hai phần như vậy không tách rời nhau, ở trong tất cả mọi lúc - tất cả mọi nơi, luôn huân tập phát khởi niềm tin, sanh ra kiến giải, kiến lập sự nghiệp tu hành tạo tác không chuyển đổi, đạt đến địa Chánh giác, sau cùng đạt được cảnh giới Chân - Tục khiến không còn chướng ngại. Như Bốn Luận nói: “Dựa vào hai nghĩa này luôn huân tập, vì có năng lực huân tập nên có thể khiến cho chúng sanh chán ngán nỗi khổ sanh tử, cầu mong niềm vui Niết-bàn, tự tin vào bản thân mình có pháp Chân như mà phát tâm tu hành”. Căn cứ vào nghĩa ấy, nên lý về ba thân vốn có vì thế được biểu hiện rõ.

Đã nói về phần Bạch phẩm có năng lực huân tập lẫn nhau. Tiếp đến nói về phần phát khởi hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Phần giải quyết nghi ngờ này nghĩa lý rất khó giải thích mà văn giáo lại càng khép kín. Làm giải thích nhưng không nói chi tiết, vì không có người nào quyết định thông suốt mà không thể hiểu rõ. Vì vậy nay lại làm nhiều loại giải thích. Tức là khai thị đầy đủ, nói rõ về tâm của hành giả, như thứ tự ấy tương ứng với hỏi và đáp, nên quán sát kỹ. Tất cả chúng sanh đều có Bốn giác, có nhiều chúng sanh lại không có Bốn giác, đều có lý của nó. Vì sao? Vì đấng Đại Giác Thế Tôn đã nói như vậy. Nghĩa này là thế nào? Vì tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến nay vốn có đủ Bốn giác, từ vô thỉ đến nay không có Bốn giác. Nếu dựa vào nghĩa đầu thì tất cả chúng sanh đều có Bốn giác, Bốn giác như vậy chỉ là một thể hiện bày khắp

nơi mọi chúng sanh, mỗi một chúng sanh đều có tánh giác sai khác, nhưng tất cả chúng sanh chỉ có một tánh giác chứ không có tánh giác nào sai khác. Nếu vậy thì chúng sanh chỉ là một, Bốn giác sở hữu chỉ là một. Bốn giác sở hữu không phải một, vì luôn có nhiều chúng sanh. Điều này không thể như vậy. Tại sao? Vì ý nghĩa sâu xa sai khác, nghĩa là tâm của Bốn giác, tánh bình đẳng nên không thể khác nhau về chủng loại, tất cả chúng sanh có tánh sai biệt nên không thể như nhau về chủng loại, không thể khác nhau về chủng loại nên chỉ là một, không thể như nhau về chủng loại nên có nhiều. Nếu vậy thì văn này nói làm sao thông suốt? Đó là trong Luận Đại Tông địa Huyền Văn Bốn của Tôn giả Mã Minh giải thích như vậy:

*Ví như trong hư không
Vầng trăng tròn và sáng
Chỉ một không hai thể
Hiện rõ ngàn vật chứa.
Bốn giác cũng như vậy
Chỉ một không hai thể
Đủ khắp mọi chúng sanh
Trong rất nhiều tướng tâm.
Ví như một áng mây
Che vầng trăng tròn kia
Ngàn vật chứa vầng trăng
Đều ẩn kín không hiện.
Vô minh cũng như vậy
Chỉ một thể, không hai
Đến khắp nơi chúng sanh
Hay tạo sự huân tập.*

Có hai nghĩa nên không có sai lầm trái ngược nhau. Thế nào là hai nghĩa? Một là tự tông chỉ quyết định. Hai là dẫn ra để thâm tóm quyết định. Nói về tự tông chỉ quyết định, là biểu hiện rõ về nghĩa tương tục đồng nhất. Nói về dẫn ra để thâm tóm quyết định, là biểu hiện rõ về nghĩa tương tục sai biệt. Luận Huyền Văn biểu hiện về nghĩa thứ nhất, Luận Khởi Tín này là biểu hiện về nghĩa thứ hai. Vì nghĩa này nên không có gì sai lầm trái ngược nhau. Do vậy trong Địa Luận Hư Không Địa của Tôn Giả Mã Minh nói như vậy:

*Ví như dùng lá sen
Che vật chứa ánh trăng
Vật chứa ánh trăng khác*

*Hiện rõ không che lấp.
 Vô minh cũng như vậy
 Che người mê lúc giác
 Người đã giác Bỏ giác
 Quyết không thể che kín.*

Văn này vì trình bày về nghĩa nào? Là muốn biểu hiện rõ về nghĩa tương tục sai biệt. Hơn nữa, trong Kinh Văn Thù Sư Lợi Luận Nghị Đệ Nhất Thần Lực Thù Thắng Từ Bi Viên Mãn Hư Không Công Đức có nói như sau:

*Có vô lượng vô biên
 Vô minh phiền não chướng
 Đến khắp thân chúng sanh
 Hay tạo thành chướng ngại.*

Văn này là trình bày về nghĩa nào? Đó là muốn biểu hiện rõ về nghĩa tinh tấn tu hành. Biểu hiện rõ thế nào? Đó là có chúng sanh dấy lên niệm vọng như vậy: Nếu thể của vô minh chỉ là một loại, khắp nơi tất cả các chúng sanh, vô minh chỉ là một mà chúng sanh rất nhiều, thì dễ đoạn trừ được, cần gì phải có dũng khí chịu đựng gian khổ để có thể tu hành? Như thấy các sự tướng ở thế gian, nhiều người làm một việc, không đáng để cho là khó thì không chịu khó tu hành. Vì muốn đổi trị hàng chúng sanh ngu si lười biếng như vậy, do đó Như Lai giảng giải nói có vô lượng vô biên vô minh có thể che phủ Phật tánh. Do nghĩa này nên nghĩa về vô minh chỉ có một được thành lập. Nếu vậy, khi phiền não của một chúng sanh được chết, thì tất cả chúng sanh còn lại cũng thấy đều được chết. Vì sao? Vì chỉ có một vô minh. Nếu lúc một người đoạn trừ mà những người khác không thể đoạn trừ được, thì không thể nói là cùng một vô minh như nhau. Vả lại, có cõi chúng sanh nào có thể đoạn tuyệt mọi sai lầm? Điều này không thể như vậy. Vô minh tuy là một nhưng tương tục sai khác, tương đó thế nào? Tụng nói:

*Ví như màn đêm tối
 Đến khắp mười căn phòng
 Lúc diệt sạch một phòng
 Diệt khác không thể nói.*

Luận nói: Đêm tối tuy chỉ một, nhưng luôn đầy khắp trong mười căn phòng, cũng không thể nói một bóng tối một căn phòng, cũng không thể nói là mười bóng tối mười căn phòng. Ở trong một căn phòng người ta dùng ngọn đèn sáng soi chiếu, bóng tối hết sạch. Ánh sáng trọn vẹn soi chiếu rõ khắp trong một căn phòng, bóng tối hết sạch không còn lại

gì, nhưng cũng không thể nói là trong chín phòng kia không còn bóng tối. Bóng tối trong chín căn phòng kia vẫn còn đủ không mất, mà đèn soi chiếu trong một căn phòng và bóng tối không diệt ấy cũng không thể diễn tả. Vô minh phiền não cũng lại như vậy. Nói màn đêm đen tối là dụ cho vô minh. Nói mười căn phòng là dụ cho thân của chúng sanh. Nói ngọn đèn sáng là dụ cho trí tuệ. Vì vậy nên biết: Vô minh tuy như nhau mà tương tục sai khác, do đó đoạn trừ và không đoạn trừ tất cả đều không giống nhau. Nếu lúc một chúng sanh trừ hết phiền não, mà các chúng sanh khác không thể đoạn trừ, là vì trong thân chúng sanh chưa hết phiền não nên Phật tánh của Bốn giác bị vô minh che phủ, Phật tánh của Bốn giác trong thân chúng sanh đã hết phiền não, vô minh bao phủ đã rời xa hết. Xa rời chướng ngại Phật tánh và làm chướng ngại cho Phật tánh, khác nhau một trời một vực, vì sao nay nói cùng Phật tánh như nhau? Do thể đó không phân biệt mà khắp nơi mọi chúng sanh đều có, Phật tánh của Bốn giác sánh bằng cõi hư không, không nơi nào không đầy khắp, không đâu không đến được, không nơi nào không thông suốt, không đâu không hướng về, bình đẳng và hoàn toàn bình đẳng, chỉ một vị một tướng chẳng có gì sai biệt, nhưng trong tạng vô minh Phật tánh của Bốn giác bị pháp nhiễm che phủ ngăn cách, Phật tánh của Bốn giác nơi pháp giới bên ngoài xa rời pháp nhiễm che phủ, là tâm suy nghĩ nhận biết này đều vin theo duyên ngay lúc đó tùy theo cảnh giới, chứ không phải là tâm thật lý trong tự tánh. Vì vậy nên biết lý của Phật tánh, chỉ là một loại hoàn toàn không có sai biệt. Do đó, trong Luận Đại Tông Địa Huyền Văn Bản của Tôn giả Mã Minh giải thích như vậy:

*Trăng hiện trong vật chứa
Vật chứa có nước đục
Hiện ra nhưng chẳng rõ
Vật chứa có nước trong
Hiện ra đủ mà rõ
Tối sáng tuy không đồng
Chỉ một vầng trăng tròn
Bốn giác cũng như vậy.*

Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, đều có Bốn giác không lúc nào tách rời, tại sao chúng sanh có người thành Phật trước, có người thành Phật sau, có người nay sẽ thành Phật, cũng có người thường xuyên thực hành, cũng có người không thực hành được, cũng có người thông minh, cũng có người ám độn, sai biệt vô số kể như vậy? Cùng có một

tánh giác và đều trong một lúc phát tâm tu hành đạo vô thượng, nhưng vì Phật tánh của Bốn giác mạnh yếu khác nhau, nên có sai biệt như vậy. Do vô minh phiền não dày mỏng khác nhau, nên có sai biệt như thế. Nếu nói như nghĩa đầu thì điều này không như vậy. Vì sao? Vì Bốn giác Phật tánh vốn viên mãn các công đức nhiều hơn số hằng sa không thêm, không bớt. Nếu nói như nghĩa sau thì cũng không đúng. Vì sao? Vì nghĩa về một địa đoạn trừ không thể thành lập. Các loại như vậy sai biệt vô lượng, đều dựa vào vô minh mà được giữ chắc, ở trong chí lý không liên quan gì. Nếu như thế thì tất cả các hành giả đoạn trừ hết thấy điều ác, tu dưỡng hết thấy điều thiện, vượt lên trên Thập Địa đến địa Vô thượng, viên mãn ba thân đầy đủ bốn đức. Như vậy, hành giả là sáng suốt hay là vô minh? Hành giả như thế là ở phần vị vô minh chứ không phải là phần vị sáng suốt. Nếu vậy thì Bốn giác thanh tịnh từ vô thỉ đến nay, không quán xét tu hành, không phải nhờ vào năng lực nơi khác, tánh đức viên mãn, bổn trí đầy đủ, cũng vượt ra bốn câu, cũng xa rời năm biên, lời nói tự nhiên không thể tự nhiên được, tâm thanh tịnh không thể thanh tịnh được, tuyệt đối xa rời và hoàn toàn xa rời. Bốn xứ như vậy là sáng suốt hay là vô minh? Bốn xứ như vậy thuộc về phạm vi vô minh chứ không phải là phần vị sáng suốt. Nếu thế thì một tâm pháp giới, không phải là “trăm phi”, rời bỏ ngàn điều đúng, không phải đứng giữa điều sai trở thành làm trái lẽ tự nhiên, trái lẽ tự nhiên bàn về sự diễn biến của nước, để quyết định đúng mà đã dừng lại, tùy theo sự suy xét kỹ để tay buông thông mà lại chắc chắn. Một tâm như vậy là sáng suốt hay là vô minh? Một tâm như vậy thuộc về phạm vi vô minh chứ không phải là phạm vi sáng suốt. Cả ba loại từ một tâm phát sanh. Pháp Ma-ha-diễn chỉ là một, không thể là một giả có thể đi vào một tâm, không thể là tâm giả có thể đi vào một tâm, thật sự không phải là tên gọi của ngã mà hạng mục đề ra nơi ngã, cũng không phải tự mình xưng lên mà phù hợp ở tự mình như là ngã, lập thành tên mà không phải ngã thật, như là tự nó được xưng lên mà không phải thật sự tự nó. Sâu xa khó hiểu lại khó hiểu, vơi vơi mênh mông lại mênh mông. Thắng xứ như vậy là sáng suốt hay là vô minh? Thắng xứ như vậy thuộc về phạm vi vô minh chứ không phải là phần vị sáng suốt. Pháp Ma-ha-diễn bất nhị, chỉ là pháp Ma-ha-diễn bất nhị. Pháp Ma-ha-diễn bất nhị như vậy là sáng suốt hay là vô minh?

Đã nói về phần hữu giác, tiếp đến nói về phần vô giác. Tại sao tất cả chúng sanh không có Bốn giác? Do không có Bốn giác. Tại sao không có Bốn giác? Vì không có chúng sanh. Tại sao không có chúng

sanh? Vì không hề dựa vào nơi Bốn giác. Dẫn ra hai phần này thuận theo hiểu rộng, như Bốn Luận nói: “Hỏi: Nếu là nghĩa như vậy thì tất cả chúng sanh biết mình có Chân như và các pháp thanh tịnh đều đang huân tập. Tại sao có người tin, có người không tin và sai biệt trước sau không kể xiết? Tất cả đều phải trong một lúc tự biết mình có pháp Chân như, thường xuyên tu tập các phương tiện để cùng hội nhập Niết-bàn mới đúng nghĩa chăng? Đáp: Chân như vốn có một mà vô minh lại có vô lượng vô biên, từ xưa đến nay tự tánh sai biệt, dày mỏng khác nhau, các phiền não tăng lên vượt quá hằng hà sa số dựa vào vô minh khởi lên sai biệt. Ngã kiến - ngã ái đủ mọi phiền não nhiễm chấp dựa vào vô minh khởi lên sai biệt. Như vậy, tất cả phiền não dựa vào vô minh khởi lên, trước sau với vô lượng sai biệt, chỉ có Như Lai có năng lực biết rõ mà thôi”.

Đã nói về phần phát khởi hỏi đáp giải đáp nghi ngờ. Tiếp đến nói về phần đưa ra duyên nói rộng để thông suốt. Chính trong phần này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu tổng quát về phép tắc quyết định. Hai là phần duyên theo tướng phân tán chỉ rõ phát sanh kiến giải. Đối với phần thứ nhất đã có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là nói về thể pháp. Hai là nói về thí dụ. Ba là nói về kế hợp. Vả lại, giáo pháp của chư Phật đều có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ mới được thành tựu, đó chính là nói về pháp. Nghĩa là các pháp của Phật phải cần đến nhân duyên chứ không có pháp nào tự nhiên xuất hiện một cách độc lập. Vì sao? Vì pháp vốn như thế. Nói là nhân thì đó là chủng tánh của Bốn giác. Nói là duyên ấy chính là tác dụng sai khác của quyền và thật. Vì hai quan hệ này nên các pháp được thành lập, phải nên quán sát kỹ.

Đã nói về phần nêu về pháp, tiếp theo trình bày về phần nói thí dụ. Như tánh lửa trong gỗ là nhân chính của lửa, nếu người không có kiến thức, không nhờ vào phương tiện, mà cây củi có thể tự bốc cháy là điều hoàn toàn vô lý, đó chính là nói thí dụ. Thí dụ trong này có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Một là dụ về củi gỗ. Hai là dụ về ngọn lửa. Ba là dụ về con người. Bốn là dụ về đốt cháy. Nói về củi gỗ là dụ cho pháp nhiễm. Nói về ngọn lửa là dụ cho trí tuệ. Nói về con người là dụ cho chúng sanh. Nói về đốt cháy là dụ cho đối trị.

Thí dụ thứ nhất ý nói gì? Nói là A-lê-la-đa-yểm-thi, củi gỗ tức có đủ năm sự việc. Thế nào là năm? Một là cội gốc sâu dày chắc chắn không gì có thể vượt qua. Hai là thân cành hoa lá, cho đến quả hạt sanh ra sắc nhọn vô cùng. Ba là mùi hương hết sức khó chịu. Bốn là cơn

trùng độc hại thích vin vào. Năm là quyến thuộc không cùng tận. Đây gọi là năm sự việc của loại cây này. Pháp nhiệm của vô minh cũng lại như vậy. Vô minh căn bản sâu dày rộng lớn không gì vượt qua được, tất cả các loại bất giác - mê hoặc - sai lầm cảnh ngộ không gì lường tính được.

Thí dụ thứ hai thì ý đó thế nào? Đó là ngọn lửa tàng ẩn thì có bảy sự việc. Thế nào là bảy? Một là nghĩa về chết khô, vì có thể làm cho cây khô cho đến chết. Hai là nghĩa về sinh ra và lớn lên, vì có thể ngăn cản khí lạnh làm cho lớn lên. Ba là nghĩa về không đo lường được, vì không biết nơi nào. Bốn là nghĩa về tàng ẩn, vì không thể trông thấy. Năm là nghĩa về phát ra rõ, vì phát ra ngọn lửa rất nóng. Sáu là nghĩa về thuận theo nảy sinh, vì thuận theo củi gỗ mà có bảy là tùy theo không có nghĩa là tùy cây gỗ mà không có. Đây gọi là bảy sự việc của ngọn lửa. Bốn giác Bát-nhã cũng lại như vậy, huân tập pháp nhiệm cho đến lúc diệt hết, nhận chịu sự huân tập mà lưu chuyển, nơi chốn cư trú không nghĩ bàn được, ẩn tàng bí mật trong tạng vô minh, phát ra rõ đầy đủ không hề sót lại, tùy theo pháp nhiệm có hay không mà Bốn giác có hoặc không.

Thí dụ thứ ba thì ý đó thế nào? Đó là con người không có thật, là vì có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là giả như người Bà-la-lợi-đa-đề. Hai là giả như người Na-thi-a-đa-la. Người thứ nhất kia có năm sự việc. Thế nào là năm? Một là biết củi gỗ sinh ra lửa. Hai là biết cọ xát củi gỗ chuyển thành lửa. Ba là biết lúc chậm lúc nhanh. Bốn là biết nơi dừng lại. Năm là biết thứ tự thành tựu. Đây gọi là năm sự việc của người thứ nhất. Nếu người thứ hai không biết những sự việc này thì cuối cùng không có được lửa. Những người tu hành cũng lại như vậy, vì cũng có phương tiện và không có phương tiện.

Thí dụ thứ tư thì ý đó thế nào? Đó là ngọn lửa đốt cháy củi gỗ thì có ba sự việc xảy ra. Thế nào là ba sự việc? Một là việc bỏ sắc bén làm đần độn, nghĩa là ngọn lửa đốt cháy thì các gai góc sắc nhọn của cây củi không thể làm hại được. Hai là việc bỏ khác nhau làm giống nhau, nghĩa là làm cho hết sắc nhọn chính là đã hợp với tro. Ba là việc rời bỏ ngọn trở về gốc, nghĩa là tướng trạng như nhau thì địa bình đẳng với nhau. Đây gọi là ba sự việc xảy ra. Đối trị dẫn dắt, theo thứ tự cũng lại như vậy. Nghĩa là đoạn trừ chướng ngại, chứng được chân lý, trở về một tâm.

Đã trình bày về phần nói thí dụ, tiếp trình bày về phần nói hợp lại.

Trong phần nói hợp lại có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là nói tổng quát. Hai là nói tách biệt. Gọi là nói tổng quát, là vì nêu tổng quát lại những gì đã nói. Như Bốn Luận nói: “Chúng sanh cũng vậy”. Gọi là nói tách biệt, là tách biệt những gì đã nói. Trong phần nói tách biệt này có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần thiếu duyên chỉ có nhân thì không có sức. Hai là thiếu nhân chỉ có duyên thì không có sức. Ba là nhân duyên đầy đủ thì thành tựu trọn vẹn.

Thiếu duyên chỉ có nhân thì không có sức, là ví như tuy tánh lửa trong gỗ từ xưa đến nay có lửa tiềm ẩn, nếu không nhờ vào phương tiện thì không thể lấy được lửa. Như vậy, tuy tánh Như Lai trong tạng vô minh, từ xưa đến nay có tâm của tự tánh thanh tịnh, mà không cần dụng công tu hành thì không thể thành Phật được. Như Bốn Luận nói: “Tuy có sức mạnh huân tập của chánh nhân nếu không gặp được chư Phật - Bồ-tát cùng các vị thiện tri thức, lấy đó làm duyên để có thể tự mình đoạn trừ phiền não, hội nhập Niết-bàn thì điều này không hợp lý”.

Thiếu nhân chỉ có duyên thì không có sức, là ví như có người tuy đầy đủ mọi phương tiện, mà trong cây củi kia nếu không có tánh lửa thì cuối cùng không có được ngọn lửa. Như vậy, tất cả mọi hành giả tuy có tu hành vô số phương tiện, mà trong tâm chúng sanh nếu không có Phật tánh của Bồn giác, thì cuối cùng không thành Phật được. Như Bốn Luận nói: “Nếu như tuy có sức mạnh của ngoại duyên, mà pháp thanh tịnh bên trong chưa có sức mạnh huân tập, thì cũng không thể nào đạt chán ngán tốt cùng nỗi khổ sanh tử, mong cầu niềm vui Niết-bàn”. Nhân duyên đầy đủ thì thành tựu trọn vẹn, là ví như trong cây gỗ có tánh lửa, đủ phương tiện làm ra lửa, thì lửa xuất hiện, đốt tay không còn sót lại gì. Nhân duyên đầy đủ ấy cũng lại như vậy, Phật tánh của Bồn giác có ở bên trong, hợp với bên ngoài có đủ công năng của sự tu hành, nhân của trăm hạnh trọn vẹn, quả của vạn đức đầy đủ, ba trí đều thực hành - bốn đức cùng thông suốt. Như Bốn Luận nói: “Nếu như nhân duyên đầy đủ, thì đó gọi là tự mình có sức mạnh của sự huân tập, lại được chư Phật và các vị Bồ-tát từ bi gia hộ, nên có thể dấy lên tâm chán ngán nỗi khổ, tin có Niết-bàn và nỗ lực tu tập thiện căn, do sự tu tập thiện căn được thành tựu, vì thế được gặp chư Phật và các bậc Bồ-tát chỉ dạy khiến vui mừng được lợi ích, mới có thể tiến lên hưởng đến đạo lý Niết-bàn”.

Đã nói về phần nêu tổng quát về phép tắc quyết định. Tiếp theo nói về phần duyên theo tướng phân tán chỉ rõ phát sanh kiến giải. Trong phần này có hai cách nói. Thế nào là hai cách? Một là nói tổng quát. Hai là nói tách biệt. Ở trong cách nói tổng quát có hai ý. Thế nào là hai

ý? Một là chủ thể duyên. Hai là đối tượng duyên. Nói về chủ thể duyên, đó chính là Ứng hóa thân, vì có năng lực giúp cho chúng sanh tạo tác thành tựu cảnh giới của Bốn giác. Như Bốn Luận nói: “Dụng huân tập ấy”. Nói về đối tượng duyên, đó chính là chúng sanh giới, là những hạng chúng sanh được hết thảy chư Phật giáo hóa. Như Bốn Luận nói: “Chính là lực ngoại duyên của chúng sanh”.

Ở trong cách nói tách biệt có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là duyên có chọn lựa. Hai là duyên không chọn lựa. Như Bốn Luận nói: Ngoại duyên như thế có vô lượng nghĩa. Lược nêu hai loại: Một là duyên sai biệt. Hai là duyên bình đẳng. Nói là duyên có chọn lựa có hai ý. Thế nào là hai ý? Một là người là chủ thể duyên. Hai là cảnh là đối tượng duyên. Người là chủ thể duyên thì phạm vi phần vị đó thế nào? Đó gọi là phát tâm lấy làm ban đầu của phần vị, địa Như Lai để làm phần vị sau cùng, có năng lực thực hiện duyên này. Cảnh là đối tượng duyên thì phạm vi phần vị đó thế nào? Đó là nối thông giữa hai loại chúng sanh thuộc tụ định tà và tụ bất định, tiếp đến nối thông với tụ chánh định. Như Bốn Luận nói: “Duyên sai biệt, là người này dựa vào chư Phật và các vị Bồ-tát, từ lúc mới phát tâm bắt đầu cầu đạo cho đến lúc được thành Phật, ở trong thời gian đó hoặc thấy, hoặc nhớ nghĩ, hoặc làm bà con thân thích, cha mẹ anh chị với nhau, hoặc làm tôi tớ phục dịch, hoặc làm bạn bè quen biết, hoặc làm kẻ thù với nhau, hoặc thực hiện bốn sự nhiếp hóa, cho đến tất cả mọi duyên tố đã làm thành vô lượng công hạnh, dùng năng lực huân tập khởi tâm đại bi, luôn làm cho chúng sanh tăng trưởng thiện căn, hoặc thấy hoặc nghe đều được lợi ích”.

Từ đây xuống dưới là trình bày về sự sai biệt giữa thiện căn đã thành thực và chưa thành thực. Nghĩa là có chúng sanh đã thành thực thiện căn, thì thân Ứng hóa liền đúng lúc nhanh chóng khiến được độ thoát. Cũng có chúng sanh chưa thành thực thiện căn, thì thân Ứng hóa thuận theo thời gian lâu dài khiến được độ thoát. Như Bốn Luận nói: “Duyên này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là duyên gần, vì nhanh chóng được cứu độ. Hai là duyên xa, vì về lâu dài mà được độ thoát”.

Từ đây tiếp xuống đối với duyên gần hay xa đều mở ra làm hai duyên, biểu hiện rõ về tướng sai biệt của nhân quả. Thế nào là hai duyên? Một là thêm duyên về nhân. Hai là thêm duyên về quả. Thêm duyên về nhân, là hai loại duyên kia mỗi một loại đều có tăng trưởng về quả viên mãn ở địa Như Lai. Như bản văn nói: “Hai duyên gần - xa

này phân biệt lại có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là duyên tăng trưởng hành. Hai là duyên nhận được đạo”.

Đã nói về duyên có chọn lựa, tiếp đến nói về duyên không chọn lựa. Ở trong văn này đã có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là Tổng. Hai là Biệt. Trong phần tổng thuyết nói về duyên bình đẳng, là hết thấy chư Phật và Bồ-tát đều nguyện độ thoát tất cả chúng sanh, tự nhiên huân tập luôn không xả bỏ, đó chính là duyên vào từ bi nguyện lực. Điều ấy có nghĩa là hết thấy chư Phật, Bồ-tát, đối với tất cả mọi lúc, ở tại tất cả mọi nơi, luôn huân tập thích hợp với tất cả vô lượng các chúng sanh, để có thể làm thành cảnh giới, phát khởi sức lực của thiện căn đang tiềm ẩn luôn không rời bỏ. Do trí lực cùng một thể, thuận theo mọi sự thấy nghe hiện rõ hành mọi việc, ấy chính là hành thật. Đó là Ứng hóa Phật nói ở trước, dùng lực tự tại vô ngại thuận theo chuyển hóa, tùy thời gian - tùy xứ sở - tùy thích hợp - tùy sự việc - tùy ưa thích, thuận theo Như Như, biểu hiện rõ tám loại nghiệp dụng lợi ích, giáo hóa chúng sanh không có chúng sanh nào còn sót. Nói chúng sanh dựa vào Tam-muội mới được bình đẳng thấy chư Phật, đó chính là biểu hiện rõ về cách nhìn đối với chánh pháp của Phật. Nghĩa là hết thấy chư Phật xuất hiện giữa cõi chúng sanh, ví như mây lông ở giữa cái sừng, trùng trùng vô số không thể nói về đời kiếp được. Như vậy, tuy có vô lượng vô biên, nhưng nếu như không tu tập Xa-ma-tha (pháp Chỉ) thì quyết không thấy được Phật. Vì vậy hết thấy các vị Bồ-tát phát tâm rồi tiếp tục dùng lực Tam-muội quán thấy thân pháp tánh của chư Phật, bình đẳng và hoàn toàn bình đẳng không có sai biệt, cùng một Chân như - cùng một Pháp thân, khác nhau chỉ vì thấy mình, chứ Ngã tự nhiên không có sai khác. Vì vậy nói là bình đẳng thấy Phật.

Đã nói về phần tổng thuyết, tiếp đến nói về phần biệt thuyết. Ở trong phần này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là chưa đi vào chánh vị. Hai là đã đi vào chánh vị.

Thế nào gọi là chưa đi vào chánh vị? Nghĩa là phàm phu Thập Tín - tất cả Nhị thừa - ba Hiền và Bồ-tát..., chưa đạt được trí chánh thể, chưa chứng đến trí hậu đắc, chưa chứng được như lý. Như Bốn Luận nói: “Thể dụng huân tập này phân biệt lại có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là chưa được tương ứng, nghĩa là phàm phu, Nhị thừa và các vị Bồ-tát mới phát tâm, dùng ý và ý thức huân tập, dựa vào tín lực để tu hành, nhưng chưa đạt được tâm không phân biệt tương ứng cùng với thể, chưa đạt đến sự tu hành nghiệp tự tại tương ứng cùng với dụng”.

Thế nào gọi là đã đi vào chánh vị? Nghĩa là hàng Bồ-tát Thập Địa

ở trong đạt được chánh Trí, ở ngoài đạt được hậu trí, một phần trí dụng đồng đẳng với Như Lai, chỉ căn cứ vào lực huân tập vốn có tự nhiên tu hành, tăng trưởng Chân như và luôn diệt trừ vô minh. Như Bồ đề Luận nói: “Hai là đã được tương ứng, nghĩa là Bồ đề-tát pháp thân đạt được sự tu hành nghiệp tự tại tương ứng cùng với trí dụng, chỉ dựa vào pháp lực tự nhiên tu hành, huân tập Chân như diệt trừ vô minh”.

Đã nói về phần phân tích nói chi tiết, tiếp đến nói về phần sai khác giữa tận và bất tận. Phần này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ tất cả pháp vọng trái với đạo lý nên không có bắt đầu mà có kết thúc. Tất cả pháp tịnh khế hợp đạo lý nên có bắt đầu mà không có kết thúc. Và lại, vì muốn biểu hiện rõ về hai pháp Chân - Vọng, rất trái ngược nhau nên không thể cùng thực hành. Hơn nữa, vì muốn biểu hiện rõ hai pháp Chân - Vọng không hề có sự hơn kém, thể tướng đó như nhau không hề có rộng hẹp nên nghiệp dụng tạo ra đó giống nhau. Như Bồ đề Luận nói: “Vả lại, pháp nhiệm từ vô thủy đến nay không ngừng huân tập, cho đến sau khi được thành Phật thì có sự chấm dứt. Pháp tịnh huân tập thì không có gì đoạn dứt và tận cùng thời gian vị lai. Nghĩa này là thế nào? Vì pháp Chân như luôn huân tập, tâm vọng sẽ diệt trừ mà Pháp thân hiển lộ sáng rõ, khởi lên dụng huân tập nên không có đoạn dứt”.



LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 6

Từ trước đến đây, đã nói về phần quyết trạch nghĩa các pháp nhiệm - tịnh huân tập lẫn nhau phát sinh lẫn nhau không hề gián đoạn. Từ đây xuống dưới là phân tích biểu hiện rõ ba loại nghĩa về đại trong môn sanh diệt.

Bốn Luận nói: Lại nữa, thể tướng của Chân như, hết thảy phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật không hề có sự tăng giảm, không phải là thời gian trước sanh ra, không phải là thời gian sau diệt, hoàn toàn thường có, không biến đổi, từ xưa đến nay chỉ là tánh tự nhiên đầy đủ tất cả các công đức. Đó gọi là nghĩa của tự thể có đại trí tuệ quang minh, là nghĩa của soi sáng khắp pháp giới, là nghĩa của bốn đức thường lạc ngã tịnh, là nghĩa của thể tánh trong sáng mát mẻ tự tại bất biến, có đầy đủ pháp Phật bất ly, bất đoạn, bất dị, bất tư nghị, vượt quá hằng hà sa số như vậy, cho đến đầy đủ không hề có nghĩa nào thiếu sót, nên gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là Pháp thân Như Lai.

Hỏi: Trước đây nói về Chân như, thể đó bình đẳng xa rời tất cả các tướng, tại sao lại nói thể có các loại công đức như vậy?

Đáp: Tuy thật sự có nghĩa về các công đức này, nhưng không có tướng trạng sai biệt, bình đẳng cùng một vị và chỉ có một Chân như. Nghĩa này là thế nào? Vì không có phân biệt và xa rời tướng trạng phân biệt, vì thế nên không có hại.

Lại vì nghĩa nào có thể nói là sai biệt? Vì dựa vào tướng sanh diệt của thức nghiệp để chỉ ra. Điều này chỉ ra thế nào? Do tất cả các pháp vốn có chỉ do tâm chứ thật sự không hề do niệm, nhưng có tâm vọng không hiểu biết dấy lên niệm vọng thấy các cảnh giới, nên nói là vô minh. Tánh của tâm không dấy động, chính là nghĩa của đại trí tuệ quang minh. Nếu tâm khởi lên cái thấy thì phát sinh tướng không thấy, tánh của tâm xa rời cái thấy chính là nghĩa của soi sáng khắp pháp giới. Nếu

tâm có biến động thì không phải là sự nhận thức chân thật, không hề có tự tánh, không phải thường, không phải lạc, không phải ngã, không phải tịnh, nóng bức, phiền muộn, suy yếu biến hoại thì không thể tự tại, cho đến có đủ các nghĩa của nhiễm vọng nhiều hơn cả số hằng sa. Đối lại nghĩa này nên tánh của tâm không có biến động, thì nghĩa có các tướng công đức thanh tịnh nhiều hơn số hằng hà sa được hiện rõ. Nếu tâm dấy lên, lại thấy có pháp trước đây có thể nghĩ đến, thì có những thiếu sót. Pháp thanh tịnh như vậy có vô lượng công đức, chính là một tâm lại không có pháp nơi đối tượng niệm, vì thế đầy đủ, gọi là Pháp thân, Như Lai tạng. Vả lại, dụng của Chân như, đó là hết thảy chư Phật ban đầu ở tại nhân địa, phát tâm đại từ bi tu tập các pháp Ba-la-mật, tiếp nhận giáo hóa chúng sanh, lập nên đại thế nguyện, mong muốn độ thoát cho tất cả các loài, cũng không hạn định số kiếp tận cùng thời gian vị lai, vì coi tất cả chúng sanh giống như chính bản thân mình, nhưng cũng không giữ lấy sắc tướng của chúng sanh. Ở đây do nghĩa gì? Nghĩa là biết như thật về tất cả chúng sanh cùng với bản thân mình có Chân như bình đẳng, không có sai khác. Vì có trí đại phương tiện như vậy, trừ diệt vô minh thấy được Pháp thân vốn có, tự nhiên phát sinh các loại tác dụng của nghiệp không thể nghĩ bàn, cùng với Chân như bình đẳng hiện bày khắp tất cả mọi nơi, nhưng cũng không có tướng dụng nào có thể đạt được. Tại sao? Vì chư Phật Như Lai chỉ là Pháp thân, là thân của tướng trí, là đệ nhất nghĩa đế, không hề có cảnh giới của thế tục đế và xa rời mọi sự tạo tác, nhưng tùy theo chúng sanh thấy nghe có được lợi ích nên nói là dụng. Dụng này lại có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là dựa vào thức phân biệt sự, thân Phật mà tâm phàm phu, Nhị thừa nhìn thấy được gọi là ứng thân, vì không biết là từ thức chuyển hiện bày, thấy là đến từ bên ngoài, giữ lấy giới hạn trong phạm vi của sắc tướng nên không thể biết hết được. Hai là dựa vào thức nghiệp, nghĩa là các vị Bồ-tát từ mới phát tâm, cho đến Bồ-tát ở địa cuối cùng, thân Phật mà tâm đã nhìn thấy được gọi là Báo thân. Thân này có vô lượng sắc, sắc có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, dựa vào quả vị đã an trú cũng có vô lượng các loại trang nghiêm, tùy theo những nơi thị hiện, lập tức không có giới hạn nào không thể cùng tận, xa rời tướng giới hạn phạm vi, tùy theo những nơi thích ứng, luôn có năng lực giữ gìn chắc chắn, không thể hủy hoại, không thể mất đi. Công đức như vậy đều nhờ vào các Ba-la-mật cùng hành vô lậu huân tập, và thành tựu được sự huân tập không thể nghĩ bàn, đầy đủ vô lượng tướng trạng an lạc nên nói là Báo.

Lại nữa, thân Phật mà phàm phu thấy được ấy là sắc thân thô của Phật, tùy theo sáu đường chúng sanh đều trông thấy không như nhau, rất nhiều chủng loại khác nhau, không phải là tướng tiếp nhận an lạc nên nói là Ứng. Vả lại, thân Phật mà hàng Bồ-tát mới phát tâm nhìn thấy, là vì tin sâu vào pháp Chân như, nhìn thấy phần ít, biết các sự việc về sắc tướng trang nghiêm kia, không đi không đến, xa rời mọi giới hạn phạm vi, chỉ dựa vào tâm hiện rõ mà không xa rời Chân như. Nhưng hàng Bồ-tát này hãy còn tự phân biệt, vì chưa đi vào phần vị Pháp thân. Nếu đạt được tâm thanh tịnh nhìn thấy sắc thân vi diệu thì cái dụng đó chuyển sang thù thắng, cho đến địa Bồ-tát cuối cùng sẽ thấy được sắc thân cứu cánh. Nếu xa rời thức nghiệp thì không có tướng để thấy, vì Pháp thân của chư Phật không có sắc tướng bên này bên kia thay đổi trông thấy lẫn nhau.

Hỏi: Nếu Pháp thân của chư Phật xa rời sắc tướng, thì tại sao luôn hiện rõ sắc tướng?

Đáp: Chính Pháp thân này là thể của sắc nên luôn hiện rõ nơi Sắc tướng. Điều ấy gọi là từ xưa đến nay sắc và tâm chỉ là một, vì tánh sắc tức là trí, thể của sắc vô hình nói là trí thân, vì tánh trí chính là sắc, nên nói là Pháp thân. Sắc đã hiện rõ khắp tất mọi nơi không hề có phạm vi giới hạn, tùy theo tâm có năng lực hiện bày khắp mười phương thế giới, vô lượng Bồ-tát, vô lượng Báo thân, vô lượng trang nghiêm, tất cả đều sai biệt, đều không có phạm vi giới hạn, nhưng không ngăn ngại nhau. Điều này không phải là tâm thức phân biệt có thể biết được, vì đây chính là nghĩa về tác dụng tự tại của Chân như”.

Luận giải thích: Ngay trong văn này tự có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần biểu hiện rõ về nghĩa của tự thể đại. Hai là phần biểu hiện rõ về nghĩa của tự tướng đại. Ba là phần biểu hiện rõ về nghĩa của tự dụng đại. Trong nghĩa về Đại thứ nhất có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là năm người bình đẳng. Hai là thời gian không chuyển. Đây gọi là hai phần. Trong nghĩa về Đại thứ hai có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là công đức viên mãn. Hai là hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Ba là giải thích riêng, nói rộng. Đây gọi là ba phần. Trong nghĩa về Đại thứ ba tự có sáu phần. Thế nào là sáu phần? Một là bốn nguyện vô tận. Hai là ly tướng không đấm. Ba là chủ thể - đối tượng bình đẳng. Bốn là vô tướng hiện ứng. Năm là tùy theo thấy thô tế. Sáu là hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Đây gọi là sáu phần. Nay sẽ giải thích như thứ tự đó để nói rõ chi tiết, người thông minh nhanh nhạy hãy xem xét suy nghĩ để chọn lấy. Hơn nữa, tự thể tướng của Chân như, đó chính là nêu tổng

quát hai nghĩa về thể - tướng. Từ đây xuống dưới sẽ giải thích riêng để nói chi tiết. Thứ nhất nói về thể đại. Thế nào là năm người bình đẳng? Nghĩa là tự thể của Chân như nối thông với năm người, vì bình đẳng hoàn toàn bình đẳng không có sai biệt. Thế nào gọi là năm loại người giả định? Một là phàm phu. Hai là Thanh văn. Ba là Duyên giác. Bốn là Bồ-tát. Năm là Như Lai. Đây gọi là năm người giả định. Năm tên gọi như vậy, con người tất nhiên là có năm mà Chân như đương nhiên chỉ có một. Vì sao? Vì tự thể của Chân như không có tăng giảm, cũng không có lớn - nhỏ, cũng không có bên có - bên không, cũng không có ở giữa - hai bên, cũng không có đi - đến, từ xưa đến nay một tự thành một, như nhau tự làm như nhau, chán khác nhau bỏ phân biệt chỉ có một Chân như. Vì vậy trong Kinh Chư Pháp Chân Như Nhất Tướng Tam Muội giải thích như vậy: “Ví như kim cang làm hình tượng của năm loại, năm người bình đẳng cũng lại như vậy. Vì ở trong các người ấy không có gì tăng giảm”. Như Bốn Luận nói: “Hết thủy phàm phu, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật không hề có sự tăng giảm”. Thế nào gọi là thời gian không chuyển? Nghĩa là tự thể của Chân như, tự nhiên thường trú quyết định bất biến, ba đời không biến động, bốn tướng không chuyển dời, tịch diệt lại tịch diệt, chân thật thêm chân thật. Như Bốn Luận nói: “Không phải là thời gian trước sanh ra, không phải là thời gian sau diệt, hoàn toàn thường có không biến đổi”.

Đã nói về phần biểu hiện rõ nghĩa của tự thể đại. Tiếp theo nói về phần biểu hiện rõ nghĩa của tự tướng đại. Phần công đức viên mãn thì tướng đó thế nào? Nghĩa là trong chân thể viên mãn tất cả mọi công đức không có gì thiếu sót. Công đức như thế nào? Đó gọi là công đức của sáu loại nghĩa về tánh. Thế nào là sáu loại?

Một là nghĩa về đại trí tuệ quang minh, vì Bốn giác Bát nhã có năng lực loại trừ đêm tối của vô minh, ở trong kinh gọi là nghĩa về Quảng đại viên mãn thù thắng bát nhã thật trí quang minh tánh. Hai là nghĩa về soi sáng khắp pháp giới, vì Bốn giác Bát nhã soi chiếu đến nguồn gốc của một pháp giới, ở trong kinh gọi là Châu biến thông đạt nhất pháp giới tạng tự nhiên tánh.

Ba là nghĩa về sự nhận thức chân thật, vì Bốn giác Bát-nhã rời xa sự hiểu biết suy lường giả dối, ở trong kinh gọi là nghĩa về Ly vọng tưởng giải quyết định liễu tri thật tế thật tánh.

Bốn là nghĩa về tự tánh tâm thanh tịnh, vì Bốn giác Bát nhã tự nhiên vốn có vô lượng tánh công đức chứ không phải đạt được nhờ sức lực nơi khác, rời xa trần lụy hợp với sự trung thật, ở trong kinh gọi là

nghĩa về Bốn hữu minh bạch ly biên trung trung tánh.

Năm là nghĩa về thường lạc ngã tịnh, vì Bốn giác và Thử giác từ vô thỉ đến nay rời xa bốn chướng, viên mãn bốn loại đức tự nhiên, ở trong kinh gọi là nghĩa về Như-lai chánh giác tự nhiên tánh đức viên ly viêm huyễn bất tu hành tánh.

Sáu là nghĩa về thể tánh trong sáng mát mẻ tự tại bất biến, vì hai loại Bốn giác ví như hai phía Nam - Bắc của đài gương sáng vốn có tùy thuận và trái ngược lẫn nhau, ở trong kinh gọi là nghĩa về Cụ túc tùy thuận nghịch vi vô ngại đà la ni toàn biến tánh. Đây gọi là sáu nghĩa.

Tự thể có đại trí tuệ quang minh, như Bốn Luận nói: “Từ xưa đến nay tánh tự có đầy đủ tất cả công đức. Đó gọi là nghĩa của thể tánh trong sáng mát mẻ tự tại bất biến”. Trong Kinh Quảng Đại Viên Mãn Tự Tánh Bốn Đức giải thích như vậy: “Tự tánh công đức, tên gọi của số này có mười bảy loại, ở trong hai loại đầu mỗi loại phân ra hai, ở trong hai loại tiếp theo mỗi loại phân ra ba, ở trong hai loại sau như thứ tự đó phân ra bốn và ba”. Lại nữa, trong Kinh Thanh Tịnh Tâm Địa Vô Cấu Đà La Ni giải thích như vậy: “Tự tánh công đức, tên gọi của số này có hai mươi lăm loại, trong một công đức cuối cùng phân ra mười một loại”. Như vậy, tướng riêng của ba số thế nào? Tên gọi số vốn có trong Luận Ma-ha-diễn của Bồ-tát Mã Minh, vì muốn biểu hiện rõ về tướng tổng trì nên lược bớt tên gọi, mở rộng nghĩa lý, nên thu tóm chi tiết tổng quát lập thành sáu loại. Vả lại, vốn dựa vào bản khác nói về tổng trì. Hơn nữa, số tên gọi nhiều làm cho không phân biệt được đâu là chân thật, vì nghĩa này nên tổng quát lập thành sáu loại. Nói là mười bảy loại thì tên gọi thế nào? Đó là:

1. Nghĩa về đại trí tuệ.
2. Nghĩa về đại quang minh.
3. Nghĩa về biến nhất pháp giới.
4. Nghĩa về chiếu nhất pháp giới.
5. Nghĩa về chân thật.
6. Nghĩa về thức.
7. Nghĩa về tri.
8. Nghĩa về tự tánh.
9. Nghĩa về thanh tịnh.
10. Nghĩa về tâm.
11. Nghĩa về thường.
12. Nghĩa về lạc.
13. Nghĩa về ngã.

14. Nghĩa về tịnh.
15. Nghĩa về bất.
16. Nghĩa về biến.
17. Nghĩa về tự tại.

Đây gọi là mười bảy loại. Nói là hai mươi lăm loại thì tên gọi thế nào? Đó là trong công đức có nghĩa về Bất ở số trước phân ra tám loại, trong công đức có nghĩa về Biến phân ra hai loại. Nói là hai Biến thì một là Thượng lưu chuyển biến. Hai là Hạ lưu chuyển biến. Nói về tám Bất thì như trong Luận Trung Quán nói rõ.

Đã nói về phần số lượng công đức có tên gọi. Tiếp theo nói về phần công đức vượt qua số lượng, không tên gọi. Tự tánh công đức trong thể của Bốn giác là vô lượng vô biên, xa rời mọi ngôn từ số lượng, vượt qua mọi tâm hành. Vì nghĩa nào mà chỉ đối với số lượng dấy lên phân tích như vậy? Do công đức vốn có tuy không hề có số lượng mà không ra ngoài ba số, vì thế nêu ra số căn bản. Như Bốn Luận nói: “Đây đủ như vậy vượt quá hằng hà sa số”. Như thế, vô lượng vô biên công đức tất cả đều có thể tương riêng khác sao? Chỉ một tâm lượng chứ không có thể pháp nào sai khác, chỉ một tâm lượng hoàn toàn không xa rời tâm. Vì sao? Vì tâm pháp tuy là một nhưng lại có hai loại tác dụng tự tại của Đà-la-ni. Thế nào là hai loại? Một là bản thân không xa rời Đà-la-ni tự tại kia. Hai là nơi kia không xa rời Đà-la-ni tự tại của mình. Như Bốn Luận nói: “Bất ly”. Tánh đức như vậy từ vô thủy đến nay, luôn có một cách kỳ diệu chứ không phải là pháp bị loại trừ. Vì sao? Vì tự tánh chỉ là tự tánh chứ không phải là cùng với tánh khác. Như Bốn Luận nói: “Bất đoạn”. Như vậy, tất cả mọi công đức chỉ có một tự làm thành một, cuối cùng khác với tự mình không thể làm thành một được. Vì sao? Vì đồng một pháp giới. Như Bốn Luận nói: “Bất dị”. Lý sâu xa như vậy thì tâm của tất cả Bồ-tát - tất cả Nhị thừa - tất cả phàm phu không thể tư duy, ngôn từ không thể luận bàn số lượng được, tuyệt vời càng tuyệt vời hơn, xa xăm lại xa xăm hơn. Như Bốn Luận nói: “Bất tư nghị”. Cảnh giới nói năng, suy nghĩ không phải của ba người, thì của người nào? Chỉ có bậc Đại Giác mới chính là phép tắc mẫu mực cho chính mình. Như Bốn Luận nói: “Pháp Phật”. Vô lượng tánh công đức như vậy, từ địa phàm phu (Cụ phước) cho đến địa Đại giác trí vô thượng, hoàn toàn viên mãn không có thiếu sót. Vì sao? Vì các công đức như thế từ vô thủy đến nay vốn tự nhiên, chứ không phải mượn sức lực của duyên mà kiến lập. Như Bốn Luận nói: “Cho đến đây đủ không có nghĩa nào thiếu sót, vì thế gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là Pháp thân Như Lai”.

Đã nói về phần công đức viên mãn, tiếp đến nói về phần hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Ở đây có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần phát khởi lược hỏi để chất vấn. Hai là phần phát khởi trả lời rộng để giải thích. Hỏi là có ý chất vấn về tướng đó thế nào? Nghĩa là vì xét kỹ lý lẽ thì văn trình bày trái ngược nhau - trước sau lẫn lộn. Văn trước sau trái ngược nhau thế nào? Đó là trong phần quyết trạch Chân Như giải thích như vậy: “Tâm Chân như, đó chính là thể đại nơi pháp môn tổng tướng của một pháp giới, đó gọi là tâm tánh bất sanh bất diệt, tất cả các pháp chỉ dựa vào niệm vọng mà có sai biệt. Nếu xa rời tâm niệm thì không có tướng của tất cả mọi cảnh giới, vì vậy tất cả các pháp từ xưa đến nay lia tướng ngôn thuyết, lia tướng danh tự, lia tướng tâm duyên, hoàn toàn bình đẳng không có biến dị, không thể hủy hoại, chỉ là một tâm nên gọi là Chân như”. Trong phần quyết trạch về nghĩa của tự tướng đại giải thích như vậy: “Từ xưa đến nay tánh tự nhiên đầy đủ tất cả các công đức, điều đó gọi là tự thể có nghĩa đại trí tuệ quang minh, là nghĩa của tự tánh tâm thanh tịnh, là nghĩa của bốn đức thường lạc ngã tịnh, là nghĩa của thể tánh trong sáng mát mẻ tự tại bất biến, có đầy đủ pháp Phật bất ly, bất đoạn, bất dị, bất tư nghị, vượt quá hàng hà sa số như vậy, cho đến đầy đủ không có nghĩa nào thiếu sót, vì thế gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là Pháp thân Như Lai”. Trái ngược nhau như vậy nên lấy đó để chất vấn. Như Bốn Luận nói: “Hỏi: Trước đây nói về Chân như, thể đó bình đẳng xa rời tất cả các tướng, tại sao lại nói thể có các loại công đức như vậy?”

Đã nói về phần phát khởi lược hỏi để chất vấn, tiếp theo nói về phần phát khởi trả lời rộng để giải thích. Ở đây tức có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần tổng. Hai là phần biệt. Trong phần tổng lại có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là tổng của Chân như. Hai là tổng của sanh diệt. Như thứ tự đã nói về tướng có thể thấy. Đáp: Tuy thật sự có các nghĩa về các công đức này, nhưng không có tướng trạng sai biệt, bình đẳng cùng một vị và chỉ có một Chân như. Đây chính là phần tổng về Chân như, nghĩa là tuy trong phần nghĩa về tự tướng đại giải thích như vậy, vốn có các loại công đức vượt quá hàng sa số, nhưng là số lượng giới hạn giới hạn nơi môn sanh diệt, chứ không phải là môn Chân như. Trong môn Chân như không có tướng sai biệt, bình đẳng và hoàn toàn bình đẳng cùng một tướng vị như nhau, chỉ có một pháp giới thanh tịnh là Chân như. Do nghĩa này nên không hề sai lầm trái ngược nhau.

Từ đây xuống dưới đưa ra nguyên nhân đó để giải quyết chấm dứt

mọi nghi hoặc. Vì không có phân biệt và lia tướng phân biệt nên không khác nhau, vì trong môn Chân như chỉ có hoàn toàn như nhau chứ không có phân biệt khác nhau. Từ đây xuống dưới giải thích tổng quát về sanh diệt. Ở trong văn này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là hỏi. Hai là đáp. Vì có mở rộng và tóm lược, do đó hai tầng hỏi - đáp không giống nhau, cần phải biết.

Tầng hỏi - đáp thứ nhất, tướng đó thế nào và lại vì nghĩa nào mà được nói là sai biệt, đây chính là câu hỏi mở. Nói là nếu các pháp từ xưa đến nay, bình đẳng và hoàn toàn bình đẳng, cùng một tướng một vị như nhau, chỉ có một chân lý chứ không có hai thể, thì lại có pháp nào không phải là bình đẳng. Dựa vào điều đó để kiến lập sai biệt, tức là đưa ra phần khác nhau để nghi vấn về phần khác nhau. Từ đây xuống dưới là phát khởi trả lời giải thích để giải quyết chấm dứt nghi vấn này, trong văn có thể thấy rõ. “Do dựa vào thức nghiệp mà tướng sanh diệt bày ra”, đó chính là câu trả lời tổng quát. Nghĩa là trong môn Chân như không có những pháp nhiệm nhiều vô số kể làm đối tượng được đối trị, không có những pháp tịnh nhiều vô số kể làm chủ thể đối trị để đối nhau về lượng. Nên trong môn Chân như được nói như vậy: “Tất cả pháp bình đẳng, hoàn toàn bình đẳng, một vị một tướng, không có hai thể. Mà vô số, vô biên các pháp nhiệm đối tượng được đối trị, trong môn sanh diệt cùng với các pháp tịnh chủ thể đối trị cũng vô lượng vô biên, vì thế trong môn sanh diệt giải thích như vậy: “Nơi thể của Bốn giác vốn có các loại công đức, vô lượng vô biên vượt quá hàng sa số...” Đây chính là ý về đại. Tiếp theo sẽ giải thích riêng để nói chi tiết. Nói là nương tựa chính là trú địa của vô minh căn bản, là nơi nương tựa của tất cả mọi pháp nhiệm. Nói là nghiệp chính là tướng nghiệp. Nói là thức chính là các thức chuyển v.v... Tướng sanh diệt là tên gọi chung của môn loại. Nói là chỉ ra là biểu hiện rõ trái ngược nhau. Chữ Dĩ trong này có nghĩa từ xa lưu chuyển thuận theo đến với ba chữ, ba pháp như vậy khởi lên công đức, đó chính là nguyên nhân.

Đã nói về phần giải thích tóm lược, tiếp theo nói về phần giải thích rộng.

Ở trong phần này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là hỏi. Hai là đáp. Trong này thì hỏi tóm lược mà đáp sẽ mở rộng nên biết. “Ở đây chỉ ra thế nào”, đây chính là lời chất vấn. Nghĩa là chất vấn về những lý do của sự việc ấy. Từ đây xuống dưới là trả lời thẳng vào câu hỏi này. Trong phần trả lời giải thích này có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là Tự tông chánh lý. Hai là Phi đạo tà hạnh. Ba là Nêu đủ về lượng đối

nhau. Đây gọi là ba loại. Như thứ tự đó, giải thích tương ứng quán. Vì tất cả các pháp xưa nay chỉ do tâm chứ thật sự không hề do niệm, đây chính là phần thứ nhất là Tự tông chánh lý. Điều ấy nói lên pháp tánh từ vô thỉ đến nay chỉ là một tâm, không có một pháp nào không phải là tâm. Nhưng vì có tâm vọng không hiểu biết dấy lên niệm vọng thấy các cảnh giới nên nói là vô minh, đây chính là phần thứ hai Phi đạo tà hạnh. Đó là tổng quát đưa ra các trú địa vô minh căn cứ vào phần trên. Từ đây xuống dưới trực tiếp biểu hiện đưa ra đầy đủ sự đối đãi về lượng có sai biệt. Như trên đã nói về sáu tướng công đức trong thể của Bốn giác, tất cả đều cần phải quán sát những sai lầm tai hại nào, lấy đó làm đối đãi kiến lập biểu hiện rõ. Điều ấy có nghĩa là vô minh căn bản huân tập đại dương của một tâm, phát khởi các nghiệp cùng đủ loại các thức, che kín ánh sáng của thật trí Bát nhã, tăng thêm bóng tối của sự ngu si mê loạn, tức là phạm vi của vô minh không giác ngộ mà sự sáng suốt tùy theo đó để đối đãi. Tánh của một tâm tịch diệt không dấy lên, chính là an lập công đức về trí tuệ sáng suốt của Bốn giác, kiến lập để biểu hiện rõ. Như Bốn Luận nói: “Tánh của tâm không dấy động, chính là nghĩa của đại trí tuệ quang minh.

Từ đây xuống dưới là biểu hiện công đức thứ hai, nội dung trong văn có thể thấy rõ. Như vậy, tâm vọng khởi lên thấy trái ngược với cảnh, luôn chỉ chuyển đổi trong cảnh hư vọng, không thể thông suốt được cảnh giới chân thật. Vì sao? Do thật và giả trái ngược nhau nên không thích hợp được. Như Bốn Luận nói: “Nếu tâm khởi lên cái thấy thì phát sinh tướng không thấy”. Từ đây xuống dưới trình bày về nghĩa quán sát khắp nơi. Nhưng tâm chân thật thì xa rời cái thấy chuyển đổi nên thông suốt các pháp không đâu không đến được, không có gì không thích hợp, không có gì không tận cùng. Vì sao? Vì trí tuệ chân thật nhìn thấy xa rời cái thấy giới hạn của chủ thể nhận thức và đối tượng được nhận thức. Như Bốn Luận nói: “Tánh của tâm xa rời cái thấy chính là nghĩa của soi sáng khắp pháp giới”.

Từ đây xuống dưới là trình bày về công đức thứ ba. Đó là nếu tâm có tướng động chuyển, chính là trạng thái của vô minh huân tập. Hư vọng chuyển thành sáng suốt và lấy đó để đối đãi, tánh của tâm vắng lặng hoàn toàn không có náo động, chính trực không có sự hiểu biết điên đảo, chính là sự chiếu rọi của trí thật, tùy thuận đạo lý không trái ngược mà kiến lập biểu hiện rõ. Như Bốn Luận nói: “Nếu tâm có biến động thì không phải là sự nhận thức chân thật”.

Từ đây tiếp xuống dưới là biểu hiện công đức thứ tư. Đây là pháp

hư vọng từ vô thỉ đến nay, không có tự thể sáng suốt và lấy đó để đối đãi, kiến lập biểu hiện rõ về tự tánh thanh tịnh vốn có mọi công đức. Như Bốn Luận nói: “Không có tự tánh”.

Từ đây xuống dưới là biểu hiện công đức thứ năm. Đó là nói pháp hư vọng bị chuyển đổi do bốn tướng nên chẳng phải là Thường, ba loại khổ cùng biến chuyển nên chẳng phải là Lạc, hai loại tự tại không có nên chẳng phải là Ngã, một đạo lý thanh tịnh không có nên chẳng phải là Tịnh. Bốn loại sai lầm này lấy làm lượng đối đãi, mà kiến lập biểu hiện rõ bốn loại công đức trong thể của Bốn giác. Như Bốn Luận nói: “Không phải Thường - không phải Lạc - không phải Ngã - không phải Tịnh”.

Từ đây xuống dưới là biểu hiện công đức thứ sáu. Đó là nói vì pháp hư vọng thiêu cháy tâm chân, nên gọi là nóng bức (Nhiệt). Lại là pháp làm não loạn các chúng sanh, vì thế gọi là phiền muộn (Não). Phá hoại, diệt trừ làm thay đổi tánh đức khiến không thể thực hiện, do đó suy yếu biến dạng. Vì sự này nên tất cả chúng sanh không được tự tại, do đó cũng gọi là không thể tự tại. Cần phải quán sát sự này để làm thành đối đãi, kiến lập biểu hiện rõ công đức trong lành tự tại không thay đổi. Như Bốn Luận nói: “Nóng bức phiền muộn suy yếu biến hoại thì không tự tại”.

Từ đây xuống dưới biểu hiện rõ về nghĩa của tướng công đức vô biên. Đó là nói nếu pháp nhiệm đã bị đối trị có vô lượng vô số, thì pháp tịnh có năng lực đối trị cũng vô lượng vô biên. Như Bốn Luận nói: “Cho đến có đủ các nghĩa của nhiệm vọng không kể xiết, đối lại nghĩa này nên tánh của tâm không có biến động, thì nghĩa nêu ra rõ là có các tướng công đức thanh tịnh vượt quá hằng sa số”.

Từ đây xuống dưới là kết luận về công đức viên mãn. Đó là nói nếu một tâm pháp có tướng động chuyển, lại thấy cảnh phía trước xuất hiện có thể duyên, tức có sai biệt của tâm là chủ thể nhìn thấy và cảnh là đối tượng được nhìn thấy, thì công đức của Bốn giác không thể viên mãn, mà tánh đức vốn có tuy vượt quá hằng sa số, nhưng chỉ là một tâm lượng hoàn toàn không có hai thể. Vì sao? Vì các đức như thế, tất cả mỗi đức đều không phân biệt thể của mỗi loại, đối với một pháp giới thì mức lượng đó như nhau, thế nên công đức tự tánh viên mãn. Trong hai phần vị ràng buộc và giải thoát, luôn đầy đủ gọi là Pháp thân, gọi là Như Lai tạng. Như Bốn Luận nói: “Nếu tâm có dấy lên lại thấy pháp trước đây có thể suy niệm, thì có những thiếu sót. Như vậy pháp thanh tịnh có vô lượng công đức, chính là một tâm lại không có pháp được suy niệm”, vì

thế đầy đủ gọi là Pháp thân, Như Lai tạng”. Số lượng nhiệm tịnh quyết trạch bình đẳng dựa vào kinh nào để giải thích vậy? Đó là kinh Văn Thù Sư Lợi Thiện Xảo Phương Tiện Tương Tự Thí Dụ Đại Đà La Ni. Trong kinh ấy giải thích như thế nào? Trong kinh ấy giải thích như sau: “Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi nhờ thần lực của Phật, tức thì nói tụng:

*Ví như A-chỉ-đa
Cây Già-na-thi-đế
Quả cây nhiều vô số
Biểu thật có mười loại
Số lượng pháp nhiệm tịnh
Cũng nên như vậy biết
Hành giả dựa dụ này
Hiểu rõ lý chân - vọng.*

Nay văn kinh này là trình bày về nghĩa gì? Vì muốn chỉ rõ về giả chính là đối đãi thật, chân quyết định nhờ vào pháp vọng, vì không có pháp nào một mình riêng biệt tự tồn tại. Nói là biểu thì dụ cho pháp nào? Đó là dụ cho pháp hư vọng, vì hư vọng giả đối không có thật ví như bên ngoài của quả cây. Nói là thật thì dụ cho pháp nào? Đó là dụ cho pháp chân thật, vì chân thật không có gì giả đối ví như bên trong của quả cây. Thế nào gọi là mười loại đẳng? Đó là:

1. Số đẳng biểu thật, là thích hợp với những số đó.
2. Trần đẳng biểu thật, là ngọn ngành nhỏ phù hợp với những số lượng đó không có sai biệt.
3. Lượng đẳng biểu thật là mức lượng tương ứng hoàn toàn không sai biệt với những mức độ nặng nhẹ.
4. Sắc đẳng biểu thật, là mức lượng xen lẫn cùng với bạch sắc.
5. Hương đẳng biểu thật, là huân tập những hương của nó.
6. Vị đẳng biểu thật, là ăn uống không có sai biệt.
7. Xúc đẳng biểu thật, là thân xúc chạm như nhau không có sai biệt.
8. Bốn đẳng biểu thật, là cùng dựa vào cây cối sinh ra.
9. Câu đẳng biểu thật là nhất thời không có trước sau.
10. Đồng đẳng biểu thật, là cùng chung một vị.

Đây gọi là mười đẳng, vì đưa ra thí dụ hợp cùng với pháp giải thích về tướng rõ nên không cần phải giải thích lại. Vả lại, nếu hàng độn căn không thông hiểu sự việc này, dựa vào thí dụ về công đức đen tối sẽ tùy đó biết được ý về đẳng.

Đã nói về phần biểu hiện rõ về nghĩa của tự tướng đại, tiếp theo

nói về phần biểu hiện rõ nghĩa của tự dụng đại. Trong này có sáu phần, như thứ tự đó nên quán sát kỹ.

Nói về phần bốn nguyện vô tận, là Tăng-na-A-thế-da thanh tịnh, quảng đại viên mãn không biên vực. Nghĩa là các Đức Như Lai trong vô lượng vô biên bất khả tư nghị bất khả xưng lượng vi trần số kiếp, đầy lên tâm đại từ bi bao la như số lượng vi trần khắp mười phương thế giới, tu tập nhân đại viên mãn bao la như số lượng vi trần khắp mười phương thế giới, thấu gồm tất cả mọi chúng sanh mênh mông như số lượng vi trần khắp mười phương thế giới, lập đại thệ nguyện nhiều như số vi trần của mười phương thế giới, thành tựu quả vị đại tự tại tuyệt vời như số lượng vi trần khắp mười phương thế giới. Vì sao? Vì nhận thức chính xác như thật về nghĩa tương tục đồng nhất không sai khác. Như Bốn Luận nói: “Vả lại, dụng của Chân như, đó là hết thảy chư Phật ban đầu ở tại nhân địa, phát tâm đại từ bi, tu tập các pháp Ba-la-mật, tiếp nhận giáo hóa chúng sanh, lập nên đại thệ nguyện, mong muốn độ thoát cho tất cả các loài, cũng không hạn định số kiếp tận cùng thời gian vị lai, vì coi tất cả chúng sanh giống như chính bản thân mình”.

Đã nói về phần bốn nguyện vô tận, tiếp theo nói về phần ly tướng không đấm. Nói về phần ly tướng không đấm, là ở trong những gì đã làm, xa rời những gì đã làm, không sinh ra đấm chấp. Nghĩa là các Đức Như Lai tuy phát tâm đại từ bi vô lượng vô biên thấu tóm hóa độ hết thảy hàng sa chúng sanh, mà các Đức Như Lai không có một Ngài nào lại giữ lấy chúng sanh đã được hóa độ. Vì sao? Vì biết rõ như thật tướng của tất cả chúng sanh cùng với bản thân mình, chỉ có một Chân như - chỉ có một Pháp thân, không có tăng giảm và không hề sai biệt. Như Bốn Luận nói: “Nhưng cũng không giữ lấy sắc tướng chúng sanh. Ở đây do nghĩa gì? Nghĩa là tướng như thật mà biết tất cả chúng sanh cùng với bản thân mình có Chân như bình đẳng”.

Đã nói về phần ly tướng không đấm, tiếp theo nói về phần chủ thể, đối tượng bình đẳng. Nói về phần chủ thể, đối tượng bình đẳng, là vì nhân - pháp - thể - dụng - lý - trí bình đẳng không có sai biệt. Nghĩa là ba thân là Pháp - Báo và Hóa thân, cùng với hai lý về thật thật - giả giả, bình đẳng cùng một thể chẳng hề sai biệt. Tự tánh của thân vốn có và thân thị hiện, bình đẳng cùng một thể chẳng hề sai biệt, chánh trí năng chứng và như lý được chứng là một thể bình đẳng không có sai biệt. Do cùng một thể nên không có hai thể, không có hai thể nên cũng không có một thể, không có hai, không có một và cũng không luôn cả không có. Do nghĩa này nên bốn tánh tự nhiên có đầy đủ mọi công đức mà không

nhờ vào năng lực nào khác. Trong Kinh Thập Thâm Cực Diệu giải thích như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa Đức Phật: Thưa Thế Tôn! Thế nào gọi là tướng dị dị? Thế nào gọi là tướng đồng đồng đồng? Đức Phật nói: Nói là tướng dị dị dị, chính là vô minh. Nói là tướng đồng đồng đồng, chính là pháp trong sáng. Hai pháp như vậy giống như hai sừng của con bò, tướng của đối trị không phải là tiêu tan mà thể giống như hai loại không tuyệt. Vì vậy hai pháp này gọi là chẳng phải quán sát pháp không thật. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền nhờ vào thần lực của Phật, lập tức từ chỗ ngồi đứng lên, thưa Đức Phật: Thưa Thế Tôn! Thế nào gọi là pháp phi quán ngục, tướng đó có thể nói ra hay là không thể nói ra, lấy gì làm phương pháp tương ứng để nhận biết được? Đức Thế Tôn liền bảo Văn-thù-sư-lợi: Trong tất cả các kinh điển Ta giải thích như vậy: Dị là vô minh - Đồng là pháp trong sáng, vì muốn độ thoát cho hạng phàm phu ngu si mà tạm thời giải thích theo cách ấy. Hôm nay vì ông mà nói chân thật về pháp ấy. Nay Văn-thù-sư-lợi! Nói là pháp phi quán ngục, là Đồng và Dị quy về Đồng, Đồng và Đồng quy về Không, Không và Không quy về Tuyệt, cho đến nói rộng”. Như Bốn Luận nói: “Do có trí phương tiện vĩ đại như vậy, trừ diệt vô minh thấy được pháp thân vốn có, tự nhiên phát sinh các loại tác dụng của hành nghiệp không thể nghĩ bàn, thì cùng với Chân như bình đẳng hiện khắp tất cả mọi nơi”.

Đã nói về phần chủ thể, đối tượng bình đẳng, tiếp theo nói về phần vô tướng hiện ứng. Nói về phần vô tướng hiện ứng, là tự tánh của thể rỗng lặng không có hình dạng, có năng lực hiện rõ các hình dạng. Ví như sừng thỏ thì thể của nó rỗng lặng không có, dễ có thể sinh ra tất cả các loại sừng. Nghĩa là Pháp thân của Phật chỉ là một như nhau, chỉ là vắng lặng hoàn toàn, cũng không phải là một như nhau, cũng không phải là vắng lặng hoàn toàn, xử tâm hành diệt, đạo ngôn ngữ đoạn, mà diệt diệt đoạn đoạn chỉ là không làm thành không. Vì sao? Vì hết thấy Như Lai chỉ từ nơi tự thân chứ không có thân nào khác, nhưng các chúng sanh thấy nghe được lợi ích, là từ trong tâm lượng thu được lợi ích, vì trong thể của Pháp thân không có quan hệ gì. Như Bốn Luận nói: “Nhưng cũng không có tướng dụng nào có thể đạt được. Tại sao? Vì chư Phật Như Lai chỉ là Pháp thân, là thân của tướng trí, là đệ nhất nghĩa đế, không hề có cảnh giới của thế tục đế và xa rời mọi sự tạo tác, nhưng tùy theo chúng sanh thấy nghe có được lợi ích nên nói là dụng”.

Đã nói về phần vô tướng hiện ứng, tiếp theo nói về phần tùy thấy thô tế. Ở trong phần này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần

Ứng thân dụng tướng sai biệt. Hai là phần Báo thân dụng tướng sai biệt. Phần đầu nói về gì? Đó là nói hết thấy phàm phu, Nhị thừa, vì không thể hiểu được tông chỉ rất sâu xa của tất cả các pháp, chỉ tùy tùy theo một tâm, dựa vào thức phân biệt sự tướng vọng khắp nơi, thấy Ứng Hóa thân làm thành sự hiểu biết tùy theo bên ngoài, không thể thông suốt, không có phân chia ranh giới chuyển đổi phân biệt. Như Bốn Luận nói: “Dụng này có hai loại, thế nào là hai loại? Một là dựa vào thức phân biệt sự, thân Phật mà tâm phàm phu, Nhị thừa nhìn thấy được gọi là Ứng thân, vì không biết là từ thức chuyển hiện bày, thấy là đến từ bên ngoài, giữ lấy giới hạn trong phạm vi của sắc tướng nên không thể biết hết được”. Phần tiếp theo nói về gì? Đó là nói từ địa sơ tín giải cho đến địa kim cương, tất cả Bồ-tát thông suốt rõ về tông chỉ rất sâu xa của tất cả các pháp, chỉ tùy theo một tâm, dựa vào thức nghiệp ấy thấy Báo thân Phật, dấy lên sự hiểu biết chỉ do thức, thông suốt y và chánh không hề có giới hạn. Như Bốn Luận nói: “Hai là dựa vào thức nghiệp, nghĩa là các vị Bồ-tát từ mới phát tâm, cho đến Bồ-tát ở địa cuối cùng, thân Phật mà tâm đã nhìn thấy gọi là Báo thân. Thân này có vô lượng sắc, sắc có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, dựa vào quả vị đã an trú cũng có vô lượng các loại trang nghiêm, tùy theo những nơi thị hiện, lập tức không có giới hạn nào không thể cùng tận, xa rời tướng giới hạn phạm vi, tùy theo những nơi thích ứng, luôn có năng lực giữ gìn chắc chắn, không thể hủy hoại, không hề mất đi”. Từ đây xuống dưới biểu hiện rõ về tướng sai biệt của Báo thân và Ứng thân. Nói là Báo, là vốn có nhân thắng diệu nhận được kết quả cực lạc, tự nhiên tự tại quyết định an lạc, rời xa tướng khổ đau nên gọi là Báo. Như Bốn Luận nói: “Công đức như vậy đều nhờ vào các Ba-la-mật cùng hạnh vô lậu huân tập, và thành tựu sự huân tập không nghĩ bàn được, đầy đủ vô lượng tướng trạng an lạc nên gọi là Ứng. Nói là Ứng là tùy thuận theo căn cơ mà không trái nghịch nhau, tùy thời, tùy xứ, tùy nẻo mà xuất hiện, không phải tướng an lạc nên gọi là Ứng. Như Bốn Luận nói: “Nhưng thân Phật mà phàm phu thấy được ấy là Sắc thân thô của Phật, tùy theo sáu đường chúng sanh đều trông thấy không như nhau, rất nhiều chủng loại khác nhau, không phải là sắc thái tiếp nhận an lạc nên nói là Ứng”.

Từ đây xuống dưới lại tiếp tục giải thích rõ về những gì đã nói trước đây. Đó gọi là tất cả mọi địa đều thấy thân Phật có tăng giảm sai khác theo địa của mỗi nơi. Nghĩa này là thế nào? Nếu các Bồ-tát ở địa ba Hiền, vì tin Chân như, thấy được một phần Báo thân, quán tướng biết sắc tướng không có giới hạn số lượng, nhưng Bồ-tát này không thể là

khỏi tâm phân biệt. Vì sao? Vì chưa có thể đi vào phần vị Chân như. Như Bốn Luận nói: “Vả lại, thân Phật mà hàng Bồ-tát mới phát tâm nhìn thấy là vì tin sâu vào pháp Chân như, nhìn thấy phần ít, biết các sự việc về sắc tướng trang nghiêm kia, không đi không đến, xa rời mọi giới hạn phạm vi, chỉ dựa vào tâm hiện rõ mà không xa rời Chân như. Nhưng hàng Bồ-tát này hãy còn tự phân biệt, vì chưa đi vào phần vị Pháp thân”. Nếu các vị Bồ-tát đạt đến Thập Địa, thì như thứ tự đó chuyển thành cứu cánh thù thắng. Như Bốn Luận nói: “Nếu đạt được tâm thanh tịnh nhìn thấy sắc thân vi diệu thì cái dụng đó chuyển sang thù thắng, cho đến địa Bồ-tát cuối cùng sẽ thấy được sắc thân cứu cánh”. Nếu trong quả Phật mà thức nghiệp gieo trồng trước đây không có gì, thì chủ thể nhận thức và đối tượng được nhận thức cũng rỗng lặng chẳng có gì. Vì sao? Vì hết thảy chư Phật duy nhất là Chân như và Chân như - bình đẳng và bình đẳng, Pháp thân và Pháp thân - bình đẳng và bình đẳng, không có bên này - không có bên kia, không có mình - không có người, không có lớn - không có nhỏ, không có cao - không có thấp, không cả không và không cả có, mọi hý luận đều sạch hết, suy nghĩ nhận biết cũng rỗng lặng, chỉ một Đại không chân như bổn trí, mặc áo Già già lợi sa na đề, ở tại cung Kiện thi đa đà ma, thân tự tánh ngôi chỉ một mình không có hai. Như Bốn Luận nói: “Nếu xa rời thức nghiệp thì không có tướng để thấy, vì Pháp thân chư Phật không có sắc tướng bên này bên kia thay đổi trông thấy lẫn nhau”. Vì sao trong chương Ứng Thân giải thích như vậy: “Dựa vào thức phân biệt sự mà thấy thân Phật”. Trong chương Báo Thân giải thích như vậy: “Dựa vào thức nghiệp mà thấy thân Phật”. Đó là vì muốn biểu hiện rõ tùy theo thức thô hay tế thì thân Phật nhìn thấy sẽ tùy đó mà hiện bày thô hay tế.

Đã nói về phần tùy thuận thấy thô tế, tiếp theo nói về phần hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Ở phần này có hai vấn đề. Thế nào là hai? Một là hỏi. Hai là đáp. Trong phần trả lời có năm phần. Thế nào là năm? Một là phần Pháp thân xuất hiện sắc tướng. Hai là phần hiển thị hình tướng trí thân. Ba là phần hiển thị hình tướng Pháp thân. Bốn là phần quảng đại viên mãn không ranh giới. Năm là phần thù thắng không thể nghĩ bàn. Đây gọi là năm phần, như thứ tự đó nói về tướng có thể quán sát.

Hỏi: Ý lạc thì tướng đó thế nào? Điều đó là người hỏi dấy lên nghi ngờ như vậy: Hạn định Pháp thân đó có tự thể chân thật, sâu thẳm bất dứt suy nghĩ, vắng lặng đoạn tuyệt tên gọi, thì sắc tướng tác nghiệp do ai mà phát sinh? Trong phần quyết trạch về vô tướng hiện ứng giải thích

như vậy: Pháp thân vô tướng có năng lực hiện rõ sắc tướng. Nếu có năng lực xuất hiện các loại sắc tướng, thì không thể nào nói là Pháp thân không tịch xa rời cương vực của cảnh sắc hình tượng. Nghi ngờ như vậy nên phát khởi câu hỏi này. Như Bốn Luận nói: “Hỏi: Nếu Pháp thân chư Phật xa rời sắc tướng, thì tại sao luôn hiện rõ sắc tướng?”. Từ đây xuống dưới chính là giải quyết nghi ngờ này. Nói về phần Pháp thân xuất hiện sắc tướng, là tự tánh Pháp thân có năng lực làm nơi nương dựa cho sắc tướng, do đó dễ xuất hiện sắc tướng mà không có chướng ngại. Vì sao? Vì sắc pháp là chủ thể nương dựa và tâm pháp là đối tượng được nương dựa, từ vô thủy đến nay bình đẳng và bình đẳng không hề có hai thể, chỉ là một tâm lượng. Như Bốn Luận nói: “Đáp: Chính Pháp thân này là thể của sắc nên luôn hiện rõ nơi sắc tướng. Điều ấy có nghĩa là từ xưa đến nay sắc và tâm không thể là hai”. Nói về phần hiển thị hình tướng trí thân, là dùng trí thân tóm sắc, không có một sắc nào mà không phải là trí, nên gọi là trí thân. Như Bốn Luận nói: “Vì tánh sắc tức là trí, sắc thể vô hình nói là trí thân”. Nói về phần hiển thị hình tướng Pháp thân, là dùng sắc thân gồm trí, không có một trí nào không phải là Sắc, nên gọi là Pháp thân. Như Bốn Luận nói: “Do trí tánh chính là sắc, nên nói là Pháp thân”. Nói về phần quảng đại viên mãn không ranh giới, thì hai thân như vậy đã hiện rõ sắc tướng, bình đẳng khắp nơi trong tất cả cảnh giới chúng sanh, tất cả cảnh giới phi tình, tất cả cảnh giới hư không, tất cả cảnh giới Niết-bàn, tất cả cảnh giới Như Lai, không nơi nào là không thông suốt, không nơi nào không đến được, không nơi nào không thích hợp, không nơi nào không tụ hội, không nơi nào không dấy lên, cũng không có giới hạn, cũng không có chướng ngại, thuần nhất hoàn toàn không hoàn toàn, không làm hỗn loạn đến nhau. Như Bốn Luận nói: “Sắc đã hiện rõ khắp tất cả mọi nơi không hề có phạm vi giới hạn, tùy theo tâm có năng lực hiện bày khắp mười phương thế giới, vô lượng Bồ-tát - vô lượng Báo thân - vô lượng trang nghiêm, tất cả đều sai biệt, đều không có phạm vi giới hạn, nhưng không ngăn ngại nhau”. Nói về phần thù thắng không thể nghĩ bàn, thì nghiệp dụng như vậy rất sâu xa hết sức vi diệu độc tôn thù thắng, không phải là khả năng biết được của hàng phàm phu, Nhị thừa. Như Bốn Luận nói: “Điều này không phải là tâm thức phân biệt có thể biết được, vì đây chính là nghĩa về tác dụng tự tại của Chân như”. Như vậy, ba loại nghĩa rất sâu xa về đại, trong hai loại là Chân như và sanh diệt an lập thế nào? Nghĩa là trong môn Chân như thì ba loại nghĩa về đại, chỉ có tất cả lập thành một, vì không có song lập. Nếu trong môn sanh diệt thì ba loại nghĩa về đại, cả ba loại

nghĩa về đại có đầy đủ song lập, vì không có trước sau, lấy đó làm sai khác. Vì thế trong Kinh Đại Ấn ĐàLa Võng Thí Dụ giải thích như vậy: “Có nghĩa về thể đại mà không có tướng và dụng, có nghĩa về tướng đại thì không có thể và dụng, có nghĩa về dụng đại thì không có thể và tướng. Như vậy, ba đại có một thứ nhất mà không có một thứ hai. Lại nữa, có nghĩa về thể đại thì phải có tướng và dụng, có nghĩa về tướng đại thì phải có thể và dụng, có nghĩa về dụng đại thì phải có thể và tướng. Như vậy, ba đại thuận theo có một thứ nhất thì có một thứ hai, vì không rời bỏ nhau”. Các loại tướng còn lại từ trong phần quyết trạch kết luận tổng trì sẽ làm sáng tỏ nghĩa lý.

Đã nói về phần biểu hiện rõ ba loại nghĩa về đại, tiếp theo nói về phần môn tự nhập môn phá dị môn.

Bổn Luận nói: Lại nữa, biểu hiện rõ là từ môn sanh diệt lập tức đi vào môn Chân như. Đó là suy xét tìm tòi năm sắc ấm và cảnh giới sáu trần của tâm, suy cho cùng là không có niệm vọng, vì tâm không có hình tướng, cầu tìm khắp mười phương rốt cuộc không thể đạt được. Giống như người lạc đường nên nói phía Đông là phía Tây thật ra thì phương hướng không hề chuyển đổi. Chúng sanh cũng như vậy, vì vô minh làm cho mê muội do đó nói tâm là niệm, thật ra thì tâm không hề lay động. Nếu có thể quán sát biết tâm không khởi lên, thì nhất định tùy thuận đi vào môn Chân như.

Luận giải thích: Văn luận này bây giờ là trình bày về nghĩa gì? Vì muốn biểu hiện rõ về sự đối trị các dị chấp rộng hẹp lớn nhỏ. Sao nói là dị chấp? Đó là có chúng sanh khởi chấp trước như vậy: Một tâm pháp giới là pháp căn bản, cũng rộng cũng lớn, hai môn Chân - Vọng là pháp chi mật, cũng hẹp cũng nhỏ. Do cần phải đối trị chấp trước này nên tiến hành giải thích như vậy: Môn cũng là đối tượng hội nhập, cùng với lượng căn bản bình đẳng. Và lại, vì muốn biểu hiện rõ trong môn Chân như, không có tướng sai biệt của pháp hữu vi. Hơn nữa, vì muốn biểu hiện rõ trí không của năm ấm, như ấm đã không thì tự thể rỗng lặng, không có gì. Do chủ thể không và đối tượng không này đều là không, nên được đi vào phần Chân như bình đẳng. Lại nữa, vì muốn biểu hiện rõ về môn sanh diệt là giả mà môn Chân như là thật. Như Bổn Luận nói: “Vả lại, biểu hiện rõ là từ môn sanh diệt lập tức đi vào môn Chân như. Đó là suy xét tìm tòi năm sắc ấm và cảnh giới sáu trần của tâm, suy cho cùng là không có niệm vọng, vì tâm không có hình tướng, cầu tìm khắp mười phương rốt cuộc không thể đạt được”. Do nghĩa nào mà trong phần thí dụ, Đông phương dụ cho Giác - Tây phương dụ cho

Niệm? Vì muốn biểu hiện rõ Bát nhã của Bốn giác, xuất hiện ánh sáng của trí tuệ thanh tịnh, chiếu soi đêm tối của sanh tử u minh. Ví như vầng mặt trời đã xuất hiện rồi, thì tỏa ra ánh sáng phá tan màn đêm của thế gian. Vô minh trú địa sinh ra các loại pháp nhiễm tùy thuộc, che kín vô lượng ánh sáng trí tuệ thanh tịnh của tánh vô lậu. Ví như vầng mặt trời đã lặn xuống rồi, thì màn đêm bao trùm tất cả làm chướng ngại đến sự phân biệt rõ của mắt thanh tịnh. Như Bốn Luận nói: “Giống như người lạc đường nên nói phía Đông là phía Tây, thật ra thì phương hướng không hề chuyển đổi. Chúng sanh cũng như vậy, vì vô minh làm cho mê muội do đó nói tâm là niệm, thật thì tâm không hề lay động”. Từ đây xuống dưới trình bày về tướng đạt được lợi ích. Nghĩa là có chúng sanh biết rõ tâm pháp không hề có chủ thể dấy lên và đối tượng dấy lên tướng sai khác, thì được thành tựu tùy thuận Chân như, lập tức được thành tựu Chân như thì nhất định đi vào, vì không có tùy thuận thì không đi vào được. Như Bốn Luận nói: “Nếu có thể quán sát biết tâm không khởi lên, thì nhất định tùy thuận đi vào môn Chân như”.

Đã nói về phần môn tự nhập môn phá dị môn, tiếp theo nói về đối trị chấp tà chánh giải môn.

Bốn Luận nói: Đối trị chấp tà, tất cả mọi chấp tà đều dựa vào ngã kiến, nếu xa rời ngã thì không có chấp tà. Ngã kiến này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là ngã kiến thuộc về người. Hai là ngã kiến thuộc về pháp. Ngã kiến thuộc con người là dựa vào các phạm phu, nói có năm loại. Thế nào là năm loại?

Một là nghe kinh giáo nói về Pháp thân Như Lai hoàn toàn vắng lặng giống như hư không, vì không biết điều đó là phá trừ chấp trước, liền nói hư không là tánh Như Lai. Đối trị thế nào? Là trình bày tướng trạng hư không là pháp hư vọng, thể không có, không thật, vì đối với sắc nên có tướng trạng có thể thấy này khiến tâm sanh diệt, mà tất cả sắc pháp xưa nay là tâm, thật sự không có sắc ngoài. Nếu không có sắc thì không có tướng trạng của hư không, đó gọi là tất cả cảnh giới chỉ do tâm vọng khởi mà phát sinh. Nếu tâm xa rời vọng động thì tất cả mọi cảnh giới không còn, chỉ một tâm chân không nơi nào không đầy khắp, đây gọi là nghĩa lý của Như Lai tánh trí quảng đại cứu cánh, không phải giống như tướng trạng hư không.

Hai là nghe kinh giáo nói các pháp thế gian chung quy thể là không, cho đến pháp Chân như Niết-bàn cũng suy cho cùng là không, từ xưa đến nay tự là không và xa rời tất cả các tướng. Vì không biết đây là phá trừ chấp trước, liền cho rằng tánh của Chân như Niết-bàn chỉ là

không. Đối trị thế nào? Là trình bày tự thể của Chân như Pháp thân là bất không, vì có đầy đủ vô lượng tánh công đức.

Ba là nghe kinh giáo nói Như Lai tạng không có tăng giảm, thể đầy đủ pháp của tất cả mọi công đức. Vì không hiểu nên chấp: Như Lai tạng có sắc tâm pháp và tự tướng sai biệt. Đối trị thế nào? Vì chỉ dựa vào nghĩa Chân như mà nói nên mượn nghĩa của pháp nhiệm sanh diệt biểu hiện rõ để nói về sai biệt.

Bốn là nghe kinh giáo nói tất cả pháp nhiệm sanh tử của thế gian đều dựa vào Như Lai tạng phát sinh, tất cả các pháp không xa rời Chân như. Do không hiểu nên nói tự thể của Như Lai tạng có đủ tất cả các pháp sanh tử của thế gian. Đối trị thế nào? Vì Như Lai tạng từ xưa đến nay, chỉ có các nghĩa Chân như bất ly bất đoạn bất dị và các công đức thanh tịnh vượt quá hằng sa số, vì các pháp nhiệm phiền não vượt quá hằng sa số, chỉ là vọng giả phát sinh chứ tánh tự vốn không có, do đó từ vô thủy đời kiếp đến nay chưa từng tương ứng với Như Lai tạng. Nếu thể của Như Lai tạng có pháp vọng, khiến cho chúng đắc hội nhập vĩnh viễn chấm dứt pháp vọng, thì điều này hoàn toàn phi lý.

Năm là nghe kinh giáo nói dựa vào Như Lai tạng nên có sanh tử, dựa vào Như Lai tạng nên đạt được Niết-bàn. Do không hiểu nên nói chúng sanh có bắt đầu. Vì thấy có bắt đầu, nên lại nói Niết-bàn Như Lai đã đạt được sẽ có điểm cuối cùng và sẽ trở lại làm chúng sanh. Đối trị thế nào? Vì Như Lai tạng không có đời trước, tướng của vô minh cũng không hề có bắt đầu. Nếu nói ngoài ba cõi lại có chúng sanh mới bắt đầu, chính là kinh điển của ngoại đạo nói. Lại nữa, Như Lai tạng không hề có đời sau, vì tương ứng cùng với Niết-bàn của chư Phật đã đạt được, vì thế sẽ không có đời sau.

Ngã kiến thuộc về pháp là dựa vào hàng độn căn của Nhị thừa, Như Lai chỉ nói cho họ về nhân vô ngã và ngôn thuyết không thể rốt ráo, nên họ thấy có pháp sanh diệt của năm ấm, sợ hãi sinh tử mà vọng giữ lấy Niết-bàn. Đối trị thế nào? Vì pháp của năm ấm tự tánh không sanh ra thì sẽ không có diệt Niết-bàn vốn có. Hơn nữa, cuối cùng xa rời chấp vọng, nên biết pháp nhiệm pháp tịnh thủy đều đối đãi lẫn nhau, không có tự tướng nào có thể nói. Vì vậy, tất cả các pháp từ xưa đến nay, chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải trí, chẳng phải thức, chẳng phải có, chẳng phải không, suy cho cùng là không thể diễn tả được tướng trạng, nhưng có ngôn ngữ diễn tả, nên biết là Như Lai đã dùng phương tiện khéo léo, mượn ngôn ngữ diễn tả để dẫn dắt chúng sanh, tông chỉ của Ngài đều là vì chúng sanh xa rời niệm vọng quy về

Chân như, do lẽ niệm vọng về tất cả các pháp thì khiến cho tâm sanh diệt không thể hội nhập với trí thật được.

Luận giải thích: Ngay trong văn này có bốn phần. Thế nào là bốn phần? Một là phần biểu hiện rõ về căn bản tổng tướng. Hai là phần biểu hiện rõ về nhân kiến đối trị. Ba là phần biểu hiện rõ về pháp kiến đối trị. Bốn là phần biểu hiện rõ về câu phi tuyệt ly. Đây gọi là bốn phần. Nói về phần biểu hiện rõ căn bản tổng tướng, là tất cả đạo tà vô lượng vô biên vượt quá hằng sa số, tất cả định chấp vô lượng vô biên vượt quá hằng sa số, đều lấy ngã kiến làm nơi nương tựa của mình, sinh ra và tăng thêm lại không có gì sót lại, nên làm căn bản của những chấp tà này. Vì vậy trong Kinh Vô Minh Trú địa Vô Biên Tế nói như sau: “Tất cả vô lượng các loại biến luận tà hư vọng lấy núi lớn ngã kiến để dựa vào mà chuyển đổi, ví như tất cả vô lượng vô biên các loại cây cối, các loại cỏ cây, thầy đều lấy núi làm nơi nương tựa mà chuyển đổi”. Như Bốn Luận nói: “Đối trị chấp tà, tất cả mọi chấp tà đều dựa vào ngã kiến, nếu xa rời ngã thì không có chấp tà. Ngã kiến này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là ngã kiến thuộc về người. Hai là ngã kiến thuộc về pháp”.

Đã nói về phần biểu hiện rõ căn bản tổng tướng, tiếp theo nói về phần biểu hiện rõ nhân kiến đối trị. Nói về phần biểu hiện rõ cách đối trị cái thấy thuộc chấp ngã, dứt khoát là vì đối trị cái chấp sai lầm tai hại của tất cả phàm phu thuộc loại tự định tà và tự bất định để sanh ra hiểu biết vi diệu, thù thắng. Tướng đối trị chương ngại riêng biệt về năm loại nhân Kiến, nội dung trong văn rõ nên không cần phải giải thích lại. Vả lại, không có gì là khác lược cả. Như Bốn Luận nói: “Ngã kiến thuộc về con người là dựa vào các phàm phu mà nói có năm loại... cho đến nói rộng. Hơn nữa, Như Lai tạng không hề có đời sau, vì tương ứng cùng với Niết-bàn của chư Phật đã đạt được, vì thế không có đời sau”.

Đã nói về phần biểu hiện rõ nhân kiến đối trị, tiếp theo nói về phần biểu hiện rõ pháp kiến đối trị. Nói về phần biểu hiện rõ cách đối trị cái thấy thuộc chấp pháp, là thẳng thắn để đối trị cái chấp sai lầm về thật có của hàng chúng sanh Nhị thừa, khiến có thể thành tựu lý pháp không rộng lớn. Tướng đối trị chương ngại riêng biệt của hai loại pháp kiến, nội dung trong văn rõ nên không cần phải giải thích lại. Như Bốn Luận nói: “Ngã kiến thuộc về pháp là dựa vào hàng độn căn của Nhị thừa, Như Lai chỉ nói cho họ về nhân vô ngã... cho đến nói rộng, thì sẽ không có diệt, Niết-bàn vốn có”.

Đã nói về phần biểu hiện rõ pháp kiến đối trị, tiếp theo nói về

phần biểu hiện rõ câu phi tuyệt ly. Nói về phần cả hai đều không phải đoạn tuyệt xa rời, nếu như có chúng sanh nào loại trừ được hai chấp, chứng được hai không, thông suốt các pháp đạo ngôn ngữ đoạn, xử tâm hành diệt, đoạn trừ lại đoạn trừ, soi chiếu vắng lặng, diệt sạch lại diệt sạch, suy nghĩ chấm dứt, không có gì đạt được. Như Bốn Luận nói: “Hơn nữa, cuối cùng xa rời chấp vọng, nên biết pháp nhiệm pháp tịnh thấy đều đối đãi lẫn nhau, không có tự tướng nào có thể nói. Vì vậy, tất cả các pháp từ xưa đến nay, chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải trí, chẳng phải thức, chẳng phải có, chẳng phải không, suy cho cùng là không thể diễn tả được tướng trạng... cho đến nói rộng, khiến cho tâm sanh diệt không hội nhập với trí thật được”.



LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 7

Đã nói về phân đối trị chấp tà chánh giải, tiếp theo nói về phân phân biệt tướng trạng phát khởi hướng đến đạo.

Bổn Luận nói: Phân biệt phát khởi hướng đến đạo là nói đạo đã chứng đạt của hết thủy chư Phật, là nghĩa lý tất cả Bồ-tát phát tâm tu hành đều hướng về nơi ấy. Lược nói về phát tâm có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là phát tâm tín thành tựu. Hai là phát tâm giải hạnh. Ba là phát tâm chứng phát. Phát tâm tín thành tựu là dựa vào hạng người như thế nào, tu tập công hạnh như thế nào, đạt được tín thành tựu để có thể tự mình phát tâm? Đó là căn cứ nơi chúng sanh thuộc loại tự bất định, vì có sức mạnh huân tập của thiện căn, tin chắc nghiệp quả báo ứng nên có thể khởi mười thiện, chán ngán nỗi khổ sanh tử mong cầu Bồ-đề Vô thượng, được gặp chư Phật thân cận, thừa sự cúng dường tu hành tín tâm, trải qua một vạn kiếp được thành tựu tín tâm. Chư Phật, Bồ-tát dạy dỗ khiến cho phát tâm, hoặc vì tâm đại bi nên có thể tự mình phát tâm. Hoặc vì chánh pháp sắp đến thời kỳ hoại diệt, vì nhân duyên hộ pháp nên có thể tự mình phát tâm. Như vậy, người thành tựu tín tâm thì nhất định phát tâm, đi vào tự chánh định hoàn toàn không lui sụt, gọi là trú vào chánh nhân tương ứng trong dòng dõi Như Lai. Nếu chúng sanh nào thiện căn yếu kém, từ lâu xa đến nay có phiền não sâu dày, tuy được gặp Phật và cũng được cúng dường, nhưng khởi lên chủng tử hàng trời, người, hoặc khởi lên chủng tử hàng Nhị thừa. Giả sử có người cầu pháp Đại thừa, mà căn thì thuộc loại bất định, hoặc tiến lên hoặc lùi xuống, hoặc có cúng dường chư Phật, chưa trải qua một vạn kiếp, ở trong thời gian đó gặp được duyên cũng có thể phát tâm. Đó gọi là thấy sắc tướng của Phật mà phát tâm, hoặc nhờ vào sự cúng dường chúng Tăng mà phát tâm, hoặc nhờ người hàng Nhị thừa dạy dỗ khiến cho phát tâm, hoặc học theo người khác mà phát tâm. Những hạng phát tâm như vậy

đều là bất định, gặp phải nhân duyên xấu có lẽ lập tức lui sụt rơi vào địa Nhị thừa.

Vả lại, phát tâm tín thành tựu thì phát những tâm như thế nào? Lược nói có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là trực tâm, là chánh niệm về pháp Chân như. Hai là thâm tâm, là thích quy tụ tất cả các hạnh thiện. Ba là tâm đại bi, là mong muốn trừ hết đau khổ cho tất cả chúng sanh.

Hỏi: Trên đây nói về tướng pháp giới chỉ một - thể của Phật không hai, tại sao không chỉ niệm Chân như mà lại theo đuổi học tập thực hành các điều thiện?

Đáp: Ví như thể tánh của ngọc quý Đại Ma-ni là trong suốt mà lại có chất bản của quặng lẫn vào, nếu người tuy nghĩ đến tánh ngọc quý, nhưng không dùng các loại phương tiện để mài giũa tinh luyện thì cuối cùng không trong suốt được. Như vậy, pháp Chân như của chúng sanh là thể tánh rỗng lặng thanh tịnh, nhưng có vô lượng phiền não cấu nhiễm, nếu có người tuy nghĩ đến Chân như mà không dụng các loại phương tiện để tu tập thì cũng không thanh tịnh được. Vì cấu bản vô lượng vô biên phủ khắp tất cả các pháp, nên tu tập tất cả mọi hạnh thiện để làm đối trị. Nếu có người tu tập thực hành tất cả các pháp thiện, thì tự nhiên trở về thuận theo pháp Chân như.

Lược nói về phương tiện thì có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Một là phương tiện thực hành căn bản, đó là quán tất cả các pháp tự tánh vô sanh xa rời vọng kiến, không trú vào sanh tử. Quán tất cả các pháp do nhân duyên hòa hợp nghiệp quả không sai sót, khởi lên tâm đại bi tu tập những phước đức, thâm hóa chúng sanh không trú vào Niết-bàn, vì tùy thuận pháp tánh không hề an trú.

Hai là phương tiện có năng lực làm cho dừng lại, đó là hổ thẹn hối hận về sai lầm của mình, có năng lực ngăn lại tất cả các pháp ác không để cho tăng thêm vì thuận theo pháp tánh liả các lỗi lầm.

Ba là phương tiện phát khởi thiện căn tăng trưởng. Đó là thường cúng dường lễ bái Tam bảo, tán thán tùy hỷ khuyến thỉnh chư Phật, vì tâm ái kính Tam bảo hết sức thuần hậu, nên niềm tin được tăng thêm, mới có thể lập chí mong cầu đạo vô thượng. Lại nhờ lực Tam bảo gia hộ, nên có năng lực làm cho nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn không lui sụt, vì tùy thuận pháp tánh xa rời ngu si ám chướng.

Bốn là phương tiện đại nguyện bình đẳng, đó gọi là phát nguyện tận cùng thời gian vị lai, hóa độ tất cả chúng sanh khiến không sót chúng sanh nào, tất cả đều làm cho đạt đến Niết-bàn vô dư, vì tùy thuận

pháp tánh không có gì đoạn tuyệt. Pháp tánh rộng lớn phủ khắp tất cả chúng sanh bình đẳng không hai, không phân biệt bên này bên kia vì hoàn toàn vắng lặng. Bồ-tát phát ra tâm này, thì được thấy một phần Pháp thân, nhờ thấy được Pháp thân nên thuận theo nguyện lực đó chủ động hiện rõ tám loại lợi ích cho chúng sanh: Tức là từ cung trời Đâu Suất đi xuống, vào thai - ở trong thai - ra đời - xuất gia, Thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết-bàn. Nhưng Bồ-tát này chưa gọi là Pháp thân, vì từ vô lượng kiếp quá khứ đến nay, nghiệp hữu lậu chưa thể đoạn trừ hoàn toàn, tùy theo nơi sinh ra đó tương ứng với những nỗi khổ vi tế, cũng không phải là nghiệp ràng buộc, mà là có năng lực tự tại của đại nguyện. Như trong kinh hoặc là nói có người thoái đọa vào đường ác, nhưng không phải là thoái đọa thật sự, chỉ vì hàng Bồ-tát mới học chưa đi vào địa chính thức, lại lười nhác nên làm cho sợ hãi khiến sinh ra dũng mãnh hơn. Đồng thời, Bồ-tát này sau khi vừa mới phát tâm đã rời xa tâm ý khiếp nhược, hoàn toàn không sợ rơi vào địa Nhị thừa. Nếu như nghe trải qua vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, chịu khó chịu khổ thực hành khổ hạnh mới đạt được Niết-bàn, mà cũng không hề khiếp nhược, vì tin và biết rõ tất cả các pháp từ xưa đến nay là Niết-bàn tự nhiên.

Phát tâm giải hạnh, nên biết là chuyển thành thù thắng, vì Bồ-tát này từ bắt đầu chánh tin đến nay, ở A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất sắp sửa hết, đối với trong pháp Chân như hiểu sâu và ngay lúc đó tiến lên tu pháp ly tướng, vì biết thể tánh của pháp không có gì tham tiếc, nên tùy thuận tu hành Bồ thí Ba-la-mật. Vì biết pháp tánh là vô nhiễm và xa rời sai lầm do năm dục, nên tùy thuận tu hành Trì giới Ba-la-mật. Do biết pháp tánh là vô khổ và xa rời sân giận phiền muộn, nên tùy thuận tu hành Nhẫn nhục Ba-la-mật. Vì biết pháp tánh không có tướng thân tâm và xa rời khinh mạn lười nhác, nên tùy thuận tu hành Tinh tấn Ba-la-mật. Do biết pháp tánh luôn ổn định và thể không hỗn loạn, nên tùy thuận tu hành Thiên định Ba-la-mật. Vì biết pháp tánh là thể sáng tỏ xa rời vô minh, nên tùy thuận tu hành Trí tuệ Ba-la-mật.

Phát tâm chứng, là từ địa tâm tịnh cho đến địa Bồ-tát cuối cùng chứng được cảnh giới nào? Đó gọi là cảnh giới Chân như. Vì dựa vào thức chuyển nên nói là cảnh giới, nhưng chứng ở đây không hề có cảnh giới, chỉ có trí chân như gọi là Pháp thân. Bồ-tát này ở trong khoảnh khắc, có thể đi đến mười phương không sót một thế giới nào, cúng dường chư Phật và thỉnh cầu chư Phật chuyển pháp luân, chỉ vì giảng dạy khuyên bảo làm lợi ích cho chúng sanh không dựa vào văn tự. Hoặc

thị hiện vượt các địa nhanh chóng thành tựu Chánh giác, chỉ vì hạng chúng sanh khiếp nhược. Hoặc nói là Ta ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp sẽ thành tựu Phật đạo, chỉ vì hạng chúng sanh lợi lũng lười nhác. Có năng lực thị hiện vô số phương tiện không thể nghĩ bàn như vậy, thật ra thì căn cơ chủng tánh của Bồ-tát là bình đẳng, phát tâm là bình đẳng thì chứng đạt cũng bình đẳng, không có pháp nào vượt lên trên. Vì tất cả Bồ-tát đều trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, nhưng tùy theo thế giới chúng sanh không như nhau, tất cả thấy - nghe - căn cơ - ham muốn - tánh chất khác nhau, nên thị hiện công hạnh cũng có những sai biệt.

Vả lại, Bồ-tát này phát tâm có ba loại tướng vi tế của tâm. Thế nào là ba loại?

Một là tâm chân, vì không có phân biệt.

Hai là tâm phương tiện, vì tự nhiên thực hiện khắp nơi làm lợi ích cho chúng sanh.

Ba là tâm thức nghiệp, là khởi lên và diệt rất vi tế.

Lại công đức của Bồ-tát này thành tựu đầy đủ, đối với chỗ tốt cùng của sắc, thì thị hiện thân cao lớn nhất trong tất cả thế gian. Nghĩa là dùng một niệm tương ứng với tuệ thì vô minh lập tức không còn, gọi là Nhất thiết chủng trí, tự nhiên phát sinh nghiệp bất tư nghị, có năng lực hiện rõ khắp mười phương làm lợi ích cho chúng sanh.

Hỏi: Hư không vô biên nên thế giới vô biên, thế giới vô biên nên chúng sanh vô biên, chúng sanh vô biên nên tâm hành sai biệt cũng lại vô biên, cảnh giới như vậy không thể phân biệt giới hạn, khó biết và khó hiểu vô cùng. Nếu đoạn dứt vô minh thì không có tâm tướng, làm sao có thể hiểu rõ gọi là Nhất thiết chủng trí?

Đáp: Tất cả mọi cảnh giới vốn có từ một tâm xa rời mọi tướng niệm, vì chúng sanh vọng thấy cảnh giới nên tâm có phân biệt giới hạn. Do vọng dấy lên tướng niệm không xứng hợp với pháp tánh, do đó không thể biết rõ được. Chư Phật Như Lai xa rời kiến tướng nhưng không nơi nào không đầy khắp, vì tâm chân thật chính là tánh của các pháp, tự thể soi chiếu lộ rõ tất cả các pháp vọng, có đại trí, dùng vô lượng phương tiện, tùy theo chúng sanh thích ứng được hiểu, đều có thể chỉ ra được tất cả các loại pháp nghĩa, vì vậy được gọi là Nhất thiết chủng trí.

Lại hỏi: Nếu chư Phật có nghiệp tự nhiên, có năng lực hiện rõ ở tất cả mọi nơi làm lợi ích cho chúng sanh, thì tất cả chúng sanh hoặc trông thấy thân đó, hoặc nhìn thấy thân thông biến hóa, hoặc nghe được giáo thuyết của các Ngài tức không có chúng sanh nào không được lợi ích,

tại sao ở thế gian nhiều người không thể nhìn thấy được?

Đáp: Pháp thân của chư Phật bình đẳng khắp tất cả mọi nơi không hề có tác ý, nên nói là tự nhiên, chỉ dựa vào tâm chúng sanh mà hiện bày, tâm chúng sanh thì giống chiếc gương, nếu chiếc gương có bụi bặm thì cảnh sắc hình tượng không hiện rõ. Như vậy, tâm chúng sanh nếu có cấu nhiễm thì Pháp thân không thể hiện bày được.

Luận giải thích: Ở trong văn này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu tổng quát, giải thích tổng quát. Hai là phần giải thích tách biệt, nói chi tiết. Trong phần thứ hai có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần phân tích ra ba loại phát tâm. Hai là phần phát khởi hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Ba là phần căn cứ vào luận phát sinh luận về hỏi đáp. Đây gọi là ba loại, nội dung nói có thể xem thấy.

Nói về phần nêu tổng quát, giải thích tổng quát, là vì muốn biểu hiện rõ ngay trong phần phân biệt tướng phát khởi hướng đến đạo. Nghĩa là vô lượng, vô biên chư Phật trong ba đời, đã phát tâm nguyện - đã thực hành nhân, đã chứng đạt quả - đã giáo hóa đồ chúng số đó nhiều như biển lớn. Vô lượng vô biên hết thấy các chúng Bồ-tát suốt ba đời, đúng như vậy, như như như vậy, theo vết chân trước, thuận theo cùng chuyển. Như thứ tự đó không vượt ra số lượng, không bỏ qua phần vị là nghĩa hướng về hội nhập. Lại nữa, vì muốn biểu hiện rõ giống như hết thấy chư Phật không có quy tắc hướng đến, tất cả Bồ-tát ở trong quy phạm không có hướng đến kia bình đẳng thực hành chân thật. Như Bốn Luận nói: “Tướng phân biệt phát khởi hướng đến đạo là nói đạo đã chứng đạt của hết thấy chư Phật, là nghĩa lý tất cả Bồ-tát phát tâm tu hành hướng về nơi ấy”.

Đã nói về phần nêu tổng quát, giải thích tổng quát, tiếp theo nói về phần giải thích tách biệt, nói chi tiết. Trong phần này có ba phần, như thứ tự đó nên suy nghĩ xem xét để chọn lựa. Ở trong phần thứ nhất phân tích về ba loại phát tâm đã có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là phát tâm tín thành tựu. Hai là phát tâm giải hạnh. Ba là phát tâm chứng. Đó là ba loại. Như Bốn Luận nói: “Lược nói phát tâm có ba loại:

1. Phát tâm tín thành tựu.
2. Phát tâm giải hạnh.
3. Phát tâm chứng”.

Căn cứ phần thứ nhất tức có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần phát khởi câu hỏi mở để nêu tổng quát. Hai là phần biểu hiện rõ trả lời giải thích nói rộng. Ba là phần phát khởi hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Phần thứ nhất và thứ hai có hai loại lặp lại, nên quan sát kỹ.

Ở trong phần thứ nhất phát khởi câu hỏi mở để nêu tổng quát có bốn ý. Thế nào là bốn ý? Một là ý giả định, là hỏi về người có khả năng tu tập. Hai là ý về hành tướng, là hỏi về sự tu hành. Ba là ý về tự phân biệt, là hỏi về những thành tựu. Bốn là ý hướng về phía trước, là hỏi về tướng trạng tiến lên được. Như Bốn Luận nói: “Phát tâm tín thành tựu, căn cứ những hạng người nào, tu tập công hạnh như thế nào, đạt được tín thành tựu để có thể tự mình phát tâm?”.

Đã nói về phần phát khởi câu hỏi mở để nêu tổng quát, tiếp theo nói về phần biểu hiện rõ trả lời giải thích, nói rộng. Ở đây có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần tùy câu hỏi lần lượt trả lời giải thích. Hai là phần nêu ra chỗ kém, hiển rõ hơn để sanh kiến giải. Trong phần đầu lại chia làm sáu phần. Thế nào là sáu phần? Một là phần biểu hiện rõ giả định về tu hành. Hai là phần tự nhiên vốn có sự huân tập. Ba là phần biểu hiện công năng tu hành. Bốn là thời lượng của tín thành tựu. Năm là chỉ rõ nhân duyên phát tâm. Sáu là phần biểu hiện rõ về chỗ đạt được lợi ích và địa hơn hẳn.

Nói về phần biểu hiện rõ giả định về tu hành, nghĩa là tuy vô lượng vô biên chúng sanh được giáo hóa, bây giờ trong nơi này lại chọn lấy chúng sanh địa Thập Tín thuộc về tự bất định. Vì sao? Vì muốn khiến giáo hóa ba loại chúng sanh thuộc tự bất định, thành tựu đầy đủ mười loại tín tâm, quyết định an lập địa mới phát tâm trú vào Bồ-tát Thập Trụ, trong địa kim cương bất biến. Như Bốn Luận nói: “Đó là căn cứ chúng sanh thuộc tự bất định”.

Nói về phần tự nhiên vốn có sự huân tập, nghĩa là trong chúng sanh tương tục như vậy, từ vô thủy đời kiếp đến nay, luôn có Phật tìm ẩn trong Bốn giác, luôn huân tập thiện căn của chúng sanh khiến tăng trưởng. Như Bốn Luận nói: “Vì có sức mạnh huân tập thiện căn”.

Nói về phần biểu hiện rõ công năng tu hành, nghĩa là các loại chúng sanh thuộc tự bất định, tin vào nhân nghiệp quả báo hình như có không, thể rỗng lặng, không có, vì đạo lý của nhân duyên hòa hợp, do đó biết sai lầm của mười nghiệp ác, dấy lên ý nghĩ không nên tạo ra, quán xét công đức của mười nghiệp thiện, dấy lên ý nghĩ cần phải thực hiện, chán ngán cảnh giới ràng buộc vướng mắc mong cầu đến cõi giải thoát tự tại, dần dần thoát ra hướng về đạo Bồ-đề. Như Bốn Luận nói: “Tin vào nghiệp quả báo ứng nên có thể dấy khởi mười thiện, chán ngán nỗi khổ sanh tử, mong cầu Bồ-đề Vô thượng, được gặp chư Phật và tự mình được cúng dường tu hành tín tâm”.

Nói về phần thời lượng tín tâm thành tựu, nghĩa là biểu hiện rõ

tín tâm đó thành tựu, thời gian xa gần và tướng trạng khác biệt nhau. Ở trong phần này có mười lăm kinh đề cập nhưng tất cả đều giải thích khác nhau. Thế nào gọi là mười lăm kinh giải thích khác nhau? Đó là:

1. Trong Kinh Nhất Thiết Chư Pháp Nhân Duyên Vô Chủ nói như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liên thừa với Đức Phật: Thừa Tôn giả! Từ địa phàm phu ràng buộc đi vào tụ bất định, tất cả hành giả phải trải qua bao nhiêu thời gian, thành tựu đầy đủ mười loại tín tâm, dần dần chuyển sang phần vị cao hơn và chắc chắn không thoái lui? Đức Thế Tôn bảo Văn-thù-sư-lợi: Này người thiện nam! Hãy lắng nghe kỹ và cố gắng suy nghĩ ghi nhớ điều ấy, Ta sẽ vì ông giải thích nói về phần hạn thời gian để thành tựu được tín tâm. Này người thiện nam! Tất cả hành giả từ địa phàm phu ràng buộc đi vào tụ bất định phải trải qua một vạn ba ngàn kiếp mới xong, thì sẽ thành tựu mười loại tín tâm, quyết định trú vào địa Bồ-tát mới phát tâm”.

2. Trong Kinh Nhiếp Vô Lượng Đại Thừa nói như vậy: “Lại nữa, này Phật tử! Địa tín tạm gọi là Bồ-tát, hạn lượng sáu vạn bốn ngàn kiếp đã đầy đủ, thì sẽ thành tựu mười tâm ái lạc chắc chắn ở địa kim cương”.

3. Trong Kinh Tuệ Minh Đà La Ni nói như sau: “Chúng sanh nơi tụ bất định trải qua hơn tám vạn một ngàn năm mươi kiếp đã hoàn tất, thì thành tựu tín tâm quyết định không thoái lui”.

4. Trong Kinh Pháp Môn Danh Tự nói như vậy: “Lại nữa, hạng phàm phu ở địa tín lạc, trải qua hai vạn sáu ngàn kiếp đã xong, thì tín thành tựu không có thiếu sót”.

5. Trong Kinh Thanh Tịnh Tam muội nói như vậy: “Nếu chúng sanh đi vào nơi khốn khó tu hành tín tâm, chịu đựng trải qua chín vạn kiếp đầy đủ rồi thì tín phẩm được thành tựu”.

6. Trong Kinh Kim Cang Đà La Ni nói như sau: “Tín thành tựu tùy theo thời gian trong bốn vạn tám ngàn sáu mươi kiếp”.

7. Trong Kinh Đại Trí Tuệ Quang Minh nói như vậy: “Lại nữa, này người thiện nam! Nếu chúng sanh nào vì muốn thành tựu công đức thiện cho cha mẹ trời đất, trước mắt trải qua số lượng mười sát na đã xong thì ruộng tín bằng phẳng không có cỏ dại”.

8. Trong Kinh Thật Tướng Bốn Tế Quyết Định Bất Động nói như sau: “Địa tín thành tựu, tín tâm phát khởi trong sát na thứ nhất, mười loại tín tâm đầy đủ viên mãn”.

9. Trong Kinh Văn-thù Sư Lợi Viên mãn Nhân Hải Đại Tổng Trì nói như vậy: “Ba A-tăng-kỳ đại vô lượng kiếp trải qua đã kết thúc, thì địa tín thành lập đầy đủ”.

10. Trong Kinh Thâm Thâm Bồ Đề Nhân Duyên nói như vậy: “Kiến lập địa tín chỉ trong ba vạn kiếp”.

11. Trong Kinh Đại Phương Tiện Trí Thiện Xảo nói như vậy: “Bồ-tát hành tín trong chín ngàn kiếp, quyết định thành tựu tín tâm thanh tịnh suy nghĩ về cõi Cực Lạc”.

12. Trong Kinh Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu nói như vậy: “Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tuệ liên bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Địa ban đầu của chúng tử Bồ-đề Vô thượng, trải qua thời gian bao nhiêu thì quyết định thuần thực, để mầm Bồ-đề sinh ra và tăng trưởng? Đức Phật nói: Nếu để thành tựu địa ban đầu của chúng tử, phải trải qua bảy vạn năm ngàn sáu mươi kiếp, thì địa ban đầu của chúng tử được kiến lập đầy đủ”.

13. Trong Kinh Thọ Ký Bình Đẳng nói như vậy: “Tín tâm thành tựu chẳng phải xa - chẳng phải gần - chẳng phải không - chẳng phải có, chẳng phải cao - chẳng phải thấp - chẳng phải đầu - chẳng phải cuối, chẳng phải đi - chẳng phải đến - chẳng phải lớn - chẳng phải nhỏ, chẳng phải ba đời - chẳng phải không ba đời - chẳng phải vị trí - chẳng phải vị địa, chẳng phải thiện- chẳng phải ác - chẳng phải sai - chẳng phải đúng, đạo ngôn ngữ đoạn - xứ tâm hành diệt, vì vậy gọi là tín tâm chân thật”.

14. Trong Kinh Như Lai tạng Bốn Thức nói như vậy: “Thưa Thế Tôn! Vì sao gọi là quảng đại viên mãn công đức phụ mẫu phẩm tín địa? Đức Phật nói: Thập Tín của Thập Tín - Thập Tín của Thập Giải, Thập Tín của Thập Hạnh - Thập Tín của Thập Hương, Thập Tín của Thập Địa - Thập Tín của Phật Địa, cho đến địa chúng tử ác của phàm phu ràng buộc và hết thấy Nhị thừa đều là Thập Tín, vô lượng vô biên tất cả các pháp, không có một pháp nào không phải là Thập Tín, vì nghĩa này nên gọi là địa Quảng đại viên mãn tín”.

15. Trong Kinh Bồ Tát Anh Lạc Đại Bồ Nghiệp nói như vậy: “Bồ-tát tín tướng ở trong mười ngàn kiếp thực hành mười pháp thiện, quyết định an lập nơi tín thành tựu”. Đây là mười lăm kinh nói khác nhau. Như vậy, các kinh vì nghĩa nào mà sai biệt như vậy? Đó là vì tâm chúng sanh có vô lượng vô biên nên tất cả đều sai biệt, tùy theo loại tâm của chúng sanh mà nói về hành tướng của tín khác nhau, hãy xem xét suy nghĩ để chọn lựa! Nay trong văn này tạm thời dựa vào Kinh Bốn Nghiệp để giải thích. Như Bốn Luận nói: “Trải qua một vạn kiếp được thành tựu tín tâm”.

Nói về ph ần biểu hiện rõ nhân duyên phát tâm, nghĩa là hành giả

đã thành tựu tín tâm, vì muốn phát khởi trú tâm thứ nhất, nên cần đến năng lực của duyên mà phát khởi. Ở trong văn này có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là nhân duyên khuyến thỉnh. Hai là nhân duyên cứu độ. Ba là nhân duyên hộ pháp.

Nói đến nhân duyên khuyến thỉnh, đó gọi là vô lượng vô biên hết thấy chư Phật và chúng Đại Bồ-tát, xuất hiện các loại giáo pháp kinh điển thẳng diệu vô cùng, hành giả ở địa tín khuyến thỉnh các Ngài giáo hóa, để vượt qua địa bất định, quyết định an lập trong khu vực bất động. Như Bốn Luận nói: “Chư Phật, Bồ-tát dạy dỗ khiến cho phát tâm”.

Nói đến nhân duyên cứu độ, đó là duyên vào tất cả biển khổ của vô lượng vô biên đủ loại chúng sanh, lấy đó làm nhân phát khởi tâm đại từ bi thanh tịnh rộng lớn và không thoái lui mà vững chắc như kim cang. Như Bốn Luận nói: “Hoặc vì tâm đại bi nên có thể tự mình phát tâm”.

Nói đến nhân duyên hộ pháp, đó là lúc giáo pháp của chư Phật sắp hoại diệt thì dùng các loại phương tiện để thích hợp thuận theo mà ứng phó và đảm nhận, bất cứ lúc nào và khắp mọi nơi không tiếc thân mạng, cứu hộ pháp Phật là lực nhân duyên vĩ đại, tự mình có thể phát khởi tâm chí kim cang không lùi bước, thanh tịnh bao la và tồn tại lâu dài mãi mãi về sau. Như Bốn Luận nói: “Hoặc vì chánh pháp sắp đến thời kỳ hoại diệt, vì nhân duyên hộ pháp nên có thể tự mình phát tâm”.

Nói về phần biểu hiện rõ đạt được lợi ích và địa cao hơn, đó gọi là hành giả thành tựu tín được hiểu rõ, tu hành. Có đầy đủ mười tên gọi không có thoái lui. Thế nào là mười tên gọi? Đó là:

1. Gọi là người không có ưu não, vì xa rời tâm sợ hãi trở lại rơi vào địa phàm phu bị phiền não trói buộc.

2. Gọi là người rất giàu sang, vì loại trừ mê loạn của phiền não, cất giữ kết quả của Niết-bàn.

3. Gọi là người có chủng tánh cao đẹp, vì xa rời chủng loại thấp kém của phàm phu, đã đi vào trong chủng tánh cao quý tôn kính của Như Lai.

4. Gọi là người có đầy đủ tay chân, vì cầm bó đuốc Bát nhã đi lại trong nhà pháp giới rộng lớn.

5. Gọi là người làm nước sông lớn, vì không có gì ngăn ngại mà chảy thẳng vào trong đại dương Nhất thiết trí.

6. Gọi là người xây dựng cung điện, vì đã vượt lên trên phạm vi bất định quyết định an trú trong nhà của Như Lai.

7. Gọi là người Phật tử chân thật, vì rời xa thai phàm đã đi vào thai Thánh.

8. Gọi là người có ruộng phước lớn, vì thoát khỏi phiền não chỉ có thanh tịnh.

9. Gọi là người có vô lượng đồ chúng, vì pháp giới chúng sanh đều lấy làm quyến thuộc của mình.

10. Gọi là người không có gì chướng ngại, vì tùy theo tâm mà chuyển hóa. Như Bốn Luận nói: “Như vậy, người thành tựu tín tâm thì nhất định phát tâm, đi vào tụ chánh định hoàn toàn không thoái lui, gọi là trú vào chánh nhân tương ứng trong chủng loại Như Lai”.

Đã nói về phần tùy câu hỏi lần lượt trả lời giải thích, tiếp theo nói về phần nêu ra chỗ kém hiển bày chỗ hơn để phát sanh kiến giải. Ở đây có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu ra kém biểu hiện hình tướng xấu kém. Hai là phần nêu ra hơn biểu hiện hình tướng tốt hơn. Nêu ra kém biểu hiện hình tướng xấu kém, nghĩa là nói hàng phàm phu phiền não sâu dày, thiện căn mỏng yếu, tuy gặp được nhân duyên của Đại thừa, nhưng lại dấy lên chủng tử thiện căn của Tiểu thừa. Như Bốn Luận nói: “Nếu chúng sanh nào thiện căn yếu kém, từ lâu xa đến nay có lắm phiền não sâu dày, tuy được gặp Phật và cũng được cúng dường, nhưng khởi lên chủng tử hàng trời người, hoặc khởi lên chủng tử hàng Nhị thừa”.

Nêu ra hơn biểu hiện hình tướng tốt hơn là nói nếu chúng sanh mong cầu pháp môn vi diệu sâu xa của Đại thừa, cho dù tâm của họ không thể tức liền quyết định được, nhưng gặp nhân duyên thuận thì dường như tiến lên, gặp phải nhân duyên không thuận thì tự nhiên như lùi lại, vì tâm không ổn định. Như Bốn Luận nói: “Giả sử có người cầu pháp Đại thừa, mà căn thì thuộc loại bất định, hoặc tiến lên hoặc lùi xuống”. Nếu như không thể ổn định được, thì làm sao được gọi là người cao quý? Tuy không thể ổn định nhưng vì đã hưởng về với pháp rất cao đẹp. Vả lại, hưởng về dấy lên chủng tử của hàng trời người và Nhị thừa.

Từ đây xuống dưới biểu hiện rõ về thời gian thành tựu tín tâm không hề chắc chắn, như giải thích ý chính của kinh thứ mười bốn trong mười lăm kinh đã nêu. Đó là nếu chúng sanh cúng dường chư Phật, tín tâm thành tựu mà thời gian đó không chắc chắn, hoặc rất lâu xa, hoặc rất gần kề, hoặc ở giữa hạn kỳ xa và gần. Vì sao? Vì tùy theo duyên mà có hay không có phát sanh niềm tin thuần thực. Như Bốn Luận nói: “Hoặc có cúng dường chư Phật, chưa trải qua một nạn kiếp, ở trong thời gian đó gặp được duyên cũng có thể phát tâm”.

Từ đây trở xuống là giải thích theo từng duyên riêng, biểu hiện rõ

về tướng trạng của nhân duyên phát tâm. Ở trong văn này có bốn loại nhân duyên phát tâm. Thế nào là bốn loại?

Một là nhân duyên được gặp Phật, là nhờ thấy được thân tướng trang nghiêm của Như Lai, có thể phát khởi tâm chí rộng lớn. Như Bốn Luận nói: “Đó gọi là thấy sắc tướng của Phật mà phát tâm”.

Hai là nhân duyên cúng dường chúng Tăng, dùng các loại vật cúng dường chúng Tăng và nhờ nhân duyên này có thể phát khởi tâm nguyện rộng lớn. Như Bốn Luận nói: “Hoặc nhờ vào sự cúng dường chúng Tăng mà phát tâm”.

Ba là nhân duyên hổ thẹn, thấy và nghe người hàng Nhị thừa dạy dỗ giáo pháp sinh ra hổ thẹn cho mình kém cỏi, vì nhân duyên này có thể phát khởi tâm tư rộng lớn. Như Bốn Luận nói: “Hoặc nhờ người hàng Nhị thừa dạy dỗ khiến cho phát tâm”.

Bốn là tùy theo các nhân duyên tùy theo tâm người khác và nhờ nhân duyên này có thể phát khởi tâm chí rộng lớn. Như Bốn Luận nói: “Hoặc học theo người khác mà phát tâm”.

Từ đây trở xuống là tạo ra nhân duyên đó, biểu hiện rõ hình tướng mười loại tín tâm thuộc tụ bất định, và tổng kết phần giải thích, quyết nghị về Thập Tín đã nói ở trước. Do nghĩa gì mà mười loại Tín Phẩm lập xứng tên gọi bất định? Điều ấy có nghĩa là nếu gặp được nhân duyên thuận lợi thì tùy theo hướng về đường thiện, nếu gặp phải nhân duyên trái nghịch sẽ thuận theo hướng về đường ác, ví như chiếc lông tùy theo gió thổi chuyển từ Đông qua Tây. Như Bốn Luận nói: “Những hạng phát tâm như vậy đều là bất định, gặp phải nhân duyên xấu có lẽ lập tức thoái lui rơi vào địa Nhị thừa”.

Đã nói về hai loại của tầng thứ nhất. Tiếp theo nói về hai loại của tầng thứ hai. Nói: Vả lại, phát tâm tín thành tựu là phát những tâm như thế nào? Đó chính là phần phát khởi câu hỏi mở để nêu tổng quát, nghĩa là câu hỏi mở ra tổng quát hỏi về những công hạnh. Lược nói có ba loại, tức là nêu tổng quát và trả lời tổng quát như vậy. Thế nào là ba loại? Chính là tổng quát đưa ra và hỏi tổng quát như vậy. Từ đây trở xuống thẳng thắn trình bày về phần biểu hiện rõ giải thích để trả lời nói rộng. Ở trong phần này có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là phương tiện chánh trí. Hai là phước đức đầy đủ. Ba là thành tựu an lạc. Ở trong ba phần này, phần một thông cả hai lợi, phần hai chỉ có tự lợi, phần ba chỉ có lợi tha. Vả lại, phần một và hai chỉ riêng biệt tự lợi, phần ba chỉ riêng một lợi tha. Hơn nữa, cả ba phần đều thông với hai lợi, tất cả mỗi phần đều nêu lên và giải thích đầy đủ, nên xem xét suy nghĩ để chọn!

Nói phương tiện chánh trí là trực tâm, là chánh thể trí có tạo phương tiện. Như Bốn Luận nói: “Một là trực tâm, là chánh niệm về pháp Chân như”.

Nói về phần phước đức đầy đủ là thâm tâm, là tất cả công đức có phương tiện an trú. Như Bốn Luận nói: “Hai là thâm tâm, là thích quy tụ tất cả các hạnh thiện”.

Nói về thành tựu an lạc là tâm bi, có năng lực để cứu độ vô lượng khổ não của tất cả chúng sanh, khiến được an ổn với niềm vui to lớn. Như Bốn Luận nói: “Ba là tâm đại bi, là mong muốn trừ hết mọi đau khổ cho tất cả chúng sanh”.

Đã nói về hai loại của tầng thứ hai. Tiếp theo nói về phần phát khởi hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Ở đây có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần chất vấn về trước sau trái ngược nhau. Hai là phần khai thông và giải thích rõ để loại trừ vấn nạn. Nói đến phần chất vấn về trước sau trái ngược nhau, đó là đưa ra hai vấn trước sau trái ngược nhau, để chất vấn về tướng trạng sai biệt. Sao nói là trái ngược nhau? Đó là trong văn trước có nói như vậy: “Nói về nghĩa giác là tâm thể xa rời tướng niệm, xa rời tướng niệm là đồng với cõi hư không, không nơi nào không đầy khắp, pháp giới cùng một tướng chính là Pháp thân bình đẳng của Như Lai, dựa vào Pháp thân này nên nói là Bốn giác”. Ở trong văn sau có nói như vậy: “Hai là thâm tâm, là thích quy tụ tất cả các hạnh thiện”. Hai vấn trước sau trái ngược nhau như vậy, vì thế phát sinh chất vấn về tướng trạng khác nhau đó, hãy xem xét suy nghĩ để chọn! Như Bốn Luận nói: “Hỏi: Trên đây nói về tướng pháp giới chỉ một - thể của Phật không có hai, tại sao không chỉ là niệm Chân như, mà lại theo đuổi học tập thực hành các điều thiện?”.

Đã nói phần chất vấn về trước sau trái ngược nhau. Tiếp theo nói về phần khai thông và giải thích rõ để loại trừ vấn nạn. Ở đây có bảy phần. Thế nào là bảy phần? Đó là:

1. Phần chính thức trả lời quyết đoán về vấn nạn.
2. Phần tu tập hạnh thiện đạt được lợi ích.
3. Phần tu hành phương tiện thiện xảo.
4. Phần biểu hiện rõ công đức phát tâm.
5. Phần chọn lựa trên dưới để biểu hiện sai khác.
6. Phần liên hệ với văn kinh, giải quyết nghi ngờ.
7. Phần tán thán công đức phát tâm.

Ở trong phần một có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần đưa ra thí dụ khéo léo. Hai là phần hợp lại để nói tương xứng mà an lập.

Ba là phần biểu hiện rõ nói về pháp phát sanh kiến giải.

Ở trong phần thí dụ có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Một là dụ về vật báu. Hai là dụ về tánh thanh tịnh. Ba là dụ về cấu nhiễm. Bốn là dụ cho nhiều người.

Nói về dụ cho vật báu, đó chính là ngọc quý Đại Ma-ni. Ngọc quý như vậy có ở nơi nào? Ngọc quý như vậy có trong đá vàng. Ngọc quý như vậy màu sắc đó như thế nào? Màu sắc rất vàng. Hình tướng của thân đó sẽ như thế nào? Giống như một khối vuông vức, không có dài ngắn. Tướng lớn nhỏ trước kia có số lượng thế nào? Đó là một trượng. Như vậy, ngọc quý trong các loại đá vàng thấy đều đầy đủ, không một loại đá vàng nào không có Ma-ni. Tướng dừng lại và an trú đó thứ tự như thế nào? Đó là thứ nhất ngọc báu. Thứ hai vàng ròng. Thứ ba thể của đá. Ngọc Ma-ni này có mức lượng là một trượng, đó là trong các loại đá vàng hoặc có rất nhỏ, hoặc có rất lớn, tất cả đều sai biệt, há có thể nói là khắp tất cả hay sao? Ngọc Ma-ni này có năng lực thù thắng cho dù mức lượng là một trượng, nhưng khắp nơi trong thân lớn, trong thân nhỏ không sót nơi nào và không có chướng ngại. Cũng có thể nói khắp tất cả mọi nơi, vì trong đá kia có vật báu này. Sắc vàng của đá ấy phải nên quán sát kỹ.

Đây gọi là dụ về vật báu. Như Bốn Luận nói: “Đáp: Ví như thể tánh của ngọc quý Đại Ma-ni”. Nói về dụ cho tánh thanh tịnh, là ngọc quý như vậy thì thể tánh của nó hết sức trong sáng, tách rời mọi bụi bặm vấy bẩn. Đây gọi là dụ về tánh thanh tịnh. Như Bốn Luận nói: “Thể tánh trong suốt”.

Nói về dụ cho cấu nhiễm, là ngọc quý như vậy có thể bị các loại vàng đá làm cho che lấp, không thể hiển bày rõ tướng trạng trong sáng vốn có. Đây gọi là dụ về cấu nhiễm. Như Bốn Luận nói: “Mà lại có chất bẩn của quặng lẫn vào”.

Nói về dụ cho nhiều người, là hạng người hết sức nghèo túng, vô cùng lười nhác, không mong cầu vật báu, và người siêng năng thích tìm kiếm vật báu. Đây gọi là dụ về nhiều người. Như Bốn Luận nói: “Nếu người tuy nghĩ đến tánh ngọc quý, nhưng không dùng các loại phương tiện để mài giũa tinh luyện thì cuối cùng không trong suốt được”.

Đã nói về phần đưa ra thí dụ khéo léo. Tiếp đến nói về phần hợp lại để nêu bày mà an lập tương xứng. Trong thí dụ về vật báu nói đến ngọc quý Đại Ma-ni, xác đáng là dụ cho pháp nào? Đó là dụ cho Phật tánh của Bốn giác. Vì sao? Vì Phật tánh của Bốn giác ẩn tàng trong thân tướng tục của chúng sanh, tựa như châu ngọc kia.

Nói đến đá vàng là dụ cho pháp nào? Dụ cho tất cả chúng sanh tương tục. Vì sao? Vì Phật tánh ẩn tàng trong thân các chúng sanh tựa như đá kia vậy.

Nói đến sắc vàng của đá là dụ cho pháp nào? Dụ cho nghĩa lý bất biến của Phật tánh ấy. Vì sao? Vì Phật tánh của chân như kiên cố không thay đổi, tựa như vàng ròng.

Nói đến giống như một khối vuông vức không dài ngắn là dụ cho pháp nào? Dụ cho pháp Chân như bình đẳng không tăng giảm. Vì sao? Vì pháp Chân như này chỉ một vị là bình đẳng, không có sai biệt, tựa như khối ngọc kia.

Nói đến một trượng là dụ cho pháp nào? Dụ cho pháp Chân như đầy đủ viên mãn không có thiếu sót. Vì sao? Vì Pháp thân của Chân như đầy đủ vạn đức không có thiếu sót, tựa như một trượng vuông kia.

Nói: Như vậy, ngọc quý trong các loại đá vàng thấy đều đầy đủ, không một loại đá vàng nào mà không có Ma-ni, là dụ cho pháp nào? Dụ cho tánh chân như đầy khắp trong các loại thân của mọi chúng sanh, không chúng sanh nào mà lại không có tánh Chân như của Bốn giác. Vì sao? Vì tánh Chân như này xa rời sai lầm không hiện bày khắp mọi nơi, tựa như ngọc châu kia.

Nói thứ nhất là ngọc châu, thứ hai là vàng ròng, thứ ba là thể của đá, là dụ cho pháp nào? Dụ cho pháp đều theo thứ tự dần dần hiện rõ. Vì sao? Vì thuận theo trí của Bốn giác lưu chuyển, lúc kiến lập trong đại dương bốn tướng, như thứ tự đó dần dần hiện bày một cách thô, tựa như ba vị trí kia.

Nói ngọc Ma-ni này có năng lực thù thắng cho dù mức lượng là một trượng, nhưng khắp nơi trong thân lớn, trong thân nhỏ không sót nơi nào, là dụ cho pháp nào? Dụ cho Chân như của Bốn giác có nghiệp dụng không thể nghĩ bàn, khắp trong thân lớn nhỏ như loài muỗi, loài rồng không hề chướng ngại. Vì sao? Do pháp Chân như này là tánh bình đẳng, đầy khắp trong phạm - Thánh tựa như ngọc châu kia.

Nói: Ở trong đá kia có vật báu này nên đá có màu sắc vàng rực, là dụ cho pháp nào? Dụ cho mọi chúng sanh đều có Bốn giác và có tướng tâm. Vì sao? Vì tất cả chúng sanh có tâm giác nên có thức liễu biệt tựa như đá kia.

Đã nói phần dụ cho vật báu hợp lại nói thuận với nhau. Tiếp đến nói phần dụ cho tánh tịnh hợp lại nói thuận với nhau. Nói: Ngọc quý như vậy thì thể tánh của nó rất trong sáng, tách rời mọi bụi bặm vấy bẩn, là dụ cho pháp nào? Dụ cho tánh tịnh của Bốn giác thanh tịnh trong sáng

xa lìa cấu nhiễm.

Đã nói phần dụ cho tánh tịnh hợp lại nói thuận với nhau. Tiếp đến nói phần dụ cho cấu nhiễm hợp lại nói thuận với nhau. Nói: Ngọc quý như vậy có thể bị các loại vàng đá làm cho che lấp, không thể hiển bày rõ tướng trạng trong sáng, là dụ cho pháp nào? Dụ cho tự tánh tâm thanh tịnh, bị vô minh làm cho ẩn kín, không thể nào xuất hiện tánh đức vô lậu vốn có.

Đã nói phần dụ cho cấu nhiễm hợp lại nói thuận với nhau. Tiếp đến nói phần dụ cho con người hợp lại nói thuận với nhau. Nói đến hai loại người là dụ cho pháp nào? Dụ cho người rất siêng năng và người rất lười nhác trong việc tìm cầu vật báu của pháp Phật. Như Bốn Luận nói: “Chúng sanh như vậy...”

Đã nói phần hợp lại để nói mà an lập tương xứng. Tiếp theo nói phần biểu hiện rõ nói về pháp phát sanh kiến giải, hành giả nên xem xét suy nghĩ để chọn! Nội dung trong văn rõ nên không cần phải giải thích riêng. Như Bốn Luận nói: “Pháp Chân như là thể tánh rỗng lặng trong sáng, nhưng có vô lượng phiền não cấu nhiễm, nếu có người suy nghĩ đến Chân như, không dùng các loại phương tiện để tu tập thì cũng không trong sáng được. Vì cấu bản vô lượng vô biên phủ khắp tất cả các pháp, nên tu tập tất cả mọi hạnh thiện để làm đối trị”.

Đã nói phần chính thức trả lời quyết đoán về vấn nạn. Tiếp đến nói phần tu tập hạnh thiện đạt được lợi ích. Nghĩa là nếu chúng sanh đoạn trừ tất cả các điều ác - tu dưỡng tất cả mọi điều thiện, tự nhiên tự tại đạt được Tam muội Chân như soi sáng rõ đêm tối vô minh, không có nghi ngờ sợ hãi. Như Bốn Luận nói: “Nếu có người tu tập thực hành tất cả các pháp thiện, thì tự nhiên trở về thuận theo pháp Chân như”.

Đã nói phần tu tập hạnh thiện đạt được lợi ích. Tiếp đến nói phần tu hành phương tiện thiện xảo. Ở đây vốn có bốn phần. Thế nào là bốn phần? Một là phần căn bản của tất cả mọi sự tu hành. Hai là phần điều phục nghiệp ác khiến không phát sinh. Ba là phần sinh ra thiện căn làm cho tăng trưởng. Bốn là phần thệ nguyện bình đẳng không giới hạn. Như Bốn Luận nói: “Lược nói về phương tiện thì có bốn loại”. Ở trong phần thứ nhất có hai phần nhỏ. Thế nào là hai phần? Một là phần Bát nhã thành tựu về vô trú. Hai là phần đại bi thành tựu về vô trú.

Nói về phần Bát nhã thành tựu vô trú, đó gọi là quán sát tất cả các pháp từ xưa đến nay bất sanh bất diệt, hoàn toàn vắng lặng và không hề có gì, không trú trong sánh tử. Như Bốn Luận nói: “Thế nào là bốn loại? Một là phương tiện thực hành căn bản, đó là quán tất cả các pháp

tự tánh vô sanh xa rời vọng kiến, không trú vào sanh tử”.

Nói về phần đại bi thành tựu vô trú, đó gọi là quán sát tất cả các pháp do nhân duyên hòa hợp, nhân quả không thể rỗng lặng thì nghiệp báo cũng có, duyên với đại dương vô lượng vô biên cảnh giới chúng sanh, làm nơi tiếp nhận thấu tóm rốt ráo không trú vào Niết-bàn. Như Bốn Luận nói: “Quán tất cả các pháp do nhân duyên hòa hợp nghiệp quả không sai sót, khởi lên tâm đại bi tu tập mọi phước đức, thấu hóa chúng sanh không trú vào Niết-bàn, vì tùy thuận pháp tánh không hề an trú”. Đây chính là nêu ra duyên và kết luận hai loại không trú vào đạo hạnh. Pháp môn tu hành tuy không hề có số lượng, mà không trú vào đạo căn bản nhất đó, vì vậy nói là thực hành phương tiện căn bản.

Đã nói phần căn bản của tất cả mọi sự tu hành. Tiếp đến nói phần chế ngự điều phục nghiệp ác khiến không phát sinh. Phần này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ hành giả nên phát khởi hổ thẹn cùng các tâm thanh tịnh, đề phòng tất cả mọi niệm ác dấy lên, dần dần giảm trừ không để cho tăng thêm. Như Bốn Luận nói: “Hai là phương tiện có năng lực làm cho dừng lại, đó là hổ thẹn hối hận về sai lầm của mình, có năng lực ngăn lại tất cả các pháp ác không để cho tăng thêm, vì tùy thuận pháp tánh xa rời các sai lầm”. Đây chính là tổng kết về duyên ấy.

Đã nói phần chế ngự, điều phục nghiệp ác không phát sinh. Tiếp đến nói phần sinh ra thiện căn làm cho tăng trưởng. Phần này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ hành giả nên cung kính cúng dường tất cả Tam bảo, thường xuyên lễ bái - tán thán - tùy hỷ - khuyến thỉnh chân thành, để cho thiện căn tăng trưởng - nghiệp chướng tiêu trừ, vì chí nguyện cầu đạt vô thượng đại Bồ-đề. Như Bốn Luận nói: “Ba là phương tiện phát khởi tăng thêm thiện căn, đó là thường cúng dường lễ bái Tam bảo, tán thán - tùy hỷ - khuyến thỉnh chư Phật, vì tâm ái kính Tam bảo hết sức thuần hậu, nên niềm tin được tăng thêm, mới có thể lập chí mong cầu đạo vô thượng. Lại nhờ lực Tam bảo gia hộ, nên có năng lực làm làm cho nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn không thoái lui, vì tùy thuận pháp tánh xa rời ngu si ám chướng”. Đây chính là tổng kết về duyên ấy.

Đã nói phần sinh ra thiện căn làm cho tăng trưởng. Tiếp đến nói phần thệ nguyện bình đẳng không giới hạn. Phần này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ hành giả nên phát khởi thệ nguyện rộng lớn ở trần số thế giới khắp mười phương, tu tập hành nhân bao la ở trần số thế giới khắp mười phương, thấu giữ vô số chúng sanh ở trần số thế

giới khắp mười phương, thành tựu kết quả tròn đầy rộng lớn ở trần số thế giới khắp mười phương, tất cả đều đầy đủ không có thiếu sót. Như Bốn Luận nói: “Bốn là phương tiện đại nguyện bình đẳng, đó gọi là phát nguyện tận cùng thời gian vị lai, hóa độ tất cả chúng sanh khiến cho không có chúng sanh nào bỏ sót, tất cả đều khiến đạt đến Niết-bàn vô dư, vì tùy thuận pháp tánh không có đoạn tuyệt”. Đây chính là tổng kết về duyên ấy.

Từ đây trở xuống là biểu hiện rõ tùy thuận tướng trạng thù thắng. Vì nghĩa gì, trong phân kết của bốn phần đều gọi chung là tùy thuận pháp tánh? Vì muốn biểu hiện rõ pháp tánh như hư không, thể tánh đó rộng lớn tròn đầy không hề có giới hạn, tướng dụng đó vô ngại tự tại không có gì trước sau. Tất cả hành giả tu tập bốn phần kia cũng lại như vậy, lần lượt thuận theo Như Như, vì chủng tử (A-thế-da) đó rộng lớn tròn đầy không có giới hạn. Như Bốn Luận nói: “Pháp tánh rộng lớn phủ khắp tất cả chúng sanh bình đẳng không hai, không phân biệt bên này bên kia vì hoàn toàn vắng lặng”.

Đã nói phần tu hành phương tiện thiện xảo. Tiếp đến nói phần biểu hiện rõ công đức phát tâm. Văn này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ Bồ-tát trú vào mới phát tâm, khởi tâm tùy thuận rộng lớn tròn đầy trong pháp giới, tướng tự quán trí thấy thân pháp tánh, thấy thân pháp tánh nên nguyện lực tự tại. Do nguyện lực nên duyên với vô lượng vô biên pháp giới chúng sanh khởi tâm Đại Bi. Do tâm Đại Bi vô cùng sâu rộng, nên xuất hiện tám loại hóa tướng an lạc, tùy thời gian, tùy nơi chốn, tùy điều kiện thích hợp, tùy cơ duyên tiếp nhận, lần lượt thuận theo Như Như tạo lợi ích an lạc. Như Bốn Luận nói: “Bồ-tát phát ra tâm này thì được thấy một phần Pháp thân. Nhờ thấy được Pháp thân nên thuận theo nguyện lực đó chủ động hiện rõ tám loại lợi ích cho chúng sanh. Đó gọi là từ cung trời Đâu Suất đi xuống, vào thai - ở trong thai - ra đời - xuất gia - thành đạo - chuyển pháp luân và nhập Niết-bàn”.

Đã nói phần biểu hiện rõ công đức phát tâm. Tiếp đến nói phần chọn lựa trên dưới để biểu hiện sai khác. Ở trong đây có hai phần nhỏ. Thế nào là hai phần? Một là phần chọn lựa khác với địa thượng. Hai là phần chọn lựa khác với phàm phu.

Nói về phần chọn lựa khác với địa thượng, nghĩa là Bồ-tát trú vào phát tâm, chỉ gọi là thân hình huyễn hóa, chứ không được gọi là Bồ-tát Chân như, Pháp thân. Vì sao? Vì Bồ-tát này còn nghiệp từ vô thủy sót lại chưa rời xa, tùy theo nơi thọ sanh cùng với khổ vi tế tương ứng không

lìa. Bồ-tát địa thượng thì khác với phần vị này. Như Bốn Luận nói: “Nhưng Bồ-tát này chưa gọi là Pháp thân, vì từ vô lượng kiếp quá khứ đến nay, nghiệp hữu lậu chưa thể đoạn trừ hoàn toàn, tùy theo nơi đã sinh ra đó tương ứng với những nỗi khổ vi tế”.

Nói về phần chọn lựa khác với phàm phu, đó gọi là Bồ-tát trú vào mới phát tâm, không có tướng trạng trói buộc cùng lúc chuyển đổi nghiệp nhân, không có quả báo thọ sanh ràng buộc. Vì sao? Vì phương tiện của đại nguyện chuyển đổi đầy đủ. Như Bốn Luận nói: “Cũng không phải là trói buộc do nghiệp mà là có năng lực tự tại của đại nguyện”.

Đã nói phần chọn lựa trên dưới để biểu hiện sai khác. Tiếp đến nói phần liên hệ với kinh văn giải quyết nghi ngờ. Ở trong phần này có năm loại, mỗi loại đều giới thiệu đến kinh. Thế nào là năm loại? Đó là:

1. Trong Kinh Văn-thù Sư Lợi Hoan Hỷ Đà La Ni nói như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Ngài thường ở giữa đại chúng nói lời như sau: Năm mươi chủng tử tâm trang nghiêm nơi biển quả, là căn bản của nhân tu hành, tất cả mọi hành giả phải trải qua đạo này thành tựu Đẳng Chánh Giác. Như vậy, trong năm mươi chủng tử của tâm, bao nhiêu loại là phần thoái lui, bao nhiêu loại là phần ổn định? Chỉ nguyện xin Thế Tôn giải thích cho con được biết! Đức Thế Tôn bảo Văn-thù-sư-lợi: Hãy lắng nghe kỹ và cố gắng suy nghĩ đến điều ấy, nay Ta sẽ phân biệt giải thích cho ông hiểu. Nay người thiện nam! Mười loại chân địa gọi là Trú địa Kim cang Bát nhã, bốn mươi tâm trước gọi là địa Pha lê châu tùy chuyển hồi hướng, ông nên thuận theo biết như vậy, thuận theo quán như vậy”. Nay văn kinh này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ hàng Đại sĩ thập địa, đã đến thành chân chứng là địa phận bất thoái. Từ đây trở về trước bốn mươi loại tâm, chưa được chứng trí gọi là địa phận thoái lui.

2. Trong Kinh Bốn giác Đại Bi Tự Nhiên Huân Tập nói như sau: “Lại nữa, này Phật tử! Trước ông đã hỏi tại sao gọi là tướng tiết thối, sự việc này là thù thắng không thể nghĩ bàn trong chỗ không thể nghĩ bàn, hạng phàm phu ngu si và các Bồ-tát mới phát tâm vốn không có năng lực biết được. Bấy giờ, Bồ-tát Đại Minh chí tâm khuyến thỉnh, Phật liền bảo với Đại Minh: Nay người thiện nam! Nói về tướng tiết thối, nghĩa là tâm tín - trụ phát tâm - địa tâm tịnh - tâm kim cang, bốn nơi này đều gọi là thoái phần, tất cả phần trung gian kia đều gọi là bất thoái phần. Vì vậy nói là tướng tiết thối”. Nay văn kinh này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ đại dương pháp Phật rộng lớn tròn đầy không

có giới hạn.

3. Trong Kinh Đại Chứng Đắc Đà La Ni nói như vậy: “Mười loại an tâm quyết định bất thoái không có lý gì thoái thất”. Nay văn kinh này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ hàng Bồ-tát Thập Trụ, phát khởi thiện căn rộng lớn tùy thuận trong tánh pháp giới, quyết định an trú vào địa kim cương.

4. Trong Kinh Ngũ Minh nói như sau: “Mười loại tâm định chẳng thoái lui - chẳng tiến lên, chẳng đến - chẳng đi, chẳng ra - chẳng vào, vạn đức viên mãn không hề thiếu sót, vì vậy nói là tâm trú tự nhiên”. Nay văn kinh này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ quả đức trong địa Thập Trụ đã đầy đủ, càng không có gì tiến lên lại không có gì thoái lui, thường trú tự nhiên không thiếu sót điều gì.

5. Trong Kinh Bồ Tát Anh Lạc Đại Bản Nghiệp nói như vậy: “Này các người thiện nam! Nếu một kiếp, hai kiếp cho đến mười kiếp, tu hành Thập Tín được đi vào Thập Trụ, người này vào lúc ấy bắt đầu từ Trụ thứ nhất cho đến trong Trụ thứ sáu, nếu như tu Bát nhã Ba-la-mật thứ sáu thì chánh quán hiện ở trước mắt. Lại được chư Phật - Bồ-tát và hàng thiện tri thức bảo vệ, ra đến Trụ thứ bảy thường trú không thoái lui. Từ bảy Trụ này về trước gọi là phần thoái”. Nay văn kinh này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ sự khuyến khích thúc đẩy hàng chúng sanh kém lười, để làm cho tâm tăng thêm dũng mãnh. Nay trong luận này tạm thời dựa vào kinh Bản nghiệp làm cho thông suốt, nên quán sát kỹ! Như Bản Luận nói: “Trong kinh hoặc nói có người thoái đọa vào đường ác, nhưng không phải là thoái đọa thật sự, chỉ vì hàng Bồ-tát mới học chưa đi vào địa chính thức, lại lười nhác nên khiến sợ hãi sinh ra dũng mãnh hơn”.

Đã nói phần liên hệ với kinh văn giải quyết nghi ngờ. Tiếp đến nói phần tán thán công đức phát tâm. Phần này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ khi Bồ-tát phát tâm thì rời xa hai điều sợ hãi, vì tâm đó đã quyết định không biến động. Thế nào gọi là hai loại sợ hãi? Một là sợ hãi sanh xuống địa dưới, sanh vào đạo thấp kém, lấy làm rất sợ hãi. Hai là sợ hãi sanh ở địa trên, vì nghe đến cảnh giới thù thắng thì tâm tư khiếm nhược hết sức sợ hãi. Xa rời hai nỗi sợ hãi này, vì thế nên gọi là công đức phát tâm. Như Bản Luận nói: “Đồng thời, Bồ-tát này sau khi vừa mới phát tâm đã rời xa tâm ý khiếm nhược, hoàn toàn không sợ rơi vào địa Nhị thừa.. nếu như nghe trải qua vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, chịu khó chịu khổ thực hành hạnh khổ mới đạt được Niết-bàn, mà cũng không hề khiếm nhược, vì tin và biết rõ tất cả các pháp từ xưa

đến nay là Niết-bàn tự nhiên”. Đây chính là tổng kết lại nhân duyên của hai loại công đức.

Từ phần trên đến đây là nói về phần quyết trạch của phát tâm tín thành tựu. Từ đây trở xuống là các phần nơi các loại, nội dung trong văn rõ nên không cần phải giải thích lại.



LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 8

Đã nói về phần giải thích, tiếp theo nói về phần tín tâm tu hành.

Ở đây có bảy phần. Thế nào là bảy phần? Đó là:

1. Phần chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị phù hợp với nhau.
2. Phần phân tích phẩm loại tín tâm.
3. Phần tu hành phương tiện thiện xảo.
4. Phần giải thích rộng về cách đối trị ma sự.
5. Phần tán thán công đức Tam-muội.
6. Phần hai luân đủ, thiếu, thêm, bớt.
7. Phần khuyến khích hạng kém hưởng về đạt được bất thối.

Đây gọi là bảy phần.

Phần chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị phù hợp với nhau, tương đối thế nào?

Bổn Luận nói: Trong này dựa theo hạng chúng sanh chưa đi vào tụ chánh định để nói về phần tín tâm tu hành.

Luận giải thích: Nói là “Trong này dựa theo hạng chúng sanh chưa đi vào tụ chánh định”, chính là đối tượng được đối trị. Đó gọi là cảnh giới của đối tượng được giáo hóa. “Để nói về phần tín tâm tu hành”, chính là chủ thể đối trị. Đó gọi là giáo pháp của chủ thể giáo hóa. Cảnh giới của đối tượng giáo hóa có số lượng thế nào? Đó là thân tám chúng sanh của hai tụ. Thế nào là hai tụ? Một là tụ định tà. Hai là tụ bất định. Vì sao? Vì hai loại chúng sanh này đều chưa đi vào trong tụ chánh định. Nói là phù hợp với nhau thì tương đối thế nào? Đó là vì trong hai loại chúng sanh đều có giáo thuyết phù hợp. Tương phù hợp thế nào? Đó là muốn che chở cho chúng sanh thuộc định tà nên nói tín tâm, muốn che chở chúng sanh thuộc tụ bất định nên nói về phần tu hành. Tại sao? Vì

tiến vào theo thứ tự pháp đó vốn như vậy, nghĩa là với người chưa tin thì trước hết phải xây dựng niềm tin, người đã tin vào đó thì không ngừng tu hành. Và lại, vì lợi ích nối thông với nhau.

Đã nói về phần chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị phù hợp với nhau. Tiếp đến nói về phần phân tích phẩm loại tín tâm.

Bổn Luận nói: Tín tâm như thế nào? Sao nói là tu hành? Lược nói thì tín tâm có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Một là tín căn bản, đó gọi là vui trong ý niệm hưởng về pháp Chân như. Hai là tín Đức Phật có vô lượng công đức, thường nghĩ nhớ thân cận cúng dường cung kính để phát khởi thiện căn, vì nguyện cầu đạt được Nhất thiết trí. Ba là tín Pháp có lợi ích to lớn, nên luôn nghĩ đến tu hành các hạnh Ba-la-mật. Bốn là tín Tăng có năng lực tu hành chính đáng để lợi mình và lợi người, thường thích thân cận các chúng Bồ-tát, vì cầu học hỏi và thực hành đúng như thật”.

Luận giải thích: Ở trong văn này có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần hỏi thẳng vào phẩm loại của tín tâm. Hai là phần hỏi thẳng vào phẩm loại của tu hành. Ba là phần lược trả lời biểu hiện rõ về tín tâm.

Nói về phần hỏi thẳng vào phẩm loại của tín tâm, đó gọi là hỏi tổng quát về số lượng của tín tâm. Như Bổn Luận nói: “Tín tâm như thế nào?”.

Nói về phần hỏi thẳng vào phẩm loại của tu hành, đó là hỏi tổng quát về mức lượng của sự tu hành. Như Bổn Luận nói: “Sao nói là tu hành?”.

Ở trong phần thứ ba có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần trả lời tổng quát, đó là trả lời tổng quát về những điều đã nói. Như Bổn Luận nói: “Lược nói thì tín tâm có bốn loại”. Hai là nói về phần hỏi tổng quát, đó là hỏi tổng quát về những điều đã nói. Như Bổn Luận nói: “Thế nào là bốn loại?”. Ba là mở rộng trả lời. Trong phần thứ ba này có bốn phần nhỏ. Thế nào là bốn phần nhỏ? Một là phần tín căn bản làm cho tâm bình đẳng. Hai là phần tín Phật vui có công đức. Ba là phần tín Pháp để tinh tấn tu hành. Bốn là tín Tăng làm cho tâm không tranh chấp.

Nói về phần tín căn bản làm cho tâm bình đẳng, đó gọi là vui với niềm tin vì pháp từ xưa đến nay là lý chân như, lực vô minh có sai biệt trở thành nhiều loại, tất cả các tâm thấy đều hợp lại thành một khiến cho bình đẳng. Như bản văn nói: “Một là tín căn bản, đó gọi là vui trong ý niệm hưởng về pháp Chân như”.

Nói về phần tín Phật là vui mừng phát sanh công đức, đó gọi là vui với niềm tin vào Đức Thế Tôn là Đấng Đại Giác Như Lai vô thượng, vui mừng cầu mong hết thấy công đức vốn có vô lượng vô biên. Như Bốn Luận nói: “Hai là tín Đức Phật có vô lượng công đức, thường nghĩ nhớ thân cận cúng dường cung kính để phát khởi thiện căn, vì nguyện đạt được Nhất thiết trí”.

Nói về phần tín Pháp để tinh tấn tu hành, đó gọi là vui với niềm tin vào chư Phật ba đời, là ân cha của mình, là ân mẹ của mình, là ân thầy của mình, không thể thay đổi đi được, không thể sinh ra và diệt, là phép tắc bất động giống như hư không và kim cương, có lợi ích thù thắng không thể nghĩ bàn trong chỗ không thể nghĩ bàn, thường hằng chuyển tiếp theo nhau vào tất cả mọi thời gian, đối với tất cả mọi xứ sở, để tu hành tất cả các phẩm trợ đạo. Như Bốn Luận nói, “Ba là tín Pháp có lợi ích to lớn, nên luôn nghĩ đến để tu hành các hạnh Ba-la-mật”.

Nói về phần tín Tăng làm cho tâm không tranh chấp, đó gọi là vui với niềm tin tất cả vô lượng Bồ-tát Tăng chúng lấy hai hạnh thù thắng làm phẩm đức bên trong của mình, hoặc cách xa, hoặc gần kề, tùy theo lúc mình nghe được, tùy theo lúc mình gặp mặt, tùy theo lúc mình suy nghĩ, hướng đến nơi các vị ấy, chí tâm lắng nghe, tiếp nhận các loại giáo pháp sâu xa, các loại kinh điển thâm diệu, các loại luận thuyết sâu rộng, các loại lý lẽ, các loại sự việc lạ kỳ, không hề đoạn tuyệt. Như Bốn Luận nói: “Bốn là tín Tăng có năng lực tu hành chính đáng để lợi mình và lợi cho người, thường thích thân cận các chúng Bồ-tát, vì cầu học hỏi và thực hành đúng với thật tế”.

Đã nói về phần phân tích phẩm loại tín tâm. Tiếp theo nói về phần tu hành phương tiện thiện xảo.

Bốn Luận nói: Tu hành có năm cách, có năng lực thành tựu niềm tin này. Thế nào là năm cách? Một là Bố thí. Hai là Trì giới. Ba là Nhẫn nhục. Bốn là Tinh tấn. Năm là Chỉ - Quán.

Sao nói là tu hạnh Bố thí? Nếu thấy tất cả những người đến cầu xin, thì của cải vốn có tùy theo khả năng mà giúp cho, để tự xả bỏ tâm tham tiếc làm cho những người kia hoan hỷ. Nếu gặp người đang bị ách nạn nguy hiểm bức bách làm cho sợ hãi, thì tùy bản thân mình có thể đảm nhận giúp cho họ không còn lo sợ. Nếu chúng sanh nào đến cầu giáo pháp, thì tùy bản thân mình có thể lý giải mà phương tiện nói cho họ, không nên tham cầu danh lợi và sự cung kính, chỉ có ý niệm lợi mình và lợi người để hồi hướng Bồ-đề.

Sao nói là tu hạnh Trì giới? Đó là không giết hại - không trộm cắp

- không dâm loạn, không nói hai lưỡi - không nói lời thô ác - không nói dối trá - không nói thêm bớt, rời xa các tâm tham lam - ganh tỵ - lừa dối - dua nịnh - hiềm ác - nóng giận - lý giải tà vạy. Nếu là người xuất gia thì vì phá trừ phiền não, cũng nên rời xa những nơi ồn náo và thường ở nơi vắng lặng, tu tập các hạnh thiếu dục - tri túc - đầu đà..., thậm chí lỗi nhỏ thì tâm cũng sanh ý niệm sợ hãi - hổ thẹn và cố gắng sửa chữa sai lầm, không được coi thường đối với giới cấm Như Lai đã chế định, nên bảo vệ đừng gây ra mọi điều hiềm khích làm cho chúng sanh tưởng vọng gây nên tội lỗi.

Sao nói là tu hạnh Nhẫn nhục? Nghĩa là phải chịu đựng sự náo hại của người khác, tâm không ôm hận trả thù, cũng nên nén chịu đựng đối với các pháp thành công - thất bại - nói xấu - khen tốt - mỉa mai - ca ngợi - đau khổ - vui sướng...

Sao nói là tu hạnh Tinh tấn? Đó là đối với những việc thiện thì tâm không lười nhác lùi bước, lập chí kiên cường rời xa tâm ý khiếm nhược, hãy nghĩ đến quá khứ lâu xa đến nay, nhận chịu nỗi khổ to lớn của tất cả thân tâm một cách oan uổng không có lợi ích. Vì vậy, hãy chịu khó tu mọi công đức để lợi mình lợi người và nhanh chóng xa rời mọi nỗi khổ đau.

Vả lại, nếu như người tuy tu hành tín tâm, nhưng vì từ đời trước đến nay có nhiều tội nặng và nghiệp chướng xấu ác, phải bị các loại tà ma quỷ quái làm cho não loạn, hoặc vì các loại công việc thế gian làm hệ lụy, hoặc vì sự phiền muộn do bệnh tật làm cho đau khổ. Có rất nhiều chướng ngại thuộc loại như vậy, vì thế cần phải dũng mãnh tinh tấn, ngày đêm sáu thời lễ lạy chư Phật, thành tâm sám hối khuyến thỉnh tùy hỷ, hồi hướng quả vị Bồ-đề luôn không rời bỏ, để tránh được các chướng nạn và tăng thêm thiện căn.

Sao nói là tu hạnh Chỉ Quán? Nói Chỉ, là ngăn lại tướng trạng của tất cả mọi cảnh giới, tùy thuận với nghĩa về pháp quán Xa-ma-tha. Nói Quán, là phân biệt tướng trạng của nhân duyên sanh diệt, tùy thuận với nghĩa về pháp quán Tỳ-bát-xá-na. Sao nói là tùy thuận? Theo hai nghĩa này tu tập dần dần, không tách rời nhau, cùng hiện ở phía trước. Nếu tu pháp Chỉ thì ở nơi yên lặng ngồi ngay ý thẳng, không dựa vào hơi thở, không dựa vào hình sắc, không dựa vào hư không, không dựa vào đất nước lửa gió, cho đến không dựa vào thấy nghe hiểu biết, tất cả các tướng tùy theo niệm đều trừ bỏ, cũng loại trừ ý tưởng trừ bỏ, vì tất cả các pháp xưa nay là vô tướng, niệm niệm không sanh ra, niệm niệm không diệt, cũng không được theo tâm nghĩ đến cảnh giới bên ngoài,

sau đó dùng tâm loại trừ tâm. Nếu như tâm dong ruổi tản mác thì nên thâu lại cột chặt vào chánh niệm. Chánh niệm này nên biết chỉ do tâm chứ không có cảnh giới nào khác, ngay cả tâm này cũng không có tự tướng, niệm niệm không thể đạt được. Hoặc từ các oai nghi ngồi, đứng, đi lại tiến dừng và trong những việc làm, đối với tất cả mọi lúc thường nghĩ đến phương tiện tùy thuận quán sát, luyện tập lâu dài trở nên thuần thục thì tâm đó được dừng lại. Vì tâm dừng lại nên tâm sẽ dần dần mạnh mẽ và nhanh nhạy, tùy thuận được đi vào Tam muội Chân chư, hết sức làm cho phiền não phải hàng phục tức tâm tăng lên nhanh chóng thành tựu Bất thoái. Chỉ trừ ra những hạng nghi ngờ mê hoặc không tin và phỉ báng, tội lỗi nghiệp chướng nặng nề - ngã mạn - lười nhác, những người như vậy vốn không thể đi vào được. Hơn nữa, dựa vào Tam-muội này thì biết pháp giới đồng một tướng. Nghĩa là Pháp thân của hết thảy chư Phật, cùng với thân chúng sanh bình đẳng không sai khác, gọi là Tam-muội Nhất Hành. Nên biết Chân Như là Tam-muội căn bản, nếu người tu hành, thì dần dần có năng lực phát sinh vô lượng Tam muội”.

Luận giải thích: Ở trong văn này đã có năm phần. Thế nào là năm phần? Một là phần nêu tổng quát trả lời những câu hỏi trước đây. Hai là phần thông suốt câu hỏi tổng quát đã nói. Ba là phần trả lời sơ lược kiến lập về môn số. Bốn là phần lược hỏi - trả lời rộng ra để nói chi tiết. Năm là phần ca ngợi Tam muội thù thắng.

Nói về phần nêu tổng quát trả lời những câu hỏi trước, đó là trả lời tổng quát câu hỏi trước kia. Như Bốn Luận nói: “Tu hành có năm cách, có năng lực thành tựu niềm tin này”.

Nói về phần thông suốt câu hỏi tổng quát đã nói, có nghĩa là hỏi tổng quát về những gì đã nói. Như Bốn Luận nói: Thế nào là năm cách?

Nói về phần trả lời sơ lược kiến lập về môn số, đó là kiến lập môn số căn bản. Như Bốn Luận nói: “Một là Bồ thí. Hai là Trì giới. Ba là Nhẫn nhục. Bốn là Tinh tấn. Năm là Chỉ Quán”. Tại sao theo thứ tự như vậy? Đó là vì tu hành sáu độ theo thứ tự pháp như thế.

Tiếp theo, trong phần lược hỏi trả lời rộng ra để nói chi tiết, vốn có năm phần. Vốn có năm phần nên quán sát kỹ. Trong năm loại của phần này, tất cả mỗi loại vốn có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần lược hỏi. Hai là phần trả lời rộng. Như thứ tự đó không lẫn lộn về số lượng, nên xem xét suy nghĩ để chọn.

Thứ nhất trong phần tu hạnh Bồ thí, nói sao gọi là tu hạnh Bồ thí? Đó chính là phần lược hỏi, nghĩa là bắt đầu hỏi, do đó về sau ở trong

các phần tiếp thuận theo biết như vậy. Ở trong phần trả lời rộng thì có ba loại thí. Thế nào là ba loại? Một là Tài vật thí. Hai là Tùy ứng thí. Ba là Giáo pháp thí.

Nói về Tài vật thí, nghĩa là nếu chúng sanh đến nơi cư trú của mình xin những vật mình có, thì không nghi ngờ, tùy thời gian nơi chốn, thấy đều giúp cho không hề tiếc. Vật như thế nào gọi là tài vật? Có bao nhiêu loại đồ vật? Đó là có hai loại tài vật. Thế nào là hai loại? Một là vật bên trong. Hai là vật bên ngoài. Đối với vật bên trong cũng có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là không có hình sắc. Hai là có hình sắc. Nói không có hình sắc, đó là tâm thức. Nói có hình sắc, đó là các căn. Nếu chúng sanh đến nơi mình cư trú cầu xin tâm thức, thì không tiếc rẻ, kịp thời giúp cho để người kia hoan hỷ. Nếu chúng sanh đến nơi mình cư trú, tùy theo những cần thiết cầu xin mình tất cả các căn tốt đẹp có hình sắc, lập tức không tiếc rẻ kịp thời giúp cho để người ấy hoan hỷ. Đây gọi là hai loại tài vật bên trong. Đối với vật bên ngoài cũng có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là có tình thức. Hai là không có tình thức. Nói vật có tình thức, chính là những loại như vợ con - thê thiếp - người hầu... Nói vật không có tình thức, tức là những loại như cung điện - nhà cửa - quần áo - đồ dùng trang nghiêm... Nếu chúng sanh đến nơi mình cư trú cầu xin những vật này, liền sẵn sàng kịp thời giúp đỡ khiến cho người ấy hoan hỷ. Đây gọi là hai loại tài vật bên ngoài. Như Bồ Đề Luận nói: “Nếu thấy tất cả những người đến cầu xin của cải vốn có, tùy theo khả năng mà giúp cho, để tự xả bỏ tâm tham tiếc làm cho những người kia hoan hỷ”.

Đã nói về Tài vật thí, tiếp đến nói về Tùy ứng thí. Thế nào gọi là Tùy ứng thí? Đó là hoặc có chúng sanh năm căn bị hỏng mất không thể đầy đủ. Hoặc có chúng sanh gặp nhiều bệnh tật khổ sở không được yên ổn. Hoặc có chúng sanh tâm ý ngu tối không thể nào hiểu rõ, hành giả lúc này làm một người đức hạnh, tùy theo những yêu cầu của họ, tùy theo những gì đảm đương được, tùy theo những gì thích nghi với họ, tùy theo những gì cần thiết cho họ, có thể khéo chọn lựa, có thể dễ phân biệt, trừ bỏ những đau khổ phiền muộn kia khiến cho họ được hoan hỷ. Vì thế nói là Tùy ứng thí. Như Bồ Đề Luận nói: “Nếu gặp người đang bị ách nạn nguy hiểm bức bách khiến sợ hãi, tùy bản thân mình có thể đảm nhận giúp họ không còn lo sợ”.

Đã nói về Tùy ứng thí, tiếp đến nói về Giáo pháp thí. Thế nào gọi là Giáo pháp thí? Đó là có chúng sanh hoặc đúng lúc và không đúng lúc, hoặc thân và không thân, hoặc thông suốt và không thông suốt,

hoặc ngu tối và không ngu tối, hoặc đàn ông và không phải đàn ông, hoặc đàn bà và không phải đàn bà, hoặc xấu ác và không xấu ác, hoặc loài người và không phải loài người..., những loại như vậy đến nơi mình cư trú, lúc muốn cầu pháp thì lập tức không tiếc, phát khởi tâm đại từ bi rộng lớn tròn đầy vô lượng vô biên, quyết định đoạn trừ nghi ngờ của họ, phân biệt để loại trừ phiền não và từ từ tăng thêm trí tuệ, giữ lấy người ấy không rơi vào đường ác, khiến cho đến được Đại Bồ-đề Vô thượng. Vì vậy nên nói là Giáo pháp thí. Như Bốn Luận nói: “Nếu chúng sanh nào đến cầu giáo pháp, tùy bản thân mình có thể lý giải nên theo phương tiện giảng nói cho họ, không nên tham cầu danh lợi và sự cung kính, chỉ có ý niệm lợi mình và lợi người để hồi hướng Bồ-đề”.

Đã nói về phần tu hạnh Bố thí, tiếp đến nói về phần tu hạnh Trì giới. Ở đây có bốn phần. Thế nào là bốn phần? Một là phần kiến lập giới tướng nêu rõ tông chỉ. Hai là phần thành tựu thắng xứ của giới phẩm. Ba là phần hành đầy đủ giới không coi thường. Bốn là phần gìn giữ không để cho phỉ báng.

Nói về phần kiến lập giới tướng nêu rõ tông chỉ, có nghĩa là kiến lập mười loại giới thanh tịnh để phòng ngừa chuyển biến. Như Bốn Luận nói: “Sao nói là tu hạnh Trì giới? Đó là không giết hại - không trộm cướp - không dâm loạn, không nói hai lưỡi - không nói lời thô ác - không nói dối trá - không nói thêm bớt, rời xa các tâm tham lam - ganh tỵ - lừa dối - đua nịnh - hiểm ác - nóng giận - lý giải tà vạy”. Nói về phần thành tựu thắng xứ của giới phẩm, nghĩa là nếu như để đạt đầy đủ giới phẩm, luôn phải xa rời nơi tán loạn hỗn tạp, thường nên tiếp cận nơi vắng lặng tốt đẹp, an trú trong đó không rời bỏ. Như Bốn Luận nói: “Nếu là người xuất gia vì để phá trừ phiền não, cũng nên rời xa những nơi ồn náo và thường ở nơi vắng lặng”. Nói về phần hành đầy đủ giới không coi thường, nghĩa là tu hành các loại công hạnh tốt đẹp dấy lên tâm tin tưởng sâu xa, không được khinh thường giới luật thanh tịnh do Đức Như Lai đã chế định. Như Bốn Luận nói: “Tu tập các hạnh thiếu dục - tri túc - đầu đà..., thậm chí lỗi nhỏ thì tâm cũng sanh ý niệm sợ hãi, hổ thẹn và cố gắng sửa chữa sai lầm, không được coi thường đối với giới cấm của Đức Như Lai đã chế định”. Nói về phần gìn giữ không để phỉ báng, nghĩa là bảo vệ gìn giữ giới Phật như gìn giữ con người mắt, suốt đời không để vỡ mất hoặc bị hư hỏng. Có đầy đủ mọi lợi ích cho bản thân mình, thì các loại chúng sanh phóng dật hiểm khích, không để cho phát khởi những tưởng vọng và gây ra tội lỗi, đầy đủ mọi lợi ích cho người thì để trang nghiêm tốt đẹp cho đại dương Chánh Giác. Như Bốn

Luận nói: “Nên bảo vệ đừng gây ra mọi điều hiểm khích làm cho chúng sanh tưởng vọng gây nên tội lỗi”.

Đã nói về phần tu hạnh Trì giới, tiếp đến nói về phần tu hạnh Nhẫn nhục. Trong đây lại có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần biểu hiện rõ lược nêu về nhẫn điều phục ngã. Hai là biểu hiện rõ mở rộng về nhẫn vô ngã.

Nói về phần biểu hiện rõ lược nêu về nhẫn điều phục ngã, nghĩa là nếu chúng sanh tạo ra cảnh giới xấu ác làm não loạn tâm mình, hành giả lúc ấy tâm chủ động nhẫn chịu không biến động, bức não. Như Bốn Luận nói: “Sao nói là tu hạnh Nhẫn nhục? Đó là phải chịu đựng sự não hại của người khác, tâm không ôm hận trả thù”. Nói về phần biểu hiện rõ mở rộng về nhẫn vô ngã, nghĩa là hoặc có chúng sanh, đem đồ ăn thức uống, áo quần vật dụng cùng các loại tài vật, giúp cho mình có được lợi ích hoan lạc. Hoặc có chúng sanh, dùng các loại dao gậy đáng sợ đến nơi mình cư trú, phá hủy mọi thứ và thân mình khiến không tự tại được. Hoặc có chúng sanh, dùng các loại từ ngữ thô bỉ để phỉ báng, mắng nhiếc, chê bai nói xấu về mình hoặc là xa hay là gần. Hoặc có chúng sanh, dùng các loại phẩm đức thuộc bậc chính thức an trú để ca ngợi bản thân mình. Ở trong các loại sự việc như vậy, tâm của hành giả vẫn bình đẳng kiên cố bất động giống như núi Tu Di. Như Bốn Luận nói: “Cũng nên chịu đựng đối với các pháp thành công - thất bại - nói xấu - khen tốt - mỉa mai - ca tụng - đau khổ - vui sướng”.

Đã nói về phần tu hạnh Nhẫn nhục, tiếp đến nói về phần tu hạnh Tinh tấn. Ở đây lại có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu tổng quát về tu hành tinh tấn. Nghĩa là đối với các loại sự việc tốt đẹp, tâm đó chuyển thành hơn hẳn, thường xuyên ham muốn tinh tấn suốt đời không ngừng. Như Bốn Luận nói: “Sao nói là tu hạnh Tinh tấn? Đó là đối với những việc thiện thì tâm không lười nhác lùi bước, lập chí kiên cường rời xa tâm ý khiếp nhược”. Hai là phần giải thích riêng về tu hành tinh tấn, đây lại chia làm hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần tu hành tinh tấn không trở ngại. Hai là phần tu hành tinh tấn có trở ngại.

Nói về phần tu hành tinh tấn không trở ngại, đó là hành giả khởi lên ý niệm như vậy: Mình từ thời vô thủy quá khứ đến nay, chỉ nhận lấy thân tâm hư vọng giả dối, hoàn toàn không thể nhận lấy được thân tâm kim cang bất hoại, không có nhân duyên gì khác chỉ vì không chịu khó thực hành trong các công hạnh vi diệu. Nếu mình lười nhác không thực hành như trước, thì hưởng về đời vị lai, lại cũng nhận chịu thân tâm

hư vọng hoàn toàn không có lợi ích gì, không có hạn kỳ thoát ra được. Thân của chính mình còn không thoát ra thì mất hết phần tự lợi, huống hồ là cứu giúp các loại chúng sanh đang còn có nhiều đau khổ để đầy đủ công hạnh lợi tha được sao? Khởi ý niệm này rồi, lập tức phát khởi tâm chí thiết tinh tấn, tu hành nhân hạnh rộng lớn, trang nghiêm quả vị vạn đức, kiến lập công hạnh tự lợi lợi tha không thiếu sót sai lệch. Như Bồ đề Luận nói: “Hãy nghĩ đến quá khứ lâu xa đến nay, nhận chịu nỗi khổ to lớn của tất cả thân tâm một cách oan uổng, không có lợi ích. Vì vậy, hãy chịu khó tu mọi công đức để lợi mình lợi người và nhanh chóng xa rời mọi nỗi khổ đau”.

Nói về phần tu hành tinh tấn có trở ngại, đó là nếu như chúng sanh, vì có nghiệp chướng từ vô thủy quá khứ còn lại, bị quân ma, ngoại đạo và quỷ thần xấu ác làm cho não loạn không thể tu hành được. Hoặc có chúng sanh, bị ràng buộc do các công việc hiện tại ở thế gian, hoặc bị sự bức nã của tất cả các loại bệnh tật khốn khổ không thể tu hành được... Những chúng sanh thuộc loại như vậy, cho dù tai nghe được phép tắc mẫu mực, lời nói cao quý, trong mắt nhìn thấy văn chương giáo pháp giảng giải về tướng trạng, nhưng không thể nào chuyên cần tu hành để phát sinh tâm chí chán bỏ, mong cầu. Nhưng nếu như tâm chúng sanh đó dũng mãnh tinh tấn, phát khởi các loại phương tiện tốt đẹp, giữ tâm có thể đảm đương được, thì biển khơi nghiệp chướng sẽ dần dần lặng sóng, núi lớn công đức càng ngày càng lộ rõ đỉnh cao, tám ngọn gió không thể lay động, chín phiến não không ràng buộc được. Như Bồ đề Luận nói: “Vả lại, nếu như có người tuy tu hành tín tâm, nhưng vì từ đời trước đến nay có nhiều tội nặng và nghiệp chướng xấu ác, phải bị các loại tà ma quỷ quái làm cho não loạn, hoặc hệ lụy các loại công việc thế gian, hoặc bị phiền muộn do bệnh tật làm cho đau khổ. Có rất nhiều chướng ngại thuộc loại như vậy, vì thế cần phải dũng mãnh tinh tấn, ngày đêm sáu thời lễ lạy chư Phật, thành tâm sám hối khuyến thỉnh tùy hỷ, hồi hướng quả vị Bồ-đề, luôn không rời bỏ, để tránh được các chướng nạn và tăng thêm thiện căn”.

Đã nói về phần tu hạnh Tinh tấn, tiếp đến nói về phần tu hạnh Chỉ Quán. Ở đây có bốn phần. Thế nào là bốn phần? Một là phần nêu tổng quát, giải thích tổng quát về luân chỉ. Hai là phần nêu tổng quát, giải thích tổng quát về Luân quán. Ba là phần giải thích tóm lược, quyết trạch tùy thuận. Bốn là phần giải thích rộng, quyết trạch về Luân chỉ.

Phần đầu nói nghĩa là ngăn tâm lo nghĩ hiểu biết, cản trở tư duy tán loạn, an trú vào trong một tánh tịch tĩnh, không ra ngoài tướng trạng

của tất cả mọi cảnh giới, để tùy thuận với định, nêu lên nghĩa về quán Đà-a-la. Như Bốn Luận nói: “Sao nói là tu hạnh Chỉ Quán? Nói là Chỉ, là ngăn lại tướng trạng của tất cả mọi cảnh giới, tùy thuận với nghĩa về pháp Quán Xa-ma-tha”.

Nói đến phần nêu tổng quát, giải thích tổng quát về Luân quán, nghĩa là nói rõ sự chọn lựa về đạo lý của nhân duyên, xem xét để phân biệt hình tướng của vô thường, có thể dễ thông suốt, có thể dễ biết tất cả, tùy thuận với Quán nêu lên nghĩa về quán Đà-a-la. Như Bốn Luận nói: “Nói là Quán, là phân biệt tướng trạng của nhân duyên sanh diệt, tùy thuận với nghĩa về pháp quán Tỳ-bát-xá-na”.

Nói đến phần giải thích tóm lược, quyết trạch tùy thuận, đó là định thường xuyên với Quán kia là thuận, Quán thường xuyên trong định kia tức thuận, nên đầy đủ và đầy đủ không xa rời hay chuyển đổi. Như Bốn Luận nói: “Sao nói là tùy thuận? Theo hai nghĩa này tu tập dần dần không tách rời nhau, cùng hiện có ở phía trước”.

Ở trong phần giải thích rộng, quyết trạch về Luân chỉ có bốn phần. Thế nào là bốn phần? Một là phần thành tựu nhân duyên của Luân chỉ. Hai là phần trực tiếp chỉ ra cách tu hành Luân chỉ. Ba là phần tu hành Luân chỉ được lợi ích. Bốn là phần chọn lựa giới hạn vào và không vào. Ở trong phần thành tựu nhân duyên của Luân chỉ thứ nhất, có mười lăm loại. Thế nào là mười lăm loại? Đó là:

1. Nhân duyên về chỗ ở vắng lặng.
2. Nhân duyên chỉ một mình không chung nhau.
3. Nhân duyên về nơi ở tốt đẹp.
4. Nhân duyên về áo quần đầy đủ.
5. Nhân duyên về đồ ăn thức uống đầy đủ.
6. Nhân duyên hạn định phạm vi giữ gìn thanh tịnh.
7. Nhân duyên nhà cửa phòng ốc có tạo lập.
8. Nhân duyên không phát khởi nói năng chuyện trò.
9. Nhân duyên tạo tượng ngồi.
10. Nhân duyên ngồi nơi chỗ ngồi của mình.
11. Nhân duyên thời hạn ra vào.
12. Nhân duyên về thiện hữu tri thức.
13. Nhân duyên biết rõ tà chánh.
14. Nhân duyên trồng rừng cây thiện.
15. Nhân duyên ghi tạc vòng chữ vào lòng. Đây gọi là mười lăm loại nhân duyên lớn.

Nói về nhân duyên chỗ ở vắng lặng, đó là nếu tu tập phương pháp

Luân chỉ, nên ở những nơi vắng lặng, u tịch, như núi rừng hang động..., rời xa nơi xóm làng ồn ào náo loạn. Vì sao? Vì giữa chốn tán loạn thì pháp tu Luân chỉ khó thành tựu.

Nói về nhân duyên chỉ một mình không chung nhau, đó là nếu tu tập phương pháp Luân chỉ, thì trong một phạm vi có hai người cùng cư trú sẽ không hợp lý. Vì sao? Vì va chạm làm phiền lẫn nhau.

Nói về nhân duyên nơi ở tốt đẹp, đó là nếu tu tập phương pháp Luân chỉ, vị trí chỉ có trong phạm vi hai phương Đông và Tây, trong phạm vi phương Nam và Bắc không nên ở. Vì sao? Vì có luân giác phát sinh.

Nói về nhân duyên áo quần đầy đủ, đó là nếu tu tập phương pháp Luân chỉ, nhất định phải sử dụng ba loại áo. Thế nào là ba loại? Một là loại màu vàng. Hai là loại màu đỏ. Ba là loại màu trắng. Ba loại áo như thế cùng sử dụng trong một lúc. Vì sao? Vì loài sâu Tỳ-xoa-la không thể vào được.

Nói về nhân duyên đồ ăn thức uống đầy đủ, đó là nếu tu tập phương pháp Luân chỉ, nhất định phải sử dụng loại hạt Già-ma-y-đà-da để khô, vì những loại hạt khác đều không thể nào dùng được. Vì sao? Vì hạt Già-ma-y-đà-da ấy có tính tiên. Vả lại, nếu không sử dụng các loại Bà-ni-la, thì thọ dụng thời tiết chỉ có ích từ bên trong, vì không có định.

Nói về nhân duyên hạn định phạm vi giữ gìn thanh tịnh, đó là nếu tu tập phương pháp Luân chỉ, cách nhà mình ở trong khoảng một Câu-lô-xá, tụng một trăm mười biến Đại thần chú. Tướng trạng đó thế nào? Đó chính là tụng chú:

Đát điệt tha na la đế, bà xoa ni, a ma da ca đà đế bà bà a a bà bà di đà, xà khư na, ô ha y đà đế, yểm yểm yểm yểm đế, đa bạt đà đà da, ma na thi chỉ đế, xa đà ni phiệt, xoa la ni cưu ha a ha cưu đa thi yểm a đà đà đế, ma ha già da đế, ma ha a già da đế, kiện đa ni, a la a la a la a la a la a la a đế sa bà ha.

Nếu tụng chú này xong, thì hạn định phạm vi giữ gìn thanh tịnh. Vì sao? Vì các loại chất độc không thể vào được.

Nói về nhân duyên của việc tạo lập nhà cửa phòng ốc, nghĩa là nếu vì xây dựng nhà cửa phòng ốc phục vụ cho sự tu tập pháp định, cần phải có đủ mười việc. Thế nào là mười việc? Đó là:

1. Cửa ngõ, chỉ có hướng về phía Đông chứ không phải là hướng khác.

2. Cao thấp, phía Đông cao dần lên và phía Tây thấp dần xuống.

3. Góc vuông, ở giữa một phương cách nhau mỗi phương một trượng.

4. Thứ lớp, là chồng chất mười lớp.

5. Vật sử dụng, chỉ sử dụng năm loại chứ không phải là loại gì khác. Thế nào là năm loại? Một là vàng. Hai là bạc. Ba là đồng. Bốn là sắt. Năm là gỗ tùng.

6. Bạc cửa, ngang bằng với nơi đó không có sai khác.

7. Lớp cửa, là có mười lớp cửa.

8. Chốt cửa, là không có âm thanh phát ra.

9. Tường vách, độ cao một trượng và chồng mười lớp.

10. Ra vào, trong các cửa ấy đều tụng thần chú.

Tướng trạng đó thế nào? Nghĩa là nếu như mở ra thì tụng chú:

Nam ma dạ đế, ma ha cư tỳ na ha, a la bà đề, đà đà a già độ, bát chỉ a chỉ thi, giá bà ni nặc đế, bà chỉ ma tỳ na, a na thi chỉ ni thi chỉ sa bà ha.

Nếu tụng thần chú này một ngàn biến, liền thuận theo lúc, thủy đều thông suốt. Nếu là lúc vào thì tụng chú:

Nam mô nam chỉ na, nam mô phiệt thi đà, nam mô nam a đế, nam mô nam a lê na, nam mô kiện đà ni sa bà ha.

Nếu tụng thần chú này một ngàn năm trăm biến xong, thì thuận theo lúc đều biết mở đóng. Nói về nhân duyên không phát ra nói năng, chuyện trò, nghĩa là nếu vì tu tập phương pháp Luân chỉ, đối với tất cả mọi lúc, đối với tất cả mọi nơi, không phát ra lời nói. Vì sao? Vì thuận theo lời nói mà tâm thức xuất hiện.

Nói về nhân duyên tạo tượng ngồi, nghĩa là nếu vì tạo ra hình tượng ngồi để tu định, phải có đủ năm việc. Thế nào là năm? Đó là:

1. Về vật dụng để làm, hãy sử dụng gỗ cây tùng.

2. Về độ cao, như một nửa thân mình trở lên không thêm bớt.

3. Về góc cạnh, đối với một phương trung tâm thì các phương cách nhau bốn thước.

4. Về phương hướng, chỉ hướng về phương Đông chứ không phải là phương khác.

5. Về dụng cụ trên chỗ ngồi, chỉ dùng Đà-la-đế màu vàng và các loại ghế ngồi màu vàng.

Nói về nhân duyên ngồi nơi chỗ ngồi của mình, nghĩa là nếu vì tu tập phương pháp Luân chỉ, cần phải có đủ mười việc để ngồi nơi chỗ ngồi đó. Thế nào là mười việc? Đó là:

1. Về chân ngang nhau, hai ngón tay cái đặt giữa cuối hai đầu gối,

hợp với nhau không có sai khác.

2. Về đầu gối ngang nhau, là hai đầu gối giữ cho cân bằng khiến không lệch.

3. Về lưng thẳng, lưng phải thẳng đứng không hề nghiêng lệch và chùn xuống.

4. Về tay chống lên, hai tay đối nhau, tay phải đặt dưới tay trái đặt trên, tay trái đặt dưới thì tay phải đặt trên, trải qua một ngày rồi thay đổi lẫn nhau mà không quên mất, lại cũng tay đó sắp xếp trên các căn.

5. Về cổ thẳng, bản chất của cổ là ngay thẳng không dao động thì định được kiến lập.

6. Về mặt nhìn thẳng, tướng mạo của mặt không ngược lên không cúi xuống để cân bằng trạng thái.

7. Về miệng, trạng thái của miệng không rộng không hẹp chỉ mở ra bình thường.

8. Về mũi, hơi thở khiến không sai khác, nghịch loạn phải là một nơi thông suốt.

9. Về mắt, mắt vừa phải ngang bằng, thư thái, không hướng lên, không hướng xuống.

10. Về nơi dừng mắt, đặt ánh mắt đó vào trong vòng chữ Đại hư không, luôn không xa rời. Đây gọi là mười điều trong lúc ngồi tu pháp Chỉ.

Nói về nhân duyên thời hạn ra vào, nghĩa là nếu tu tập phương pháp Luân chỉ, chỉ sử dụng hai thời gian vào giờ Thìn và giờ Ngọ, vì không ra vào trong những thời gian khác với thời gian này.

Nói về nhân duyên thiện hữu tri thức, nghĩa là nếu vì tu tập phương pháp Luân chỉ, thì làm bạn với người có trí tuệ sâu xa.

Nói nhân duyên ấn quyết biết tà chánh, nghĩa là nếu vì tu pháp Luân chỉ, thì thuận theo mức lượng hình tượng đó cần phải thủ ấn kim cương, mới biết rõ đâu là tà, đâu là chánh. Trạng thái đó thế nào? Đó là lập tức tụng chú:

Đát điệt tha mạn na ô đà đế, bà la chỉ đà ni, giá thi di đa da, yểm a thi đế na sa bà ha.

Nếu như tụng thần chú này bốn ngàn sáu trăm năm mươi biến xong, thì trong hình tượng kia xuất hiện hai vòng chữ. Đó là nếu người tà vạy thì đưa ra vòng chữ Tà, nếu là người chánh trực thì đưa ra vòng chữ Chánh, theo đó để phân biệt.

Nói về nhân duyên trồng rừng cây thiện, nghĩa là nếu như vì người tu tập phương pháp Luân chỉ, thì trong phạm vi phía trước nhà mình ở

nên trồng hai loại cây thuộc loại an lành. Thế nào là hai loại? Một là cây tùng. Hai là cây lựu.

Nói về nhân duyên ghi tạc vòng chữ vào lòng, nghĩa là nếu như vì người tu tập phương pháp Luân chỉ, cần phải ghi tạc vòng chữ vào lòng. Thích hợp ở nơi nào? Đó là nơi tâm tư. Vì nghĩa gì cần phải ghi tạc vào vòng chữ này? Nghĩa là vòng chữ này hết thấy chư Phật ba đời và vô lượng vô biên các vị Bồ-tát, lấy đó làm sư trưởng đại ân - cha mẹ đại ân - trời đất đại ân - biển cả đại ân. Vì nhân duyên ấy nên là người tu tập pháp Chỉ hãy ghi tạc tâm mình vào vòng chữ này. Như vậy, nhân duyên tuy có vô lượng, nay trong Luận Ma Ha Diễn này, chỉ trình bày nhân duyên thứ nhất, chứ không trình bày các nhân duyên khác, là vì đưa ra nhân duyên đầu là thấu tóm mọi nhân duyên sau. Như Bản Luận nói: “Nếu tu pháp Chỉ thì ở nơi yên lặng”.

Đã nói về phần nhân duyên thành tựu của Luân chỉ, tiếp đến nói về phần trực tiếp chỉ ra cách tu hành Luân chỉ. Trong phần này có bảy phần. Thế nào là bảy phần? Đó là:

1. Phần giữ tâm quyết định, là tâm ấy chắc chắn trong lý chân như bất sanh bất diệt. Như Bản Luận nói: “Ngồi ngay ý thẳng”.

2. Phần không đắm vào thân thể, vì có thể dễ thông suốt thân này là rộng lặng chẳng có gì, tự tánh vốn có đó không thể đạt được. Như Bản Luận nói: “Không dựa vào hơi thở, không dựa vào hình sắc, không dựa vào hư không, không dựa vào đất nước lửa gió”.

3. Phần không đắm vào tâm thức, vì có năng lực dễ thông suốt tâm suy nghĩ nhận biết, tự tánh rộng lặng hoàn toàn chẳng hề có gì. Như Bản Luận nói: “Cho đến không dựa vào thấy nghe hiểu biết, tất cả các tướng tùy theo niệm đều trừ bỏ, cũng loại trừ luôn ý tưởng”. Từ đây trở xuống là nêu rõ nhân duyên thân tâm đó rộng lặng không có gì. Như Bản Luận nói: “Vì tất cả các pháp xưa nay là vô tướng, niệm niệm không sanh ra, niệm niệm không diệt, cũng không được theo tâm nghĩ đến cảnh giới bên ngoài”.

4. Phần không đắm vào nơi không đắm vào, vì tâm có năng lực loại trừ cũng loại trừ luôn. Như Bản Luận nói: “Sau đó dùng tâm loại trừ tâm”.

5. Phần tập trung lại thành một, là thấu gồm mọi tâm phân tán dấy động đặt vào trong một tâm. Như Bản Luận nói: “Nếu như tâm dong ruổi tản mát thì nên thu lại, cột chặt vào chánh niệm”.

6. Phần biểu hiện rõ chánh niệm, là biểu hiện rõ các pháp chỉ có một tâm. Như Bản Luận nói: “Chánh niệm này, nên biết chỉ do tâm chứ

không có cảnh giới nào khác, ngay cả tâm này cũng không có tự tướng, niệm niệm không thể đạt được”.

7. Phần luôn thực hành không xa rời, vì tâm định như vậy đối với tất cả mọi lúc tất cả mọi nơi, luôn tương tục không rời bỏ. Như Bốn Luận nói: “Nếu từ các oai nghi ngồi, đứng dậy, đi lại, tiến dừng và trong những việc làm, ở tất cả mọi lúc luôn nghĩ đến phương tiện tùy thuận quán sát”.

Đã nói về phần trực tiếp chỉ ra cách tu hành Luân chỉ, tiếp đến nói về phần tu hành Luân chỉ được lợi ích. Đó là nếu người nào có thể tu pháp định này, dần dần chuyển hóa làm cho đại dương phiền não khô cạn, núi lớn nghiệp chướng sụp đổ, đi vào định chân như thông hiểu tất cả các pháp đến nơi không còn thoái lui. Như Bốn Luận nói: “Luyện tập lâu dài trở nên thuần thực thì tâm đó được dừng lại. Vì tâm dừng lại nên dần dần mạnh mẽ và nhanh nhạy, tùy thuận được đi vào Tam muội Chân chú, rốt ráo làm cho phiền não phải hàng phục và tín tâm tăng lên nhanh chóng, thành tựu bất thoái”.

Đã nói về phần tu hành Luân chỉ được lợi ích, tiếp đến nói về phần chọn lựa giới hạn vào và không vào. Ở trong phần này có hai ý. Thế nào là hai ý? Một là ý đi vào hưởng về. Hai là ý không đi vào. Nói đến ý đi vào hưởng về, nghĩa là hoặc có chúng sanh hưởng về đi vào pháp sâu xa, tâm không hề nghi ngờ. Hoặc có chúng sanh nghe được pháp rất sâu xa, tâm họ quyết định không nẩy sinh tâm không tin. Hoặc có chúng sanh nghe được pháp rất sâu xa thì hết sức tôn trọng không nẩy sinh tâm phỉ báng. Hoặc có chúng sanh không có nghiệp chướng nặng nề. Hoặc có chúng sanh không có tâm ngã mạn. Hoặc có chúng sanh không có tâm lưỡi nhác. Sáu loại người như vậy, đi vào chủng tánh Phật quyết định không nghi ngờ, gọi là ý đi vào hưởng về. Nói đến ý không đi vào, nghĩa là nếu chúng sanh trái với sáu loại người này, vĩnh viễn đoạn tuyệt chủng tử Tam bảo, thì quyết định không nghi ngờ, đó chính là ý không đi vào. Như Bốn Luận nói: “Chỉ trừ những hạng nghi ngờ, mê lầm không tin và phỉ báng, tội lỗi nghiệp chướng nặng nề - ngã mạn - lưỡi nhác, những người như vậy vốn không thể đi vào được”.

Đã nói về phần lược hỏi - trả lời rộng để nói chi tiết. Tiếp đến nói về phần ca ngợi Tam-muội thù thắng. Ở đây có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần thể rộng lớn vô biên thù thắng. Hai là phần quyền thuộc vô tận thù thắng. Nói đến phần thể rộng lớn vô biên thù thắng ấy, là tu tập Tam-muội này thì thông đạt hết thấy vô lượng các pháp Phật, đồng một thể chung một tướng không có sai biệt. Như Bốn Luận nói:

“Hơn nữa, dựa vào Tam muội này thì biết pháp giới đồng một tướng, nghĩa là Pháp thân của hết thầy chư Phật, cùng với thân của chúng sanh là bình đẳng không hai, gọi là Tam muội Nhất hành”. Nói đến phần quyển thuộc vô tận thù thắng, đó chính là Tam muội Chân chư này, có năng lực làm gốc rễ đích thực cho vô lượng vô biên Tam muội Kim cang, để luôn sinh ra và lớn lên. Như Bốn Luận nói: “Nên biết Chân như là Tam muội căn bản, nếu người tu hành thì dần dần có năng lực phát sinh vô lượng Tam-muội”.



LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 9

Đã nói về phân tu hành phương tiện thiện xảo. Tiếp đến nói về phần giải thích rộng cách đối trị ma sự.

Bổn Luận nói: Hoặc có chúng sanh không có sức mạnh của thiện căn, bị các ma, ngoại đạo, quỷ thần làm cho mê hoặc rối rắm, như ở trong chỗ ngồi hiện hình làm cho sợ hãi. Hoặc hiện ra các tướng nam nữ đoan nghiêm đẹp đẽ, nên nghĩ đến cảnh giới chỉ do tâm thì cảnh sẽ diệt và cuối cùng không bị não loạn. Hoặc hiện ra thân tướng chư Thiên, thân tướng Bồ-tát, cũng hiện làm thân tướng Như Lai đầy đủ mọi vẻ đẹp, hoặc nói các Đà-la-ni, hoặc nói về Bồ thí - Trì giới - Nhẫn nhục - Tinh tấn - Thiền định - Trí tuệ, hoặc nói về Bình đẳng - Không - Vô tướng - Vô nguyện - Không oán - Không thân - Không nhân - Không quả, hoàn toàn rỗng lặng là Niết-bàn chân thật. Hoặc khiến cho người biết rõ sự việc của túc mạng quá khứ, cũng biết về sự việc của vị lai, đạt được tha tâm trí và biện tài vô ngại, có thể làm cho chúng sanh tham chấp với những điều kiện danh lợi của thế gian. Lại làm cho con người sinh ra nhiều tâm hay giận hay vui, tính tình không chuẩn mực, bình thường. Hoặc nhiều lòng yêu thương - ngu nhiều - bệnh lắm, tâm tư uể oải lười biếng. Hoặc đột nhiên nổi lên tinh tấn, sau dừng lại bỏ sanh ra không tin tưởng, nhiều nghi ngờ, lắm suy nghĩ. Hoặc xả bỏ công hạnh tốt đẹp ban đầu, trở lại tu theo những nghiệp xen tạp. Hoặc dính vào các loại liên quan đến công việc thế gian, cũng có thể làm cho người ta đạt được các Tam-muội, tương tự phần nào và đều là những sự chứng đạt của ngoại đạo chứ không phải là Tam-muội chân thật. Hoặc trở lại khiến cho người ta có thể một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, cho đến bảy ngày, trú trong định có được đồ ăn thức uống thơm ngon tự nhiên, thân tâm vui vẻ thư thái, không đói không khát, làm cho người ta yêu thích tham đắm. Có khi cũng khiến cho người ta ăn không chừng

mức nhiều ít thất thường, nhan sắc thay đổi tiêu tụy. Do nghĩa này, hành giả hãy thường xuyên thuận theo trí tuệ quán sát đừng để cho tâm ấy rơi vào mạng lưới tà vạy, hãy chịu khó nghĩ đến chánh pháp, không giữ lấy, không đắm vướng thì có thể rời xa những nghiệp chướng này. Nên biết các Tam muội ngoại đạo có được, đều không lìa khỏi tâm kiến ái, ngã mạn, vì tham đắm đối với danh lợi và sự cung kính của thế gian. Tam muội Chân chú thì không trú vào tướng thấy, không trú vào tướng đạt được, thậm chí rời khỏi định cũng không lơ lửng xem thường, do đó tất cả mọi phiền não dần dần ít lại. Nếu các phàm phu không luyện tập pháp Tam muội này, mà được đi vào chủng tánh Như Lai, thì thật là điều hết sức phi lý. Vì tu theo các Thiền Tam-muội của thế gian, phần lớn đẩy lên chấp trước ý vị, đều dựa vào ngã kiến, là thuộc về ba cõi cùng với ngoại đạo như nhau. Nếu như xa rời sự bảo vệ của hàng thiện tri thức, thì sẽ đẩy lên cái thấy của ngoại đạo.

Luận giải thích: Ở trong phần này tự có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần lược giảng giải, lược chỉ ra Tổng trì. Hai là phần phân tích nói rộng, nêu rộng. Trong phần thứ nhất có năm phần nhỏ. Thế nào là năm phần? Đó là:

1. Phần chúng sanh hơn kém không như nhau.
2. Phần giả người có thể gây ra trở ngại.
3. Phần biểu hiện rõ nghiệp dụng đã gây ra.
4. Phần biểu hiện rõ thực hành pháp đối trị.
5. Phần biểu hiện rõ nhờ lực đối trị đạt được lợi ích.

Nói về phần chúng sanh hơn kém không như nhau, là vì hai loại chúng sanh hoàn toàn khác nhau. Thế nào là hai loại? Một là chúng sanh có đầy đủ nhân duyên. Hai là chúng sanh thiếu mất nhân duyên.

Chúng sanh đầy đủ là có đủ năm điều kiện. Chúng sanh thiếu mất là thiếu đi bốn điều kiện. Sao nói là có đủ năm điều kiện? Đó là:

1. Có đủ niềm tin, là vui thích sâu xa.
2. Có đủ nhân cách, là có năng lực bảo vệ giữ gìn.
3. Có đủ phương pháp, là năng lực dễ thông suốt phân biệt rõ chánh tà.
4. Có đủ thời gian, là tùy thuận để tiếp thu thích hợp.

5. Có đủ tính chất, vì có chân tánh. Nếu chúng sanh nào có đủ năm điều kiện này thì hoàn toàn không có chướng ngại. Sao nói là thiếu đi bốn điều kiện? Đó là trái ngược lại cùng với bốn loại trước kia. Nếu chúng sanh nào tuy là có chân tánh, nhưng thiếu đi bốn điều kiện ấy thì cuối cùng không xa rời chướng ngại được. Nay trong văn này chọn lấy

cái thiếu sót cần phải biết. Như Bốn Luận nói: “Hoặc có chúng sanh không có sức mạnh của thiện căn”.

Đã nói về phần chúng sanh hơn kém không như nhau. Tiếp theo nói về phần giả người có thể gây trở ngại. Giả người gây trở ngại cho dù có vô số nhưng không ra ngoài bốn loại. Thế nào là bốn loại? Một là ma. Hai là ngoại đạo. Ba là quỷ. Bốn là thần. Nói về loại ma là bốn loại đại ma và ba vạn hai ngàn chúng ma tùy thuộc. Nói về loại ngoại đạo là chín mươi sáu loại các ngoại đạo lớn và chín vạn ba ngàn ngoại đạo tùy thuộc. Nói về loại quỷ là mười loại quỷ lớn và năm vạn một ngàn ba trăm lẻ hai loại các quỷ tùy thuộc. Nói về loại thần là mười lăm đại thần và năm vạn một ngàn ba trăm ba trăm lẻ hai loại các thần tùy thuộc. Như vậy, tất cả các loại thấy đều ngăn trở làm hỗn loạn chánh giáo khiến hướng về con đường sai trái nên gọi là đạo tà. Danh nghĩa của ma và ngoại đạo có sai biệt, xuất hiện trong kinh giải thích rõ, do đó tạm thời lược bớt không giải thích. Sự việc của quỷ và thần, xuất hiện trong kinh nhưng không rõ ràng, nên lại giải thích sơ lược về phần cương yếu. Nói về mười loại quỷ thì tên gọi ra sao? Đó là:

1. Loài quỷ Già-tỳ-đa-đê.
2. Loài quỷ Y-già-la-thi.
3. Loài quỷ Y-đê-già-đế.
4. Loài quỷ Bà-na-kiện-đa.
5. Loài quỷ Nhĩ-la-nhĩ-lê-đê.
6. Loài quỷ Ban-ni-đà.
7. Loài quỷ A-a-di.
8. Loài quỷ Xà-khư-bà-ni.
9. Loài quỷ Đa-a-đa-y-đa.
10. Loài quỷ Đôi thích.

Đây là mười loại quỷ lớn. Như vậy, hoạt dụng của mười loại quỷ sai khác thế nào? Nếu là quỷ thứ nhất thì hoặc làm ra cảnh ban ngày, hoặc làm ra cảnh ban đêm, hoặc làm ra cảnh mặt trăng, mặt trời và tinh tú, hoặc làm ra cảnh thời tiết, tùy theo sự thích ứng mà biến chuyển. Nếu là quỷ thứ hai thì làm ra cảnh trạng của các loại hương vị - các loại áo quần vật dụng - các loại cỏ cây, tùy theo sự thích ứng mà biến chuyển. Nếu là quỷ thứ ba thì làm ra cảnh giới của đất nước gió lửa, tùy theo sự thích ứng mà biến chuyển. Nếu là quỷ thứ tư thì làm ra cảnh trạng bay vọt lên cao, tùy theo ý muốn không ngăn ngại gì. Nếu là quỷ thứ năm thì làm ra cảnh trạng của các căn thức đóng mở, tùy theo ý muốn không gì ngăn ngại. Nếu là quỷ thứ sáu thì làm ra

cảnh giới lục thân quyến thuộc cũng có cũng không có, tùy theo ý muốn không gì ngăn ngại. Nếu là quỷ thứ bảy thì làm ra cảnh tượng già trẻ tùy theo ý muốn không gì ngăn ngại. Nếu là quỷ thứ tám thì làm ra cảnh trạng có trí tuệ hay không có trí tuệ, tùy theo ý muốn không gì ngăn ngại. Nếu là quỷ thứ chín thì làm cho cảnh tượng không có trở thành có, tùy theo ý muốn không gì ngăn ngại. Nếu là quỷ thứ mười thì làm ra cảnh giới của các loại bò cạp ruồi muỗi sâu kiến - rồng cạp sư tử và các loại âm thanh ghê rợn, tùy theo ý muốn không gì ngăn ngại. Đây gọi là là hoạt dụng của mỗi loại. Như vậy, các hoạt dụng của mỗi loại nhờ vào năng lực nào mà được thành tựu? Tất cả nhờ vào ba điều kiện mà được thành tựu. Thế nào là ba điều kiện? Một là bậc thầy. Hai là giáo pháp. Ba là luyện tập. Bậc thầy là người dạy dỗ, giáo pháp là những điều mình học hỏi, luyện tập là sự huân tập nhiều đời trước. Đây gọi là ba điều kiện. Như vậy, mười loại quỷ luôn trong tất cả mọi lúc không tách rời lẫn nhau, cùng hiện hành cùng biến chuyển gây ra những điều trở ngại cơ bản, tên gọi của hoạt dụng thuận theo tăng lên mà kiến lập, như tên gọi thứ nhất.

Nói về mười lăm loại đại thần thì tên gọi thế nào? Đó là:

1. Loài thần Phiệt-la-la-kiện-đa-đề.
2. Loài thần A-chỉ-đà-di-lê-ni.
3. Loài thần Bồ-đa-đế-đà-ha-ha-bà.
4. Loài thần Xà-tỳ-ma-chỉ-ni.
5. Loài thần Na-đa-bà-xa.
6. Loài thần Đa-đa-đa-đa-địa-địa.
7. Loài thần A-lý-ma-la.
8. Loài thần Thi-xoa-ni-đế-bà-kiệt-na.
9. Loài thần Ban-di-đà-la-ô-đà-đề.
10. Loài thần Án-án-ngâm-ngâm.
11. Loài thần A-a-ha-đế.
12. Loài thần Tu-lê-di-ni.
13. Loài thần Đầu-đầu-ngư-đầu.
14. Loài thần Bà-cư.
15. Loài thần Tinh-mị.

Đây gọi là mười lăm đại thần. Mười lăm loại đại thần này thì hoạt dụng của mỗi loại ra sao? Loại thần thứ nhất làm ra cảnh hướng thông minh. Loại thần thứ hai làm ra cảnh hướng ám độn. Loại thần thứ ba làm ra cảnh giới ưa thích có ánh sáng. Loại thần thứ tư làm ra cảnh giới ưa thích không có ánh sáng. Loại thần thứ năm làm ra cảnh tượng trôi nổi

tản mác. Loại thần thứ sáu làm ra cảnh tượng chuyên môn chú ý. Loại thần thứ bảy làm ra cảnh giới của ác rồng lặn, thiện phát sinh. Loại thần thứ tám làm ra cảnh giới của tất cả các bậc giác ngộ. Loại thần thứ chín làm ra cảnh giới mình giác ngộ mà người khác mê hoặc. Loại thần thứ mười làm ra cảnh giới không vốn có sự tu hành. Loại thần thứ mười một làm ra cảnh tượng không, luôn là cái không. Loại thần thứ mười hai làm ra cảnh giới tiến lùi nhanh chóng. Loại thần thứ mười ba làm ra cảnh tượng di chuyển làm thay đổi. Loại thần thứ mười bốn làm ra cảnh tượng bền vững kiên cố. Loại thần thứ mười lăm làm ra cảnh tượng thuận theo thời gian. Như vậy, mười lăm loại Đại thần vương ấy luôn trong tất cả mọi lúc không rời xa nhau, cùng lưu thông cùng xoay chuyển, để gây ra điều chướng ngại làm não loạn hành giả.

Ma và ngoại đạo sai biệt thế nào? Nói đến ma là khiến gây ra những việc ác. Nói đến ngoại đạo là làm cho từ bỏ việc thiện. Sai biệt của hai loại nên biết như vậy. Quỷ cùng với thần sai biệt thế nào? Chướng ngại đến thân là quỷ, chướng ngại cho tâm là thần, sai biệt giữa hai loại nên biết rõ như vậy. Bốn loại chướng ngại như thế phải đối trị thế nào? Cách đối trị trong này có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Một là tùy thuận chuyển đổi theo để đối trị. Hai là chống lại nhau xa cách nhau để đối trị. Ba là cùng hiện hành để đối trị. Bốn là đều không phải để đối trị.

Nói đến tùy thuận chuyển đổi theo để đối trị, tức là đối trị rất tự tại không có ngăn ngại. Đó là nếu ngoại đạo làm những việc rối loạn tâm của hành giả như vậy, thì hành giả lập tức khởi lên ý niệm như sau: Từ vô thủy đến nay sự việc này như thế và cuối cùng không thể phá bỏ việc đó. Vì sao? Vì những kiến giải như vậy vốn có nơi Bốn giác và phẩm đức thật sự của nó, chứ không phải là sai lầm tai họa. Nếu khởi lên sự hiểu này, thì các loại tà kiến tức khuất phục thuận theo dường như tiêu hết. Vì sao? Vì tùy theo kiến giải ấy có tăng giảm mà tánh đức vô lậu cũng có lớn nhỏ, đây gọi là tùy thuận chuyển đổi theo để đối trị. Nói đến chống lại nhau, xa cách nhau để đối trị, tức là chọn biệt tướng để đối trị, đó là nếu tâm của hành giả bị người ngoài gây ra sự hỗn loạn như vậy, hành giả ấy lập tức tìm phương tiện, trở lại chống trả di chuyển cách, xa trái ngược nhau, xa rời nhau để chọn lọc. Đây gọi là chống lại nhau xa cách nhau để đối trị. Nói đến cùng hiện hành để đối trị, tức là cùng chuyển đổi đầy đủ để đối trị, nghĩa là trong một lúc có đầy đủ hai cách đối trị nghịch và thuận, vì không xa rời sự chuyển đổi. Đây gọi là tương trạng cùng hiện hành để đối trị. Nói đến “đều không phải” để

đối trị, tức là cách đối trị không phân biệt gì và không dựa vào đâu, đó là đối với tất cả các pháp không có những phân biệt, không có những suy tính, không có những vướng mắc, không có những mong cầu, tâm tư trong sáng vắng lặng trú vào nơi vô trú. Đây gọi là tướng trạng “đều không phải” để đối trị. Tướng đối trị như vậy, ở trong văn sau nói rõ về tướng, nơi phần quyết trạch này đã lược bớt. Như Bốn Luận nói: “Bị các ma ngoại đạo quỷ thần làm cho mê hoặc hoảng loạn”.

Đã nói về phần giả người có thể gây ra trở ngại. Tiếp theo nói về phần biểu hiện rõ nghiệp dụng đã gây ra. Ở trong phần này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là Tổng. Hai là Biệt. Trong phần Tổng tướng có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần Tổng tướng, nghiệp dụng đã gây ra. Hai là phần thông suốt pháp thực hành đối trị. Phần thứ nhất tướng đó thế nào? Nghĩa là như trên đã nói về tất cả các loại tà ma, hiện ra hình dạng nơi sáu đường làm hỗn loạn đến tâm của hành giả. Nay sẽ giải thích nói rõ. Nếu là quỷ và thần thì phần lớn tạo ra bốn cảnh tượng của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A-tu-la để làm rối loạn tâm tư hành giả. Như Bốn Luận nói: “Như ở trong chỗ ngồi hiện hình làm cho sợ hãi”. Nếu là ma thì phần nhiều tạo ra cảnh giới loài trời để làm rối loạn tâm tư hành giả. Như Bốn Luận nói: “Hoặc hiện ra các tướng nam nữ đoan chánh đẹp đẽ”. Nếu là chúng ngoại đạo thì phần nhiều tạo ra tình huống của loài người để làm hỗn loạn tâm tư hành giả. Như Bốn Luận nói: “Các tướng nam nữ”. Nói các tướng ấy, chính là tướng trạng giống như nhau. Đó là tạo ra y báo chánh báo cùng chủng loại để làm hỗn loạn tâm tư của hành giả khiến không tu tập được.

Đã nói về phần Tổng tướng nghiệp dụng gây ra. Tiếp đến nói về phần thông suốt pháp thực hành đối trị. Nghĩa là có chúng sanh thực hiện quán tưởng như vậy: Tất cả các pháp chỉ do một tâm lượng sanh ra chứ không có pháp nào ngoài tâm. Đã không có pháp ngoài tâm, há pháp trong một tâm cùng với pháp trong một tâm lại làm chướng ngại nhau? Cũng là pháp trong một tâm cùng với pháp trong một tâm tạo ra giải thoát cho nhau hay sao? Không có chướng ngại cũng không có giải thoát. Pháp của một tâm thì một tức là tâm này, tâm chính là một này, không có một ngoài tâm, không có tâm ngoài một, một thấu tóm pháp giới, tâm thấu tóm pháp giới, vô lượng vô biên cảnh giới tướng vọng, vắng lặng trong suốt không dấy lên mà hợp với trung đạo xa rời tướng. Tất cả các pháp bình đẳng, cùng một vị chung một tướng là vô tướng, làm thành một loại ánh sáng, đại dương tâm địa vĩnh viễn không còn những làn gió tiếp nhau, và từng ngọn sóng cuối cùng đã dừng lại.

Đây gọi là thông suốt tướng trạng đối trị. Vì sao? Vì tất cả hành giả nếu không trở về phương pháp đối trị này, thì không biết lấy cách gì để phá vỡ đạo tà khiến chấp trước sai lầm phải khuất phục. Như Bồ Đề Luận nói: “Nên nghĩ đến cảnh giới chỉ do tâm thì cảnh sẽ diệt và cuối cùng không bị não loạn”.

Đã nói về phần thông suốt pháp thực hành đối trị. Tiếp theo nói về phần Biệt tướng nghiệp dụng đã gây ra. Ở đây có tám phần. Thế nào là tám phần? Đó là:

1. Phần xuất hiện hình tướng con người làm cho tin theo.
2. Phần xuất hiện giảng nói làm hỗn loạn ý thức.
3. Phần đạt được trí biết rõ ba đời làm cho người ta mê hoặc.
4. Phần không xa rời sự ràng buộc của thế gian.
5. Phần tánh của tâm thất thường sinh ra rối loạn.
6. Phần khiến cho đạt được định tà chứ không phải là định chánh.
7. Phần khuyến thỉnh hành giả xa rời tà vạy.
8. Phần chọn lựa thật - giả khiến cho rõ ràng.

Như thứ tự đó nói về tướng trạng nên quán sát kỹ. Ở trong phần thứ nhất đã có ba loại người. Thế nào là ba loại? Một là người cõi trời. Hai là người thuộc bậc Bồ-tát. Ba là người thuộc hàng Như Lai. Nếu có người hàng ngoại đạo làm ra ba hình dáng này, sử dụng tất cả bao nhiêu phần? Tất cả có sáu phần. Thế nào là sáu phần? Đó là:

1. Phần tạo ra hình tượng.
2. Phần cúng tế cầu xin.
3. Phần thần chú.
4. Phần tụng kinh.
5. Phần a hô.
6. Phần khuyến thỉnh.

Nói về phần tạo ra hình tượng, là thuận theo xứ sở sử dụng hình tượng loại người nào, để làm ra hình tượng loại người đó.

Nói về phần cúng tế cầu xin, là dùng các loại đồ ăn thức uống, các loại thân mạng chúng sanh để làm việc cúng tế. Nói về phần thần chú, là thuận theo xứ sở ấy mà đọc tụng Đà-la-ni.

Nói về phần tụng kinh, là đọc tụng các kinh như Bát Đà Đa...

Nói về phần A-hô, là tùy theo việc đã làm không cần phải nói gì khác, chỉ dấy lên nói là A-hô-a.

Nói về phần khuyến thỉnh, là hướng về khuyến thỉnh thần lực từ Đức Thế Tôn. Nói về tạo ra hình tượng thì tướng đó thế nào? Và trong lúc làm hình tượng loài Trời thì phải như thế nào? Nghĩa là ở tại đầu

- mặt - mắt - tai - mũi - lưỡi - thân - tay và chân, trong chín chỗ này tất cả mỗi chỗ đều tụng mười tám ngàn biến Đà-la-ni để chú nguyện thành lập. Đó là nếu trong lúc làm phần mắt của hình tượng, thì tụng chú:

Giá a na thi đế, phiệt ô đa a xác sa a xác xoa sa đế bạt đà đế đa đà đà na, thi sa thi xoa na ô tra ô vận thi, la la la la la la la la la (chín chữ la), nặc nặc nặc nặc nặc nặc nặc nặc (chín chữ nặc), bạt đa bạt đa đế khư chỉ la ca kết na la la khư chỉ na giá thi ha ha đế, gia gia gia gia giá bạt thi, tỳ kiện tỳ kiện thi, na xoa bà bà bà, kiện bạt đế a đa na thi, a đa na thi, bạt đa na thi, bạt đa na thi, ha sa ha y đa lê lê bà lê đế, giá giá giá giá giá, y y y y y, , đa đa đa đa đa, thi thi thi thi, lam lam lam lam đế đế đế đế na thi na a y a y bạt a đế bạt đà đa đề đa đa bạt đa đề sa bà a kha ha.

Nếu tụng thần chú này mười tám ngàn biến xong rồi, thì hình tượng của phần mắt thanh tịnh làm thành tựu, nhãn căn rất sinh động lại chuyển sang nhanh nhạy sáng ngời. Nếu là trong lúc tạo tác phần tai của hình tượng, thì tụng chú:

Ám ma sa chỉ y na, án ma sa chỉ y đa, bạt đà đà đề ô a ô a na yết la, yết na na na la la na na la, a a a a a a a a a (mười chữ a), ha ha ha ha ha ha ha ha ha (mười chữ ha), giá giá giá giá giá giá giá giá giá (mười chữ giá), đà đà đà đà đà đà đà đà (chín chữ đà), chỉ chỉ chỉ chỉ chỉ chỉ chỉ (tám chữ chỉ), đế đế đế đế đế đế đế đế (tám chữ đế), ná ná ná ná ná ná ná (bảy chữ ná), lê lê lê lê lê lê lê (bảy chữ lê), đà dạ đà tha dạ ô đa đề ô đa đề, bạt đà ô đa đề, tỳ lê sa ma a an đà, bà yết na, na na thi sa bà ha a kha.

Nếu tụng thần chú này đủ mười tám ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần tai thanh tịnh làm thành tựu đầy đủ, lý bất đầu chuyển động lại chuyển sang sáng tỏ sắc bén. Nếu là trong thời gian tạo tác phần mũi của hình tượng, thì tụng lời chú:

Bà chỉ la la đế, a ma di đà thi lam bà a thi đề chỉ ô yết ná thi, hô hô hô hô ha ha tỳ giá kiện na thi đề lâu ma, ma thi ma la ô giá na, tát bà đề lê đế, ô đà ni, kiện thản đa đà tỳ thi na, giá ha di đế a ha a hô, na la na thi chỉ a di lợi bà, xoa xoa xoa xoa xoa xoa xoa xoa xoa xoa (mười chữ xoa), bà xoa a đà đa y na, tư tư tư tư tư tư tư tư tư tư tư tư (mười hai chữ tư), kiện kiện kiện kiện kiện kiện kiện kiện kiện kiện kiện kiện (mười hai chữ kiện), a ha bà bà, bà bà a ha, ha chỉ dạ, ma chỉ dạ đà chỉ dạ a thi đế, kiện bà lê xà xà xà, di di di di, bà bạt thi, thổ thổ sa bà ha a ha.

Nếu tụng thần chú này đủ mười tám ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần mũi thanh tịnh làm thành tựu, tùy theo động tác dẫn dắt chuyển

động càng chuyển sanh nhanh nhạy rõ ràng. Nếu như là trong lúc tạo tác phần lưỡi của hình tượng, thì tụng lời chú này:

A ma a y dạ, khư ma thi, đế đề bạt đa đề, a chỉ bà đa đa ma đà đa, a la đế ná ô bà ná ô ná ô thi ô ô, chỉ bạt y thản đề, a chỉ a bối ni tỳ xa ô chỉ na, kết kết kết kết ná thư đế ô thư đế a đa chỉ, bàn đa chỉ, thi ha dạ, ma xà a đa đế kiệt na ha, bà na ha, ô thi đế thi đế, ca tỳ đề na a chỉ đà, ma na thi ma na thi, xà chỉ xà chỉ, tỳ xà chỉ, sa bà ha a ha.

Nếu tụng thần chú này đủ mười tám ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần lưỡi thanh tịnh được thành tựu đầy đủ, hiểu rõ nghiệp có tác dụng chuyển đổi càng chuyển nhanh nhạy rõ ràng. Nếu như trong lúc tạo tác phần thân của hình tượng thì tụng lời chú:

Khư a y đế ca y a ca y, bà bà tỳ bà bà bà bà bà đề thư ô ma thư ô, bạt đa a bạt đà bà kiệt ná, ha y ha y ha ha ha ha y, tất ô đế ma na thi, pha tu đế đa khư chỉ di ô đế gia gia, a man ni, bà bà a man ni, xà ha ma xà ha bà đế, kiệt na thi kiệt na thi kiệt na thi, a di đế a di la sa bà, a ha a kha a ha kha.

Nếu tụng phần chú này đủ mười tám ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần thân thanh tịnh thành tựu đầy đủ, mới làm cho nét mặt thay đổi. Nếu như trong lúc tạo tác phần tay của hình tượng, thì tụng lời chú:

Yểm ma ô dạ đế, a dạ a man đa, ô ná bà đế tỳ ná thi, thư chuyển bà, ca sa di ô, ha đà (chữ hán) thi, ma di thi di thi, di thi di thi, chỉ tất đế, bà tỳ ma, a tỳ ma, ha kiện bạt đế, ô đa na, bà đà na sa bà a ha a kha.

Nếu tụng thần chú này đủ mười tám ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần tay thanh tịnh thành tựu đầy đủ, ngón tay tròn có đủ móng. Nếu như trong lúc tạo tác phần chân của hình tượng, thì tụng lời chú:

Kha y dạ, ma y dạ, kiệt la đế, bà la đế, kiện na kiện na cưu na cưu đế, cưu ma bạt đế, a chỉ sa a chỉ bà, ha na ha na sa bà ha, a ha a kha.

Nếu tụng thần chú này đủ mười tám ngàn biến, thì hình tượng của phần chân thanh tịnh thành tựu đầy đủ, ngón chân tròn có đủ móng. Nếu như trong lúc tạo tác phần đầu và mặt, như thứ tự đó, hai thần chú đầu thì đầu lấy làm sau, sau lấy làm đầu, thứ tự ngược lại tụng đủ mười tám ngàn biến rồi, thì hình tượng của phần đầu và mặt thanh tịnh thành tựu đầy đủ, các tướng tốt đẹp tuyệt vời đều trọn hiện rõ ra. Nếu các căn đã tạo tác hoàn tất, thì cần phải lần lượt chú nguyện để gởi gắm vào tâm thức, nghĩa là nêu lên vòng chữ Kiệt Na La gởi gắm vào trong lòng hình tượng, liền tụng lời chú:

Mười tám chữ Phạm đọc là Ô. Mười tám chữ Phạm đọc là Nám.

Mười tám chữ Phạn đọc là Ân. Mười tám chữ Phạn đọc là Tập.

Nếu tụng thần chú này đủ mười tám ngàn bốn trăm năm mươi biến, thì tâm lượng đầy đủ không có gì là không rõ ràng. Đã nói về phần tạo tác hình tượng. Tiếp đến nói về phần cúng tế cầu nguyện.

Để làm thành tựu hình tượng chư Thiên, phần thần chú có đầy đủ không thiếu sót, có gì không đủ lại thêm phần cúng tế? Vì phần thần chú tuy là đầy đủ nhưng mức lượng thời tiết hạn định không tồn tại lâu dài được, chỉ trong vòng bảy ngày chứ không vượt qua số này. Nếu thêm phần cúng tế thì hình tượng đó chắc chắn tồn tại, hoặc là mười bảy ngày, hoặc là một trăm lẻ bảy ngày, thậm chí cả một ngàn ngày. Vì nghĩa này nên thêm phần cúng tế cầu đảo. Phần cúng tế cầu đảo ấy có tướng trạng thế nào? Nghĩa là tạo hình tượng xong rồi, trong phạm vi phía trước hình tượng đó dùng các loại vật phẩm cúng dường để tiến hành việc cúng tế. Việc cúng tế đã hoàn tất thì nét mặt hình tượng đó sẽ thọ dụng vui vẻ. Thọ dụng đã xong liền nói cho người ta biết: Một ngày hai ngày ba ngày bốn ngày năm ngày sáu ngày bảy ngày cho đến một trăm ngày, cả đến trong thời gian ngàn vạn ức ngày, trú trong thân tâm Ta tùy theo những niềm vui của người, tùy theo những mong cầu của người, luôn thuận theo không trái ngược. Nay lấy điều này làm nội dung quan trọng của pháp tu.

Đã nói về phần cúng tế cầu nguyện. Tiếp theo nói về phần thần chú. Hai phần trước đây có lý lẽ viên mãn không hề thiếu sót gì. Vì nghĩa gì lại cần đến thần chú? Vì còn có hai điều thiếu sót, là sự trang nghiêm và lui tới. Do nghĩa này nên thiết lập phần thần chú. Nếu để thành lập các loại đồ dùng trang nghiêm tốt đẹp của cõi trời, thì tụng lời chú:

Án ma đề đế man đa, xà tỳ na, a kha thi, kiện ô ma ca thi đế, di khư thi đà xoa la a ma y ma ma ma dạ ô kha na, ô kha ha ha ha ha ha, ô ha na... (mười một chữ đọc là Tập), bạt a bạt a a a a a, bạt ma thi, chữ hán... (ba mươi chữ Phạn đọc là Ngân), sa bà ha a ha a kha.

Nếu tụng thần chú này đủ hai mươi ba ngàn biến rồi, thì từ lúc đó các loại đồ dùng trang nghiêm thù thắng tuyệt diệu của cõi trời, thấy đều xuất hiện ngay trước mắt không sót thứ gì. Xuất hiện đã hoàn tất, liền thuận theo nơi chốn thích hợp đến trong phần thân thể để trang nghiêm khắp nơi. Nếu để cho việc đi lại không có chướng ngại, nên cần đến những thần chú thuộc loại như thế nào? Nghĩa là nếu vì muốn đi lại tự tại, thì tụng lời chú:

A bà bà bà bà lê, na la kha la đề cư na thi, ma kha đà, nam a lê

y dạ, a nam a lê y da, a a nam a nam a a a A-lê-da, bà bà a nam a a da, thi na thi na, ma thi na ma thi na đa đa đế, kiệt la kiệt la bà kiệt na, đa đa đế, đa đa đề, thảo thảo na, sa bà ha a a ha kha.

Nếu tụng thần chú này đủ hai mươi một ngàn biến rồi, hình tượng đã tạo ra hoặc đi hoặc đến hoặc bay hoặc nhảy, tùy theo thời gian - tùy theo nơi chốn - tùy theo mong cầu - tùy theo ý thích, tự tại đi lại không có chướng ngại. Nay lấy điều này làm nội dung quan trọng cho pháp tu.

Đã nói về phần thần chú. Tiếp theo nói về phần tụng kinh. Do nghĩa gì mà kiến lập ra phần này? Đó là vì làm cho tăng thêm uy lực công đức. Việc này thế nào? Nghĩa là các đệ tử của Phật, trong lúc dùng các loại phương pháp để đối trị, nếu không cần đến phương pháp tụng kinh này thì sức lực khó đối trị được. Nếu như vậy phải tụng những kinh như thế nào? Đó là kinh Bát Đà Đa - kinh Ma Đầu Đà - kinh Bà Ô Xá... Tụng những kinh này để làm phương pháp đối trị, vì nghĩa ấy nên thiết lập ra phần tụng kinh.

Đã nói về phần tụng kinh. Tiếp theo nói về phần A-hô. Vì nghĩa gì mà kiến lập phần này? Đó là sự việc có thể thành tựu cần phải có lời nói giảng giải. Nghĩa này là thế nào? Nếu để thành tựu sự việc mà đợi đến ngôn ngữ thừa lại thì không thành tựu được. Nếu lúc sự việc thành tựu dấy lên nói A-Hô-A-Hô như thế thì sẽ thành tựu. Vì sao? Do nội dung nói không giống nhau. Vì nghĩa này nên lập ra phần A Hô.

Đã nói về phần A Hô. Tiếp theo nói về phần khuyến thỉnh. Do nghĩa gì mà kiến lập phần này? Vì thể hiện lễ nghi tôn kính. Nghĩa này là thế nào? Vì có những việc làm nương nhờ đến người bậc trên cần phải có sự khuyến thỉnh. Vì nghĩa này nên thiết lập ra phần khuyến thỉnh.

Đã nói về phần tạo tác hình tượng chư Thiên. Tiếp theo nói về phần tạo tác hình tượng Bồ-tát. Nội dung trong phần này cũng có sáu phần, nhưng sai biệt về phần chung và riêng mà thôi. Chung là phần cúng tế cầu nguyện - phần thần chú - phần A Hô - phần khuyến thỉnh, riêng là phần tạo ra hình tượng và phần tụng kinh. Trong hai tướng trạng riêng thì phần tạo ra hình tượng, tướng đó thế nào? Đó là như trước đã nói, trong chín vị trí đều tụng thần chú để chú tâm cầu nguyện. Tất cả các tướng đó thế nào? Nếu là trong lúc tạo tác phần đầu của hình tượng, thì tụng lời chú:

Đa đa đa đa a đa đa đa đế bà bà bà bà y bà bà bà bà đế xoa bà xoa bà đi la đế... (tám chữ hán), ma kha đế sa bà ha a a ha kha.

Nếu tụng thần thú này đủ tám ngàn bốn trăm năm mươi biến rồi, thì hình tượng phần đầu thành lập đầy đủ. Nếu là trong lúc tạo tác phần mặt của hình tượng, thì tụng lời chú:

Thi ná ô bà đế ha ha ha y y y, ma khư dạ, cưu đà thi đà đế, ma kha a ma kha tất ô đế, sa bà ha a a ha kha.

Nếu tụng thần chú này đủ ba ngàn bảy trăm biến rồi, thì hình tượng phần mặt thành lập đầy đủ. Nếu là trong lúc tạo tác phần mắt của hình tượng, thì tụng lời chú:

Đà bạt thi ná ma ni khư sa thán di đế giá sà đa tỳ tọa lê a ma thi đà ma thi đà ni ca da ca da tăng khư da ha sa ni sa bà ha a a ha kha.

Nếu tụng thần thú này đủ tám ngàn bốn trăm năm mươi biến rồi, thì hình tượng phần mắt thành lập đầy đủ. Nếu là trong lúc tạo tác phần tai của hình tượng, thì tụng lời chú:

A ma ma y ma ma bà ma ma đa ma ma kiện cưu đề ca cưu đế tỳ na thi ca ca ca ca ca sa bà ha a a ha kha.

Nếu tụng thần thú này đủ sáu mươi một ngàn biến rồi, thì hình tượng phần tai thành lập đầy đủ. Nếu là trong lúc tạo tác phần mũi của hình tượng, thì tụng lời chú:

Bà bà bà tỳ bà bà bà đế kiện na thi sa bà ha a a ha kha.

Nếu tụng thần thú này đủ mười tám ngàn biến rồi, thì hình tượng phần mũi thành lập đầy đủ. Nếu là trong lúc tạo tác phần lưỡi của hình tượng, thì tụng lời chú:

(Chữ Phạn) đế (chữ Phạn) đế (chữ Phạn) đế (chữ Phạn) đế na đà na đà ô đề sa bà ha a a ha kha.

Nếu tụng thần chú này đủ năm mươi bảy ngàn biến rồi, thì hình tượng phần lưỡi thành lập đầy đủ. Nếu là trong lúc tạo tác phần thân của hình tượng, thì tụng lời chú:

Thán tỳ đề thán tỳ đề đa đa thán tỳ đề, na la thi đế sa bà ha a a ha kha.

Nếu tụng thần chú này đủ một trăm lẻ bốn ngàn biến rồi, thì hình tượng phần thân thành lập đầy đủ. Nếu là trong lúc tạo tác phần tay, thì lập tức tụng chú: Tra đề tra đề, nãm đế nãm đế, thi đà thi đà, na la na la, sa bà ha a a ha a.

Nếu tụng thần chú này đủ tám mươi một ngàn biến rồi, thì hình tượng tay thành lập đầy đủ. Nếu là trong lúc tạo tác phần chân của hình tượng, thì tụng lời chú:

Đa chi đà, đa chi đà, khư chỉ la ma kha ni tra nam thi la la la la la sa bà ha a a ha a.

Nếu tụng thần chú này đủ ba mươi hai ngàn biến rồi, thì hình tượng phần chân thành lập đầy đủ. Tạo tác các căn đã xong, thì cần phải lần lượt chú nguyện để gởi gắm vào tâm thức. Nghĩa là nêu lên vòng chữ Kiệt Na La gởi gắm vào trong lòng hình tượng, liền tụng lời chú:

(Chữ Phạn)... (mười lăm chữ Phạn), (chữ Phạn)... (mười lăm chữ Phạn), (chữ hán)... (mười lăm chữ Phạn), (chữ Phạn)... (mười lăm chữ Phạn), sa bà ha a a ha kha.

Nếu tụng thần chú này hai mươi ba ngàn biến xong rồi, thì tâm thức có đủ không có gì không rõ. Đã nói về phần tạo tác hình tượng. Tiếp theo nói về phần tụng kinh. Tướng trạng đó thế nào? Đó là tụng các kinh như kinh Tỳ Xá Xà Ni - kinh A Khư Đa Đà - kinh Ưu Bà La Nhất Thi - kinh Đề Xoa Khư La ...

Đã nói về phần tạo tác hình tượng Bồ-tát. Tiếp đến nói về phần tạo tác hình tượng Như Lai. Ở trong phần này cũng có sáu phần, nhưng chung và riêng không như nhau. Riêng đó là phần tạo tác hình tượng, chung là năm phần còn lại. Phần tạo tác hình tượng ấy thì tướng trạng đó thế nào? Nghĩa là như trước đã nói, trong chín nơi chú nguyện như thứ tự đó đều thêm vào một câu, nếu như chú nguyện gởi gắm vào tâm thì khác với tất cả. Câu chú đã thêm vào ấy có tướng trạng thế nào? Câu chú nói:

Na na a na la bà bà di đa đế cư xa đà ni ma kha thi tra giá sa xà ni chỉ đà đế nan đa đế như ô đề đà đà đế xoa bà ni.

Chú nguyện gởi gắm vào tâm thì tướng trạng đó thế nào? Câu chú nói:

(Chữ Phạn)... (mười lăm chữ Phạn), (chữ Phạn)... (mười lăm chữ Phạn), (chữ Phạn)... (mười lăm chữ Phạn), (chữ Phạn)... (mười lăm chữ Phạn).

Nếu tụng thần chú này đủ mười tám ngàn biến rồi, thì tâm thức có đủ không gì là không rõ. Đã nói về đối tượng được đối trị, tiếp theo nói về chủ thể đối trị. Nếu như vào những lúc nam nữ cõi trời trông có vẻ như trong suốt lạ kỳ đến nơi của hành giả, tà chánh sai biệt làm sao biết được? Những nghi ngờ này do đâu? Do tâm niệm tạp loạn. Nghĩa này là thế nào? Đó là trong kinh Vô Lượng Quang Minh giải thích như vậy: “Nếu người tu hành tâm thanh tịnh, thì vô lượng vô biên các Thiên tử, vô lượng vô biên các Thiên nữ, rải các loại hoa thượng diệu, đốt các loại hương nổi tiếng hiện có, trỗi lên các loại âm nhạc bậc nhất, bày ra các loại đồ vật trang nghiêm tốt đẹp lạ kỳ, hình dáng rất đáng yêu và rất vui vẻ đến nơi hành giả để cúng dường”. Vì sao? Vì kính trọng pháp

tu. Người hàng ngoại đạo kia cũng hiện ra hình dáng chư Thiên, đến nơi của hành giả, như trước đã nói không có khác nhau, sự sai biệt giữa tà và chánh rất khó có thể biết rõ được. Giải thích mỗi nghi ngờ này có sáu phần. Thế nào là sáu phần? Đó là:

1. Phần thần chú biết căn hư hoại hay bất hoại.
2. Phần vật dụng trang nghiêm châu ngọc tròn vẹn có hay không có.
3. Phần ánh sáng nơi thân mắt nhìn phù hợp hay không phù hợp.
4. Phần cuối đầu tóc kết lại hay không kết lại.
5. Phần rời bỏ cả hai không có gì chấp giữ.
6. Phần cùng giữ lấy không loại trừ.

Nói về phần thần chú biết căn hư hoại hay bất hoại, nghĩa là tụng Đà-la-ni chú để đối trị, nếu thật sự là chư Thiên thì hình hài đó không hủy hoại, nếu là hình tướng giả chư Thiên thì hình hài thân tướng sẽ hủy hoại không hề có gì. Lấy điều này để phân biệt tà chánh là vậy. Tụng thần chú thì hình tướng đó có tướng trạng thế nào? Nghĩa là có hai ý. Thế nào là hai ý? Một là tụng ngoại chú. Hai là tụng nội chú. Lúc tụng ngoại chú, nếu thật sự là chư Thiên thì tăng giảm không có sai khác, nếu giả mạo hình dáng chư Thiên thì tướng trạng các căn đó dần dần tăng thêm. Tướng tụng thần chú như thứ tự đó không thể vượt quá số lượng, vì tụng bình đẳng như lý, lấy điều đó để phân biệt tà chánh đúng như lý. Nói về nội chú thì tướng trạng đó thế nào? Nghĩa là tạm thời chú nguyện vào mắt, thì tụng lời chú:

Thần diệt đa ma kha cư thi đế ca na tỳ chỉ đế di đa ni, tư ô bà, tất đà ni, bà thần xa tỳ, kha na đế a chỉ ni ma chỉ ni, đà đà đế sa bà kha đế, ma kha sa bà ha đế sa bà kha.

Nếu tụng thần chú này hai mươi một biến thì nhãn căn sẽ hủy hoại không hề có gì. Các nơi còn lại đều có thần chú, nhưng không quan trọng nên lược đi không giải thích.

Đã nói về phần thần chú biết căn hư hoại hay bất hoại. Tiếp đến nói về phần vật dụng trang nghiêm có châu ngọc tròn hay không có. Tướng trạng đó thế nào? Đó là nếu như thật sự là chư Thiên thì trong đồ dùng trang nghiêm của họ có mười viên loại ngọc này nếu chư Thiên giả thì không có. Lấy điều đó để phân biệt được thật giả.

Đã nói về phần vật dụng trang nghiêm có châu ngọc tròn hay không có. Tiếp theo nói về phần ánh sáng nơi thân mắt nhìn phù hợp hay không phù hợp. Tướng trạng đó thế nào? Nghĩa là tạm thời trong lúc hành giả khép mắt, nếu thật sự là chư Thiên thì ánh sáng nơi thân của

họ phù hợp với ánh mắt bên trong, nếu giả mạo hình dáng chư Thiên thì không phù hợp với ánh mắt bên trong. Lấy điều này để phân biệt.

Đã nói về phần ánh sáng nơi thân mắt nhìn phù hợp hay không phù hợp. Tiếp theo nói về phần cuối đầu tóc kết lại hay không kết lại. Tướng trạng đó thế nào? Nghĩa là xem tướng trạng của đầu tóc, nếu thật sự là chư Thiên thì phần cuối của hai bím tóc kết lại với nhau, nếu giả mạo hình dáng chư Thiên thì phần cuối của hai bím tóc tách rời nhau. Lấy điều này để phân biệt thật giả.

Đã nói về phần cuối đầu tóc kết lại hay không kết lại. Tiếp theo nói về phần rời bỏ cả hai không có chấp giữ. Tướng trạng đó thế nào? Nghĩa là quán sát nếu thật sự là chư Thiên hay là giả mạo hình dáng chư Thiên, chỉ là từ nơi cảnh giới hiện lượng của tâm vọng, không có gì là chân thật, nên không đắm chấp vào đâu cả. Lấy điều này để đối trị lại tâm vọng phân biệt.

Đã nói về phần rời bỏ cả hai không có chấp giữ. Tiếp theo nói về phần cùng giữ lấy không loại trừ. Tướng trạng đó thế nào? Nghĩa là quán sát nếu thật sự là chư Thiên hay là giả mạo hình dáng chư Thiên, thì đều là cùng một Chân như và cùng một Pháp thân không có sai biệt, nên không đoạn trừ. Lấy điều này để đối trị tâm vọng phân biệt.

Đã nói về phần đối trị để loại trừ hình dạng chư Thiên. Tiếp theo nói về phần đối trị hình tượng Bồ-tát. Ở trong phần này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần trì tụng thần chú biết rõ tà chánh. Hai là phần trí tuệ quán sát không đắm chấp. Nói về phần trì tụng thần chú thì tướng trạng đó thế nào? Nghĩa là tạm thời chú nguyện vào tâm tức thì tụng lời chú:

Thần a đa na tỳ đề, ma cưu đế bà thi bà bà ni, tư tất đề, xà na na thi ô ma a chỉ đà a chỉ đà sa bà ha.

Nếu tụng thần chú này đủ tám trăm mười biến rồi, thì Bồ-tát kia vắng lặng bất động, ví như gỗ đá. Lấy điều này để đối trị. Trong tất cả các căn và đồ dùng trang nghiêm, đều có những thần chú và nhiều phương pháp, nhưng không quan trọng vì thế lược bớt không nói ra.

Đã nói về phần trì tụng thần chú biết rõ tà chánh. Tiếp theo nói về phần trí tuệ quán sát về không và có. Tướng đó thế nào? Nghĩa là dùng trí tuệ quán sát về lý không - vô tướng của các pháp, do đó không có chấp trước.

Đã nói về phần đối trị hình tượng Bồ-tát, tiếp theo nói về phần đối trị hình tượng Như Lai. Tướng trạng đó thế nào? Ở trong phần này cũng có hai phần, tên gọi như trước đã nói.

Nói về phần thân chú thì tướng trạng đó thế nào? Nghĩa là tạm thời chú nguyện vào ánh sáng, liền tụng lời chú:

Đa diệt thân án na la đế, sầm chỉ la, thi đà ni xà kiện ni bà kiện ni ma na gia, ô bà đế, xà ma la sa bà ha.

Nếu tụng thân chú này bốn trăm biến, nếu thật là Như Lai thì ánh sáng nơi thân tướng đó sẽ không giảm bớt, nếu giả mạo hình dạng Như Lai thì ánh sáng nơi thân tướng đó sẽ giảm bớt và ngay lập tức trở thành màu sắc u ám. Lấy điều đó phân biệt được thật giả. Phần thứ hai ấy là quán sát đã nói ở trước nên tư duy kỹ! Có người ngoại đạo, tạo tác tất cả các loại khác nhau về chủng loại, đến nơi hành giả làm cho tâm tư của hành giả hỗn loạn, lúc ấy nên trì tụng những thân chú như thế nào? Nghĩa là thân chú đều là chung chứ không phải là riêng. Đó là thân chú Đại Đà-la-ni đã thuyết ra trong kinh Như Lai Tổng Trì Pháp Tạng Nhân Duyên. Trong kinh ấy giảng giải như thế nào? Nghĩa là trong kinh ấy giải thích như vậy: “Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi liền thưa với Đức Phật: Thưa Thế Tôn! Tất cả các loại đạo tà tướng tự, đi đến trú xứ của hành giả, lúc làm cho tâm hành giả rối loạn, trước mắt cần đến những phương pháp như thế nào để loại trừ? Đức Như Lai liền nói cho Văn-thù-sư-lợi biết: Có pháp môn sâu xa, có năng lực khéo đối trị thông suốt tất cả đạo tà, đó gọi là pháp môn Chư Phật Vô Tận Tạng Vô Ngại Tự Tại Ấn Đà La Cương Tùy Thuận Tùy Chuyển Tổng Trì Đại Đà-la-ni. Nay Văn-thù-sư-lợi! Hãy lắng nghe kỹ và cố gắng tư duy, Ta sẽ phân biệt giải thích nói cho ông. Nay Văn-thù-sư-lợi! Nói là pháp môn Thông Đạt Vô Ngại Tự Tại Tổng Trì Đại Đà-la-ni, là kho tàng quý báu được hết thảy chư Phật khắp ba đời mười phương luôn tụng trì, là ruộng phước bao la của tất cả Thần Vương và tất cả trời người suốt ba đời mười phương thảy đều lễ lạy cúng dường. Thế là Đức Thế Tôn tức thì tụng thân chú:

Đát diệt tha, na la thi, già nặc ô đế giá man đa, sa tỳ đề a ha di đà ni, bà già bà thi đế đà đà ô ma lê xà na phiệt ni đế, già thân ni sa da đa, cưu trí na bà đề bà ha ma, y bà đa ni, tỳ thư ha, ô khứ đa đà ni thì tập đề, xoa a da, kiện na thi sa bà ha.

Nếu tụng thân chú này đủ tám ngàn bảy trăm năm mươi mốt biến rồi, tùy theo những gì thích ứng thì hết thảy chủng loại tà vạy đều lui mất, không thể nào làm cho phiền muộn hỗn loạn được. Như Bốn Luận nói: “Hoặc hiện ra thân tướng chư Thiên - thân tướng Bồ-tát, cũng hiện làm thân tướng Như Lai đầy đủ mọi vẻ đẹp”.

Đã nói về phần xuất hiện hình tướng con người làm cho tin theo. Tiếp đến nói về phần xuất hiện giảng nói làm hỗn loạn tâm thức. Ở

trong đây có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần thuyết ra Đà-la-ni. Hai là phần thuyết về nhân tu hành. Ba là phần thuyết về quả đức tròn đầy. Ba cách giảng nói như vậy đều do người nào thuyết giảng? Đó là nếu thân tướng chư Thiên thì phần nhiều thuyết ra các Đà-la-ni. Nếu thân tướng Bồ-tát thì phần nhiều thuyết về nhân thực hành. Nếu thân tướng Như Lai thì phần nhiều thuyết về quả vị công đức. Vì sao? Vì tất cả đều nói những sự chứng đắc của mình làm cho hành giả tin tưởng. Đã thuyết ra Đà-la-ni thì tướng đó thế nào? Nghĩa là liên tục phát ra ánh sáng. Vì thế nếu tụng thần chú này thì sẽ có lợi ích gì? Nghĩa là nếu tụng thần chú này thì ánh sáng từ thân mình sẽ nối tiếp thân người khác, vì vậy hình tướng chư Thiên đến trong trú xứ của người tu hành, thuyết ra phần Đà-la-ni này đã hoàn tất, hành giả ấy trước đây không có ánh sáng mà hiện tại có ánh sáng, hết sức hoan hỷ nên dấy lên ý niệm như vậy: Nay mình được nhờ năng lực của sự tu hành, trước mắt phát ra ánh sáng thù thắng như vậy. Do đó, làm hỗn loạn chánh hạnh của mình đi vào lưới tà mạng của ngoại đạo. Do nghĩa này mà hình tướng chư Thiên ấy thuyết ra môn Đà-la-ni, liên tụng chú:

A cú đa ma ma a bà thi, na khư da, ô bà sa ni đế khư gia, a ha di già đế bát đa bà thi ha, phiệt na cư phiện đế ca ma lê, di xoa di đất ni đà gia đa đà ni, sa bà ha di bà bà bà ha di a đa ni sa bà a ha.

Nếu tụng thần chú này đủ năm ngàn ba trăm biến rồi, thì ánh sáng tương tục làm thành một, lúc ấy hành giả lập tức tụng lời chú:

Thần diệt đa giá man ni, a bà di đà đế, xoa bạt na ni gia ma ô đề, bà khư na la đế tỳ ha ô bạt bạt na đề, đa phiệt đà a ma la sa bà ha.

Nếu tụng thần chú này đủ một trăm biến, thì ánh sáng nơi thân kia cắt đứt không còn tỏa ra, cuối cùng không bị làm cho não loạn. Như Bốn Luận nói: “Hoặc thuyết ra các Đà-la-ni”.

Đã nói về phần thuyết ra Đà-la-ni. Tiếp theo nói về phần thuyết về nhân tu hành. Phần nói về nhân tu hành tuy có vô lượng, nhưng không ra ngoài sáu loại Ba-la-mật. Vì vậy, hình tướng kia vì người tu hành nói về sáu loại tư lương, làm cho hành giả ấy rối loạn đi vào mạng lưới tà vạy. Người ngoại đạo kia có lợi ích gì khi dấy lên giảng giải như vậy làm cho hành giả rối loạn? Vì hành giả đang tu tập lúc đó ý niệm vui vẻ, đoạn trừ tất cả mọi điều ác, tu dưỡng tất cả mọi điều thiện, nhân hạnh viên mãn không có thiếu sót. Người ngoại đạo kia thị hiện làm người chung tâm tưởng, để khiến rời bỏ chánh đạo hướng đến tà đạo. Như Bốn Luận nói: “Hoặc nói về Bồ thí - Trì giới - Nhẫn nhục - Tinh tấn - Thiền định - Trí tuệ”.

Đã nói về phần thuyết về nhân tu hành. Tiếp theo nói về phần thuyết ra quả đức tròn đầy. Phần nói về quả viên mãn tuy có vô lượng, nhưng không ra ngoài cảnh giới Niết-bàn tịch tĩnh. Vì thế, hình tướng ấy nói về công đức của Niết-bàn cho hành giả đang tu tập nghe, khiến hành giả kia hỗn loạn vướng vào lưới tà vạy. Người ngoại đạo kia có ích lợi gì khi giảng giải làm cho hành giả hỗn loạn như vậy? Vì hành giả ấy đang là nhân tu tập với ý niệm hướng đến sẽ chứng quả, do đó ngoại đạo xuất hiện thuyết về quả đức thù thắng mà hành giả mong cầu, có thể làm cho tâm của hành giả kia yêu thích đắm chấp hưởng về tà đạo. Như Bốn Luận nói: “Hoặc nói về Bình đẳng - Không - Vô tướng - Vô nguyện - Không oán - Không thân - Không nhân - Không quả, hoàn toàn rỗng lặng là Niết-bàn chân thật”.

Đã nói về phần xuất hiện giảng nói làm hỗn loạn ý thức. Tiếp đến nói về phần đạt được trí biết rõ ba đời làm cho người ta mê hoặc. Như vậy, ba trí đạt được thì tất cả tướng trạng đó thế nào? Điều ấy nghĩa là nếu đạt được hai trí thông suốt quá khứ vị lai, thì mức thời gian xa nhất biết về cảnh giới của mình là tám vạn kiếp, thời gian gần nhất thì có năng lực dễ thông suốt mọi việc trải qua trong một đời. Như Bốn Luận nói: “Hoặc khiến người biết rõ sự việc tức mạng quá khứ, cũng biết về sự việc của vị lai”. Nói về đạt được trí hiện tại chính là tha tâm trí, đó là có năng lực hiểu rõ các loại tâm tư của người hiện tại. Như Bốn Luận nói: “Đạt được tha tâm trí”.

Đã nói về phần đạt được trí biết rõ ba đời làm cho người ta mê hoặc. Tiếp đến nói về phần không xa rời sự ràng buộc của thế gian. Nghĩa là người ngoại đạo làm thành tựu một ức bốn vạn sáu ngàn loại biện giải của các luận thuyết thế gian, và mười vạn tám ngàn loại tài năng của các loại hý luận, ràng buộc chúng sanh dừng lại ở thế gian không thể nào thoát ra được. Như Bốn Luận nói: “Biện tài vô ngại, có thể làm cho chúng sanh tham vướng với những điều kiện danh lợi của thế gian”.

Đã nói về phần không xa rời sự ràng buộc của thế gian. Tiếp đến nói về phần tánh của tâm thất thường sinh ra rối loạn. Điều đó nghĩa là phá hỏng niềm tin kiên cố, mà có thể làm cho tâm tư trở nên thất thường, bỏ mất bước chân tu hành, đoạn tuyệt con đường của sự hướng về hội nhập, dẫn lối đi vào địa phận đạo tà và vô tánh. Như Bốn Luận nói: “Lại làm cho con người sinh ra nhiều tâm ý hay giận hay vui, tính tình không bình thường theo tiêu chuẩn mình vốn có. Hoặc nhiều lòng tham ái - ngu nhiều - lắm bệnh, tâm tư uể oải lười biếng. Hoặc đột

nhiên nổi lên tinh tấn, sau lại dừng bỏ sanh ra không tin tưởng, nhiều nghi ngờ lẩm suy nghĩ, hoặc xả bỏ công hạnh tốt đẹp ban đầu trở lại tu theo những nghiệp hỗn tạp. Hoặc hệ lụy vào các công việc thế gian”.

Đã nói về phần tánh của tâm thất thường sinh ra rối loạn. Tiếp đến nói về phần khiến đạt được định tà chứ không phải là định chánh. Nghĩa là người ngoại đạo đạt được hai mươi một loại tà Tam muội, làm hành giả đang tu tập trở nên hỗn loạn vướng vào lưới tà đạo. Như Bốn Luận nói: “Cũng có thể làm cho người ta đạt được các Tam muội, tương tự phần nào và đều là những sự chứng đạt của ngoại đạo chứ không phải là Tam muội chân thật. Hoặc trở lại khiến cho người ta có thể một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, cho đến bảy ngày, trú ở trong định có được đồ ăn thức uống thơm ngon rất tự nhiên, thân tâm vui vẻ, thư thái, không đói không khát, làm cho người ta ăn không chừng mực nhiều ít thất thường, nhan sắc thay đổi, tiêu tụy”.

Đã nói về phần khiến cho đạt được định tà chứ không phải là định chánh. Tiếp đến nói về phần khuyến thỉnh hành giả xa rời tà vạy. Nói đến phần khuyến thỉnh hành giả xa rời tà vạy ấy là khuyến khích tu dưỡng trí tuệ, khéo léo phân biệt để loại trừ các căn bệnh của ngu si, xua sạch mầm mống sai lầm của các tà luận. Như Bốn Luận nói: “Vì nghĩa này, hành giả hãy thường xuyên thuận theo trí tuệ quán sát dừng để cho tâm này rơi vào mạng lưới tà vạy, hãy chịu khó nghĩ đến chánh pháp, không giữ lấy, không tham đắm thì có thể rời xa những nghiệp chướng này”.

Đã nói về phần khuyến thỉnh hành giả xa rời tà vạy. Tiếp đến nói về phần chọn lựa thật - giả khiến cho rõ ràng. Điều ấy có nghĩa là tùy thuận ở trong thế gian thì gọi là Tam muội giả, nếu tùy thuận ở trong xuất thế gian thì gọi là Tam muội thật. Hai loại Tam-muội thuận theo biết rõ như vậy. Như Bốn Luận nói: “Nên biết các Tam-muội mà ngoại đạo có được, đều không lìa khỏi tâm ý của kiến ái ngã mạn, vì tham đắm đối với danh lợi và sự cung kính của thế gian. Tam-muội Chân chứ không trú vào tướng thấy, không trú vào tướng đạt được, thậm chí rời khỏi định cũng không xem thường, do đó tất cả mọi phiền não dần dần ít lại. Nếu các phạm phu không luyện tập pháp Tam-muội này, được đi vào chủng tánh Như Lai, thì thật là điều hết sức phi lý. Vì tu theo các Thiên Tam-muội của thế gian phần lớn dấy lên chấp trước ý vị, đều dựa vào ngã kiến, là thuộc về ba cõi cùng với ngoại đạo như nhau. Nếu như xa rời sự bảo vệ của hàng thiện tri thức, thì sẽ dấy lên cái thấy của ngoại đạo”.

Đã nói về phần giải thích rộng ra cách đối trị ma sự. Tiếp theo nói về phần tán thán công đức của Tam muội.

Bổn Luận nói: Lại nữa, người tinh tấn cần mẫn chuyên tâm tu học Tam muội này, thì đời hiện tại sẽ được mười điều lợi ích? Đó là:

1. Xứng đáng được chư Phật, Bồ-tát khắp mười phương luôn hộ niệm.
2. Không bị các loại ma quỷ ác độc có thể làm cho sợ hãi.
3. Không bị sự mê hoặc hỗn loạn của chín mươi lăm loại ngoại đạo và quỷ thần tác động.
4. Rời xa sự phỉ báng đối với giáo pháp rất sâu xa và các nghiệp chướng tội lỗi sâu nặng dần dần tiêu trừ.
5. Diệt sạch tất cả mọi nghi ngờ và các loại giác quán xấu ác.
6. Đối với cảnh giới của Như Lai niềm tin được tăng trưởng kiên cố.
7. Rời xa ưu não, ở trong sanh tử dũng mãnh không sợ hãi.
8. Tâm ý nhu hòa xả bỏ tâm kiêu mạn, không bị người khác làm phiền muộn.
9. Tuy chưa đạt được định, nhưng ở vào tất cả mọi lúc - tất cả mọi cảnh giới, vẫn có thể giảm trừ mọi phiền não không vui với thế gian.
10. Nếu đạt được Tam muội thì không bị ngoại duyên tác động - không bị tất cả mọi thứ âm thanh làm cho lay động kinh hãi.

Luận giải thích: Ở trong văn này đã có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu tổng quát. Hai là phần giảng giải phân tán.

Nói về phần nêu tổng quát là nêu tổng quát những điều đã nói. Như Bổn Luận nói: “Lại nữa, người tinh tấn cần mẫn chuyên tâm tu học Tam muội này thì đời hiện tại sẽ được mười điều lợi ích?” Ở trong phần giảng giải phân biệt có mười loại công đức thù thắng, căn cứ vào một pháp định chân thật mà được thành tựu. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Công đức bảo vệ che chở, vì luôn được hết thảy vô lượng vô biên chư Phật, Bồ-tát thương tưởng bảo vệ. Như Bổn Luận nói: “1. Xứng đáng được chư Phật, Bồ-tát khắp mười phương luôn hộ niệm”.
2. Công đức làm ma sợ hãi, vì có năng lực để làm cho tất cả quân ma phải hàng phục. Như Bổn Luận nói: “2. Không bị các loại ma quỷ ác độc có thể làm cho sợ hãi”.
3. Công đức phát ra đạo, vì có năng lực để dàng thoát khỏi các loại đạo tà của hết thảy ngoại đạo. Như Bổn Luận nói: “3. Không bị sự mê hoặc hỗn loạn của chín mươi lăm loại ngoại đạo và quỷ thần tác động”.

4. Công đức xa rời phỉ báng, vì có năng lực dễ rời xa các tội lỗi thuộc loại phỉ báng Đại thừa. Như Bốn Luận nói: “4. Rời xa sự phỉ báng đối với giáo pháp rất sâu xa và các nghiệp chướng tội lỗi sâu nặng dần dần tiêu trừ”.

5. Công đức giải quyết nghi ngờ, vì có năng lực dễ dàng quyết định đoạn trừ những nghi ngờ mê hoặc. Như Bốn Luận nói: “5. Diệt sạch tất cả mọi nghi ngờ và các loại giác quán xấu ác”.

6. Công đức tin tưởng sâu rộng, vì đối với cảnh giới thù thắng vi diệu khởi tâm vui mừng tin tưởng càng chuyển sang sâu hơn. Như Bốn Luận nói: “6. Đối với cảnh giới của Như Lai niềm tin được tăng trưởng kiên cố”.

7. Công đức dũng mãnh, vì duyên với cảnh giới chúng sanh khởi lên tâm từ bi bao la, quy tụ trở thành vạn hạnh không hề lười nhác uể oải. Như Bốn Luận nói: “7. Rời xa ưu não, ở trong sanh tử dũng mãnh không sợ hãi”.

8. Công đức vô ngã, vì có năng lực dễ đoạn trừ tất cả các ý niệm dấy lên ngã mạn, đều là ý niệm thanh tịnh hướng về Phật. Như Bốn Luận nói: “8. Tâm tư nhu hòa xả bỏ tâm ý kiêu mạn, không bị người khác làm phiền muộn”.

9. Công đức chán ngán xa rời, ở trong những cảnh giới đối với tất cả mọi lúc, tất cả mọi hoàn cảnh, có năng lực dễ loại trừ làm cho các loại phiền não phải hàng phục, không vui với niềm vui trong biển cả sanh tử của thế gian. Như Bốn Luận nói: “9. Tuy chưa đạt được định, nhưng ở vào tất cả mọi lúc, tất cả mọi cảnh giới, vẫn có thể giảm trừ mọi phiền não không vui với thế gian”.

10. Công đức tịch tĩnh, đối với tất cả các cảnh giới phân tán biến động, tâm tư vẫn an trú trong định không có lay động. Như Bốn Luận nói: “10. Nếu như đạt được Tam-muội thì không bị ngoại duyên tác động, không bị tất cả mọi thứ âm thanh làm cho lay động kinh hãi”. Như thứ tự ấy không hỗn loạn về số lượng, làm cho mặt sóng của tâm dừng lại, hãy xem xét tư duy và chọn lựa!



LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 10

Đã nói về phân tán thán công đức của Tam-muội. Tiếp theo nói về phần hai Luân đủ - thiếu, lợi và hại.

Bổn Luận nói: “Lại nữa, nếu người nào chỉ tu tập pháp Chỉ, thì tâm trầm hẩn xuống, hoặc sinh ra lười nhác không thích những điều thiện, rời xa tâm đại bi, vì vậy cần phải tu pháp Quán. Tu tập pháp Quán, là hãy quán xét tất cả các pháp hữu vi ở thế gian, không thể dừng lại lâu dài mà thay đổi hủy hoại trong chốc lát, tất cả mọi tâm hành sanh diệt trong từng niệm, vì thế nên đau khổ. Hãy quán xét các pháp đã nghĩ đến trong quá khứ không chân thực giống như mộng ảo. Hãy quán xét các pháp hiện tại đang nghĩ đến giống như là ánh chớp. Hãy quán xét các pháp vị lai sẽ nghĩ đến giống như là mây trôi bỗng nhiên khởi lên. Hãy quán xét tất cả các thân thể sinh ra ở thế gian thấy đều bất tịnh, đủ loại ô uế, không một thứ nào đáng yêu thích. Như vậy, hướng về suy nghĩ: Tất cả chúng sanh từ vô thủy đời kiếp đến nay, đều do vô minh đã huân tập, nên khiến tâm sanh diệt, đã nhận chịu nỗi khổ to lớn của hết thấy thân tâm, hiện tại đã có vô lượng điều bức bách, đời vị lai đau khổ cũng không có gì giới hạn, khó xả bỏ, khó xa rời, lại không hiểu biết. Chúng sanh như vậy thật là đáng thương! Dấy lên tư duy này, lập tức thuận theo, đừng mãnh xây dựng thế nguyện vĩ đại, nguyện làm cho tâm mình xa rời mọi lý do phân biệt, khắp mười phương tu hành tất cả các công đức tốt đẹp, tận cùng thời gian vị lai dùng vô lượng phương tiện, cứu độ hết tất cả chúng sanh đang khổ não, khiến đạt được niềm vui Niết-bàn tịch tĩnh. Vì phát khởi ý nguyện như vậy, nên đối với tất cả mọi lúc, tất cả mọi nơi và hết thấy mọi nghiệp thiện đều tùy theo bản thân mình có thể luôn tu học không rời bỏ, tâm tư không hề lười nhác. Chỉ trừ lúc ngồi chuyên niệm đối với pháp Chỉ, tất cả thời gian còn lại đều đang quán sát điều gì nên làm và không nên làm, hoặc là đi - đứng

- nằm - dậy, đều thuận theo Chỉ Quán đồng thời thực hành. Đó là tuy nghĩ tự tánh của các pháp không sanh, mà lại ngay nơi ấy nghĩ đến nhân duyên hòa hợp, các báo ứng khổ - vui của nghiệp thiện - ác không sai sót và không hủy hoại. Tuy nghĩ đến nhân duyên của nghiệp báo thiện ác, cũng chính là nghĩ tánh chẳng thể nào đạt được. Nếu tu pháp Chỉ, thì đối trị tâm lý chấp trước thế gian của hạng phàm phu, có thể xả bỏ cách nhìn yếu kém của hàng Nhị thừa. Nếu tu pháp Quán, thì đối trị sai lầm do tâm ý hẹp thấp không phát khởi đại bi của hàng Nhị thừa, tách rời hàng phàm phu không tu dưỡng thiện căn. Do nghĩa này mà hai pháp Chỉ - Quán luôn cùng nhau tương trợ để thành tựu, không thể rời xa. Nếu Chỉ - Quán không đầy đủ, thì không có năng lực bước vào lối đi về nguôi cõi Bồ-đề”.

Luận giải thích: Ở trong văn này có sáu phần. Thế nào là sáu phần? Đó là:

1. Phần nêu ra thiếu Quán thì Luân chỉ sai lạc.
2. Phần biểu hiện rõ về tu hành Luân quán.
3. Phần duyên với giới chúng sanh để lập nguyện.
4. Phần hai Luân cùng chuyển tiếp không xa rời.
5. Phần biểu hiện rõ hai Luân đã đối trị.
6. Phần tổng kết hai Luân cùng chuyển tiếp.

Ở trong phần thứ nhất có bốn sai lầm. Thế nào là bốn sai lầm?

Một là sai lầm do trầm luân, vì tâm tư mê muội chiếm phần lớn nên không thể nhận thức rõ được, như đi vào trong căn nhà tối mịt của Ma-kiền-ha thi. Như Bốn Luận nói: “Lại nữa, nếu người nào chỉ tu tập pháp Chỉ, thì tâm trầm hẳn xuống”.

Hai là sai lầm do không chịu khó, vì tâm tư lười nhác nên không thể tinh tấn nổi, như hạng người A-na-tỳ-đề. Như Bốn Luận nói: “Hoặc sinh ra lười nhác”.

Ba là sai lầm do rời bỏ điều thiện, vì tâm tư chuyên nhất không thể phân biệt được điều gì nên làm và điều gì không nên làm, như hạng người Bà-đa-ha-di-thi. Như Bốn Luận nói: “Không thích những điều thiện”.

Bốn là sai lầm do xa rời tâm bi, vì tâm tư vắng lặng an nhàn không thể phát khởi tâm đại từ bi, giống như người bị hỏng căn thân đối với những ham muốn tự nhiên trong mình lại không phát ra được. Như Bốn Luận nói: “Rời xa tâm đại bi”. Vì vậy cần phải tu pháp Quán, chính là quán sát cùng chuyển hóa cho nhau.

Đã nói về phần nêu ra thiếu Quán thì Luân chỉ sai lạc. Tiếp theo

nói về phần biểu hiện rõ tu hành Luân quán. Ở đây có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần quán về tướng khổ. Hai là phần quán về vô thường. Ba là phần quán về bất tịnh.

Trong phần quán về tướng khổ thứ nhất có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là hoại khổ. Hai là hành khổ.

Nói về hoại khổ, là tất cả pháp thanh tịnh hữu vi, có thể hoại tất cả các pháp không thanh tịnh, tất cả các pháp không thanh tịnh cũng có thể phá hủy tất cả các pháp thanh tịnh. Lại nữa, hai loại thế gian cũng hủy hoại lẫn nhau. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Thế gian đầy đủ tất cả.
2. Thế gian vọng tưởng hữu vi.

Như vậy, pháp của hai loại thế gian, cùng hủy hoại lẫn nhau, vì thế nói là hoại khổ. Nếu tu pháp Quán này thì sẽ được lợi ích gì? Điều đó nghĩa là thành tựu một pháp rất sâu xa chỉ một mình tự làm. Như Bốn Luận nói: “Tu tập pháp Quán, là hãy quán xét tất cả các pháp hữu vi ở thế gian, không thể dừng lại lâu dài mà thay đổi hủy hoại trong chốc lát”.

Nói về hành khổ, là tất cả mọi tâm hành ở trong từng niệm luôn chuyển biến, sanh ra nhanh và diệt cũng rất nhanh, vì không thể nào từ nơi này đến nơi kia được. Như Bốn Luận nói: “Tất cả mọi tâm hành sanh diệt trong từng niệm vì thế nên đau khổ”.

Đã nói về phần quán tướng khổ. Tiếp theo nói đến phần quán vô thường. Trong phần này có ba loại. Thế nào là ba loại? Đó là:

1. Vô thường đã qua, là các pháp quá khứ trước có sau không, ví như giấc mộng lúc ngủ say thì có mà lúc tỉnh giấc thì không có gì. Như Bốn Luận nói: “Hãy quán xét các pháp đã nghĩ đến trong quá khứ không chân thực giống như mộng ảo”.

2. Vô thường nay đang có, là các pháp hiện tại xưa không có mà nay có, ví như ánh chớp ngay lập tức đã diệt không thể dừng lại lâu được. Như Bốn Luận nói: “Hãy quán xét các pháp hiện tại đang nghĩ đến giống như là ánh chớp”.

3. Vô thường sẽ có, là các pháp vị lai không có tự tánh bỗng nhiên đến, ví như mây trôi không biết từ đâu có, bỗng nhiên nổi lên khắp nơi. Như Bốn Luận nói: “Hãy quán xét các pháp vị lai sẽ nghĩ đến giống như là mây trôi bỗng nhiên khởi lên”.

Đã nói về phần quán vô thường. Tiếp theo nói đến phần quán bất tịnh là duyên với các thân khởi lên hiểu rõ về bất tịnh, để rời bỏ tâm ý tham dục. Như Bốn Luận nói: “Hãy quán xét tất cả các thân thể sinh ra

ở thế gian thấy đều bất tịnh, đủ loại ô uế, không một thứ nào đáng yêu thích”.

Đã nói phần biểu hiện rõ về tu hành Luân quán. Tiếp theo nói phần duyên với chúng sanh giới để lập nguyện. Phần này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là phần duyên với chúng sanh khởi lên tư duy. Hai là phần kiến lập thế nguyện khắp nơi. Nói về phần duyên với chúng sanh dấy lên tư duy, điều ấy có nghĩa là duyên với vô lượng vô biên hết thấy chúng sanh trong ba cõi, khởi lên ý niệm như vậy: Từ vô thủy đến nay, vì bị vô minh căn bản che phủ, nên đi ngược lại và lìa bỏ Phật tánh thanh tịnh cùng Bốn giác vốn có, không biết đến ngày trở về nguồn cội, vượt ra khỏi vòng vây hãm của vô minh thì thời gian lại càng xa rời. Nếu mình không phát khởi tâm bi, không thấu gồm tiếp nhận họ, thì chỉ còn có cách là vượt qua nhiều kiếp số, mong mỗi đạt được quả vị Chánh giác thì thật sự không có cơ hội đó. Vì thế phát khởi tâm đại bi không giới hạn. Như Bốn Luận nói: “Như vậy hướng về suy nghĩ: Tất cả chúng sanh từ vô thủy đời kiếp đến nay, đều vì vô minh huân tập, nên khiến tâm sanh diệt, đã nhận chịu nỗi khổ to lớn của hết thấy thân tâm, hiện tại đã có vô lượng điều bức bách, đời vị lai đau khổ cũng không có giới hạn, khó xả bỏ khó xa rời lại không hiểu biết, chúng sanh như vậy thật là đáng thương”.

Nói về phần kiến lập thế nguyện khắp nơi, là có nghĩa khởi lên tư duy như vậy rồi, lập nên thế nguyện rộng lớn, phát ra ánh sáng trí tuệ soi chiếu vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương, thông hiểu các loại tướng tâm trong vô lượng vô biên cảnh giới ấy, đối trị tất cả các phiền não nghiệp chướng trong vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương, viên mãn nhân thực hành trong vô lượng vô biên cảnh giới ấy, tất cả đều khiến không sót lại gì. Như Bốn Luận nói: “Khởi lên tư duy này, lập tức thuận theo, dũng mãnh xây dựng thế nguyện rộng lớn, nguyện làm cho tâm mình xa rời mọi lý do phân biệt, khắp mười phương tu hành tất cả các công đức tốt đẹp, tận cùng thời gian vị lai dùng vô lượng phương tiện, cứu độ tất cả chúng sanh đang khổ não, khiến đạt được niềm vui Niết-bàn đệ nhất nghĩa”.

Đã nói phần duyên với chúng sanh giới để lập nguyện. Tiếp theo nói phần hai Luân cùng chuyển tiếp không xa rời. Đó là xây dựng thế nguyện như vậy rồi, thì không ngừng tu tập tất cả mọi nhân thực hành. Nếu như xây dựng thế nguyện lớn mà không cần mãi tu hành, thì không có năng lực trang nghiêm cho quả vị được viên mãn. Nếu là tu hành thì nên như thế nào? Nghĩa là có đủ hai Luân khiến không thiên lệch.

Có đủ tướng trạng hai Luân trong kinh nào biểu hiện rõ điều này? Đó là kinh Văn-thù Sư Lợi Phát Khởi Thập Vạn Nhất Thiên Chủng Thâm Tâm Quảng Đại Viên mãn Đà La Ni Khai Vấn Vấn Đại Giác Tôn Ích Đại Chúng Hải. Trong kinh ấy giải thích như thế nào? Đó là ở trong kinh ấy nói như sau: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Thế nào gọi là Chỉ Quán cùng thực hành không xa rời nhau? Con và hết thầy đại chúng cùng vô lượng vô biên chúng sanh, thầy đều đi vào đại dương vô minh không sao hiểu biết được, không có năng lực thông suốt, không có năng lực rời xa, nếu như thích hợp nguyện xin Thế Tôn vì chúng con và các nam nữ mê muội mong được nghe và hiểu thị rõ. Đức Thế Tôn liền nói cho Văn-thù-sư-lợi biết: Hãy lắng nghe kỹ và cố gắng tư duy! Ta sẽ phân biệt giải thích rõ cho ông. Đức Thế Tôn liền nói tụng:

*Ví như chim thiếu cánh
Và xe chỉ một bánh
Người đồng phận một chân
Ngựa thiếu một mắt thật nguy
Không thể bay cao xa
Không chuyển được hàng hóa
Đi trên mọi nẻo đường
Rơi hố hầm tai họa...
Nếu đầy đủ mọi Luân
Hành giả thiếu một Luân
Nên biết cũng như vậy
Thật không có điều này
Trong hư không pháp tánh
Nương Như lượng trí bay
Vào đại dương Pháp tạng
Chuyên chở báu nghĩa lý
Nơi đường phẳng chân như
Đi lại thông suốt khắp
Hết thầy ma, ngoại đạo
Trong hầm sâu tà kiến
Không lại rơi xuống hố
Thế nên các hành giả
Hai Luân chuyển đầy đủ
Hoàn toàn không lìa bỏ
Nếu có người tu hành*

*Không đủ hai Luân này
Cuối cùng không thông suốt
Đến địa Vô Thượng Giác.*

Nay văn kinh này là trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ tu tập Tam-muội đạt được cảnh giới tịch tĩnh, tu tập trí tuệ chiếu rọi cảnh giới tán động, ở trong tịch tĩnh luôn không rời bỏ biến động, ở trong tán loạn bình thường không rời bỏ vắng lặng, lại không tách rời nhau vì luôn cùng thực hành cùng chuyển vận.

Lại nữa, vì muốn biểu hiện rõ là tu tập Tam-muội đạt được cảnh giới rỗng lặng không có gì, tu tập trí tuệ soi chiếu cảnh giới đang tồn tại, ở trong rỗng lặng không đắm vào có, ở trong có tồn tại không đắm vào “không có”, có và không cùng soi chiếu - không và có nghiêng về một bên, nhưng không tách rời nhau mà cùng thực hành cùng chuyển vận.

Lại nữa, vì muốn biểu hiện rõ tu tập Tam-muội đạt được Lý bình đẳng, tu tập trí tuệ soi chiếu Sự sai biệt, Lý và Sự đạt được cả hai không có lệch về bên nào, lại không tách rời nhau để cùng thực hành cùng chuyển vận.

Lại nữa, vì muốn biểu hiện rõ Chỉ đang chờ đợi Quán mới có thể kiến lập, chứ không phải là tự tánh Chỉ, Quán phải cần đến Chỉ mới được kiến lập chứ không phải là tự tánh Quán, vì cũng không có Chỉ cũng không có Quán. Lại nữa, vì muốn biểu hiện rõ Chỉ tức là Quán và Quán tức là Chỉ, vì Chỉ và Quán cùng một thể không có sai biệt. Như thứ tự ấy hãy tư duy kỹ để chọn lựa.

Như Bồ Đề Luận nói: “Vì phát khởi ý nguyện như vậy, nên đối với tất cả mọi lúc, tất cả mọi nơi và hết thảy mọi nghiệp thiện đều tùy theo bản thân mình có thể luôn tu học không rời bỏ, tâm tư không hề lười nhác. Chỉ trừ lúc ngồi chuyên niệm đối với pháp Chỉ, tất cả thời gian còn lại đều đang quán sát điều gì nên làm và không nên làm, hoặc là đi - đứng - nằm - dậy, đều thuận theo Chỉ Quán đồng thời thực hành. Đó là tuy nghĩ tự tánh của các pháp không sanh ra, nhưng lại ngay nơi ấy nghĩ đến nhân duyên hòa hợp thì các báo ứng khổ - vui của nghiệp thiện - ác không sai sót và không hủy hoại. Tuy nghĩ đến nhân duyên của nghiệp báo thiện ác, cũng chính là nghĩ tánh chẳng thể nào đạt được”.

Đã nói phần hai Luân cùng chuyển tiếp không xa rời. Tiếp đến nói phần biểu hiện rõ hai Luân đã đối tượng đối trị. Nếu như hành giả tu tập pháp Chỉ, trước mắt phải đối trị sai lầm nào? Nghĩa là phải đối trị sai lầm đắm chấp vào “có” của phàm phu, và ưa thích “không” của chúng sanh Nhị thừa, cả hai lỗi này đều dứt hẳn. Như Bồ Đề Luận nói:

“Nếu tu pháp Chỉ, thì đối trị tâm ý chấp trước thế gian của hạng phàm phu, có thể xả bỏ cách nhìn yếu kém của hàng Nhị thừa”. Nếu hành giả tu tập pháp Quán, trước mắt phải đối trị sai lầm nào? Nghĩa là phải đối trị sai lầm vì thấp kém không cứu giúp chúng sanh đau khổ lại còn rời xa tâm đại bi của chúng sanh Nhị thừa, đối trị tâm ý sai lầm do luôn lười nhác lơ lửng - không thể tinh tấn - không tu các nghiệp thiện, lại vui với nghiệp ác của hạng chúng sanh phàm phu, tất cả đều xa rời. Như Bồ Luận nói: “Nếu tu pháp Quán, thì đối trị sai lầm do tâm ý hẹp kém không phát khởi đại bi của hàng Nhị thừa, xa rời sự không tu dưỡng thiện căn của phàm phu”.

Đã nói phần biểu hiện rõ sự đối trị của hai Luân. Tiếp theo nói phần tổng kết hai Luân cùng chuyển tiếp. Điều đó nghĩa là tổng kết về sai lầm lớn của hành giả khi tu tập thiếu một trong hai pháp đã nói như trên. Như Bồ Luận nói: “Vì nghĩa này mà hai pháp Chỉ - Quán luôn cùng nhau tương trợ để thành tựu, không thể rời xa. Nếu Chỉ - Quán không đầy đủ, thì không có năng lực bước vào lối đi về nguồn cội Bồ-đề”.

Đã nói về phần hai Luân đủ, thiếu, lợi và hại. Tiếp theo nói phần khuyến khích hạng kém hướng về đạt được bất thoái.

Bồ Luận nói: “Lại nữa, chúng sanh mới học pháp này, mong cầu niềm tin chính đáng nhưng tâm họ yếu kém, vì ở tại thế giới Ta-bà này, tự sợ mình không thể thường xuyên được gặp chư Phật để gần gũi cúng dường, phụng sự các Ngài, sợ hãi cho tín tâm khó có thể thành tựu, ý của họ muốn rút lui. Nên biết Như Lai có phương tiện thù thắng và luôn thấu gồm bảo vệ tín tâm, nghĩa là dùng nhân duyên dốc lòng niệm Phật, tùy ý nguyện được sanh đến cõi Phật ở phương khác, thường được thấy Phật và vĩnh viễn xa rời nẻo ác. Như trong kinh nói: “Nếu người nào dốc lòng niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc Tây Phương, thiện căn đã tu tập hồi hướng nguyện cầu sanh đến thế giới ấy, liền được sanh đến và luôn được thấy Phật nên suốt đời không có tâm ý rút lui. Nếu quán tưởng Pháp thân Chân như của Đức Phật ấy để thường xuyên chăm chỉ tu tập, thì cuối cùng được sanh đến an trú trong chánh định”.

Luận giải thích: Trong văn này có bảy phần. Thế nào là bảy phần? Đó là:

1. Phần biểu hiện rõ về người giả định hướng đến.
2. Phần quy y giáo pháp đã học.
3. Phần chán ngán chốn xấu ác làm cho niềm tin thoái lui.

4. Phần phương tiện thù thắng của Như lai.
5. Nhờ uy lực đạt được xứ sở thắng diệu.
6. Đạt được xứ sở tốt đẹp chắc chắn không thoái lui.
7. Phần dẫn ra kinh chứng minh điều mình đã nói.

Nói phần biểu hiện rõ về người giả định hướng đến, đó là biểu hiện rõ về bốn loại tâm trước khi đạt đến địa Thập Tín, lại là chúng sanh loại kém không được thăng tiến. Như Bốn Luận nói: “Lại nữa, chúng sanh...”.

Nói đến phần quy y giáo pháp đã học, là chúng sanh loại kém ở địa Thập Tín, quy y giáo pháp Đại thừa rất sâu xa không gì cao hơn, mình mới tu tập học hỏi, đó gọi là bậc Thầy của hết thầy chư Phật, ba đời không biến động, bốn tướng không chuyển dời, thường trú tự nhiên trên con đường thăng thang của Địa tiền và Địa thượng. Như Bốn Luận nói: “Mới học pháp này”.

Nói đến phần chán ngán chốn xấu ác khiến cho niềm tin thoái lui, là chúng sanh loại kém ở địa Thập Tín, tuy đích thân lắng nghe và tiếp nhận pháp môn rất sâu xa, nhưng tâm tư căn cơ của họ rất thấp kém, sợ hãi hai việc lớn không có năng lực tiến lên được, vì thế muốn rút lui. Thế nào là hai việc lớn? Một là xứ sở cư trú. Hai là duyên tốt. Nói xứ sở cư trú, chính là thế giới Ta Bà này, xứ sở đã thô ác mà chúng sanh lại ô trược tạp loạn, phát khởi tâm tư thanh tịnh để chịu khó tu hành là điều hết sức khó thực hiện. Vì sao? Vì cảnh giới trái ngược hướng vào trong tâm tư, vào tất cả mọi lúc, ở tất cả mọi nơi luôn hiện rõ trước mắt, trong phương diện tiến tâm, không thể lìa bỏ. Nói về duyên tốt, là y báo và chánh báo ô trược hỗn tạp ở tại thế giới này, hết thầy chư Phật xuất thế rất ít, vô lượng Bồ-tát cảm ứng đến thì thời gian rất xa. Chư Phật, Bồ-tát xuất hiện ở thế gian, tùy thuận vào đài gương của tâm tư tình cảm có trong sáng hay không trong sáng. Do nghĩa này nên người tu hành không gặp được duyên tố tốt đẹp, hết sức kinh sợ do đó phát ra ý nghĩ rút lui thôi. Như Bốn Luận nói: “Mong cầu niềm tin chính đáng nhưng tâm của họ yếu kém, vì ở tại thế giới Ta Bà này, tự sợ mình không thể thường xuyên được gặp chư Phật để gần gũi cúng dường, phụng sự các Ngài, sợ hãi cho tín tâm khó có thể thành tựu, ý của họ muốn rút lui”.

Nói đến phần phương tiện thù thắng của Như Lai, nghĩa là chư Phật Như Lai có đại phương tiện rất sâu xa kỳ diệu không thể nghĩ bàn, có năng lực dễ dàng thâm tóm bảo vệ tín tâm của người ấy, do đó chuyển sang tiến lên hơn nữa.

Thế nào gọi là phương tiện thù thắng vi diệu? Đó là phương tiện

chuyên niệm đến Như Lai. Sao nói là chuyên niệm? Nghĩa là chuyên chú tâm ý nghĩ đến các loại y báo - chánh báo ở cõi thanh tịnh phương khác, ý niệm đó nối tiếp nhau khiến không gián đoạn. Như Bốn Luận nói: “Nên biết Như Lai có phương tiện thù thắng và luôn thâm tóm bảo vệ tín tâm, nghĩa là dùng nhân duyên dốc lòng niệm Phật”.

Nói đến phần nhờ uy lực đạt được xứ sở thắng diệu, là nhờ vào sức phương tiện không thể nghĩ bàn của các Đức Như Lai, tùy theo những tâm nguyện của mình lập tức được sanh đến cõi an lạc nhiệm mầu. Như Bốn Luận nói: “Tùy ý nguyện được sanh đến cõi Phật ở phương khác”.

Nói đến phần đạt được xứ sở tốt đẹp chắc chắn không thoái lui, là sanh đến cõi kia rồi, mắt được thấy hình dáng Như Lai có đủ tướng tốt, tai được nghe Thánh giả thuyết nêu Phạm âm sâu xa vi diệu, vĩnh viễn xa rời tên gọi đường ác, từ trong định bất động nên biển tâm lắng trong, thân thể sáng ngời, y báo vi diệu, chánh báo thanh tịnh. Như Bốn Luận nói: “Thường được thấy Phật và vĩnh viễn xa rời nẻo ác”.

Nói đến phần dẫn ra kinh chứng minh điều mình đã nói, nghĩa là thâm tóm đầy đủ diễn tả về tướng trạng là từ ngữ xác đáng của bản kinh, là văn bản giải thích giúp cho điều mình đã nói. Kinh văn đã dẫn chứng nói về tướng trạng rất rõ, nên không cần phải giải thích lại. Như Bốn Luận nói: “Như trong kinh nói: Nếu người nào dốc lòng niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc Tây Phương, thiện căn đã tu tập hồi hướng nguyện cầu sanh đến thế giới ấy, liền sanh đến và luôn được thấy Phật quyết không có tâm thoái lui. Nếu quán tưởng Pháp thân Chân như của Đức Phật để thường xuyên chăm chỉ tu tập, thì cuối cùng được sanh đến an trú trong chánh định”.

Đã nói về phần tín tâm tu hành, tiếp theo nói về phần lợi ích khuyến tu.

Bốn Luận nói: Như vậy, Ma-ha-diễn là kho tàng bí mật của chư Phật, tôi đã giới thiệu tổng quát. Nếu chúng sanh nào hy vọng có thể phát sanh niềm tin chân chính đối với cảnh giới rất sâu xa của Như Lai và rời xa sự phỉ báng, tiến vào con đường Đại thừa, thì trước mắt nắm giữ luận này làm tư lương để tu tập, kết quả cuối cùng có thể đạt đến đạo quả vô thượng. Nếu người nào nghe pháp này rồi mà không hề khiếp nhược, nên biết người này nhất định kế thừa dòng dõi của Phật, nhất định nhận được sự thọ ký của chư Phật. Giả sử người nào có năng lực cảm hóa chúng sanh trong khắp Tam thiên đại thiên thế giới, khiến cho tất cả đều thực hành mười nghiệp thiện, không bằng có người ở

trong khoảng thời gian một bữa ăn suy nghĩ đích thực về pháp này, và hơn hẳn công đức của người đã nói ở trước, vì công đức này là không thể nào ví dụ được.

Vả lại, nếu người nào tiếp nhận giữ gìn luận này và quán sát tu hành, như trong một ngày một đêm thì công đức có được đã vô lượng vô biên không thể nào diễn tả. Dù cho hết thấy chư Phật khắp mười phương, các Ngài đều từ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp khen ngợi công đức của người đó, cũng không thể nào hết được. Tại sao? Vì công đức của pháp tánh không có cùng tận, nên công đức của người này cũng lại như vậy, không có giới hạn. Trái lại, nếu chúng sanh nào đối với luận này khởi lên hủy báng không tin, thì họ phải nhận tội báo, trải qua vô lượng kiếp chịu nỗi khổ đau vô cùng. Vì vậy nên chúng sanh chỉ thuận theo mà tin tưởng ngưỡng mộ chứ không nên phỉ báng! Vì rất có hại cho mình mà cũng làm hại đến người khác, đoạn tuyệt tất cả mọi chủng tử của Tam bảo. Do hết thấy Như Lai đều dựa vào pháp này để đạt đến Niết-bàn, tất cả Bồ-tát nhờ pháp này để tu hành tiến vào Phật trí. Nên biết các vị Bồ-tát trong quá khứ đã dựa vào pháp này mà thành tựu được niềm tin trong sáng. Các vị Bồ-tát hiện tại đang dựa vào pháp này mà thành tựu được niềm tin trong sáng. Các vị Bồ-tát đời vị lai sẽ dựa vào pháp này mà thành tựu được niềm tin trong sáng, vì vậy nên các chúng sanh hãy chịu khó tu học.

Luận giải thích: Ở trong văn này có tám phần. Thế nào là tám phần? Đó là:

1. Phần đưa ra tổng kết những gì đã nói ở trước.
2. Phần đưa ra lợi ích khuyên người khiến cho tu học.
3. Phần biểu hiện công đức Tín xa rời nghi ngờ.
4. Phần so sánh đối chiếu, chỉ ra sự hơn hẳn.
5. Phần đưa ra công đức thọ trì để tán dương.
6. Phần đưa ra tội lỗi phỉ báng làm cho sợ hãi.
7. Phần diễn tả rộng sự thù thắng để xa rời phỉ báng.
8. Phần tổng kết về tu hành để khuyến khích mọi người.

Nói về phần đưa ra tổng kết những gì đã nói ở trước, nghĩa là dùng một chữ Tổng để tổng kết lại tám loại Ma-ha-diễn. Vì sao? Vì pháp còn lại lược bỏ không kết. Điều đó là đưa ra phần gốc để thu tóm phần ngọn. Như Bốn Luận nói: “Như vậy, Ma-ha-diễn là kho tàng bí mật của chư Phật, tôi đã giới thiệu tổng quát”.

Nói về phần đưa ra lợi ích khuyên người khiến tu học, điều ấy có nghĩa là tập hợp lại làm thành đại dương của nhân thực hành, trang

nghiêm cho quả vị của Pháp thân, tiếp nhận giữ gìn luận này để tư duy về nghĩa lý, luôn nối tiếp nhau không đoạn tuyệt. Như Bốn Luận nói: “Nếu chúng sanh nào hy vọng có thể phát sanh niềm tin chân chính đối với cảnh giới rất sâu xa của Như Lai và rời xa sự phỉ báng, tiến vào con đường Đại thừa, thì trước mắt nắm giữ luận này làm tư lương tu tập, kết quả cuối cùng có thể đạt đến đạo quả vô thượng”.

Nói về phần biểu hiện công đức tín, xa rời nghi ngờ, nghĩa là có chúng sanh nghe được pháp môn rộng lớn cùng cực vi diệu, rất sâu xa của tư tưởng Ma-ha-diễn này rồi, thì trong tâm tư của chúng sanh đó cũng không nghi ngờ sợ hãi, cũng không khiếm nhược yếu kém, cũng không khinh thường, cũng không phỉ báng, mà phát tâm quyết định, phát tâm kiên cố, phát tâm tôn trọng, phát tâm ái tín, nên biết người này là Phật tử chân thật, không mất đi chủng tử của Pháp, không mất đi chủng tử của Tăng, không mất đi chủng tử của Phật, luôn tiếp nối nhau và liên tục chuyển hóa tăng thêm hơn nữa tận cùng thời gian vị lai, cũng được chư Phật đích thân thọ ký, cũng được hết thảy vô lượng Bồ-tát quan tâm bảo vệ dẫn dắt. Như Bốn Luận nói: “Nếu người nào nghe pháp này rồi mà không hề khiếm nhược, nên biết người này nhất định kế thừa dòng dõi của Phật, nhất định nhận được sự thọ ký của chư Phật”.

Nói về phần so sánh đối chiếu, chỉ ra sự hơn hẳn, nghĩa là nếu như người có năng lực khéo léo thâm phục cảm hóa chúng sanh đầy khắp trong Tam thiên đại thiên thế giới, tất cả không sót một chúng sanh nào và đều khiến cho thực hành mười nghiệp thiện, hoặc có chúng sanh ở trong khoảng thời gian một bữa ăn, đối với giáo pháp rất sâu xa này quán sát suy nghĩ để thực hành. Nếu so sánh mức lượng công đức của hai người ấy, thì người thứ nhất kia đã đạt được công đức rất là bé nhỏ, ví như hạt cải nghiền ra làm thành một trăm mảnh mà lượng công đức kia chỉ bằng một mảnh, công đức của người thứ hai này đã đạt được hết sức rộng lớn, ví như số lượng cát bụi nghiền ra từ thế giới khắp mười phương. Như Bốn Luận nói: “Giả sử người nào có năng lực cảm hóa chúng sanh trong khắp Tam thiên đại thiên thế giới khiến cho tất cả đều thực hành mười nghiệp thiện, không bằng có người ở trong khoảng thời gian một bữa ăn suy nghĩ đích thực về pháp này, thì hơn hẳn công đức của người đã nói ở trước, vì công đức này không thể nào ví dụ được”.

Nói về phần đưa ra công đức thọ trì để tán dương, nghĩa là nếu như người nào tiếp nhận giữ gìn luận này để quán sát về nghĩa lý, hoặc một ngày hoặc một đêm, công đức đã đạt được trong thời gian ấy là vô lượng vô biên, không thể diễn tả hết, không thể suy nghĩ được. Hoặc

là giả sử hết thủy chư Phật trong ba đời khắp mười phương, hoặc là tất cả các vị Bồ-tát trong ba đời khắp mười phương, dùng vô lượng vô biên miệng lưỡi trong mười phương thế giới, tất cả các số lượng đều ở tại vô lượng vô biên thế giới mười phương trong đời kiếp không thể nói được, tán dương công đức vốn có của người đó cũng không thể nào hết. Vì sao? Vì công đức của Chân như Pháp thân, sánh bằng hư không thế giới và không hề có giới hạn, huống hồ là người hàng phàm phu, Nhị thừa có thể xưng tán được sao? Người tiếp nhận giữ gìn trong thời gian không hơn một ngày một đêm, công đức đạt được hãy còn không thể nghĩ bàn, huống hồ là trong hai ngày - hoặc ba ngày - hoặc bốn ngày, cho đến trăm ngày, tiếp nhận giữ gìn, đọc tụng tư duy quán sát, thì thật là không thể nghĩ bàn trong cảnh giới không thể nghĩ bàn, không thể diễn tả trong cảnh giới không thể diễn tả. Như Bốn Luận nói: “Vả lại, nếu người nào tiếp nhận giữ gìn luận này và quán sát tu hành, như trong một ngày một đêm thì công đức có được đã vô lượng vô biên không thể nào diễn tả nổi. Dù cho hết thủy chư Phật khắp mười phương, các Ngài đều từ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp khen ngợi công đức của người đó, cũng không thể nào hết được. Tại sao? Vì công đức pháp tánh không có cùng tận, nên công đức của người này cũng lại như vậy, không có giới hạn”.

Nói về phần đưa ra tội lỗi phỉ báng làm cho sợ hãi, nghĩa là có chúng sanh đối với giáo pháp trong luận này nảy sinh tâm không tin tưởng - phá bỏ bài báng không thực hành, chúng sanh như vậy đã nhận lấy tội báo, ở trong các đời kiếp không thể nói được và không thể nói hết, nhận chịu nỗi khổ to lớn trong bao nỗi khổ. Như Bốn Luận nói: “Trái lại, nếu chúng sanh nào đối với luận này khởi tâm hủy báng không tin, thì họ sẽ mắc phải tội báo, trải qua vô lượng kiếp nhận chịu nỗi khổ đau vô cùng. Vì vậy nên chúng sanh chỉ thuận theo tin tưởng ngưỡng mộ chứ không nên phỉ báng”. Đây chính là tổng kết về phần quyết trách và khuyến thỉnh hành giả đã nói ở trước.

Từ đây trở xuống là làm thành nhân duyên đó, chỉ ra sai lầm nghiêm trọng. Nghĩa là trong hệ thống giáo pháp Đại thừa này mà phỉ báng không tin, thì mất đi thiện căn của mình và làm hại đến công đức của người, vì đoạn tuyệt tất cả chủng tử của Tam bảo, không có kỳ hạn nối tiếp. Như Bốn Luận nói: “Do rất có hại cho mình mà cũng làm hại đến người khác, đoạn tuyệt tất cả mọi chủng tử của Tam bảo”.

Nói về phần diễn tả rộng ra sự thù thắng để xa rời phỉ báng, nghĩa là các Đức Như Lai suốt ba đời khắp mười phương, tất cả các Ngài đều

lấy Ma-ha-diễn làm căn bản để thành tựu quả vị Chánh giác. Vô lượng Bồ-tát suốt ba đời khắp mười phương, tất cả các vị đều lấy Ma-ha-diễn làm nền tảng chủ yếu để có đủ đại dương nhân hạnh. Như vậy giáo pháp Ma-ha-diễn rất là quan trọng. Nếu chúng sanh nào nảy sanh tâm không tin tưởng, lại tranh luận phỉ báng, thì chúng sanh như vậy cũng gọi là chặt đứt hết thảy chư Phật, cũng gọi là chặt đứt hết thảy Bồ-tát, cũng gọi là đoạn tuyệt Phật tánh của Bốn giác Như Lai tạc nơi mình. Như Bốn Luận nói: “Vì hết thảy Như Lai đều dựa vào pháp này để đạt đến Niết-bàn, tất cả Bồ-tát nhờ pháp này để tu hành tiến vào Phật trí. Nên biết các vị Bồ-tát trong quá khứ đã dựa vào pháp này mà được thành tựu niềm tin trong sáng. Các vị Bồ-tát hiện tại đang dựa vào pháp này mà được thành tựu niềm tin trong sáng. Các vị Bồ-tát đời vị lai sẽ dựa vào pháp này mà được thành tựu niềm tin trong sáng, vì vậy nên các chúng sanh hãy chịu khó tu học”. Đây chính là tổng kết về phần khuyến khích mọi người tu hành, hãy tư duy kỹ để chọn lựa!

Đã nói về phần lợi ích khuyến tu, tiếp theo nói về phần hồi hướng khắp nơi.

Bốn Luận nói:

*Chư Phật, nghĩa rộng lớn, thâm diệu
Con nay theo phần nói Tổng trì
Chuyển công đức này như pháp tánh
Lợi khắp tất cả cõi chúng sinh.*

Luận giải thích: Trong tụng này có ba phần riêng. Thế nào gọi là ba phần riêng? Đó là:

1. Phần tổng kết thâu tóm những điều đã nói ở trước.
2. Phần triển khai công đức khiến được mở rộng.
3. Phần lợi ích cho tất cả chúng sanh khắp nơi.

Trong phần thứ nhất có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là phần thâu tóm tổng quát tất cả những điều đã nói ở trước. Hai là biểu hiện rõ tướng trạng của chữ Năng thuyết (chủ thể giảng nói). Như thứ tự ấy nên quán sát kỹ.

“Chư Phật nghĩa rộng lớn thâm diệu”: Chính là phần thâu tóm tổng quát tất cả những điều đã nói ở trước. Đó là thâu gồm tất cả ba mươi ba loại pháp số căn bản. Nghĩa này là thế nào? Đó là nói đến chư Phật, chính là giáo pháp Ma-ha-diễn bất nhị. Vì sao? Vì pháp bất nhị này biểu hiện từ công đức thù thắng của chư Phật. Trong kinh Đại Bốn Hoa Nghiêm giải thích như vậy: “Đại dương công đức tròn đầy mênh mông ấy là vẻ đẹp của chư Phật, vì hết thảy chư Phật không thể nào

thành tựu đại dương mênh mông tròn đầy những nét xấu kém”. Nếu như vậy, tại sao trong kinh Phân Lưu Hoa Nghiêm lại giải thích như thế này: “Phật Lô Xá Na dùng ba loại thế gian làm thân tâm của mình”. Ba loại thế gian thu tóm không bỏ sót pháp nào, thân tâm của Phật ấy lại cũng không gì là không thu tóm được. Phật Lô Xá Na tuy là thu tóm ba loại thế gian, nhưng thu cái không thể thu tóm, vì vậy không có gì sai trái. Nói đến thâm diệu, tức là hai tầng tám loại pháp căn bản của Ma-ha-diễn. Vì nghĩa gì mà gọi là thâm diệu? Hai tầng pháp Ma-ha-diễn như vậy, có năng lực tìm được lối vào hướng về nơi tận cùng sâu xa. Do nghĩa này nên gọi là thâm diệu. Hãy tư duy kỹ để chọn lựa! Nói đến nghĩa rộng lớn chính là hai tầng pháp có năng lực tìm được lối vào. Vì nghĩa này nên gọi là nghĩa rộng lớn. Như vậy, hai tầng pháp có năng lực tìm được lối vào, tất cả đều có năng lực mở rộng pháp của mình, có năng lực phát triển pháp của mình, có năng lực tiến hành pháp của mình để tạo thành danh nghĩa. Do nghĩa ấy nên kiến lập tên gọi là nghĩa rộng lớn.

Đã nói phần tổng quát thu gồm tất cả những điều đã nói ở trước. Tiếp đến nói về phần biểu hiện rõ tướng trạng của chữ Năng thuyết. Nói “Con nay theo phần nói Tổng trì”, chính là phần biểu hiện rõ tướng trạng của chữ Năng thuyết. Điều đó là dùng chữ tổng để giữ lấy toàn bộ tất cả các loại đã nói, nên trong phần lập nghĩa thì Ma-ha-diễn là tổng, chính là điều này. Tại sao chỉ một chữ mà thu tóm thông suốt các giáo thuyết? Vì muốn biểu hiện rõ bộ luận Ma-ha-diễn là Luận Như Ý.

Đã nói phần tổng kết thu tóm những điều đã nói ở trước. Tiếp theo nói phần triển khai công đức khiến mở rộng. Nói “Chuyển công đức này như pháp tánh”, chính là phần triển khai công đức khiến mở rộng. Đó là công đức của mình đã làm ra hồi hướng khắp ba nơi. Thế nào là ba nơi? Một là Chân như. Hai là Nhất tâm pháp. Ba là Phật tánh của Bản giác. Do nghĩa gì mà hồi hướng khắp ba nơi? Đó là mong muốn công đức mình đã tạo ra khiến được bình đẳng, vì thế hồi hướng đến Chân như. Hoặc vì mong muốn công đức mình đã tạo làm cho rộng lớn vì thế hồi hướng về Nhất tâm. Hoặc vì mong muốn công đức mình đã tạo làm cho rõ, vì thế hồi hướng về Bản giác. Hãy nhận biết như vậy! Hãy quán tưởng như vậy! Hồi hướng như thế có lợi ích gì? Có rất nhiều lợi ích. Nghĩa này là thế nào? Ví như lấy một hạt bụi nhỏ đặt vào giữa mặt đất, hạt bụi nhỏ đã đặt vào cùng với mặt đất kia như nhau không có sai biệt. Pháp môn hồi hướng cũng như vậy.

Lại nữa, ví như lấy một giọt nước nhỏ vào trong biển lớn, giọt

nước đã nhỏ vào cùng với biển lớn kia bình đẳng, không có sai biệt. Pháp môn hồi hướng cũng hoàn toàn như vậy.

Lại nữa, ví như đập bỏ một cái gì tồn tại nhỏ bé, thì ngay lập tức cùng với bầu hư không bao la bình đẳng chẳng hề sai biệt. Pháp môn hồi hướng cũng như vậy và luôn như vậy.

Đã nói về phần triển khai công đức khiến rộng. Tiếp theo nói về phần lợi ích cho tất cả chúng sanh khắp nơi. Nói “Lợi khắp tất cả cõi chúng sinh”, chính là phần tạo lợi ích cho tất cả chúng sanh khắp nơi. Đó là đề cao công đức rộng lớn viên mãn để làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh khắp nơi.

*Đại sĩ hoan hỷ dốc hết lòng khuyên như
Trong vô lượng vô biên các chúng Phật tử
Con đã vượt lên trên chúng sanh ba cõi
Vượt qua bốn góc rẽ của dòng tử sanh.
Vô số kiếp thứ nhất thô thiển đã hết
Tăng kỳ kiếp thứ hai mới vào không có
Như thích hợp thì những Phật tử các người
Dùng hai tay bên trái bên phải của mình
Nâng cao đài gương sáng của bản giải thích
Theo dõi diện mạo dong ruổi của bảy thức
Trông thấy cấu bẩn của cảnh giới sáu Trần
Trừ bỏ sai lầm của pháp chấp nhân ngã.
Phật tử các người nếu có thể như vậy
Thì ba thân Pháp - Báo - Ứng hóa hiện bày
Như dẫn bớt chữ Y trước mắt đầy đủ
Bốn phẩm đức Thường lạc ngã tịnh diệu kỳ.
Như vào hồ A-nậu-đạt có sinh ra
Con từ xứ sở Tứ Vương Thiên tự tại
Bước xuống đi vào cung điện Đại Long Vương
Tùy từng phần nhìn trộm biển lớn các kinh.
Toàn bộ có một trăm chữ số Lạc xoa
Các kinh như vậy đều là pháp chân thật
Nghĩa lý sai biệt có vô lượng vô biên
Trong phần Lập nghĩa của Luận Ma-ha-diễn
Nói thấu tóm trọn vẹn an lập đầy đủ
Có người thiện nam hay người thiện nữ nào
Nếu như tự tay mình nâng quyển luận này
Gọi là người nâng kinh trăm số Lạc xoa.*

Nếu như tự miệng tụng kinh làm bốn phận
 Gọi là người tụng kinh trăm số Lạc xoa
 Công đức của người này đã được sanh ra
 Bằng số vi trần khắp thế giới mười phương.
 Chư Phật cùng với các chúng đại Bồ-tát
 Đều hiện ra tướng lười như số vi trần
 Trong vô lượng vô biên số kiếp như vậy
 Không ngừng khen ngợi nhưng không sao hết được.
 Huống hồ là quán sát về nghĩa lý đó
 Tư duy những gì đã giải thích ở văn
 Có người thiện nam hay người thiện nữ nào
 Tâm sinh không tin và phỉ báng luận này
 Tội lỗi nghiệp báo của người ấy phải nhận
 Bằng số vi trần khắp thế giới mười phương
 Chư Phật cùng với các chúng đại Bồ-tát
 Đều hiện ra tướng lười như số vi trần
 Trong vô lượng vô biên số kiếp như vậy
 Không ngừng nói tội lỗi nhưng không hết được
 Người này không nơi nào diệt được tội lỗi
 Hết thấy chư Phật không làm sao cứu được
 Vì vậy hành giả trở về với cội nguồn
 Hãy dựa vào luận này thuận theo tu hành
 Thật sự không được nảy sinh tâm không tin
 Phỉ báng giáo pháp Đại thừa rất sâu xa
 Hãy nguyện cầu lời khuyên này truyền khắp nơi
 Vượt qua lớp lớp không ranh giới thời gian.

